CHƠN LÝ

TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

CHƠN LÝ

PHÁP
THÍ
THIỆN
NAM
ĐỒNG
HIỆP
TRÍ

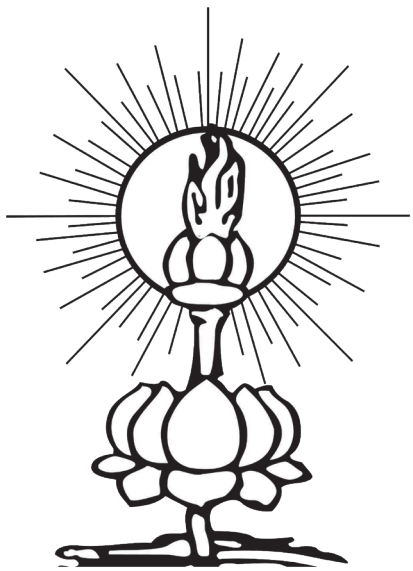

ẤN
TỐNG
TÍN
NỮ
THẢY
LƯU
TÂM

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỜI GIỚI THIỆU

Phật giáo miền Nam Việt Nam trong những thập niên 30 – 40 thế kỷ XX đã chứng kiến một giai đoạn khởi sắc với sự hình thành và phát triển của các dòng truyền thừa, sự xuất hiện của các bậc cao Tăng đạo hạnh, chơn tu giải thoát, trong đó có nhà "Du Tăng Khất Sĩ" ở Việt Nam.

Dòng truyền thừa này do đức Tổ sư Minh Đăng Quang khai sáng với tâm nguyện nối truyền theo chánh giáo của Đức Phật Tổ Thích-ca Mâu-ni.

Đức Tổ sư Minh Đăng Quang, thế danh Nguyễn Thành Đạt, tự Lý Huờn, sanh năm 1923, con của cụ ông Nguyễn Tồn Hiếu và cụ bà Phạm Thị Nhàn, sinh trưởng tại tỉnh Vĩnh Long - miền Nam nước Việt. Thuở thiếu thời, bẩm thụ được nền đạo đức kính Phật trọng Nho. Đến năm 1942 Tổ xuất gia tầm đạo, chu du nhiều nơi, tham vấn rộng khắp.

Trải qua thời gian nghiên cứu và thực nghiệm, Tổ chứng đạt đạo mầu, tỏ thông con đường giải thoát. Ngài đứng ra dung hợp những phần tinh túy đặc sắc giữa hai phái Nam tông và Bắc tông Phật giáo, thực hành theo đường lối Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam.

Trên tinh thần dung hợp đó, đức Tổ sư phát nguyện hoằng dương chánh pháp trong nước, truyền bá sang các nước lân cận cùng khắp thế giới theo nguyện lực tự giác giác tha của chư Phật.

Tổ sư dạy: *Khất sĩ đi xin để răn lòng tội lỗi. Đi xin để đền nghiệp cũ, đặng sớm nghỉ ngơi, mau hết vốn lời. Đi xin để nhịn nhường bố thí của cải lại cho chúng sanh. Đi xin để làm gương nhơn quả tội lỗi cho chúng sanh ngừa tránh. Đi xin để đừng phạm tội lỗi mới. Đi xin để có thì giờ ăn học. Đi xin để giáo hóa chúng sanh. Đi xin để không tự cao dốt nát, danh lợi, sắc tài. Đi xin để giải thoát phiền não, và để un đúc tâm hồn, rèn luyện chí hướng, tập sửa bản năng. Có đi xin mới có từ bi hỷ xả, trí huệ thông minh, cõi lòng mát dịu, rộng mở bao la, lặng yên sạch sẽ. Có đi xin ăn học mới là thiện, kẻ không đi xin thất học là không thiện. Người đi xin ăn học quý hơn là kẻ ở học một chỗ, học có người nuôi, thiện hơn là người tự nói làm ác quấy để ăn học. Có đi xin mới học được chơn lý, là môn học quý nhứt, hơn các lối học khác mênh mông. Chỉ có chơn lý mới là đường đi ngay, mới tạo nên người thật học, được học đúng đắn vĩnh viễn (*Chơn lý *"Khất sĩ")*.

Đức Tổ sư theo tông chỉ đó mà thực hành giáo lý Y bát chơn truyền, hiện thân Du Tăng Khất Sĩ ở miền Nam Việt Nam. Dấu chân hoằng hóa của Ngài khởi đầu tại làng Phú Mỹ - Định Tường (nay là Tiền Giang), sau đó lên Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, rồi lần lượt các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam Bộ.

Tổ sư hoằng hóa đến địa phương nào thì nơi đó đạo tràng, tịnh xá được xây dựng với bóng dáng hiền hòa của những nhà sư Khất sĩ trong chiếc y vàng của truyền thống xa xưa. Nhà Du Tăng Khất Sĩ hoằng hóa đến đâu thì nơi đó mưa Pháp xối chan, người người quy kính, thấm dần đạo lý giải thoát cao siêu, nhân sinh thêm an vui lợi lạc. Lối tu tịnh hạnh giải thoát của Tăng đoàn Khất sĩ được giới Tăng đồ và thiện hữu tri thức kính phục tán thành, quy hướng và hết lòng phụng sự, nâng cao chân tinh thần Phật giáo.

Thôi thúc bởi bổn nguyện độ sanh không bờ bến, bởi tấm lòng từ ái vô biên tế, Tổ sư tận lực hoằng hóa, không một ngày dừng bước, không một phút xao lãng. Khi thì trì bình khất thực thân giáo nêu gương, khi thì dạy đạo cho chư đệ tử Tăng Ni giải thoát, khi thì thuyết pháp khuyến tu cho bá tánh cư gia sống đời hiền thiện. Để ghi

đậm nét những lời đạo đức cao quý vào tâm trí đồ chúng, Tổ sư đã tự thân viết tóm gọn lại những bài thuyết giảng rồi cho in ra ấn tống. Nhờ vậy nguồn đạo pháp khai mở, chẳng bao lâu mà bóng y vàng lan tỏa, già lam tịnh xá phủ bóng nhiều nơi.

Ngày mùng 1 tháng 2 năm Giáp Ngọ (PL. 2497 – DL. 1954), một nhóm người ngoại đạo bắt Ngài đem đi biệt tích. Vượt lên trên nỗi đau buồn, đệ tử Tăng Ni Khất sĩ khắc ghi, phụng hành những lời Ngài dạy, nghiêm trì giới luật qui điều, tinh tấn tu tập theo chí hướng đường lối mà Ngài đã khai mở. Nhờ vậy mà giáo lý Y bát Khất sĩ tiếp tục phát huy và lan tỏa nhiều nơi.

Bộ *Chơn lý* do Tổ sư biên soạn được hầu hết các bậc trí thức khi nhận ra giá trị đều nói rằng đây là kho Pháp bảo quý báu vô giá trong vũ trụ. Nay đức Ngài có chìa khóa và đã mở được cửa, và chính những quyển *Chơn lý* triết lý này là những vật báu trong kho báu ấy.

Đáng tiếc một điều là các nhà thức giả khó tìm ra trọn bộ *Chơn lý* để tiện bề khảo cứu những gì ẩn tàng sâu xa trong những lời mà đức Tổ sư đã khai thị và ghi lại. Tuy từ ngày đức Tổ sư vắng bóng đến nay, Giáo hội Tăng-già Khất sĩ tổ chức tái bản nhiều lần để ấn tống, nhưng cũng không đủ đáp ứng nhu cầu. Nhiều nhà thiện tâm trí thức các nơi trực tiếp đến hoặc viết thư thiết tha yêu cầu Giáo hội tái bản lại trọn bộ, tạo điều kiện cho quý vị được thỉnh về nghiên cứu tu học.

Theo tôi, bộ *Chơn lý* này có giá trị rất lớn, vì nó là then chốt mở cửa kho trí tuệ vô cùng tận, gồm có đủ tâm thức, lý sự, nội ngoại, trần duyên, chân giả… thật là ánh minh quang chánh đại, một tinh thần siêu xuất với lý chơn không rốt ráo và giải thoát cứu cánh hoàn toàn. Cũng có thể nói rằng bộ *Chơn lý* là kho tàng gia bảo quý báu vô giá, là kim chỉ nam cho kẻ đi biển, là bức họa đồ cho kẻ lạc rừng.

Nhân tiện hôm nay ngày mùng 1 tháng 2 - Đại lễ Tưởng niệm 18 năm vắng bóng đức Tổ sư Minh Đăng Quang, chúng tôi hàng đệ tử của Ngài muốn bảo tồn những kim ngôn ngọc ngữ mà Ngài truyền

dạy, nên ra công kết tập những bài *Chơn lý* lại thành trọn bộ, chữ to rõ ràng, bìa cứng chắc, đẹp, để gìn giữ về sau không thất lạc.

Tôi xin thành thật tán thán và cảm tạ tri ân quý Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni trong Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam cùng các nhà thiện tâm Phật tử bốn phương đã và đang tận tâm tận tình cổ động, ủng hộ giúp đỡ việc in kinh ấn tống 'Ban hành pháp thí', truyền bá đạo đức, nhờ vậy mà từ trước đến nay pháp sự in kinh ấn tống liên tục phát triển, quảng bá hạt giống từ bi trí tuệ, góp phần lợi lạc cho nhơn sinh xã hội.

Đối với công đức vô lượng vô biên này, chúng tôi vận tâm thù thắng hồi hướng cầu nguyện cho thân quyến, Cửu huyền Thất tổ của quí vị ân nhân, cùng tất cả chúng sanh trong mười phương ba cõi, kẻ âm siêu thoát, người sống bằng an, phước huệ vẹn toàn, quả vô thượng Bồ-đề sớm mau chứng đắc.

Xuân Tân Hợi, Phật lịch 2515 (1971)

TM. HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ VIỆT NAM

Hòa thượng Pháp sư GIÁC NHIÊN

LỜI CẨN BẠCH

(Nhân kỳ in lại bộ *Chơn lý* vào năm Giáp Ngọ - 2014)

Kính bạch chư Tôn Thiền đức Tăng Ni,

Thưa quý Phật tử,

Chơn lý là bộ sách giáo lý ghi lại những bài thuyết pháp của Tổ sư Minh Đăng Quang giảng dạy hoằng hóa trong suốt mười năm (1944-1954) hành đạo nhiều nơi tại các tỉnh thành thuộc hai miền Đông và Tây Nam bộ Việt Nam. Đến ngày mùng 1 tháng 2 năm Giáp Ngọ (1954) Tổ sư thọ nạn và vắng bóng. Kể từ đó bộ *Chơn lý* là hiện thân, là dấu ấn, là pháp bảo cao quý mà Tổ sư lưu lại cho hàng môn đồ tứ chúng đệ tử hệ phái Phật giáo Khất sĩ Việt Nam.

Trong thập niên 1950-1960, những bài pháp này được in từng tập nhỏ theo từng đề tài để dễ thực hiện và phổ biến rộng rãi cho bá tánh đọc xem tu học như các quyển: Bát chánh đạo, Nhập định, Ăn chay, Giác ngộ, Sợ tội lỗi, Sám hối, Bài học cư sĩ…

Đến năm 1961, lần đầu tiên Pháp sư Giác Nhiên cùng chư Tôn thiền đức đại đệ tử của Tổ sư cho kết tập toàn bộ và ấn tống với tựa đề là *Chơn lý*.

Bộ *Chơn lý* gồm có tất cả 69 tiểu luận. Mỗi tiểu luận Tổ sư giảng giải, trình bày về một vấn đề, một ý pháp liên hệ. Điểm nổi bật là dù đề cập đến đề tài nào, Tổ sư cũng không tách rời mục tiêu khai thị hướng dẫn học nhơn tu tập theo đúng chánh pháp như trong tam tạng giáo điển kinh-luật-luận của đức Phật dạy. Điều này cho chúng ta thấy nếu không có tâm nguyện, ý chí và

trí tuệ của một vị Tổ sư với sứ mạng khai lập một hệ phái thì chắc chắn khó có thể làm được.

Trong bối cảnh của thập niên 1940-1950, Phật giáo Việt Nam đang trong thời kỳ từng bước chuyển mình chấn hưng, Tổ sư đã thích nghi vận dụng kết hợp hài hòa hai truyền thống lâu đời của Phật giáo và những đặc thù trong cơ cảm của người dân Việt mà hình thành một hệ tư tưởng với chí nguyện "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp – Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam", xây dựng một hệ Phật giáo biệt truyền, mang phong cách thuần hòa của dân tộc.

Về hình thức kiến trúc và thờ phượng, Tổ sư chủ trương xây dựng ngôi đạo tràng tịnh xá với mô hình bát giác. Bên trong Chánh điện chỉ tôn trí thờ một bảo tượng duy nhất là đức Phật Thích-ca Mâu-ni trên bảo tháp tam cấp.

Trong các thời khóa thường nhật, Tăng Ni tín đồ tụng đọc, học tập kinh luật bằng tiếng Việt, nhằm truyền bá chánh pháp một cách sâu rộng đến với quảng đại quần chúng.

Nội dung bộ *Chơn lý* cho chúng ta thấy, kinh điển thời bấy giờ phần nhiều còn nguyên chữ Phạn hoặc chữ Hán, hơn nữa thời gian tìm đọc nghiên cứu của Tổ sư cũng không lâu, thế mà Tổ sư đã có thể hình thành và hệ thống lại một số phạm trù căn bản, nhằm giới thiệu nền tảng tư tưởng của giáo lý đạo Phật đến với mọi tầng lớp xã hội.

Bộ *Chơn lý* có thể được chia thành các chủ đề chính sau:

- Về quan niệm nguồn gốc vũ trụ, nhận thức về thiên nhiên và con người trong mối liên hệ với giáo lý đạo Phật, có các quyển như: *Võ trụ quan, Ngũ uẩn, Lục căn, Thập nhị nhơn duyên, Có và không, Sanh và tử, Nam và nữ...*

- Về các pháp môn, phương pháp tu tập hầu đạt đến thân chứng và thành tựu quả vị có các quyển: *Bát chánh đạo, Chánh đẳng Chánh giác, Y bát chơn truyền, Chánh pháp, Nhập định, Thần mật, Số tức quan, Chư Phật, Pháp chánh giác...*

- Về các tông phái và tư tưởng Đại thừa phát triển có các quyển: *Tam giáo, Tông giáo, Đại thừa giáo, Đạo Phật, Pháp Tạng, Vô Lượng Cam Lộ, Quan Thế Âm, Đại Thái Thức, Địa Tạng, Pháp Hoa, Phật tánh, Chơn như...*

- Về tư tưởng, hành động và nhân quả chúng ta có các quyển: *Công lý vô trụ, Giác ngộ, Khuyến tu, Đi tu, Tu và nghiệp, Ăn và sống, Hột giống, Sợ tội lỗi, Con sư tử, Sám hối...*

- Về đời sống đạo đức hay mô hình một xã hội an lành, hạnh phúc có các quyển: *Trường đạo lý, Nguồn đạo lý, Đời đạo đức, Xứ thiên đường...*

- Về bài học căn bản dành cho cư sĩ có các quyển: *Cư sĩ, Bài học cư sĩ, Pháp học cư sĩ...*

- Về giới luật và những pháp học căn bản cho Tăng Ni xuất gia Khất sĩ có các quyển: *Bài học Khất sĩ, Luật Khất sĩ, Bài học Sa-di, Pháp học Sa-di I (Kệ giới), Pháp học Sa-di II (Diệt lòng ham muốn), Pháp học Sa-di III (Pháp vi tế), Giới Phật tử (Bồ-tát giới), Giới bổn Tăng, Giới bổn Ni.*

Bộ *Chơn lý* in lại kỳ này giống như ấn bản năm Quý Dậu – 1993 được chia ra làm hai phần:

- Phần *Giáo lý* gồm có 60 bài liên hệ nhiều về kinh luận, được ghi theo thứ tự ở phần mục lục từ số 1 đến số 60. Phần này dành cho người đọc phổ thông, Tăng Ni và Phật tử đều có thể đọc xem, nghiên cứu tu học.

- Phần *Giới luật và Pháp học căn bản* của giới Tăng Ni xuất gia gồm có 9 quyển (như đã nêu trên) cộng thêm quyển 114 điều luật nghi mà Tổ sư ban hành, được in thành một quyển riêng với tựa là *Chơn lý – Luật nghi Khất sĩ* (Riêng giới xuất gia). Phần này chủ yếu dành cho Tăng Ni xuất gia học tập và hành trì.

Chính vì tách phần giới luật của người xuất gia ra thành một tập riêng, nên số thứ tự của các quyển trong *Chơn lý* cũng bị xê dịch theo. Để cho độc giả tiện tham cứu các ấn bản xưa và nay trong nghiên cứu, chúng tôi cho làm bảng mục lục đối chiếu giữa số cũ và số mới trong phần cuối.

Kính bạch chư Tôn đức,

Như chúng ta biết, đức Phật dạy hãy thừa tự Pháp bảo, hơn là thừa tự tài vật. Đối với người con Phật, Pháp bảo chính là nguồn tài sản cao quý hơn mọi thứ tài sản trên đời. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Thánh Hạnh, đức Phật cũng đã dạy: *"Tại sao được gọi là Thánh nhơn? Được gọi là Thánh*

nhơn vì những bậc này thường hành Thánh hạnh và có bảy thứ tài sản của bậc thánh là: Tín, giới, tàm, quí, đa văn, trí huệ và xả ly".

Do đó, những người con Phật xuất gia và tại gia, chúng ta hãy luôn tinh tấn tu học với tâm lực và chí nguyện tha thiết tầm cầu, để giới thân huệ mạng luôn được tăng trưởng trong giáo pháp với phương châm mà Tổ sư hằng khuyến hóa:

"Nên tập sống chung tu học:
Cái sống là phải sống chung
Cái biết là phải học chung
Cái linh là phải tu chung".

Hướng tới Đại lễ Tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, chư Tôn đức Giáo phẩm trong 6 giáo đoàn cùng nhau chuẩn định bản in mới này, dựa trên nền tảng những ấn bản xưa nhất khi *Chơn lý* còn là những quyển mỏng, in rời. Như vậy, đây là một công trình mang tính tập thể hiệp hòa, thể hiện tinh thần hợp nhất thân thiết giữa các giáo đoàn, đánh dấu một bước phát triển mới của Hệ phái về phương diện văn hóa học thuật với ý thức giữ gìn những nét đặc thù trong phong cách vận dụng ngôn ngữ và trong hình thái tư duy của Tổ sư Minh Đăng Quang.

Mong rằng tư tưởng, ý pháp của Tổ sư thể hiện trong bộ *Chơn lý* nương vào duyên lành sẽ ít nhiều góp phần soi sáng con đường dẫn đến Chánh pháp, đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của mỗi người con Phật thiện duyên.

Xuân Giáp Ngọ, PL. 2557 – DL. 2014
TM. Thường trực Giáo phẩm Hệ phái
Cẩn bạch,

Sa-môn GIÁC TOÀN

CHƠN LÝ 1

VÕ TRỤ QUAN

I. THỂ CỦA VÕ TRỤ

VÕ TRỤ là cái thể rộng lớn, tối đen, tự nhiên, vắng lặng, đứng vững mãi mãi; tựa như vỏ trái lựu cực to, trong ấy có những quả địa cầu lơ lửng như hột lựu nhỏ. Cái vỏ ấy không ai biết nó là tới đâu vì muôn loại đều ở trong. Kẻ gọi nó là cái không không hay vô minh là vì không thể biết được. Cũng có kẻ tưởng tượng những hột lựu dính chùm nhau trong vỏ là bởi một cái tim, mà mỗi hột đều có cuống, sự sống thông lưu. Quả địa cầu cũng như thế. Thuyết ấy chỉ rằng: Muôn loài vạn vật, cái chi cũng là quả trứng hết, nghĩa là từ trứng nhỏ đến trứng lớn, cái tròn bể là vuông, cái vuông rồi sẽ tròn lại. Cho nên cái trứng, cái trái, cái thai, hột cát, hột giống, cỏ, cây, thú, người, đất, đá, núi, biển, địa cầu, võ trụ, cái bọt bong bóng v.v... cái cái đều tròn, vạn vật tròn tròn.

Cái lẽ tròn là không khổ, là thiện, là mỹ, là chơn. Người ta cũng nói, tròn tức là đạo quả vậy. Lẽ tròn là chơn lý, dầu kẻ dốt học bực nào mà hằng giữ sự tròn, thì cũng thành công được.

Những quả địa cầu trong ấy không có số đếm, không có số lường, không thể nói được; là vì cái đang nổi, cái đang tan, cái dồn qua, cái tẻ lại, cái lớn, cái nhỏ không thường. Bề ngoài ngó vào thì nó là cái bọt nước to lớn, có cợn bụi đất là cù lao; hay cũng nói là trái đất có những thung lũng nước, khe, ngòi. Bằng nói nó là một cái trứng hay viên đạn cũng được; có điều là do bốn

chất hiệp lại: chất đặc là đất, chất lỏng là nước, chất nóng là lửa, chất hơi là gió. Quả địa cầu nào cũng như thế, có sẵn tự nhiên như vậy mà không thể nói tại đâu? Vì sao?

II. NHƠN DUYÊN CỦA MỖI QUẢ ĐỊA CẦU

Như chúng ta đã rõ thể của võ trụ là một cõi thăm thẳm, tối đen, bao la, vô cực; trong ấy có vô số quả địa cầu. Mỗi quả địa cầu đối với võ trụ cũng như mỗi mạng sống chúng ta đối với quả địa cầu, nghĩa là một vật rất nhỏ đối với một vật rất to thì lẽ sanh hóa hay tàn tiêu của mỗi quả địa cầu đối với võ trụ vẫn là thường lắm, tự nhiên lắm. Khác nào sự tử, sự sanh của ta đối với trái đất bao la.

Nhơn duyên sanh hóa của mỗi quả địa cầu là trong cái Không sẵn chứa cái Có, tự nhiên vẫn mãi thế, tự bao giờ và bao giờ. Cái Không đây là ngoài khí, vô hình, không thể chất đụng chạm, hay sự tan hoại, thay đổi hình tướng của vạn vật mà gọi là Không. Bằng nếu biểu đem cái Không ra xem thì mắt ta khác nào mù quáng, chẳng thấy cái Không là ra sao. Vì không nói được, làm được, tính đo được... mới là Không. Không và Có, hai lẽ tương đối. Không là lý, Có là sự, không phải hai, không phải một, sẵn có nơi nhau không bao giờ một hoặc hai, vì vậy mới có cõi đời.

Như trên đã nói, quả địa cầu gồm có bốn chất là đất, nước, lửa, gió; tức là cái Có ở nơi Không. Kìa ta thấy trong không có hơi, trong hơi có nước, trong nước có đất, trong đất có lửa, trong lửa có gió, gió là hơi. Bốn thứ ấy nương sanh lấy nhau, làm thành cái Có ở trong cái Không, còn cái Không ở trong cái tự nhiên. Tự nhiên là hết nói luận! Đó là nói về sự, còn về lý thì cái Không ở trong mỗi cái Có, cái Tự nhiên ở trong mỗi cái Không.

Từ khi một quả địa cầu nổ xẹp, tắt lửa rồi thì chỉ còn là một lớp dày lợn cợn, một dề, một vầng hơi, có chất nhão, có lẫn đất, nước và hơi nóng. Về sau, đất nặng lóng xuống, hơi nhẹ bay lên, nước ở chặng giữa. Cái nóng cũ vừa mất, cái nóng mới phát sanh, bởi đất càng dễ dặt, thì lớp dưới càng khô, càng dày kín, nên bịt hầm mà cháy trở lại. Lửa cháy nóng, hơi bốc thổi mạnh lên, vẹt nước, đất giãn ra và cuốn tròn. Cũng như một em bé lấy ống trúc

chấm bọt xà bông, thổi phù ra, hơi lên mạnh, vẹt chất xà bông cuốn tròn làm bọt và bay lững đững.

Mỗi quả địa cầu, trong là lửa cháy, bộng trống, tối đen, hơi cuộn. Kế là đất cháy nhão, ngoài là đất cháy cứng thành sắt, gọi thiết vi hay địa ngục vòng sắt, và bên ngoài nữa là đất mát mềm. Trên là nước, trên cao nữa là hơi hay gió. Gió là hơi của đất, nước bị lửa bốc lên, và cuộn bay tựa như hơi thở của địa cầu. Các quả địa cầu không bay cụng nhau bể là nhờ làn hơi dày ấy. Quả địa cầu bay được trong không gian là bởi sức lửa mạnh bên trong bốc lên và xoay cuộn tròn, do đó mà lăn tròn theo bề hông, từ trái qua mặt, từ tây sang đông. Nó xoay có một chiều thôi và bởi có trớn là xoay mãi.

Những quả địa cầu vô số đếm, hết nổi đến tan, hết tan đến nổi, hoặc lâu hoặc mau, lớn có nhỏ có, tùy theo nhơn duyên không nhất định. Nào chúng ta có biết được hiện có bao nhiêu? Lên hay xuống? Đang ở chỗ nào? Vì chúng ta chỉ là những con vi trùng chết yểu, đối với không gian và thời gian trong võ trụ.

III. HÌNH THỂ QUẢ ĐỊA CẦU

Quả địa cầu hình tròn như cái trái.

Khi mới nổi, tròn dẹp như trái bí rợ.

Về lâu hơi lửa mạnh dần, thổi tròn như trái cam.

Sau rốt lửa càng ăn khuyết xuống, chưn nở đầu tóp như quả trứng gà.

Quả địa cầu hình giống như một đứa bé ngồi co trong thai bào bụng mẹ, như một thân hình. Trung tim là nồi lửa, bên trong lỗ trống tối đen là bụng, đất như thịt, sắt đá như xương gân, nước như máu, cây cỏ như da, thú người như rận chí, hơi là khí thở, mặt nước sáng là mắt, lõm đất trống là tai, hương cỏ là mũi, vị cây là lưỡi, thú là chơn tay, người là cái ý, Trời là cái trí, Phật là cái giác, sự rung động là nói, sự xoay tròn là đi, sự thay đổi là làm, núi lửa là lỗ tiêu, chất ôn nham là phẩn, sông suối như mồ hôi, biển to như nước tiểu, núi cao như đầu, rừng thẳm như mình, ruộng bãi như chưn, cỏ cây như lông tóc.

IV. ÁNH SÁNG CỦA QUẢ ĐỊA CẦU

Mỗi quả địa cầu có một mặt nhựt và một mặt nguyệt với vô số tinh quang vây quanh. Mặt trời là một vầng hơi nóng, do nồi lửa trong ruột, hơi nóng bốc ra, gom khối lại, nhẹ và xa. Mặt trăng là một vầng hơi mát do đất và nước bị lửa đốt hơi xung ra mà kết lại. Mặt trăng nửa đen là hơi đất, nửa trắng là hơi nước. Đốm đen trong vòng trắng là hơi đất cù lao, mặt trăng nặng và gần hơn mặt trời.

Sao tinh là ánh sáng, nếu là hơi sáng của một quả địa cầu khác thì bền dài. Hào quang của núi thì lâu; của người, thú, cây, cỏ thì khi không khi có; bởi trong mỗi thân thể đều có lửa đốt ánh sáng xuất lộ ra ngoài. Nếu thân chết lửa tắt thì tinh quang mất dạng. Đối với bậc thanh tịnh có trí huệ, đủ đức lành, không có chi xao động thì ánh sáng ấy trụ rất gần trên đỉnh đầu, gọi là hào quang; bằng xao động thì nó tản ra xa khó thấy. Hễ vật chi có lửa là có hào quang.

Mặt trăng ở hai phần ba phía trên quả địa cầu, lằn nó xoay vòng, kêu là bạch đạo.

Mặt trời ở hai phần ba phía dưới quả địa cầu, lằn nó xoay vòng kêu là xích đạo.

V. MIẾNG ĐẤT ĐẦU TIÊN TRÊN QUẢ ĐỊA CẦU

Phía Tây Bắc quả địa cầu, lửa lên không tới, nước phải lạnh đặc; phía Đông Nam quả địa cầu, nồi lửa ăn khuyết xuống, mỏng, nước lỏng và hay xì ra lửa, với chất ôn nham trong ruột, thành núi lửa. Như trên đã nói, quả địa cầu hiện nay như quả trứng gà, đầu nhọn chưn lớn, nồi lửa như tròng đỏ nằm tại phía Đông Nam, nên gọi là Tây Bắc thiên đường, Đông Nam địa ngục.

Trung tim của địa cầu là xứ Ấn Độ, ngay nồi lửa bên trong, Hy-mã-lạp sơn là rún; có trung ương mới có phân chia ra Đông, Tây, Nam, Bắc.

Đầu tiên, bên ngoài nước bao phủ, địa cầu là cái quả thủy tinh bởi lửa trong ruột càng cháy thổi mạnh, thổi sắt đá lên ngay ngọn lửa. Núi đá đội đất thành cù lao và vượt chen đất. Miếng đất mọc lên trước nhất làm thành Hy-mã-lạp sơn, bề cao 8.840 m, kêu là núi chúa Tu-di, cũng kêu là cây Diêm-phù, cũng gọi cột đồng thế giới hay rún địa cầu. Rễ nó bao trùm trái đất. Các núi nhỏ khắp nơi là chồi con của nó. Miếng đất đầu tiên Ấn Độ, trung tâm

thế giới cũng là nơi phát sanh cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật trước nhứt, kêu là rún đạo.

Xưa cổ nhân là một loài vượn khỉ, giống giàu tinh thần gia tộc, thường cất nhà ổ ở trên ngọn cây. Cả bầy có tới số trăm ngàn, là một loại thú có lòng nhơn nhứt.

Từ khi có cù lao Ấn Độ, năm trăm năm có loài thú chạy, một ngàn năm có loài người, hai ngàn năm có hạng Trời, và ba ngàn năm có một vị Phật.

VI. SỰ TIẾN HÓA CỦA NHƠN LOẠI TRÊN QUẢ ĐỊA CẦU

Mỗi quả địa cầu đều có cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật in như nhau, trải qua ba thời kỳ:

a. Thời kỳ thứ nhứt: cây cỏ nhiều.

b. Thời kỳ thứ nhì: người thú nhiều.

c. Thời kỳ thứ ba: Phật Trời nhiều.

Quả địa cầu, khi đất nước lửa gió đầy đủ nổi lên, gọi là sanh. Cỏ, cây, thú tiến hóa ra là hóa. Người, Trời, Phật bỏ ác theo lành, bỏ vật chất theo tinh thần là tàn. Sau rốt quả địa cầu tắt hơi, hết lửa, nổ xẹt chết, gọi là tiêu. Quả địa cầu chết một thời gian, nước đất lóng phân, lửa gió ấm lần, sống lại, nổi lên nữa, vẫn mãi thế.

Trời là lớp trên, ý nói hạng người trí sáng, hiểu trắng, thiện thanh, cao thượng, bậc không còn tội lỗi, không trở lại cõi người, sau khi đã bỏ cõi người, cũng như học trò lên lớp, sau khi vượt lớp. Như người lớn đã biết nhiều, không trở lại cảnh huống trẻ con.

Phật là bậc người sáng suốt hoàn toàn, học hành thi đậu, dạy dỗ cũng rồi, bậc rốt ráo nghỉ ngơi, sau sự thành công cao quý hơn hết, yên vui hơn hết. Bậc mà đã tròn xong phận sự đối với cõi đời, vĩnh viễn không thối lui. Trời và Phật vẫn là loài người nhưng đã tiến hóa đến mức tối cao, gọi là bậc siêu nhơn loại.

a. NGƯỜI là lòng nhơn, nhơn ái, nhơn từ, nhơn đức; nhơn là không sát. NGƯỜI là thân lành đối với một gia đình.

b. TRỜI là trí lành đối với một xã hội.

c. PHẬT là tâm lành đối với cả chúng sanh.

Người, Trời, Phật đây là tên chữ, lấy theo đạo lý mà đặt ra phân biệt, nhắc nhở, chớ không riêng kẻ sống hay chết. Nhưng bởi THÂN GIA ĐÌNH, thiện nhỏ hẹp, sau khi chết bỏ xác, còn luyến ái cố chấp, còn trở lại, nên gọi cõi người là luân hồi (vì thiếu trí).

Còn như bậc TRÍ XÃ HỘI, thiện rộng lớn, ơn nghĩa rồi xong, nên sau khi chết không trở lại, nhưng bởi tánh tự cao, về lâu lại cũng nhập thai nữa nên gọi là bậc Trời còn đi lui chuyển kiếp.

Chỉ trừ ra Phật, TÂM CẢ CHÚNG SANH, bậc đã già cứng, chắc, tốt đẹp hoàn toàn, sống cũng vậy mà chết cũng vậy, không còn một niệm, nên chẳng có đi đâu, gọi đứng ngừng, tắt nghỉ, hay Niết-bàn, không luân hồi lại nữa, bậc vĩnh viễn đời đời như hột giống cất mãi.

VII. SAU KHI QUẢ ĐỊA CẦU TAN HOẠI

Cái không là sự sống, khí là sự sống, nước là sự sống, đất là sự sống, lửa là sự sống, gió là sự sống, cỏ là sự sống, cây là sự sống, thú là sự sống, người là sự sống, Trời là sự sống. Phật là sự sống chót hết và hoàn toàn. Đó là sự tiến hóa đi lên vậy.

Khi quả địa cầu tan hoại, cỏ cây người thú thảy tiêu diệt, chớ Trời Phật vẫn còn. Trời thì nhập thai sanh nơi thế giới khác, nhưng Phật ở đâu đi đâu cũng được, chẳng lai sanh.

Cũng ví như một thân cây chết ngả, trái chín để đời, cất đâu cũng được; trái già phải trồng liền, kỳ dư non, nhỏ, thúi, sâu thì chết hết. Cái sống, cái thức của chúng sanh cũng như thế. Chín là sự tròn trịa, cứng chắc; già là thiện lành (già kinh nghiệm); non nớt là thiếu thốn, dục vọng tham lam; nhỏ hẹp là ích kỷ; thúi là ác trược; sâu là gian tà.

Thật vậy, khi cây ngả thì quả già chín có được bao nhiêu đâu? Mà trái lại non nhỏ rất nhiều phải chết mất, còn sâu thúi thì đã hư hoại trước rồi.

Cái thức, cái sống, cái biết mới thật là ta. Chúng ta há lại chẳng nuôi nó, hơn xác thân tạm bợ này! Nó chỉ ăn cái thiện, cái chánh. Việc làm lành cũng

như vỏ cứng, lời nói phải như thịt cơm, cái ý tốt như ngòi mộng. Trau dồi thân khẩu ý lành tức là nuôi cây dưỡng hột, tạo cái ta, sanh ra cái biết, cái sống đời đời.

Trời và Phật là kẻ tiên sanh, sanh ra trước bởi tấn hóa trước, kinh nghiệm nhiều. Cho nên khi sống, các Ngài vẫn ở nơi thanh tịnh. Chết đi các Ngài cũng ở nơi cảnh vắng núi rừng, xa lánh cõi ác, tham sân si thấp kém của cỏ, cây, người, thú, trẻ con ác trược.

Một khi vì lòng từ bi và muốn tấn đức, các Ngài vào lại cõi người để dắt dẫn, dạy dỗ; lúc mệt thì yên nghỉ lui về, hưởng sự yên vui thêm. Khi đi vào giáo hóa gọi là chư Bồ-tát, chính nghĩa là giác ngộ chúng sanh.

Con đường của cái biết sống từ nơi không, nơi tứ đại, cỏ, cây, thú, người, Trời tới Phật, kêu là đạo. Từ không có sống biết, đến có sống biết trong một lát, một giờ, một ngày, một tháng, một năm, trăm năm, ngàn năm và mãi mãi. Càng tu bổ, càng trau dồi, càng yên vui, càng tốt đẹp, càng sống mãi, biết hoài. Thật là quý báu!

VIII. CHÚNG SANH TRONG VŨ TRỤ

Chúng sanh là chung sống, hay muôn loại có sự sống. Nói hẹp là từ cỏ, cây, thú, người, Trời (Trời còn lai sanh cũng gọi chúng sanh) là loại có luân hồi, sanh đi sanh lại.

Phật, bằng còn thân cũng là chúng sanh, bỏ xác rồi mới gọi Đấng Diệt Độ, Tịch Diệt. Đó là nói về sắc thân vật chất, bằng luận cho đúng, Phật mới là chúng sanh vì là sống mãi cái ta, cái thức, cái giác. Chớ như bậc Trời trở xuống còn sự thay đổi, cũng có thể chết mất, tiêu diệt, nên nói là hạng chết cũng được. Nếu nói rộng ra thì chúng sanh cũng là đất, nước, lửa, gió, không. Năm đại này cũng vẫn có sự sống. Bởi ngũ đại có sự sống mới nẩy nở, sanh sản, biến hóa, thay hình, đổi màu. Nếu ngũ đại chết, thì xương máu thịt da hơi gió trong cỏ, cây, thú, người chẳng tự có được.

Trong các chúng sanh, loại đã sanh, loại đang sanh, loại sắp sanh; loại sống một giây, một phút, loại sống ngàn năm, muôn năm; loại ở trong không,

trong khí, trong thân, trên đất, trong nước, trong lửa (lửa địa ngục cháy mãi); loại nào cũng có sự sống theo loại nấy, cảnh giới khác nhau. Thường thì cái kia sanh cái nọ, cái sau ăn cái trước như cỏ cây sống bằng đất, ăn đất mà lớn, thú sống bằng cỏ cây, ăn cỏ cây mà lớn. Từ loại thú sắp xuống, phần nhiều là vô tình, vô tri mà gây tội ác. Chỉ trừ loài người sắp lên là có trí, biết thiện, biết thương, chẳng phải như thú, cây, cỏ, đất, nước.

IX. CÁI TA TRONG VÕ TRỤ

Kể từ thuở phôi thai, quả địa cầu sắp nổi, âm dương sáng tối, nóng lạnh dung hòa sắc ấm từ đó phát sanh, đất nước lửa gió quả địa cầu từ đó mà có, thì cái mầm sống vốn sẵn lại từ đó càng chóng mau tiến hóa bội phần.

Kìa như sự sống trong đất nảy sinh cây cỏ; cây cỏ đã có sự sống. Mà đã có sự sống thì sự sống ấy ta tạm đặt một cái tên cho dễ nhận xét. Giả như ta đặt tên là cái thọ cảm, cái biết... hay muốn dễ hiểu hơn hết nên gọi là "Cái ta".

"Cái ta" lúc ở nơi cây cỏ, ta lúc làm cây cỏ đã nương đất mà sống, đất là mẹ của cây cỏ. Cây cỏ chịu ơn đất rất nặng, dày vò đất mà sống trong đất, con hành hạ mẹ. Kịp lúc tiến hóa, đến loại biết động cựa như sâu bướm từ trong cây cỏ phát sanh, do thọ ấm lâu ngày thành tưởng ấm. Lúc ấy ta lại ăn cây cỏ, chịu ơn cây cỏ rất nặng, dày vò cây cỏ mà sống bằng cây cỏ. Lần lượt trải theo duyên tiến hóa, từ loài nhỏ nhít cho đến được với lớp thú chạy, chim bay, ta đã hành hạ biết bao loài cây cỏ. Cho đến lúc mang thân người, trải qua nhiều lớp thú: cọp, beo, sư tử... cùng vượn, khỉ, dã nhơn... ta đã giết hại biết bao loài cỏ cây và thú nhỏ. Do tưởng ấm lâu ngày thành hành ấm.

Đến được với lốt người đây, xét lại nhiều lớp trước, vô số kiếp ta đã giết hại biết bao kẻ xung quanh ta. Kẻ đi chung với ta trong số vạn ức họa chăng chỉ được sống sót một. Hôm nay tính lại, lương tri ta cũng không biết hối hận bằng cách nào? Cái may sống sót của ta là cái quá tàn ác hung bạo, mặc dầu không hiểu, vô tình, buổi xưa đã đành rồi, còn ngày nay ta làm sao tránh sự giết hại? Làm sao nuôi sóc đàn em? Cùng làm sao dạy dỗ?

Võ trụ ví như bà mẹ, chúng ta những kẻ sống chung, chúng sanh tất cả con chung của võ trụ. Ta được thân người, có được thức trí, đối với muôn loại

như kẻ đàn anh sanh trước đi trên, nếu ỷ mạnh hiếp yếu, làm sao cho phải lẽ? Vì cái tham sống cho ta mà muôn loài chết thảm, nghĩ lại thật là bất nhơn, vô nhơn, phi nhơn. Ai sanh trước hiền hơn, sáng hơn; trẻ em sanh sau dữ hơn, ngu hơn. Ta lẽ nào lấy cái hung, cái gian mà làm lớn? Thật là tội lỗi, sống tội lỗi, xác thân tội lỗi, hành vi tội lỗi, lời nói tội lỗi, ý niệm tội lỗi, sự ăn tội lỗi, sự mặc tội lỗi… Mớ tội lỗi dẫy tràn kia nào có xứng đáng với loại trên trước, tiến hóa vượt trổi hơn bao hạng thấp hèn?

Hãy tha thứ cho tất cả, vì ta đã có lòng nhơn (người). Nếu ta muốn sống thì đừng giết hại mạng sống khác. Tất cả với ta, ta cùng tất cả, đều liên lạc mật thiết với nhau bằng một lẽ sống. Như ta giết hại tức là ta đã chặt đứt sợi dây liên lạc giữa ta cùng vạn vật trong vũ trụ rồi. Ta đã lỗi đạo sống chung (chúng sanh), trái với nhịp tiến hóa. Như thế đối với muôn loại ta sẽ thấy trơ vơ, trống trải, lạnh lùng, tưởng như ngoại vật, rất khác biệt với ta. Đứng trước cõi huyền bí, thăm thẳm, bao la của vũ trụ, ta sẽ thấy sợ hãi, cũng như muôn loài trong vũ trụ ra tuồng sợ hãi, kinh tởm cái quái ác của ta.

Hãy sống với vũ trụ! Hãy học hiểu rõ thấu chơn lý, ta sẽ thấy cái ta không còn cách biệt với vạn vật nữa, ta sẽ được an vui!

X. CHƠN LÝ CỦA VŨ TRỤ

Chúng sanh là tiến hóa từ địa ngục đến Niết-bàn do nhơn duyên chuyển níu sanh ra. Từ nơi không sanh ra có, nhỏ tới lớn, có rồi có mãi, không hết không rồi; mượn vật chất làm thân để nuôi tâm, còn thân trả lại tứ đại, đời kiếp không dư thiếu.

Chúng sanh chẳng phải lưng, Phật Thánh chẳng phải đầy, dầu đến bao lâu, xem ra cũng vậy. Thật là vũ trụ mênh mông mà như tuồng sắp đặt.

Kìa như sắc ấm: đất, nước, lửa, gió sanh thọ là sự sống, ấm của đất sanh nhựa chỉ, nhựa chỉ đất nước sanh rễ, cỏ, cây, thú. Cỏ cây có giống là hột, thú có giống là tinh ba mà sanh sản.

Cỏ cây sanh thú, thú sanh người, người đến Trời, Trời đến Phật. Cây sanh trái, cỏ sanh hoa, sự biến hóa khôn lường, có rồi sanh thêm có; từ không đến có, có rồi lại không, thay qua đổi lại. Lửa trong địa cầu lăn, vạn vật vô thường, tiến chớ không phải thối, từ vật chất đến tinh thần, từ ác đến thiện.

Tinh thần không chật, vật chất không hao. Sự nó là có, lý nó là không. Cho nên ai biết lẽ không rồi chẳng còn phải khổ, điên, mờ quáng về sự thay đổi lăn xoay nữa.

Người mà giác ngộ chơn lý mới biết đường đi, đi tới cảnh cao siêu tốt đẹp của tâm hồn, vĩnh viễn, chắc thiệt yên vui, mới gọi ta, của ta, mới có lý nghĩa, mới là ích lợi. Hết mê lầm, không loạn vọng, không sở chấp chi nữa hết.

CHƠN LÝ 2

NGŨ UẨN

I. NGŨ UẨN HAY NGŨ ẤM

Ngũ uẩn hay ngũ ấm là năm pháp cái trong võ trụ. Mỗi vật chi trên thế gian này, dầu có hình tướng, dầu không hình tướng đều thuộc về những chi tiết của ngũ uẩn cả. Năm pháp cái ấy là:

1. Sắc uẩn (hình sắc thể chất)

2. Thọ uẩn (thọ cảm ưa chịu)

3. Tưởng uẩn (tư tưởng hay tưởng tượng)

4. Hành uẩn (hành vi tức việc làm)

5. Thức uẩn (thức trí phân biệt).

Chữ uẩn là súc tích, chứa nhóm, gom kết, khối to cả thể như kho tàng. Chữ ấm là che đậy, thể rộng lớn trùm chứa (nghĩa tương tợ với chữ uẩn).

Ngũ uẩn hay ngũ ấm có ra là nương sanh bởi pháp này và pháp kia. Như đất, nước, lửa, gió nóng lạnh dung hợp sanh thọ cảm. Thọ cảm là ấm của tứ đại, nên kêu là thọ ấm, còn tứ đại là sắc ấm. Thọ ấm dung hợp với sắc ấm tứ đại mà sanh tưởng ấm. Tưởng ấm dung hợp với sắc ấm, thọ ấm mà sanh hành ấm. Hành ấm dung hợp với sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm mà nay sanh thức ấm. Thế là ngũ ấm nương sanh lấy nhau, vì ấm là sự sanh nảy giữa cái này và cái kia.

Ngũ ấm là chơn lý chung của võ trụ vạn vật, là sự sanh hóa, kết quả của các pháp.

Không có cái chi ngoài ấm, vì chính nó là sự sanh nảy mọi vật, cũng như có nước, có bột, rồi làm thành bánh; ấm hay là uẩn đây là bánh, mà cũng là nước và bột, hay đúng hơn hết là "sự sanh nảy, sự thành tựu", nghĩa là có bột có nước thì có bánh. Nước, bột, bánh đều ở trong sự sanh nảy, sự thành tựu. Cho nên nói rằng: ngũ uẩn hay ngũ ấm là năm pháp cái trong thế gian võ trụ và vạn vật, vì khắp trong thế gian, võ trụ và vạn vật, đâu đâu cũng ở trong cái thể rộng lớn, súc tích, chứa nhóm, gom kết, che đậy, trùm khắp tất cả rồi.

II. NHƠN DUYÊN CỦA SẮC UẨN

Sắc uẩn tức là mọi vật có hình sắc trong thế gian, như: đất, nước, lửa, gió, quả địa cầu, vạn vật chúng sanh muôn loại… Có đất, nước, lửa, gió mới có quả địa cầu. Vậy muốn biết quả địa cầu từ đâu mà có, đất nước lửa gió từ đâu mà sanh, ta nên xét về nhơn duyên của sắc uẩn.

Sắc uẩn từ đâu mà có?

Sắc uẩn vốn sẵn nơi không. Không là sự thay đổi không thường của quả địa cầu, khi nổi khi xẹp. Sắc uẩn không có nhơn duyên chi cả, vì nó là cái có không đầu không đuôi, tự nhiên như vậy (cũng có thể nói quả địa cầu trước kia là nhơn, sau đến lúc tan hoại là duyên, có nhơn duyên đó mới sanh ra sắc uẩn, là quả địa cầu hiện tại). Có sắc uẩn là có quả địa cầu, đất, nước, lửa, gió là nguồn gốc tạo sanh vạn vật (sắc uẩn).

III. SẮC UẨN ĐẾN THỌ UẨN

Đất nước vốn sẵn có mầm sống. Lâu ngày đất sanh nhựa chỉ mồ hôi, lâu biến sanh rễ cây, cỏ (và thú). Nước sanh bèo, rong, đặc lền, lâu cũng biến sanh rễ cây cỏ (và thú). Cỏ cây đã có sự biết sống khá trổi, cái biết sống này kêu là thọ cảm (nghĩa chữ thọ cảm là lần lần tự cảm ứng hay bị cảm hóa, lãnh nạp niệm cảm của giống khác). Cây nhỏ thì thọ cảm rất yếu ớt, những cây to lớn sống nhiều năm, thọ cảm được già, như ta thấy các cây to hay có thọ thần, lắm kẻ ngỡ là ma quỷ hoặc thần thánh; chính là cái thọ cảm đã già, do sự sống lâu ngày súc tích (thọ uẩn).

IV. THỌ UẨN ĐẾN TƯỞNG UẨN

Cây sống nhiều năm thọ cảm đã già mà tập lần tưởng tượng. Khối tưởng tượng làm cho linh hồn yếu ớt kia (thọ cảm) càng cứng vững. Linh hồn đã có nên nhập thai bằng tư tưởng rất mạnh mà tượng hình động vật thành con thú. Thú có tư tưởng hay tưởng tượng và mạng kiếp kéo dài, tư tưởng ấy càng già cứng, sức khôn ngoan đựng chứa càng lúc càng nhiều. Nó đã có một linh hồn chắc thiệt. Đến đây tư tưởng đã già nhờ lâu ngày chứa nhóm (tưởng uẩn).

V. TƯỞNG UẨN ĐẾN HÀNH UẨN

Thú sống nhiều năm tư tưởng đã già mà tập lần hành vi. Sự hành vi làm cho linh hồn khờ dại yếu ớt kia (tưởng tượng), lần lần khôn ngoan cứng vững. Linh hồn đã khôn ngoan cứng vững nên nhập thai bằng hành uẩn, tập hình người. Người sống chung chạ trong thế gian, nhờ hành vi mà khéo xảo khôn ngoan, lần lần tấn hóa vượt trổi. Tuổi sống kéo dài, hành vi nhờ kinh nghiệm càng vững chãi, linh hồn càng khôn ngoan. Ấy là hành vi đã đến mức tối cao tột điểm, nhờ lâu ngày nhiều kiếp gom kết đủ đầy (hành uẩn).

VI. HÀNH UẨN ĐẾN THỨC UẨN

Người sống nhiều năm tuổi, sự hành vi đã già kinh nghiệm mà lần sanh thức trí. Khiếu thức trí là cái biết già dặn kia, làm cho linh hồn càng tiến hóa đến bậc siêu nhơn loại (người vượt trổi hơn chủng loại người), cũng gọi là Trời. Từ kiếp thường nhơn đến lớp Siêu nhơn là trải qua một quãng đường dài của thức trí, tức là cái biết phân biệt, cái biết phân biệt chẳng phải chỉ trong một kiếp một đời mà có được. Nhờ trải qua ngàn vạn ức kiếp, cái biết ấy mới càng già dặn, vững chãi kết gom thành khối to cả thể như kho tàng (thức uẩn).

VII. THỨC UẨN ĐẾN GIÁC CHƠN

Trời sống rất lâu, thức trí thông minh sáng suốt, lần đến giác chơn là tỏ ngộ chỗ thoát trần. Tâm chơn chẳng vọng, tánh giác không mê thường gọi là Phật.

Phật là đấng toàn giác, toàn chơn, toàn thiện, toàn mỹ, toàn trí, toàn đức, toàn nhân; sau khi đã làm xong phận sự giáo hóa (qua khỏi lớp Trời) đến lúc nghỉ ngơi, công viên quả mãn.

VIII. NGŨ UẨN HAY NGŨ ĐẠO

Thân hình đứa trẻ mới tượng trong thai là sắc.
Lúc sanh ra là thọ.
Đến sáu tuổi là tưởng.
Khi mười hai tuổi là hành.
Chừng ba mươi tuổi là thức.
(Bốn mươi tám tuổi là giác).
Địa ngục là tứ đại, hay thân hình trong thai, có sắc.
Ngạ quỉ là cây cỏ, hay đứa trẻ mới sanh, có thọ.
Súc sanh là con thú, hay em nhỏ sáu tuổi, có tưởng.
Nhơn là người, hay người nhỏ, có hành.
Thiên là trời, hay người lớn, có thức.
(Phật hay người già, bốn mươi tám tuổi, có giác).

a. Địa ngục

Cảnh của một đứa trẻ ngồi trong bụng mẹ, bọc thai như bao vỏ của hột giống, da bụng mẹ như đất. Ở trong ấy nhờ cái ấm mà tượng hình. Lúc ban đầu mê như người ngủ, vốn chưa có cái biết, về sau bởi có sự xao động bên ngoài là pháp hành mới sanh thức biết lần lần. Cái thức mới ấy là thọ cảm, có thọ cảm mới chun ra; cũng như kẻ ngộp nhô tìm ánh sáng, vượt bỏ chốn vô minh si mê (địa ngục).

b. Ngạ quỷ

Đứa trẻ sanh ra chỉ biết đòi ăn, đòi bú, cũng như cỏ mọc ra là chỉ biết sự đói khát, đòi ăn phân, uống nước, gốc tham lam (ngạ quỉ).

c. Súc sanh

Trẻ con sáu tuổi vọc đất chơi bùn, ưa lùm thích bụi khác nào con vật; lại thêm nghịch ngợm phá phách, hung dữ, ham gây, gốc sân giận (súc sanh).

(Ba hạng này ở trong cái ác mà không tự biết, sống bằng cách hại kẻ khác chung quanh mà vẫn không hay. Như cây cỏ sanh ra bởi đất nước, rồi lại ăn đất nước mà sống, khác nào như đứa con sống bằng thân mẹ, ăn máu thịt mẹ? Đứa trẻ lấy máu thịt mẹ làm thân (địa ngục) sanh ra rồi lại còn bú là ăn máu thịt mẹ nữa, thêm sự thèm đòi như ma đói (ngạ quỉ).

Lớn lên sáu tuổi hết giết mẹ, lại đến tuổi đùa nghịch, phá phách, gây gổ khổ hại ông cha (súc sanh).

Ấy bởi chỉ có sắc thân như địa ngục, thọ cảm như ngạ quỉ, tư tưởng như súc sanh thôi. Nào ta có nên chấp trách kẻ chưa có cái biết đầy đủ ấy, vì theo từng lớp tiến hóa, ai ai cũng vậy. Chính ta, chúng ta mỗi người đã phải trải qua ba lớp ác ấy rồi: ta đã ở trong cảnh mê ngộp của địa ngục thai bào (sắc) mà tiến đến cõi đói khát tìm đòi của ngạ quỉ (thọ), rồi vượt lên đến lớp nghịch ngợm phá phách của súc sanh (tưởng). Nhưng lần lượt ta sẽ đến với cái thiện của lớp người (hành), Trời (thức) mà tha thứ cùng giúp đỡ cho bao kẻ khác. Người giúp ta, ta giúp lại kẻ khác, ai cũng sanh nơi cha mẹ gốc vốn và phải nương theo chỗ sanh gốc vốn ấy một lúc đầu. Về sau ta mới biết tự lo cho ta và đền ơn cha mẹ là ta giúp đỡ nuôi dạy lại kẻ khác).

d. Nhơn (người)

Khi tuổi mười hai, không làm ác, tha thứ cha mẹ, không giết hại, lòng nhơn nhỏ hẹp, tự làm nuôi sống, có hành vi phụ giúp gia đình, lần lần biết thương quyến thuộc. Tập ăn chay, giảm tha mạng thú vật, bắt đầu ham sống vật chất, chú trọng cho mình nhiều, gọi là người nhỏ (nhơn).

đ. Thiên (trời)

Chừng tuổi ba mươi, lòng nhơn to rộng, gọi là người lớn, giao du cùng xứ, sống trong xã hội, biết thương chủng tộc người. Nói việc lớn, làm việc lớn, mắt tai mũi lưỡi thân ý đều hạp theo lẽ lớn, sự lành. Quên mình mà lo cho thiên hạ, giúp đỡ kẻ dưới mình, gần là vợ con, xa là một xứ. Thanh cao quảng đại, gác mình bực bề trên kêu là Trời. Sống với tinh thần, chồng vợ lâu ngày xem ra như bạn, giúp nương coi là bổn phận. Hiểu lẽ trắng, biết điều

thiện, có thức trí, ăn chay, phóng sanh, trọng mạng sống của thú người, lòng nhơn đã rộng lớn (thiên).

e. Phật

Trên bốn mươi tám tuổi, tuổi đã giác ngộ, trong sạch sáu căn, từ bi trí huệ, sống nơi thanh tịnh, biết kinh nghiệm chơn lý, thấy rõ vô thường, khổ não, không cái ta. Chuyên dạy lành cho trẻ nhỏ, nết hạnh trang nghiêm, giác ngộ hoàn toàn; không giống như người lớn cùng trẻ nhỏ; qua khỏi sự làm ác và làm thiện bằng vật chất; chỉ nói chút lẽ đạo, no đói không cần, có chi ăn nấy. Ngày ăn một bữa để nuôi tâm chơn như, rảnh rang không bạc tiền. Ai chôn giết chừng nào cũng được, thương tất cả chúng sanh. Bình đẳng cỏ, thú, người thuận theo lẽ một, thế gian người nuôi để xin lời vàng ngọc. Không sống cho mình, sanh già bịnh chết rõ biết, vui khổ hết ham.

Trên sáu mươi tuổi, không còn đi đây đó, ở trụ một chỗ hưu trí, thôi dạy, nín nghỉ chơn như. Trí đầy tâm đủ gọi Niết-bàn sáng lặng. Như hột giống sen khô cứng, cất để đời đời, trường sanh bất diệt.

IX. TỪ NGŨ UẨN ĐẾN GIÁC CHƠN

Sắc là thân phàm (địa ngục)

Thọ (ngạ quỉ)
Tưởng (súc sanh) } Là tâm phàm vọng
Hành (nhơn loại)

Thức là trí phàm (thiên đường)

Chót hết là giác. Giác là tánh hay tâm chơn của chư Phật. Trong giác có chứa sẵn rồi năm ấm. Trong mỗi một ấm đều có chứa ảnh hưởng của bốn cái kia và cái giác. Cũng như trái dừa non có vỏ (vật, thân), lớn có thịt cơm (trí), già có hột (mộng), thì vỏ thịt cơm đều tiêu lần (tâm).

Như vậy là trong vỏ đương ngầm tựu hột (mộng) và thịt cơm, trong thịt cơm có hột (mộng); hột (mộng) ấy sẽ nảy tượng. Trong hột (mộng) chứa thể chất của thịt cơm, nước, vỏ. Cho nên nói rằng chúng sanh có Phật tánh, có ảnh hưởng Phật sẽ thành tựu quả Phật, và cũng có thể nói rằng trong Phật có

chúng sanh, nhưng bởi hột giống không gieo trồng thì không lên, bằng ương xuống ắt cũng mọc liền.

Phân chia ra ngũ uẩn, chỉ rõ từng giới hạn ấy để cho dễ phân biệt. Cái giác có từ đâu? Giác là gì? Tại sao mà có? Có để chi? Sự thật nơi năm pháp cái này ta thấy thân sanh tâm trước, trí sanh tánh trước. Khi có tánh rồi, tánh sanh trí sau. Có tâm rồi, tâm sanh thân sau. Như vậy là từ thân đến tánh, từ địa ngục đến Niết-bàn, là con đường tiến hóa, hay lớp học của chúng sanh cũng kêu là đạo. Từ đầu vô minh đến cuối chót giác ngộ là đắc đạo. Nơi đó chỉ có cái biết. Từ không biết đến biết hoàn toàn. Từ vô động sanh ra động và đến nghỉ ngơi, còn tồn lại hột giống, hay cái ta chắc thiệt.

X. NGŨ UẨN QUÁ THẠNH CHÚNG SANH KHỔ

Sống trong cõi đời hiện tại chung quanh ta, mọi vật dường như quyến rũ ta sa vào vòng ham muốn mãi mãi không thôi. Kìa như dinh thự lầu đài nguy nga tráng lệ, gấm vóc tố sa đẹp tốt mịn màng, cao lương mỹ vị bỉ bàng ngon quí… Tất cả ngần ấy như thúc giục, như cuốn lôi con người vào vòng bận rộn, vì thức ăn, sự mặc cùng chỗ ở, mà thiết tưởng mỗi người trong thế gian khó bề tránh cưỡng được ba điều ấy, một khi đã có sắc thân. Huống chi với kết quả của văn minh vật chất, cơ khí đã rực rỡ kỳ công, khiến cho ngày nay khắp nơi dẫy đầy vật chất, cung phụng cho lòng khao khát, muốn ham, không hạn lượng của loài người.

Với bao vật SẮC hữu hình ấy, một khi nó đã quá thạnh hành, ta phát sanh ý muốn thích ưa, THỌ cảm vui chịu, TƯỞNG tượng tư lương, tính sao chiếm lấy cho kỳ được, sanh ra HÀNH vi, bởi nơi vọng THỨC. Thế rồi quanh quẩn bao nhiêu đó mãi, khi chưa được cũng khổ, khi đang có cũng khổ và khi đã mất lại càng khổ.

Ngũ uẩn này là nguồn gốc phát sanh ra sự khổ, lại có hai pháp: khách quan và chủ quan. Như đoạn trên, chỉ về ngũ uẩn làm khách quan bên ngoài, xâm nhập vào ta mà sanh rối khổ, nhưng bên trong cũng có chủ quan tiếp nhận khách quan kia. Bởi ta có sắc thân, mới có thọ cảm, tư tưởng, hành vi và thức trí (vọng) mà tiếp nhận hình sắc thể chất bên ngoài, rồi mới sanh ra thọ cảm, tư tưởng, hành vi và thức trí (vọng). Lại cũng vì vọng thức ta mới

có hành vi, bởi có hành vi mới có tư tưởng, bởi có tư tưởng mới có thọ cảm, bởi có thọ cảm mới có sắc thân. Như thế là ta đã mắc vào trong guồng máy của ngũ uẩn, đang lăn xoay quay cuồng rối rít mà chịu khổ. Muốn diệt khổ ta phải diệt ngũ uẩn, tức là không còn ngũ uẩn, ngũ uẩn đều không, không ngũ uẩn gọi là giác chơn, vì có ngũ uẩn vốn là mê vọng.

XI. PHÁP DIỆT NGŨ UẨN

Bởi có sắc thân, lâu ngày mới sanh thọ cảm.
Bởi có thọ cảm, lâu ngày mới sanh tư tưởng.
Bởi có tư tưởng, lâu ngày mới sanh hành vi.
Bởi có hành vi, lâu ngày mới sanh thức trí.
Bởi có thức trí, lâu ngày mới sanh giác chơn.

Hễ giác chơn thì không còn thức trí, hành vi, tư tưởng, thọ cảm, sắc thân nữa.

Không sắc thân có đâu thọ cảm.
Không thọ cảm có đâu tư tưởng.
Không tư tưởng có đâu hành vi.
Không hành vi có đâu thức trí.
Không thức trí có đâu giác chơn!

Giác chơn tức là lý không, hay cũng nói được là không thức trí mới gọi là giác chơn. Đến đây không còn mê lầm trong vọng cảnh nữa, thì ý chí, khổ tình đâu có ở tại chỗ nào?

Muốn giác chơn thì phải diệt trừ thức trí.
Muốn không thức trí phải bỏ hành vi.
Muốn không hành vi phải đừng tư tưởng.
Muốn không tư tưởng phải dứt thọ cảm.
Muốn không thọ cảm phải không sắc thân.

Nghĩa là hãy coi sắc thân như không có, hay là chết rồi, hết mê tríu, dứt luân hồi, không còn nhập thai trở lại. Giác chơn là trọn yên vui, không khổ não, cảnh cao viễn nhứt của chúng sanh, cũng là bậc không còn trở lại.

Ngũ uẩn cũng là nấc thang hay trình độ, lớp học tiến hóa của chúng sanh, mà trong ấy cái khổ là gió làm duyên để đưa lên. Lên đến cái tột vui là Phật, Niết-bàn, hay mục đích của chúng sanh. Thế nên, khổ là tiến hóa, là bài học đưa từ vật chất lên đến tinh thần.

XII. NGŨ UẨN NẾU MẤT CHÚNG SANH ĐIÊN

Ngũ uẩn là duyên tiến hóa của chúng sanh, từ đất, nước, lửa, gió đến lớp cỏ cây, con thú, loài người, bậc Trời và rốt ráo là vị Phật. Cho nên nói ngũ uẩn ví như một thân hình: thức là đầu, hành là tay, tưởng là ngực, thọ là bụng, sắc là chân, gồm cả năm thể thành một thân hình. Có ba thứ thân hình:

1. Sắc ác, thọ ác, tưởng ác, hành ác, thức ác là thân hình đen (địa ngục).
2. Sắc thiện, thọ thiện, tưởng thiện, hành thiện, thức thiện là thân hình trắng (thiên đường).
3. Sắc trong sạch, thọ trong sạch, tưởng trong sạch, hành trong sạch, thức trong sạch là thân hình trong sạch (Niết-bàn).

Trong sạch là thanh tịnh xuất gia giải thoát giác ngộ chơn như, khỏi bụi trần ô nhiễm.

Lại nữa ngũ ấm cũng ví như một cái nhà: thức là nóc nhà, hành là bốn vách, tưởng là đồ vật, thọ là kho lẫm, sắc là nền nhà, còn giác là người chủ nhà, tự do an lạc; hay mê là kẻ tội tù, bị nhốt để chịu khổ phạt. Mê thì ở thế quanh quẩn trong cõi địa ngục, thiên đường, khổ não. Giác thì ra khỏi nhà ngũ uẩn, được an vui Niết-bàn. Niết-bàn là kẻ ra khỏi trường, sau khi thi đậu, hết học. Luân hồi là kẻ còn đang học sau, còn mệt nhọc, mới vào trường, mới lên lớp. (Ta chỉ hiểu để rõ thông đường lối vậy thôi, chớ Niết-bàn không phải nhảy một cái mà đến. Nếu ta còn ở lớp thấp thì hiểu để cố gắng và yên lòng, lâu hay mau mà ta quyết định thì có ngày đến được).

Con đường chúng ta còn dài, ấm tứ đại sanh ra, nào có ai muốn bảo, nhưng khi đã có cái sống, cái biết rồi thì vui hơn là khổ. Vui đạo lý vĩnh viễn hơn vui thiện. Vui thiện nhẹ cao hơn vui ác. Vui ác, vui vật chất là gốc khổ sầu tai họa. Vậy ta nên đạp ác là đất, đội thiện là trời mà đi trên đường chơn lý của Phật thánh, mới chắc đến Niết-bàn vĩnh viễn được.

Trái lại, địa ngục vô gián là nơi tiêu diệt, là cảnh giới của kẻ quá khổ mà điên. Cái khổ sẽ diệt mất thức trí, khổ nữa diệt mất luôn thọ cảm.

Như một kẻ quá điên kia, ban đầu mất thức trí, như trẻ nhỏ chơi với trẻ nhỏ. Kế nữa, mất hành vi như con thú chơi với thú, lần đến mất tư tưởng, như cây cỏ ở nơi lùm bụi. Sau rốt thọ cảm dứt, thì còn sắc thân trơ như chết, và khi sắc thân chết là đất nước rã luôn. Đó là vì mất ngũ uẩn mà người ta tiêu diệt. Sự tiêu diệt bởi cái khổ, khổ phát sanh tại gốc ác. Ác là trứng sâu, khổ là con sâu, ăn mòn chết cái biết, cái sống là cành cây ngũ uẩn.

Chúng ta hình như ai cũng có con vi trùng khổ, vậy phải bắt lần, sửa chữa, nuôi cây lấy giống để đời. Khổ là chết luôn, vui là sống mãi, ác là bịnh độc, thiện ấy thuốc hay.

Muốn cho sắc thân thiện thì phải coi như là không.
Sắc thân không thì thọ cảm được yên vui.
Thọ cảm được yên vui thì tư tưởng được huyền bí.
Tư tưởng được huyền bí thì hành vi được thần thông.
Hành vi được thần thông thì thức trí được huệ sáng.
Thức trí được huệ sáng thì chơn như được giác ngộ.
Sắc thân ác là bởi coi như có.
Sắc thân có thì thọ cảm rối khổ.
Thọ cảm rối khổ thì tư tưởng không linh nghiệm.
Tư tưởng không linh nghiệm thì hành vi theo vật chất.
Hành vi theo vật chất thì thức trí phải lu mờ.

Thức trí lu mờ thì mê lầm vọng động, không còn biết đầu đuôi thiệt giả, xưa nay, trên dưới chi hết… Chỉ sống bằng cách nhắm mắt đưa chơn, đánh liều, mặc cho cái ý dục lôi kéo trối kệ theo trước mặt, do đó mà nhục vinh lợi hại, khổ vui làm gió, xô đẩy ngửa nghiêng, đầu óc đảo lộn. Rồi thì sống chết, đến đi, còn mất, có không, mặc sức cho vô thường hãm hại, phạt mãi một chỗ, luân hồi mãi một nơi, ấy là chưa kể sự đi lui, trăm kiếp ngàn đời không trông gì tiến hóa!

XIII. PHÁP NUÔI NGŨ UẨN

Từ khi một quả địa cầu nổ xẹp tắt lửa, chỉ còn là một lớp dày lợn cợn, lâu về sau chất nặng lóng xuống là đất, trên là nước, trên nữa là hơi. Đất nặng dẽ, đặc dày; lâu ngày hầm nóng phát lửa, lửa cháy thổi mạnh lên, nước đất cuốn tròn lại làm bọt, gọi quả thủy tinh. Sau có đất nổi lên, kêu là địa cầu.

Võ trụ có vô số địa cầu không thể đếm, vì cái nổi, cái tan, dồn qua tẻ lại. Võ trụ là vô minh hay cái không, không biết; là cảnh giới bao la, tối đen và im lặng. Bởi có địa cầu mới có nhựt nguyệt, bằng không thì âm thầm không không.

Đất nước lửa gió ở trong cái không, thành ra chơn lý tương đối, thế nên lẽ có, lẽ không, luận mãi không rồi, nhơn duyên sanh hóa là sau này; còn đầu tiên ta chỉ nói là tự nhiên, trong tự nhiên sẵn chứa CÁI KHÔNG, CÁI CÓ vậy thôi.

Ngũ uẩn có từ nơi quả địa cầu tứ đại, chỉ rõ trước mặt sự thật. Còn trước tứ đại, quá xa vời, dầu có nói luận, e thêm khó hiểu.

Ta chỉ biết rằng: Sự sống trong võ trụ, quả địa cầu là ngũ uẩn, thì thân ta đây, một thể sống trong võ trụ, cũng có đủ ngũ uẩn không sai. Ta có sắc thân, thọ cảm, tư tưởng, hành vi, thức trí. Vậy ta hãy xét đến điều ác, điều thiện của ngũ uẩn:

Sắc thân ác sanh sát sanh.
Thọ cảm ác sanh trộm cắp.
Tư tưởng ác sanh tà dâm.
Hành vi ác sanh vọng ngữ.
Thức trí ác sanh uống rượu.

Đó là năm điều hại phải răn ngừa, vì ác ví như con sâu, sanh nơi cây và trở lại ăn hại chết cây. Nó sanh tại nhánh nào thì nhánh đó phải chết trước, và lần hồi sẽ chết hết cây.

Sát sanh thì sắc thân phải chết.
Trộm cắp thì thọ cảm phải chết.
Tà dâm thì tư tưởng phải chết.

Vọng ngữ thì hành vi phải chết.

Uống rượu thì thức trí phải chết.

Vậy những ai muốn nuôi cái sống thì phải nuôi ngũ uẩn để sanh giác chơn, như trồng cây lấy trái vậy.

Sắc thân thiện sanh nhơn ái.

Thọ cảm thiện sanh nghĩa ân.

Tư tưởng thiện sanh lễ phép.

Hành vi thiện sanh tín thiệt.

Thức trí thiện sanh trí huệ.

Trí huệ mới kết quả chơn, thiện là sống, ác là chết.

Nhơn ái nuôi sắc thân.

Nghĩa ân nuôi thọ cảm.

Lễ phép nuôi tư tưởng.

Tín thiệt nuôi hành vi.

Trí huệ nuôi thức trí.

Có thức trí mới được giác chơn. Giác ngộ rồi mới biết chơn như. Muốn chơn như phải thường giác ngộ. Ấy là pháp tu vắn tắt, nếu ai hành như thế cũng thấy rõ sự giải thoát, vì hết tham sân si là hết khổ. Không khổ tức là đạo.

XIV. NGŨ UẨN CỦA THỜI CUỘC

Cõi đời ngày nay có bởi do ngũ uẩn. Như một người kia, từ nơi xứ sở yên vui tĩnh mịch của mình, đi qua một xứ văn minh khác, thấy mọi vật máy móc tối tân tinh xảo, sáng chế lạ lùng, như nhà cất cao ngất ngưởng chọc trời, xe không đẩy mà chạy, thuyền không chèo mà vượt biển khơi. Người có thể bay trên hư không hay lặn dưới đáy nước, bằng máy bay, tàu lặn v.v… mỗi mỗi vật SẮC đều lạ lùng kỳ diệu, khiến người sanh THỌ cảm thích ưa. Khi về xứ hằng lo nhớ TƯỞNG tượng, mới khởi sự thi HÀNH tạo sắm. Càng kinh nghiệm, khéo léo, mở mang THỨC trí càng phân biệt. Bởi có thức trí phân biệt mới cố chấp say mê, sanh tình vọng ý chí, cho đến đỗi lãng quên đường

đạo đức; lạm dụng cơ khí, để làm cho thỏa lòng tham vọng bất công, gây ra sự oán cừu sân giận, hai khối chạm nhau, chiến tranh bùng nổ, cảnh khổ diễn khắp nơi. Sau chiến tranh khổ, con người mới giác ngộ, bỏ cái trí, là chơn như không mê vọng nữa, cũng gọi là nín nghỉ hết mê lầm. Tức là chừng nào con người được học, được kinh nghiệm, mới nhận ra cái vô ích, vô lý của mình, mới thấy điều thiện là cần và trau dồi cái giác chơn là quí báu nhứt, chừng đó sự tu tự nhiên đến.

XV. CHƠN LÝ CỦA NGŨ UẨN

Về thuyết ngũ uẩn rất cần cho sự hiểu biết của chúng ta, vì sau khi hiểu biết, ta mới có sự tu tập đúng theo chơn lý, lối tu rất tự nhiên, có thể cải thiện cho đời sống của chúng ta nếu chúng ta nhận ra đời sống còn có ít nhiều khuyết điểm. Ta có tìm hiểu tất sẽ thấy ngũ uẩn có nhiều pháp khác nhau, hầu như tương phản, như thuyết ngũ uẩn của võ trụ vạn vật, kể từ quả địa cầu mới nổi, đất nước cỏ cây thú vật sinh ra, và tiến hóa cho đến lớp người, Trời, Phật… Thuyết ngũ uẩn của một đời người, từ lúc ở trong thai bào đến khi sanh ra, tuần tự theo lớp tuổi của sắc thân tiến hóa… Thuyết ngũ uẩn của con người, từ khởi điểm của vọng thức cho đến lúc có sắc thân, hay từ lúc có thân hình lần lần đến thức trí... Thuyết ngũ uẩn bởi vọng pháp, chấp nhận sắc thọ tưởng hành thức bằng lối mê tríu mà khổ... Thuyết ngũ uẩn chia hai pháp: có và không, thiện và ác, giác và mê, lớn và nhỏ, thân và tâm, chủ và khách... Thuyết lý vốn không cùng, cho nên ngũ uẩn phải bị phân tách ra từng loại pháp môn, nhưng tóm lại cũng không ngoài chơn lý làm cho con người mau giác ngộ. Để khi giác ngộ rồi, con người tìm ra lẽ sống an vui, không còn khổ não với sự vọng lầm, chấp lấy cõi đời là thật, cái thân ta là thật.

Chính nghĩa hai chữ chơn lý, chơn là không vọng tự nhiên, lý là lẽ, lẽ thật tự nhiên. Chơn như tự nhiên là gốc vốn nguyên xưa. Nếu ta đang rối khổ, mà hiểu được lẽ tự nhiên chơn như, là sẽ hết khổ.

Có thiện có chánh cũng đến tự nhiên chơn như, không ác không tà cũng đến tự nhiên chơn như. Kẻ tối trong Niết-bàn cũng yên vui, người sáng trong luân hồi cũng yên vui. Thế là sao cũng được cũng xong, chỉ cần nên biết cái tự nhiên chơn như là đủ.

Tóm lại, chúng sanh sanh ra là bởi ấm, do nhơn duyên chuyền nảy, cái này cái kia sanh cái nọ. Cái có sanh cái có mà thôi, có hiệp có tan. Tứ đại càng lăn thì vạn vật càng hóa, lâu lắm mới được thân người, khó lắm mới có thân người. Ai mà sống đúng chơn lý thì sẽ trọn vui trọn sống, đến Niết-bàn một kiếp một, chẳng sai ngoa.

Vậy chúng ta mau nên phải đến với giác chơn hết.

CHƠN LÝ 3

LỤC CĂN

I. NGUYÊN NHƠN SANH KHỞI LỤC CĂN

Lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Quả địa cầu là một làn hơi đặc, nổi tròn, hết nổi đến xẹp. Quả địa cầu là đất, nước, lửa, gió; khi mới nổi không có cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật. Trước hết cái ấm của tứ đại sanh ra cỏ, cây, thú. Ấm là sự dung hòa giữa nóng và lạnh. Đất ấm sanh ra nhựa chỉ, mồ hôi, lâu biến thành rễ cây, cỏ, thú. Nước ấm sanh bèo, rong, đặc lền, lâu cũng biến sanh thú, cỏ, cây. Đó tức là trần sanh căn vậy. Có căn rồi, căn sanh thân, thân sanh quả, quả sanh nhơn, nhơn gieo trong trần mà sanh căn thân quả khác. Căn là rễ, trần là bụi, quả là trái, nhơn là hột giống (bộ phận của cây).

Trần là chất sống, của cải (đất, nước, lửa, gió).

Căn là hình thể của sự sống.

Cái sống hay cái biết kêu là thức, thức ở giữa trần và căn, nên gọi là trần sanh thức, thức sanh căn.

Trần hay tứ đại (đất, nước, lửa, gió) kêu là vô minh hay địa ngục. Vô minh sanh ra hành, hành mới sanh ra thức. Hành là cái ấm của tứ đại, tức là sự lăn xoay dời đổi, rung động, nóng lạnh, sáng tối, tương đối, lâu ngày sanh ra thức, biết sự sống lần lần.

Cái thức, biết, sống của cây cỏ kêu là thọ cảm. Cái thức, biết, sống của thú kêu là tư tưởng. Cũng như một đứa trẻ mới sanh, do hột giống người mới tạo, bỏ nó ở một chỗ vô động kín đáo thì cái thức biết sống của nó không có nảy nở, và sẽ lần hồi chết mất luôn trở lại. Hay như một người ngủ, nếu không có mọi sự cử động bên ngoài thì không có cái thức, biết, sống. Cái thức, biết, sống của ta do nơi sự động, cái có, thay đổi vô thường là hành, hay là ấm của trần; có thức rồi thức mới sanh căn. Căn là hình thể tưởng tượng, món đồ sanh ra bởi thức. Cho nên gọi thức là chủ, căn là đồ vật của chủ. Chỗ ở ăn mặc dùng chứa nuôi căn là trần. Căn sanh nơi trần, trở lại ăn trần, con sống nơi mẹ, còn cái thức là hột giống của ông cha.

Tại sao mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của người gọi là căn rễ, giống như rễ cây?

Bởi trần là của cải chất nuôi sống nơi cây, căn rễ là cửa thâu rút ăn trần nước đất, để nuôi cây tượng trái sanh hột. Cũng giống như người ta, mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu cửa, rút thâu vạn vật các pháp để nuôi tâm sanh trí, tạo thành tánh vậy. Sáu cửa ví như rễ cây, tâm như thân cây, trí như bông cây, tánh như trái cây (trí như hoa, tánh như quả), tứ đại vật chất gồm đất nước lửa gió là chất sống tạo ra thức căn, và thức căn trở lại ăn chất sống tứ đại.

Trong võ trụ không gian và thời gian chỉ có ba pháp là trần, thức, căn. TRẦN là tứ đại, của cải, các pháp, chất nuôi sống; THỨC là sự sống biết, là chúng sanh; CĂN là thể tướng hình dạng của mỗi chúng sanh. Cho nên nói rằng: Trong võ trụ có một cái cây, trần vật chất là đất nước lửa gió phía dưới, căn là rễ ăn trong trần để nuôi thức, thức là thân cây, tưởng là nhánh cây, pháp là lá cây, trí như hoa, giác như vỏ trái, tánh như hột, chơn lý như thịt cơm. Cây ấy tức là đạo của chúng sanh vậy. Đạo ấy vốn từ nơi trần mà ra, quả ấy là quả giác, kêu là Phật.

II. GIỚI HẠN CỦA TRẦN, THỨC, CĂN

Các căn của cỏ, cây, thú, người không giống nhau là bởi thức xúc đối với nhơn duyên hoàn cảnh của trần mỗi lúc mỗi khác, mà sanh sự tưởng tượng cái sắc thân huyễn ngã theo duyên cảnh. Sự tưởng tượng ấy là tư tưởng, tư tưởng là thức mạnh của thọ cảm. Thọ cảm là thức non nớt của trần. Tư tưởng

là thức mạnh mẽ của trần. Có tư tưởng mới có hành vi, hành vi là thức cử động của trần. Cây có thọ cảm, thú có tư tưởng, người có hành vi.

Sự tấn hóa của chúng sanh già biết hơn trẻ, ngày mai hơn bữa nay, chiều hơn sáng. Chúng sanh từ trong tối ra ngoài sáng, từ ác đến thiện, từ địa ngục đến thiên đường. Ấm tứ đại sanh cỏ, cỏ lâu ngày có thọ cảm thành cây, cây già có tư tưởng sanh thú, thú lớn khôn có hành vi thành người, người lớn hiểu trắng có thức trí làm Trời, Trời già biết sáng có giác chơn là Phật. Kẻ này tấn hóa, kẻ kia bắt chước noi theo, kẻ nọ bị hiếp đáp ráng vượt lên. Càng khổ càng đua chen, càng sanh sản, chế biến tượng hình không nhứt định.

Trong cõi trần tứ đại này, cỏ là căn (rễ), cây là thân (mình), thú là quả (trái), người là nhơn (hột), Trời là đại nhơn (hột lớn), Phật là lão nhơn (hột già).

Sự sống của tất cả kêu là thức, có tám thức:

Nước có cái thức, kêu là thấy.
Đất có cái thức, kêu là nghe.
Cỏ có cái thức, kêu là hửi.
Cây có cái thức, kêu là nếm.
Thú có cái thức, kêu là rờ.
Người có cái thức, kêu là tưởng.
Trời có cái thức, kêu là hiểu.
Phật có cái thức, kêu là biết.

Tứ đại là trần, tất cả có sáu trần:

Nước có sắc trần, kêu là hình dạng.
Đất có thinh trần, kêu là tiếng tăm.
Cỏ có hương trần, kêu là mùi.
Cây có vị trần, kêu là vị.
Thú có xúc trần, kêu là sự đụng chạm.
Người có pháp trần, kêu là sự biến tác.

Riêng Trời và Phật không dùng trần tứ đại.

Trời có huệ trần, kêu là sự dứt bỏ phiền não.
Phật có chơn trần, kêu là như như chẳng động.

Trần sanh thức, thức sanh căn, tất cả có tám căn:

Nước có nhãn căn, kêu là con mắt.
Đất có nhĩ căn, kêu là lỗ tai.
Cỏ có tỷ căn, kêu là lỗ mũi.
Cây có thiệt căn, kêu là cái lưỡi.
Thú có thân căn, kêu là mình.
Người có ý căn, kêu là sự muốn.
Trời có trí căn, kêu là phân biệt.
Phật có tánh căn, kêu là tự nhiên.

Gồm tất cả là tám trần, tám thức, tám căn, cộng lại hai mươi bốn giới, từ địa ngục đến Niết-bàn. Trần nào sanh thức nấy, thức nào sanh căn nấy, căn nào sanh trần nấy. Căn ví như nhà, trần ví như của cải, thức là chủ nhơn ông. Người thanh cảnh cũng thanh, người trược cảnh cũng trược.

Từ thú sắp xuống có 5 căn, 5 trần, 5 thức thuộc về loại có hữu vi, hình thể.

Từ người sắp lên Trời Phật có 3 căn, 3 trần, 3 thức thuộc về loại không không, vô vi, không tướng.

Thế cho nên từ thú sắp xuống là ác, từ người sắp lên là thiện. Người thì còn có thân sắc ít lâu cho nên còn có ác chút đỉnh, chớ khi đến Trời rồi, chỉ còn hình bóng không không mới trọn thiện.

Trong một căn có ngầm chứa ảnh hưởng bảy căn khác.
Trong một trần có ngầm chứa ảnh hưởng bảy trần khác.
Trong một thức có ngầm chứa ảnh hưởng bảy thức khác.

Cũng như tám nấc thang, tám khoảng đường ai cũng có thể đi tới lui tự mình.

Trong tám trần chia ra làm bốn loại:

1. Nước đất một loại
2. Cỏ cây một loại
3. Thú người một loại
4. Trời Phật một loại.

Nước, đất, cỏ, cây, thú có ác trần

Người, Trời, Phật có thiện trần.

Người sau khi chết còn trở lại xác thân tứ đại, cho nên gọi tứ đại có sáu trần. Trời cũng còn trở lại, nên gọi chúng sanh. Chỉ trừ ra Phật là đứng vững.

Người là lòng nhơn chớ không phải xác thân. Xác thân tứ đại giống thú vậy, cho nên căn của người, Trời, Phật là ý, trí, tánh không có hình dạng. Trần của người, Trời, Phật là pháp, huệ, chơn, không có hình dạng. Thức của người, Trời, Phật là tưởng, hiểu, biết, cũng là không không.

Trong tám căn cũng chia ra làm bốn loại:

1. Nước đất một loại
2. Cỏ cây một loại
3. Thú người một loại
4. Trời Phật một loại.

Nước, đất, cỏ, cây, thú có ác căn

Người, Trời, Phật có thiện căn.

Người sau khi chết còn trở lại xác thân tứ đại, cho nên gọi tứ đại có sáu căn. Như vậy là trong địa cầu này, kể từ người sắp xuống là có: sáu căn, sáu trần, sáu thức, tất cả là 18 giới đứng chung; còn hai căn, hai trần, hai thức của Trời Phật là sáu giới đứng riêng phía trên. Trời và Phật mặc dầu lúc còn đang mang xác thân tứ đại, hình tướng, thú người, mà tâm thức căn trần riêng cảnh giới, bởi không cố chấp, ô nhiễm, chỉ sống cho chúng sanh chớ không có sống cho mình, nên không gọi là kẻ ở trong trần được.

Vả lại, bậc Phật mới có cái ta chắc chắn, mà cái ta ấy gồm tất cả của hai mươi bốn giới, thành ra cái chơn như tự nhiên, không có hình tướng, không có tự cao, không trong trần cảnh. Còn chúng sanh cố chấp mê lầm ngã mạn xưng ta, cái ta tham sân si trong trần, tự cho căn là ta, hay thức là ta, là hiểu lầm theo duyên cảnh, chớ nếu phân tách ra kỹ lưỡng, những thức, căn, trần thì không có cái ta, chủ, chỗ nào hết, chỉ là các pháp không có bổn ngã, cái ta. Cũng như này là đất nước, này là rễ và thân cây, này là lá, nhánh, trái, hỏi vậy chớ chủ của cây là cái gì? Tức là không có chủ, vì là cái nào rồi cũng hoại hết.

Sau rốt, người ta chỉ một trái chín, khô, có hột, mộng cứng để đời. À thì đó mới là cái ta vậy. Thế thì tất cả đều gom về cái hột, hột ấy mới là ta. Chư Phật mới có ta, chúng sanh chưa có ta, hay chỉ có cái ta giả dối, tội lỗi, non nớt.

III. THUẬN THEO CĂN LÀ TIẾN HÓA

Loài người là một loại chung với thú, nhưng người thiện được hai phần, ác chỉ có một, còn thú ác đến hai phần, thiện chỉ có một. Người là nhơn: nhơn đức, nhơn từ, nhơn ái. Người lấy đức từ ái làm đầu. Nhơn cũng nghĩa là không sát hại. Bởi loài thú hằng giết hại nhau, nên người xưa kêu loại này không phải là loại nhơn.

Người chỉ là tiếng nói, tên gọi, chớ không có chi là người. Căn của người là ý, thức của người là tưởng, trần của người là pháp; thảy không hình thể.

Nhơn người cũng nghĩa là hột giống. Người là bậc có được hột giống ta, nhưng còn non nớt, tham lam, thiếu thốn dục vọng, chưa được như Trời là đại nhơn, Phật là lão nhơn. Người là tiểu nhơn, trên loài thú, dưới bậc Trời; người ở mực giữa. Người có lời nói như thịt cơm của hột, việc làm như vỏ của hột, ý tưởng như ngòi mộng của hột. Ý của người là tham, sân, si. Người hằng lấy sự tưởng tượng làm mình, chưa biết nghĩ suy, còn mến thích say sưa các pháp, pháp hữu vi, vật chất, việc làm cùng lời nói, cãi cọ. Bởi sự sanh sản tiến hóa, từ trong trần mới ra, nên chỉ biết có trần thôi. Những kẻ mới tấn hóa còn tánh thú, rất hung dữ. Loài người, sự học thì học để kiếm ăn, cho sung sướng dễ dàng khôn khéo bóc lột. Loài người là loại làm biếng nhứt, ham tìm sung sướng về thức ăn, sự mặc, chỗ ở, chen chúc trong trần để tìm cái ngủ ngon mà thôi.

Loài người sợ khổ lắm, cho nên ý căn rất mạnh, như con ngựa lôi kéo cái thức đi nhập thai trong trần, để sanh căn ra nữa, đặng hưởng trần, mỗi lần sau khi chết, căn cũ hoại.

Càng sợ khổ, càng tìm vui, chen chúc trong trần càng sâu tức là càng ngộp đắm. Quá tham lam mà khổ, lại tức giận hung ác và mê muội tối tăm. Bởi còn xác thân trần, chỉ biết trần, loài người ít ai chịu học hỏi tìm hiểu chơn lý, lẽ thật, nguyên nhơn của mình, vì vậy mà rất ác, giết người giết thú chẳng xót thương, lắm kẻ đến đỗi không biết thương và nhớ công ơn cha mẹ.

Loài người trước kia là loài ăn lá trái, bởi cổ nhơn nguồn gốc vượn khỉ, nhưng vì sự ham ngon vui mà tập ăn dùng huyết nhục quen lần. Người là loài ham sống nhứt, nhưng bởi ham vui sướng mà phải chết mau v.v… Lắm kẻ đến già chết, khi bịnh sắp tắt hơi mới tỉnh ngộ, nhưng đã trễ rồi; bởi con người phần nhiều lớn già mới có trí, biết sợ khổ mà chán trần.

Loài người như kẻ bị chôn ngộp chết chìm trong nước đất. Thân căn như nhà, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ý căn như kho vựa. Ngoài sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần tuôn vào mãi mãi là của cải. Tưởng thức là chủ cùng bọn gia nhân: thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, chạm, làm việc chẳng hay ngừng, lắm khi trần nhiều, vô minh mà bị chôn lấp sâu, chết ngộp là quá khổ.

Loài thú khổ thân, loài người khổ ý. Người sướng thân mà ý mệt nhọc hơn. Người sống dai hơn thú là bởi cũng có chút lòng nhơn với nhau. Người lấy ý làm chủ nên bị mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bao vây; sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp nhận lấp; thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng hành phạt. Người như một kẻ tội nhơn sanh trong khám, khổ trong tù. Mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, thân sanh ra ý. Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp tập thành ý. Thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng nuôi tạo ý; để rồi nhốt phạt hành hà. Nhưng dầu sao loài người thứ sáu cũng khá hơn loài thú cỏ cây, khổ chết là chịu, chớ không tìm phương trốn tránh. Người muốn thoát khổ hãy đến cõi Trời và Phật. Chúng sanh là từ trong cái khổ sanh ra, và đi đến cái tột vui kêu là đạo. Lúc đầu mới sanh ra thì vui, lâu sau biết khổ mà vượt lên và lên mãi. Chúng sanh tiến lên theo trình độ của cái thức, hễ đi tới là vui xuôi thuận, đi lui là khổ ngược nghịch.

Vậy nên:

Qua khỏi hai căn, hai trần, hai thức là cỏ.
Qua khỏi ba căn, ba trần, ba thức là cây.
Qua khỏi bốn căn, bốn trần, bốn thức là thú.
Qua khỏi năm căn, năm trần, năm thức là người.
Qua khỏi sáu căn, sáu trần, sáu thức là Trời.
Qua khỏi bảy căn, bảy trần, bảy thức là Phật.

LOẠI	TRẦN	THỨC	CĂN
Nước	Sắc	Thấy	Nhãn
Đất	Thinh	Nghe	Nhĩ
Cỏ	Hương	Hửi	Tỷ
Cây	Vị	Nếm	Thiệt
Thú	Xúc	Rờ	Thân
Người	Pháp	Tưởng	Ý
Trời	Huệ	Hiểu	Trí
Phật	Chơn	Biết	Tánh

Cũng như người đem mình đến cảnh giới Trời Phật là rất vui, hay, phải; bằng người mà đem mình xuống như loài thú, cỏ, cây tức là khổ, trật, sái, không thể nào yên. Trẻ nhỏ tập theo người già có thể được, người già trở lại như trẻ nhỏ rất khó coi. Thế mới biết yên, vui, thiện, lành là đi tới.

Sự tiến hóa của chúng sanh bắt đầu cũng như người ngủ, hay như đứa trẻ trong thai bào:

1. Từ có nước trước mới đến đất, cỏ, cây, thú, người, trời, Phật.

2. Từ có sắc trước mới đến thinh, hương, vị, xúc, pháp, huệ, chơn.

3. Từ có thấy trước mới đến nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng, hiểu, biết.

4. Từ có mắt trước mới đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý, trí, tánh.

Cảnh giới nào cũng có nhà (căn), của cải (trần), quyến thuộc (thức) nương theo. Loại nào cũng vậy: thức như đầu, căn như mình, trần như chưn, gồm đủ ba phần gọi là một thể. Mỗi một thể có hai mươi bốn giới, mỗi một giới này có hai mươi ba giới kia. Những bực thấp thì có giới đã sanh, giới đang sanh và giới chưa sanh. Những bực trên thì giới đã sanh, giới đang sanh. Cho nên gọi: Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật, đồng một thể, chỉ khác nhau nơi trình độ là đã già hay chưa già, sớm trễ đôi ngày. Nhưng nếu chúng sanh biết kỉnh Phật, bậc tiền bối thì chúng sanh tấn hóa mau, biết mục đích sớm là không khổ. Bằng không ưa tức là vô đạo, không đường, đi lui, khốn họa.

IV. LỤC CĂN THANH TỊNH

Lục căn thanh tịnh tức là sáu căn trong sạch, vì loài người có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; thiện là trắng, ác là đen, không không là trong sạch, có có là dơ bẩn, lục trần là chất bụi, dính vào khó rửa phủi cho ra. Đóng bụi dơ thì ngộp khổ, nhiễm vật chất mới chết, mới ác hung. Lục trần như nấm mả, lục căn trong trần như thây ma, lục thức như dòi tửa. Loài thú thấp hèn cho loài người là sung sướng với sắc tốt, tiếng thanh, mùi thơm, vị ngọt, vật êm, đồ khéo. Trái lại, loài người đã quá khổ chán rồi mới thấy trần là dơ dính khó chùi, vì nó mà tham sân si độc ác; ở trong nó con người với thú in nhau. Người ta muốn lên cao, Trời, Phật bởi đã kinh nghiệm, được học, nên xa lánh cõi người, dứt bỏ lục căn, quét sạch lục trần, tránh xa lục thức, làm Trời, Phật, vui sướng, nhẹ nhàng chắc thật. Lấy tinh thần làm vật chất, lấy đạo lý làm sự đời, mới là trong sạch.

Cũng như học trò lên lớp, sống mực thường bền dài, yên vui hơn cái tham lam thái quá rồi bất cập, đã không rồi mà khổ mãi.

Tiếng nói sát lục căn, trảm lục trần, diệt lục thức không phải là giết bỏ nó, mà hãy sống bằng hiểu biết, lấy trí tánh làm căn, huệ chơn làm trần, đem mình làm Trời Phật, bỏ qua, quên mất, coi như không, đừng cố chấp tham vọng cảnh giới của người, thú, cây, cỏ, đất, nước nữa mới hết khổ, mới yên vui và tấn hóa được. Có không tiếc, không ham tưởng thật mới là giác ngộ, giải thoát, trong sạch, tiến hóa.

Nơi loài người có mười tám giới:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thiếu xấu là ác căn.
Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp nhiều tốt là ác trần.
Thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng có có là ác thức.
} Tức là mười tám cõi địa ngục.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lành tốt là thiện căn.
Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp ít xấu là thiện trần.
Thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng không không là thiện thức.
} Tức là mười tám cõi thiên đường.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý vọng động là ma căn.
Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp cấu loạn là ma trần.
Thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng mê nhiễm là ma thức.
} Tức là mười tám cõi ma.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý chơn như là Phật căn.
Sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp tịnh định là Phật trần.
Thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng không mê nhiễm là Phật thức.

} Tức là mười tám cõi Phật

V. LOÀI NGƯỜI QUÊN CĂN BỔN

Ta có nên bênh vực, tôn sùng, quí trọng loài người chăng? Không! Ta cũng không nên bảo thủ loài người nữa. Vì loài người cũng là một loài thú đi hai chơn mà lắm kẻ lại quá tàn ác hơn thú. Thú chỉ có răng có móng, một con giết một con, và không biết phá hoại vạn vật. Trái lại, nơi loài người cũng là vi trùng của thế giới, cũng là giòi tửa của trái địa cầu, con sâu của cây võ trụ mà có kẻ quá ác, quá gian; càng hay giỏi quỉ ma, càng moi móc xô đẩy, phá hoại làm cho mau hư cây trái, để liều mình, giết cả muôn triệu một lần, làm nổ xẹp địa cầu một cái, mê hoặc cả nhơn sanh, phá hại người, Trời, Phật. Người như thế tức hơn ma vương, tự chiêu kỳ họa, thương cũng không cứu họ được.

Sự thật nếu người làm thú, ăn thịt lẫn nhau thì lại dữ hơn thú, mệt nhọc, vô ích tai hại biết dường nào? Còn những hạng người tấn hóa hiền lương có đạo, thì chết sống đâu cần, êm ái, nhẹ nhàng, ích lợi, tốt đẹp, giúp cho chúng sanh tấn hóa, nuôi dưỡng tứ đại, giữ gìn vạn vật quý báu vô cùng, họ đã tự biết đường đi, nào phải đợi ai lo cho mà gìn giữ bênh vực.

Chúng sanh là học trò từ cái không biết đến biết, mục đích là phải lên lớp, để mau thi đậu, đến chốn nghỉ ngơi. Ai đi trước đến trước, ai đi sau đến sau, kẻ sau coi theo người trước. Thân người dầu mất, mặt đất bỏ hoang, như nghỉ bãi trường, lâu về sau cũng có học trò, tốp khác tụ lại, loài người khác sanh ra.

Loài người không phải sanh ra đặng lo đúc giống, hoặc lo ăn mặc ở, cấu xé đua tranh, danh lợi, tình yêu vô ích, quanh quẩn cuống cuồng, chen chúc trong hầm trần chỉ sanh rồi diệt.

Kìa ai học giỏi rất yên, kẻ thi đậu thì vui; trái lại, lục trần là địa ngục, sẽ chôn lấp nhận đè, kẻ đang bị lục dục lôi cuốn, bắt đem nạp để hành hình, lục thức đau khổ sẽ chết đi, khó mà sống lại, rất đáng tiếc! Khổ quá điên, điên thì

tiêu diệt, khác chi là kẻ ở tù, càng hay giỏi lại càng thêm nặng nề trói buộc, đau khổ mà chẳng đến đâu.

Đã đành là có trước mới có sau, có thấp mới có cao, nhưng lên cao rồi ngó lại mới thấy là dơ dáy ghê sợ. Kẻ thoát được lên rồi còn nghĩ lại thương giùm cho những ai ai mảng tham sân si tội lỗi.

VI. CĂN BỔN ĐẦU TIÊN

Quả địa cầu trước kia là cái bọt nước. Mặt NƯỚC có màng màng là tấm kiếng thấy, gọi là sắc trần. Cái thấy hình dạng kêu là sắc căn. Sự sống của nước kêu là sắc thức. Về sau chúng sanh có cái thức, xúc đối với sắc trần sanh thọ cảm, tư tưởng, tượng nhãn căn cho xác thân huyễn ngã, để sống cho tiện lợi khỏi khổ. "Nước có đủ màu".

ĐẤT cù lao nổi lên, đất là thể chất đụng chạm kêu khua, gọi là thinh trần. Đất có lỗ trống, rút nghe thâu các thứ tiếng, kêu là thinh căn. Sự sống của đất kêu là thinh thức. Về sau chúng sanh có cái thức, xúc đối với thinh trần sanh thọ cảm, tư tưởng, tượng nhĩ căn cho xác thân huyễn ngã, để sống cho tiện lợi khỏi khổ. "Đất có đủ giọng".

CỎ do nước, đất, lửa, gió không thường nên sanh ra lắm mùi, gọi là hương trần. Cỏ có lỗ hơi hít thâu các thứ mùi kêu là hương căn. Sự sống của cỏ kêu là hương thức. Về sau chúng sanh có cái thức, xúc đối với hương trần sanh thọ cảm, tư tưởng, tượng tỷ căn cho xác thân huyễn ngã, để sống cho tiện lợi khỏi khổ. "Cỏ có đủ mùi".

CÂY do mùa tiết tứ đại thay đổi, nên sanh ra lắm vị khác nhau, gọi là vị trần. Cây có lỗ rút nếm các thứ vị, kêu là vị căn. Sự sống của cây kêu là vị thức. Về sau chúng sanh có cái thức, xúc đối với vị trần sanh thọ cảm, tư tưởng, tượng thiệt căn cho xác thân huyễn ngã, để sống cho tiện lợi khỏi khổ. "Cây có đủ vị". Và cây là loại đã có thọ cảm già, nên cây có thể nhập thai trong người, thú, hoặc thành ma tác quái được. Thọ cảm là thức ưa chịu, cũng kêu là thọ thức.

THÚ do ấm tứ đại và cây cỏ sanh ra đủ cách khác nhau, tác dụng nó gọi là xúc trần, thân hình có đủ tay chưn, đi đứng, nắm rờ đồ vật, kêu là xúc căn. Sự sống của thú kêu là xúc thức. Về sau chúng sanh có cái thức, xúc đối với xúc

trần sanh thọ cảm, tư tưởng, tượng thân căn cho xác thân huyễn ngã, để sống cho tiện lợi khỏi khổ. "Thú có đủ thân thể". Và thú là loại đã có tư tưởng già, nên thú có thể nhập thai thú, người, hoặc làm ma quái hay sanh vào cõi Trời. Tư tưởng là thức tưởng tượng, cũng kêu là tưởng thức.

NGƯỜI là một loại thú tiến hóa ra. Bởi có tay chưn, rờ xúc, làm việc lâu ngày mới sanh ra các pháp, các việc hay khéo, chế biến mở mang, theo sự vô thường tương đối, sanh ra pháp trần. Người hay lo nhớ, tưởng về các sự việc, kêu là pháp căn. Sự sống của người, kêu là pháp thức. Về sau chúng sanh có cái thức, xúc đối với pháp trần sanh thọ cảm, tư tưởng, tượng ý căn cho xác thân huyễn ngã, để sống cho tiện lợi khỏi khổ. "Người có đủ phương pháp". Và người là loại đã có hành vi già, nên có thể nhập thai người, thú, hoặc làm ma quái, làm Trời. Người có thể thành Phật, đi tắt, nhảy lớp. Hành vi là thức cử động, cũng kêu là hành thức. Ý căn là sự muốn và cố chấp rất mạnh của thức. Sau khi chết bỏ xác, ý căn còn là một cái bóng dạng thân người chưa tan bởi thức, có kẻ gọi là bóng vía hay thần hồn. Nếu là bậc có tu luyện rèn tập, tư tưởng được định, ý thêm cứng vững và lộ rõ rệt, có thể xuất nhập ra vào và biến hóa như Trời Phật, mà cũng như ma quỉ nữa. Trời Phật và ma quỉ khác nhau ở chỗ thiện hay ác, thiệt hay giả, chánh hay tà. Cái hình bóng ấy của ma quỉ hay kẻ ác thì đen và có khi tan mau, của Trời thì trắng bởi thiện và lâu tan hoại. Trái lại, bóng thức của Phật thì trong suốt và chói rực sắc vàng, gọi là kim thân đời đời kiếp kiếp không tiêu hoại bởi thanh tịnh, trí huệ, bác ái và không không các sở chấp. Thân ấy mới thiệt chơn thân, thân của ta, thân là ta, hay Phật thân, thân của giác. Thân ấy tức là thức, cũng kêu là thân thức hay thân sống, thân của cái sống. Thân thức sống ấy phát sanh từ nơi ấm của tứ đại.

Trước nhứt, cỏ là con của tứ đại hiệp thành. Cỏ mọc lên là bởi phía dưới đất đặc, ăn xuống không được nên đâm vượt lên khoảng trống không, và bởi có rễ nuôi sống thêm, rút chất nhựa phía dưới, nên lá ngọn càng vượt lên mãi, cái ấm nhựa không phải tròn hay dài nhứt định, hình của nó tùy theo kẹt đất đá. Bởi càng nở lớn tùy theo kẽ đất mà mọc tay chưn, cũng gọi miệng ăn đất. Phía trên khi vượt khỏi đất rồi, thì gặp sương tuyết nắng mưa nên nó cũng nhóng lên và đâm tủa ra để hứng ăn. Cả khắp mình cây đều có lỗ trống

là miệng; khi thiếu ăn uống, nó biết bò ngả theo phía có nước đất để kiếm ăn. Cỏ là một vật sống tùy duyên cảnh mà ra hình thể. Theo loài người thì gọi nhánh lá là trên, chớ loại côn trùng trong đất ắt xem rễ cỏ là tàng nhánh ở trên vậy.

Thân thú, thân người ở nơi khoảng trống là theo thể thức của cỏ cây từ trên mặt đất, đó là nguồn gốc của sự sanh thân. Cây cỏ là loại trong đất nước sanh ra, nên đầu miệng ở dưới, đuôi miệng ở trên, trái hoa là chất tinh ba, hột giống của nó. Phần tiểu của cỏ cây tuôn ra trên là mủ và chất thúi dơ. Cái thức của thú vì duyên cảnh của khổ ép ngặt mà tượng sanh đầu đuôi ngang nhau. Và khi đến loài người thì đầu trở lên, chưn trở xuống. Hình thể của thân mỗi lúc tùy duyên biến sửa, do nơi thức và sự ép ngặt là khổ.

Cái thọ cảm của cây giống như một làn khói. Cái tư tưởng của thú là làn khói ấy kết đặc thành hình, theo thân thể cố chấp tưởng tượng của nó. Cái hành vi của người là một hình bóng rõ rệt của thức, khi đến tuổi Phật thì hình bóng ấy lại không tan; và màu sắc của thức thân ấy lại do nơi sự thiện ác các pháp. Thân thể có từ nơi cỏ, hình bóng có từ nơi thân, thảy do nhơn duyên tập lần sanh nảy.

Cho đến nam căn và nữ căn tương đối cũng vậy, không phải ai cho nam cho nữ để sanh sản cả. Nam nữ phát sanh tại loài cây. Cái ấm tứ đại sanh cỏ là thức, tượng hình theo duyên, bởi chịu nắng mưa thay đổi là pháp tương đối nơi ngoài, mà sanh cảm giác tương đối, khi ưa vầy, khi chịu khác, kêu là thọ cảm. Thọ cảm có hai: hết thương đến ghét, hết khổ đến vui, hết mừng đến giận, hết thích ưa đến nhàm chán, khi thì muốn, lúc lại chê; bởi thọ thức thay đổi theo chiều mưa nắng, pháp tương đối bên ngoài. Thọ cảm tức là tình dục phát sanh tại cỏ. Cỏ có thọ cảm thành cây, cây có tương đối âm dương, đực cái theo duyên cảnh. Cây có lần tư tưởng mà sanh thú, thú có đực cái theo hình thức cây. Và loài người có nam nữ là bởi hành thức theo thú. Trời cũng còn bóng thức của người, nên có tiên nữ, tiên nam. Chỉ trừ ra Phật là cái sống tự nhiên chơn thật tuyệt đối, không còn phân biệt bởi đã trọn sáng, trọn lành, cho nên hết khổ trọn vẹn. Tương đối là pháp vô thường khổ não, còn phân biệt là cái ta chưa nhứt định.

Vậy thì, cỏ sanh tình thọ làm cây đực cái. Cây tuy đực cái nhưng chẳng giao dâm. Đến thú tư tưởng mạnh khó dằn mà giao cấu. Chất tinh ba là giống của cây, thú, người sanh bông, trái, hột, trẻ con. Người còn nhục dục theo thú. Trời biết là sái quấy khổ hại nên đã bỏ rồi. Phật là chơn nhơn nên trong sạch không không tự nhiên sau khi giác ngộ. Đã giác ngộ tởn sợ, được kinh nghiệm, đã học rồi, chán nản rồi mau lo tiến hóa, diệt khổ an vui là chót hết.

CHƠN LÝ 4

THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN

I

NHƠN DUYÊN sanh ra cõi đời, có mười hai pháp, hằng chuyền níu nhau mãi, do đó chúng sanh mới có, mới khổ, và rồi sau khi có khổ là tấn hóa hay tiêu diệt.

Vô minh sanh ra hành,
Hành sanh ra thức,
Thức sanh ra danh sắc,
Danh sắc sanh ra lục nhập,
Lục nhập sanh ra xúc,
Xúc sanh ra thọ,
Thọ sanh ra ái,
Ái sanh ra thủ,
Thủ sanh ra hữu,
Hữu sanh ra sanh,
Sanh sanh ra tử,
Tử trở lại vô minh mà luân hồi quanh quẩn chịu khổ nhọc.

- Vô minh là không sáng hay là chưa có biết, cũng là cảnh võ trụ; từ khi chưa có tứ đại và chúng sanh, ta không thể biết được. Vô minh sanh ra hành. Hành là nước đất lửa gió chuyển xoay, thành quả địa cầu rung động và thay đổi.

- Hành sanh ra thức. Thức là cái biết, cái sống của chúng sanh.
- Thức sanh ra danh sắc. Danh sắc là tên gọi và sắc thân.
- Danh sắc sanh ra lục nhập. Lục nhập là sắc thinh hương vị xúc pháp nơi ngoài, thức trong xúc đối tượng sanh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
- Lục nhập sanh ra xúc. Xúc là sự xúc đối, xúc động, cảm xúc, xúc giác, xúc tiếp của giữa căn và trần.
- Xúc sanh ra thọ. Thọ là ưa chịu, là thức do căn mà nhiễm trần.
- Thọ sanh ra ái. Ái là thương yêu tríu mến lục trần, lục căn và chúng sanh các pháp.
- Ái sanh ra thủ. Thủ là cất lấy giữ gìn.
- Thủ sanh ra hữu. Hữu là có, cho là thiệt, có hoài hoài.
- Hữu sanh ra sanh. Sanh là sanh sản, nảy nở, chế biến tạo thêm.
- Sanh sanh ra tử. Tử là thay đổi chết mất, tàn, tiêu, không không diệt bỏ, tan hoại.

Sau đó chúng sanh trở lại nữa, quanh quẩn trong bao nhiêu công việc, loay hoay chịu khổ nhọc mà không công, đành sống trong chiêm bao hình bóng, ban đêm lo sợ, chẳng biết đi đâu, ở đâu ra sao. Cũng như cá cạn ở ao không đường lui tới, mặc cho may rủi, tôi mọi cho quỉ ma vậy.

II

Đó là mười hai nhơn duyên của tứ đại, còn đây là mười hai nhơn duyên của chúng sanh:

VÔ MINH là thuở chưa có thai, chưa biết được. Sanh ra HÀNH là sự giao hiệp. Sanh ra THỨC là cái biết, cái sống trong thai bào. Sanh ra DANH SẮC là tên gọi và sắc thân. Sanh ra LỤC NHẬP là sắc thinh hương vị xúc pháp, nhập vào sáu căn lúc mới sanh. Sanh ra XÚC là sự cảm xúc, xúc tiếp, xúc động, xúc giác, xúc đối. Sanh ra THỌ là ưa chịu, muốn ham. Sanh ra ÁI là thương yêu tríu mến kẻ khác. Sanh ra THỦ là lấy giữ vợ chồng làm của riêng, ích kỷ, tư lợi, thói xấu. Sanh ra HỮU là có thai, có gia đình riêng tư, có tham sân si độc ác, có sự nghiệp, cái có cho mình. Sanh ra SANH là sanh con nẩy cháu, sanh thêm tội ác, nghề nghiệp chơi bời khổ trược. Sanh ra TỬ là chết mất tiêu diệt, không không, bởi các sự sanh mà mau chết mất; càng

sanh hóa, càng tiêu hoại đổi thay để mà chịu khổ nhọc. Đồ bể sắm thêm, thất bại thì làm lại, cứ mãi xoay tròn như thế trong sự dốt nát vô minh. Chết rồi chỉ biết cõi đời có bấy nhiêu, đi nhập thai sanh lại nữa.

Sống để rồi chết, chết để rồi sống, cam chịu luân hồi, chẳng hiểu sao thiệt giả; làm ăn, học hành, nghề nghiệp, danh lợi, tình yêu, giành giựt, cướp bóc, chen đua trong vật chất để mua lấy cái sống tạm không chừng; cầu cho được vui hay êm sướng, tới đâu hay đó, chẳng hề biết đầu trên chân dưới, thiện ác ra sao! Hễ cái chi vừa ý thì chen chúc chui vào, bất phân phải quấy, khổ để chịu khổ, kham chịu cho là số phận hoặc tại thần quyền ám muội.

III

Lại nữa, cái khổ vô lý của chúng sanh là sự mảng lo nuôi sống chơi bời, cho mình hay giỏi tốt đẹp, học tập chữ tiếng, tự cao chấp tuổi mà đành chịu dốt nát VÔ MINH, không chịu tầm tõi, quán xét, ngó trước xem sau. Hiện tại nay lần mai lựa, đến đâu hay đó, không thông chơn lý, chẳng biết lấy mình, mờ mịt trong bóng tối. Thôi thì cứ lần mò mà HÀNH ma tác quái, nhào lộn trong cái khổ múa xoay thở mệt, cố an ủi phủi quên để nuôi giấc mộng, đặng mà ngủ cứ ngủ, vui chịu sự hành hạ, lại càng tự thị tài sức, trí THỨC mưu mô, nương theo DANH SẮC, hình đẹp bóng xinh, tiếng tăm thanh dịu, mùi vị ngon thơm, vật chất bóng mịn, cố chấp mong cầu, để cho sáu căn thâm nhập, gọi là LỤC NHẬP. Càng tiếp XÚC vật chất càng sanh THỌ chịu, lấy tham sân si làm của cải, gọi thân khẩu ý là ta, nên luyến ÁI không rời. Lấy giữ chúng sanh làm quyến thuộc mà THỦ giữ mãi, chấp là có HỮU. Thay đi đổi lại, có vẫn có hoài, thế mới SANH đi sanh lại. Đến TỬ chết rồi, không quen chỗ vắng cảnh không, nhớ người nhớ vật, khổ ý phải nhập thai, luân hồi mãi mãi, chỉ biết có bấy nhiêu, thả trôi theo nguồn dục vọng, mặc cho cái thức nổi chìm.

Có kẻ lại vì quá tham sanh mà nhẫn tâm tàn bạo, đến nỗi phải bị khổ điên, tiêu diệt luôn cái thức, tử rồi mất luôn. Cũng có kẻ mãi giữ gìn, chấp có cuộc đời, chôn chết cái thức trong trần, đến khi tỉnh ngộ biết ra cái sống chơn thật chủ nhơn, liền chết bỏ cái ta giả dối, chết bỏ cái sở chấp mà yên lặng nín nghỉ, vào cõi chơn như tịch diệt Niết-bàn. Sanh như thế tức là sự sanh sống bằng tinh thần. Tử như vậy là chết bỏ vật chất của bậc giác ngộ, mới là dứt khổ.

IV

Sự luân hồi xoay đi lộn lại, nào biết ai là lớn nhỏ, ai là trước sau, cứ mãi bám níu lấy nhau, lăn tròn chóng mặt. VÔ MINH không biết lại là trụ cốt. HÀNH ác tức cây căm xe chỉ xuống THỨC, thức mới tiến lên DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THỌ và ÁI, ái là trên cao. Ái chúng sanh bình đẳng chơn chánh thì lên đến trí huệ, vào ở chơn như làm Phật, bay bổng khỏi bánh xe khổ là luân hồi. Còn trái lại, nếu ái dục tình thì ích kỷ độc ác, nặng nề dính chặt, phải rớt lộn trở xuống THỦ, HỮU, SANH, TỬ. Tử rồi còn thức nhập thai sanh danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái trở lại.

Cái vòng khổ ấy, càng vô minh tối tăm càng hành ác vận chuyển. Chúng sanh như con mọt đeo theo trụ cốt vô minh mà phải điên đầu rối óc. Có kẻ níu lấy cây căm hành mà phải bị rớt té chơi vơi, lộn ruột. Người mà ôm chặt vành xe là thức, danh sắc, lục nhập, ái, thủ, hữu, sanh, tử thì phải bị chết dẹp tan hình; ấy là kẻ mãi sanh, sanh tội ác, khi chết rồi lại diệt, diệt tiêu.

Vậy ta nên nhớ rằng: Ái chúng sanh là hành thiện đến trí huệ vào chơn như, ngôi giác mãn, sống đời đời không khổ. Còn ái dục tình vạy tà là hành ác đến vô minh, vào vọng động, hạng si mê, chết tiêu diệt, chẳng chút vui.

V

Thật vậy, nếu lấy trí huệ làm trụ cốt, hành thiện làm căm xe, chơn như làm vành bánh thì tức là bánh xe pháp. Chúng sanh sẽ được cõi phía trên, sáng chói vui chơi bay nhẹ, hơn là lấy vô minh làm trụ cốt, hành ác làm căm xe, vọng làm vành bánh mà phải chịu thảm hình.

Trong bánh xe vô minh luân hồi phải chịu tám khổ lớn: sanh, già, bệnh, chết, cầu muốn không được, thương yêu xa lìa, thù ghét gặp gỡ, ngũ uẩn thạnh hành cả muôn điều khổ.

Còn trong bánh xe trí huệ Niết-bàn lại có tám đạo: thấy chánh, suy gẫm chánh, nói chánh, làm chánh, nuôi sống chánh, siêng năng chánh, niệm tưởng chánh, yên định chánh, thảy hưởng toàn vui.

Vô minh ví như cuồn dây rối, càng cựa quậy càng trói buộc mình, chẳng biết đầu đuôi. Trí huệ như gươm hươi cắt đứt chỉ mành, đuôi đầu đều rã đoạn.

Trí huệ là đứng ngừng nín nghỉ, thanh nhàn an tịnh. Vô minh là chạy nhảy nói làm, cấu trược ồn ào, mệt nhọc không công. Suốt trọn đời quây múa giễu trò, khi đến chết còn mê muội sợ sệt, dầu tỉnh ra cũng đã trễ rồi, mong cầu kiếp khác, chưa biết ra sao!

Thế mới biết rằng: trần thế khói bụi mịt mờ, gió mưa lạnh lẽo, khổ chịu tự mình, khó than cùng chồng vợ, cha con, quyến thuộc, có miệng mà chẳng kêu cứu được với ai ai.

VI

Một đứa trẻ con ở trong bụng mẹ VÔ MINH bị các sự HÀNH động bên ngoài mà sanh THỨC biết, có thức mới tượng DANH SẮC, có danh sắc mới biến thành LỤC NHẬP mà chun ra ngoài. Lần lần ba tuổi có XÚC, lớn lên sáu tuổi có THỌ, mười hai tuổi mới sanh ÁI. Ái của người nhỏ là trong sạch chơn chánh. Mười hai tuổi biết thương gia đình. Ba mươi tuổi biết thương xã hội. Bốn mươi tám tuổi biết thương cả chúng sanh. Ái tình quí báu cao thượng ấy mà nảy nở đúng như vậy tức là bác ái đại đồng, từ bi vô lượng sẽ thành Phật.

Người là lòng thương yêu gia đình. Trời là lòng thương yêu xã hội. Phật là lòng thương xót cả chúng sanh. Các bậc ấy thảy quên mình mà biết cho kẻ khác, nên muôn loại thảy kính vì. Trái lại vì lòng tư kỷ, tham vui mê muội, gây ái tình nhục dục, tức là đi xuống hố si ngây, đem mình chôn sâu trong địa ngục hắc ám để chịu sự đau khổ không ngừng, lần hồi diệt tận, khó nỗi ngồi yên. Thế mới biết rằng chữ ÁI là quí báu nhứt, mà cũng độc hại nhứt của chúng sanh.

Từ vô minh đến tử là con đường tấn hóa từ địa ngục đến Niết-bàn. Từ khi chưa có đến có vĩnh viễn, hay cũng là con đường bị cắt đứt giữa chừng, chúng sanh vừa tấn hóa lại phải bị thụt lùi tan hoại. Sự cắt đứt ấy là lưỡi gươm ái hay gọi suối vàng, là chỗ chôn người. Cũng gọi chữ ái là tòa sen, hay cụm mây, chiếc xe đưa chúng sanh mau về cõi Phật.

Từ vô minh đến hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái là nửa chặng đường, nơi ấy chia hai nẻo:

a. Ái chúng sanh, từ bi, bác ái là đi tới thủ lấy, lấy sự thiện giúp đời; hữu là có ích lợi cho chúng sanh tấn hóa. Sanh là sanh nảy các pháp môn phương tiện của trí huệ độ người. Sau rốt đến tử là nhập diệt, chơn như, Niết-bàn, hưu trí.

b. Ái tình dục thì quẹo bên trái, mà đến thủ là lấy, lấy sự ác; hữu là có, có cái nghiệp vô ích tội lỗi. Sanh là sanh mưu sâu kế độc, quả báo dẫy đầy, đến nỗi khi chết, phải khổ điên cùng tiêu diệt.

Vậy muốn dứt luân hồi khổ hắc ám thì chúng ta phải học, tầm tòi quán xét cho rõ nhơn duyên, dùng trí huệ ấy cắt đứt ái dục tình, đi ngay nẻo phải, xua ánh sáng dẹp bóng vô minh, phá tan hành ác để cho cái thức được tỉnh táo, đi theo bát chánh đạo, hưởng yên vui thiệt thọ.

Trí huệ thì hành thiện, thức thiện, danh sắc thiện, lục nhập thiện, xúc thiện, thọ thiện, ái thiện, thủ thiện, hữu thiện, sanh thiện, tử thiện là Niết-bàn.

Còn vô minh là hành ác, thức ác, danh sắc ác, lục nhập ác, xúc ác, thọ ác, ái ác, thủ ác, hữu ác, sanh ác, tử ác là luân hồi hay tiêu diệt.

Khởi đầu tại vô minh hay trí huệ rồi thì nó kéo dài mãi mãi, một trong hai đường. Vậy trí huệ là sự hiểu trắng, sáng suốt. Trí huệ thì không có hành, không hành đâu có thức, không thức đâu có danh sắc, không danh sắc đâu có lục nhập, không lục nhập đâu có xúc, không xúc đâu có thọ, không thọ đâu có ái, không ái đâu có thủ, không có thủ đâu có hữu, không hữu đâu có sanh, không sanh đâu có tử, không tử đâu có vô minh luân hồi khổ.

Lại nữa, chúng sanh từ khi đã có biết rồi, vì sợ tử mới tham sanh, muốn sanh phải chấp hữu, giữ hữu là phải thủ, lấy thủ là phải ái, muốn ái phải thọ, muốn thọ phải xúc, muốn xúc phải lục nhập, muốn lục nhập phải nương danh sắc, muốn có danh sắc phải tập thức, muốn có thức phải hành, muốn có hành phải vô minh; giả bộ mắt ngơ tai điếc, làm tuồng ngu dại dốt nát ngây khờ, không cần đen trắng, miễn sống tạm qua ngày, no bụng sướng miệng thì thôi, chẳng phân chia phải quấy, làm như sâu mọt đục phá cây trần.

Mười hai nhơn duyên do sự tập lần mà có, nên gọi là nhơn duyên tập, tự nơi sự tấn hóa của mỗi người; kẻ bắt dưới đi lên, người bắt đầu trên đi xuống.

Mười hai nhơn duyên ấy tức là một cái vòng tròn, hay cũng là một con đường dài đến Niết-bàn hay đến địa ngục, cũng gọi chiếc thang mười hai nấc, để lên lầu cao hay xuống hố thẳm, là sự còn mất, khổ vui của chúng sanh.

VII

Mười hai nhơn duyên cũng ví như một đám rừng có mười hai cửa, như một bánh xe có mười hai cây căm, động một cây là động tất cả, vào một cửa là vào trọn trong rừng. Trong một nhơn duyên sẵn chứa mười một nhơn duyên khác, dính nhau như dây xích liên hoàn, chúng sanh vừa chạm phải một mắc là đã bị quấn đeo. Thật vậy, chúng sanh khi đã vướng vào thì mãi quanh quẩn xoay tròn chóng mặt, không biết phương nào giải thoát, vĩnh kiếp không ngừng. Nhưng nếu may mà nhờ sự biết thương yêu nhau trong cảnh cùng khổ, đồng thời chung hiệp cùng nhau tìm xét học hỏi, mới cắt đứt được xích xiềng, khai vẹt cửa ngục, thoát ra khỏi chết.

Mười hai nhơn duyên tức là mười hai đạo để tới địa ngục, hoặc đến thiên đường hay vào trong cõi Phật. Cũng là mười hai địa ngục (ác), mười hai thiên đường (thiện), hay mười hai cõi Phật (huệ). Mười hai nhơn duyên của chúng sanh tức là mười hai chứng bịnh, tật xấu, tánh mê, mà cũng do đó mới có mười hai thứ thuốc hay, nết tốt, tánh giác.

Chúng ta ai cũng có riêng một sở chấp, thói quen trong mười hai nhơn duyên ấy. Vậy nên chúng ta muốn hết khổ luân hồi thì tùy sự xét thấy mình ở cửa nào, hãy lui ra khỏi cửa đó, quay đầu lại là xong, chớ đừng mãi đi tới và luồng tuông để chịu khốn họa. Nắm lấy mười hai nhơn duyên đi tới thì càng vọng động khổ sở, bằng buông tháo trở lại thì càng chơn như vui sướng, miễn giác ngộ là thấy được đường.

Thế mới biết rằng: trí huệ là lưỡi gươm thần huơi múa phân tách ra và gom hiệp lại, để cắt đứt tuyệt các pháp khổ sầu, diệt trừ phiền não. Trí huệ cũng là lửa sáng, dẹp tan bóng tối vô minh cùng thiêu đốt cả cỏ, cây, người, thú, ma, trời, địa ngục. Cũng như chiếc cầu cao đưa ta qua biển ái, như cặp cánh để ta bay khỏi chuồng lồng, như đám mưa dẹp tan cát bụi, như chiếc bè vớt kẻ chìm sâu, như mái nhà che ta mưa nắng.

Trí huệ là bến bờ giác, cũng tức là cặp mắt sáng của cuộc đi đường dài, cũng là mặt trời mặt trăng của muôn loại; không có nó muôn loài khó sống, cái sống mà ai cũng muốn hết. Chính Niết-bàn mới là cái sống chơn như chắc thiệt vĩnh viễn mà thôi. Cái sống ấy như hột sen khô cất để đời đời, khác hơn cái sống của chúng sanh là hột còn non nớt. Có khi vì cảnh quá khổ điên của địa ngục dốt nát vô minh mà hư rã như hột sình thúi; chớ như cái thân vỏ mộng này còn mất có tiếc chi; người trí dùng nó để che tạm cho cái hột kia mau già cứng vậy.

Cái chết ai cũng sợ, nhưng thân chết không có mất, chớ cái biết chết là mất luôn. Vậy cái biết của ta phải cho già cứng, đừng để non thúi sâu ăn. Cái khổ là con sâu, ác gian là chất thúi. Cái biết, cái sống, ta phải nuôi nó vĩnh viễn trường tồn để sống một cách yên vui bình tĩnh.

VIII. THỨ LỚP CỦA NHƠN DUYÊN NƠI LOÀI NGƯỜI

1. Vô minh là địa ngục, tứ đại mới hiệp thành cho đến khi một tuổi (chưa có biết sáng).
2. Hành là ngạ quỉ, cây cỏ, từ một tới sáu tuổi (chỉ có thọ cảm đói khát tham lam).
3. Thức là súc sanh, thú vật, từ sáu tuổi tới mười hai tuổi (chỉ có tư tưởng hơn thua sân giận).
4. Danh sắc là A-tu-la, ác thần, từ 12 tới 18 tuổi (chỉ có hành ác si mê).
5. Lục nhập là Nhơn, người, từ 18 tới 24 tuổi (có hành thiện lòng nhơn).
6. Xúc là Thiên, trời, từ 24 tới 30 tuổi (có trí hóa biết điều thiện, cảm xúc).
7. Thọ là Nhập Lưu, Tu-đà-huờn, từ 30 tới 36 tuổi (cư sĩ, biết ưa đạo).
8. Ái là Nhứt Vãng Lai, Tư-đà-hàm, từ 36 tới 42 tuổi (có lòng từ bi thương xót chúng sanh).
9. Thủ là Bất Lai, A-na-hàm, từ 42 tới 48 tuổi (nắm giữ đạo không lìa, xuất gia giải thoát).
10. Hữu là Vô Sanh, A-la-hán, từ 48 tới 54 tuổi (có cái sống chắc thật).

11. Sanh là Duyên Giác, Bích-chi, từ 54 tới 60 tuổi (sanh trí huệ, các pháp giác ngộ nơi thanh tịnh).

12. Tử là Bồ-tát, Giác tha, từ 60 tới 66 tuổi (chết bỏ ta mà lo cho người).

Và từ 66 tới 72 là Như Lai (hưu trí, nín nghỉ, trở lại chơn như).

Qua khỏi 72 là Niết-bàn trọn vẹn (chết bỏ đạo đời, tắt nghỉ trọn vẹn). Đó là nhơn duyên tấn hóa từng trình độ pháp, theo tuổi của người. Ai sống y như thế tức là tu, sẽ đắc đạo, kết quả trong kiếp một không sai. Muốn biết rõ cách tu của từng hạng bực ấy, ta cần học giới luật, vì giới luật là chỗ ở của tất cả chúng sanh; mà nơi bài này ta cần phải biết nguồn gốc chúng sanh là do nhơn duyên tập trước đã! Quan hệ nhứt là chữ ái chia tẻ hai đường: người đứng trên chữ ái là chư Phật, kẻ nằm dưới chữ ái là chúng sanh. Điều đó đáng cho chúng ta thận trọng!

IX. NHƠN VÀ QUẢ CỦA MƯỜI HAI NHƠN DUYÊN

1. Vô minh, hành là nhơn quá khứ.

2. Thức, danh sắc, lục nhập là quả hiện tại.

3. Xúc, thọ, ái, thủ, hữu là nhơn hiện tại.

4. Sanh, tử là quả vị lai.

Chúng sanh bởi từ kiếp trước vô minh, hành ác, gây nhơn nên mới phải nhập thai sanh thức, danh sắc, lục nhập là kết quả hiện tại mới có thân hình. Bởi có thân hình mới có xúc, thọ, ái, thủ, hữu là gây nhơn hiện tại, để chịu sanh tử đời sau là quả vị lai khổ não.

Vậy muốn không quả vị lai: sanh, tử, khổ thì đừng có nhơn hiện tại: xúc, thọ, ái, thủ, hữu.

Muốn không nhơn hiện tại thì phải không quả hiện tại: thức, danh sắc, lục nhập.

Muốn không quả hiện tại thì phải dứt trừ nhơn quá khứ: vô minh, hành.

Đã là nhơn quá khứ qua rồi thì đâu có trừ dứt gì được, âu là chúng ta hôm nay, muốn sau này không còn khổ của sanh tử thì phải ráng mở mang trí huệ

để trừ vô minh. Tập hành thiện để dứt bỏ hành ác thì vòng luân hồi mới được sáng trưng, ngừng nghỉ là Niết-bàn, và không còn tám vạn khổ mà hưởng được tám vạn đạo yên vui, giác ngộ chơn như không còn sanh tử tức là Phật.

Diệt dứt luân hồi thì khổ sẽ hết.

CHƠN LÝ 5

BÁT CHÁNH ĐẠO

I

BÁT CHÁNH ĐẠO tức là tám cách hành đạo, theo lẽ chánh của bậc thánh nhân, cũng kêu là bát thánh đạo, là pháp tự độ độ tha, sống chung với tất cả, để cùng đưa nhau lên đến nơi cùng tột là Niết-bàn. Bát chánh đạo cũng gọi là chánh pháp hay trung đạo, gồm cả sự học và hành. Bát chánh đạo là tám cửa, tám đường vui, tám pháp giải thoát, tám tia sáng… là con đường tiến hóa của chúng sanh, tức là chơn lý của võ trụ mà muôn loại đều ở trong.

Bát chánh đạo là bà mẹ hay khí thở, hoặc như mặt đất, cái nhà, mà người Trời không bao giờ thiếu sót, lạc loài. Tất cả chúng sanh đều ở trong đạo bát chánh, cõi đời có cũng do Bát chánh đạo. Bát chánh đạo là sự sống, hay tâm hồn của chúng sanh, mà các tông chỉ giáo lý văn minh thảy từ đó mà ra cả. Bát chánh đạo không phải riêng của một đạo giáo nào, chính đạo là nấc thang chung của toàn thể.

Tám đường chánh ấy là:

1. Chánh kiến đạo là con đường thấy chánh.
2. Chánh tư duy đạo là con đường suy gẫm chánh
3. Chánh ngữ đạo là con đường nói chánh.
4. Chánh nghiệp đạo là con đường làm chánh.
5. Chánh mạng đạo là con đường sống chánh.

6. Chánh tinh tấn đạo là con đường siêng năng chánh.

7. Chánh niệm đạo là con đường tưởng nhớ chánh.

8. Chánh định đạo là con đường yên nghỉ chánh.

Tám đường chánh ấy cũng có thể nói như vầy:

1. Chánh kiến đạo là thấy con đường chánh.

2. Chánh tư duy đạo là suy gẫm con đường chánh

3. Chánh ngữ đạo là nói con đường chánh.

4. Chánh nghiệp đạo là làm con đường chánh.

5. Chánh mạng đạo là sống con đường chánh.

6. Chánh tinh tấn đạo là siêng năng con đường chánh.

7. Chánh niệm đạo là tưởng nhớ con đường chánh.

8. Chánh định đạo là yên nghỉ con đường chánh.

Nghĩa là:

1. Sự thấy chơn chánh: Trước khi thấy, đang thấy, và sau khi thấy, sự thấy (bằng mắt trí nhận xét), nghe, hiểu, biết, phải cho hạp lẽ chánh, chơn thật.

2. Sự suy gẫm chơn chánh: Trước khi suy gẫm, đang suy gẫm, sau khi suy gẫm, tầm tòi quán xét phải cho hợp lẽ chánh, chơn thật.

3. Sự nói chơn chánh: Trước khi nói, đang nói, sau khi nói, lời lẽ phải thiện lành, trong sạch, hạp theo lẽ chánh, chơn thật.

4. Sự làm chơn chánh: Trước khi làm, đang làm, sau khi làm, việc làm phải đừng tham sân si. Nên đi xin ăn cho hạp theo lẽ chánh, chơn thật.

5. Sự sống chơn chánh: Phút sống đã qua, phút đang sống, phút sống sắp đến, không tham sống sợ chết, sống theo lẽ phải không vị ác tà, sống theo đạo lý, cho hạp theo lẽ chánh, chơn thật.

6. Sự siêng năng chơn chánh: Việc đã qua, việc hiện tại và việc chưa tới, phải bền chí mà lướt tới, không thối chuyển ngã lòng, cố gắng sự hành đạo, cho hợp theo lẽ chánh chơn thật.

7. Sự niệm tưởng chơn chánh: Niệm tưởng việc qua rồi, việc hiện tại, và việc sẽ đến, phải ghi nhớ điều răn dạy, hằng ngó mắt xuống một chỗ tâm chơn, không cho vọng động, không quên lẽ đạo, cho hạp lẽ chánh chơn thật.

8. Sự yên nghỉ chơn chánh: Trước khi nhập định, đang nhập định, sau khi nhập định, phải giữ sự yên lặng, ngừng nghỉ tất cả mọi việc, quyết định không sanh, bất thối, không rời bỏ đạo chánh, nhứt định không xao lãng, không đổi dời, hằng nghỉ ngơi yên vui sau sự thiện huệ, cho hạp lẽ chánh chơn thật.

II. NHƠN DUYÊN CỦA TÁM ĐẠO

Bát chánh đạo không phải tự nơi ý người chế lập, mà vẫn sẵn có trong đời, bậc giác ngộ sau này mới nói chỉ ra đó thôi.

Như chúng ta thấy không gian có khí, trong khí có nước, trong nước có đất, trong đất có lửa. Lửa thổi phù lên, nước đất cuốn tròn thành bọt. Bọt thủy tinh hay là quả địa cầu, khi nổi khi xẹp, vốn sẵn là cái "có" ở nơi "không".

Về lý sanh tử chỉ rằng: Cái sống là có, cái chết là không, vẫn tuần tự luân chuyển nương sanh lấy nhau mãi mãi, ví như cái không là sự sống, sanh nở ra khí, khí sống tượng ra nước, nước sống thành hình đất, đất sống mọc lên cỏ, cỏ sống vượt lên cây, cây sống sanh ra thú, thú sống tập thành người, người sống học thành trời, trời sống bước đến Phật, đến Phật là chết trở lại không (là không xác thân), cái không ấy lần lần sống lại, nảy nở sanh sản rồi chết, rồi lại sống nữa, sống chết tự nơi nó. Sống rồi chết, chết rồi sống; có đến không, không đến có, chẳng đầu đuôi.

Tiếng Phật đây là sự diệt độ dứt bỏ cái có, cái sở chấp hữu vi, chớ không phải một vị Phật nào. Nơi đây chỉ về danh từ giáo lý Phật, ai đạt được thì gọi người ấy đắc quả Phật vậy. Bậc Phật sau khi bỏ xác thân thì còn tâm cho nên cũng gọi là có và sống mãi. Chính tâm là cái có, do thân nung đúc để lại, còn thân chết kia lại biến sanh thân vật khác nữa.

Đoạn này để chỉ rằng: Lúc sống thì VẠN HỮU tiến lần đến chết. Lúc chết thì SỰ VÔ cũng tiến lần đến sống. Trong lúc CÓ hoạt động, thì trong lúc KHÔNG cũng ngầm hoạt động. Như vậy là chúng sanh vạn vật vẫn sống chớ không có chết, chỉ tạm đổi hình bóng phương tiện sở chấp bên ngoài đó thôi.

Bởi tại quan niệm của chúng ta, đang ở trong một cảnh giới CÓ nào đó, nên không thể hiểu biết được bề trái của sự sống, nơi cảnh giới KHÔNG bên kia. Cũng như một kẻ ở trong cái không và quyến thuộc, quyến thuộc không, tượng thành cái có lần lần, thì nó nói là chết mất rồi, không còn cái sống của không nữa. Vậy nên không và có, sống và chết, do sự nhận lầm của chúng sanh, đặt tên theo mỗi lúc chớ chẳng có chi là chết, là không cả. Cũng như kẻ kia nói: Người chết trong vật chất rồi! Người chết trong tinh thần rồi! Vật chất người không có rồi! Tinh thần người không có rồi! Như thế nghĩa là: không có trong cái này là có trong cái kia, chết trong cái này là sống trong cái kia. Thế là vẫn có, vẫn sống, vẫn nảy nở, vẫn tiêu hoại; đổi lớp cũ máy hư mà sắm lần cái mới tương đối. Nhảy ra nhảy vào, ẩn hiện, khi bên này khi bên kia, như né tránh, như nhường đường.

Sắc thân này bỏ, chất sống tứ đại vẫn còn có sống, mà mọc nảy sanh thân khác. Tâm thức linh hồn này chết tan, chớ điển thức, sống biết vẫn còn trong không gian và vạn hữu, nó sẽ sống lại lần lần một tâm thức linh hồn khác. Cho nên nói rằng: cái đã sanh, cái đang sanh, cái chưa sanh; thế là tất cả CÓ KHÔNG đều gọi chúng sanh, tức là có, sống hết thảy, chớ đâu có cái không, cái chết. Chỉ có sự đổi xác đổi hồn, bỏ cũ lấy mới, càng đi tới, càng lăn tròn trở lại, cũng gọi mới mãi hay cũ mới không đầu đuôi. Đó là bánh xe chơn lý, luân hồi của vạn hữu, mà chúng sanh hằng ôm đeo cái ta không định, khổ bởi không thường, chấp lầm có không, sống chết, đến đi, còn mất, chẳng phút lặng ngừng, nghỉ ngơi, đứng vững, yên vui. Đành nhắm mắt cho cái ta nhập vào đâu trối kệ.

Cũng như một thân cây: từ đất nước mọc lên, lớn lần, sức nặng, đất nước thay hình; khi già chết, khô nhẹ, nát mục nhỏ tóp rồi mất luôn, kế mọc lại cây khác nữa. Cái sống trong võ trụ không thay đổi, mà cái ta cây đã mất hình. Cũng như từ chưa có người, đến thành một ông già, rồi chết, thịt xương ấy tiêu rã, tóp hình, biến mất, không không, rồi thì lại có thân người khác, nảy tượng mà cái ta già trước kia lại không có nữa.

Chơn lý của vạn hữu cũng y thế nên chúng ta khỏi phải lo sợ rằng vạn vật chúng sanh, hay tứ đại địa cầu quá đông quá nặng. Chỉ có điều cần là chúng ta ráng giữ mình, làm sao cho cái ta nào đó được thường bền yên vui, đứng

nghỉ, có mãi nơi một cảnh giới là khỏe hơn. Điều ấy tức là giải thoát hay đạo, là con đường của chúng ta vậy. Con đường ấy cũng sẵn có trong trần, chỉ có điều là ta chịu nhận xét quan tâm tất sẽ thấy ngay rõ rệt:

1. Trong nước có sở kiến, là sự thấy.

2. Trong đất có tư duy, là thức sống hay cái biết đang cử động.

3. Trong cỏ có ngữ, là lời nói do sự rung khua.

4. Trong cây có nghiệp, là trái hột của cải.

5. Trong thú có mạng sống, là tư tưởng (sống lâu mau tự nó tìm ăn).

6. Trong người có tinh tấn, là hành vi tiến hóa.

7. Trong Trời có niệm, là sự ghi nhớ điều lành, nên được vui thanh nhẹ.

8. Trong Phật có định, là sự đứng ngừng yên lặng, cái sống mới vững vàng.

Từ nước đến Phật, từ Kiến đến Định, là nấc thang tấn hóa kêu là Đạo; đến Phật, Định, kêu là đắc đạo. Kết quả của sự sống là đắc quả, hay là bậc giải thoát hoàn toàn. Định là dứt khổ. Định là có ta, dứt luân hồi sống mãi đời đời.

III

Bát chánh đạo cũng là con đường từ đầu tới cuối, mà chư Phật đã đi qua rồi.

1. Chánh kiến là sự nhận xét thấy tỏ rõ lẽ thật đạo pháp, liền xuất gia giải thoát, lìa bỏ sự tà kiến vô minh lầm lạc của đời ác trược, bỏ khổ tìm vui.

2. Chánh tư duy là sự chiêm nghiệm, sưu tầm chơn lý, để được trí huệ, phải ở nơi chỗ vắng, núi, rừng, vườn một mình ít lâu.

3. Chánh ngữ là tới lui cõi đời để nói pháp dắt dẫn dạy khuyên người, sau khi đã thấu lý đạo đắc quả, để cho được cái học từ nơi nghe, nơi suy nghĩ, nơi sự hành động, cùng nơi sự nói luận, giảng giải.

4. Chánh nghiệp là đi xin, ăn một ngọ chay, mặc một bộ áo vá ba cái, ở lều lá gốc cây, bịnh không tự làm thuốc, vật chất không không, không một chỗ, không một vật. Đi khắp nơi học dạy trau tâm. Lấy sự cứu độ người làm

nghề nghiệp, không tích trữ của cải, không tự lấy, vì tự lấy là tham, không tự làm, vì tự làm là ác. Ta xin ăn của người mà sống, người xin học nơi ta mà sống; sống lo chuyền nhau, bỏ cái sở chấp ta, và của ta, gian ác. Ở nơi rừng lượm xin trái lá, vào xóm xin thuốc xin cơm, uống nước xin sông xin suối, ngồi nằm xin đất đá. Lẽ xin tự người vui hạp mà cho, là tốt đẹp hơn các nghề nghiệp.

5. Chánh mạng là không có cái sống cho mình, thân là của đạo, của chúng sanh, sống bằng tâm chơn như, thân có không, còn mất chẳng mến, chết trong sạch hơn sống nhơ bẩn.

6. Chánh tinh tấn là sự cố gắng kiên tâm, trì giới, nhập định, và đi hành đạo giáo hóa khắp nơi.

7. Chánh niệm là niệm tưởng Phật, niệm tưởng Pháp, niệm tưởng Tăng, niệm tưởng chúng sanh khổ, để tìm phương tiện cứu độ.

8. Chánh định là Niết-bàn chơn như, hay là sự nhập định, sau khi từ bi trí huệ đã đủ đầy. Cũng gọi hưu trí nín nghỉ, sau khi rồi xong hết việc, của cải có dư.

IV. VỀ CÁC PHÁP CỦA TÁM ĐẠO

1. Chánh kiến là thấy chắc các sự khổ; thấy chắc lòng tham ái là nguyên nhân sanh các sự khổ; thấy biết chắc chỉ có cảnh Niết-bàn cắt tham ái là nơi dứt khổ; thấy biết chắc con đường trung đạo dắt dẫn đến nơi diệt khổ; thấy biết chắc nhơn và quả, thiện là đi tới ác là đi lui, trong sạch là giải thoát; thấy rõ sự tiến hóa chớ không có chi lưu luyến, tríu mến cuộc đời.

2. Chánh tư duy là sự suy xét không đành làm loài vật phải bị hại; suy xét không đành làm cho loài vật phải đau đớn; suy xét đặng tránh khỏi ngũ dục để tìm sự xuất gia giải thoát; tầm tõi các nghĩa lý để độ mình và độ người; quán xét sự khổ của muôn loại, chơn lý của võ trụ.

3. Chánh ngữ là không nói dối, không đâm thọc, không rủa chửi, không khoe khoang vô ích; nói chơn thật, nói lời lành, nói đạo lý, khuyên lơn, can gián, khen ngợi…

4. Chánh nghiệp là không làm nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm; không làm các nghề nghiệp ác để cho có của cải; không tham, sân, si.

5. Chánh mạng là không nuôi loài vật để bán; không mua bán loài vật; không mua bán người (sự mai dong); không mua bán thuốc độc; không mua bán đồ binh khí; không mua bán các thứ rượu để nuôi sống; không sống theo lẽ ác tà; không vì lẽ sống của mình mà giết hại mạng sống khác.

6. Chánh tinh tấn là ráng giữ không cho sự ác sắp phát khởi ra được; ráng dứt sự ác đã có trong thân tâm; ráng làm những sự lành mà mình chưa làm; ráng làm những sự lành mà mình sẵn có cho được thêm lên; ráng nghe, học hỏi, giảng dạy, tu tịnh, giữ giới…

7. Chánh niệm là nhớ chắc các tướng trong thân thể là vô thường, khổ não, vô ngã; ghi nhớ rằng cái thọ vui hay cái thọ khổ, những sự lành, những sự ác, các danh từ và sắc pháp trong thế gian đều là vô thường, khổ não, vô ngã; không tham sân si, dục vọng, luyến ái.

8. Chánh định:

a. Định sơ thiền: tầm sát, hỷ, lạc, tịnh, định, xả.

b. Định nhị thiền: hỷ, lạc, tịnh, định, xả.

c. Định tam thiền: lạc, tịnh, định, xả.

d. Định tứ thiền: tịnh, định, xả.

Tất cả các pháp lành trong thế gian đều thuộc vào tám phần của Bát chánh đạo, không thể nói viết cho cùng… Bát chánh đạo gồm cả tam tạng pháp bảo, tám muôn bốn ngàn pháp môn, ba ngàn pháp cái, mà chơn như (chánh định) là mục đích chỉ có một.

Bát chánh đạo cũng là tám con đường ngay thẳng hay tám cửa giải thoát cho chúng sinh đang ở trong rừng sâu hố thẳm là đời. Bởi không hiểu mục đích, không thông chơn lý, chẳng rõ nhơn duyên, sau trước khó phân, chỉ quanh quẩn trong sự sống hiện tại, nên chúng sanh đã tạo ra cho mình đám rừng nguy, hố độc. Càng lúc càng sâu dày, để tự giam hãm và hành phạt lấy, mặc cho cái khổ nó hành hà, vô thường lôi kéo, cái không nó cướp giựt. Chúng sanh chỉ làm mọi cho sự vô ích, làm tôi cho lẽ thất bại.

Tám tà đạo như vách đá, như dây giăng, như chuồng lồng, như khám ngục bao vòng; chúng sanh ở sâu trong chính giữa hay là ở trong một nhà của tám nhà tà, thì có bao giờ thấy biết đường ra?

1. Tà kiến đạo là thấy biết mê tín; xác thân, quyến thuộc, vật chất cõi đời cho là có thật bền dài, hạnh phúc đầy đủ, không có chi hơn nữa.

2. Tà tư duy đạo là sự so tính trù lượng, mưu hay trí giỏi, khéo léo tài nghề, nghiên cứu học hành chủ ý để đua tranh giành giựt lẫn nhau, đặng nuôi huyễn thân mộng cảnh.

3. Tà ngữ đạo là quỷ quyệt lời nói, trau chuốt khoe khoang, dua bợ nịnh hót, dối trá hơn thua, rủa xả đâm thọc, nói lời vô ích.

4. Tà nghiệp đạo là lấy tham sân si làm của cải, sanh đủ nghề nghiệp xảo trá sanh nhai.

5. Tà mạng đạo là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu, trà, thuốc, biếng nhác, lợi dụng, mong cầu sự sống, sướng ngon cho thân mạng.

6. Tà tinh tấn đạo là siêng lo việc ác, cố gắng làm càn, chen đua danh lợi, liều mạng quên thân, lướt càn theo ý dục.

7. Tà niệm đạo là niệm tưởng mãi, ghi sâu húc chặt theo vật chất, xác thân, quyến thuộc, luyến ái dục tình, tưởng nhớ không nguôi.

8. Tà định đạo là cái sở định luân hồi, quyết giữ cõi đời thân xác, yên tâm trong của cải tình thương không còn biết đâu cõi khác, bậc nào; chỉ giữ vững lập trường chí hướng tôn thờ xác thân, biết có một mình, mục đích tham sống, khổ sở thất bại không nao. Tự mình làm ác, xúi người làm ác, ưa chịu việc làm ác; tội ác không chừa, quả báo không sợ, tới đâu hay đó, miễn được vui cười, ai sao bỏ mặc.

Tám tà đạo gồm cả các pháp ác trược của thế gian, sanh ra tám muôn bốn ngàn sự khổ, ba ngàn cái ác, đem lại sự vọng động không ngừng, đối nghịch với chánh đạo.

Tà đạo là địa ngục mãi luân hồi, biến hóa không lường, giỏi hay không đếm, nói chẳng hay cùng… Tám tà đạo là tám vách địa ngục, những ai càng đi sâu vào càng mất lối ra, như bãi sình lầy càng lún, càng chìm. Dầu ở một chỗ, một nhà (là một đạo trong tám đạo) hay đi quanh quẩn thế mấy, cũng không ra khỏi tay vô thường, bắt buộc khổ đau.

Cũng có lắm kẻ như vậy, mỗi người chỉ ở trong một tà đạo, một sở chấp, như kẻ thì ở trong tà kiến, người thì ở trong tà tư duy hoặc tà ngữ, tà nghiệp,

tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Nhưng nếu họ tìm ra được chánh đạo tương đối, thì ở tại nhà nào ra cửa đó, ở phương nào thì ra hướng đó, xoay lưng trở lại rất mau lẹ vô cùng. Cũng như kẻ nhắm mắt, thấy địa ngục và đi tới mãi, liền đó mở mắt ra là gặp Niết-bàn trước mặt rất gần. Phải trái, cong ngay chỉ ở trong một niệm trí mà thôi.

V

Người tà kiến thì đi sâu vào trong chốn khổ mịt mờ đen tối, nếu quay trở lại chánh kiến tức nhiên giải thoát, xán lạn vui tươi. Bởi vậy cho nên:

1. Chánh kiến là đạo thoát khổ của kẻ tà kiến.
2. Chánh tư duy là đạo thoát khổ của kẻ tà tư duy.
3. Chánh ngữ là đạo thoát khổ của kẻ tà ngữ.
4. Chánh nghiệp là đạo thoát khổ của kẻ tà nghiệp.
5. Chánh mạng là đạo thoát khổ của kẻ tà mạng.
6. Chánh tinh tấn là đạo thoát khổ của kẻ tà tinh tấn.
7. Chánh niệm là đạo thoát khổ của kẻ tà niệm.
8. Chánh định là đạo thoát khổ của kẻ tà định.

Tà là có có, đến vọng động chịu khổ phạt. Chánh là không không, đến chơn như hưởng phần vui. Tà là vũng sình lầy lún ngộp, bước xuống đó là sái trật lộn đường; quày trở lên chánh đạo, là con đường cao ráo sạch sẽ, bằng thẳng mát êm. Thế nên gọi tà là đời, chánh là đạo. Đạo là sự không khổ, tức lẽ yên vui, con đường đúng phải, chốn rảnh rang, nơi nghỉ mệt.

Tám tà đạo là tám thứ bịnh, tám chánh đạo như tám món thuốc hay cứu chữa. Ai tự xét mình có chứng bịnh nào thì uống thuốc nấy. Phép tu cũng thế: người tà ngữ lấy chánh ngữ sửa trị, người tà nghiệp lấy chánh nghiệp sửa trị… Chúng ta ai cũng có riêng một bịnh tà trong tám món tà ấy, vậy nên phải tự xét mà răn chừa thì mới mong trọn lành tốt đẹp.

Chánh đạo như nước mát, như cơm ngon đủ mùi vị, nhờ nó mà con người mới lớn lao, trưởng đại, rộng rãi, mập tươi; không phải ốm o, nhỏ hẹp, xấu xí, vô ích, tai hại.

Tà đạo lìa chơn như đến vọng động, rối khổ. Chánh đạo lìa vọng động đến chơn như, yên vui. Chúng sanh từ tà kiến đến tà định là đắc đời, bất thối chuyển đời. Chư Phật từ chánh kiến đến chánh định là đắc đạo, bất thối chuyển đạo. Đời cấu trược tối đen, sống giây phút theo thời gian trong giấc ngủ. Đạo thanh tịnh thiện sáng, sống chắc chắn vui tươi của người thức, cảnh ban ngày.

Đạo là sự xuất gia tấn hóa bỏ lạc lầm lớp thấp, dứt sở chấp, thương yêu, tránh khổ cho mình và cho kẻ khác, ăn chay, đi xin, không của cải, không luân hồi, giải thoát khổ, trau dồi trí huệ, nhập định chơn như. Người đạo là người hành theo Bát chánh đạo, chánh pháp của chư Phật ba đời.

Đạo nghĩa là pháp lý, giáo lý, hay đạo lý.

Đạo là sự tấn hóa, bỏ ác lên thiện, đến nghỉ ngơi.

Đạo là con đường của người giác ngộ.

Đạo là sự quét sạch bụi trần.

Đạo là chơn như tự nhiên vắng lặng.

Đạo cũng là giới định huệ hay không không…

Nói cho rõ, đạo là con đường từ địa ngục đến Niết-bàn, con đường có tám chặng, đi đến đoạn chót Niết-bàn chánh định mới kêu là đắc đạo. Đạo là bát chánh, là trung đạo tuyệt đối, giữa tương đối hai bờ lề, mực giữa phẳng bằng, không cao thấp ngăn ranh, tức là sự sống chung của chúng sanh vạn vật trong võ trụ, hay là cái sống vĩnh viễn đời đời, của ta và tất cả.

Ngoài bước đi từng khoảng của đạo bát chánh không thể gọi là đắc đạo được. Ví như con đường trời người là chỉ mới hai phần; thiện nhơn, cư sĩ chưa diệt hết khổ luân hồi trọn vẹn. Chánh nghĩa đắc đạo là đã đến nơi cùng tột Niết-bàn, không còn chỗ đi nữa mới gọi là được. Muốn đắc đạo, ta là người phải đến cõi trời, rồi mới đến Niết-bàn được, nghĩa là phải tập làm thiện nhơn cư sĩ đã. Chừng đủ thiện căn phước đức nhơn duyên rồi mới được xuất gia khất sĩ làm Tăng, ở vào trong Bát chánh đạo, kêu là nhập đạo. Kế nhờ sự hành đạo, đi đúng theo từng nấc của Bát chánh mới đắc đạo. Như thế có nghĩa rằng ai muốn làm Phật phải bỏ Trời người, qua khỏi cảnh cư gia thiện trí, nhập đạo làm Tăng khất sĩ! Cũng như đang ở dưới ruộng lầy,

cần phải bước lên mé bãi và rồi bỏ mé bãi mà lên bờ. Trên bờ mới gọi là có đi, đi đến chỗ, đi về nhà.

Không làm Tăng không làm Phật đặng, chư Phật ba đời thảy như vậy. Trong trần thế chỉ có một con đường ấy thôi, ai cũng thấy con đường ấy cả, kẻ đã đi, kẻ đang đi, kẻ sắp đi, sau trước tùy duyên, ai rồi cũng đi đến được cảnh tuyệt hảo ấy, chớ có ai đứng mãi dưới sinh mà không khổ nhọc, mỏi mệt đói khát bao giờ? Ai rảnh rang thấy rõ trước thì đi trước, ai lôi thôi thì sẽ đi sau, mau chậm cũng tới, thảy chung một đường, tìm lành lánh dữ, diệt khổ yên vui như nhau có một việc.

Đó là nói cho đúng lý, sở chấp phải hẹp mới có nấc thang bước lên cho kịp trong ngày hôm nay. Từ có chấp đến không chấp, hết chấp là đã quen rồi, đã lên cao rồi; chớ chẳng phải chấp không mà đứng hoài một chỗ dưới sinh lầy ngộp đắm.

Vẫn hay rằng: thiện cũng đạo, ác cũng đạo, địa ngục đạo, ngạ quỉ đạo, súc sanh đạo, a-tu-la đạo, nhơn đạo, thiên đạo, Niết-bàn đạo,… sát đạo, thâu đạo, dâm đạo, tham đạo, sân đạo, si đạo… Đạo là con đường của mỗi lớp chúng sanh, tâm gì là đạo nấy, đạo khổ, đạo vui. Sao cũng gọi là đạo hết thảy, nhưng muốn diệt tận gốc khổ và sống đời đời thì ngoài Bát chánh đạo ra, không có đạo nào thứ hai khác cả. Là bởi nếu không bước lên học lớp cao nhất thì làm sao có sự thi đậu nghỉ ngơi? Cùng không có già thì làm sao có hưu trí chết nghỉ? Trái không già không chín, người không ra khỏi cửa, ắt chẳng phải kẻ đi thi.

VI

Trong Bát chánh đạo có bốn nhơn và bốn quả, gồm tất cả là một Niết-bàn:

1. Chánh kiến là nhơn, sanh ra chánh tư duy là quả.

2. Chánh ngữ là nhơn, sanh ra chánh nghiệp là quả.

3. Chánh mạng là nhơn, sanh ra chánh tinh tấn là quả.

4. Chánh niệm là nhơn, sanh ra chánh định là quả.

Muốn có bốn quả: tư duy, nghiệp, tinh tấn, định; phải có bốn nhơn: kiến, ngữ, mạng, niệm. Muốn có định phải trải qua: tư duy, nghiệp, tinh tấn. Muốn có niệm phải qua khỏi: kiến, ngữ, mạng.

Vậy nên:

1. Muốn đắc chánh tư duy thì phải thật hành chánh kiến.

2. Muốn đắc chánh nghiệp thì phải thật hành chánh ngữ.

3. Muốn đắc chánh tinh tấn thì phải thật hành chánh mạng.

4. Muốn đắc chánh định thì phải thật hành chánh niệm.

Nghĩa là ai muốn đắc trí huệ toàn học của CHÁNH TƯ DUY thì phải cần có chánh kiến, biết phân biệt, thấy rõ lẽ thiện ác trước mới được. Vì nếu không có cái thấy thì không thể suy nghĩ được.

Ai muốn có CHÁNH NGHIỆP của cải chắc thật quý báu là Pháp bảo tam tạng, thì phải cần có chánh ngữ, nói luận học hỏi, nếu không nói đâu có ra lời của vốn.

Ai muốn có CHÁNH TINH TẤN bất thối thì phải cần có chánh mạng, có không sợ chết tham sống, con người mới cố ráng can đảm lướt tới theo lẽ phải.

Ai muốn có CHÁNH ĐỊNH nghỉ yên thì phải cần có chánh niệm. Nhờ niệm tưởng ghi nhớ một điều phải nào đó, tâm ta mới định nghỉ yên chơn như được.

Tại sao ta phải cần có chánh tư duy, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh định? Bởi chánh tư duy là thần trí, hay là sự sống, tức là cặp mắt sáng chủ tể của ta vậy. Không có nó thì không có ta, các pháp và sự cử động ắt gọi là chết! Kẻ không trí dầu có mang thân sống đi nữa, người ta cũng chẳng thấy cái sống, tác dụng lợi ích của nó có một chút nào và nó chỉ chật lối choáng đường, tai hại cho chúng sanh, tấn hóa không thông mà thôi.

Nếu có sống TƯ DUY mà không có thức ăn để nuôi, là CHÁNH NGHIỆP Pháp bảo, thì làm sao no mập, tươi tốt sống đời?

Nếu có của cải nghiệp pháp, mà không có siêng năng trồng gieo, tạo sắm nảy nở thêm ra, làm mãi thì đâu có được sự mạnh khỏe vui tươi và thọ hưởng

hoài. Nếu không chuyên cần TINH TẤN, làm sao cho được có dư, nếu không dư thì chưa được yên nghỉ, ngồi không ngủ khỏe là chánh định. CHÁNH ĐỊNH là yên vui hạnh phúc, cảnh hưu trí, nín nghỉ dưỡng tâm, kết quả vui tươi, an nhàn khoái lạc, toàn giác toàn năng, trọn sáng trọn lành, ngôi cao của sẵn, quyến thuộc bao gồm, không lo không loạn, không còn sợ khổ, chơn phước cực đại. Có sống, có của cải, có thêm hoài, có nghỉ yên, đời người mà được như thế là đủ lý nghĩa, ai lại chẳng cầu mong?

Thế nên, Bát chánh đạo là con đàng đi của tất cả, của người đã giác ngộ hết mê lầm. Tà đạo là cảnh giới của hạng người mới tấn hóa, chưa gặp khổ, ít kinh nghiệm.

1. Chánh kiến đạo là cảnh giới của Thinh Văn (học nghe tiếng pháp).

2. Chánh tư duy đạo là cảnh giới của bậc Nhập Lưu (mới nhập vào nguồn đạo thấu lý).

3. Chánh ngữ đạo là cảnh giới của bậc Nhứt Vãng Lai (còn một lần thối chuyển).

4. Chánh nghiệp đạo là cảnh giới của bậc Bất Lai (không trở lại).

5. Chánh mạng đạo là cảnh giới của bậc Vô Sanh A-la-hán (không còn thấy sống chẳng phải chúng sanh).

6. Chánh tinh tấn đạo là cảnh giới của bậc Duyên Giác, Bích-chi (giác ngộ nhơn duyên).

7. Chánh niệm đạo là cảnh giới của bậc Bồ-tát (giác hữu tình giáo hóa).

8. Chánh định đạo là cảnh giới của bậc Như Lai (trở lại chơn như yên nghỉ nín lặng).

Đây cũng gọi là tám quả của tám đạo.

Tám đạo và tám quả:

1. Chánh định là pháp của bậc Như Lai.

2. Chánh niệm là pháp của bậc Bồ-tát.

3. Chánh tinh tấn là pháp của bậc Bích-chi.

4. Chánh mạng là pháp của bậc A-la-hán.

5. Chánh nghiệp là pháp của bậc Bất Lai.

6. Chánh ngữ là pháp của bậc Nhứt Vãng Lai.

7. Chánh tư duy là pháp của bậc Nhập Lưu.

8. Chánh kiến là pháp của bậc chư Thiên.

Nhờ chánh đạo mới đi đến chơn như, nên gọi chánh chơn là đạo của Phật. Tám đạo để trừ tám khổ. Đạo là giác sáng, khổ tức mê mờ. Bảy giác trong đạo sáng tỏ hơn trăm ngàn mặt nhựt:

1. Phân biệt sự lành với sự dữ.

2. Tinh tấn mà lướt lên.

3. An lạc trong vòng đạo đức.

4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành.

5. Nhớ tưởng đạo lý.

6. Nhứt tâm đại định.

7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ.

Bảy giác ấy do nơi đạo mà ra cho nên gọi là đạo Phật. Nhờ bảy giác ấy mới thành Phật cho nên gọi Phật là giác, là cội cây của chúng sanh nương dựa và đeo theo, làm lá bông trái nhánh để tìm vui.

Tám đạo là tám nấc thang trên nhơn loại.

Nói tóm lại: Đắc đạo là đắc Niết-bàn, đắc đời là luân hồi, tức là đắc thiên đường hay đắc địa ngục.

Đạo chánh là bởi thiện lành, không ác quấy. Ấn chứng của đạo là sự vui tươi, không khổ nhọc. Kẻ đã đi rồi mới tự biết là vui say no sướng hơn hết.

CHƠN LÝ 6

CÓ VÀ KHÔNG

Võ trụ tức vô minh, lắm kẻ gọi là không, không gian là võ trụ. Trong võ trụ có:

1. VẠN VẬT là tứ đại,

2. CHÚNG SANH là thức,

3. CÁC PHÁP của chúng sanh đối với vạn vật.

Các pháp là gồm cả sự làm, lời nói, ý tưởng, tình thọ, trí hóa, các sự thay đổi, cử động, tác dụng, giáo lý, v.v… Vạn vật, chúng sanh và các pháp là cái có ở trong cái không.

Vạn vật là xác thân, chúng sanh là sự sống và các pháp là thức cần dùng để nuôi vạn vật và chúng sanh (tức xác thân và sự sống). Pháp có lý có sự, sự để nuôi thân, lý để nuôi trí. Lý có ác có thiện, sự cũng có thiện có ác.

Từ khi có bậc Phật toàn giác, vì sự khổ của chúng sanh bởi có không, thiện ác, lý sự, Phật mới chỉ ra thêm pháp giải thoát kêu là đạo. Và đối với chúng sanh, mỗi tên gọi cùng sắc hình của vạn vật, đức Phật nói ra nhiều phương tiện của trí huệ để giác ngộ, nên cũng gọi là Pháp.

Pháp là phương pháp, lý lẽ, cách thế…

Pháp của thân là việc làm.

Pháp của trí là lời nói.

Pháp của tâm là sự thọ tưởng.

Việc làm sanh sự nghiệp của cải. Lời nói sanh trí huệ đạo lý. Thọ tưởng sanh thần thông quả linh.

Pháp có thể, có tướng, có dụng, có lý. Thể của pháp là cái có hình dạng. Tướng của pháp là sự khác nhau của hình dạng. Dụng của pháp là tác dụng, cử động, sanh sống ích lợi của thể tướng. Lý của pháp là sự hư nên, còn mất, có không, tốt xấu, sạch dơ, thấp cao, đen trắng,…

Pháp vốn là không có, bởi có chúng sanh xúc đối với vạn vật, vì tríu mê, vì khổ sở mới có pháp, nên gọi là pháp tánh vốn không, hay gọi là bổn pháp vốn không tự tánh. Bởi chúng sanh tríu mê lăn nhào trong vạn vật, sanh pháp ác trược để phải khổ sầu, nên chư Phật mới bày ra pháp thanh thiện giải thoát khổ sầu ấy. Vẫn hay chúng sanh từ nơi vạn vật sanh ra, nhưng nếu ở giữ mãi trong vạn vật, có khác nào ở mãi trong địa ngục thai bào, tránh sao khỏi khổ đau. Nên pháp của Phật dạy là giải thoát khổ, tiến hóa, bỏ sự vật vượt lên cao, trên không, của lý trí; gọi là bỏ vật chất đến tinh thần, lìa thân sống bằng trí; nghĩa là coi xác thân như không có, như chết rồi, hay là chết rồi thì không trở lại, bằng có trở lại, là vì sự ích lợi cho chúng sanh, chớ đừng tham mến xác thân mà phải ác trược gian tà, khổ lo rầu sợ. Mà thật vậy, sống ác tà khổ sở, nặng nề thấp thỏi như trẻ con, thì sự sống có quý ích gì? Còn sống thiện chánh, yên vui cao nhẹ, ích lợi như người lớn, ông già thì ai lại chẳng mong cầu được sống? Đó là giá trị của con người. Giá trị ấy tức là pháp, pháp bảo trừ pháp hại, pháp quý trừ pháp độc. Đành rằng nếu không vật chất trước ắt chẳng có tinh thần sau, không thân nào có trí? Không xác thân có đâu cái sống? Nhưng xét lại kỹ thì sau khi chết, xác thân vật chất mất rồi. Lúc ấy ta chỉ còn có trí, có tinh thần, có cái sống đã già mà thôi. Kìa cây lá hoa quả un đúc cho cái hột; cây lá hoa quả hết, chớ hột hãy còn. Thì xác thân vật chất của ta cũng vậy, các cái ấy có ra để nuôi tâm; tâm còn, tâm có, tâm sống, tâm là hột giống của loài người; lẽ thì ta phải lo nuôi nó hơn xác thân vật chất tạm. Tiếc vạn vật mà chi cho phải khổ, chẳng là vô ích lắm ru?

- Vạn vật có sức làm cho chúng ta phải tham lam độc ác, khổ phạt lấy mình.

- Chúng sanh năng làm cho chúng ta phải sân giận độc ác, khổ phạt lấy mình.
- Các pháp hay làm cho chúng ta phải say mê độc ác, khổ phạt lấy mình.

Vạn vật là thân phàm, chúng sanh là tâm phàm, các pháp ác là trí phàm. Ví bằng ta còn muốn giữ ba cái ấy thì cũng nên đổi nó ra thành món tốt đẹp hơn, rồi sẽ thương yêu, gìn giữ.

Thân mình của chúng ta có ba phần: tham là chân ác, sân là mình ác, si là đầu ác, ba thể ấy hiệp lại là thân ác. Còn như giới là chân thiện, định là mình thiện, huệ là đầu thiện, ba thể ấy hiệp lại là thân thiện. Có giữ giới vạn vật mới tốt đẹp, có thiền định chúng sanh mới sống đời, có trí huệ các pháp mới trọn lành trong sạch. Giới định huệ là một thân hình tốt đẹp của cái có, xứng đáng có yên vui. Chúng ta cần phải giữ cái có của giới định huệ ấy, bởi nó là chơn lý của võ trụ, nó là ý muốn của cái không, vì cái không là bà mẹ của chúng ta.

Tham sân si là không (bởi khổ). Giới định huệ là có (bởi vui). Lẽ khổ là trái ngược, lẽ vui là xuôi thuận đi tới. Vậy nên chơn lý của võ trụ là tiến, thì giới định huệ là cái kết quả của không gian, kết tinh lại các điều thuần túy mà làm thành đứa con ngoan là Phật. Chính Phật mới có được thân giới định huệ, một nhân vật quý nhất trong đời, là người đắc đạo của võ trụ. Vạn vật, chúng sanh và các pháp sẽ do nơi Ngài xem sóc, thay thế cho quyền tạo hóa hư vô, hưởng lấy kho tàng bất tận. Về thuyết có chỉ rằng: tự nhiên là có và sống, cái không là có và sống, khí thủy địa hỏa là có và sống. Cho đến các pháp giữa vạn vật và chúng sanh cũng là có và sống mãi. Trong võ trụ, không có cái chi là chết và không. Sự thay đổi khi vầy khi khác là bởi sức tự động của nó.

Sự sống của mọi vật cũng như cái máy đồng hồ, mỏn giây là vặn lại. Mạnh rồi yếu, yếu rồi mạnh, mỗi một lần thay đổi là tiến tới một khoảng đường; cũng như sáng mai hơn chiều nay, kiếp tới sẽ hơn đời này.

Trong thế gian, bằng không có sự vô thường, ẩn hiện, tương đối thì không bao giờ có cái thường và tuyệt đối. Nếu không có thường và tuyệt đối thì chúng sanh chẳng bao giờ được hạnh phúc, kết quả tốt đẹp, tối cao. Vậy nên vô thường tương đối là tiến hóa, là không khổ, là có, là sống đời đời, là thiện, là huệ, là chơn.

Chúng ta chắc không ai ưa sự tự dối lấy mình, là để cho lời nói phản ngược sự hành động, mà vội phê bình chỉ trích, chê bai, khen ngợi một việc nào, hạp hay không hạp với sở ý mình trong hôm nay mà quên nghĩ đến ngày mai! Không biết trước nó sẽ ra sao?

Than ôi! Chúng sanh những bị cái tham không thỏa mãn, mà lúc nào cũng giẫy giụa, than van cho rằng tạo hóa khắt khe gàn trở, lại gọi chơn lý chẳng công bằng, mà không hay chịu nhận sự lầm dốt của mình.

Kìa võ trụ sanh ra ta, nuôi dạy cứu đỡ nâng ta lên, chớ nào giết hại. Ví như người kia có mua một cái ly tốt, về sau cái ly ấy bể hoặc mất, người rất buồn rầu. Sau đó mấy ngày, người lại ra chợ mua một cái ly khác cũng giống như vậy mà tốt đẹp hơn, người lại vui hơn. Mà cũng nhờ sự mất bể ấy, trong đêm ấy người tránh được sự chết bởi có kẻ trộm muốn giết người để đoạt cái ly, nhưng vì sự bể mất buổi chiều, nên kẻ trộm kia tha cho tánh mạng. Lại nữa, nhờ ly bể mất ấy, người mới đi đến chỗ bán đồ mỹ thuật nên kiến thức được mở mang, mà gặp được nhiều món khác tốt hơn. Và sự việc đó đem lại cho người bài học rằng: đừng ôm giữ mãi một món đồ của ta mà phải khổ và thua kém người. Đã thiệt thòi với cái xấu mà còn nguy chết cả sanh mạng. Cái ly đâu có mất, nó chỉ đổi hình đổi chỗ mà thôi. Sự đổi ấy để cho ta tiến hóa, để cho ta đừng tham, đừng khổ và khỏi phải bị ai tham ác giết hại ta. Sự mất bể chỉ gạt kẻ tham ác, chớ nào nó có bỏ lìa ta. Vì cái ly này tuy bể mất nhưng hình tướng nó vẫn còn trong trí óc ta, ta sẽ đi mua, sắm lại cái khác tốt đẹp hơn, tức là nó còn đó, trở lại đó. Nhờ sự mất còn ấy, chúng ta mới có đủ tài trí và đức hạnh, là sự khỏi cất giữ cái của mình, mà cái của mình bao giờ cũng vẫn có còn ở nơi mình. Như vậy thì tham mà chi? Khổ ác ích kỷ mà chi? Chẳng là dốt nát lầm lạc lắm ru?

Vậy ta nên nhớ rằng ta có đủ hết và đồ vật không bao giờ lìa xa ta, dầu trong những đời này và đời khác. Ta hãy suy nghĩ xét kỹ mà khoan lo sợ, và tự nói rằng: Ai dám bảo của ta là không có, cho đến cái ta, ta tức là thiệt, chắc, có, sống đời kia mà đâu phải giả, đâu phải chết. Nó chỉ thay đổi để đừng nhàm chán, đừng khổ, đừng ác đó thôi!

Cũng như một người nghèo khó kia trong cơn bịnh nặng, biết mình chết mới suy nghĩ rằng: Ta có nên muốn sống nữa chăng? Nếu muốn sống ta phải

làm ác, cướp của giết người. Muốn hết nghèo khổ chăng? Nếu muốn sung sướng thì đừng thương ai hơn là thương thân mình! Nhưng xét lại bịnh quá nặng, việc ấy không thể làm, người mới suy nghĩ nữa: vậy sau khi chết ta sẽ còn gì? Có gì? Và đi ở đâu? Thấy ra các hạng người cùng khổ trong thế gian mà người rất sợ. Nhớ lại mấy người giàu sang, người định sẽ đi nhập thai những chỗ đó và yên trí rằng, khi người làm con kẻ giàu có, người sẽ không tham, không làm ác, người phải bố thí, làm các việc từ thiện phước lành để cho thiên hạ nhờ cậy và thương yêu, người mới giữ chắc được sự sống yên vui và trong sạch. Có như vậy hôm nay người phát tâm hoan lạc, mong chết cái nghèo để đến cái sống giàu sang, và mỗi kiếp mỗi tiến lên như vậy, cho đến bậc Trời và Phật, mà người không cho rằng có sự chết, chỉ là bỏ cái dốt nát lạc lầm, bỏ điều tham ác khổ hại đó thôi. Người không thể tin rằng: Không có cái ta, hay là cái ta thụt lùi; cho đến các pháp cũng vẫn là có, có chắc thật, có nẩy nở, có trường tồn.

Kìa như một ông thầy giáo đem hết sự học của mình trong mười quyển sách dạy lại cho một người học trò. Ông đã già, sắp chết, và trối với học trò, khuyên phải ăn ở hiền lương theo gương ông, và nên đem sự học của mười quyển sách ấy mà dạy trao lại cho đứa con sắp sanh ra. Chính đứa con ấy là ông sẽ nhập thai trở lại vậy.

Lại, ông đưa tiền ra, bảo dỡ nhà cũ bỏ mà cất lại nhà mới tốt, với đồ đạc dọn về nhà mới và sắm thêm; rủ thêm quyến thuộc tới ở cho đông để cùng nhau lo tu học. Việc làm ấy không tin rằng nó mất, ông quyết giữ một địa vị mãi, giữ một miếng đất mãi, giữ quyến thuộc và giữ luôn sự học hành. Ngày sau ông sanh ra trong miếng đất đó, nhà đó, của cải đó, quyến thuộc đó, gặp sự học mười quyển sách đó, ở chỗ hiền lương đó, mà càng tấn hóa lên cao, nhiều, lớn, hay hơn nữa. Ông nhận thấy rằng: nay tuổi ông sáu mươi, học hành của ông được có bấy nhiêu; chớ đời sau, khi ông được hai mươi tuổi thì sự học hành được ngang như bây giờ, và đến khi già thì ông học thêm được ít lắm cũng hai mươi quyển sách nữa. Như vậy là mỗi kiếp mỗi tấn hóa đi lên, vừa học vừa nghỉ, vừa gởi gắm lại cho kẻ khác để cất cho mình về sau. Ông ấy biết lập xã hội đạo đức để dung thân, sắm cửa nhà để sẵn cho mình; thật là kẻ biết rõ thấy xa cái có, cái còn, cái sống, cái ta của ta, cái pháp. Nào ai có quyền gì ép buộc phá hại kẻ hiền lương mà gọi là không, hòng làm cho

không! Dầu không bây giờ, nhưng ngày sau cũng vẫn có lại, mà vinh quang hơn nữa, chớ chẳng thiệt thòi.

Ấy cho nên kẻ giác ngộ rồi không có khổ, cũng không lo sợ, gian ác gì cả. Bởi người thiện rất an tâm mà cho rằng: thời gian vẫn đưa trôi người đi tới, càng tới, tới nơi cùng tột là Niết-bàn. Thế nên người từ bi hỷ xả lắm, chẳng biết giận buồn ai và bỏ ghét ai.

Vậy thì người ở đời, chơn lý vốn sẵn chỉ rằng: ngủ là để thức, nghỉ là để làm, nín để nói, chết để sống, không để có, mất để còn,… Đời là trường học tập, võ trụ tạo hóa như ông cha bà mẹ, chúng sanh như anh em, vạn vật là của cải, các pháp ấy món ăn. Kho tàng chỗ sẵn, của đầy cung cấp gìn giữ sẵn cho ta, đâu có gì là sự thiếu thốn. Bởi ý ta hay nhàm chán nên tất cả mới múa xoay, để cho ta vui tai lạ mắt, ngơ ngác không dè, đặng tập rèn cho ta sợ khổ, chết, mất, không mà dứt sự tham ác đê tiện, đặng làm cho ra giá trị của con lành, hột giống, của quí báu trong võ trụ. Hiểu như thế, ta mới vững tâm mà thấy rõ rằng: Ta không bao giờ bị bơ vơ sa thải, bàn tay khéo léo của võ trụ thân mến vẫn đưa ra che chở cứu vớt ủng hộ ta luôn, và lần lần đưa ta lên tột cao êm ái, không còn phải sợ ngộp.

Cho đến khi ta được thành Phật rồi, thì cũng như viên ngọc để trong hộp quý, trên bàn thờ tôn kính, cất để đời đời cho chúng sanh sau này bái vọng. Ấy tức là nhờ sự thay đổi vô thường, khéo hay không chán, giúp cho ta sự học kinh nghiệm để giữ cái ta, cái của ta. Cái có là cái thường của vô thường, cái vui trong sự khổ.

Cái khổ là tấm vách tường sau lưng đẩy tới, làm cho muôn loại chỉ phải tới chớ không lui. Ví bằng có kẻ ương ngạnh thụt lùi, té nhào bởi ác mà sa vào lưới khổ, cho đến tiêu diệt mất hình thì xác thân tâm hồn đó sẽ đổi làm thành xác thân tâm hồn khác sau này.

Về thuyết có, thì cái chi cũng là có hết, hoặc đã có, hoặc đang có, hoặc chưa có, hoặc đã được rồi cái có đời đời. Các pháp cũng như vậy: pháp sẽ sanh, pháp đang sanh, pháp đã sanh rồi, còn sở chấp hay không còn sở chấp, hoặc nói hay nín, hoặc ẩn hoặc hiện, tùy nơi sở dụng. Lúc nào nó cũng vẫn có, chớ chẳng thế gọi không. Cho đến sự bỏ qua, không ghi nhớ, đã quên rồi,

hay chưa biết. Thời kỳ có Phật hay là thời chưa có Phật, hoặc có chúng sanh hay chưa có chúng sanh, lúc nào pháp cũng vẫn có cả. Vì nếu pháp mà không có thì làm sao lại có kẻ đã tìm ra, đang tìm ra, hoặc chưa tìm ra, hoặc đã quên, không ghi nhớ! Bởi thế cho nên trong thế gian này, ai ai cũng có thể tự lựa chọn cái hạnh phúc tốt đẹp tối cao, mà cần nên phải tránh xa các món xấu xí tai hại, để hưởng trọn quả phước trong sạch, thanh bai, trắng trẻo.

Cái có thật là bao gồm tổng quát và lại chia ra làm hai loại, như: có thiện có ác, có còn có mất, có có có không, có địa ngục có thiên đường, có Niết-bàn có luân hồi, có sống có chết, có đến có đi, có tốt có xấu… tương đối! Bởi có, mới có đặt tên, so sánh, nói chỉ viết ra. Thế nên, một kẻ chấp có để tiến lần đến Niết-bàn rốt ráo, yên vui tốt đẹp. Nhờ chấp có mới cố gắng siêng năng, vượt lên từng bước một. Nhờ chấp có mới bỏ ác theo lành, mà đi tới cõi vui tuyệt đối. Khi đến cảnh tối cao ấy rồi, họ không còn sự cố chấp vọng động, chớ cảnh ấy cũng vẫn có với họ; dầu họ cố quên hay là ngủ nhắm mắt, cảnh có ấy cũng chẳng mất đi đâu.

Cũng như không có cái có thì đâu có mệt, mà không mệt thì đâu có nghỉ ngơi, chơn như, vắng lặng. Không phải như sự giải đãi mà nói liều không không, không có, không làm, không cần biết phải quấy gì cả của kẻ đánh liều, buông lung tội ác; để rồi sau này lại chịu khổ sầu. Mà thật ra, cái có có là sự gieo trồng giống tốt của kẻ siêng năng. Có khổ mới có vui, có cực mới có sướng, không còn biết khổ bởi đã quen khổ, vui trong cái khổ, nghỉ ngơi trong cái khổ. Nhận lấy cái vui tuyệt đãi của người mà quên khổ nhọc của mình. Lánh xa điều ác, cần chuyên việc thiện, kẻ ấy mới thật thấy chánh đi đúng theo lẽ có; biết tạo lập cho mình và cõi đời, từ nay và mãi mãi về sau, trở nên một thế giới cực lạc sống chung, mà có mình trong ấy mỗi lúc.

Đi theo một chương trình thuyết có, kết cuộc sẽ thành công vĩ đại phi thường. Phật thánh xưa nói không không là tránh cho chúng sanh sự ác, sự khổ; chớ nào có cái không không là ra làm sao? Nếu không, sao các Ngài thành Phật, là đấng tối cao tột bực? Vậy ta chớ hiểu lầm câu nói ấy mà chấp không để mãi thụt lùi, chôn nhốt là lỗi tự mình.

Kìa như không nước là đã thành đất, không đất là đã thành cỏ cây, không cỏ cây là đã thành thú người, không thú người là đã thành Trời, không Trời

là đã thành Phật. Không ấy là tấn hóa bỏ thấp lên cao, gọi là không cái thấp có cái cao. Lẽ không ấy đặng cho đừng mến tiếc cái cũ xấu mà ham cái tốt mới vậy. Cũng như có không quyến thuộc gia đình xã hội loài người, thì ta mới đến được cõi Trời Phật. Ấy như nghĩa không có vị ta, mới có vị người. Lý không ấy là sự dứt bỏ cái nhỏ để đi đến cái lớn, chớ không phải nói rằng Phật là không có thân tâm, chỗ ở, của cải, y phục.

Phật là một siêu nhân cao cấp, thân Ngài là hình bóng khác với thân người, cũng như thân người khác với thân cây, thân cây khác với thân nước loãng, cho đến chỗ ở, của cải, y phục, tâm trí của mọi trình độ giới hạn đều khác nhau không giống, chớ vẫn có đủ điều mới được yên vui đằm thắm. Cảnh giới càng cao, càng thiện lành trong sạch thì lại càng sung sướng khoái lạc thâm trầm, cái nặng nề khổ sở càng ngày nhẹ hết.

- *Vì đâu mà có lẽ không?*

- Bởi lẽ có! Chúng sanh, vạn vật và các pháp là cái có.

Cái có từ thấp tới cao, từ nhỏ tới lớn, từ nặng tới nhẹ… Nghĩa là cái có phải đi tới mãi. Bởi quan niệm của chúng sanh thiếu trí phán đoán, nhận lầm, đứng một chỗ hoặc thối lui, ác trược chịu khổ, nên mới có danh từ tương đối là không, không ác trược, không khổ; không cái không hôm nay và đã qua, không luyến ái, không tự cao, không giữ gìn, không bền vững…

Không tức là có vậy, nghĩa là không cái này là có cái kia, chớ chẳng phải cái không tuyệt đối.

Cho nên, không ác khổ là Niết-bàn cực lạc, hay là có thiện vui cũng là Niết-bàn cực lạc. Kẻ chấp có đến chơn như thì người chấp không cũng đến chơn như. Không vọng động, không mê lầm, không cấu trược, không chúng sanh tức là chư Phật vậy. Kẻ chấp không không rốt ráo tức là kẻ đã già, mệt, hưu trí, nín nghỉ rồi, rồi xong phận việc chẳng còn có cái gì nữa, nên gọi là không. Còn như trẻ nhỏ chưa làm, thiếu thốn đói khát, chưa rồi, nếu bảo không ắt chẳng thể được, tất nhiên với kẻ nghèo túng là phải có vậy.

Thế nên, đức Phật có dạy rằng: Kẻ Thinh Văn là học trò mới nghe dạy, phải không ác mà có thiện. Bậc Duyên Giác phải không thiện mà có huệ. Bậc Bồ-tát phải không huệ mà có chơn như. Đến bậc Như Lai rồi cũng phải

không có chơn như nữa mới là Phật hoàn toàn. Không cái thấp có cái cao, ấy là Phật chỉ nấc thang trên mà bỏ tầng lớp dưới. Cho nên, chữ không và có do tiếng đạo đức thốt ra, tùy sở chấp của chúng sanh. Ông già trẻ nhỏ tương đối, nhưng chỉ có một lý nghĩa là bỏ xấu lấy tốt, bỏ dở lấy hay mà thôi.

Vậy thì không ác hay là có thiện vẫn là một, nào có khác chi? Có tức là không, không tức thiệt có, chẳng phải hai. Cái nào cũng Niết-bàn cả. Biết bao nhiêu kẻ tưởng lầm có có, cái ác là vui. Biết bao nhiêu kẻ tưởng lầm không không, cái thiện là khổ. Ấy bởi không thông chơn lý, chẳng rõ nhơn duyên, mãi sống trong vạn vật, chôn nhốt phủ giăng, cuồng vọng điên đảo. Do sở chấp của hai hạng đó mới sanh ra lẽ có, lẽ không để giác ngộ. Nhưng nếu khi đã hiểu ra rồi, thì có không gì cũng được, miễn hết khổ là xong. Trình độ nào thì sở chấp nấy, có ai bảo ai theo như mình được? Cũng như học trò lớp chót và lớp nhứt, không thể hiểu biết bằng nhau. Ông già mà có có như trẻ nhỏ không được, trẻ nhỏ mà không không như ông già cũng không được; định luật tạo hóa, nhơn duyên như vậy, khó bề trái cãi.

Thuyết không cũng chẳng khác gì thuyết có. Tự nhiên sanh ra không, không ở trong tự nhiên. Không sanh ra khí và sanh chuyển ra nước, đất, lửa, gió, cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật.

Về thuyết không, thì không sanh ra có, và rồi có trở lại không (chấp theo hình thể) nên gọi không là bà mẹ, không là chơn lý lẽ thật. Chúng sanh, vạn vật, các pháp cố cưỡng sanh ra là sái quấy, nên phải khổ. Hễ cái chi có là ác, không là thiện. Không là trời, có là đất. Không là vui, có là khổ. Lẽ không là phương pháp an ủi nhiệm mầu. Không là bàn tay cứu vớt biết bao kẻ bị chôn sâu. Cái không là sự nghỉ ngừng tạm để cho chúng sanh bớt mệt, ít ngán, đặng đi đường dài đến mục đích. Có là đi, không là nghỉ; có là đạo, không là quả. Nhờ chấp không của mỗi chặng bực nên mới đến được cõi tự nhiên chơn như. Đến nơi ấy chẳng còn không hay có, nghĩa là đã hết chấp. Bởi hết chấp nên nói có không gì cũng được. Không là giáo lý chớ chẳng phải chơn lý. Những ai níu lấy nó cũng được an ổn biết bao. Nhờ chấp không, mới dứt trừ được tham, sân, si, ngã mạn, cái ta mê muội.

Cái không cao hơn cái có. Không ác hơn có ác. Không khổ hơn có khổ. Không thân hơn có thân. Cũng như cái không là trên đầu, cái có là dưới chân.

Nhưng nếu nói trái ngược lại: có thiện hơn không thiện, có tu hơn không tu, có Phật hơn không Phật. Tuy là lời lẽ tương đối, nhưng cũng vẫn có một lý nghĩa là bỏ thấp lên cao, chỉ có một đường.

Tiếng không có hai cách thông dụng, nghĩa lý trái ngược như vầy:

1. Chấp không: nghĩa là có.

2. Không chấp: nghĩa là không.

Lại như câu nói:

Nhà không: là có nhà.

Không nhà: là không có nhà.

Chữ tương đối mà nghĩa cũng tương đối, nhưng lý thì vẫn có một. Cũng như kẻ ác nói có đời, người thiện nói không đời. Kẻ ác nói đời không, người thiện nói đời có. Kẻ ác nói không đời, người thiện nói có đời. Kẻ ác nói đời có, người thiện nói đời không. Tám câu ấy tuy hẳn khác nghĩa đối nhau, nhưng thật là một lý một, không phải quấy. Thế mới biết rằng: các sự luận biện là vẫn hiểu lầm, cho đến cả lý luận nay mai trong ngoài cũng như vậy cả thảy.

Cái không cũng có lợi và hại. Cái có cũng có lợi và hại. Có ác là kẻ làm ác mà không nhận tội. Có thiện là kẻ làm thiện mà không nhận phước. Không ác là kẻ không làm ác mà tự nhận lỗi. Không thiện là kẻ không làm thiện mà lại giả danh. Nghĩa ấy tuy ngược chọi với lẽ xuôi nhưng đúng hạp với tâm lý của chúng sanh lắm vậy. Không và có nghĩa lý nói không cùng.

Từ có ác đến không ác, và từ có thiện đến không thiện là giải thoát.

Ta nên nhận xét rằng: Một đức Phật hay là trong khi ta nhập định, tuy ta không chú ý vào cái ta để dứt sự phiền não, chớ cái ta trong lúc ấy vẫn đang có, nó đang nghỉ ngủ yên lặng. Từ cái thân trong không khí khó thấy (mà kẻ thường gọi là không), đến cái thân tướng hữu hình của tứ đại, sau lại khi thành Phật, thể tứ đại bỏ thì còn thân của hình bóng khó thấy. Nên có kẻ nói không đến, không đi, không về không; chớ chẳng biết được rằng: Lúc nào thân cũng vẫn có, mà nó phải khác nhau ở mỗi cảnh giới. Lại bởi quả địa cầu lăn xoay, mọi vật vô thường thay đổi, có tương đối, âm dương hóa sanh vạn vật chúng sanh, nên người hết khổ vì chấp có, lại té ngã qua lề không, khiến

nên không và có là hai bờ lề. Chúng sanh mảng ngó qua xem lại cái nào cũng phải, lẽ nào cũng hay, khó nỗi biện phân, nên không trông thấy đạo, không lìa một chỗ, cái khổ chẳng rời.

Chớ chi người ta chịu hiểu rằng: Cái có là chân, cái không là đầu, cái trung là ở giữa, trung mới là đạo, là mình. Cái mình là chỗ nuôi sống, chẳng rời đầu và chân, gồm cả ba phần ấy mới gọi một thân sống. Nếu nói đầu không thì xa chân CÓ quá, khó sống. Nếu nói chân có thì xa đầu KHÔNG quá, ắt khó sống. Bằng nói mực giữa trung thì gần cả dưới trên, cũng như có thức có ngủ, có làm có nghỉ, có sống có chết thì chúng sanh khỏi bị khổ vì thái quá và bất cập, mà sanh mãi vọng tâm, lại dễ chịu hơn. Nhưng nếu chấp trung đi chánh giữa, như kẻ thiếu đầu thiếu chân, chỉ có mình thì cũng không sống đặng. Như kẻ bị ép ngặt hai bên thì chết dẹp hết thở. Thế nghĩa là cũng không phải chấp trung mà gọi là đạo được. Vì có ai bị kềm trói, đi ngay hoài mà chịu nổi. Âu là phương tiện, qua một chút cũng được, lại một chút cũng xong, mực giữa càng tốt, gồm cả ba mới là đạo. Vậy ta thấy rằng không thể thiếu một bên hay khoảng giữa, không thể xẻ hai hay phân ba, mà phải chung hiệp mới là thể một, có sống. Như vậy vô chấp thì hơn; có, không, hay trung có ích lợi gì! Còn chấp là còn ý, ý đâu có định. Nói xuôi nói ngược, biết đâu nhiều khi ta nói phản với ta, tự dối lấy mình!

Nếu đã nói Có, Không và Trung gồm một thể sống, thì thể sống ấy là có, chớ nào phải không? Chơn là không khổ, vọng là có khổ; vui khổ tại nơi thiện ác, chấp cùng vô chấp, ta hiểu như thế cũng đủ rồi. Ác là nặng, thiện là nhẹ, huệ là dứt bỏ, chơn là tự nhiên; âu là ta hãy tự nhiên, có chẳng hơn không? Tự nhiên của kẻ dốt là khổ, tự nhiên của kẻ học là vui. Vậy sau khi lầm lạc, đã được học rồi, ta hãy tự nhiên cho vui là quý hơn hết.

Có để đặng chơn như, Không để đặng chơn như, Trung để đặng chơn như. Chấp gồm ba pháp để đến chơn như, không chấp cũng chơn như. Chơn như mới thiệt là Có, chơn như mới thiệt là Không, chơn như mới thiệt là Trung, chơn như mới thiệt là ta, là Phật. Vậy ta chỉ cần biết chơn như là đủ. Nhờ các pháp ấy, ta mới đến chơn như, thấy rõ rồi thì cứ hãy đi để tới, chớ khỏi cần ngó lại và nương theo tay chỉ nữa. Kẻ giác ngộ chơn như rồi thì giải thoát ra khỏi tất cả sở chấp, không còn giả vọng, nên gọi là chơn như toàn giác, trọn sáng trọn lành.

Nói tóm lại: Có, Không, Trung là Pháp để mở trí cho người thấp kém nhỏ nhen. Có, Không, Trung là võ trụ bao gồm có sẵn như quyển sách, trí ta như cặp mắt để xem nhìn cho thấy tỏ rõ, đặng yên sống và hưởng dùng, mới được no vui ích lợi.

Trước có pháp mới có trí, và sau này có trí mới có Pháp. Nhờ Pháp, Tăng là chúng sanh mới thấy Phật, là chơn như giác ngộ. Phật là chỗ đến của Tăng nhờ Pháp, khi đến rồi thì Pháp không còn dùng. Ấy vậy Pháp Có, Không, Trung là quý báu, của cải của chúng ta; không có nó, tâm ta chẳng bao giờ đầy đủ cứng già, muồi chín được. Cũng như cơm là món ăn của thân, Pháp là mùi vị ngon thơm của tâm. Ai ai sống đời cũng nhờ Pháp bảo. Pháp bảo là thầy của Phật, là thầy của Tăng và chúng sanh. Vậy nên, chúng ta mau mở trí ra mà chứa đựng Pháp bảo.

Vì trong đời Pháp bảo là quý hơn hết.

CHƠN LÝ 7

SANH VÀ TỬ

1. *Vấn: Cái gì là chúng sanh?*

Đáp: Cái biết là chúng sanh.

2. *Vấn: Cái gì sống chết?*

Đáp: Cái biết sống chết.

3. *Vấn: Cái gì sanh biết?*

Đáp: Đất nước lửa gió do nhơn duyên tập mà biết lần, từ chưa biết đến thành hình biết.

4. *Vấn: Hình dạng của cái biết mỗi lúc ra sao?*

Đáp: Lúc mới tượng là thọ cảm, ví như một làn khói. Khi thành tư tưởng, tức làn khói ấy kết đặc thành hình. Kịp có hành vi thì hình khói ấy lộ ra rõ rệt. Đến thức trí, hình bóng ấy lại lâu tan. Được giác chơn thì thân hình ấy đời đời bất hoại, lại màu sắc vàng ròng, kêu gọi là thân của biết, giác thân hay Phật thân.

5. *Vấn: Cái hình thể của biết ấy, ta có thể thấy được chăng?*

Đáp: Có thể thấy được, nếu định tâm yên lặng lại, nhìn xem sự sống đang cử động tác dụng của mỗi chúng sanh thì ta sẽ thấy rõ rệt. Cho đến nó cũng có nói chuyện nữa. Trí ta vắng lặng sẽ nghe rõ ràng từ tiếng nói của trùng dế, cỏ cây, Phật, Trời, người, quỉ (ở tận phương xa) cũng nghe thấy.

6. *Vấn: Tại sao cái biết đó linh diệu?*

Đáp: Cái biết linh diệu là nhờ vắng lặng, khi nó đứng ngừng thì cái điển của nó thâu rút được các pháp khắp nơi. Càng yên lặng một chỗ thì càng vung tỏa ra rộng lớn, cũng như ánh sáng ngọn đèn, như lò máy điện. Cái biết mà được thong thả, khỏe khoắn, thanh nhàn, khoái lạc, yên tịnh thì có được đủ sức mạnh thần thông.

7. *Vấn: Tại sao cái biết có nhiều tên gọi như thọ, tưởng, hành, thức, giác?*

Đáp: Chính cái giác mới là đúng tên của biết, là sự biết hoàn toàn sáng suốt không mê lầm. Còn thọ, tưởng, hành, thức là cái biết mới tượng sanh, mới tập nảy cũng như cái hột còn lép còn non, mới cứng mới già, cũng tạm kêu là hột vậy.

Cái biết mới kêu là thọ cảm, cũng gọi là tình.

Cái biết khá hơn kêu là tư tưởng, cũng gọi là ý.

Cái biết lớn rộng nữa kêu là hành vi, cũng gọi là thân.

Cái biết cứng chắc hơn kêu là thức trí, cũng gọi là khẩu.

Cái biết già kêu là giác, cũng gọi là tánh, hay tâm chơn.

Tình thọ và ý tưởng, cũng gọi là tâm vọng.

Thân hành và khẩu thức cũng gọi là trí phàm. Tâm vọng nói đây là cái tim sống hay là ngòi sống phát sanh từ nơi tứ đại, trước nhứt là cỏ, cây, thú. Tâm vọng sanh trí phàm là sự khổ sở điên đảo, do đó mới có pháp thánh chơn, để nuôi tánh giác là Phật.

8. *Vấn: Cái biết ấy có sống chết chăng?*

Đáp: Nếu nuôi mãi thì nó sống hoài, còn giết hại thì nó phải chết mất theo hồi giết hại.

9. *Vấn: Cái gì nuôi nó sống? Cái gì giết nó chết?*

Đáp: Thiện vui là nuôi nó, ác khổ là hại nó.

10. Vấn: Cái sống của biết là sao? Cái chết của biết là sao?

Đáp: Cái biết sống là tỉnh táo, định yên, cứng chắc, mạnh mẽ, trong sạch, vui mừng, tìm xét sáng suốt, không loạn vọng, không xao động. Cái biết chết là điên cuồng, rối trí, tán loạn, mê sảng, đến mất cái biết, tiêu tan cái biết không còn biết gì nữa. Vả chăng, cái biết là sự kết hợp tập lần của các pháp, mà nơi đây sự điên đảo, tán loạn, mê sa làm cho hư rã tan hoại.

11. *Vấn: Trong sắc thân này, cái biết ở tại chỗ nào?*

Đáp: Chỗ nào nó cũng ở cả, nhưng chẳng bao giờ ở đứng hoài một chỗ; hễ chỗ nào bị xao động kích thích, hoặc gặp phải sự thái quá bất cập, thì nó mới đến ngay chỗ đó, biết ở đó. Cái biết chỉ có một, khi đang ở chỗ này thì không có ở những chỗ kia.

12. *Vấn: Khi ngủ, cái biết ở tại chỗ nào?*

Đáp: Đã là cái biết ngủ nghỉ thì nó ở tại cái mê say, chớ không ở chỗ nào hết. Cũng như kẻ say rượu, như người hửi thuốc mê thì nó là say mê, chớ không phải ở đâu cả. Ví như người kia ở trong nhà đóng kín các cửa thì không ai có thể nói nó ở tại chỗ nào; bao giờ có một cửa mở hay là xao động tại đâu là nó ở tại chỗ đó. Trước khi ngủ mê say, người ta yếu xuội, xuôi đờ ra và hơi thở nghe êm nhẹ điều hòa, rồi thiếp hẳn tại chỗ hơi thở và yếu xuội đó. Cho nên, lắm kẻ nói rằng: khi ngủ cái biết ở tại hơi thở, vì còn sống là còn hơi thở. (Nếu như nói vậy thì trái tim cũng vẫn đang đập, máu cũng vẫn đang chạy nữa kia? Còn nhiều kẻ ngủ mê, lại đi đứng ngồi hay cử động; như vậy là đâu phải ở riêng nơi hơi thở). Xác thân như chiếc xe hơi, máy vẫn chạy đằm làm sự sống, còn cái biết như người chủ, là khác hẳn với chiếc xe.

Trước kia là cái sống sanh lần cái biết, khi có biết rồi thì biết và sống là hai, chớ không phải một. Cũng như cây và hột, trước là cây sau là hột. Cây hột khác nhau, khi cây chết là còn hột. Cho nên thân người có chết thì cái biết của thân ấy vẫn còn. Cái biết là con, hay là tinh ba của sự sống nơi thân thể vậy.

13. *Vấn: Tại sao có chiêm bao?*

Đáp: Chiêm bao có nhiều cách. Khi thức cũng chiêm bao thay, lựa là nói lúc ngủ! Cái gì lại không phải là chiêm bao? Khi thức đây mà lúc thì ta nhớ

thấy chuyện đã qua, xét thấy việc sẽ đến, nhận thấy sự hiện tại, nhận thấy cảnh ngộ nhơn duyên, nhận thấy tư tưởng mình, nhận thấy sự thái quá, nhận thấy sự bất cập, nhận thấy bởi thất tình lục dục, nhận thấy bởi kẻ khác đến, đồ vật ai đem cho v.v… Tóm lại, cái thấy nào cũng là mộng ảo, huyễn cảnh cả. Ta đang ở trên mặt đất của quả địa cầu này, mà đó là chỗ nào của võ trụ và chúng sanh vạn vật, với các pháp vốn không thường, khi ẩn khi hiện, khi có khi không, khi còn khi mất, khi đến khi đi, khi sống khi chết, nào ta có thấy chắc thiệt cái gì đâu? Trong giấc ngủ mơ cũng thế, khi cái biết đã thức mà xác thân còn mê mệt, thì cái biết hành động tự ý nó, nó thấy ra tất cả như khi thức chớ sao? Cũng có đôi khi ta thấy thần quỉ Phật Trời thiệt, nhưng lại là rất ít, vì ta với họ khác nhau về cảnh giới, nào có liên quan gì nhau.

Phần nhiều chiêm bao là bởi sự kích thích, trước khi ngủ hay đang ngủ, bị nóng lạnh, nhức mỏi giựt mình, lo sợ, vọng tưởng… bởi pháp tương đối, hoặc lúc thức, cái biết đang bị nhốt trong cảnh trí nào đó, vì vậy mà có lắm sự chiêm bao như lúc thức. Vả lại, các sự chiêm bao không ích lợi bằng thiện lành. Kẻ mà biết ngăn ác là đáng tin cậy hơn vậy.

14. *Vấn: Sau khi chết rồi, cái biết sẽ đi đâu?*

Đáp: Nó đi theo cái nghiệp của nó, cũng như kẻ sống đây có khác gì? Cờ bạc đến chỗ cờ bạc, uống rượu đến chỗ uống rượu, ác đến chỗ ác, thiện đến chỗ thiện, đạo đức đến chỗ đạo đức… mà kết quả của nó là sự yên vui hay rối khổ, định hay là loạn vậy.

15. *Vấn: Lúc xác thân chết, cái hình dạng của biết xuất ra bằng cách nào?*

Đáp: Lúc chết thiếp đi như say rượu, như say thuốc, như ngủ quên, như hít phải thuốc mê nào có biết gì; cũng như người lái xe nằm ngủ quên trong xe, khi giựt mình thức giấc mới biết là xe đã chết máy lạnh hư, sét cứng rồi. Người chết hoặc mê sảng, hoặc ngủ quên, khi tỉnh dậy thì máu đã trắng, xương thịt đã cứng, lạnh hết hơi, thì mới biết mình đã chết thân, hư nhà, thôi thì muốn đi đâu là đi theo ý trí tình vọng. Với kẻ ác, kẻ khổ sở nặng nề thì mê muội lâu hơn là người thiện thanh vui nhẹ, tùy theo hột giống gieo tạo của mỗi người trong lúc sanh tiền.

16. *Vấn: Cái biết bao lớn và ra sao?*

Đáp: Khi ta ngước lên không thì cái biết của ta là bao la vô cực. Lúc ta lựa từ hột cát thì cái biết của ta là hột cát. Khi ta xỏ chỉ vào lỗ kim thì cái biết của ta bằng lỗ kim. Lúc ta thấy con gà, con vịt, cọng cỏ, cái cây thì cái biết của ta là gà vịt, cỏ cây. Tai nghe tiếng, biết là tiếng. Mũi hửi mùi, biết là mùi. Lưỡi nếm vị, biết là vị. Thân đụng vật mềm, biết là mềm. Ý nhớ người ta, biết là người ta. Trí phân biệt thiện ác, biết là thiện ác. Gặp màu xanh đỏ trắng vàng… biết là xanh đỏ trắng vàng... Thấy món vật tròn hay dài là biết tròn hay dài. Chú ý nơi xa, biết ở xa; tưởng tượng gần, biết là gần. Thoạt xứ này, thoạt cõi khác, hoặc ở trong, hoặc ở ngoài v.v... Cái biết là bao gồm vạn pháp, mà lúc nào nó cũng chỉ có một thôi. Hễ biết cái này thì không biết cái kia. Biết nhiều khổ nhiều, biết ít khổ ít, không biết là không khổ; hay là muốn dứt khổ thì cái biết phải cho định, hoặc phải cho đầy đủ toàn giác. Biết loạn là ma, biết định là Phật. Cái biết hằng định trong mỗi lúc, hoặc biết đầy đủ rồi là định. Có Định mới yên vui, gọi là cái biết đứng vững, sống đời, thiệt thọ, kêu là giác.

17. *Vấn: Cái gì là ta và có bao nhiêu cái ta?*

Đáp: Tiếng ta là tư kỷ bổn ngã. Do sở chấp mê muội, ai cũng tự ái, tự đắc, tự tôn, tự thị, tự kiêu mà cho rằng ta là vầy đúng, ta là vầy phải… Cái ta ấy là biết, cái biết của mỗi trình độ nhơn duyên bao giờ cũng khác nhau, chớ không giống một. Các cái biết ấy đều phải cho họ cả, không có ai trật sái hết; nhưng nếu có một người nào toàn giác biết đầy đủ cả, thì không bao giờ tranh cãi, người cũng không nhận cái ta ở một chỗ nào, tùy theo duyên, cái ta biến hiện trong mỗi lúc, chớ không phải là sở trụ mà cố chấp được, nên gọi là cái ta vô thường, hay các pháp không ta. Nếu tất cả đều được toàn giác như thế, thì cả thảy đều có một cái ta như nhau, không khổ não; khác hơn là muôn vạn cái ta của chúng sanh không định, biết đâu mà lường, khi nói vầy, khi tính khác, chấp kia chấp nọ mãi, mà định mạng của cái ta chẳng biết tại chỗ nào. Bởi càng quấy tung, tâm trí càng nát nhừ bấn loạn; cho nên gọi chúng sanh chưa có ta, chư Phật mới có ta, cái ta toàn thể như một.

18. *Vấn: Cái hình bóng của biết nhập thai bằng cách nào?*

Đáp: Đã là hình bóng như làn khói, là một điện lực mạnh mẽ, thì ra vào trong thân thể người lúc nào lại không được. Thân thể ta vốn trống thông các lỗ hơi, gió trong ngoài thường ra vào, thì sự nhập thai đâu phải lạ. Có điều là ta nên hiểu rằng: Nếu bọc thai trống không, không có tinh huyết, thì không lấy gì mà tượng hình được, dầu cái hình bóng của biết, có vào ở trong ấy bao lâu cũng không sanh sản được. Cho nên cần phải đợi cho có sự giao hiệp, tinh huyết đầy đủ mới nên sắc thân đặng. Tinh huyết ấy có đủ bốn chất tứ đại là đất nước lửa gió, cho nên gọi tứ đại là thân, hay là thân tứ đại.

19. *Vấn: Người ta nói cái thần hồn là gì? Phách là gì?*

Đáp: CÂY có phách là tình thọ, hay thọ cảm, cũng như đứa trẻ ba tuổi.

THÚ có hồn là ý tưởng, hay tư tưởng, cũng như đứa trẻ được sáu tuổi.

NGƯỜI có hành vi, gồm cả hồn phách thọ tưởng, cũng như trẻ nhỏ tuổi mười hai.

TRỜI gồm cả thọ tưởng hành, mà sanh thức trí, kêu là thần thức, cũng như người lớn ba mươi tuổi.

PHẬT là giác chơn hay tánh, gồm cả thọ tưởng hành thức, cũng như ông già trên bốn mươi tám tuổi.

Ấy vậy, hồn phách hay thần thức là người ta chỉ về cái hình bóng của biết, hay thân hình của biết. Tuy nói khác tên chớ hiểu ra thì có một. Còn về pháp thì không nói thân hình bóng của biết ấy, mà chỉ rõ ra danh từ của mỗi trình độ của biết, là thọ, tưởng, hành, thức, giác vậy thôi. Đó là lý và sự. Hiểu nơi lý thì rộng đường cho trí, chấp theo sự là nói hẹp cho kẻ tối tăm dễ hiểu, nên gọi là linh hồn cũng đủ.

20. *Vấn: Sự sanh thân có mấy cách?*

Đáp: Sanh thân nơi người có bốn cách:

a. CÓ LINH HỒN NHẬP THAI TRƯỚC là cây và thú, vì khổ sở lâu ngày nên sau khi chết nhập thai người liền, để tấn hóa và yên vui hơn. Với lại những người ác như thú, trơ độn như cây, sau khi thác vì sợ tội lỗi, vì sợ

khổ sầu, vì quả báo oán thù oan trái, vì luyến ái mê nghiệp đắm trần mà nhập thai trước trong bụng người, như giành chỗ, như choán phần, như trốn tránh, như bị kẻ khác kéo lôi. Hoặc tự mình nhập thai, hoặc bị người bắt buộc phải nhập thai trước để sanh ra đặng đền ơn hay trả oán.

b. THAI TƯỢNG KHÔNG CÓ LINH HỒN là do chất tinh của cha, huyết của mẹ, đầy đủ thể chất là thành hình, cũng như hột giống cây sanh cây, hột giống cỏ sanh cỏ, hột giống thú sanh thú, hột giống người sanh người, tinh ba của cha là giống hột, huyết kinh của mẹ là đất nước sanh ra đứa con, cũng như cỏ mới mọc vượt lên. Chất tinh ba năng sanh xương gân, chất huyết kinh năng làm máu thịt, do đó tượng thân người. Cũng có những thai người do tư tưởng mong muốn có con của người cha hay mẹ, mà sanh đứa con và sẽ giống cha hay giống mẹ, tức là thai bào tư tưởng do cha mẹ chiết để tư tưởng mình vào đó mà thành hình, dầu tinh huyết có kém, chớ tư tưởng vẫn mạnh hơn nên tượng sanh được. Đoạn này ta thấy sự chiết tư tưởng là một sức mạnh linh thiêng, mà cục đá, khúc cây, hình cốt, nơi chỗ thờ phượng, có nhiều người khấn nguyện, tưởng tượng, để ý mình chăm chú vào đó, lâu ngày sẽ linh ứng có hồn. Đây tức là hồn nhân tạo, cha mẹ sanh con, sanh cả thân và tâm. Thuyết cha mẹ sanh con này cũng giống như tứ đại đất nước lửa gió sanh cỏ cây thú người Trời Phật, vì xác thân của người ta cũng là tứ đại đất nước lửa gió vậy.

c. NHỮNG THAI KHÔNG CÓ GIAO DÂM: Có những thai thần thông, do các bậc tiên thánh quỉ thần dùng tư tưởng riêng của mình mà cho đi nhập thai, tượng hình trước, để khi sanh ra rồi các vị ấy mới đến nhập vào. Những thai này cũng không cần chất tinh ba của cha, mà vẫn phải có bằng phép linh diệu kỳ thuật.

d. LINH HỒN SANH KHÔNG NHẬP THAI: Bậc trong sạch trọn lành, không hạp nơi nhơ uế, sự giáng sanh là để cứu thế độ đời, tự lòng từ bi chớ không phải sự ép buộc, hoặc mê trần, nên không hay nhập thai trước, khiến nên chúng ta hằng thấy nhiều người lúc lâm bồn khai hoa có nhiều điều quí lạ, hoặc đứa trẻ sanh ra mà còn chờ chủ, đến năm bảy năm vẫn trơ trơ, rồi thình lình trở nên sáng suốt hay diệu lạ kỳ.

Đó là bốn cách sanh thân vậy.

21. *Vấn: Bốn cách sanh ấy, đứa trẻ có khác nhau chăng?*

Đáp: Sắc thân thì không mấy khác, vì là cũng đều ở trong miếng đất của người mà ra, song cái biết thì khác nhau nhiều và bẩm tánh không đồng:

Đứa trẻ cây sanh thì đần độn.

Đứa trẻ thú sanh thì ngu muội và hung ác.

Đứa trẻ người ác sanh thì xảo trá, ngang tàn, xấu xa.

Đứa trẻ người thiện sanh thì hiền lương, dễ dạy, tốt đẹp.

Đứa trẻ quỉ thần sanh thì lanh lợi, quỉ quyệt, khác thường.

Đứa trẻ tiên thánh sanh thì có đủ đức tánh quí lạ.

Đứa trẻ cha mẹ sanh, không hồn trước, thì dạy đâu biết đó, chậm tấn hóa hơn là kẻ đã có hồn sẵn. Những đứa trẻ này mới sanh mà bỏ chỗ vắng cho chết luôn thì cái biết lại chết luôn, hoặc nó có chất sống mà không ai dạy, không gặp chi cả thì không biết gì hết, chỉ như cọng cỏ khúc cây thôi.

22. *Vấn: Có phải khoa học nói không hồn là đúng chăng?*

Đáp: Khoa học là các môn học, tức là sự học chung về sự vật. Môn siêu hình học thì ít người chăm chú, vì mảng lo đeo đuổi theo vật chất hữu hình. Chớ chơn lý hay Phật pháp đâu phải khác. Chính khoa học là ở trong thế giới, mà Phật học là bao gồm võ trụ rộng hơn. Thế nên, khoa học là còn đang học thì bao giờ cũng còn đi sau và ở trong giáo pháp của chư Phật.

Môn siêu hình học biết có Phật, Thánh, Tiên, Thần, ma, quỷ thì đó là hồn của thân xác vậy. Luận về cái sống của các bộ thần kinh trong thân thì như bộ máy xe hơi, mà hễ có xe thì sẽ có sự điều khiển là cái biết, biết lần cho đến nên hình là người chủ xe, cỡi lại xe. Thân tứ đại của người không phải như sắt thép, lẽ nào lại chẳng tượng sanh cái biết và có hình? Cỏ cây kia ta còn thấy nó có cái biết lần thay! Ấy bởi chấp thân mà không thấy cái kết quả của thân, như nhìn cây mà không thấy hột của cây. Cây chết hột còn, thân mất cái biết còn. Chính cây sanh hột, chính thân sanh tâm vậy.

Vả lại, sự sanh có bốn cách. Nếu nói chỉ có tứ đại đất nước lửa gió là sự sống chớ không có cái biết sao? Vậy còn ai biết cái gì gì đang hiểu đây, đang nói đó? Biết là cái tập của tứ đại, nếu nói tứ đại mà biết thì đất đá kia bảo nói chuyện xem có được chăng? Còn nói chết rồi hết biết thì hỏi cái biết ấy đi đâu? Lại nếu nói cái biết mới càng sanh thì cái biết cũ trốn đàng nào?

Đời nay có Thánh linh giáo, Thần linh học, sao lại còn nói là không có hồn linh? Chỉ có kẻ thật chuyên môn siêu hình học luận mới nhận rõ ràng được sự sống chết của cái biết linh hồn. Vậy nên câu nói ấy chỉ trúng có một khoảng đầu và trúng có một cách trong bốn cách sanh thân kia vậy.

23. *Vấn: Xin nói cho rõ, thân sanh tâm hay tâm sanh thân?*

Đáp: Trước là thân sanh tâm, khi có tâm rồi, nếu luân hồi, thì tâm sanh thân là lẽ sau.

24. *Vấn: Có phải mỗi linh hồn đều sống mãi và tấn hóa đến thành Phật hết chăng?*

Đáp: Có sống có chết, sống thì ít, mà chết thì nhiều, nhưng lớp khác vẫn tấn lên mãi. Cũng như học trò đi thi, trong số mười chỉ đậu có một hai, kẻ đậu thì đi tới, kẻ rớt ở lại, hoặc đi ra, và còn kẻ khác mới bước lên nữa.

Mười cọng cỏ có được một cây.
Mười cái cây có được một con thú nhỏ.
Mười con thú nhỏ có được một con thú lớn.
Mười con thú lớn có được một người.
Mười người có một người thành Trời.
Mười vị Trời có một vị đắc quả Phật.

Cũng như một cái cây có lá một muôn, bông một ngàn, trái một trăm, đến thành hột chỉ có mười và hột tốt lớn thì chỉ có một. Mà qua lớp này thì có lớp khác tiến ra nữa.

25. *Vấn: Cõi siêu hình Trời Phật ở tại đâu?*

Đáp: Không gian võ trụ bao la, vô số địa cầu thảy là tứ đại, thì thảy in như nhau không khác, nào đợi phải đi đâu! Có thế giới đang có Phật nhiều, có thế

giới đang có Trời nhiều, có thế giới đang có người nhiều, có thế giới đang có thú nhiều, có thế giới đang có cây nhiều, có thế giới đang có cỏ nhiều, có thế giới đang có đất nước lửa gió mới tượng. Cũng như nơi loài người có xứ đang có ông già nhiều, có xứ đang có người lớn nhiều, có xứ đang có trẻ em nhiều, có xứ đang có phụ nữ nhiều, có xứ đang có nam nhân nhiều, có xứ người tu đang có nhiều, có xứ kẻ thiện đang có nhiều, có xứ kẻ ác đang có nhiều, có xứ đang vui cười, có xứ đang khóc lóc v.v… nói chẳng hay cùng. Nhưng bởi địa cầu thế giới là do tứ đại mãi lăn xoay, cho nên chốn nào cũng dời đổi không thường, hoặc lâu hoặc mau. Vậy thì, tâm Trời Phật ở chỗ Trời Phật, tâm người thú đến ở chỗ người thú, tâm quỉ ma thì đi lại chỗ quỉ ma. Cũng có kẻ lựa chọn chỗ tốt xấu, hoặc đi qua thế giới khác, hoặc đi xứ khác, nhưng dầu ở đâu đi nữa thì cũng không bền lâu. Tốt hơn là ở chỗ tâm mình, tâm mình tạo quyến thuộc cảnh ngoài, ai ai sự chi dời đổi, mà tâm mình thì phải cho nhứt định mới có yên vui được.

Vậy nên phải lựa chọn cái tâm, bằng được tâm thiện, tâm huệ, tâm chơn thì dầu cảnh nào đi nữa, nó cũng vẫn tìm chỗ thiện huệ chơn của nó, và sẽ luôn luôn chung cùng với quyến thuộc thiện huệ chơn, để hưởng sự yên vui mà thôi.

Trái lại, ác mê vọng thì phải rối khổ chết tiêu và ở đâu đi đâu cũng không được, lại chẳng bao giờ có quyến thuộc thân cận. Đời nó bao giờ cũng lẻ loi, lạnh lùng trong bóng tối, thúi dơ, nặng nề, khổ sở. Sống cũng vậy, mà chết mất thân rồi thì tâm hồn nó cũng vậy, nó ở theo cái tâm của nó.

26. *Vấn: Người ta nói địa ngục dưới đất phải chăng?*

Đáp: Đức Phật nói rằng giữa ruột trái đất là bộng trống tối đen, lửa cháy, vách sắt, dưới sâu dơ dáy… là quyền giáo ví dụ. Chớ thật ra, thiên đường là thiện đạo, địa ngục là ác đạo, thiện là trên, ác là dưới. Kẻ ác trược là dơ dáy, thấp thỏi, sâu độc. Tham lam là vách sắt, sân dục là lửa cháy, si mê là tối đen, vật chất là đất bao bọc nấm mồ. Muốn dễ hiểu, ta hãy nhìn xem giữa buổi chợ đông thì thấy rõ. Cảnh do tâm, tâm nào thì hạp cảnh nấy, đợi gì sống chết và ở đâu đâu.

27. *Vấn: Do đâu mà kẻ nói chết còn, người nói chết mất?*

Đáp: Bởi kẻ ác nói liều, kiếp này làm ác vui chơi cho thỏa thích, đời sau sẽ tu cũng không muộn, nên bậc Hiền Thánh dạy rằng: Công lý tương đối của võ trụ vốn công bằng, được bây giờ thì mất về sau, được thân thì mất tâm, được ngoài thì mất trong, thái quá thì bất cập, sanh thì tử. Nếu như đời trước không tu tập phước đức, mà đời nay lại làm tội quá ác thì e sau khi chết, linh hồn cái biết bị quả báo điên khổ mà tiêu tan, thì còn có đâu đời sau nữa mà hòng tu?

Còn như kẻ ác nói ngang: chết là mất, nếu không làm ác vui chơi bời là khờ dại. Bằng như đời trước không làm tội gây nghiệp, kiếp này phước dồn đang hưởng, mà lại quá ác xài nhiều, có ra không vô, thì sau khi chết đi, linh hồn cái biết chưa bị khổ, chưa bị khổ điên chết mất, đến lúc sanh ra đời sau, hết phước mà lại chịu quả báo tội nghiệp thì khổ lắm, chịu sao cho nổi?

Thế nên, kẻ ác nói đoạn thì Phật Thánh chỉ chỗ thường, cho nó biết tu mà nhớ lấy. Còn kẻ ác nói thường thì Phật Thánh chỉ chỗ đoạn, để giác ngộ cảnh tỉnh mà cứu nó về sau. Đời sau kẻ chẳng rõ lẽ ấy, nên mới có câu: "Chết còn, chết mất", chớ còn mất là tại nơi thiện hay ác của mỗi người gây tạo.

28. *Vấn: Tiêu diệt cả thân tâm bằng cách nào?*

Đáp: Kẻ ác, trẻ con rủ nhau làm thiện là ít ai hưởng ứng. Bằng hô lên làm ác, giết trâu bò thì lại rất đông nhiều, không kêu cũng tới, không mời cũng bu, một dao thêm một dao, một mạng thêm một mạng; lại còn khen hay khoe giỏi, vi cánh càng to, thiếu chi người xu bợ. Cũng như kẻ lượm đất liệng lên không, có trớn rất mạnh, rất cao, hết trớn thì đứng lại và rồi rớt xuống, càng to lớn nặng nề, càng sa nhào mau lẹ, đã lún sâu mà còn tan rã mất hình hài. Kẻ ác cũng thế, lúc đầu thì bạo phát và sẽ bạo tàn kế đó. Trước tập ác với thú, ác lần tới người, ác với kẻ xa, rồi lại ác với người gần, là đồng bọn nó. Nó bị phản bội, thế lực tan rã, nó bị thương, bơ vơ, đói khát, tàn tật… mà bởi tánh ác đã quen cao, không hạ thấp xuống được, mới sanh tức khí, bất mãn, khổ giận, lại bị trả thù, ai ai đều ghét. Cái khổ làm cho nó ngây khùng mất trí, khổ quá bủn rủn mất cả hành vi

cử động, gần như thú, chơi với thú, ghét loài người. Khổ nữa và thêm sự hành phạt cuồng điên, mất cả tư tưởng, ghét thú, mến cỏ cây, ở nơi lùm bụi; và rốt cuộc sự điên khổ, đói bịnh hành phạt, làm cho đứt luôn thọ cảm, hết biết, mất biết, không còn biết; cái biết kết tập lâu ngày tan mất! Kẻ ấy quá khùng điên không giảm, làm mất thọ cảm, không còn biết cỏ cây thú người và sự nhập thai, ăn uống chi cả, thì thân tâm tiêu diệt, tiêu cả bóng hình. Cảnh khổ ấy gọi là địa ngục vô gián a-tỳ. Kẻ ác vương mang thì không còn phương nào ai cứu chữa, và cũng khó lại gần nó, mà nào có ai thương tiếc gì nó đâu?

KHỔ ĐIÊN CÓ HAI CÁCH

Kẻ ác điên khổ thì tiêu diệt. Còn người thiện vì lo, vì quá học mà điên, thì như đi nhảy cấp sụt thang, điên sảng chỉ một thời gian thôi. Bởi nhờ hiền lương, có kẻ thương yêu săn sóc, chăm nom chiều chuộng ở gần, nên chẳng bao lâu được tỉnh lại lần, như đứa trẻ tập biết lần lần khi mới lớn.

Nhiều bịnh điên, nhứt là khổ vì tình dục, chính khổ ái ân là lưỡi kiếm giết tâm hồn, diệt tiêu cái biết, đau đớn vô ngần. Kẻ khổ điên vì tình mà làm ác thì mau chết lắm, nhưng nếu thiện lành là còn cứu chữa được. Thế nên Phật dạy: Tình dục là cửa địa ngục a-tỳ!

29. *Vấn: Nếu vậy ai cũng có thể tiêu diệt hết sao?*

Đáp: Đừng giựt mình, hãy làm thiện là tấn hóa và nuôi sống mãi vậy. Lẽ sanh diệt tạo hóa có chi lạ, thân cũng vậy mà tâm cũng vậy. Chớ nếu càng sanh mà không diệt thì xưa nay đất đâu mà chứa hết chúng sanh? Nào riêng loài người; loài thú, cây cỏ kia, sao không ai nghĩ đến mà thương xót cho nó. Làm ác giết người, người chết thân mà còn tâm, trái lại mình cái tâm đã chết, hột giống tâm đã đứt, còn thân thì sau sự vay phải trả, phải đền bù bằng cái chết. Thế rõ ràng là mình tự giết thân tâm mình đó! Sự thật, xưa nay nào ai dám nghĩ đến, hoặc nhắc cho lẽ ấy, nhưng sao ta làm ác lại lo hoài và nhớ mãi, chỉ ngó tới mà chẳng tin rằng là có sự lui. Trong đời đâu có lẽ tốt hảo tuyệt đối cho riêng ta vậy.

30. *Vấn: Làm thế nào mới thành Phật và sống đời đời?*

Đáp: Không khó! Một con thú mới tái sanh ra làm người, chỉ biết ăn, kiếm ăn để sống và rồi chờ chết; nhưng lâu ngày nhàm chán mệt mỏi. Một hôm đi ra đường gặp kẻ đói khó hơn nó, nó liền bố thí cái dư của nó giúp người. Nó được lời cảm ơn và khuyến khích, nó vui mừng sung sướng, nó no mát nhẹ nhàng, nó thấy hay hay mới lạ, và từ đó nó ham bố thí, quên mình mà nghĩ đến người. Mặc cho kẻ khác chê cười ngu dại, nó siêng làm việc cho kẻ chung quanh, để được vui trong tâm và làm gương trong cõi đời về sau cho trẻ nhỏ. Nhờ vậy mà thân tâm nó càng được trong sạch, yên lặng và sáng suốt lần lần. Nó gặp được sự ích lợi thanh cao, chơn thật, nó hiểu được con đường sống có ý nghĩa. Nó làm phải cho một gia đình, người ta coi nó như cha. Nó giúp cho cả làng tỉnh, người ta kỉnh nó như quan. Nó thương yêu cả xứ, người ta mến nó như vua. Ai cũng muốn gần nó, nương dựa dưới sự mát mẻ, êm ái của nó. Khi trọn phận sự của kiếp người, bằng xác thân vật chất thì nó chết, nó đi nghỉ mệt ở núi non mà ôn nhớ lại những sự lành, để cho tâm hưởng ăn no đầy khoái lạc.

Trước khi nó chết, sau khi nó chết, đang khi nó chết, cũng có nhiều kẻ chết. Họ chết sau sự khổ nạn, họ tìm nó và đến ở chung với nó, để nhờ nó an ủi dạy dỗ tâm hồn. Lần lần xã hội siêu hình của nó càng đông, nơi đây nó làm vị vua Trời bởi người ta tôn, cũng như ông thầy giáo bước lần lên Đốc học.

Kẻ thiện lành dầu câm cũng biết nói, nói lời lành ai cũng mến. Kẻ ác dầu học giỏi cũng như câm, vì nói chẳng ai nghe. Nơi đây nó tập nói, lần lần sáng trí hoàn toàn giác ngộ, thấu chơn lý và đắc đạo. Nó bước đi thêm một bước, để dạy đạo giải thoát Niết-bàn, và đi giáo hóa khắp nơi cùng xứ. Cho đến khi thành đạo to lớn, có người thay thế, nó bèn nhập định hưu trí nghỉ ngơi (Niết-bàn Như Lai). Đến đây, cái biết cứng đầy, no vui sống mãi, nghỉ dưỡng đời đời, trường sanh bất diệt. Hình bóng của biết đã trở nên một sức mạnh không tan, sắc vàng chói rực, muôn loại kỉnh thờ, gương lành giáo lý phóng khắp cùng nơi, đời đời sống mãi, quét sạch bụi hồng.

Đó là từ thú đến người, đến Trời, đến Phật, mỗi bước đi lên, không tự cao chấp lầm đứng nghỉ, ấy cũng chỉ từ nơi cái thiện mà nên được.

Vậy chúng ta hãy ráng noi theo gương lành này đặng diệt trừ hết ác, làm tất trọn lành, thương dạy cả chúng sanh chung, bình đẳng bác ái, không lựa nhỏ lớn sang hèn, thì mới chắc mong thành Phật sống đời, yên vui không còn rối khổ.

Vậy thì ai ai cũng nên là Phật hết.

CHƠN LÝ 8

NAM VÀ NỮ

1. Quán xét về sự sanh sống của loài người thì chúng ta nhận thấy rằng: Tiếng nhơn (người) là một danh từ chỉ cho sự hành vi của sắc thân có chứa lòng nhơn ái, nên gọi người là gồm cả thân và tâm. Tâm đây là lấy sự nhơn (lòng nhơn) làm trung tâm điểm; mà lòng nhơn ấy có là tại nơi hành vi, việc làm thiện.

2. Loài người có là trước kia do nơi thú tiến hóa ra. Chủng tộc người sanh ra trước nhất tại chân Hy-mã-lạp sơn, hồi ấy là vượn khỉ, giống giàu lòng gia tộc, thường cất nhà ổ trên ngọn cây, cả bầy có tới số trăm ngàn.

3. Về chơn lý chỉ rằng: Từ thuở tứ đại địa cầu mới nổi thì cỏ cây thú do ấm tứ đại sanh ra, từ ít tới nhiều, từ nhỏ tới lớn, bởi nơi sự khổ là gió làm duyên. Thời gian càng đưa tới, mỗi kiếp lại lớn khôn, loài thú hoặc trong đất sanh ra, hoặc trong nước sanh ra, hoặc hóa sanh nơi cỏ cây đồ vật, biến đổi hình dạng do tư tưởng, con này thành ra con kia, hoặc khi đã có rồi thì sanh thai đẻ trứng, hầu hết đều trong loại ngũ sắc đủ hình.

Loài thú phần đông chỉ biết sát hại để ăn, giành giựt cho có, dâm dục chơi bời la lối ngông nghêu, lắm con lại tìm sự say sưa bất kể. Loài thú chỉ có tư tưởng biết lo nhớ, và hành động theo ý dục của thọ tình, chẳng biết sự phân chia tốt xấu, khen chê, đen trắng, từ trong đen ác tiến lần ra ngoài trắng thiện làm người. Xưa kia loài cọp dữ hung hăng lúc nhỏ, ỷ mạnh làm oai, giết hại ăn nhau, tập ác cho nhau, sanh ra thù oán. Khi trở về già bệnh yếu, bị trẻ nhỏ rình đón hăm he, mới phải sợ chết mà lìa rừng, trèo lên cây cao và non núi,

đói ăn bông trái lá hột, ốm yếu nhỏ hình, trở nên khỉ, vượn, gấu, đười ươi. Nhờ sợ chết mà biết ăn năn sám hối, bỏ dữ theo lành, lên ở trên cao; bậc đã lớn tuổi nhiều năm kinh nghiệm, có trí hóa, biết thương yêu và hay tha thứ.

Từ lúc chạy bốn cẳng đến khi biết đứng hai chơn hái trái, đến biết trèo leo, về sau đói khát thiếu ăn khi mùa nắng hạn mới chạy tuốt xuống đồng bằng; vì đói mà tập bươi đất dập hột gieo trồng; vì mưa nắng mà che lùm cất ổ sửa sang nhà cửa; vì nóng lạnh nên đóng khố choàng khăn bằng bố, bô, vỏ, lá, bàng, cói, vải sồ; khi đau ốm bởi tại miệng ăn thì tìm miếng ăn đối trị, nếm thử mùi vị mà chế ra thuốc uống.

Về sự ăn, mặc, ở, bịnh, cần sống, càng chế biến mở mang nên việc làm càng nhiều, ý càng hay, trí càng sáng, theo nẻo vật chất, tham sanh, tiếc thân, gìn của, lại tự cao chưng diện, lông lá đứt rụng lần, không mọc ra dài được. Nhờ ở ăn no ấm thân thể được trắng trẻo phì mĩ, và bởi sự ưa dâm mà trau dồi nên ra bóng sắc.

Sự tấn hóa hay hơn hết về lẽ sống là lòng nhơn thanh thiện, biết thương yêu nhau, lập ra gia đình xã hội, trói buộc cho nhau bằng tình nghĩa cang thường luân lý, và đua chen nhau học hành vật chất, quyền thế lợi danh, để mong cầu được cái vui say, êm sướng cho xác thịt. Lắm kẻ lại nhắm mắt đánh liều, sống chết tới đâu hay đó, lại đi làm việc hung ác ngang bạo, phá rối sự sống chung của số đông người, mà phải bị lập ra pháp luật, để xử hình răn phạt.

Xưa kia thú dữ ở nơi rừng, chỉ có móng, răng, giết nhau mỗi lần một mạng. Từ khi đã có lập gia đình xã hội, đoàn nhóm, thì lại hay sanh ra giặc giã lớn lao, tàn sát triệu ức mạng người. Có biết làm cơ khí giỏi hay mà hại thú vật, một lần không số đếm, ấy cũng vì danh lợi mà ra. Lắm kẻ lại vì tình riêng giành giựt mà sanh ra cướp trộm đánh phá, sự hung ác trở lại hơn buổi ban đầu.

Hồi tưởng lại thuở mới có một hai người nơi mặt đất bằng, bấy giờ họ rất biết thương yêu nhau, che chở cho nhau, rủ nhau đến ở chung, chung sống, cùng nhau đồng hòa sức lực, chống chỏi với mọi tai nạn khủng khiếp, đầy dẫy khắp nơi lúc nào cũng có. Những kẻ ấy đồng cảnh ngộ mà đến ở chung, đồng kinh nghiệm, đồng lòng nhân ái, đồng góp sức gia công, đồng vui tươi hòa hiệp, nên mới có cõi đời này. Cõi đời của loài người mà càng

thành lập lớn lao đông đúc thì càng sanh lắm tai nạn chém giết cùng nhau, do đó sự chia rẽ nhiều nơi mới có và có số chết kia, thì rồi sau lại số sanh nọ càng nhiều hơn. Càng nhiều là càng khổ, bởi quá khổ mới có kẻ sáng trí, gọi Phật Trời!

Buổi đầu chưa có người, loài thú ăn thịt uống máu lẫn nhau, gọi là hồng hoang thượng cổ.

Kế đó sanh nảy loài người lập gia đình, xã hội cõi sống lòng nhơn, gọi là Toại nhân.

Đến sau càng đông nhiều, chen chúc thiếu hụt tranh giành. Kẻ thì đi vào sâu trong vật chất, người lại vất bỏ mà lần lượt đến cõi tinh thần xán lạn, vui tươi vĩnh viễn, chắc thật, gọi là văn minh, lành sáng, có học, đạo giáo, bậc Trời, cõi Trời thiện đạo, chư thiên trọn lành trên mặt đất. Sau rốt đời sẽ trở nên cõi Phật, và quả địa cầu thế giới phải đến lúc diệt tiêu, đặng mà thay đổi tượng sanh trở lại sau thời kỳ khác, đúng theo lẽ vô thường, khổ não, vô ngã của không gian và thời gian là võ trụ.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN SANH LÀ NAM VÀ NỮ

Loài người có nam và nữ là bởi nơi thú có đực cái. Thú có đực cái là bởi cây có âm dương tình thọ. Tình thọ có hai, khi ưa vầy, khi muốn khác, do mưa nắng các pháp tương đối đổi thay. Căn thân do thức chủ mà tượng thành, lấy trần vật chất làm ra cái có. Hình thể của thân do cây cỏ, thân hình cây cỏ do kẹt đất đá mọc lên. Đầu miệng phía dưới, đuôi miệng phía trên, ăn đất nước nơi đầu là gốc rễ, đem lại nuôi đuôi phía trên là tàng nhánh, để sanh tinh ba trái hột là con. Đến loài thú thì đầu đuôi ngang nhau, tiến đến người thì đầu trên chân dưới. Sự thay chân đổi đầu là bởi khổ, mới tập theo duyên cảnh mà quen lần.

Nam hay nữ, đực hay cái, cỏ hay cây, Trời hay Phật cũng đều gọi là chúng sanh, chung sống, sống chung hay là những loại có sự sống như nhau, ở chung trong bầu võ trụ. Kẻ như đầu, kẻ như chân, kẻ như mắt, kẻ như tai, kẻ như mũi, kẻ như lưỡi, kẻ như tay, kẻ như tim, gan, tỳ, phổi, thận, kẻ như da, lông, xương, thịt, máu huyết, tinh ba, v.v… gồm tất cả là một cơ thể sống của võ trụ. Cái sống toàn thể ấy gọi là ta. Cái ta chung hiệp tất cả như nhau làm một, không thể tách lìa, không hề rã đoạn, chẳng riêng tư, không ích kỷ,

chẳng phân chia, tức là sự trọn sống, trọn yên vui, trọn không đau đớn khổ sở tai họa. Như vậy thì đâu có sự thương hay ghét, hoặc ta và người, những điều nhỏ hẹp.

Trái lại, sự khổ của người là bởi nơi nam và nữ mê muội, và do nơi đó mới có đạo giải thoát cứu khổ ra đời. Sự khổ ấy là lòng thương, sự cứu khổ ấy cũng lòng thương; cái thương sái trật và cái thương trúng phải.

Cây có đực cái nhưng chẳng giao dâm. Thú tình dục khó dằn mà giao cấu. Người ham lạc thú mới chơi bời mang khốn lụy, tự giết hại chôn mình. Trời thì chán sợ xa dâm, và Phật thì tự nhiên không chú ý. Con đường từ không có đến có mà phải khổ, và vất bỏ để được yên vui kêu là đạo. Đạo mà người giác ngộ hiểu rõ sự quí báu, mới thật hành được hiệu quả, kêu là đạo quả. Con đường ấy nơi khoảng giữa của tương đối nam nữ, đực cái, âm dương, hai bờ lề kêu là trung đạo, không thiên vị sa ngã bên nào.

Lòng thương có hai cách: Thương mà được yên vui cứu khổ cho nhau, hay là thương mà rối khổ vì nhau để giết hại lẫn nhau về sau; hay là cái thương tâng hót bên ngoài xác thịt giả dối, và cái thương chắc thật vĩnh viễn trong tâm hồn. Đức Phật khi xưa có dạy rằng: Lòng thương phải có, mà dục vọng thì đừng. Ấy vậy, cái thương đây quí báu, tốt đẹp biết bao nhiêu.

Con thú ác giết hại tất cả mà còn thương vợ con nó. Kẻ hung bạo sát nhân nhưng không giết được đàn bà. Nước mất nhà tan, nhưng nhờ sắc đẹp của một người đàn bà (cống Hồ) mà được khôi phục lại; đó tức là lòng thương của kẻ ác, thương một người rồi thương lần đến những kẻ khác, mà được có lòng nhân; hay là mỹ nhân kế của người xưa để lập thành nhân đạo cho đám người xưa hung bạo. Đó là lòng thương tạo nhân đạo của kẻ ác, miễn cho được sống trong lúc hiểm nguy, đánh liều sự may rủi khổ sở về sau; cũng gọi là cái thương của người trẻ nhỏ vậy. Thương đây tức là lòng dục vọng. Thương ấy giống tựa lưỡi đao thương, nó làm cho sống mà chịu đau khổ, nó cứu bây giờ mà hại về sau. Một khi con người đã hiền lành rồi mà vướng phải sự thương yêu, thì ôi thôi trở nên dốt nát, ngây cuồng hung bạo trở lại, mà còn chết cả thân tâm, tan hoang cả sự nghiệp, sa địa ngục rất dễ dàng! Cho nên gọi cái thương của dục vọng ấy chẳng phải là sự thương yêu nhau mà là giết hại nhau, hay là cái thương giả dối độc ác, là cái thương dốt nát bằng xác thịt dâm cuồng của người hạ trí vậy.

Đối với đời, tham sống thì cái thương ấy cũng còn khá hơn là sự giết nhau. Như thế cũng là phải, nhưng họ còn lầm. Kìa như loài thú kia giết nhau nào ai can gián giải hòa, mà khi loài đực dữ chết bớt, chỉ còn loài cái ngoan ngoãn hiền từ, thì tự nhiên sẽ yên ổn hòa bình ngay được. Nên trái lại, đối với đạo, về sự khổ của người hiền thì tình dục là lửa địa ngục nguy hiểm lắm. Nó giết hại cả thân và tâm lận. Đó tức là cái thương tạm, cái thương mới tập, chớ chưa phải là chắc chắn, tốt đẹp hay lành. Nhưng cũng từ cái thương thấp kém của loại ác thú kia để cho được cái sống trước, rồi sau mới đến được cái thương xót từ bi của người hiền và chư Phật mà dứt khổ trọn vẹn. Ấy là lòng thương có nhỏ mới có lớn, và bởi có được sống mà khổ mới có tìm vui thêm về sau.

Vậy ta nên nhớ rằng: Thương một người là tập lần thương tất cả, để sống với tất cả không còn tai nạn, chớ không phải chỉ thương yêu riêng mãi một người mà chịu mang khốn khổ. Lòng thương phải trong sạch, cao viễn, hơn ác thú hung hăng. Thương là phải cứu khổ cho nhau, thương mà không ích kỷ. Lòng thương ấy tức là đạo chánh đẳng chánh giác công bình, thương khắp cả muôn loài vạn vật để cho ta được học. Lòng thương ấy tức là đạo ân nghĩa của chúng sanh, tức là sợi dây huyết quản của cái ta, là thân hình võ trụ chúng sanh chung, cũng gọi là linh hồn, sự sống của muôn loài; hay là sợi dây kết chặt thuyền bè giữa biển, ràng trói các cây to để chống chỏi nạn bão to gió lớn. Lòng thương từ bi cũng như vách đá sau lưng của người đi tới, cũng như dây xích dắt kẻ lạc đàng v.v... Có lòng thương từ bi rộng lớn thì mới đến được cái sống, cái yên vui trọn đủ được, chớ sống mà khổ thì cũng không ai muốn sống cả; vì cái khổ tức là một sự ép ngặt, thiếu thốn khó chịu hơn là cái chết.

Vậy nên, lòng thương phải nẩy nở, trong sạch, phải cho biết thương. Thương phải có học, có kinh nghiệm, chớ chẳng nên thương bướng, thương càn, thương nhục nhã, xấu xa, đê tiện.

Trong đời mà ai chẳng có lòng thương, ai mà chẳng thương mình. Mà thương mình là thương tất cả chúng sanh, ta và người như nhau, nên gọi lòng thương là bình đẳng tánh, là Niệm Vô Tránh, hay Pháp Tạng, A Di Đà Phật vậy.

Có thương yêu mới chung vui hòa hiệp, làm một thể sống, sức mạnh bền dài. Cũng như thân thể lành lẽ, chẳng bị sứt trầy, khuyết điểm; cũng như làn

da bao bọc, che đậy kín đáo cả thân mình là chúng sanh. Người mà không có lòng thương thì tệ hơn con thú, ắt giống với cỏ cây đất đá. Nhưng nếu thương sái trật vạy tà thì chẳng có được nhân người gì chút nào cả, cũng như không có lòng thương, chánh nghĩa là muốn giết hại, ghét lắm mà giả bộ gạt gẫm đó thôi. Cho nên, một bậc hiền triết xưa dạy rằng: Nam và nữ là hai kẻ tử thù, hễ gặp nhau là công kích, đố chọi, hoặc tìm cách thế, mưu độc, cám dỗ, dẫn dụ để mà giết hại nhau cho kỳ được, thề cho sa địa ngục tiêu diệt hết mới chịu thôi!

Trong đời, mười vụ kiện có đến chín do vợ chồng. Mười kẻ điên có đến tám vì tình dục. Mười người chết hoặc tự vận có đến bảy vì ái ân nhục dục. Mười kẻ sa địa ngục A-tỳ tiêu diệt thân tâm có đến sáu vì sự dâm. Cho nên, Thánh nhơn dạy rằng: "Vạn ác dâm vi thủ".

Vậy ta nên nhớ rằng hơn nửa của sự thất bại là do ái tình mà ra. Ái tình là giặc kiên cố, giặc trong mình phát ra, giặc giết được linh hồn lận! Tức là mũi thương độc ác hơn hết, giặc đời đời kiếp kiếp, giặc không hình nguy hiểm, giặc không phương chống cự. Người gây giặc ái tình ấy độc hại quỉ quyệt như tinh, như quỉ, hơn yêu! Một khi bắt nhốt được người thì dầu Trời cũng không cứu gỡ đặng. Chính ái dục là Ma vương mà xưa kia chư Phật còn hãi sợ. Cội Bồ-đề sập ngã, muôn kiếp trầm luân, mất nước tan nhà, giết hại lẫn nhau, muôn điều tàn ác, dốt nát ngây si, tham sân độc địa… cũng do tình dục cả thảy! Nên chi Phật Thánh dứt bỏ nó làm đầu, còn Thần Tiên chết đọa, là tại dể duôi hờ hững!

Than ôi! Cõi ái dục lờ mờ đen tối. Giáo lý nó như vách sắt lưới đồng. Cả trong cõi thú người, thảy bị trói trăn xử phạt, sai khiến, đọa đày. Thật địa ngục ái ân là nguy nan nhất, kẻ không trí huệ có tránh được đâu? Bao sự thành công sụp đổ, kế hoạch giựt cướp nước nhà, ly dị chia rẽ, giết giống nòi, hại cả chúng sanh… thảy đều do nơi lợi khí của ái tình. Sanh, già, bịnh, chết, âu sầu, sợ sệt, áo não, đau thương, xa lìa, gặp gỡ, cầu mong khổ sở cũng vì nó. Bỏ người làm thú cũng tại nó. Của cải tiêu tan, pháp bảo không còn, chỗ ở bơ vơ, Hiền Thánh suy sụp cũng do ái dục.

Chính ái dục là nấm mồ địa ngục mà người sa lọt xuống thì không thể cất đầu. Ở trong hầm ái dục người ta phải mất chủ tâm, không còn biết mình là ai và ở đâu, đi đâu; phải bị cướp hồn, khiến sai theo mạng lịnh, nô lệ lòn cúi

rất xấu xa. Chính ái tình là độc quỉ vô thường, con ma khổ não, là thần chủ trị phạt hại nữ nam. Nó ở giữa nam và nữ, phép tắc của nó mạnh nhất trong đời. Thật là ác độc vô cùng!

Trong đời không có chi xấu xa bằng lòng tư kỷ. Lòng tư kỷ lại là ái dục. Không có sự nhơ nhớp nào hơn ái dục! Không có sự giấu kín ẩn khuất lén lút nào hơn ái dục! Không có chi thấp thỏi dơ dáy bẩn thỉu linh hồn, nặng nề mệt nhọc hơn là ái dục! Người thú liên quan, vong ân bội nghĩa, điên đảo tỉnh say, lát cười lát khóc, dua bợ nịnh hót, hết ghét rồi thương, như trẻ con xẩn bẩn, là cà, nhột nhạt, hổ thẹn, vô ích, tai hại, chi cho bằng ái dục. Ác của ái dục là giết hại chúng sanh. Tội của ái dục là lỗi phận sự với chúng sanh. Sự ngang bạo của ái dục là cứng cổ, bất tuân lời Phật Thánh, bậc cha thầy, ngỗ nghịch, vô đạo. Than ôi! Ngàn đời muôn kiếp, chúng ta đã sống và mang ơn đất nước cỏ cây thú người Trời Phật. Muôn loại sống cho ta, ta làm khổ hại muôn loài, do từ đâu mà ta có? Thế sao ta lại bái quỵ, tôn thờ, nuôi riêng ái dục, vô hình bông lông tội lỗi? Ái dục giết hại cả nữ nam chớ có tha gì một ai? Lắm kẻ hiểu lầm là sự che chở cứu vớt nương nhau, nên cho là hạnh phúc, lại gọi là sự an ủi, vui hay, khoái lạc. Phải! Nó rất an ủi và khoái lạc, mà chỉ được bây giờ, chốc lát, trước mặt, giả dối thôi; chính nó làm cho ta mất tấn hóa trong muôn đời, dấy sanh tham sân si bất tận. Cái vui ái dục là cây cột đồng bào lạc, bên trong đốt lửa để nướng thiêu, kẻ tội nhân bị trói tay chân vào, là thành tro mạt của địa ngục đó, chớ nào phải là sự nhàn lạc của thiên đường thiện đạo, hay là an lạc của Niết-bàn, xứ Cực lạc, cõi Tây phương Phật quốc.

Tình dục do tư ý vọng tà của mỗi người, chớ nào ai dạy, do nơi thú tánh tập nhiễm, chớ nào ai đốc xúi. Trời Phật nào có bảo? Thần tiên nào có sai? Cha mẹ nào đi ép buộc?…

Ta nên biết rằng: Người ta có trí hơn muôn vật, người là phải đến Trời và bước lên Phật. Ai đi trước tới trước, bỏ lớp thấp vượt lên cao, để cho chúng sanh về sau có chỗ trống mà bước tới, chớ sao lại choán chỗ của lớp người hoài, mà lo giành ăn giựt lộn? Lớp người hiện tại đây dầu có thành Trời đi hết thì về sau cũng có lớp thú tiến lên, cớ sao đứng lại chận đường kẻ sau, mà bỏ đoạn đứt rời khoảng trước, đến đỗi quá mê say nói càn rằng: Không Trời Phật đạo đức chi chi.

Lắm kẻ lại khen hay thuyết nuôi gà đẻ trứng, lấy hột để dành con, đặng lập ra bầy lứa to đàn, theo thói lăng loàn cho người lợi dùng máu thịt.

Lắm người bị mưu sâu kế độc của dục tình làm cho yếu hèn nhu nhược, ngây khờ, để phải chịu sai khiến, thúc giục dưới mạng lịnh của kẻ bày mưu.

Kẻ thì lo giữ đất, người lại tính tạo con. Than ôi, loài người đang được bấy nhiêu mà còn hung ác dốt nát, đất chật, thiếu ăn; sao lại tính sanh thêm cho nhiều đông quá, để làm giặc cướp giết nhau chết hết đặng liều mình? Sao lại muốn mê dốt hơn là ham học? Nếu muốn học, muốn nên, thì có đâu đầy đông náo nhiệt như vậy!

Than ôi! Cõi đời chúng sanh rối loạn, khổ nạn tơi bời có phải lỗi kẻ dạy tham kia quá nặng hay chăng? Hỡi ai là người đốc xúi sanh con để tiêu nhà hại nước, liệt nhược tâm hồn, chủng loại! Ai là người bày xúi loạn luân vô đạo, người thú như nhau, bắt người làm vật, tạo lạc thú nơi cõi thân người, đặng mà lùa ví, hét la đánh đập, chém giết coi chơi, sao đành như thế?

Thượng Đế háo sanh là trọng mạng sống không giết hại, nào bảo ai bỏ học buôn dâm. Thượng Đế kia mà còn sợ dâm, nhờ bỏ dâm mới làm Thượng Đế, sao ta hơn gì Thượng Đế, mà dể duôi, lại đổ lỗi cho Trời, nói Trời sanh vầy là bảo vậy. Vả lại, loài người ăn hại phá khuấy, chớ có ích chi cho lẽ tạo muôn loài, mà tính việc kể công bào chữa, nói cho ai nhờ?

Chơn lý chỉ thật đúng y như vậy. Người có trí chúng ta há đi còn viện lẽ, và lại mãi đi làm gương tệ xấu cho kẻ nhỏ nhít tối tăm nương theo, đặng hại họ, ghét vì họ lắm hay sao? Dầu chúng ta không nghĩ đến mình thì cũng phải còn ngó lại cho mai hậu chúng sanh, ngõ đặng đền ơn trong muôn một với chớ, mà xin đừng nói giễu buộc tội kẻ không sanh.

Phật Trời kia há chẳng phải là đấng hy sinh quên mình để lo học lo tu, bỏ mình không làm cái máy sanh sản để ngày sau nên đạo dạy lại cứu đời. Phật Trời ráng cứu độ, ta nỡ nào đi đốc xúi giết hại, hoặc làm gương hay còn dùn thẳng mà lắm nỗi khen chê. Nếu Trời Phật không phải ác, thì tội gì mà chúng ta chẳng chịu về y theo các Ngài. Dầu chúng ta có thấy khác đi nữa thì cũng nên tin rằng: Tại mình học chưa tới, kinh nghiệm chưa đầy, khổ tai chưa gặp, nên chưa hiểu ra lẽ phải đó.

Nếu vậy, chúng ta phải tập lần nam và nữ xa nhau, tập lần trừ đoạn dục tâm, bao giờ chắc mình trong sạch mới sẽ làm quen và coi nhau là chúng sanh, chỉ có một tiếng chúng sanh thôi, chớ không có phân chia giai cấp, nữ nam đực cái, dầu là đối với tất cả loại hạng nào. Nên hãy thâu hẹp các giáo lý minh mông cuồng quẩn mà đi ngay thẳng đến một đường thiện tránh ác, lánh khổ tìm vui, để giữ gìn giới luật, đua chen giới luật, nâng cao đạo đức tinh thần. Có tôn kính bậc trọn lành, giới nhiều hơn giới ít, mới đem lại cho chúng ta sự kết quả yên vui được. Chỉ có giới luật mới phải là giai cấp thiện, là pháp trừ giặc dục, là pháp giải hòa diệt tránh, để đem cõi đời trở lại chánh chơn tịnh định.

Vấn: Tình thương phát khởi từ đâu và sẽ đến đâu?

Đáp: Nước bao giờ cũng trở về với nước, nên gọi là lòng thương. Đất bao giờ cũng trở về với đất, nên gọi là lòng thương. Lửa gió cũng thế, gồm cả tứ đại, tan rồi hiệp do lẽ không rời, cũng gọi lòng thương. Lòng thương là lành, sống an vui hòa hiệp, cũng kêu là đạo. Trong ấy cái lớn che chở cái nhỏ, cái nhỏ nương nhờ cái lớn, nên gọi lòng thương do đạo ân nghĩa mà ra. Cây lớn che chở cỏ nhỏ, cỏ nhỏ nương nhờ cây lớn mà sanh ân nghĩa, lòng thương yêu quyến luyến thân thuộc.

Loài thú cũng có ân nghĩa, lòng thương giống theo cây cỏ, nhưng bởi gần gũi đụng chạm, cảm xúc tình dục mới sanh con. Loài người nếu khác hơn là nên thi ân bất cầu báo, còn kẻ thọ ân thì nên làm ân lại kẻ khác nữa, chớ đừng trông mong trả ân lại cho người đó. Cho nên theo giáo lý của Phật, thì cha không nên nuôi con khi con đã mười tám tuổi. Và con không nên nuôi cha khi cha đã được bốn mươi tám tuổi. Nghĩa là con lớn thì tự làm lấy mà ăn, hoặc tự đi tu mà nhờ lấy. Còn cha già bốn mươi tám tuổi thì đi tu giải thoát, để sống nhờ chung trong Giáo hội Tăng-già, lâu năm sẽ có đông đệ tử giúp đỡ. Như vậy là cha không đòi nợ con, để cho con rảnh rang, tấn hóa kịp theo người, để tránh khỏi cái nạn cha chết thì con đã già xẩn bẩn vì nhau mà dốt tệ. Lại diệt bỏ sự quyến luyến để tránh cho sự ông đầu thai làm cháu nội luân hồi.

Cũng như ta cho người này vay thì người này lại cho người khác vay, chớ đừng đòi nợ, bắt trả, buộc lời là tham ác. Đó là chơn lý tiến hóa của thời gian, chỉ có tới chớ không lui. Như vậy thì không bao giờ có sự khổ, ấy là

bởi đi xuôi thuận. Ví như một dòng nước chảy xuôi, mà con kiến lội ngược thì khổ; cái cây cắm một chỗ thì gãy chìm; cọng cỏ trôi xuôi thì yên vui và sẽ ra đến biển cả lớn lao, sống đời nảy nở. Ấy là cọng cỏ tiến hóa vậy.

Cũng như cha nuôi con 18 năm, con nuôi lại cháu 18 năm, như vậy là nuôi con tức đền ơn cha mẹ, trả nuôi lại người khác thì mới đủ. Nhược bằng con nuôi lại cha, thì nuôi trả không được trọn, vì cha già chết sớm, mà còn lại khổ vô ích vì nhau. Chơn lý ấy để trừ tham diệt khổ, dạy cho người hiền tấn hóa để an vui, chớ với kẻ ác thì dùng không được. Còn đối với bậc trí huệ lớn lao thì tất cả chúng sanh là cha mẹ muôn đời, ta phải báo hiếu chung bằng sự dạy dỗ đạo lý. Như vậy là ta phải tu hành cho thành đạo đắc quả trước, rồi mới độ họ sau, chớ không đền trả bằng cơm áo, sanh con. Vì chúng sanh là học trò, bổn phận phải lo ăn học, để thi đậu rồi mới đứng ra chỉ giáo lại cho các kẻ ân nhân. Mục đích của sanh ra là học, và những kẻ nuôi cơm áo kia là ý họ muốn cho ta học, muốn cho ta nên, muốn cho ta sau này dạy lại họ nẻo sáng, chớ nào phải cho vay, đòi trả nợ, lấy lời. Bởi hiểu ra như thế, nên sự lo tu là không phụ lòng mong mỏi của chúng sanh kia mà lại nên ta, nên người, nên cho cả thảy. Cõi đời được vậy thì tiến hóa hạnh phúc tốt đẹp vô cùng.

Cũng như người mà che chở, cứu giúp tai nạn cho kẻ yếu đuối nữ nhi, thì chớ nên vì công cán ấy mà ép buộc vợ chồng đền trả, để vì tham nhỏ mà khổ lụy muôn đời. Đừng vì tà tâm mà sanh nhục dục để hại nhau; nếu vì tánh xấu, thì chớ cứu người đặng giết người, thà để cho họ chết thân mà sống tâm, được yên vui hơn và mình thì được còn sống. Chớ nếu lấy việc cứu mà kể ơn, và bắt buộc đền trả, phải chịu làm vợ con, thì ác xấu lắm, và chết khổ cả thảy như nhau vậy.

Bởi thế cho nên từ xưa, người nước Lỗ không bắt chước Liễu Hạ Huệ, thà không làm ơn hơn làm ơn mà phải bị hại cả thảy vì tình. Còn Triệu Khuông Dẫn không nhận sự đáp nghĩa bằng vợ chồng mà cho rằng ăn cướp của người ăn cướp, bất lương giựt của bất lương, thì ra kẻ gian ác như nhau; ta đã bị mang tiếng xấu, ta và người đều chết khổ, thì là hại chớ không có cứu chút nào. Phải vậy thì chúng ta chớ nên giả bộ thi ân, dục lợi, cầu tình mà mang khổ. Ví bằng kẻ nữ nhi yếu đuối, có thọ ân cứu tử của ai thì phải nghĩ cách sao, khi gặp kẻ khác có tai nạn mà giúp đỡ lại họ, chớ đừng ích kỷ buộc tình sái quấy. Đàn bà lắm kẻ tham ganh, chỉ muốn

cho một người đàn ông làm chồng, để ủng hộ mình trọn đời. Như vậy là tội lỗi lớn đối với cả chúng sanh và tai hại chung. Còn đàn ông có người quá hẹp lượng, trọn đời chỉ lo nhớ tưởng, che chở cho một người đàn bà làm vợ, để chịu sái quấy khổ sở. Thật là xấu xa ích kỷ, tội ác thay cho tình dục, uổng cho kiếp thân trai thong thả mà vô dụng, tiếc cho đời thân gái yếu đuối, mà lại đi làm yêu ma tinh quái hại đời. Nếu chẳng vậy thì ta là trai không tà vọng, phải đem thân này dạo khắp mà phổ tế quần sanh, để cho được danh nêu bia sử. Còn gái chẳng lăng loàn thì giữ phận tiết trinh, qui tùng theo tất cả kẻ đàn anh, trong mỗi khi có điều tai ách, chớ chẳng phải đợi riêng một người mà chịu chết, hay là mở cửa rước bọn gian dâm mà để tiếng xấu ngàn năm; gái mà tùng đức trinh lương mới đáng gọi là khuôn mẫu trong thiên hạ. Vậy ta nên nhớ rằng: loài người chúng ta cao thượng, thì khi cứu là cứu cho tất cả mới không còn khổ; còn nhờ là nhờ với tất cả mới không còn nạn, mà nên dứt hẳn sự tà dâm.

Ấy vậy, tình thương là đạo ân nghĩa; là sự sống chung, trong sạch, cao thượng hơn hết; là từ bi bác ái, đại đồng võ trụ; là chơn lý của vạn vật muôn loài. Lòng thương sanh ra các pháp và chúng sanh. Lòng thương là đấng tạo hóa, là vì cái này cái kia sanh ra cái nọ. Chúng ta nương lấy nó sẽ đến quả Phật Niết-bàn, đến cõi ấy thì lòng thương mới tắt nghỉ. Lòng thương có cao có thấp, có sạch có dơ, có trúng có trật. Thương ngay thẳng là đến Niết-bàn sống mãi, thương tà vạy là sa địa ngục diệt vong. Lòng thương của cỏ, của cây, của thú, của người, của Trời, của Phật khác nhau, có nhỏ có lớn, càng nhỏ càng khổ, càng lớn càng vui kêu là đạo. Lòng thương vốn sẵn có trong đời, hoặc đã có, hoặc đang có, hoặc chưa có, chớ chẳng có cái không thương. Cho nên kẻ ác gian đến đâu cũng có ngày lòng thương nảy nở, mà thương yêu kẻ khác, và nó sẽ tiến từ thấp tới cao, từ khổ đến vui, thật là vô cùng linh diệu.

Vấn: Từ đâu có sự cưới gả của loài người?

Đáp: Nếu không dây cát đằng dẻo dai đeo quấn níu lại, thì cây tùng cao cứng phải bị gió gãy; bằng không cây tùng thì dây cát đằng phải bị sự chà xát vày bừa, tan rã bởi thú hung. Ấy vì lẽ sống nương nhau, trao đổi dung hòa tâm ý, mà loài thú bắt chước cỏ cây. Thú ác nhưng nhờ dâm dục mà trở nên hiền yếu, miễn là được sống mà nhắm mắt thả lần vào trong cái khổ tối tăm. Do đó, người xưa có con trai mới lớn, sợ bước chơn vào rừng đời nguy

hiểm ác độc, gió dông tăm tối, với tánh dốt nát cang cường mà phải gãy như cây tùng kia, hay chết như thú nọ. Cho nên, cha mẹ mua kiếm giống cát đằng đem về trồng cho leo mọc là cưới vợ sanh con. Lại nữa, gái tơ như tằm non yếu, nhỏ nhoi, nhu nhược, dẻo mềm, tựa thể cát đằng; nếu không nơi leo mọc, tránh sao cho khỏi nạn tan xác rã hình với đời hung tợn; nên trước khi chết, cha mẹ tìm nơi gởi gắm với tùng tơ. Thế nên xưa nay, kẻ thương con gái thì phải cưới chồng, người tiếc con trai thì lo cưới vợ, tùy theo tánh cách. Miễn được sống thì thôi, không cần thấy xa hiểu rộng, dốt nát tối tăm, lâu đời quen tục, tự mình tạo khổ, lại đổ cho đời, hoặc nói tại thân, cam đành ráng chịu, không phương trốn tránh, chẳng biết gốc khổ vì đâu?

Lắm kẻ nào biết gì nhân đạo giáo lý, tham danh mà gả cưới, vì lợi mà cưới gả, lắm trai bất tài nhu nhược, lắm gái trắc nết lăng loàn, vì khao khát dục tình muốn cho thỏa mãn, khi thỏa mãn rồi hoặc chưa toại ý, mà sanh lắm sự bôn dâm, cắm xỏ, ngoại tình; hoặc vì sắc đẹp, văn hay, lời êm tiếng dịu mà tư tình lén lút, trên bộc trong dâu. Càng quen càng bắt chước, lâu ngày thành sự tốt cho trẻ con, không cần cha mẹ, chẳng kể bà con, hỗn độn luông tuồng, trở lại như hồi lớp trước, để tìm chết, tìm khổ, tìm sự thất bại không thường, khóc điên, tự vận.

Có kẻ trai quì lụy gái vì sắc vì tiền.
Có kẻ gái phải quì lụy trai vì danh vì lợi.
Lắm trai thờ gái mà gọi nam nữ bình quyền.
Lắm gái hư thân quên phận lại xưng nữ nam đồng đẳng.

Vẫn hay rằng chúng sanh bằng như nhau về sự sống, nhưng nếu thời ly loạn thì gái phải cầu trai, bằng không có nam thì nữ đều chết hết, chớ sao lại tôn trọng tự cao vóc mình bồ liễu?

Có người lại quá ngây si, đem mình so sánh, ví như thú dữ cọp beo chim chuột, cùng là xưng mình cây cối cỏ hoa, nỡ quên giá trị của loài người, mà gán tên cỏ cây thú ác vào mình, đặng bắt chước hành vi theo chúng nó; mà nào có ai dám nhớ, nhắc đến Phật Trời hòng so sánh mình với Trời Phật để đi lên, bước tới. Than ôi! Đời vật chất đua tranh, tinh thần xao lãng, nào còn ai biết được chơn lý, lời dạy của Thánh Hiền để đến nỗi phải chịu nạn chiến tranh thảm hại.

Buổi xưa, chồng vợ mà có là do sự bất đắc dĩ đó thôi. Khi nào do nhơn duyên tai nạn của một gái thơ, trai anh hùng ra tay giải cứu, cảm vì ơn cứu tử mới gá nghĩa đền ơn, do đó vợ chồng mới được trăm năm bền bỉ. Sự tự do hôn nhơn là khi nào có sự ơn nghĩa như vậy thì không cha mẹ nào được phép ép buộc dời đổi, để phải mang tiếng phi nghĩa bội ân, mà gọi rằng nam nữ bất thọ thân; vì sự cứu tử gặp nhau, ấy là nhơn duyên sẵn dành xui khiến. Hôn nhân do ân nghĩa mà Phật Thánh còn chê sái trật thay, huống chi là đời sau, gái trai đi rong trêu ghẹo!

Vả lại, xưa kia một cuộc hôn nhân là phải có đôi đàng ưng thuận, bậc lớn tuổi đôi mươi chứng kiến. Do nhờ các bậc lão thành xem coi trai có đủ tài che chở hai người, gái phải trinh lương tứ đức, biết giữ phận tam tùng, thì mới chắc được yên vui đầm ấm. Nhược bằng do ý riêng tà vạy của trai gái nhỏ dại, chẳng được học, kinh nghiệm, thấy xa kia, thì sau này khổ họa và liên lụy đến cả mẹ cha gia đình xã hội. Cho nên, mặc dầu cưới gả cho con chẳng phải cho mình, mà thương con là cha mẹ phải lo giùm, trừ ra có ân nghĩa lớn lao cùng nhau thì cha mẹ mới là vui thuận, mà phải cho phép kết hôn.

Xưa cũng có lắm kẻ chí dốc lo tu học hoặc giúp đời mà trọn đời không gần ái dục. Cho rằng vì nó mà dốt nát, hư tâm, thất bại, nên có kẻ thà chịu chết với tâm hồn trong sạch theo chí hướng mà chẳng tà dâm. Có người đã già mà chẳng biết đàn bà. Có nhà vua vì dân mà không chịu có con. Còn đối với Phật Thánh, khi gặp một xác chết thì vui mừng giùm cho mặt đất nhổ bớt được một cây gai khổ, và hầu mong cho kẻ ấy sanh ra kiếp khác, nơi mặt đất xán lạn vui tươi, hơn là ở chốn hiểm nguy này. Trái lại, khi gặp một tiệc hôn nhân, một đôi trai gái đi nắm tay nhau là các ngài lo buồn mà than rằng: Cõi đời hạnh phúc đã điêu tàn, Ma vương trổ mặt, đạo đức sẽ bay xa. Thế mà đời nay người ta lại nói, kiếm vợ để giữ nhà, lấy chồng để sắm áo, sanh con để dưỡng già… Những câu nói ấy thị loài người như con vật, thế mà ai nấy lại quen tai. Bởi vậy cho nên Phật Thánh dạy rằng: quỉ thì hay dâm, tinh thì hay rút tủy, yêu thì lại phá nhà. Mà các loại ấy, chúng ta hằng nghe thấy nơi cửa miệng rủa chửi của người ta, trong khi bị nóng đốt khói lửa xì hơi từ trong ra ngoài đó vậy.

Than ôi! Tình dục là sự oan trái, biết đâu từ xưa kia kẻ yếu hèn bị sự giết hại, họ mới sanh ra loại cái để trả thù loại đực, bằng cách cám dỗ hạ mình,

vừa là để sống cho dễ dàng, bắt loại đực cung phụng và phá tan công nghiệp, giết lần thân tâm mà trả hận. Dầu ta có nói rằng nam nữ sống chung để trau sửa tâm nhau, để nhắc chừng cho nhau, nam sẽ được thiện, nữ sẽ được trí, thì còn kết quả là các đứa con kia sanh để làm gì? Loài người ích lợi cho ai? Khi lớn nó sẽ ra sao? Nếu là không biết mục đích trả lời, thì cái tôi tớ khổ nhọc không công ấy, há chẳng phải là quả báo hành phạt của tội tà dâm kia sao, mà đi chối cãi? Lắm kẻ chữa mình bằng cách, sợ mất giống người trên mặt đất, là lời nói túng.

Đành rằng có thấp mới có cao, kẻ dưới mãi đi lên, người trên thì đi lên nữa, trong đời không bao giờ mất hết một chủng loại nào. Nhưng nếu trước kia, trên mặt đất này cỏ nhiều, cây thú ít; kế đến cây nhiều, cỏ thú ít; kế đến thú nhiều, cỏ cây ít; kế đến người nhiều, cỏ cây thú trời Phật ít; mà nay lại được Trời nhiều, người thú cỏ cây ít hay là Phật nhiều mà Trời người thú cỏ cây lại ít hơn, thì chúng ta phải biết rằng: Cõi đời mặt đất này mà Trời nhiều, hay là Phật nhiều đang ở thì hạnh phúc an lạc biết dường nào. Ai mà lại chẳng cầu mong cho được trở nên xứ Phật. Chớ như cõi khám ngục bao vòng thì sung sướng gì mà ham, và Phật Thánh nào ở đó cho được, mà ở đó dạy có ai nghe?

Thế nên, xưa nay bậc Trời Phật thấy ai giải thoát được xích xiềng là mừng giùm cho người ấy, mà ngoảnh lại thương xót kẻ còn đang bị trăn cùm trói buộc, mà phải đành rơi giọt lụy, vì nếu nói mãi không nghe thì đi chỗ khác chớ ở đó làm chi. Thế mà trong đời có lắm người đợi khi có việc mới kêu cầu réo, sao cho bằng tốt hơn là trước phải răn mình lánh họa, chẳng là hay hơn hết?

CHƠN LÝ 9

CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

CHÁNH nghĩa là phải.

CHƠN nghĩa là thật, không giả dối.

ĐẲNG nghĩa là thứ bực, thứ tự, bè phe, bằng nhau.

GIÁC nghĩa là tỉnh, biết, cáo phát ra, ngủ dậy.

CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC là bậc thật, phải, công bình, sáng suốt.

Con đường Chánh đẳng Chánh giác sẽ đưa người đến kết quả yên vui, người đắc đạo quả ấy kêu là Phật. Tất cả các chi nhánh giáo lý, tông môn trong thế gian đều thảy qui về có một con đường cái đó. Chánh đẳng Chánh giác là mục đích, chỗ đến của tất cả chúng sanh, không còn nẻo nào trên nữa, nên gọi là VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC. Ai mà để các sự lo lắng, nghĩ ngợi vào lẽ ấy, gọi là phát tâm VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC.

Vấn: Chánh đẳng Chánh giác như thế nào?

Đáp: Chánh đẳng Chánh giác là cha lành của muôn loại, là thầy chung của thế giới, là chúa tể của võ trụ, tức là chơn lý pháp bảo.

Có thật hành Chánh đẳng mới sanh Chánh giác. Và cũng nhờ Chánh giác mới được đến nơi Chánh đẳng. Chánh đẳng Chánh giác tức là Trung đạo Niết-bàn.

Trung đạo là con đường giữa. Chánh là giữa, bên là tà, chánh giữa kêu là đường đạo. Đường là giữa hai bờ lề hai bên nên kêu là Trung đạo, đạo chánh.

Cũng như một bên ruộng, một bên bãi, ai ở một bên nào cũng bị lún ngộp dính dơ, mà chỉ có bờ lộ nơi khoảng giữa mới là chỗ đứng nghỉ yên, bằng thẳng, cao ráo, sạch sẽ, xa dài, do đó sẽ đi về nhà ta được. Nên gọi đạo là sự yên vui, cứu khổ cho kẻ ở hai bên bờ lề, mà kêu là đạo chánh đẳng bằng thẳng, cao ráo, sạch sẽ, xa dài.

Cũng như một bên là núi cao, một bên là hố thấp, một người kia ở trên núi thì sợ ngộp, lâu ngày ắt té sa xuống hố, bằng ở dưới hố thì chết đói lạnh; nhưng nếu người ấy kiếm được một khoảng đất bằng để ở, thì yên vui sống đẹp biết bao nhiêu. Vậy nên gọi đất bằng khoảng giữa, không cao thấp là chỗ cứu khổ chết lâu dài, mà kêu là con đường Chánh đẳng Trung đạo.

Cũng như một cái trái ở trên cây cao, vì lớn to sứt cuống, rụng, lún sâu ngộp dưới sình lầy, nhưng nhờ gặp được nước lớn, nổi phình trồi lên và lần hồi trôi vào mé, tấp lên bờ, mọc sanh cây, trổ trái sống đời chuyền nẩy. Nên gọi mặt nước bằng thẳng, khoảng giữa trên cây cao và dưới lầy thấp là con đường sống yên vui cứu khổ chết của trái kia, kêu là đạo Chánh đẳng trung bình đứng vững.

Cũng như trên mặt non thì cao chớn chở mà lại càng cao, nơi thành thị đã thấp mà lại càng lún thấp, kẻ ở trên non thì dư tinh thần mà thiếu vật chất, còn người tại thành thị thì dư vật chất lại thiếu tinh thần. Cho nên, hai hạng đều chết hết, chỉ có kẻ sớm bước lên vườn rừng hoặc mau bước xuống vườn rừng, để ở yên nơi đó khoảng giữa, rộng đường lui tới, đã dễ lại gần, thong thả mà sống cả thân tâm. Tinh thần vật chất không dư không thiếu, không thái quá không bất cập, không phiền não lo âu, sợ sệt bối rối mới được yên quí, kêu là Trung đạo Chánh đẳng của bậc giác ngộ, lẽ chánh giữa dung hòa, yên vui vắng lặng.

Cũng như kẻ ác xem mình ở trên mây, xưng trời tự ý, mục hạ vô nhơn, dưới mắt không người, có ngày mây tan, đoàn rã, mất thế lực té xuống bị chết tan xương. Còn người thiện như con sùng chun sâu trong đống rác, như con trùng rút lủi dưới đất sâu, một khi bị mưa già nước ngập, cùng là voi đạp, hay bị cuốc đào, thì thân hình đứt đoạn, uổng mạng chết oan. Sao cho bằng không thiện, không ác, không cao, không thấp, không nhỏ, không to, làm người vững vàng nơi mặt đất, chẳng là được tự do sống vững, bởi lìa thiện ác, không ở bên nào, tức là chánh giữa, Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác của người trí huệ, nên mới được yên vui.

Cũng như người đi xe máy, ngó ngay đường chánh giữa trước mắt, thì chạy lẹ buông tay cũng không sợ té; nhược bằng dòm qua bên kia bên nọ, thì phải lủi sụp leo lề, sa nhào dưới nước, gãy xe lọi cẳng, không chết cũng là may. Ấy vậy không bỏ hai bên lề, mà mình thì đi theo chánh giữa, mới gọi là đạo của mình.

Cũng như trẻ nhỏ thì xác thân, vật chất, sức lực, dại khờ nên nhiều khi tai nạn. Còn người lớn thì lý trí, tinh thần, mưu hay, khôn quỉ nên lắm lúc khổn nguy. Sao cho bằng ông già, già kinh nghiệm, trí huệ từ bi, trang nghiêm đằm thắm, êm ái nhẹ nhàng, khoan thai chậm rãi, thong thả rảnh rang, mà lại được giải thoát tự do, an nhàn khoái lạc, nghỉ ngơi khỏe khoắn, và rồi sẽ đi du lịch sang qua xứ khác, khắp cõi ta bà, không đâu trở ngại, cũng chẳng ghét thương, sống chung tất cả, không lớn nhỏ, chẳng hơn thua, trong tâm bằng thẳng, không khiêm nhượng, chẳng tự cao, đi xin ăn, không thiện ác, không vua quan giàu sang cũng chẳng tội dân nghèo khó, chẳng giai cấp phái môn, không chia rẽ chủ nghĩa gia đình xã hội, không tự lập mình cũng chẳng giúp ai, mực giữa của tất cả chúng sanh, hạnh phúc sẽ trên người cùng tột, mà được người thì tiếp rước, kẻ lại thỉnh cầu, như Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai, thì còn ai hơn nữa, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Trung đạo, mới là Ta, là đáng tôn trọng hơn hết. Ai mà hành vi, giáo lý, tâm niệm như vậy, thì đắc quả thành đạo, gọi là Phật, Niết-bàn.

Cũng như kẻ ác đi trên trời, đói khát mà té chết; người thiện đứng trên ngọn cây, có ăn thì rớt gãy tay chân; người huệ ngồi gốc cây, bị cảm gió; kẻ chơn như nằm nghỉ nơi chỗ kín, mới yên thân; còn ma đói thì thả rong đi kiếm phẩn; kẻ địa ngục đang bị hành hà; loài súc vật thì đang cắn lộn. Trong bảy hạng chỉ có kẻ chơn như nơi chánh giữa, nhờ giác ngộ thấy rõ sáu đường kia và nơi khoảng giữa, mới nằm nghỉ nơi chỗ phẳng bằng, nên được tự nhiên vắng lặng, tịch tịnh chơn như, yên vui sống mãi, nên gọi là Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác, đã vô thượng mà lại trường sanh cực lạc, an dưỡng lâu đời, hơi thở điều hòa, không hay dở mau chậm, mới gọi là chơn chánh đạo.

Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác cũng như sự sống của trái tim điều hòa, không mau chậm, như hơi thở có ra vào, như chiếc xe có máy chạy đằm đằm, là sự không thái quá bất cập của tương đối.

Trung đạo, không bỏ bên này, mà không lấy bên kia, cũng không lấy hết, cũng không bỏ hết. Trung đạo là chỉ giữ thường nơi mực giữa, như chiếc xe hơi chạy, có qua một chút, có lại một chút, chỉ giữ mực giữa mà đi, thì mới được bền dài, thẳng tới, khỏi sụp lề.

Chánh đẳng Chánh giác cũng là tự nhiên chơn như, không vọng động rối loạn, bởi sự Chánh đẳng là từ bi, sống chung, hòa hiệp, và chánh giác là trí huệ, dứt bỏ điều sái quấy, nên mới được ngủ yên nghỉ khỏe, không điều xao xuyến bận lòng.

Chánh đẳng Chánh giác là mặt đất bằng sạch sẽ, mênh mông bao la và sáng rỡ, là chỗ ở của thánh nhơn. Chánh đẳng ví như mặt đất lưu ly, pha lê, vàng, bạc, mà chánh giác là cây Bồ-đề to lớn. Giáo lý của chánh giác như cành nhánh, chúng sanh do đó sanh ra, và nương theo như lá trái hột hoa. Gốc chân chánh giác bao giờ cũng đứng vững mãi mãi trong đời; người mà tìm đạo, gặp đến ắt sẽ nghỉ yên, nương dựa ngồi yên nơi đó, thì chẳng bao lâu sẽ thành đạo, che chở cho muôn loài nhờ cậy, cũng như cây Bồ-đề vậy.

Chánh đẳng Chánh giác cũng là giai cấp của giới luật đem lại sự yên vui, để tránh khổ cho người thiện, kẻ ác tập lần trèo lên, hay bước xuống, để dưỡng nhàn ngơi nghỉ, cũng tức là sự thiền định, yên lặng, đứng vững lâu đời. Người phát tâm Chánh đẳng mới được chung sống khắp nơi, nhờ sự thương yêu tất cả, nên mau được học đầy, giác ngộ; và khi đã giác ngộ rồi, thì không còn sự chen đua vầy khác của vô thường, mới được dứt khổ, và cái ta đã định.

Đời sống của bậc Chánh đẳng Chánh giác Trung đạo thật là vô thượng tối cao; cái cao của người già kinh nghiệm; cái cao không tự đắc, tự tôn, tự đại, tự cao, tự ái, tự kỷ; cái cao không giỏi hay tài sức khôn lanh. Ta có thể nói, đó là kẻ mà bao giờ cũng biết mình có hơn người, mà cũng có thua người. Vì vậy mà họ chẫm rãi khoan thai, trang nghiêm êm ái, đằm thắm nhẹ nhàng, khéo léo chơn thật, ôn hòa hiền hậu, dịu dàng tốt đẹp, giải thoát tự do, thanh tịnh vắng lặng, đứng vững sống mãi trên đời, và được thành công trong mọi việc, điều chi cũng được như ý, mà khỏi phải lo âu, cố chấp giữ gìn.

Cái sức mạnh của bậc Chánh đẳng Chánh giác là không bao giờ khoe khoang hay khiêm nhượng, chẳng muốn hơn ai và chẳng hề sợ ai, nhứt là

sự không mê lầm sa ngã, xu hướng theo một lề lối, nẻo quanh co nào. Cho nên khi xưa ma vương không hại Phật nổi, mà Phật thì chẳng bao giờ nỡ hại ma vương nên được Thế Tôn, là toàn đức. Giáo lý của trung đạo cốt yếu để đem lại chữ hòa cho tất cả, tức là chơn lý của võ trụ. Cũng như gò đất cao thì chan sớt vào trũng thấp, cao phải thấp bớt, thấp phải đầy lên, để cho được bằng nhau, mới là yên tịnh. Cũng như khóc rồi cười, cười rồi khóc, sống rồi chết, chết rồi sống, khổ rồi vui, vui rồi khổ; vua làm tôi, tôi làm vua, dân làm quan, quan làm dân, nghèo làm giàu, giàu làm nghèo v.v… Sự tương đối ấy là giác ngộ, để mở trí dạy học, cho thấy rõ đạo Chánh đẳng Trung đạo là công bằng đứng vững. Chơn lý ấy dạy rõ sự thật trước mắt của chúng ta, nơi chúng sanh, vạn vật và các pháp đang sẵn có trong đời. Cho nên ai ai cũng đều thấy đạo, được học và hiểu biết rằng: Chơn lý tức là công lý, hay là Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác vậy.

Xưa kia nhằm năm đói hạn, gia đình một kẻ nọ sắp chết, nó đi lấy cắp của người dư, để phải cùng nhau đi tới quan. Quan xét ra nó là người lương thiện gặp cảnh bần cùng vì mẹ cha chết đói mà sanh ra lòng trộm đạo, nên quan không đành làm tội nó, mà nghĩ rằng nó cũng chúng sanh mạng sống như ta, sao lại ta dư nó thiếu, hay là tại nó thiếu ta mới dư. Bởi lòng thương mà xét đến sự công bình, nên ông được giác ngộ rằng: Một khối ăn chung trong xã hội, nên phải có cho mỗi thân xác đồng đều, dầu kẻ ngu hay người trí cũng phải cho được cái sống như nhau bằng thân. Kết quả phần thưởng của trí là sự hay giỏi tốt nên, trí hưởng điều vui sướng; còn sự ngu khờ là phải chịu hư xấu, thất bại buồn rầu; mà chúng sanh ai nấy tất cả phải chan sớt cho nhau, hảo tâm cứu giúp cùng nhau. Kẻ dư nên bố thí cho người thiếu nhiều ít, biết thương cho nhau, để tránh khỏi sự giết hại cùng nhau. Nếu kẻ trí giành của người ngu, giựt bằng kế mưu khôn khéo, để dư nhiều chôn bỏ, xa xí chơi bời; còn kẻ ngu thì phải thiếu hụt, bởi làm nhiều của ít, mà sanh trộm cướp võ lực tay chơn. Chớ chi đừng ai làm nhiều của ít, hay làm ít của nhiều, mà đời sống là để học, kinh nghiệm, mở trí, đừng ai nỡ để cho ai thiếu kém hơn mình, vì người chết hết, một ta há sống được sao? Và nên biết rằng: Ta giành của họ, họ lại giành của ta, mà ta và họ sẽ giết chết nhau, cùng nhau phá mãi, khó thuận hòa. Vì nghĩ vậy mà quan đem tiền của mình ra bố thí cho bần nhân kẻ khó, từ đó về sau, mỗi ngày làm việc thì chỉ lấy đủ tiền cơm, mỗi ngày không

cho dư, cũng y như người dân dã lao lực. Cho đến vợ con quyến thuộc, quan cũng bảo phải tự làm nuôi lấy mỗi ngày, chớ cho dư, hễ dư ra nên bố thí. Ông không cho biếng nhác, mà mười kẻ ở không bắt một người nuôi, để đặng thả rêu chơi bời, sanh ác tật. Ngài khuyến khích những kẻ giàu sang nên thương người nghèo nàn mà bố thí, khuyên người nghèo khó phải ráng siêng năng lương thiện, muốn tránh chết để được sống thì đừng có ai thua kém, mà phải tự phát tâm từ bi Chánh đẳng Chánh giác Trung đạo công bình; nhờ đó mà trong xứ ấy trở nên bình tịnh ấm no, hết cơn nạn khổ, dân chúng như con một nhà, xem quan như cha mẹ, quí báu biết dường nào. Ấy vì quan nọ thấy xa mà dùng đạo đức, chớ nếu xử lấp người tội, binh vực kẻ có dư mà không chịu hiểu tâm lý cảnh ngộ, thì là xúi kẻ dư thêm giành giựt, để gây thù oán cho hai đàng. Ép bức kẻ khốn cùng tức là nguyên nhân sanh giặc cướp. Cho hay, kẻ dư thì ai cũng tự kiêu, mà người thiếu ai cũng tật đố. Nếu làm quan vì danh lợi mà không đạo đức, bỏ khinh người thì chết hết, chớ nào yên. Vả lại, trong đời có ai mà không phải là sự ăn cắp, ăn trộm, ăn lén, ăn vụng, ăn thầm, ăn gian, ăn lận, ăn đêm v.v… Những cái ăn ác, ăn thiện, ăn có đạo đức, bằng thân, bằng trí hoặc bằng tâm lẫn nhau… miễn là chúng ta biết thương lại kẻ khó, nếu ta có dư nhiều, như vậy thì ai mà chẳng mến đức phục tùng, theo ta tới chết. Thật vậy, Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác là pháp giải hòa vô úy, về sau là một nền đức hạnh cao lớn. Thế nên đức Phật dạy rằng tất cả đều là chúng sanh, chỉ có một tiếng chúng sanh, sống chung hay là chung sống, và sống là để học hành mở trí cho được yên vui, chớ không sống mãi mà lo hoài cho xác thịt! Chính câu nói ấy chỉ rõ mục đích của chúng sanh, là dung hòa trung đạo, từ bi chánh đẳng, trí huệ chánh giác. Vậy sao đời nay chúng ta chẳng noi y theo, để tội gì mà mãi phải khổ vì nhau.

Lại vầy nữa, xưa có người bị mất trộm, đến bạch với một vị sư, cầu xin chỉ bảo kẻ gian manh. Vị sư dạy rằng: nếu là đời trước có vay của người, thì đời nay nên vui mà trả, kẻo để lâu sanh lời nặng. Bằng nếu gởi người cất giùm thì ngày sau mình có lời nhiều; hay là sự nhịn nhục, là để răn chừng tâm tham ác, vừa để làm gương cho kẻ khác đừng tham dư, đừng giành giựt, mà mãi bị vay trả. Hoặc như bố thí, nên coi là cái dư của người thiếu, mà tại mình tham quấy khổ nhọc không công, chớ lúc sanh cùng khi chết, hay mỗi lúc, thân thể có một mình, sao lại mang dư ôm trữ mà làm chi? Ví như người học trò lìa

cha mẹ quá khứ tổ tiên Phật Thánh, vào trường đời để học, sao lại trốn học mê chơi, xa thầy bạn, nhà trường, sách vở mà đi ở lang thang, tạo nhà sắm của cho lỗi đạo con trò? Nào biết ai lấy của đó chăng mà đi giẫy giụa, kêu la đòi hỏi. Vả lại, chơn lý công bằng, được bây giờ mất về sau, được nơi thân mất nơi tâm, được ngoài mất trong, thì đâu có gì được mất. Ví như mỗi người có một tô cơm như nhau, mà kẻ kia lại giựt giành đất cát, còn để tô cơm của nó lại cho mình, mình được hai mà nó thì nhịn đói ăn đất, như vậy là phải thương giùm nó. Bởi nó được cái tham sân si ác độc: địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh khốn khổ lâu đời, còn mình được giác ngộ và đức bố thí, mà được sanh làm Trời Phật. Vậy như nó không trả là tự nó tìm họa, mà chính nó đưa mình lên cao tâm trí bây giờ, và về sau mãi mãi thì còn ức chi thưa gởi kiếm tìm, không lẽ ta đã mất của nơi thân mà lại còn tham sân si cho phải mất của nơi tâm thêm nữa. Như vậy là thây kệ nó, nhờ có nó lãnh tội chịu nghiệp thay thế giùm mình, mình mới được thanh nhẹ, bay về cõi trên cao. Chính nó tạo cho mình lòng nhơn chứa đức, nó bảo mình phải lo tu học, đừng ham khoe khoang vật chất của cải gia tài vô ích; hoặc đã đến ngày ta giải thoát, mà Trời Phật bảo nó kêu ta, hay là tạo hóa chẳng vừa lòng cho ta tích trữ. Trái lại nên mượn của đó làm duyên mà phát nguyện đời sau, khi ta thành Phật rồi thì mau lo độ nó trước, như vậy mới là cách xử sự của bậc Chánh đẳng Chánh giác.

Mà hay thật, sau lời nói đó, kẻ trộm kia nghe được, tỉnh ngộ sợ hãi, mau đem trả của, còn người chủ mất lại được thấy rõ trung đạo, mà xin xuất gia nhập đạo, và về sau hai kẻ đó là thầy trò với nhau, rất thân mật.

Cho đến sự kẻ bị người đánh, người bị họ giết, nhà đạo đức cũng xét công lý trong ba đời, theo Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác, mà giải hòa, dạy dỗ, giác ngộ đưa lên, và làm cho biết yên vui chung sống. Thật vậy, đức bố thí, tính nhẫn nhục, lòng hy sinh, bao giờ cũng sanh lên cõi Trời và thành Phật. Còn tham sân si thì chiếm cứ mãi địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Như vậy, chúng ta há quê mùa lo đi tranh cãi để sanh tâm ác, mà giành cái khổ nạn muôn đời, nơi cõi hắc ám kia mãi sao? Được địa ngục có ham gì!

Than ôi! Đồ vật giết người mà nào phải nó ác. Ác là tại người, người giết người, chớ ai vào đó mà giết người, người chết là tại vật chất của cải chính ta tạo ra có nó để nó giết ta. Vậy kẻ muốn sống yên vui, há đi nắm lấy nó tự đâm chém chôn mình sao, mà tham tiếc.

Cho đến như sự cho vay và trả nợ cũng thế: vì sao mà người kia lại có dư, phải chăng vì tranh đua chen lấn mệt nhọc, tuy kể công mệt nhọc mới có dư, nhưng nỡ lòng nào mà đành hơn kẻ khác; uổng cho cực khổ công lo, khi có dư ngồi không ăn hưởng, lại phải bị chúng giựt giành cướp hại; khi làm lo thái quá thì bịnh chết, lúc ở không sanh tệ cũng bịnh chết, mà còn mang tiếng thất đức bất nhơn bỏ học. Nếu kẻ thì lấy trí ăn nhiều làm ít, người lại lấy sức ăn ít làm nhiều, thì hạnh phúc yên vui làm sao có được? Chớ chi ta cho người vay, nếu ta có dư, và người thì lại cho kẻ khác vay nữa, như vậy là sự giúp đỡ xoay chuyền, không ai thái quá bất cập, thi ân không cầu báo, thì ai lại chẳng mến đức cùng nhau, không ai cao thấp, ấy là nguồn chơn hạnh phúc vậy. Mặc dầu không ai có quyền ép buộc, nhưng tự ta giác ngộ phát tâm thật hành như vậy, mới gọi là kẻ có học, có kinh nghiệm, biết sống đời.

Có như thế chẳng hay hơn là ta giành choán việc làm, để cho kẻ khác biếng nhác ở không mà đổ thừa hết việc, lại gọi rằng: Kẻ kia làm tôi mọi có dư, là để dành nuôi nó vì thương nó; nói thế để phải ẩu đả cùng nhau. Kẻ mà thiếu là tại nơi biếng nhác, hoặc vì không siêng năng mà bị mất sở choán nghề, đó là nguyên nhân của sự rối rắm, bởi chẳng biết thương yêu dòm ngó, giúp đỡ cho nhau. Chơn lý vốn là Trung đạo công bằng, mà sự thái quá bất cập của chúng ta, hẳn là trái nghịch, trách gì chẳng mãi không yên mà đi than van.

Ấy vậy lẽ thật của đời là đi tới, tới cõi yên vui xuôi thuận, mà chúng ta đứng lại, hoặc đi lui khốn khổ. Nên từ xưa đức Phật dạy rằng: Các người biết vì sao ta đi xin ăn mỗi ngày? Ta đi xin ăn là tập dạy cho cư gia biết bố thí vật chất, sự ăn mặc ở bịnh cho nhau, để đừng tham khổ, và là biết nuôi đạo giúp Tăng. Mà cũng là tập dạy cho Tăng phải đi du học khắp nơi, trau tâm, dồi trí, giáo hóa cho cư gia, bố thí pháp cho chúng sanh, để ban hành Trung đạo dung hòa, Chánh đẳng Chánh giác của Ta, cho chúng sanh đều hiểu biết, là chơn đạo. Bởi có ta đi xin, cư gia mới có bố thí cho Tăng bằng vật chất, Tăng mới có bố thí cho cư gia bằng tinh thần. Vì mỗi người phải có đủ linh hồn xác thịt thân tâm, vật chất tinh thần, hòa nhau mới sống được, mà trong đời thì không ai có thể đủ đầy hai món được cả, và cũng không ai tự lo lấy mình cho được.

Tinh thần không là con ma, xác thịt không là khúc gỗ; làm để ăn, lành để sống, nào ai có ăn mà không sống, nào ai có sống mà không ăn? Ăn và sống

phải dung hòa cần thiết mới được. Con người bởi vô đạo, không lành mới giết nhau mà giành ăn, nếu chỉ biết làm ăn cho có, rồi giành nhau giết chết, phá hoại, không không mất hết, thì có ích gì. Vả lại, người ta sanh đứa con trước, rồi mới sanh phương chước tạo sắm nồi cơm, sanh ra rồi, thì nhiều ít làm ăn, chia nhau chung sống, mới ôn hòa êm ấm, vui tươi, tốt đẹp. Cho nên, đạo đức là sự sống trước nhứt, hay linh hồn của chúng sanh, mà cư gia hay là Tăng chúng đừng để cho đạo tắt mất; không đạo chúng sanh phải chết hết, các ngươi đều có tội. Vậy nên, tài thí pháp thí dung hòa nuôi đạo, là phận sự của tất cả, đừng ai chia sẻ mà bị đớn đau, và phải biết kỉnh trọng đạo. Vậy nên, Tăng không xin mà tự cư gia phải lo bố thí, cư gia không hỏi mà tự Tăng phải tìm dạy.

Đó tức là đạo của chư Phật ba đời, con đường trong sạch bằng thẳng, sáng láng chơn chánh công bình hơn hết, và do đó mới có cõi đời, mà sau này người đời đi lạc vào đường danh lợi tài sắc, mới phải bối rối lo sợ. Vậy muốn cứu thế độ đời, các người hãy noi gương xưa mà sanh sống cho phải đạo, để cho chúng sanh đời sau thấy rõ đường đi, tránh khổ; cũng vì lẽ ấy, mà Phật bỏ ngôi vua, xuất gia tầm đạo, đặng để lại cho đời sau.

Cho đến đối với đức Phật, Ngài dạy rằng: Chơn lý tạo hóa như bà mẹ, chúng sanh như con chung; cỏ cây, thú người, Trời Phật thảy như nhau bình đẳng; còn tứ đại: đất, nước, lửa, gió là cái có của chúng sanh. Ví như nước do khí sanh, đất do nước sanh, đất nước sanh muôn loại, muôn loại sống và ở ăn nơi đất nước, sau trước là kẻ đồng hành, vốn không chủ tớ, ít nhiều, có không, dư thiếu, kẻ đi qua người sắp đến, kẻ đang nghỉ chưn tạm, chúng sanh sống tạm đi qua, là khách của thời gian, người sanh của sanh, người già của già, người lớn của lớn, người nhỏ của nhỏ, người bịnh của bịnh, người chết của chết, vốn không thường. Tạo hóa như bà mẹ, Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác công bình, chẳng thiên vị đứa con nào, không chia cho ai nhiều, để bỏ trống dư hoang, không bớt của ai, buộc phải ít thiếu, hễ sanh là ở tử là đi, đến là ở bỏ thì đi, vốn không ép nài xua đuổi. Chúng sanh vốn không chủ khách, kẻ đến trước người đến sau, nương nhau sống tạm, để lớn tâm mở trí học tu. Kẻ đến trước cắm ranh nhiều, người đến sau cắm ranh ít, kẻ đến chót không có, nên phải chia sớt giúp đỡ cho nhau, chớ đừng giành giựt, chớ phân biệt thú người, cây, cỏ, chủng tộc màu da. Vì lẽ thiếu một chúng sanh là ta còn tai nạn, cần phải có đủ tất cả các hạng, mà lẽ tự nhiên tấn hóa chúng

sanh, sanh mọc, đến đi, còn mất, sống chết, có không, nào ai có quyền gì cấm cản ai ai. Vì ai cũng là sự sống như ai, con của tạo hóa, sống nơi tứ đại; thế nên người xưa, ai trồng tỉa đến đâu là của cải mình tới đó. Kẻ siêng thì dư, nhiều; người biếng thì thiếu, ít; chẳng có sự tham tranh. Việc làm xem như tuồng giải trí, kinh nghiệm vui chơi, sống để tu hành học đạo, đặng chờ ngày mãn kiếp, bước lên Trời Phật.

Lắm kẻ không thèm đào ao lấp biển, phá núi đốn cây, cấy cày trồng tỉa, cho rằng các món vốn sẵn của nhà sanh ra là có đủ, tham chi ngon sướng mà phải lo âu; họ chỉ ăn rau trái cỏ hoa, chia nhau ở nơi xa vắng, mặc áo lá vỏ cây, ở nơi bộng hang động đá, sung sướng biết dường nào. Ấy là do nhờ hiểu đạo mới không tranh đua cướp giựt. Đời xưa cũng nhờ gần với buổi ban đầu, lẽ thật, ở nơi nước biển cù lao, cỏ cây rừng thú, mà được như vậy. Tuy thân xác như khỉ khô dơ dáy, mà tâm hồn, lý trí, thần thông, khoái lạc, dư dả, giàu sang. Đến như tiền bạc không dùng, của cải không dư, họ chỉ đổi chác món ăn cùng nhau, gánh bưng từng thúng rổ mà lại vui lòng; đường đi xa, làm việc mệt, mà lại không bịnh đau, không mỏi cẳng. Đất cho không ai lấy, núi bỏ chẳng ai giành, nhà hoang không ai choán, sông rộng chẳng ai ngăn. Bởi là kẻ hiền lương nên không cần phân biệt mẹ cha, gia đình, xã hội, lợi danh chi cả. Bởi không làm khổ giết hại nhau, thì ai cũng như ai mà thôi. Vả chăng, vàng bạc là đồ vật dùng làm nữ trang cho trẻ nhỏ, nào sánh được với miếng ăn no. Người xưa cho vàng ngọc là sạn sỏi, để chơi liệng bỏ, chẳng cất giành ăn được, người ta hay thú vật cỏ cây không ăn được vàng ngọc, và vàng ngọc cũng chẳng sanh sản được ai ai. Thế mà đời sau mảng sự ham chơi hơn cần sống, nên coi vàng bạc ngọc ngà là quí giá, lại gạt gẫm dụ dỗ kẻ quê mùa, để đổi chác lấy miếng ăn cho no bụng, đặt giá trị của tiền tài, đặng bắt kẻ khác đày công, cho mình ở không thọ hưởng. Đó là sự khôn khéo của đời sau, kẻ chê dơ nơi đồng ruộng, và lười biếng mê chơi nơi chợ búa, mới có lắm sự tham lam rối khổ, kẻ có người không, vì sự ham vui mà đời người khốn lụy. Chớ chi mà ta đừng chấp rằng "không" hay "có", có không ta hãy dung hòa, tiền bạc cũng dùng, ruộng nương không bỏ, đừng ít đừng nhiều, đừng dư đừng thiếu, thì sao lại ai nấy chẳng an thân. Để tham lam tiếc giữ chi cho thái quá, mà kẻ bất cập phải tranh giành, đã bị mang tiếng bất nhân thất đức và còn bị hại thân mạng.

Cho nên đối với sự cứu nạn cứu khổ cho đời, thì chỉ có Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác là phép cải tử huờn sanh. Những ai muốn sống mãi thì phải thật hành, mới không còn sợ lo chết khổ. Chánh đẳng Chánh giác, cũng là sự giác ngộ chơn chánh, soi rõ cõi đời xưa nay, là sự không thêm bớt, lấy bỏ cõi đời, mà là để đưa chúng sanh lên đến đẳng cấp tối cao tột bực; từ nấc thang lẻ loi của một mình đến lớp của vợ chồng, gia đình, xã hội, và đến sống với tất cả chúng sanh, để tạo sự yên vui mãi mãi. Nên chi Phật dạy rằng: Thuở xưa kia, người ta hằng sống lẻ loi một mình, phải khổ, mới đến ở chung với nhau hai người, kẻ yếu nương theo người mạnh, người mạnh giúp đỡ cho kẻ yếu, bởi nạn khổ góp sức nhau lập gia đình, khổ to mới bày ra xã hội, khổ lớn nữa mới chung hiệp cả chúng sanh chung. Dùng lòng thương để ràng trói cho nhau, lấy sự học hành đạo lý làm việc làm của cải, cái vui hay. Bởi trong đời trẻ nhỏ sanh nhiều mà lại càng nhiều, là sự hung dữ dốt nát càng thêm, còn người già đã ít mà lại chết bớt, cũng như trường học lớp chót, học trò cũ giỏi thì đi lên mất, tốp mới lại vô nhiều. Cho nên đời người là cõi bất trị vô học, nào sánh được với cõi Trời Phật trên kia, cho nên đối với sự ăn mặc ở bịnh mà không bao giờ yên được. Nhưng không phải vì lo sự sống không rồi đó mãi, mà là phải chăm lo dạy học, để có việc làm của sự học, thì mới bớt được mối rầy rà, và bởi càng lâu quen lần êm dịu, thuần thục bớt, để bước lên lớp trên, được ra người tốt đẹp, ích lợi về sau. Thế cho nên, đời cõi người lớp chót là rất khó vô cùng, mà cũng là nơi sàng lựa, vỗ về, dạy học, thi tuyển để đưa lên đến bậc tối cao, và tập sự sống cho nhau, cũng như góp từng cây kết từng bè, gom cả đám rừng cây kết chặt thả đầy mặt biển, để diệt trừ nạn khổ của nước to nơi biển, và sự đánh đập dông gió của cây cao. Tức là sự thương một người thương lần tất cả, học một người học lần tất cả, sống một người sống lần tất cả. Cho nên chúng sanh tập lần từ giáo lý của ta, người, đến gia đình, xã hội, phải trải qua từng lớp giả tạm, để đến với lớp sống chung, toàn thể của võ trụ chúng sanh. Như sự biết Phật, biết Trời, biết người là để biết lần đến thú, đến cây, đến cỏ, đến đất, đến nước, đến khí, đến lửa để tạo một tâm hồn, một cái sống, cái ta và của ta vĩ đại; sống đời, vĩnh viễn, yên vui, toàn học, tất cả bằng nhau. Ngay như giáo lý xã hội hiện tại sẽ đi lần đến mức đại đồng, mà diệt lần sự chia rẽ để tránh khổ tìm vui, chung sống tập học. Không còn sự chia rẽ cắt rạch chém đâm mới không còn đau đớn chết khổ vì nhau, dốt nát vì nhau. Giáo lý đại đồng ấy là Trung đạo Chánh đẳng

Chánh giác, cõi Phật Niết-bàn, đời đạo đi đôi, đạo trên đời dưới, chúng sanh nơi khoảng giữa sẽ tiến lần lên.

Muốn đến với đại đồng, người ta phải tiến chớ không phải đứng hay thối lui, cùng là sự bỏ học, gây gổ cùng nhau. Thế nên, xã hội từ bao thuở đến bây giờ, do hoàn cảnh đông người mới bày ra sự sắp đặt lớp tạm, từ sự làm chủ lấy mình không yên, mới phải chung hiệp cùng nhau để bảo vệ, toàn thể chung hiệp mà không chống nổi sự tai nạn, mới thỉnh cầu Trời Phật. Kịp khi đến với bậc thay Trời hành đạo, theo gương Phật dạy đời, tức là ban hành giáo lý đại đồng, Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác cho chúng sanh được học, nên mới hòa yên, không còn giành ăn giết khổ, giai cấp thế quyền. Chính đạo là đức lớn bao trùm, thương yêu, nuôi nấng, chở che, dạy dỗ, sanh ra cõi đời, muôn loại được sống được nên. Thế nên kêu đạo đức là chủ, căn bổn, hay chúa tể, cha lành, thầy chung đó vậy. Đạo đức là đường cái, hay bờ đập để ngăn nước sông to, như núi cao để che gió bão, như bức tường hàng rào bao bọc chúng sanh, hoặc như miếng đất trong sạch trên cao hơn hết, mà quỉ ma ác thú không tìm lên tới, nên người hiền mới sống.

Thật vậy, trong các sự bất hòa của thân tâm, gia đình xã hội, thì chỉ có đạo đức gián ngăn, cứu vớt đưa lên hết thảy mới được. Chính hơi thở của chúng sanh kéo dài từng hơi một là do ảnh hưởng của đạo đức vậy. Không có đạo đức thì cõi trần thế cháy bừng một cái một, chúng sanh đã tắt thở từ lâu, và không bao giờ sanh sản có ai được cả. Vẫn hay đạo đức tối đại, nhưng bởi quá cao thâm mà lắm kẻ về sau không còn am hiểu để thật hành, do đó cõi đời luôn luôn trở lại rối khổ; và chư Hiền Thánh lại thỉnh thoảng xuất hiện ra dạy lại, cho yên tịnh có đạo, rồi lại bỏ đi, sau khi đã dạy thâu xong một số hiền đồ đích đáng, còn bỏ lại cõi đời xơ rơ kẻ nhỏ, như cây nọ mất trái hết bông.

Nên từ xưa đến nay, hết đời khổ đến đạo vui, lại hết đạo vui đến đời khổ, vẫn mãi thế, để tuyển lọc bậc hơn người, đem lên cõi Phật, đặng tu học nên người, hầu sau này cho trở lại, lập thành cõi Phật số đông đầy trên mặt đất, để có đủ lớp hiện tại cho chúng sanh. Vậy những ai muốn làm Trời thì theo vào giáo lý xã hội có đạo đức, bỏ qua khỏi cảnh nhân loại của gia đình; bằng muốn theo Phật, hãy học pháp chúng sanh chung của Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác đại đồng võ trụ. Và chúng ta nên nhớ rằng: Cả chúng sanh yên thì

xã hội mới yên, xã hội yên thì gia đình mới yên, gia đình yên thì mình mới yên, mà muốn cả chúng sanh yên thì trừ phi đạo đức Phật Pháp ra, không có pháp nào thứ hai hòa giải giáo hóa được cả. Vậy nên thấy lớn, chớ đừng thấy nhỏ là thiếu học, vì tất cả chúng sanh chung là có gồm cả xã hội gia đình, và mình trong đó, có sót ai đâu. Chẳng nên nghĩ riêng cho mình, muốn được phần hơn kẻ khác mà mang khốn khổ, để phải bị tất cả giết hại mình.

Xưa kia đức Khổng Tử lập gia đình xã hội là cốt yếu cho người được tập thiện, để chung sống cùng nhau, bước lần đến đạo đức, đừng chia rẽ giết hại nhau, chớ nào phải xúi lập bè đảng để dậy giặc to. Dạy đạo vua quan, cha con chồng vợ, luân lý ngũ thường, để đừng chém giết lẫn nhau, đó là phương pháp cứu tử tạm thời, chớ nào phải bày ra để bắt buộc người hiền chịu khổ, phải theo y như vậy mới được, mà giết tâm diệt trí con người, bảo phải giữ gìn mặt đất, đặng xúi kẻ tham làm ác. Đức Khổng Tử dạy kẻ ác trở nên thiện, dạy trẻ nhỏ ra người lớn, là giáo lý bình dân, ngăn giặc, cấp tốc tạm thời, rồi thì sau đó là phải lo tu học, trau tâm dồi trí, mà đi lên lớp trên khác nữa, chớ nào phải bảo đứng hoài một chỗ, giữ một bài, mà cam chịu dốt kém, luân hồi.

Còn như đức Lão Tử, cũng vì sợ chung hiệp mà để sanh giặc, mới dạy rằng: Người là linh hồn chủ tể, không ai giết đặng, xác thân dầu sao cũng chết, đợi phải giữ gìn tham tiếc, giết hại mà chi cho nhọc. Mỗi ai nấy lo tu tâm dưỡng tánh, tìm chỗ vắng vẻ núi rừng, luyện đơn nấu thuốc, xa vòng xiềng xích của lợi danh, chẳng là đúng thật! Do câu nói ấy, để bảo con người bỏ ác theo lành, để tập lần sống chung với tất cả, đặng đến cõi đại đồng xứ Phật, thì cũng giống như đức Khổng Tử hay Phật Thích-ca, có một chỗ đến mà thôi. Nhưng bởi gặp thời kỳ nào, thì phải dạy theo giáo lý nấy, cho hợp với ý muốn của chúng sanh.

Cho nên ba giáo lý ấy đều là đạo, để đi đến lần tới Chánh đẳng Chánh giác, đại đồng quả Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói: Chỉ có một tiếng chúng sanh mà thôi, trước cũng như nhau, và sau cũng như nhau, còn sự cha con, chồng vợ, quan vua là tạm trong thời buổi, chớ không có, không phải thật đúng chắc hay bền bỉ, là phương pháp tạm dạy cho kẻ ác, chớ người thiện không giết hại làm khổ ai, là đủ rồi; mà cần phải sống chung với tất cả chúng sanh, bình đẳng như nhau, vì tình nghĩa thân quyến muôn đời của ta là tất cả, chớ không phải mới có một hai cha mẹ bây giờ, mà nhắm mắt ngơ tai

với bao người thuở trước, đang ở xung quanh ta, lại còn đi chia rẽ phá hại. Vả lại, ta còn trở lại những đời sau nữa kia mà, vậy đừng hại ai hết, ta mới được sống vững yên vui trong những đời sau. Do giáo lý ấy, ta thấy đức Phật dạy cho bậc đã thiện rồi để giải thoát, tiến lớp, đến ngay Trung đạo, còn đức Khổng Tử và Lão Tử thì còn đang dạy cho kẻ ác. Riêng đức Lão Tử cũng có dạy người hiền xuất gia y như Phật, nhưng lại rất ít hơn. Cho nên trường học của chúng ta có ba lớp: từ Khổng Tử bước đến Lão Tử, đến Phật Thích-ca và sẽ đi thi. Vậy nên ai học được đến lớp của Phật, dầu thi rớt quả Phật, chớ cũng được làm vua cõi Trời, vua cõi người, vì lời Phật dạy là giáo lý chúa tể, cao siêu rộng lớn, sáng suốt vô cùng. Đệ tử của Ngài đều là bậc đức cao đạo cả, hơn hết trong thế gian, nên Trời người đều kính phục, mà tôn thờ Chánh đẳng Chánh giác, là Trung đạo chánh chơn vô thượng. Cho nên có kẻ nói là Phật dạy cho vua, Tiên dạy cho quan, Thánh thì dạy cho bực giàu sang, vì phần nhiều ba bậc đó hay bỏ thế sự đi tu theo tam giáo.

Tóm lại, giáo lý Phật dạy cả chúng sanh hay hơn hết, Lão Tử dạy xã hội hay hơn hết, Khổng Tử dạy gia đình hay hơn hết; nhưng mỗi ông cũng có dạy cả ba pháp, mà chỉ giữ riêng một lớp sở trường, đều để dắt lần chúng sanh đến đạo như nhau, nên gọi là tam qui hiệp nhứt, ba giáo một nhà, cùng nhau chú trọng có một chữ hòa. Hòa là đạo, đạo là trung, trung là kết quả.

Quả Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác là quí báu hơn hết, đúng lý hơn hết.

CHƠN LÝ 10

CÔNG LÝ VÕ TRỤ

I

Công lý cũng tức là chơn lý, hay lẽ chánh đẳng chánh giác, trung đạo dung hòa của võ trụ. Công lý nghĩa là lẽ không thêm, không bớt, bằng nhau, đạo lý rất công bằng, không chênh lệch thiên tư về mặt nào. *Thể* của công lý là sự không lượng không biên, không cố chấp, vô cực. *Tướng* của công lý là hình thể của vạn vật các căn. *Dụng* của công lý là luật pháp giáo lý tương đối biến hóa. *Lý* của công lý là tự nhiên, vắng lặng, bằng thẳng, mát mẻ.

II

Cũng như quả địa cầu để trên một dĩa cân to lớn phía bên nây, và dĩa bên kia thì để một quả tạ khổng lồ, hai cái bằng nhau trong muôn đời kiếp, từ thành cho đến không, từ sanh cho đến diệt, nó cũng vẫn bằng y nhau, không thấp cao nhẹ nặng chút nào. Cũng như đất nước lửa gió trong quả địa cầu, mặc dầu có sự thay đổi lăn xoay, nhưng không bao giờ mất đi một tí, mà lại vẫn bằng nhau.

Mỗi quả địa cầu có bốn phần nước, ba phần núi, một phần đất, bốn phần gió, bốn phần lửa, không bao giờ hơn kém và sẵn ở nơi nhau. Cũng như chúng sanh vạn vật và các pháp bao giờ cũng là một, một thể sống ở trong nhau, không dư thiếu, mà trái lại sự ẩn hiện của nó lại chẳng đồng đều, hoặc đã có, hoặc đang có, hoặc chưa có, tức là cái có đã tự bao giờ, không đầu đuôi

chính giữa, nên gọi là thể của chơn như một mực. Cũng như quá khứ, vị lai và hiện tại vốn không phân biệt, vẫn là trong mỗi lúc có đều đủ cả thảy, xưa nay có một, động tịnh vốn không hai. Lý sự có đổi dời, bánh xe lăn xoay có lui tới, có khổ có vui, có sống có chết, có giặc giã có thái bình, nhưng trong này có kia, trong kia có này. Từ tinh thần vật chất, thân tâm, ta người, hôm nay và ngày mai thảy đều có chứa đựng lẫn nhau. Cho đến trong mỗi lời nói, mỗi việc làm, mỗi ý niệm cũng đều có chứa đủ cả các pháp tương đối khác, cho nên gọi là đạo lý công bằng, không bỏ sót điều chi mảy may. Cũng như Niết-bàn, thiên đường, nhơn loại, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, cảnh giới nào cũng có đủ hết, ai cũng vẫn chứa mang những cái kia, tức là một thể sống điều hòa, không cho ta thiên vị, sa ngã. Do công lý đó tạo cho tâm hồn ta sự giác ngộ lẽ chơn như, như nhiên, như thường, như vậy, như như, sao cũng được, sao cũng xong, sao là sao, sự bất chấp, công bằng, thứ tha, đứng vững, tức là từ bi hỷ xả và bình đẳng vậy.

III

Công lý tức là tự nhiên, dầu thưởng phạt hay không thưởng phạt, dầu trị lập hay không trị lập, trong mỗi lúc công lý đều có chứa sẵn cái tương đối để giác ngộ, dạy dỗ chỉ rõ bày, chậm mau gì ai cũng được học. Cho nên chúng sanh gọi công lý là pháp, hay là giáo lý để đưa người đến nơi toàn giác là sự biết, sáng suốt, hết mê lầm thì mới chịu giải thoát đứng yên nghỉ mệt, cũng như cây trụ cốt cân nơi chính giữa, thẳng bằng đứng sựng. Bởi công lý trùm khắp tất cả, nên gọi cõi đời dầu lúc nào cũng là Phật quốc tịnh độ cho người giác ngộ, an dưỡng nghỉ ngơi vắng lặng. Người hiểu công lý rồi thì tâm định, được hưởng quả yên vui, cái ta chắc chắn, không còn rối loạn, câu chấp nói làm lo âu nghĩ ngợi. Vì vậy mà kẻ trí gọi công lý là mặt đất lưu ly pha lê vàng bạc, sạch sẽ bằng thẳng quý báu vô cùng, hay cũng gọi đó là chỗ tâm của chư Phật vậy.

Thấy được công lý là nhờ cặp mắt sáng tương đối của trí huệ, cho nên gọi rằng: Công lý sanh trí huệ, hay là trí huệ sanh công lý. Khi đã biết gặp rồi thì hết lầm lạc, không còn níu đeo theo cái khổ nghiệp, mới đứng yên chịu phép (Pháp là ánh sáng giáo lý giữa trí huệ và công lý, gọi là Pháp bảo của chư Phật, đang vẫn sẵn có trong thế gian).

IV

Vậy nên, khi đã giác ngộ rồi thì ta thấy rằng: Phật, Trời, người, thần, thú, ma, địa ngục, cỏ, cây, đất nước gió lửa thảy như nhau, bằng nhau, giống nhau không có điều chi phân biệt, trong những sự sai khác, khác nhau nơi bề ngoài. Và cái ý của chúng ta không bao giờ còn có được. Công lý cũng như hai bàn chưn của ta, cũng như hai lỗ mũi, như hai lỗ tai, như cặp mắt, như hai tay, là của cải, sự thành công. Do các căn lành ấy, để thâu vào một cửa miệng, chứa vào một bao tử đặng nuôi sống cả cơ thể chúng sanh chung; hay công lý tức là cái trường học, để chứa ở dạy nuôi người hiền thánh vậy. Sức mạnh của công lý như hai vai, như cầu sắt, như mặt đất, như nước bằng, như tàu xe, như hàng rào, như lộ cái, như biển cả núi to, như lửa gió, hư không là một sức mạnh từ nhỏ tới lớn, một sức mạnh không lường. Nắm được lấy nó sẽ toàn thắng tất cả mọi phương diện, mà gọi là cái sống của tất cả chúng sanh, không có nó muôn loài chết thảm.

Công lý sanh ra giáo lý, giáo lý có hai để đem lại công lý là một, nên gọi rằng: Giáo lý là pháp thế gian tương đối để đem lại sự giác ngộ là công lý pháp Phật tuyệt đối, tạo cái giác là Phật cho chúng sanh, vậy nên gọi cõi đời là cõi Phật. Phật đã thành, Phật đang thành và Phật sẽ thành, ai ai rồi cũng là giác, biết, Phật cả thảy. Cũng như mặt đất là cõi Phật đã lập, cõi Phật đang lập và cõi Phật sẽ lập, như vậy tức là xứ Phật tất cả rồi đó. Chỉ có điều là chúng sanh đã giác ngộ nhận ra, hay đang giác ngộ nhận ra, hoặc chưa giác ngộ nhận ra đó thôi. Như kìa là thế giới của Phật A-di-đà phương Tây, hay là cõi của Phật Dược Sư phương Đông, thật trang nghiêm bình đẳng mát mẻ thanh tịnh vô cùng. Cõi của chúng ta mai kia cũng được như vậy là do mọi sự cố gắng của công tâm, do nhờ giáo lý tiến hóa của chúng ta thì mới chắc được sự sáng lòa rực rỡ, đâu còn lo gì sự lổng chổng không công, mệt nhọc, mãi hoài thót ruột.

Công lý vốn sẵn nơi việc làm, nơi lời nói, nơi ý tưởng, nơi ta, nơi người, nơi xác thân, tâm hồn, lý trí. Nó phát sanh từ nơi tứ đại lăn xoay, như bánh xe, như cây cân, như mặt kiếng, là sức rung động phản dội mạnh mẽ phi thường huyền bí kỳ diệu. Vì đó mà lắm kẻ quá tự tin cho rằng: Có bàn tay sắp đặt cõi đời, có đấng chúa tể nào đó mới có chúng sanh, và chúng sanh ở trong định luật các pháp của vị ấy. Vạn vật bởi vị ấy tạo ra, vị ấy là cha sanh

ra, trước hết sanh ra vị ấy bởi một lý thuyết mênh mông; chúng sanh là con, mỗi chúng sanh đều có tay sai quỷ thần hộ mạng, sắp đặt giữ gìn nuôi sóc. Cũng có kẻ trong giấc chiêm bao mơ màng, khi tưởng tượng cùng trong khi mới chết, hay lúc trở về già đối mặt với phản giác kính trừu tượng của công lý như đứng trước gương nghiệt cảnh mà thấy ra tù khám Diêm vương xử phạt, hoặc gặp phải cảnh Thiên đường xứ Phật trong thế giới tưởng tượng, chịu lắm sự thưởng phạt vu vơ hình bóng lâu ngày.

Đã đành rằng công lý là luật dĩ nhiên của tạo hóa thì cần gì sự bênh vực hay xử phạt để giúp đỡ cho chúng sanh tiến hóa mau hoặc chậm mới được hay sao? Nào đợi phải vua trời, vua đất, vua người, kiếm người làm việc mà gìn giữ cảnh giới nào? Đã là công lý thì kẻ ác trẻ con phải chịu sức phản dội nặng nề đau đớn của việc làm hơn là người thiện; hành vi của kẻ thiện như giá cân lổng chổng, ngông nghêu, mỏi mệt, ngộp sợ hơn là người không thiện không ác, giữ mực song bằng. Công lý vốn không thiện ác thưởng phạt, mà kẻ làm ác thiện thì bị thưởng phạt, khổ vui, cười khóc, phiền não, lăng xăng, trói buộc, chớ ích gì! Thế nên cõi của bậc giác ngộ và những bậc đã giác ngộ rồi, thì cần gì pháp luật cõi linh hồn hay xác thịt, nào đợi gì phải có âm phủ, dương phủ, sự thưởng phạt của người trời quỷ. Nếu họ biết xử phạt cai trị người, còn ai xử phạt cai trị lại họ, chẳng là bất công, hay lợi dụng công lý, làm quyền, chẳng là ngang bạo lắm sao? Đã là ai cũng như ai, nếu không ai mượn mình chỉ dùm công lý, thì hà tất phải tự mình bày khai, bắt buộc ép người phải học, phải tuân theo. Bởi vậy cho nên, cõi công lý là cõi vô quyền, vô trị, không có giai cấp việc làm chi cả, mà chư Phật Thánh y theo, nên không bao giờ khổ lụy.

Kìa xứ Cực Lạc, nọ Giáo hội Tăng-già, nơi ấy chỉ có công lý là Pháp bảo, giáo lý học hành, không giai cấp phái môn, chẳng ai làm việc cho ai mà được muôn năm hạnh phúc, vĩnh viễn yên vui, giải thoát hoàn toàn, nào đợi oai quyền chế độ.

Than ôi! Nếu bao giờ chúng sanh chưa tỉnh ngộ, chưa nhận được công lý nơi mình, chủ tể là mình, thì muôn kiếp vẫn mãi làm tôi mọi cho kẻ hoang đàng dốt học, mà bị trói buộc đáng thương xót vậy. Nếu chúng ta hiểu ra công lý, thì trong đời cần gì ai lại phải đi làm tôi mọi sắp đặt xử trị cho kẻ khác hay sao? Đã sẵn công lý thì nào ai phải mượn ai, mà có ai lại sắp lo cho rồi, những

việc mà người ỷ lại, để buông lung làm ra mãi mãi. Vậy nên tốt hơn là mỗi người đều phải tự học hiểu công lý, để rồi đời sống của mình ra sao do hành vi của mình, là mình chịu lấy chớ khen chê, chẳng là hay hơn. Chớ nếu, kẻ thì giữ gìn luật pháp sắp trị như tôi tớ, còn người lại làm chủ ỷ lại pháp luật có sẵn để cứu mình, mà mãi tha hồ tạo nghiệp, để đến lúc bị xử phạt lại than van, hoặc được thưởng khen thì cười vui hê hả. Như vậy chẳng là tội nghiệp cực khổ cho kẻ làm quan vua lắm sao? Mảng vì bị danh lợi, dân chúng tôn hùa bợ đỡ, để mãi làm tay sai cho dân chúng suốt đời, mà trái lại lắm kẻ ham đua chen vào vòng xích tỏa, rồi một ngày kia ai cũng quan vua hết, thì hỏi vậy chớ còn ai mà làm dân, rồi ai xử phạt cho ai? Lắm khi mảng lo thiện ác cho người, mà quên sự phải quấy của mình, bởi địa vị càng cao lòng tự ái càng trọng, khó dằn tâm sửa trí mà phải bị quả báo trừng phạt về sau.

Công lý võ trụ chẳng bao giờ bảo ai đứng ra thay thế cả, chẳng bao giờ bảo ai dạy sắp cho ai, và chẳng bao giờ bảo ai ỷ lại nương theo ai, sao chúng ta lại tìm chi những cái vô lý ấy vậy. Công lý là chủ tể, tâm của mỗi người. Tánh của nó là định, chơn như bình đẳng, bằng ai vọng động bất công thì bị quả báo vay trả tức thì. Nên chi chư Phật tạm gọi là chỉ bảo đạo lý cho chúng sanh, người mà cầu khẩn tìm nghe học hỏi, chớ chẳng xưng thầy, buộc người phải học, vì ai nấy cũng như nhau mà thôi.

Vả lại, dầu có khổ vui còn mất đi nữa, thì trong cái này có sẵn cái kia, trong cái kia có sẵn cái nọ, dầu thái quá bất cập hay trung dung đi nữa thì cũng như nhau, có ai mà đi chiều được ý muốn của kẻ tham lam, khi ưa vầy khi muốn khác, cho họ được vừa lòng. Cho nên bằng sự dạy chỉ cho công lý kia, mà chư Phật còn ít nói thay, huống chi là đem mình đi làm những việc vô ích chi chi, lếu rộn, bôn chôn, giữ gìn, bênh vực. Bởi thế cho nên, chư Phật dạy rằng: Cõi trời người địa ngục còn khổ bởi vô minh, biết thiện ác mà không có học công lý, nên mới chấp nắm giáo lý thế quyền khổ nhọc không công, vô lý sái trật lắm; mà lại nếu pháp luật nhiều thì kẻ gian ác lại thêm nhiều. Kìa Phật là một kẻ chúng sanh như ta, nhưng nhờ biết công lý rồi, thì vua trời, vua người, vua quỷ, không lấy lẽ gì cai trị đặng, mà trái lại còn tôn thờ học hỏi.

Vậy ta nên làm Phật, học hiểu công lý, biết thấy đạo tâm, mới là giải thoát, giải thoát hoàn toàn. Vậy ta nên nhớ rằng: Giác ngộ công lý như Phật

kia mới là thật. Còn giáo lý thế quyền giai cấp, chế độ thần quyền, là lớp tạm để dạy phạt kẻ tối tăm dốt nát, dại khờ quấy ác thôi.

Vậy nên, các thầy giáo trong đời ấy cũng là tạm theo mỗi lúc, rất mệt nhọc. Mà tất cả thầy trò lớp học còn phải cần sửa đổi học hành, để đem nhau đến lần công lý đặng giải thoát. Hiểu nơi công lý, các lớp xã hội ấy dầu không có cũng được, đợi gì phải đi bênh vực lo riêng cho loài người mà bỏ thú vật, hay bỏ các loại khác bất công để lo cho vô ích, đã không ai mượn lại cũng chẳng ai nghe lời đó vậy. Dầu mà có người tôn lập ép buộc cầu khẩn đi nữa thì khi nhận lấy thế quyền, mục đích là phải lo cần yếu dạy học, còn sự sắp đặt là tạm sơ cho có chừng trong mỗi lúc theo thời duyên cho xong mà thôi. Cốt yếu làm sao cho học sanh mau hiểu biết, để khi nó đã biết công lý rồi thì không cần sắp đặt, chúng nó cũng tự hòa hiệp yên vui lấy nó, mà đố ai xúi bảo nó đi làm sái quấy cho được. Vậy ta nên xem gương học trò lớp chót hỗn tạp ồn ào bất trị, mà nào ông thầy giáo có khổ tâm về chỗ đó, ông chỉ sắp tạm sơ cho lấy có, và cần dạy học mà thôi, nhưng trải qua lâu ngày giờ có học tập, thì nó càng êm thắm thuần thục lần, và khi đã lớn khôn bước lên lớp trên cao, thì học sanh ấy thật là hoàn toàn tốt đẹp. Chớ nào phải đâu là sự mãi lo ăn ở giựt giành trốn học để đi chơi chịu dốt hay sao? Nếu không hiểu công lý thì thật là dốt, đã là dốt thì làm sao hiểu được mục đích chánh đẳng chánh giác, trung đạo Niết-bàn là chỗ đến của tất cả chúng sanh hòng đi tới, đi tới công lý của võ trụ để làm chúa tể lấy ta, giữ gìn bổn ngã.

Trong đời kẻ không biết công lý, cũng như người không có con mắt chủ tể, thì các căn kia cũng chết liệt, khác thể thây ma, như cái tử thi vô dụng, dơ thúi chật lối choán đường để phải vịn đeo lần mò theo kẻ khác, mặc phú thác cho kẻ dẫn đường, rủi may tới đâu trối mặc. Nếu gặp phải thầy trò như nhau, hay quỷ ma dối gạt thì còn gì là số phận, vấp té sụp nhào ngã lộn đớn đau, bị hành phạt mãi, bởi mê tin theo lời bốc bướng.

Cũng lắm kẻ cho rằng không có công lý, nên tha hồ làm ác, phải chịu họa tai. Chính công lý là một sức mạnh, một quyền thế, chớ không phải quyền thế sức mạnh là người ta ai ai, mà lắm kẻ lại áp dụng để hiếp đáp người. Nhưng đã là công lý, như bóng theo hình, kẻ trèo cao sẽ té nặng, người xảo trá há lại được bình yên mãi đâu? Đối đầu mới biết mình thất bại, tự mình hại lấy

mình, không than trách. Vậy nên ta nhớ rằng: Trong đời chẳng có ai hơn và chẳng có ai thua, cả thảy sau trước vẫn bằng nhau mà thôi.

Xưa kia có kẻ giết một tên cướp để cứu mười thương khách, nên đời sau được hưởng giàu sang của mười gia tài, mà sau rốt phải bị chết chém. Một vị tướng giết muôn mạng để binh vực một xứ kia, nên được xứ kia tôn làm vua, nhưng muôn kiếp khi chết đều bị giết hại. Ấy đó tức là công lý rõ rệt, thưởng phạt phân minh, mà chính trước mắt chúng ta hằng thấy mỗi ngày nơi nhân loại, dầu việc to việc nhỏ không bao giờ khỏa lấp. Một nhà sư đi đường đạp cỏ, nên tới nhà người phải bị chúng khinh khi. Một kẻ ngắt luộc rau, về sau cả mình đau nhức. Người đập muỗi, giết ruồi, chà kiến, nên phải bị sự đánh đập, ép ngặt, chà xát, chết vì đòn đau. Người làm cá, sau phải bị phân thây, lột áo, khi chết đứt đầu, mất ruột. Kẻ giết chó thì chết tru. Người làm heo khi chết bị nghẹt cổ. Kẻ lột da thú cả mình ghẻ lở. Cùi phong là bởi chặt tay chân người. Còn kẻ giết người thì bị người giết lại. Các nghiệp quả sẽ trả lại cho người gieo, hoặc bây giờ, hoặc khi chết, hoặc đời sau, nhơn thiện nhơn ác thì quả thiện quả ác, trước sau hoặc mau hay chậm. Người gieo nhơn lộn xộn thì kết quả lộn xộn, kẻ lựa giống rặt ròng thì kết quả rặt ròng. Nhơn trong sạch không thiện ác thì quả cũng trong sạch không thiện ác. Khi người gieo nhơn thì quả đã tượng trong tâm, và sau này nó còn xuất hiện ra ngoài mà đến cho ta. Cũng như kẻ làm ác, một là bị lương tâm hành phạt, và rồi còn bị quả báo đến nơi ngoài: hoặc kẻ đó hại lại ta, hay là người khác trả giùm, dầu sau hay trước, ta không tránh đâu sự báo đáp. Có điều là nặng hay nhẹ, do sự biết sám hối cùng không! Cũng như kẻ kia bắm cá, soi ếch cho là không tội, bởi nói không tội bướng liều, nên quen tay làm mãi, tập lần tánh ác giết đến cả người ta. Cho nên về sau bị giặc trăm người bắn giết phân thây trăm mảnh. Chớ chi mà biết sám hối ăn năn sớm chừa dứt lỗi thì quả báo nhẹ hơn, hoặc vả như đau nhức từng miếng thịt, hay như bị trói mình cũng còn dễ chịu.

Vậy nếu chúng ta sớm nhận tội, chẳng khá hơn là để tội kéo dài, nảy nở chịu nặng lâu ngày. Nếu biết tội thì tội còn phương chừa bỏ, còn mà không biết tội thì tội mãi thâm sâu. Cho nên, xưa kia Phật có dạy rằng: Giặc giã cũng như người giết cá, tiền khiên ai giết cá thì đời sau cá tìm giết lại, mà chẳng bao giờ nó phá hại kẻ vô can. Khi ta làm giặc giết cá, thì khi kia cá cũng làm giặc giết ta, không sao tránh khỏi. Có những kẻ kia đạp gai, cá

đâm, vấp người mà chết, ấy cũng chẳng phải là công lý nhơn quả hay sao? Có người nọ ăn rau sanh bịnh, ăn thịt làm độc, đánh người mà đau, ấy chẳng phải là vì ăn nó nó ăn mình, mình đánh họ họ đánh mình, mới ra nông nỗi.

Cho hay rằng nếu trong đời không có lăng xăng như vậy thì đâu có cõi đời. Mà thử hỏi lăng xăng nhơn quả thiện ác như vậy, cho khổ mệt để làm chi? Ích lợi cho ai? Như vậy thì sự bằng thẳng yên lặng không thiện ác như chư Phật, chẳng là hạnh phúc quý báu hơn hết? Ta nên biết rằng, thiện ác phát sanh tại tâm lúc khởi, thì quả báo cũng đã có sẵn nơi tâm xuất hiện rồi, nào đợi phải có kẻ nơi ngoài mà ngăn tránh, và tránh sao cho khỏi? Mọi nỗi vui buồn trong từng giây, từng phút là do nhơn quả, bằng không nhơn quả tức là sự phẳng lặng Niết-bàn công lý, thì không còn sự khổ não của vui buồn lộn xộn.

Cũng có kẻ gieo hột mà không có trái là bởi sự không vun phân tưới nước mà nó chết ngang, hay chặt bỏ khi mới mọc, cùng là hột giống gieo trong đống lửa bị chết co thì mới không còn quả báo. Hột giống ấy tức là tâm vọng, lửa kia là trí huệ, lửa trí huệ đốt trừ tâm vọng, gươm trí huệ cắt chẳng cho sanh, hay như sự chẳng nói làm ô nhiễm là không nước đất, thì mới không thọ hưởng quả báo. Có người mãi gieo trồng vun phân tưới nước, lại sợ quả báo chua cay. Vậy nếu sợ là sợ khi trước sự gieo trồng. Bằng sự đã dĩ lỡ rồi, tốt hơn là đừng vun phân tưới nước nói làm nữa. Và còn lại hột giống bao nhiêu trong tâm hãy liệng thảy bỏ đi, hay tìm dao trí huệ, lửa thiền-na trừ diệt, đừng cho sanh thêm nữa. Còn cây nào đã có quả, quả đang sanh mà ta không thể đốn trừ, thì tốt hơn là không thèm sợ, mà bỏ qua tới đâu hay đó, ta chỉ lo nhập định cho vui mà quên lấp nó đi, khi nào quả tới thì mau ăn cho hết, chớ để dần dà cất lại bỏ rơi, đừng cho mai sau mọc lại mới là hết tuyệt.

Ví bằng ta muốn đốn cây đã thật to, thì phải ráng ra công rèn đúc búa to cưa lớn, như bậc Bồ-tát kia mới được. Mà cũng còn là sức đốn một hai cây, chớ như đã trồng nhiều như đám rừng, thì lớp đốn lớp ăn, đừng cho sót mọc. Nếu biết sợ thì đừng gieo, gieo hột có trái rồi thì sợ nữa mà làm chi cho vô ích. Còn sự đốt bỏ, chặt đứt, chẳng tưới vun, là phải xuất gia bỏ thế lìa đời, xa vòng ô nhiễm, trì giới, nhập định, trí huệ mới được. Ngoài cách xuất gia để không tạo nghiệp thêm, để tránh quả xấu và vui chịu hưởng quả cũ, là không có pháp nào yên vui được. Bởi hột giống của chúng sanh vốn sẵn, tức là si

mê ngòi mộng, sân giận thịt cơm, tham lam như bao hột, ôm giữ lấy nó làm thân tâm trí của cải lâu đời, để nó ở trong trần thế là chỗ nói làm như đống rác, thì sao lại chẳng mọc lên chồi?

Chỉ có xưa kia chư Bồ-tát triệu ức kiếp vay của chúng sanh hoặc bằng thân mạng, hoặc món cửa nhà, để lo ăn học đeo theo mãi mục đích của sự học, nhờ vậy mà đặng thi đậu đắc quả thành công, trở nên bực toàn năng toàn giác. Các bậc ấy không sợ quả báo luân hồi là do nhờ chủ định, thấy ra mục đích của chúng sanh là học, nên lo tìm học công lý cho mau giác ngộ để cứu đời. Vay của người nuôi thì để đó mà không thèm vội trả, cho rằng bổn phận mình chỉ lo ăn học; còn kẻ nuôi là ý họ muốn cho ta học nên, để dạy chỉ bảo lại cho họ thấy đường đi về sau mà đền ơn, chớ không phải họ nuôi ta như voi ngựa, để bắt ta phải làm thân nô lệ mà đi đền đáp xoay vần.

Vậy bổn phận ta là phải lo chăm học, hãy quên lãng bỏ qua ân nghĩa tạm, đặng đừng phụ ý ta và lòng họ; mà sự cung cấp ấy do người hảo tâm tự ý, chớ ta không gây tạo, nói làm ép buộc, có chi nuôi sống lấy tạm, lếu láo qua ngày, thanh bần đơn giản, làm kẻ du tăng trò khó, chẳng tham sân vậy. Đợi đến chừng đắc quả rồi, mới đem đạo lý giáo hóa cho cả chúng sanh chung, một thời nói pháp cho cả vạn ngàn người nghe, một lời thốt ra để mãi trong thế gian, ghi sâu trong sách sử triệu kiếp, quý giá hơn kim cương. Một câu giảng dạy cứu khắp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, nhơn, thiên, đưa về cõi Phật. Cha mẹ quyến thuộc muôn đời, kẻ ơn nghĩa từ xưa, dầu ở đâu đâu cũng đều được giác ngộ siêu thăng. Như Phật Thích-ca xưa, khi đắc quả A-la-hán rồi thì đi giáo hóa cho khắp chúng sanh mà đền ơn xưa nghĩa cũ, khi thì vào địa ngục giải cứu chỉ dạy, khi đến nơi ngạ quỷ khuyên răn, lúc sanh làm thú để cảm hóa làm gương tập dạy, khi làm thần dạy dỗ chư thần, lúc làm cây cỏ thọ thần thuyết pháp, khi sanh cõi người lập đạo, lúc sanh lên trời giáo hóa. Sau khi kiếp chót đền trả hết công ơn của chúng sanh rồi, trong tâm mới được yên vui nhẹ nghiệp mà vào cảnh vắng lặng Niết-bàn. Chính Niết-bàn là nơi hết nghiệp của tâm, mà ơn nghĩa lòng thương của chúng sanh, ta đã được đáp đền thỏa mãn tròn xong đó vậy. Thật vậy, chỉ có pháp thí mới là cách trả nợ mau lẹ đông nhiều, khỏe nhẹ và ích lợi hơn hết. Kẻ chủ nợ ta sẽ làm đệ tử ta, khi trả nợ ta vẫn không mất chủ quyền. Chỉ do lời nói, nơi kẻ tham lam đòi của, ta lại dạy cho bố thí là bến bờ bên kia, để lánh xa địa ngục vật chất; với

kẻ sân giận đòi mạng, ta dạy cho nhẫn nhục là cõi Niết-bàn diệt khổ, tắt lửa trong a-tỳ; kẻ giải đãi ăn chơi, ta lại chỉ cho phép tinh tấn là món vui ngon, để dứt lìa nơi cấu trược v.v… Chính nhờ sự vạch đường chỉ lối cho kẻ tối tăm mà cứu độ họ, thì kẻ chủ nợ không còn đòi hỏi, mà lại rất mến cảm thâm ân vạn bội. Bởi pháp bảo là quý hơn hết. Pháp bảo như thịt xương của Phật, đã nắm giữ được nó thì ai còn ức hiếp gì mà đi đòi ngũ trần như thịt thúi xương khô mà làm chi. Ấy vậy cho nên không làm Bồ-tát, không đắc quả Như Lai, không giáo hóa chúng sanh đền ơn, tâm ta không yên vui bằng thẳng, Niết-bàn, ngơi nghỉ. Cũng như chưa làm thầy giáo thì có đâu đốc học hưu trí, và ơn thí chủ của họ còn vẫn kêu đòi, dễ gì cho ta yên tịnh.

Vậy nên nhớ rằng: Niết-bàn là sự không còn nghiệp nữa, sau khi đại nguyện, từ bi, trí huệ đã mòn hết không còn. Cũng giống như kẻ đã ăn no quên hết, như ngủ nghỉ sau khi thức mệt, là lý sự đã hết tiêu, không còn có được, giống như ngọn đèn cạn dầu đã tắt nghỉ, cái nghỉ không cùng. Đại trí huệ của chư Bồ-tát cũng như cái búa to, cây cưa lớn, nên chúng sanh không còn đòi nghiệp quả nơi Ngài, là bởi được học và mến đức Ngài; nhưng tuy vậy chớ nơi nào Ngài chưa xét đến nhân duyên để giáo hóa, thì nơi đó quả chín cũng có kẻ đòi hỏi la rầy, không sao tránh hết được.

Bậc Bồ-tát là đã thi đậu, được học, đi chơi rồi và đang giáo hóa.

Bậc Bích-chi là đã thi đậu rồi và đang nghỉ, đi chơi.

Bậc A-la-hán là mới vừa thi đậu.

Cho nên gọi là Bồ-tát như thầy giáo, Bích-chi là kẻ có học, A-la-hán như học trò mới thi đậu; đều là những bậc đã đắc quả hết rồi, khác nhau theo danh từ của sự: đã mặc áo thầy, đã dạy học, sau trước đó thôi. Bậc A-la-hán và Bích-chi thường khi phải bị trả quả; nếu quả nào chín trước là bởi tại mình chưa đi dạy đạo trả cho họ, nên phải chịu hỏi đòi. Tuy nhờ nhập định đắc quả yên vui, nhưng chỉ là Niết-bàn tạm, vì cái yên vui của người mới thi đậu và còn say mùi pháp, nó chỉ được nghỉ lặng trong một thời gian, khi lâu về sau, tâm sẽ bị xao động lại vì lòng từ bi, đối với nghiệp quả đang đòi hỏi mà phải bước ra đi giáo hóa, tự mình trở lại luân hồi làm Bồ-tát để dứt nghiệp cho mau xong. Các Ngài khi thì tạm mang xác thân trời, người, thú, cỏ cây, thần quỷ; cũng như mặc áo diễn trò, chớ thật ra tâm các ngài không phải giống

như trời, người, thú, cỏ cây, thần quỷ đâu. Các ngài chỉ mượn thân xác ấy, đặng dựa theo chúng sanh loại đó, để làm quen mà dạy dỗ đó thôi. Cho nên không có chê thân thú, thân cây, quỷ ma gì cả. Chỗ nào cũng được, chẳng lựa sạch dơ, hạp duyên thì đến, mãn thời lại đi, đã là mục đích đi trả nghiệp bằng pháp, thì không có sự nệ câu chi chi cảnh ngộ nào. Nơi đây các ngài lại được hưởng sự yên vui cao thượng hơn là sự trong sạch của nhập định, chỗ vắng, cảnh tịnh, pháp hay, mà là nhận lấy cái vui tuyệt đãi nơi người, mà quên sự khổ nhọc của mình, vui nơi cái khổ, vui bởi trí hay, vui cùng khắp xứ, vui với đủ hạng chúng sanh, nhứt là cái vui nơi nhẹ nghiệp, như người tắm sạch bụi đất rớt từ lần, như cái vui của một bà mẹ hy sinh, nhứt là cái vui nơi bầy con ngoan ngoãn.

Vậy muốn thấy rõ Niết-bàn công lý của tâm chơn, thì nên suy xét về câu chuyện này. Thuở xưa kia, có một vị sư trong 20 năm thọ cúng dường nấm ngon của một vị thí chủ, vì đó mà thấy sự mang ơn, cho nên sau khi chết tâm nhập định yên lặng không được, mãi vì xao xuyến bứt rứt sanh phiền não, không thể ở chung với bậc A-la-hán đặng, mà lại sợ nẻo luân hồi nên khổ quá mà chẳng biết làm sao. Khi ấy chư A-la-hán thấy vậy mới chỉ cho phương pháp tế độ, là mỗi ngày biến sanh làm nấm ngon mọc trong vườn của người thí chủ mà trả lại. Mỗi ngày mỗi mọc cho đủ 20 năm, sanh làm nấm để chịu nấu luộc đau đớn, nhờ vậy mà mỗi ngày sau khi tỉnh lại là trong tâm thấy nhẹ bớt một phần, đến khi đếm đủ 20 năm nghiệp vọng mới hết, trong tâm được tịnh định mà đắc quả A-la-hán.

Điều nhơn quả ấy là bởi tại vị sư, quên phận sự mình là học trò tu học, mà lại nhận thấy miếng ăn ngon, thèm nhớ, nên mới phải chấp công ơn mà quên đạo lý, lại cũng do thí chủ tu phước đức mà thiếu trí huệ, vả sự nuôi học trò khó sĩ hiền là phải, nhưng sao lại cho miếng ăn ngon, để phải học trò hư tâm và sau này không ai dạy bảo đường lối cho mình. Còn vị sư ấy không được sự nhận xét đến lẽ tế độ chúng sanh về sau, mà bỏ qua ơn nghĩa tạm, mảng vì lòng tư kỷ, tự độ lấy thân mình, bắt người nuôi sóc, thì sao lại được tâm chơn, diệt vọng, mới mãi khổ nhớ công ơn, lương tâm xao xuyến cắn rứt. Ấy bởi học trò lỗi đạo, không thông mục đích của mình, nên mới phải tự đem mình đền quả báo, để mong cho được sự yên vui tạm của Niết-bàn A-la-hán, rồi thì về sau lâu ngày cũng còn nhớ lại đến ơn nghĩa

của chúng sanh muôn đời trước, mà trở lại cõi đời để giáo hóa tế độ chúng sanh nữa vậy.

Vậy thì chúng ta nên nhớ kỹ rằng: Không phải nhơn quả chỉ có một đời, cho một hai người, mà ta hằng đem thân đền trả cho hết đâu! Ta trả nợ xong một chủ, thì sự yên vui vắng lặng chỉ được trong ít ngày mà thôi. Muốn trả hết nợ từ vô thỉ thì bây giờ ta đừng tham sướng no thân, đừng cần thấy nhớ ơn nghĩa chi cả, và phải hiểu mục đích của học trò, lòng mong mỏi của chúng sanh, mà chỉ phải ráng lo tu học thôi, để rồi sau này dẫn đạo giáo hóa lại cho họ, để đạo lý lại muôn đời, mới phải là kẻ giác ngộ, toàn hiếu toàn trung, vẹn toàn ân nghĩa. Nên bỏ sự nhỏ gần, dòm ra nẻo xa lớn, mới không còn lầm lạc khổ sở, mà để lợi ích cho ta và người. Trong đời cũng có lắm sự thiển cận như vậy, cho nên có kẻ mãi chịu luân hồi trả quả, vừa trả lại vừa vay, trả một vay mười là bởi tại có xác thân bao tử, tham sống ăn chơi, nên muôn kiếp trầm luân trong bóng tối, vui để chịu khổ, khổ vui thay đổi, an ủi để hành phạt trong chốn địa ngục a-tỳ vô gián mãi không ngừng, thật đáng thương xót lắm!

Vậy chúng ta đừng chấp công ơn mà trả nợ bằng cách ấy, và cũng đừng bướng bỉnh ngang tàng cho rằng không công lý, mặc sức tung hoành, mà còn quên rằng cái ý của ta bao giờ nó cũng tráo trở, phản đối với hành vi giáo lý của ta luôn luôn, và nó dắt chúng ta đến nơi hành phạt; nhứt là cái ý nó làm cho ta khổ, khổ tại ý mới tìm đường trả quả, mà lắm kẻ lại chưa hay, để khi vui thì cười, khi buồn thì khóc và khóc mãi, lại đổ thừa ai ai trời đất quỷ thần may rủi. Chính cái ý là quỷ vô thường, nó đem xiềng xích bắt lôi kéo tâm hồn ta vào xuống nơi địa ngục, cũng gọi nó là quỷ la-sát dạ-xoa; trí ta như phán quan thơ lại, ghi xét nhơn nghiệp hằng ngày; lương tâm chủ tể ta như Diêm vương ra lịnh đày phạt kết án. Hành vi của ta là vách sắt tường đồng, của cải sự nghiệp ta là sình lầy than lửa, lý thuyết chương trình giáo lý chủ nghĩa của ta là bóng tối ban đêm. Các sự hành phạt là đau thương xiềng xích của luyến ái thân tình. Nó làm cho ta đau đớn khổ chết tâm hồn, chết đi rồi sống lại để hành phạt kiếp tới, lớp khác liền liền. Chính nguồn gốc của sự tìm thân sống là hành phạt nơi địa ngục, làm cho tâm phải chết. Sợ chết lại càng tìm chết, tránh khổ lại chun vào ổ khổ, càng lăn sâu vào thành thị phố xá phiền ba, càng nhào tuông vào cửa vua quan giàu

sang phú quý vinh hoa, lại nhủi tuốt vô nhà giam khám tối, chịu lụy khốn cả thân tâm trọn vẹn.

Ấy bởi sự hiểu lầm, tưởng nơi chốn phong lưu xa mã ồn ào là cõi thiên đường xứ Phật, nên ai mà lại chẳng ham tìm sanh vào nơi phú quý vinh hoa, để hưởng bụi trần no bụng. Nào dè Phật Tiên lại ở trên cao rừng núi, sự tốt đẹp mừng vui, lại là lý trí tinh thần không không các vật. Nên khi mà dầu có tỉnh ngộ thì đã mang tật chướng gông xiềng, nặng nề đau đớn, làm sao mà lên khỏi mặt đất dưới hầm sâu.

Than ôi! Sự mảng lo tranh giành cái địa ngục vật chất nấm mồ, quỷ thần ấu đả, mãi mãi nắm chặt lấy cái ta và của ta nơi đó chẳng hay rồi; còn thì giờ rảnh đâu mà ngó lên thiên đường, dòm qua Phật quốc, xem tới nhân loại, hòng ra khỏi nơi tam đồ bát nạn. Bởi say mê điên đảo, chưa thức tỉnh, chẳng nhìn ra. Có lắm kẻ ỷ lại rằng: Tôi hay phải, tôi tốt đẹp, cao ráo trên đời, tài hay trí lạ. Nhưng nào biết đâu đó chẳng là trong bóng tối ban đêm, sự tiến hóa khéo hay của chư thần quỷ xinh lịch ảo thuật có thua gì, mà nào biết được sự lánh trược tầm thanh, sự bỏ đông tìm vắng, sự bỏ vọng tìm chơn, sự bỏ ma tìm Phật, sự bỏ phàm tìm Thánh, sự bỏ khổ tìm vui, sự bỏ ác tìm thiện, sự bỏ thấp tìm cao của chư Phật Thánh, hoặc của bậc nhơn hiền, mà đem thân làm cây cỏ thú cầm, mặc áo thú cầm cây cỏ để giáo hóa chúng sanh, để đền bù nghiệp tội, để giải thoát phiền não, để lo tu học, để hưởng thanh nhàn. Tuy áo thân dơ xấu, mà tâm hồn an lạc thong thả Phật Trời, hơn là sự chấp lầm thân áo tốt đẹp xuê xang tưởng như Trời Phật, sự tô nhuộm sơn phết bên ngoài khám ngục, để gạt gẫm kẻ tội nhơn, lưới bẫy rập nơm để rình nhốt kẻ gian tà, bắt được tâm hồn đem vào trong rồi mặc sức khổ la cầu cứu.

Chúng sanh bởi chẳng biết mình là kẻ tội nhơn nên mãi tự đi trói buộc, chôn mình, tự đắc, chấp khoe thân mạng; mà lọt sa vào cạm lưới vô minh, lại càng tự cao quây lộn càng bó xiết chặt mình, nên khi đến lúc thì phải chết trơ không còn cựa quậy, đó tức là công lý. Thái quá bất cập, nhơn quả bằng nhau, trồi lên thụp xuống, vui khổ xoay vần, thân tâm tương đối, cái được cái thua v.v… thật là phiền não vô ích, tai hại không ngừng, cao thấp mệt nhọc, tức là bài học trường đời để dạy chúng ta giác ngộ lẽ công bằng chơn lý. Cho nên khi kẻ đã hiểu đạo rồi thì dầu thân này thân khác, tâm kia tâm nọ đi nữa cũng vẫn yên vui một mực, yên lặng dung hòa. Dầu ai có gọi Phật,

trời, người, thú, cỏ cây, ma quỷ mất còn sao cũng được, sao cũng xong, miễn là ta biết lấy ta là đủ.

Ấy vậy chúng ta nên hiểu rằng: Người tội sanh pháp luật chớ không phải pháp luật sanh người tội. Pháp luật cai trị kẻ ác chớ không phải áp chế người hiền. Luật pháp để đem người ác đến chỗ hiền. Muốn cho người hiền và kẻ hiền rồi thì phải lo tu học, tìm hiểu công lý lẽ thật, đặng đến chỗ yên vui cực lạc, chớ khá tự cao đứng hoài mỏi cẳng, sa ngã té rớt xuống hố ác khốn họa, không nên vậy.

Cách ngôn:

"*Công lý hơn pháp luật.*

Hiền nhân chăm tu học quý hơn là sự lo ăn chỗ ở".

Thế là ai ai cũng cần phải biết hiểu công lý hết.

CHƠN LÝ 11

KHẤT SĨ

KHẤT SĨ là học trò khó đi xin ăn để tu học. Khất sĩ là cái sống của chơn lý võ trụ, mà tất cả chúng sanh đều là học trò cả thảy. Bởi chúng sanh là cái biết, từ chưa biết đến đang biết, và cái biết sẽ hoàn toàn ngơi nghỉ. Các sự thấy, nghe, hiểu để đem lại cho cái biết. Biết quý báu hơn không biết, có biết mới hết mê lầm chấp trật, khổ sở nạn tai. Từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ trước đến sau, từ chiều đến sáng, mỗi lúc cái biết càng phân biệt, làm việc tích trữ, lớn to và đi tới, làm cho chúng sanh càng ngày càng được thêm sự học hành. Chúng sanh đây là căn thân và chủ thức (là người nhận biết). Cho nên cái biết chủ cần phải sống, lớn, ăn, vui, yên và còn mãi mãi. Chính biết là Ta, là mục đích của chúng sanh, là chơn lý của cuộc đời, là tinh ba của võ trụ. Chính chơn lý hay triết lý mới là môn học thật tế, lợi ích, đi ngay đến Niết-bàn kêu là đạo, là sự học không hai, là cái học của ta, nó ở với ta, nuôi sống cái ta, nó làm ta vậy.

Học chơn lý để biết rõ chúng sanh, vạn vật và các pháp, đặng đem lại một cái sống như thân hình võ trụ, nói thay cùng tạo hóa dạy khắp muôn loài, một địa vị toàn giác toàn năng, tối cao hơn trời đất, cứu độ cả chúng sanh, khắp thế giới chúng sanh thảy tự đem mình tôn kính.

Chính Phật là Vô Thượng Sĩ, là ông thầy giáo có sự học không ai hơn. Còn Tăng là khất sĩ, là học trò đang đi du học khắp nơi cùng xứ, học nơi thầy, nơi bạn, nơi trò; học với tất cả chúng sanh, vạn vật, các pháp; học

với Phật Pháp Tăng ba đời; học từ xóm làng tỉnh xứ đến khắp các xã hội, thế giới chúng sanh; học nơi chữ viết, nghe lời nói; học bằng lo lắng nghĩ ngợi; học nơi sự thật hành; học nơi cỏ, cây, thú, người, trời, Phật, đất, nước, lửa, gió. Tạm sống xin ăn tu học đi ngay chơn lý chẳng chút lãng xao, không màng khổ nhọc. Và bá tánh là cư sĩ kẻ đã lỡ hội đường, hoặc vì tai nạn nên phải đành kham thiếu thốn, tập học ở một chỗ nơi để đặng chờ ngày giải thoát.

Biết ra mục đích của sự học loài người nên gọi người là lớp chót, Trời là lớp nhì, Phật là lớp nhứt. Còn thú vật với cỏ cây như trẻ nhỏ mới sanh, chưa có sự học, chưa biết học, không biết lớp trường chi cả. Trường học là võ trụ, chúng sanh là học trò, các pháp đổi thay tiến hóa là bài vở, vạn vật là món tạm dùng. Có học để thi đậu đắc quả yên vui, đặng tránh cái dốt nát vô minh, chết khổ điên cuồng của cỏ cây loại thú. Có học mới biết đầu trên chân dưới, sự sống của khắp thân mình, mới có mắt sáng thấy đường, biết điều ăn mặc. Học là quý nhất, trúng đường, hơn là sự ăn chơi nô đùa lêu lổng.

Muốn học không phải ở một chỗ, mà cần phải bước lên đi tới, phải đi theo thời duyên cảnh ngộ của nước gió không ngừng, chớ đừng cố cượng. Vì chính sự ở một chỗ giữ một bài, một lớp là khổ não, vô minh, si mê, thất học. Càng đứng ngồi nằm một chỗ càng thấy nóng nảy sân hờn, và lại bụi lấp xấu dơ, tham lam đen nặng. Vậy muốn được học, nếu là kẻ thật học thì phải ra người khất sĩ khó hèn, để hạ lòng tự cao dốt nát, đặng rèn nuôi chí nhẫn, và thong thả học hành, ngao du thiên hạ, vừa là tự mình đi tới và dắt lần những kẻ khác cùng theo cho đúng theo lẽ trước sau, thời gian khách tạm, vô thường vô ngã.

Ngoài khất sĩ ra không có pháp nào thứ hai để diệt tham sân si được. Mà nếu tham sân si không diệt thì người ta với cỏ cây thú có khác chi nhau (cỏ vốn si mê, không biết; cây có tình thọ là sự tham lam; thú giành ăn, tham dâm mà sân giận). Cũng như trẻ nhỏ ở trong bụng mẹ si mê, lúc mới sanh đòi ăn tham lam, và đến năm sáu tuổi lại tập giận hờn. Cho nên gọi tham sân si là con trẻ nhỏ nhít hẹp hòi, không giống như người lớn. Cái lớn là không tham sân si nhỏ hẹp.

Trẻ con tham sân si là phải, vì ta gọi nó là trẻ con, nó chỉ tìm yên vui bằng sự độc ác, mà nhờ được mọi người tha thứ nên nó mới dễ duôi quen tật. Nó như cỏ cây thú, nào có dạy học được ở nơi trường, cho nên nó mới hoang đàng rong dạo. Trái lại, khi loài người đã lớn, có trí, biết học ai ai cũng vào trong lớp chót của trường đời, mà vượt lần lên lớp trên của người lớn, vậy thì chúng ta đã là người lớn lớp nhì hay ông già lớp nhứt, xem mình là Trời Phật, nào có ai dám gọi ta là trẻ con. Mà trẻ con là tham sân si độc ác, ta cần phải dứt trừ mau sớm. Bố thí trừ tham lam là sự lớn cao, rộng nhẹ, sạch trong. Nhẫn nhục trừ sân giận là sự nở nang mát mẻ vui tươi… Tinh tấn trừ si mê là sự đi nhiều học rộng sáng bóng chói ngời, lau chùi mãi mãi. Cho nên gọi rằng: Bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn là lớn; tham sân si là nhỏ, cái nhỏ như bị bó chặt, như lửa đốt tóp co, như vào trong hang trứng. Nhờ bố thí mà đến được sự trì giới xuất gia khất sĩ giải thoát, chứng quả vô sanh, bậc Hiền Thánh. Nhờ nhẫn nhục mà đến được sự nhập định yên lặng, có thần thông quả linh, chứng quả Duyên Giác như Tiên. Nhờ tinh tấn mà đến được trí huệ, suốt thông đạo lý, giáo hóa chúng sanh làm chư Bồ-tát, thi hành Phật sự theo đường vô lậu đến quả chơn như, Niết-bàn hưu trí. Như vậy, tất cả chúng ta, nhơn loại thảy phải đều là Khất sĩ. Vì chúng ta đã lớn và sắp lại già, cái già đủ học toàn giác Phật của chúng ta phải cho đúng luật phép, mới chẳng phải là trẻ nhỏ để gương hại, dạy quấy cho đời, còn mình thì lại nhẫn lùi, đi chui vào bụng mẹ, tập tiếng xưng con, để chịu khổ thân đời tới. Vả lại, thời duyên cảnh ngộ nào có cho ta đứng yên một chỗ bao giờ!

Tiếng "khất" có nghĩa là xin. Lẽ xin là chơn lý của võ trụ, mà chúng sanh, kẻ thì xin vạn vật để nuôi thân, người thì xin các pháp để nuôi trí. Ai ai cũng đều là kẻ xin cả thảy, hoặc đi xin, hoặc đứng xin, hoặc ngồi xin, hoặc nằm xin, hoặc ở một chỗ xin, hoặc đi cùng khắp xứ xin. Xin cái ác, xin điều thiện, xin đạo đức, xin quả người Trời Phật, xin vật chất, xin tinh thần, xin địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh… Đất xin nước, đất mới sống khỏi chết khô. Cỏ cây xin đất nước mới sanh chồi mọc nhánh. Thú xin đất nước cỏ cây mới có đi chạy. Người xin thú cỏ cây đất nước lửa gió mới có nói làm. Trời xin người thú cỏ cây tứ đại mới sanh thức trí. Phật lại xin nơi Trời người thú cỏ cây tứ đại mới được giác chơn.

Có hai thứ xin:

1. Xin vật chất (vạn vật) để nuôi thân.

2. Xin tinh thần (các pháp) để nuôi trí.

Có đủ thân trí mới sanh tâm là Phật. Từ xin để nuôi thân như cỏ cây thú, đến lần xin để nuôi trí là người Trời Phật.

Vậy nên tiếng Khất sĩ là chỉ có nơi người, Trời, Phật mà thôi, vì thú cỏ cây chưa có trí để học. Chúng sanh địa vị càng cao thì sự xin lại càng nhiều hơn là ở lớp thấp. Như cỏ cây chỉ có một cái xin nơi đất nước, chớ Trời Phật thì xin tất cả nơi các pháp và vạn vật, nên mới được đầy tâm đủ trí gọi là Trời Phật. Sự xin ấy có khác hơn thú cỏ cây là xin để trau tâm dồi trí học hành, xác thân bỏ quên không lòng mến tiếc, chớ chẳng phải là sự tô đắp nung dồi sắc thịt huyễn ngã không công.

Biết xin tự người cho, xin cỏ, xin cây, xin thú, xin nơi người Trời Phật, mỗi mỗi đều xin, lễ phép chớ không tự mình ngang giựt như thú cỏ cây càn bướng chen đùa. Lẽ xin thật là tốt đẹp hơn các lối ăn: ăn lén, ăn vụng, ăn thầm, ăn càn, ăn bướng, ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp, ăn gian, ăn lận, ăn lường, ăn bóc lột, ăn trên đầu, ăn liều mạng, ăn hốp tốp v.v… Chính sự xin Pháp bảo để ăn, xin lòng tốt của người để sống, xin vật thiện để dùng, cái xin ấy mới ích lợi cho đời hơn hết, thiện chớ không phải ác.

Tất cả chúng sanh, ai cũng là thiếu sót những cái cần xin, dầu nhiều dầu ít đều phải xin lẫn nhau trong hằng ngày. Ngay từ vua quan, giàu sang, nghèo hèn, dân tội, ăn mày, khùng dại, thảy đều có sự xin cả thảy (cái xin trong sạch hay là cái xin nhơ bẩn).

Giáo lý ăn xin để dứt bỏ cái ta độc ác khổ não mà sống theo lẽ vô thường, tiến hóa như vầy: ta sống giúp cho tất cả và tất cả sống giúp cho ta, như là một thân thể to lớn liền lạc, như bàn tay làm việc chùi lau cho cả cơ thể, chớ nó không tự rờ rẫm săn sóc lấy nó được; con mắt ngó xem ra khắp nơi mà không hay thấy nó; miệng ăn cho bao tử nuôi thân, chớ chẳng bao giờ giữ lại miếng ăn nơi mồm ngậm… Nghĩa là cả cơ thể đều làm việc cho nhau, sống cho nhau, nếu một bộ phận đứt riêng rời là khắp nơi đau đớn và lần hồi chết

hết. Vậy nên sự dời đổi gia đình, xã hội, đất nước, lửa gió, cỏ cây, thú người, Trời Phật, vạn vật, các pháp, chúng sanh cũng là do lẽ sống chung, không cho tư kỷ ấy.

Giáo lý ăn xin là sự chan hòa cho nhau, tức là công lý võ trụ, là pháp bảo hay chơn lý, triết lý nhiệm mầu. Người này nấu cơm, người kia ăn. Người khác may áo, người nọ mặc. Kẻ này cất nhà, kẻ kia ở. Kẻ khác lo thuốc cho kẻ nọ đau. Đời người hết sống đến chết, rồi trở lại sống và chết nữa. Cha con thay đổi, vợ chồng thay đổi, mỗi kiếp thay đổi, thay đổi để không nhàm chán, chẳng riêng tư. Có thay đổi mới nảy trí sanh tâm, càng lớn cao hay sáng thiện lành, để tránh khỏi điều tham sân si vọng động, điên cuồng khổ sở, đặng bỏ dưới thấp lên trên cao.

Cho nên từ ngàn xưa, kẻ đã giác ngộ chơn lý ấy, như Phật Tiên Hiền Thánh thảy đều bát cơm bầu nước, bay khắp non sông, trôi vòng thế giới, để đến với danh từ "Khất sĩ", hầu hưởng quả Vô Thượng Sĩ ngày mai. Các Ngài không phải là hạng khất cái, thấp hèn như cỏ cây thú chỉ tìm sống, cái sống chẳng đợi ai cho, sống để rồi chết trong cái vô minh tà ác. Chính Khất sĩ là quý báu nhất trong đời, là bậc Hiền nhân chăm học, là bậc đủ can đảm vượt qua cõi Trời người, vất bỏ tham sân si, diệt cắt dây ái dục, bay khỏi lục trần, lục căn đã như già chết, là bậc mà đường trần bụi chẳng còn đáo lại để phải dính dơ, là bậc mà ít người theo được. Ngược lại, chúng sanh bởi thiện căn, phước đức nhơn duyên thiếu sót, và nghiệp quả chẳng chịu buông tha đều bắt phạt.

Từ hạng bậc xin bằng thân, xin bằng trí, xin bằng tâm, chỉ có Khất sĩ là kẻ xin bằng tâm, cái xin cao thượng trong sạch hơn hết, tự người hảo tâm cho, chớ không điều ép buộc. Khất sĩ đi xin để răn lòng tội lỗi. Đi xin để đền nghiệp cũ, đặng sớm nghỉ ngơi, mau hết vốn lời. Đi xin để nhịn nhường bố thí của cải lại cho chúng sanh. Đi xin để làm gương nhơn quả tội lỗi cho chúng sanh ngừa tránh. Đi xin để đừng phạm tội lỗi mới. Đi xin để có thì giờ ăn học. Đi xin để giáo hóa chúng sanh. Đi xin để không tự cao dốt nát, danh lợi, sắc tài. Đi xin để giải thoát phiền não, và để un đúc tâm hồn, rèn luyện chí hướng, tập sửa bản năng. Có đi xin mới có từ bi hỷ xả, trí huệ thông minh, cõi lòng mát dịu, rộng mở bao la, lặng yên sạch sẽ. Có đi xin ăn học mới là

thiện, kẻ không đi xin thất học là không thiện. Người đi xin ăn học quý hơn là kẻ ở học một chỗ, học có người nuôi, thiện hơn là người tự nói làm ác quấy để ăn học. Có đi xin mới học được chơn lý, là môn học quý nhứt, hơn các lối học khác mênh mông. Chỉ có chơn lý mới là đường đi ngay, mới tạo nên người thật học, được học đúng đắn vĩnh viễn.

Khất sĩ có ba bậc: Thinh Văn, Duyên Giác và Bồ-tát.

1. Khất sĩ Thinh Văn là bậc đã nói trên, đi du học toàn xứ, hy sinh xác thân vật chất, xã hội, gia đình, thanh bần đơn giản, chỉ để tâm trí theo đuổi mục đích của tu học vì chúng sanh, để tế độ chúng sanh. Cho nên bụi trần không ô nhiễm, sáu căn thanh tịnh, không còn sự mê lầm bổn ngã, không nghi não, không ham mộ nghi lễ cúng kiến, không tham dục, không tham sắc, không tham vô sắc, không sân hận, không tự cao, không xao động, không vô minh. Và là bậc mà không bao giờ trở lại với cái si mê tội lỗi trong đời ác trược. Như người đã bay bổng trên không trung, bước chân không còn dính bụi hồng, là người ở trong giới Phật, không hề sa ngã.

2. Khất sĩ Duyên Giác là bậc tu trì nhập định, sau khi đã giác ngộ các pháp nhơn duyên của Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Tử; là bậc mà sự ăn mặc ở bịnh chẳng cần màng; sống, chết, đến, đi, còn, mất, có, không chẳng quản; khổ, vui, lợi, hại, khen, chê chẳng động tâm; là bậc sống theo thời duyên cảnh ngộ rày đây mai đó, ở xó góc bụi lùm, một thân một áo bát, theo lẽ vô thường vô ngã, cùng là nhơn pháp không ta; giữ theo chánh giác mà phân biệt điều thiện ác; tinh tấn tu hành, an lạc trong vòng đạo đức, thắng phục tâm ý mình đặng làm lành, nhớ tưởng đạo lý, nhứt tâm đại định, và vui chịu với mọi cảnh ngộ.

Khất sĩ Duyên Giác là bậc đi du lịch ta-bà để thật hành pháp giải thoát, hưởng quả an lạc Niết-bàn; là bậc thanh tịnh nhập định, chưởng thần thông. Khất sĩ Duyên Giác là kẻ khổ hạnh, thấp thỏi thiếu kém, rách rưới bần hàn; là bậc đi giác ngộ, cảm hóa, kết duyên cùng chúng sanh, để sau này hóa độ.

Khất sĩ Duyên Giác không hay nói pháp dạy người, nhưng những ai coi theo gương, cũng đủ tu hành đắc đạo. Duyên Giác là thầy của Thinh Văn, là sự khổ hạnh phá mê dung dưỡng. Người ta hằng ví bậc Khất sĩ Duyên

giác cũng như vị hung thần, mà các kẻ tu hành phá giới, bất chánh không nghiêm phải sợ sệt. Chính bậc Khất sĩ Duyên Giác là một vị phước thần, thỉnh thoảng xuất hiện trong thời kỳ không có chư Như Lai hay Bồ-tát, để đem gương Phật nhắc nhở cho hạng Thinh Văn. Kẻ nào thấy gặp được cũng bằng như gặp Phật.

Khất sĩ Duyên Giác là bậc đối trị với pháp thế gian, vạch đường giải thoát cho muôn loài tránh khổ. Bậc Duyên Giác đi xin để đền nghiệp cũ, đi khắp nơi để chịu chúng khảo hành cho mau hết xong nghiệp quả trong kiếp một. Đi xin để cho hay trong thiên hạ, rằng mình sẽ lìa cõi thế đến Niết-bàn, để cho mặc ai muốn trả đáp điều chi tự ý (hoặc đòi hỏi hay bố thí cúng dường). Đi xin để vất bỏ tham sân si ái dục. Đi xin để đem thân làm ruộng phước tốt đẹp cho kẻ mong cầu cúng thí đặng gieo giống Phật, diệt lòng ma. Chính sự không nói làm sái quấy là phân chất nước trong tốt đẹp, để cho người xem thấy đó mà nảy phát thiện huệ, chơn tâm, hột giống đặng đem gieo trồng có chỗ tưới vun.

Khất sĩ Duyên Giác lượm vải rách mà đâu lại thành áo, để khuyên người dư dả bớt se sua chưng dọn và an ủi kẻ thiếu rách nghèo nàn, làm gương tiết kiệm cho chúng sanh. Thật vậy, dễ ai mà kiếm đặng cái nghèo như người Khất sĩ, nghèo không một đồng xu, áo không có túi, ai cho bạc vạn cũng không màng. Nghèo không một hột gạo, ai cho kho vựa cũng chẳng ham; mặc áo lượm vải bỏ, ai cho đồ tố sa không chịu nhận. Nghèo mà chẳng ham ăn dư để cất dành đêm, ai cơm dư thí bỏ xin ăn, chớ chẳng hề ăn lương ngon cá thịt. Ăn trộn lộn xộn, không phân mùi vị, để lật đổ miếng mùi ngon. Ăn ngày một bữa, dầu vua thỉnh ăn thêm cũng từ chối. Chính Khất sĩ là kẻ thật giải thoát, vì có đi xin ăn mới đặng tránh cái giả dối, tội lỗi: sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chưởi, uống rượu say sưa. Vất bỏ ngôi vua, nơi ghế cao giường rộng chiếu lớn, chỗ xinh đẹp. Chẳng màng vị quan, nơi nghe xem hát múa đờn kèn, chỗ vui đông yến tiệc. Không ham giàu có, nơi phấn son dầu hoa áo quần trang điểm. Chưởng trí huệ, ngày ăn một bữa. Nuôi tánh chơn, chẳng rớ đến bạc vàng, vì vậy mới đi xin.

Khất sĩ đi xin ăn mà chẳng than van, không có gì hết mà chẳng than nghèo, đầu trần chân không, đội trời đạp đất, sương màn cỏ chiếu, mà chẳng

bao giờ chán nản. Khất sĩ khuyên lơn người giàu, an ủi người nghèo, làm gương không không, tránh khổ cho người giác ngộ. Khất sĩ cảm hóa kẻ ác, dạy dỗ người thiện, để dấu hoa sen không ô nhiễm vào nơi trí óc tâm người, vạch hàng chữ đạo nơi cửa ngõ đường đi, khoe sự tốt đẹp của giới hạnh, nhắc nhở sự yên úy đến cho người.

Giữa cõi đời ly loạn, giữa đêm mờ tối đầy thú dữ quỉ ma, thì Khất sĩ là kẻ dẫn đàng sanh lộ, cứu người giải thoát. Thần vật chất, ma cám dỗ, quỉ dọa nạt, không bao giờ hại được người Khất sĩ, bởi Khất sĩ ví như kẻ già, đui điếc, ngọng câm, nghẹt hơi, nên không còn biết gì lo sợ. Khất sĩ là kẻ coi mình như đã chết, nên đem cái chết rồi của xác thân ấy đi du lịch giác ngộ tìm kẻ nhơn duyên. Chính Khất sĩ mới kêu là đạo, vì là kẻ ở nơi đường cái to lớn rộng dài, không ở nơi hang nhà hốc kẹt, một chỗ. Bởi thương người, tội nghiệp kẻ khó cùng, nên Khất sĩ Duyên Giác đâu đâu cũng hiện đến. Gặp được Ngài như gặp Phật, người mà cung kính chào mời hoặc cúng dường lễ bái, đều là kẻ giác ngộ có duyên, sẽ thấy rõ tinh thần giải thoát, lý đạo nhiệm mầu, không còn khổ nạn, đắc trí huệ thâm sâu.

Giáo lý của Khất sĩ là trung đạo, chánh đẳng chánh giác vô thượng, cốt yếu để đem lại chữ hòa cho muôn loại, xin cái cao ban vào cái thấp để tạo sự bằng thẳng giữa cõi đời. Đi xin để kêu gọi lòng từ bi hỷ xả, đức từ ái cho nhơn loài; xin cái tham lam, sân giận, si mê là địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh để đưa người lên cõi người, Trời, Phật Thánh; là dắt cho người bước lên con đường bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, đạo mầu. Không phải vì đói khát sợ chết mà xin, người đi xin vật chất là làm cớ sự để bố thí tinh thần phước lạc, nhắc nhở độ khuyên người. Đi xin tức là bố thí pháp vậy. Mỗi ngày đi xin một lần, lập một công đức, dẫn đạo ban hành, dìu dắt chúng sanh, đền ơn chư Phật, lưu truyền chánh pháp. Chính đạo Phật ba đời là đạo Khất sĩ cả, ngoài Khất sĩ ra là đạo Trời người, chớ không phải là đạo Phật.

Vậy nên những ai nhà cửa tiêu tan, gia đình nát rã, thất bại đau sầu, hoặc phải điên cuồng tự vận, khổ sở triền miên, bằng gặp đặng Khất sĩ ắt mau giác ngộ, sớm tỉnh yên vui, đi tu làm Phật, hưởng phước lạc tinh thần, nối tiếp thêm, bước trải qua đường vật chất. Chỉ có Khất sĩ mới thật hành được chữ tu, tạo nên giáo lý sống chung giữa ta người, đời đạo, vật chất tinh thần

hòa hợp. Chính Khất sĩ là chất keo hồ, chảy quanh chung lộn để gắn bó tâm hồn, vẹt banh trí não của chúng sanh chung, là đạo của toàn thể tất cả vậy.

3. Khất sĩ Bồ-tát là những bậc thầy giáo ngồi trên, chẳng bao giờ thiếu hụt, cũng ví như vua trời, vua người, là bậc Tổ sư giáo chủ, vì muốn răn lòng cao trọng, vì muốn chứa đức thêm nhiều, vì muốn khuyên lơn hàng vương giả, vì muốn phục lòng thiên hạ, vì theo sự giải thoát trung đạo, vừa làm gương Tăng chúng, vừa để đi đứng khắp nơi công bình, vừa tìm duyên hóa độ, vừa để làm quen dạn dĩ đến gần cho kẻ thấp thỏi nhỏ nhoi… vậy nên phải đi xin. Chính sự đi xin của chư Bồ-tát hay Phật là điều khó nhất, trong thế gian ít ai làm được. Bởi Phật là bậc toàn năng, không chi không làm được, có khác hơn bậc hoàng đế, bá, hầu; vì thể diện, danh dự, giá trị, lợi lộc, chấp mình, mà phải thụt lùi từng bước, phải mãi ôm chấp cái ta, nặng nề té sa hố thấp trũng sâu, chịu chết thất bại, mà chẳng dám dòm xa bước tới nẻo lành. Chúng sanh mà thua Phật là bởi có việc làm được, còn có việc làm không được; mà những việc làm không được ấy lại là việc phải đáng làm; còn làm được là được việc tội lỗi hư vọng, ấy cũng vì muốn vừa lòng theo trẻ nhỏ số đông, sợ chúng trẻ con dại dột chê cười mà không nghĩ đến sự lành của bậc ông già trí thức, tuy ít người khen mà lại thành công hơn. Những cái trở lực bức tường sợ sệt yếu ớt, bắn lùi, lụn bại, luân hồi ấy, chỉ có Khất sĩ mới giải thoát, vượt ra được, tiến hóa đứng vững, thắng phục đạp ngã, mới gọi là bậc hay làm được việc khó làm, mạnh mẽ hơn chỗ của người khác vậy.

Có xin ăn mới dứt được cái ăn ác tà trong vạn kiếp. Có xin ăn mới chỉ rõ lỗi được kẻ gian hung. Có xin ăn mới ra người lương thiện, mà kẻ đời thường gọi rằng: "Văn thiện ngôn tắc bái, kiến thiện sĩ tắc cung". Chỉ có Khất sĩ mới là trung đạo giữa vua quan giàu sang với tội dân nghèo khó. Khất sĩ không phải dốt nát mê muội, ác hung tà xảo như người khất cái. Bởi khất cái là hạng mạt lưu, còn Khất sĩ lại là bậc tối thượng vô song. Vậy nên dầu những ai có hành được chơn lý một hai ngày thì cũng khá hơn là người còn nhiều tội nghiệp.

Giá trị của Khất sĩ quý hơn Trời người, bởi biết sự quý báu ích lợi của Khất sĩ, nên xưa kia vua trời, vua người bỏ ngôi vua xuất gia hành đạo, mong cầu quả Phật. Khất sĩ là trung đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng

của bậc giác ngộ ông già, rất ít, rất khó, chẳng hay có gặp trong đời, chúng sanh dầu khổ nạn đến đâu, chỉ cần một người Khất sĩ cũng đủ giải cứu, độ thoát cho tất cả trọn vẹn, mà khỏi cần phải số đông nhiều người sức lực lại không xong. Trong mọi nơi nhóm họp, ngoài Khất sĩ chẳng tham sân si ra, không lời nói nào được ai tín nhiệm mạnh mẽ. Trong mọi sự biến cố của gia đình, bất hòa của xã hội, xung đột giữa anh em… ngoài Khất sĩ ra, không còn ai là bậc cứu tế giải hòa can gián, vì Khất sĩ có đủ ba báu: Giới, Định, Huệ. Khất sĩ như hòn ngọc báu trong sạch, yên lặng, sáng suốt và chơn không tròn trịa. Khất sĩ như vàng ngọc, nhưng bởi thân còn sống trong đời chung lộn thế gian như nhau bụi đất, nên rất khó thấy nhận nhìn. Vả lại, món quý thì ở thấp sâu, nên trừ phi bậc trí huệ hiền nhân có mắt bươi tìm, thì ít ai biết hiểu, cất gìn tôn trọng.

Trong đời khốn khổ, Khất sĩ là bậc đại hiền như cây cao bóng mát. Giáo lý Khất sĩ như tàu bè, xe cộ, cứu vớt chở chuyên chúng sanh bao nhiêu cũng không chìm nặng. Lời nói của Khất sĩ như nước ao trong mát, như rồng phún rưới mưa hoa. Đạo của Khất sĩ như bờ đê ngăn nước, như vách tường, núi đá, biển to, sông rộng. Tâm của Khất sĩ như mặt nước phẳng bằng. Ý của Khất sĩ như nước loãng nhẹ lưu thông, dầu ai có múc tát đi đâu thì ý nước bao giờ cũng trở về với nước. Tánh của Khất sĩ là nước sạch mát trong, là lòng quân tử. Chính sự xin ăn để tu cùng học, bốn biển làm nhà, chín châu lập nghiệp mới phải là đạo người quân tử trượng phu.

Đạo Khất sĩ không phải là mới. Nói cho đúng, ai ai cũng là Khất sĩ cả thảy. Vì ai mà không có gặp được sự học mỗi ngày, ai mà không có sự xin nhau từ chút. Nhưng lắm kẻ mảng đua chen giành lấn mà quên đạo lý của mình, nên học phải cái viển vông, và xin bằng lẽ quấy ác hung bạo, quên ân bỏ nghĩa mà chẳng hay dè. Thật vậy, nếu chúng ta đã được biết rằng: Thiện quý hơn ác và giải thoát là đạo chung, thì Khất sĩ là lẽ sống của mỗi người hàng ngày, cái sống chánh chơn tốt đẹp vô cùng linh diệu.

Không cái gì xin đặng nước và nước không bao giờ có mất, thì giáo lý Khất sĩ cũng vậy, lúc nào cũng đang chứa khắp trong đời, và hay xin vật chất cát bụi đồ dơ để đem dằn đáy lót chưn, tô làm bãi mé, mà tâm người Khất sĩ như giữa lòng lạch, lúc nào cũng sạch cũng trong. Dầu ai có đem giặt món

đồ dơ, thì sự yên lặng sẽ lóng dơ chìm đáy, cùng là bị sóng gió chan tấp lên bờ. Có điều là chỗ nơi đất cao vật nhiều thì nước sâu khó thấy, bằng gặp nơi đất thấp thì nước lại tràn vun. Dầu ẩn hiện theo thời duyên, chớ đạo Khất sĩ là nước uống của muôn loài, bao giờ cũng không nhiều ít, vẫn sẵn có tự nhiên, bằng thiếu nước thánh đạo ấy, muôn loài khó ăn mà sống được.

Trong đời không có chi xấu xa bằng lòng gian ác, và không có chi tốt đẹp bằng người Khất sĩ, khác phàm phu, siêu nhân loại, bậc không còn nghe thấy, nhớ nghĩ, e ngại với cảnh huống người đời. Cho nên ba món báu quý nhứt của thế gian thì Khất sĩ đứng vào hàng Tăng bảo, học Pháp bảo, để làm Phật bảo vậy.

Sao gọi Phật - Pháp - Tăng là báu? Bởi thầy giáo đức hạnh, bài học hay và học trò hiền, dạy theo đạo lý lẽ thật, há chẳng phải quý báu hơn là kẻ dốt học lo ăn tội lỗi? Người mà không học như mù đôi mắt, như xác chết không hồn, dầu mà có bị lửa đốt co ngoe, cử động như nói, như ăn, như đi, như làm đi nữa, thì kẻ ấy có khác nào hình đất khúc cây, nào có biết chi vui hay mùi vị của cái sống. Cũng như cái máy tự động nằm trơ, chịu trận cho chủ người sai khiến, đập sửa, cho ăn uống chùi lau, cho đến khi hao mòn sét lủng, bị đem vất bỏ ngoài đồng hoang cỏ rậm, là rồi ô hô số kiếp của một đời!

Khất sĩ cũng như một ông thầy giáo dạy học cho bá tánh, chẳng lãnh tiền lương, dầu dạy ít dạy nhiều không hề kể công so của, quý nhứt là gương hiền đạo đức, gương giới hạnh, gương từ bi đại lượng ở đời. Còn người vì sắc tài danh lợi mà chết khổ thì Khất sĩ hiền nhân mới thật là tôn quý hơn vua quan, hơn cha mẹ mà là như Phật trời, là kẻ đùm che cho muôn loài núp bóng, tránh đỡ cơn nạn khổ, bão tố nắng mưa. Trong đời không ai nỡ hại được người Khất sĩ, vì Khất sĩ sống với cả chúng sanh chung bình đẳng. Khất sĩ giải thoát tu học cho mình, độ dắt cho người là giáo lý sống chung không tư kỷ, không riêng một chủng loại nào, chẳng bỏ ai ai. Thế nên từ xưa, những người già 48 tuổi đều phải xuất gia Khất sĩ, và người nhỏ 18 tuổi sắp lên, họ đều phải đi tu học Khất sĩ, hoặc đi luôn trọn đời, hoặc từ hai năm sắp lên rồi trở lại, để đem đạo đức thấm nhuần vào trong gia đình, xã hội, mọi chỗ nơi cho êm dịu.

Đời mà không đạo như rừng hoang, người mà vô đạo chẳng vui an. Vậy nên trong mọi sự thất bại, tan hoại, chia rẽ, trong mọi điều sập đổ, trong mọi cuộc hư hao, trong cơn nguy túng, trong lúc rối ngặt… nếu không kíp dùng đạo đức, không mau chấn lập nền tảng Tăng-già, không sớm nâng cao nền Khất sĩ, thì không bao giờ được trường phục vĩnh viễn, vĩnh viễn mãi cho được! Trong đời không sự hòa hợp nào bằng Giáo hội Tăng già của các nhà Du tăng Khất sĩ không danh lợi. Khất sĩ là giáo lý muôn năm của ông già, bền dài hơn xã hội ngàn năm của người lớn và giáo lý trăm năm của gia đình kẻ nhỏ. Trong Giáo hội mặc dầu không ai nhắn bảo mỗi ngày, mà các bậc Khất sĩ sống chung bằng xác thân rất thuận hòa, chan sớt cho nhau, nương tạm cùng nhau như các xã hội ông già yếu đuối. Còn tâm trí mỗi người, riêng ai nấy lo tu học, thân thì sống chung, tâm thì lo riêng. Nhờ giới luật nên chẳng hay xao xuyến, tuy luận bàn mà không hay cãi lộn, cõi ấy an lạc thong thả biết bao.

Trong đời lắm kẻ rất lầm, khinh chê đạo Phật để phải lầm lũi sâu vào hố ác khổ nguy, kêu la cầu cứu mà chẳng biết kêu cứu cùng ai. Có kẻ đến già chết, tam nghiệp chưa tiêu, cũng còn ghét khinh Khất sĩ, để muôn kiếp phải chịu mù quáng đau sầu. Cũng có lắm người tu mà không quên danh lợi, chẳng nỡ dứt lục trần, nên bào chữa ác tật, mà chê đạo ngạo Tăng, ố Phật, học pháp tà ma, lìa xa chánh giáo; mà nào đâu họ có dè, ngoài đạo Niết-bàn Khất sĩ xuất gia là người ta còn đi lạc, nẻo tới còn xa. Và khi bối rối cùng đường, chẳng biết phương nào tránh khỏi tà ma khổ loạn.

Đạo Khất sĩ là chơn lý chánh pháp của trường võ trụ, là đạo Bát chánh Niết-bàn, không bậc Hiền Thánh nào dám khinh rẻ, không kẻ quỷ ma nào được thấu đạt, chánh giáo cao siêu hơn hết. Kẻ hành đúng sẽ thành Phật, người hành trật sẽ làm ma. Thật là quý nhứt trong đời. Tuy lý sự hiển nhiên như mọi bữa, mà ít ai lưu tâm trụ ý nghĩ soi nhìn, cùng dám hy sinh hành đạo. Vậy nên nay bằng sớm mà ta hiểu được, đến chiều có thác dạ cũng vui mừng. Dầu người đã tuổi hơn trăm, may mặc được áo Khất sĩ giải thoát trong một thời cũng là duyên may mắn cho bước chân ngàn đời, nay đã định. Áo giải thoát mà vua quan Trời Thần không thể có, mặc nó vào nhẹ tợ lông hồng, trôi bay khắp võ trụ non sông, ai mà lại chẳng mong cầu ước muốn?

Thế mà cũng có người lại hỏi: Nếu tất cả đều là Tăng Khất sĩ hết thì còn ai mà bố thí cho ai, và mặt đất một ngày kia còn ai ở?

Nào phải như vậy! Đúng chơn lý của tạo hóa, chúng sanh sanh ra là đều xin nhờ lẫn nhau để sống ăn học. Đời nay không hiểu đạo lý, để vì miếng ăn ngon đồ vật tốt mà đi làm nô lệ cho thần quyền sái trật, nên phải tự mình chịu khổ lấy. Ai đi trúng nấy nhờ, ai đi trật nấy chịu. Nếu mà được tất cả đều hiểu mục đích, sống đúng chơn lý như vậy thì nào đợi có ai phải lo bố thí cúng dưng cho ai, vì sẵn trái lá hột hoa, ổ hang bộng đá, vỏ lá cói bàng, thuốc men nơi thảo mộc, mặc sức xin dùng hê hả, như cổ nhơn xưa, như xứ Tây Phương Cực Lạc của Phật.

Sự thật may mắn mà trên mặt đất này đều tu hết, làm Phật hết, ăn ở trúng đạo hết, không còn ai vô đạo, thì không có danh lợi sắc tài, giặc cướp tham gian; nhà xấu cho không ai lấy, bãi cỏ đất hoang cho không ai mượn, núi sông bố thí chẳng ai xin, chắc là tốt đẹp lắm.

Ấy vậy ta nên nhớ rằng: Ta tham lam giựt giành lợi lộc của đất nước cỏ cây thú, nên mới xúi cho kẻ khác, tham giựt lại chuyền tay, đó là giặc cướp xoay chuyền, nhơn quả tại mình vậy.

Mà thật ra nếu vì lẽ sống hơn là chết, thì ai lại không cầu vái cho cõi đời thành xứ Phật, chẳng hơn là sự giành ăn giết nhau chết hết, lại phá tan hoang có hay gì đâu? Nhưng nếu nói vậy là cũng còn sai lắm. Hỏi thử trong trường học, lớp nhứt kia, bảo học trò học vào đó hết được không? Chắc là không. Vì còn trẻ nhỏ lớp chót nữa kia mà. Vậy nên trong lùm bụi nơi xó góc, còn có kẻ nhỏ nhít dại khờ đang sanh sản, đặng tiến hóa vượt lên, thì dầu lớp này không làm ác, không làm giặc, không sanh sản cũng chẳng phải hết loài người ta. Vả lại, học trò hiện tại trẻ nhỏ rất nhiều, thì lớp nhứt có đâu theo được hết. Dầu năn nỉ bảo ăn chay, bảo đừng làm ác, bảo ngồi yên đừng la giỡn, đánh lộn trong một ngày cũng không được, huống hồ lại lo sợ thành Phật hết, mất giống ác quấy tham gian hay sao?

Vậy thì vẫn hay chẳng được hết thảy đều tu học có đạo, nhưng trong mười người có được một người Khất sĩ, và chín người nuôi hộ để trao đổi tài pháp sống chung thì cũng là tốt lắm! Vậy ta nên biết rằng, trong trường đời

mà có lớp Khất sĩ đạo Niết-bàn thì chúng sanh mới biết nương theo lớp Trời, lớp người, lập ra lớp kế đó để bước lần lên. Và cho hay, nếu không có lớp trên cao kia thì các lớp dưới cũng sẽ không có được, vì họ không thấy mục đích chỗ đến, thì lớp nhì lớp ba lập ra có ích gì, và có ai học theo để mà làm chi! Như vậy thì sao lại sợ người ta giác ngộ làm Phật hết.

CHƠN LÝ 12

Y BÁT CHƠN TRUYỀN

Y BÁT LÀ MẢNH ÁO CHÉN CƠM, SAO GỌI LÀ Y BÁT CHƠN TRUYỀN?

- Bởi đạo Phật là đạo Khất Sĩ Du Tăng, con đường của bậc giác ngộ. Đi theo con đường ấy là đến với chơn lý của võ trụ, để đạt mục đích Niết-bàn. Khất sĩ y bát là bậc thượng trí, sau sự học của lớp thế gian. Kẻ du học ấy phải đi xin ăn, mặc một bộ áo ba manh và một cái chén đựng đồ ăn, để nhẹ mình lo tu học và đi khắp xứ.

Muốn vào hàng Khất sĩ phải có chơn sư truyền dạy, bằng chẳng đặng vậy sẽ ra người khất cái, kẻ ăn mày đê tiện, tội lỗi, mà chúng lại khinh khi. Nếu quả là một Khất sĩ có chơn truyền đúng phép, mới xứng đáng là một đệ tử của Phật, sẽ tới địa vị Phật, ai ai cũng sùng tôn lễ bái, khắp cả trời người ít ai làm theo được, nên phải giúp công hộ tiếp cúng dường. Thế nên từ xưa đến nay kẻ nào được chơn sư xét xem chọn lựa, trên hai năm kỹ lưỡng, đủ thiện căn phước đức nhân duyên mới chịu dạy truyền cho giáo lý y bát ấy, để tách khỏi xa thầy, một mình đi ra tu học thành công. Thế nên sự được ban truyền y bát rất kỹ lưỡng khó khăn, và kẻ nào thọ lãnh được là vinh hạnh lắm, rồi sẽ nối chí giống hệt Tổ Thầy, nối truyền chơn đạo, nên khắp trời người đều uy tín hy vọng cho kẻ đó sẽ đắc đạo buổi tương lai vậy. Vả lại con đường của Phật rất cao viễn, như tận trên chót núi cao xa, người mà không cẩn thận ắt sa xuống hố thẳm sâu địa ngục, nên sự hành đạo là một

còn một mất, một thắng một bại, một Phật một ma. Nếu phải Khất sĩ là ở Niết-bàn, bằng ra khất cái là con ma đói trong địa ngục. Vậy nên y bát chơn truyền xưa nay là giáo lý riêng đặc sắc của Thầy Tổ trao dạy, một thầy chỉ có một trò thôi, quý báu vô cùng, nhờ đó đạo Phật mới được nâng cao, và mãi mãi bền dài không dứt tuyệt.

SỰ CÔNG DỤNG CỦA ÁO BÁT RA SAO?

- Bởi khất cái với Khất sĩ cũng tương tự in nhau, vì kẻ gian manh muốn sắm áo bát bao nhiêu cũng được. Vậy nên người Khất sĩ phải là có thật học, phải đủ đức hạnh, phải có chơn tu mới được gọi đúng danh từ Khất sĩ. Giá trị của Khất sĩ với khất cái khác nhau rất xa, một trời một vực. Kẻ khất cái tàn tật mới đi xin, tham sân si tội ác chẳng tiêu trừ, mà trái lại Khất sĩ là kẻ thông minh trí thức, hiền lương mạnh khỏe, mà lại đi xin ăn nuôi sống mới là sự chướng ngại xốn mắt kẻ thế gian, là việc làm mà ít ai thấu hiểu, bởi quá cao thâm. Vậy nên Khất sĩ phải có những đức tính hơn người, thấy chắc kết quả mới dám đứng ra thật hành và còn làm cho thế gian kỉnh trọng, chẳng dám khinh khi đạo Phật. Đạo Phật xưa nay ai cũng cho là kỳ lạ, thì ít ra Tăng chúng cũng phải là người kỳ lạ mới đạt được cái kết quả kỳ lạ ấy! Tuy nói thế chớ thật ra đạo Phật, con đường của bậc giác ngộ là đúng phải, chớ có đâu kỳ lạ, mà chúng sanh thì đã quen ở trong cảnh kỳ lạ mãi mãi lâu ngày, nên hầu như là mới vừa thấy gặp cho là khác mắt trong giây lát. Vậy nên lời Phật có dạy đạo là thường vui và có ta, còn thế gian là vô thường, khổ não, không ta, là bởi nơi kỳ hay mới lạ của sự say sưa vấp té lội sình kia đó.

Xưa kia cổ nhân mặc vỏ lá cây, mảnh manh lá miếng, chẳng có tay ống áo quần may vá, dưới cái chăn, trên tấm choàng, khi đi đâu thì phủ thêm một tấm choàng lớn quấn từ trên tới dưới, đêm đến lấy đó làm mền, nên được thong thả rảnh rang, không điều phiền phức, không có cất giữ dư để dành cho cắp trộm. Khi rách mất thì mới sắm thêm cái khác, bỏ ra cái cũ, lúc nào cũng mặc một bộ trong mình, không làm tôi tớ cho áo quần dư dả. Muốn đi đâu, ở đâu, lúc nào, vào lúc nào cũng được, không điều chi

nán lại. Cũng như rễ cỏ dính liền với cỏ, như lông da thú dính sát với thịt xương, cho nên lúc nào cũng rảnh trí thanh nhàn, thung dung, khoái lạc. Thân như vỏ trái chín muồi đen xấu, mà tâm trí bên trong cứng chắc lại ngon thơm.

Trẻ nhỏ mới sanh, mẹ cha lót cho miếng tã, khăn choàng vải đậy, cũng là bộ tam y như người xưa. Ông già khi sắp chết bệnh đau cũng phải chỉ mặc chăn, vải choàng và mền đắp, tam y như trẻ nhỏ. Đến chết tắm rửa, liệm, đem theo cũng tam y đó vậy. Người Khất sĩ mặc tam y để dứt trừ tham vọng, ngăn ngừa kẻ ác, đoạn diệt phiền não trong tâm trong sạch, nên gọi là y thanh tịnh. Cũng gọi là y giải thoát, áo rảnh rang, hay là y trẻ nhỏ, áo ông già, y cổ nhân, áo người trí, y của kẻ chơn như v.v...

Xưa, giống loài người sanh tại chân Hy-mã-lạp sơn trung ương Ấn Độ mặc khố choàng, lần lần tản mác sang phương Tây xứ lạnh mới sắm mặc bố bô dày nóng, tập làm máy móc công nghệ mới may thêm có nút, có ống, có tay cho lanh gọn. Về sau phương Đông tập nhiễm sắm áo quần, lại còn chế ra mỏng manh trơn láng tùy theo mùa nóng lạnh. Cho đến ngày nay, không còn vì cái mặc che thân đậy bịnh mà lại trau chuốt se sua, phô bày bóng dạng, nay vầy mai khác, thay đổi vô thường, khổ não vì quần áo. Và cũng chưa biết được cái ta đã định, của ta là thứ cách kiểu màu nào chắc chắn, thả cho cái ý buông lung lựa chọn, hành ma tác quái, biến thuật nhiệm mầu, xúi kẻ gian tham, xúi người bày sanh giặc giả. Cũng có kẻ sau khi hưu trí, sau buổi việc làm trút hơi thở dài bằng sự cởi bỏ áo quần, mặc chăn đóng khố, vai vắt khăn lau, đi tắm dưới sông hay trong phòng kín, lấy làm sung sướng mát mẻ khỏe khoắn, say sưa với cái hay hay của sự mặc rảnh rang sau cơn khổ nhọc. Trong lúc ấy có kẻ lại sợ áo quần, khổ sở, và ao ước sự thong thả mà mặc chăn đơn, chán nhàm với áo quần lao lực, ghê tởm những y phục se sua, sợ sệt cho cái tham sân si dối giả của đời ác trược ở nơi quần áo. Có người lại ao ước cái mặc chơn thật, cái mặc có ta, cái mặc thường bền, cái mặc yên vui của người Khất sĩ, muốn trở lại thanh nhàn, nương theo lẽ phải để tìm lo tu học, mà đã lỡ bước vướng chưn rồi, khó bề lui tới, thật là rất thương hại.

Con người cũng vì sự mặc lành tốt, miếng ăn ngon, chỗ ở đẹp, thuốc ngọt thơm, mà phải chịu chết với nhau, kéo nhau vào hố độc, thụt lùi vô hang tối, dầu biết đó là chỗ chết, chỗ tiêu diệt, khổ điên cuồng. Nhưng bởi sự lôi cuốn rủ ren, sự đua chen cám dỗ, bởi trớn nặng té ngã của số đông người, nên kẻ yếu sức khó bề đứng gượng, cũng phải chịu sự xô nhào chúi nhủi như ai, thật đáng thương thay! Thế thì cái mặc áo vá bô dày, lượm xin vải bỏ đâu lại chầm khiếu mà dơ nám xấu, cùng sự ăn xin rau trái trộn lộn, chỗ ở cốc lều hang bộng, thuốc uống cỏ cây của người Khất sĩ trí thức giác ngộ kia, chẳng là sự duy trì phong hóa, cải sửa cuộc đời, thức tỉnh cho người, chỉ đường nẻo sống, dắt đến chỗ yên vui, chống ngăn cơn sập đổ, cứu vớt biết bao người, ích lợi biết bao nhiêu và có gì đâu khó hiểu.

Cho đến miếng ăn của người Khất sĩ cũng y như vậy. Cổ nhơn xưa ít quen ăn lạm xạm, ở không, ngày ăn một bữa cũng đủ no lòng, xin nơi rau trái, ở nơi vườn rừng, khi vào xóm dạy đạo cho người, không phút rảnh rang, nên phải đi xin nơi người dư dả, xin của học trò, xin nơi người từ thiện, xin chén cơm dư thừa thải của kẻ tối tăm. Cái xin tốt đẹp nơi người cho, xin để kết duyên bạn đạo, xin để giáo đạo, cảm hóa, nhắc nhở tâm người, cho họ nhớ lại thuở ngày xưa.

Khất sĩ giống như người chết, ông già hay trẻ nhỏ mới sanh, hoặc như người bịnh, giống kẻ cổ nhân, in như người đi du lịch; nào khác kẻ dạo đồng, tắm biển, hứng mát bờ sông, đi đâu chỉ đem theo một cái chén to bằng đất để đựng đồ ăn là đủ. Vừa là để tránh sự bối rối thiếu hụt tay không khi đến bữa, vừa là gọn tiện một cái chén đủ đựng chung ăn trộn, để khi vào bụng rồi thì nó cũng lộn xộn in nhau. Một cái chén to, một lon nước uống, một muỗng múc đồ ăn, đủ làm của cải theo mình đi đây đó, trọn đời không lo cất giữ. Áo bá nạp rách tháo ra, vá may lại nhiều miếng, dầu có kêu cho cũng không ai lấy. Bát đất như nồi thố đen thui, quên bỏ chẳng ai giành, bán chẳng ai mua, nài không ai nhận. Cũng như thân mình chết bỏ, vật tạm chẳng tiếc ham; khi rách bể, xin nơi giàu nghèo ai ai đều sẵn có; trộm cắp chẳng rình mò, nằm đêm không lo sợ, thong thả rất thanh nhàn. Muốn nhập định lúc nào cũng được, muốn chết lúc nào cũng an, học

gẫm điều chi không xáo rộn, bằng mất hết cũng không nhìn. Một hột gạo cũng không, một đồng xu không có, chẳng cất dành đem một món ăn chi, không một miếng vải dư, giờ trưa xin đủ ăn, có dư thì bố thí đặng để thì giờ nuôi trí.

Điều quý nhứt của người Khất sĩ là sự giữ gìn giới luật:

1. Không sát sanh (người, thú, cây to).

2. Không trộm cắp (của người, thú, cây to).

3. Không dâm dục (với người, thú, cây to)

4. Không nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi.

5. Không uống rượu, say mê, sân giận, tham lam.

6. Không ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chỗ xinh đẹp như ngôi vua.

7. Không nghe xem hát múa đờn kèn, chỗ đông vui yến tiệc như quan lại.

8. Không chưng diện phấn son dầu hoa, áo quần tươi tốt như kẻ sang giàu.

9. Không ăn sái giờ từ quá ngọ tới ngọ mai, ăn chay nuôi trí huệ.

10. Không rớ đến tiền bạc vàng của quý đồ trang sức, để tập tâm chơn.

Lần giữ oai nghi hạnh kiểm 250 điều, cử chỉ đoan trang, nết na đằm thắm, không chung lộn với kẻ vạy tà. Nơi cốc am, ngoài đường sá, vào xóm, nơi rừng, đi đứng ngồi nằm, ăn mặc nói làm, thức ngủ sống chết, thân tâm trí tánh thảy ôn hòa nhã nhặn, từ bi trống rỗng. Sống với chúng sanh chung, bình đẳng không trói buộc, hỷ xả chẳng câu hiềm. Tâm thì nhập định vắng êm, trí năng soi ra cắt đứt điều ô nhiễm. Chỉ lo tập tánh chơn như, hằng ngày lòng không vướng mắc, chẳng buộc ràng, không hơn thua cùng ai cả thảy. Ai có duyên đến hỏi thì chỉ dạy nói vài lời, không việc thì nghỉ yên, không tìm vọng động ác quấy, khỏe khoắn biết là bao. Ấy cũng nhờ y theo nơi chơn lý chánh pháp của võ trụ, là sự ăn mặc ở bịnh chẳng lo mới được yên vui như vậy. Ăn phải đi xin, mặc áo vải vá, chỗ ở lều lá gốc cây, bịnh không tự lo tìm thuốc uống. Nếu là ta sống có ích lợi cho người thì người khác họ cũng sẽ sống có ích lợi lại cho ta, y theo lẽ tiến hóa, chẳng bảo cho ai tự lo lấy mình,

và không để cho ai có lòng tự kỷ, mà kẻ nào sái đạo luật thì phải bị phạt răn khổ sở thất bại đau sầu.

Giá trị của người Khất sĩ là mắt tai mũi lưỡi miệng thân ý phải cho trọn lành trong sạch, do nhờ đời trước có tu hiền. Phải là người có tu tập bố thí phước lành không bỏn xẻn; phải là người có nhơn đức biết thương yêu cứu giúp chúng sanh, không tham sân si tật đố ích kỷ tự cao; phải là người trước có nhơn duyên gặp Phật nghe Pháp gần Tăng, tập giữ giới hạnh, hoặc đã có theo hầu thầy được dạy dỗ. Người Khất sĩ phải có đủ điều kiện của một người học trò không dính dấp vợ con, cửa nhà, bịnh hoạn, thiếu nợ, tà ma nhập xác, hoặc kẻ trốn tránh, tội lỗi chi chi; phải trên mười tám tuổi; phải hiền hậu thông minh, có nết hạnh.

Đời Khất sĩ phải là khổ cực không không, xem mình đã chết, chỉ sống bằng tâm hồn nơi cõi này cũng như nơi cõi khác, năm này cũng như những tháng kia, chỉ biết một việc lo tu học cho mau tấn tới mà thôi.

Những ai mới vào tập sự, coi khá thì cho mặc y bát tạm một thời gian, hoặc từ hai năm, nếu được thì cho nhập đạo bằng xem xét không được thì cho trở ra về thế. Vì sự lựa chọn kỹ lưỡng bậc hiền đức siêu nhân, cho nên đạo Khất sĩ y bát tuy ít mà lại rất cao, người tội lỗi khó bước lên, kẻ tự cao khó bước xuống, trong đó thảy thuần thục như nhau, sự tà ác vô minh khổ não không sao có được, nên mới gọi Giáo hội Tăng-già, là cõi Niết-bàn hữu dư trên mặt đất hiện tại, mà không xã hội gia đình nào ví sánh sự hòa hiệp yên vui của đạo cho kịp. Cho nên đạo là trên trước, quí báu hơn hết trong đời. Giáo lý y bát không phải dễ, không phải tự ai muốn bước ra hành là được. Nếu kẻ bắt chước, ham vui hoặc không thông chơn lý, chẳng có giới hạnh, không hiểu chánh pháp, chẳng biết cách học tu, không rõ sự quý giá của muôn đời, chẳng nếm được mùi vị của Niết-bàn đạo lý thì khó mà thật hành, khó mà chắc chắn bền dài, khó mà giữ hạnh đắc đạo, và nhứt là sẽ bị ma vương phá đổ, chư thiên xô đùa, nhơn loài bắt tội, thú dữ hại thân, chớ dễ gì đủ can đảm diệt lòng tự trọng để đứng ra đi xin ăn, bữa no bữa đói, thấp thỏi ăn mày cho chúng khi ngạo chửi la, làm như kẻ tội nhơn bị sa thải phải

mặc áo tù, đầu cạo trọc, xấu hổ hơn kẻ tật nguyền. Bởi vậy cho nên từ xưa đến nay đứng ra dẫn đầu lập đạo thì chỉ có chư Như Lai, Bồ-tát, bậc Chánh đẳng Chánh giác, đại hùng đại lực, đại từ bi hỷ xả, mới thật hành được. Và từ sau đó, tăng đồ nương theo nẻo sẵn mới dễ dàng đi. Chớ bậc vua trời người, tuy cũng hiểu thông lẽ ấy mà ngán sợ nỗi thi hành lâu năm nhiều tháng, chán nản rớt rơi té nặng.

Thật vậy đạo Khất sĩ y bát nguy hiểm lắm. Khất sĩ cũng như người tướng xông pha vào dinh giặc nghịch, chỉ có kẻ đã đắn đo xét kỹ mới dám gan bạo liều mình bước vào quảy bát mang y, chịu khổ sở hơn người tật bịnh. Ấy vì giáo lý quá cao siêu, như mũi dao xoay ngược nguồn đời cắt đứt tung lưới sắt, đập bể chuồng lồng của thế gian địa ngục để cứu người, thì trách sao ai nấy chẳng vì cảnh quen chóa mắt, mê muội hiểu lầm mà chém đâm đánh giết, đập phá hại đạo, lật đổ đả đảo lăng xăng. Dầu ta có lòng thương vì họ, muốn lập đạo cứu đời, mà mắc phải chúng sanh nỡ đi thù nghịch trở lại hại ta, khiến nên sự lo chống đỡ mệt nhọc nguy hiểm gay go, khó bề đứng vững. Vì thế mà lắm nhà sư y bát thối chí ngã lòng, hoặc tức giận chúng sanh mà quay lui bỏ xụi. Sự khổ cực bền gan ấy cũng như kẻ đầu tiên mở lối chông gai nơi rừng rậm, như sự thương người giải cứu, mà tất cả trở lại trả ơn cho lòng tốt ấy bằng cách đáp oán gây thù, ta phải bị chúng vây giết hại, vì chúng đã mắc phải bùa độc sảng mê, nên trở làm quyến thuộc ma vương chướng ngại. Vậy nếu không phải lòng từ bi trí huệ sáng suốt dõng mãnh như Phật, dễ gì thắng giặc ma vương cứu tử cháu con, bắt đem về giác tỉnh, để lập thành nền đạo vững chắc trong đời. Ấy cũng bởi đạo quá cao thâm, vì đời thương giải cứu, nhưng chúng sanh đâu rõ cho là kẻ đi nghịch phá nhà họ, nên lo chống báng, khiến kẻ hành đạo thật rất gian nan. Nhưng cũng nhờ có sự gay go ấy nên mới ít người Khất sĩ, mà kẻ nào được bất thối vô sanh tức thì nên đạo. Đó cũng tức là trường thi, nơi sàng lựa, chớ không phải Niết-bàn là cảnh dễ đến cho số đông người chưa tắm sạch, mà được hưởng quả yên vui. Nhứt là đối với kẻ thân miệng ý chẳng hay ngừng mà những người trẻ con xao xuyến thì chẳng bao giờ có được cái vui hay của bậc ông già hưu trí nín nghỉ ấy được.

Đó là về sự của y bát, còn giáo lý y bát chơn truyền nghĩa rằng: Y là Pháp, Bát là Đạo, tức là đạo pháp đường chơn truyền dạy, có y bát mới có chơn như. Luật pháp cũng như manh áo che tâm, sự đi sưu tầm gom góp kinh luật luận cũng như lượm từ miếng vải đâu kết lại cho thành kho tạng. Xưa kia đức Huệ Năng xin chủ đất một lỏm đất đặng trải y, khi đem y pháp giáo lý banh trải, hoằng dương, truyền bá ra bằng sự nói pháp, thâu dạy đệ tử, mở khai chánh giáo, có đến số muôn người, cho nên chật bít cả miếng vườn to, Tăng chúng ở còn thiếu chỗ, mà áo pháp vẫn còn chưa mở ban ra hết. Áo đây tức là pháp bảo, giáo lý để đậy che pháp thân là kinh luật luận, cũng là thân đạo, thân của Phật, tức là chơn thân, thân to lớn. Áo của nhà sư cũng như giáp sắt nhờ mặc nó vào, đi xông pha khắp cùng thế giới, đến đâu cũng được, tà ma ác thú thần quỷ chẳng khá lại gần, nhờ mặc nó mà nhẹ bay trôi khắp cùng thiên hạ, che cả thân tâm và đùm bọc cho biết bao nhiêu kẻ khác. Mỗi miếng vải vá, nhà sư xem như là một điều luật, một câu pháp, một bài kinh. Mặc nó vào tâm hồn yên vui thơ thới, nhờ thanh bần đơn giản mới sống mãi lâu đời, tâm hồn sẽ được giàu sang vô tận.

Áo ấy trời người khó mặc, mặc mà hành không đúng ắt phải họa tai. Áo vá ngăn ranh như ruộng đất, lý nghĩa nó là ruộng phước cho chúng sanh, hễ ai tìm gặp là mau nên lựa giống đặt gieo trồng. Áo ấy cũng gọi là y; y nguyên chơn thật cội nguồn không sửa đổi; y như hồi xưa ông già, trẻ nhỏ, kẻ chết, cổ nhân; y như người rảnh rang không vọng động, cũng gọi là đúng y chơn lý, y như luật tiến hóa. Mặc nó vào, cuộc đời đã định, muôn kiếp chẳng đổi dời, bao giờ cũng vẫn y nhiên như nguyên. Áo vá mà lành, có nghĩa là pháp thiện lành, gom cả chúng sanh khắp nơi chung hiệp, kết liền làm một cái thể lành để che thân tạm mà nuôi tâm trí. Ấy là giáo lý chúng sanh chung, bình đẳng hiệp hòa, trọn lành kín đáo, chẳng để rách thiếu, trống hở trần tâm. Cũng gọi là áo chơn như không vọng động, cũng gọi áo lành không rách, là thiện lành sống chung không ác hung chia rẽ, cũng là áo giải thoát khổ, hay gọi giáo lý yên vui. Cái y mặc mặc, vắng lặng y như võ trụ.

Còn cái bát là thể của bát chánh đạo. Đạo bát chánh ví như bầu đựng cơm, đạo như bầu võ trụ, tâm chúng sanh như cơm đồ ăn chứa mang vào trong đó.

Bầu đạo đức để rộng chứa quần sanh, hay là lòng từ bi của chư Phật hằng ôm giữ. Khi xưa đức Phật Thích-ca liệng bát xuống sông Ni-liên, bát nổi trôi ngược một khoảng xa, rồi chìm xuống đụng khua cùng bát chư Phật quá khứ, kêu nghe rổn rảng. Có nghĩa là Ngài thả đạo Ngài xuống chốn sông mê, nổi lên trên cao ráo, trôi ngược trào lưu, qua trên bốn chục năm đi dạy đạo, Ngài mới đứng lại, và Ngài ngưng nghỉ vào Niết-bàn, hiệp cùng chư Phật quá khứ thì tiếng đạo lại vang dội lan tràn, khắp nơi túa rộng.

Chính đạo Phật là đạo bát chánh, là đạo Khất sĩ mới có bát y, là con đường đến Niết-bàn kêu là đại đạo, đường đi ngay thẳng chỗ chứa tâm người. Trong trần thế này chỉ có đạo ăn xin là đến nơi rốt ráo, là con đàng đi tắt mau đến chỗ thành công. Dầu là hạng bậc nào, mục đích gì, mà kẻ thật hành kiên tâm trì chí, nhẫn nhục khổ công, xin ăn khó nhọc lúc buổi ban đầu thì đến sau cũng sẽ được thành công đắc đạo, hưởng quả trên người. Vì càng khổ nhọc sẽ là càng vui sướng, làm trước hưởng sau, nhơn quả vốn không sai chạy. Vậy thì những ai:

Muốn làm vua, trước cũng phải đi xin ăn, dồi đức.

Muốn làm quan, trước cũng phải đi xin ăn, học hành.

Muốn được giàu sang, trước cũng phải đi xin ăn, tu phước.

Muốn học sĩ nông công thương, trước cũng phải đi xin ăn đặng trau tài.

Trong đời hạng bậc nào trước chẳng có đi xin ăn khổ nhọc thì ngày sau khó được nên công phú quý. Đó là đi xin ăn nhịn chịu thiệt thòi một lúc để tích trữ phước dư, đặng ngày sau ngồi không an hưởng, mà còn phải đi xin thay. Huống hồ giáo lý y bát, Niết-bàn, là sự không tiêu xài phước đức, mãi tích trữ thêm hoài, không lấy bớt, mười phần thêm chỉ hưởng bớt ra ba, còn bao nhiêu chia sớt bố thí lại cho chúng sanh, kết duyên làm quyến thuộc cho thêm sanh lời nảy nở. Tự mình đi xin mãi mãi, vật chất miễn đủ dùng nuôi thân mỗi ngày, còn tinh thần công dư vạn bội, hưởng sự hạnh phúc nơi thân tâm trí bền bỉ, há chẳng đáng quý hay sao? Vậy ta nên nhớ rằng muốn không công mà trông mong thọ hưởng mãi là nguồn gốc của sự thất bại.

Bởi vậy cho nên, những ai khi đã bước chân vào đường y bát, dầu thiếu trí huệ ở Niết-bàn thì cũng được hưởng phước lạc của thiên đường, bằng không được thiền định, chỉ có điều trì giới thì cũng được làm bậc người trên trước. Nhờ sự giữ giới của y bát mà tránh khỏi địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, a-tu-la, bốn đường ác đạo. Như vậy là oai lực của y bát rất thần thông, mạnh mẽ linh diệu đó. Giáo lý y bát không còn có nương theo văn tự, lời nói việc làm. Người Khất sĩ chỉ có ba pháp tu học vắn tắt là Giới, Định, Huệ. Bởi giữ giới y bát là giải thoát mọi điều trói buộc phiền não ô nhiễm rồi, nên hằng được thong thả rảnh rang ở trong cái thật, cái không xao động, chỉ còn có nhập định và tham thiền, tức là vừa tìm học trong trí não, vừa để tâm yên lặng đứng ngừng, gọi là tâm nghỉ ngơi và trí làm việc, khỏe làm, mệt nghỉ. Khi trí làm thì năng sanh huệ, lúc tâm nghỉ thì phát thần thông. Cho nên quả linh và đạo lý tiến triển nhiệm mầu, mà người Khất sĩ thì không có phút nào gọi là lêu lổng. Nhưng đối với sự làm việc định huệ ấy, không có tướng hình chi cả, nên xem bề ngoài như kẻ ở không. Vậy thế thì giới luật là y bát, là Khất sĩ. Khất sĩ là định huệ. Nếu Khất sĩ không có tu về định huệ, dầu mà có trì giới không đi nữa cũng chưa gọi được trọn là Khất sĩ, vì chữ sĩ đây là sự học đạo lý với quả linh bằng pháp tu định huệ. Tu tức là học, hay học tức là tu, bởi tại hành mà dạy sanh ra học. Tu học định huệ là do giới y bát Khất sĩ. Như vậy là trong tiếng Khất sĩ đủ gồm cả giới định huệ. Có giới hạnh mới được làm Khất sĩ, nên trước khi vào đạo cũng phải học giới và tu tập cho thuộc nhuần. Chỉ có giới luật là bằng văn tự, bằng sự học nơi bề ngoài tiếng tăm hình sắc mà thôi. Bởi vậy cho nên từ xưa đệ tử Phật quá đông, lắm kẻ không hay gặp nghe giảng dạy, chỉ được có điều giữ giới, hành theo tứ y pháp của y bát, sống thanh khiết về ăn mặc ở bịnh, như vậy là được ở trong cảnh thật rồi; lần hồi suy nghiệm tìm hiểu nơi giáo lý của mình, và mãi lo tịnh dưỡng an nhiên, nên lâu ngày cũng đắc đạo, chứng quả A-la-hán như Phật được.

Thế cho nên lời Phật dạy rằng: trong giới có chứa sẵn định huệ đạo quả rồi, trong luật có chứa sẵn kinh luận rồi, như vậy thì quả linh và đạo lý đã là có sẵn trong y bát đó rồi, dầu Phật không nói ra, chớ kẻ nào hành y và chú

tâm nhận xét thì sẽ được học ngay, cũng cầm bằng như là đã được ngồi gần bên Phật, và được hiểu cả tâm trí của Phật. Như thế nghĩa là bao nhiêu giáo lý pháp bảo kho tàng của võ trụ đều đã để sẵn trong y bát, trong hai tiếng Khất sĩ cả rồi. Kẻ nào sáng trí, định tâm bươi ra là dùng xài mãi mãi, khỏi đợi phải ai truyền dạy. Điều ấy để chỉ rằng: Kẻ nào giữ y bát theo giới luật lâu đời mà không thối chuyển thì sẽ lần hồi đắc đạo. Nhưng lại dễ gì mà không thối chuyển sa ngã, nếu kẻ ăn cơm chẳng biết mùi vị, vậy nên chỉ có người nào có trí biết phân biệt miếng ăn của mình thì mới được yên tâm sống mãi, lớn lần kết quả.

Có y bát không chưa đủ, vì nếu ta đang chen lấn nơi chỗ yêu ma náo nhiệt, thì tránh sao cho khỏi bị người cướp giựt, hoặc rớt bể rách tan. Bằng muốn bảo tồn y bát là phải cần giữ gìn giới luật, có giới luật ngăn ranh ủng hộ ta mới được yên tịnh tự do mà học hành tinh tấn. Ấy vậy giới luật là y bát chơn truyền. Kẻ nào giữ được mười giới là sẽ được tập sự đắp y ôm bát. Nhờ có được y bát mới đến thẳng đường chơn lẽ thật để sống đời, an hưởng nơi cõi tự nhiên của tinh thần bất diệt, được ở cảnh vui tột cao siêu chơn phước. Thế nên những ai muốn được y bát thì phải tập học giữ gìn giới hạnh, có đủ giới hạnh mới được thọ trao giới luật y bát, và cần phải nhờ thầy chỉ dạy thêm cho trúng cách tu theo định huệ, sau lại mới sẽ tự mình đi tới, đi tới chỗ ý muốn của tự mình.

CÓ NHỮNG NGƯỜI TU MÀ KHÔNG CẦN ĐẮP Y MANG BÁT ĐƯỢC CHĂNG?

- Tu học lớp nào lại không được, miễn là cho vừa với trình độ chí hướng tạm thời, nhưng đối với quả giác của Phật thì ngoài cách y bát ra không thể đắc đạo được. Cũng có lắm cách tu luyện công phu, đắc thần thông quả linh làm tiên trời, nhưng vì ở một chỗ thì không toàn giác được. Vậy nên tùy theo sở chấp, kẻ thì thích tu học giới để phát định huệ, kẻ thì tu học định để phát giới huệ, kẻ thì tu học huệ để phát định giới. Sở chấp nào buổi đầu cũng được cả, nhưng khi đến đủ cả ba rồi, thì ai ai cũng y bát ta bà như nhau. Còn kẻ nào đi ngay giới định huệ đều đủ một lượt thì y bát phải có mới được. Nếu

kẻ tu không y bát thì dầu cao giỏi bậc gì cũng không thành Phật, không thể gọi Phật. Bởi đạo Phật là trung đạo, vừa vừa, chớ không cao thái quá như bậc trời vô sắc. Chính sự hay giỏi của thái quá bất cập là nguyên nhân khổ, bởi không thường. Cho nên đạo Phật ở mực trung mà gọi là đạo chơn thường giác ngộ, đạo của võ trụ càn khôn, đạo của chúng sanh người trí. Vả lại giới định huệ là chân mình đầu của một thân hình cái sống, thiếu một là chưa đủ, nên dầu ai có chấp trước đoạn nào, chớ sau rồi cũng nhìn ra cả thể như nhau. Cho nên gọi rằng: Đạo y bát giác ngộ của giới định huệ là đạo của tất cả, kêu là rún đạo, đạo cái, ai ai có đi quanh quẩn đâu đâu rồi cũng đến đó mà thôi.

- Làm sao cho hiểu được mùi vị y bát, cho kẻ trước khi vào đạo?

- Hãy nghiên cứu Võ trụ quan, Ngũ uẩn, Lục căn, Thập nhị nhơn duyên, Bát chánh đạo, Có và Không, Sanh và Tử, Nam và Nữ, Chánh đẳng Chánh giác, Công lý võ trụ. Có nghiên cứu mười quyển sách chơn lý ấy trước đã thì tất hiểu đạo, sau đó hãy hiểu Chơn lý: Khất sĩ, Y bát chơn truyền, Luật Khất sĩ, Giới bổn, Ăn chay, Nhập định, v.v...

- Có người lại nói tự mình làm ăn lo tu cho mình là quý hơn phải chăng? Có người lại nói tu là tốt mà phải tự nuôi sống, chớ sao lại bắt người nuôi?

- Nói vậy mới nghe qua cũng cho là được, bằng xét kỹ là sái lắm, nào có ai thật hành theo lời nói đó trong đời? Nếu tự mình làm ăn thì tập thêm tham sân si dốt nát, độc ác khổ hại, chớ có học tu được cái chi mà gọi là quý. Cái quý là không có độc, độc là riêng một mình. Câu nói đó tham lam nhỏ hẹp, ích kỷ, bỏn xẻn, vô đạo, biếng nhác, sợ hao công, không muốn sống chung với ai, và không muốn cho ai nhờ cậy chi mình. Câu nói đó của kẻ sái quấy nói lời cùng túng ém lỗi vào trong, cũng vì lời nói đó lan rộng mới có cõi ma đói nơi kia. Vả lại, trong đời chúng sanh đang sống chung cho nhau, ta đang nhờ nơi tất cả, nào có ai lo cho mình được mà không phải nhờ nơi kẻ khác, hoặc tài hay là pháp bố thí cho nhau, sao ai lại nói là mình tự làm, nuôi lấy, chẳng là dối? Chính một kẻ kia đang bắt cỏ cây thú người đất nước lửa gió nuôi mình đó, sao lại quên đi, còn giáo lý Phật trời ai đang ăn dùng đó, sao mãi nói tội lỗi, vong ân tự đắc được!

Còn như nói phải tự nuôi sống chớ sao lại bắt người nuôi, nói như thế là phải cho sự hiểu lầm nói càng, chớ đâu có ai được như vậy. Kìa ông vua có đi cày cấy đâu, vị quan có đi nhổ mạ đâu, người giàu sang có đi giã gạo đâu, kẻ quân sĩ có đi phát cỏ gặt hái đâu, người công, người thương có đi gieo mạ đâu...

Vậy ta nên biết rằng: Lẽ sống chung tiến hóa trong võ trụ, chúng sanh vạn vật và các pháp đều sống cho nhau, trao đổi cho nhau, hoặc tài thí, hoặc pháp thí, kẻ giúp cho linh hồn, người giùm cho xác thịt, đó là đạo phận của tất cả, chớ nào có ai mà sống cho mình được.

Lại nữa, Khất sĩ là kẻ thi hành pháp thí, ban bố tinh thần, tạo sự sống linh hồn cho muôn loại, là người đạo đức hiền lương, nết hạnh, quí giá cho đời biết mấy, gương đức hạnh, dạy đạo lý, chẳng kể công đòi lương, mà cơm dư ai hảo tâm đem cho thì ăn, chớ không ép buộc rầy rà. Khất sĩ hy sinh chịu sống cực thân, để lo tô đắp nền đạo cho thế gian, trang sức hạnh phúc cho cõi đời. Loài người mà có lòng nhơn, đang biết lẽ phải để sống đó là do từ đâu? Chén cơm áo mặc của người đang có kia há chẳng phải là do ảnh hưởng của đạo đức sao? Vua quan đâu có ví với các nhà sư? Thế sao có người lại đi nói quấy, không kiêng gì luật pháp là đạo đức đang tôn kính trong đời.

- Những người tu Phật mà không y bát có hại gì không?

- Nếu không có y bát hay là y bát có mà không dùng thì gọi là bậc trời người đang tập học, nhìn xem Phật, chớ chưa gọi đúng là người đã tu theo như Phật. Vì, định huệ có là do giới, giới là y bát giáo lý Khất sĩ. Nếu không y bát thì đâu có giới cõi Phật, bằng mà giới của người chế ra vầy khác thì gọi đó là giới của trời người thôi. Lại như quả A-la-hán là Ứng Cúng, tiếng Ứng Cúng chỉ có nơi người Khất sĩ, chớ đâu có cho kẻ ở nhà. Nếu không có y bát thì đi xin không được, đâu có ai cho, đâu ra vẻ người Khất sĩ. Bằng kẻ đi xin mà có đồ vật, ắt phải bị mang tù rạc, chúng oán ghét vu phao ngờ vực. Và nếu có đồ đạc thì nào được đi xin để đi các nơi gieo nhơn lành khắp cùng thiên hạ. Vả lại một người mặc quần áo thì phải hai cái thay đổi, cái đang mặc, cái cất giữ, giấc ngủ phải nhớ lo, và nếu vải nguyên tốt thì còn bị cắp trộm, lại e chúng giết hại thân mạng, như vậy thì làm sao cho có được định huệ mà gọi

là tu học giống như Phật để thành Phật; còn kẻ không quần áo thì cũng không tiện việc tu học. Đến như chén bát mà có nhiều là tư bổn, gốc khổ bị hại, bằng không ngơ lại bối rối cũng lo âu phiền não (mà việc thế lại rách bể hư, bịnh, lo mãi có rồi đâu). Vậy nên giáo lý của y bát là trung đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng không hai, tức là đạo giải thoát toàn giác. Nếu không có dùng y bát thì chẳng dứt được cái khổ của ăn mặc. Và có y bát mới ra Khất sĩ mà giải thoát luôn chỗ ở, thuốc men thì đời sống tinh thần mới được hoàn toàn cứu cánh, sự chết khổ mới sẽ dứt hết.

CHƠN LÝ 13

ĂN CHAY

Ăn chay theo chữ Hán gọi là thực trai, đây có nghĩa là miếng ăn trong sạch vậy.

Như theo tiếng nói: Người con trai, cây trai, hột ngọc trai. Trai nghĩa là tinh khiết trong sạch, chẳng dính dơ. Bởi tiếng "TRAI" nói trại giọng thành "CHAY".

Ăn chay là trong sạch với miếng ăn, không tham ăn, không vọng ăn, không cố chấp kén chọn miếng ăn, tâm không nhơ bẩn vì miếng ăn, không để miếng ăn bôi trây tâm hồn nhơ bẩn. Cái lưỡi không thích vị ngon gọi là thiệt căn thanh tịnh, không ô nhiễm vị trần. Vị trần miếng ngon làm cho tâm trí bị bó hẹp, dơ dáy, xấu xa, đen tối, trở nên ác tà, cho nên gọi vị ngon là bùn bụi. Mà kẻ nào đã biết mình học tu, muốn tấn hóa và giải thoát phiền não, phải xem món ngon là thường rẻ, hạ nó xuống hai bên và dưới chân của tấm lòng thì mới mong làm nên công nghiệp, hoặc học hành đắc đạo quả được.

Con trẻ hay ham miếng mồi ngon, thú cỏ cây vì miếng ăn ngon mà phải chết khổ, nơi loài người nếu vì miếng ăn thì ắt phải lộn gan lên đầu. Con người mà nếu miếng ăn không rồi, không xong thì có nên được sự việc gì đâu. Vẫn hay rằng, miếng ăn là chủ mạng sống, nhưng nếu kẻ nào bị nó bao phủ trọn đời ra không khỏi thì có khác nào là bị nhốt trói hành phạt trong địa ngục a-tỳ, cất đầu lên sao cho được! Miếng ăn vật chất là bà mẹ hiền của

chúng sanh, mà nó cũng là nấm mộ chôn giết chúng sanh. Nếu kẻ nào đã lớn khôn rồi mà chưa chịu đứng đi, rời xa bỏ nó, cho nên tội của miếng ăn là ác, vì nó mà lắm kẻ phải chết với nhau. Biết dùng nó thì cứu được mạng ta lúc đầu, mà khi không biết dùng thì nó sẽ giết hại cả thân tâm trí ta về sau, tùy nơi người sử dụng.

Miếng ăn là vật chất trong tứ đại, là bà mẹ sanh ra tất cả, và rồi ăn hại trở lại tất cả, cũng như một bà mẹ khi mới sanh ra một đứa con là thiện tốt, nhưng lúc trở về già thì bắt đứa con nuôi lại, do đó đứa con sẽ trở nên tội ác, gian tà, để lo cho bà mẹ trả lại, mà thân tâm trí của nó phải chết khổ điên cuồng. Vì vậy nên gọi rằng bà mẹ thiện lúc đầu, ác lúc về sau. Rốt lại cả hai đều chết không, tất cả chẳng có nên tuồng trò, sự lợi ích gì cho ai được nhờ. Cũng như cỏ cây sanh nơi đất, rồi chết trở về thành đất, tiêu hình, vô dụng. Cũng như miếng ăn nuôi sống mà người lại đứng ngồi nằm một chỗ để cung phụng lại cho miếng ăn mà đền ơn, giống như là khi chết rồi thì xác thân rã làm phân nước, để sanh ra miếng ăn trả lại. Cũng như quỉ mẫu sát tử là quỉ mẹ sanh con, sanh ra rồi được bao nhiêu là ăn hết trở lại, nên không bao giờ có được nối hậu về sau, ích lợi cho ai chi cả. Cũng như lắm kẻ hiểu lầm chữ hiếu là lòng tốt, mà cha mẹ khi đã già, con lại níu kéo trở lại hành phạt không cho cha mẹ tấn hóa bước lên, lấy nể thương yêu luyến ái mà bắt ở lại, đặng cung cấp miếng ăn bù đắp cho đến ngày chết, thì đứa con cũng đã hư già, đã vô dụng cho chúng sanh không ai nhờ được, lại còn chiều theo miệng lưỡi của cha mẹ già, mà đứa con không tội ác nào, không điều tà quấy nào lại chẳng dám làm. Nó đã gian ác hại đời mà còn lắm khi chết khổ thân mạng, tâm trí hoại hư, thật là đáng tiếc. Đó là sự cho vay trả nợ, thuyết đi ngược với chơn lý võ trụ, mà lắm kẻ làm cha mẹ bắt buộc hỏi đòi, còn lắm người con cháu vô minh, tự gán cho mình cái trách nhiệm to là phải lo đền đáp, cho đúng câu thi ân cầu báo, và mượn của thì phải trả lời, xẩn bẩn vì nhau, không rồi xong chi hết, mãi mãi chỉ ở trong cái ác, cái tham, cái ăn. Xem coi miếng ăn làm trọng, mà nào ai có hiểu đâu, lẽ thật của đời là đi tới tiến hóa, bỏ thấp lên cao, bỏ cũ lấy mới, thi ân bất cầu báo, nuôi con tức đền ơn cha mẹ, dạy chúng sanh mới là đền ơn tứ đại, mà kẻ cha mẹ già phải lo

đi tu học để làm Trời Phật, cao khỏi lớp người, không nhận lấy sự trả ơn vô lý không rồi của trẻ con. Còn mình thì mang công ơn của đất nước lửa gió cỏ cây thú người Trời Phật mà trái lại không lo đền đáp, chẳng ai kể ơn với ta mà ta lại đòi ơn kẻ khác sái với lẽ chung, chung sống cho nhau, và lại khư khư chắp riêng tình nghĩa nơi một người mà vong ân bất tín cùng muôn họ, chẳng là trái ngược, bất hiếu, tội ác lắm ru!

Đành rằng cỏ cây thú không có trí, hoặc chẳng biết đi tránh khỏi, chớ với trí hóa hành vi nơi nhơn loại, há đi lại ở đó mà chịu trận hay sao? Than ôi! Thật là dốt nát, thật là tội ác, thật là lụn bại biết bao nhiêu! Đáng thương cho người đời vì lắm sự không rồi mà mãi lo đeo đuổi, lắm sự thất bại mà mãi làm hoài, lắm sự đi ngược mà không chịu bỏ, lắm sự ác mà mãi không chừa, đã biết chết khổ vô ích mà mãi lũi lầm không hề lui lại, những kẻ ấy mãi đi theo lòng kiêu căng hợm hĩnh mà nào có chịu phân biệt sự thiện ác chi chi, hay cũng là lẽ xuôi thuận, hoặc khổ ngược nghịch, nên hư, phải quấy.

Cái lưỡi đối với vị trần, miếng ăn không chưa đủ; người mà muốn bước lên Trời Phật thì sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của nơi người phải cho trong sạch, chớ cho lục trần: sắc, tiếng, mùi, vị, xúc và các pháp thâm nhiễm, phải bỏ ra cái tốt và đừng ham cái xấu, đặng đừng cho sáu thức biết sanh ra dục vọng thì mới được yên vui tinh tấn học tu mà làm người Hiền Thánh, như kẻ học trò khó mới nên công.

Vậy nên Phật dạy chư Tăng hiền sĩ phải giữ gìn sáu căn trong sạch, nơi đó phải giải thoát tránh xa điều phiền não của sự ăn mặc ở bịnh để định tâm lo học, rảnh trí lo tu. Thế nên, đối với chư Khất sĩ là bậc đã giải thoát xuất gia, đem mình bước tới cõi Phật, hằng giữ gìn miếng ăn từ chút, chẳng cho vì nó mà phải bận tâm như trẻ nhỏ, đặng để thì giờ quán xét việc chúng sanh, tìm pháp lý mở mang trí huệ, giải cứu cho người đời. Nên sự ăn chay trong sạch của các Ngài là ngày ăn một bữa ngọ trưa, có chi ăn nấy, món ăn bằng rau trái, ăn trộn lộn xộn chẳng phân mùi vị, đi xin ăn để tránh sự nấu nướng vọng tâm. Đem pháp thí cho người, xin đổi lại miếng ăn nuôi mạng sống, tự người hảo tâm biết ơn mà dâng cho, chẳng hề đòi hỏi ép buộc; sáng,

chiều, đêm, khuya lòng không nhớ tưởng, chẳng dạ lo cất để dành. Vì vậy, nên mới gọi là ăn chay, ăn trong sạch, là miếng ăn của người Khất sĩ. Hay cũng gọi bậc Khất sĩ là đã chết hẳn với miếng ăn, xem coi miếng ăn như chai cứng, chết rồi ngắt chẳng đau, là như vật bỏ, chẳng cất dành quý trọng tôn sùng nuôi nấng nó, và không khổ lụy để bảo tồn nó nữa.

Tiếng ăn chay là sự ăn trong sạch, khó mà kêu gọi nơi người cư sĩ, vì người cư sĩ là còn đang ở trong tứ sự ăn mặc ở bịnh, nhốt trói hành phạt. Ngày ăn hai bữa gọi là ăn nung hậu, ăn để nung dồi cho ngày sau có sức mạnh. Một bữa ăn mà có nhiều món đủ vị gọi là tố thực, là sự ăn kiểu cách tìm ngon. Hai cách ăn ấy trong tâm chưa được trong sạch yên lặng đặng.

Còn như ăn thịt người, thịt thú, giết cây to để ăn, thì phải bị oan trái oán thù, mang ác quả, gọi là miếng ăn độc ác. Vậy nên ăn để sống, chớ không phải sống để mà ăn, thì phải nên ăn một bữa, một món đồ ăn cho dễ nuốt tạm thôi, bằng có nhiều thứ thì nên trộn lộn xộn cho bán mùi vị, mà khi ăn thì múc chi ăn nấy không cần lựa chọn, miễn cho no bụng mựa chớ khen chê. Đó là nói về người ở nơi làng xóm thị thành, khi đã bị quen bao tử vì miếng ăn tập lần từ thuở nhỏ. Cùng là bậc Khất sĩ khi đi vào xóm để hóa độ người thì ai có dâng chi độ nấy, chớ như lúc ở vườn, rừng theo cổ nhân xưa, rau trái sẵn có, ăn lấy đó đủ no lòng, tìm nấu nướng cơm ngon chi cho lắm chuyện!

Người Khất sĩ ai có dâng chi độ nấy, là dâng món ăn bằng rau trái, đồ vật bỏ của cây và rau cỏ chớ chẳng phải bằng thịt máu da xương của thú người, loài đi chạy, cùng là sự giết hại cây to phá chỗ thọ thần. Cư sĩ thì không giết người và thú lớn, chớ Khất sĩ bậc thầy cấm luôn sự giết thú nhỏ và cây to, cho đến Phật thì không bao giờ giết cỏ hay bươi đất, vì đó là sự bất công bình, lợi kỷ tổn nhơn, sanh ra nhơn quả khổ và xao xuyến cắn rứt lương tâm, tánh ác sẽ được nuôi sống, lớn sanh thành độc. Cũng có người gọi là chay lạt đạm bạc thô sơ, nghĩa là sự thờ ơ lãnh đạm, lạt lẽo với miếng ngon vị ngọt, là kẻ chẳng cần màng quý trọng miếng ăn, mà chẳng chịu cụng ly, khua chén, so đũa với người đời giữa nơi yến tiệc.

Ấy vậy tiếng chay lạt là sự trong sạch hiền lành để trau tâm, hay cũng vì tâm đã hiền lành trong sạch mà phải ăn như vậy, chớ không thể ăn sống cho mình bằng cách ác hung cấu trược được; nên gọi rằng miếng ăn của tâm chay, hay miếng ăn chay là của tâm trong sạch hiền lành vậy.

Chính nhờ giữ gìn miếng ăn có giới luật đó, mà các sư được phát định huệ, dễ dàng đạt quả yên vui; nhờ thắng được miếng ăn mà làm người lớn ông già, trượng phu quân tử, và không bị sự oán thù vay trả, quả báo ác nghiệp phạt hành, thì con người mới tự chủ được.

Có kẻ lại nói: Phật Trời xưa kia còn ăn dùng tam tịnh nhục, huống hồ mình là chúng sanh, tha hồ ăn chi để sống, món ăn nào bổ là cứ dùng. Than ôi! Chính vì câu nói đó mà cõi đời ngày sau này mới trở nên rừng rậm, người ăn người, thú ăn thú, người ăn thú, thú ăn người, giết hại lẫn nhau, tàn ác bạo ngược. Nếu chúng ta hôm nay đã được gọi tiếng người là lòng nhơn, không hay sát hại, thì người là kẻ không tự mình sát hại, không xúi người sát hại, không nỡ thấy sự sát hại của kẻ khác mà vui lòng, như vậy há lại đi ăn thịt uống huyết được hay sao?

Vả chăng tam tịnh nhục là thứ thịt trong sạch ba điều: một là mắt không thấy sự giết, hai là không nghe tiếng kêu la của sự giết, ba là không nghi người giết mạng ấy để thiết đãi mình. Tam tịnh nhục là miếng ăn của kẻ ác, miếng ăn của trẻ con, miếng ăn của người chưa trọn thiện, chưa được lớn tâm mở trí, ấy là lời Phật dạy cho kẻ úy tử tham sanh, tham ngon sướng miệng, giảm bớt ác, tập lần lẽ phải đó thôi; chớ tam tịnh nhục là miếng thịt thây ma bỏ hoang sình thúi, ai mà ăn cho được? Tam tịnh nhục là thịt của người ta, hay là thịt của thú vật, tự họ chết bỏ, không có ai giết hại, ta bằng nhịn thèm không đặng, mới phải lượm xin ăn. Tuy ăn thịt thú người, tự họ chết bỏ ấy mà không có sự thù oán cướp giựt, vay trả quả báo hành phạt, không có sự quá ác như loài thú, cỏ cây giết hại kẻ đang sống với nhau, mà ăn tươi nuốt sống đồng loại. Tam tịnh nhục không phải là miếng thịt ai làm sẵn ta ăn, vì một khi ta thấy miếng thịt thì lương tri ta đã nhận ra biết là miếng thịt của kẻ bị giết hay là tự nó bịnh chết rồi. Mà nào miếng thịt bịnh chết, thây ma sình thúi, ai có đem bán hoặc ăn bao giờ? Còn nếu biết

sự giết chết của chúng sanh mà ta ăn thì phạm tội sát sanh rồi. Nếu vì ta ăn mà kẻ kia mới giết thì tội ác ấy thuộc về phần ta, và linh hồn kẻ chết sẽ oán thù ta, chớ không giận người giết. Nếu ta nỡ ăn miếng thịt đó tức là tâm ta đã ác, đã nhẫn tâm tàn bạo! Nào ai đã ăn miếng thịt mà chẳng biết đến sự thấy giết, nghe tiếng kêu la bồi hồi, vì miếng ăn của mình đây mà mạng kia phải chết, hoặc bằng cách trực tiếp hay gián tiếp. Huống hồ là sự xúi người giết hay thấy kẻ giết mà sao lại vui lòng? Vậy nên chỉ có tâm ác mới ăn được miếng thịt, hay là ăn thịt mới là tâm ác. Mà nếu kẻ ác như vậy thì còn ai dám gần gũi nương dựa và tin cậy. Thế sao có kẻ lại dám nói Phật Trời nào như vậy, mà hòng dạy ai theo! Dầu sách kinh nào viết như vậy, hay ông Hiền Thánh nào dám nói như vậy, thì thử hỏi có ai dám tin nghe, rằng miếng ăn ấy là thiện chớ không ác, mà ăn thịt chúng sanh cha mẹ là thiện chỗ nào?

Nếu loài người chúng ta có trí và biết phân biệt sự thiện ác là cần, thì nên xét rằng: lòng nhơn là không có sát sanh tội ác và không bao giờ nỡ ăn thịt xương huyết nhục cho đành, mà gọi là tiếng nhơn người được. Còn Phật Trời thiện huệ cao trên nhơn loại, sao có kẻ lại dám ố ngạo, đặt lời thêu dệt rằng: Phật Trời tham ăn xấu tệ, bất phải, chẳng công bình như vậy chẳng là vì sự bào chữa miếng ăn huyết nhục, ngon sướng cho lưỡi miệng mà đành lòng phỉ báng, phá hại đạo giáo của Phật Trời để tự mình dễ bề ăn tươi nuốt sống thiên hạ, bày xúi sự loạn ly!

Sự cho ăn dùng thịt thúi ấy là nới rộng luật răn cho kẻ bịnh yếu cũng là sái quấy lắm rồi, chớ Phật Tăng há đi dùng thịt thây ma ấy lại gọi ăn mà chẳng biết mùi vị, cùng là tự bá tánh cúng dâng. Nào có ai ăn mà không biết mùi vị? Nào có ai ăn mà không biết món đó là món gì? Sự không chấp miếng ăn, nghĩa là ngon dở ít nhiều gì cũng được, chẳng đòi hỏi kêu nài miễn no bụng là thôi, chớ mùi vị có đâu lại chẳng biết?

Như nói tùy nơi bá tánh cúng dâng, tội nơi bá tánh chịu. Nếu nói như vậy thì bá tánh cúng thí đó để cầu quả báo, cầu tội phạt hay sao? Còn bá tánh muốn cầu phước mà làm tội ác gây quả báo, là bá tánh hiểu lầm sao Phật Tăng không chịu dạy, làm thinh hay ém tội để mong ăn, chẳng là Phật Tăng

tội lỗi lắm, là kẻ ác lắm. Còn bá tánh cúng như thế để phải tốn hao tiền của mà còn phạm giới sát sanh là tội thứ nhứt, thì là ác tín chớ đâu phải thiện nhơn? Bằng như sợ Phật Tăng nhịn thèm mà lo lót riêng thì ra là phe đảng dối trá cả! Vậy chúng ta hãy chỉ biết tin rằng, Phật Trời là thiện huệ, chơn như, lời nói việc làm ý niệm của các Ngài bao giờ cũng đúng đắn trọn lành mà chớ nghi nan ngờ vực bậy, rất có lỗi!

Vả lại, ăn cắp quen tay, ăn thịt quen mồm, ngủ ngày quen mắt, thì từ giết thú nhỏ, tập lần giết thú lớn, quen tay mắt, giết đến người ta và đi làm giặc, là sự ác từ nhỏ đến lớn. Miếng ăn cũng vậy, xưa kia cổ nhân đã bài trừ sự ăn thịt người, mà nay có lẽ nào chúng ta lại đi tập lần ăn thú, để cho quen tay miệng mà ăn đến thịt người ta hay sao? Vậy nên chúng ta ai muốn làm nhơn người hoàn toàn thì chớ giết người, giết thú ăn thịt, tránh ác từ nhỏ đến lớn, mới gọi là kẻ có học tu mà xin tha mạng chúng, để cho chữ nhơn người không thiếu kém, không phải là vô nhơn, bất nhơn, phi nhơn, bỏ đạo dấy loạn hại đời.

Đối với chúng sanh, dầu cỏ, cây, thú, người, Trời chẳng hạn, chư Phật Thánh lo đi cứu độ, ta nỡ lòng nào lại đi giết hại hay sao? Chúng sanh kẻ tấn hóa sau ta là con cháu em trò, ta sanh trước đi trên bổn phận là phải lo tế độ, chớ sao đành giết hại, anh giết em chẳng là sái luật đạo của bà mẹ lành chung là võ trụ lắm ru? Và biết đâu cha mẹ thí chủ muôn đời của ta vì nghiệp tội, bởi nuôi ta mà làm ác, mới phải bị luật trả vay, mang lông da thú, ta ăn thịt thú là ăn thịt mẹ cha, chẳng là vong ơn bội nghĩa bất hiếu hay sao? Theo lẽ tiến hóa, tứ đại sanh cỏ, cỏ thành cây, cây năng sanh thú, thú tiến làm người, thì thú là mẹ của người, cổ nhân quê mùa ở nơi lùm bụi xưa, chẳng là ông bà tổ tiên của chúng ta trong ngày hôm nay? Nên xét đến cội nguồn ấy, và xét lại chúng ta hôm nay thân người, chớ trước kia cũng là thú, may mắn được sống sót còn đây, thì lẽ nào chẳng vì chỗ sống sót của mình mà chẳng phát nẩy từ tâm, thương xót muôn loài, mau lo đi cứu vớt, chớ có đâu giết hại cho đành?

Vẫn hay rằng đất sanh cỏ, cỏ ăn đất. Cỏ sanh cây, cây ăn cỏ. Cây sanh thú, thú ăn cây. Thú sanh người, người ăn thú. Mẹ sanh con, con ăn mẹ...

là lẽ phải cho con nít, với thú, cỏ cây. Lúc đầu chẳng ăn mẹ thì biết nhờ lấy đâu mà sống, chúng ta không thể buộc tội kẻ ở một chỗ nhỏ nhít ấy. Chớ còn chúng ta hôm nay đã có trí lớn khôn, hẳn là trái ngược nào ai dám gọi ta: con nít, thú, cỏ, cây đâu? Nếu vậy chúng ta đã là học trò của Phật, Trời, Hiền, Thánh rồi tức là đã biết cách tự tìm nuôi sống, đi đứng, leo trèo thì đâu còn giết ăn máu thịt mẹ, loại thú nhỏ yếu kia? Chắc chúng ta không ai ỷ mình nhờ máu thịt mẹ nuôi cho lớn vóc, rồi trở lại gọi rằng: mạnh được yếu thua, đi bắt giết mẹ, em, thú, người ăn thịt! Và nếu phải vậy thì sự người ta xưng danh: cọp, gấu, sư tử, ngựa, voi, vịt, gà, chim, cá, dơi, chuột... cùng là bông hoa, cây, cỏ... chẳng là sự đi lộn ngược, tập làm ác thú, trơ cây, bỏ kiếp thân người uổng quá!

Đành rằng có thân thì tránh sao cho khỏi ác, và ăn chi được để sống là ăn. Nhưng chúng ta cũng phải xét rằng: Ta sống để chi? Ích lợi cho ai nhờ? Bằng là sống rối khổ và tội lỗi thì nên nhớ đến lời dạy của Thánh Hiền là thà chết trong sạch yên vui hơn là sống nhơ bẩn rối khổ. Còn bằng chúng ta tham sống sợ chết, thì cũng nên lựa lấy món ăn nào ít tội ác một chút mà ăn, chẳng là bớt rối khổ được yên vui dễ chịu.

Tại sao chư Phật, Thánh không ăn thịt thúi của thú, người? Thịt của kẻ chết bệnh tự nó bỏ, không thù oán mà chư Phật còn cho là ác không ăn. Vì nếu các Ngài ăn thịt đó, chi cho khỏi cháu con, học trò, kẻ ác đời sau lấy nể và bắt chước mà đi giết hại chúng sanh và phá hư đạo lý. Cho nên các Ngài tránh sự làm gương ác ấy, thà chịu tập lần ăn rau trái nơi cây nhỏ nhít, khác máu thịt màu da, bớt sự cảm xúc trong lương tâm hơn.

Các loại thú vật ăn rau cỏ cũng sống mạnh dạn, thì ta cũng xác thân như thú tập ăn rau trái cũng được, và để tâm trí rảnh rang làm Trời Phật thì quí quá. Chẳng hơn là xác thân trơn láng mà tâm trí giống tựa thú dữ quỉ ma, dối giả vô cùng! Cũng như trái chín muồi, da đen xấu mà thịt cơm ngon, hột cứng chắc để dành đời, quí hơn là trái non trơn láng phì mỹ bóng sắc mà thịt cơm chua chát, hột non trống rỗng, nếu sứt cuống chết đi thì còn chi là hột giống để dành ngày sau, thật đáng tiếc thương thay!

Trời Phật đối với cây cỏ rau trái còn cho là tội, không nỡ đoản mạng sanh linh, dấy lòng đen ác, nên các Ngài chẳng bao giờ ngắt hái bẻ ngang. Các Ngài không màng thân sống, không tự làm ác để nuôi thân, bởi loài người và bậc Trời quá yêu cầu Ngài nán ở dạy đạo, tự họ sắm rau trái cúng dường. Phật vì nhân duyên níu kéo không nỡ bỏ đi, không đành lòng ác lớn, mới tạm ăn để sống nán lại, ăn rau trái mà Ngài còn sợ sự ngon thơm, chẳng dám nói ra lời khen chê, và cố lãng quên mùi vị của nó, là vì e sợ chúng sanh chìu ý Ngài mà đi làm ác hung ngang bạo về sau này vậy. Đã là cái xác thân bố thí cho chúng sanh rồi, là con vật của chúng sanh nuôi để nhờ cậy dùng xài, mà Ngài còn không vui vẻ với sự ăn bất công bình ấy thay, huống hồ chúng ta có công đức gì lớn với đời lắm hay sao mà nuốt chúng sanh lớn miếng, lại khen ngon, sao đành lắm vậy? Rau trái vật bỏ, mà Phật còn cho là tội tâm ô nhiễm, chẳng dám lấy làm, chúng ta hơn gì Ngài, phước tánh có bao nhiêu mà ăn tới thịt thú, thịt người, tập làm giặc như thế?

Còn các nhà sư đang lo tu học, nhắm mắt mà ăn, vay của chúng sanh, vay ít nơi rau trái, loại chưa có đủ linh hồn thù oán, mà trong tâm vẫn thấy tội, nên chẳng dám tự lấy làm. Thế cũng còn mắc nợ, ngày sau phải đi giáo hóa đền ơn, các Ngài chẳng dám tự cao không tội, không dám ăn ngon đầy bụng thay, chúng ta lại giỏi tài hay gì, ăn thịt lại khen ngon chê dở, chiên nấu xào kho… để tập thói hung thần ác quỉ, thú dữ yêu tinh chằn quái, mặt nổi gân to, mắt lồi tròng đỏ, tóc dựng râu hoe, chân như kềm sắt, tay tợ vấu đồng, nhăn nanh bậm miệng... Nào có nghĩ đến tánh mạng mình về sau cũng y như vậy!

Than ôi! Trong đời nào ai có lúc rảnh để nghĩ xét lại coi mình là người gì? Sánh với sự hung dữ của loài thú, mình hơn hay thua sút nó? Kìa con gà mẹ cắn hột thóc, túc kêu bầy con lại nhả cho ăn, mẹ đói con no, gà ấy mới thật nhơn người xứng đáng! Gà mẹ giữ gà con, cá mẹ giữ cá con, thú lớn binh thú nhỏ, hùm dữ chẳng ăn thịt con... ấy mới thật nhơn người đã có, vì vậy mới sẽ trở nên người. Hôm nay chúng ta lên đến làm người, lẽ nào lại tập tánh không nhơn, bỏ nhơn, chẳng có nhơn để đi trở lại, mà nỡ bỏ bà con trên mặt đất, của tiếng nói việc làm, để cho bao người trông đợi kiếm tìm, còn mình thì chìm

sâu, sâu mãi chẳng quay về! Kẻ làm ác sao chẳng xét rằng: Mình còn có thấy ai và đang ở chung với ai không? Có ai thấy biết mình và ở chung với mình không? Ấy vậy cái sống của mình đây là đang ở đâu? Và là chủng loại gì? Thử tự ta đặt cho đúng tên ta theo hành vi, coi ta là ai cho biết! Lẽ nào quên mất bổn căn, trối mặc cho cái chết khổ tới đâu hay đó?

Chúng ta nên nhớ, chữ nhơn đạo là lòng nhơn, trước nhứt chớ giết hại người, đến loài thú, lần đến cây và đến cỏ, ta tập lần nhơn đạo, mà phải háo sanh. Thế nên người cư sĩ phải cần sống, là giữ giới sát sanh thứ nhứt, nuôi thân bằng thiện nghiệp, sống theo chánh mạng. Muốn không giặc giã thì đừng làm gương giết hại, đừng tập dạy trẻ con cầm dao, đừng nuôi thú nhà ăn thịt, đừng bán buôn gia súc, loại có máu thịt xương da. Vì thú giống như người, giết thú được thì lại giết người cũng được. Muốn trường thọ sống dai thì chớ khá hiếp đáp ai ai. Bằng phải giết cỏ rau không thể tránh, thì phải hằng xét tội lỗi răn lòng, tìm cách tránh tha, giảm bớt, càng được càng hay. Chớ nên đốn cây to, giết thân thọ thần, phá nhà kẻ ấy. Muốn được yên vui để sống thì phải trọn lành, lành nhiều hay hơn lành ít, mà đừng làm ác để phải rối khổ chết mau. Có cần điều chi thì hãy dùng lời nói ngon ngọt. Cũng thời cái lưỡi, nó sẽ giết mình là tại miếng ăn lời nói, hay là nó sẽ cứu giúp cho mình là do tại lời nói miếng ăn. Mà nên nhớ rằng, sự sống chết của ta đều do lỗ miệng.

Dầu phải giết một mạng nhỏ để cứu số đông to, cũng phải đừng. Mà nên tìm thế cách khác cho thiện hơn, chớ việc làm ác ấy quả báo tai hại lắm, mà lại còn đời sau thiên hạ bắt chước noi gương gieo tai hại trong đời, có tội mãi mãi không nên vậy.

Trong đời ai mà không tội từ nhỏ đến lớn, từ si ngây đến khi có trí huệ, nào có ai là Phật Thánh ở trên không rớt xuống, mà chẳng phải là ở dưới đất chun lên. Nhưng khi đã lớn khôn có trí rồi thì lẽ nào lại giữ hoài theo thói trẻ con dại dột, mà chẳng biết phân phải quấy, sửa đổi hành vi để tiến lên theo trình độ của mỗi xác thân cho kịp.

Có lắm kẻ hiểu lầm câu nói của người bợm rượu mà gọi là vật dưỡng nhơn. Phải! Câu vật dưỡng nhơn là vật chất nuôi dưỡng lòng nhơn. Cũng

như tiền của vật chất có dư đem ra bố thí, giúp đỡ kẻ khác chung quanh để nuôi lòng nhơn cho mau to lớn vậy. Lòng nhơn ấy là tinh thần, nên gọi là vật chất để nuôi tinh thần. Những ai muốn có lòng nhơn, muốn sống bằng tinh thần thì phải hạ bỏ vật chất xuống bên lòng đừng coi miếng ăn là lớn, chớ đội nó lên cao. Bởi thân người, thân thú in nhau, đều là tứ đại, hoặc may có khác là chỉ tại lòng nhơn có hay không mà thôi. Nhơn đạo không phải là gia đình hay xã hội mà là đạo tâm nhơn ái, thiện lành không sát hại. Cho nên cổ nhơn xưa chẳng dám khinh khi thú vật, vì ta tự cao là đi xuống, còn nó cố gắng là sẽ đi lên; mặc dầu nó mang thân thú, chớ tâm người Trời cũng có, và biết đâu chư Phật Thánh đang mượn thân ấy để dạy đạo mà ta dám coi rẻ hay sao? Các mạng sống nhỏ ấy ta kêu là thú vật, là bởi đời sống của nó không có trí, chẳng thấy nẻo xa gần, chỉ biết buông dâm lạc thú tìm ăn, chui nhủi trong sình lầy, chẳng phân dơ sạch. Ấy cũng vì thú vui nơi vật chất mà mất cả trí tâm. Thánh nhơn đặt gọi như thế là để khuyên răn nơi loài người ta đó. Ai muốn có chữ nhơn người thì đừng ham lạc thú trong vật chất, và cái vui thanh nhàn, vui giải thoát mới gọi là cái vui của tâm trí, lòng nhơn cao thượng.

Ấy vậy người sống bằng chánh mạng, giữ giới sát sanh tập lòng nhơn đạo, gìn lưỡi trong sạch thì miếng ăn phải thiện lành, tập lần tránh ác để dứt khổ họa tai.

Xưa cổ nhơn còn như là vật thú, ăn thịt lẫn nhau, thú ăn thú (và đến người ăn người); hôm nay chúng ta đã có trí sáng mắt khôn mà thấy đường tiến hóa, nên hãy chớ ăn người (để cho được nảy nở số đông). Và giảm lần mạng thú, tha giết loài cây luôn, nếu được thì cũng nên nhịn ăn luôn cả cỏ, bỏ luôn đất, chừa cả nước, nín thở không khí và đến không ăn. Cũng như trẻ nhỏ ăn thịt máu mẹ, lớn lên ăn thú, lớn nữa bỏ thú ăn cây, già thì ăn cỏ, gần chết là ăn không khí, chết rồi là không ăn. Lẽ thật trong đời như vậy, chớ ai thèm muốn chấp, tham, dục lòng, tâm vọng, sanh ác nghiệp quả báo không nên vậy. Vả lại sự thích ưa, nhàm chán vốn chẳng cho ta giữ hoài một món, ấy là sự tiến hóa của miếng ăn, từ ác bước lần lên thiện để cho chúng sanh từ ít đến sanh nhiều, là lẽ vui xuôi thuận. Nào có ai cãi trái được, sự biến đổi

ấy đâu, mà đi chấp tranh bào chữa, giữ gìn cho nhọc công vô ích, sanh nảy lòng tham thành tật xấu.

Nếu ta xét rằng: thịt ăn thịt, da ăn da, xương ăn xương, máu uống máu, thân này ăn thân đó. Này là mắt người, này là tay chân người, này là đầu người, này là tim người, này là gan người, này là ruột phổi người v.v... chiên, kho, xào nấu để lên bàn đó, ta ngồi đó, nhìn xem, nhắc lại từ tên, nhớ lại từ khi mới giết, con vật còn sống, rồi thử hỏi tâm ta có ghê sợ không? Nếu ta ăn được là tâm ta ác lắm rồi. Ví như ta bị ai bắt trói, thọc cổ, chặt đầu, lột da, rút xương, mổ ruột, bằm chả, quết nem, xẻ phanh, lóc thái v.v... nấu, kho, xào, luộc, đem để trên bàn, dọn ăn treo bán, rồi bảo ta phải huờn hồn sống lại mà ăn, thử hỏi ta có ăn được không? Khi nãy ta kêu la, rủa chửi, oán thù, đau đớn, đã bị chết thảm, còn phải luộc kho, bằm, xắt để dành, hành xử giết hại đủ cách, sự uất tức thù oán của ta sẽ đến tận đâu? Và đối với kẻ ăn lại khen ngon, chê dở, hỏi thử tâm ta giận dữ thế nào? Và sự vay trả quả báo ra sao thì biết! Thế mà trong đời, lắm kẻ vì ác mà sanh gian, gạt gẫm trẻ con thú nhỏ, bắt nuôi cho ăn, giả bộ lòng thương yêu tríu mến, để cho nó vui mừng, ăn no cho mập, mau lớn, đặng bắt bán thịt phân thây. Sự giả dối ấy thù oán còn hơn là người làm giặc, nó vì lầm mới tức giận, chớ tự nó ở vườn rừng, nào có mượn ai nuôi, và nào có ai nuôi thú vật để chết chôn giùm, mà gọi làm ơn thương xót?

Thế nên trong đời mới sanh giặc, giặc là do oan trái nhiều đời, giặc giết người cũng như người giết thú buổi xưa kia. Một buổi chợ đông biết bao sanh mạng! Một bẫy lưới biết bao chim, cá? Một bữa ăn nào ta thử đếm được tép nhỏ, cùng cá ròng ròng? Sao không ai vừa ăn vừa khóc, hay xá nó xin lỗi rồi sẽ gắp ăn? Mà đến khi thú giết người lại giận, giặc bắt giết lại than van? Vậy thì Trời Phật nào có bênh vực riêng cho loài người. Bà mẹ nào tư vị mà xử hiếp kẻ đàn em? Việc đó tức là nhơn quả vốn không sai chạy vậy. Còn kẻ vô can thong thả, nào có ai động chạm tới làm chi, chẳng là có sự sung sướng hơn không? Thế chúng ta nên nhớ điều này: Giặc giết người làm giặc mà chẳng bao giờ hại kẻ trường chay giữ giới, tu hành lương thiện. Vậy nên ta muốn mình sống thì đừng làm cho ai phải chết!

Than ôi! Miếng ăn mà người khóc người than, miếng ăn mà người thù người oán, ăn đầu ăn sọ người ta, ăn óc ăn tủy người ta, ăn phá hại nhà cửa, ăn xác thân quần áo của người ta, miếng ăn độc ác bất nhơn, ăn thịt chúng sanh, vô nhơn phi nhơn, có đâu là phải lẽ cho loài người, mà sao chúng ta lại không chừa bỏ? Ăn là để sống, thì ăn thiện mới sống yên, chớ ăn ác độc thì làm sao mà sống được, quên cái gì cũng được, chớ cái tội ác của chúng ta sao lại đi nỡ quên, mà hại người mãi mãi!

Lại như nếu nói về loại thuốc, thì cỏ cây há chẳng phải là loại thuốc sao? Thịt thú, thịt người, mới là chất độc nhiều hơn rau cỏ. Rau cỏ để lâu hôi chua, chớ cá thịt để lâu ắt phải thúi sình, sanh trùng độc. Kìa ta nên nhớ rằng: Miếng thịt xương nằm trong bao tử lâu ngày thì người phải chết, chớ rau cỏ vốn mau tiêu hóa nhẹ nhàng, không hay sanh bịnh hoạn.

Còn nói về chất bổ thì, tinh ba của nước là đất, tinh ba của đất là cỏ cây thú, tinh ba của cây là hột, tinh ba của thú là người, tinh ba của người là trời, tinh ba của trời là Phật. Từ khí đến nước đất... đến Trời Phật đều là chất sống, có thể nuôi sống chúng sanh. Nhưng ta có thể ăn thịt Phật và Tăng là chất bổ chót hết và nhiều hơn hết không? Ta có thể ăn thịt Trời, thịt người, thịt thiện trí thức không? Nếu vậy thì thịt người, thịt thú cũng chưa phải gọi là thịt hiền thịt bổ, sao ta lại tham ăn nó mà chi? Nếu với Trời Phật, ta ăn thịt cho là tội, và Phật Trời là kẻ có ích, còn chúng ta loài người lại có ích chi cho ai nhờ và sanh ra để làm gì? Sao quỉ thần nào lại chẳng đi ăn thịt người đi, mà người lại đi tìm ăn thú, còn ai bị quỉ thần bắt thì lại mau lo cúng kiếng?

Vả lại thú ăn thịt người không có tội, chớ người ăn thịt thú lỗi lớn vô cùng. Vì bởi ta lớn khôn, còn nó thì nhỏ dại, nào ai đi chấp trẻ nhỏ làm chi? Cũng như Trời Phật không bao giờ bắt tội, oán thù kẻ tiểu nhơn; ăn thịt Trời Phật không quả báo, chẳng giận hờn, sao ta lại sợ chẳng dám ăn, để đi ăn thịt thú người chi cho mắc điều phải vay trả? Và như đem thịt thú làm thịt người, lâu ngày thịt người mất hết, thì trách sao tánh ác lòng gian lại chẳng nảy sanh điều tham móng dục.

Ôi! Nếu miếng ăn mà không sạch miệng thì bổn phận tiếng nhơn người có vẹn toàn đâu? Có kẻ lại nói lòng chay là đủ, khỏi ăn chay. Vậy thì lòng

chay là đi ăn thịt hay sao? Còn nói không ăn chay mới thành Phật, thì thử hỏi có ông Phật nào đi ăn thịt người ta chăng? Vẫn hay rằng giữ một cái ăn không cũng là chưa đủ, nhưng mà thiếu một điều thiện thì cũng khó trông thành Phật đặng! Nếu hiểu rõ chỗ này nào ai dám dể duôi?

Tóm lại, mạnh được yếu thua là lẽ phải mạnh hơn lẽ quấy, ít phải thua nhiều; nghĩa là, thiện là lẽ đông nhiều, ác là lẽ thưa ít, thì ác phải thua thiện, mà nơi loài người thì phải lấy cái phải, cái thiện làm đầu. Vậy chúng ta ai ai chớ nên đi trái ngược, mà để phải vì nhau chết hết.

CHƠN LÝ 14

NHẬP ĐỊNH

ĐỊNH LÀ YÊN LẶNG

Chơn lý của võ trụ là yên lặng. Yên lặng là lẽ thật, là huyền bí, là không vọng động, nên cũng gọi là chơn như hay sự kín đáo. Định tức là mật, trong mật định có chứa linh, giác và thần. Cho nên gọi định năng sanh chơn huệ và giới. Định là chánh, loạn là tà, nên mới có tên chánh định; và cũng là có chánh mới có định, chánh định là Niết-bàn, tâm người trở lại chánh định chơn như sau khi toàn giác, gọi là Như Lai hay là Phật. Thế nên chánh định là chỗ sanh ra tất cả chúng sanh, vạn vật và các pháp, mà cũng là chỗ trở về hay chỗ đến nghỉ ngơi hưu trí của chúng sanh, vạn vật và các pháp kia vậy.

Thể của định là võ trụ bao la vô cực, không không vắng lặng và tối đen. *Tướng* của định là chơn như không vọng động, đứng ngừng, chết nghỉ, trơ sựng. *Dụng* của định là thay đổi, tiến hóa, an vui, giác ngộ và quả linh thần thông. *Lý* của định là tự nhiên chơn thật. *Thân* của định là giới. *Trí* của định là huệ. *Tánh* của định là chơn. Còn định là tâm của tất cả chúng sanh hay cũng là sự sống, sức mạnh và bao gồm tất cả v.v...

Định là quả yên vui, mà con đường đi đến định kêu là đạo và đắc chánh định gọi là đắc quả. Định là chỗ đến, kết quả, mục đích của các con đường. Định là một năng lực mạnh mẽ nhất. Định là sanh mạng của thân tâm trí ta. Chính chánh định mới là bổn ngã vậy.

Trước quả địa cầu là định, sau quả địa cầu là định.
Trước sanh thân là định, sau sanh thân là định.
Trước khi thức là định, sau khi thức là định.
Trước khi làm là định, sau khi làm là định.
Trước khi nói là định, sau khi nói là định.
Trước khi nghĩ ngợi là định, sau khi nghĩ ngợi là định.
...

Cái định hằng có nơi mỗi chỗ, nơi mọi lúc, mắt tai mũi lưỡi thân ý phải định luôn luôn. Ông thầy giáo không định thì chết, người học trò không định thì điên. Ai ai không định thì khổ. Định là giấc ngủ ngon hay như cái chết sướng. Cho nên, định là mùi vị của các sự việc. Có định mới có thành công, không thất bại cho mỗi hạng người.

Có chánh mới có định. Chánh đạo là năng sanh định quả. Chánh là thiện, thiện là không ác, ác là che mất bản tâm, che mất bản tâm là quên định. Cho nên, kẻ không định là ác tà loạn vọng, rối khổ tơi bời, không đường lui tới. Vậy muốn định thì phải ngăn ngừa ác và tránh xa chỗ ồn ào, tức là giữ giới luật, tự ta chế ra giới luật cho ta để bảo tồn định. Có định mới không còn phiền não vô ích, tai hại. Thế nên, đời sống của ta phải cho có kỷ luật, giới nhiều là định nhiều, giới ít là định ít, không giới là không định. Tâm không định là sự nghĩ ngợi, quán xét không đặng sáng và chẳng năng dứt bỏ được điều càn. Không định không có thần thông quả linh, thì con người phải té sa vào nơi vật chất giả dối, nắm níu lấy ác tà loạn vọng, chôn nhốt giết hại tâm mình. Cho nên, tâm định thì trí mới huệ, huệ nhiều ít là do định. Định nhiều là huệ nhiều, định ít là huệ ít, không định là không huệ. Có huệ được học tỏ sáng mới hết mê lầm. Không mê lầm là không vọng động theo cảnh chiêm bao mộng ảo của lớp thấp thỏi đầu tiên, thì con người mới đặng hưu trí, chơn như nín nghỉ, làm kẻ ông già, làm người cao cả, không còn nói làm bậy bạ ác quấy uổng công nhọc sức.

Có định, trí mới nhớ chứa xa, đựng gồm lớn. Nhờ nhớ đựng bao việc quá khứ hiện tại mà thấy rõ các pháp vị lai, xét rõ được việc đời, nhìn xa được tâm lý, nghe rõ được trình độ, diệt dứt được phiền não mà chứng được an hòa.

Có định thì cái hình bóng của biết mới cứng vững chắc già, to lớn tốt tươi, không hư hoại. Định là một sức mạnh thần thông, nhờ yên lặng cái ý mới mạnh mẽ gom hiệp mà điều khiển sự biến hóa linh nghiệm.

Có định ta mới dám tin chắc ta là trọn lành, không lầm lạc rối loạn ác quấy. Định nơi lẽ chánh thiện sẽ đến kết quả an lạc, nghỉ ngơi đại định. Bằng nhứt định nơi sự ác tà, ắt phải gặp rối khổ lao chao đại loạn. Cho nên gọi sự quyết định hay nhứt định là cái định yên lặng. Chỉ có cái ấn dấu không dời đổi, chắc chắn tin cậy làm định mạng cho chúng sanh, cái ấn định ấy là sự yên lặng mà thôi, lại sự yên lặng ấy có là do nơi lẽ chánh thiện. Dầu chưa phải là đại định lâu ngày, chớ cái định trong chốc lát nó cũng giúp cho ta biết bao điều khỏe khoắn nghỉ ngơi, và làm cho ta được tỉnh táo trí huệ. Vậy chúng ta nên nhớ rằng người không định là sẽ điên, mà kẻ điên thì đâu có cái sống biết chi chi ở tại chỗ nào? Cũng như nước xao lộn là nước đục bùn, đã là nước dơ thì đó là đất chứ đâu còn nước? Nước yên lặng thì có mắt kiếng sáng thấy rõ muôn hình, cũng như tâm định mới thấy có tâm, và trí sẽ được huệ sáng soi ra cùng khắp. Như vậy nghĩa là không định là không có tâm, không tâm là không có ta, thì đâu còn sự sống?

Chúng sanh ai mà không có định, hoặc nhiều hay ít, hoặc trong giấc ngủ yên. Nhưng bởi sự sanh ra từ nhỏ tới lớn là ở trong vật chất, trong cái ăn mặc ở bịnh, mà vật chất tứ đại thì vô thường thay đổi biến hóa. Chúng ta mảng quanh quẩn đảo lộn mỗi ngày, còn có đâu giờ phút rảnh rang mà xem xét lại, coi cái sống, cái biết, cái ta nó còn hay mất, sống hay chết, lớn hay nhỏ ra sao? Nào ta có cần biết nó định hay không định! Lắm kẻ quên lửng, đâu còn biết đến định là gì! Ích lợi chi? Để khi đến lúc bịnh hoạn ốm đau, phải khi già yếu, hoặc thấy mình sắp chết, hoặc bị thất bại, hoặc phải mệt khổ đớn đau, âu sầu sợ sệt, mà cũng không biết vì đâu? Lẽ nào? Nguyên cớ tại đâu? Vì sao? Thôi thì lại đánh liều nhắm mắt đưa chơn há miệng, hoặc lại đổ thừa nghiệp vận, khấn vái rủi may, mặc cho số phận. Than ôi! Đời sống đường dài nhắm mắt quên mình mà đi như thế, thì ta hỏi thử có ai là kẻ được bình yên lâu dài? Chẳng phải riêng nơi loài người mà là tất cả chúng sanh, sanh ra từ nơi tứ đại địa ngục, sanh ra từ trong cái ác, từ trong bóng tối, từ trong sự đảo lộn lăng xăng của địa cầu, thì cỏ cây thú người, từ dưới thấp mọc đứng lên cao, cho đến khi đi chạy nói làm, lúc đầu ở trong cái loạn mà ra, và nếu không đứng

nơi cái loạn thì lại biết đứng đâu, ở đâu? Nhưng nếu chúng ta hôm nay may mắn sống sót tiến đến bậc người, nhờ nói làm mà sanh ra hiểu trắng, thì lẽ nào chẳng biết phân biệt cái đen, để giữ gìn mạng sống, để khi chết thân thì tâm còn tồn tại, hơn là đất nước lửa gió vô tri, sanh hóa lăn tròn đời đời là đất nước lửa gió chẳng đầu đuôi, không có cái ta thật nhứt định. Cũng như tứ đại sanh cỏ cây thú, rồi cỏ cây thú chết thành tứ đại, cứ mãi như thế mà không có cái gì là hột giống đứng vững lâu dài, cho nên chúng sanh chỉ là tôi mọi cho cái khổ, cái không ta. Ấy vậy chúng ta phải định để nắm giữ cái ta, đứng ngừng nơi một địa vị tối cao tốt đẹp mà đừng thèm nhắm mắt ôm theo bánh xe vô thường quỷ quyệt, để khỏi phải tan hình rã bóng, mà sau khi thân xác rã rồi thì còn được lại cái chủ tể tâm hồn.

Vậy chúng ta nên nhớ rằng kẻ nào không có chút định, quá rối loạn khổ não theo vật chất tứ đại đất nước lửa gió lăn xoay, thì sau khi chết rồi xác thân trả về tứ đại, cái tâm hồn cũng sẽ tan rã rối loạn nhập đeo theo vào vật chất, không còn hình bóng, chẳng còn có được cái chi để nhập thai trở lại kiếp thân người. Đến chừng đó chỉ còn là đất nước lửa gió, lâu ngày sanh ra cỏ cây thú khác, sự chết sống cũng y như cỏ cây thú mà chưa hề được có cái tự chủ của ta, cái ta hột giống để đời chi cả.

Có định mới có vui và có sống. Vui tức là sống, sống tức là vui, còn khổ là chết, chết là khổ. Nếu chúng ta sống đời để phải vô minh chịu khổ thì sống để mà làm chi? Và liệu ta có sống được chăng? Vô minh khổ để sống, hay là vô minh sống để khổ, rối loạn tức là chết rồi vậy. Kẻ mà bị chết và ở trong vô minh tức là địa ngục, thì còn có được sự vui vẻ gì? Ấy vậy như kẻ chết mà vui, hay vui mà chết, có chẳng phải là quý hơn không? Nhưng chính thật vui là ta là sống, sống là vui là ta. Muốn vui sống có ta thì phải định, muốn có định và biết định thì phải tầm tõi quán xét thấy cho rõ lẽ thật là chánh kiến. Có CHÁNH KIẾN thấy rõ lẽ chánh mới phát sanh được những điều suy gẫm về lẽ chánh chơn như mà thấu rõ đạo lý các pháp. Có thấu đạo lý do CHÁNH TƯ DUY mới năng nói lời chơn chánh. Từ nơi CHÁNH NGỮ mới có thật hành CHÁNH NGHIỆP, là việc làm đúng theo đạo lý. Có làm việc phải mới được nuôi thân mạng bằng cách trong sạch thiện lành, hưởng sự yên vui. Có được CHÁNH MẠNG mới biết mừng vui siêng năng giữ đạo đi tới. Nhờ CHÁNH TINH TẤN mới không có thì giờ xao lãng vọng động ác tà, bấy giờ

tâm mới trong sạch, ý ngó ngay vào một chỗ chơn như không vọng động, niệm tưởng không lìa xa một chỗ phải. Nhờ CHÁNH NIỆM giữ ý nơi một điều lành, nơi một chỗ một, thì ý mới định. Ý định là thân khẩu phải định, thân khẩu ý đều định gọi là tâm định, định tại nơi lẽ chánh, chỗ thiện lành sáng suốt, kêu gọi CHÁNH ĐỊNH là sự yên lặng, nín nghỉ hưu trí. Niết-bàn là nơi rốt ráo quyết định, là cảnh giới nhứt định. Cái tâm đã ấn định không còn dời đổi, hay là ý đã ở trong cái chơn như không còn vọng động, ngủ nghỉ vui sướng, sống mãi đời đời.

Từ chánh kiến đến chánh định kêu là đạo, đến chánh định gọi là kết quả. Quả ấy là quả yên vui sống mãi, do sự giác ngộ quét sạch diệt dứt căn trần, tứ đại vô minh, nên kêu gọi là quả Phật, quả giác chơn. Giác ngộ mới có chơn như, có chơn như mới được giác ngộ, cũng như có chánh kiến mới có chánh định, có chánh định mới là chánh kiến. Có chánh kiến mới giác ngộ, có chánh định mới có chơn như, hay tức là giác ngộ sanh chánh kiến, chơn như sanh chánh định, là thể nương nhau hiệp một chẳng chia lìa.

Cũng như có TẦM SÁT là tầm tõi quán xét, thấy rõ lẽ thật mới có sự mừng. Có HỶ mừng vì lẽ đã gặp được đường đi, mới có sự vui. Có LẠC vui khi đã đi tới trúng đường, không còn khổ não thì thân tâm trí mới trong sạch. Có TỊNH sạch, ý mới yên lặng đứng ngừng, không còn bị sự lôi cuốn hấp dẫn nên mới ĐỊNH. Từ tầm sát đến định kêu là đạo. Đắc định thì có đủ quả linh và đạo lý, tức là trí huệ và thần thông kêu là đắc quả. Quả ấy là quả tầm sát và định, trong đó có chứa hỷ lạc tịnh, là sự mừng vui trong sạch. Quí báu nhứt trong đời là sự sống của ta đó.

Như vậy là muốn định thì phải có niệm. Nhờ niệm tưởng ghi nhớ một câu, một việc, một lời, một điều gì đó, mới được định. Cũng như nước bị đựng trong tô chén để yên lặng thì sẽ định. Cái ý nhờ bị trói buộc một chỗ mà phải đứng ngừng, đến lâu sau quen lần mới không còn loạn vọng. Định đây là cái ý định, cũng như cái ngòi trong hột trái, bị sự không nói (như thịt cơm), không làm (như bao vỏ) nhốt đậy lại, chẳng cho nó phóng ý mọc vượt ra được mới khỏi luân hồi sanh tử, mọc cây đâm rễ trong cõi trần. Nhờ vậy mà hột giống tâm mới cất để đời đời, còn cái ý ngòi mọng thì ở được sâu trong giữa hột (Tâm đây là hột giống, gồm có ba phần: bao vỏ là thân việc làm, thịt cơm là khẩu lời nói, và cái ý là ngòi mộng ở bên trong). Ý có là do thân và

khẩu, việc làm lời nói sanh ý tưởng. Bởi trong sự nói làm có hai lẽ tương đối là tình, khi thì buồn khi thì vui, mừng rồi giận, thương đến ghét, thích ưa đến nhàm chán, do đó sanh ra ý dục. Ý dục phát sanh nơi loài cây cỏ trước nhất, khi đến thú thì nó rất ác, được làm người thì ý có chút thiện hơn. Nhưng ý vọng động không ngừng, cho nên kẻ nào lấy ý làm ta là phải khổ sở điên đảo. Vậy ta phải nhốt nó lại và đổi nó ra cái trí là sự hiểu trắng biết phân biệt, có được học thức thì mới khỏi sai lầm theo ý dốt nát muốn càng mà tránh được khổ sở nạn tai. Người sống bằng cái trí sáng láng hay khéo gọi là bậc Trời. Nhưng cái trí khôn ngoan ấy cũng chưa phải là hết khổ sở thất bại, người ta phải cần đổi trí ra làm cái giác, giác là cái biết sáng suốt chắc chắn chơn thật không mê lầm. Chính người sống chơn thật do nơi biết sáng mới vững bền yên vui kết quả, hơn là sự khéo xảo mưu mô của trí. Vả lại trí có hai: Trí say và trí huệ! Trí say là biết phân biệt, hiểu trắng đen mà chưa chịu tỉnh dứt bỏ điều vọng quấy. Trí huệ là cái hiểu trắng bằng sự thật hành dứt bỏ được các điều tội lỗi dối trá, giữ được chơn như yên lặng tịnh định chắc thiệt. Cho nên cũng kêu gọi trí huệ là chơn trí, chính chơn trí cũng kêu là giác hay tánh.

Vậy thì tất cả cũng là một cái biết, tùy theo mỗi chỗ đặt tên. Cái biết sa ngã theo thọ tình hai lẽ tương đối kêu là ý. Cái biết thấy trắng phân biệt kêu là trí (tri bạch). Cái biết sáng suốt chơn thật tự nhiên kêu là giác. Cả thảy đều là cái biết tâm, nơi ý trí lúc đầu là tâm vọng giả tạm, đến giác chơn sau mới là tâm chơn chắc thiệt vĩnh viễn. Tâm chơn tức là tâm của chư Phật, tất cả y nhau như một, trọn sáng lành. Chẳng phải như tâm vọng non nớt của chúng sanh, kẻ vầy người khác, giả dối hư hoại ác tà, lắm khi tiêu hoại chẳng còn có được.

Ý làm người, trí làm Trời, giác làm Phật. Ý trí là còn khổ, chính giác ngộ mới yên vui. Vậy nên chúng ta phải cần tịnh định để ém giấu bỏ mất ý của loài người thì mới mong làm trời Phật đặng.

Cái ý như con ngựa không cương chạy sãi cùng đường, ta phải dùng cái niệm làm dây cương, kìm thúc trói nó lại, cho đi ngay đường thẳng lối, đến khi đã quen thuần thục, buông cương bỏ niệm mà ý ngựa không chạy bậy, chừng đó ta mới dám gọi là ý của ta, ý phải tốt trọn lành, ta mới dám tin dùng xài nó được, và mạng ta là chủ ngồi trên mới chắc sống vững yên vui. Như thế tức là ta tập đổi sửa ý vọng ác tà giả dối, cho nên ý chơn chắc thiệt ngay

chánh thiện lành, để trở nên con người tốt đẹp quí giá cao siêu, ích lợi cho chúng sanh nhờ hưởng dám tin dùng. Nhờ chánh niệm mới có được chánh định, có niệm một chỗ như nước đứng ngừng mới tịnh sạch. Cho nên cũng gọi là có tịnh mới có định. Muốn có chánh niệm phải nhờ chánh tinh tấn. Muốn có chánh tinh tấn phải nhờ chánh mạng. Muốn có chánh mạng phải nhờ chánh nghiệp. Muốn có chánh nghiệp phải nhờ chánh ngữ. Muốn có chánh ngữ phải nhờ chánh tư duy. Muốn có chánh tư duy phải nhờ chánh kiến. Chánh kiến thì đi đến chánh định, tà kiến thì đi đến tà định. Chánh định là sống yên vui, tà định là chết rối khổ. Thế thì khởi đầu kiến thấy, hễ tà là tà mãi, còn chánh là chánh hoài. Cả thảy chánh là nên, cả thảy tà là hư. Ấy vậy kiến thấy là cặp mắt của ta lúc đầu phải cho tỏ rõ, tìm xét kỷ lưỡng rồi sẽ thật hành đến ngay mục đích, chớ ngàn đời vui khổ sống chết chẳng phải là sự may rủi mà chúng ta lại bỏ lãng thờ ơ!

Nên nhớ rằng: Có tầm sát đúng lẽ thật mới có hỷ lạc tịnh định, định là do tịnh, tịnh là do lạc, lạc là do hỷ, hỷ là do tầm sát. Bằng mà tầm sát sái trật hay không có tầm sát là sẽ có nộ giận, có nộ giận mới sanh buồn khổ, có buồn khổ mới sanh cấu trược, có cấu trược mới loạn vọng bối rối, chết khổ điên cuồng vô ích tai hại.

Người có định thì thân khẩu ý mới trong sạch, tuy ít nói mà nói hay, tuy ít làm mà làm nên, tuy ít nhớ mà nhớ phải, là được kết quả yên vui biết bao nhiêu? Và cũng nhờ định mà mắt tai mũi lưỡi thân ý mới trọn lành hữu dụng, tốt đẹp trang nghiêm, mới ra con người có giá trị, xứng đáng để nêu gương. Căn nghiệp tròn sáng, tức là viên ngọc quý báu của chúng sanh tôn trọng, để dành, cất giữ, về sau mãi mãi, và là một nhân vật đáng sống đời đời. Mỗi lời nói, mỗi việc làm, mỗi ý niệm là những đám mưa hoa, là những cơn gió mát, là những sự phân phát của cải, đủ cách xinh lịch tốt đẹp.

Muốn nhập định không phải một lần mà được định. Chúng ta phải dò lối, bước đi từ bước và tập lần lần. Định yên lặng là cái kho tàng vô tận, là phòng bí mật, là tủ chứa kinh, hay cũng như một cái trái, mà chúng sanh từ xưa đã nhọc sức trơn trợt, rờ rẫm leo trèo bên ngoài, chớ chẳng bao giờ vào được bên trong đắc định, để hưởng quả quý báu hay lạ ấy. Là bởi không tìm ra được chìa khóa, hoặc cái cửa kín, hay cái cuống tim là chỗ ra vào. Đành rằng ai cũng biết sự nhập định là vui sướng, ích lợi sống đời. Trong định trí mới huệ,

có huệ trừ vọng mới chơn, chơn như là linh ứng; nghĩa là định nhiều thì huệ nhiều, phép linh nhiều, định ít thì huệ ít và phép linh ít. Chắc ai cũng muốn có trí huệ đạo lý với quả linh thần thông, và cũng biết rằng cái sống là linh, cái biết là sáng, nhưng khó nỗi là sự thật hành, hoặc thiếu sự kinh nghiệm, hoặc không bền chí, hoặc thiếu sức trợ lực của người khác thì dễ gì đặng kết quả thành công. Cho nên lắm kẻ chán sợ sự hiểm nguy, đành giữ tập việc thiện lành ngay chánh bên ngoài mà cho là vừa đủ với sức của mình, không ráng chịu khó để đến tận nơi tâm Phật. Thiện chánh là đi tới định, nếu đứng mãi một chỗ chánh thiện mà không định thì đâu tránh khỏi khổ não luân hồi. Kẻ ác là bởi không định, người thiện mà không định thì khổ, kẻ trí mà không định thì điên. Hễ có sống, ắt có khổ, mà nếu chúng ta chịu khổ tu trong một đời, thì muôn kiếp được thảnh thơi. Như thế có chẳng là hay hơn sự kéo dài đau đớn? Vả lại, sự nhập định đâu có khổ nhọc gì sức lực. Càng định là càng vui, miễn là ta chịu bỏ cái ham chơi dốt học nô đùa cẩu thả, thì sự nhập định đối với ta cũng không có lấy chi làm lạ. Con người nếu làm được cái khó, cái hơn người, cái tiến hóa, thì mới được gọi là bậc siêu nhân không còn lẩn quẩn trong cái cỏ, cây thú người, tứ đại, một chỗ. Cũng như kẻ biết lìa bà mẹ mới gọi là kẻ có chí lượng hơn người, không phải chịu ở trong thai bào mãi mãi.

Vậy thì chúng ta phải cố gắng nhập định, và phải hiểu những pháp của nhập định như vầy mà đừng trọn chung thủy với cỏ cây, thú, người, tứ đại, cùng là trọn tình nghĩa với cái ác tà vô minh loạn khổ:

1. Từ nhỏ đến lớn, thân và miệng sanh tập thành ý, mà thân miệng ác nên ý phải ác, vậy phải sửa thân và khẩu cho thiện thì ý mới thiện. Chúng nó ác là bởi vọng động, vậy bây giờ cần phải tịnh định nên tập ngồi một chỗ, trói chân ngồi kiết già (hoặc bán già) nắm tay lại. Ngồi ngay, miệng ngậm, cắn răng, đầu cúi, mà chăm chú nơi một việc phải nào đó, mỗi ngày một hai lần theo sức, vừa vừa, chớ đừng thái quá hay bất cập. Chớ nên cố gắng quá hoặc lãng xao, phải nhớ giữ một đề mục mãi dầu trong lúc động tịnh đều không cho xao lãng, lâu ngày sẽ quen lần từ ít tới nhiều, từ mau tới lâu. Cho đến khi ta đã được chủ tâm, thân khẩu ý đã qui phục tùy theo mạng lịnh, chừng đó mới gọi là có ta và thấy lần kết quả.

2. Mắt tai mũi lưỡi thân sanh ra ý, vậy muốn phục ý thì trước phải phục mắt tai mũi lưỡi thân. Xưa năm căn vọng động cấu trược, mở cửa thâu trần

chôn giết ý, ý ngộp mới giẫy giụa, nay phải đóng các cửa, tuôn bỏ vật chất ra ngoài, thì ý nhẹ nhàng thong thả mới ngồi yên. Ý vốn hay chuyền theo các cửa, vậy hãy đóng cửa là ý hết chỗ leo trèo, lâu ngày buồn ngủ mỏi mệt là sẽ nằm yên. Xem chừng ý thiệt đã giải đãi không còn cử động, chừng đó ta sẽ bắt đem ra tập dạy khiến xài thì nó mới không còn tánh ác và trở nên con vật hay quí khó tìm. Chớ bỏ qua khi nó có sẵn, không biết nhốt dạy thì sau này ta thiếu thốn, lại hối tiếc không nên.

3. Cái ý có ba là tham, sân và si; bằng trị ngay nó là phải chăm nom gìn giữ, rình đón ngăn rào, xem chừng từ chút, nuôi nó như nuôi con. Đừng cho tham sân si tam độc bên ngoài nhập vào, và coi chừng tham sân si tam độc bên trong lộ ra thì phải mau trừ khử chùi lau! Ý nay mắc bịnh độc tham sân si, vậy phải mau lo chữa chuyên săn sóc nó, vì nó là ý độc hại lây. Phải cần cho ăn uống bằng giới định huệ từ trong ra từ ngoài vào, phải là chỉ một thứ giới định huệ thôi, thì lâu ngày hết bịnh, mới trở nên ý quí. Ý là ma mà ý cũng là Phật. Kẻ ở nhà của ta sai khiến đó, ta cần phải nuôi nó tử tế, nó mới có giúp được việc cho mình nên. Như vậy là đừng cho nó ra gần năm cửa mắt tai mũi lưỡi thân (hay là thân khẩu) với kẻ ác tà, với đồ cấu trược, thấp thỏi xấu dơ mà phải để nó lên cao chỗ thanh tịnh, mặc cho áo tốt bằng sự vắng lặng, cho ăn đồ ngon là thiện lành, thì nó mới lớn nên người được.

4. Hoặc đổi ý ra làm trí giác, chỉ có còn biết trí giác mà quên bỏ hẳn ý đi thì lâu ngày nó sẽ đi mất, hoặc hổ thẹn mà phục tùng theo trí giác. Muốn như vậy thì đừng ở chỗ phiền não và chớ đem bụi trần nuôi sóc nó. Mà muốn có trí giác thì phải yên lặng, ở nơi yên lặng mãi cho đến khi hết ý khuấy rầy, bấy giờ mới nên đứng dậy ra đi, làm nói theo trí giác.

5. Hoặc xem như mình đã chết, hưu trí, nghỉ mệt, mà bỏ hẳn việc đang làm, hoặc phải làm cho rồi, thấy mình như thây ma chết nằm trong hòm dưới đất, không còn dính mắc nợ chi chi nữa. Hoặc như cứ xem là ngủ nghỉ đời đời, để đứng ngừng giữa lúc bánh xe lăn, mặc cho sự thế đổi xoay: đói no, sống chết, phải quấy, mất còn, đến đi, không có... gì trối mặc, chỉ biết một cái chơn như yên tịnh mà thôi.

6. Hoặc cứ mãi nói một lời, hoặc cứ mãi làm một việc chăm chú chẳm rãi bền công, không màng biết đến việc ngoài chi khác. Hoặc phải lặp đi lặp lại

mãi một câu để cho thấy tỏ rõ nghĩa lý, phân biệt kỹ càng. Hoặc ra đi giáo hóa cho đầy trí huệ, đủ sự học nơi nghe thấy, lo tìm thật hành và dạy nói, có đủ trí như chai nước đầy thì mới không còn lưng vọng, tự nhiên chơn như hiện đến.

7. Hoặc tập sửa tướng nói tướng làm, tướng nơi mắt tai mũi lưỡi thân, cho có qui tắc điều độ, chậm chạp, chẫm rãi, thong thả, thanh nhàn, ngay thẳng, chính chắn, trang nghiêm nết hạnh. Cái ý không cho ra ngoài các tướng bảo ấy, cũng như bắt đứa tớ chăn bò, chẳng cho ở không thì nó không còn phóng túng, chạy chơi ngông dạo để gây tai nạn.

8. Hoặc tìm xét nơi tâm lý giáo lý của chúng sanh, xem xét nhơn duyên, tìm lẽ thật, hay sự nghe pháp nghe kinh, hoặc nghe trái tim nhảy, hoặc thấy hơi thở điều hòa, hoặc ghi nhớ thân mình nơi mọi chỗ, hoặc giữ gìn ngũ tạng, hoặc thận trọng ngăn ngừa bịnh, hoặc giữ oai nghi, hoặc ngồi đếm số, hoặc lượm món đồ, hoặc tập thở bằng rún, hoặc đếm bước đi, hoặc tưởng tượng trên không, hoặc nghe hơi gió, hoặc lặng lóng bên trong, nghe xét bên ngoài. Hoặc hằng giữ đúng một chữ trung trung, hay tập cái công, cái hòa, cái tự nhiên cũng được v.v... thảy đều là phép nhập định từ ít tới nhiều, từ mau tới lâu, mà người thật hành thì phải bền chí, chịu buồn, giữ tâm nơi rừng rậm, không cho thối chuyển.

9. Hoặc chỉ tìm xét trong cái không, cái vắng lặng tối tăm, cái huyền bí của võ trụ. Hoặc yên lặng dè dặt mà xem nghe chừng sự động tịnh của tâm mình với các điều chi xảy đến. Hoặc tin tưởng một vị Phật thánh, hoặc trì giữ một câu triết lý. Hoặc suy gẫm từ tiếng nói của thế gian, nhận xét sự biến hóa của vạn vật, tìm hiểu thời duyên, xét xem sự sống của Thánh Hiền, tập sửa tư cách làm thầy dạy học, học trò... thảy đều là phép nhập định, giữ tâm yên lặng, tránh xa ác khổ.

10. Hoặc tìm xét nơi màu xanh, đỏ, trắng, vàng, đen, tím, đất, nước, lửa, gió, khoảng trống, cái không, cái có; nơi các tử thi, sự chết, thây ma. Hoặc suy gẫm nơi Phật, Pháp, Tăng, Giới, Định, Huệ, ơn đức của Phật và chư Thiên, nơi đức tin, nơi ánh sáng, nơi sự sống, hoặc quán xét nơi phép linh, nơi lòng từ bi hỷ xả vô lượng, nơi cái không có, không lường, không biên, không nhớ tưởng, không nhận biết, không cái ta, không thường, không ranh

mé... nơi miếng ăn dơ bẩn, nơi xác thân nhơ nhớp. Hoặc chán ghê hổ thẹn, sợ cho cái khổ, cái luân hồi... Cả thảy các pháp lý sự gì trong thế gian, quấy phải gì cũng có thể làm đề mục nhập định cho ta được cả. Khi ta hành đến là sẽ được học lần lần, cũng có pháp cao thấp tùy theo trình độ, nhưng ta có thật hành mới có hiểu và rồi tự mình lựa chọn, chế biến cho hạp vừa. Chớ đối với người đã nhập định vững rồi thì phép nào, đề mục nào cũng được, cũng y nhau, vốn không cao thấp khác lạ. Hoặc lúc đầu ta tập giữ một đề mục, hay một câu thoại đầu, đặng chăm chú mà soi sáng, rồi về sau duyên cảnh thay đổi là ta thay đổi đề mục khác nữa. Hoặc bữa nay làm việc với một câu này, rồi ngày mai làm việc với câu kia. Hễ khi làm việc xong, nghỉ xong là đứng dậy, chẳng luận lâu mau sau trước. Hoặc giữ một đề mục cho có ấn chứng, rồi sẽ qua đề mục khác cao hơn cũng được.

Cần nhứt là phải biết rằng: lúc mới khởi đầu thì phải TẦM SÁT là tìm xét nghĩa lý. Hiểu nghĩa lý rồi mới có HỶ, có hỷ rồi mới có LẠC, có lạc rồi mới có TỊNH, có tịnh rồi mới có ĐỊNH. Về sau hết nghĩa lý để tầm sát rồi, tức là giác ngộ hết pháp nơi mình thì chỉ còn hỷ lạc tịnh định, lâu sau nữa chỉ còn lạc tịnh định, và sau rốt là còn định và xả, xả và định. Bấy giờ cái học sẽ từ nơi yên lặng mà ra, và từ nơi cảnh ngoài mà đến thêm, thêm mãi, tức là giải thoát, đã đến bờ bên kia, Niết-bàn, hết luân hồi khổ não.

Vậy nên sơ định là tầm sát, hỷ, lạc, tịnh, định.
Nhị định là hỷ, lạc, tịnh, định.
Tam định là lạc, tịnh, định.
Tứ định là tịnh, định và sẽ đến định xả là đắc đạo, đắc chơn ngã, chủ tể, kết quả.

Qua khỏi tứ định mới gọi là đắc Niết-bàn nín nghỉ thiệt thọ kêu là đại định, trong đại định là tự nhiên, chớ không còn có pháp gì như niệm chăm chú, hay tầm sát, hỷ, lạc, tịnh chi cả.

Trong cảnh tâm định, thường có những sự vui như da nổi ốc, trán mát lạnh, như thấy hào quang xẹt, như thấy biển nước trắng xóa phủ chụp xung quanh, như thấy mình nhẹ bay bổng trên không trung và bay theo mây gió... Điều mà phải tránh là trong khi nhập định chớ khá đua tranh ngồi nhiều ngồi ít, ngồi lâu ngồi mau, hễ qua khỏi tầm sát là đến hỷ lạc tịnh và định.

Hãy để tự nhiên cho nó định, chớ đừng có ý muốn vọng tưởng đến, và khi nó vừa hoạt động thì phải xả đứng dậy đi ra, chớ đừng ngồi nán e thấy quấy, suy nghĩ nhớ bậy. Ngồi được lâu mau là nhờ nhiều ngày tập lần từ chút, chớ đừng đua hay khoe giỏi, và đừng vọng tưởng nhớ ông kia bà nọ chi cả. Đức tin phải có mà đừng tưởng tượng móng trông. Hãy xem coi là ngồi chơi, nghỉ ngủ, giải trí thế thôi. Chính không trông linh nghiệm thì lâu ngày mới linh nghiệm; mà cần phải biết rằng, đó là phép tránh phiền não, giải thoát. Ta tập ngồi nhập định là để cho quen từ chỗ vắng lặng ngủ nghỉ, mai sau đến khi đi đứng ngồi nằm đâu đâu, chỗ đông đảo xao động, ác trược. Ta cũng có thể nhập định giữ mình, không cho ô nhiễm, và sống lấy riêng mình, không loạn rối, đặng giúp đỡ cho đời, ích lợi cho mình, cho người. Chính phép nhập định là để ngăn tà ác nơi ta trước vậy.

Hễ định được thì thần thông và trí huệ sẽ có một lượt. Từ định mau tới lâu là quả linh và đạo lý cũng sẽ có từ ít tới nhiều, tự nhiên nơi ta sẵn có, nếu không xao động che đậy là nó yên trụ và xuất hiện ra, chớ chẳng cầu vái nơi ngoài, ai cho mà có được.

Sắc thân trong sạch như không không thì thọ cảm được yên vui. Hễ thọ cảm được yên vui là tư tưởng được huyền bí. Hễ tư tưởng được huyền bí là hành vi được thần thông. Hễ hành vi được thần thông là thức trí được huệ sáng. Hễ thức trí được huệ sáng là giác ngộ được chơn như. Cho nên gọi rằng trong "sắc thân không" có đủ giác, linh và thần, sự sống, ba báu quí vô cùng, mà ta phải biết gìn giữ chùi lau, để yên cất kín, chớ cho dính dơ bụi bặm.

Nhờ nhập định cái tâm mới già cứng, cái ý để cất lâu ngày, sức lực mới mạnh, phát thần thông. Trong cái định là kín đáo ẩn mật, cũng như cái trái có làm vỏ kín đậy, nó mới trọn tốt ngon thơm. Định gom các tư tưởng làm một khối không cho tán loạn, làm một sức cứng chắc.

Trong đó là ba cái mật: thân mật, khẩu mật và ý mật, gom lại một thể mạnh vô cùng. Và bởi cùng trong cái mật như kẻ chết, nên thường đi lại với các bậc thần tiên Phật Thánh không thân. Tuy xác thân còn mà sự sống ở bên kia cảnh giới, qua lại lui tới hai đường thong dong tự tại. Sức mạnh của cái mật kêu là thần, cái thần mạnh hơn hết, gồm cả thân khẩu ý làm một lại, mà bảo no là no, bảo sống là sống, bảo chết là chết, bảo đứng là đứng, bảo đi là

đi, bảo lên là lên, bảo xuống là xuống... biến hóa vô cùng. Ta là mật, mật là ta, chư Phật Thánh là ta, ta là chư Phật Thánh, là cái mật, là như nhau, là có một. Nơi ấy chỉ còn một cái đức tính linh thiêng, phép thần, trí huệ với chơn như mà thôi.

Về phép tập nhập định, chúng ta có thể hiểu tóm tắt sơ lược bước đầu ấy. Muốn hiểu kỹ để thật hành thì mỗi đoạn ắt phải giảng giải ra thành nhiều quyển sách, quí giá vô cùng, và thật hành là phải có bậc cao niên chỉ dẫn mới được.

Muốn định phải có giới ủng hộ, mà chỉ có giới xuất gia khất sĩ mới có thể vào tới đại định nổi. Giới người cư sĩ thì chỉ tập được chút ít thôi. Vậy nên muốn nhập định phải là xuất gia khất sĩ, chỉ có xuất gia khất sĩ mới tu nhập định, không làm khất sĩ khó định được.

Kẻ khất sĩ mà không có định là ra người khất cái. Chỉ có định mới sanh huệ. Định huệ song tu, do nơi giới luật khất sĩ thì chơn như toàn giác mới sống đời, đúng theo chơn lý lẽ thật, tức là chánh đạo, đạo của võ trụ, của ta và của tất cả, hay là đạo của tâm mình.

Trong đời có lẽ ai cũng là Khất sĩ cả! Vì có ai mà không có sự xin từ nhỏ tới lớn? Ai mà không có sự học mỗi ngày? Ai mà không có sự định từ phút? Ai mà không có sẵn phép linh thần thông? Vậy ai sống đúng phép là nên, người hành sái trật là hư. Nên hư tự mình, ai nấy hãy tìm xét trong cái tự nhiên là thấy hiểu.

Chính trong tấm kiếng tự nhiên của tâm định như mặt nước, thì việc chi động đến cũng thấy biết rõ ràng ứng hiện và lại tự nó biến hóa linh thiêng. Cái ta khỏi phải cần học hay tập hành điều chi nữa cả.

Nói tóm lại, chúng ta cần phải mượn cái thiện để học tập đến xuất gia khất sĩ, giới định huệ mà tu Phật. Như vậy là người xuất gia khất sĩ phải có đủ thiện căn trí thức, chớ nên vì nghe nói ích lợi mà ham muốn khi mình còn tội lỗi. Nếu kẻ còn quấy ác thiếu học không minh mà luyện tập tư tưởng ắt cũng được linh thiêng, nhưng kẻ ác linh thiêng là không có trí huệ, vì tự cao mà sanh quỉ quyệt là tà ác sái đạo. Vậy nên, ai muốn tu chánh định đến Niết-bàn thì trước phải tu tập phước thiện nuôi trí, học hành chơn lý, mở trí thông minh, tập lần giữ giới. Sau lần chắc vững, sẽ đi ngay vào trong nhà Phật. Cần nên hiểu biết sự tu là mãi mãi đời đời, là nơi cuối chót của khoảng đường dài

mà ta kết thúc, chớ không phải ra vào lui tới thông thường hay là sự đắc quả trong một hai ngày giây lát, hoặc khi thì làm Phật, lúc lại làm ma.

Vả lại, sự tu hành cũng như ăn cơm để sống, điều ấy vốn không mau chậm, hay là đường quanh nẻo tắt gì cả, vậy nên chúng ta hãy chậm rãi mà đi. Nếu là kẻ thiện lành thì tâm trí đâu có tiêu diệt trong ngày hôm nay mà hòng lo sợ! Còn như sự nhập định là lúc đầu phải chấp để thực hành, tu tập đi tới. Khi đã tới nơi yên lặng rồi thì cảnh ấy là tự nhiên vắng lặng chơn như, chớ không còn có chấp hay không chấp, cùng chấp có chấp không chi cả theo như lời tranh luận. Muốn nhập định cũng phải cần cảnh tịnh, tâm cảnh phải y nhau, thời duyên phải hạp lúc, sanh chúng chớ cho gần, hoặc gần thì phải thuận hạp, hoặc hộ trì tán trợ, mà người lành là phải kiên tâm trì chí. Tuy không sợ chết nhưng cũng chớ liều mình, vì quả đạo không có ở nơi người chết. Cảnh định là cảnh tự nhiên, tự nhiên là yên lặng. Vậy nên, tâm và cảnh phải yên lặng thì mới có cái sống tự nhiên được.

Trước khi nhập định thì sự việc chi phải cho rồi xong, hoặc nếu có thể bỏ ngang được mà trong ngoài phải không còn dính mắc thì mới yên lặng.

Phép tu phải có động tịnh tập lần từ chút cho quen, chớ khá ham mê thái quá mà ra tù túng bẩn chật. Mỗi khi ngồi phải thay đổi chỗ, không ngồi hai lần một chỗ ngồi, phải tìm nơi thanh vắng hoặc nơi trống trải thấy được chơn trời, bằng nơi chỗ xao động phải ngồi day mặt vào vách, vào gốc cây. Tốt hơn là ban ngày ngồi dưới gốc cây, ban đêm ngồi nơi chỗ trống. Sáng thì phơi chút nắng, khuya nên hứng chút sương. Phải thường xuyên thay đổi để không cho nhàm chán, nhưng không lìa xa mục đích, chính nhờ sự tinh tấn đó mà kết quả vậy. Con đường chánh định là nơi cuối chót của chúng sanh. Chúng ta ai ai khá nên nhập định hết.

CHƠN LÝ 15

BÀI HỌC CƯ SĨ
(CƯ SĨ NHẬT TỤNG)

I. DÂNG HƯƠNG

Kính lạy Phật, Pháp, Tăng tam bảo
Nhang bông đèn khẩn cáo dâng lên
Cúng Phật-đà nhờ lượng bề trên
Cầu cho đặng vững bền khoái lạc
Nguyện những kẻ cùng con ân tạc
Trước cầu xin an lạc mẹ cha
Sau chúng sanh chẳng hạn trẻ già
Thảy đều đặng thuận hòa khỏe mạnh. (lạy)

II. LỄ PHẬT

Kính lạy Phật chí tôn chí thánh
Được hoàn toàn đạo chánh suốt thông
Chỉ một mình tầm đạo hết lòng
Đắc chơn lý thầy không chỉ dạy. (lạy)

Kính lạy Phật, bởi Ngài nhập định
Trên bồ đoàn dùng số tức quan
Trừ ma vương binh tướng tiêu tan
Nên Ngài được thành toàn chánh giác. (lạy)

Kính lạy Phật tròn thân khẩu ý
Đức từ bi, tam giới không bì
Kính lạy Phật Như Lai quá khứ
Phật hiện tiền cùng Phật vị lai. (lạy)

Kính lạy Phật từ bi tự tại
Bởi tội tình đều thảy dứt xong
Các kiếp xưa tự tánh viên thông
Lại còn rõ kiếp trong bá tánh. (lạy)

Kính lạy Phật hoàn toàn đức hạnh
Chứng Niết-bàn bậc thánh cao thăng
Có thần thông xét rõ tột căn
Chúng sanh tánh đạo hằng nhơn quả
Lẽ hư không đều thông thấu cả

Có vật nào Ngài chẳng tường tri
Biết chúng sanh ai có duyên thì
Tìm đặng độ thoát ly khổ hải. (lạy)

Kính lạy Phật ân Ngài quảng đại
Thầy trời người với loại súc sanh
Thấy Tứ đế là đạo rộng lành
Đem giáo hóa nhân sanh đặng thấu. (lạy)

Kính lạy Phật đạo mầu đắc quả
Được siêu sanh khỏi cả tam thiên
Khỏi luân hồi dứt mối nhơn duyên
Cùng diệt độ hưởng miền khoái lạc

Đệ tử nguyện một lòng ghi tạc
Cầu qui y chánh giác nào phai
Xin ơn trên lượng cả Như Lai
Tha tội lỗi từ nay hướng thiện. (lạy)

III. LỄ PHÁP

Kính lạy Pháp dạy đàng Bát chánh
Do kinh này chư thánh viên minh
Đắc Phật-đà La-hán nhờ tin
Qui chơn lý nên mình khỏi đọa
Ai muốn được Niết-bàn thì khá
Tu pháp này dứt cả tham sân

Cùng si mê rửa sạch bụi trần
Siêu tam giới được phần giải thoát. (lạy)

Kính lạy Pháp, tạng kinh là trước
Phật Tổ truyền hiệp các lý chơn
Dạy chúng sanh rõ thấu nguồn cơn
Tu theo đó chủ nhơn sẽ hiện
Chư thánh xưa cũng đều y nguyện
Trì kinh này mới được viên minh
Nào phải ai đem đến cho mình
Hễ tự kiến, tánh linh thì đắc
Chư La-hán, Pháp này gồm chặt
Người chơn tu phải chắc nhớ ghi
Thật Pháp này quí báu không bì
Đệ tử nguyện qui y hướng thiện
Cầu lượng pháp ơn trên xin miễn
Thứ lỗi lầm chí nguyện ăn năn
Cúi đầu xin, chịu giữ luật răn
Mong cầu sự an bằng khoái lạc. (lạy)

IV. LỄ TĂNG

Kính lạy cả chư Tăng tinh khiết
Đáng cho người lành biết cúng dâng
Bậc cao Tăng dứt sự vui mừng
Diệt tội lỗi trừ rồi nhơ tánh
Là Tăng đã đắc thành quả thánh
Tăng quá khứ, hiện tại, vị lai. (lạy)
Kính lạy Tăng y luật Như Lai
Tu chơn lý không nài lao khổ
Dứt tội lỗi thân mình được độ
Nhập Niết-bàn khỏi khổ trần lao
Cùng chư Tăng chẳng hạng bậc nào
Từ sơ quả lên cao La-hán
Đều đáng kể cho người xưng tán
Kẻ làm lành nên ráng cúng dâng
Tăng ấy là ruộng báu cho trần
Nên gieo giống ân cần chớ muộn
Bố thí chi được như dạ muốn
Quyết một lòng kính chuộng nhớ ghi
Thật Tăng này quí báu không bì
Đệ tử nguyện qui y hướng thiện
Nhờ lượng cả ơn trên xin miễn
Thứ lỗi lầm tình nguyện ăn năn
Cúi đầu xin chịu giữ luật răn
Mong cầu sự an bằng khoái lạc. (lạy)

V. SÁM HỐI (ngày Rằm và 30)

Cúi đầu lạy trước bửu đài
Con xin sám hối từ rày ăn năn
Xưa nay lỗi phạm điều răn
Do thân khẩu ý bị màng vô minh
Gây ra nghiệp dữ cho mình
SÁT SANH HẠI VẬT chẳng tình xót thương
Giết ăn hoặc bán không lường
Vì lòng tham lợi quên đường thiện nhân
Oan oan tương báo cõi trần
Trầm luân biển tối chịu phần khổ lao
Xét ra nhơn vật khác nào
Hại nhơn nhơn hại mắc vào trả vay
Lại thêm TRỘM SẢN CƯỚP TÀI
Công người cực nhọc hằng ngày làm ra
Lòng tham tính bảy lo ba
Mưu kia kế nọ lấy mà nuôi thân
Hoặc nuôi quyến thuộc xa gần
Làm cho người phải lắm lần than van
TÀ DÂM tội trọng muôn ngàn
Liệu toan chước sách làm đàng chẳng ngay
Vợ con người phải lầm tay
Mất trinh thất tiết phải tai tiếng đời
Xấu cha hổ mẹ nhiều lời
Xa lìa chồng vợ rã rời lứa đôi
VỌNG NGÔN giả dối ngoài môi

Chuyện không nói có có rồi nói không
Dụng lời đâm thọc hai lòng
Phân chia quyến thuộc vợ chồng anh em
Mắng nhiếc chửi rủa pha gièm
Xóm làng cô bác chị em không chừa
Nói lời vô ích dây dưa
Phí giờ quí báu hết trưa đến chiều
UỐNG RƯỢU sanh hại rất nhiều
Ham ăn mê ngủ nói liều chẳng kiêng
Say sưa ngã gió đi xiêng
Nằm bờ té bụi như điên khác nào
Loạn tâm cuồng trí mòn hao
Nhiều người vì rượu biết bao hư nhà
GIAN THAM những của người ta
Mong sao đoạt được lòng tà mới ưng
NẾT SÂN nóng giận không chừng
Toan làm hại chúng bâng khuâng trong lòng
SI MÊ tin chạ chẳng phòng
Nghe đâu theo đó không thông chánh tà
Chẳng tin Phật Pháp cao xa
Thậm thâm vi diệu bao la trên đời
Nếu con cố ý phạm lời
Hoặc là vô ý lỗi thời điều răn
Hoặc xúi kẻ khác làm xằng
Hoặc nghe thấy ác lòng hằng vui theo
Phạm nhằm ngũ giới thập điều

Vì chưng thân khẩu ý nhiều lần sai
Lỗi từ kiếp trước lâu dài
Đến kiếp hiện tại miệt mài lắm phen
Hoặc vì tà kiến đã quen
Khinh khi Tam bảo lòng bèn chẳng tin
Cho rằng người chết hết sinh
Phạm vào đoạn kiến tội tình nặng thay
Hoặc phạm thường kiến tội dày
Sống sao đến thác sanh lai như thường
Tội nhiều kể cũng không lường
Vì con ngu dốt không tường phân minh
Dể duôi Tam bảo hại mình
Bởi chưng không thấu vô minh nghiệp tà
Cho nên chơn tánh mới xa
Tối tăm chẳng rõ sai ngoa thuở đầu
Hóa nên khờ dại đã lâu
Để cho hoàn cảnh mặc dầu kéo xoay
Khác nào bèo bị gió lay
Linh đinh giữa biển lạc loài bờ sông
Xét con tội nặng chập chồng
Kiếp xưa cho đến hiện trong kiếp này
Con xin sám hối từ đây
Nguyện cầu Tam bảo đức dày độ cho
Tội xưa chẳng hạn nhỏ to
Con nguyền dứt cả chẳng cho thêm vào
Tâm lành dốc chí nâng cao

Cải tà qui chánh chú vào Phật ngôn
Cho con khỏi chốn mê hồn
Đến nơi cõi Phật, Thế Tôn gần kề
Thoát vòng khổ não tối mê
Hưởng miền cực lạc mọi bề thảnh thơi
Từ nay dứt bỏ việc đời
Căn lành gieo giống chẳng rời công phu
Mặc ai danh lợi bôn xu
Con nguyền giữ hạnh người tu thoát trần
Trước là độ lấy bổn thân
Sau giúp quyến thuộc được phần tiêu diêu
Sám hối tội lỗi đủ điều
Duyên lành đều cũng ít nhiều kết xây
Con xin hồi hướng quả này
Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường
Cùng là thân thích tha phương
Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay
Chúng sanh ba giới bốn loài
Vô tưởng hữu tưởng chẳng nài đâu đâu
Nghe lời thành thật thỉnh cầu
Xin mau tựu hội lãnh thâu quả này
Bằng ai xa cách chưa hay
Cầu xin thiên chúng mách ngay với cùng
Thảy đều thọ lãnh hưởng chung
Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai
Nguyện nhiều Tăng chúng đức tài

Đạt thành Thánh quả hoằng khai đạo lành
Nguyện cho Phật pháp thạnh hành
Vạn muôn năm chẵn phước lành thế gian! (lạy)

VI. QUI GIỚI

Kính lạy Phật
Kính lạy Pháp
Kính lạy Tăng
Đệ tử nguyện qui y Tam bảo
Gìn một lòng sám hối ăn năn
Giữ ngũ giới luật răn nghiêm nhặt
Một không giết những loài sanh vật
Hai không tham trộm cắp của ai
Ba không dâm tinh khiết nào phai
Bốn không dối sai ngoa kẻ khác
Năm không uống rượu say gian ác
Lại nguyện thêm giảm các tham sân
Cùng si mê quyết dạ giải lần
Tu thêm hạnh ân cần bố thí
Phép thập thiện con xin gắng chí
Nguyện tu thân khẩu ý cho an
Quyết một lòng gắng giữ vẹn toàn
Mong cầu sự bình an hỷ lạc
Nương Tam bảo theo đàng chánh giác
Cầu ơn trên nước phép rưới ban
Khiến đều cho tất cả thế gian
Mọi người đặng theo đàng thiện nghiệp

Nhờ lượng cả ơn trên độ tiếp
Đệ tử nguyền trọn kiếp quy y
Ngưỡng bề trên xuống đức từ bi
Thường chứng chiếu lòng thành đệ tử. (lạy)

VII. TỊNH TÂM (đọc thầm)

Giữ thân trong sạch hạnh phúc biết bao
Giữ miệng trong sạch hạnh phúc biết bao
Giữ ý trong sạch hạnh phúc biết bao
Thân cùng khẩu ý trọn lành
Xa lìa tội lỗi gần cành hoa sen
Ai mà thân khẩu ý rèn
Giữ theo thiện nghiệp thân bèn đặng an
Ba nghiệp hằng đặng rảnh rang
Thác rồi nhập Thánh là đàng xưa nay
Bị mắng chửi lòng chẳng phai
Với người tham lẫn giận gây chẳng sờn
Giữ mình thanh tịnh là hơn
Dầu ai gây dữ oán hờn mặc ai.
Kính lạy Ta-bà thế giới Thích-ca Mâu-ni Phật. (lạy)

VIII. TẨY TÂM (trước khi cúng dường)

Bạch chư Đại đức: Sợ vì con đã dể duôi không đem lòng thành kính, do thân khẩu ý của con bất tịnh mà phạm đến Phật Pháp Tăng.

Bạch chư Đại đức: Cầu xin chư Đại đức xá tội lỗi ấy cho con, bởi các tội lỗi ấy là quấy thật, đặng cho con an tâm làm những việc lành từ nay về sau. (lạy)

IX. XIN CÚNG DƯỜNG (sớt bát)

Bạch chư Đại đức:

Chúng con xin dâng các vật lễ này, gọi là lễ cúng dường vật thực (y, bát, cốc, thuốc uống).

Những món ăn: cơm, bánh trái được hạp theo lẽ đạo, có cũng được hợp theo luật đạo để dâng cúng đến Phật Pháp Tăng.

Xin Tam bảo chứng minh!

Ngưỡng cầu cho các bậc ân nhân, nhứt là cha mẹ chúng con, tất cả chúng sanh và chúng con đều được sự tiến hóa, lợi ích và bình an lâu dài.

X. HỒI HƯỚNG (sau khi để bát rồi)

1. Xin cho phước thí mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành để dứt khỏi những điều ô nhiễm ngủ ngầm trong tâm trong ngày vị lai. (lạy)

2. Xin cho phước thí mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành để tránh khỏi những điều phiền não ngủ ngầm trong tâm trong ngày vị lai. (lạy)

3. Xin cho phước thí mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành để thấy rõ cảnh Niết-bàn trong ngày vị lai. (lạy)

4. Xin cho phước thí mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành để cho tất cả cõi đời, chúng sanh thành Phật trong ngày vị lai. (lạy)

XI. CẦU NGUYỆN CHUNG (đọc thầm trước khi lui ra)

Ngưỡng cầu các đấng chư thiên
Trong vòng tịnh xá ngự yên hằng ngày
Ngự nơi đền tháp xưa nay
Ngự nơi biệt thất, nơi cây bồ đề
Chúng tôi xin hội họp về
Đặng dùng phước thí tiện bề cúng dâng
Cầu xin hộ độ chư Tăng
Cửa thiền ẩn náu, phước hằng hà sa
Tỳ-khưu chẳng luận trẻ già
Cao hạ, trung thấp, hoặc là mới tu
Thiện nam tín nữ công phu
Đều là tín chủ cũng phù trợ nhân
Những người trong khắp thôn lân
Kiều cư châu quận được phần an khương
Chúng sanh bốn loại không thường
Noãn thai thấp hóa khi nương pháp lành
Giải thoát pháp báu nên hành
Đặng mà dứt khổ, chuyển quanh đọa đày
Cầu xin hưng thịnh lâu dài
Pháp thiện trí thức các ngài mở mang
Bậc tu xin được bình an
Cầu cho Tăng chúng các hàng hòa nhau
Lại thêm phẩm hạnh thanh cao
Đắc quả lợi ích kíp mau kịp thì
Cầu xin Pháp bảo hộ trì

Cho người tu đã quy y Phật rồi

Xin cho cả thảy chúng con

Tiến hóa trong pháp, Phật noi giáo truyền. (lạy)

XII. PHÉP CÚNG DƯỜNG CỦA THIỆN TÍN

Mỗi khi gặp các nhà sư nơi đâu, người thiện tín liền để đồ vật qua một bên, bước đến xá 3 xá. Nếu như đang ngồi tại chùa hay gốc cây thì thiện tín quì xin thọ qui giới và đọc bài tẩy tâm, rồi sẽ xin cúng dường. Nếu nhiều vị sư và nhiều thiện tín có nhiều món ăn thì các sư ngồi có hàng, đưa bát ra trước mặt, thiện tín đi sớt vào bát từ món giáp vòng, từ người này tới người kia cho đủ bát, mỗi món chút ít cho đủ phép. Khi xong rồi, ngồi lại một bên đọc kinh Hồi hướng. Sau đó nhà sư giảng giải ít lời, kế thiện tín đọc thầm bài cầu nguyện chung trước khi lui ra. Thiện tín khi dâng đồ chi phải đưa tới tay vị sư, rồi để xuống sắp ngay chỗ, tuy không đưa lấy trao tay nhưng phải có sự chứng minh. Món ăn, đồ vật, bánh trái nguyên phải xé ra một chút hoặc mở ra một phía. Khi cúng dường phải có nước uống, nước rửa tay. Nếu muốn ngồi nghe kinh pháp phải ngồi cách xa hai chỗ ngồi, nghĩa là trên một thước tây.

CHƠN LÝ 16
CƯ SĨ

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ DU TĂNG KHẤT SĨ

Chúng tôi chư du Tăng khất thực, sống với lẽ chung của tất cả chúng sanh, theo chơn lý võ trụ, không phân chia chủng tộc, màu da, phái môn, giai cấp, bần phú, sang hèn, cỏ cây, thú người, Trời Phật. Mục đích chánh đẳng chánh giác là quyết đến nẻo giải thoát hoàn toàn, không vì nhỏ hẹp mà đem mình vào sự trói buộc phiền não. Vậy nên theo giới luật Phật xưa, nhà Tăng không ở một chỗ thâu nhận tín đồ bổn đạo riêng, mà phải vân du khắp nơi cùng xứ, vừa học với tất cả mọi người, vừa đem sự học của mình giúp ích cho ai nấy trao đổi lẫn nhau, để cho sự học nhờ kinh nghiệm trong chỗ hành, mà chóng được đủ đầy toàn giác.

Vả chăng, cõi đời là trường học, có đủ nhiều lớp từ thấp đến cao, để dắt người từ ác đến thiện, đến huệ, đến giải thoát, đến Niết-bàn, mà giáo pháp khất sĩ lại là mức cao viễn cuối cùng tối thượng. Người được đến đây đã phải trải qua bao lớp học của các tông giáo cư sĩ, thì các phái môn đàng nào cũng hữu ích cả. Bởi Giáo hội Tăng già Khất sĩ tu Giới Định Huệ, không có sự học nương văn tự của bước đầu. Khất sĩ là pháp tu hành sau sự tập học của cư sĩ, chỉ là một lớp riêng rất ít của chúng sanh. Thế nên chư Tăng không bỏ những ai muốn theo nếu có thể giữ giới luật được, dù bất cứ cư sĩ nào, và không bao giờ thâu nhận số đông lớp yếu nhỏ.

Trường đạo đức võ trụ, chúng sanh là học trò chung, các lớp chung, càng nhiều rộng càng quý ích, để dắt người từ bực bước lên đến mục đích chung, là sáng suốt hiền lương, và khỏi khổ. Giải thoát từng lớp để tiến đến sự giải thoát hoàn toàn, mà thiết tưởng mỗi người, chắc không ai có ý gì muốn trói buộc, để làm trễ nải cuộc tiến hóa chung. Ấy thế, Khất sĩ là một lớp trong nhiều lớp, không phải hiệp, không phải chia.

Chư Tăng quen sống với lẽ chung bình đẳng, học cho mình dạy cho người, tránh khổ cho tất cả, mong cầu sự giải thoát, rảnh rang, yên tịnh, dứt nghiệp, xa hẳn vật chất của tiền, không biết đến việc ngoài chi cả. Cho nên về tứ sự: sự ăn, sự mặc, chỗ ở, khi bệnh nếu cư gia sẵn lòng hộ pháp làm duyên, thì quý ngài có thể hộ cho thực phẩm đơn sơ chay lạt, đạm bạc, cốc lều tranh lá, chăn áo vải bô, thuốc men thường thức... để không đến nỗi phải vướng tiếng nhiễm ô vật chất, tham đắm bạc tiền, biếng nhác lánh đời, ăn hại xã hội, hoặc đạo chỉ mong cầu danh lợi đó thôi.

Về trật tự mà quý ngài sắp dùm được sự thanh tịnh cho Tăng, thì các Tăng sư sẽ thường tới lui, nhắc nhở cho quý ngài, và được chỗ nghỉ đêm trong khi mưa bịnh giữa cõi đời ly loạn, thì chúng Tăng rất xin đa tạ, cầu chúc quý ngài mau nhẹ nghiệp, vượt lên bờ giác, nương theo chúng Tăng để hiệp hòa chung sống nơi nhàn cảnh.

Xin nán đợi các ngài!

ĐOÀN DU TĂNG KHẤT SĨ

TẠI TỊNH XÁ

Mở cửa từ 7 giờ sáng tới 5 giờ chiều, ngoài giờ thuyết pháp hoặc có sự việc.

Ni lưu có đến, nghỉ chân nơi nhà ngoài.

Thiện nam có đến, nghỉ chân nơi nhà ngoài.

Tín nữ có đến, nghỉ chân nơi nhà ngoài.

Xin phải giữ sự trang nghiêm thanh tịnh, trẻ em đến hãy theo chỗ riêng nam nữ, phải có mặc áo quần, chớ phá giỡn la luồng tuông. Cốc riêng của

Tăng xin chớ ai vào, chớ ai ngồi chung với Tăng một tấm chiếu, chớ đưa lấy đồ trao tay, phải có sự chứng minh.

Xin chớ cười cợt nói giễu, nói lớn tiếng.

Xin đừng sai khiến, ra lệnh, bảo rầy.

Ni cô nếu vào tịnh xá Tăng, phải đi từ 4 người sắp lên, tín nữ phải đi từ hai người sắp lên, chớ ở quá hai giờ đồng hồ, xin chớ nói hỏi nhiều, cũng đừng nhắn đưa thơ từ giấy tờ, tin ngoài gì cho Tăng cả.

Thiện nam nương theo Tăng, tín nữ nương theo Ni.

PHẬN SỰ CỦA PHẬT

1. Trong buổi mai Ngài ngự đi trì bình khất thực, trưa độ cơm.
2. Trong buổi chiều Ngài thuyết Pháp.
3. Trong buổi hoàng hôn Ngài giáo hóa chư Tăng.
4. Trong canh khuya Ngài đáp lời vấn của chư thiên.
5. Trong canh 5 Ngài xem xét đến chúng sanh và nhân duyên.

PHÉP CƯ SĨ

Tam tụ (gom hiệp sống chung):

1. Dứt các điều ác.
2. Làm các điều lành.
3. Từ bi tế độ tất cả chúng sanh.

Lục hòa (yên vui hòa nhã)**:**

1. Thân cùng nhau hòa hiệp ở chung
2. Miệng không tranh đua cãi lẫy.
3. Ý ưa nhau không trái nghịch.
4. Giới luật đồng cùng nhau tu theo.

5. Kiến thức riêng chỉ giải cho nhau.

6. Lợi quyền chia đồng với nhau.

1. NHƠN LOẠI: Nhơn ái, nhơn từ, nhơn đức, lòng nhơn là đức từ ái. Có chơn chánh mới có nhơn, nhơn là hột giống (loài người có được hột giống biết, giác, Phật). Nhơn đạo là không sát sanh (người, thú). Nhơn người là biết có người, người là một nấc thang thiện, cao hơn cõi ác thú sinh lầy; kêu gọi là GIỚI BẤT SÁT bước đầu; nói hẹp là thân sống với một gia đình, giáo lý trăm năm, nương theo vật chất sắc thân.

2. CHƯ THIÊN: Là trí thanh thiện có học đạo lý, trí sống với xã hội một xứ, giáo lý ngàn năm, nương theo tinh thần, là nấc thang trên nhơn loại, có ba cõi:

a. Dục giới: Còn ưa muốn (của 6 thức), bậc trì giữ năm giới:

1. Không sát sanh

2. Không trộm cắp

3. Không tà dâm

4. Không nói dối

5. Không uống rượu

Mỗi tháng ăn chay sáu ngày, về theo Tam bảo Phật Pháp Tăng (hết dâm còn dục, ở trong nhà, gọi dục giới).

b. Sắc giới: Còn chấp có sự thiện, có các pháp (của 18 giới), bậc trì giữ 8 giới: 5 giới kể trên, cộng thêm:

6. Không ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chiếu lớn xinh đẹp.

7. Không nghe xem hát múa đờn kèn, chỗ vui đông yến tiệc.

8. Không trang điểm phấn son dầu hoa, áo quần hàng lụa tươi tốt.

Trường chay về theo Tam bảo Phật Pháp Tăng (hết dâm hết dục, ở chùa am, nam theo xứ nam, nữ theo xứ nữ).

c. Vô sắc giới: Chấp không không, không cái có, không phân biệt, không biên lường, bỏ nhớ tưởng, bậc trì giữ mười giới: 8 giới kể trên, cộng thêm:

9. Không ăn sái giờ, từ quá ngọ đến ngọ mai, ăn chay.

10. Không rớ đến tiền bạc vàng, của quý, đồ trang sức.

Về theo Tam bảo Phật Pháp Tăng. Cất cốc ở riêng một mình trong núi, chỗ vắng, động, hang (hết dâm hết dục, hết sắc).

3. DÂN XỨ PHẬT: Hộ pháp chư thiên, cận sự nam, cận sự nữ là người cư sĩ, gần Tam bảo, tập xuất gia:

a. Người giữ 5 giới, mỗi lần tới chỉ 2 giờ đồng hồ, nghỉ chân nơi nhà ngoài.

b. Người giữ 8 giới được ở từ sáng tới chiều, nơi nhà ngoài.

c. Người giữ 10 giới được ở luôn ngày đêm nơi nhà ngoài.

Người không có giới mặc áo quần đen.

Người 1 giới mặc áo trắng quần đen.

Người 5 giới mặc áo quần trắng.

Người 8 giới mặc áo đà quần trắng.

Người 10 giới mặc áo quần đà.

Áo trung bình: Bề dài xương sống 1 mét, kích 0,7 mét, tay 0,85 mét, ống tay 0,2 mét; cổ, lai, bâu, đinh, nếu người nam thì 0,03 mét, nữ thì 0,02 mét. Đây là áo trung đạo bình đẳng không giai cấp, cùng là áo đạo của tất cả cư gia.

Tăng là người giữ 250 giới, Ni giữ 348 giới, đắp y vàng, mang bát nhà sư.

Những người vào cận sự Tam bảo tập xuất gia, có ba bậc:

a. Người mới nhập đạo còn tới lui cõi thế, kêu là Nhập Lưu.

b. Người mới nhập đạo còn tới lui cõi thế một lần, kêu là Nhứt Vãng Lai.

c. Người không tới lui cõi thế nữa, kêu là Bất Lai.

Bậc xuất gia thọ giới rồi kêu là Vô Sanh.

Bậc giác ngộ nhân duyên rồi đi du hành một hai người, kêu là Duyên Giác.

Bậc đi giáo hóa chúng sanh thâu đệ tử đông, kêu là Bồ-tát.

Bậc hưu trí nghỉ ngơi kêu là Như Lai.

Đó là 7 đạo, bậc nào đắc trí huệ và quả linh thì gọi là đắc quả (có 7 quả trong 7 đạo). Gồm hết là một Niết-bàn, chót hết, nín nghỉ hoàn toàn, là sự kết quả của đạo lý, gọi chư Phật. Phật là tâm lành sống với cả chúng sanh, một thế giới giáo lý muôn năm. Vậy nên cư sĩ đừng tham danh lợi tình thương mà phải khổ, chết, điên, cuồng vô ích.

a. Người không giới ở theo xứ không giới.

b. Người một giới ở theo xứ một giới.

c. Người năm giới ở theo xứ năm giới.

d. Người tám giới ở theo xứ tám giới.

e. Người mười giới ở theo xứ mười giới.

f. Người 250 giới ở theo xứ 250 giới (là Tăng chúng).

Như vậy thì hạnh phúc sẽ toại lòng, do nhờ giới luật mà được yên vui, yên vui nhiều ít là do giới luật, hiền theo hiền, dữ theo dữ tự mình. Chớ đừng quyến luyến tình nghĩa, tham tiếc lợi, mong cầu danh, mà ở chung lộn xộn thiện ác một gia đình, tu không tu một xã hội mà phải khổ với nhau, phải quấy trắng đen hai nẻo, không ai vừa ý ai thì không thể hòa, không hòa là không đạo, không yên vui chung sống.

Trong đời nếu không có giới luật hoặc giới luật khác nhau thì nào phải là vua quan, cha con, chồng vợ, xã hội, gia đình, mà tức là giặc nghịch, chính mình cũng làm giặc lấy mình nữa.

LỜI KHUYÊN CƯ SĨ

Đã là cư sĩ thì cần phải hiểu biết mục đích của mình, chúng sanh là từ cái không biết đến có biết, và biết hoàn toàn (hay toàn giác là Phật), chưa biết đến biết và đã biết (là nghỉ ngơi), từ tối đến sáng và yên lặng. Chúng sanh là

học trò vô minh dốt nát đến cư sĩ tại gia, đến Tăng Khất sĩ xuất gia, và đến Vô thượng sĩ là Phật; nghĩa là học ở nhà, đi du học, và học đầy đủ.

Của cải, sắc thân, quyến thuộc, cuộc đời thảy bỏ hết, mà chỉ còn tồn lại cái giác biết, của sự học là hết mê lầm, thì mới không còn sự khổ.

Vậy nên đời là trường học chung, càng nhiều lớp phái môn càng tốt, chớ chê bai chỉ trích lẫn nhau, bởi không phải tất cả đều học chung một lớp được. Chúng sanh đủ cỡ tấn hóa không đồng, mà một người học chín người phá, lại chín người học một người hại, vậy phải làm sao cho mười người đều mắc phải có sự học, có hiểu chơn lý mới biết thương yêu nhau. Nên trường phải nhiều lớp, mỗi lớp phải nhiều ngăn, lớp trên thương dắt lớp dưới, lớp dưới mến kỉnh lớp trên để sống chung, chung học. Ai thi đậu là vui, ai học giỏi thì yên, trước dùng văn tự mở trí, để đi sâu vào chơn lý nhiệm mầu, hãy chất chứa gia tài là Pháp bảo. Tạo tâm chơn làm sự sống, giới hạnh làm chỗ ở, từ bi làm quyến thuộc, mà cùng nhau dứt bỏ sự chơi bời.

Như cõi đời hôm nay, giờ chơi đã hết rồi, bây giờ phải chăm chỉ học hành. Trường học thế giới đã mở cửa là chiến tranh. Học sanh xưa nay bỏ học quên tu lu bù lem lấm, bỏ đạo theo đời, rối khổ mệt nhọc. Nay là lúc phải bỏ ham chơi, đi tìm học, đặng tìm hạnh phúc sự sống trở lại yên vui.

Trong trường học, học trò phải vượt qua đủ các lớp từ thấp đến cao, mà giáo phái, tông môn nào cũng là của mình tất cả, hoặc đến rồi, hoặc chưa đến, chớ không phải ở hoài một lớp học một bài giữ mặt đất, loài người, mà hại kẻ khác, để sống hoài một tuổi, ở một nơi đặng chặt đứt sự tiến hóa của mình và ai nấy.

Bởi vì giáo lý chủ nghĩa nào cũng phải cả, mà chỉ phải do nhơn duyên trình độ, hoàn cảnh của mỗi người thôi. Không ai có thể theo ai được, thì cãi mà làm gì? Và cũng không ai có quyền gì áp chế ai được. Biết đâu sau này mình phản lại lý thuyết của mình mà theo kẻ khác, bởi sự học đã đi tới, hoặc ý đã bị xoay theo cảnh ngộ thời duyên, rồi chừng đó ta lại còn nói ai được nữa! Chúng sanh đều biết mục đích của sự sanh ra là học, thì nào có ai đã

học đủ, mà mong đến ngôi vị chủ tể tổ thầy? Nào ai đã dạy được bậc tài giỏi hơn mình, vậy thì lấy gì trị phục người, mà trị phục để làm gì? Đâu phải là sự đánh đập chém giết, vả lại sự sống của ai nấy cũng như nhau. Còn như mình nào đã học giỏi hơn hết thảy, vì càng học càng dốt kia mà? Hơn thì chớ chắc hơn, kém thì nên gọi kém. Vậy mỗi ai nấy lo tu học, chẳng là hay hơn hết, dòm ngó nhau mà làm gì? Chúng ta nên ráng lo học, để cho được sáng suốt hiền lương và khỏi khổ. Chớ nói liều không học là hay. Bằng chẳng có thầy thì hãy theo bạn, để cho có người dạy dỗ mỗi ngày. Hoặc chọn người giám đốc, đức cao trí sáng, để nhờ sự sắp đặt chỉ bảo mới nên (bởi đức quý hơn tài và được bền dài mãi mãi).

Ráng lo học hành, vui chung, chung sống, dứt bỏ điều càng, tập gìn giới hạnh, để tạo một phong hóa trang nghiêm, sắp đặt chương trình kỷ luật, phân biệt cho xa khác với trẻ em, tạo nên thiên đường, Phật quốc trên mặt đất, cùng nhau chung góp trí lành để lập thành đạo tràng, cho mai hậu ấy mới là người đáng sống của đời nay.

Mỗi người phải biết chữ.
Mỗi người phải thuộc giới.
Mỗi người phải tránh ác.
Mỗi người phải học đạo.

Trò nào quay về thầy nấy, lo ăn và học, chớ ở lang thang bởi chen lộn sợ sệt mới phải phiền não cùng nhau. Giáo nào về lớp nấy, môn nào về bàn nấy để hiệp hòa chung sống; da nào áo nấy, nồi cơm nào tô canh nấy, mới mong tránh khỏi sự phiền hà. Đến bao giờ chúng sanh trí lớn, học cao, mới mong được sự không còn ai kia khác. Nếu bằng ta muốn dạy người thì tốt hơn là để tự người tìm rước thỉnh cầu. Đã là chúng sanh thì ai cũng là chữ sĩ học trò; vậy chúng ta thử hỏi: Môn học nào mới bổ ích? Một khi đã xét kỹ và lựa chọn xin chúng ta siêng năng học tập, bỏ qua sự ăn chơi lêu lổng, thì mới mong được sự đắc quả thành công.

Vậy nên xin khuyên người cư sĩ tinh cần giữ giới, định tâm lo học, chớ day qua ngó lại phí mất thì giờ, xao động lớp học, có lỗi không nên.

Thánh kia mà còn chẳng nói tin ý của mình thay, huống chi là chúng ta mà đi chê kẻ khác. Vậy nên nhớ rằng: Thiện mới là phải hơn ác thôi, tranh cãi bao giờ cũng sái trật!

PHÉP ĐỊNH TÂM CƯ SĨ

Muốn ĐỊNH thì phải chánh.

Muốn CHÁNH thì phải thiện.

Muốn THIỆN thì phải phân biệt ác để dứt trừ.

Không ác thì khỏi quả báo hành phạt khổ sở.

Muốn ĐỊNH thì phải trong sạch, không không, thanh tịnh.

Muốn TỊNH thì phải có sự vui.

Muốn VUI phải có mừng.

Muốn MỪNG phải có sự tầm tõi quán xét.

Có TẦM SÁT thấu hiểu chơn lý lẽ đạo, mới có sự mừng.

Hết mừng mới đến vui. Hết vui mới đến tịnh sạch. Có tịnh sạch mới có định. Kẻ ác là bởi không định. Kẻ thiện mà định không được thì khổ. Kẻ trí không định thì điên.

Có định mới dứt khổ, vì khổ mới cần định. Cho nên gọi định là đạo Niết-bàn, để kết quả chơn như sau khi giác ngộ. Chơn như sau vọng động, định sau khi loạn, giác sau khi mê. Lìa loạn đến định là do nhờ chánh kiến của tầm sát. Được tầm sát là nhờ thiện ngăn ác, tức là giới luật. Giới nhiều định nhiều, giới ít định ít. Loạn là thất bại hư hoại, giả dối, bên ngoài, không không, chẳng được gì ích lợi cái có cái ta chơn thật. Cũng ví như con sâu đeo ngoài vỏ trái bị nắng mưa sương gió, nhọc sức trơn trợt leo trèo quẩn lộn. Định ví như vào tận trong hột trái, ở trong ổ ấm để ngủ nghỉ ăn no, nên kêu là nhập định. Người ta hằng ví rằng giới luật là vỏ trái cây, trí huệ là thịt cơm, định là hột, chơn như ấy ngòi mộng, tức là Phật. Thế nghĩa là giới định huệ nuôi chơn như, là sự giác ngộ ẩm kín trong cõi trần.

Có tầm sát, hỷ, lạc, tịnh, mới có định. Muốn tầm sát thì phải thiện. Người thiện không bị rối khổ, mới có thì giờ thong thả, mà tìm xét sự giải thoát cuộc đời, để bước đến cõi lý trí thanh nhàn khoái lạc. Chẳng phải là sự học giỏi thông minh mà thành công. Người ta dầu học bực nào, nhưng nếu ác, thì oan trái nặng nề, bắt buộc phá hại, đốc xúi kéo lôi, dễ gì tự chủ mà hòng làm nên kết quả? Thiện là định, ác là loạn. Trí là hiểu trắng, kẻ hiểu trắng lẽ nên, không phải là lời nói, chữ viết, thông thái, học nhiều, sức lực, nghề hay, mà không cần phân chia thiện để làm ác rồi phải chịu đau sầu! Có giới mới có trí, vì giới là ngăn ranh của thiện ác mà nơi người thiện. Giới tức là trường học, nhà lớp chỗ ở của học sanh, ở đó định tâm thì được học, là trí huệ mới đến nghỉ ngơi "toàn giác".

Vậy muốn thiện phải hiểu chơn lý lẽ thật cõi đời mới biết được nẻo tới lui, sanh tử, mà không phải là sự hủy mạng liều càn. Có hiểu chơn lý mới chịu dứt bỏ lục trần, không bị ngộp trong trần vật chất, không bị bao vây đen tối, thì mới hết ác hung mê muội. Loài người mà trí soi vẹt được lục trần: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, mới thiện lành, vượt lên Trời Phật, để thoát ra khỏi địa ngục vật chất nấm mồ.

Vả lại:

1. Tiền bạc là không có, trước kia thú ăn trái lá cây, cổ nhơn cuốc đất cấy cày, tiền bạc không dùng, nên là sạn sỏi.

2. Ruộng đất cũng không, đất của nước lóng sanh, cỏ cây người thú mới tượng ra, ai ở đâu đi đâu cũng được. Sanh thì ở, chết lại đi, kẻ đi qua, người sắp đến, vốn không có chủ tớ ít nhiều. Trước sau tạm ở để tấn hóa học hành, bước lên tinh thần Trời Phật, chẳng có sự tham tiếc mua gì của lẽ tạo hóa nhơn duyên được.

3. Của cải, tài hay, nghệ nghiệp cũng là không. Xưa Hiền Thánh nuôi thân để trau tâm, thanh bần đơn giản thua kém bề ngoài, mà trong tâm lại giàu sang trí mạnh, ấy nào phải khoe khoang, tôi tớ không công cho xác thịt, mảng lo tạo sắm, giữ gìn mê chơi, mất học, bỏ thì giờ.

4. Vua quan, giàu sang, tội dân, nghèo khó cũng là không có. Vua quan vì hoàn cảnh do người tôn lập chẳng phải tự mình xưng, giàu sang tự người giúp đỡ, nào phải tại giựt giành. Sự sống chúng sanh là như nhau bình

đẳng, kẻ thiện từ há lại có sự nghèo dân tội cho ai sao? Trong đời chỉ có hiền thiện là đúng hơn hết, vì thiện là sống và yên vui đi tới, ác là chết và rối khổ đi lui!

5. Sống chết vốn không, chỉ là sự tấn hóa, bỏ vỏ lấy hột, bỏ xấu lấy tốt, bỏ nhỏ lấy lớn, như cởi bỏ áo quần cũ dơ, thay đồ mới sạch, như bỏ cái chán nhàm khổ nhọc, đổi cái già bịnh, để đem lại sự tươi xuân. Có chết mới biết sống, biết giác ngộ lẽ thật mà tấn hóa!

6. Cha con không có, tiếng cha con là giáo lý cho vay và trả nợ của kẻ không đường, chớ chúng sanh tiến từ cỏ cây thú người do tứ đại, sau trước là kẻ đồng hành sanh ra từ duyên nghiệp; kẻ không biết đường đi mới núm níu nương nhau, cho là nghĩa phận, sự vần công. Quá khứ vị lai có biết đâu ai vầy ai khác, sự chen lộn trong hầm trần. Bằng mà bước lên đi tới dắt đường, dứt sự trói buộc chết chùm, ấy mới gọi là hiếu đạo.

7. Chồng vợ nữ nam cũng không có, chỉ thật cái biết là chúng sanh. Sắc thân tội nghiệp nương theo cây thú, đực cái đổi thay, đâu có tự cao tốt đẹp, luyến ái giữ gìn, nối dòng sanh sản, khốn họa muôn đời!

8. Sắc đẹp ra ma, tốt qua xấu đến, thân tướng không thường, bóng hình tan rã, tiếng thanh lời dịu, mùi thơm vị ngọt, êm láng mịn màng, các pháp lăn xoay, gia đình xã hội, quyến thuộc bà con, danh lợi sắc tài... thảy là mộng ảo, điển chớp mây bay, vọng động không ngừng, lý lẽ không thông, phiền não không rồi, vô ích mà không thật. Chết hết rồi thì còn âu sầu sợ sệt, áo não, đau thương, vơ vẩn mãi mãi, chỉ một bóng hình mình mang chịu, mà nào có ai chia sớt hỏi han giùm? Âu là ta để tâm niệm Phật Pháp Tăng thanh tịnh, chẳng là an nhàn khoái lạc khỏe khoắn hơn nhiều, mà lại vui hay, cao nhẹ biết là bao!

BƯỚC CHÂN CƯ SĨ

Bước chân vào cõi đời gian nguy, người cư sĩ phải cần đem theo giới định huệ. Vì không thế nào với cái tham sân si mà được sống đời nên công kết quả cho được!

Một ông vua mà còn chút điểm say mê, một vị quan tâm còn sân giận, một người giàu sang mà ý còn tham lam, là sẽ thất bại (vì không đạo). Cho đến đối với tất cả các hạng sĩ, nông, công, thương, nghèo nàn, dân tội, mà còn tham sân si, thì không được tấn hóa, lợi ích và bình yên lâu dài. Từ trong gia đình đến ngoài xã hội, cùng khắp cả thế gian, tham sân si là cái chết sình từ trong ruột mà ra, nó sẽ giết thân mạng ta, của ta và tất cả trước khi ta lo làm, hoặc lúc đang lo làm, cùng lúc mới lo làm vừa xong, nó không bao giờ để yên cho ta hưởng được kết quả! Chính tham sân si là ác độc, là khổ hại. Đối trị nó chỉ có đạo đức của giới định huệ mà thôi. Vậy nên mỗi ai đều phải xuất gia khất sĩ, để tu tập học hành pháp bảo ấy.

Trước khi để chưn vào nơi mọi chỗ, hay muốn nối tiếp mọi việc, ta cần phải đứng im lại một lúc để xem xét mình kỹ lưỡng, rồi sẽ bước chưn vào. Người tuổi trẻ đúng 18 tuổi phải nghỉ chưn vào trường đạo hai năm để tập sự khất sĩ. Như vậy về sau tu hành luôn để giáo hóa chúng sanh mai hậu là càng quý, còn bằng có trở ra lìa cõi Phật, thì cũng còn được đứng vững bậc Trời người, là do nhờ có tu tập đức hạnh hiểu thông đạo lý, hiền lương sáng suốt. Hột giống trì giới nhập định trí huệ đã có sẵn trong mình thì được mong sự thành công trong mọi việc.

Người từ 20 tuổi tới 48 tuổi, mỗi người đều phải lựa thì giờ để ra hai năm đi tu học, càng sớm càng hay. Sự đi tu học cần thiết hơn miếng ăn thân sống, quý nhứt là sự trang sức chỉnh đốn cõi đời, lập xứ trang nghiêm tịnh độ cho chúng sanh trong ngày hôm nay.

Người già 48 tuổi phải đi xuất gia khất sĩ hết thảy. Người bịnh tật ở tu học tại chùa. Người đủ căn duyên phước đức thì ra đi hành đạo giáo hóa chúng sanh khắp nơi, cho đến ngày giờ nghỉ ngơi hưu trí.

Cha mẹ chớ bắt con nuôi, khi tuổi già 48, xác thân vật chất đã hao mòn; mà đến lúc phải sống bằng đạo đức tinh thần, để đem giáo lý chỉ dạy cho kẻ nhỏ về sau. Dầu ít dầu nhiều, do sự học hành kinh nghiệm, đã từng trải qua nhiều năm khắp xứ, đặng dắt đường dẫn lối cho trẻ nhỏ lầm sai. Vừa là sự thi ân không cầu báo, để tránh nạn cha chết con già, ngàn đời dốt học, thân hư,

tâm trệ. Vừa là tránh sự ích kỷ tình thương, mê đắm lục trần, cùng sự luyến ái quyến thuộc luân hồi lộn kiếp. Còn kẻ làm con chẳng đặng để cha mẹ nuôi mình, khi đã 18 tuổi phải tự mình tìm lo ăn học, đi tu. Chẳng nên làm tội kéo níu cha mẹ, mà gọi là hiếu thảo (không tròn).

Phải nuôi con 18 năm y như cha mẹ nuôi mình khi trước, như vậy là trả đủ. Nuôi con tức đền ơn cha mẹ. Hoặc người có học thì phải lo tu đặng giáo hóa, cứu độ cả chúng sanh chung mà đền ơn thí chủ cha mẹ muôn đời mới phải.

Kẻ có dư nên bố thí giúp cho người thiếu, ta cho người vay, người trả cho lại kẻ khác, kẻ khác nữa trả lại ta khi ta thiếu hụt, chan hòa cho nhau, theo lẽ lăn xoay tiến hóa của võ trụ, chớ đừng đứng lại đi lui mà phải đụng chạm, trở ngại cho nhau.

Nếu là kẻ thật hiền thì phải thấy rõ mục đích sanh ra đời là để học, công ơn cơm áo của cỏ cây thú người Trời Phật, đất nước lửa gió, từ xưa nay phải ráng lo đền trả bằng cách thi đậu đắc quả làm Phật, thuyết pháp cứu độ đông người, theo lòng mong cầu của họ. Chớ đừng nghỉ quấy, bỏ sự ăn học lỡ dở, để đem thân đi làm nô lệ cho một hai người trong ngày hôm nay, dầu có ai mê muội hỏi đòi thì ta mau hãy giải rành cội lý. Ân nghĩa hãy dẹp qua một bên đó đợi ngày sau, còn bây giờ ta tiếp lo ăn học tu hành. Nếu lo sớm trả vần công ắt là dốt học, đã không rồi còn thêm tội ác khổ não, mà không có được sự chi ích lợi. Nên phải tập sống theo phép không ta, không của ta, theo lẽ thay đổi tiến hóa. Người này nấu cơm, người khác ăn; người kia may áo, người nọ mặc; kẻ khác cất nhà, người này ở; kẻ kia đau, người nọ nuôi. Mỗi năm đổi một bộ áo cho nhau, hai năm đổi nhà cho nhau, đổi cha, đổi mẹ, đổi anh em, con cháu, đổi thầy, đổi bạn, đổi học trò, để chung sống, chung học, theo trung đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng, để diệt bỏ vô thường tương đối của hai bờ lề thái quá bất cập, khổ não không ta.

Mười người phải xuất gia khất sĩ một, vì ngoài cách tu ấy, không có pháp thứ hai nào diệt trừ tham sân si ác độc được. Và cư sĩ với khất sĩ kẻ xin tài,

người xin pháp; tài pháp bố thí trao đổi cho nhau, cũng như có đủ linh hồn xác thịt, thân tâm, vật chất tinh thần thì mới sống. Mà cần nhứt là đạo lành phải còn giữ mãi mãi, chớ nếu mất đạo thì trần thế không còn. Về xác thân ta thì có mất, chớ tâm hồn đạo đức vĩnh viễn không tan hoại. Ai ai cũng đều như vậy hết.

Giàu sang nên phải xuất gia, nghèo nàn nên lo cúng thí, thì nạn chết khổ tự nhiên sẽ hết.

CHƠN LÝ 17
TÂM

1. Người Tàu viết chữ Tâm, là vẽ hình trái tim, nhục tâm trong thân người, có ba ống vòi lớn truyền lọc máu và phân phát khắp thân mình chất nóng, làm cho sống được nên gọi nhục tâm là chủ của thân. Cũng gọi nhục tâm là quân hỏa (chỗ phân chia lửa, hay như ông vua lửa). Người ta kêu nó là tâm, cũng bởi khi ta ngồi xuống, thì từ đầu đến chân trái tim ở chặng giữa, trung tâm. Trái tim của chúng sanh ở bên tay trái, nên gọi là chúng sanh có tả tâm (tâm tà). Và tâm ấy vốn là sân giận nóng lửa, tức là tâm lo cho sắc thân vật chất hữu hình tả đạo.

2. Chữ tâm, trên có ba điểm như sao giăng, dưới có cái vòng móc như mặt trăng xế, cũng có nghĩa là ba điểm: tinh, khí, thần; hay giới, định, huệ ở nơi sắc thân này gọi là tâm. Tâm ấy là sự ngăn ác, giữ mình trong sạch, yên lặng và sáng suốt, mới thiệt là trung tâm điểm, cốt yếu của sự sống đời, là ta vậy.

3. Hình của chữ tâm, trên có ba điểm cũng tức là thọ cảm, tư tưởng, hành vi. Còn dưới là cái câu móc hình đứa nhỏ, ngồi trong thai bào bụng mẹ, kêu là sắc thân. Vậy nên hình chữ tâm đây là ba ấm: thọ, tưởng, hành, ở trên sắc thân làm sự sống, cái biết và linh thiêng.

4. Người ta cũng nói linh, giác và thần, ba pháp ở nơi thân là tâm vậy.

5. Đức Phật Thích-ca có nói tâm là chơn như. Người có giới định huệ mới được chơn như. Chơn như là hột giống sau chót của các pháp, là pháp

tồn tại vĩnh viễn, kêu là ta. Chơn ngã tức là tánh chơn, không vọng, tự nhiên không dời đổi, mới gọi là trung tâm điểm, cốt yếu mục đích của chúng ta, nên gọi pháp chơn tâm ấy là đạo của chúng ta, đạo của người giác ngộ hay đạo Phật.

Tâm là trung tâm điểm, cốt yếu, trụ cốt của các pháp, của lý trí sự vật. Tâm là một danh từ, tiếng nói để phân biệt chỉ rõ cái trung ương, cái đặc điểm, cái trung tâm mà tất cả chúng sanh vạn vật và các pháp, cái chi cũng có bởi trung tâm và do trung tâm mới sanh ra tất cả, nên gọi là nhứt tâm sanh vạn pháp, nhứt thiết do tâm tạo, vạn pháp tồn tâm qui nhứt. Tâm là cái đặc điểm, mà cái đặc điểm vua chủ ấy là trung tâm, nên gọi tâm là trung ương chính giữa.

Cũng như nơi thân hình ta trên đầu là trí, dưới chân là thân, chính giữa mình là tâm, tâm nơi khoảng giữa thân và trí, mình nơi khoảng giữa chân và đầu. Tâm ấy là mình là ta, là trung ương mực giữa không cao thấp, không thái quá bất cập, không tương đối của hai bờ lề, kêu là đạo. Đạo là trung, trung là tâm, tâm là ta, là mình: Có mình, ta, tức là tâm, trung đạo.

Trong tâm có chứa các tạng để nuôi thân và trí, nên gọi tâm là Pháp tạng vương Phật. Cũng như trẻ nhỏ là thân, người lớn là trí, ông già là tâm. Ông già thì dạy được cả người lớn trí, trẻ nhỏ thân, nên gọi ông già tâm là quý hơn hết. Bởi thế khi xưa Phật là ông thầy dạy đạo chỉ đường cho chư thiên và nhơn loại, là bậc đáng tôn đáng kính.

Tâm cũng như là trụ cốt của bánh xe, vì có trụ cốt mới có cây căm và vành bánh lăn chạy.

a. NƠI CỎ CÂY: Tâm là cái sống, như: tâm cây tre, cây trúc, là cái đọt phía trên giữa các lá nhánh, hễ rút đọt thì cây chết. Tâm cây xoài là cái rễ cái, chính giữa các rễ con phía dưới, hễ đứt rễ cái là nó chết. Tâm cây chuối là cái lõm lõi nơi giữa cây, hễ mất lõm lõi ấy thì cây chết. Nơi cỏ cây ta thấy cái tâm của thân, hoặc ở trên, ở dưới cũng có, nhưng nó là chủ của sự sống và ở giữa những cái chung quanh, nên gọi là tâm sống. Cũng như cái tâm của con nít là sự sống, nó chỉ biết nói, làm, lo, nhớ, tính cái sống thôi.

b. NƠI THÚ NGƯỜI: Tâm là sự biết, như: kẻ thì nói để cho biết, làm để cho biết, lo nhớ tính để cho biết. Để khi chết rồi, thì chỉ còn cái biết ấy đem

theo. Cũng như cái tâm của trẻ nhỏ, người nhỏ, họ sống để chỉ tìm thấy nghe hiểu cho được biết, họ là cái biết, lấy biết làm tâm, nên gọi là tâm biết. Lấy biết làm mục đích nên ráng học tìm, không cần khổ vui, được mất, miễn là cho được cái biết với đời.

c. NƠI TRỜI PHẬT: Tâm là sự linh thiêng huyền bí ẩn mật, thần thông, yên lặng. Các Ngài dầu có nói, có làm, có lo lắng nghĩ ngợi đi nữa, là cốt yếu để đem lại cho cái chơn như yên lặng nín nghỉ mà thôi. Bởi chủ tâm là chơn như yên lặng, chưởng linh diệu và nuôi luôn các cái biết, cái sống, nên gọi tâm của Trời Phật là linh diệu.

Chỉ lấy linh diệu làm tâm, kêu là tâm linh diệu hay diệu tâm. Cũng như người lớn ông già, nhứt là ông già chỉ sống bằng sự trầm tĩnh yên lặng để nuôi chứa sự linh diệu, sự mầu nhiệm của tâm mình.

Tâm là hột giống sau rốt, hay giác chơn, Phật; còn chúng sanh thì cái tâm đang thành tựu còn non nớt nhỏ nhít yếu mềm, nên gọi là chưa có tâm. Chưa có chớ chẳng phải là không có. Cũng như chưa có giác chơn, chớ chẳng phải là không có giác chơn. Cho nên nói chúng sanh là Phật vị lai, chớ hiện tại chưa phải là Phật rồi.

Cũng như hột giống còn non nhỏ đang ẩn trong trái, hoặc chưa có, chớ chẳng phải là không có hột giống. Hột giống có ba phần: thân làm, miệng nói và ý tưởng, tức là thân, khẩu, ý; hay làm, nói, tưởng. Chính cái nghiệp nơi thân khẩu ý là tâm. Vậy nên muốn biết tâm của kẻ khác ở tại đâu, ra sao thì ta hãy xem nơi sự nói, làm, tưởng của họ. Nếu bỏ nói làm tưởng ra là tâm không có.

Muốn thành tựu cái tâm, hột giống, thì cần phải có đủ cả thân khẩu ý, nếu thiếu một cái cũng chưa gọi là tâm hột giống được, hay như hột giống còn lỡ dở chưa tròn. Một người kia nói ác nhưng không làm ác, hoặc làm ác mà không nói ác, hoặc ý tưởng ác mà không làm, như thế cũng hột giống lỡ dở chưa thành tựu.

Vậy cho nên:

Hột giống thú là thân khẩu ý ác.
Hột giống người là thân khẩu ý nhơn.

Hột giống Trời là thân khẩu ý thiện.
Hột giống Phật là thân khẩu ý chơn.

Nói cho rõ nữa, kẻ thì lấy ác làm tâm, kẻ thì lấy nhơn làm tâm, kẻ thì lấy thiện làm tâm, kẻ thì lấy chơn làm tâm. Ác, nhơn, thiện, chơn là pháp lý nên gọi là tâm lý, lấy lý mà tạo thân khẩu ý làm thành tâm hột.

Tâm ác như hột non, tâm nhơn như hột lớn, tâm thiện như hột già, tâm chơn như hột chín no tròn chắc thiệt đời đời. Chính tâm chơn mới gọi là thiệt tâm, còn tâm vọng động của ác nhơn thiện là hột giống còn có thể hư hoại, dời đổi chưa chắc định. Cũng như trong cái chơn như không vọng động thì thân khẩu ý mới chắc thiệt của ta, là ta, là chơn ngã.

(Trong cái ác, nhơn, thiện, thì thân khẩu ý hằng thay đổi không thường, nên chưa tin là hột giống của ta, là có ta, có tâm được).

Tâm là pháp lý, lấy pháp lý tốt đẹp yên vui nào đó làm trung tâm điểm, mục đích, trụ cốt, hột giống, do đó thân khẩu ý sẽ xuất hiện ra toàn là những cái tốt đẹp yên vui, dẫy đầy mãi mãi.

Bởi tâm là pháp, là giáo lý danh từ, nên con đường đi là sự thật hành do giáo lý danh từ tâm pháp ấy, kêu là đạo; và đến được sự kết quả của mục đích ấy kêu là đắc quả hay là sự thành đạo. Đạo quả ấy là tâm pháp, tâm là pháp, là đạo, là quả, cho nên kêu quả tâm, đạo tâm hay pháp tâm cũng được. Tất cả chúng sanh chỉ có một cái tâm như nhau không sái khác, ấy là cái chơn như không vọng động. Cũng như cái chết, cái ngủ, cái yên lặng, cái nín nghỉ, là tất cả in nhau như một.

Vậy nên tất cả chúng sanh mà chỉ có một cái tâm, tâm ấy là Phật, là tâm chơn, pháp chơn, đạo chơn, quả chơn, tức là thân khẩu ý chơn như không vọng động. Ngoài cái chơn như một ấy, là tất cả chúng sanh đều vọng động, thì nào còn có ai giống được với ai và làm sao sống chung, ở chung với nhau cho được. Thế nên Phật gọi đời là một đám rừng hỗn loạn bởi vạn tâm, vạn pháp, vạn đạo, vạn quả chen lấn tranh đua, thì đâu có sự hòa bình yên vui mãi mãi. Như vậy là chỉ có Phật mới có tâm chắc thiệt, có một tâm ẩn kín quí báu, và dầu bao nhiêu, tất cả chư Phật cũng chỉ có một tâm, giá trị in nhau thôi, tâm ấy là chơn như pháp.

Cũng có thể nói rằng: Chính Phật là pháp chơn như. Trong cái chơn như tự nhiên thì đâu có thấy gì là thân khẩu ý xuất lộ ra tại chỗ nào. Nên gọi Phật là không có tâm, hay tâm chơn, thân chơn, khẩu chơn, ý chơn. Đã chơn như không vọng động thì cũng như không có vậy.

Còn trái lại, chúng sanh thì có lưỡng vạn tâm, vì tâm hằng chuyển níu theo hai lẽ tương đối của pháp tình, khi vầy khi khác, không thường, không tự chủ, không sở chấp, không nhứt định, không lẽ một,… nên thân khẩu ý điên đảo theo vạn pháp, vạn đạo rối khổ tơi bời. Người ta cũng có thể nói rằng: chúng sanh không có tâm, không có nhứt định, không có thường, không có lấy các pháp nào, đạo nào làm mục đích, làm trung tâm điểm trụ cốt tốt đẹp yên vui, nên không có đắc quả hưởng được chi cả. Kìa như một con ma đói, lúc nào cũng vẫn đói và cái đói, đói mãi không cùng, không chỗ đến, không có tâm.

Ấy bởi như người trồng cây xấu, đã có trái chua cay đắng chát, và thân khẩu ý của họ lại hay dời đổi vọng động không chừng, lăng xăng mãi vì sợ sệt, vì tham vọng, vì thất bại, nên hột giống tốt nào được gieo trồng, vun tưới, mà hầu sanh cây trổ trái được để hưởng dùng.

Cũng như bậc Trời, người, thần, thú, ma, địa ngục, các chúng sanh ấy mãi lăn xoay theo vòng tương đối của bánh xe luân hồi khổ não, là bởi điên đảo vì vạn tâm phàm vọng, không chơn như nhứt định.

Vì thế mà gọi là chúng sanh không có tâm, không có chơn, hay là có cái tâm phàm vọng, có hai vạn tâm, có những cái tâm thay đổi giả dối, ma biến, quỷ quyệt, cái thân khẩu ý ấy xấu xa, lậu tệ, tráo chác, uốn nắn, trang sức, gạt gẫm bằng sự tô điểm, sơn phết, lòe loẹt bên ngoài chốc lát, dối trá không thật.

Tâm chúng sanh như vậy thì thật đáng bỏ, vì pháp chúng sanh là rất tà ác, độc hại, đã vô ích không công mà lại khổ sầu tai họa. Và đời của chúng sanh là đời không mục đích, không căn bổn, thật vô lý lếu rộn mệt nhọc. Thế nên chư Phật gọi chúng sanh là những con ma bệnh, chính mình là kẻ bệnh và truyền bệnh lây kẻ khác. Nọc bệnh là tham sân si tam độc, cái chất độc có từ trong tứ đại, là mẹ đẻ của chúng sanh. Bởi tham sân si mới sanh ra muôn triệu thân khẩu ý là tâm bệnh. Tham sân si là pháp độc, là tâm bệnh

mà nơi mỗi người pháp độc bệnh hằng xây trở ra muôn triệu chứng, muôn triệu pháp, muôn triệu tâm, muôn triệu đạo, muôn triệu cái kết quả độc hại khổ sở.

Những ai muốn chữa bệnh tức là phải tu, phải lập một tâm, lấy giữ một pháp, thật hành một đạo, phải lựa pháp lý nào tốt đẹp yên vui, trọn lành, sáng mà làm trung tâm điểm, cốt yếu mục đích tâm. Tập cho thân khẩu ý thuần thục, túa ra nhập vào, toàn là pháp quý báu ấy, để cho được kết quả chơn như, trọn sáng lành yên vui tốt đẹp, mạnh mẽ sống đời (Pháp lành sáng là thuốc hay, và chơn như là không còn bệnh hoạn). Muốn vậy thì người bệnh là chúng sanh phải kiên tâm trì chí, nhứt tâm uống thuốc, giữ một thứ thuốc nào trị ngay bệnh mình đó, mà uống mãi cho đến khi lành mạnh. Lấy món thuốc lành đó làm tâm, làm thân khẩu ý, làm ta, của ta, tức là lấy một thiện pháp làm tâm.

Cho nên gọi là kẻ tu hay người trị bệnh thì chỉ có một tâm. Và khi thành Phật rồi, hay như đã lành mạnh rồi, đã chơn như rồi thì không còn có pháp, có thuốc, có tâm gì nữa cả, vì đã kết quả, đến nơi nín nghỉ chơn như rồi. Bấy giờ là sự an hưởng chớ không còn tâm, pháp, thuốc, bệnh, đạo… gì, tu tập chi chi… Đến đó gọi là Phật, không còn có tâm, không còn cho ta thấy biết được tâm, chơn như là ở tại chỗ nào nữa. Bởi thế cho nên người ta thường nói: Chúng sanh có muôn triệu tâm, người tu có một tâm và Phật không có tâm nào cả. Hay người ta nói ngược lại nghe cũng được là Phật mới có tâm, người tu đang tạo tâm và chúng sanh thì chưa có tâm gì cả. "Chưa có" đây, nghĩa là chưa có cái thiện lành nào, chỉ có muôn triệu cái ác bệnh, tai hại vô ích cũng như chưa có, như cả biển cát mà chưa được một hột vàng nên gọi là chưa có, vì vàng thì hữu dụng và quí hơn cát.

Người tu là kẻ chữa bệnh, bệnh ấy là tâm pháp đạo tà, là thân khẩu ý xấu. Người tu là rèn trau thân khẩu ý tốt, lấy pháp hay thuốc quí nào đó làm tâm, và thật hành mãi cho đến khi kết quả mạnh lành, chơn như thành Phật. Như thế nghĩa là không ai tu bắt chước ai được, cũng như người kia đau bụng, kẻ nọ đau đầu; mỗi người phải tự biết lấy chứng bịnh của mình, tự tìm lấy món thuốc cho hạp và tự uống lâu ngày, chớ không phải mời thỉnh rủ ren người kia uống thuốc của bệnh mình, hay như bắt chước xin thuốc bệnh kia cho mình uống được. Chúng sanh ai mà không bệnh, bằng được chơn như như

Phật, như kẻ không đau thì mới khỏi phải tu tập uống thuốc, hay tâm pháp đạo gì, tức là không có chi hết.

Vậy chúng ta nên nhớ rằng: Tâm là thân khẩu ý, ngoài thân khẩu ý thì không có tâm, thế thì ta hãy bỏ tâm xấu lấy tâm tốt, bỏ dở lấy hay vậy. Và sự tu là tu tâm chớ không có tu riêng thân, hay khẩu, hoặc ý gì cả. Nhưng cũng tùy nơi bệnh nào nhiều là người ta phải lo chữa sửa nó trước, để rồi tất cả đều được trọn lành, là tâm chơn tốt đẹp, nên tức gọi là tu tâm.

Thân làm là bao vỏ của tâm hột.
Miệng nói là thịt cơm của tâm hột.
Ý tưởng là ngòi mộng của tâm hột.

Gồm cả thảy là tâm hột, nếu tốt chắc là đời đời, bằng xấu hư là tiêu hoại, đó là sự sống hay chết của tâm hột. Vậy chúng ta nên phải lựa tìm pháp tốt quí yên vui nào đó làm tâm, và thực hành vun bồi tô đắp, vừa là được sự kết quả vĩnh viễn cho ta, và để gương đạo lại cho kẻ chung quanh đời sau đi theo với; ấy là để ân hậu lại đời đời, giá trị của ta xứng đáng biết bao! Có như thế mới phải là đền ơn tứ đại, vạn vật, chúng sanh và các pháp.

Kìa như khi xưa, đức Khổng Tử dạy nhơn đạo lấy chữ nhơn làm tâm, đức Lão Tử lấy cái không làm tâm. Người tu kẻ thì lấy giới làm tâm, kẻ thì lấy định làm tâm, kẻ thì lấy huệ làm tâm. Phật thì lấy chơn làm tâm, Trời thì lấy thiện làm tâm, thú thì lấy ác làm tâm, ma thì lấy tà làm tâm. Có kẻ lấy nghĩa làm tâm, người lại lấy lễ làm tâm, kẻ lấy trí, sự học cái biết làm tâm, người lấy chữ tín làm tâm, kẻ nhỏ lấy cái sống làm tâm, kẻ lấy cái ăn làm tâm, người lấy cái ngủ làm tâm, kẻ lấy cái vui chơi làm tâm, người lấy hờn giận làm tâm, kẻ lấy say mê làm tâm, người lấy cái tham lam làm tâm… Tâm ấy tức là thân khẩu ý, hay cũng là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, trí, giác, mà tên của nó là một cái pháp. Cũng như bao nhiêu thứ hột đều là hột, nhưng mỗi hột có một tên riêng, là do sự khác nhau ở bao vỏ, thịt cơm và ngòi mộng, tên ấy là một cái pháp, một danh từ. Mà chúng ta sống đời phải tìm lựa lấy một danh từ xứng đáng làm tâm, hột giống để đời, làm hột giống của chúng sanh, vạn vật, các pháp trong tứ đại, làm một đứa con quí giá, làm một cái sống đáng sống. Mình vui, vui với cái sống của mình, tất cả ước mong mình sống, và mình sống với cả không gian thời gian vũ trụ.

Chính cũng vì lẽ ấy mà đức Khổng Tử đặt tên cho chúng sanh là hột giống, là nhơn. Còn Phật thì gọi chúng sanh là chủng tử, hột giống của tứ đại, mà người ta cần phải cất để dành hột giống tốt, và phá bỏ nhổ đi những hột giống xấu, liệng thảy đi những cây trái xấu hư, mà gìn giữ chăm nom cây trái có ích lợi, để đời. Sự lựa chọn ấy là pháp luật.

Pháp luật yêu quí kẻ hiền từ, tâm giống tốt. Pháp luật vun tưới săn sóc nâng đỡ ủng hộ người tu. Pháp luật không có áp chế người hiền và pháp luật là mặt đất gốc chân của cây quí to đạo bảo. Pháp luật nuôi sống cây, giữ gìn cây, tạo hột giống cây và cất giữ lưu truyền mãi mãi, ấy là người hiền để trên pháp luật. Nhưng trái lại pháp luật sẽ không cho những hột giống hư xấu sống đời tồn tại, chẳng cho sanh mọc, dẫu sót mọc thì nó cũng bị vất thải nhổ bỏ đi. Cũng như kẻ chẳng có lòng nhơn thì không có cái sống và khó trốn tránh khỏi mặt đất, đất sẽ ăn cây, cây chết và tiêu hình để tô đắp trả lại cho đất, để làm phân cho hột cây giống tốt, là làm cho pháp luật càng thêm nghiêm trọng. Do đó tức là có tâm mới có sống, và tâm chơn là sống mãi đời đời, là vua chúa cõi đời quí báu hơn hết, như Phật là bậc thánh vương cao thượng.

Đành rằng đủ thứ tâm, đủ thứ pháp, pháp nào cũng là tâm cả, hột nào cũng là hột cả, nhưng trong đời chỉ có một thứ tâm hột dùng được thôi, đó là pháp chơn như vậy. Lại cũng ví như bao nhiêu đường lối quanh co vòng theo chơn núi, mà sau khi đến là đến có một chỗ chót trên cao.

Cũng như trải qua bao nhiêu năm tháng, mà rốt cuộc thì trái chỉ có một ngày chín. Bao ngày sống mà chỉ có một phút chết. Ví như bao sự học mà chỉ được có một cái giác, vô số cát mà chỉ lấy có một hột vàng. Những pháp mà chúng sanh mãi sàng lựa kinh nghiệm, khổ nhọc trong đời, rốt cuộc chỉ được cái chơn như, và đến với chơn như. Chơn như là chỗ đến của tất cả nên gọi là pháp, là đạo, là tâm của tất cả. Dầu ai không biết đi đâu, ở đâu, đến đâu, làm, nói, tưởng chi chi… mà nếu giữ ngay cái chơn như là đúng ngay, trúng phép vậy.

Thế nên gọi tất cả chúng sanh có một đạo, có một pháp, có một tâm, cũng như thân người có một trái tim, mà sự sống của tất cả cơ thể đều do những lằn máu của một trái tim một. Chơn như là tâm của tất cả, ai chưa biết chơn như là kẻ đó chưa biết tâm mình.

Cũng như chúng sanh đang ở chung quanh một cái vòng tròn lớn của vành xe, trong đó chỉ có một cái chơn như là tâm cốt, kẻ nào ngó ra là chẳng thấy tâm mình. Ai dòm vào trong thì sẽ thấy tâm mình là tâm của tất cả, chỗ đến, đạo của mình là của tất cả, càng đến càng gần, rồi sẽ đến chung, ở chung hiệp một.

Cái tâm là không có, chỉ có cái danh từ tiếng nói mượn đặt nói ra, để chỉ cho hiểu rõ cái yếu điểm cực trung của chúng ta đó thôi.

Cũng như cái hộp, cái bánh, cái trái, đâu có gì là trung tâm, nhưng khi muốn phân tách nó ra hay nắn nhồi nó lại, thì ta phải tạm ghi một chấm điểm làm trung tâm trước đã. Có trung tâm rồi mới biết nó ra sao, bao lớn?... Cho đến khi đã nên hình hay bể nát rồi thì cũng đâu còn cái trung tâm ấy nữa. Cái chơn như cũng y như vậy, có chơn như mới sanh ra vạn pháp, và chơn như là chỗ qui tụ của vạn pháp. Khi chúng sanh đã đến chơn như yên lặng rồi, thì cũng không còn có biết chi là cái tâm, cái chơn như. Muốn đến với trung tâm chơn như, thì tất cả chúng sanh như những con mọt đeo ngoài vành bánh xe, phải quay vào bên trong yên lặng, và thẳng tới nơi yên lặng mãi, đó là nhập định. Trong nhập định đến chơn như và đắc chơn như, ấm kín như ở trong ngòi mộng, ngủ nghỉ sống đời, mà đừng nhọc sức trơn trợt leo trèo bên ngoài vành bánh, cũng đừng tìm ra bên ngoài chỗ xao động. Và nên phải nhớ mà đóng các cửa nơi thân miệng ý, chớ để bụi lấp tuôn vào làm cho dơ nặng, ngăn trở té lui, cùng chẳng khá gần với quỉ ma, mà phải bị sự lôi trì xô ngã!

Như thế nghĩa là chúng ta phải định, phải nhập định, phải tìm cảnh tịnh, tâm cảnh phải tịnh định luôn luôn, thì chơn như mới xuất hiện, chỗ trung tâm mới đến được.

Có chơn như mới có định, mà cũng có định mới có chơn như. Chơn như tức là định yên lặng hay quả Niết-bàn, là cảnh giới mực trung giữa trụ cốt xe, mặc cho bên ngoài vành bánh lăn chuyển, mà kẻ ở bên trong vẫn mãi nghỉ ngủ ngồi yên, đó mới là chỗ đến, kết quả, mục đích của chúng sanh vậy. Chỗ ấy không có tên gọi chi cả, mặc dầu người ta cưỡng dùng nhiều tên để gọi, nhưng có thể gọi là sự ngủ nghỉ của chúng ta thôi.

Tóm lại: tâm, pháp, đạo, trung, quả vốn không hình dạng. Chúng ta hiểu nó bằng lý trí, dùng nó làm phương châm, để đi đến cõi thuần lương. Tuy ta

không thấy chớ nó là mạng sống của ta. Cũng như ta chẳng thấy không gian hay thời gian, ta không thấy cái hôm qua, cái ngày mai, cái bữa nay, và sự gì sắp đến, ta đang ở đâu… Bởi con mắt thường của ta không thấy, bởi trí ta chẳng mở mắt ra nhìn, chớ có lẽ nào trong đời một kẻ vô tâm mà sống được, còn người vọng động thì nào ai có biết họ ra sao? và ở đâu, đi đâu, đến đâu?

Cũng y như thế, có tâm chơn là có chúng sanh, và không có tâm chơn là không có chúng sanh vậy.

Người chơn thật ai cũng kính yêu.
Kẻ vọng giả nhiều người khinh bỉ.

Người ở trong cái chơn như yên lặng thì đâu còn có thấy hay không thấy, nghe hay không nghe, ngửi hay không ngửi, nếm hay không nếm, làm hay không làm, tưởng hay không tưởng, nói hay không nói v.v…

Bởi ở trong cái cực trung, tâm chơn không vọng thì đâu có cái nhận thức phân biệt chi bên ngoài. Họ chỉ ở trong cái yên lặng chơn như, họ ở trong thế giới riêng của họ, dầu nơi giữa chợ đông, dầu nơi lò phanh tể, cái thức biết của họ đâu có ở nơi chỗ đó. Và dầu có thân hay không thân, có nói hay không nói, có tưởng hay không tưởng, có sống hay chết, họ đâu có cần màng. Dầu ở trong thế giới nào, hay là ở khoảng không gian, đến đâu và ở đâu họ cũng trối mặc, họ không còn cố chấp nên không có khổ. Họ là cái yên vui trong thế giới yên lặng của tự mình, mà không phải lo sợ bị ai chen vào phá hại. Chính đó mới là Niết-bàn của mỗi người mà chẳng ai thêm bớt cho ai được. Đó là chỗ cực trung, tuyệt đối của tâm chơn. Ở trong đó là ở trong tâm, lấy tâm làm nhà, chẳng còn phải lo sợ lạc loài đâu nữa. Thật là ấm kín vậy…

Chơn như là một danh pháp, chớ không có phải chi là chơn như hết.

CHƠN LÝ 18

TÁNH THỦY

QUÂN TỬ TÁNH NHƯ THỦY

Ông Khổng Phu Tử: Phu là trượng phu, Tử là chí quân tử. Chí quân tử cửu châu lập nghiệp, đại trượng phu tứ hải vi gia. Người trượng phu quân tử như mây như nước, trôi bay khắp cùng thiên hạ, do đó mà được chỗ hơn người.

Có người lại gọi nước là Trời, vì nước trong nổi lên lớp trên, mắt kiếng nước có ánh sáng ngũ sắc soi rõ tất cả muôn hình, gọi là mắt trời. Nơi mặt biển, trời nước dính liền một màu tiệp sắc, gọi đó là chân trời; trên trời có chi thì xem trên nước sẽ thấy, cho nên trời là nước vậy.

Trời là lớp trên thanh nhẹ, chớ không phải không gian trống lổng. Trong võ trụ không gian, bao bọc những quả địa cầu, không có đâu là trên dưới. Tiếng nói lớp trên đây là nước, còn chất nặng dơ lóng xuống là đất, thế mới gọi trời trên đất dưới, hay nước trên đất dưới. Câu nói ấy chỉ nơi sự sống của loài người, câu nói so sánh để dạy trẻ em rằng: Thiện là đạo, là thiên đường, như nước trong sạch trên cao, còn ác là vô đạo, là địa ngục, như đất dơ bẩn dưới thấp. Thiện là còn có đường đi xa dài, ác thì bị đoản ngắn chẳng bền lâu. Thiện là lý trí tinh thần như nước, còn ác là sự vật, vật chất, đất bùn như khám ngục.

Người quân tử trượng phu tức là như trời nước, bao la rộng lớn, có khác hơn kẻ ác tiểu nhơn, thất phu, giống như hột cát hang sâu.

Giáo lý ấy chỉ dạy tâm người, chớ địa ngục thiên đường là không phải cần ở nơi đâu đâu cả.

I

Nước là một chất lỏng chan hòa với tất cả các chất, cũng như sự không xan tham, chan sớt sống chung cùng với cả chúng sanh. Nước bao giờ cũng mát, dầu phải bị cơn đốt nấu đi nữa, thì sau khi đó nó cũng mát trở lại tánh cũ. Cũng như người quân tử không bao giờ sân giận, dầu phải bị ai gây gổ, khêu chọc thì cái nóng ấy cũng chỉ trong giây lát mà thôi. Vì bởi người đã quen tánh mát, tánh mát đã tự nhiên, để tự nhiên là nó mát lấy nó.

Nước màu sáng trắng cũng như trí của quân tử chẳng chút si mê. Mặt nước thì bằng phẳng, sáng rỡ và tự nhiên cũng như sự im lặng, chơn như, sự công bình theo đạo lý, như sắc diện sáng rỡ của bậc quân tử trượng phu.

Nước thì trong như lòng không dính lợi của nhà đạo. Vị của nước ngọt giống lời nói của người hiền. Nước ngọt lỏng nhẹ hay chảy có đường, nên kêu là sự nho nhã, nhu hòa, nhu đạo.

Nước thì lưu thông không chi ngăn bít được, cũng như nhà thông thái châu du thiên hạ, chỗ nào cũng đến. Nước không có hột phân tách, cũng như lòng sống chung từ bi bác ái, đại đồng, bình đẳng của nhà đạo đức, không chia rẽ phân biệt, ích kỷ tư riêng.

Nước chỉ có một màu sáng trắng, tức là sự thanh bạch của các vị đạo sư. Nước cũng có vị lạt, nhưng khi biến sanh đất thú cỏ cây sắt đá… thì lại có đủ vị mùi; cũng như pháp giáo của Thánh Hiền, lời lẽ rất tầm thường mà tánh cách của lý nghĩa rất quý, hay, mầu nhiệm, do đó mà sanh đẻ ra tất cả chúng sanh sự sống.

Thiếu ăn thì người ta còn nhịn được, chớ thiếu nước ắt chẳng xong. Cũng như không có ác là không sao, chớ mất thiện lành thì người ta phải chết.

Tuy nước ao này ao kia cách khoảng, nhưng nó cũng có hang mạch thông đồng; cũng như xứ đạo đức bên này, nước quân tử bên kia, tuy ở cách xa chớ tinh thần lý trí điển lành lúc nào cũng dung hợp làm một, mà không ai ngăn cản được.

Nước bao giờ cũng thấm nhuần trong đất, làm cho đất dính liền không đến nỗi phải khô khan rã bụi. Cũng như giáo lý Thánh Hiền lúc nào cũng từ bi thương xót kẻ lợi danh ác quấy, ban bố dạy khuyên, cảm hóa lần lần, chớ không nỡ để cho họ chia rẽ tương tàn, sát hại với nhau.

Không ai chém giết đánh đập được nước, dầu sau cơn bị động rồi thì nước vẫn trở lại yên lặng bằng phẳng như nhiên, như không có hề hấn chi. Người quân tử cũng vậy, chẳng bất bình ai cả, chẳng chi làm tổn hại xao xuyến tâm người. Dầu ai có múc nước uống, đem nước nấu khô, hay là đổ đi đâu thì nước bao giờ cũng trở về với nước. Hoặc còn là chất nước trở về, hoặc nước chết thân hình, còn lại hồn linh của nước làm mây và hóa mưa, là sanh thân trở về với nước lại y như cũ. Khác nào người đạo dầu bị ai cám dỗ bắt đi đâu, dầu cho lợi danh nào ràng buộc, thì lòng đạo bao giờ cũng trở về với đạo, chẳng trở lại bằng xác thịt được, thì khi chết đi, linh hồn cũng trở về sanh nơi xứ đạo của mình; nên gọi xứ của người quân tử chỉ có thêm chớ không có bớt, không hề thất lạc, rơi mất một người. Vì người quân tử không hề vong bổn bỏ đạo, mà chịu đi xu hướng ở lại với ai ai, chỗ lợi danh. Người quân tử chẳng mất, cũng như nước bao giờ cũng vẫn còn hoài hoài.

Nước của một quả địa cầu, dầu có trôi chảy thành mây, nhưng xoay đi lộn lại, đời đời kiếp kiếp vẫn y nguyên một mực, không dư không thiếu, khác nào người quân tử cư xử với đời lúc nào cũng vậy, chẳng lưng chẳng đầy, sau trước không sai khác. Nước tuy dẻo dai mềm yếu nho nhã nhu hòa chan sớt theo hình lớn nhỏ, mà lại bền bỉ mạnh cứng to lớn nặng nề. Cũng như biển dã mênh mông to lớn, cũng như thùng nước nặng, cũng như máy chạy mạnh bằng nước, cũng như nước còn hoài không mất, không chết bao giờ.

Nước bao giờ cũng như con của tất cả, mà nước cũng lại là chúa tể, là cha nuôi, là mẹ sanh, là thầy dạy của tất cả chúng sanh vạn vật, vì cả thảy đều do nước mà ra. Chữ "quân" là vua của người tôn, chữ "tử" là con của người tự mình gọi, mà đạo quân tử là che chở sanh sản giáo hóa cả muôn loài, cao quý vô cùng. Tuy mềm yếu lỏng nhẹ trôi chảy chiều chuộng như sợ sệt, ai muốn sao theo vậy, cũng như không ta, không tự chủ, không nhứt định, là cái sống của chúng sanh, sống theo nhơn duyên, mà như thế mới là một sức mạnh to lớn, ích lợi bền dài sống mãi.

Người quân tử thắng được cái ý của mình, thắng được cái thô lỗ cộc cằn, thắng được cái dốt nát ngang bạo, thắng được cái tự đắc tự cao, kiêu hãnh ngã mạn chấp ta của mình, nên gọi là cái thắng cái hay của sự mới mẻ lạ lùng, ít ai làm được mới là quý.

Sự thành công của người quân tử cũng như hột mưa chảy thành đường trên đất và lôi rủ bòn vét, kéo đất xuống dòng sông, làm cho nước càng cao đất càng thấp, nước trồi dưng lên đất kia phải mòn lẳn xuống, cũng như nước chảy đá mòn. Nước thì bao giờ cũng ở trên đất, dầu nơi chỗ núi gò cao, nước ở hố thấp, chớ nước cũng đang ở trên đất, hay như gặp chỗ đất thấp thì nước lại phủ tràn bít đất, mà đất thì không bao giờ bít nước được, vì không ở chỗ đó là nó sẽ trôi chảy lại chỗ kia. Cũng như trên mây thì hơi nước ở trên hơi đất, như khi đám mưa xuống thì nước cũng đọng trên chót núi, trên đỉnh nhà mà thôi.

Thế nên gọi thiện là đầu, ác là chơn, nước là đầu trên, đất là chân dưới. Người quân tử là kẻ trên đầu của chúng sanh cũng y như vậy, ai mà không tôn kính mến trọng. Ai mà không phải đem của cải tô đắp, nâng cao người quân tử. Ai mà không đem vật chất kéo trôi theo nguồn đạo. Ai mà chẳng hạ bỏ xác thân đối với đạo thiện trên cao. Dầu cho cõi đời, cái ác cao đến mấy, vật chất chỗ nào cao nhiều, thì cái thiện bị lấn áp ở thấp sâu, chớ không phải thiện là ở dưới. Trái lại xứ nào cái ác thấp và vật chất ít, là đạo đức sẽ phủ tràn giăng bủa, như nước ngập mênh mông kia vậy. Nước là đạo là pháp, nước là thiện là lành. Nước là sống đời vĩnh viễn, nước ấy là tánh của người quân tử, là tâm của Phật, là thân của trời, là trí của loài người mà khi xưa các bậc hiền triết muốn cho chúng sanh tập theo tánh nước, ăn ở sống đời nên đặt tên là nước. Nước là dân, dân là đạo, đạo là tâm thủy, tánh nước đó. Người lo việc nước tức là lo trau dồi tâm thủy, tập tánh quen như nước, chớ nào phải là sự đánh giết ai đâu. Nước là quân tử, là Phật, mà các bậc đại hiền muốn cho tất cả đều tu, và chỉ đạo cho ngó thấy, lấy nước mà so sánh cho dễ hiểu, mong cho cõi đời trở nên xứ Phật, xứ đạo đức, xứ hiền lương, chớ nào có bảo việc hơn thua tranh lợi.

Nước có đất gọi nước dơ, người quân tử không dơ vì cái lợi, và bỏ cái lợi là đất xuống dưới đáy chưn, hay xô tạt qua hai bên lề mé, chớ nước chẳng chịu điều dơ mãi. Người ta giặt rửa cái dơ vào trong nước, thì với sự yên

lặng, cái dơ lóng xuống đáy, hay cùng có sóng gió là cái dơ ấy bị tạt thải lên bờ. Sự điềm tĩnh của người tu cũng y như vậy, hạ bỏ tất cả phiền não xuống tận đáy lòng, cùng khi nói làm là xô dẹp qua một bên, mà tánh người tu vốn thường trong sạch và yên lặng. Nước dơ thì tự nó rửa lấy nó bằng sự yên lặng chớ chẳng nhờ ai, hay là tự nó nói làm xô đẩy theo nhơn duyên êm ái, chớ chẳng sát phạt nặng lòng ai tất cả. Món đồ dơ lấy nước rửa, người dơ lấy nước tắm gội, còn nước dơ hay quân tử người tu có dơ là tự họ rửa lấy, chớ chẳng phiền ai. Ai ai cũng uống nước mà sống, tắm nước làm sạch, gần nước thì mát. Cũng như vậy, nghe đạo đức mà no, đã khát và vui sống, dùng pháp lý mà gội rửa thân tâm, gần người tu quân tử thì thân tâm mát nhẹ, trí sáng làu làu.

Dầu nước ao, nước sông, nước rạch, nước nguồn thảy đổ vào biển cả, bao nhiêu màu sắc đều hóa một màu. Cũng như bao nhiêu tông giáo, giáo phái, chi nhánh, pháp môn của đạo đức, đều đến gồm về có một mục đích là Niết-bàn nhà đạo. Và khi mọi người đều đến mục đích đắc đạo rồi, thì không còn thấy mình chia rẽ xa lạ, phân biệt màu sắc với ai ai kẻ khác, như hồi thuở còn đang tu, đang mang xác thân đen trắng của khi trẻ nhỏ. Vậy nên màu của chúng sanh là màu đạo đức, chỗ ở của chúng sanh là ở Niết-bàn, trước sau ai ai rồi cũng phải gặp nhau nơi ngày cuối chót kia thôi.

Nước biển thì bay lên không trung làm mây, và mây mưa rưới lại sông ngòi, sông ngòi đổ tuôn trở về biển, phận việc xoay tròn như thế, nên nước biển vẫn mãi một mực, không cao thấp và chỉ còn tồn lại một chất mặn lâu năm của đồ dơ, chất mặn dơ ấy hóa lần ra sắt đá. Cũng y như thế, trong tâm người quân tử lọc chứa cái dơ lại mà bỏ thành sắt đá cứng trơ vật chết, còn cái thiện pháp như mây khí, đã ngọt sạch lại mát trong, thì đưa lên cao để ban rưới bố thí cứu giúp, nuôi sống cho người đời, và để lôi quến chất dơ ác trược của đời, đem vào chôn sâu nơi đáy biển của tâm người, cho thành ra sắt đá, bỏ trơ để dùng vào việc khác nữa. Phận sự của người tu là phải tế độ sàng lọc các pháp của chúng sanh, phải y như vậy mới gọi là con rồng ở trong biển phún mưa giúp đỡ thiên hạ.

Trong biển không bao giờ chứa một cái tử thi hay một món vật chất, các vật ấy phải bị lóng chôn sâu vào đáy đất, hay bị tạt lên bãi mé, hoặc nổi cù lao, mà trong nước thì không có chứa món chi cả. Thật vậy, trong tâm

quảng đại vô biên của nhà đạo, đâu có thiên vị dung chứa một xác thân hay của cải của ai ai. Trí của nhà đạo lúc nào cũng không không trống rỗng, trong sạch như nước mát không chút bụi bặm, chỉ biết có đạo lý tinh thần mà bỏ qua xác thân của cải, cùng hạ dẹp xuống dưới chân đường, đặng thong thả mà lo việc sống chung trong thiên hạ, để trí bao la.

Người ta thường tắm mưa, nước rớt trên đầu không sao, chớ đất rớt trên đầu thì ai cũng phải bị hại. Cũng giống như vậy, lời đạo đức từ trên dạy xuống thì ai cũng nên, lời ác trược đè dạy thì ai cũng phải khốn lụy.

Người ta đội lẽ phải được, chớ chẳng ai đội cái ác được, cũng như người ta không bao giờ bị chết chôn trong nước, chỉ có đất là chỗ chôn người thôi. Còn người quân tử thì không chết vì lợi, không bị lợi đè chôn, nên mới gọi là người sống mãi trong đời. Người ta vì làm ác mà bị chết, chớ kẻ thiện có ai đi giết hại để làm gì. Vậy cho nên kẻ thiện là không chết, không bị chôn, và cái thiện chẳng có giết chôn ai cả.

Những khi bão tố nước đục dâng lên, tràn vào ao nước trong cao ráo, khi đến đó rồi là ở yên đó và lần hồi lại phải tự lóng trong, theo như chất nước ao trong. Cũng như thế, một xứ có đạo quân tử, bao giờ cũng không ngăn cấm ai cả, dầu ngoài xứ có ai vào vì lòng tham muốn danh lợi, thì khi vào ở yên đó rồi, không có vật chất chi bám níu nên cũng phải tự sống lo tu theo đạo như người. Vì bởi xứ quân tử không cần lầu đài xe cộ, dư giả khoe khoang, cũng như nước trong không cợn bụi nên chẳng cấm cản ai hết, mà trái lại những ai đến đó đều phải quy tùng, trộm cướp chiến tranh không hề có được.

Nước ao trong chảy ra ngoài sông đục, cũng như đào đất moi giếng gặp nước trong, nước trong ấy ai cũng quý giá hoan hô cất giữ. Người đạo đức của một xứ, khi ra đi đến đâu cũng được làm thầy thiên hạ, khắp xứ thảy cậy nhờ tôn kính.

Ví bằng khi nước dơ tràn ngập đến, người ta nếu có ích kỷ muốn giữ nước ao trong, thì lấy đất đắp ngăn chận lại, đất ấy tức là vật chất, của cải, tiền tài. Cũng như nếu có kẻ vì tham muốn đến cám dỗ giành giựt của cải mà toan phá bỏ đạo lý tu hành, thì người ta liền đem của cải bố thí giúp cho họ, mà ngăn ngừa cái hại. Cũng như cho cơm kẻ ăn mày ngoài cửa thì họ

mới chịu đi, khỏi phải bị vào trong nhà khuấy rối. Như thế, đạo lý là nước ao trong cao ráo, nước đục dơ tràn lên là sự sôi nổi của ý muốn tham, tiền của là đất đắp bờ và con đường đi của người là trên bờ lộ của cải ấy. Tức là đường đi ở trên đất, đạo trên vật chất, chớ chẳng phải đường ở trong đất, dưới đất hay là đạo mà có ở trong vật chất bao giờ. Ở trong đất, vật chất là khám ngục, gọi địa ngục, kẻ để vật chất lên cao khác nào đã chết như thây ma dưới mả.

II

Nước và đất khác nhau xa lắm, đất là chất bỏ lóng xuống dưới nước, tức là phần của nước. Cũng như người ở trong vật chất, như con ở trong bụng của mẹ, ở trong cảnh ngộp đắm mê mờ.

Nước cũng có tiếng thanh trong khi bị động chạm, nhưng rồi biến liền tan mất như thường không dấu vết. Cũng như người quân tử danh tiếng lừng lẫy vang động và rồi im lặng với thời gian không dấu vết tai hại. Khác hơn đất cũng có tiếng động kêu khua, nhưng sau đó vết tích còn hoài, sự đau đớn không lành mạnh, giống như kẻ làm ác bằng vật chất thì di tích thán oán của nó phải bị sự ghi chạm kêu ca mãi mãi.

Nước có đường nên kêu là đạo, đất không có đường nên kêu là vô đạo. Đất là con của nước, bởi nước lóng nuôi sanh. Nước là bà mẹ hiền, đất là đứa con khờ dại, dơ dáy tối tăm mê muội. Cũng như kẻ ác là con của người thiện, ác là đứa con nhỏ dại hay phá hại mẹ lành, nhưng trái lại mẹ lành bao giờ cũng tha thứ cho đứa con ác dại. Tuy vậy chớ con đánh mẹ, mẹ chẳng đến nỗi gì mà con thì mang hại, cũng như lấy đất liệng vào nước, nước vẫn như thường mà đất thì tan rã. Kẻ ác cũng thế, tự mình hại lấy mình, sức mưu của mình làm cho mình chết khổ, chớ kẻ thiện kia nào có sao đâu.

Vả lại, trong đời không ai nỡ đi giết hại đấng trọn lành cả, còn kẻ tội ác thì khó an toàn thân mạng. Người ta ban đất cuốc đất chớ nào ai ban nước cuốc nước. Đất có cao thấp là như giai cấp thế quyền, bị người ta cuốc cái cao, bị gió thổi quét cái cao, cái cao phải bị mòn bởi giẫm đạp cho thấp xuống. Thật vậy, ai cũng muốn đắp cái thấp vì thương và ghét cái cao mà muốn hại.

Cũng như vì lợi, con người mới ác gian khổ não, từ sự cuốc đất đến cuốc cỏ cây, cuốc thú, cuốc người cũng vì cái lợi, mà cái lợi ấy sẽ ra phân và thành lại món ăn. Sự cuốc để gieo trồng cái giống ác, để rồi ăn đắng cay chua chát sanh bịnh. Thế mà người ta vẫn cuốc để cho mệt, để cho chết, cho mau già, cuốc lỗ để chôn mình, khác nào sự đào hang như con dế, cố moi lấy cái chỗ thân nằm chết, để chịu sự chết vô tình của bao bàn chân giẫm đạp nát xác, rã hình mà không ai hay biết xót thương giùm.

Kìa đất có lỗ hang là nơi sụp đổ, chỗ chôn thân, thế mà chẳng ai đành lìa mặt đất để bay cao tránh khỏi. Lắm kẻ lại đội đất, đội cái lợi, vật chất, tiền tài lên đầu cùng phủ che bốn phía, để tự hãm giam giết lấy tâm mình, rồi lại kêu la giẫy giụa, nóng tiết hung hăng giữa nơi cô quạnh để làm trò cười cho thiên hạ.

Đất thì hay đứng cao làm vách mới phải ngã nhào, khác nào sự không công của người hay giỏi. Đất thì lục cục to nhỏ chen nhau xô xát, khác nào những gia đình, xã hội thế giới tranh đua.

Đất không ai động nó cũng nứt, cũng như vì tham, vì lợi thì chia rẽ đồng bào. Đất hay sanh thú và là chỗ ở của thú, với quỷ ma hang động, giống in như xứ lợi nhiều, vật tốt là chỗ chứa kẻ ác gian xảo quyệt, trong đời là chỗ kẹt đất hang sâu.

Một đứa trẻ sanh ra rớt trên đất, người ta đi trên đất, người dọn dẹp cỏ gai nơi đất để có đường đi, người ta quét lượm rác bụi để đem vất thải. Có khác nào sự vô ích chướng ngại của kẻ tham gian vì lợi, nên phải bị chết bị đày, để nuôi tạo người hiền có học trên cõi xa dài, rộng sạch tinh khiết của thời gian.

Tuy đất bụi năng chứa vàng ngọc của báu, tuy sanh sản cỏ cây, thú người… nhưng dầu người ta có mang nhớ công ơn nó, thì cũng phải giẫm đạp bới xới giết hại nó mà thôi. Kẻ ác cũng thế, cái tham quấy dơ bẩn của nó là phân chất giúp cho kẻ trí người hiền, giúp cho tinh thần mạnh lớn. Mà trái lại nó là vật cần dùng, khi hư bỏ thì chẳng ai lại tiếc giữ nhắc ơn. Đời của nó chỉ là sự tôi mọi, hy sinh chết mình mà không ai thương xót để dành chi cả, vì nó là đất trơ trơ, là vật chết, là cát bụi bay theo luồng gió, chớ nó nào có biết chi chi, cái chủ, cái sống, cái ta và ta là ai.

Đất là đứa trẻ chết trơ, nước như bà mẹ sống cử động.

Đất như kẻ ở tù, nước như người thong thả chơi dạo.

Lớn hơn hết là nước, vì nước mênh mông. Nhỏ hơn hết là đất, vì đất có từng hột nhỏ.

Đời sống của đất như đứa nhỏ, để rồi sẽ lớn và biến đổi khác hình, chớ không phải là đất mãi một màu.

Đất cũng như thân sống mà nước là miếng ăn để sống, không nước sanh ra và nuôi thì đất phải chết trơ.

Nước ví thể linh hồn, đất là xác thịt, thiếu mất linh hồn là như kẻ chết người điên.

Sự thiện ác cũng giống y như vậy đó. Trên là trời nước, dưới là đất, giữa là hột giống nhơn người. Người là đạo trên ác dưới thiện. Đạo ấy là thời gian mãi mãi, là sự sống sạch sẽ bằng thẳng, xa dài rộng lớn, gồm cả các pháp lành, dứt đi các điều ác. Đạo ấy là con đường giác ngộ của người, nên gọi đạo người là đạo Phật, Chánh đẳng Chánh giác Trung đạo, là chủ nhơn hột giống, do nước đất sanh thành dưỡng dục, giáo lý chẳng hay cùng.

Tóm lại: Có nước mới có đường đi là đạo, đạo của người quân tử, đạo làm con mà người ta trọng là vua. Đạo ấy mới là sự giác ngộ thật hành của tất cả chúng ta, mà đừng ai để làm cái đất tan rã, cái nước chảy trôi là cái chết, cái khổ không đâu rộn nhọc. Mà chúng ta phải là những cái cây cao sống mãi, đứng hoài, rút lấy trong đất nước, ác thiện, cái sống, cái giác để nuôi nhánh lá, hoa trái để dành hột giống khô mãi mãi, là cái chơn như bất diệt ở nơi đời, làm cái sống đời đời, hay nói đúng hơn là có cõi đời trong nước đất. Như thế há chẳng hay hơn!

Thân ta là đất sanh bởi nước.

Tánh ta là nước sanh bởi gió.

Trí ta là gió sanh bởi lửa.

Tâm ta là lửa sanh bởi đất.

Tánh nước thì năng tắt trừ tâm lửa. Trí gió thì hay thổi quét thân đất. Người sống đời như nước gió, ấy là kẻ bề trên, cao hơn thiên hạ là kẻ ở trên

trời. Vậy ai muốn làm Trời thì hãy xem mình như nước gió và tránh xa chỗ đất lửa kia đi.

Còn như ta muốn làm Phật, giữ luôn cả đất nước lửa gió thì nên nhớ rằng:

Có nước thì đất mới sống – là thân.

Có gió thì nước mới sống – là tánh.

Có lửa thì gió mới sống – là trí.

Có đất thì lửa mới sống – là tâm.

Nghĩa là sự nóng lạnh mát nguội phải dung hòa, đừng cái nào nhiều ít mà mang khổ. Hay cũng như là sự ở đời phải có lỏng, có đặc, có hơi, có nóng đều đủ mới không tai nạn. Mà nên nhớ rằng thái quá bất cập là sự tai hại không vừa, nếu thiếu một pháp thì ba pháp kia cũng khó đặng bình yên đứng vững. Chính cái sống là sự giác ngộ, ấy là người biết sống, muốn sống, có cái sống và sống mãi đời đời. Hiểu nước là để hiểu đất và đặng hiểu luôn cả lửa gió. Người mà biết rõ tứ đại tức là Phật.

Vậy chúng ta nên phải làm Phật, và đặng cho cõi đời trở nên xứ Phật thì quý biết dường nào! Sao ai ai lại chẳng cầu mong "MỘT LẼ SỐNG".

Vì ai ai cũng là Phật, tánh thủy hết.

CHƠN LÝ 19
HỌC CHƠN LÝ

Cổ nhân xưa là thú tiến hóa ra. Thú thì không biết làm đặng nuôi mạng sống chỉ biết làm hang ổ để che mưa nắng, cùng trong khi sanh sản thôi. Thú sanh từ nơi nước đất cỏ cây và chỉ biết ở, sống với nước đất cỏ cây, chớ không biết chi hơn nữa.

Bởi không biết phép dưỡng sinh nên sanh nhiều mà sống sót lại rất ít, và chẳng sống dai. Cái sống mà ai cũng tham muốn, vì đó cổ nhân xưa mới tập cuốc đất cấy cày, gieo giống trồng hột, cất nhà may áo, nếm thuốc trị bịnh. Cái tham muốn, cho rằng lúc nào cũng khổ và vì khổ mới siêng làm. Việc làm lấy nước đất cỏ cây thú người mà làm. Càng làm càng mở mang trí thức, sáng láng khéo hay, chế biến tìm tòi nơi cái có, cái sống là vật chất. Quanh quẩn trong cái ấy, muôn đời ngàn kiếp chịu khổ nhọc không công. Ở trong ấy có khác nào trong khám ngục, không đường ánh sáng, nơi trong ấy hết làm rồi nghỉ, hết khổ rồi vui, như sự an ủi để hành phạt mãi mãi. Người ta rất dốt là không biết mình ở đâu, và lẽ thật ra sao đối với không gian cùng thời gian trong võ trụ.

Bởi có sắc thân mới sanh thọ cảm, bởi có thọ cảm mới sanh tư tưởng, bởi có tư tưởng mới sanh hành vi, bởi có hành vi mới sanh thức trí. Loài người có học là học mưu sống, học nơi vật chất để tô đắp cho sắc thân, chớ không cần biết đầu đuôi sau trước, thật giả ra sao. Tuy nuôi thân mà chẳng đặng sống lâu là bởi loài người lúc nhỏ không có đủ trí, cùng phải

lắm sự thái quá bất cập cho nên thân ấy chẳng bền dai. Lắm khi tranh ăn vì ham vui sướng, mà họ lại giết hại với nhau, dữ hơn ác thú. Do đó người ta mới bày ra đạo lý, thiện ác phân biệt và tập sống bằng tinh thần, không không của linh hồn, để cho được khoái lạc nhẹ nhàng hơn. Và bắt đầu từ đây người ta cho rằng thiện để sống là cần, vì có sống rồi mới có ăn được. Như thế nghĩa là người ta học thiện, học nơi tinh thần lý trí, mà người ta dứt bỏ cái học trước kia, cái học ác, học nơi vật chất, nơi sự của thân. Tức là người ta đã đến cái học thứ hai vậy. Người ta cho rằng: nuôi tinh thần cũng như nuôi hột giống, là đúng hơn.

Trước kia loài người học nuôi sắc thân đối với vật chất như thế nào, thì bây giờ loài người học nuôi tinh thần lý trí cũng y như vậy. Họ so sánh cách tương đối đó, mà họ sống và thật hành. Bên vật chất có bao nhiêu phương pháp thì bên tinh thần cũng có bao nhiêu phương pháp. Mà loài người lại cho là: Đời sống, việc làm, theo lý trí tinh thần là thanh nhẹ khỏe sướng hơn, và là ở trên cao bay khỏi mặt đất địa ngục rồi vậy. Hai hạng này đều ở trong giáo lý, phương pháp của thiện ác, có không, thân trí, vật chất tinh thần chớ chưa biết chi là lẽ thật, chơn lý của sự đời. Thiện và ác là sự phải và trái, hai bờ lề hai bên của sự thái quá và bất cập. Tuy nhiên, hai bờ lề thiện ác là ở hai bên chớ chưa phải là đạo tuyệt đối nơi chính giữa, nhưng bờ lề ấy cũng cặp hai bên đường, và chạy đi xa dài theo đường kêu là tiểu đạo (đường nhỏ). Và nếu không có đường nhỏ hai bên ấy, thì con đường lớn đại đạo nơi chánh giữa, cũng không sao có được. Vậy nên thiện và ác là đời, còn đạo là ở giữa nơi thiện ác sống chết, vui khổ, thiên đường, địa ngục.

Đạo là chơn lý, vì loài người sanh sau, nên không hiểu chơn lý lẽ thật của đuôi đầu, họ chỉ nhắm mắt đánh liều, lần mò bước đi theo hiện tại, vì thế mà loài người chỉ chấp theo giáo lý. Từ giáo lý ác khổ trược đến được giáo lý thiện vui thanh, đủ cho họ ăn hưởng no ngon hạnh phúc rồi, vì là miễn cho được yên sướng, chớ họ không muốn tìm chơn lý lẽ đạo chi cả. Loài người rất mê tín, lúc đầu thì mê tín nơi sắc thân vật chất, cái ác, cái chết khổ, vì bởi mới được sanh ra từ trong tứ đại. Về sau khi đã chán sợ

cái thấp dơ nguy hiểm, bèn đến sự mê tín nơi lý trí tinh thần cái sống cái thiện, cái vui của trên cao nhẹ sạch. Nhưng rồi chẳng bao lâu, họ cũng nhàm chán mỏi mệt mà té xuống trở lại thấp, rồi từ dưới thấp lại bước trở lên cao. Cũng như một kẻ kia từ hố sâu đi lên chót núi, lại từ chót núi lội xuống hố sâu, mãi mãi như thế, do sự thích ưa và nhàm chán của cái ý, bị trói trăn trong tình dục tương đối, mãi mãi khổ nhọc mà không rồi đâu đến đâu cả.

Nhưng cũng nhờ sự mê tín, khổ sở, thất bại của hai giáo lý bên lề ấy mà đến lần được giác ngộ chơn lý lẽ thật, là đạo của võ trụ chúng sanh. Và sau khi thấu lý đạo rồi, thì không còn nương theo giáo lý thấp cao của sự tới lui hai bên bờ lề kia nữa, mà được nghỉ yên một chỗ, nắm giữ gặp được mực trung là đạo, kêu là đắc đạo. Rồi từ đó ở yên nơi đường giữa, mà đi tới theo lẽ thật chơn lý để được sự kết quả quý báu diệu mầu, nên gọi là đắc quả vậy.

Sau khi thật hành theo chơn lý trung đạo đã được kết quả, và con đường đã khai vạch đi đó còn để lại dấu vết về sau, chúng sanh đều được thấy gặp để đi theo đến nơi Cực lạc, con đường ấy càng ngày càng rộng lớn tỏ rõ, trở nên con đường cái của chúng sanh, chừng ấy tức là thành đạo hay là đạo đã hoàn thành vững chắc rồi. Từ giáo lý đến chơn lý tuyệt đối, hay là từ pháp lý đến đạo lý tuyệt đối, tức là từ tương đối đến tuyệt đối. Vì giáo lý pháp lý là tương đối có hai bên, mà hễ có hai bên là chúng sanh hay nhảy qua nhảy lại, khổ sở cho cái ta không định. Vậy nên chỉ có chơn lý lẽ đạo tuyệt đối có một, mới là chỗ yên vui đứng vững lâu dài, mới là con đường của người giác ngộ.

Muốn đến với chơn lý phải do hai cách:

1. Từ ác đến thiện và giác ngộ.

2. Nhờ sự dứt bỏ ác thiện bằng cách tĩnh tâm yên lặng, quán xét mà nhận thấy. Đây là cách đi tắt, khỏi dùng nấc thang thiện hay là ngón tay chỉ là sự thiện; vì hết làm thiện mệt mỏi đến nghỉ ngơi yên lặng, tự nhiên là chơn lý. Vậy nên gọi là chơn lý sau pháp thiện. Hay cũng nói: Chơn lý

là lẽ thật yên lặng tự nhiên của buổi đầu, là nguồn gốc của sự phát sanh ra vạn vật chúng sanh và các pháp, lại cũng là chỗ đến của vạn vật chúng sanh và các pháp.

Chơn lý không phải nói vắn tắt, là cái lẽ thật yên lặng tự nhiên ấy mà hiểu được. Mà cần phải biết lẽ thật, nguyên nhân nguồn gốc của chúng sanh vạn vật và các pháp, từ trong cái yên lặng tự nhiên sanh có ra bằng cách nào? Cách đi tới ra sao và sẽ đến đâu? Cái yên lặng tự nhiên trước là sao và cái yên lặng tự nhiên sau này là sao? Có hiểu như thế, chúng sanh mới đi trúng đường và đến nơi kết quả được.

Đức Phật khi xưa, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề chánh giác, sưu tầm nguồn gốc của chúng sanh vạn vật và các pháp, mà thấu đạt được cái thật của sự đời. Ngài biết được từ đầu nguyên nhân đến nơi cuối rốt, và do đó Ngài mới nói chỉ ra muôn ngàn pháp, để đi tới cho trúng mục đích. Chư Tăng đệ tử Ngài cũng y như thế, các vị ấy cố nhập định vào trong cái yên lặng, để tĩnh trí mà tham thiền, thẩm xét lẽ đầu đuôi và tự tạo ra phương pháp để đi cho trúng cách, được mau đến chỗ nghỉ yên. Bởi thế ta mới thấy trong lịch sử có đoạn này: Một vị Tỳ-khưu nhập định bay lên các cõi Trời, tìm các vua Trời và vị Ngọc hoàng Thượng đế mà hỏi nguyên nhân của tứ đại từ đâu, và sẽ đến đâu. Chơn lý ấy như thế nào? Làm cho không ai trả lời được cả. Vì lẽ các bậc Trời người là còn ở trong pháp, trong giáo lý, chớ chưa giác ngộ chơn lý. Các bậc ấy cũng sanh ra từ nơi tứ đại thì làm sao mà biết được tứ đại từ đâu và đến đâu, hay như thế nào? Sau rốt vị sư ấy đi hỏi Phật, Đức Phật dạy rằng: *cũng như sau khi ngươi xả định, là tứ đại, chúng sanh vạn vật và các pháp từ đó sanh ra, và cũng như ngươi nhập định trở lại, là chỗ trở về, chỗ đến của tứ đại, vạn vật, chúng sanh và các pháp kia vậy*. Câu nói vắn tắt ấy thật là hoàn toàn đúng chơn lý. Câu nói ấy chỉ rõ võ trụ, không gian và thời gian, bao trùm cả tứ đại, vạn vật chúng sanh và các pháp ở bên trong. Câu nói ấy chỉ rõ lẽ sanh diệt của những địa cầu tứ đại, và từ nơi tứ đại mà sanh ra vạn vật, vạn vật sanh chúng sanh, chúng sanh sanh các pháp, các pháp sanh võ trụ chơn lý, võ trụ chơn lý sanh ra tứ đại vọng sự xoay tròn…

Khi xưa chỉ có các vị Tỳ-khưu ấy là bậc tu thiền định, mới tìm xét chơn lý võ trụ, mà đi hỏi Phật như thế, và sau một lời nói của Phật là vị ấy được giác ngộ thấy biết rõ ràng, không còn hoài nghi phóng tâm gì nữa cả, như chai nước đã đựng đầy không còn lưng thiếu vọng động. Cũng y như thế, thấu chơn lý thì đắc đạo, là đắc chánh định và kết quả của bậc giác ngộ thượng trí. Người giác ngộ chơn lý cũng như kẻ đau, mà được biết rõ nguyên nhân của chứng bịnh mình, biết rõ các bộ phận trong thân thể, biết rõ các món thuốc và biết rõ tánh vị thuốc tất cả nên chẳng đợi mượn cầu ai, tự mình lấy uống vào thì hết bịnh liền. Bậc thượng trí cũng y như thế, có khác hơn là kẻ ngây si, chẳng biết thân mình tạng thể ra sao nên thường bị hư hại. Chẳng biết nguyên nhân của chứng bịnh mình nên thường bị trúng độc. Chẳng biết mình bịnh gì nên chữa trị không lành. Chẳng biết rõ các vị thuốc nên hay dùng lộn, bịnh càng thêm nặng. Chẳng biết tánh thuốc nên mới pha trộn món kỵ, khi uống vào thì chết. Kẻ ấy phải nhờ người khác chỉ bảo, chăm nom lo sóc, tánh mạng mình giao cho người khác may nhờ rủi chịu, sống chết đều ở nơi tay người, sợ nỗi người ghét hại, đến đỗi phải chiều chuộng lạy bái dâng của nạp tiền, để cầu cho người thương mà ban ơn nhỏ phước cứu tử huờn sanh, thờ người hơn cha mẹ, và ai ai cũng là cha mẹ của mình hết, bảo sao nghe vậy, mê tin theo người bày chỉ, nhắm mắt đánh liều tới đâu hay đó, chớ nào có biết việc chi đâu.

Mà sự thật cũng phải như vậy. Đức Phật là bậc cao siêu thượng trí, và chư đệ tử đích đáng của Ngài cũng là cao siêu thượng trí, mới chịu tham thiền thấu chơn lý mà đắc đạo mầu. Chớ đối với chúng sanh thì có được đâu, phần đông là kẻ chỉ ưa thích sự khổ vui đâu cần biết học. Mảng lo ăn uống cái tham lam, để cho sân giận sình nổi, sanh ra đủ chứng si mê, hư thúi trong tạng phủ của mình, mê sảng điên cuồng hoặc đuối hơi hấp hối, không còn cử động trí hóa chi chi…, cho nên dầu đối với đức Phật đại tài kia đi nữa, cũng không có thể trì huỡn, ở đó giảng giải nói rành với bịnh mê sảng gần chết. Thôi thì cứ đưa cho thuốc uống mau mau, đợi khi bịnh bớt nhẹ rồi, mới phải lúc ân cần dạy dỗ chỉ bảo cho họ giác ngộ, hoặc sau khi hết đau rồi là họ sẽ tự giác ngộ lấy họ.

Phải như vậy, đối với chúng sanh si mê như thế thì đức Phật dạy bảo liền làm sao cho được, mà không phải là: làm phù thủy, làm thiên thần, họa phù, đọc chú bắt ấn, để làm thuốc cho họ uống, để làm cho họ mê tin như sự bắt hồn, rồi sau đó sẽ lần lần giảng dạy, y theo chơn lý mới được. Những kẻ ấy họ tin Phật như thần, như thánh linh thiêng, là một hạng mê tin theo việc làm.

Còn hạng mê tin thứ hai, theo lời nói của Phật mà cho rằng lời nào cũng hay hết, cũng dùng được hết, lời nói nào cũng nghe theo, nghe bằng cách xáo lộn một màu, xô đùa một thứ. Không biết rằng pháp Phật là lời phương tiện, tùy duyên giáo hóa cho đủ các bậc thấp cao tật bịnh, không nhứt định, chẳng chấp một lớp một mực nào. Cứ hiểu lầm rằng: Kinh nào, pháp nào của Phật nói ra là cũng dùng chung cho một hạng. Khác nào một người bịnh này mà uống tất cả các thứ thuốc trị muôn ngàn chứng bịnh khác. Mê tin mà tưởng lầm rằng: thuốc dầu chẳng hay trị chứng này, cũng hay trị chứng khác, cứ uống cả vào tất sẽ lành chứng bệnh của mình, thế là kẻ ấy lậm thuốc!

Cũng như có kẻ quá mê tin, tin quàng xiên vào các kinh sách đủ thứ, cùng tất cả những lời nói của các bậc danh nhân (dầu là thánh hiền tiên Phật), kẻ ấy rồi sẽ phải đảo điên trí óc. Kẻ mê tin nơi sự linh nghiệm thần thông, và nơi pháp lý trí huệ của Phật cũng y như thế. Ít có ai là người biết mình bịnh nhẹ, tỉnh táo, biết hỏi ông Thầy, nguyên quán sự học của ông Thầy, hỏi xem nguyên căn của bịnh mình, hỏi xem trong tạng phủ, hỏi học tánh thuốc của bao nhiêu thứ thuốc, hỏi trước rồi sẽ uống và trị bịnh mình sau, để cho được sự biết rõ chánh tín giác ngộ, rồi sẽ thật hành. Người mê tín thì không bao giờ được thấu chơn lý và giải thoát. Kẻ mê tín mà được thiện là rất ít, phần nhiều hễ mê tín thì tham sân si tội ác chứa đủ điều, đã tham sân si thì đâu có chịu sự quán xét phân biệt, mà chẳng nuôi lòng ngã ái, để tự mình đi xuống và mãi thụt lùi.

Chúng sanh ai cũng vậy, sự lành mạnh bình an như thường là quý báu hơn hết mà nào họ có biết đến đâu? Sự lành mạnh bình an như thường là lẽ chánh hơn hết, của thân cũng như của tâm, thế mà người ta không chịu

hiểu, để chỉ cần tìm lo sự vui cùng khổ là lẽ ngoài phụ thuộc. Họ chỉ tìm mãi cái cực nhọc, trói buộc của vui và khổ, hết vui khổ ác nơi vật chất sắc thân, rồi lại đến lo vui khổ thiện nơi tinh thần lý trí. Họ là những kẻ bị trói buộc, tự mình tạo sự trói buộc lấy mình mãi mãi, như kẻ bị ở tù trong khám tối, mà chẳng bao giờ chịu giữ sự tốt đẹp của lành mạnh bình an như thường, là hay hơn hết thảy các pháp. Họ không biết rằng chơn lý sanh ra các pháp, và các pháp là chỉ gom về chơn lý có một. Cũng như mặt trời sanh ra các ánh sáng và các ánh sáng là chỉ gom về mặt trời có một. Mà các pháp là để chỉ cho chúng sanh thấy chơn lý. Cũng như ánh sáng là để chỉ cho chúng sanh thấy mặt trời. Và tại sao chúng sanh không đến với mặt trời, chơn lý để làm Phật, mà chỉ giữ nắm lấy ngón tay, pháp, ánh sáng và ở mãi đó làm chi. Những kẻ quá mê tin vì pháp là không hiểu được lời dạy của Phật. Phật dạy người ta phải thấu chơn lý, phải đến ở với chơn lý. Phải làm Phật y như Ngài, chớ Ngài nào có bảo chúng sanh phải mê tín tôn Ngài độc nhất, tin Ngài độc đoán? Phật nào bảo lạy bái hoặc tôn thờ, hay giữ gìn pháp lý lời nói phương tiện của Ngài, một cách khư khư mờ quáng? Sự mê tín cũng có thể làm cho kẻ ác được thiện, cho kẻ quá nặng nề thấp thỏi của bước đầu. Chớ kẻ mê tín thì không bao giờ được giác ngộ trong đời hiện tại. Bởi thế nên bậc thượng trí muốn giác ngộ thì phải lìa xa mê tín, không còn bị nhốt trói trong thiện ác phước tội thì mới ngộ đạo và thoát khổ.

Vậy chúng ta nên phải biết rằng: Mỗi một câu pháp lý là một ngón tay của Phật, đưa ra để chỉ cho ta thấy chơn lý lẽ thật, đặng đến với chơn lý lẽ thật. Cũng như chiếc bè là để đưa ta qua biển đến bờ bên kia, chớ không phải ta đứng giữ mãi chiếc bè để chịu chết khổ giữa biển, còn thiệt hại hơn là ở bên bờ bên này nữa vậy. Thế nên chúng ta thờ Phật là để theo Phật, theo Phật là để thành Phật, y như Phật, mà đừng mãi mãi xin theo hầu bên Ngài, ắt Ngài chẳng vừa lòng. Nghĩa là nhờ một pháp để tìm chơn lý và phải đến với chơn lý mà bỏ pháp ấy, chớ đừng giữ pháp làm kẻ mê tín chấp lầm. Và cũng không phải là đi học hoài, cho đủ hết các pháp của chư Phật đã nói ra, để tổn phí thì giờ và điên đảo rối loạn. Mà phải do nhờ một lời

nói phương tiện xứng hạp, làm chìa khóa mở cửa kho tàng bảo vật từ xưa, tức là nhờ lời nói ấy mà tỏ ngộ chơn lý, rồi từ trong chơn lý sanh nảy ra biết bao pháp lý không tận không cùng.

Nghe pháp là để cho biết Phật, biết Phật là biết chơn lý. Người biết chơn lý là biết hết thảy chư Phật. Vậy chúng ta ai ai nên cần phải biết chơn lý hơn là sự mê tin, tin vái cầu Phật, cho rằng Phật pháp là báu, mà chẳng biết cái báu tại đâu và ra sao! Sự thật chơn lý là lẽ thật tự nhiên như vậy, chớ tự nó không có gì là báu! Có thật quý báu chăng nữa là bởi tại chúng sanh quá thiệt hại, theo đường lầm lạc sái quấy mà phải bị đau sầu, hôm nay mới gặp thấy cho là quý báu đó thôi; vì trong đời thảy đều là tai hại sái quấy cả, các pháp thiện ác có rồi đâu?

Người hiểu chơn lý là người không phải bịnh nặng, không phải bị ai đầu độc, bảo chi nghe nấy. Người tìm học chơn lý, không phải là kẻ quá ác hay quá mê si đần độn, hoặc chết gấp bây giờ. Người biết được chơn lý thì nắm được chủ quyền trên thiên hạ, khỏi phải lòn cúi nơi ai ai cả, mà tất cả phải như nhau thôi. Kẻ ấy mạnh hơn hết, và chư Phật sẽ khỏi mất công vì kẻ ấy nữa!

Người biết chơn lý cũng như người thợ làm bánh, tự họ biết đó là bao nhiêu thứ bột gì, bao nhiêu thứ đường gì, cách thức làm bánh ra sao? Họ tin chắc, biết chắc tự làm mà ăn, không dùng các thứ bánh khác.

Người giác ngộ chơn lý, không tin ai hết cũng chẳng tin lấy mình, mà là chỉ tin theo chơn lý thôi. Người đã giác ngộ chơn lý rồi thì khỏi cần tha độ, mà là tự độ và độ tha.

Chúng ta phải tìm học chơn lý và trong khi học pháp, nghe pháp là phải cho hiểu chơn lý. Kẻ nghe pháp của Phật mà không hiểu được ý nghĩa Phật dạy, hoặc như đem pháp ấy nói ra vào một trường hợp khác biệt, để cho sái lạc xa ý nghĩa, như vậy là hủy mạ giáo pháp Phật; bởi để người ta hiểu lầm mà khinh chê Phật.

Vậy nên mỗi người tự tìm học thẩm xét, và bằng có nghe pháp học pháp là để thật hành kinh nghiệm đến với chơn lý, nắm chơn lý mà đắc đạo.

Đừng chấp pháp, hãy liệng bỏ pháp lại sau lưng cho kẻ khác đi sau được học, mà mình thì không chứa giữ một pháp nào cả.

Chúng ta phải qua khỏi cái học ác buổi đầu, để đến với cái học thiện thứ hai và lần lên cái học chơn lý thứ ba rốt ráo. Ở trong lớp ác chúng ta dốt với cái thiện. Ở trong lớp thiện chúng ta dốt với chơn lý. Vậy chúng ta phải đến với sự học chơn lý; người biết chơn lý là sẽ biết rõ tất cả thiện ác, vì người biết chơn lý là đã ở ngoài vòng giả dối của thiện ác, nên chi dòm ngó vào trong là sẽ được thấy biết rõ ràng.

Đức Phật xưa thấu chơn lý mới đắc đạo, có được danh hiệu là Sĩ Trung Thắng, là Thế Gian Giải, là Thiên Nhơn Sư, là Vô Thượng Sĩ, là Thiên Thượng Tôn…, là bởi Ngài đã thấu chơn lý, biết khắp trong đời, không một vấn đề nào mà Ngài không giải quyết được!

Chơn lý là lẽ thật, không phải thấp cao gì cả. Nhưng chúng sanh thì thật khó hiểu, khó hiểu chớ chẳng phải cao xa. Vì mảng bị hoặc nghiệp che án, vọng động liền liền, còn đâu có được giờ phút rảnh rang yên tịnh phủi sạch nợ duyên, hòng nhớ hiểu xét ra chơn lý? Mãi quanh quẩn trong trần, họ không còn biết chi hơn khác được, thoạt mới nghe đến chơn lý cho là huyễn hoặc, sanh dạ hoài nghi, lắm khi ngơ ngác, chẳng hiểu một tí gì cả!

Nếu như có một người kia, nhận thấy sự biến ảo của đời biết là giả dối và định ý sẽ tìm cái thật, muốn hiểu lẽ thật lần lần của tất cả sự vật, kẻ ấy quay về con đường lẽ thật, ắt sẽ đến chơn lý ngay không còn bợ ngợ.

Chơn lý ở nơi vọng sự cũng như cái thật ở nơi mỗi cái giả, cái trúng phải ở nơi mỗi cái trật quấy, thật là mênh mông không bờ bến của sự học, dầu người ta có lập ra bao nhiêu trường để học dạy cũng không hết bài học.

Người thấu hiểu chơn lý nào phải là người mầu nhiệm khác lạ chi chi…? Chính là một người tầm thường, một người như bao nhiêu người khác, nhưng nhờ đứng ra ngoài sự giả dối, được ở trong cảnh thật mà biết rõ cái thật, và khi nhìn ngó vào trong cảnh giả, người thấy ai ai lầm lạc mê muội là chỉ bảo dắt giùm. Lời nói của người thiên hạ tin nghe, và thấy ích lợi nên mới cho là Pháp bảo quý giá vô cùng.

Chơn lý không có lạ đối với người ở trong cái thật, và hành vi đã được đúng theo sự thật ấy. Học chơn lý cũng y như các khoa học của thế gian, nhưng chỉ đi ngay vào cái thật, cái trước mắt rõ rệt, cái trường tồn vĩnh viễn, chớ không ôm đeo theo cái bọt bào huyễn ảnh giả dối vô ích, cái không công.

Cũng như người thợ cất nhà, trước dựng giàn trò, rồi sau đến cất nhà, cất nhà là việc làm kết quả, còn giàn trò phải dỡ bỏ tan hoang. Cho nên cái học bước đầu thiện ác trong trần thế, cũng như học cất giàn trò, và đến với học chơn lý mới là đúng phép cất nhà kia vậy.

Thế thì sự học phải đi tới, học để mở trí đặng bước tới, học cho hiểu chút ít một đôi pháp rồi đi ngay tới chơn lý rốt ráo, chớ chẳng phải là sự đủ rồi, đứng một chỗ hay học mãi lòng vòng như con kiến bò quanh quẩn mãi theo vành xe, nó đến nghỉ tạm nơi từng mắt của căm xe, mà chẳng chịu đi theo một cây căm, để vào tuốt trong trụ cốt ổ hang là nhà của nó. Nó đi lạc là bởi sự ham vui chuyền níu ngó tới mãi, mà chẳng chịu dòm ngang, lay hoay giỏi hay nơi đó mà quên cửa nhà xứ sở.

Chơn lý như mặt trời, pháp lý như đèn sao, thế sự như hang tối. Vậy nên cái học của chúng ta là học chơn lý, thấu chơn lý mới gọi là thật học. Học trường đời là như sự học mới tập của bước đầu, cái học lo nuôi sống sắc thân, tạo tác giả vật, chấp giữ cõi đời, sự việc hữu tình hiện tại. Lối học ấy chưa phải lối học cứu cánh giải thoát kiếp khổ cho loài người.

Khi xưa, dưới gốc cây Bồ-đề chánh giác, đức Phật nói lý Hoa Nghiêm làm cho bậc Trời người ngơ ngác, chẳng hiểu chi cả. Kinh Hoa Nghiêm là chơn lý của Phật giác ngộ, là lẽ thật rất thường, thế mà khi đem cái thường thật ấy nói ra thì không ai hiểu. Ấy bởi chúng sanh quá say đắm, lạc lầm, chấp lấy cái thấy nghe nơi tội lỗi làm quen tâm trí, cho đó là thật của mình, là chánh phải trúng hay thì nào có nghe được lời chơn thật ngay thẳng của Phật. Vì vậy, Phật Ngài mới phân ra ba thừa giáo lý, hạ pháp thấp xuống, chiều chuộng nâng đỡ, dìu dắt chúng sanh đi lên từ nấc cho đến đất bằng chơn lý hay Phật thừa, vì bởi chúng sanh càng nặng, càng lún, càng sâu và quen rồi với cảnh sâu ấy. Lại ít kẻ biết ra là mình đã quá tội lỗi thâm sâu,

đối với công lý đất bằng hay chơn lý lẽ thật. Và có kẻ biết rõ, thì lại bởi xét mình quá thấp sâu dơ nặng, mà nhìn lên thấy Phật càng cao, cao mãi càng sợ, sợ hoài. Nào có ai chịu nghĩ rằng: mình và Phật như nhau, ai cũng là người cả, ai cũng là Phật cả, ai cũng ở trong cái thật, mạnh giỏi bình an như thường như nhau, cũng đứng đi trên đường mặt đất, nào phải khác lạ gì? Họa chăng có khác nhau, là bởi chúng sanh hay tìm vọng những cái phi thường, để đến nỗi lạc loài khốn họa, nên phải trở lại kêu cứu cùng Phật. Thấy Phật tự nhiên mà lại quý báu hơn mình, còn mình đã quen tánh khổ lao chao, một khi muốn yên lặng trở lại, không biết phải làm sao nên kiên tâm trì chí, khổ tâm rèn tập lần lần trở lại.

Đối với chơn lý lẽ thật, hay kinh Hoa Nghiêm thì không có chi là sự học cả, vì cái thật nó đã sẵn có trước mặt ta rồi. Cái thật ở nơi mọi chỗ, thế mà chúng sanh nào có thấy chi đâu, từ ác đến thiện, từ nhỏ đến lớn, họ chỉ thấy cái ta là sự vật thôi, dầu thần nhãn, thiên nhãn cũng không thấy được chơn lý, huống chi là nhục nhãn mắt phàm tăm tối.

Tất cả các pháp là để đến với Hoa Nghiêm.

Tất cả giáo lý là để đến với Chơn Như.

Tất cả sự học là để đến với Chơn Lý.

Vậy chúng ta nên học chơn lý! Chơn lý tức là trường đại học của bậc thượng trí! Mà muốn học, ắt chúng ta phải giải thoát những buộc ràng, lìa nhà cửa thế tục, xa cha mẹ trần gian, thân phải trong sạch, tâm được yên lặng, thì trí mới huệ sáng, nghĩa là phải xuất gia giải thoát làm Khất sĩ, nhập đạo tràng Giáo hội, vừa học vừa tu, học tu tuy cực nhọc hơn buổi ăn chơi, chớ thật là trung dung mạnh khỏe, và một kiếp tu hành, ngàn đời rảnh khổ, một thời ngộ đạo, vạn thuở an vui.

Đúng chơn lý, ai cũng là Khất sĩ xin học. Và đi xin ăn, học chơn lý là quý báu hơn cả.

Chơn lý là thật học, trường học là Giáo Hội Du Tăng Khất Sĩ đi học cùng khắp xứ, chớ không phải lớp học ở một chỗ, một bài, mà được toàn học. Trường học là chơn lý, nơi đây có nghĩa là học dài học mãi, học không

chán, không lui, là sự học có đầu có đuôi, có khoảng giữa, có mục đích, có ích lợi, cái học không bao giờ gián đoạn, học đến đâu cũng không hết không rồi, nên gọi là trường học chớ không phải cái nhà, cái bàn, một lớp, nơi một chỗ một.

Chơn lý là trường học chung của tất cả, chơn lý không phải là đời hay đạo. Chơn lý không phải là tông giáo hay đảng phái, chủ nghĩa, giáo phái nào? Chơn lý không phải là một vị Phật, một vị Trời nào! Chơn lý không phải là tên chơn lý lẽ thật gì cả mà chỉ mượn tạm danh từ để gọi, phân biệt, nên kêu là chơn lý thôi! Cũng như tiếng Phật, nghĩa tạm phân biệt là sự giác ngộ vậy. Chơn lý là võ trụ, là đại đồng của tất cả chúng sanh. Trong chơn lý không có sự mê tín nơi duy vật, duy thức, hoặc duy tâm. Không có sự mê tín nơi người, nơi giáo lý, nơi linh nghiệm, nơi sự vật chi chi…, và cũng không vất bỏ một cái gì cả. Đúng chơn lý là tự nhiên, cái tự nhiên sống mãi đời đời. Cái chơn lý tự nhiên ấy là trường học của tất cả chúng ta vậy!

Thế nên, tất cả chúng ta phải đi học. Có ra khỏi nhà đi học mới được chánh tín, hầu đạt kết quả chánh định. Chơn lý tức là giải thoát, thoát khỏi nhà đời, bước qua trường đạo. Cõi Phật là võ trụ đại đồng, nơi ấy chứa đựng biết bao pháp lý, mặc sức cho người xin học. Chúng ta phải ráng lên lớp ấy để học hết.

CHƠN LÝ 20

TRÊN MẶT NƯỚC

Những quả sen, những hoa sen, những lá sen, đều ở trên mặt nước, tuy chân gốc đều ở trong bùn nước mà đầu cất vượt lên cao, và lá hoa quả chẳng dính nước bùn. Bùn ấy là chất nặng dơ, lún xuống đáy sâu rã rời hột một, có khác nào sự chết trơ không tự chủ, vì ích kỷ lẻ loi của mỗi chúng sanh ác quấy, tội lỗi nên phải bị đời sa thải giẫm đạp xuống bên chân thấp dưới.

Mỗi hột đất là một cái tiểu gia đình, hay nhỏ hơn là một người một.

Nước là xã hội thanh thiện, cao ráo, lớp trên, thường theo duyên trôi chảy.

Sen vượt lên trên cao không trung, là bậc xuất gia giải thoát, khất sĩ, nhà sư.

Lời nói của người tu ví như hoa sen, việc làm của người tu ví như lá sen, ý niệm của người tu ví như gương sen. Cả thảy các pháp đều ở trên cao không trung, và không còn phải ô nhiễm nước bùn theo thế sự.

Gốc sen, người tu tuy còn tạm nương trong thế, tuy còn xin món ăn mặc ở bịnh nuôi thân, tuy còn đứng đi trong xã hội mà tâm trí thì đã tách xa cao hẳn và đã khác sắc đổi hình.

Khác hơn nước đất là sen đã có được sự sống, linh hồn do đất nước. Cũng như người tu, do nhờ thiện ác mà nuôi tạo trí tâm, được giác ngộ hơn người trên thiên hạ. Đền ơn lại cho nước đất là sen hứng chịu nắng mưa sương gió, cái tai nạn, sự động chạm từ bên ngoài đến vào trong nước đất.

Lá, hoa, quả sen che chở giữ gìn sự yên lặng, sạch trong, bằng thẳng, sự sáng rỡ cho nước; và cọng sen thì ngăn cản nước xoáy lộn trôi chảy, cọng sen làm cho nước đứng ngừng lóng bùn trong sạch. Những bậc tu xuất gia, tuy không còn dính dấp với gia đình xã hội, nhân loại, nhưng cũng đem thân mạng đền trả cho đời bằng gương nết hạnh hiền lương; và lời nói, việc làm, ý niệm, đạo lý, đem giúp đỡ cho xã hội, gia đình bình yên, trong sạch sáng láng, nên mới được đứng vững lâu dài, không rối loạn.

Cũng có đôi khi trong đời giặc giã lớn lao, người ta không thể cản ngăn được, mà phải cần nhờ đến các nhà tu, các sư Tăng gom hiệp lại hết thảy, đi đến chỗ chiến tranh xin tội cho chúng sanh, các Ngài khuyên lơn giảng giải bằng sự ôn hòa. Vì lời nói của các Ngài rất công hiệu, ấy bởi sau sự hành vi của đạo đức, cũng như sen kết lợp che trên mặt nước.

Đạo đức là phép cản ngăn những sự bất hòa của gia đình, xã hội, mà đạo đức thì không bao giờ làm việc và ở trong gia đình, xã hội. Với lẽ biết ra sự lợi ích ấy, nên gia đình, xã hội cũng không còn níu kéo tình nghĩa, dính dấp đến đạo đức, chỉ nâng đỡ đạo đức riêng ngoài trên cao, ủng hộ lại cho đời bằng cách gián tiếp thôi.

Sự tiến hóa của chúng sanh là từ gia đình đến xã hội, mới đến đạo đức, và bởi không theo đạo đức được, nên mới lập ra gia đình, xã hội, lớp tạm để tập học hành đi tới. Như thế, tức là đạo đức là có, còn gia đình, xã hội vốn không.

Cũng như cha mẹ, anh em, con cháu là danh từ giáo lý tạm, quan vua cũng là danh từ giáo lý tạm, để tập dạy cho người ác đến thiện, đến đạo đức, từ vật chất đến tinh thần, đến chơn như. Từ sống bằng thân đến sống bằng trí và phải sống bằng tâm, cũng như giáo lý của người nhỏ đến người lớn và ông già kia vậy.

Kìa như ông già, chơn như, đạo đức sống bằng tâm, thì không có cái gì bận rộn nữa cả, hay như thế giới của những ông già sống chung nhau, thì cũng không có giáo lý danh từ chi nữa.

Hiểu như thế thì ai ai cũng phải đến với đạo đức, muốn đến với đạo đức, lựa chọn đạo đức, nâng cao đạo đức, khuyến khích đạo đức, dạy dỗ đạo đức, mà luật pháp của gia đình, xã hội là phạt răn kẻ ác, khen thưởng người thiện,

và ủng hộ giúp đỡ đưa kẻ xuất gia giải thoát lên lớp trên cao. Trên lớp cao ấy là đúng thật, vì tất cả cũng như nhau, không còn chi phân biệt.

Trần thế cũng như cái sàng, gạo trộng ở trên sàng là đạo đức, còn tấm cám phải lọt rớt xuống trở lại đệm (là cảnh đời), tức là sự rớt ở lại gia đình xã hội để chịu tội phạt, học hành thêm nữa.

Như thế là ai nấy cũng phải dọn mình để bước lên đạo đức tất cả. Tất cả vua quan cũng phải giải thoát xuất gia. Tất cả chúng sanh ai cũng là khất sĩ, xin học như nhau, y nhau đúng theo chơn lý lẽ thật, mục đích chớ không có sự khác nhau, phân biệt như lớp dưới, bước chân tạm của buổi ban đầu.

Dầu ở trong lớp vua quan lo cho dân chúng, các vua quan cũng nhận thấy mình còn tội lỗi, khổ nhọc, kém sự giác ngộ hơn nhà sư, và việc thế không rồi chi cả, không chắc, chẳng vững bền. Các vị ấy rồi còn phải đi tu làm khất sĩ, làm tăng, để bước qua một lớp tu học, và giáo hóa chúng sanh, nhẹ nhàng hơn; nơi ấy việc làm đạo đức tuy nhẹ nhàng hơn mà thấy chắc được kết quả, độ được một người nào là xong một người nấy. Vì khi họ được giác ngộ rồi, tâm họ đã nhứt định, không còn dời đổi nữa. Cũng như học trò lớp trên tuy ít mà chắc chắn, hơn số đông đảo mệt nhọc của lớp dưới.

Thật vậy, nơi cõi của người tu mới thật là đời đời, mới thật là ai nấy bằng nhau, như nhau không còn lộn xộn. Nếu trong đời thiếu đạo đức là không được, mà trong cõi đạo đức thì không còn có gia đình, xã hội nữa.

Vậy thì cõi đời sẽ là thế giới đạo đức ngày mai, khi trình độ chúng sanh đến lúc hết hồi tranh cạnh, và luật pháp của xã hội, gia đình là buộc tất cả đều phải tu xuất gia, giải thoát, cũng như ở lớp nhì, lớp ba, thầy giáo dạy là bảo học trò phải lên lớp nhứt mà bỏ lớp nhì, lớp ba. Nên người tại gia cư sĩ là phải về y theo khất sĩ, xuất gia lên lớp, chớ chẳng nên đứng hoài một chỗ mà chịu tai nạn, muốn hết tai nạn thì phải đi tới mới tránh khỏi.

Hai ông vua gây cuộc chiến tranh, là bởi thiếu đạo đức nơi chính giữa.

Hai vị quan văn cầm ngòi viết gây lộn nhau, là bởi thiếu đạo đức nơi chính giữa.

Hai người quan võ giết lẫn nhau, là bởi thiếu đạo đức nơi chính giữa.

Hai người lính đâm chém nhau, là bởi thiếu đạo đức nơi chính giữa.

Trong gia đình xào xáo, đánh lộn, là cũng bởi thiếu đạo đức nơi chính giữa.

Chính đạo đức là phép giải hòa, như bức tường, hàng rào ngăn cản kẻ hơn thua gây việc, và là phép tu học y theo chơn lý đúng đắn, kết quả của con người.

Bên trong mình đạo đức là ngũ tạng.

Bên trong gia đình đạo đức là nồi cơm.

Bên trong xã hội đạo đức là tiền bạc, không đạo đức thì cái gì cũng chết hết.

Cũng như ruột đau thì tay chơn không cử động. Không nồi cơm thì gia đình chết đói. Không tiền bạc thì xã hội loạn ly.

Trong xã hội đã loạn thì còn trông phương gì giữ nước, chống cự giặc ngoài cho được. Như thế là người ta phải chỉnh đốn đạo đức, chỉnh đốn cái tâm bên trong, trước các công việc bề ngoài, cũng như ngũ tạng điều hòa thì tay chưn mới có sức lực.

Hễ thiếu đạo đức thì mọi sự đều thất bại. Cũng như thế, kẻ xông ra trận mạc, tuy chiến sự phải dùng chưn tay, nhưng nếu trái tim bị đứt là kẻ ấy phải chết, không còn chiến đấu gì đặng nữa, trái tim tuy không hành sự, mà thiếu nó thì tay chưn không có máu.

Kẻ có tinh thần là người không sợ chết, kẻ ấy như người tu không tham sân si, tự kẻ ấy biết ra lẽ phải, nghĩa vụ hy sinh, tức là kẻ ấy có linh hồn. Chính người tu là linh hồn của kẻ hy sinh chiến sĩ, một người ấy sẽ thắng được mười người.

Quốc gia mà hưng thạnh, là do tinh thần đạo đức, chớ không phải tại con đông, tiền nhiều, và không hiểu đạo.

Như muốn khỏi chiến tranh thì tất cả đều phải tu, tu hết rồi thì đâu còn loạn ly nữa, dầu chưa được vậy, chớ có một xứ lo tu thì các xứ kia không ai nỡ đành đánh đập, vì còn có danh lợi chi đâu mà hòng đánh đập.

Như vậy giặc giã là do danh lợi, chớ không kiếm tìm người tu đạo đức; vậy sao ai nấy chẳng lo tu, chẳng là yên vui và được mọi người thương mến.

Một em nhỏ có danh là bởi người ta khen ngợi, một em nhỏ có lợi là bởi tại người ta thương; không ai sợ nó, mà ai cũng hy sinh giúp nó chẳng tiếc công mình.

Trong đời một người lớn mà lập tánh như em nhỏ được chắc là trong thiên hạ ai cũng qui phục mình hết, vì ai cũng thương yêu và người ấy sẽ sống, sống mãi, sống không còn con số đếm những tuổi năm được. Đạo đức tối trọng y như vậy.

Cũng như một người có địa vị chăn dân, mà không khắc kỷ được, không dùng lời nói đạo đức dạy đời được, không trị được tâm lý, không dạy được cả chúng sanh, chưa được trọn sáng, trọn lành, thì thiên hạ chỉ có một số ít qui tùng theo. Sánh lại sao cho bằng một nhà du tăng khất sĩ, ta bà giáo hóa khắp nơi trong võ trụ, đâu cũng là nhà cửa quyến thuộc có sẵn, thật là an thân quá, rộng rãi, vui hay quí ích quá.

Thế nên xưa kia các nhà vua chúa mới bỏ ngôi vua, xuất gia hành đạo, cũng vì lẽ ấy mà người tu không còn ở trong một xã hội, gia đình nào nữa cả. Giống như sen không ở trong bùn nước mà lại vượt lên cao, ở trên không trung vậy.

Kìa từ xưa cho đến nay, xứ Ấn Độ và khắp thế giới, chư Tăng sư khất sĩ là không có khóa thuế sưu công, người tu không còn ở trong luật nước, hay là đã ở cao trên khỏi luật nước rồi.

Luật nước chỉ bắt buộc kẻ ác, ngừa tiểu nhơn, chớ không dùng cho bậc hiền nhân quân tử. Cũng như giai cấp phải có cho trẻ nhỏ, để cai trị trẻ nhỏ mà không dùng cho ông già. Người tu khất sĩ là ông già ở nơi giáo lý chúng sanh chung; một bộ áo ba cái mặc trong mình không dư, một cái bát xin cơm để đi cùng khắp non sông võ trụ, không còn ở trong một lớp một xứ.

Từ khi ở trong một gia đình, xã hội bước chơn ra đi sống với cả chúng sanh chung trong thế giới, để lập cuộc bình yên cho tất cả gia đình, xã hội, là khất sĩ ra đi, ra đi cũng như người chiến sĩ, người chiến sĩ lo cho xã hội, mà bỏ gia đình và hy sinh thân mạng.

Người tu hy sinh, bỏ xã hội là để lo cho thế giới, và cũng không bao giờ trở lại xã hội, gia đình. Mục đích của khất sĩ là làm cho thế giới đều tu, yên

vui thì xã hội mới được yên vui; xã hội yên vui là gia đình yên vui; gia đình yên vui thì mình mới được yên vui, tức là tấm lòng lo cho tất cả chúng sanh đều tu hết vậy. Một khi gia đình, xã hội đã vui lòng cho khất sĩ ra đi tự do rồi, thì cũng không còn sự đòi hỏi kéo lôi chi nữa, mà để cho người hoàn toàn thật hành theo chơn lý, chí nguyện.

Cũng giống như một ông cha cho đứt đứa con cho xã hội, cho nó đi du học rồi, là không còn đòi hỏi lôi kéo nó trở lại, hay ép buộc rầy rà chi nữa. Mà đúng chơn lý lẽ thật, ai cũng là khất sĩ, ai cũng là chúng sanh chung, con của tứ đại, ai cũng tự do, tự chủ cả. Còn gia đình, xã hội là lớp tạm, không có. Bởi thế cho nên, các nhà đạo khi xưa hay vua quan xem coi người xuất gia ra đi cũng như đã đóng xong rồi món thuế chung thân, một lần một cho mặt đất. Vì người đã bỏ hết của cải sự nghiệp lại cho xã hội gia đình, mà không còn một đồng xu, hột gạo nào trong mình cả, và giới luật trọn đời là không giành choán một đồng xu, hột gạo của thế gian. Cho nên gọi là không có thuế vụ nơi người khất sĩ xin ăn tu học, vì thuế vụ là tiền bảo đảm sanh mạng và tài sản cho người tội lỗi, khi họ còn ở trong gia đình, xã hội bảo hộ. Người khất sĩ không còn giúp cho đời bằng vật chất mà là giúp bằng cách giáo hóa, dạy dỗ tâm người và khuyên can ngăn loạn.

Người đã hoàn toàn giải thoát, giải thoát với luật tự do tín ngưỡng, với lẽ sống chung, ai nấy cũng như nhau. Đối với những kẻ đã hiền lương y theo chơn lý, giải thoát từ lúc bước chân ra khỏi gia đình, xã hội thấp kém lạc lầm, để đi tu theo Phật, giữ y giới luật 250 điều của Phật, là xin học, khất sĩ y theo chơn lý.

Người khất sĩ cũng không còn có thân sống cho riêng mình mà là sống cho chúng sanh, cho đời cho đạo. Người khất sĩ đối với mình thì như đã chết, như đã chôn sâu, như ông già lão, như kẻ ăn mày tàn tật, như đứa trẻ con, vì người không còn làm được việc tội lỗi để cho được có của dư, người không còn ở một chỗ, không có nhà, người đi đi mãi, tới mỗi nơi tạm ngụ ít ngày rồi đi nữa.

Đúng y chơn lý lẽ thật của đời là chúng sanh phải thay đổi, tiến hóa mãi, không sở trụ, không tớ chủ gia đình xã hội, không còn ai phải giữ gìn tánh mạng, sự sản của người. Không ai nhọc công lo cho người hết, chẳng có ai kể

công lao với nhà du tăng khất sĩ được, vì người đã sống với trời mây không không, không một vật ngoài bộ y và cái bát, dư lắm là một quyển kinh thôi.

Người cũng không còn phải là nhân loại của loài người, là người chỉ biết có xin học, xin dạy, xin tu cho mình và cho tất cả, thí công không có nhận tiền lương bổng, vì người đã bước lên cõi trí của Phật. Người muốn thành Phật trong một kiếp này.

Thành thị, làng xóm, người chỉ đi qua, mà chỗ ở thật của người là vắng xa trong rừng bụi. Đức Phật khi xưa y như vậy, Ngài chết nơi cụm rừng. Ngài đi mãi không có cửa nhà chi cả, đến đâu Ngài chỉ ở tạm rồi đi, Tăng đồ của Ngài cũng y như vậy.

Người khất sĩ cũng như kẻ ở ẩn tu, người ở gốc cây, am lá chỗ nào một chỗ, ngoài sự khất thực đi xin trong xóm, là người không bao giờ đi đâu giao thiệp với ai hay tới nhà kẻ thế.

Người khất sĩ như kẻ sưu công, người ra công đi giác ngộ, cảm hóa dạy khuyên người, là mỗi buổi sáng đi khất thực, và người như là kẻ sưu công hưu trí, vì đã làm xong phận việc gia đình, xã hội rồi, mới được đi tu giải thoát như ngày hôm nay.

Đời của người xuất gia giải thoát cũng như kẻ đi khóa lính chung thân, đi không ngày trở lại. Chính người lính khất sĩ tranh đấu cái tà tâm, loạn vọng của mình, tranh đấu với ma vương để thành đạo cho chúng sanh, tranh đấu bao nhiêu điều tà ác, nhiễu nhương trong thiên hạ. Một người lính của Phật không làm vua quan giàu sang, không ăn ngày hai bữa, một ngọ, ăn chay mỗi ngày, đi xin không cất trữ, không một đồng tiền, không sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, uống rượu chi cả. Một người lính tu hiền có học, đức hạnh trang nghiêm, thật tốt đẹp quá.

Lòng từ bi, bắt buộc người khất sĩ nhận lấy phận sự tế độ chúng sanh làm nghề nghiệp, không ai xúi bảo rủ ren, cũng không đợi người xin hỏi. Vừa đi xin ăn tạm để nuôi thân sống qua ngày, mà lo việc muôn năm khắp cùng thiên hạ, lo cải sửa phong hóa lễ nghi, đức tánh, gương hiền đem sự trong sạch, yên lặng, sáng suốt cho đời, cảm hóa kẻ ác, dạy dỗ người thiện, chỉ đạo cho người tu, dìu dắt lớp trên, ông già, cao trên xã hội.

Người cũng có thể trở ra thế làm vua quan, giàu sang, kiêm vừa đạo đức lẫn với sự đời, nhưng không không, vì người đã hiểu đạo. Đạo quý ích cho chúng sanh hơn, cao ráo sạch sẽ hơn, đạo đúng chơn lý chánh lý hơn, và đạo đức phải có luôn luôn nhắc nhở người đời lớp dưới.

Mặc dầu họ bước lên chưa được, nhưng noi theo gương nghe thấy của người tu, họ cũng giảm bớt lần lần những tội lỗi khổ sở.

Việc đời là của người lem lấm, việc đạo là của người trong sạch. Đạo đức cũng không choán việc phước thiện của đời, vì người đời thì không thể làm việc trí huệ giải thoát y như đạo đức được.

Đạo đức mà mất thì trần thế sẽ nguy, bởi ở trong cõi đời ác trược chung lộn, lấm dơ, không dễ gì trau tâm được. Vậy nên ai ai cũng cần giải thoát để trau tâm, dầu không được tu luôn thì tu học một ít năm rồi trở lại cũng tốt, nhờ giảm bớt tham sân si và có học đạo, thì đỡ bớt sự khổ não thất bại. Nhưng sự thật, nếu ai đã thấu chơn lý, đắc đạo thì thành Phật, tu mãi chớ đâu còn trở lại cõi đời làm chi nữa. Như thế tức là sự xuất gia đó để bảo tồn đạo đức và nâng cao đạo đức.

Thật vậy, từ xưa cho đến nay, ít ai theo được bên chưn Phật, gìn giới luật làm Tăng cho đúng phép, để đem sự trong sạch tinh khiết lại cho đời. Thế mới biết, vua quan dễ làm mà Tăng sư khó gặp.

Trong đời mà thiếu Tăng sư đạo đức dạy dỗ bên trong thì sự loạn lạc, trộm cướp dấy sanh, không ai có thế gì trị được. Có đạo đức thì không có giặc cướp, hơn là để đi bắt trừ giặc cướp, và chỉ có đạo đức khuyên răn, cản ngăn sự rối loạn bên trong thì mới yên vui được. Khi xưa chính Phật và Tăng, trước đi cứu thế, rồi sau mới dạy đạo độ đời, cũng y như vậy.

Trong đời mà thiếu lớp xuất gia khất sĩ, thì lớp cư sĩ thiện nhân không đường bước tới, đứng lâu một chỗ hoài mai sau ắt cũng sanh giặc loạn, ấy bởi sự mỏi mê chán nản và tài trí thì chẳng bền lâu.

Vì vậy mà trong đời người ta rất cần đạo đức, trước hết quí trọng người tu xuất gia hơn cả, chính Tăng bảo xưa kia, vua quan đều kỉnh trọng, sùng bái nghe lời. Nên không có ai đòi hỏi thuế vụ bao giờ, ngược nơi người tu không tiền. Không ai gọi bảo sưu công, ngược nơi người tu yếu đuối. Không ai kêu

nói khóa đinh, ngược với người tu hiền lương là khất sĩ Tăng bảo, mà tất cả nên phải quy y về mục đích của Tăng bảo, để bước lên Trời Phật, để tập cho cõi đời trở nên Trời Phật.

Khất sĩ Tăng bảo là kẻ đã bỏ hết cha mẹ, vợ con, nhà cửa, bạc tiền, vua quan, chức phận mới đi tu. Người không có tên tuổi sổ bộ gì trong xã hội. Giới luật Phật bảo đảm cho người, chứng tỏ cho người. Giới luật Phật tạo nên người trên cao tốt đẹp hơn kẻ thế gian.

Người là một chúng sanh, là một khách tạm của thời gian, sống chung để lo tu học. Người ở trên mặt đất chung của võ trụ không riêng. Người thường ở trong rừng sâu, ít hay dạo chơi nơi gia đình xã hội tạm, trừ khi có ai thỉnh rước. Người sống với tất cả bằng lòng từ bi. Người nhìn nhận tất cả chúng sanh làm vua quan, cha mẹ, quyến thuộc bà con. Với tấm lòng lo chung, sống chung ấy, dầu người chưa phải thành Phật cho tất cả hưởng nhờ, nhưng tấm lòng ấy cũng rất quí quá, đỡ tai hại cho thiên hạ, yên ổn cho mình và cũng có khi giúp ích lợi cho kẻ khác được. Hay như không có gì hết, vì là chúng sanh chung, là con của tứ đại, vốn không đầu đuôi sau trước, khỏi phải có quan vua cha mẹ đối với kẻ hiền lương trong ngày hôm nay, vì quan vua, cha mẹ hay chư thiên cõi Trời xưa kia, cũng còn là phải đi tu giải thoát để làm khất sĩ theo chơn lý kia thay. Nghĩa là ai cũng vua quan, cha mẹ ngày trước của người tu hết thảy, còn hiện tại là không có.

Như thế tức là khất sĩ không tư vị ai hết, cũng không ghét bỏ ai hết, không dính dấp buộc ràng với việc gì cả. Vì tất cả chúng sanh chỉ là đồng hành bạn đạo mà thôi, may ra ta chỉ giúp cho nhau bằng sự học hỏi giác ngộ, nhắc chừng khuyến nhủ, khuyên can vài chuyện nhỏ nhặt chút ít bên ngoài, chớ không ai lo cho tâm chủ đại sự của ai được. Như vậy, nghĩa là tự ai phải lo tu tỉnh lấy, ta không nên ỷ lại vào ai, và ta cũng không thể bao trùm, chở che tất cả đặng, thì hỏi vậy thì thương ghét tư riêng mà làm gì?

Nếu trong đời ta không nương theo ai được hết, cũng không ai ở với ta mãi, vậy thì ta tin họ mà làm chi? Nào vợ con, cha mẹ có ở mãi với ta yên đâu? Chi bằng đối với tất cả, miễn là ta không làm ác là đủ rồi; khi có nhân duyên thì ta chỉ bảo giúp họ, bằng không thì thôi, như vậy chẳng có khỏe hơn không?

Đối với tất cả chúng sanh, ta hãy xem là như nhau, bình đẳng trong sạch, không tình nghĩa phải chăng, có thong thả nhẹ nhàng hơn không?

Như vậy ta là kẻ đứng ngoài dòm ngó vào trong, tai mắt ta sẽ được thấy nghe nhiều, và giúp đỡ cho họ nhiều việc, mà ta thì lúc nào cũng tỉnh táo như vô sự, nhàn rỗi. Ta không mờ quáng vì đứng trong một phận việc khuôn khổ và không phải bực tức, khổ não vì lẽ thấy sự thất bại. Như vậy tức là ta giải thoát, thoát khỏi cái chết, cái lấm lem, ướt nặng.

Lúc nào cũng thấy mình yên nghỉ, không còn thấy có sự nói làm, dầu là đang khi nói làm cũng xem coi như lúc đang yên nghỉ, nhờ như thế mà được nhứt định, đứng vững của việc làm, không chán nản thất bại, thay đổi.

Người như thế mới chắc thật là làm được việc ích lợi cho chúng sanh vậy. Người như thế mới tin lấy mình, và tất cả đều tin nơi mình. Người ta tin kẻ tỉnh táo, sáng suốt, yên lặng, trong sạch, chớ không ai dám tin người lăng xăng, rối trí, say mê, tội lỗi, không chừng và biến đổi cả.

Vậy mới biết làm ít mà nên, làm nhiều mà hư, thì chúng ta ham làm nhiều chi cho mệt công vô ích. Bởi thế mà những người tu trung thành với giới luật của Phật, thà chịu chết chớ không chịu dính dấp lo việc xã hội, gia đình, và không chịu nhận ai là kẻ tư riêng mình hết. Họ cho đó là tội lỗi, là sái quấy, là bất công, là khổ, cái khổ sở, tai nạn và thất bại.

Đời sống của hoa sen, lá sen, quả sen thật là từ bi và trí huệ, sống trong khoảng không trung bao quát mà không thiếu phần ích lợi cho cả chúng sanh phía dưới; thế sao chúng ta lại chẳng noi gương theo, tuy cái sống không mùi vị, mà lại được lắm sự thanh cao, ý nghĩa quí báu.

Trong đời, người ta biết trọng dụng nhân hiền, nghề nào làm theo việc nấy. Ông vua không đi cày ruộng, quan văn không cấy lúa, quan võ chẳng cầm cày, binh lính không nhổ mạ, thì sự việc của người tu là giáo hóa dạy dỗ chúng sanh, cũng như lá trái sen phải ở nơi cọng sen, bông hoa sen ở nơi cọng sen.

Người tu không bao giờ chen lộn việc thế được. Vì đời là cõi nước sình, tội lỗi, thân người là báo thân, thân tội báo. Người ta là tình trạng của tội nhơn, trong đời dễ gì mà có được sự thiện lành, ngay chánh, tốt đẹp; vì nếu

đời đã là đúng chơn lý, thì đâu còn có ai phải bỏ ra đi tu làm Trời Phật mà chi nữa. Như thế là Trời Phật đâu phải thấp kém, lạc lầm hơn nhơn loại.

Cõi trần thế mà bị thấp kém, là bởi giáo lý phải theo trình độ của chúng sanh thấp kém, là bởi trẻ nhỏ càng được sanh nhiều, sanh mãi, người già lại chết, chết mất luôn. Vì thế mà lớp học của đời, không dung chứa được người học trò cũ, trình độ khá cao, cho nên kẻ đã được hiền lương là mau lo tìm đường giải thoát, bước lên Trời Phật, tức là sen phải vượt lên khỏi mặt nước mới trổ sanh lá, bông hoa, trái đặng.

Người ta, nhân loại, mà chưa biết đến lớp Phật Trời, là bởi học trò lớp ba ở riêng, và mới vào học chưa được sáng thông, thì làm sao biết được là có sự việc của lớp nhì, lớp nhứt; trách sao có kẻ họ không binh vực giáo lý, chỗ ở của họ.

Hồi gẫm lại cuộc đời, từ mặt đất cù lao mới nổi, cỏ cây thú sanh ra đến lớp nhân người mới tượng, cái sống dĩ nhiên thong thả. Người càng đông nhiều, đi tách lạc rải rác khắp nơi, màu sắc thay đổi, từ ít sanh nhiều, lâu ngày lạ mặt, phân ranh, chia chủng tộc, lấn cướp giành nhau, trôi đi, trôi mãi, tới đâu choán đó, gọi của ta của người, lâu ngày lại bỏ mà đi nơi khác. Họ mãi chen lấn, xô đẩy cùng nhau, chỉ vì sự ích kỷ, lòng tư riêng, tâm ngã ái giả dối làm cho cõi đời trở nên ác liệt. Nhơn quả, quả báo liền liền, họ lấy oán thù xương máu làm việc say sưa, đốc xúi rủ ren, chia phân binh vực, không còn gì lẽ phải, công lý, nên lấy mạnh hiếp yếu, lấy sức làm hơn, thế đông đàn áp.

Trần thế là cõi mịt mờ của si mê, dơ dáy của tham lam, lửa cháy của sân giận. Trần thế là một bãi đất bùn, là một nấm mồ nghĩa địa, hay là phân chất của một hồ sen, nhưng cũng nhờ có phân chất tội lỗi của đời mà nuôi sanh được hột giống giác ngộ là sen, sen ấy sẽ vượt lên cao, cao mãi. Trần thế như giữa đám chợ hoang, do đó mới có sự ghê sợ, sự học nghiệm, giác ngộ của sĩ hiền, rồi là họ sẽ tránh xa, xa mãi.

Cũng nhờ có sự hỗn tạp lếu quấy của đám học trò lớp dưới, nên mới phải có lớp cao trên kia. Cũng bởi có sự tội lỗi khổ sở của đời, nên mới có đạo đức, và kẻ đạo đức sẽ không còn ở trong đời nữa, không còn trở lui lại nữa, một khi họ đã ghê sợ, nhờm gớm, chán chê. Như thế tức là đời hại người,

là như xúi người làm Trời Phật, và Trời Phật thì trở lại thương xót che chở cho đời.

Trời Phật mà không thối chí, ngã lòng, chán nản trong công cuộc giáo hóa, là cũng bởi đã biết rõ tâm lý của cuộc đời, nhờ biết vậy mà các Ngài bền công gắng chí, mới thành được Phật Trời, và cũng bởi thương xót cứu độ đời, mà lại không nhiễm đời, nên mới đặng chỗ hơn người, đáng cho người kính tôn là Phật. Vậy chúng ta nên phải làm Phật, nên phải tìm đường giải thoát, vượt ra khỏi thiện ác, nước bùn. Hãy là bậc khất sĩ, siêu nhân, cũng như lá, bông hoa, trái của sen, sen mọc trên mặt đầm của nước đất, vì đời là một cái hồ đất nước để trồng sen. Ai ai rồi cũng là sen hết!

CHƠN LÝ 21

CHÁNH PHÁP

CHÁNH PHÁP LÀ PHÁP CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, GỌI TẮT LÀ PHÁP CHÁNH GIÁC

BỒ ĐỀ ĐẠT MA

Pháp chánh giác có hai chơn là pháp học và pháp hành. Còn hành thì còn đạo, hết hành thì hết đạo. Cho nên đời nay, người ta gọi đời mạt pháp là bởi có học chớ không có hành, nghĩa là người ta không có thật hành đúng theo pháp chánh giác của chư Phật nữa, tức là người ta hành theo tà pháp, còn học thì học theo chánh pháp. Tuy nói vậy, chớ người ta cũng không nhận sự học của người ta, theo kinh điển là chánh nữa, vì người ta nói: "Xứ này không có Phật, và thời này là mạt pháp, hết pháp rồi. Kẻ đang tu học bây giờ đây là đạo của riêng mỗi người, chớ không phải đạo Phật nữa". Người ta nói: *"Đời nay kẻ tu đều là tà đạo hết vậy"*.

Câu nói ấy làm cho ai cũng buột miệng trả lời cả: Cái pháp tự nó vốn đâu có hưng hay mạt, mà mạt là chỉ tại nơi người làm mạt đó thôi! Cũng như đạo đâu có bao giờ mất, mất là chỉ tại người bỏ đạo làm mất đó thôi!

Thật vậy, người tà chớ đâu phải đạo không chánh, người mạt chớ đâu phải pháp không hưng.

Chỉ tại người có học không hành, không tu là chẳng thành, chớ sao lại gọi là hết pháp, không Phật? Chánh pháp là sự sống, hay giáo lý của chúng sanh đối với vạn vật đúng y theo chơn lý.

Chơn lý là lẽ thật trong vũ trụ. Từ tứ đại địa cầu sanh ra cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật. Lẽ thật ấy là tiến, là sống, mà chánh pháp của chư Phật là sự chỉ rõ cách tiến đến quả Phật cuối chót. Chơn lý ấy bao giờ cũng hiển nhiên nơi thế sự, ví như mặt đất liền, chỗ sanh sản ra chúng sanh, chỉ tại kẻ giác ngộ, cùng người chưa giác ngộ, chớ sao lại gọi là hết pháp? Vả lại, pháp được chơn chánh là tại chỗ thật hành, chớ nào phải chỉ có học mà không hành, rồi sợ mang tiếng tà đạo phải gọi là mạt pháp? Lời nói ấy là giết hại đạo Phật, hủy báng Tam bảo, mê hoặc chúng sanh để chịu nghiệp trầm luân khổ sở.

- *Cái gì là chánh pháp của chư Phật?*

- Tứ y pháp là chánh pháp của chư Phật mười phương ba đời, là giáo lý Y bát khất sĩ vậy!

TỨ Y PHÁP

1. Người tu xuất gia chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội thuyết pháp được ăn tại chùa.

2. Người tu xuất gia phải lượm những vải bỏ mà đâu lại thành áo, nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận.

3. Người tu xuất gia phải nghỉ dưới cội cây, nhưng có ai cúng lều, am nhỏ bằng lá, một cửa thì được ở.

4. Người tu xuất gia chỉ dùng phân uế của bò mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc, dầu, đường thì được dùng.

Tứ y pháp là pháp xuất gia, giải thoát ra khỏi nhà ăn mặc ở bịnh của hang ma lầm lạc, sống đúng y theo chơn lý của miếng ăn có sẵn trái rau, sự mặc có sẵn lá vỏ, chỗ ở có sẵn bộng hang, thuốc uống có sẵn nơi cây cỏ của cổ nhơn xưa, người chơn thật, không hay vọng động khổ não. Tứ y pháp là pháp Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác, không thái quá bất cập, nhờ đó mà chư Phật mới đắc tâm chơn thành Phật. Các Ngài khi vào xóm thì đi xin ăn học và dạy lại người, khi ở rừng thì nhập định chơn như nín nghỉ. Đức Phật nào cũng y như thế, ngoài Tứ y pháp ra thì không phải đạo Phật, không giống chư Phật, chư Tăng và không phải là giáo pháp chánh chơn của Phật. Vì vậy cho nên Tứ y pháp là đứng đầu trong tạng luật, và

khi xưa kẻ mới tu xuất gia nhập đạo thì Phật dạy cho Tứ y pháp trước hết, và dạy cho biết đạo Phật là đạo Khất sĩ vậy.

Có làm Khất sĩ sống chung, học dạy chung lẫn nhau giữa ta và người, thì mới thành bậc Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng, là Phật đặng. Và ngoài giáo pháp bốn điều y ấy thì không có pháp nào thứ hai để dứt tham sân si được.

Tứ y pháp là gồm cả luật tạng nên gọi là chánh pháp.

Tứ y pháp còn là đạo Phật còn.

Tứ y pháp mất là đạo Phật mất.

Ai hành sái Tứ y pháp tức là tà pháp.

Và thấy Tứ y pháp tức là thấy Phật hiện tại.

Tứ y pháp là đạo Phật!

BỐN PHÁP THÁI QUÁ

1. Nhịn đói không ăn

2. Lõa thể không mặc áo quần

3. Phơi nắng dầm mưa giữa khoảng trống

4. Đau không uống thuốc, liều mạng.

Bốn phép tu này của các vị tu Tiên đạo Trời, mà khi xưa đức Phật từng gặp nơi rừng xứ Ấn Độ. Họ hành phạt xác thân cho khổ để cầu sanh lên cõi trời hưởng sự vui. Họ tu bằng lòng tham muốn, ý móng dục, lòng kiêu mạn, chấp ta mạnh mẽ, mà đức Phật cho đó là sự khổ. Họ làm thêm sự khổ cho họ, vì cái thái quá là chẳng có bền, hết thích ưa thì nhàm chán ở một bên, rốt ráo tinh thần không vật chất thì có ngày sa ngã, cũng như kẻ trèo quá cao thì sẽ mỏi chơn té ngã. Cũng như dây đờn thẳng quá phải đứt.

Chư Tiên ở cõi Trời không lâu là cũng vì lẽ ấy, nên có ngày sa đọa. Kẻ hành thái quá có khác nào người tự vận liều mình, thì kẻ đó có được yên vui bao giờ. Hơn nữa, họ làm cho người ta phải cực lòng năn nỉ chiều chuộng, hoặc vì sự thấy lạ mà người xúm đông khoe hay, khen giỏi, hoặc là âm mưu vụ lợi chi đó, gạt gẫm người ta. Người hành thái quá để rồi bất cập, hết cái

tột cao rồi tột thấp, trong tâm không bao giờ yên lặng tự nhiên bền vững. Việc làm ấy cũng như kẻ bị lửa đốt. Pháp tu ấy thật rất thiện rất cao, không phải là trung đạo giải thoát khổ được, và cái cao ấy có ngày phải gãy mà không ai theo nổi. Bốn pháp thái quá làm hư tâm trí, nên đối với đức Phật, đạo Niết-bàn thì cho là còn kém sự giác ngộ, còn ở một bên lề, chớ chưa phải là đạo chơn, chánh giữa, mặc dầu kẻ tu ấy cũng là thiện chớ không phải ác, nhưng vì chấp thiện mà phải khổ thì không gọi là yên vui được.

BỐN PHÁP BẤT CẬP

1. Ăn nhiều bữa, nhiều món, chấp vị ngon

2. Mặc áo quần, chưng diện đủ thứ

3. Ở nhà ngói, lầu đài, xe cộ sang trọng

4. Không đau mà trữ sẵn thuốc uống, bổ dưỡng luôn luôn.

Bốn pháp này là của hàng nhơn loại không tu, dung dưỡng. Bốn pháp bất cập của thế gian làm cho tâm trí hư tệ, ham danh lợi mà ác, tham muốn vui mà khổ, sợ cực nhọc mà hư. Họ là kẻ vô dụng, chỉ mong sự hưởng phước, hết phước rồi tạo tội, kẻ ấy bị vật chất chôn lấp nhận đè, ra không khỏi, ở trong bốn vách tứ sự (ăn mặc ở bịnh) như người tội, thúi hôi dơ dáy, ngộp hơi, khổ não, mà còn bị tai họa liên miên, ấy là vũng sình lầy trần thế, ở một bên lề đạo, chẳng phải là con đường cao ráo, sạch sẽ, yên vui, xán lạn của bậc giác ngộ vậy.

Pháp thái quá tột cao

Pháp bất cập tột thấp.

Hai pháp ấy tương đối, cùng nhau gọi thiên đường và địa ngục, chẳng phải là mực trung yên nghỉ được của người giác ngộ, nên không phải là đạo Phật.

Hai pháp hai bên lề ấy là chỗ chạy nhảy leo trèo của người lớn nhỏ, chớ chưa phải là nơi yên nghỉ của người già, cũng như vua quan giàu sang với tội dân nghèo khó, hai lớp ấy là khổ, chớ chưa phải là trung đạo, yên vui đứng vững; và cũng đó là đạo riêng, giáo lý riêng, chớ không phải là đạo của tất cả chúng sanh, nương theo được, học theo được.

Con đường mà tất cả chúng sanh nương theo và học theo phải là mực trung, cho kẻ trên người dưới đều lên xuống ở nghỉ được, mới gọi là con đường của tất cả, hạp với tất cả. Vậy thì thái quá bất cập là nguyên nhân của sự luân hồi sanh tử khổ, tức là chưa phải chánh pháp vậy. Thế nên, đức Phật khi xưa mới chỉ ra chánh pháp, là pháp hành đúng theo Tứ y pháp trung đạo. Ngài và chư Tăng đều hành theo Tứ y pháp lúc đầu, chớ không có giới luật chi cả, vì hiểu nơi Tứ y pháp tức là tự mình hiểu nơi giới luật rồi. Giới luật có là lúc sau này đệ tử quá đông nhiều, không hiểu đạo làm sái quấy, Ngài mới bày ra giới luật răn phạt kẻ không nghiêm, chớ Tứ y pháp mà ai thật hành đúng và thấu đạt cả lý nghĩa tức là đắc đạo vậy.

Chư Phật đắc đạo là do Tứ y pháp.

Chư Tăng đắc quả là do Tứ y pháp.

Pháp bảo là giáo lý của Tứ y pháp.

Khi xưa chư A-la-hán có vị đắc quả bằng Tứ y pháp mà trọn đời không được nghe Phật thuyết pháp giảng dạy một câu. Ấy vậy, ai hành đúng theo Tứ y pháp tức là đúng theo chánh pháp của chư Phật ba đời, là giáo lý Y bát chơn truyền vậy. Mà kẻ thật hành thì phải giữ được từ mười giới, một cái bát để xin ăn và một bộ áo ba cái đủ che thân thôi. Vì có giải thoát vật chất tứ sự như vậy mới đi được khắp nơi, sống cùng tất cả mà trau tâm giồi trí nên người được. Như vậy con người rảnh rang, không bị buộc ràng vì vật chất mới làm nên việc hơn đời được. Trong Tứ y pháp có chứa mười giới này:

1. Không sát sanh
2. Không trộm cắp
3. Không dâm dục
4. Không nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi
5. Không uống rượu say sưa, vì tham lam, sân giận, si mê
6. Không ngồi nằm ghế giường cao rộng, chiếu lớn, chỗ xinh đẹp.
7. Không nghe xem hát, múa, đờn, kèn, chỗ vui đông yến tiệc.
8. Không trang điểm phấn son, dầu hoa và áo quần tươi tốt.

9. Không ăn sái giờ (từ quá ngọ tới ngọ mai, ăn chay)

10. Không rớ đến tiền, bạc, vàng, của quý, đồ trang sức.

Không làm vua quan giàu sang, cũng không làm tội dân nghèo khó, phải đi khất thực xin ăn tu học… Tứ y pháp là pháp giải thoát nuôi tâm tu học, chớ không phải khổ hạnh, hay dung dưỡng sung sướng.

Tứ y pháp là kho tạng kinh, kho tạng luận và kho tạng luật. Ai có thật hành rồi mới được thấu hiểu.

Đời nay nếu có người nào chỉ học mà không tu, không nỡ lìa xa danh lợi, bỏ Tứ y pháp tức là bỏ giới luật, bỏ đạo Phật rồi, thì kinh luận ngoài môi chót lưỡi có ăn thua gì đâu. Người lại cho rằng đạo Phật phải cải cách theo phong tục, mà người quên rằng đã là phong tục thì sao đạo Phật lại theo, mà tại sao phong tục không theo đạo Phật? Người đó bỏ Tứ y pháp, sửa đổi giới luật chế biến đạo Phật, người hơn Phật rồi thì đâu còn đạo Phật nữa. Người ấy làm biểu tướng đạo Phật bề ngoài, mà bên trong là hại đạo Phật. Không hành theo pháp chánh giác của chư Phật thì những lời nói, chữ viết của người có đúng với đạo Phật được đâu? Mà nào có ai lại chẳng binh vực giáo lý riêng, tật xấu, chỗ sai của mình mà cho rằng mình phải mãi? Vì vậy mà khi xưa Phật có dặn về sau chúng sanh chớ vội tin lời nói hay chữ viết của ai mà gọi là của Ngài, nghe xem phải xét cho đúng lý rồi sẽ tin. Chỉ có con sâu của lông sư tử là ăn thịt sư tử thôi, nghĩa là những kẻ xưng mình đệ tử Phật, bênh vực Phật bằng ý riêng của họ mới là kẻ hại đạo vậy. Như thế thì đạo Phật không đặng sửa đổi, nếu sửa đổi thì không còn đạo Phật, không còn gọi là qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng, tức tự kẻ ấy giết đạo Phật vậy.

Cũng như đạo Phật xưa là đạo Khất sĩ, kẻ xuất gia mới gọi là nhập đạo. Đời nay lại có người tại gia cứ ngỡ mình là con trưởng của Phật, mà khinh thường Tăng chúng, tưởng như xưa kia đức Phật cũng tại gia cư sĩ như mình.

Con đường khất sĩ đi đến quả Phật kêu là Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, Trung đạo ấy là Tứ y pháp. Vậy thì chúng ta nên phải thật hành đúng y Tứ y pháp, không nên viện lý lẽ gì bác bỏ đi cho được.

Chơn lý ví như mặt đất liền. Đức Phật xưa cũng như một cây mít to lớn, cây cái đó chết đi, người ta đem các nhánh là chư Tăng đệ tử Phật đi gieo trồng khắp xứ, lập thành các chi đạo Phật. Thuở xưa khi hồi sanh tiền, đức

Phật cũng như một cây mít to xấu xí lá u nần mà trái thì thơm ngon béo ngọt, trái ấy là chư A-la-hán, đệ tử đắc quả của Ngài, người ta quí trọng đệ tử, mà tôn kính ông thầy, cũng như người ta được ăn trái ngon ngọt mới gìn giữ cội cây.

Từ ngày Phật tịch đến nay như cây đã chết, nhánh hột mọc lan tràn tứ phía, càng xa gốc càng biến đổi, càng khác đất phân càng phai mùi vị. Đạo Phật ngày hôm nay không còn là một cây mít quý mà là đám rừng mít lai, lai với sa kê. Cây bây giờ rất tốt, lá bây giờ rất trơn, trái bây giờ thì bằng thẳng, và ôi thôi dẫy đầy vô số, không còn mùi vị gì hết của cả một thế giới rừng cây ô tạp.

Tình thế đạo Phật ngày nay cũng y như vậy, càng lớn rộng thì càng lu mờ. Đạo Phật ngày nay chỉ còn có tiếng đạo Phật mà thôi, cũng như có vỏ trái mà không có hột. Vì có kẻ nói Tăng phần nhiều là Tăng danh lợi, quả phần nhiều là quả âm thinh, tu phần nhiều là tu sắc tướng. Đạo Phật ngày nay đã ra đời, nghĩa là đời rồi, chớ không còn đạo nữa, mà tiếng Phật thì chỉ còn là cái hình vỏ để cho người ta cúng lạy tôn thờ lấy lệ. Lắm kẻ lại lấy danh tướng Phật làm bia để cho được an thân no ấm, thật là tội nghiệp. Nếu ta thử tưởng tượng đức Phật xưa là thân cây, thân cây như có chết đi thì còn gốc rễ, chơn lý là mặt đất liền, Tứ y pháp là bốn rễ cái còn sống nằm sâu trong đất, thời buổi nào có gió mưa khổ nạn làm cho đất ướt, rễ mọc chồi con xa gốc cũ, chồi ấy do bốn rễ mọc lên cũng như vì nạn khổ chết thấm nhuần, mà có ai do Tứ y pháp trong chơn lý hành đạo ra đời chắc là người ta cho là quái dị lắm, cũng như cái cây nhỏ nhít kia, chẳng biết là cây gì đó.

Nhưng nếu người ta đừng chặt nhổ để chờ xem, thì mưa gió khổ nạn càng già là cây càng vượt mọc lên cao lớn, da cây sần sùi, lá nhám răng chia, xấu lạ, và trái lại lởm chởm gai chông. Lúc còn nhỏ bị các cây lớn rậm che bít lấp, chắc là nó ốm và cao, nhờ bốn rễ cái mạnh nên lên cao mãi, chen chúc nhô đầu vẹt bụi, và khi cao hơn cây khác là nó sẽ tủa nhánh bung ra che lợp trở lại. Chừng ấy cây lá trái nhánh hoa mới là tươi tốt, trái nó chín thơm tho ngon ngọt, người ta ăn dùng thích miệng khen ngon. Lúc đó chắc không còn ai chê ghét cái vỏ lá xấu xa bên ngoài cây mít ấy, ắt sẽ nhìn nhận đặt tên cho nó là giống mít nòi, và vì dùng ăn trái mà mến chuộng cây, người ta bèn vun tưới ngăn rào, bảo giữ quý trọng săn sóc.

Đạo Phật ngày hôm nay chỉ còn là hình bóng sắp tan hoại. Nào ai có ngờ đạo Phật là phép tu tâm, chớ đâu phải là nói hô hào tông giáo. Người ta càng vun tỏa ra chừng nào là đạo Phật càng mất dạng chừng nấy. Cũng như người kia liệng một cục đá ngay giữa lòng ao, làn sóng dợn của nước càng túa lan rộng lớn ra ngoài, xao động lần lần tới mé bờ là yên lặng. Đạo Phật cũng y như thế. Giáo pháp ra khỏi Ấn Độ tràn sang các nước khắp địa cầu rồi thì sẽ không còn nữa. Lúc đạo Phật lan rộng ra ngoài là trong xứ Ấn Độ tại chỗ gốc đã mất trước. Cũng như làn nước chạy ra xa là ở tại chỗ cục đá không còn sóng nữa. Thật vậy chỗ nào xao động trước là sẽ yên lặng trước mấy chỗ kia, cũng như xứ Ấn Độ, đạo Phật mất trước các nước ngoài. Nhưng tuy đạo Phật mất như nước yên lặng, chớ tại chỗ đó tam tạng Pháp bảo của Tứ y pháp vẫn còn, cũng như cục đá vẫn còn; hay như cây chết, đất bằng, chớ bốn rễ Tứ y pháp hay hột giống chơn như chánh giác vẫn còn, và sau này nó mọc lại chỗ khác, một vị Phật ở xứ khác, hay là lại có một cục đá, người ta liệng ở chỗ khác nữa. Sự thay đổi phải y như vậy.

Cảnh ngộ đã phải y như vậy, trách gì chúng ta sanh trong cõi đời trễ muộn, loạn ly này, sao không chán nản. Mà chán nản thì còn biết phải làm sao, hơn là phải tự lo tu, thương Phật, thương chúng sanh, thương mình là phải lo tu. Cần tu không chán nản. Tu là cứu vãn cuộc đời. Đạo Phật ngày hôm nay đã phải như một cái nhà ngói, vách tường nền đúc, cũ kỹ rong rêu, sập xiêu nứt bể, hang hố hôi dơ, không còn là chỗ nơi cho chúng sanh nương dựa, vì vậy mà bá tánh mới lúm khúm, che lều xa xa rải rác, tách lạc xa nhà, phân chia tông giáo, nguy nan tánh mạng. Thế mà cũng có một số Tăng chúng vẫn còn ngủ quên chưa thức dậy, khiến cho nên kẻ ngoại đạo họ mới nói: Các vị ấy còn bởi say sưa trong giấc chiêm bao, mà cho rằng tu thì phải xe cộ guốc giày, tu thì phải mũ dù khăn lọng, tu thì phải quần hàng áo lụa, tu thì phải trắp rương, tủ sắt, tu thì phải rượu thịt hằng ngày, tu thì phải nấu cơm làm mướn, tu thì phải giàu có vinh quang, tu thì phải đừng xin ăn xấu hổ, tu thì phải cải cách tân thời, tu thì phải nói cười la ó, tu thì phải đọc hát ngâm nga, tu thì phải lìa xa y bát, tu thì phải không cần giới luật, tu thì phải lợi danh quyền thế, tu thì phải xem hát cờ bài, tu thì phải ố báng chia ranh v.v… Các sư ấy quên hẳn rằng Phật khi xưa không có chút nào giống sự tu bây giờ đó cả.

Bồ-tát đa hạnh là đức hạnh nhiều, chớ không phải phá giới phạm luật. Vì tu y như Phật, các sư ấy cho là khổ quá, không có chi sung sướng lợi lạc cho

xác thân hiện tại, mà chính là phải hưởng Niết-bàn phước lạc cho xác thân trong ngày hôm nay đã, rồi mai sau là sao sẽ hay. Quả thật như vậy! Các sư ấy cho rằng: Đạo Phật văn minh, đời mới phải như vậy; bằng ai sái như vậy là tà đạo, là nghịch, là khác phái, mà phỉ báng đủ cách.

Cũng có kẻ lấy nể Đề-bà-đạt-đa xin Phật năm điều, Ngài không cho, mà ôm lòng ém tội! Xưa Đề-bà-đạt-đa xin với Phật:

1. Các sư phải ở nơi rừng trọn đời.
2. Phải khất thực mà ăn đến trọn đời.
3. Phải ăn một ngọ chay đến trọn đời.
4. Phải mặc y may bằng vải dơ lượm được đến trọn đời.
5. Phải tu gần cội cây đến trọn đời.

Chính năm điều của Đề-bà-đạt-đa xin đấy là phép tinh tấn mà Phật đang hành, và chư Tăng có sức khỏe cũng đang hành. Năm điều này không phải là pháp thái quá của tiên gia ngoại đạo, mà là năm pháp tinh tấn của trung đạo, do sự tinh tấn ấy mới đắc thiền định, phát thần thông trí huệ được. Nhưng phép ấy ai hành được thì hành, bằng không được thì thôi, hoặc lâu mau gì cũng được tùy theo sức, chớ không ép buộc, sợ Tăng chúng theo không nổi, vì có nhiều người già yếu bệnh hoạn, hoặc còn tật chướng của thế gian khó mà theo được. Nhưng Phật lại khuyên đừng giải đãi, phải lấy Tứ y pháp làm gốc, và Ngài thường bảo không mưa, bịnh chớ ăn ngủ trong am cốc, chớ ăn hai bữa cơm một chỗ ngồi, chớ ngồi thiền hai lần một chỗ, như vậy thì thiền định được tinh tấn, không chán nản. Những ai có tu thiền định mới biết việc ấy rất cần. Đề-bà-đạt-đa nhờ tu theo phép ấy mà đắc thần thông. Đức Phật và chư Tăng cũng hành tinh tấn như vậy mới đắc thần thông. Thế nên đức Phật dạy rằng lúc đắc đạo cũng như lúc mới phát tâm cầu đạo, sự cố gắng tinh tấn là kết quả. Đành rằng Đề-bà-đạt-đa là đệ tử nghịch Phật lúc về sau, chớ lúc ấy lời Ngài xin không phải là quấy, nhưng mà sự ép buộc thì e hạng Thinh Văn theo không nổi, chớ Phật và các vị A-la-hán đều là bậc tinh tấn hơn Đề-bà-đạt-đa, và cả lời xin đó nữa vậy và lúc gần đắc quả của mỗi người là cũng phải tinh tấn như vậy. Vả lại sự tu hành cũng phải tùy theo nhơn duyên, chớ buộc trọn đời là không được, và nhà sư là còn phải độ chúng sanh mà không phải lo cho mình không, y như Đề-bà-đạt-đa tưởng. Cũng vì lời xin đó và

cũng vì Tăng chúng nhiều kẻ biếng lười, nên đức Phật mới dạy truyền ra Tứ y pháp, là trung đạo, khi đó Ngài mới nói với Đề-bà-đạt-đa:

1. Nhà sư được tu ở rừng, ở núi, hoặc ở chùa, tịnh xá.
2. Phải khất thực mà ăn, nhưng khi có thí chủ thỉnh thì được phép đi dự trai tăng.
3. Ăn chay ngọ, bằng bịnh yếu không nổi thì dùng tam tịnh nhục.
4. Phải mặc y may bằng vải dơ lượm được, nhưng khi có thí chủ dâng cúng y thì được phép thọ lãnh và mặc.
5. Cũng được phép tu ở tịnh thất.

Theo lời Phật dạy đây là không có quở rầy, hay bác lời xin của Đề-bà-đạt-đa, mà là nới rộng một chút được có đông người nhập đạo, ai hành tinh tấn thì tốt, Ngài khen. Như ông hoàng tử Bạc-đề mặc áo vá xấu, ở bộng cây, xin cơm hẩm, đức Phật càng vừa lòng, không phải quở rầy, miễn là đừng thái quá theo ngoại đạo, chớ tinh tấn là tốt. Chính đạo Phật là ở vườn rừng, chùa tịnh xá chỉ bằng tre lá, Phật xưa còn chết nơi rừng, mà không ở núi non và thành thị. Ngài không ở lâu đài, đi xe cộ, cùng dù mũ, dép giầy, vua quan chức phận đi lại cửa thế. Thỉnh thoảng hoặc Ngài có tới lui non núi cùng thị thành, chớ không ở luôn trong những nơi ấy. Mỗi buổi sáng Ngài đi khất thực làm gương tinh tấn cho đệ tử. Đôi khi thí chủ cầu khẩn trai tăng, Ngài nể lòng thương mới nhận, chớ Ngài không tư vị ban phước cho một người, mà bỏ sự đi khất thực, hóa duyên số đông kẻ khác. Phật và Tăng xưa ở chòi lá, cốc hẹp, tạm cho xác thân, mặc áo đơn giản thanh bần, vải bô choàng quấn, hoại sắc màu đà, ăn dùng rau trái thảo mộc (ăn chay). Cũng có đôi khi trong Tăng chúng đau ốm, Ngài cho phép dùng sữa cùng ăn thịt chết, vì đó là hạng người tu Thinh Văn, chớ bậc Duyên Giác và Bồ-tát không dùng như thế.

Đời nay, người tu lẽ nào lấy nể ấy để ăn dùng sữa thịt, nhận mình là người đau bịnh mãi hay sao?

Thế mà có kẻ nói cái gì Phật không cấm thì cứ dùng. Nói như vậy thì đi tu là để tìm cái Phật chưa cấm mà hưởng hay sao? Phật khi xưa chết dọc đường, sao đời nay ta tu ở một chỗ? Tội sát sanh là ác, dầu ai giết cũng như mình, sao còn lại đi bào chữa cái ăn thịt, mà làm thầy thiên hạ? Tam tịnh nhục là thịt

chết thây ma, tự nó chết, thịt thúi ấy có ai ăn được chăng? Còn thịt bị giết, sao gọi là tam tịnh nhục được? Ai ăn thịt mà không quán tưởng biết rằng thú bị giết. Còn cư gia làm ác thì tội của ai? Như vậy thì đâu có tam tịnh nhục mà ăn, vì thịt giết, đâu phải là tam tịnh nhục. Lẽ nào Phật còn ác, Tăng còn ác, mà dạy cư gia làm ác? Đi đốc xúi bào chữa cho thêm dơ tội, mà chẳng phải là sự ém bỏ, chữa sửa lại đi. Biết đâu gương ác hại xúi, kẻ dại giết nhau, giặc giã lớn lao đời nay, là do tội của Tăng: Tăng dạy cư gia cầm dao quen tay giết đó. Vì con, không biết dạy là lỗi tại cha, trò dạy không nghiêm là lỗi tại thầy! Thì Tăng chúng sao chẳng đi cản ngăn giặc giã mà cứu độ cư gia, khi cư gia lâm nạn. Vì ngày thường cư gia trung tín nuôi mình, như thế thì Tăng nỡ nào bỏ cư gia khi hữu sự. Vì không cư gia thì có ai nuôi Tăng, mà giặc đến thì Tăng cũng không sao còn sống nữa được.

Ấy vậy chúng ta nên nhớ rằng tinh tấn tốt hơn là giải đãi, và không đau thì chớ nên mượn cớ đánh lừa người, đã mắc tội với Phật pháp, chúng sanh, tội lỗi với sự xuất gia của mình nữa vậy. Vì xuất gia là để tu hành đắc quả đời này, chớ không phải như cư gia tập tu nhiều kiếp. Và chúng ta nên nhớ rằng tu quá giới tốt hơn là thiếu giới.

Như vậy là đừng nên ở một chỗ, giữ bạc tiền, cùng là sự ăn dùng nung hậu, mới gọi là thiện chánh hơn vậy.

Nếu như có nhà sư nói sự hành đạo phải do trình độ của dân tộc, thì dân tộc Ấn Độ xưa ăn thịt chẳng biết ăn rau, còn dân tộc Á châu đã biết ăn rau, sao Tăng ấy còn đi ăn thịt?

Còn như nói đạo chưa phải lúc ban hành, thì thời nay, pháp học đã thạnh hành rồi, sao ít có ai thật hành đi cho đắc quả, còn chờ chi nữa?

Có người nói tu phải theo xưa, mà theo xưa, sao còn vật chất của đời nay?

Cũng có người nói tu phải theo nay, đã theo nay, sao còn giữ cái nghiệp tội của ngày xưa?

Vậy thì chúng ta nên biết rằng: Đạo là xưa, xưa đúng phép; là nay, nay hoàn toàn, chớ phải đâu lôi thôi càn quấy; và đúng hơn hết, đạo Phật là con đường giác ngộ, diệt khổ, dứt luân hồi, đoạn nghiệp, chớ không phải xưa hay nay gì cả. Bởi lúc nào mà chúng sanh không phải là khổ nạn, vì tham sân si tội lỗi?

Tóm lại, sở dĩ có bài Chánh pháp này là vì đời và đạo hôm nay, không còn phải biết sao nói được nữa.

Chánh pháp xuất hiện hôm nay ắt không phải sớm hay muộn, vì đã đến lúc mà chắc hẳn không còn ai khen hay chê, mừng hay giận, thương hay ghét, buồn hay vui, và ai nấy cũng đều đang có tu, muốn tu tất cả. Bài này không phải của nhà sư Đại hay Tiểu thừa, mà là do giới luật của Phật, do các bậc Khất sĩ đã thật hành chín chắn Tứ y pháp, pháp Chánh đẳng Chánh giác, giác ngộ.

Bản ý của bài này là chỉ rõ sự thống nhứt Tăng đồ nhà Phật trên thế giới lại để cứu thế, lập đạo Niết-bàn hiện tại cho phải dịp. Vì chỉ có tất cả chư Tăng hiệp lại mới lập đại đồng cứu thế nổi thôi, là đến lúc giáo pháp Cực lạc Niết-bàn phải ban hành cho kịp, kẻo rồi đời và đạo không còn chi cả lại hối tiếc, và nên phải biết rằng không có Đại hay Tiểu thừa gì, không có chia rẽ hơn thua chi chi nữa, mà là chỉ có cái đau khổ của tất cả kia thôi.

Sự thế đã phải như vậy, thì này đây là chỗ hội hiệp của tất cả, chỗ cứu độ tất cả chúng sanh, chỗ lập thành đạo Phật, là không không danh lợi đường chơn.

Pháp hành Tứ y pháp chơn tu trung đạo. Tứ y pháp là chánh sự quí báu hơn hết, đến chơn như đặng, và đúng chơn lý hơn hết.

CHƠN LÝ 22

CHÁNH KIẾN

Chánh kiến là sự thấy rõ lẽ chánh để thật hành theo, khỏi phải mê tín. Vì mê tín là một việc xấu xa bị người chê ngạo cho những cái việc làm xu hướng, mà không hiểu nghĩa lý của việc ấy, khác thể như người đau mắt chẳng thấy đường, lần mò đi đêm vậy.

Trong một xứ mà dân tộc mê tín thì cũng như một gia đình mắt nhặm, ai muốn dắt dẫn bảo sao nghe vậy và cứ nhắm mắt làm theo, thì còn gì là sự tự chủ và tiến hóa, láng giềng kẻ khác ai mà lại chẳng xỏ mũi cười khinh.

Thật vậy, thà là làm kẻ ngang ngạnh còn hơn là người tà kiến.

I. ÔNG TÁO

Cũng như thuở xưa bên Tàu, giặc mọi Mông Cổ chiếm đoạt xứ Tàu, quan Mông Cổ da đen đi cai trị khắp nơi, hà lạm khắc phạt vơ vét của tiền thiên hạ, vì vậy dân tình thán oán kêu là ông Táo. Chữ táo là bịnh bón nhiệt, rít róng, có ăn thâu vô mà chẳng có bố thí cho ra, bởi có bệnh táo, người ta mới nấu trái táo lấy nước mát mà uống; trái táo là trái nấu uống mát trừ bịnh táo. Bởi có bịnh táo nên mới đặt tên là trái táo. Nhà vua Mông Cổ thâu thập của dân, nên người Tàu hủy mạ đặt tên là Táo quân. Các quan võ của vua ấy người ta ố ngạo là Thần Táo, các quan văn của Mãn Châu người Trung Hoa sỉ mạ là Thiên Táo. Hồi thuở Tôn Văn cách mạng, lập Trung Hoa Dân Quốc, lật đổ Mãn Thanh, người Tàu phỉ báng gọi người Mãn Châu là Thổ Táo. Người ta gọi ba cục đất đội nồi là ông Táo, Thổ Táo, Táo công, là nói sự tham lam

vơ vét, đội nồi cơm ơ cá của dân, là kẻ văn võ quan vua nhà mọi. Họ tham sân si dốt nát, ngồi trơ như cục đất, chỉ có tài hả miệng phun lửa, ăn lửa, đội chảo nồi. Trước kia xứ Tàu, dân tình rất kính trọng quan vua, vì vua phải là bậc thánh minh và quan phải là bậc hiền sáng, chơn chánh thanh liêm, xem dân như em ruột, vì vậy mà mỗi nhà dọc hai bên đường đều có đặt bàn nghi án, gọi là bàn Thiên Quan tứ phước để tiếp nghinh sự huấn dạy. Mỗi khi vua hay quan đến, người ta tiếp rước, và khi đi về thì người ta tiễn đưa thật là long trọng. Nhiều vị quan khi cuối năm về triều chúc thọ vua, và đem sổ bộ về dâng nạp, bởi ở xa nên ngày 23 – 24 đã khởi hành. Dân chúng tiếc mến ơn đức khóc lóc lạy đưa, và cầu xin cho có ngày trở lại. Cũng vì thế mà đối với quan Mông Cổ họ bị ép buộc rước đưa, quan lại còn đòi ngựa ô, xe phụng lễ vật, lộ phí, đủ thứ…

Vậy nên dân chúng bất bình nổi loạn, họ cho đó là cách đưa ông Táo về Trời (Trời đây là Thiên tử, vua Mãn Thanh). Họ bày ra lễ cúng trước mặt quan, nào là cắt ngựa giấy, cắt hạc giấy để đưa ông Táo, nào là may áo, sắm mão, cắt hia giấy, đưa ông Táo, nào là chè xôi muối gạo đưa ông Táo, lo lót cầu xin, lão Táo về vua Trời đừng tâu thêm bớt, hãm hại dân lành, vì lẽ năm này họ nghèo quá, không còn tiền của chi mà hối lộ, họ lấy giấy súc phết sơn màu vàng bạc, mà đốt tống đưa đi. Việc làm ấy ai hỏi thì họ gọi là ngày cúng đưa ông Táo, bởi ông Táo linh thiêng lắm. Họ làm như vậy là để khêu gợi tức khí của người nghĩa hiệp có tâm huyết ra tay cứu gỡ ách nạn cho dân tình, hoặc để cho hả hơi hờn oán của họ, hơn nữa là để ghi sâu một vết tích cho dân Tàu, đừng quên mối hận thù chung, việc hồi xưa bên Tàu, thế mà ngày nay xứ này người ta cũng cúng lạy rước đưa ông Táo.

Cho đến trong một hai nhà chùa lại cũng đưa ông Táo hối lộ nữa, và từ ngày ấy đến tiết xuân là không đánh chuông trống, bắt chước như các nha môn quan lại, đóng cửa bãi hầu trong ngày quan về triều vắng mặt, tệ cho đến nỗi tối đêm ba mươi, cư gia mời thỉnh rước ông bà cha mẹ, lên ngồi trên cao chính giữa, cho con cháu lạy chúc thọ. Trong chùa ấy, các sư không biết rước thỉnh ai, thôi thì rước ông Táo hay là rước chư Thiên, vì có lẽ người tu xuất gia là cha mẹ đã được siêu thăng lên thiên đường rồi.

II. TIẾT XUÂN

Tiết xuân là mùa bông hoa cây trái của thọ tình. Mùa xuân như mới sanh, mùa hạ như người nhỏ, mùa thu như người lớn, mùa đông như ông già. Mới sang xuân như sanh lại một lần, như đã trải qua một thời kỳ đau khổ, mà lòng của người lại mong ước sự vui tươi cười đẹp như hoa mai cổ thọ. Sự chúc thọ của người tính tuổi theo cây, y như thế mà ngày nay xứ này người ta còn gọi là Tết. Chữ Tết là giọng nói trại của người Tàu, và người ta quên lửng rằng đó là tiết xuân của loài cây. Cũng vì sự không chịu hiểu đó mà các ông già xưa lại gọi ngược là ăn chết, nghĩa là ăn để chết. Câu nói ấy rầy con cháu, và cũng là lời nói mỉa mai, ám chỉ sự ham ăn uống nô đùa của một hai ông già mất hạnh.

Mà thật ra đúng như vậy, ngày tiết xuân là ngày chết của nhân loại, họ chết mất trí, mất tâm và họ chết lăn đùng ra cả vừa thân mạng. Thuở xưa, xứ Tàu dân chúng phân chia ranh tộc, mỗi họ mỗi thôn trang, có cổng rào tường lũy. Và ăn cướp xứ Tàu ở non núi muôn ngàn, thường hay bắt người ăn thịt, đốt phá thôn trang châu quận, thừa những lúc dân dã say sưa, canh phòng bỏ xuội trong ngày xuân nhựt mà dễ bề cướp phá, đốt pháo hiệu nổ vang trời, làm cho dân tâm tán loạn mà thừa cơ đột nhập. Người ta gọi chúng nó là quỉ sơn pháo.

Muốn ngăn ngừa trộm cướp, các ông già bày ra mỗi nhà cắm một cây tre cao trước cửa, cột treo lồng đèn để soi rọi ánh sáng khắp nơi, vài trái cau khô, là ý nghĩa cao xa của các ông già, và một tấm giấy đỏ vẽ tứ tung ngũ hoành thành ra cái hàng rào, là nhắc nhở phải ngăn rào trộm cướp trong lúc vui chơi. Người ta gọi đó là lá bùa Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử) vì người xứ Tàu tin sợ Lão Tử lắm, họ gọi như thế là để cho trẻ nhỏ biết kính trọng việc làm ấy. Người ta còn bày đặt sự đốt pháo, mỗi nhà đều có pháo, pháo lớn, pháo nhỏ, khi thấy có trộm cướp đến, người ta đốt pháo hiệu báo tin, nối chuyền với nhau vang dậy, vừa là để cho dân chúng hết sự say mê, và là thị oai với trộm cướp. Bởi trong sự đánh nhau, hễ ai phòng thủ trước, đốt pháo ra tay trước là sẽ thắng trận, thứ pháo thăng thiên tức là đèn rọi chỉ hướng báo tin trong đêm trời tối rất công hiệu.

Mùa xuân trong nhà vua chúa, tối ba mươi các quan tựu hội xem hát chờ giờ, 11 giờ khuya vào làm lễ chúc thọ vua, và nhà vua đãi tiệc khen thưởng các quan 3 bữa. Ngày mùng bốn đã tất, nghĩa là hết. Các quan tại triều thì lo làm việc xem xét sổ bộ; các quan ở xa về thì đi thăm bà con ba bữa; còn bá tánh thì vui chơi bảy ngày, thắp đèn chưng bông giắt lá, lập vườn huê giả nơi thành thị che khuất cửa nhà, ban đêm ánh sáng như ban ngày, để dạo cảnh vui chơi cho kẻ cần lao giải trí, hầu xóa quên những ngày khổ nhọc. Họ vui chào mừng cỏ cây hoa trái để ôn lại cảnh rừng xưa, dưới bầu sao trăng của cổ nhân, sống chung cùng thú cỏ cây tinh thần tươi đượm. Ấy là sự tinh khiết trong sạch, cao thượng đáng kính, mà ngày nay con cháu lặn hụp lấm lem trong trần, mảng mãi đua bơi, không thời giờ nhắc lại.

III. TAM NGUƠN

Mãn 7 ngày, mừng xuân chấm dứt, hạ nêu bãi cuộc, phận sự bắt buộc ai nấy phải lo làm trở lại, và các quan ở xa lần hồi đi trấn nhậm cho kịp ngày rằm nha môn mở cửa. Ngày rằm quan ra khách thăng đường, đọc chiếu chỉ vấn an trăm họ, và bá tánh thỉnh chúc thiên quan, tiếp nghinh sứ mạng đặt bàn hương án. Ngày rằm tháng Giêng ấy là ngày Thượng nguơn, Thiên Quan ra mặt, dân chúng chào mừng các quan và đi viếng thần tế miễu, nhắc nhở người quan xưa trước. Chuyện thuở hồi xưa mà đời nay xứ này lại đi cúng lạy. Những chuyện đã khác xa, không còn dùng được cho mỗi lúc, không biết rõ đuôi đầu, mà người ta chỉ đua nhau lo cúng lạy.

Ngày rằm tháng 7 xưa tại xứ Ấn Độ là ngày Tăng Tự Tứ của các nhà sư, còn các cư gia thì lo cúng dường nghe pháp. Tại xứ Tàu ngày ấy kẻ nông dân khởi hành ra đồng ruộng, họ đãi tiệc từ giã gia đình để đi vào rừng núi, họ cúng vái quỉ thần, tế lễ Thần nông, ấy là phần việc của người làm ruộng, chớ không phải của tất cả, nên kêu gọi là ngày Địa Quan trung nguơn.

Ngày rằm tháng 10 kêu là hạ nguơn Thủy Quan, thuộc về phần việc của người chài lưới, cùng kẻ buôn bán thương thuyền. Đến mùa nước lớn lui ghe ra biển cả, họ đãi tiệc từ giã thân nhơn và cúng kiến quỉ thần, để một phen ra đi dữ nhiều lành ít. Đời sau người ta ít tu tạo nhiều nhơn nghiệp, vì quả báo nạn tai hãi sợ mà tham cầu cúng vái. Sự mê tín đến đỗi mỗi ngày

trùng tháng, người ta cũng cho là linh thiêng mà cúng nữa. Ngày mùng năm là ngày tiết xuân mãn, họ cũng cúng kiến rất long trọng. Người ta vì chưa hiểu đạo, chưa biết rõ công lý, luật nhơn quả của võ trụ, nên người ta rất ỷ lại thần quyền, đức tin rất mạnh, vì tin tưởng mà quên mình chết sống, vì mờ quáng mà không phân ác thiện, khó được giác ngộ. Kẻ mê tín mà được thiện là rất ít, dầu họ có thiện đi nữa, thì đời nay không thể giác ngộ thành Phật được, vì kẻ mê tín thì hay chấp khư một việc, không thể đắc trí phương tiện của nhơn duyên và không tự chủ.

IV. CÚNG TẾ

Đành rằng sự tế lễ là tốt lắm, nhưng vì lòng tham, tập tánh tham cầu vái riêng mình là tập tâm ích kỷ, điều ấy đâu phải thiện thì phước báo đâu có nơi sự làm ác. Cúng tế Thánh Hiền là sự biết kỉnh đạo, kỉnh bậc tiền bối, trọng kỉnh trí đức là phép để trau tâm, phước quý lắm, nhắc nhở tiền nhân để đem lại hậu sự của mình là tốt quý vô cùng, còn Hiền Thánh thì lại vô tư, ta cầu vái buộc tội cho các Ngài làm chi.

Cúng tế để biết khiêm nhường kẻ chết, đặng không ngang bạo giết hại người sống, mang ơn mến đức mà thờ, nghe dạy là lạy, biết kỷ niệm lịch sử mà giữ mình, có như thế mới tập tánh nên người minh đức. Vậy nên sự cúng tế là tốt cho tâm tu, trí học, mà nên cúng tế Thánh Hiền, chớ đừng vái cầu ma quỷ, và phải hiểu kỹ lịch sử, lý nghĩa sẽ nên thờ, còn việc nào nhảm nhí không rành thì cũng nên bỏ luôn đi cho rảnh nhẹ.

Ví như ngày mùng 1 tháng Giêng, người ta nói là ngày kỷ niệm đức Di-lặc, mà đức Di-lặc thì chưa thành Phật, chưa ra đời, không ai biết lịch sử ngày giờ chỗ ở; thế mà lòng vọng tưởng trông mong của người tin tưởng, là để dành ngày mùng một đầu năm cho Ngài, vì Ngài sẽ thành Phật sau Phật Thích-ca, mà không biết sẽ ở về thế giới nào sau này, thế mà ráp nhau cúng vái, cầu xin phò hộ, nếu thử có ai hỏi lịch sử, kỷ niệm chi của ông ấy để lại cho người tôn kính đó, chắc là không có.

Cũng như nghe nói 9 phương Trời 10 phương Phật, thế là ngày mùng 9 tháng Giêng là vía đức Ngọc Hoàng, và ngày mùng 10 là ngày vía chư

Phật chung, thật vô lý quá, không có dấu vết kỷ niệm gì cả. Người ta cầu vái rồi ngồi ngó mặt nhau xẻn lẻn lặng thinh, nếu thử ai hỏi lịch sử thì nói không biết, thật lếu cho người làm cái việc mà mình không biết, thì có ích lợi gì cho ai.

Cũng như ngày trung thu thưởng nguyệt, mà người ta cũng cúng tế vua Đường Minh Hoàng là ông vua dâm dục nữa, nói gì đến những ngày vía. Vía nghĩa là gì? Vía là phách, phách là tình, là cái ý tưởng mê muội theo 7 tình: buồn, vui, mừng, giận, thương, ghét, muốn; mà các vị Phật Thánh lại còn có vía dại là ý tưởng phách tình hay sao mà cầu vái? Nào là giáo lý chi, các vị ấy để lại có ích sáng cho đời, và ai đời nay mà biết được việc trên trời chức phận danh từ ngày tháng của các vị ấy, và các vị ấy hằng ở một bực không có biến đổi sao?

Bộ truyện Phong Thần của ngài Bạch Vân Hòa thượng, bộ sách Tây Du của Khưu Trường Xuân, hai Ngài bịa đặt thêm vào việc Thần Tiên Phật Thánh trong khoảng lịch sử của Thương Châu, và lúc Trần Huyền Trang đi du học cùng với các bộ tiểu thuyết thần tiên, lấy pháp lý diễn ra sự việc vui chơi, thế mà có kẻ bịa ra sự thật mê lòng chúng, lại lấy ngày tháng của mỗi Phật Tiên gì đó, đi đâu ở đâu mà biên làm Phật lịch cho người cúng vái, cúng vái cái tên ông trong tiểu thuyết vọng ngôn, không hình bịa đặt. Cùng là ai sanh ra đúng ngày giờ ông bà nào trong sách truyện đó, là con của ông bà đó, phải lo cúng vái. Ai chết hoặc bệnh đau hay tai nạn chi do nghiệp báo, đúng ngày giờ ai trong sách ắt là phải mau lo cầu xin, dầu người của trăm ngàn năm ở xứ nào cũng lo khấn nguyện. Người ta biên ra tên người của trong những quyển sách, rồi kêu gọi ó réo, không biết bao nhiêu những ông với bà, ma tà, Thần Thánh Phật Tiên, để làm cho người bịnh ghê sợ mà hết bịnh, để làm cho con ma quỷ mê muội kia tưởng đâu có thật mà bỏ chạy đi. Họ kêu réo mãi làm cho quỷ thần ở xung quanh thấy rõ lâu ngày không có ai hết, nên bèn nhập bướng lên đùa, xưng Tiên Phật cho họ.

Cho đến họ thờ cả quỷ la-sát dạ-xoa, quỷ vương, tinh yêu hồi đời nào trong truyện bịa thuyết. Họ đóng trang tạo tượng, xây cốt, lập đền thờ mãi, kêu hoài cho ma quỷ nhập vô, bữa nào quên cúng thì chúng nó bắt bớ quở phạt, cũng như sự rước kẻ du côn làm thực khách nuôi ở trong nhà, bữa

nào ăn cơm quên mời là bị nó đánh đập. Mà người ta quên rằng sự kính thờ Phật Thánh là mến đức trau tâm, dầu không đốt nhang, bỏ lâu quên lạy, các Ngài cũng không quở rầy chi cả. Người ta mãi tưởng quỷ thần còn cứ ở một chỗ, một lớp đó hoài, và để đi chứng kiến cho bao nhiêu kẻ thiên hạ khắp xứ, vái cầu kêu réo làm tội họ mãi. Người ta quên rằng quỷ thần tuy vẫn có xung quanh ta, cũng như tướng tá quân binh kia, họ nay mai dời đổi, chớ đâu phải đứng hoài một chỗ, làm mãi một việc; cũng như ta hãy hỏi lại tâm ý ta, coi ta có chịu làm quỷ thần mãi được không? Mà sự thật là người ta thờ vái ngòi viết của tác giả, chớ không có cõi này ông bà kia chi cả. Nhưng mà có ai tin tưởng cầu vái mãi, thì quỷ thần xung quanh đó cũng sẽ ứng thinh một lúc cho họ vậy.

V. QUAN VÂN TRƯỜNG

Cũng như Quan Vân Trường, ngòi viết đời sau phong cho ông làm chức Hồng Diện Đế Quân, vì ông là một vị tước vương mặt đỏ, em vua Lưu Bị, và vì cũng có chùa muốn cho các quan kính nể đạo, nên đem cốt tượng ông vào chùa, phong làm chức Hộ pháp Già-lam Thánh chúng Bồ-tát, và tín đồ đạo Phật thì gọi ông đã tu lâu đời, chắc thành Phật rồi, nên ráp nhau lo cúng lạy. Không lẽ lạy để theo cái gương a-tu-la ác thần, giết người như rạ mà tập cái trung cang nghĩa khí để đi làm tướng võ ấy hết chăng? Có nhà sư cũng lạy nữa, rồi thì cũng có bộ kinh của ông ấy, do các vị võ quan chép lại lịch sử, vì mến trọng đồng tâm, mà bảo ai nấy phải đọc tụng, đặng tập gương nghĩa dõng, xúi sự đua tranh ở nơi cửa thiền theo như kẻ thế. Thậm chí đến đỗi có người quá tin tưởng, nghe nói thờ ông cữ ăn thịt trâu, ban ngày lỡ ăn tối về lo sợ, chiêm bao thấy anh đồ tể xách dao rượt chạy, họ cho là Châu Thương hiển hích. Người ta thờ bằng đức tin chớ ít ai thờ giáo lý. Cho đến bà Nữ Oa, bà Cửu Thiên, bà Lê Sơn, các bà của pháp lý ngòi viết hồi ngàn xưa, đời nay ở xứ nào đâu, người ta cũng thờ lạy nữa.

VI. ĐÌNH THẦN

Trong xứ ta mỗi làng đều có đình thờ thần, thần đây là quần thần, quan võ tử trận. Quan võ là a-tu-la ác thần, thấp hơn nhơn loại. Nhơn loại là

kẻ bình dân sống trong gia đình, có lòng nhơn, có thể giữ được một giới không sát hại. Còn quan tướng dữ hung không thua beo cọp, bênh vực phò tá cho một người vua riêng mà nỡ lòng sát hại sanh linh, không có chữ nhơn người chút nào cả. Bởi đời không có đạo đức, lấy sức mạnh quyền thế xưng hùng, nuôi kẻ dữ bảo hộ quanh mình, nên đem danh lợi cám dỗ phong thần khuyến khích. Thần là kẻ nô lệ trung tín theo vua, là những kẻ ăn thịt tươi, uống máu sống không hôi tanh, chưa phải đến lớp người được cần nấu luộc, thế mà người ta lại thờ cái quái ác ấy, lạy bái noi gương để bỏ đường nhân loại chăng? Đã vậy nào thôi, khi cúng tế mỗi năm, người ta lại đem chuyện giết người khen hay mà nói, và tôn trọng cái chức tước giựt giành, xưng danh, vật lộn. Người ta lại giết trâu heo, để nguyên còn sống, dâng cúng trước bàn thờ, rồi xúm nhau lạy trước xác chết trâu heo mà xin tội, vì người ta sợ nếu không cúng là thần quở phạt. Ngày xưa người ta cúng bằng cách buộc lòng, thế mà ngày nay cũng có kẻ lại vì muốn ăn mà bày ra cúng kiến.

Người ta để thây ma từ sáng tới chiều cho hôi hám, rồi mới đem ra chặt xé phân chia, gọi là bắt chước cái ăn miếng thịt của thần, thì thần nhìn nhận làm con cháu, ủng hộ cho xác thân. Tệ đến nỗi người ta lại còn chìu chuộng lo lót với tà thần, là lén lén lấy chén hứng lấy máu trâu heo, đuôi móng và cạo gọt một ít sợi lông đất ngoài da con thú để vào trong chén, đậy kín bịt miệng, che mắt người ngoài, rồi đem để ngay giữa kế lư hương trên bàn thờ mà khấn vái. Người ta cho việc làm như vậy là vừa ý ác thần, vì thần quỷ thì hay ăn lông uống huyết thiên hạ, ai xu hướng theo thần quỷ làm việc ấy ắt được ban khen, thương mến.

Ở trong một xứ dân tộc văn minh, đầu óc của nhân đạo, người ta đã mặc áo quần tốt đẹp, người ta muốn tiến hóa cao siêu, mà còn làm được những việc của lớp cổ nhân xưa, thật là đáng tiếc. Cũng vì vậy mới có đồng bóng pháp phù, làm Tiên Phật ợ ngáp, kêu đòi vịt ngỗng đầu heo. Sự thật thì Phật Tiên thần quỷ có đòi hay không, có hưởng hay nhịn nào có nề hà gì, miễn là bà con, kẻ tay sai còn sống đây, có thịt rượu ngon miệng, thế mới a tòng cổ võ hoan hô, xúi mấy chị đàn bà khấn vái nguyện cầu, để cho họ được dựa phần toại hưởng. Bởi vậy mới có kẻ nói rằng Thần Tiên Trời Phật tuy không ăn thịt, nhưng đòi thịt của chúng sanh cúng kiến, là để cho binh gia

tướng tá bộ hạ của các Ngài (chớ nếu không có kẻ tay chơn của các Ngài thì các Ngài đâu có ra mặt mày tên tuổi được! Vì không có rượu thịt thì ai công đâu đi tán tụng các Ngài làm chi cho mỏi miệng).

Thuở xưa kia, nơi xứ Tàu giặc giã, Từ Mậu Công giả làm thầy bói, Miêu Quang Nghĩa giả làm thầy coi tướng, nữ tướng giả làm bóng chàng, quan văn giả làm thầy thuốc, tướng võ giả làm thầy pháp hoặc hát sơn đông, họ trà trộn binh gia, chen lộn vào dinh thành giặc nghịch để làm nội ứng, để thám thính tin tức, để trộm cắp giấy tờ, hành thích tướng quan, thật là ích lợi. Họ bày cớ sự để quy tụ nhóm đông, chiêu binh mãi mã, tích thảo đồn lương, quến dụ tâm người, cướp tù phá ngục…

Đó là việc hành binh thuở trước, phương chước kế mưu, thế mà sự di truyền đến đời nay đã thành ra đạo lệ, làm cho dân chúng mãi si mê, khuấy rối tinh thần, đảo điên phong hóa, trách gì xứ khác chẳng chê cười, mà dễ bề lôi cuốn rủ ren bày đặt.

VII. BÀN THIÊN THẦN

Lại như cái bàn chư Thiên ngoài sân ngay trước cửa, vốn khi xưa xứ Lỗ bên Tàu theo Nho giáo, dân dã trọng đạo vua quan, ấy là bàn Thiên quan tứ phước. Thiên là vua, Thiên tử, quan là bá quan văn võ, tứ phước là cho phước thái bình, tức là bàn hương án dọc hai bên đường, để tiếp rước vua quan mỗi ngày qua lại, ở tại kinh đô, vì nhọc công đem ra dọn vô, nên họ để cắm luôn nơi đó mãi. Đó là bàn nghi án, chỗ thắp hương chưng hoa khi lễ cuộc, chớ không phải trời thần nào. Theo như đời nay người ta nói là bàn Thiên thần, mà lại có cúng âm binh muối gạo nữa, và luôn sẵn dịp thêm vị chè xôi. Người ta có biết đâu âm binh là binh trong rừng mai phục, một khi tôi loạn soán ngôi, nhà vua mất nước chạy trốn trong rừng núi, chiêu binh mãi mã, tích thảo đồn lương, âm thầm mưu dựng công cuộc ngày mai chinh phục. Những nhà đồng chí ở trong thành thị là những cơ quan chấp chứa, dấu hiệu riêng của người ta là gạo muối lương mễ có sẵn nơi đây, chén chung nước là chung lo việc nước, cái bông vạn thọ là lịnh Thiên tử muôn năm, vải đỏ lá huyết kỳ là nơi hội họp khởi nghĩa đem thân huyết chiến vấy máu nhuộm sơn hà, nhà có dấu hiệu riêng ấy tức là chỗ động dụng của binh gia mai phục vậy.

Những việc làm ấy rất đúng theo trong những trường hợp chớ không phải là cúng vái bên ngoài, nhưng đối với đàn bà thì đâu có ai chỉ bảo, tội nghiệp cho những người tu, cứ chín phương trời vái cầu lạy mãi, mà cái ông cửu ngũ ngôi vua kia lại chẳng biết và nào có hay gì đâu. Lại thêm có vị chè xôi hối lộ cho ông Táo tham quan cũng chung lộn trong đó nữa. Mãi nói làm những việc không hiểu nghĩa lý, thật là có hại biết bao nhiêu.

VIII. QUAN HÔN TANG TẾ

Người ta không hiểu được lý nghĩa quan hôn tang tế của nhân đạo Khổng Tử. Quan là lễ phép kính nhường để đừng sát hại lẫn nhau; hôn là sự gả cưới phân biệt để đừng hỗn loạn giết nhau; tang là sự tang thương ly biệt sanh tử hai đường, kẻ sống tỏ lòng thương người chết để cho biết trọng kẻ chết, mà đừng giết hại người sống; tế là cúng tế Thánh Hiền, Trời Phật để cho có sự cung kỉnh đấng bề trên, mà biết vâng lời dạy bảo, đừng cho giết hại lẫn nhau; ấy là bốn phép trong nhân đạo. Bốn phép ấy phải có cho người, phải là việc làm lời nói do sự hiểu lý nghĩa ích lợi, chớ không có sự cầu vái tham lam, mê tín theo tà kiến. Bốn phép ấy cũng là bốn phép trau tâm vậy. Về quan niệm lễ giáo, đức Khổng Tử dạy người ta biết phân biệt tôn ti thượng hạ, lấy lễ phép cư xử với nhau, như vậy con người mới có oai nghi tư cách. Con cá kia nó còn có lễ phép, mỗi khi gặp cá quen thời nó xuôi đờ đứng lặng, bày giáp trụ nơi mình. Con lợn kia còn có lễ giáo, mỗi khi gặp nhau nó lấy mũi hít hửi hôn nhau. Con mèo kia còn có lễ giáo, khi gặp đồng loại thì lấy tay rờ vớ. Con chim kia khi gặp nhau thì líu lo miệng hỏi kêu chào…

Lễ giáo là phép thân thiện, thương yêu kính nể. Sự tốt đẹp hơn hết là lễ phép, loài thú đã có, huống chi nơi loài người mà lại không có lễ giáo phép tắc hay sao?

Phép con, sáng chiều phải lạy cha mẹ, đi thưa về trình, xá chào anh chị, vì nếu không lạy thì cha mẹ không nuôi, không dạy. Lạy ấy là để tỏ sự biết nhớ công ơn, kỉnh trọng; lạy là để xin nghe lời dạy dỗ, có cung kỉnh mới có vâng lời, có quí trọng mới có hành theo, có lạy bái thì không còn dám sự mong giết hại. Lạy để trừ kiêu mạn. Con chẳng lạy là con ngỗ nghịch,

phi ơn tà ác. Cha mẹ nuôi là có tội với xã hội và nó sẽ giết hại mình. Con lạy thì con nên, mà kẻ làm cha mẹ chịu lạy thì phải giữ tư cách mình cho đúng đắn để dạy bảo con. Con lạy có khác nào con đem cái gương tốt đẹp hiền hiếu của con làm vui lòng cha mẹ trả ơn, bởi tiếng chào cao hơn mâm cỗ, và như thế là nhắc nhở luôn cho cha mẹ hiền lành nữa, vì không lẽ cha mẹ lại xấu nết hơn con. Còn cha mẹ không dám cho con lạy là bởi mình ác quấy, chớ sự lạy là bổn phận của con, và là sự nên cho cả mình và con nữa. Phép lạy là lạy kẻ sống, chớ không phải lạy bàn thờ người chết. Nhưng nếu vì không có kẻ sống nên phải lạy tạm người chết đó thôi, hoặc giả bởi trẻ con hay bướng bỉnh, nên bắt tập lạy người chết cho quen, là cốt yếu để sau này lạy người sống cho được. Vì khi sống chẳng lạy đền ơn, chẳng nuôi dưỡng, chẳng biết nghe lời cung kỉnh, để đợi chết rồi đâu còn có đó mà cúng lạy làm chi. Trong đời mà có một người biết lạy kẻ sống thì người ấy không bao giờ ác, không bị ai giết và sẽ được đức tính giỏi hay cao hơn thiên hạ. Phép lạy không phải ích lợi cho người kia, không phải ai ép buộc, mà người hiểu được phép trau tâm mình, thì không bao giờ dám vô lễ, cũng như người không dám làm ác. Kẻ ác là kẻ không lễ phép, dầu cao lớn bực gì cũng không bằng trẻ nhỏ, bởi người ta ghét sợ chớ chẳng ai thương mến. Lễ phép là phép dạy trẻ nhỏ ra người lớn, kẻ ác trở nên người thiện, con thú trở nên người ta, cũng là phép dạy gia đình hay lắm.

Nhờ lễ giáo mà tâm người trở nên Trời Phật, và đến bậc Phật rồi thì không còn lạy ai nữa. Chính sự lạy là để biết tự bỏ cái ác, cái dốt của mình, và nâng cao cái hiền, cái học, đặng cho mình nên. Vậy nên khi xưa, dầu là đứa con nhỏ của mình hay là trẻ con khác, mà đứa ấy thật là hoàn toàn về trí đức như Phật Trời thì người cha mẹ, hay là người lớn kia đang còn tội lỗi mê muội, cũng phải lạy trở lại cái trí đức của Trời Phật, mà kẻ đó là Phật Trời, chớ không dám gọi là con nhỏ. Không ai dám tự cao cái ác si mê, giữ hoài địa ngục, mà chính tự mình phải kính trọng đạo đức, để tập lần bước tới. Bấy giờ người cha mẹ lớn kia, thấy mình như một tín đồ, nuôi dưỡng cúng dường ông thầy nhỏ ấy mấy chục năm, đổi công ơn nuôi một chúng sanh, thành ra phước cúng dường một vị Phật, vì không ai là kẻ còn tội lỗi, mà dám xưng cha mẹ trên quyền vị Phật tái hiện ấy được. Đó là chỗ tinh thần siêu việt của lễ giáo vậy. Khi làm người thì mình phải lạy, khi làm

Trời thì mình thôi không lạy ai nữa, mà khi thành Phật rồi thì kẻ khác lạy lại mình, cái lạy ấy vần công là pháp tu tâm khi mình tự cao ác quấy, trái lại kẻ nào không có cái lạy ấy, thì không bao giờ được đến với đức tánh của lớp Trời Phật bình đẳng không lạy được.

Một gia đình kia, dầu người cha có tu cao bậc gì mà không dạy lễ giáo cho con, con không biết mọp sợ thì con sẽ phá nhà, hỗn ẩu hoang đàng, ông cha dạy nó chẳng biết nghe, và nó sẽ giết hại cả cha mẹ nữa. Thế là ông cha cũng không tu hành chi được, tâm ông cũng giải đãi buông trôi, vì không có gương con hiền lạy bái nhắc chừng cho ông. Thật vậy, không có lễ giáo thì không ai dạy con cháu được, và con cháu thì hay noi gương của cha mẹ ông bà. Hổ phụ sanh hổ tử, hiếu phụ sanh hiếu tử, điều ấy vốn không sai chạy.

Xưa kia, một người nọ đóng xe chở cha mẹ lên rừng cho cọp ăn. Con người ấy hỏi ra và xin để dành chiếc xe đó lại về sau, đặng khi cha mẹ tuổi già thì nó cũng chở lên rừng cho cọp ăn, y như việc làm của cha nó đối với ông bà nội nó, vì có sẵn xe đó, nó khỏi phải đóng thêm cái khác. Cũng bởi thế mà các nhà Nho sợ con cháu làm hại mình lắm, và cũng sợ cho nó ác hung nữa, nên khi cha mẹ chết đi thì che lều giữ mộ, ba năm không uống rượu, vui cười, lại lập bàn thờ cúng lạy, giữ đất tổ tiên, có kẻ để nguyên cái giường nằm của cha mẹ mà thờ, và cũng quạt nồng ấp lạnh; cùng khi cha mẹ già yếu, tự tay thuốc men cơm cháo, không sai bảo tôi tớ vợ con, vừa là để trả hiếu cha mẹ ba năm lao nhọc, tự tay cha mẹ nuôi con. Việc làm ấy cũng là phép trau tâm và để trả lời cho con cháu, đặng chúng nó xem gương hiếu đạo. Có kẻ trước bữa ăn kỉnh trước rồi ăn sau xem như cha mẹ còn sống, để cho con cháu trong nhà hòa thuận, không sanh tâm bội nghĩa. Có như vậy chúng nó mới chịu hiểu rằng kẻ chết còn phải nhớ kỉnh, huống hồ người sống mà lại bất hiếu hay sao?

Thật vậy, đời không lễ giáo là đám rừng hoang của sự ăn tươi nuốt sống lẫn nhau, chớ đâu còn nhân đạo. Chiến tranh đời nay có là bởi không lễ giáo, đành rằng lẽ thật ai cũng như ai, nào ai phải lạy bái ai. Nhưng nếu không tạm dùng phương thuốc ấy thì không ai trị bịnh lếu quấy của mình cho được. Và khi hết tội rồi thì đâu còn cần sự lễ bái. Đức quý hơn tài.

Hồi xưa, cổ nhân ăn thịt sống lẫn nhau, không có cất chôn chi cả, thịt kẻ chết chôn vào bụng người sống, nên người ta mới bày gạt nói rằng thây chết để lâu ba bữa ăn ngon, đặng cho thúi sình ăn không được. Lại bảo cất chôn dưới đất trăm ngày ăn bổ, để cho rã thịt không ăn được, người ta lại bảo kẻ chết lớn hơn người sống vì đã trọn đạo rồi. Ấy là để cho biết kỉnh trọng người chết, thì không nên ăn thịt kẻ sống lẫn nhau, do đó người ta dạy việc cúng tế tiền hiền để tập biết cung kỉnh vâng nghe lời dạy phải. Xưa kia người ta dạy cho đám cưới biết cười, đám chết biết khóc, chết là sự tan rã của khối tình thương. Người ta tập biết khóc, biết buồn, biết nhớ thương người chết. Nhà có tang không uống rượu thịt ca hát nói cười, đóng cửa bỏ việc làm ăn ngày đó. Ngày kỷ niệm giỗ quải cũng vậy, họ xúm nhau lại nhắc lịch sử, điều hay của người quá vãng; họ thắp nén hương lòng khen ngợi, cắm nhánh hoa chào mừng, tặng cho nhau quả tốt của việc làm. Ngày giờ ấy họ hiệp khối lại những tâm hồn thân mật. Đến bữa ăn, họ kỉnh trước rồi ăn sau, có chi ăn nấy, vì họ ăn mà kỉnh chớ không phải mượn cớ cúng mà ăn. Bởi phép ăn thì không cúng thí, còn cúng thí thì chẳng tự ăn vậy. Ngày xưa tang gia không đãi khách, và khách thì chẳng bao giờ dám ăn uống phiền nhọc thêm cho kẻ tang gia, là người đã đang bị tai nạn khổ sở.

Sự cưới gả hồi xưa là kế mỹ nhân, kẻ ác có vợ con thì sẽ hiền lương, thương một người là để thương yêu lần tất cả. Cưới gả là sự kết giao trăm họ, buộc chặt lòng nhân, để lập gia đình xã hội sống chung thế giới. Hôn nhơn là phép cầu hòa ngăn giặc; hôn nhơn là nhân đạo, lòng nhơn, không sát hại; chồng vợ phải tuổi bằng nhau, trao đổi cùng nhau sợi dây dẻo dai với cây cao cứng, để một chồng một vợ, có kỷ luật ngăn phân, không cho sự tuôn rào lướt bụi, đối với lớp nhân người mới tạo.

Có quan hôn tang tế mới có phân biệt được người thú, vì thú người mang thân giống nhau chung lộn. Cho nên việc quan hôn tang tế là rất chơn chánh, có lý nghĩa hay cao, mới lập thành nhân đạo. Kìa như bậc Trời Phật hay như kẻ tu xuất gia, người ta đã qua khỏi nhân đạo rồi, đâu còn làm chi những việc ấy nữa. Người ta cũng đâu có giữ cúng ông bà nhân loại, hay lạy bái chi đâu. Thế mới biết rằng được lành sáng như Trời Phật mới là vui sướng, còn mình còn tội lỗi ở nhân đạo, cực nhọc quá, mà nếu việc làm thiếu sót thả trôi là tức thì tai nạn, vì cõi người là cõi dẫy đầy tội lỗi tai nạn,

kẻ làm người như bị trận, mắc giữa đám giặc vậy. Có rảnh khỏe gì đâu, mà chúng ta ham ở mãi.

IX. TỤC MỞ CỬA MẢ

Còn như tục mở cửa mả sau ngày chôn ba bữa, việc ấy có bởi nơi người quyến thuộc ở xa đi đến đưa chôn, sau khi chôn xong thì còn ở lại một hai ngày để dọn dẹp cất trả đồ đạc, và cảm tạ người khách điếu. Ngày thứ ba trước khi đi về nhà ở xa tỉnh khác, họ đến viếng mả từ giã lần sau. Kẻ con cháu vì nhớ thương người tử biệt, và một khi đi lâu ngày trở lại nên họ khóc than thảm thiết. Họ nhắc kể công lao từ ái trưởng dưỡng thân mẹ ốm gầy, hôm nay mẹ đi con ở, như gà con chiu chít lạc mẹ bơ vơ. Họ khấn vái hồn linh, họ cầm cây mía lau, buộc dắt con gà đi cùng bốn phía, như thân ốm gầy của mẹ bấy lâu dắt dẫn con khờ, mà hôm nay mẹ lại ở chốn đây, còn con thì cắt đứt tình nghĩa mà đi lạc loài nơi khác. Cũng như sự trồng cây mía dưới chân mộ và thả cho gà con chạy lạc, họ khấn vái linh hồn ở dưới huỳnh tuyền đâu đó được nhẹ bước thang mây, để cho có ngày gặp lại, họ lấy dây mây mà làm cây thang để ở dưới chân mồ, rồi sau đó họ giã từ lần chót mà ai đi về xứ nấy. Ở xứ ta hay làm những việc theo tục lệ.

X. GIÁC NGỘ

Đời này người ta bày ra cái nhà giàn là ý nghĩa long xa của vua ngự. Xưa bên Tàu, vua thì đi xe rồng, quan thì đi kiệu phụng. Khi quan chết đi, vua ân tặng cho quan lần chót đem xác đi chôn bằng long xa giả. Chỉ có một lần như vậy, chớ quan còn sống mà đi long xa là bị chết chém. Đời sau người ta muốn bày đủ các thứ sang trọng tốn hao, nhà giàn là sự giàn giá lập ra giàn trò nhà giả để che mưa. Người ta lại thay cho tiếng nhà vàng, là sự đúc nhà vàng cưới vợ, hay cất nhà vàng nuôi cha mẹ, lúc sống không được toại nguyện thì khi chết họ làm cho thỏa mãn bằng sự sơn phết màu vàng, cho là sang trọng.

Kìa như sự cúng vía, thay cho nhắc kỷ niệm lịch sử giáo lý gương lành, người ta chỉ lo cầu vái lấy lệ mà thôi; cũng như lời dạy khéo cho kẻ mới sanh ra, trùng ngày giờ của vị Phật Thánh nào trong kinh sách, người ta khuyến khích, nói kẻ ấy là đệ tử hay con của vị ấy, tức là phải noi y theo

gương lành, nết tốt, tài đức của vị ấy mà sống đời. Người ta ví kẻ tài danh trí giỏi đem sự ích lợi nêu gương sáng cho đời soi học là những ngôi sao, và tên của ngôi sao ấy là do đức hạnh của vị ấy. Cõi đời vô minh dốt nát mê muội như đêm hôm, thì những ngôi sao ấy là các bậc danh nhơn tên tuổi tiếng tăm lành sáng… chớ không phải là đốm sáng trên không trung kia.

Cõi trời cõi đất là bậc trí bậc mê, chớ không phải ở đâu cả. Tên của Phật Tiên Thần Thánh là pháp lý, chỉ nói làm người, chớ không hay có thật. Bằng người nào mà có đức hạnh đó, tức là có được tên đó, ai ai cũng được y nhau. Như vậy thì đời là trường học, ngoài vạn vật ra là chúng sanh, cách sống của chúng sanh đối với vạn vật là pháp lý, sự học. Vậy thì chúng ta phải học, nếu không học hỏi việc xưa nay, nhắm mắt đi theo người làm mà không biết thì có hại, đã chán nản mà lại bị chúng chê cười. Nhất là người tu Phật phải còn giác ngộ chánh kiến. Muốn có chánh kiến thì phải khai vẹt sự tầm sát của trí huệ ra mà nhìn xem khắp cùng thiên hạ, nhờ vậy mới không còn lầm lạc. Người tu phải biết phân biệt lựa chọn việc ích lợi mà làm, chớ đừng xu hướng, bắt chước. Một xứ nào được như vậy thì miếng đất ấy sạch sẽ quá, cũng như được ở dưới ánh sáng của mặt nhựt giữa ban ngày.

Tóm lại, bổn ý của bài này là khuyên ngăn sự giết vật giỗ quải, cúng kiến, tế nạp, vì là việc làm ác mà cầu thiện là sái phép. Chỉ vì người ta muốn ăn thịt mà đốc xúi, đổ lỗi cho người chết thêm tội, thật là bất hiếu, bởi nào có ai cúng thí mà bỏ cho luôn không có ăn đâu, như vậy là mình thèm ăn, chớ sao lại nói cúng. Công lý nhơn quả, quả báo, ấy là sự giặc giã trong đời, và cái gương ác hại ấy, để cho con cháu giết hại lại, thật là tội lỗi cho người thế gian hay tìm tai nạn.

Trong đời mà dứt được lẽ ấy thì không còn việc chi đáng mừng hơn cho nhân loại. Và như thế nghĩa là sự giết người, giết thú, để cầu cho mình trường thọ sống dai là phi lý. Phải vậy thì chúng ta chớ khá giết hại, vì giết người là xúi người giết mình, tức là mình giết mình (tự vận), mà không lẽ mình lại đi tự vận không muốn sống? Và nên phải biết rằng việc làm của ta chỉ có hai tay, chớ kẻ kia thù oán, và những người khác chứng kiến, trả lại là có đến muôn ngàn cánh tay lận. Trong đời không có chi là khuất lấp được, nếu mỗi người trong đời đều biết như vậy là không còn nỗi vui mừng

nào cho chúng ta hơn nữa.

Vậy chúng ta nên nhớ rằng vì ăn mới cúng, chớ không phải vì cúng mà ăn. Nghĩa là vì lòng nhắc nhở, mình đang có món ăn chi thì cúng nấy, chớ không nên tìm món cúng để mà ăn.

Và tốt hơn là ngày cúng tế, chúng ta hãy thành tâm yên lặng cũng đủ, hoặc nhắc nhở lịch sử, hay rộn lắm hãy là nhang bông đèn, cũng sự sạch sẽ lắm rồi. Vì lòng nhắc nhở noi gương dễ dạy là linh hồn no mập, chớ đâu có ăn uống chi được. Còn như sự thờ cúng thì thờ cốt tượng đâu bằng thờ kinh sách học hành, dầu thờ kinh sách cũng chẳng bằng thờ ông thầy dạy đạo cho mình hiện tại đang sống. Nhưng thờ ông thầy kia sao bằng thờ bản tâm của mình trong sạch.

Bởi cung kính là để vâng lời, vâng lời là để thật hành, thật hành là kết quả, quả ấy là bản tâm.

Vậy nên chúng ta phải thờ cúng lễ bái bản tâm là điều cần trước hơn hết.

CHƠN LÝ 23

TAM GIÁO

THÍCH ĐẠO NHO

1. Đức Khổng Tử là một nhà hiền triết, dạy đạo cư gia. Ngài sanh ra trong thời giặc loạn của xứ Tàu, sau Lão Tử 53 năm, tức là sau Phật Thích-ca vậy.

Đức Khổng Tử là một người con chí hiếu. Lúc nhỏ Ngài tập hành lễ giáo, Ngài tập lễ bái đến khòm lưng, gặp ai lớn nhỏ Ngài cũng lễ bái, cho đến cái cây, cục đá, Ngài cũng lễ bái nữa. Vì đối với Ngài lễ giáo là phép lịch sự, là phép thân thiện, là lòng thương yêu, là sự kính nể, tốt đẹp hơn hết. Ngài cho rằng có lễ giáo con người mới có thứ tự, có lòng nhân, mới sống chung nhau được. Chính lễ giáo là sự nho nhã nhu hòa, khiêm nhượng mềm yếu, dẻo dai, mới là con đàng sống được.

Có nhu đạo mới thành nhân đạo, và nhu đạo là sẽ thắng tất cả mọi thứ chiến tranh mạnh cứng, là phép sống đời trong những cảnh loạn ly. Nho đạo cũng là sợi dây cột chùm tất cả cây cao để tránh nạn bão to gió lớn, cùng là sự xô xát đập đùa lẫn nhau.

Nho giáo là giáo lý bình dân dẹp loạn trong khi có loạn, và là một giáo lý lập gia đình hay hơn hết. Cốt yếu của Nho giáo là loài người phải có lòng nhân, đừng giết hại lẫn nhau nên cũng gọi là nhân đạo. Theo giáo lý ấy, mọi loài đều phải sống khi đã có cái sống, và không ai nên làm cho ai phải chết khi tự họ chưa chết. Đành rằng sống là khổ, nhưng ngoài mặt đất này ra, ta

còn biết phải đi đâu tránh khổ và nếu chết đi vì uất ức, vì luyến ái, thì còn phải khổ gấp trăm lần nữa vậy.

Thế thì ai cũng phải sống cả, và muốn mình sống thì đừng giết hại người; có không thù oán thì ta mới được sống yên, và ta không nên để gương ác, hại lại cho đời sau; mà tất cả đều phải giữ gìn một giới cấm nghiêm trọng là không nên sát sanh hại mạng.

Không sát sanh mới có lòng nhân ái, mới được gọi là nhơn loại, mới có khác với buổi ban đầu, và là đã tiến hóa lên cao một nấc, khác cổ nhân.

Cũng vì sự khuyên can chém giết lẫn nhau, mà đức Khổng Tử, Ngài dạy về đạo tam cang và phép ngũ thường cho trong gia đình, xã hội. Ngài bày ra sự quan hôn tang tế cho loài người, Ngài dạy trẻ nhỏ thành nên người lớn, Ngài dạy con thú trở nên người ta, Ngài dạy kẻ ác trở nên người thiện, Ngài làm cho tất cả phải sống. Giáo lý của Ngài cũng như bọc thai, luật pháp của Ngài như lồng khám, để nhốt đậy giữ yên, cứu sống mạng người trong cơn khủng hoạn.

Đạo nhơn nghĩa của Ngài, mục đích để kết liên sự sống giữa ta người, gia đình, xã hội, thế giới và cả chúng sanh chung từ nhỏ tới lớn, từ ít đến nhiều, và như thế là phải thương yêu nhau tất cả từ hẹp tới rộng, để cho không còn tai nạn.

Ngài cho rằng vạn vật ta làm cho tốt được thì ta cũng phải làm sao cho tâm ta được tốt, có như thế vạn vật mới ở bền với ta, ta mới có được vạn vật. Giáo lý ấy tức là đạo của Ngài, tức là Ngài bảo thủ thuyết "Có": có ta, có vạn vật, ta và vạn vật đều phải trọn lành tốt đẹp, có mãi, giữ mãi, sống mãi. Vật hư làm cái khác, người chết sanh trở lại, tức là giáo lý luân hồi nhơn quả. Ta phải có, ta phải sống, ngày nay và ngày mai phải luôn luôn tốt đẹp, có công mới có quả, công quả phải bằng nhau. Ấy là lý trung dung của Nho đạo.

Theo giáo lý đức Khổng Tử, thì trẻ nhỏ phải học Nho giáo, người lớn phải thật hành Nho giáo, và ông già thì đem Nho giáo dạy lại trẻ nhỏ, phải đem Nho đạo lập thành cõi đời, phải lấy Nho đạo làm phong hóa. Nho đạo phải là con đường cái của nhân loại.

Theo Nho đạo thì người ta phải đứng tại lớp người, chớ đừng lui lại lớp thú, và cũng là chưa biết phải đi tới đâu. Đức Khổng Tử khi xưa, Ngài chỉ

biết thời hiện tại, việc gì cũng phải vay trả cho xong trong ngày hiện tại, trước mắt. Ngài cho rằng ta phải khiêm nhượng, mà đừng ngó tới xa quá của bậc Trời Phật lớp trên, và cũng chớ quay lui trở lại lớp thú, nghĩa là con người phải biết lấy địa vị, việc làm của mình hiện tại, mà đừng nhắc việc quá khứ vô ích, hay là luận việc vị lai không công mà chi. Cũng như học trò, cứ lo phận sự học hành theo bài vở của mình cho xong là được lên lớp, chớ nói luận làm chi rộn nhọc.

Như vậy nghĩa là Nho giáo tiến chớ không phải thủ, mà là tiến bằng cách chậm rãi dè dặt, thận trọng. Trên Nho giáo là Lão giáo, và trên Lão giáo là Thích giáo, nghĩa là trên người là Trời, trên Trời là Phật. Nho giáo là lớp ba, Lão giáo lớp nhì, Thích giáo lớp nhứt, trong một trường đạo có ba lớp, mà chỗ đến có một mục đích là bỏ khổ tìm vui vậy.

Vậy nên tam giáo là một đạo, ba Ngài cũng như một; hai lớp sau về lần theo lớp trước, và bởi do lớp trước mới có hai lớp sau. Các lớp có ra là do tùy nơi căn cơ trình độ của chúng sanh thấp kém, mà lớp dưới phải mở bày ra để lần đưa lên lớp trên chỗ một.

Giáo lý của đức Khổng Tử không thể dạy được bậc đã thiện rồi hay như bậc ông già lớn tuổi, như bậc quân tử, mà là giáo lý sắp đặt chế trị, nghiêm luật, lo cho đám trẻ nhỏ côi hoang thôi. Nho giáo là giáo lý cần sống, thiện để sống, và rồi sống để chịu khổ vậy.

Nho giáo là giáo lý sống tạm theo thời, nên cũng kêu gọi là đời, hay đường đời, giáo lý tạm trong lúc chiến tranh mà không dùng được trong khi yên tịnh. Nếu sống mà không học thì có khác nào người hiền mà chưa có con mắt, sẽ nguy hại biết bao. Sự học của Nho giáo là lo cái sống, chớ chưa học đến chơn lý võ trụ, và các pháp trong thế gian, cũng như cái học chỉ giữ có một quyển sách, một bài, thì dùng không được trong những việc khác trở ngại.

Theo giáo lý của đức Khổng tử, Ngài bảo con người đừng tham lam, nhưng Ngài lại dạy phải bảo thủ cái có, phải giữ gìn vật chất có khác nào là tích trữ nguồn gốc của sự tham lam, tranh cạnh?

Ngài bảo người ta đừng giết nhau, phải cần sống, tức là xúi con người tham sống, mà hễ tham sống cho mình, thì sao lại chẳng đi hại kẻ khác?

Ngài bảo người ta đừng hơn thua, nhưng Ngài lại dạy mỗi người có danh lợi, có khác nào là đốc xúi sự chen đua, lấn áp lẫn nhau?

Ngài bảo người ta đừng chia rẽ, nhưng Ngài lại đặt tên xã hội, tên gia đình, tên quyến thuộc bà con, tức là sự phân chia khác biệt ta và người. Thì hỏi thử làm sao mà bình yên được?

Ngài dạy người ta phải sống, nhưng nào có thấy ai được sống mãi, Ngài dạy phải chấp có, nhưng nào ai xưa nay có thấy cái chi thường bền, có mãi đâu. Vì thế nên đức Khổng Tử, Ngài mới thất bại nơi nước Lỗ, cùng các xứ chư hầu xưa không trọng dụng, và cũng như khi hầu chuyện với Lão Tử, Ngài thấy Ngài nghẹt lối, nói không thành lời.

Ngài thật hành và chủ trương theo giáo lý trị thế cũng thật hay, nhưng kẻ đời sau hiểu lầm nơi giáo lý của Ngài, xưng gọi đệ tử Ngài mà họ đi làm giặc loạn, để bôi lọ, vẽ mặt, phá hại đạo Ngài, thật là đáng tiếc!

Cũng vì thế, mới có kẻ dám nói đức Khổng Tử sợ người ta chia rẽ làm giặc nhỏ, mới bày lập gia đình xã hội, binh đông để làm giặc lớn, giết chết một lần cho gọn. Những kẻ ấy trách quá đáng, họ biết đâu người hư, chớ nào phải đạo tệ, bởi đời sau tại kẻ học hiểu lầm, hành sái, vì cho bấy nhiêu là đủ, mà không chịu tìm kiếm lớp Trời, Phật học thêm, mới phải có tai nạn, là tự họ vậy. Mà cũng phải có như vậy, thì giáo lý của Lão Tử mới được nổi danh hơn, và người ta mới biết Trời là cao quý hơn người, còn Phật thì cao siêu hơn Trời kia nữa!

2. Đức Lão Tử thật là khác hẳn đức Khổng Tử. Đức Lão Tử thì lưng ngay, đầu thẳng, trọn đời chẳng biết cúi khòm, tánh cang trực của Ngài không sợ ai cả, cho đến bị người ta đánh đập mà Ngài cũng chẳng một tiếng kêu xin; Ngài tin công lý, Ngài muốn tìm hiểu chơn lý của võ trụ. Ngài cho chúng sanh vạn vật vốn vô quyền, vô trị, ai cũng như ai, cái gì cũng như cái nấy mà thôi. Hoặc may chúng sanh vạn vật có khác nhau là chỉ nơi giáo lý danh từ tạm, nơi thể tướng tạm bên ngoài, chớ tất cả đều là một linh hồn, ai ai cũng là tâm hồn như nhau hết, dầu trình độ cao thấp, chớ rốt cuộc rồi cũng vẫn như nhau, bằng nhau, còn xác thân dầu là của người, thú, hay cỏ, cây, cả thảy là đất nước lửa gió, chớ không có chi danh vọng. Dầu người ta không giết thì

nó cũng tự chết lấy, nên giết mà làm gì, giết hại thù oán mà chi. Vì có ai giết hại tâm hồn ta đặng đâu mà hòng lo sợ. Đức Lão Tử, Ngài sống bằng một tâm hồn có ba phần: linh, giác và thần.

Tức là Ngài sống bằng siêu hình, và Ngài tách mình ra khỏi đám nhục dục thấp thường, mà sống riêng nơi núi non thanh vắng, hang động, im lìm. Ngài là kẻ chết, Ngài là kẻ không tham muốn gì hết. Ngài chỉ muốn sự thanh nhàn tĩnh mịch, để dưỡng tâm yên lặng trong cõi huyền bí thôi. Ngài cho rằng: cuộc đời vô ích và giả dối, ai ai rồi cũng thất bại cả, vì cái có là đang ở trong cái không không bao chụp, như vậy là Ngài chấp không, cả thảy đều không, Ngài ở trong cái không, được vui sướng chơn thật hơn.

Giáo lý của Ngài là chết vui hơn sống khổ, và không có xã hội, gia đình, quyến thuộc, bà con, của cải, miếng ăn, danh lợi gì cả. Vì chúng sanh là những linh hồn, và vạn vật là đất nước lửa gió thôi.

Đối với Ngài, thì chúng sanh không ai lo cho tâm hồn ai được, mỗi người phải tự lo lấy, cũng như không ai giết tâm hồn ai được, vì là nó tự sống lấy, thì phiền lụy với nhau mà làm gì, giáo lý ấy là đạo của Ngài. Ngài kêu nó là đạo, vì nó là con đường cao ráo, chỗ cứu vớt kẻ trầm luân. Những kẻ đã bị trầm luân trong chốn biển ô danh lợi của cái có, cái ác, cái tham, cái lún sâu không bờ bến, không nơi nương dựa, không rồi, không kết quả mục đích. Đạo giáo của đức Lão Tử là lớp trên cao hơn Nho giáo, và là đối nghịch với đời. Người học Nho mà bước lên lớp này thì phải bỏ hết sở chấp, mà chỉ phải còn dùng cái trí, cũng như lên lớp trên là phải bỏ hết bài vở cũ của lớp dưới, mà chỉ mang theo được cái trí thôi.

Giáo lý của Phật như mặt trời.

Giáo lý của đức Lão Tử như mặt trăng.

Giáo lý của đức Khổng Tử như ngôi sao.

Giáo lý của đức Khổng Tử và Lão Tử tuy còn là lớp tạm, không thật, nhưng giáo lý của đức Lão Tử thì sáng rỡ hơn nhiều, cũng như mặt trăng thì sáng hơn ngôi sao, tuy vậy chớ cũng còn đêm tối, chưa được sáng rỡ như mặt nhựt, nghĩa là chưa bằng giáo lý giác ngộ của Phật, chỉ rõ tất cả sự thật của ban ngày.

Theo đạo giáo của đức Lão Tử thì người ta phải lo tu tâm, lánh bỏ cõi thế đời giả dối, chiêm bao, mà đừng mải mê đeo theo gánh hát diễn trò, mang râu đội mão, nó chỉ là sự khổ sở vô ích, không rồi, thất bại, lếu rộn.

Vì hễ việc chi càng lo là phải lo mãi, việc có hoài; còn bằng không lo thì càng khỏi lo và không có chi hết. Việc đời cũng y như vậy, sợ gió làm động mặt nước, lấy gió trừ gió làm cho gió lớn mãi, gió khắp cùng. Vậy tại sao chúng ta chẳng gọi là không, rồi thì sẽ không có gì hết, cho được thanh nhàn yên lặng, có thong thả hơn không?

Vậy nên theo giáo lý của đạo Lão Tử, thì người ta hiền rồi là phải đi tu, ông già là phải đi tu, làm người là phải đi tu, khi thái bình rồi là phải đi tu, vì hiền rồi mà không đi tu là khổ và sẽ ác trở lại. Ông già mà không đi tu là khổ và sẽ làm trẻ con lại. Thái bình rồi mà không đi tu là khổ và sẽ sanh chiến tranh lại.

Như thế thì giáo lý của đức Khổng Tử là gom chúng sanh lại để đừng chia rẽ, sanh loạn nhỏ lúc ban đầu. Còn giáo lý của đức Lão Tử chia rẽ chúng sanh ra, để đừng có giặc loạn to lúc về sau, nghĩa là khi chia rẽ mà loạn thì phải gom hiệp lại, cho bình yên. Về sau khi hết loạn rồi mà số đông gom hiệp, ở lâu sanh loạn là phải chia rẽ ra trở lại. Dầu ly hay hiệp đều là pháp thái bình tạm mỗi lúc, để nối tiếp sự bình yên mãi mãi. Như thế là pháp phải thay đổi luôn luôn theo thời duyên, chớ không nhứt định được.

Cái hiệp của đức Khổng Tử là để cho thân sống, chớ không phải để làm loạn chết thân tâm.

Cái ly của đức Lão Tử là để cho tâm sống, chớ không phải để chịu khổ chết tâm thân.

Gồm cả hai pháp thì thân tâm đều sống mãi, ấy cũng vì muốn thiện mới hiệp, và vì trái cảnh, muốn thiện là phải ly, chớ không phải ly để loạn, hay là hiệp để hại lẫn nhau theo lẽ ác.

Cũng như đức Khổng Tử làm cho thái bình và đức Lão Tử thì tiếp thêm làm cho thái bình vĩnh viễn, mà hai pháp ấy thiếu một cũng không được. Vì thiếu Nho giáo thì không thái bình, và thiếu Lão giáo thì cũng sẽ sanh loạn trở lại. Cũng như kẻ cầm binh khí là để ra trận mạc, khi không có chiến

tranh mà còn cầm binh khí là chính tự họ sẽ làm loạn tiếp tục kế đó. Vậy thì sự lìa bỏ binh khí khi hết loạn, tức như sự giải thoát đi tu của Lão Tử trong thời thái bình, thật là đúng lý. Cũng như Trương Lương công thành thân thoái, là hay quý.

Đức Khổng Tử sanh trong thời loạn, Ngài dẹp loạn rồi mới đi tu. Đức Lão Tử sanh trong thời bình, Ngài đi tu là cho được bình yên mãi mãi. Giáo lý thay đổi khác nhau theo thời duyên, thật là quý hay, hữu ích lắm vậy. Giáo lý của hai Ngài là đạo của thân tâm, là đạo của tất cả chúng sanh, đạo ấy là lẽ sống vui trên mặt đất cho đến ngày hôm nay.

Đức Phật cũng dạy đúng y như thế, thân thì phải chung hợp sống chung, tâm thì phải tự ai lo tu riêng nấy. Cũng như cây cỏ, xác thân thì dựa kề nhau, còn tâm thì ở riêng trong mỗi xác thân. Trong đời ai muốn chết, mà nhớ đến đức Khổng Tử là họ tự sống trở lại. Ai quá khổ mà nhớ đến đức Lão Tử là họ liền vui trở lại. Hai Ngài là xác thịt và linh hồn của chúng sanh, của mỗi người, mà không ai có thể quên thiếu một phần nào được cả.

Về thuyết có của đức Khổng Tử, thật là có hoài, có mãi, giáo lý làm việc thật cực nhọc, nhiều lắm, mà sự kết quả lại ít hơn. Vì tình nghĩa gom hiệp là việc nhỏ nhoi số ít. Còn chúng sanh đông nhiều thì không hiệp được, dầu thân có hiệp, chớ tâm chẳng bao giờ hiệp, thì làm sao số đông xã hội mà ép buộc cả thảy các thứ tâm ý cho y nhau, trách gì giáo lý có của đức Khổng Tử chẳng làm cho xã hội không bền vững, mà trái lại giáo lý Nho đạo, dùng lập gia đình cỏn con thì hay, đúng lắm. Thế mới biết rằng: việc chi có sắp đặt, có trật tự, có cai trị là chỉ được cho số ít thôi. Như thần quyền chúa tể, thì không cai trị cả chúng sanh được. Cũng như ông thầy giáo lớp chót, đối với học trò sơ cơ khờ dại thì phải dùng luật để trị, kẻ tiểu nhân ấy, trong một số ít; chớ với các lớp lớn trên cao kia, thì phải lấy lễ mà đãi họ, chỉ phải chăm lo dạy họ, để cho họ tự tu tự sửa lấy, chớ không dùng quyền luật đối với họ nữa, vì họ biết tự tu tự trị lấy họ, nào phải cần ai ép buộc.

Vả lại ở lớp dưới, học trò đông, mà đứa nên rất ít; ở lớp trên học trò ít mà đứa nên nhiều; lớp dưới thì khó dạy mà phải trị, lớp trên thì không trị mà dễ dạy, được là cũng bởi nhờ sự rèn luyện của lớp dưới buổi đầu, để đưa lên lớp trên, cái trang nghiêm tốt đẹp ấy.

Giáo lý Lão Tử lớp trên, Ngài chỉ nói về lý "không". Ngài không có mệt nhọc lo lắng gì cả, Ngài bảo mỗi ai tự lo trau tâm lấy mình, Ngài bảo người ta bỏ thế sự, danh lợi để trau tâm, thì tất cả đều nghe theo, và cả xã hội tự ai nấy lo trau tâm, là được yên vui tất cả. Vậy nên giáo lý Lão Tử là dạy về xã hội số đông hay hơn hết, mà lại khỏe khoắn, không có mệt nhọc chút gì.

Người ta cũng nói đức Khổng Tử chuyên dạy về bình dân, làm cho dân không loạn, về phép nội trị trong nước. Còn đức Lão Tử thì chuyên dạy vua quan trí thức, kẻ cầm đầu, hay cũng như con rắn, ta chỉ bắt khúc đầu. Sự thật như vậy, kẻ bề trên mà biết tu tâm, cũng đủ cho muôn dân được hưởng nhờ hạnh phúc, và giặc giã không từ đâu phát sanh ra được nữa. Và bậc vua quan mà còn phải lo tu, thì dân giã đâu còn ai dám ham muốn cái vua quan; theo như người ta hiểu lầm cái vua quan là danh lợi, mà sự thiệt của vua quan là khổ sở, là tôi tớ của dân khờ, là nạn tai của cướp trộm, bởi sự hăm he thù oán và mãi lo lắng giữ gìn của cải thân mạng cho muôn loại, bằng cách chẳng công ơn, đã bị bận rộn mãi cho ai, mà không còn đường tấn hóa cho mình đi kịp. Thế mới biết vua quan là khổ, là hy sinh, là thiệt thòi đủ thứ. Kẻ lãnh trách nhiệm của cha anh, tuy sướng thân một chút, mà thật là lao tâm khổ trí. Bổn phận cha anh không phải dễ, hành đúng thì cũng khổ, mà hành không đúng thì cũng khó lòng, khổ nhất là mãi lo ăn ở cho đàn em bất trị, không rồi, không xong gì cả mà chúng oán hờn.

Phương châm của đức Lão Tử là sự chỉ cho cái tâm hồn, lo cho lúc sau khi chết và hiện tại là không có, vạn vật là không thường. Giáo lý ấy an ủi rất khéo, làm cho người ta quên hẳn sự khổ của hiện tại, nhứt là làm cho các ông già, những người chán nản thất bại được vui sướng mà sống lành thêm, tức là tạo thêm tâm hồn từ bi hỉ xả, cao thượng, mà kẻ sống thì thấy như mình đã chết, nên thong thả an nhàn, sung sướng lắm. Họ không còn có thấy cái gì nữa trong thế gian, họ đang ở trong cái không không, tuyệt đối, nên khỏe nhẹ và sáng suốt thông minh lắm. Họ sống bằng lý trí, vui với lý trí, ngoài ra họ không biết gì gì cả.

Đạo Khổng và đạo Lão có ra là do đạo Phật, vì trình độ chúng sanh không theo được đạo Phật, nên đức Lão Tử mới bày ra đạo Trời, vì bởi người ta không theo được đạo Trời, nên đức Khổng Tử mới mở ra đạo Người. Đạo

Người là để dẫn đến với đạo Trời, đạo Trời là để dẫn đến với đạo Phật, tức là ba lớp học của chúng sanh đời nay.

3. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Ngài dạy gồm cả xuất gia và tại gia, tức là Ngài dạy cả hai pháp của Khổng Tử và Lão tử. Ngài không chấp một bên nào cả, Ngài giữ mực trung, nghĩa là: Ngài cũng có dạy cả hai bên theo nhân duyên. Vậy nên nói: Khổng giáo, Lão giáo là đạo Phật cũng được, hay là đạo Phật là Khổng giáo, Lão giáo cũng được.

Đức Phật, Ngài được siêu việt hơn, là bởi Ngài đã thật giải thoát đến chơn như và toàn giác. Ngài đứng ngoài tất cả chúng sanh, vạn vật và các pháp, nên Ngài không còn lầm lạc nữa. Ngài biết khắp cả võ trụ. Ngài không đem mình làm phận sự gì hết, Ngài chỉ bảo sự lạc lầm cho ai nấy thôi. Ngài không dòm ngó về sự chết sống, Ngài cũng không chú ý đến sự khổ vui. Ngài cũng không lấy bỏ ai hết, Ngài cho rằng: Cõi đời ra sao cũng được. Ngài chỉ muốn cho ai nấy lần lần được sự giác ngộ biết sáng như Ngài. Vì hễ giác ngộ rồi thì không còn sở chấp, mà không còn sở chấp là sao sao cũng được, cũng xong, thì sự chết sống, khổ vui, đến đi, còn mất, có không, vinh nhục, lợi hại chẳng ăn thua gì.

Chúng sanh miễn giác ngộ rồi là được, trong đời đã sẵn có công lý của bản tâm, nghiệp nhơn thì có quả, miễn là ai nấy đừng mê muội, rồi thì khổ hay vui, họ cũng an lòng lấy, và tự họ sẽ đi lần lần theo con đường giác ngộ của họ. Cũng giống như đức Khổng Tử, với cư gia Phật dạy phải cấm sát sanh là trước. Cũng giống như đức Lão Tử, với xuất gia Phật dạy cấm dâm dục là đầu. Ngài cũng cho rằng: Cõi trời vô sắc giới, sắc giới và dục giới là cao hơn cõi người dâm giới. Không dâm dục chẳng sanh, thì đâu có giết. Không có giết, thì đâu có sanh. Nó là đầu đuôi của nhau. Cũng như không có ác đâu có khổ, và không khổ đâu có ác! Đức Phật, Ngài chỉ Niết-bàn là trung đạo chánh đẳng chánh giác mực giữa, chớ không phải thấp cao xa gần chi cả. Chính cõi Niết bàn là lòng từ bi bình đẳng, tất cả chúng sanh chung, là sự trong sạch không nhơ uế, là sự sáng láng của trí huệ, là sự yên lặng của tâm chơn, chớ không phải ở đâu cả. Đức Phật dạy chúng sanh phải biết ở trong bản tâm yên lặng của mình, chớ đừng ở đâu hết, vì chỗ nào cũng không bền. Và chỉ có cái chơn như mới là giải thoát tất cả luân hồi sanh tử mà thôi. Ngài chỉ rõ sự sống của chúng sanh, sanh ra bởi nhơn duyên, con

của tứ đại. Kìa như những cọng cỏ sanh ra bởi đất, thì nó chỉ là cái sống tự nhiên vậy thôi, chớ không có gì bận rộn cả. Cũng như Ngài muốn nói, chúng sanh là những cọng cỏ, cọng cỏ lúc đầu chưa biết chi cả nên gọi trơ trơ, nhưng về sau càng tiến tới theo thời gian, chúng sanh càng lầm lạc khổ sở tai hại, rốt lại sau khi đã giác ngộ rồi thì cũng còn là sự trơ trơ của cái biết, mà không còn cử động chi cả, trở lại như cọng cỏ buổi ban đầu. Vì bởi không ác thì khỏi thiện, không tham lam thì khỏi bố thí, không giết thì khỏi cứu, không mê thì khỏi tỉnh, không giận hờn thì không nhẫn nhục, không giải đãi thì khỏi siêng năng. Như thế là bao nhiêu việc của chúng ta cực nhọc loay hoay trong nhiều đời kiếp, chỉ khổ công mà không có ích hay gì ráo. Vậy nên giác ngộ rồi là trơ trơ, trơ trơ có phải đỡ hơn không? Thật vậy, không có ghét thì đâu có thương, kẻ nào trong tâm bằng thẳng, trơ trơ yên lặng như đầy đủ, thì không bao giờ có sự dư thiếu ấy. Mà trần thế là cõi yên lặng trơ trơ chớ không có việc gì.

Tại sao tâm ta thiếu? Là tại ta bỏ bớt ra, chẳng phải thiếu! Tại sao tâm ta dư? Là tại bởi ta thêm lấy vô, chẳng phải dư! Và như thế là ta đã lầm lạc tai nạn rồi đó, thật vô ích lắm. Chớ chi ta hãy để tâm tự nhiên, nghỉ ngủ bằng thẳng chẳng là yên ổn hơn không?

Tại sao chúng ta chẳng xét nghĩ, là mặt đất chung, cọng cỏ sống chung tự do, sống ở chết đi, khi đây khi đó, do nhơn duyên không sắp đặt, và cái biết là để học, học với tất cả. Cái sống là để sống, an nhàn với tất cả. Cái linh là linh diệu thần thông, phải để tự nhiên kín đáo cho nó linh thiêng mầu nhiệm, huyền bí bao la, để cho tâm ta được trơ trơ bằng thẳng. Giáo lý của đức Phật là dạy chung sống, chung học, chung cả cỏ, cây, thú, người, trời, Phật, tâm bình đẳng, sống cho nhau, thi ân đừng cầu báo, phải trao đổi lẫn nhau, diệt trừ ý nghiệp, dứt bỏ tham sân si, tâm đừng vọng động. Ngài dạy cả thế giới chúng sanh chung đúng lắm; theo Phật dạy: cả thế giới chúng sanh yên vui, thì xã hội mới yên vui, xã hội yên vui, thì gia đình mới yên vui, gia đình yên vui, thì mình mới yên vui. Như vậy nghĩa là ta ở trong tất cả, ta phải sống với quá khứ, vị lai và hiện tại, nghĩa là ta phải sống với tất cả v.v… sống bằng sự dứt tham ái, giữ tâm an lạc. Vì thế mà khi xưa đức Phật bỏ gia đình xã hội, để sống chung với tất cả, Ngài giải thoát giáo lý gia đình, xã hội tông giáo, và Ngài cũng giải thoát cho chúng sanh luôn…

Cũng như một người thợ săn kia, lúc đầu lùa bắt những con le le, đem về gom một chỗ tạo sắm chuồng bồ, nhốt lại, trước là thương vì nó lạc loài bơ vơ đói khát, và sau là nuôi nó mỗi ngày rải thóc cho ăn, lùa cho đi uống, lấy công lao ấy, mà có thịt ăn; mỗi ngày ăn thịt một con mập tốt, xúi chúng sanh sản cho nhiều, bồ lúa trước mặt, chảo nước sau lưng… Nhưng một hôm người gặp một con chim đại bàng bay liệng trên cao, chim ấy nói rằng mình là con vịt ốm yếu, bịnh hoạn trong đoàn, bị vất thải lạc rơi vào bụi rậm, nhờ đó mà được rảnh rang đi tu trong rừng kín, nhịn ăn nên lông dài bay được. Điều ấy, làm cho người thợ săn thấy mình thua kém xấu xa, và khổ nhọc tội lỗi, thế là sau này, người mới phá hết chuồng bồ, thả hết bầy vịt, bảo chúng đi tu, và người cũng đi tu nữa. Chính không phải người tha chúng làm ơn, mà là người không muốn làm tội thêm nữa vậy. Cách đó chẳng bao lâu, người ta thấy trên nền trời ấy, có một bầy chim đại bàng, do một đoàn chủ cầm đầu, bay khắp cùng xứ, và tản lạc ra xa đầy trên thế giới.

Người đó tức là đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành Phật; bầy chim ấy là đệ tử đắc quả của Ngài, con chim đại bàng trước hết là đức Phật Ca-diếp, chuồng bồ là giáo lý gia đình xã hội. Đức Phật trong nhiều đời kiếp trước kia, tu hạnh cư gia giống y như đức Khổng tử, gom hiệp, lùa ví chúng sanh lại ở chung, tạo pháp luật gia đình, xã hội làm chuồng lồng, nuôi dân bằng lợi lộc như thóc lúa, lấy nước danh dơ bẩn mà tắm người ta, bày xúi sự sanh sản vui chơi để mà thủ lợi, đền cho công cán. Lâu ngày người ta quên lịch sử buổi ban đầu, nhận lầm quyến thuộc bà con chỗ ở, lập nên sự nghiệp, tô đắp cho thân, mảng ham ngon tốt béo, no mà thân mạng có ngày chết luộc. Ngài thấy Ngài tội lỗi, không nỡ hưởng miếng mồi ngon, để cho chảo dầu danh lợi đốt nấu con người. Ngài xem gương giải thoát của Phật Ca-diếp mà Ngài xuất gia, dùng giáo lý của Ngài phá tung tù khám, địa ngục mà giải thoát luôn cho tất cả. Ngài không nỡ làm vua bằng thịt máu của người khờ dại. Ngài đi xin ăn để phá cái sở chấp của gia đình, xã hội, cha mẹ, vợ con, tiền của, ta và người, danh với lợi. Ngài đi xin ăn để giải thoát, nhẹ bay khắp cùng đây đó, sống chung, học dạy chung, thương yêu chung, bình đẳng đại đồng bác ái.

Vì bởi Ngài làm được việc đúng chơn lý ấy, Ngài bỏ tất cả giai cấp thế quyền danh lợi, nên chúng sanh thảy tôn Ngài là Phật. Và người ta theo Ngài, thờ Ngài mãi mãi, thờ cái tâm trơ trơ bằng thẳng của Ngài.

Tóm lại, đạo là con đường từ đầu tới cuối, đức Phật Thích-ca, Ngài đã đi đến cuối đường, đức Lão Tử còn đang đi chặng giữa, đức Khổng Tử mới bước đến khoảng đầu, trong ba cảnh ngộ của ba chặng, tức là ba giáo lý của một con đường, đường ấy là đường Khất sĩ của chúng sanh; mà đức Phật là bậc y bát chuyên môn, đức Lão Tử cũng là bậc mang áo ôm bầu, còn đức Khổng Tử thì lưng cơm bầu nước, khó bần Nho sĩ. Nghĩa là, đức Phật là thầy dạy đạo Khất sĩ, đức Lão Tử là đang tu, thật hành Khất sĩ.

Và đức Khổng Tử là đang tập hạnh Khất sĩ, mới khởi hành. Khất sĩ là đạo của tam giáo, là chơn lý võ trụ, là đạo của tâm người, của chúng sanh chung, của tất cả, đến với tất cả, mà không ai không phải là xin học, Khất sĩ! Có xin học mới sống yên vui, không tội lỗi.

Khất sĩ là đạo.

Cư sĩ là đời.

Đời sẽ về y theo đạo hết.

CHƠN LÝ 24

TÔNG GIÁO

Khi xưa đức Phật sanh tiền, Ngài chỉ dạy đạo lý cho chúng sanh tu. Bấy giờ đạo Phật còn là thời pháp lý, giáo lý hay là triết lý. Cũng như một cội cây, gốc cái còn và các nhánh đều sống nương theo mình mẹ. Tăng chúng tuy chia ra đông nhiều Giáo hội mà vẫn quy hợp về theo Phật, nên cách tu học không có sửa đổi chi cả. Người ta gọi đó là thời chánh pháp. Từ ngày Phật tịch cho đến nay, Tăng chúng chia lìa, phân chia tông giáo, cũng như các nhánh cây, mất thân mình mẹ, bị chiết lạc đem trồng mỗi nơi, tùy phong thổ mà biến đổi không còn tánh chất giống y như hồi nguyên xưa nữa. Đối với Phật khi xưa, đạo là con đường giác ngộ, chớ không gọi tên là đạo chi cả. Các giáo pháp Ngài nói ra y theo chơn lý, chớ không gọi tên là giáo pháp chi cả. Đạo pháp có là do nhơn duyên, không lường đếm, chớ không phải một hay hai nhứt định, hoặc giữ hoài một việc. Nhờ vậy mà Tăng chúng của Phật, học hành rộng rãi uyên thâm, không còn sở chấp. Bấy giờ đạo Phật là đạo của tất cả, giáo pháp của Phật là giáo pháp của tất cả. Phật không chia rẽ đạo giáo nào, Ngài không cạnh tranh với ai hết. Ngài không chê bai chỉ trích một ai. Trong các đẳng cấp, ai muốn đi xuất gia nhập đạo theo Ngài cũng được. Ngài chỉ giữ riêng một lớp dạy bậc xuất gia khất sĩ mà thôi. Ngài không thâu nạp người tại gia cư sĩ làm đệ tử, không có giành choán tín đồ của tông giáo.

Cư gia ai theo đạo nào cũng được. Kẻ cư gia nào có lòng tin tưởng Ngài, thì Ngài khuyên người ấy, hãy tập lần noi gương về y theo Phật Pháp Tăng

đó mà đi tới, và nên giữ lần từ năm giới, tám giới để bước lên mười giới tập xuất gia. Người cư sĩ chỉ có tâm quy y theo Tam bảo, tập xuất gia giải thoát theo Phật Tăng, là gọi tâm theo Phật, chớ năm giới, tám giới còn là bậc chư Thiên cõi trời, là người thiện nhơn, y như các tông giáo, chưa được ở trong đạo Khất sĩ giải thoát của Phật Tăng, chưa được ở gần bên Phật!

Giới luật của Tăng là bức tường hàng rào, đón ngăn giữa sự xuất gia và tại gia, không cho chung lộn. Người tại gia như còn ở ngoài hàng rào, chỉ có kẻ xuất gia nhập đạo mới là được ở trong hàng rào, trong đạo, theo hầu bên Phật. Khi xưa mặc dầu là Phật dạy Tăng, coi sóc cho Tăng, Tăng đi khít bên Phật, thế mà Phật cũng không nhận một ai là đệ tử của Ngài, vì đối với cái đạo của chư Phật, Ngài là người thay thế dạy bảo giùm thôi. Ngài không xưng thầy, Ngài không gọi học trò, Ngài dứt bỏ cái ta và của ta trói buộc. Ngài cũng chưa chắc tin một người đệ tử nào là sẽ theo đúng y như Ngài, và Tăng chúng cũng không ai dám xưng gọi thầy tôi, tôi là đệ tử Phật, vì sợ mình không giữ nổi đạo hạnh y như Phật, là hư tiếng Phật.

Mặc dù giáo lý thì nói rộng, để khuyến khích cư gia hay Tăng chúng. Phật gọi chung là tứ chúng: hai bên xuất gia nam nữ là đệ tử Phật, hai bậc tại gia nam nữ là thiện tín Phật. Phật khuyên cư gia nên phải xuất gia và Tăng chúng là thầy của cư sĩ, vì Tăng chúng như học trò ở học trong trường, còn cư gia là còn đang tập học, còn ở bên ngoài đời tội lỗi. Cư sĩ ngày xưa theo Tăng, chớ không theo Phật nhảy cấp. Cư sĩ ngó ngay mục đích của Phật, mà theo thì phải nương theo Tăng, vì Tăng là nấc thang gần trên cho cư sĩ (có cư gia mới giúp Tăng sư, sự ăn mặc ở bịnh, nhờ đó các sư mới dễ tu học). Tăng chúng còn là đạo Phật còn, mà Tăng chúng còn là do cư sĩ, vậy nên cư sĩ cũng có công lớn với đạo Phật về bên duy vật, tài thí hộ đạo. Nhờ công đức đó mà dễ được xuất gia về sau, nghĩa là sau này tu tới mãi, cũng sẽ được thành Phật, sau theo Tăng chúng.

Phật xưa gọi tứ chúng là kẻ vòng trong, vòng ngoài, trong mỗi khi thuyết pháp, nên gọi tứ chúng là kẻ Thinh Văn, thính pháp văn kinh. Nhưng trái lại, Tăng chúng không ai dám tự cao, mà xưng mình là đệ tử Phật, vì đức Phật là đấng hoàn toàn cao viễn quá, còn Tăng chúng thì ít kẻ diệt được phàm tâm. Hơn nữa cư gia lại cũng khiêm nhượng, không dám gọi mình là đệ tử của các sư, vì các sư phần nhiều chứng quả Thánh, còn

cư gia thì đang bị lấm lem dơ nặng. Chỉ có sa-di tập xuất gia theo khít bên Tăng, mới tạm gọi là đệ tử của Tăng thôi, chớ cư gia thì chỉ nhận mình là thiện tín chung, chưa dám chịu làm đệ tử riêng một vị sư, vì bởi cư gia chưa thật hành giống y theo Tăng sư được.

Như thế là tránh cho Tăng sư khỏi phải mang tiếng "Giáo bất nghiêm sư chi đọa". Cư gia cũng có thể là tín đồ của các tông giáo ngoài đạo Phật nữa, vì cư gia là người còn đang ở trong cảnh thế, còn mắc phải xác thân của cải trong gia đình xã hội.

Như vậy là sự xã giao phải rộng rãi, mới tránh được tai nạn cho thân. Đạo giáo nào, sự phước thiện nào, việc lành phải nào, cũng nên tán trợ, nâng cao, giúp tiếp, để ủng hộ tinh thần dân tộc, và cũng thêm sự ích lợi cho mình nữa. Như thế nghĩa là cư gia chưa có thầy như sa-di, và chưa có ông thầy nào bảo lãnh cư gia cả; cư gia là tín đồ của lẽ phải, chớ không phải của riêng Phật. Phật không có choán tín đồ của các tông giáo khác đạo.

Ngài sống chung tất cả, tất cả sống chung với Ngài. Ngài và tất cả đều ở trong một trường, Ngài là một ông thầy giáo dạy lớp trên của tất cả, chớ không phải đạo riêng. Ngài không tranh cạnh vì bài vở, lớp học. Sự dạy của Ngài khác xa lớp dưới, cũng rất ít ai theo được. Nhờ vậy mà ai cũng mến Phật, Phật đi đến đâu cũng được, và kẻ trí thức của các đạo giáo, ai cũng muốn xuất gia theo Ngài mà tôn Ngài là thầy chung của tất cả. Bởi Ngài là người đã giác ngộ chơn lý, Ngài không còn ngăn chấp nhỏ hẹp, chẳng giống như đời sau này, vậy nên mới gọi thuở ấy là thời chánh pháp.

Thuở xưa cũng có cư gia hết lòng theo đạo Phật, tuy chưa được vào trong đạo theo các sư, vì bởi nhơn duyên phước đức thiện căn kém thiếu, chớ họ cũng tu hành tinh tấn lắm; không được xuất gia đắc quả A-la-hán hiện tại, thì họ hành đạo Bồ-tát, tập giữ giới Bồ-tát, để được đắc quả A-la-hán lúc lâm chung. Cũng như cái vỏ ruột của trái, tuy thua kém bây giờ, chớ cái hột thì sau này cũng thành tựu được, theo sau ai nấy; vì người cho rằng hôm nay người còn nghiệp tội nhiều, chưa giải thoát xuất gia bằng thân đặng, thì họ tập lần cái tâm, nuôi sẵn hột giống Khất sĩ trong tâm. Hễ ngày nào rảnh rang, thân không còn có bận nữa, thì tâm họ cũng được xuất gia theo sau các sư, hay nhờ tâm chí đó, mà đời sau được xuất gia giải thoát. Đúng theo lẽ, nhiều kiếp ác mới tới thiện, nhiều kiếp thiện mới làm cư sĩ, nhiều kiếp cư

sĩ mới đến xuất gia, nhiều kiếp xuất gia mới thành Phật. Như thế là chúng sanh từ trong cái vô minh ác quấy tội lỗi tiến lần lên, nhà sư nào đi trước mà tu hành giải đãi, là kẻ đi sau phải theo kịp được.

Vậy nên cư gia rất kỉnh trọng các sư trì giới, nhập định, đắc trí huệ, hơn các sư còn tội lỗi, vì các sư tu chín chắn, là lúc nào cũng đi trước hơn họ, họ phải noi theo và theo không kịp; chớ với các sư tầm thường, thì cũng chẳng hơn họ bao nhiêu, vì bởi họ thấy các sư còn tội lỗi y như họ, cư gia có mắt sáng, là nhờ gần gũi Tăng, và cũng biết luật Tăng; cũng có cư gia học xem kinh sách, chẳng thua gì Tăng cho lắm.

Tăng có hơn họ là bằng giới định huệ, họ mới kỉnh trọng, chớ sự thông minh văn học, họ có kém Tăng đâu, bởi thế cho nên đối với Tăng tội lỗi, thì họ gọi là không phải Tăng, họ chỉ kiêng nể cái áo bề ngoài thôi, chớ thật ra họ không kỉnh trọng Lỗi ấy tại Tăng bỏ đạo, chớ không phải tại họ, Tăng cải sửa không theo Phật, thì trách sao cư gia lại chẳng cải sửa, mà bỏ Tăng. Ở xứ này: Tăng không còn nhóm họp ngày rằm, ba mươi đọc giới bổn nữa, Tăng mạnh ai nấy tu, nên hư tự ý, không cần thuộc luật, không có Giáo hội. Tăng đã rạc rời, chòm nhóm đua tranh, không hợp tác thì trách sao cư gia lại không lập ra tông giáo, đảng phái tư riêng. Vì họ cũng như rắn không đầu, bởi Tăng chúng không cầm đầu họ đặng; cũng vì thế mới có kẻ cư gia lầm lạc bởi không ưa một hai vị sư sái quấy, mà họ khinh luôn cả Phật Pháp Tăng, khinh luôn cả sự xuất gia của họ, họ không bước đến sự xuất gia, họ lại còn ố ngạo kẻ xuất gia là khác nữa.

Cũng có kẻ cư sĩ lại chấp mình, tự cho mình cư sĩ mãi là đúng rồi, họ lập đạo giáo riêng, lập ra chòm nhóm quay đầu ố nghịch lại đạo Phật, để phải vướng cảnh thiên ma đọa lạc, không đường giải thoát giác ngộ, thật là tội nghiệp cho họ; mà lỗi của họ là tại nơi Tăng sư sái quấy vậy.

Cũng vì thế mà có kẻ lại dám nói: cả Tăng sư là bị quả báo, bị đền tội, đang tu, chịu khổ nhọc, còn cư gia là đã tu rồi, thành Phật rồi, bây giờ là đang hưởng phước, không cần tu xuất gia nữa. Họ nói kẻ xuất gia là vì hoàn cảnh trốn tránh, thất bại, chớ không có ai xuất gia vì giác ngộ, vì lòng từ bi thương xót chúng sanh đâu. Thế là cư gia hủy báng Tăng bảo, và kẻ cư gia với người xuất gia ấy là hai người đồng lõa, giết phá đạo Phật.

1. SỰ HIỂU LẦM

Có kẻ lại hiểu lầm là cư sĩ Bồ-tát lớn hơn A-la-hán, họ không hiểu lý nghĩa A-la-hán là Ứng Cúng. Danh từ Ứng Cúng có là do nơi hai chữ Khất sĩ, mà Khất sĩ là chơn lý của võ trụ chúng sanh, Ứng Cúng là xứng đáng cho người cúng dường lễ bái. Nếu không phải là Khất sĩ thì đâu có chữ Ứng Cúng A-la-hán. Đó là một danh từ mà Phật khi xưa là một vị đại A-la-hán, sau khi tu hạnh Bồ-tát đã nhiều đời, mới thành được A-la-hán đó. Phật cũng gọi là Như Lai, nên cũng gọi là có tu hạnh Bồ-tát mới đắc quả Như Lai. Vậy thì Như Lai tức là A-la-hán, đều là thầy của Bồ-tát. Bồ-tát có hai hạng, A-la-hán cũng có hai hạng: Bồ-tát phàm và Bồ-tát thánh, A-la-hán thánh và A-la-hán Phật. A-la-hán Phật là trên Bồ-tát thánh, A-la-hán thánh là trên Bồ-tát phàm.

1. Phật: Như Lai Đại Thánh (đắc đủ thần thông), A-la-hán Phật.
2. Bồ-tát (đủ lục thông): Bồ-tát Thánh.
3. Bích-chi (đủ lục thông): Bích-chi Thánh.
4. A-la-hán (đủ lục thông): A-la-hán Thánh.
5. Bất Lai (chưa đủ lục thông): Bất Lai phàm.
6. Nhứt Vãng Lai (chưa đủ lục thông): Nhứt Vãng Lai phàm.
7. Nhập Lưu (chưa đủ lục thông): Nhập Lưu phàm.

Người xuất gia có thể đắc đủ 7 quả thành Phật.

Người tại gia có thể đắc 4 quả thành Thánh.

Bậc Bồ-tát phàm là còn ở trong 3 quả: Nhập Lưu, Nhứt Vãng Lai, Bất Lai chưa đủ lục thông, kêu gọi là tập tu hạnh Bồ-tát, tập làm việc pháp thí, chớ chưa phải Bồ-tát thiệt thọ. Nghĩa chữ Bồ-tát là giác tha rất rộng, mỗi một việc làm phải nào cũng gọi là pháp giác tha Bồ-tát được hết. Cư sĩ thiện nhơn chư thiên, mà biết làm việc pháp thí, tu tập phước huệ để cho mau dứt nghiệp, đặng đi xuất gia, cũng gọi là tu hạnh Bồ-tát vậy. Tất cả chúng sanh cũng đều gọi là Như Lai tử, hay Bồ-tát tử được hết. Tịnh là Như Lai, động là Bồ-tát. Cư sĩ là Bồ-tát tập tu, theo phép lục độ vạn hạnh, chớ chưa đắc lục độ vạn hạnh. Đắc lục độ vạn hạnh là chỉ có Khất sĩ Bồ-tát mới được. Vì

người xuất gia Khất sĩ là đã Bố Thí hết rồi, tài thí, thân thí mới đi tu, và đang hành pháp thí; Nhẫn Nhục đi xin ăn mỗi buổi sáng, và mặc đồ hoại sắc, y bát một bộ; Tinh Tấn là đi hoài không ở một chỗ; Trì Giới là giữ 250 giới xuất gia trọn đủ; Thiền Định là nhập đại định dưới gốc cây; Trí Huệ là cắt đứt phiền não bằng sự thuyết pháp tham thiền luận đạo. Người Khất sĩ có thể đắc quả thánh hiện tại, là nhờ sự xuất gia giải thoát, lục căn thanh tịnh, đủ phép lục thông, thành A-la-hán, rồi kế đó đi tu thiền định thêm, thành Bích-chi, và sau trở lại giáo hóa chúng sanh làm Bồ-tát Thánh, có nhiều kiếp Bồ-tát Thánh mới sẽ đắc quả Như Lai, hay Đại A-la-hán, Phật. Nơi đây Bồ-tát Thánh ấy mới cao hơn bậc A-la-hán thánh vậy. Người cư sĩ ráng lắm thì sau khi chết mới đắc quả lục thông thành A-la-hán, chớ hiện tại còn đang sống thì cũng khó mà đắc ba quả: Nhập Lưu, Nhứt Vãng Lai và Bất Lai được; cũng như các sư khó mà đắc quả A-la-hán, Bích-chi, Bồ-tát lắm. Và cư sĩ thì chưa rồi độ bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, ráng lắm là đắc ba quả phàm này; chớ trì giữ 250 giới cụ túc, để thu thúc lục căn thanh tịnh là chưa, chưa nhập đại định được, và cũng chưa phải là bậc trí huệ, diệt hết phiền não, như bậc Bồ-tát pháp sư, tham thiền luận đạo, thuyết pháp đặng. Cư sĩ thì chẳng đắc đặng lục thông.

Như vậy thì tiếng cư sĩ Bồ-tát là pháp lý nói rộng ra, để khuyến khích cư gia tập tu, chớ cư gia là đang tập tu để làm thiện nhơn, khó mà diệt trừ gốc tội, vì bởi còn đang ở trong trần lem lấm. Bồ-tát đa hạnh, là bậc Bồ-tát Thánh có đủ lục thông, có nhiều hạnh kiểm nết hạnh của bậc thầy, chớ không phải nhiều hạnh là bỏ giới luật mà làm cư sĩ trở lại, hay đi làm sái quấy. Bậc Khất sĩ pháp sư Bồ-tát có đủ thần thông kia mà còn không gọi mình là Bồ-tát thay, cư gia sao lại tưởng mình là Bồ-tát, bậc thầy, không lẽ để dạy cho người khác nhiễm ô bùn bụi đời đời mê đắm, tưởng rằng Phật xưa là cư sĩ. Như thế tức là đọa lạc rồi, vì giết hại sự tấn hóa xuất gia giải thoát của mình và ai nấy. Không lẽ cư sĩ lại tưởng rằng mình đã hơn bậc Thánh Tăng xưa, có đủ lục căn thanh tịnh, giải thoát, và có lục thông rồi ư; đành rằng tiếng xuất gia là thân tâm xuất gia, chớ thân xuất gia là chưa đủ. Nhưng đối với chúng sanh, nghiệp tội lâu đời, tâm trí yếu đuối, nếu thân chẳng xuất gia, tâm nào chắc được xuất gia, hòng đắc thần thông trí huệ, quả A-la-hán nơi cư sĩ. Kìa Tăng chúng từ xưa, hay như Phật, lấy cảnh tạo

tâm trước, rồi tâm mới tạo cảnh sau. Các Ngài cần phải xuất gia bằng thân trước, để tạo tâm xuất gia, thành A-la-hán trước, thế mà các Ngài còn ít ai đắc được, và quả Bồ-tát Thánh đối với các Ngài còn xa quá, đâu phải sự nói suông nghe dễ, như là không cần xuất gia, cũng đắc quả Bồ-tát cao hơn A-la-hán, và Phật là tại gia cư sĩ đang ở trong bùn lầy, không cần ra khỏi, không cần diệt trừ ác tội. Tuy lý Phật nói rộng ra: Ai ai cũng có thể tu để thành Phật, nhưng mà nào ai đã tu, và ai là người đã dám gọi mình là Phật rồi đâu, mà không tu, không giải thoát; không lẽ vì chê bai một hai vị sư Tăng sái quấy, mà chê bỏ luôn giáo pháp Phật, để hiểu bằng cách sái khác lạc lầm. Tấm lòng như thế thì đâu còn phải là Bồ-tát, mà sao lại chẳng tự mình xuất gia Khất sĩ, làm Tăng sư cho đúng đắn, để cứu chữa đạo Phật lại, vừa là để giúp ích cho chúng sanh, lại được tấn hóa cho mình nữa. Hay là tại sao chẳng đi tìm kiếm chơn Tăng, để gom hiệp lại, khuếch trương Tăng bảo, thống nhứt tăng-già, sửa chữa giới luật Phật lại, chớ để chia lập chòm nhóm cư gia, ố Tăng phá đạo, ích chi như thế? Không lẽ ai rồi cũng tranh nhau để lo phá đạo?

Vậy nên cư gia phải thấy mình cần xuất gia giải thoát, để làm du tăng Khất sĩ. Vì Bồ-tát Thánh thì dạy Tăng, và không luân hồi; còn Bồ-tát phàm là dạy cư sĩ thiện nhơn, còn phải luân hồi. Như thế chánh nghĩa cư gia là thiện nhơn, trí thức, chư Thiên, tập hạnh Bồ-tát, để tích trữ phước đức đặng xuất gia, chớ chưa là Bồ-tát thiệt thọ. Vì lời nói của cư sĩ không thể bảo dạy kẻ khác xuất gia cho đặng, là bởi mình chưa xuất gia, cũng như mình còn đang tội lỗi mà bảo kẻ khác dứt chừa tội lỗi là không được.

Cư sĩ muốn cho lời nói của mình có hiệu quả, ai cũng tu nghe theo mình, quốc độ mình được rộng nhiều to lớn, thì phải bước tới xuất gia Khất sĩ cho trong sạch đã, cho đúng câu qui y Tam Bảo, và lời nói cho đúng với sự thật hành, mới chắc chắn sẽ thành Phật đặng. Như vậy là phải bỏ sở chấp nhỏ hẹp, tư riêng, gia đình, xã hội, mà phải phát tâm Chánh đẳng Chánh giác, sống chung cả thế giới, học dạy chung cả chúng sanh, mới nên việc lớn đặng. Phải vậy, chớ chi cư sĩ cứ thật lo tu, mà đừng nói Bồ-tát A-la-hán gì hết là tốt quá.

2. TĂNG SƯ CHIA RẼ

Trong số Tăng đồ khi xưa của Phật, có ba hạng trí, kẻ đang học, người đang tu, kẻ đang dạy, gọi là bậc Thinh Văn, Duyên Giác và Bồ-tát. Ba thặng này, khác nhau bằng tâm trí, chớ giới luật y bát cũng như nhau, đều gọi chung là Tăng, Khất sĩ, Tỳ-kheo; hay gọi là Tỳ-kheo có ba hạng giáo lý, ba cỡ pháp.

Cũng như loài người có ba hạng trí, mà cũng là một loài người chung, chớ không phải chia rẽ phân biệt, nghĩa là Tăng chúng tu học giới định huệ, kẻ cao người thấp, chớ không phải là khác đạo, khác giáo pháp; thế mà từ khi Phật tịch đến nay, người ta lại phân chia ra làm Đại thừa Tiểu thừa, đối nghịch, chỉ trích lẫn nhau. Một đàng các sư gọi mình ăn chay là Đại thừa, mà không có y bát trì giới, các sư tự mình cải cách theo Nho đạo Khổng Tử. Một đàng khác, các sư trì giới y bát, nhưng lại ăn dùng cá thịt gọi là Tiểu thừa.

Sư Tiểu thừa thì chuyên học pháp vi tế tự độ nhiều hơn. Sư Đại thừa thì học pháp độ tha bao quát bên ngoài. Cũng như cái nhỏ của hột, và cái lớn của vỏ, mà chẳng có thịt cơm, nên không thành trái đặng.

Các sư lại không cho Tăng chúng xem học bài vở lẫn nhau; Tiểu thừa hay Đại thừa ngày nay, không phải là trình độ cỡ trí của mỗi nhà sư, mà là sự tranh cạnh của bề ngoài tông giáo, một Sa-di, một em bé, một cư gia cũng gọi là Đại thừa hay Tiểu thừa nữa.

Người tu đời nay ít ai chịu hiểu rằng: Không có tam thừa gì bề ngoài cả, tam thừa là tâm trí của mỗi người, từ nhỏ tới lớn, từ hẹp tới rộng, chớ không phải mới sanh ra cũng Đại thừa, hay tu thành Phật, già lão rồi mà cũng còn gọi là Tiểu thừa mãi. Có người lại nói rằng có y bát khất thực là Tiểu thừa. Vậy ra đức Phật khi xưa trọn đời y bát khất thực, đức Phật ấy cũng là Tiểu thừa hay sao?

Phải chi các sư đời nay chỉ cứ lo tu là tốt hơn, dứt lòng tư kỷ ngã ái, dung hòa hiệp một lại, thành ra mỗi sư đều ăn chay, và có đủ y bát giới luật, thì chắc là chánh pháp của Phật hưng thạnh trở lại; cũng như cái chén bể gắn dính liền, cũng như cái vỏ lớn, cái hột nhỏ, dính hiệp nhau, thì làm sao chẳng có được thịt cơm nơi khoảng giữa, mà thành nên trái giác thơm ngon như vậy. Chớ chi các sư mà hợp tác, chắc tu mau đắc quả lắm, và chúng

sanh sẽ hưởng được biết bao mùi vị của chánh pháp đạo Phật, còn nếu các sư mà chia rẽ, thì có khác nào xé hai thân hình Phật, giết đạo Phật khó mà ai tu thành đạo được, và không ai được toàn giác bởi mắc phải động tâm vì nhau mãi mãi, dễ gì tu; còn tín đồ cư gia thì điên đảo, rớt rơi chán nản, tách lạc tư riêng cả. Đã vậy mà nơi xứ Ấn Độ, ngày nay các sư lại tranh đấu với nhau, thì trách gì cư gia không lập riêng môn phái, và thế giới trách sao chẳng đại loạn.

Chớ chi mà các sư hiểu rằng phải học, học hết thảy các pháp, phải tu, tu hết thảy các pháp. Ai cũng phải cho được toàn học, toàn giác, toàn năng, chớ đừng giữ riêng cái sơ giác, độc giác, hay cái giác thiếu kém; chỉ có giới, định, huệ là phải tu học, chớ không có thừa gì cả. Dầu trình độ mình đã đến Đại thừa, là để cho người ta tự nhận biết, chớ đừng nói ra, mà phải nên khiêm nhượng. Còn trình độ mình có Tiểu thừa là để cho người kia tự hiểu, chớ đừng dòm ngó nhau, là tốt lắm. Vả chăng sự tự cao là dốt, hạ mình là hay, vậy người thật tu học, cũng nên gọi mình là vô thừa, nghĩa là không có thừa gì của tự mình nói ra mới phải, và chỉ có một sự tu là quý hơn cái học, quý hơn cái nói cãi cao kỳ vậy.

Như thế thì cần gì môn phái đông nhiều, không thể dạy, cho hư đạo pháp. Phật xưa đâu có nạp thâu nhiều người không giới hạnh. Phật xưa đâu có dụng số đông người, người tu dầu ít, ít mà chơn chánh đắc quả, tiếng tăm thơm nức vang lừng, nào phải đợi số đông, cái đông không kỷ luật. Khi xưa còn Phật hiện tại, bậc A-la-hán rất đông, mà đệ tử rất ít, ngày nay Phật Thánh ít, mà Tăng chúng lại thâu nhiều, thì có khác nào gạo, lúa, tấm, cám, đều ở chung cả trên một cái sàng, làm cho sàng phải nứt gãy; chớ chi mà các sư lại tự sàng đi cho rớt bớt; giới luật là sàng, sàng giới luật nứt gãy, là tại Tăng chúng đông nhiều quá nặng; các sư có biết đâu rằng viên ngọc quý là rất ít, chớ cát đất thì thật nhiều. Đạo Phật mất là tại Tăng chúng đông, và tín đồ nhiều, ai cũng tưởng lầm mình là con trưởng nam của Phật. Thật là nguy hại thay cho đạo Phật. Thế mà đến nay, các sư lại còn gọi là giữ mãi gốc Tổ Thầy, mà Tổ Thầy xưa đâu có chia rẽ, đâu có chẳng tu theo phép nào thuận hạp cho tất cả ta và người, cho hạp với đạo của ta và người, mà nên cho tất cả; và các sư là phải đoạn nhứt thiết ác, tu nhứt thiết thiện, độ nhứt thiết chúng sanh mới phải là người tu Phật đạo.

3. TÍN ĐỒ THẤT LẠC

Thuở xưa hồi Phật sanh tiền, Phật và Tăng chỉ thuyết pháp, đem chơn lý dạy cho người tu tấn hóa, chớ không có thờ phượng chi cả; các Ngài đi, đi mãi không ở trụ một chỗ; tịnh xá người ta cất ra để thỉnh Phật Tăng đến nghỉ chơn và dạy đạo; tịnh xá làm bằng cây lá sơ sài, gồm cả một khu vườn rộng, cốc am, nhà giảng; nhà giảng là nhà mát trống rộng để che mưa nắng, trong khi giảng đạo tạm thời, khi nào các Ngài đi thì bỏ hết, vì Tăng chúng luôn luôn theo Phật (chỉ trừ ra các bậc Bồ-tát và Bích-chi, Duyên Giác là đi hành đạo riêng được). Chính giữa nhà giảng là pháp tọa thấp của Phật, ngoài ra không có chi cả, tứ chúng Thinh Văn thảy đều ngồi trên mặt đất mà nghe pháp. Đạo pháp khi xưa là dạy tu, ai nấy lo giải thoát tu tâm, chớ không có bận rộn sự ngoài, vì vậy mà có rất nhiều người đắc lục thông, trí huệ, thành A-la-hán, và không có học nơi văn tự nghề nghiệp, thờ cúng lễ bái chi cả. Các sư chỉ lễ Phật trong khi nghe pháp, và trong khi học hỏi thôi; còn ngoài giờ khác là lo học giới, tham thiền, nhập định; tuy chẳng phút nghỉ, không thong thả trong tâm, mà bên ngoài thì thật như là rảnh rang vô sự.

Những lúc về sau này không có Phật, người ta bèn ghi chép lời nói của Phật, phân làm Kinh, Luật, Luận để học, và sau truyền ra nhiều xứ, nhiều thứ chữ, tiếng đọc khác nhau, và ý nghĩa không còn xác thật! Vì vậy mà lắm kẻ cư gia chỉ đọc tụng khen tán, tin tưởng lời nói của Phật là linh thiêng, chớ không cần hiểu chi là nghĩa lý, ý dạy chi cả; vả lại Tăng chúng cũng lu mờ, thì cư gia biết hỏi nơi ai nghĩa chữ, nào ai dạy pháp lý, nào có ai chỉ rõ ý nghĩa của Phật dạy, trách gì chơn lý khó ai đạt được! Cho nên dầu ai có muốn vượt qua ngoài lề tông giáo, của tín ngưỡng, thì phải rất khó khăn, sưu tầm khảo cứu, bươi vẹt ra từng gai chông gút mắc, mà còn phải tránh xa tông giáo, để khỏi phải vướng nạn xích xiềng bắt buộc. Thời kỳ tông giáo xa Phật, người ta ít lo tu trí đức, ai cũng muốn cho đạo đông, tín đồ nhiều, kinh sách nhiều, mở rộng lớp dưới, dắt dìu kẻ ác lên thiện, mà quên lãng sự xuất gia giải thoát, thế nên các sư cũng đem mình chung lộn với cư sĩ, và cư gia thì lôi kéo trở lại các sư, cư gia muốn cho ai cũng là cư sĩ hết, bỏ đạo Phật để lập ra đạo cư sĩ, thiên đường, cho thạnh hành sáng tỏ, mạnh mẽ thế lực. Cũng có số ít cư gia lại quá kiêu sa, chưa hiểu ra mục đích, cho rằng giáo

pháp cư gia là vững bền đúng đắn, cư gia khỏi xuất gia, như thế là cư gia ấy thất lạc, sa đọa mất tấn hóa, vì việc làm ấy tuy ích lợi cho kẻ tội lỗi thế gian, mà vướng phải trọng tội hủy Tăng báng đạo. Bởi không phải cả thảy Tăng sư đều là càn lếu. Cư gia dầu thông học đến đâu, mà còn ở trong trần tục, dễ gì tu hành đắc trí huệ thần thông được, mặc dầu các sư tuy ít học, mà cái học chín chắn bằng sự tham thiền, học đến đâu tu hành theo kịp đến đó, chẳng là có kết quả hơn cái học mênh mông. Vả lại, học tuy được mà chưa hành được, thì chắc gì ai dám tin trọn lời nói đó. Tài học không bằng tu đức, đức trên tài dưới, tài đức phải nương nhau mới đặng. Các Phật Thánh xưa xuất gia là để tu, từ nơi chỗ thật hành tu đức mà sanh trí huệ toàn học, nhờ học chậm rãi, khó khăn, kinh nghiệm, mà pháp bảo đối với các Ngài hưởng được mùi vị hay quí thơm ngon lắm. Ngày xưa ít học mà nên nhiều, ngày nay học nhiều mà nên ít, là cũng bởi trọng học tài quên tu đức, và tưởng lầm là cư gia đã trọn lành trong sạch.

Đạo Phật ngày nay không còn cao quý là bởi Tăng-già suy kém, vật chất thạnh hành. Đạo Phật rồi đây sẽ gia nhập bằng thẳng về theo thế sự vào các ngoại giáo khác, Đức Phật Thích-ca sẽ không còn hình bóng tiếng tăm nữa.

Xem ngó lại, nơi giữa chánh điện của ngôi chùa ngày nay, ngôi chùa nguy nga lộng lẫy mà chẳng có một pháp lý ích lợi dạy đời; vì tín đồ, vì tông giáo, vì số đông thấp dưới, các sư làm người thủ tự cho tín đồ, đâu có rảnh rang dạy đạo nói pháp; vì muốn cho đông người lui tới, nên phải bày ra sự thờ phượng, tượng cốt đủ đầy; Tiên Phật hội đồng, quỷ thần hộ trợ, đủ thứ; vì tín đồ bày ra sự tín ngưỡng, chớ ít kẻ lo tu học tìm đạo.

Thuở xưa Phật ngồi trên pháp tòa giữa nhà mát, dạy đạo tứ chúng, thật là đơn giản quá. Sau khi đó không còn Phật, các sư chỉ treo tượng Phật trên cao, phía dưới các sư thay Phật, đọc lại cho ai nấy nghe những lời của Phật hoặc có sư thuyết pháp đặng, thì tự nói ra thay Phật, khỏi cần đọc tụng, như vậy là cũng còn khá. Đến nay người ta lại cất ra nhà thờ, thờ đủ thứ, đóng cửa lạnh tanh, không còn ánh sáng, đạo lý chi cả. Kẻ tu học không ai bước tới, chỗ ấy chỉ dành riêng cho đám người cầu vái, họ tới nơi để cầu vái, chớ không phải là đạo tràng như xưa kia nữa, và kể từ nay chưa biết tới chừng nào, chúng ta mới sẽ gặp trong một nhà mát sơ sài, cây lá trống trải, không còn sự thờ phượng ấy, mà lại có một vị Bồ-tát Pháp sư dạy đạo như xưa; hay

nơi dưới cội cây, một vị Duyên Giác giảng giải lý đạo cho những bậc khá cao, đã vượt qua khỏi sự mê tín tà kiến.

Đời nay vật chất quá thạnh, con người ngộp lún quá sâu, khó mà lên đặng, nên sự tu thì ít, để một người kia đến khi chết thì cả thảy lo sợ giùm, xúm nhau lại cầu siêu. Đưa đi về tịnh thổ bằng kinh kệ, hoặc bằng cách làm chay cúng thí; mà ít ai hiểu ra lý nghĩa chữ siêu độ: siêu là vượt qua, độ là bến bờ bên kia, nghĩa là ly tục xuất gia hay bước lên bờ giác (miếng đất Phật ấy là nền Tăng bảo giới luật). Lại cũng lắm kẻ không ưa xuất gia, khi sống lúc chết đều ghét Khất sĩ, khinh Tăng mà bảo phải siêu độ làm tăng Khất sĩ được đâu; thử ngay những người sống nào, không muốn giải thoát bỏ trần, mà bảo kẻ kia nghe theo, đi xuất gia, làm sao cho được.

Đành rằng chữ siêu là vượt qua, ví như siêu địa ngục là ngạ quỷ, siêu ngạ quỷ là súc sanh, siêu súc sanh là a-tu-la, siêu a-tu-la là nhơn loại, siêu nhơn loại là chư Thiên, siêu chư thiên là Phật. Sự vượt qua cũng như là tấn hóa, hay giải thoát từ cấp, cũng giống như siêu tham lam là bố thí, siêu sân giận là nhẫn nhục, siêu si mê là tinh tấn, siêu ác là thiện… Vạn ức pháp, pháp nào mà lại không siêu, vượt qua khỏi pháp kia kém thấp, cũng như vượt qua khỏi vật chất đến tinh thần, siêu khỏi tham lam là bố thí, lên khỏi đời là đạo! Như Phật khi xưa nói pháp dạy người tấn hóa là siêu, khi được xuất gia vào đất Tăng bảo là độ. Người con đối với cha mẹ tội lỗi, phép phải lạy cầu xin cha mẹ tu hiền là cầu siêu cha mẹ; đánh con ngỗ nghịch răn dạy nó, cũng làm cho bảo phải siêu; khuyên lơn bạn hữu tu hành cũng là để cho siêu; anh đi ăn trộm, em đi phá đám cũng là phép cầu siêu; anh làm quấy mắc tội tù, em đi tố cáo thêm tội, để ở lâu ngày thêm trong ngục khám, đặng chừa bỏ hết tội lỗi, còn em thì ở ngoài lo nuôi dưỡng, như vậy cũng là cách cầu siêu. Bao nhiêu những cách cầu siêu: bằng phạt, thưởng, hay khuyên dạy, là để cho giác ngộ giải thoát, vậy nên phải giải thoát mới là siêu lạc độ. Còn sự tấn hóa từng pháp kêu là siêu tạm.

Cũng vì thế mà khi xưa, con khuyên cha mẹ đi tu không được nên phải rước Phật, Bồ-tát Pháp sư đến nhà, trước đãi cơm, và sau cầu xin dạy đạo cho cha mẹ, siêu độ giải thoát xuất gia. Đời sau ít có pháp sư, nên cư gia thỉnh các sư đọc lại lời nói của Phật; và nếu không có Tăng nữa, thì sẵn có kinh sách, cư gia số đông xúm nhau lại đọc tụng, và giảng giải nghĩa lý,

khuyên tu học hỏi với nhau, cũng là phép siêu độ. Thế mà đời nay, có kẻ hiểu lầm, lo lót Ngọc Hoàng, hối lộ Diêm Vương, bày ra lắm sự giả dối như vua, quan, giàu sang hiện tại; thật vậy, cư gia ít ai hiểu rằng chỉ có pháp thí là pháp cầu siêu độ.

Phật xưa kia thuyết pháp giảng đạo dạy tu là siêu độ cả chúng sanh, và muốn cho người siêu độ là tự mình phải siêu độ trước. Nghĩa là muốn cho ai nấy tu giải thoát đến bờ kia là tự mình phải xuất gia tu giải thoát trước đã, để cho họ coi đó noi theo, và mình dẫn đầu cho họ. Khi xưa đức Phật nếu chẳng xuất gia, thì đâu có bảo ai xuất gia đặng, vậy thì pháp cầu siêu là phải tự mình đi tu giải thoát trước, cho kẻ kia đi theo mới được. Như thế thì những ai có muốn siêu độ chúng sanh là phải xuất gia giải thoát làm Tăng Khất sĩ; vì chúng sanh mà ta đi tu hành đạo, cắt đứt tham ái của ta, thì tham ái của người mới mong diệt được.

Tóm lại, đạo Phật ngày nay đã không còn giống y như xưa nữa; ai cũng gọi là đệ tử Phật, niệm tên Phật mà không giữ giới luật. Tông giáo càng rộng, sự tín ngưỡng càng nhiều, thì giới lại càng mất, triết lý càng lu. Tăng đồ càng suy, thì vật chất càng thạnh. Tăng là giềng mối tâm hồn, là tinh thần sanh chúng, thế mà Tăng chia lìa, thất lạc, thì thần vật chất, sao chẳng hoành hành, chôn lấp chúng sanh. Trần thế trách sao không nguy hại?

Vậy muốn chấn hưng lại đạo Phật trong một lúc, thì hãy thu hẹp lại sự tín ngưỡng tông giáo, tín đồ, cũng như từ xưa, mở cửa thâu vào đã lâu, nay cũng nên đóng cửa tạm ngưng lại một lúc, để mà lựa chọn sắp phân lớp học; chớ không lẽ đạo Phật lại là hỗn tạp. Và nên phải bành trướng giới luật, khuyến khích cư sĩ xuất gia, chỉnh đốn Tăng già, thống nhứt thế giới quần Tăng đại hội; mới mong kéo nổi đời vật chất trở lại tinh thần đặng, Tăng chúng phải đủ giới luật để quy hợp cư gia, để gắn liền tông giáo, hầu vẹt bóng mê tín, đem cõi đời trở lại ban ngày y như Phật hồi xưa khi trước.

Mỗi cư sĩ đều có phận sự phải xuất gia, mỗi tăng sư đều có phận sự phải dung hòa giữ giới, người hành chưa đặng, thì phải biết kính trọng những người đang hành, phải hộ pháp nâng cao tán thán, chớ đừng gièm pha ố chọi, hãy nghĩ đến đạo đến Phật, đến chúng sanh, mà đừng kiêu sa ém tội. Phải khuyến khích người tu, phải giúp đỡ người ta hơn mình, phải hợp tác

với họ, phải sửa chữa điều kém thiếu, phải nâng cao giới luật, đó mới là phận sự của Tăng bảo, mới gọi là Tăng bảo không tạo tội. Phải tạo nấc thang cho người lên, phải chỉ bờ mé cho người đến, phải sắm tàu ghe để vớt người nguy, đó mới là phận sự chánh của Tăng-già đối với cõi đời tràng giang đại hải, của chúng sanh ngày nay đang lặn hụp. Thật vậy, chỉ có Tăng chúng mới lập đạo đặng, rồi thì các tông giáo sẽ tự nhiên thống nhứt.

Còn nếu đạo Phật bằng chẳng đặng chỉnh đốn y như vậy, thì âu là Tăng sư ai nấy hãy tách rã riêng ra, tu trì độc giác, khắc nghiêm giới hạnh, ở ẩn rừng sâu, cũng còn khá hơn là sự xuất gia cẩu thả, ở nơi thành thị, chi cho phải bị cư gia hủy mạ.

Có như thế, thì cái nạn chiến tranh tông giáo, từ nay mới đặng dứt hết.

CHƠN LÝ 25

THẦN MẬT

Phép thần thông có là do ba cái mật: thân mật, khẩu mật, ý mật.

Thân mật là không hay làm.

Khẩu mật là không hay nói.

Ý mật là không hay tưởng nhớ.

Ba cái mật là ba sự kín đáo bên trong, nói làm tưởng không cho phát lộ ra ngoài.

Làm, nói sanh ra tưởng loạn. Không làm, không nói thì tưởng định. Thân khẩu sanh ra ý, và khi không còn thân khẩu là không còn ý.

Cái ý của thân khẩu bên ngoài là ý loạn. Và cái ý của thân khẩu bên trong, hay là không còn thân khẩu thì ý định.

Ý định gọi là chơn như, hay là không có ý, nghĩa là không có ý vọng động. Cũng như vỏ ruột sanh ra cái ngòi mộng. Ngòi mộng sanh cây, cây còn vỏ ruột mộng mất. Cái ý trước là ngòi mộng, cái ý sau là cây. Cây là phép thần thông, phép thần thông là do ý mật. Ma quỷ không có nói làm, ý mật mới linh thiêng. Vậy nên phép thần thông có là do ý mật, mà ý mật phải do nơi thân mật, khẩu mật.

Thân khẩu ý ẩn mật kín đáo, cũng như cái hột còn tốt nguyên vẹn chẳng hư hao. Một cái hột kín đáo, tròn trịa, không nứt bể, ruột chẳng hở lòi, ngòi

mộng không sứt gãy, thì chắc chắn sẽ sanh cây, vỏ ruột ấy chắc chắn sẽ nuôi được ngòi mộng, và hương vị thật hoàn toàn, tánh chất nguyên vẹn.

Một cái hột sống là vỏ ruột mộng không hở bể. Một cái tâm chơn là thân mật, khẩu mật, ý mật. Bởi thân mật, khẩu mật mới sanh ý mật. Ý mật là thần thông, vậy nên gọi phép thần thông có là do ba cái mật. Trong ba cái mật này thì thân khẩu kể như không có, ví dầu đang có cũng như không, cho nên kẻ chết người sống cũng in nhau. Kẻ sống tập thân mật, khẩu mật, nhưng người chết không có thân khẩu, thế nên kẻ sống người chết đều có đủ ba cái mật. Trong ba cái mật ấy, thân khẩu nuôi ý, và phép thần thông có là do ý mật.

Tâm hồn của người ta có ba phần: linh, giác và thần. Thần là sự sống, giác là cái biết, linh là linh nghiệm. Người sống đời có sống, có biết, mà không linh nghiệm, thì cũng như kẻ thiếu bộ máy ngũ tạng giữa thân mình, kẻ ấy không sao sống được, biết được. Người ở đời phải bị muôn ngàn sự hiếp đáp, người không được toại ý. Người biết vật chất là ác trược giả dối khổ sở, mà người phải ôm đeo theo mãi mãi muôn đời ngàn kiếp, là tại thiếu sự linh nghiệm thần thông. Sự linh nghiệm thần thông thiếu là bởi vọng động bên ngoài, mảng lo làm, nói nhớ tưởng, mất cái tự nhiên yên lặng. Tự nhiên yên lặng là linh có sẵn, chớ chẳng đợi tìm đâu. Ai ai cũng có linh thiêng hết, sống chết đều linh, không linh là tại người kia vọng động. Nơi chỗ tự nhiên yên lặng, hòn đá sẽ linh, cái cây sẽ linh. Cục đất còn linh, huống chi người ta sao lại chẳng linh? Đúng chơn lý sự thật của mỗi chúng sinh là tự nhiên yên lặng, chơn nguyên linh ứng, tất cả chúng sanh đều đang ở trong cái yên lặng phủ trùm, giờ phút nào không vọng động là tự nhiên yên lặng.

Tại vì họ lạc lầm say mê giả dối cảnh vật bên ngoài, bỏ mất thần thông, bám níu theo trần, để phải không ta, không của ta, vô thường khổ não, thật là đáng tiếc. Nhưng trong khi ấy, nếu lúc nào họ chịu bỏ trần, ở vào trong cái tự nhiên yên lặng, tức là linh thiêng trở lại. Cũng như mặt kiếng, bên ngoài không dính bụi tức thì sáng rỡ. Người ta mắc phải tai nạn chết thảm là cũng tại nơi sự lo tưởng nói làm.

Một cái hột nứt vỏ, ruột hôi, thúi mộng thì không còn dùng được. Một bông hoa quý giá là bởi nơi sự búp kín. Một cái tâm hồn tốt đẹp là bởi nơi ba

cái mật, không ai xem thấy kiếm tìm nó được. Một viên ngọc vô giá là bởi món ít có và khó gặp.

Vậy nên những kẻ tu tâm là giữ gìn ba cái mật cho thật hoàn toàn ẩn bên trong kín đáo. Tức là kẻ ấy biết sống bằng linh hồn, kẻ ấy sống trong hai cảnh giới, có thân khẩu và không thân khẩu, người thông suốt trong cõi hữu vi và vô vi, người không còn tai nạn sợ sệt chi nữa hết.

Một sức mạnh ngoài sự ước lượng, một sức mạnh toàn năng, một sức mạnh tài hay giỏi lạ, một thần lực không ai sánh kịp, tức là ba cái mật. Một sức mạnh, một tinh thần là ba cái mật, cái ấy dời non lấp biển, động địa kinh thiên, việc chi dầu nhỏ nhít tới đâu, dầu lớn lao thế mấy, nó cũng làm xong tức khắc, không chút nhọc mệt. Người được toàn giác, người được sống đời, người làm chủ thì giờ sống chết, người muốn sao cũng được, người biến hóa sao cũng được, người sai khiến tất cả, người bay cùng khắp nơi. Cả thảy đều do ba cái mật, là một sức mạnh.

Trần thế không có gì ngăn bít được người, người ở đi trong cái gì cũng được. Người biết được quá khứ vị lai không phải đợi ai cần dạy, người nhớ ra hết thảy từ muôn kiếp, người biết rõ ý niệm trong tâm người, người thấy khắp cùng, người nghe khắp cùng, người biết mạng số tất cả, người được an hòa bình tĩnh nghị lực. Một sức mạnh, một cứng rắn, ấy là ba cái mật của tự nhiên yên lặng, mà người ta thường gọi đó là phép thần thông. Mặt nước đặc là bởi không xao động. Một linh hồn cứng chắc là bởi không phiền não. Một cục sắt đỏ dưới nhát búa của người thợ rèn lửa văng tứ phía, cục sắt ấy bể lần. Sự phóng tâm loạn vọng làm tổn hại tâm người, cũng y như thế, nó làm cho tâm phải mềm yếu bể nát, là lần hồi tiêu hoại. Cái ý bị tan nát không còn nguyên khối là không còn sức mạnh, cũng y như thế, là bởi xúc chạm đối chọi với vật sắc bên ngoài mà nó phải hao mòn.

Một người chuyên môn quán tưởng một việc, lâu ngày cái ý định trụ, thành ra một sức mạnh linh thiêng. Một người thôi miên học nhờ chăm chú một việc, ngưng bỏ nói làm, cái tư tưởng gom hiệp thành một sức lực. Người tu tập thần nhãn nhìn ngó ngay ngọn đèn, ngôi sao, mặt trăng, mặt trời, tập lần lần cho ý định trụ. Nó sẽ là một thần lực, người ta có thể dùng mắt khiến sai thần quỷ, bảo đứng bảo đi, bảo bay bảo chạy bằng thần nhãn ấy. Vì mắt

là thần, chủ của tâm, tâm thường ở nơi mắt, vì vậy mà mắt ma là loạn, mắt Phật là định.

Một người lực sĩ muốn nhấc bổng khối đá to lớn phải gom đủ sức của ba cái mật: miệng phải ngậm kín lại nói thầm bên trong rằng phải nhẹ lên, thân phải rùng mình lấy sức lực, ý phải tưởng tượng xem coi khối đá ấy nhẹ lên như thúng trấu. Gồm đủ ba cái sức lực ấy, cục đá quả nhiên nhẹ lên như thúng trấu. Một người võ sĩ mới tập võ nghệ, miệng họ thét đâu thì tay chưn phải theo liền với miệng, và cái ý của họ phải gắng y theo chỗ đó. Cũng như người đi xe máy, cái ý tại đâu là tay chưn đến đó, miệng họ cũng nói theo cái ý. Một người tài xế xe hơi, bánh xe đi theo thân miệng ý. Kẻ nhỏ thì thân miệng ý ló lộ ra ngoài. Người lớn thì thân miệng ý ẩn kín bên trong. Dầu làm việc chi cũng vậy, thân khẩu ý rạc rời là không kết quả. Miệng nói bên này thì tay không thể làm việc bên kia, ý lo việc khác thì miệng không nói được việc đàng này...

Một người thân khẩu ý chưa trọn ác thì chưa được gọi là trọn ác. Cũng như nói thiện, làm thiện mà ý tưởng không thiện thì chưa được gọi là hột giống thiện. Thiếu một phần thì không thành tựu hột giống. Thân khẩu ý là tâm, là hột giống. Vậy nên tu tâm là thân khẩu ý phải giữ gìn trau sửa cho được tự nhiên vắng lặng, ẩn mật kín đáo trở lại, bởi chúng sanh là đã tập quen tánh xao động bên ngoài từ lâu, tự mình tạo sanh khổ nạn.

Muốn tập giữ ba cái mật không phải dễ, người ta cần phải mượn đức tin, mượn phép hộ niệm để cho được sự tinh tấn bất thối. Cũng như là mượn sự chứng kiến, sự giúp đỡ của một kẻ khác, sự gìn giữ bởi một kẻ khác. Trước khi thật hành đến ba cái mật, người ta niệm tưởng đến một danh hiệu Phật mà họ ưa thích hơn hết, hoặc tự họ đặt ra một cái tên Tiên Phật gì đó. Họ tin tưởng như là có thiệt, ở trước mặt, ở trên đầu, ở sau lưng, hay là ở vào trong thân miệng ý, nhờ như thế mà họ tinh tấn và kết quả linh thiêng.

Cũng vì thế mà người ta hiểu lầm là có tin mới có linh, chớ họ không biết cái linh ấy là do tư tưởng của thân khẩu ý mật. Mà cũng phải như vậy, có tin mới có mật, không tin không có mật, vì không có đức tin thì không thành tựu việc chi hết. Cũng như người làm ruộng, mua bán, thiếu đức tin thì không

thật hành được. Có đức tin, có hy vọng, có chắc chắn kết quả, thì ta mới có siêng năng gắng chí.

Vậy ta nên phải mượn lấy đức tin, dầu không có Tiên Phật đi nữa, ta cũng phải tin là có, như vậy dễ bề cho ta hành đạo.

Cũng như các nhà sư thường hay đặt ra tên Phật, Thánh, Thần, Tiên. Các Ngài vẽ vòng pháp chung quanh chỗ ngồi rồi đặt tên vị này vị kia trấn giữ, tin tưởng như có thật, để trấn tịnh chơn tâm, để cho tâm mạnh mẽ cứng, không sợ sệt. Cũng vì thế mà các sư hay chế ra chơn ngôn pháp ấn, đặt tên Phật Thánh này kia, rồi chăm chú quán tưởng trụ tâm, thân khẩu ý không cho loạn vọng là phát sanh thần mật. Người ta luyện tập các câu chú, quán nhìn chữ, niệm mãi danh hiệu Phật bằng đức tin, để tạo thành ba cái mật, phát thần thông cũng được. Như thế cũng là pháp làm cho lục căn thanh tịnh, hay là ba nghiệp trong sạch, thì thần thông xuất hiện.

Vì trong định thì có quả linh và đạo lý, trong yên lặng thì có trí huệ và thần thông. Mà muốn định yên lặng thì phải nhớ niệm, có giữ một niệm, ghi nhớ một việc một chỗ, thì thân khẩu ý mới định, phát sanh thần mật. Có tầm tõi quán xét một câu một nghĩa lý, thấu đáo được nghĩa lý thì tâm mới được sự mừng vui trong sạch và yên lặng. Trong cái chơn như là ý yên lặng. Chăm chú một sự gì là thân khẩu ý yên lặng. Biết bao muôn ngàn triệu ức pháp, pháp nào cũng có thể làm cho phát sanh thần mật được, pháp nào cũng có thể làm cho lục căn thanh tịnh, pháp nào cũng có thể làm cho tam nghiệp yên lặng được. Nhưng mà khó nhứt là sự bền công, vì vậy nên phải mượn tạm đức tin hay là bổn nguyện...

Muốn định thì phải giữ giới thiện lành trong sạch đã, thì mới mong phát đại trí huệ thành Phật. Trí huệ là sự quán xét diệt trừ phiền não, để bảo giữ cái định là thần mật.

Ma quỷ kia cũng định, cũng đắc thần mật linh thiêng, nhưng khác hơn Phật là ma quỷ không có trí huệ, và không có giữ giới thiện lành trong sạch. Nếu không có giới huệ, thì định chẳng bền lâu, phép linh có ngày mất. Kẻ tà ác mà có phép linh thật là nguy hiểm cho tánh mạng nó. Nó sẽ tự cao, nó sẽ ham danh lợi. Người ta càng tôn nó thì tội ác của nó càng sanh, sự tà quấy của nó càng trội, tham sân si phiền não càng dấy, phép thần thông của

nó sẽ mất, lại bị sa vào địa ngục, vì tật chướng lậm mang, không thế gì ra khỏi đặng.

Vậy nên người tu phải biết rằng quả linh vốn sẵn có tự nhiên nơi yên lặng, chớ không phải tìm kiếm mong cầu theo niệm quấy! Mà người tu là nên phải biết quý tâm thần mật để diệt trừ phiền não, tội lỗi sái quấy thôi. Hay hơn nữa là tu để cho tâm hồn tốt đẹp quý báu, giúp ích cho đời, đặng đền ơn cho chúng sanh và Tam bảo, như thế mới được dứt trừ được nghiệp tội. Vì gốc của chúng sanh là tội khổ, cần phải tránh sự tự cao, đọa lạc. Như thế thì phép linh là phụ thuộc, chỉ có trí huệ, tâm chơn mới thật là của cải.

Nhưng có phép linh cũng đỡ cho ta được nhiều việc nơi thân xác, cũng đôi khi giúp ích cho chúng sanh trong cơn tai nạn. Có như thế, họ mới dạn dĩ ham tu. Vì phần nhiều có kẻ thấy phép thiện hiện, cùng phép ý sanh thân, và các phép thần thông biến hóa của Phật, họ cho Phật là linh thiêng, chớ họ chưa hiểu biết Phật là Niết-bàn chơn như trí huệ.

Một người đi núi là bởi tin tưởng Thần Tiên. Họ đi mỗi bước, hằng tưởng có Thần Tiên nơi trên đầu trước mặt. Đi bộ lên nửa chừng dốc núi, dầu mệt tới đâu mà miệng nói thầm khỏe khỏe, chân cố gượng đi như khỏe thật, ý tưởng đã khỏe rồi như ngày thường, thêm nhờ mượn đức tin nơi Thần Tiên, thế là họ khỏe thật. Họ có thể đi cả ba hòn núi nữa cũng chưa biết mệt, thật là thần diệu. Chính đức tin và ba cái mật thành tựu sự linh ứng, chớ không có vị Thần Tiên nào nơi đó cả.

Một người đi đường xa đói bụng quá, họ nhớ lại ưa ăn bánh ngọt, họ tưởng tượng ăn năm cái bánh đã vào bao tử, và tay chân họ cử động như lúc ăn no, thế là họ sẽ thấy ngọt miệng no bụng, tinh thần hăng hái trở lại. Và nếu họ giữ mãi đề mục ấy nơi thân khẩu ý, thêm mượn đức tin nguyện vái nơi một vị Phật Tiên hoài, thì dầu cho họ có nhịn thêm một ngày, một bữa, hoặc bao lâu nữa cũng được, nếu tâm không xao lãng.

Một người kia dầu mắc phải bệnh đại tiểu, bịnh chi trong thân thể, nóng lạnh, ngăn hơi, tim mệt, nhức đầu... người ta cũng dùng đức tin và ba cái mật đối trị nó. Thật là phương thuốc cấp tốc tạm thời hay lắm, cái kết quả thật là kỳ diệu. Giả như một người muốn dỗ giấc ngủ, người liền vái nguyện một vị Phật Tiên, cho có đức tin, rồi người nói thầm liên tiếp: ngủ, ngủ; ý tưởng

tượng theo hơi thở điều hòa như lúc ngủ, và thân mình xem như yếu xụi, không còn biết nữa, thế là họ sẽ ngủ rất dễ dàng. Bằng chẳng vậy họ đếm một hai, hoặc đếm hơi thở, tưởng tượng mình đã ngủ, thân mình không biết đến sự cử động, thế cũng là ngủ được.

Một người bị khí uất chận lại ngăn chớn thủy, người niệm tưởng danh hiệu một vị Phật để mượn đức tin gia hộ, người nói trong trí liên tiếp rằng thông xuống, trong ý tưởng tượng rằng hơi đã trút xuống rồi và khi ấy người thở hơi dài, hít hơi vô khỏi rún, phình bụng dưới ra, và thở ra tóp bụng dưới lại, tay chưn cử động như thường, như thế trong vài phút thì khí uất tan mất, rất linh nghiệm.

Cũng như một người kia tin tưởng nơi một vị Phật lâu ngày cho thân khẩu ý hiệp một, khi có việc chi là họ chỉ định thần gom ba cái mật lại: muốn có là có, muốn không là không, muốn còn là còn, muốn hết là hết, là do sự nhứt định ấn quyết, tin chắc không sai chạy.

Một người đứt tay, sợ sệt nhút nhát, nói đau đau, càng rên la càng đau thêm. Một người tướng bị chặt đứt tay, đứt chưn, đứt thân mình, bị chặt đứt rớt mất đầu, mà còn ngồi yên trên lưng ngựa, còn hăng hái múa gươm. Những sự ấy chỉ cho ta thấy rõ tinh thần mạnh mẽ của ba cái mật.

Người ta sống đời mà càng sợ, càng thối nhát, là càng loạn lạc thất bại. Kẻ có tinh thần thì lúc nào cũng thản nhiên bình tĩnh như không, kẻ ấy sẽ sáng suốt thông minh lắm, họ sẽ thành công trong mọi việc.

Một người sợ ma quỷ là ma quỷ có, ma quỷ nhập, cũng như trong ngũ tạng thiếu chất nào là nó sẽ thèm. Người sợ ôn dịch bắt là bởi trong mình đang yếu đuối nên họ mới sợ và thời khí mới chụp được. Một người không đau vì tánh biếng lười, vì muốn cho người xem mình quan trọng, giả bộ yếu đau, miệng mãi nói đau, tay chưn đơ xụi, ý tưởng mình đau, tin tưởng như quỷ thần bắt phạt, kẻ ấy sẽ đau thiệt, thầy thuốc không thế gì trị được, nếu kẻ ấy còn giữ cái niệm tưởng đó mãi.

Một người tư tưởng tình ái, một người thất vọng, kẻ ấy muốn chết, muốn đau, kẻ ấy không muốn cử động chi nữa, mất tinh thần. Kẻ ấy đau bằng tư tưởng không có thuốc gì chữa được, bởi ba cái mật đã đau, không còn năng lực.

Một người con chí hiếu ốm nặng, cha già lụm cụm tới thăm, con thương cha nói mình đã mạnh, ý tưởng xem như lúc mạnh tay chưn ráng cử động, lại thêm tin tưởng cầu vái Phật Trời, thế là người nhỏm ngay dậy, đi đứng vui vẻ như thường, dầu nhịn ăn nhiều ngày cũng không biết mệt.

Một kẻ yếu tinh thần vì lúc nào cũng sợ, cũng thấy mình bịnh, người ta thình lình xô nó té xuống sông, làm cho giựt mình hoảng hốt, sợ chết, hăng hái, can đảm lội vô bờ, thế là hết bịnh và trở nên can đảm. Một người vì tánh ghét, tánh giận, tánh lo, tánh buồn, tánh sợ, kẻ ấy ngũ tạng đều teo xếp lại, sanh bịnh, sẽ xấu xa, mau già khô héo, vì bởi thiếu tinh thần và thân khẩu ý không dung hợp, khó uống thuốc.

Một người chết tay chưn đã lạnh, thế là trái tim hết đập nhảy mà còn ấm, mắt còn mở, là họ còn nuối chờ một người con cháu, trong khi ấy họ lấy tinh thần chống cự lại, họ khấn vái Phật Trời, miệng nói thầm: Khoan… chậm! Khoan… chậm! Thân mình cố gượng và ý tưởng thấy mình đang sống, phải sống. Kẻ ấy không bao giờ chết được, dầu nằm đó cả trăm ngày, trừ phi lúc nào con cháu, người mong đợi đã đến, an ủi họ, đã yên lòng, bằng lòng chịu chết. Họ cầu vái trời Phật cho họ chết, miệng nói chết chết, tay chưn xuôi lạnh, và ý tưởng xem như mình đã chết, thế là họ sẽ chết. Cũng vì tinh thần quyết định chống cự mạnh mẽ uất khí không tan đó, mà có kẻ lại thành ma quái, một khi xác thân họ đã không còn. Một vị thần linh vì thù giặc nước, uất khí không tan cũng như vậy.

Trai gái son trinh tiết sạch, không tự mình có chi phiền não, khi chết đi oan ức, thần mật mạnh mẽ trở nên tinh quỷ cũng y như vậy.

Một người chết nhứt định ngày giờ, tự họ làm chủ ngày giờ, họ sẽ làm cho thầy thuốc thua cuộc; bịnh họ quan thầy nói ba ngày sẽ chết, nhằm ngày mùng ba, nhưng người bịnh lại muốn chết ngày rằm, họ cầu nguyện lấy đức tin, ý tưởng sống đến ngày rằm, miệng nói thầm chưa chết, và thân mình cố gượng lại, tưởng xem như mạnh không đau, ráng kềm ăn uống, thế là ngày mùng ba không chết, mặc dầu hai lá phổi đã bể nát, hay lá gan đã thúi mục chẳng hạn. Khi đúng ngày rằm họ muốn chết 12 giờ trưa, gần tới giờ họ sửa soạn ngồi ngay phương hướng, bấy giờ họ nói chết chết, ý tưởng tượng đã chết, thân không cựa quậy, họ cầu xin Trời Phật cho chết, thế là chết thiệt.

Một người kia quan thầy xem bịnh, nói ba tháng phải chết. Người ấy muốn chết ngày 30 trong tháng này, nay đã 25, chỉ còn năm ngày nữa, họ liệu chừng sức họ, họ cầu vái với một vị Phật nào đó, cầu xin sự chết, miệng nói chết bên trong, thân mình xuôi liệt, không ăn uống và tưởng tượng cái chết lần đến ngày 30 ấy, thế là họ sẽ chết đúng ngày giờ nhứt định, thắng cuộc quan thầy chắc chắn. Có như thế chúng ta mới thấy rõ, trong lúc bình thường, cái sống chết mạnh đau là tại món ăn thức uống tự bên trong, chớ vật chất bên ngoài, bà con quyến thuộc vốn là phụ thuộc, không quan trọng cho lắm.

Một người có bịnh bao giờ cũng có những mộng điềm báo trước, rằng họ sẽ chết. Người bịnh tỉnh táo là sẽ biết được, họ biết chắc được chứng bịnh trong mình họ. Và như người ấy là tín đồ trong một đạo giáo, họ nhờ chăm chú niệm Phật, niệm trời, một vị Tiên Thánh nào, để làm cho đức tin đầy đủ, và ba cái mật gom trụ tức là tự họ quyết định được ngày giờ rất dễ.

Một kẻ có tu từ đời trước, đời nay không vào đạo giáo nào mà căn lành còn đủ sẵn, không ác, không tham, không loạn, kẻ ấy thời nghiêm nghị tỉnh táo, họ sẽ nhận thấy rõ những mộng điềm, dầu không đau, họ cũng biết mình sẽ chết, họ sẽ lựa chọn ngày giờ, dầu không có đức tin, chỉ có ba cái mật nơi thân khẩu ý không tư lự, họ cũng được toại nguyện khỏe khoắn.

Có người cư sĩ ngày thường vọng động, lúc đau được tịnh định, ba mật tròn đủ, đức tin thẳng ngay, họ đắc thần thông trong giờ bỏ xác, hay họ dùng phép thần thông mới đắc, mà hủy bỏ xác thân họ, hay họ xuất hiện thần thông trong lúc lâm chung, cho người xem thấy, để tập noi gương.

Một người xuất gia tu thiền định, mượn đức tin và gom ba cái mật, cũng như người sắp chết, không còn thiết gì ngoại sự, không còn biết gì thân khẩu ý phàm. Họ là một năng lực ý chí, là tư tưởng, là sức mạnh, là phép thần. Sự linh diệu ấy làm cho họ bay bổng trên không, hóa hiện hào quang, biến đủ thân hình, biết rõ tất cả, cũng như người không còn thân xác, họ là Phật Tiên hiện tại, bởi chứng đắc thần thông.

Phép thần thông do ba cái mật, của người nhập định. Phép thần thông, sẽ xuất hiện từ lần theo mỗi bực định, ấy là ấn chứng của sự tu, kết từng loạt quả. Mà những kẻ có tâm hồn đầy đủ, ai cũng thấy là rất cần không thể thiếu sót được.

Phép thần thông có là do tự nhiên yên lặng chơn thật, chớ chẳng phải mong cầu hoặc ai cho được.

Phép thần thông có là do sự xa lìa giả cảnh bên ngoài, do sự không phiền não vô tư lự.

Phép thần thông sẵn có nơi mỗi người. Nó có mãi là khi nào tâm người ta định mãi, nó mất đi là khi nào tâm người rối loạn. Tâm loạn là bởi không giới luật, cũng như nước bị gió, đục bùn, thì chẳng yên lặng chảy thông. Gió hết bùn lặng thì nước định trong như cũ. Như thế là chúng ta rất tiếc cho những người kia. Họ nào có chịu biết cái linh của họ, và chung quanh họ ai cũng vọng động cả thì làm sao mà thấy có cho họ. Họ đành quên lửng món của cải quý báu vĩnh viễn hạnh phúc ấy, mà chỉ ôm đeo theo các cái bọt nước rong rêu, tan hiệp, không có gì hết, mãi chịu khổ nhọc không công sợ sệt.

Một vị tu sĩ đắc thần thông mà trong tâm xao động, còn phải mất thần thông, thì còn có ma quỷ nào lại dám tự cao, và người phàm cõi tục, lý đâu ngộ đạt.

Một vị đạo sư ở trên núi tuyết, cởi áo ngồi trần, hơi nóng trong mình bốc ra làm khô 108 cái bao bố nhúng đầy giá ướt trong một đêm. Một đạo sĩ dùng tư tưởng làm ra cục lửa dẫn số chạy khắp cả thân mình nóng hực. Một người kia quán tưởng cục lửa từ bằng cọng nhang đến bằng cả thân mình, bằng cái nhà, và chạy cả thế giới. Cái ý tưởng mạnh mẽ như thế là do thân mật, khẩu mật và ý mật.

Các nhà sư ở cách núi xa, nói chuyện được với nhau bằng tư tưởng, cũng do ba cái mật của hai người giống nhau. Bậc A-la-hán mỗi bước chân đi từ ngọn núi này qua ngọn núi khác cũng bằng ý định. Một vị thiền sư khi nhập định ngồi lại là biết tất cả, còn lúc thường xao động là không hiểu việc chi. Một người tham thiền đã qua khỏi tầm sát, không còn sự học hỏi của tự nơi mình nữa, thì trong cái yên lặng tự nhiên, ứng sanh cảnh vật xúc tiếp điển lành của những vị khác, và cái học hỏi tự nhiên có sự dạy đến, trong cái yên lặng nó ứng ra, ai nói cũng nhận nghe, vật chi cũng nhìn thấy, biết rõ được tâm người, nhìn xa được túc mạng. Một vị pháp sư đang an tọa nói pháp, gặp đoạn khó khăn thì liền nhập định, sẽ như có người chỉ dạy. Trong cái yên lặng hiện ra tất cả, nhớ tất cả việc từ thuở nhỏ, soi rõ kiếp quá khứ vị lai

cùng tột. Trong cái định chơn như xuất lộ đủ sự linh ứng tiên tri. Cả thảy cái gì hay giỏi đều tự nơi ba cái mật của mình có cả, không cần phải ai chỉ dạy. Nó ở trong cái định tự nhiên yên lặng. Sự quý báu của nó là ý an hòa, diệt tận phóng tâm xao xuyến, làm chủ lấy mình. Nó là một vị thần mạnh mẽ, một nghị lực, một thắng lực, một thần lực, hay một toàn lực.

Này, nếu tâm ta yên lặng thì ta hãy nhận xem: hôm nay mí mắt trái ta giựt, thịt tay ta run, trái tim ta hồi hộp, ta hãy biên ghi giờ khắc của cử chỉ nhỏ nhặt ấy vào một tập nhựt ký, rồi hãy chờ xem kết quả của sự báo tin. Thế là ta được ghi vào đó một cái kết quả báo tin. Và rồi mai sau có một việc báo tin tương tợ hay trái ngược, là ta sẽ bàn ra biết được việc rồi. Cũng như hôm nay con thằn lằn đeo té bên tay trái, là ta sẽ nói đó là việc không may do phụ nữ, và độ lượng giờ khắc mà nói tuổi tên người theo hình con vật, rồi chờ xem kết quả mà ghi vào sách. Như vậy ngày mai kia có con thằn lằn trắng té bên tay mặt ta, là ta sẽ ngụ ý mà hiểu được việc. Nhiều năm tỉ mỉ kinh nghiệm lần lần là ta sẽ trở nên một vị bốc sư tiên tri đại tài, có nhiều sách điển để lại đời sau. Một ngọn gió lạ, một sự rùng mình, một con bướm bay, một tiếng chim kêu, một cành cây rớt, một cái lá rụng, một hàng chữ gặp thình lình v.v... không có vật gì là không có ý nghĩa đối với vị tiên tri, yên lặng tự trong ba cái mật. Nhờ vậy mà họ hiểu hết, biết hết những việc sắp đến một cách tỉ mỉ công phu. Nhờ sự kinh nghiệm như một nhà mỹ thuật khéo léo nên họ mới được chỗ hơn người thô vụng. Nhà tiên tri ấy được thành công trong yên lặng, mà chúng ta không ai ngờ, vì chúng ta mãi lãng xao, bỏ qua, quên mất, không hay chú ý đến việc gì cả, lại thêm sự giải đãi chẳng bền công; mãi móng trông bên ngoài xao động thì việc gì đối với ta chẳng phải là như mờ quáng?

Hai người học trò kia học một thầy, vào một lượt. Thế mà một hôm thầy sai hai trò đem thơ đi, lúc trở về, người học trò khó đi sau nói rằng: Trước mặt ta đi có một con voi cái già, đi trước một giờ đồng hồ. Một lát lại nói, con voi cái già ấy lại đui một con mắt trái. Một lát lại nói, con voi còn đi cách xa một khúc lộ quanh. Một lát lại nói trên lưng voi có một người đàn bà có thai sáu tháng và một đứa con gái nhỏ sáu tuổi.

Điều ấy làm cho người học trò sang đi trước không tin cãi lại, nhưng đến khi kịp gặp con voi mới biết là đứa học trò khó kia có tiên tri thần nhãn.

Khi về đến trường trò sang nọ mới mách lại ông thầy, và phân bì sự dạy học chẳng công bình.

Bấy giờ ông thầy bảo rằng không có biết, không có dạy phép tiên tri thần nhãn gì cả. Thầy giáo hỏi lại trò khó, nó mới thưa rằng: Bởi nhờ thầy dạy bảo sự chăm chỉ định tâm, thân khẩu ý yên lặng, không vọng động bên ngoài, và sự gắng công tìm xét, mà biết được việc ấy! Trò ấy biết con voi cái già, là bởi thấy dấu chơn to lớn móng lại ghim sâu, chơn mặt phía sau lún nhiều trên cát ướt; con voi ấy đi trước một giờ là bởi phẩn tiểu mới vừa nguội lạnh; con voi mù một mắt trái là bởi cỏ bên lề tay mặt thì có dấu mới đứt ngang từng vạt, còn cỏ bên lề trái vẫn còn nguyên vẹn. Con voi còn đi cách xa một khúc lộ quanh, là bởi dấu chơn nơi lõm cát ướt, nước còn đang rỉ đọng. Trên lưng voi có một người đàn bà có thai sáu tháng và một em bé gái sáu tuổi, là bởi xem dấu chơn chỗ con voi đứng ngừng lại, hai người bước xuống, dấu chơn em gái 6 tuổi thì nhỏ và dài; dấu chơn kia là của đàn bà, mà bên chơn mặt lại nặng hơn, lún sâu nơi chỗ đất khô; ấy cũng nhờ ba cái mật, chẳng bận rộn việc ngoài, nên nhận ra thấy hiểu.

Cũng như các nhà trinh thám lạnh lùng với tất cả ai ai, việc xã giao, sự danh lợi, sự phiền rộn. Người tuy ít nói ít làm, ít lo nhớ, mà người được những thành công bí mật không ai tìm ra được.

Một nhà sưu tầm khảo cứu, một kỹ sư… vì nghề nghiệp, vì đạo thuật không bị những phức tạp gàn trở bên ngoài. Người ở ẩn kín bên trong, không ai thấy được tâm người, người bí mật, người phi thường, người kỳ lạ, người siêu nhân, người Trời Phật, ai ai cũng như vậy cả. Họ chỉ ở trong cõi yên lặng tự nhiên, không ai lường biên chép đếm được.

Sự học của mỗi người, dầu môn học nào cũng vậy, không ai dạy ai được cả. Họ chỉ nương nhau trong bước đầu, rồi sau lại là tự ai nấy đi, đi trên cõi mênh mông, bao quát, không còn ai tìm thấy.

Người học đạo cũng vậy, họ nương văn tự, hình thức một lúc đầu, rồi là họ đi sâu vào trong huyền bí thâm u khó gặp. Từ hữu vi bước đến vô vi, cũng như thân người, thân thú, thân cây cỏ, thân bỏ đi mà linh hồn đi tới mãi; cái không cái thật sẽ nối tiếp thay cho cái có cái giả bên ngoài, linh hồn sẽ còn, xác thịt sẽ mất. Người mà không có thần mật, kẻ ấy như có xác thịt không có

linh hồn. Một người sợ ban đêm, sợ bóng tối, sợ quỷ ma, là bởi kẻ ấy thiếu tinh thần, không có ba cái mật. Kẻ ấy sau khi chết rất khổ, gặp cảnh vắng vẻ sợ lắm, kẻ ấy sẽ ở mãi chỗ ồn ào thiên hạ đông người. Kẻ ấy luân hồi mãi, khổ mãi, chết mãi, tội lỗi mãi; kẻ ấy không tự chủ, đời của họ phải bị tai nạn y như cát bụi.

Ấy vậy, một người tu là phải giữ gìn ba cái mật, dầu chưa đắc quả Phật, chớ tinh thần mạnh mẽ, là một sức lực cứng cỏi, là một bản lĩnh phi thường; người càng nhập định càng phát thần thông, càng trang nghiêm thuần hậu là càng oai nghi chỉnh túc.

Người tự nhiên yên lặng tránh được tất cả tai hại. Người được bình đẳng bực trung, không thái quá bất cập, Niết-bàn của người là sự trơ trơ vững chắc im lìm.

Người đi sâu vào trong cái thật, không còn lạc nẻo lầm đường, lộn quanh trong cái có chằng chịt của thế gian. Vậy nên sự học của người là học giới, học định, học huệ. Sự tu của người là trau giới, trau định, trau huệ, tức là sự học tu theo lẽ thật đúng phép, mới tránh được sự nguy hiểm của tương đối, sự dối giả của lạc lầm.

Vì đời là cõi lạc lầm, người lầm lạc thì hoảng hốt rối loạn, để phải chịu sự khổ tâm tội lỗi. Thân tội báo đọa phạt, càng vay càng trả, vay mãi trả mãi cũng tại thân, nợ càng thêm, tội càng lấp, nghiệp càng to, khổ não đã quen, vô minh che lấp, nhắm mắt đi càn, còn biết đâu phương hướng con đường, tìm ra giải thoát! Khó mà tự giác!

Tóm lại, muốn đắc sanh thần mật thì phải cần giữ giới. Giới xuất gia khất sĩ của Tăng mới đúng giới thanh tịnh, thu thúc lục căn, tam nghiệp. Có giữ giới cụ túc 250 điều ấy mới ngăn dứt được nghiệp trần, tạo nên người giải thoát ở cảnh vắng êm, nhờ cảnh vắng mới tạo sanh tâm vắng, tâm vắng là miếng đất của Niết-bàn kỳ diệu.

Vậy nên người giữ giới thì phải xuất gia, ở vườn rừng cốc am, chỗ vắng để tu thiền định.

Năm giới cùng tám giới là giới mới tập của cư sĩ, vì còn ở trong trần thế ồn ào, tập tu bớt khổ giảm tội, chớ chưa có thể đắc trí huệ quả linh hiện tại.

Cư sĩ ráng lắm là sẽ đắc quả lúc lâm chung, giống như người mới xuất gia thì liền đắc quả. Vì sự đi xuất gia cũng như người chết. Một cái chết còn thân thì đắc quả còn thân. Một cái chết mất thân thì đắc quả mất thân. Hai cái chết ấy, sớm muộn gì ai cũng phải chết, một cái chết rất vui tự mình chết, hơn là sự chết khổ, bởi ép ngặt! Mà dầu sao đi nữa, cái chết có đắc quả, hơn là cái chết không đắc quả. Vậy ai ai khá ráng bỏ bớt lạc lầm mê tríu, để tập cái chết cho quen lần thanh tịnh.

Cũng vì thế mà xưa kia, người giác ngộ xuất gia là để tu, từ trong cái tu sanh ra cái học. Chớ không phải xuất gia là học, học mãi quên tu, hay chờ chết: khi chết để tâm còn vọng động ắt phải luân hồi trở lại. Bởi ham học quên tu, nên đời nay ít ai thành đạo đắc quả, mãi trơn trợt bên ngoài, ít ai được vào sâu trong trái hột. Ít ai chịu nhận xét rằng trí huệ sanh Pháp bảo, đúng hơn Pháp bảo sanh trí huệ, mà có giới định thì mới có huệ, và chưa có thần thông thì có đâu trí huệ. Như thế hãy khoan tưởng lầm là mình đắc đạo, chứng quả chi chi hết.

CHƠN LÝ 26

GIÁC NGỘ

Vấn: Có địa ngục chăng?

Đáp: Có! Địa ngục là sắc thân tứ đại, tứ đại là bốn vách, cái có là nền, sở chấp là nóc! Chúng sanh là tội nhơn ở trong cái khám tối đó.

Vấn: Có bao nhiêu thứ địa ngục?

Đáp: Địa ngục vô số đếm. Tâm địa nhốt trói cũng gọi là địa ngục. Cái khổ ép ngặt cũng là địa ngục. Một niệm chấp cũng là địa ngục. Cái ác cũng là địa ngục. Tham sân si cũng là địa ngục. Sự ích kỷ cũng là địa ngục. Địa ngục lớn, địa ngục nhỏ tùy theo việc làm, lời nói, ý niệm, giáo lý chẳng hay cùng. Các cái địa ngục của loài người ấy đều giống như địa ngục trong giữa ruột quả địa cầu: vách sắt, tối đen, lửa cháy, sình lầy chết ngột có đủ sự trừng phạt.

Vấn: Những sự trừng phạt của địa ngục như thế nào?

Đáp: Nơi địa ngục thì phải chịu đau khổ, và chết đi sống lại để chịu đau khổ mãi cho đến khi nào hết tội. Tội là thân miệng ý, mười địa ngục của tội thân khẩu ý là:

1. Sát sanh
2. Trộm cắp
3. Tà dâm
4. Nói dối

5. Khoe khoang
6. Đâm thọc
7. Rủa chửi
8. Tham lam
9. Sân giận
10. Si mê

Mười địa ngục ấy cũng kêu là thập điện.

Khi nào mười tội dứt là thập điện địa ngục tiêu dứt, tức là tam nghiệp thanh tịnh, thì Niết-bàn tại đó. Người ta không còn chết đi sống lại, đổi nghề, chọn đạo, luân hồi vay trả, để chịu đau khổ hình phạt, của sắc hình đồ vật nữa. Sự chết sống đây là chết bỏ nghề này sống qua nghề kia, tránh đau khổ để tìm đau khổ, vì đau khổ mà chết bỏ cảnh này, để trở lại cảnh khác, cũng chịu đau khổ nữa. Ấy bởi không biết đường giải thoát đi ra, mãi mãi ở trong cái có, cái sắc; cái hữu hình đồ phạt bằng vật chất, nên mới khổ đau không dứt, không gián đoạn. Ở trong cõi sắc ấy, kêu gọi là dưới núi thiết vi, là dưới lời nói việc làm, mỗi lời nói như sắt thiết, mỗi việc làm như dây vi trói, càng chất chứa nói làm nâng lên cao, như những mắc lòi tói sắt quấn đeo bao phủ cái ý ở trong ấy phải khổ đau, mắc kẹt không ra đặng, càng vùng vẫy càng bó chặt, càng cựa quậy càng đau khổ, càng tung loạn thì càng chết trơ, thật là khổn hại! Ở trong địa ngục của tứ đại ấy, không cái có nào chẳng phải là sự hành phạt mình cả. Các cái sắc có thật là ghê gớm, ví như rượu là nước đồng sôi, thân nữ sắc đẹp xinh là cây cột đồng bào lạc đốt người, sự đau thương là mũi đao mũi thương, lưỡi người là dao cưa mổ xẻ, tay chân người là kềm sắt vấu đồng, nguồn sông mê là tình ân ái, chó sắt là sự ganh đua, rắn sắt là sự độc ác, cá sấu là sự ghét ghen, lạnh lẽo là lòng ích kỷ, sình lầy là sự tham lam, lửa cháy là tánh sân giận, si mê là đêm tối, vọng động là sự hành hình, xe sắt cán, ngựa sắt lôi, voi sắt kéo, tướng sắt đập là sự phong lưu xa mã, tướng tốt, tài hay, sức mạnh (lại cũng như nơi sòng cờ bạc); đứt đầu như mất trí, cưa cẳng như ngồi trơ, xoi bói nghiến đay như móc ruột, diều ó như kẻ khôn lanh, chảo dầu là nồi danh lợi, xúi nung như lửa cháy đốt. Biết bao muôn

ngàn thảm trạng, không sao kể xiết được... Chúng sanh hằng ở mãi trong địa ngục tứ đại, chẳng có đường ra; tứ đại sanh ra, rồi lại ở luôn nơi đó chịu nạn, chết đi sống lại, đổi thay da áo, nghệ nghiệp lối đường, mà ra không khỏi, không giảm bớt sự đau khổ, là bởi nghiệp tội càng sanh, lấy nghiệp trừ nghiệp, lấy tội trừ tội, thì tội nghiệp càng thêm, đau khổ càng nhiều, chớ không ích lợi chi cả.

Trong địa ngục chỉ có sự đau khổ là đáng sợ hơn hết, chớ chết đi rồi mà gió nghiệp có còn thổi tới là còn sống lại, chưa tiêu diệt được. Chúng sanh trong ấy, ở hoài chưa ra đặng, là bởi hiểu lầm lạc nẻo, cứ nhắm chừng theo cái sắc có, mà nắm kéo siết vô mình, đi tới, làm cho chật đường mất lối, tự mình tạo ra cái chết, cái đau khổ lấy mình, quá đau khổ lại dữ hung nanh quái, tinh ác lạ lùng, như bị tà thần sát nhập, mê sảng điên cuồng, không ai lại gần cứu được. Kẻ ấy khó mà biết được cái không không, khoảng trống lớn rộng bên ngoài, là nơi giải thoát có đường đi, sạch êm mát sáng, nên không chịu vẹt xô phá bỏ cái vách sắt tường đồng, để đến được cảnh yên vui nhứt định. Nhưng tuy ngày nay như vậy, chớ lâu sau có kẻ cũng có ngày ra được, vì sự đau khổ đã đến mức, tức thì phản dội giác ngộ tỉnh ra, và chịu khó giảm dứt tiêu trừ nghiệp tội, lần lần diệt hết, mà được siêu thoát.

Vấn: Có những ai cai quản địa ngục chăng?

Đáp: Có! Cái lương tâm của ta là Diêm vương xử án. Vì nó mặt sắt, mặt âm, không tư vị ai hết. Cái tâm là vua, là chúa tể trong bóng tối của ta, mà bởi nó nóng nảy cang trực nên gọi Diêm vương.

Cái trí phân biệt ghi nhớ của ta là phán quan thơ lại ghi chép đủ điều tội lỗi, không giấu được, không quên sót một mảy. Cái ý muốn dục của ta là quỉ sứ tay sai, dạ xoa la sát, tục kêu là quỉ vô thường, vì sự tham muốn không bền, khi vầy khi khác, nó dắt cái tham, cái ta đi tới mãi, tới chỗ kết quả của quả báo hành phạt, thất bại sa vào trong cái khổ đau mờ mịt của khám tội; mã diện là sự chạy nhảy đua bơi tâng hót, ngưu đầu là đen đúa ác hung cang ngạnh. Cái thân của ta là nhà khám, miệng là cửa cái sắt, mở rộng, tay chơn là bốn cột nhà, xương sống như đòn dông, xương sườn như mè rui, da là vách lá, ngũ tạng như đồ vật, hai lỗ mũi như lỗ hơi trước, hai lỗ tai như lỗ hơi sau, hai con mắt như lỗ bên hông, nhà ấy có một cửa ra vào, vào rồi bên trong đen tối, không còn thấy

đường ra được, là bởi tại nơi cửa đóng kín mít bên trong, còn phía ngoài thì hả rộng to hoác, khiến nên cái ta phải bị đọa lạc.

Vấn: Sao gọi là huyết bồn?

Đáp: Huyết bồn là thai bào, chỗ huyết kinh ngưng đọng sanh thân, những ai còn luân hồi còn nhập thai là còn mãi bị ngâm trong bồn huyết.

Vấn: Sao gọi là cháo lú của Mạnh Bà?

Đáp: Mạnh Bà là cuốn rún mẹ, ngậm trong miệng đứa con, cháo lú là nước tinh ba của vật thực, trong thân mình mẹ, nhỏ vào miệng đứa con nhờ uống đó mà sống và lớn lên lần sanh sản ra được. Đứa con nhỏ ở trong ấy cũng còn gọi là ở trong địa ngục, vì da bụng mẹ như mặt đất bằng, đứa con như hột giống mộng ngòi còn đang ngâm trong ấy! Trước khi sanh ra là phải ở trong ấy, ngủ mê man thấm tháp đồ dơ nuôi mạng, lâu ngày ngu muội, quên hết việc tiền căn thuở trước. Cũng như con cọp vì ăn ngon ngủ mê, khi thức dậy liền quên hết việc đã qua. Vậy nên gọi đó là đài ứ vọng, là ải Mạnh Bà, đói ăn cháo lú.

Vấn: Sao gọi xuống suối vàng?

Đáp: Trên con đường nghệ nghiệp, giáo lý, đang đi tới thình lình cái chết chắn ngang đứt đoạn, cái thất bại, cái suy sụp, cái đứt gãy chặn lại, làm cho họ bị sa xuống hố mương, không đường lui tới, tới thì chẳng được, lui cũng không xong, như có hai tấm vách tường trước mặt, sau lưng khép chặt lại, tức tối, đau đớn, khổ sở, bấy giờ chỉ còn đường qua lại, hai bên, nhưng lại bị lún sình sâu, lúc lắc ứ nê chịu trận, nên gọi xuống suối huỳnh tuyền dị lộ, vô phương đào tẩu là như vậy đó.

Vấn: Có gương nghiệt cảnh chăng?

Đáp: Có! Gương nghiệt cảnh là phản giác kính, trừu tượng, hiện đủ tội lỗi rõ ràng, không chối cãi được. Người ta trong khi vui cười thì việc đã qua quên hết, nhưng nếu có một việc khổ đau, buồn rầu, tức giận, oán ghét, thất bại, sợ sệt, nhàm chán, thì cái ảo ảnh đã qua sẽ lập lại rõ ràng, hiện lại rõ rệt đủ hết, nhớ hết, thấy hết. Một em bé đời trước giết người, ngày nay thình lình bị một việc chi hoảng hốt, thất vọng, làm cho mê sảng, nó thấy hiện ra cảnh cũ, nó càng sợ quả báo, công lý vay trả nhơn quả, là càng thấy kẻ kia

đòi mạng, nó càng sợ sệt là càng thấy nó ở một cảnh giới khác của trừu tượng lộ ra rõ rệt, nó càng tưởng đến sự chết, sự đau khổ của người kia, là tư tưởng đó hiện ngay lại nó, nó thấy nó như bị chém, bị giết, bị đau khổ y như vậy và nó chết; người ta nói nó bị ma quỷ bắt, là bởi không hiểu, chớ không có ma quỷ nào hết, chỉ tại đến lúc nó dòm vào mặt kiếng, thấy việc làm của nó dội lại, càng tưởng, càng sợ, là càng thấy như thật. Vì cái ý con người có hai: Khi dư thì muốn thiếu, khi thua thì muốn hơn, xem người rồi lại ngó mình, tưởng nơi mình là bởi thấy nơi người, cái ý hay nhìn dòm hai bên chênh lệch, hay so sánh nhảy qua nhảy lại, thương đó rồi ghét đó, ghét đó rồi thương đó, nó thấy ra luôn luôn việc người là việc mình, việc mình là việc người, do đó mà tư tưởng của nó hành phạt lấy nó khi nó làm quấy; thưởng lấy nó khi nó làm phải; nó dắt cái ta đến chỗ kết quả y hệt như lúc thật hành không sai một ly tấc, nào có chối cãi gì với ai đâu! Như em bé đó mắc phải đứng trước cảnh phản giác ấy, thì bịnh chắc không thể nào trị được và nó sẽ chết, y như hồi nó giết kẻ kia thuở đời trước vậy, tiếng gọi là đến giờ đền tội.

Một người đâm heo, thọc huyết, lúc bình thường hăng hái làm việc, nào có suy nghĩ chi đâu, kẻ ác tính tới chớ đâu có tính lui, hay biết giựt mình đứng lại, đến khi nó bịnh, giựt mình sợ chết, sợ tội, sợ quả báo, hoặc nó gặp cảnh thất vọng đau khổ, hoảng hốt mê sảng, vì một việc gì thì nó nhớ lại hết việc đã qua, lúc đó trí phán quan thơ lại của nó làm việc, tâm Diêm vương quan Tòa của nó xử phạt, lính quỉ sứ là ý của nó kéo lôi, đi đền tội, nó thấy trước gương nghiệt cảnh phản giác, việc của nó đã làm; nó lại tưởng nó như con heo đang bị thọc huyết, nó đòi dao thớt như lúc buổi ngày xưa. Kẻ ấy nó đã chết với ngày giờ hiện tại, nó đã sống ngược trở lại một cảnh giới dĩ vãng, và nó thấy sự trở ngược của việc làm, thế là nó đền tội y theo công lý, nhơn quả, quả báo không sai chạy, mà khỏi cần mượn ai xử phạt. Việc làm trở ngược của nó trước mắt thiên hạ không giấu ai được cả, và cũng không ai cứu gỡ nó được.

Có hai hạng ông già, một ông lẫn tới chết, lẫn thật lẫn, là bởi việc làm tội lỗi thật nhiều, kéo dài mãi mãi, ông sống trong một cảnh giới của những tội lỗi đã qua, mà không biết gì là sự hiện tại, trong lúc ấy, cái kiến phản giác hiện rõ trước mắt trí của ông, dầu mắt nhắm mắt mở đều thấy ra rõ rệt, nên gọi là kính phản giác, cái tư tưởng dội ngược lại của việc nói làm đâu đâu hồi

trước, mà bây giờ không ai biết được. Có khi ông sẽ thú tội hết, có khi ông thấy như là kẻ kia trả đũa lại ông, ông không có chỗ trốn, thế là ông đã đến giờ đền tội! Mà lúc bình thường vui vẻ, nào ông có suy nghĩ đến, nhưng khi ông gặp cái vô thường dắt dẫn, thấy chết, thấy không, thất vọng, bực tức, sợ sệt, hoảng hốt điều chi, hoặc khổ não, hoặc đến với cái không ta, không của ta, tức là đến lúc mà ông đã hết thời, thất chí, suy sụp, là địa ngục nó sẽ hiện đến trong tư tưởng, để phải trả báo lại cho ông, không thiếu sót. Một ông già lẫn ít rồi sẽ hết là bởi hành vi đã qua, ít điều tội lỗi, và là tội lỗi nhỏ nhặt, cho nên sự đền trả khỏe khoắn hơn và mau hết được.

Cũng có ông già không có lẫn là bởi trọn nhiều đời không tội lỗi, trong tâm định vững được là nhờ có học đạo lý, có tu thiền định, nên không có chấp sa ngã theo hai phép tương đối; cái ý được định, được giác ngộ, không mê lầm, nên không có lẫn; không gặp gương nghiệt cảnh, không có sự phản giác ghê sợ, mà là sự phản giác của mừng vui, của phước báu, của việc từ thiện, của đức huệ hiện đến, thế là ông càng tỉnh táo, càng sáng vui, càng an lạc khoan khoái nhẹ nhàng; tức là ông đã đứng trước cảnh trời, đã gặp cảnh trời, đang ở trong cảnh trời, trong lúc đang sống và trước khi chết, hay sau khi chết. Trong cảnh ấy ông cũng ít biết ra việc thế đời tội lỗi, mà ông nhận thấy trong trừu tượng, những kẻ mà ông đã cứu độ, những kẻ ấy là con cháu, học trò, tay sai hầu hạ, trên cõi thiên đường. Đó là giờ hưởng phước đã đến cho ông, kết quả của việc làm ngày xưa, mà hôm nay ông được toại hưởng riêng mình, không lo sợ ai chia giành cướp giựt, và cũng không cần cất trữ.

Một nhà sư xuất gia giải thoát, làm Khất sĩ du Tăng, thường tu tập công lý, lìa xa tương đối, bỏ dứt nhơn quả, không còn quả báo, như ngọn đèn tắt nghỉ im lặng, nhiều năm nhiều đời đã quen, nhà sư ấy không còn có sự phản giác. Cũng không còn trừu tượng, không còn ý niệm, trong tâm bằng thẳng của yên lặng, tam nghiệp đã định, thì trước mắt trí huệ của người, dầu ở đâu, dầu lúc nào, dầu bao lâu, mãi mãi chỉ là một cảnh giới bằng thẳng, trong sạch, yên lặng, sáng rỡ, trong ấy thỉnh thoảng có chứa một lòng từ bi, thương xót, tế độ chúng sanh hiện ra, để thâu dạy người ngoài, thật là một cảnh giới đứng ngừng, cả thảy đứng ngừng, vạn vật như đã đứng ngừng, không có nắng mưa gió bụi chi cả, trong tâm thật là một cõi tuyệt đối, vững chắc mãi

mãi, tức là gương cảnh Tây phương Niết-bàn vậy. Nơi đó không còn thấy có cái sống của tứ đại sắc thân, không còn có trí não, mà là chỉ còn có cái tâm chơn như thôi. Đó là kết quả của công phu tu tập, là chỗ đến của con đường thứ hai bên trần thế, bên trần thế là con đường ác khổ, và chết thất bại. Còn bên cảnh Tây phương, Cực Lạc, Niết-bàn là không ác không khổ, và không chết không còn thất bại ấy nữa.

Như vậy cảnh giới địa ngục là sắc thân ác khổ, chết và thất bại. Cảnh giới thiên đường là thức trí thiện vui, sống và thành công. Còn cảnh giới Niết-bàn là chơn tâm tuyệt đối, bình đẳng sáng rỡ, không có chi chi cả. Ba mặt kiếng ấy, ba cảnh giới ấy, ba thế giới ấy, không phải ở nơi đâu cả, có thể nói là ở nơi cái ác, cái thiện, hay nơi cái chơn như của mỗi người hiện ra vậy. Nó là kết quả của ta, nó sẽ đến cho ta, hoặc trong lúc sống hay trong lúc chết, trong mọi lúc, có dời đổi, hay không dời đổi, là tùy theo nhơn nghiệp chen lộn. Đúng như vậy, chơn lý y như vậy, nên một khi ta xem nơi người sắp chết, họ buồn, họ sợ, họ lo, họ hoảng hốt, mê sảng, họ đau đớn, họ dữ dằn mà ta biết là họ sẽ đi về đâu, họ sẽ đi theo quả báo của nhơn nghiệp trong ba ác đạo, và họ sẽ bị đối chiếu trước gương nghiệt cảnh phản giác, lúc sau khi thác, họ bị trừng phạt của ảo ảnh, hoặc lâu mau, có khi cả ngàn năm, mà vẫn chưa tiêu tan cảnh địa ngục tư tưởng ấy, vì bởi họ quá mê muội; càng khổ, họ lại càng thêm tức tối, dữ hung lồng lộn, thì cái quái trạng của sự trừng trị nơi việc làm không bao giờ tan mất, mà lại còn thêm mạnh mẽ, cứng chắc, lâu ngày thêm nữa. Trước giờ chết, một kẻ vui mừng yên ổn, tỉnh táo êm ái hiền từ... thì tức là kẻ đó được gặp và ở cõi thiên đường, sự ở lâu nơi thiên đường là bởi nơi tâm an trụ, bằng tâm chẳng an trụ có ngày xao động vọng tưởng ác, thì cảnh tốt đẹp ấy bị xen lộn rã tan, ắt là sa đọa có ngày té xuống. Một người mà có tu nhập định, giờ chết hay lúc sống y nhau không có mảy may gì thay đổi, tức là đắc Niết-bàn rồi đó. Người ấy ở cảnh Niết-bàn mãi được là phải nhờ cái giác; sự giác ngộ gìn giữ chơn như, nên mới gọi là Phật được nhập Niết-bàn. Bằng thiếu sự toàn giác, như bậc sơ giác thì nhập định chưa bền lâu, ắt còn phải đi tu thêm hạnh tự giác, giác tha, ở trong đời để cho thành tựu sự giác mãn, tức là tu hạnh Bồ-tát, phải phát tâm đại bi, đại nguyện, hành cho đến khi toàn giác, thì bi nguyện tự nhiên mòn hết, mới gọi Như Lai đặng.

Như thế thì địa ngục là vô đạo, không đường đi tới, cảnh giới của chết trơ thất bại, như bị nhốt trói đứng ngừng, đọa phạt. Thiên đường là thiện đạo bền dài đi tới. Còn Tây phương là cảnh nghỉ yên vô sự.

Ba danh từ ấy là ba kết quả của ba giáo lý, chớ không phải xa gần đâu cả, nhưng cũng xa là thật rất xa, cao là thật rất cao, gần là thật rất gần, thấp là thật rất thấp, thấy gặp là tự riêng của mỗi người, chẳng ai xúi bảo níu kéo dắt ai đi theo ai được.

Vấn: Làm sao giải cứu khi kẻ đã mắc phải cảnh địa ngục?

Đáp: Phật Trời thì giải cứu được! Nhưng cũng phải tự lòng nơi kẻ ấy, vui chịu dứt bỏ mà đi theo mới được! Kìa ta hãy nhìn xem một người đang bị khổ. Họ khổ là bởi đang chấp mình ở trong sắc thân tứ đại địa ngục. Họ đang bị hành phạt bởi ác thần vật chất, trong lúc họ đang khổ không còn muốn sống, đâu còn biết đến sự việc, ai ai, họ đâu còn biết ở đâu, cảnh nào, đâu còn sự nói làm gì nữa. Dầu đang ở giữa đám đông, nó cũng chẳng thấy ai, và cũng không ai thấy đặng tâm nó ra sao? Kẻ nào đến gần, khuyên lơn vỗ về ngon ngọt, thì nó xem như than lửa, nó càng thêm tức tối, nóng nảy đau đớn. Nó chỉ ở trong cảnh giới buồn thảm quạnh hiu một mình nó, nó xem ra cảnh vật đều buồn, và nó thấy ra cảnh đời bằng cặp mắt khác lạ, như là ở thế giới nào đâu. Tội ác nó càng nhiều thì sự khổ của nó càng nhiều, vợ chồng, cha mẹ, con cháu, kẻ thương yêu, không ai chia sớt đặng. Nó thấy ra nó bơ vơ cô độc. Nó thấy nó bị lẻ loi sa thải, như bị rớt xuống vực sâu, lui tới không đường, đang bị ép ngặt; kẻ xung quanh càng cười là nó càng khóc, mà nào ai hay biết? Trần thế đối với nó lu mờ của si mê, vách sắt, của tứ đại tham lam, lửa cháy bởi sân giận. Nó không biết đường nào ra khỏi bốn vách tứ đại cả. Nó càng muốn sống, muốn vui là càng thấy chết, thấy khổ. Nếu nó còn có chút trí phân biệt thì nó mới biết là nó đang bị ở, nhốt dưới thấp sâu của nước đất, và kẻ nào khác, có được trí huệ, mắt pháp, cũng nhìn thấy ra được, là nó đang bị lún ngộp dưới lầy sâu, trong hang đen tối.

Nó mà tự thoát ra được là khi nào tội nghiệp nơi thân khẩu ý không còn nắm giữ nữa, nó chết bỏ cái ta, đang bị ở trong tứ đại đó đi, tức là linh hồn bay ra khỏi đặng. Bằng chẳng vậy nó phải gặp một vị Trời, chư Tiên, trước kia tu hạnh cư sĩ tại gia, đến mở khai cửa địa ngục cho nó, cũng như khai vẹt

trí não cho nó, thấy ra ánh sáng, lẽ phải, đường ngay, chánh thiện, và noi theo gương vị Trời trí thức mà đi theo thiện đạo, lìa bỏ sự tham sân si trong tứ đại vật chất mới được. Kẻ ấy nhờ Tiên, Trời dìu dắt đem lên, ra mới khỏi, mà cũng phải tự nơi ý của nó, vui chịu hối quá bỏ đi theo mới được. Như vậy là nó không còn tham tiếc những sự vật chất chứa từ lâu, thành ra địa ngục ấy.

Cũng có người vì nghiệp tội quá nặng, té rớt quá sâu, vào tận chót đáy địa ngục, phải bị hoảng hốt mê sảng mãi, kẻ ấy như ngủ mơ màng, như ngây si. Không biết gì hết, nó mê man trong cảnh sợ hãi từ khi còn thân cho đến khi bỏ xác, trăm ngàn muôn ức năm mà chưa tỉnh lại, linh hồn không có sự nhập thai chi được, giống như kẻ điên khùng, đang sống không có cái biết, sau khi chết rồi cũng còn như vậy, linh hồn mãi mãi đang bị ám ảnh ở trong thế giới đâu đâu, nào có biết sự nhập thai là gì. Thật vậy, nghiệp quá nặng, từ khổ đến điên là nguy lắm, cảnh tượng ấy kêu là địa ngục vô gián a-tỳ.

Những kẻ ấy thật cũng khó cứu nó đặng, trừ phi là khi nào nó đã tỉnh bớt. Nó nhận ra, nó tự biết nó là đang ở trong địa ngục, và nó có ý muốn ra thì hào quang pháp lý, ánh sáng, giác ngộ của Phật, của Bồ-tát Pháp sư rọi chiếu soi ngay nó, làm cho dứt si mê đêm tối. Do ánh sáng đó, nó được mát mẻ, no đủ, trong sạch, nó được bừng mắt tỉnh dậy, sáng thông, nó nhìn ra khắp thế giới chúng sanh, nó phát tâm đại bi lớn rộng, làm cho vách sắt tứ đại, tham lam ích kỷ phải ngã sập đi, không còn nhốt bó nó nữa. Nhờ hào quang của Phật mát mẻ, làm cho lửa sân giận không còn nung nấu, nồi chảo danh lợi thảy phải sập tan, bấy giờ nó có thể đứng đi tự do, theo chơn nối gót y như Phật, là sự đi đứng nói làm lo cho khắp cả chúng sanh trong võ trụ, không còn mắc kẹt phải ở một chỗ của địa ngục ích kỷ nữa. Thế là từ đó về sau, nó đã giác ngộ như người xuất gia, tinh thần đầy đủ, bước trên sự vật mà đi, do mắt trí kinh nghiệm tỏ rõ không còn sợ lầm sụp té như khi trước, nó rất nhẹ nhàng, bay bổng lên cao, làm người cao thượng, không còn bị tình tự vây trói, níu buộc chi nữa được.

Cũng có kẻ bị khổ ít, địa ngục nhẹ, khi nhờ ánh hào quang của chư Phật soi đến, là dây xích xiềng đều dứt hết, địa ngục bị sấm sét nổ vỡ tan hoang mặt đất nâng đội lên cao như kẻ đã được xuất gia giải thoát, ở nơi đất Tịnh độ; bấy giờ vì nỗi mừng vui của mình mà thương xót đến chúng sanh, kẻ khác sau khi đắc trí huệ, phát tâm đại bi đại nguyện tế độ chúng sanh, tức thì

có được tòa sen của chư đệ tử Giáo hội Tăng già nâng đỡ dưới chân, đưa về cõi Phật, thành chư Bồ-tát sơ tâm. Cũng có kẻ chưa được như vậy, nhờ ngó ra cảnh không gian, thấy sự khổ thân của kẻ khác, liền đem trí thức của mình ra, nói làm giúp đỡ thiên hạ mà quên mình nhẹ nhàng, thì cũng được có vừng mây lành của kẻ mến đức mang ơn nâng đưa lên cõi thiên đường, hưởng được sự vui tươi phước lạc. Vị tiên trời ấy, chết bỏ thoát khỏi địa ngục, sanh về cõi Trời, là nhờ nơi ánh sáng Pháp bảo của chư Phật. Và khi được làm tiên trời rồi, nếu không tham hưởng cõi ấy cho là khổ trí, thì hãy dứt bỏ cảnh trí cao sang, hạ mình đi xuất gia Khất sĩ theo Phật, để được tu tập tâm chơn như bình đẳng, thanh nhàn, yên tịnh.

Còn bằng chẳng vậy thì cũng phải học Pháp bảo của Phật, cho có ánh sáng vòng hào quang trên đầu không cho mê muội hay hoặc ngó mặt ngay qua cõi Phật Pháp Tăng Tam bảo, luôn luôn thính pháp văn kinh, cho có hào quang thì mới đứng yên ngôi vị được. Chư tiên mà được quý trọng hơn hết là phải thường tế khổn phò nguy cho chúng sanh luôn, để cho vừng mây dưới chân được vững chắc, vì nếu chúng sanh ghét giận bỏ đi, là mây tan đoàn rã, té sa trở lại, hai nữa chư tiên chớ khá ham đội mão vàng áo bạc, chạm trổ thêu hoa, điểm trang bóng sắc, thì thân mình mới có chiếu hào quang, nhẹ nhàng không té rớt và được tươi tốt sáng trong quý lạ. Chư tiên phải siêng năng dày công trau dồi phước đức, đừng tham toại hưởng danh lợi phong lưu, thì địa vị càng cao quý, quyến thuộc càng thêm đông, nhưng khi nào đã quá mệt khổ mà phước huệ đủ đầy, thì cũng nên hưu trí xuất gia làm Phật, chớ đừng tham chấp thế lực oai quyền, không kiêng, không sợ, chẳng biết nghe ai, của bậc vua trời, mà có ngày đọa lạc. Bởi cái vui vật chất của địa ngục, xác thân, với cái vui tinh thần của trí não cũng y nhau, hết thích ưa thì lâu ngày nhàm chán, ai ở trên cao mãi khỏi bị mỏi chân khổ té, còn dưới thấp sâu thì chết ngộp nhóng trồi, không ai ở mãi bình yên lâu dài một chỗ cho được.

Vấn: Nếu lý như vậy, sao có người lại cúng vái làm sớ điệp, lầu kho phướng xá, xin tội rước vong ở đâu có linh nghiệm chăng?

Đáp: Thân là địa ngục, trí là thiên đường, tâm là Tây phương. Cầu là cầu xin người đừng làm ác, vái là vái xin người đừng mê muội, tức là bằng sự khuyến tu tập thiện, nói pháp làm lành, còn việc sớ điệp lầu kho phướng xá, xin tội rước vong là làm cho vừa lòng vua quan với người giàu sang, kẻ hiện

tại. Còn linh nghiệm hay không là biết chừng đâu, vía dại lòng tham của kẻ chết nào đó, họ nếu được thấy như vậy, chắc là họ được no lòng mát dạ, rằng con cháu không quên ơn họ, chắc họ cũng được vui cười giây lát. Chớ nếu họ đi học đạo lo tu, bỏ tham lam, làm lành phải quên lòng ích kỷ đoạn dứt ân tình, thì họ mới được siêu thoát nhẹ nhàng biến sanh lên Trời Phật, không còn nặng nề thấp sâu đau khổ nữa.

Vấn: Người ta cúng vái lạy cầu vong linh về ăn uống có chứng hưởng chi chăng?

Đáp: Cha mẹ còn sống nên cung dưỡng, vái lạy cầu xin, chớ chết rồi, biết có đó hay không? Việc làm ấy là tiếng chào cao hơn cỗ, làm vui lòng mát dạ người chết, chớ có thân đâu mà ăn uống. Cũng là việc làm gương hiếu thảo để dạy cháu con về sau, chớ không ích chi cho người chết. Cũng có kẻ vì hưởng ăn gia tài của người chết, nên sợ chừng mà cúng vái vọng tưởng, chớ họ có thấy biết gì đâu.

Vấn: Vậy làm sao giúp đỡ cho kẻ chết nếu họ tội lỗi khổ đau?

Đáp: Nếu biết chắc rằng vong linh tội lỗi và đang bị khổ, đang có ở tại đó, thì con cháu phải tu, cho họ tu theo, hãy thuyết pháp, giảng kinh, luận đạo cho họ nghe, và hãy làm sự phải thay thế cho họ, thì họ vui mừng lắm. Nhờ nghe pháp mà vui và giác ngộ, nhờ tu mà lần lần tiêu hết nghiệp tội.

Vấn: Có phải đối với mỗi người chết đều cầu siêu chăng?

Đáp: Không! Người nào có tu giữ được năm giới, tám giới sắp lên, thì khi chết khỏi cầu siêu nữa, vì họ đã biết đường đi, họ đã ở trên cao hơn nhơn loại rồi vì nhơn loại có một giới không sát sanh, chớ họ đã được từ năm giới là cõi Trời Dục Giới rồi. Chữ "siêu" nghĩa là vượt qua vậy.

Vấn: Nói vậy thì địa ngục, thiên đường, Tây phương là giáo lý, chớ không có sự cảnh thiệt hay sao?

Đáp: Sự cảnh cũng có, nhưng lý nghĩa mới là thiệt, còn sự cảnh là giả. Cho nên sự cảnh dầu không có cũng được. Nghĩa là: thân là địa ngục, trí là thiên đường, tâm là Tây phương, ấy là cảnh thiệt đời đời của ta, còn cảnh địa ngục, thiên đường, Tây phương nơi bên ngoài hữu vi, hay vô vi kia là giả tạm, sẽ dời đổi không thật không bền! Dầu ta có đến đó cũng được, hay

không đến đó cũng được! Mặc dầu ta ở đâu đâu đi nữa, cũng chẳng bằng ta ở cảnh của tự nơi ta, biết cảnh trong ta thì cảnh ngoài là phụ thuộc không quan trọng. Cũng như tâm Niết-bàn yên hơn cảnh Niết-bàn, trí thiên đường vui hơn là cảnh thiên đường, thân địa ngục khổ hơn là cảnh địa ngục, vì cảnh ngoài dễ mau dời đổi, chớ cảnh trong thì khó lâu dời đổi đặng. Vì thế nên kẻ đã giác ngộ rồi, thì không chăm chú những việc bên ngoài kia nữa.

Vấn: Có cảnh giới những linh hồn bình thường giống như cõi xác thân đây chăng?

Đáp: Có chớ! Cõi linh hồn cõi xác thịt đâu phải hai! Xác thân là quần áo, cởi bỏ xác thân quần áo là linh hồn; đang có xác thịt là linh hồn mặc quần áo, nào có lạ gì. Quần áo xác thịt như cái nhà, tâm hồn là chủ, thì cái mà ta đang biết, đang sống, đang linh ứng đây là tâm hồn chớ đâu phải xác thịt, mà tự có được. Linh hồn đâu có sống chết, xác thịt thay đổi, như áo quần dơ giặt lại, sắm đổi cái mới, như cây chuối mẹ bỏ là có cây chuối con, chớ cái sống đâu có chết. Hay cũng có sự tiêu diệt, nhưng nơi loài người thì rất ít.

Sự chết sống nơi giáo lý là danh từ giác ngộ, để chỉ rõ thiện là sống, ác là chết, tâm hồn bị chết chôn trong cái ác, còn cái khổ là địa ngục. Lẽ sống chết là nói chết bỏ cái nghề này, sống qua nghề kia, chết bỏ con đường này, sống qua con đường kia, để chịu khổ mãi đó. Thiện là đi tới dài kêu là sống, là đạo. Ác là đoản ngắn, mất đường chết sựng, ở hoài một chỗ, là đời. Chớ thân bằng máu thịt, hay thân bằng tư tưởng, bằng khí hơi, cũng như nhau, đâu có gì lạ; họ cũng đi đứng hoạt động xung quanh ta, như ta vậy, chỉ có điều là ta ít thấy họ và họ cũng ít thấy ta. Chuyện ai nấy lo có ăn nhập gì nhau đâu. Ta ở chỗ động thì họ ở nơi chỗ tịnh. Cũng như chúng ta đây, đâu có ai ở chung với ai được đâu. Phương nào đi theo đường nấy, nghề nào đi theo nghề nấy. Chuyện ấy ta cũng không cần phải biết, vì khác cảnh giới, ta chỉ biết có những tâm hồn, không xác thịt, vậy là đủ rồi.

Vấn: Trong đời ta nên sợ cái gì hơn hết?

Đáp: Ta chỉ có ghê sợ tội lỗi là hơn hết! Người mà biết được công lý, pháp tương đối, nhơn quả, quả báo, thì chỉ có sợ tội lỗi thôi, chớ không sợ ai hết. Cái thưởng để giác ngộ, phạt để giác ngộ, dạy cũng để giác ngộ; giác ngộ rồi là được; con đường giác ngộ từ đó là sẽ tự mình đi, hư nên tự mình

chịu lấy, mình không còn phiền trách kẻ đi trên trước nữa. Những bậc đi trên trước đã dạy ta, thưởng ta, phạt ta là để cho ta giác ngộ công lý, khi ta đã giác ngộ rồi thì phận sự của các Ngài cũng hết rồi. Các Ngài không còn mắc tội với ta, không còn mắc tội với chúng sanh chung nữa. Mà từ đó, phước ta ta nhờ, tội ta ta chịu, và chúng sanh phiền ta chớ không phiền người trên trước.

Vì là ta đã giác ngộ rồi mà ta còn làm quấy, là tội lỗi ấy ở tại nơi ta cố ý vậy. Trong đời mà ai cũng giác ngộ công lý hết rồi, biết công lý nhơn quả, là pháp tương đối, quả báo của tự nơi mình rồi, thì sẽ không còn có ông trời, ông vua, ông diêm vương, ông quan tòa nào nữa cả. Mà tất cả đều như nhau, bằng nhau, là những bậc giác ngộ, sống chung như thế giới Phật mà thôi. Vì ai cũng là Phật cả. Ông trời, ông vua, ông diêm vương, ông quan tòa có là bởi do sự yêu cầu tôn lập của kẻ khác, người tội sanh pháp luật, chớ không phải tự ý các ông muốn làm việc ấy. Trong đời nếu có ông nào tự muốn làm chức vụ ấy, tức là ông ấy còn mê muội hơn người ta nữa, tự các ông tìm tội lỗi, tìm khổ chết tai họa. Nghĩa là các ông ấy, còn chưa giác ngộ biết có công lý sẵn nơi mỗi người sao? Các ông ấy nếu mong xử phạt người ta, thì ai đi xử phạt ông ấy, ông ấy làm tội khổ người ta ai làm tội khổ ông ấy. Người kia làm khổ kẻ khác là có tội, còn ông ấy làm khổ người kia sao lại không có tội? Công lý, nhơn quả, quả báo tương đối sẽ có tha vị gì ông ấy đâu! Cũng như cha đánh con là vì sự giác ngộ bắt buộc, chớ đâu phải là cố ý đánh. Vậy thì cõi trần thế mà có ông Trời, ông vua, ông diêm vương, ông quan tòa, là vì sự giác ngộ ép buộc, chớ tất cả đều giác ngộ Phật hết rồi, thì các ông ấy tội gì mà đi làm chức vụ vô ích đó nữa, làm chi cho mệt nhọc. Chẳng là đi làm Phật theo ai nấy với người ta, cho được yên vui hơn. Như thế tức là ông vua, ông Trời không có lo sự ăn ở cho người đã tu hiền, khỏi cần cai trị người đã giác ngộ. Và Diêm vương, quan tòa, không có xử án người đã tu hiền, khỏi cần đày phạt người đã giác ngộ.

Vậy thì sao chúng ta lại chưa chịu giác ngộ công lý, nhơn quả, quả báo tương đối của mình, để cho các ông ấy rảnh khỏe, để cho tất cả ai nấy cũng đều là Phật như nhau, bằng nhau. Nếu chúng ta mà biết sợ tội lỗi thì đâu còn có các ông ấy nữa. Thật vậy chỉ có tội lỗi là chúng ta đáng sợ hơn hết. Tóm lại sự giác ngộ của chúng ta là có, chớ ông Trời, ông vua, ông Diêm vương, ông quan tòa vốn là không. Và chúng ta nên phải tự mình biết ghê sợ tội lỗi,

hổ thẹn tội lỗi, và dứt trừ tội lỗi lấy mình, tốt hơn là để người chế trị. Tội lỗi có là bởi nơi sắc thân vật chất hữu hình, tứ đại địa ngục. Vì ai nấy cũng như nhau, là cái ác, cái có; ở trong ấy, cái tham sân si nhốt phạt, thống khổ vô cùng. Vậy ta phải xem coi cái có, cái sắc, là đất bỏ trơ trơ phía dưới chân ta, dùng nó làm cái nền nhà của ta, trí ta như nhà cửa, còn tâm ta là chủ ở bên trong, tâm chủ bước đi trên nền sắc thân bọc che dưới giữa nhà thức trí, làm chủ bằng tâm thì chắc không còn tai nạn.

Hồi nghĩ lại ai ai cũng sanh ra từ nhỏ tới lớn ở trong đời, sanh ra ở trong cái có, cái vô minh, dễ gì tự giác, ai cũng mãi loay hoay trong sự vật, lo cho ăn, mặc, ở, bịnh của sắc thân tứ đại, cho là quan trọng, ai mà không tham danh lợi, vui chơi, sung sướng, dư hơn cho êm ấm xác thân ta, và lo cho xác thân những kẻ khác nữa. Chấp lấy xác thân là ta, là chủ, ai ai cũng quý giá nâng cao tôn trọng sắc thân, mà nào chúng ta đã có nghĩ ra thiện ác? Mà nào có đếm kể, coi cái ác quấy tội lỗi ra gì? Ai mà không cho cái thiện là thiệt thòi thua kém xấu xa. Nào ta đã có phen nghĩ đến cái thiện là bền vui, hơn là cái ác tươi cười trong nháy mắt, mà quả báo của nó là khổ ngàn ngày đâu. Vì thế chúng ta mới lầm, mới lạc đường, mới thất bại. Đến chừng có khổ, chúng ta mới nhận ra cái vô thường, khổ não, không ta, không của ta, mới không còn mê tín theo cái có, cái sắc của cảnh bên ngoài nữa. Chừng đó chúng ta sẽ gặp đặng cái thật bên trong của ta, làm chủ lấy ta, không còn sợ sệt cúi lòn ai cả, bởi ta đã không còn tội lỗi với ai ai nữa. Cũng không còn tham muốn cái thái quá, bất cập, chừng ấy tâm ta đã định, ta đã nhập định nghỉ yên theo lẽ chánh chơn, ta nhập định theo đường trung đạo, chánh đẳng chánh giác vô thượng, tức là ta nhập Niết-bàn, tâm chơn như, thành Phật vậy.

Phật là người giác ngộ,

Chúng ta sớm nên giác ngộ.

Vì sự giác ngộ tâm chơn, quý báu hơn cái thiện lành thức trí, và cái thiện lành thức trí cần ích hơn là sắc thân vật chất, ác quấy, tội lỗi, danh lợi, vui chơi, cái có nơi ngoài tứ đại.

Vậy ai ai cũng cần nên phải giác ngộ hết.

CHƠN LÝ 27

KHUYẾN TU

I

Vật chất là ác, giáo lý của cái có là ác, tứ đại vạn sự là ác, thân trẻ nhỏ là ác. Vậy chúng ta muốn sống an vui, thì phải bỏ xuống cái ác mới được.

Có một chàng trai trẻ kia con nhà lương thiện nghèo khó, thấy mình thua sút người ta nên ráng công trồng tỉa, cực nhọc khó khăn mới kiếm được chút ít tiền dư, cậu liền mua sắm áo quần, giày mũ, và một cái đồng hồ vàng tốt đẹp.

Một buổi chiều nọ, cậu mặc đồ mới tốt, đeo đồng hồ nơi tay, ra đi dạo xóm. Đi được một đỗi xa, cậu nghe phía sau lưng có tiếng chân người chạy. Nhìn lại xem, cậu thấy có một tốp năm người, tranh nhau rượt theo cậu. Họ vừa chạy vừa nói với nhau, kìa chiếc đồng hồ vàng đeo nơi tay nó đó.

Bấy giờ hai bên đường đi trong bụi rậm, cậu lại nhận thấy có hai tốp người ẩn núp, đang chen vẹt bước ra, họ chăm chỉ ngó ngay bộ áo quần giầy mũ tốt mới của cậu mà xầm xì tranh cãi với nhau, nói rằng cậu là người giàu sang danh vọng.

Thấy biết cơ nguy, khó bề trốn tránh, cậu cởi phăng ngay áo quần giầy mũ với chiếc đồng hồ vàng, bỏ lại giữa đường, rồi vụt chạy. Chạy được mươi bước, cậu nghe phía sau la hét dữ dội, ngừng lại ngoái xem. Cậu thấy bọn người cầm dao phía sau chạy đến, toan giựt chiếc đồng hồ, phải bị kẻ cầm cây núp trong bụi nhảy ra đánh đập, đồng thời bên kia người cầm súng

chận bắn liên thinh. Họ càng xáp cận với nhau, kẻ nào cúi xuống giựt đồ là liền chết gục. Họ hăng hái kịch chiến với nhau, sau rốt một đống thây người nằm ngang ngửa chật đường. Kẻ thì đã chết, người lại bị thương, đồng hồ bể nát, áo quần giầy mũ nhuộm máu, rách tan hoang! Thật là một cảnh quả báo rùng rợn của sự gian tham, cốt nhục tương tàn, đồng loài giết hại! Họ mãi tranh nhau vật tốt, rốt cuộc rồi người mất vật hư, của cải ghét bỏ cái tham lam, nó không ở với ai, nó lại giết người ta thêm nữa.

Chàng trai trẻ được thoát nạn, bấy giờ kinh tâm tán đởm, sợ đổ mồ hôi, khắp mình run rẩy, biết mình may mắn, nhờ trí lẹ khôn, sống được bởi nhờ không tiếc của! Cậu mau chơn trốn chạy về nhà mà trong tâm mãi sợ lo hồi hộp. Cậu nhận ra thấy mình quá ác, cũng vì tánh trẻ con nông nổi, ham khoe khoang bẹo nhử đồ vật, để cho bao nhiêu người phải chết vì cậu! Chính cậu là kẻ sát nhân, vô tình mà nên tội. Chính vật chất là món giết người ghê gớm.

Bấy giờ cậu mới nằm đêm suy nghĩ rằng những kẻ ấy họ chết là tại nơi họ tham ác, mà cái tội tham ác ấy là do nơi cậu ham sắm đồ vật. Như thế là đồ vật giết người, đồ vật là món ác, cái tội ác ấy bởi nơi cậu, tức là cậu giết người vậy! Cái án giết người này, xưa nay chưa ai từng truy ra thủ phạm, chưa ai từng nhận ra cái ác từ đâu. Chữ ác tiếng Hán viết là *á tâm,* cái món che đậy chơn tâm là vật chất, còn người tạo tội là kẻ tham ưa, do đó mà kẻ si ngây phải bị chết khổ vì nhau.

Chàng trai trẻ ấy xét thấy mình chẳng khác kẻ rèn dao sắc bén, đốc xúi đưa cho họ chém giết nhau. Cũng như một kẻ kia oán ghét loài người, muốn mượn tay họ giết họ với nhau, nên bày kế mưu nơi đồ vật tốt, để cho họ hại nhau. Khác nào như người nọ đúc gươm sắt bén, đâm chém giết người, mà thiên hạ mê muội hiểu lầm cho rằng tự người chết, hoặc cây gươm là tội ác, mà chẳng bao giờ biết truy tìm ra thủ phạm, tội nhơn, là kẻ tham sắm muốn ưa, tạo nên đồ vật tốt hay, khéo xảo, để gạt gẫm con người nhỏ dại, cho họ chết thảm hết vì nhau. Thật là tội lỗi, tội lỗi thay cho sự giết người không vấy máu, cái giết chẳng tự tay đâm, cái giết ấy mới phải to lớn đông nhiều hơn hết!

Bấy giờ cậu mới biết ăn năn mà hồi nghĩ lại những lời của cha mẹ dạy: *"Đời là cõi sắc bén gươm đao"*, là cõi mà họ đốc xúi sự giết hại cùng

nhau. *"Đời là ổ chết",* ai vào đó nào khác bị té xuống hố gươm đao phải rã rời xương thịt. *"Đời là nguy hiểm",* nguy hiểm nhứt cho tánh mạng, là vật chất tốt đẹp, bao vây. Người trong đời là kẻ bị vây trong giữa vòng binh khí, mà ai ai cũng là giặc nghịch của mình hết. Cho nên mạng người là trong sự rủi may nháy mắt giây lát, của hơi thở cầm chừng, liều mạng nhắm mắt cầm cương ý dục. Đời là chỗ chết, ai cũng giết hại ta cả, hoặc tự họ giết, hoặc xúi người giết, mà chúng sanh là kẻ đã quen chịu sự chém giết chết sống lẫn nhau. Họ xem coi sự chém giết ấy bằng cách thỏa mãn hài lòng vui hạp! Như thế thì làm sao cho kẻ muốn sống đời ở được, mà không phải là tìm đường giải thoát xuất gia, để lo cho tánh mạng mình trước đã.

Trong đời có lắm kẻ hiểu lầm từ thiện là chẳng tự tay giết người, mà người ta quên rằng sự tạo sắm gươm đao vật tốt là có khác nào để đưa xúi bảo kẻ khác giết hại nhau. Vậy nên chúng ta muốn sống đời tốt đẹp thì đừng mãi tạo ra vật chất tốt đẹp cao sang. Chúng ta đừng để cho kẻ nhỏ dại hiểu lầm, mắc mưu của vật tốt. Chúng ta chẳng nên làm những việc vô ý thức, giết người mà không hề biết thấy nhận tội. Tội nghiệp cho kẻ chết kia, bị sắc tốt mê hoặc, đua nhau lo tìm chết, mà nào họ có hiểu biết nguyên nhân từ đâu?

II

Trong đời cũng có ít người hiểu rằng phải tu tạo vật chất tốt đẹp, cao sang, dư hơn, quyền quý, trang sức cõi đời se sua lòe loẹt bên ngoài cho là hạnh phúc, mà quên rằng trong đời đâu có trẻ nhỏ dại nào mà lại chẳng tham ăn món ngon vật lạ, để tránh khỏi chất độc. Trong đời ai mà không tham, cái tham có là do sự bẹo nhử cám dỗ của vật chất. Cũng vì thế mà kẻ trộm cướp kia mới nói rằng tại chủ nhà khoe khoang, tại đồ vật tốt đẹp chớ không phải lỗi bởi nó. Tại sự khoe khoang tốt đẹp xúi bảo nó, chớ tự nó vốn đâu có cái trộm cướp tham lam.

Có một ông sư già kia đã đi xuất gia tu theo Phật mà còn sự tham muốn bên ngoài, không thể cắt đứt sự tham muốn được. Ông trở ra thế làm ăn mua bán, ông cất nhà tốt, sắm đồ vật xinh, bên ngoài phết sơn bóng láng. Vì vậy mà ông phải khổ tâm giữ gìn lo sợ. Vừa làm ăn khá là bị trộm, lâu lâu

lại bị cướp, nhà hư sửa lại, vật hư sắm lại, thân ông thêm bị kẻ cướp đánh đập hành phạt, thế mà ông mãi chưa tỉnh ngộ, vẫn còn lo tạo sắm.

Ông thường nói với lối xóm rằng ông là người tu, ông là đệ tử Phật. Ông nói như thế để cho người ta thương, để cho người ta tin cậy và đừng có ai trộm cướp của ông. Nhưng ông đâu có hiểu được tâm lý của người trộm cướp, chúng nó nói rằng chính ông dạy chúng nó trộm cướp, ông xúi chúng nó tham, ông làm cho chúng nó phải bị bắt bớ, đánh đập, tù rạc và chết khổ. Chúng nó oán ông và hăm he có ngày sẽ giết ông, đoạt hết của một lần, để cho không còn sự đốc xúi chúng tham lam trộm cướp nữa.

Chúng nó nói rằng cái tiếng tu của ông ấy có khác nào là để cho người ta lầm mình, và không ai nỡ bắt tội mình, để cho mình dễ bề tự do gây sanh ác tội, xúi họ giết nhau, to tát lớn đông nhiều, mà lại chẳng bẩn tay ghê gớm. Người ta có biết đâu rằng sự giết người không bằng tay chân ít nhỏ, không bằng lời nói lớn tội hơn, mà là bằng tâm lý giết người vĩnh viễn. Kẻ nào mê hoặc tâm lý của chúng sanh, ấy mới là người trọng tội, cái tội đời đời mãi mãi, chính kẻ ấy mới là người đáng tội.

Thế nên sự tu thứ nhứt của loài người là phải đừng tham lam vật chất. Không tham lam vật chất thì tránh khỏi sân giận tranh đua và si mê dốt học. Mà cần phải biết rằng tham muốn là nguồn gốc của chiến tranh, nguồn gốc của sự chết khổ, và nếu xung quanh ta họ chết khổ với nhau, thì ta có đâu được sống yên vui một mình. Việc tham muốn ấy tức là ta hại ta, nghĩa là vật chất hại cả chúng sanh đó, chớ vật chất là món vật ác vô tri, thì có biết chi mà tha chừa riêng ai được.

Kẻ nào nắm lấy lưỡi gươm, ôm siết bó chặt vào mình, thì sao lại chẳng bị thương chết thảm, tự mình giết mình, đau khổ lấy mình.

Vậy muốn được sống yên vui thì chúng ta phải mở tháo buông ra vật chất tốt đẹp, đừng lòng tham muốn. Chúng ta nên phải biết rằng cái sống yên vui là do sự trung bình, chớ chẳng phải nơi thái quá bất cập.

Đời là cõi ác, đời là chỗ chết, vật chất là nắm đất chôn thây, loài người là kẻ chiến tranh, tâm người là khổ, trí người là rối, thân người là chết, tánh người là ác. Tánh ác là tánh của vạn vật, mà loài người sanh ra từ nơi tứ đại, vạn vật, vật chất, cái có. Thế nên giáo lý của duy vật là phải ác. Vậy những

ai muốn tu làm người từ thiện thì phải vượt qua khỏi đạo người trong vật chất, mới gọi được là bậc siêu nhân. Siêu nhân là kẻ không còn chết khổ trong vòng tứ đại.

III

Người tu từ thiện yếu đuối mà còn ham se sua chưng diện, sang trọng, phong lưu; người ấy mãi lo tạo sắm dư nhiều để xúi bẹo kẻ ác, cho kẻ ác tham lam cướp giựt của cải, và giết hại đến bỏ thân mạng họ.

Kẻ ấy thật là lếu quá, chưa rõ cái tu, từ thiện là chi cả. Họ càng tham muốn, chúng càng giựt giành. Họ càng sống, chúng càng giết. Họ càng khóc, chúng càng cười. Họ càng nhịn nhục, chúng càng khinh khi. Họ càng làm, chúng càng phá. Kẻ ấy giống như người say rượu, quay múa khóc la. Họ mãi lạy bái kẻ ác tham mà chúng không cảm động chút nào, lại còn phải bị thêm những sự hành hà thảm họa.

Có một người tôi tớ kia giữ bò cho chủ. Mỗi buổi lùa ví đi cho ăn, nó tắm rửa bò sạch sẽ, nó cắt cỏ để dự trữ qua tháng khô, nó sửa soạn chuồng bò chắc chắn. Nó vái cầu Trời Phật cho bò nó sống hoài mập mạp, cỏ đừng thúi, chuồng đừng hư, chủ nó đừng rầy. Nhưng nó càng làm siêng năng, chủ nó càng quở phạt liền liền. Bò nó có ngày bệnh chết, cỏ của nó bò khác sẽ ăn, chuồng của nó ngày kia phải gãy, thế nên chủ nó không thương nó chút nào hết, dầu nó có cực nhọc đến đâu cũng không có món chi là của cải của nó, hay là của chủ nó.

Tội nghiệp cho nó, bị bán mọi chung thân từ thuở nhỏ. Nó ở mướn không một đồng tiền mà chủ nó lại còn đày khắc đánh đập, khi họ chết đi còn bắt nó chôn sống đem theo dưới đất.

Kẻ tôi tớ ấy là ý dục, bò đó là xác thân, cỏ đó là món ăn, chuồng kia là nhà cửa. Nó biết cầu vái Phật Trời là nó có tu, chủ nhà là kẻ tham lam tội lỗi.

Trong đời có hai hạng, ác thì phải thật ác mạnh, thiện thì phải thật thiện yếu! Nghĩa là không tu thì phải theo vật chất hoàn toàn, liều mạng chết khổ gì trối kệ, tới đâu hay đó; còn tu thì phải đúng tinh thần hoàn toàn mới chắc hưởng sự yên vui được. Cùng chẳng vậy thì tinh thần vật chất phải bằng

nhau, hay là tinh thần phải nhiều hơn vật chất, chớ tu hiền yếu đuối hay nhường nhịn mà lại sắm lo vật tốt, có khác nào làm để xúi trộm cướp nuôi trộm cướp, như người chứa trộm cướp, rước trộm cướp vào nhà, tập cho kẻ ác quen tay được mợi, để làm gương ác hại đời, xúi giục sự gian tham cho nhân loại; khác nào là lòng ác ghét người, tâm lý ấy là sự giết hại chúng sanh, để cho ta và người thảy đều chết khổ.

Cũng vì thế mà xưa kia đức Phật có nói kẻ si mê làm ác không tự biết, ác ấy lớn vô cùng, vì nó làm mãi không ngừng. Có khác hơn người trí huệ bằng có lỡ phạm sái quấy, thì họ nhờ có trí mà tự biết ăn năn chừa bỏ, chẳng dám làm thêm. Kẻ trí mà phạm tội thì dầu nhẹ cũng phạt nặng, vì vậy mà ít làm tội. Còn kẻ si mê làm tội nặng tuy phạt nhẹ, mà nó làm tội nhiều, nhiều mãi. Kẻ trí huệ có lỗi quấy là họ rất khổ tâm, chớ người si mê khi làm ác thì phải bị chết luôn cả vừa thân lẫn tâm.

Người ở đời nếu không tu thì khó sống an vui, mà tu sái phép thì lại càng khó sống an vui hơn nữa. Vậy nên chúng ta phải thật chơn tu chín chắn, tu để dứt trừ chết khổ chớ phải đâu tu là để nuôi sanh chết khổ.

Như vậy là phải bỏ sự tham muốn vật chất làm đầu, có không danh lợi mới thấy rõ kết quả của sự tu hành tốt đẹp. Ở đời có vật chất cũng chết khổ, không vật chất cũng chết khổ. Trong lúc đang làm cũng chết khổ, sau khi đã có rồi cũng chết khổ, lúc chưa có cũng chết khổ! Chi bằng chúng ta hãy làm để đủ nuôi sống vừa thôi, mới là không chết khổ. Vậy chúng ta phải cần lo sự trau dồi tâm trí tu học, mới được sống vui hay hơn vậy.

Trong đời chúng ta đã không thể tin cậy nơi xác thân vật chất, không thể nương dựa theo xác thân vật chất được, thì sao chúng ta chẳng lấy trí tánh làm căn thân, lấy huệ chơn làm trần của cải, lấy hiểu biết làm mình, để cho được yên vui hơn là lấy ý làm căn lăng xăng chạy nhảy, lấy pháp trần làm của cải, giành giựt cái có có không không, lấy sự tưởng nhớ làm mình chi cho khổ nhọc, mãi mãi đeo đuổi lội theo cái có cái sự, cái hình bóng thay đổi, cái tướng vô thường, sanh đi sanh lại, chết hoài chết mãi, thật là vô ích quá.

IV

Kìa một cái cây, đầu đâm xuống đất, chân trở lên trời, cam chịu một chỗ trơ trơ, mặc cho nắng mưa gió bão hành phạt, người thú hiếp đáp; hoặc bị bứng nhổ, bẽ gãy, xiêu ngã; hoặc bị đốn cưa, mỗi nhánh bị chặt đi, mọc ra nhánh khác, cũng như thân này chết đi, sanh ra thân khác, đứng mãi một chỗ, không đường đi tới, chẳng cử động biết đi, vì phải mắt miệng rễ cây ghim sâu trong vật chất, chân nhánh chõi lại tinh thần, ngọn ở trên trời cao không không, còn gốc thì xuống đất thấp có có, càng lúc lắc càng lún hoài, càng lớn to là càng ăn sâu ghim tới mãi, nên không còn ai có sức thế gì nhổ đem lên được, rồi thì chẳng bao lâu phải bị đốn cưa ngã gãy.

Cây cỏ đi ngược thật là trái lẽ, nên mới chết khổ. Cũng vì chết khổ, cây cỏ mới tiến đến thú và người, đầu trên chân dưới, mới được đi tới bình yên xuôi thuận. Kìa cỏ cây còn bỏ mặt đất, vậy sao chúng ta chẳng bỏ vật chất, đội lấy tinh thần. Cũng như đầu chúng ta đang đội lấy trời không không, còn chân chúng ta đang đạp trên đất có có. Hôm nay chúng ta đang sống yên vui, bởi đầu trên chân dưới, thì lý nào chúng ta lại quây lộn ngược đi bằng tay trở xuống, để phải lộn ruột điên đầu, té đau chết khổ, như lúc buổi ban đầu.

Một em bé mới sinh ra đầu quay lộn xuống, khi nằm đầu chân ngang nhau, kế đến tập ngồi đứng và đi, đầu trên chân dưới, trình độ mỗi lúc lớn dần cao lên, nên nó phải cất đầu y như thế.

Hơi khói nhẹ bay lên trên cao, đồ vật thấp nặng nên phải rớt xuống. Trong võ trụ đã có phân chia trên dưới, vậy nên chúng ta phải cần phân biệt để bỏ cái dưới bước lên trên, mới là xuôi thuận.

Đất vốn chẳng cho ai chui xuống, thử chúng ta chun xuống hang hố vũng lầy, tức thì bị ngộp phải trồi lên, không ở đặng. Con cá kia còn ngớp nước, con dế nọ cũng bò lên. Mặt đất thì đặc dẻ, săn cứng, không cho chân ta lún xuống, còn trên cao không gian bao quát, đang ngoắc réo đợi chờ ta, thế là chúng ta không nên xoay lưng, úp mặt vào vách tường đất mãi, mà sự thật là ta phải ngó tới, đi tới cái không, cái cao. Tới một ngày kia chúng ta chết bỏ đi thân tứ đại này thì còn là một vầng khói bay cao, bay cao lên trên không gian, không sở trụ vậy.

Đất là vật có thể chất, đất vốn dơ nặng và bao giờ cũng ở dưới thấp. Vậy chúng ta không nên khòm cong cúi xuống, nắm níu dính dơ, mà phải nên ngay lưng, đứng thẳng lên cao, đi tới.

Chúng ta nên nhớ rằng trời không đất có, trời là mênh mông, đất là tấm vách, như thế thì chúng ta không thể đi tới đất, tấm vách đặng, vì đất có nó sẽ cản đường ta. Chúng ta muốn lên trời không, muốn đến với trời mênh mông, thì phải bỏ ra tuôn xuống cái đất có ấy.

Đường đi thì trên mặt đất, ta vẽ đường thì vẽ trên tấm vách tường. Vậy nên chúng ta phải lo tu, tu là đi trên mặt đất, đất là món lợi, đất là tiếng danh. Tu để đừng cho ngọn gốc ngang nhau, tu là đúng lẽ đầu trên chân dưới, mới đi tới nẻo cao siêu, sống mãi vui hoài tốt đẹp.

Tu để phủi sạch chân dơ, bước lên giường ngủ nghỉ. Tu để xức thuốc băng bó chữa bịnh ghẻ tham lam ung độc nơi thân. Tu là tắm rửa thân tâm dơ dáy, lem lấm bụi trần. Tu để sống trước và sau lại được yên vui. Vì ai cũng phải sống, mà sống khổ thì không ai sống được.

Người ăn ít no dai, tu tuy làm ít ăn ít mà được sống yên vui, quý hơn sự mãi lo tham muốn dư nhiều để cho chết khổ, chẳng an thân, bị cướp giựt, đã nhọc công lại còn sợ sệt. Thế nên chúng ta phải lo tu, tu là quan trọng cần yếu hơn hết, tu là lẽ chánh hơn hết. Cũng như đạo đức là cần thiết hơn cả xã hội, gia đình, cơm ăn, chỗ ở, áo quần, thuốc uống cho thân nữa vậy.

Sự tu hành thật là êm ái, dịu dàng khỏe khoắn hơn là pháp luật hành phạt. Pháp luật hành phạt kẻ không tu, sao chúng ta chẳng theo ý pháp luật, hãy tu hết để cho pháp luật nghỉ khỏe, không còn pháp luật. Chúng ta không tu, làm khó khổ kẻ cầm pháp luật, mà có ích chi cho ta và cho người ấy. Có phải chăng không tu là sự hành phạt người, thì người hành phạt lại ta, cả hai đều khổ hết. Phải như vậy thì chúng ta nên hãy nhớ ghi rằng, người tu theo đạo đức quý hơn là người cầm pháp luật và hay hơn là sự bị phạm luật pháp hành phạt.

Chúng ta ai cũng sợ địa ngục, nhưng sao lại chẳng bước tới thiên đường. Tại sao chúng ta chưa chịu đứng trên pháp luật, đầu trên chân dưới, đi trên vật chất, ở dưới tinh thần, tu làm chư Phật, đầu đội trời chân đạp đất mà đi?

Tức là đầu đội thiên đường, chân đạp địa ngục, còn chúng ta ở nơi khoảng giữa làm Phật, là người giác ngộ sống bằng kinh nghiệm.

V

Cũng vì cái ác vật chất, con người mới tham trược. Có ác trược mới tôn trọng sắc thân, thương thân mình lại ghét thân người. Lòng duy kỷ càng nuôi to lớn, cho nên con người mới tội lỗi mê muội. Càng mê muội càng chìm đắm với thân sắc, hết thương đến ghét, hết ghét lại thương, mừng giận đổi thay, buồn vui lẫn lộn, ưa chán mãi liền. Tình dục làm tội lỗi con người, khi an ủi lúc hành phạt, thật không ngừng gián đoạn. Cũng vì tình tội mà chúng sanh lầm nhận xác thân tứ đại, vật chất, sự nghiệp làm ta, của ta. Nào biết đâu danh từ giáo lý: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, nhơn, thiên là chi. Người ta lầm tưởng những tên gọi sau khi chết, hay như thân tám chân mới là con vật, khác với người. Chớ không rõ sắc thân là vật, vật chất tứ đại, dầu hai chân hay tám chân cũng là sắc thân, thân vật chất, thân vật in nhau một loài, mà trong sắc thân ấy có chứa tên chữ: thiên, nhơn, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Thân của trời, người, thần, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, chớ đâu phải thân là trời, người, thần, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục! Thân như nhà, trong nhà ấy có chứa tâm hồn, giáo lý danh từ nào trong đó, tức gọi là thân của tâm hồn đó.

Dầu thân tám chân mà có chứa lòng nhơn thì cũng gọi là thân người. Cái thân tốt xấu bên ngoài là như sự phết sơn nắn vẽ, chớ có lợi ích chi đâu? Sự thật như vậy, giá trị nấc thang của con người là ở tại nơi danh từ giáo lý, mà biết bao kẻ hiểu lầm chúng sanh là tâm trí mà người lại tưởng là sắc thân, nên mãi chui tìm khốn họa, ấy cũng vì vật chất mà ra cả.

Lắm kẻ chết đuối với thú mê ly. Lắm người không có tiếng nhân người nơi thân hai chân. Lắm kẻ mải tô đắp cho thân. Lắm kẻ chết đi lại mau tìm sanh nơi tốt đẹp bên ngoài lầm lạc. Lắm người phải chịu quả báo hành phạt vì nghiệp tham lam. Nói cho rõ bao nhiêu cảnh ngộ trong đời có ra là do vật chất. Cõi đời còn có là do cái ác. Kẻ mà muốn có cõi đời, thâu giữ

chấp lấy, là đã bị mê hoặc. Người ấy rồi sẽ thất bại, không còn hy vọng, họ sẽ khổ sở điên cuồng, tự vận liều mạng, uổng công vô ích. Đời là cõi ác trược đời đời, thế mà có kẻ kia lại nói, tôi chỉ muốn làm con ma đói ở hoài, giỡn chơi nơi đống rác đó, chẳng cần hưởng món chi hết! Những người ấy tâm hồn bị chôn trong trần bụi, chết ngộp trong cái vỏ khổ của hòm chôn, là bởi sự hiểu lầm nơi sắc thân vậy. Sống làm người ta, thác làm ma. Nhơn là sống, vô nhơn là chết! Có người lại lấy thân của người mà đắp cho thân của mình, sái quấy tội lỗi để vui chịu tâm chết mà làm ma. Nghĩa là tâm họ đã thác rồi đâu còn sống, nào có ai dám thấy nhìn họ và đâu có biết đến họ nữa. Có nhiều chúng sanh hay làm cho xác thân ra vẻ tốt đẹp mà trong tâm thì là ma quái. Sự ấy có khác nào lò thịt bằng tường ngói bên ngoài tô vẽ trang nghiêm, mà bên trong là chứa sự ác dơ đủ thứ, chớ ít có ai mà được trong ngoài như nhau.

Trong đời ít ai được hiểu rằng Tiên Phật ở nơi rừng núi vườn cây như nai vượn, sắc thân vất bỏ xấu xa mà tâm hồn trong sạch. Người ta mảng tưởng Phật Tiên là thể diện, sắc thân của cải nơi giữa chốn yêu ma quỷ quyệt, nên có người hăng hái đến đỗi phải lủi vào sâu, và tới mãi trong vòng tù tội. Đời nào cũng đua chen vào khám tối, kiếp nào cũng lấn lướt tới ngục môn, để làm tù tội mãi mãi, báo đời thiên hạ, làm khổ quan tòa. Có kẻ lại tự xưng ma quái, loài vật của thiên hạ, làm cho ai ai cũng sợ chạy, nhờm gớm cho cái ngông càn khác mặt! Cũng có kẻ xưng mình Tiên Phật rồi, khỏi cần tu nữa, họ bỏ Tiên Phật đi làm ma quỷ (láo khoét bịp người).

Họ hủy báng kẻ đang tu, gọi đó là còn chúng sanh mới còn tu, mà họ quên rằng chúng sanh tu, chúng sanh mới được thành Phật! Cũng có kẻ tưởng lầm, mình tu là phải làm khổ thiên hạ, phải lo đời, tham muốn của cải vợ con người! Chính người đã làm cái việc không đời, không bền dài, mà không tự hiểu; nói quấy mà cho là phải, giống như kẻ chết, thành ma tác quái hại đời hiện tại. Thật đáng thương xót thảm hại cho quá! Những kẻ ấy chưa nhận rõ mình là tay sai của cái ác. Vật chất tiêu hoại đổi thay mãi, và họ cũng bị chết khổ, trung thành lăn lộn theo như cái ác, không sai chạy.

Những kẻ ấy họ quên rằng hành vi của họ sẽ phải phản dội lại họ, kẻ khác sẽ hại họ, gương ác quấy ấy hại lại họ. Họ liều mạng, xem mình như vật chất tứ đại chết trơ như cái ác, nghĩa là họ phải ác và ác mãi, để phải chịu chết khổ mãi, tới đâu là tới, trối mặc rủi may, mất còn thây kệ.

Nói tóm lại, vật chất là vị ác thần hung bạo, chúng sanh là tay sai con cháu, từ xác thịt đến linh hồn, đều bởi ma vương sanh tạo. Tài hay trí giỏi, vật khéo thân xinh, từ trong thân khẩu ý đến bên ngoài sự vật, cảnh ngộ thời duyên, chúng sanh vạn vật các pháp, cõi đời ác trược như hầm ma, hang quỷ... thảy đều do nơi sự bày bố của ác thần vật chất, biến sanh hóa tạo. Chúng sanh sanh trong đời, giao phó tánh mạng mình cho vị ác thần điều khiển, sử dụng. Họ như những con trừu non, ngoan ngoãn với người chăn. Họ sống bằng vọng tưởng, bằng tham muốn, bằng ý dục, không còn lý trí quán xét chi cả. Cái thân của người như cái hố sâu đời đời kiếp kiếp, họ sống để chịu sự già bịnh, như vách đất lâu năm rớt sụp từ lần; ở nơi đó ăn lấy lá mục khô rơi của từ đâu đâu trên cao ban xuống; uống lấy nước mưa rơi như của đấng tạo hóa nào cho, họ lầm tưởng là con cưng của một ông chúa tể ác thần sống mãi. Người mãi sống trong hố hang thân xác, hết thức rồi ngủ, ngủ rồi thức, không tự chủ, không kiến thức, không chủ động, đành ở trong bóng tối, chỉ biết lo việc uống ăn, chịu bịnh hoạn lạnh lẽo, âm thầm ác trược, mà không biết chi là sự thật của võ trụ mênh mông bao quát. Nơi trong ấy có người chỉ biết cái ác, phải ác, phải sống, phải có vật chất, phải làm tội, không bao giờ chịu ngó trước xem sau của sự nay vầy mai khác.

Trong đời lắm kẻ mà còn như vậy, trách gì không tai nạn, không khổ sở nhọc lo cho tất cả. Những người ấy chưa được rõ có đạo mới có đời. Đạo đức mới là đời đời vĩnh viễn. Người tu hiền hết là được, chớ tội lỗi hết ắt chẳng xong! Người mà hiểu ngược rằng có đời mới có đạo, có khác nào xúi người ta làm ác gây tội. Mặc cho ai tu, mặc cho ai cứu độ, mặc cho ai từ thiện, còn người ta ác thì phải ác, phải làm khổ hại người. Nhờ có kẻ ác người kia mới có tu, nhờ kẻ giết hại người kia mới có cứu độ, nhờ có kẻ gian tham người kia mới mau thành Phật. Kẻ ấy làm cho người kia mau thành Phật, kẻ ấy làm cho người kia trau dồi đức hạnh, còn kẻ ấy thì kham chịu thiệt thòi, làm ác quấy ma vương phá đời mãi mãi, để chịu khổ mãi mãi.

Kẻ nói có đời mới có đạo, kẻ ấy có biết đâu rằng người ta tu hết là được, chớ ác hết ắt chẳng xong. Họ xúi người ta làm ác là để giết hại lại họ, họ khó mà được sống chung cùng thiên hạ. Kẻ ấy như người đã chết, và chỉ biết kiếm tìm sự chết mãi.

Vậy những ai trong đời thấy mình cần muốn sống thì phải nên biết rằng: có đạo đức mới có đời đời, đời đời không phải tham đắm nơi vật chất xác thân, mà là bằng đạo đức tinh thần vĩnh viễn.

Vậy thì chúng ta phải nên tu hết.

CHƠN LÝ 28
ĐI TU

I. LẦM LẠC

Có một người kia trong nhà đủ ăn, không dư thiếu. Người đi làm công cho một hãng buôn, vợ và con gái ở nhà, con trai đi bán bánh.

Một hôm người đi chung đường với nhà phú hộ, có mang theo túi bạc. Vì thấy tiền của người mà xét lại phận mình. Người thương xót cho vợ con nghèo khó, thua sút người ta để cho lòng tham muốn cháy dậy. Sau sự suy xét kỹ, người quyết hy sinh tánh mạng để cho vợ con được no ấm, người giựt lấy túi bạc của người kia đem về giao cho vợ, rồi tự mình đi trốn lánh. Nhưng chẳng bao lâu bị người ta kiếm gặp, bắt giam vào tù khám, xử án lưu đày hai mươi năm khổ phạt. Người chịu khổ trong cơn tù tội, mà người rất vui cười, người biết chắc vợ con đang giàu có sang trọng, và chẳng bao lâu đây, người cũng được trở lại với vợ con để chung hưởng cuộc giàu sang ấy. Con đường mà người đã khai vạch sắp ra, người cho là chánh sách, có khổ mới có vui, chịu phạt tội để rồi thưởng phước, ấy là phải lẽ có gan mới được giàu sang là như vậy.

Nhưng người đã lầm, vợ và con gái của người, sau khi được giữ lấy số bạc to lớn phi nghĩa ấy, lại quên hẳn công cán khổ nhọc của người. Vợ người xua đuổi đứa con trai vợ trước của người, vợ người mua nhà sắm xe, nay chồng này mai trai khác, con gái của người cũng y như mẹ.

Về sau, khi mãn án ra về, người tìm đến vợ con, vợ người trở mặt, mắng chửi, đuổi đi, con gái cũng không nhìn nhận, hỏi đến bạc tiền thì không ai nói rằng quen biết, lại muốn vu phao làm hại.

Chừng ấy người mới biết là mình đã lạc đường, càng thương vợ con nhiều thì oán thù càng nặng. Người đã cùng đường, người không còn biết chi hơn nữa, người liền giết cả vợ con, rồi nhảy xuống sông tự vận theo vợ con, tiền của bỏ lại cho đời trở lại. Sự lạc đường của người, nó làm cho người khổ mãi rồi chết, người tin lầm tiền bạc mà bị mất hẳn đường đi gặp phải bước cùng, huỳnh tuyền chắn lộ, người đã đi lạc nẻo, nên chẳng thông xuôi, tin lầm vật chất nên mới gặp phải cảnh đoạn trường như thế ấy. Bởi người chẳng rõ câu *"hoạnh tài bất phú"* nên mới lầm to, người quên công lý nhơn quả nên mới bị đọa phạt, rồi chết. Vợ con hưởng của ấy cũng chết. "*Cơ thâm họa diệc thâm*", hễ ăn nhiều thì mau đói và chẳng còn ăn, lẽ ấy vốn không sai chạy.

Trong đời luôn luôn có hai pháp tương đối: thái quá là bất cập đến gần, thế mà ít ai nghĩ đến, nên mới có sự lạc lầm như người kia vậy.

II. HÀNH PHẠT

Một người làm ruộng kia, mỗi buổi sáng sớm ăn cơm no, hăng hái bước chân ra đồng ruộng, đi đi, nói nói, cười cười không ngớt miệng.

Ra đến đồng, khởi sự làm mạnh dạn, sức lực đến trưa thì mệt mỏi, và gặp phải trời chinh xế, nắng gắt, cháy da phỏng trán, mồ hôi nước mắt pha lộn lẫn nhau, nó mệt, nó khổ, nó nhớ đủ hết mọi sự cực nhọc, nó chán nản cõi đời, nó sợ sệt sắc thân, nó muốn chết, muốn hủy mình, cắn lưỡi, vì sự khổ sở trong giờ ấy không sao xiết tả được. Nhưng nếu nó đã gặp đám mưa to thì sự lạnh rét là phải khổ nhiều hơn nữa, những khi ấy nó không còn muốn sống, nhưng qua giờ nóng trưa, rồi lại đến chiều, ngoài đồng ruộng mát dịu lại, bấy giờ nó thấy bớt chán nản trong tâm, khi lê cẳng về tới nhà, nó gặp phải con kêu ba ba, vợ gọi anh tôi, cha mẹ nói con tôi về, thế là anh hết mệt ngay. Khi tắm xong lên ăn cơm, anh có rượu uống, có khô ăn, nói cười với gia đình đầm ấm, anh cho là hạnh phúc quá, và quên hết mọi nỗi khổ nhọc của buổi trời xế

ngoài đồng. No say mệt mỏi mà vui, nên anh đi ngủ, để sáng ra, cha mẹ gọi kêu ra đồng ruộng nữa.

Mỗi ngày anh phải như vậy, cái khóc lẫn với cái cười, mồ hôi nước mắt chan cùng ly rượu. Khi khổ thì anh nhớ đủ hết, muốn chết, lúc vui thì quên hết, lại muốn sống hoài.

Cuộc đời của anh an ủi để hành phạt, và hành phạt mãi, rồi an ủi mãi. Anh chỉ là một người dân, dân mãi, mà anh cho là đủ rồi, và không có nguyện vọng chi thêm nữa, thật là tội nghiệp. Đời của anh cũng như con chuột ở trong cái hũ, khổ mà vui, không còn thấy biết rộng hẹp chi cả.

Một người phu xe kéo, gặp phải nắng gắt, hoặc mưa to không hành khách, hoặc phải lúc nóng quá, lạnh quá, mệt quá, run quá anh thấy khổ vô cùng, anh đâu còn muốn sống. Thế mà sau đó giây lát, anh lại rất vui, khi có miếng cơm chén rượu, và anh lại tríu mến khen ngợi nghề của anh nữa, anh muốn sống hoài như vậy. Đời của anh là an ủi để hành phạt, anh là tội nhơn của gió bụi thời gian, thật là tội nghiệp. Rồi đây kiếp tới của anh chắc cũng đi kéo xe nữa, chớ chẳng không, vì anh đâu có biết chi khác hơn, anh là người tội. Mà trong đời, đâu phải chỉ có một mình anh là người tội, biết bao nhiêu những hạng bậc khác, ai lại chẳng phải tội nhơn như anh.

III. KHAM NHẪN

Có một người lúc nhỏ đi ở mướn, nó cho rằng trọn đời nó đi ở mướn như thế là đủ rồi, nó thỏa mãn trong sự ở mướn ấy không còn muốn chi hơn nữa, nó cho là đang hưởng phước, thế là nó an lòng ngơi nghỉ trong cảnh ấy một cách sung sướng lắm.

Chẳng bao lâu nhơn duyên thay đổi, nó trở qua làm ruộng, nó cho rằng làm ruộng đủ rồi, nó thỏa mãn trong sự làm ruộng ấy, không còn muốn chi hơn nữa, nó cho là đang hưởng phước, thế là nó an lòng ngơi nghỉ trong cảnh ấy một cách sung sướng.

Chẳng bao lâu nữa nhơn duyên thay đổi, nó trở qua mua bán, nó cũng cho rằng mua bán là đủ rồi, nó thỏa mãn trong sự mua bán ấy, không còn muốn

chi hơn nữa, nó cho là đang hưởng phước, thế là nó an lòng ngơi nghỉ trong cảnh ấy một cách sung sướng lắm.

Kế đến nó làm quan, sau nữa nó làm vua. Ở cảnh giới nào, nó cũng cho là đầy đủ của nó rồi, không còn biết chi thêm nữa hết! Mỗi khi có sự thay đổi nó cho là thất bại, xui xẻo buồn rầu, nhưng khi cảnh giới sau này tốt đẹp hơn, nó mới biết là sự bỏ thấp lên cao, bỏ nhỏ lấy lớn, đi tới bỏ chỗ đứng ngừng. Mãi tiến lên như thế mà nó cũng chưa biết phải đi đâu, tới đâu nữa, nó không có sự mong mỏi chí hướng chi cả.

Một hôm có một vị đại tiên tới bảo vị vua ấy rằng: Trên vua thế gian là chư tiên, trên chư tiên là vua trời, trên vua trời là Phật, tôi thấy phước ông là một vị Phật, ông là một vị Phật vị lai gần đây, thế sao ông lại chỉ biết có mỗi nấc thang là ngừng nghỉ, mà cho là địa vị của mình, không lo đi tới. Ông biết đâu rằng Phật là chúa tể võ trụ, chúng sanh, vạn vật và các pháp đều là của cải ở trong Ngài. Ngài không có sự cực nhọc giữ gìn, mà không bao giờ mất đi, sai lạc một món. Ngài không còn sự lo sợ chi hết, vua trời, chúa tiên, vua người, thế gian hết thảy ai cũng theo Phật đủ đầy cung kính, khỏi sự rầy phạt chi cả.

Vậy ông nên phải phát tâm làm Phật, ông nên làm chủ tất cả tâm chúng sanh hơn là một ông vua bề ngoài dối tạm, đã không dạy được tâm của ai hết và cũng không ai theo giống được tâm của ông đâu.

Trong đời chỉ có Phật, dạy độ một người là chắc nên một người, mới phải ích lợi hơn.

Vị vua ấy nghe nói như vậy mới giựt mình tỉnh ngộ, biết mình không phải bậc hèn, nên bỏ ngôi vua đi tu, về sau thành Phật hiệu là Thích-ca Mưu-ni đó, còn vị đại tiên kia tức là Phật Nhiên Đăng Phổ Quang vậy.

Trong đời chúng sanh kham nhẫn, cho rằng hạnh phúc của mình lúc nào cũng đầy đủ, người ta chỉ tham lo sự toại hưởng mà không bao giờ biết cố gắng cực nhọc làm thêm. Người ta quên rằng "Hữu phước bất khả hưởng tận", "Hữu thế bất khả ỷ tận", người ta biết đâu câu "Tọa thực sơn băng".

Nguyên nhân của sự khổ là bởi ngồi không ăn hưởng, chớ kẻ siêng năng đâu có bao giờ lo sợ.

Trong đời có lắm người nghe thấy, một vị Bồ-tát phát nguyện độ tận chúng sanh mới thành Phật, là vội lo sợ không đặng thành Phật. Người ta vì tham mà lầm, bởi không hiểu rằng sự phát nguyện là để nhắc chừng trong tâm thiếu nợ, nguyện lực như dây xích kéo lôi, như vách tường sau lưng cản hậu, nhờ đó mà người tu hành tinh tấn đến đắc quả. Cũng như một người đói ăn cơm, càng ăn càng no, càng thấy đói mãi là ăn mãi, tới no đầy không hay, ngủ quên hồi nào không biết vậy.

Một vị Bồ-tát vì nguyện lực mà độ chúng sanh, mới độ được một người như ăn một miếng cơm, càng độ càng no đầy đủ, không còn lưng thiếu. Nhờ mãi độ chúng sanh mà lòng từ bi no đủ tròn trịa, trí huệ sáng thông toàn giác, chơn như, Như Lai thành Phật hồi nào chẳng hay, nhập Niết-bàn ngủ nghỉ lúc nào chẳng biết đến. Càng độ chúng sanh lâu năm, nguyện lực càng mỏn mòn lần, đến khi tâm đã chơn như đại định thì hết mất nguyện lực, hết dứt từ bi, tự nhiên yên nghỉ, chớ không còn thấy thiếu, thấy có chi nữa. Nguyện lực cũng như sợi dây lòi tói, độ được một chúng sanh, cũng như rớt đi một khoen, lâu ngày rớt hết luôn, đâu còn có được.

Người ta có biết đâu rằng chư Bồ-tát thành Phật Như Lai là tâm đã được chơn như toàn giác, đại định, trong tâm định đâu còn có cái chi trong ấy.

Các Ngài đã thành Phật mà nào có độ hết chúng sanh, cái Phật, cái Niết-bàn, cái chơn như đâu có ai cấm cản nó được, khi nó đã được toàn giác, toàn giác là nhờ độ chúng sanh, độ chúng sanh là trau dồi tâm trí; trau dồi tâm trí không giải đãi là do nguyện lực. Nguyện lực làm cho thiếu nợ mãi, trả mãi mới nên được.

Trong đời chúng sanh rất sợ cái thiếu, chẳng bao giờ xem coi mình còn thiếu, vì vậy chẳng tấn hóa, theo kịp ai được hết, thế nên gọi cõi này là cõi ta-bà, nghĩa là kham nhẫn chịu thiệt vậy.

Người ta có biết đâu rằng, không bao giờ có một vị Phật nào mà lại gọi mình là đã thành Phật rồi cả. Ông Phật nào cũng nói là đang tu, chớ đâu có ông nào mà tự tôn, tự xưng, tự đắc; nhưng sao chúng ta lại lầm mà chẳng

chịu so sánh lại tâm mình với các Ngài, coi tâm các Ngài có phải là tốt đẹp hơn tâm mình chăng?

Chúng ta rất ít ai ngờ rằng một kẻ siêng năng làm việc, làm mãi không nghỉ, kẻ ấy làm việc vừa vừa thong thả, nghỉ trong cái làm không sở chấp, mà sau rốt được yên nghỉ hoàn toàn.

Việc ấy có khác hơn chúng ta, khi làm thì chấp làm, làm thái quá, khi nghỉ thì chấp nghỉ, nghỉ bất cập, thật là tai hại, chúng ta mãi tìm vui sướng tham vọng, để cho phải khổ tìm khổ, mà ít hiểu được Niết-bàn ở nơi trung đạo. Thật vậy, chúng ta ai cũng muốn hưởng sự vui sướng bây giờ mà ít ngó lại về sau, chớ chi chúng ta hãy ngó lại về sau, ngó lại trong tâm, thì xác thân bây giờ có cực nhọc chút ít, không nên chán nản mới phải; cũng vì thế mà chúng ta bị ai chê bai cho là xấu hổ, chớ chẳng biết đó là vinh hạnh, vì cái tâm của ta nó sẽ tấn lên một nấc khá cao, và về sau sẽ được vẻ vang rực rỡ.

Trong đời khi chúng ta bị người sai khiến, chúng ta đã vội phản đối. Khi bị người ghét khinh, chúng ta lại phiền giận mà chúng ta quên mất bài học, phép tu quý báu đó, có ích cho tâm ta, có lợi cho ta về sau. Trong đời lắm người sợ cái nghèo, cái hèn, cái nhục xấu thấp thỏi; kẻ ấy rất lầm, vì bởi quên sự tu học, chẳng chịu ngó đến các nhà tu học. Kìa đức Phật Thích-ca Mưu-ni bỏ ngôi vua đi làm kẻ ăn xin tu học, mà thiên hạ tôn là Pháp Vương, thầy cả cõi trời người.

Một ông vua còn một chút sân giận thì nguy nan cho tánh mạng ông ấy và hại tất cả thần dân. Một ông vua còn một chút tham lam thì nguy nan cho tánh mạng ông ấy, và hại cho tất cả thần dân. Một ông vua còn một chút si mê thì nguy nan cho tánh mạng ông ấy, và hại cho tất cả thần dân.

Ông vua ấy vì cao ngôi quá, không ai dám dạy được ông, nên mới như vậy!

Một ông vua thánh kia vì sợ tội lỗi, sợ chết, sợ khổ, sợ cái tự cao, nên bỏ ngôi vua, hạ mình thấp thỏi xấu xa, để tập tâm sửa tánh, vui chịu sự chê bai khổ nhọc, là bởi ông vua ấy xét rằng trong đời chúng sanh ai mà không khổ, ai mà không muốn kiếm tìm nương dựa theo ông, nhưng nếu tâm ý ông còn

tham sân si tội lỗi thì chúng sanh kia ắt lầm lạc ông, chắc chết khổ hết, chẳng ai dám theo ông, họ không còn tin ông là: cội cây che chở cho họ, vì tâm ông như thế là chết khổ cho họ, chớ đâu phải là hạnh phúc của họ.

Dầu ông có quyền thế ép buộc họ theo đi nữa thì cũng không còn sự ích lợi gì cho ai hết, và chẳng chắc chắn bền lâu tốt đẹp được.

Trong đời chúng ta ai chẳng mong ước sự thành công, sự vẻ vang bên ngoài, nhưng ít ai chịu ngó lại thâm tâm mình, nên phải bị vô thường thất bại, xấu hổ mà chúng ta chẳng biết nguyên nhân từ đâu.

Khi chúng ta bị ai chửi là chúng ta giận ngay kẻ đó, mà không chịu xét lại tại cặp mắt mình có lỗi, háy nguýt người ta.

Khi chúng ta bị người đánh đập thì chúng ta vội đánh lại họ, mà chẳng chịu tự đánh lấy cái nết hạnh xấu xa, không nghiêm chỉnh của mình.

Chúng ta mãi chê người mà chẳng biết tìm kiếm chỗ chê mình, chúng ta hẹp lượng quá, sái quấy quá.

Chúng ta quên rằng cái trái nó vẫn lo sống lấy nó, mà khi nó chín thì ai cũng tìm đến cũng dùng được.

Một viên ngọc nó có khoe khoang đâu, mà ai ai cũng tìm kiếm chen đua.

Một ngọn đèn nào có ngó riêng ai mà tất cả ai cũng nhìn xem, và đến gần nó.

Như vậy tại sao chúng ta chẳng trau tâm ta cho tốt đẹp trước sự thành công vẻ vang. Tại sao chúng ta chẳng lo trau quả tâm ta để mãi lo việc đạo bên ngoài chi cho thất bại tội lỗi.

Chúng ta ai cũng sợ người ta xem mình là vô ích, là không quan trọng, nhưng cái hữu ích và quan trọng là tâm ta chớ, vì ai cũng tin được tâm ta hơn là việc làm bên ngoài của ta.

Kìa một nhà buôn bán gặp mùa kinh tế, đồ vật hư, giá rẻ, không có khách hàng, có phải người ấy lại đổ thừa tại đồ vật, tại kẻ làm công, tại người ta đói nghèo không? Không! Người ấy cần phải trau tâm cho thật hoàn toàn tốt đẹp đi, rồi thì không thiếu gì khách mua sẽ đến, đồ xấu bán cũng nhiều tiền, và

tất cả ai ai cũng giàu sang đối với cửa tiệm người. Chắc chắn như vậy, việc gì cũng vậy!

Sự thành công vẻ vang là bởi tại tâm, sự thất bại xấu hổ cũng tại tâm.

Vậy chúng ta nên phải trau tâm, tâm quả thành là đạo sẽ thành, tâm quả thất là đạo sẽ thất.

Vì vậy mà kẻ trí trau tâm chớ chẳng dồi thân, nói ít mà nên, làm ít mà hay, lo ít mà đặng, là bởi nơi tâm đã trọn tốt. Một người địa vị tối cao quan trọng mà tâm tánh xấu xa, thì cơ thâm họa diệc thâm, chớ có ích chi mà chúng ta vội tìm ham muốn.

Tài học sao cho bằng đức hạnh. Đức hạnh mới được bền dài cao quý hơn.

Cũng vì vậy mà đức Phật xưa có nói, thà là chúng ta đừng làm chi hết, hay tốt hơn là trau tâm trước rồi sẽ làm sau, chớ đừng vội tham làm, làm cho nhiều để thất bại cho nhiều, đã bị chúng cười chê và không kể công lao với ai đặng.

Thế thì chúng ta phải tu, tu trước đã. Hãy xét ngó tâm mình, đừng ngó việc người.

Hạnh phúc của ta ở nơi tâm ta. Sự nghiệp của ta lớn nhỏ là tùy nơi tâm ta lớn nhỏ. Đạo quả trong ngoài kết thành một lượt không mau chậm.

Vậy nên chúng ta phải tu trước mới nên được việc, và tất cả chúng sanh đều có tương lai tối cao tốt đẹp, ai ai cũng sẽ là Phật, nhập Niết bàn được hết, ai cũng là đấng chúa tể võ trụ như nhau, chớ không ai hơn ta được, vậy nên chúng ta chớ nên chịu thua sút kém ai, ta chớ nhịn nhường ai, ta phải tu, ta phải ngó vào tâm ta, ta cung kính tâm ta hơn hết, tâm ta đừng kham nhẫn, chịu thiệt kém hơn ai; còn thân ta, việc ngoài hôm nay ta không nên cố chấp hơn người cho lắm, ta nên xem sự thiếu thốn đó là những pháp trau tâm, rèn luyện tâm, tốt đẹp cho tâm vậy.

IV. ĐI TU

Thuở xưa có người hỏi một vị tỳ-kheo rằng:

Vấn: Tại sao ông đi tu?

Đáp: Vị sư trả lời rằng: Tôi đi tu cũng như các ngài không tu. Trong đời kẻ không tu thì lo việc này, làm việc kia, nói việc nọ để cho có ích lợi, còn tôi lo cho tâm, nói cho tâm, làm cho tâm, để cho có ích lợi.

Việc của người không tu thì thất bại, còn việc của tôi thì thành công. Trong đời ai cũng muốn làm công thợ mãi, ai cũng muốn khéo nên, ai cũng muốn cất nhà tốt đẹp. Những nhà cất ấy không lẽ bỏ hoang, không lẽ rước trộm cướp vào ở, người thợ phải kiếm chủ nhà có được tâm tốt đẹp mới biết dùng được nhà ấy. Người chủ nhà ấy là người tu, còn người không tu như công thợ, và công thợ thì không bao giờ có nên được cái nhà tốt đẹp để ở cả. Còn kẻ ác quấy như cây dại, cỏ rác mọc bậy, cong vạy, sẽ bị người nhổ liệng.

Vậy nên người ta phải tu, có tu mới được kết quả, thành công toại hưởng ở trong cõi đời. Đời là nhà vậy.

Vấn: Người không bỏ gia đình, xã hội có tu được chăng?

Đáp: Không! Ở trong trần thế, người ta chỉ mới tập tu, hay là tu để làm người, làm Trời, chớ chưa thành Phật, toàn giác tối cao ích lợi được. Nên đối với đạo Phật thì gọi tại gia cư sĩ là chưa tu, mới làm bậc từ thiện thôi. Ở trong cảnh trần tục, người ta không thể trau tâm y như Phật được. Ở trong bùn có ai mà không dính bùn, có ai uống rượu mà chẳng say, dễ ai say mà không loạn, khó mà gần sắc không đắm, gần tiền thì phải tham, gần ác thì không thiện.

Chúng ta đâu dám tự cao, xưng Phật mà gọi tâm tịnh hơn cảnh tịnh. Đâu có vị Phật nào ở trong trần, đâu có hoa quả sen nào ngâm trong nước đất.

Người đi tu là đổi xã hội xấu ra xã hội tốt, đổi gia đình dơ ra gia đình sạch. Người đi tu chớ đâu phải bỏ chúng sanh! Đời là chết đến khổ, khổ rồi chết, ác đến thiện, thiện rồi ác, chẳng đường đi, xã hội gia đình nhơn loại có

đâu tốt đẹp. Thế nên một người tu là đứng ra một bên ngoài, tránh khỏi chỗ tội lỗi xoay tròn ấy. Người trau tâm dồi trí tu hành, tìm học, dạy lại người khác, để đi trước dắt đường, mở lối đi ra cho tất cả tiến lên. Người tu để lập một thế giới tốt đẹp hiền lương cho những bậc khá cao, học trò cũ. Người tu để lập đại gia đình chư Phật sống chung. Người tu để lập đại xã hội chư Phật sống chung. Người tu để lập đại thế giới chư Phật sống chung.

Bên trần thế, cỏ cây thú càng tiến lên người mãi mãi, thì lớp bên nây quốc độ chư Phật cũng sẽ mỗi ngày một đông thêm nhiều, cho những bậc già kinh nghiệm. Thế giới thứ hai là đạo đức ấy, bao giờ cũng phải có, cho thông đường lối của chúng sanh bước tới, mới tránh được sự dội ngược, xô đùa lẫn nhau.

Như vậy là hai thế giới, hai bên đều tiến tới mãi, cho đến khi nào quả địa cầu này nổ xẹp, bên cõi đời tiêu tan hết thì bên thế giới đạo đức sẽ còn lại, những hột giống của quả địa cầu là chư Phật, và các ngài sẽ dời qua những thế giới khác nữa.

Vì vậy mà một nhà sư kia nói rằng tôi chỉ muốn cho cõi đời là thế giới chư Phật, bằng chẳng vậy, thế giới của nhơn loại tôi không thích đâu, nhơn loại tội lỗi lắm, các Ngài không chịu biết đến việc của nhơn loại. Các Ngài cho là vô ích lắm. Vô ích thật. Kìa trước mắt ta đã từ xưa đến nay, cõi đời có gì thay đổi? Có rồi chi đâu? Gia đình nào mà không còn tội lỗi? Xã hội nào mà được hoàn toàn trong sạch?

Từ vô thỉ tới nay, cõi đời nào đã là thế giới Phật? Còn tâm của chúng ta, ai mà không yếu đuối nhũn mềm nhỏ hẹp ích kỷ, ai mà chẳng luyến ái tư riêng? Nào là thất tình điên đảo, nào là tám gió cuộn xoay, nào là lục dục hấp dẫn, nào là tám pháp trầm mê, tam đồ, bát nạn, vì nhơn duyên tập mà phải khổ, vì ngũ trần mà phải chết v.v… sự phiền não không sao kể xiết được! Cũng vì thế mà có một nhà sư dạy rằng: Trần thế bảo ta phải tu, ta không nên trái cãi. Như kia: Ông cha ta đi cắp trộm, mẹ dì ta mê đánh bạc, anh ta là kẻ ngang tàng, chị ta là người chửi rủa, em ta đi giết người, chú ta say rượu, bác ta ăn thịt, cậu ta tà dâm, cô ta lại hút xách. Gia đình của chúng ta thiếu chi cảnh ấy, nó bảo chúng ta phải đi tu.

Kìa xã hội ta, biết bao nhà vua vì sắc, biết bao vị quan vì tiền, biết bao binh tướng vì danh, biết bao kẻ giàu sang vì lợi, kẻ nghèo nàn thì tật đố, làm dân dã thì cang ngạnh, người tội nhơn thì dốt nát, cảnh ấy là bảo chúng ta phải đi tu, pháp luật bảo chúng ta phải đi tu, lẽ không thường khổ não, không ta, không của ta là bảo chúng ta phải đi tu.

Sự không tự do, sự bất mãn, các sự khổ ép ngặt là bảo chúng ta phải đi tu. Chúng ta không đi tu là có tội, là tội nhơn bị nạn khổ. Đành rằng ta đi tu là xã hội gia đình xấu hổ, như bị ta chỉ trích phiền hà, vì lẽ người hiền không thể ở được trong đời, và bao nhiêu kẻ trong xã hội, gia đình mà không dung chứa được một người hiền, tưởng như thế, họ mới phải phản đối ta, gàn trở ma vương, phá hoại ta, và níu kéo ta, bởi sợ ta hơn họ, sẽ bỏ họ. Họ hiểu lầm, chẳng biết được sau này, ta sẽ dắt độ lại họ.

Nhưng thật ra trong chỗ tội lỗi dơ dáy ấy, bằng có một người đi tu, cũng là còn khá hơn, hơn những gia đình xã hội kia mà không có một người tu nào để dẫn đường cho họ cả.

Vậy nên chúng ta phải đi tu, đi tu quí ích lắm, để dẫn đường cho thiên hạ, và để đem lại sự tốt đẹp trang sức cõi đời, lập đạo cứu vãn cho đời.

Kìa trước mắt ta, ở trong trần bụi, ai mà không lem lấm. Một ông già kia như Phật, tuổi gần chết mà còn ở gần con cháu, để được miếng ăn ngon, không dạy ai được một câu, mà còn ăn của tứ đại, còn đi trên mặt đất, lại cho rằng hết việc, ở không chờ chết, báo hại trẻ nhỏ cùn đầu, mất trí, cái nạn cha chết con già, cho vay đòi nợ vì tham, mãi mãi không được mở mang tấn hóa, chỉ nối xoay chuyền cái vòng luân hồi khổ tội, cha trở sanh làm cháu, sanh ra để phá hại tứ đại, làm khổ muôn loài, đục chui ở trong trần bụi.

Một người lớn nọ như ông Trời, tuổi trên 30, như trái to đúng sức, không còn nở lớn xinh đẹp, thế mà cũng muốn sự ăn nhiều, ở không, tìm sự vui chơi, cười giỡn, giành giựt khoe sắm, làm nói bộ tịch như trẻ con, chen lấn hiếp đáp trẻ con, giết hại chúng bằng sự xúi giục.

Một trẻ nhỏ kia lìa bỏ thôn quê hiền hậu, bước chân ra thành thị để tập làm kẻ gian tham. Một học trò trốn học ra đi trộm cắp, trăm mưu ngàn kế, giựt giành.

Một người đàn bà lớn tuổi nọ, bỏ gia đình đi kiếm trai tơ, se sua chưng diện, đua chen xài phí, đánh lộn chửi la, sanh lứa đẻ bầy. Một bà già bảy mươi kia, mắng con chửi cháu, tật xấu càng sanh, thèm ăn ham của, thương nhớ lẫn khờ.

Một em bé gái nọ tuổi mới mười ba thoa son dồi phấn, nhón chân uốn tóc, khoe sắc khỏa thân, để bẹo như kẻ bướm ong.

Kìa con vua quan, con giàu sang, con người nghèo khó, con kẻ làng chơi; nọ già trẻ như nhau, lớn nhỏ lộn xộn, cõi đời xao xuyến, hỗn độn lăng loàn, trong trần thế có sẵn đúng y như vậy.

Người mang tên thú, con giết cha, vợ hại chồng, em gạt anh, phi ân bội nghĩa, bất lương vô đạo v.v… Những cảnh ấy nó bảo chúng ta phải đi tu cả thảy. Nó không cho chúng ta bênh vực tư vị những sự sái quấy ấy được.

Trần tục nó tạo ra cõi đời bại xuội, ru hồn liệt nhược, yếu ớt trí tâm, bận con đông, bỏ việc làm lành, tiếc của cải, mặc cho ai chết thảm, sanh con nhiều không lo dạy, xúi chúng trộm cướp, giết người đoạt vợ người, cướp gái tơ, cõng con họ, đốt nhà đoạt ruộng, biết bao nhiêu muôn ngàn thảm trạng của thân tâm người thú, mất trí điên cuồng, khói dậy mịt mù, kinh thiên động địa.

Ở trong trần khói bụi, chúng sanh, người thú, cỏ cây sanh diệt, giống nhau như một loại, thảy đều do nơi tứ đại vật chất, là cái ác nắm chủ quyền, thưởng phạt một tay, sanh ra rồi sát. Chúng sanh là con cháu của quỷ vô thường, là tay sai của tứ đại, phục mạng lịnh của ma vương, không có ai tự chủ lấy mình, sự nên hư giỏi dở cho được.

Đời đạo như nhau, ác cao thiện thấp, bỏ đạo lo đời, sự ác nêu danh, tu hiền trốn tránh, địa ngục có trên mặt đất, dẫy đầy sự dơ dáy thúi hôi, xấu xa phân uế, cõi trần xưa nay đã y như thế tất cả.

Chê Phật bỏ trời, đoạt quyền cướp thế, dẫn dụ giết người, hiếp đáp người cô, phá hại kẻ hiền, biết bao những sự vô đạo bất lương ác liệt vô cùng để tạo nên miếng ăn. Mạng sống của người tình tội, làm cho Thánh hiền đọa lạc, thần tiên sa ngã, là cũng tại nơi xác thân vật chất mà ra.

Một ông vua ngồi trên chiếc ngai vàng của bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, xương thịt của những kẻ trung thành. Một vị tướng sai quân ra chiến trận, lót da đẫm máu.

Một người giàu sang, lúa trữ đầy bồ, mà nỡ bỏ kẻ xung quanh đói khát. Ở một ngôi nhà to, ấm kín riêng cùng con vợ, cười nói lãng quên, không dám thấy nghe sự khổ chết, khốn khó, tai nàn của trăm họ. Lòng nhơn phải bị đất lấp chôn sâu chết ngộp, không nhơn, chẳng nhơn, mất nhơn, bỏ nhơn, cái nhơn khó mà thấy nghe kiếm gặp.

Hòn núi thiết vi u ám của lời nói là sắt, việc làm là dây, sợi dây sắt của nói làm càng nối dài, quấn chặt, bao vây, phủ trùm nhốt chứa chất cao, lớn mãi, nhốt trói con người, che đậy trí tâm nhiều kiếp chưa ra được! Núi ấy là tội lỗi của ác trần, từ trong cõi trần thế tạo ra tất cả, và nó chôn lấp tất cả.

Tứ đại sanh ra hồn xác và nuốt tiêu hồn xác của chúng sanh, thật là tội lỗi, chẳng ai mượn bảo, mà nhơn duyên lại đốc xúi sanh ra, sanh ra rồi lại diệt, thật là chướng nghiệt. Chúng sanh trong đời là những đứa con khờ dại, nào có biết hay gì tánh mạng nay mai còn mất. Tội nghiệp cho chúng sanh, nếu chẳng nương theo bà mẹ tứ đại thì còn phải biết theo ai, mà tin bám theo trần thì có ngày chết khổ. Khó nỗi đứng yên, cùng đi tới, trăm người khó nên được một. Cũng vì vậy mà chúng ta phải tu, có đi ra khỏi bụi trần mới có tu, đi tu là để phủi rửa sạch bụi trần, đứng trên trần bụi, đừng cho lem lấm, mới nên được sự yên vui ích lợi.

Đi tu đúng chơn lý, chánh lý hơn hết.

Đi tu là con đường giác ngộ quý báu lắm.

Đi tu là để giải thoát trần khổ, để làm người giác ngộ, và dắt dẫn chúng sanh.

Đi tu để lập đời tốt đẹp, cải sửa phong tục, khai đường mở lối cho thiên hạ.

Người tu sẽ được đứng yên trên mặt đất, cõi đời chỉ dung chứa người tu.
Người tu là được sống ở đời tốt đẹp.

Vậy nên chúng ta phải đi tu. Kìa kẻ không tu đang bị trần chôn nhốt, đang bị đời giết hại, đang bị người xua đuổi, kẻ ấy sẽ rồi không còn chi hết ở trên mặt đất này.

Quả thật như vậy, chúng ta chỉ lo tu học, không nói làm lo nghĩ chi cả, mà lại thành công, mới thật là báu hay quý lạ! Vì bởi lẽ trần thế không bao giờ tôn trọng một người ác quấy tội lỗi.

Vậy thì đi tu là đúng lý hơn hết.

Chúng ta nên phải đi tu hết.

CHƠN LÝ 29
ĂN VÀ SỐNG

Trong đời ai cũng phải ăn đặng sống.

Nhưng bởi có cái sống trước, mới có sự ăn sau,

Vậy thì muốn sống là chớ sát sanh, muốn ăn thì không nên trộm cắp.

Xưa kia có một vị quan văn hiền đức, bị kẻ nịnh âm mưu hãm hại, khiến nên lịnh vua lại sai Ngài cầm binh đi ra dẹp giặc Hung Nô. Ngài không thế gì tâu xin chi được.

Khi đem binh ra đến nơi, đóng trại xong, Ngài truyền lịnh treo cờ, rải giấy khắp nơi như vầy: *"Phải ăn và sống, là đừng sát sanh trộm cắp"*. Câu nói ấy nghĩa là: Ai cũng phải sống hết, mà sống là phải nhờ ăn. Vậy nên ăn và sống là hai vấn đề rất liên quan cần thiết. Hai pháp ấy có ra là do sự: không trộm cắp, không sát sanh trước hết của người cư gia hữu lậu.

Ngài dạy rằng: *"Nhơn loại phải biết trọng nghĩa khinh tài"*. Người đừng vì miếng ăn mà liều mạng. Kìa như một bà mẹ sanh ra một đứa con, cái sống có trước rồi sau đó mới nói đến sự lo ăn. Đành rằng có ăn mới sống, không ăn là chết, con vật còn muốn sống, khi đã có cái sống, huống chi người ta, nhưng chúng ta cũng nên biết thêm rằng no quá là cũng phải chết. Con người vì tham ăn mà phải chết, hại nhau, thì có ăn được món chi nữa đâu. Như thế thì sự ăn chốc lát chẳng no ngon bằng sự bền dài. Người mà biết sống, biết ăn để sống; hay biết sống có ăn, thì kẻ ấy há lại vì miếng ăn, mà phải chết hết với nhau sao? Vả lại chúng ta ăn là để sống, chớ phải nào sống để ăn, vì

miếng ăn là để chết, tìm chết. Như vậy là người ta nên phải biết trọng nghĩa khinh tài! Người ta đừng coi tài quá trọng, khinh mạng hơn rơm. Chúng ta nên phải biết rằng mạng người quý báu, cái sống khó tìm, khi chết đi đâu còn sống lại, chớ của cải trước sau mau chậm, có ngày ta kiếm được. Vậy thì chúng ta muốn sống là phải làm cho mọi người được sống. Ta muốn ăn là phải giúp cho mọi người có ăn, nếu khi ta có thể tiếp sức cho họ, mà nhứt là đừng phá tán người, để xúi người hãm hại lại mình bằng cách vô lý.

Trước hết ông quan ấy giác ngộ cho quân binh bằng sự nhắc tích đến một ông quan kia ngày xưa.

Thuở xưa có một ông vua nước lớn được người ta cống sứ cho 18 cái lục bình quí rất to. Một hôm có một thái giám vô ý lỡ tay trong lúc lau chùi, làm rớt bể mất một cái. Vua quá giận, truyền bắt đem đi xử trảm. Khi ấy có một vị quan to, bước ra quỳ xuống xin tha tội cho người thái giám, mà tâu rằng kẻ hạ thần đây có thể hàn dính cái lục bình bể ấy lại y như xưa, cho đến không còn dấu vết nứt răn chi được. Vua bèn ưng chịu, cho người dắt ông đến cái tủ đựng lục bình. Ông ấy liền xô cái tủ ngã xuống, đổ vỡ tan cả 17 cái kia còn lại, mà đi đến tâu với vua rằng: *"Từ khi chưa có những chiếc lục bình ấy thì tâm nhà vua rất trọn lành tròn trịa tốt đẹp, quí báu biết bao nhiêu. Thế mà không dè chỉ vì một cái lục bình bể mà nhà vua lại thất đức, mê tâm giết hết một mạng người, để phải mất lòng thiên hạ, tánh ác nêu gương, thì sự hư hại lớn lao ấy sau này biết sẽ xảy ra bao nhiêu việc thảm họa. Hôm nay nếu tôi còn để 17 cái lục bình này nữa thì còn phải chết thêm 17 mạng người vô tội như kia nữa. Vậy nên tôi muốn xin liều chết một mình để cứu mạng cho 17 người sau này, và để tránh sự hại cho tâm của nhà vua cùng việc mất lòng thiên hạ, có như thế nhà vua mới khỏi mang tiếng là không sanh ra người được, mà sao lại nỡ giết hại người, khinh mạng người rẻ hơn đồ vật"*. Khi đó, nhà vua bèn tỉnh ngộ hối quá, lấy tâm mình tha chết cho cả hai, mà lại trọng thưởng vị quan kia thêm nữa. Và từ ấy về sau, nhà vua hằng lo trau tâm gìn đức, trở nên một ông vua nhân từ đức hạnh, thiên hạ khắp nơi thảy đều tùng phục.

Ông quan văn ấy thường giảng giải cho quân binh nghe như vậy, nên không còn ai muốn ham đánh giặc, giết chết nhau nữa.

Ông truyền đem phân nửa số của cải tiền lương giúp đỡ sự đói rách nóng lạnh, bịnh đau cho dân mọi. Ông dẹp bỏ lần lần hết khí giới, ông cất lập nhà thương, nhà dưỡng lão, nhà mồ côi, trường học, nhà bảo sanh, nhà chẩn tế để giúp đỡ cho dân mọi. Giúp vốn cho kẻ làm ăn, nhứt thiết cái chi chi, ông đều bố thí ra mà không cần thâu vô vụ lợi. Ông dạy quân lính phải biết tự lo làm ăn và dư ra là nên bố thí để cho sự sống và ăn của hai bên không chênh lệch nhau, thì mới được yên vui cho cả thảy được. Ông lại bày cho sự cưới gả với nhau để cho hai sắc dân hòa hợp, mà tạo nảy kết quả của một khối thương yêu mật thiết, vật chất lẫn tinh thần, là một sắc dân thứ ba mới lạ. Ông cho đó là sự đúng chơn lý, lẽ chung, không riêng tư chia rẽ phân biệt. Ông lại tôn thờ cả hai chủ nghĩa tông giáo của hai bên, ông bày cất ra cho nhiều chùa, nhà thờ, nhà giảng, cho khắp nơi dân mọi đến ở. Ông thương dân mọi cũng như ông. Ông dạy quân binh phải có bổn phận như kẻ đàn anh hy sinh giúp đỡ cho đàn em út. Ai ai muốn tu theo đạo giáo của bên nào cũng được. Ai muốn bảo giữ đạo của mình tự ý, và chẳng ai được chỉ trích lẫn nhau, mà tốt hơn là mỗi người hãy ráng học thêm những giáo lý của nhau.

Cũng nhờ thế mà dân mọi khắp nơi kéo rủ nhau đến ở trong miếng đất của ông, theo với ông, chịu phục làm dân. Họ bỏ cả gia đình, xã hội, cha mẹ, vua quan của họ. Họ thân mến ông là bởi ông không tham lam vụ lợi, ông rất ưa thích cái nghèo, đủ ăn để sống, và ra sức giúp đỡ người người. Ông biết đến chỗ cần thiếu của người ta, nên gần ông, là ai ai cũng như no lòng mát dạ. Ông lại học tu theo Pháp Phật, ông biết kính đạo giáo của người, ông thường đem đạo lý chỉ giải cho mọi người. Vì thế mà ai ai thảy đều kính phục những việc làm lời nói đúng đắn cho ông hết. Ông rất quí trọng sự bình đẳng. Ông không cho ai kêu gọi ông là quan. Ông khuyến khích mọi người, nâng cao gương đức hạnh, mộ tu ham học, bởi đó mà các quan vua mọi, lại cũng đến lui thân mật với ông, ông hằng tiếp rước họ tại chùa, nhà thờ, nhà giảng của họ, để bàn luận đạo lý mà không hề nhắc tới chiến tranh chi cả. Thế nên chẳng bao lâu, xứ mọi ấy thảy theo ông, theo bằng đại đức của ông, ông là thủy tổ của một giống dân màu da mới. Người ta tôn thờ ông như một vị giáo chủ, như trời, hơn vua: vì bởi ông đức lớn trong sạch hơn hết. Ông không có vợ con, ông biết quý trọng miếng ăn, sanh mạng của người, của vật. Ông không sát sanh, trộm cắp, dâm dục, không nói dối, khoe khoang, đâm

thọc, rủa chửi, không uống rượu, ông không ngồi ghế cao nằm giường rộng chiếu lớn xinh đẹp như vua, không nghe xem hát múa đờn kèn chỗ đông vui yến tiệc như quan, không chưng diện trang điểm áo quần như giàu sang, ông ngày ăn chay một ngọ, và không rớ đến bạc tiền của quý, ông lại có giữ đủ oai nghi hạnh kiểm trang nghiêm, tự nơi ông hằng có đến cả mấy trăm điều luật khắc kỷ.

Ông thật là một người tốt đẹp xinh lịch đủ cách về tinh thần, cho nên ai ai thảy đều sùng tôn bái trọng. Như thế tức là ông đã thành công, ông thành công trong chỗ chết, ông thành công làm cho tất cả ta và người, ăn và sống phải như nhau, bằng nhau, biết sống để ăn, biết ăn để sống.

Sau khi ông thành công chỗ đó xong, ông lại đi đến những nơi loạn lạc rối khổ khác để tế độ họ, cũng y như vậy. Trọn đời của ông, ông tạo lập ra không biết bao nhiêu xứ thiên đường cho nhơn loại, nơi những chỗ có chiến tranh. Ông là võ trụ tạo hóa sanh ra miếng ăn và sống, cho những chúng sanh tai nạn.

Về sau nhà vua hay biết được sự thành công đạo đức của ông, bấy giờ rất mến trọng ông, cho triệu ông về phong thưởng chức quyền to, nhưng ông không chịu nhận. Nhà vua phong tước vương cho ông và cho luôn cai quản những dân đất ấy, ông cũng không chịu lãnh, vì ông chỉ muốn thong thả rảnh rang, giúp sự chỉ bảo cho người, chớ không mong danh lợi. Chính ông cũng như một người tu, ông là một người tu xứng đáng, ông cũng như một vị vua trời, một vị bồ tát để cho thiên hạ hưởng nhờ nương dựa. Ông là một đấng cứu thế dạy đạo lo đời, ông là mạng sống miếng ăn của loài người, và chỉ có ông mới là một người biết bỏ khí giới chiến tranh, không dùng đến khí giới chiến tranh ở trong đời, do đó mà ông đặng chỗ hơn người. Ông hơn người là bởi ông biết trọng giáo lý, chủ nghĩa, lòng tự trọng, chỗ khát khao của người người. Ông hơn người ở chỗ giải quyết xong sự khó nhứt của loài người là "ăn và sống" một cách rành rẽ. Người ta mà tôn trọng là bởi độ lượng cao lớn rộng rãi của ông, vì ông cho rằng ai cũng là phải hết! Giáo lý chủ nghĩa nào cũng là phải cho nhơn duyên trình độ mỗi lúc, mà kẻ kia là chưa giống theo kẻ nọ trong ngày hôm nay được. Như thế tức là ông không có tranh đấu, ích kỷ, tư vị, cá nhân, chia rẽ. Ông biết dùng người, biết dùng tất cả, chẳng bỏ sót ai ai, với đức tánh nhân từ đạo đức của ông. Ông

mà được giải thoát trong sạch là bởi ông biết tôn thờ nghĩa vụ lên trên, mà giải thoát trong sạch vợ con, chỗ ở, món ăn, sự mặc. Ông mà được tinh tấn là nhờ chỗ không nghĩ đến bịnh hoạn của xác thân mình, bởi ông cố gắng lo cho người ta, nên ai ai cũng hết lòng lo cho ông trả lại. Ông mà được sống dai, không phải chết và nên đạo được là bởi nhờ ông biết đem tài hộ đạo, đem phân nửa của cải ra bố thí, giúp đỡ cho người được ấm no, đặng sau này dạy dỗ cho họ tấn hóa thêm.

Cũng vì tấm lòng từ bi thương xót của ông và sự thật tâm của ông, mà tất cả đều xem ông như một ông cha hiền cao quý. Người ta, trẻ nhỏ, kẻ ác, không ai tranh cạnh ông, là bởi việc làm của ông là hy sinh khổ nhọc, không không danh lợi. Vì thế mà ông được yên vui lắm, tự chủ lắm. Ông làm cũng yên vui mà nghỉ cũng yên vui, nói cũng yên vui, mà nín cũng yên vui, lo nghĩ hay không lo nghĩ thảy đều yên vui cả. Đời của ông tức là đời yên vui, cõi đời là cõi yên vui đối với ông. Chính ông là bậc giác ngộ, đúng chơn lý tiến hóa nên hay ích lợi lắm. Ông là bậc đi trên trước kiểu mẫu, xứng đáng cho những kẻ đàng sau noi theo. Người ta nói rằng ông không phải chết vì tay kẻ mọi kia, là bởi ông không tham lam tiếc giữ của cải vô ích, ông biết đem của cải dùng trúng cách hạp thời. Cũng như ông muốn được yên thân là ông đem tiền phân nửa ra mướn mọi làm tôi tớ, giữ nhà cho ông.

Ông cho rằng "*Ăn và sống là phải bằng nhau!*" Ông cũng như một cậu công tử bé con ở trong một lầu đài sang cả, còn đám mọi xung quanh là những gia đình to lớn đông nhiều, mà lại đói khát nghèo nàn, thì hỏi thử ai mà lại không phải là giặc nghịch đối với ông, vì đói quá. Và ông tự hỏi thử có phải cậu bé ấy lại ỷ của, bỏn xẻn, mà đem sức lực đánh dẹp người ta nổi không? Với cả trăm ngàn đám giặc, vì ai cũng là giặc, bởi tham và thiếu. Nào chúng ta có ai lại dám nói rằng là cậu bé ấy phải ỷ sức ỷ tài, mà không phải là giác ngộ đến đạo đức?

Cũng như kia một kẻ ăn mày đói khát, đi xin ăn nơi trước cửa, có phải cậu bé kia lại nạt nộ chửi rủa đuổi đi và đánh đập họ không? Có phải chúng ta lại nói quát nạt rằng đồ chết đói, phải đi đi hay không? Có phải là ta cư xử vậy mà họ đi không? Chắc hẳn là không! Mà họ còn làm dữ gây thiệt hại cho ta thêm nữa là khác! Vậy sao chúng ta chẳng biết đem cho họ một tô cơm, để cho họ được no rồi họ tự đi, có chẳng là yên vui cho tất cả? Hay

là chúng ta nhịn phân nửa chén cơm nơi miệng của chúng ta mà giúp cho họ gọi là ăn và sống là phải bằng nhau đúng phép, như thế có phải quý hơn? Tham lam để chết bậy, với không tham lam để sống nên, hỏi vậy chúng ta tự thử muốn cái nào?

Nào ai chúng ta có phen đã tự hỏi lấy mình như vầy: *"Khi mới sanh ra nào ta có đem theo món chi gọi là của cải, mà sao hôm nay chúng ta lại cố chấp là của ta?"* Hỏi vậy ta có biết rằng ta đang vay của ai đây hay chăng? Mà lại muốn ham nhiều ít? Và khi chết đi, ta được đem theo món gì cho tâm hồn? Vậy sao hôm nay chúng ta lại ích kỷ bỏn xẻn, mà đành bỏ những kẻ xung quanh như nhau? Giả như chúng ta có lần gặp một đứa bé, bẻ một trái bắp của người trồng tỉa. Người ấy la lớn lên rằng: *"Đứa nhỏ kia, sao người lại hái trái bắp của ta trồng?"* Nếu như đứa nhỏ ấy lại trả lời rằng: *"Còn ông, ai lại cho phép ông đào đất, múc nước, cuốc cỏ, đốn cây, giết thú? Ông có hỏi xin gì vũ trụ tạo hóa?"* Và có ai trả lời rằng: *Ừ, ưng chịu cho ông làm ngang ấy không?* Ví như cỏ cây, đất nước không có tiếng nói trả lời, chớ còn con thú vật, nó đã giãy giụa, phản đối, kêu la, nguyền rủa, mà sao lại người ta đang tay giết nó, đó là lẽ biết có sự xin và cho ư? Như thế chúng ta thử tưởng xem, người trồng tỉa nọ sẽ trả lời ra sao? Chắc là không trả lời ra sao được hết, vì ai cũng tham ngang cả, và ở trong đời là ai ai cũng giành cướp của nhau, giựt chuyền tay lẫn nhau, cái tham lấy của tham, trộm cắp của người trộm cắp, mạnh được yếu thua, lớn hiếp đáp nhỏ, đời đã như thế thì còn có gì là lẽ phải, và sống ăn được. Thế mới biết rằng không có lẽ phải ở nơi sự vật chất, xác thân, ở nơi sự dốt nát, trẻ nhỏ, cái ác, cái ăn đặng. Như vậy thì ta đi chấp trách những trẻ nhỏ mà làm chi? Tại sao chúng ta chẳng thương xót nó, giúp đỡ nó, và dạy bảo cho nó, để tỏ ra rằng: ta là người đã biết, đã có cái biết, có biết phân biệt, ta có trí giác biết độ lượng hơn nó. Ta biết đến công lý, là tự biết đến lẽ bất công của ta mà tha thứ giúp đỡ cho sự bất công của kẻ khác đối với ta. Tại sao chúng ta quá dốt nát, đi chê bai chỉ trích đả đảo những kẻ khác, mà chẳng chịu xét thấy lỗi của mình để đặng chữa sửa cho mau tấn tới, tại sao chân mình những lắm mê mê lại cầm bó đuốc mà rê chân người? Tại sao chúng ta lại rộng lượng đối với ta mà hẹp lượng với họ? Tại sao chúng ta chẳng nhớ đến câu: "*Tiên trách kỷ, hậu trách nhân"?* Tại sao ta lại mờ ám đến thế, chẳng có độ lượng thứ tha,

xét kỹ mình mà biết đến chỗ cần của họ, để giúp họ, để thâu phục nhơn tâm họ. Tại sao chúng ta chẳng nhớ rằng được nhơn tâm hơn là được của cải? Được nhơn tâm vĩnh viễn quý báu yên vui có phải tốt đẹp hơn là sự chinh lòng họ, để phải gây oán thù tai hại cho cả thảy, chính được nhơn tâm mới là được của cải to lớn về sau.

Kìa nào chúng ta có thấy: nồi cơm, cái ăn sanh ra trước cái sống là đứa nhỏ đâu? Nào kẻ chết có ăn được cái chi đâu? Hiện tại ta đây khổ não, thì hỏi vậy trong lúc ấy có được ăn món chi chăng? Như vậy sao cho bằng: ta biết nghĩ đến cái thiếu của họ, chỗ cần của họ, thì tất nhiên họ sẽ biết đến cái thiếu của ta, chỗ cần của ta, ta giúp cho họ họ giúp cho ta, ta biết đến họ là họ biết đến ta ngay, như thế chẳng là quý báu lắm, để thù oán cạnh tranh có ích gì? Kìa như một người câu cá, bởi thiếu con cá trong nồi canh, họ mới đi kiếm mồi của con cá thích ưa, họ móc dính lưỡi câu đưa vào miệng cá. Cá vừa lòng là cá mới sẽ theo về với họ, và hy sinh mà vào chảo nước, chớ nào có phải họ chửi, hăm, ố ngạo, tìm kiếm cá, mà cá theo về để hiến thịt cho họ đâu? Vậy thì chúng ta nên ghi nhớ câu này: *"Ai không cho, cho kẻ đã hỏi xin, là người ấy có tội với công lý, nhưng cũng đừng xin thái quá để phải mích bụng người"*.

Biết hiểu nội câu ấy, dạy cho nhau nội câu ấy, là chúng ta cũng đã sống đời đúng chơn lý tốt đẹp lắm. Vì trong đời ai ai cũng khiếm khuyết cả, ai cũng chẳng có của vốn chi hết, ai cũng đang bố thí lẫn nhau, đang xin lẫn nhau, đang học lẫn nhau. Chơn lý của chúng sanh là Khất sĩ, chẳng có tham lam, thì sân giận làm sao có được, nếu người không phải si mê ngang dốt. Câu ấy để tỏ nghĩa rằng: Tại sao ta dư? Tại sao họ thiếu? Công lý chỉ rằng: Tại họ thiếu, ta mới dư! Bởi họ thiếu, họ mới hỏi xin. Kẻ biết hỏi xin là người quân tử, không trộm cắp giựt giành! Nên người có dư mà không cho là tham ác bất công, mà sự cao thấp dư thiếu ấy có yên vui được mãi đâu! Còn kẻ xin mà không thái quá thì phải đâu như người cắp trộm nó muốn được cho nó hơn mà đành bỏ hại người ta. Câu ấy tức là công lý Chánh đẳng chánh giác, công bình, giác ngộ quý báu lắm. Do theo đó, cõi đời sẽ bình đẳng yên vui, không còn thấp cao dư thiếu, thì bước chân người đâu còn vấp sụp té đau khổ nạn. Sự thật đúng lý như vậy! Mọi người đều được giác ngộ biết ra lẽ ấy, kẻ trên từ bi vói tay xuống, kẻ dưới cung kỉnh níu tay lên thì đâu còn những sự

khổ chết bông lông vô lý nữa, mà không phải là gọi hòa bình, hòa bình của sự ăn và sống bằng nhau, đúng chơn lý.

Kìa một ông già kia, chủ nhà giàu có lớn, ông muốn được những sự nên hay thêm lên, ông thấy ông dư ăn mà thiếu sống, còn những gia đình sức lực đói khát xung quanh ông, có sống mà thiếu ăn. Ông liền đem của cải phân nửa ra mà giúp đỡ cho họ trước nên họ mang ơn kính trọng, hết lòng theo ông tới chết, có kẻ lại muốn chết theo ông. Họ giữ nhà cửa cho ông, họ giúp ông trong công việc mở mang nghệ nghiệp lớn lao hơn, họ xem ông như quan vua. Họ chỉ mến đức ông chớ nào có sợ, thế là ông vinh vang quá, đã thêm lợi nhiều, nảy nở, thêm phát đạt thạnh hành, chớ nào có phải thiếu nghèo, mà danh vọng của ông thì lại càng cao siêu tột bực. Ấy có khác nào ông đưa tiền ra trước để mướn tôi tớ, mà trong đời có ai lại chẳng muốn tự mình làm tôi tớ cho ông! Cũng như một ông vua, nhờ phát lương mà được làm vua, nhờ phát lương mà danh to lợi lớn; như kẻ cho vay mất trước được sau, về sau lợi nhiều mà danh cao, chớ nào phải mất đi mà ta lo sợ. Sự thật đúng như vậy. Địa ngục thì bó rọ và càng bó rọ khổ lắm, sao bằng thiên đường rộng rãi, lại càng rộng rãi bao la.

Người lớn không giống như kẻ nhỏ, người giàu tâm trí chẳng giống với kẻ nghèo. Những ai giàu sang tâm trí mới phải thật giàu sang vĩnh viễn thêm lên, còn tâm trí nghèo hèn thì mãi thật nghèo hèn thêm. Đó tức là chỗ trí và chỗ mê vậy.

Thế mới biết rằng: Đời là tranh đấu, tranh đấu cái đức chớ chẳng phải trí tài. Đức sẽ thành công, đức sẽ làm nên, đức sẽ tạo ra tất cả, sẽ thắng tất cả. Đức là vĩ đại, là đạo của chúng sanh, ai ai cũng đang ở trong đạo của cái đức hết.

Cũng như vị quan trên kia, biết đem phân nửa của cải ra bố thí nuôi cho một xứ mọi trước hết, xứ ấy ủng hộ thân mạng cho ông, mà chống ngăn các xứ mọi khác cho ông. Lúc ấy nào có phải ông mướn, hay cho tiền khắp cả các xứ trong thế giới? Chỉ vì ông gặp phải nhơn duyên với một xứ mọi ấy trước, thế là ông mướn một xứ ấy cũng đủ rồi. Xứ ấy còn hưởng của ông, là phải ủng hộ nồi cơm, ngày giờ nào có ai đến muốn chiếm đoạt phần thưởng ấy, mà xứ mọi đó không dám chống cự, là phần lương đó thuộc về xứ khác

kế đó. Cứ mãi tiếp tục như vậy, ông là nồi cơm của họ, họ là sức lực của ông. Ông có ăn, họ có sống, ông giúp họ ăn, họ lo cho ông sống, hai lẽ bằng nhau. Ông ở giữa, họ ở ngoài, khi nào họ có giành nhau là ở nơi xứ ngoài của họ với nhau, còn đối với ông ở bên trong là ấm êm lắm, và lần lần ông sẽ cảm hóa dạy lại tất cả, cho họ quy theo. Thế là ngày sau ông được thành công, ông không còn phải là ông quan của một đạo binh nhỏ, mà chính ông là một vị Pháp Vương, lập thành một thế giới đạo đức, quốc độ Cực Lạc trong giữa cõi đời, bằng tay không, bằng đức hạnh, bằng không tham, mà thắng được. Điều ấy có khác nào một tiểu quốc kia đối với một đại bang, và khắp cả cường quốc lớn to trong thế giới, vậy thì tiểu quốc ấy phải làm sao? Một đứa bé 6 tuổi đối với cả xã hội, cha anh là phải làm sao?

Cho hay trong đời vẫn rất trớ trêu: Xứ nhỏ thì bao giờ cũng giàu, vì đất dư người ít; xứ lớn thì bao giờ cũng nghèo, vì đất ít người dư. Cũng như người giàu ăn thì bao giờ cũng thiếu sức sống, người nghèo sống thì bao giờ cũng thiếu cơm ăn. Do đó mà một ý niệm sai là cuộc đời sẽ đổ nát rối beng mãi mãi, không tài gì ai đem cái tham lam đi chế trị được. Ông quan ấy bởi đã giác ngộ như thế nên ông nhận ra đạo đức là tối cần. Ông xử ngay câu trọng nghĩa khinh tài, mạng người khó gặp của cải dễ tìm, có sống là có làm nên kiếm được. Ông biết nghĩ đến lẽ sống, lẽ ăn, phải bằng nhau, trao đổi cho nhau. Ông mướn kẻ kia bằng cách vinh hạnh. Ông không phải bị thua, bị nhục nhã, bắt buộc, dâng nạp và mất chủ quyền. Trái lại ông làm chủ, ông bố thí, ông mướn họ làm tôi, như vậy là ông sẽ thắng, và lần lần ông dùng đạo đức mà dạy độ cho tất cả bằng cách cải sửa, tấn hóa tốt đẹp cho tất cả. Ngay như trong lúc mướn người hay bố thí, là chỉ có những kẻ còn tham lam có dư, và chưa biết đạo, chớ người có tu giữ từ tám giới, trường chay và mười giới chay ngọ, giúp việc thí công, cùng xuất gia khất thực, là không có gạo tiền chi cả, nên không còn mướn thí ai hết. Ở xứ ấy ai ai cũng có giữ từ năm giới sắp lên. Họ ngó ngay mục đích giải thoát bước tới. Họ không dại gì mà làm dư cho khổ nhọc, lại sợ chết mà phải chia hai. Nhờ vậy mà xứ ấy về sau hoàn toàn đạo đức, xứ Phật, không tham, không vật chất, xứ ấy được vậy là do quan ngài, khuyến khích sự tu, cũng như ép buộc người tu, không cho họ tham thì nạn khổ chết mới hết lo sợ. Và khi xứ ấy đã tu hết rồi, không có chi dư, thì đâu còn có ai tranh giành đòi hỏi chi nữa.

Điều ấy có khác nào xưa kia tiểu quốc tự mình tấn cống, mướn một cường quốc ủng hộ bên ngoài, đặng cho mình rảnh tâm yên trí, lo dạy độ cả thiên hạ về sau, rồi thì sẽ không còn có chi hỏi đòi, không còn vật chi cống hiến nữa. Chúng ta ai cũng như vậy cả, chúng ta có xác thân, xác thân là tên trộm cắp, chúng ta lo nuôi nó mỗi ngày là để lo lót nó. Nó như cái nhà, nó sẽ ủng hộ tâm tu trí học, cứu đời lập đạo, dạy cả chúng sanh. Tâm trí của ta ngày kia sẽ nên, còn thân thì sau này đâu còn có nữa mà ta lo sợ. Thế tức là đúng chơn lý, chánh lý lắm. Phật pháp chỉ cứu độ chúng ta y như vậy. Kẻ trí thức giác ngộ ắt thấy ra ngay rõ rệt, sự nên hay, mà sự thật hành thì cũng không phải là khó, miễn chúng ta thật tâm là được.

Cũng như sự lo sóc cho thân ta, chỉ có tâm trí ta là không tham mới vui lòng, nuôi nấng nó, chớ ý chí tình vọng… con cháu trong nhà, có thích hợp sự nuôi thân đâu? Vì chúng nó còn tham lam nhỏ hẹp ích kỷ cho nó. Chúng nó sẽ mất sự phóng túng cẩu thả tự do. Chúng nó tự tìm sự thái quá để rồi bất cập, hại cho nó mà nó chẳng biết. Mặc dầu lúc đầu chúng nó kháng cự tranh giành, muốn được cho phần nó, chớ về sau vì cái thân đói làm dữ chúng nó chống cự không lại, là cũng phải thuận xuôi về theo với tâm trí, để cống nạp cho sắc thân một lúc. Điều ấy có khác nào một người bịnh nặng kia, đối với một vị pháp sư trước cho cơm cho thuốc, sau mới dạy đạo khuyến tu, khi nó biết tu rồi, là ông không còn lo cho nó nữa. Nhưng trong lúc ông cho cơm chữa bịnh, đệ tử ông ắt cũng phiền hà, vì tiếc cơm thuốc, nhưng đối với bịnh kia không mạnh, và lại hại lây, thì chúng nó không còn tiếc rẻ chi được. Thế mới biết rằng ăn và sống là phải đi đôi, đi đôi bằng sự trao đổi cho nhau, mỗi người chỉ có được một món, chớ không ai bao giờ đầy đủ cả lẫn hai, khiến cho nên đối với lẽ thật trong đời, là không ai tự cao chấp tham mà cho là hạnh phúc ích kỷ.

Đối với lẽ ăn và sống trong đời, thật là rất quan trọng. Làm để ăn, lành để sống là hai giáo lý, biết ta biết người đi đôi. Ta biết người, người biết ta, ấy tức là đạo đức đó. Đạo đức giữa ta và người, ở nơi ta và người, mà không ai bao giờ thiếu sót được.

Vậy thì chúng ta muốn sống là chớ sát sanh, cõi đời gia đình xã hội thế giới chúng sanh có ra là do sự không sát sanh. Nếu sát sanh thì đâu còn gọi là nhơn người, nhơn ái, loài người. Người ta là loại có trí, có lời, khác cao hơn vật; thì lời nói đạo lý, đối với người, mỗi lúc là rất cần dùng, khác xa với tay

chân, dao gậy của lúc buổi ban đầu. Và sự tu học đạo lý, đối với người lớn là đúng hay hơn sự dốt ngang, ác gian của trẻ nhỏ.

Cũng vì thế, mà người ta nói rằng: Muốn mình sống thì đừng làm cho ai phải chết, nhứt là ta phải có độ lượng biết tha thứ, cho kẻ nhỏ nhít hơn ta, vì ta đã cho chúng nó là trẻ con khờ dại, mà đi chấp trách làm chi? Nào chúng nó có phải như ta, hay hơn ta mà đi phiền giận; sự thật là nếu chúng nó đã như ta, hay hơn ta thì đâu có chi sái quấy, để phải ta giận hờn. Thế mới hay rằng cái giận trách là không có, mà là chúng ta chỉ có cái thương xót, cứu giúp dạy dỗ nhau thôi. Vậy nên những ai muốn sống thì đừng sát sanh, và đối với luật sống chung tiến hóa của võ trụ thì dầu "ai giết người, giết vật, phải hay quấy, là phải tự mình thường mạng". Có như vậy mới có gia đình xã hội, thế giới chúng sanh được.

Vả lại trong đời, người ta ăn là để sống, chỉ vì muốn sống nên mới phải tìm ăn; mà trái lại người ta lại giành ăn mà tìm chết thì vô lý quá. Chết rồi ai ăn? Có phải đâu vì ăn để chết, thì sái với lẽ sống lắm. Nào chúng ta có nhận xét ra rằng: Nếu may mắn chúng ta không ăn mà được sống, thì hỏi vậy chúng ta có còn đi tìm món ăn chi vô ích nữa chăng? Chắc hẳn là không còn tìm ăn vô lý nữa. Nếu sự thật đã phải như vậy, thì chúng ta há lại đi tìm chết chi cho dại dột? Tranh ăn mà làm chi? Rau trái có sẵn, chúng ta tạm xin ăn sống cũng được chớ sao! Nào đợi phải cất trữ để dành. Có vậy người ta mới biết đạo đức là cái sống, miếng ăn, thiệt thọ; như thế là chúng sanh có được cái sống trước, rồi sau lại mới cần ăn, cái miếng ăn có là không trộm cắp. Trong đời người ta mà không trộm cắp thì dầu làm ít, hay không làm đi nữa, rau trái cũng vẫn sẵn có cho ăn, miễn đừng tham sướng ngon chi cho cực nhọc, nào đợi phải làm nhiều. Như vậy nghĩa là chúng ta phải biết rằng: Ai có sống thì cũng phải có ăn, không ai nhịn được, thế nên luật của miếng ăn là không nên trộm cắp. Kẻ nào tham lam, lo lót, lấy vét của người ta, là nhơn quả, quả báo, công lý sẽ truy tố phạt vạ, để giữ nồi cơm cho kẻ khác. Kẻ trộm thì bị tội tù. Kẻ cắp thì bị đánh đập. Kẻ cướp thì bị án đày. Kẻ giết người thì bị người giết lại, dầu không ai phạt xử thì hành vi của nó cũng sẽ tự phạt xử lấy nó. Mà trong đời là không có chi mảy may sơ sót, khuất lấp, ngăn che đặng. Quả báo mà đến lâu là càng nặng nhiều, cũng như vay nợ để lâu là thêm lời, chớ không ích lợi chi hết.

Tóm lại, giáo lý ăn và sống của bài này là để chỉ rõ hai giới đặc biệt của chúng sanh là: Không sát sanh và trộm cắp. Vì chúng sanh cần phải có sống, có ăn trước, rồi mới đến các công việc kia sau. Cái chi trong đời có ra cũng do ăn và sống cả. Và có sống mới có ăn là điều chúng ta đáng chú ý hơn hết. Hiểu như thế thì con người sẽ trở nên đạo đức được. Sự thật đúng như vậy, có sống, có no trước, và sau lại là còn phải đến với biết bao nhiêu việc quý báu, trọng cần hơn nữa, chừng ấy chúng ta mới sẽ trở nên hoàn toàn kết quả tốt đẹp. Giáo lý ăn và sống này, chỉ phân rất rõ rệt, đúng lý chánh lý, mà xưa nay ít ai nhận nhìn đem ra giải quyết để đến nỗi phải ấu đả cùng nhau, kéo dài mãi mãi. Giáo lý ăn và sống là dùng chung cho tất cả thế giới chúng sanh, chớ không phải riêng cho một gia đình xã hội, hay một người. Giáo lý ấy là cứu đời lập đạo, tế độ chúng sanh, là ngón tay hào quang Pháp bảo của chư Phật, từ ngàn xưa đã đem ra cứu vớt cho biết bao sanh loại hữu duyên. Sự ích lợi quý báu của nó, nhiều ít, lớn nhỏ, rộng hẹp bao nhiêu, vốn không xiết tả được chỗ diệu mầu. Nó cũng là một món bửu pháp vô giá, biến hóa thần thông, mà những ai hằng giữ gìn tôn trọng thì sẽ được sự hay nên, quý cao hơn thiên hạ.

Vậy thì chúng ta nên nhớ rằng: Trời Phật cứu độ ta là bằng Pháp bảo, ta mà được cứu độ hay chăng là bởi tự nơi mình, xét xem lại hành vi của mình. Ấy vậy chúng ta từ nay chớ nên quên rằng: Ai ai cũng phải sống, cũng phải ăn, không ai là không phải nhờ nơi cả thảy. Như thế thì sự biết đến đạo đức là quý báu hơn hết, và giải thoát Niết-bàn là yên vui hơn hết!

CHƠN LÝ 30

CHƯ PHẬT

I. TẤT CẢ CHÚNG SANH LÀ CHƯ PHẬT

1. Khi xưa có một người làm ruộng hỏi đức Phật rằng: Ông có tay chân, sao không làm ruộng để có cơm như người ta, mà lại phải đi xin như thế?

Đức Phật trả lời rằng: Chính tôi đây mới là người làm ruộng, mới thật là kẻ biết yêu quý giữ nghề làm ruộng. Trần thế là miếng ruộng to, mỗi xác thân người là một cục đất nhỏ, các pháp lành của tôi ban rải ra và ghim sâu trong đất ấy là hột giống. Kết quả của tôi là Niết-bàn hạnh phúc vĩnh viễn, nghề làm ruộng của tôi như thế, ấy là nghề chơn thật của tôi, và không khi nào tôi dời đổi bởi tôi yêu quý nó, vì nó là nghề tốt đẹp.

Đức Phật nắm cầm luật pháp cũng như cầm cày, sự tinh tấn cố gắng là bò trâu, gieo rải đức tin đạo lý nhơn quả, hột giống Niết-bàn như gieo mạ, mạ lên là cư sĩ phát tâm xuất gia. Sự giải thoát xuất gia cũng như nhổ mạ đem đi cấy, đến mùa lúa chín là đến lúc chư đệ tử đắc quả, gặt hái đem về là thâu nạp đệ tử đắc quả vào Niết-bàn, sau khi chết đem theo trí huệ của Ngài như vòng hái, Niết-bàn là kho vựa, sự phát cỏ như diệt tận gốc ác, làm ruộng có mùa là giáo hóa chúng sanh theo thời duyên mỗi lúc. Đức Phật làm ruộng bằng đạo đức, và sự kết quả là no vui sống đời mãi mãi, có khác hơn chúng sanh vậy. Đức Phật làm ruộng bằng cách trong sạch cao quý, Ngài làm ruộng để độ tận cả chúng sanh; Ngài làm ruộng bằng tâm, nghề làm ruộng

ấy do Ngài đã lựa chọn, xét kỹ, chắc chắn được kết quả, trúng mùa, không thất bại, Ngài làm ruộng không cực nhọc, không tổn hại cho ai tất cả. Ngài mới thật gọi đúng tên là người làm ruộng, vì không bao giờ Ngài chịu bỏ cái nghề làm ruộng cao viễn quý báu ấy.

Đức Phật là ông thầy làm ruộng, là tổ sư của nghề nông. Ngài đã vượt qua khỏi hai lớp làm ruộng của bậc dưới. Ngài làm ruộng theo bậc Phật chớ chẳng giống người Trời. Ở trong đời, người làm ruộng bằng xác thân là để nuôi xác thân vài người, số ít; người làm ruộng bằng vật chất bằng cách ác hại gây khổ cho chúng sanh, cực nhọc cho mình mà rốt lại khi được rất ít, hư thất thì nhiều. Làm ruộng nuôi sắc thân cũng như kẻ cắt cỏ mướn, nuôi bò thiên hạ, không có kết quả chi, không có ích lợi gì, mãi thiếu thốn, chán nản thối chí luôn luôn; khi gặp nghề nghiệp nào khá hơn thì họ nhảy qua, bỏ nghề làm ruộng. Họ vì tham lợi chớ đâu phải biết quý yêu nghề mà đi giữ mãi. Họ làm ruộng tạm đặng xem thời thế để bỏ đi, chớ đâu phải giữ hoài miếng ruộng hoặc dốc chí làm ruộng, hay đời đời kiếp kiếp sanh đi sanh lại để làm ruộng. Vả lại họ nương theo cái có, nơi hình tướng, thì hay bị thay đổi, dầu họ có muốn làm, nhưng có khi chẳng có ruộng cho họ thì lấy chi làm được, khi thiếu giống làm sao mà gieo, khi bịnh đau là bỏ xụi; cảnh ngộ thời duyên, có cho họ làm ruộng bằng cách thấp kém, tội lỗi, ích kỷ ấy mãi đâu? Cả chúng sanh, vạn vật, các pháp trong vũ trụ đều giúp cho họ, mà họ ích kỷ tư riêng, không lo đền đáp cho tất cả, lại lo riêng cho mình bằng cách tổn hại cho tất cả mãi. Như thế thì cách làm ruộng của họ đâu có thiện lành chơn chánh thật vậy. Trong đời chưa có ai là người làm ruộng, chưa có kết quả của sự làm ruộng, và cũng chưa có hột giống để gieo trồng kia nữa. Vì bởi hột giống ác là hột giống chết, và gạo lúa của thế gian thì chẳng có bền lâu, chẳng nuôi đặng tâm hồn vĩnh viễn, không xác thân ai sống mãi và cơm gạo ấy lại chẳng no hoài không ai liệng bỏ, tự nó có ngày cũng sẽ thúi hôi rã mục, thật là vô ích tai hại.

Trong đời cũng có kẻ không làm ruộng bằng cái ác, giết cỏ hại trùng; họ làm ruộng bằng tinh thần, bằng hy sinh, bằng lý trí, bằng phước thiện, giúp ích lợi cho cả trăm ngàn người khác, mà quên, bỏ sự ích kỷ tư riêng. Họ xem gia đình, xã hội như miếng ruộng, mà ra công tô đắp vun vén, những việc lành phải như hột giống, và kết quả là sự hả dạ vui cười, họ không hưởng

vật chất, không thủ lợi cho mình, họ làm việc cho tất cả, quên sự cực nhọc của mình, họ làm ruộng như thế là để cho được sự kinh nghiệm, mở trí cho họ thôi. Họ cũng giữ nghề của họ trong một thời gian khá lâu, trong những bước chân còn đang học nghiệm. Những bậc trí thức từ thiện ấy, họ có ngày cũng sẽ giải thoát bỏ nghề nghiệp ấy, nếu khi họ đã giác ngộ. Vì người làm ruộng bằng tinh thần, tuy không ác, tuy có lợi cho trí, tuy được nên cho số lớn rộng đông người, nhưng bởi tại quá cao, quá chấp, không không, chẳng có cho mình chi cả, nên mặc dầu sống lâu mà phải khổ vì cái mê si bên ngoài, nó không làm cho tâm người trong sạch được, và ở chung gần với kẻ thấp kém lâu ngày, thì không thể tránh được sự rớt rơi sa ngã. Cho nên gọi là chư Thiên cũng chưa phải được gọi là người làm ruộng mãi mãi như Phật. Còn nhơn loại thì chưa được có tên người làm ruộng, hay là chỉ mới tập làm.

Như thế là có ba cách làm ruộng:

Phật làm ruộng bằng tâm, bằng đạo đức, nuôi tất cả chúng sanh. Kết quả Niết-bàn vĩnh viễn, hưởng chơn như.

Trời làm ruộng bằng trí, bằng thiện, nuôi được xã hội gia đình. Kết quả Trời ngàn năm lâu khá, hưởng tinh thần.

Người làm ruộng bằng thân, bằng ác, nuôi được gia đình nhỏ hẹp. Kết quả người trăm năm mau chóng, hưởng vật chất.

Con đường làm ruộng đã có ba chặng, ba ái hạng bậc như vậy, thì tất cả những con đường khác cũng phải có ba cái lớp y như thế. Con đường nào mà không có Phật Trời và người trong đó! Cái tên của mỗi con đường, nghề nghiệp, tuy nói viết khác nhau, chớ kết quả vẫn y nhau. Con đường nào cũng có ba chặng, người Trời và Phật là ba khoảng đầu, giữa và đuôi; tức là từ ác đến thiện, đến đạo đức; từ vật chất đến tinh thần, đến nhơn như; từ thân đến trí, đến tâm; từ một ta đến nhiều người, đến tất cả; từ nhỏ tới lớn, từ thấp tới cao, từ hẹp tới rộng; con đường ấy là sự tấn hóa vậy. Nghề nghiệp, sự việc nào cũng đều tấn hóa cả, cũng như chót núi, chặng giữa và chân núi, núi có ba phần. Các con đường của nước đất từ trên chót núi chạy xuống, hay các con đường từ dưới leo lên, tuy khác với nhau, tuy nhiều nẻo nhiều tên, nhiều phía, tùy theo nhơn duyên, nhưng chúng ta xem xét kỹ lại, mỗi đường đều có ba chặng bậc: cao chót là Niết-bàn, triền giữa là chư thiên, chân thấp

là nhơn loại! Như vậy là tất cả chúng sanh có một mục đích, một chỗ đến kia, là chót núi, Phật! Đến chỗ đó rồi thì không còn đường gì nữa hết, tên của đường là tạm, đường ấy là phương tiện, bởi các chúng sanh nhân loại đang mắc phải ở dưới thấp sâu của chân núi to rộng, mênh mông, nên gặp thấy đâu là đi đó, miễn lên được đến chỗ trên thì thôi. Dầu có khác nhau nơi bề ngoài của người đang đi con đường này, kẻ đang đi con đường kia, điều ấy không có cần phải phân biệt, vì nó không quan trọng. Mà sự thật là mỗi người phải giữ lấy con đường mình, chăm chỉ thấy biết con đàng mình, giữ lấy tâm mình đặng đi tới. Con đường nào cũng giống nhau về sự đi tới. Mỗi con đường đều từ dưới tới giữa, tới trên; từ người tới Trời, tới Phật; từ ác tới thiện, tới đạo đức; từ vật chất tới tinh thần, tới chơn như in nhau. Cũng có thể các con đường đều là của người lớp dưới hết. Các con đường đều là của Trời lớp giữa hết và các con đường đều là của Phật lớp trên hết. Như thế nghĩa là có ba hạng bậc: kẻ ác, kẻ thiện và kẻ tu. Kẻ ác có muôn pháp, kẻ thiện cũng có muôn pháp, thì người tu cũng có muôn pháp giống nhau vậy. Và hình thức sự việc bên ngoài tuy danh từ rộng rãi, lý thuyết bao la, tác động biến hóa, ý niệm vô chừng, nhưng thật ra thì chỉ có cái ác, cái thiện, cái tu là nấc thang, là sự kết quả của chúng sanh vị lai và hiện tại. Cái ác, cái thiện, cái tu là việc làm quan hệ, là ba món gia tài của cải của nơi ba bước chân, hay là hạnh phúc của ba khoảng đường. Như thế ai đi đến đâu là sẽ hưởng được món đồ ăn nấy, họ sẽ khổ hoặc vui, họ sẽ đói hoặc no, họ sẽ chết hoặc sống, là do nơi cái ác, cái thiện, cái tu; chớ không phải ở nơi danh từ lý thuyết của các con đường nghệ nghiệp.

Sự thật đúng y như vậy! Tất cả chúng sanh ai cũng đi tu như nhau được hết, khi trình độ của họ đã lên đến chót núi. Tất cả chúng sanh ai cũng sẽ được thiện hết khi trình độ của họ đã bước tới lưng chừng. Tất cả chúng sanh mà ác hết là bởi còn đang ở dưới gốc chân sâu chưa đi lên được. Đó là sự cao thấp, giá trị, nấc thang, chớ cái tên của con đường, chỗ đang đứng mà có là bởi tại bề ngoài sắc thân, không ích lợi chi cho tâm trí lâu dài chắc thật. Trần thế như là vũng sình lầy, nhơn loại là ở dưới thấp sâu, thiên đàng là những nấc thang đi lên. Nơi đây có mặt bằng, chỗ nghỉ chưn của mỗi nấc có vách đứng của mỗi bước để đi lên trên chót cao là Niết-bàn, mặt lầu bằng thẳng, chỗ nghỉ yên của chư Phật. Chúng sanh mà đi lên đến mặt nóc bằng

ấy được là phải trải qua lớp dưới, như thế là phải bỏ hẳn mặt đất bụi trần nhơn loại. Trong một tiếng nhơn loại có nhiều pháp ác, trong một tiếng thiên đường cũng có nhiều pháp thiện, trong một tiếng chư Phật là cũng do nhiều pháp tu, do đó nhiều người mới đi đến nơi một lượt được. Thế là chúng sanh phải trực giác trực chỉ, đi ngay lên, bỏ nhơn loại ác, đến thiên đường thiện, và đến Niết-bàn chơn như. Ai đang ở con đường nào thì cứ giữ con đường đó mà đi ngay lên, là tới trên được. Chớ không phải đi vòng tròn một bực một, như một kẻ kia mãi mãi, giữ hoài một nấc thang nhơn loại, từ nghề này sang nghiệp kia, bước qua việc nọ, đến cả muôn kiếp, học cả triệu khoa môn vật chất ác trược, cũng không ra khỏi nhân loại, và chưa hết cái khổ chết, luân hồi vô ích. Cũng giống như một vị thiên cõi trời đi dạo từ cõi trời này qua cõi trời kia, đi đến ngàn năm cũng còn là cõi trời, chớ không có bước lên cao gần cõi Phật đặng. Vậy nên cái sở chấp của bậc người trời, cho là tự đủ toại hưởng vui chơi, thật là sái quấy lầm lạc, như thế thì chúng ta phải tấn hóa; phải tiến, chớ đừng có đứng hoặc lui; đứng nghỉ chân tạm mỗi nấc một lúc cho khỏe rồi đi tới nữa, đừng đứng lâu hoài một chỗ, ắt là mỏi chân té sụp. Vậy chúng ta hãy ráng lướt lên, đến Niết-bàn yên lặng bằng thẳng, rồi sẽ nghỉ ngơi, mới không còn lo sợ nữa.

Trong đời có ba giáo lý, ba cõ pháp, hay cũng như chỉ có ba người. Hoặc như một người sẽ có đủ ba tên, ba thời kỳ phải đến, khác nào từ gia đình đến xã hội, và đến thế giới chúng sanh chung, mà ai ai đều phải bước đến, đi lên tới trên cao chót; kẻ trước người sau, ai ai cũng là chư Phật; bằng chẳng vậy, kẻ nào đi lui ắt là tự tìm khổ họa. Thế nên chơn lý võ trụ là tiến, còn chúng sanh mà thối, là tự mình thối; họ thối bởi tối mê sai lạc! Người đã giác ngộ rồi thì chỉ có cái ác, cái thiện và cái tu thôi; chớ không có cái chi với chúng sanh và vạn vật cả. Một nhơn loại kia là thợ mộc ác, nơi vật chất, xác thân ích kỷ, thấp thỏi, người ấy sẽ tiến lên làm chư thiên, cũng là thợ mộc thiện nơi tinh thần, lý trí rộng lớn cao thượng; và khi đến thành Phật thì cũng là thợ mộc đạo đức, nơi chơn như, tâm định bao quát không trên. Con đường thợ mộc, vị ấy mãi đi tới, nào có bỏ, thế mà không ai lại gọi người thợ mộc. Trời thợ mộc và Phật thợ mộc cả; người ta chỉ biết người, Trời, Phật thôi. Chớ cái tên thợ mộc của mỗi lúc, người ta bỏ đi, không còn giá trị; thế mới biết rằng ác, thiện, tu, là có, chớ nghề nghiệp vốn không! Tại sao chúng ta

lại mảng thích ham môn nghệ mà đành bỏ sự tấn hóa lợi ích cho mình, thật là đáng tiếc. Cũng như người thợ mộc kia, không lẽ thành Phật rồi lại còn đem theo rìu, búa, đục, cưa! Hay là vì tiếc cưa đục búa rìu mà không chịu làm Phật, để giữ hoài cái thợ mộc tội lỗi của nhơn loại, cho là quí báu hơn, không cần đi tới, để cho tai nạn? Như vậy là chúng ta phải bước lên sự giải thoát đi tu, khi ta đi tu rồi, ai nói ta là thợ mộc lớp trên cao cũng phải lẽ, mà sự thật là chúng ta sẽ thành Phật, kết quả Phật, chớ không còn có biết cái tên thợ mộc nữa. Bởi cớ ấy chư Phật mới dạy rằng: Niết-bàn là cảnh giới của sự hưu trí, nín nghỉ, lặng ngừng, đã qua khỏi hết các danh từ, nghệ nghiệp; cũng như người chết, kẻ ngủ là đã qua khỏi hết các lý sự rồi vậy. Đó là mục đích, đó là chỗ đến, là chỗ cuối cùng, là chỗ hứa hẹn, chỗ hội hiệp, chỗ một của tất cả chúng sanh một ngày kia, nơi ấy không còn có sự chia rẽ, sự cảm giác. Nơi ấy cũng không còn cái hai hay một, nên mới gọi là chơn phước cực đại. Cõi ấy phàm phu không lên tới, không còn ai thấy được, ấy là cõi bằng thẳng êm ái, mát mẻ trong sạch tuyệt vời, tức là chơn như toàn giác, hay là đại định.

2. Vấn: Sao gọi đức Phật là thợ mộc?

Đáp: Người thợ mộc thế gian nhơn loại có sắm đủ đồ vật dụng sắc bén, cưa xẻ cắt đục cây. Người cất nhà hay đóng tủ ghế để cho người khác dùng. Chư tiên cõi Trời cũng cất nhà hay đóng tủ ghế là các việc làm thiện; cái trí thức để làm các việc từ thiện ấy là cưa, đục, bào, búa; các việc từ thiện như cây; kết quả của các việc ấy là ấm kín, yên vững, cao ráo, cũng như nhà tủ ghế; trí thiện xảo là sự khéo hay; thân ấy tức là cái nền tảng mặt đất; tâm người là ông thợ mộc; kết quả của cái thiện ấy là để cho thiên hạ được yên vui dùng hưởng. Và chư tiên lại cũng thường hay bắt thú rèn tập để trở nên con vật cõi dùng như ghế; dùng thú giữ cho thân mạng như nhà; bắt thú giữ gìn đồ vật như tủ; chư tiên lấy thú ví làm cây; đục cưa mổ xẻ con thú là bỏ đi cái ác si vô dụng; biến đổi thành được món đồ cần dùng thiện huệ thật là hay giỏi lắm. Nhưng còn đối với Phật, Phật cũng là thợ mộc. Ngài lại lấy nhơn loại làm cây, các pháp giới làm đồ vật, Ngài tạo nên ghế Niết-bàn, ngôi nhà đạo đức, tủ tam tạng để đời, mãi cho tất cả chúng sanh bình yên lợi lạc. Người thợ mộc đóng ghế kia, biết lấy cây nào làm chân, cây nào

làm mặt làm thanh, đóng đinh, làm mộng chốt; thì chư tiên Phật cũng biết những pháp nào làm nên món nào để cho được kết quả, không khác chi cả. Cái ghế của nhơn loại dùng trăm năm, cái ghế của chư tiên dùng ngàn năm, cái ghế của Phật dùng muôn năm và mãi mãi. Cái ghế nhơn loại một người ngồi, hoặc mười người, trăm người ngồi, chớ ghế của tiên đến ngàn người ngồi, còn ghế của Phật thì muôn người hay cả chúng sanh đều ngồi được. Vậy thì thợ mộc cũng y như làm ruộng, có 3 hạng bậc, 3 cỡ pháp: từ ác đến thiện, đến đạo đức; từ vật chất đến tinh thần, đến chơn như; từ thân đến trí, đến tâm; từ thấp tới cao, từ nhỏ tới lớn, từ hẹp tới rộng, giáo lý hay quý vô cùng, không thể giải tỏ ra hết được.

3. Lại vầy nữa, thuở xưa có một vị Bồ-tát đi đường chung với một vị thương gia, Ngài thuyết pháp với người thương gia. Ngài nói Ngài cũng là một người mua bán. Sự mua bán của Ngài trong nhiều đời, mỗi kiếp một tiến lên cũng nhờ số lợi có vô mỗi lúc, nên Ngài mới được sống mãi. Từ địa ngục tiến lần lên đến nhơn loại, và từ nhơn loại cũng giữ sự mua bán, trao đổi với chúng sanh, nảy sinh lợi phước, lợi trí, lợi giác, vô số những món lợi, do đó mà bước lên Trời Phật. Càng đi tới mãi vốn lời sanh mãi, không bao thiếu hụt, cho đến khi thành Phật rồi thì lại rất giàu sang dư dả bằng món pháp lợi (pháp lợi của Ngài vô số đếm). Sự mua bán của Ngài tiến tới mãi, qua khỏi 2 nấc thang người Trời thì đến Phật. Phật nói pháp bố thí bán ra, người Trời mua mãi, nghe hoài không hết. Cái lợi của Phật là sự no đủ lòng từ bi, và ghi nhớ cất giữ Pháp bảo vào trong trí huệ, để dành mãi mãi. Như vậy thì sự mua bán cũng như thợ mộc, làm ruộng, cho đến với sự làm quan vua và tất cả con đường nghề nghiệp, giáo lý của thế gian. Nhơn loại có chi là chư Thiên có nấy, và Phật thì cũng có những tên y như vậy. Đến lớp Phật mới thật gọi là người đắc đạo kết quả, thành công của mục đích. Phật mới là bậc giữ được cái tên đạo nghệ đúng pháp, cao cả rốt ráo của bậc tổ sư nhơn loại, nên chúng sanh loài người tôn là Phật tổ, là bậc toàn giác tổ sư của các pháp môn đạo nghệ, nơi chúng sanh cả thảy.

Chúng sanh từ bậc trời người trở xuống là còn đang ở nơi nấc thang trình độ, còn phải đi tới, chưa chắc định, nên gọi là chưa có kết quả thỏa mãn,

chưa rồi được. Vì vậy mà gọi chúng sanh là còn đang ở trong cái không, không có chi chắc thật, không bền dài, không có được cái có, cái chơn thật thành tựu ích lợi như chư Phật.

Như thế là tất cả chúng sanh đều phải đến với chư Phật, phải vào lớp học của Phật để học pháp. Pháp dạy đủ môn nghệ cho tu, ai vào lớp học ấy kêu gọi là Tăng, phải xuất gia, giải thoát, vượt qua, phải thi đậu bỏ xa hai lớp cư sĩ của người Trời phía dưới. Học sanh của lớp Phật phải do sự tuyển chọn của 2 lớp người trời đưa lên, là phải cho có đủ thiện căn, phước đức, nhơn duyên mới được làm Tỳ-kheo Khất sĩ, du Tăng theo y như Phật, để được tu thành Phật. Bởi thế cho nên gọi Phật là chỗ đến của tất cả chúng sanh, cũng như toàn giác là chỗ đến của tất cả sự học, chơn như là chỗ đến của tất cả phước đức thiện lành, từ bi trí huệ. Như Lai là sự yên nghỉ của cả thảy các pháp, không còn có chi hơn trên nữa được. Vậy nên gọi chúng sanh là không, chư Phật mới thật là có, có cái có. Cũng như chúng sanh thường hiểu lầm rằng: Đây là cha tôi, khi ông ấy chết đi thì là không có. Kiếp khác sẽ sanh lại làm con nó thì cũng đâu có tiếng kêu cha. Có kẻ nói xác thân là cha tôi, thì ra cục đất tứ đại đang nằm đó, còn ông cha nào lại gặp trong lúc chiêm bao mê ngủ, và sau khi chết hay tỉnh dậy, hình bóng ấy lại đi đâu? Như vậy là ông cha không có cho người con đó, đâu có còn mãi, không chắc thật. Do đó mà sự báo hiếu của nhân loại lại đi trợt nẻo chẳng ăn chịu vào đâu cả, vì họ mãi tô đắp cho cục đất, sắc thân, tứ đại, chớ đâu có biết ông cha ở đâu, trong giấc ngủ thấy đó rồi ổng đi đâu? Thân đó chết ổng đi đâu? Nuôi được một hai năm ổng chết đi, thì có còn đâu sự báo hiếu? Thế mới biết rằng chúng sanh thất hiếu và vô phụ! Vì những tiếng vua, quan, thầy, cha, anh, em, con, cháu, thảy là danh từ giả dối mỗi lúc, chớ không có chi cả, cũng không rồi chi hết, và không ích lợi chơn thật. Cho đến thân mạng, của cải, nhà cửa, áo quần, cơm gạo, thuốc men cũng y như vậy, không có chi hết. Nó chỉ là tên gọi tạm, như mây mù, sương sa, gió lốc, điển chớp, mưa giăng, hễ qua rồi là không còn có nữa. Các cái tên gọi giả dối ấy, nó chứa biết bao sự ích kỷ, tư riêng nhỏ hẹp, tham sân si tội lỗi, thất bại đau đớn. Nó chỉ cho bậc trí thức cao siêu được giác ngộ rồi thì không lầm lạc nữa! Cũng như vầy: đây là ông cha của người giác ngộ, hay là đức Phật mới có ông cha. Ông cha của Ngài là tất cả chúng sanh chung, chớ không phải

riêng một người, mà lúc nào thì cũng chỉ là như có một: Một người kia nuôi một ông cha đúng một năm thì đổi ông cha khác; đúng một năm nữa thì đổi một ông cha khác nữa; qua năm nữa lại kiếm đổi một ông cha khác nữa; ông già nào cũng có thể là cha người được, người sống chung, cha chung, con chung; người không bao giờ mất thiếu ông cha, tất cả đều là cha, nhưng mỗi lúc thì chỉ có một. Như vậy là nhiều năm sẽ học được với nhiều ông cha, thầy. Tập mình tu học, làm con trò với nhiều người, tâm trí sẽ được rộng lớn bao la, sáng suốt bằng thẳng và trong sạch lắm. Thế mới gọi là ông cha có, có ông cha, chính chư Phật, bậc giác ngộ, những nhà sư. Ngài thấy ra mỗi kiếp sống, mỗi khi sanh đi sanh lại, chúng sanh có những ông cha mỗi lúc y như vậy. Tất cả chúng sanh là ông cha của người, vì bởi người sanh nhiều đời nhiều kiếp, chớ đâu phải người chỉ có một kiếp một, mà gọi là chỉ có một ông cha hôm nay, đành bỏ quên những ông cha khác trước kia. Hay như khi người chết đi đâu còn phải được gặp trở lại ông cha này nữa, mà không phải là nhờ sanh nơi mỗi ông cha khác. Như thế là ta phải sống chung học tu chung, sống để trau dồi tâm trí, ích lợi hơn là điều tư riêng sái quấy vậy.

Cũng như trong đời nếu mỗi năm chúng ta cũng đổi một đứa con y như thế. Nhiều năm tu tập làm nhiều ông cha, thầy dạy nhiều con trò, mà mỗi lúc chỉ có một đứa con trò thôi, như vậy thì ích lợi cho tâm trí lắm. Kìa pháp của thế gian cũng là vô thường thay đổi như thế, mà bởi lâu vài chục năm, mới đổi một lần một kiếp, nên làm cho chúng sanh hiểu lầm mê muội, để phải cố chấp khổ não, vì cái không ta, không của ta, lếu rộn, và chậm lâu tấn hóa, có kẻ lại thụt lùi. Bởi vậy cho nên người giác ngộ, họ không bao giờ lội ngược dòng nước, hay cắm đứng một chỗ cho bị chìm. Họ đã trôi xuôi, họ lại lội xuôi, mau hơn dòng nước trào lưu. Họ bay mau hơn mây gió thì đâu còn có những sự tai nạn đến cho họ nữa được. Thế mới biết rằng người đời là đi ngược lắm, trách gì không khổ sở. Kìa người tu, mỗi năm đổi một người bạn để tu học lẫn nhau, nhờ vậy mà mau đủ trí huệ từ bi. Một nhà sư mỗi năm đổi một cái nhà, mà trọn đời thì cất có một lần. Kìa một vị Tỳ-kheo mỗi năm đổi một bộ áo, mà trọn đời ông ấy chỉ may có một bộ. Một vị Bồ-tát mỗi năm chỉ đổi một miếng đất, một xứ. Ông ta đã đi khắp thế giới, thế mà mỗi năm thì cũng chỉ có một miếng đất của một xứ một trong mỗi lúc thôi. Các Ngài không có khổ não vô ích như chúng ta vậy. Một nhà du lịch,

mỗi năm thờ một ông vua của mỗi xứ, nhờ vậy mà biết đủ thứ tiếng, kinh nghiệm được học rất nhiều, tâm người rộng rãi lớn lao bằng thẳng. Người được từ bi trí huệ, và không còn tai nạn với các cái tiếng xứ nữa. Người đi đâu, ở đâu cũng được, cũng yên vui quý thích hết. Những bậc ấy mới gọi là có cha, có bạn, có con, có vua, có áo quần, nhà cửa… có đủ cái có, của sự thay đổi sống chung, đúng chơn lý tốt đẹp. Cũng như nhân loại mà có đối với ta, là ta phải thay đổi xã hội, thay đổi gia đình, thay đổi xứ sở, thay đổi quả địa cầu khác luôn luôn trong mỗi lúc, thì mới gọi là có. Nó phải có bằng sự tiến hóa, chớ không phải tham sân si cố chấp, trụ chết, mà gọi rằng có có, yên vui, lợi ích sống được.

Như thế thì tất cả chúng sanh là chư Phật. Chư Phật là có, và chỉ có chư Phật.

II. CHƯ PHẬT VỊ LAI (MỘT ÔNG VUA)

Thuở kia có một nhà vua trốn bỏ ngôi vua mà đi tu hành, qua xứ khác xin ăn, mặc đồ vá xấu, bá quan tìm kiếm rước về. Ngài không chịu mà nói rằng tại sao trong đời người ta không lo tu tìm học chung lẫn nhau, tất cả bằng nhau, chẳng tốt hơn là muốn cho tôi cai trị? Xưa nay tôi đã lo cho người rồi, bây giờ là đến lúc tôi phải lo cho tôi chớ? Bấy lâu tôi đã ngồi cao không ai răn dạy, đã không khiêm nhượng lại chẳng biết nghe ai. Danh của tôi là chết biết bao thiên hạ, lợi của tôi là khổ biết bao thiên hạ, mà nào tôi có làm cho loài người sống mãi, nào tôi đã làm cho loài người được yên vui? Tôi thấy tôi hưởng phước một cách quá đáng, tôi có đâu dắt dẫn được một ai qua khỏi lớp nhân người tội lỗi, phạt mãi mà có đâu hết tội, thưởng mãi mà có ai trọn phước. Ở một chỗ, làm một việc mãi bị bao vây cuồng trói như kẻ tội tù, đồ vật hành hình, việc người trói buộc, tâm càng hẹp trí càng lu, tội lỗi ác quấy càng sanh, phước đức càng hết; vật chất càng nhiều, tinh thần càng ít; người càng kỉnh trọng, tánh nết càng buông lung; làm tôi tớ cho dân mà dân nào thương mến; làm con trò của quan mà quan nào thương yêu; vì dung dưỡng sắc thân để lo cho người mà phải bị hại cho mình; tham sân si dục vọng, ngã ái càng sanh, càng ngày càng xấu dơ thấp nặng. Xét mình càng kém đức mà người càng lại tôn trọng, thật rất là hổ thẹn sợ hãi lắm! Cũng vì thế mà quan dân bắt chước cái gương u tệ, dung dưỡng danh lợi, không còn nghe

dạy, không tu hành lương thiện chơn chánh được. Lỗi ấy là tại nơi tôi, làm kẻ dẫn đạo không trong sạch, thì lời nói bảo người nghe sao cho được? Làm vua đâu phải dễ dàng giữ giới hạnh thanh tịnh để trau tâm dồi trí, thế mà một lời nói, một chữ viết là chết khổ cả hằng triệu sanh mạng, thật là tội lỗi quá. Đã như vậy, mà tánh mạng mình lại mãi đang ở trong cảnh sợ lo, hồi hộp. Ai cũng muốn giết hại chỉ vì ngôi danh lợi cao cả ấy. Trong đời tôi không còn tin ai được hết, cho đến cả lẫn vợ con. Bởi ngôi vị quá cao, nhiều danh lợi, nên che mất cả trí tâm họ, vì thế mà biết bao vị tiên đế phải bị chết bởi con vợ, quan dân cũng là giặc nghịch. Ai cùng là giặc nghịch của cái ngôi vua ấy cả.

Tôi đã hồi xét kỹ lại, vua người sao bằng vua Trời, vua Trời sao bằng vua Pháp, vua Thánh là Phật để được ích lợi cho cả chúng sanh, và lại nhẹ nhàng khỏe khoắn hơn nhiều. Tôi chỉ muốn sao cho nhơn loại sống chung, cả võ trụ thế giới bình đẳng, không còn tranh cạnh giết hại lẫn nhau nữa. Tôi chỉ ước mong cho tất cả đều tu, cõi đời trở nên xứ Phật. Vì thế mà tôi mới phải trước tự làm gương xuất gia đi tu, bỏ thế quyền danh lợi mới được. Các người thử nghĩ xem, cõi đời mà chẳng đặng là xứ đạo đức tốt đẹp, thì xứ nhân loại thấp kém quấy nhơ này có quý báu chi mà tiếc rẻ. Vậy nên vì chúng sanh, vì cõi đời, vì tất cả, vì tương lai hạnh phúc, vì sự cao ráo tốt đẹp cho cả thảy mà tôi đi tu, thì có chi là sự hối tiếc ân hận. Tôi muốn bước đến cảnh giới cao, tôi muốn dắt cả chúng sanh tiến lên, sao các người muốn níu kéo tôi lại làm chi? Tôi muốn làm vua chơn thật, làm vua thánh, vua pháp là Phật, cái vua ấy mới có, mới bền lâu. Tôi chỉ bỏ cái vua dối tạm của đời thấp kém không không mà thôi, như vậy là tôi đâu có bỏ, đâu có mất cái tiếng ngôi vua, mà các người lo sợ. Tôi đi tu nơi tất cả chúng sanh rộng rãi, tôi đi học nơi tất cả chúng sanh rộng rãi để cho mau thành Phật, hơn là tự tu, tự độ. Như thế là tôi ngưng sự làm vua người một lúc để đi khắp nơi tu học, hầu sau trở lại làm vua thánh, cho ai nấy hưởng nhờ chung, thì có chi mà trông chờ nhớ đợi. Vả lại trong đời, chúng ta khi ở gần nhau lâu là hay quên, và ghét giận buồn chán nhau, còn khi ở xa nhau lâu là được thương nhớ nhau và mừng vui, ưa thích nhau. Đã như vậy, tại sao chúng ta chẳng xa nhau để cho được sự quý trọng cùng nhau. Trong đời lắm kẻ mới phát tâm, tập làm quan vua dẫn đạo quần chúng, lúc đầu là còn cố gắng hy sinh vì nghĩa vụ,

thật là chơn chánh sáng suốt thanh liêm, nhưng lâu ngày về sau mệt mỏi chán nản, bởi lẽ dân tình khờ dại, chẳng biết nghĩa vụ công ơn, họ mảng vui chơi sung sướng mà sanh tội lỗi, không cần biết luật pháp nữa. Vì vậy mà quan vua thất vọng, và rồi cũng sa ngã theo như dân chúng, để đua chen sự cẩu thả phong lưu, chớ không lẽ sẵn có quyền thế mà lại không biết ăn chơi, để cho dân kia ố ngạo, thế là vua quan lại bóp cổ dân, và đua với dân mà trụy lạc. Cõi đời sẽ là đám vui chơi, chớ không còn đạo pháp chi nữa, và từ đó quan vua với dân tội sẽ còn có hai người, tên là giàu và nghèo thôi! Rồi thì họ trèo lên tuột xuống, thế lực oai quyền, chen lấn đàn áp, để cho được cái phong lưu sang trọng, chớ đâu còn biết chi là lẽ phải nghĩa vụ công ân, quý trọng lẫn nhau. Cũng vì thế mà tôi phải đi tu, để dứt bỏ cái phong lưu, sang trọng, lợi danh, quyền thế cho tất cả noi gương; thì sự đi tu của tôi là thiên hạ được giác ngộ giựt mình, bình yên không chiến tranh loạn lạc, có chẳng quý hơn là ngồi trên ngôi ấy để phải khổ tâm đợi chờ chết hết! Nếu trong đời các ông vua đều đi tu, trên mặt đất có một ngàn ông vua đều đi tu, và mỗi ông vua làm vua giúp đời một lúc, tạm xong là đi tu. Các ông ấy mà đi tu thì quan dân không còn tranh chấp, ai cũng biết quý trọng đạo đức, như vậy mới có thể mong được tất cả đều tu, cõi đời sẽ trở nên Cực Lạc. Có vậy thì tương lai của tất cả chúng sanh mới là chư Phật.

Trong đời tiếng vua quan dân là tạm, nhưng trong mỗi tiếng ấy lại có 3 hạng: người là vua, Trời là vua, Phật là vua, hay người là dân, trời là dân, Phật là dân; hoặc người là quan, Trời là quan, Phật là quan; Vua, quan, dân là người, là Trời, hay là Phật. Chỉ có người, Trời, Phật chớ đâu có gì là vua, quan, dân đâu? Mà chúng ta lại đi cố chấp cái tên dối tạm ấy, tại sao người ta chẳng gọi ai nấy là chúng sanh cho gọn tiện. Chớ chi ai nấy đều tu thì khỏi phải có vua, quan, dân cai trị khổ nhọc mới là thật tốt đẹp.

Kìa khi xưa đức Phật Thích-ca bỏ ngôi vua đi làm dân để tu, thì cái tiếng dân có chi là chướng ngại. Trong đời ít ai hiểu được con đường của dân, ý nghĩa làm dân, dân là người vui chịu sống cách bình thường, mà không muốn sự chen đua với ai cả. Dân phải là người tu, chính là đạo đức mới làm dân. Dân là cao quí, mà ít ai muốn chịu. Từ một em bé sáu tuổi đến ông già chín mươi, từ nam nữ, nông thương và tất cả, ta thử hỏi xem coi có ai mà không muốn chịu sự làm vua quan sang trọng, lợi danh quyền thế? Ai ai

cũng ham thích danh lợi hết, như thế nghĩa là kẻ đã làm vua quan, kẻ đang làm vua quan, kẻ chưa làm vua quan, kẻ sẽ làm vua quan, chớ không có ai có ý muốn chịu sự làm dân. Vì lẽ ấy mới có sự chết sống lẫn nhau, mà cái tâm của kẻ chết ấy đều là vua quan cả. Người ta hiểu lầm vua quan là cướp bóc danh lợi, chớ ai có biết đâu là tôi đã từng làm vua quan, là làm tôi tớ lo lắng gìn giữ cho dân, làm vua quan như tôi ấy, cực khổ chớ có dám đâu vui sướng. Làm vua mà đúng phép thì rất khổ não và lại cũng không được ích lợi chi; còn bằng cướp giựt của người xưng vua là trái lẽ; bởi cớ ấy mà tôi bỏ lánh đi tu, để tập làm một người dân đúng đắn, hay là Phật, giác ngộ cho đời xem vậy. Tôi chỉ muốn làm dân theo như người ta lầm nhận, để hành phận sự của một vị Phật, dạy lại cho cả vua, quan, dân dã; làm cho tiếng vua quan, danh lợi sau này, không còn ai tham muốn nữa, dầu kẻ nào có tham muốn đi làm vua quan ấy thì không dám làm tội lỗi mê muội, và để cho người ta biết quí trọng cái dân như tôi, dân ấy là chủ, là căn bổn, là đạo đức, quí báu hơn hết. Hay như quan vua phải là bậc hiền thánh, bị người bắt buộc dạy chăn kẻ thấp thỏi. Làm vua là phải chịu thiệt thòi, sút kém hơn người dân hiền lương, vì họ dễ được thong thả rảnh rang tu học. Con đường từ một người dân dần độn đến một vị vua quan mờ ám, đến một người dân đạo đức, để đến với một bậc vua quan là Phật Thánh tột cao. Tôi muốn mở lối đi ấy cho nhơn loại bước lên, nên tôi cần phải tập sự làm dân, làm dân như tôi là phải tu hành đạo đức, để được thành Phật Thánh, vua quan cao thượng lớp trên hơn nữa.

Trong đời ai cũng tham muốn cái vua quan danh lợi mà phải chết, những kẻ ấy đem mạng sống đổi lấy danh lợi, theo tiếng gọi của lòng tham muốn, thì có ức hiếp chi đâu! Danh lợi để chết, với không danh lợi để sống, hai lẽ ấy cũng như nhau, được một mất một, chớ có chi hơn khác, nếu có khác là khác nhau nơi chỗ vui khổ của tâm mà thôi. Nhưng dầu sao cũng được, vui tâm khổ thân, vui thân khổ tâm, sự khổ vui tương đối, nhơn quả quả báo tức là công lý, thì ai đi đường nào cũng vậy, chỉ có khác nhau là nơi giáo lý danh từ. Mà thật ra trong đời rất ít có vua quan nào là Phật thánh không danh lợi, kẻ ấy mà có đi nữa thì trước kia cũng phải làm người dân cao thượng, làm người tu đắc đạo mới được. Dân là đạo, dân là kẻ khổ thân vui tâm, là kẻ sống bình thường mãi. Dân là kẻ thích ưa sự yên lặng, hạnh

phúc trong sạch về tương lai hơn là hiện tại. Dân là kẻ thích yêu cái sống, và muốn cho tất cả đều sống, vui chịu sự sống chung, không hại ai tất cả, và tất cả cũng không ai giết hại mình. Dân ấy mới sẽ thành Phật, là đạo Phật, là người tu, là nhà tăng, là kẻ yêu quý sự yên vui, không còn tham muốn, thì vua quan phàm danh lợi kia ắt phải là kẻ lo lắng giữ gìn cho họ, tôn trọng họ, giúp đỡ họ, chớ đâu phải như dân đần độn, mà phải bị thấp kém thiệt thòi, hiếp đáp! Trong đời nếu thật có dân, thì dân ấy không có chết, không có ai giết hại, mà trái lại nếu có người chết khổ lo sợ, thì người ấy chẳng phải là kẻ làm dân, chẳng phải là người tu có giữ đạo, vì có ai oán ghét kẻ hiền lành mà làm chi.

Sự thật như vậy, trong đời vì chúng sanh mê muội khổ nạn, mới tìm kiếm tôn lập vua quan, mà nếu vua quan vì danh lợi bỏ dân, là chưa có vua quan; còn dân mà không có tu hiền, thì không phải là dân, cũng chưa có dân nữa. Vậy nên vua quan phải là Phật Thánh, và dân dã phải là người tu hiền lương, mới gọi là có vua quan dân được. Nhưng đối với sự còn cai trị dạy dỗ, còn có chúa tể, là để dùng riêng cho được số ít thấp nhỏ, chớ nếu tất cả đều tu hiền lương, hiểu thông đạo lý, biết tự độ lấy mình, thì đâu còn có cái tiếng chúa tể vua quan làm chi nữa; mà cả võ trụ sẽ là Phật Thánh, vô quyền, vô trị, số đông nhiều lớn lao hơn vậy. Bởi sự thật như thế, nên việc bỏ ngôi vua đi tu của tôi là rất đúng lẽ. Khi xưa lúc tôi còn ở ngôi vị thì ai cũng muốn đuổi đi, nhơn duyên của sự vô thường, khổ não, không ta, không của ta, đã bảo tôi đi. Tôi đi tu để bước lên cảnh giới cao siêu tốt đẹp mà tôi đã tìm gặp, và kể từ đây các nhà vua chúa sau này mới biết quý trọng đạo đức, kính trọng Phật Thánh, người tu, đặng lo tu tìm học, đến lần giác ngộ như tôi, để tránh khỏi tai nạn.

Vì trong đời chỉ có Phật là quý báu, là căn bổn, là chủ tể. Đạo pháp của Phật mới sanh sản ra được cái ngôi vị vua quan tốt đẹp. Chính Phật Pháp mới thật là món ăn, chỗ ở, áo quần, thuốc uống cho vua quan hưởng dùng được. Đạo lý của Phật, Pháp bảo của Phật mới tạo ra được cái nói làm ích lợi, sự sống vĩnh viễn, giá trị của vua quan. Và kể từ đây các nhà vua quan danh lợi đối với người dân tu hiền là sẽ trao đổi pháp thí tài thí với nhau để sống chung. Kẻ thiếu ăn, người thiếu sống, kẻ thiếu sức, người thiếu trí, kẻ

khổ thân, người chịu khổ tâm, chan hòa chia sớt cho nhau, để cho ai nấy được như nhau, giống in nhau, bằng linh hồn xác thịt. Vua quan của tôi nơi đây là tâm của tất cả những người không tu, còn dân như tôi là bỏ vua quan mà đi tu vậy. Trong đời nếu ai cũng làm dân như tôi hết, thì vua quan kia mỗi việc ắt phải do dân, vì dân là đạo đức, hiền lành; còn vua quan danh lợi là người đời tội lỗi, và từ đó mỗi cử chỉ, lời nói, việc làm của vua quan là sự nên hư của đạo, là sự sống chết của dân. Người tu phải hộ pháp, ủng hộ sanh mạng đạo đức cho dân tu, phải cho hạp lẽ đạo theo ý người tu, phải tu học nơi người đã tu, để cho được cái sống yên vui, không còn tội lỗi.

Lẽ thật ra tiếng vua quan là danh từ nhiệm vụ, như cái áo mặc bên ngoài, chớ tất cả chúng sanh là như nhau, đâu có chi oai quyền thế lực. Nhưng nếu dân mà đã tu, còn vua quan chưa tu thì tức là sự trái ngược, thấp kém hơn dân, nên mọi việc cũng phải do hỏi nơi dân, nơi đạo thì mới hưởng được sự thành công tốt đẹp. Vậy thì trong đời mà ta thấy chẳng có vua quan do tùng người tu là dân đạo đức, thì vua quan ấy không bền, gọi là chưa có vua quan rồi. Và cũng trong một xứ mà không có người tu y theo đạo đức thì cũng là chưa có dân, không phải dân nữa. Mà tất cả là kẻ chiến tranh, những bậc ấy sanh ra đời là để chiến tranh, tìm giết, muốn chết hết với nhau mà thôi. Cũng vì trong đời thiếu dân ấy, nên tôi mới gọi tôi là dân, là người tu theo đạo đức, là Phật Tăng. Vì có đạo đức, có tu mới có dân; không đạo đức, không có dân; dân là người tu, và người tu đắc đạo, mới là quan vua vậy.

Vấn: Đã tu sao Bệ hạ lại phải đi xin ăn?

Đáp: Đạo đức là Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác, là sự sống bình an như thường, không thái quá bất cập, là cái sống hiền lành trong sạch. Vậy nên chúng sanh bố thí pháp cho nhau, xin tài vật của nhau, sống chung trao đổi giúp nhau, cung kỉnh lẫn nhau, cái dư cái thiếu chan hòa chung hiệp. Trong đời nào ai có thể tự sanh sống lấy một mình mà chẳng phải là sự xin lẫn nhau: từ phút, từ chút, từ vật, từ lời. Xin và học là mục đích của chúng sanh, ai ai cũng là Khất sĩ xin với học. Đúng chơn lý Khất sĩ, xin với học của đời là chơn chánh quý báu trong sạch, hơn là sự ích kỷ, bỏn xẻn tham lam, tự lấy tự làm, không xin chịu dốt, xin chẳng đợi ai cho, chẳng rõ nghĩa công ơn tất cả, chẳng tự thấy biết là mình xin. Mãi mãi tham sân si cang ngạnh là

bởi chưa được học hành hiểu thông lý đạo, là trong đời chúng sanh vạn vật, các pháp cung cấp cho mình, và mình là đang xin nơi tất cả!

Thế mới biết: Đời là tội lỗi, còn đạo đức là cao quý lắm. Và cũng vì sự bướng bỉnh mê muội, không biết xét thấy tội lỗi của mình, nên ai cũng mong muốn cái cao sang danh lợi, để hưởng phước đức thế lực cho mau hết, mà chẳng chịu tích trữ lo tu thêm cho mau thành Phật. Trong đời kẻ mạnh xưng mình là quan vua, còn kẻ yếu thế phải bị ép buộc gọi là dân. Họ làm dân là để mong đợi thời thế, đặng bước đến quan vua, chớ không ai chịu làm dân là lo tu hiền, để sống cuộc đời bình thường. Tranh đua để chết, chen lấn giựt giành để chết, ngôi vị cao ráo để chết, thế mà họ không bao giờ chán nản. Gò đất cao phải bị người ta cuốc đào bới xới, chớ trũng đất thấp có ai cuốc xới mà làm chi. Cây cao lớn thì gió ghét thổi mạnh cho ngã gãy, chớ như cây nhỏ thấp có sao đâu? Trong đời ai cũng thương kẻ thấp hèn mà bù sớt vun vén, và ai cũng tật đố, không ưa muốn, phá hại, xấc lối. Thế mà ai cũng muốn mình cao, là ý nghĩa làm sao? Ngôi cao ai cũng muốn cướp giành, thế sao chẳng ai đi tìm ngôi thấp để cho được an thân, và được người thương mến? Vậy ai muốn yên vui và sống mãi thì nên phải nhớ rằng không cao không thấp, mực giữa là đạo của chúng ta. Và tiếng vua, quan, dân là không có đối với chúng sanh từ xưa vô thỉ. Kìa xứ Phật cõi người tu đạo đức, nào có quan vua dân chi đâu, bằng như tất cả đều là quan vua hết thì có ai làm dân? Rồi ai lại đi cai trị ai? Không lẽ đi tìm kiếm hiếp đáp người tu, bắt buộc người hiền, phá hại Trời Phật, như thế thì còn gì là công lý, luật phép thiện chánh nữa.

Đành rằng chúng sanh kẻ mới sanh sau, bao giờ cũng thấp kém, không thế nào không có vua quan, xã hội, gia đình được. Nhưng nếu trình độ của người nào đã bước đến bậc cao mà lại còn cố chấp, trở lại quan vua danh lợi ô nhiễm, nói là để mãi lo ăn mặc ở bịnh cho dân, để cho dân sống chịu ác dốt, thì thật là sái quấy. Kìa ta hãy nhìn xem có ai mà không chết, có ai làm cho ai sống mãi được? Và chỉ vì muốn sống mà không cần thiện ác, thì tất cả đều ác rồi liệu có ai được sống để ăn mặc ở và dưỡng bịnh? Hay là tất cả đều phải tu, phải thiện để sống, và khi được sống rồi thì sẽ tùy tiện lo sự ăn mặc ở bịnh, mặc dầu ít xấu, không danh lợi thế quyền, mà được yên vui sung sướng, sống đời dễ chịu hơn. Đó là hai lẽ cao lớn để chết, và thấp nhỏ

để sống. Sống và chết ấy, ai tự muốn cái nào? Mặc dầu sự đi tu cũng không phải là hạp với tất cả trình độ, nhưng đối với nhân loại lớp dưới thì sự đi tu là quí hơn hết, bền dài hơn hết, yên vui hơn hết.

Nói tóm lại, vua quan dân là giáo lý danh từ tạm. Thế mà từ xưa nay ai cũng không chịu sự làm dân cả, ai cũng chê tiếng dân, mà tất cả đều muốn làm vua quan, và là vua quan đang chen lấn giựt giành đổ máu.

Nào ai biết rằng dân mà biết tu, có đạo đức, thì dân ấy cao quý hơn quan vua danh lợi, và quan vua kia sẽ sùng bái nghe lời, chớ đâu phải dân là thiệt thòi, dân là kẻ thế cùng lực tận, hoặc thất bại, hay đang ẩn nhẫn chờ thời.

Xưa kia đức Thích-ca và các quan bỏ ngôi vị đi tu, tập làm dân, là để chỉ rằng vua quan có hai hạng, và dân dã cũng có hai hạng. Con đường của dân là đạo đức, dân phải là người tu, còn vua quan phải là người Phật Thánh đắc đạo mới được.

Dân chẳng nên tham muốn danh lợi vua quan ràng trói, dân nghĩa là người tự do giải thoát, làm kẻ hiền lương.

Dân mà được như thế thì đỡ cho vua quan Phật Thánh và khỏi cần vua quan Phật Thánh cũng được, vì tất cả đều tu hiền thánh cả rồi, và xứ ấy tức là xứ Phật hiện tại.

Vậy theo lời nói của vị vua đây là để giác ngộ cho chúng ta rằng: Người tội sanh pháp luật, chớ không phải pháp luật sanh người tội, và không còn có pháp luật đối với chơn lý, hoặc người tu Phật Thánh.

Đó là lời khuyên tất cả đều nên tu hiền, làm trời Phật, hơn là sự mong mỏi danh lợi, tội lỗi ác quấy, đã khổ sở thất bại mà lại phải chết mau.

Vì con người ở đời, hễ thái quá là có sự bất cập đến gần. Mà thái quá bất cập, thảy đều là sự khổ não vô ích, chẳng bền lâu. Vả lại cai trị người chẳng bằng dạy dỗ người.

Chính đức Phật khi xưa bỏ ngôi vị đi tu, làm bình dân, dân như Phật, như Tăng, bố thí Pháp, dạy lại cho vua quan và khắp cõi Trời người, mà được chúng sanh tôn là cha hiền, là thầy sáng, vua pháp, quí báu vô cùng; thảy tự người tôn chứ chẳng tự tôn, mới không còn khổ nạn.

Chính dân như Phật mới là chủ, là căn bổn, là quí báu, lấy Pháp bảo nuôi dạy cả vua, quan, dân, chúng sanh, để cho tất cả đều tu, đều bình đẳng thì mới được sự yên vui hòa hiệp.

Vậy nên chúng ta phải sống cho nhau, phải trao đổi giúp nhau, để sống và tu, mà đừng có suy nghĩ thấp cao bên ngoài chi cả. Kẻ thấp hãy ráng tu mà nhóng lên, người trên cao nên bỏ danh lợi bớt xuống đặng lo tu.

Hãy nên đi một lượt với nhau để tạo thành cõi đời, mặt đất bằng thẳng trong sạch là giới luật, tu hành tốt đẹp. Có do giới luật mới lập thành thế giới Cực Lạc đại đồng bình đẳng được.

Vậy nên kẻ đang làm dân tạm thì phải lo tu học, đừng tham muốn, chớ tranh giành, phải cho có đạo. Con người vua quan đang tạm phải là Phật Thánh, chớ khá chấp sự cao sang, đừng lòng quên đạo. Chớ nên cai trị ép chế người nào, mà phải cùng nhau kẻ trước người sau lo tu tìm học đạo lý tới mãi, để cho được sự thương yêu mà chỉ dạy dắt dẫn cho nhau, hiệp một với nhau nơi đường đạo đức chính giữa mới là quí báu, ích hay lắm vậy. Lành thay, ai ai cũng sẽ là chư Phật hết.

CHƠN LÝ 31

HỘT GIỐNG

1. Trần thế tứ đại (đất, nước, lửa, gió) cũng như một thân hình cây, cỏ cây như nhánh lá, thú ví bông hoa, người là vỏ trái, Trời là ruột trái (hay thịt cơm, mùi vị), Phật là hột giống để đời mãi mãi.

2. Người cũng như trái non, Trời là trái già, Phật là trái chín, nên kêu là đắc quả thành đạo.

3. Trần thế tứ đại vật chất là mặt đất, các pháp giáo như hột giống. Các pháp giáo là nguyên nhân sanh ra thân trí tâm, thân trí tâm tức gọi chúng sanh. Thế thì, chúng sanh là những cái cây mọc trên trần bụi. Cây ấy có nhiều thứ: thứ tốt, thứ xấu, thứ ích lợi, thứ vô dụng. Tánh chất của nó tùy theo hột giống pháp giáo cả. Thế nên sự lựa giống tức là lựa pháp giáo để tu học gieo trồng, đặng có kết quả tốt đẹp cho đời, là điều mà ai cũng mong muốn như vậy.

4. Trần thế cũng như miếng ruộng to, mỗi xác thân cũng như một mẫu ruộng nhỏ. Mỗi phút qua, xác thân như mỗi cục đất, trí ta như lưỡi cuốc, tâm ta như hột giống gieo vào. Còn thời gian không hạn lượng là sự mênh mông bao quát, vô lượng, vô biên của miếng đất. Mỗi khi chết lại sanh như sự nối liền các mẫu ruộng, cái chết đó là bờ mẫu chấm ranh, còn cái ta là ông chủ ruộng.

5. Lại vầy nữa, xác thân vật trần tứ đại của ta ví như một đống hột, vì trong ấy biến sanh ra đủ thứ giống, nào là giống Phật, giống Trời, giống

người, giống thần, giống thú, giống ma, giống đất… Nó cũng là một đống đất biến sanh ra tất cả muôn hình vạn trạng, thay đổi ứng hóa mãi mãi…

6. Người ta cũng nói rằng thân là vỏ hột, khẩu là ruột thịt cơm của hột, ý là ngòi mộng của hột; gồm cả ba phần thân khẩu ý lại là tâm, hột giống.

7. Cũng có thể nói: thân như cây lá, trí như hoa nhụy, tâm như trái hột. Hoặc nói rằng thân là vỏ trái, trí là thịt cơm ruột trái, tâm là hột trái cũng được…

Triết lý luận sao nghe cũng phải cả, có điều là chúng ta nhận thấy bao nhiêu thứ món vật chi, có hình tướng, dầu gọi cho bao nhiêu tên đi nữa, rốt lại một ngày kia, cũng chỉ còn là một nắm đất xám đen, bụi nhỏ mà thôi, không còn tướng danh chi cả. Như vậy thì cái chi cũng là đất, cũng là danh tướng của địa ngục hết. Nghĩa là cây là hột có chứa hột, hột là cây có chứa cây; hoa trái là hột cây có chứa hột cây, hột cây là hoa trái có chứa hoa trái; vỏ lá là tất cả có chứa tất cả, tất cả là vỏ lá có chứa vỏ lá… nhưng cả thảy đều là đất, đất là tất cả có chứa tất cả; tất cả là đất có chứa đất; tứ đại là vạn vật, vạn vật là tứ đại. Nếu nói hẹp lại thì một món một tên, bằng gọi rộng ra là nhiều món nhiều tên khác nhau, để mở mang trí học hay là để rối rắm phiền não, là tùy theo người đã giác ngộ hay chưa giác ngộ vậy.

Như thế thì Phật, Trời, người, thần, thú, ma, đất… cũng là một món một tên, nhưng sự biến hóa mỗi lúc là khác danh khác tướng, để cho chúng ta đừng mê chấp. Cái ta không còn mê chấp rối loạn tức là định, thì không còn có chi nữa hết. Cũng như giấc chiêm bao, như tuồng hát, bao nhiêu lâu, bao nhiêu danh tướng, thảy đều không có chi hết. Chỉ có cái ngủ yên, cái nghỉ khỏe mới là có, có cho mỗi lúc, có lúc về sau cho cái ta vậy. Thế nên gọi cái ta là chơn như, chơn như là ta của người giác ngộ. Thật vậy, cái ta không có, không thấy, nhưng lúc nào chơn như tự nhiên yên lặng thì như có, như thấy, như gặp; còn lúc nào vọng động bên ngoài thì như mất, như tan. Bởi thế cho nên gọi cái ta là ở bên trong, nó ở bên trong cái chơn như ngủ nghỉ ấy. Cái ta ấy khỏe khoắn, thanh nhàn, yên tịnh lắm, không còn khổ não theo cái vô thường. Bấy giờ của cải của cái ta sẽ là sự giác ngộ, chớ không còn lầm lạc nơi danh tướng vọng tưởng nữa, tức là cái chánh trí của như như vậy. Cái ta ấy mới gọi thật là Phật. Thấy gặp nắm giữ mãi tức gọi là làm Phật, và sẽ

thành Phật. Cái ta ấy mới thật là có, là hột giống chín khô, cứng chắc để đời mãi mãi.

Xưa kia có một con chim bạch hạc, từ nhỏ đến lớn bay đi khắp cùng thiên hạ, núi non, sông suối, cỏ cây, người thú, tỉnh châu, làng quận, thành trì cả thảy… đâu đâu nó cũng biết cả. Một khi nọ, nó đã già, không còn bay được, nó nằm nhắm mắt ngủ nghỉ, yên lặng tự nhiên trên một hòn đá giữa biển to. Nó ôn lại hết những sự thấy nghe từ bao thuở nhỏ, nó không thích ưa loại nào, chốn nào cả, và nó cũng không còn muốn nhìn xem mỏi mệt những cảnh ấy nữa. Nó chỉ muốn yên lặng và yên lặng mãi thôi. Mỗi khi nó nhớ lại cuộc đời thì trí nó suy nghĩ rằng: Ôi là vô thường! Ôi là khổ não! Ôi là không có chi hết! Thế rồi nó lại ngủ nghỉ yên lặng nữa cho đến không biết bao lâu.

Về sau có một đám người chài lưới bị gió bão, ghe tấp vào hòn. Những người ấy trèo lên hòn đá, gặp một bộ xương rũ nát của một con chim to, chết đã ngoài trăm năm nơi đó. Họ tranh cãi, bàn tán với nhau làm cho tâm trí chim giựt mình xem lại, thì mới hay là mình đã chết bỏ xác lâu năm rồi. Chừng đó chim mới thấy ra cái ta hột giống để đời. Và việc trần thế bên ngoài như vỏ hột sen khô đen cứng, cái chánh trí kinh nghiệm giác ngộ là ruột thịt cơm của hột sen khô, và cái chơn như như ngòi mộng bên trong ẩn kín, còn cái ta là hột giống để đời. Con chim đây tức là những bậc thượng trí, họ sống đời bằng cái ta như thế, thật là trong sạch. Con chim ấy tức là hột giống của tứ đại.

Chẳng biết bao lâu về xưa kia, có một nhà vua công bình chơn chánh, thông minh lắm, xem dân như em ruột, trong xứ được bình yên thạnh vượng, mùa màng sung túc, dân dã thảnh thơi. Vua vì quá cực nhọc lo cho dân nên quên mình lao khổ. Một ngày kia vua bịnh, xe giá đi dạo nơi bãi biển. Đến gốc cây, Ngài ngự nghỉ tại đó mà nhìn xem cảnh vật mênh mông của biển dã, xem ngắm núi non, nhìn sâu trong rừng bụi, suy gẫm đến đền đài, xét nghĩ đến loài người. Ngài nhắm mắt lại, tưởng nhớ đến hành vi của mình, Ngài thấy mệt, thấy chán, thấy buồn ngủ. Ngài ngủ quên và chiêm bao. Ngài thấy núi non bị sụp, biển cả cạn khô, rừng cây bị đốt, đền đài tan sập, loài người chết hết, mọi vật tan lìa, công cán người đổ theo dòng nước…

Giựt mình tỉnh dậy, giác ngộ vô thường, thế sự như bao vỏ, đạo đức là ruột cơm, ý nghĩ lặng ngừng như mộng ngòi của hột. Ngài như một hột giống của tứ đại nhơn duyên, mọi vật bám níu bên ngoài như cát bụi. Đời là đống đất mà Ngài là hột giống sáng trong như viên ngọc đang ở trong ấy, và chúng sanh sẽ tìm kiếm bươi moi, đem về cất kỹ để lên cao. Ngài như một trái chín thơm ngon, như một ngọn đèn sáng, Ngài phải cần lo lấy Ngài, giữ lấy mình Ngài, đó là tâm của Ngài. Thiên hạ sẽ nương nhờ Ngài mà chính tự Ngài là phải giữ cái ta, cái tâm, cái mình, cái hột giống của trái ấy mới được. Thế là Ngài yên lặng tu tịnh và không trở về đền vua, để lo việc không rồi kia nữa. Và từ đó, ai ai cũng noi gương theo Ngài mà không còn tham muốn chi hết. Vị vua ấy khi xưa tức là đức Phật Thích-ca Mưu-ni vậy. Sự thấy rõ cảnh Niết-bàn dưỡng an cái ta hột giống là phải như thế. Đó là cảnh sống mãi của Ngài. Và Ngài là hột giống tứ đại không còn dời đổi nữa, nên kêu là Phật, là đắc đạo, là thành công đạt mục đích rồi, là yên nghỉ vào trong cái định, và định mãi. Cái định là hộp kín che phủ bên ngoài yên lặng, không không, vắng bặt.

Một người thương khách kia, ngồi trên chiếc xe chở đầy hàng hóa, người giơ roi đánh thúc bò đi, bánh xe kêu cót két lăn cán trên đường, để lại dấu bánh ghi sâu trên cát bụi, kéo lê dài nơi truông vắng. Người thấy ra trên khoảng không gian vô tận, bánh xe sanh tử luân hồi nặng nhọc lăn xoay, đeo mang cát bụi; ý mê muội như hai con bò khờ dại nghinh ngang; thùng xe là lòng tham lam chất chứa; danh lợi như món của chất đầy xe; trí người như dây cương roi gậy; tâm người là chủ xe ấy. Người tưởng tượng xe ấy sẽ bị lật xuống hố sâu, người vật của cải lâu năm biến thành đất hết, dấu xe kia sẽ bị phủ xóa không còn hình, cái tên tuổi việc làm nọ cũng không còn thấy nghe kiếm gặp. Người lạnh mình sợ sệt mà mong ước rằng: chớ chi thùng xe tôi chứa đầy pháp lý, trí tôi là thùng xe, sự tinh tấn như cương roi, ý niệm lành như cặp bò, tâm tôi được định làm chủ mãi mãi, pháp luân như bánh xe, dấu xe như điều luật, để đạo luật lại cho đời sau. Như thế tức là người không có chết, không thất bại, không lo sợ, không có mất. Người sẽ là hột giống của không gian cát bụi, chắc là sẽ lợi hơn lắm. Nhờ niệm tưởng như thế mà người xóa bỏ đi tu, đi khắp nơi, đi mãi, lấy thế sự làm vỏ bao ngoài dưới đất, pháp lý trí tuệ làm của cải bên trong phía trên, và tâm chơn như

thì ngồi trên món pháp lợi ấy. Bấy giờ người là hột giống của thời gian trôi khắp, người sống mãi trên kho tàng pháp bảo, để đạo lý lại cho trên mặt đất cõi đời sau, người không còn phải lo lắng nghỉ ngợi sợ sệt chi nữa cả. Người ấy tức là hiện thân của Thường Tinh Tấn Bồ-tát. Người nghỉ yên trên xe pháp, xe pháp nâng đỡ chở che người. Người là cái chơn như đại định trong giữa gió bụi thời gian, người ở đâu, đi đâu, đến đâu, chừng nào cũng được. Người đã nghỉ trong những cái làm, nên không chút gì mệt nhọc.

Kìa một người làm ruộng, sau giờ mệt chán buổi chiều, nhìn lại những cái kết quả của công sự làm mãi không rồi ấy, mà thấy nhận ra đó là việc cát bụi bên ngoài. Những việc ấy chẳng qua là cái vỏ lốt trơn trợt mà thôi, những sự giác ngộ, những lý trí kinh nghiệm mới phải là món ăn cơm ruột, và cái tâm định của chơn như mới thật là ngòi mộng. Hay cũng như cái vỏ của trái và hột giống của trái, gồm cả thân tâm trí của người là một cái trái; vỏ phải bỏ, thịt cơm thì ăn, còn hột thì để dành cất mãi. Nghĩa là những việc làm nơi đồ đạc ấy rồi sẽ mất hết, chỉ no đủ cái trí, và để cho cái tâm được định nghỉ yên sau sự làm mệt. Thế là họ làm để mà nghỉ, họ nghỉ chưa được nên mới tập làm, họ làm cho mệt mới chán nản, cho cực nhọc, cho cái trí được vui vui hay hay và ngồi nhìn ngó những việc ấy để mà trầm ngâm yên lặng vậy.

Một người thợ cất ra một cái nhà để đặng nhìn ngó những việc của cái nhà ấy mà suy nghĩ, và sau sự suy nghĩ mệt mỏi ấy là để cho tâm được yên lặng ngủ nghỉ cho khỏe, chớ không có chi hết. Trần thế đối với người thợ mộc là cái ngủ nghỉ yên lặng, và làm là để giải trí vui chơi thong thả, hơn nữa là để gìn giữ che đậy, tập nuôi cho cái chơn như yên lặng. Họ chú ý nơi cái chơn như yên lặng, chớ việc ngoài đâu có chi là bền, là của họ, mà họ đi tríu mến ô nhiễm! Kẻ ấy cũng thấy rõ ra được cái hột giống chơn như của họ.

Thật vậy, trần thế ai ai cũng có thể giác ngộ được hết. Vì cái giả mỗi lúc là chỉ ra cái thật, cái thật chơn như yên lặng có sẵn trong mỗi cái giả, vọng động, xao xuyến. Cái có cái khổ là chỉ rõ cái không cái vui, cho nên ai ai cũng lãnh hội được gặp cái tâm, cái ta hột giống hết.

Cũng như nơi loài người, một ông già kia nói: thân già cũng như vỏ trái teo nhăn, chờ thuở sẽ thành đất trả lại tứ đại, đặng sanh ra các món vật khác

nữa. Cái thúi thành đất có hai cách: một cách hột non sẽ bị thúi luôn bỏ hết, còn một cách là hột già thì còn lại!

Từ nhỏ đến lớn, cái thân ấy có là để chứa đậy, nuôi dưỡng cái tâm, và cái tâm cũng nương theo trình độ của cái thân mỗi lúc. Nhưng cũng có một đôi khi thân tâm chẳng giống nhau như vỏ chín mà hột non là chín héo, và như vỏ non mà hột già là cũng ít khi có gặp. Còn thường thì vỏ ruột hột, bao giờ cũng nương theo nhau cả. Chúng nó tiến lên từng trình độ, mỗi lúc cách sống một cách khác lúc đầu, không còn giống nhau, nên ít ai lầm lạc! Cũng như vầy: Từ lúc mới sanh đến khi già chết, loài người có chia ra làm ba hạng: trẻ nhỏ, người lớn với ông già.

Ba mươi tuổi sắp xuống là hạng người nhỏ.

Ba mươi đến sáu mươi là hạng người lớn.

Sáu mươi tuổi trở lên là hạng người già.

Người là loại động vật cao nhất, người là nhân, nhân là hột giống. Người là hột giống của tứ đại, hột giống ấy có ba thời kỳ:

1. Còn non sức đang nở lớn xinh đẹp.

2. Đã lớn đúng sức trơ trơ.

3. Khi già tóp teo nhăn lại.

Vỏ trái sau khi già thì chín rụng. Thân người sau khi già thì thân người chết. Còn hột trái sau khi già thì cất để đời, tách lìa cây; tức như tâm người sau khi già thì nhập định mãi, xa lìa bỏ thế. Như vậy là nơi cây thì mọc để rụng, còn nơi người thì sanh để chết. Chết rụng là cất để dành còn mãi, trong cái chơn như yên lặng Niết-bàn, không còn gieo lại để chịu sanh tử luân hồi khổ não nữa. Ấy mới gọi là chết rụng thiệt vậy. Đây là giáo lý trình độ mỗi lúc của hột giống người.

Một người nhỏ kia nói dưới ba mươi tuổi là tuổi phải sống bằng cái ác. Từ lúc mới sanh cha mẹ phải nuôi, đến lớn lên một chút, anh chị bà con quyến thuộc giúp đỡ, lớn nữa nương theo xã hội. Tất cả chúng sanh, vạn vật, các pháp un đúc cho tôi, mà tôi chưa có đền đáp cho ai lại công việc chi cả. Cho đến khi gần ba mươi tuổi, tôi mới tập lần lo lấy tôi, khỏi phiền nhọc kẻ

ở gần, chớ cũng chưa giúp ích lợi cho ai. Cái ác mà chính tự tôi vốn chưa hiểu được, đó là thời kỳ ác cũng kêu là thời kỳ của thân. Cái thân đang nẩy nở, đang to lớn, đang xinh đẹp, đang cần phải những sự tô điểm, trang sức, cái thân đang độ quí giá như ngọc như vàng. Lớp tuổi ấy ai ai cũng phải khoe khoang kiêu hãnh, tự cao cả. Cũng như vỏ của một trái dừa non, xuân xanh, bao dày làn phấn, nào có ai biết chi là thiệt giả, phải quấy gì đâu. Tuổi ấy là tuổi của vật chất, ai mà không say mê với sự thấy, nghe, hửi, nếm, rờ, tưởng nơi sắc tốt, tiếng thanh, mùi thơm, vị ngọt, món êm, tình dục. Cảnh ấy con người chỉ biết sống bằng sắc thân, đối với vật chất chưa biết khổ, chưa biết ghê dơ chán sợ, vì bởi chưa có đủ trí phân biệt, kinh nghiệm. Cái thân ở trong vật chất như con sâu nằm trong ổ kén, nhắm mắt co ngoe, chẳng cần biết sự sáng tối, ngày đêm, thiện ác, sống chết, nên hư, tới lui chi cả. Ấy là tuổi tham muốn, đói khát, thèm thuồng, tuổi mà chưa gặp cái hay, vật lạ của sự đời thì ai mà không háo thắng, đua chen, danh lợi, giành lấn, tranh nhau của sự mới gặp đời lần thứ nhứt.

Người tuổi nhỏ chưa biết đến ai cả, chưa biết ra sao là trần thế, chưa có định tĩnh được. Người nhỏ bao giờ cũng tưởng rằng mình là con của tất cả mãi mãi, ai ai cũng phải chìu chuộng, ai ai cũng là người của người nhỏ, phải sống cho người nhỏ và phụ tiếp với kẻ khác, là tự mình lo cho mình là đủ rồi. Tuổi ấy ai cũng cho rằng xác thân là mình, là ta, và cả thảy vật chất, của cải tiền tài, vạn vật tốt đẹp trên thế gian là của người trẻ tuổi, chớ nào phải của người lớn, ông già. Cho nên con cháu ai mà không bất bình, than trách kẻ ông già người lớn rằng cất giữ của cải vô ích, và sự ăn sắm chẳng hạp thời, đã lớn già rồi mà còn tham muốn, ăn xài không trúng cách nữa mà làm chi. Vì thế nên con cháu mới buộc tội và đả đảo cha ông, để giành giựt cướp lại quyền lợi của tuổi trẻ, không ai kể gì thiện ác cả, bởi lẽ ông già sẽ chết, người lớn hết sinh; còn tuổi trẻ là tuổi sống, tuổi đẹp, thì cái vui đẹp vật chất phải là của cải của tuổi ấy, chớ không phải của ông già người lớn. Mà người lớn là đã hưởng qua rồi cái tuổi xuân xanh vật chất ấy, bây giờ phải chịu hy sinh, phải nhịn lại để cho trẻ nhỏ đàng sau, thì tuổi trẻ mới tôn kính được chớ. Người lớn phải sống bằng tinh thần lý trí, học thức, bằng sự kinh nghiệm của bước chân đã trải qua; hãy sống bằng trí, bằng thiện, vì xác thân đã đứng ngừng chai chết, trở lại xấu tóp lần lần rồi.

Một người lớn tuổi nói thân người trên ba mươi tuổi là cái thân mực giữa của lúc mới sanh và khi già chết. Xác thân của tuổi ấy nó buộc người phải sống thế nào, phải làm việc chi, chớ không phải nắm níu vật chất cái xinh đẹp nữa được. Tuổi chẳng trở lại, xuân bất tái lai, thời gian đã xô đi, không cho hưởng dùng vật chất nữa. Cái kho vật chất là nhà hạnh phúc của xác thân trẻ tuổi, của người thiếu trí đang chấp có, chấp sự vui chơi, mà kẻ nào đã đi qua khỏi rồi thì đến phiên kẻ khác sẽ đi sau hưởng tiếp, còn mình thì sau khi đã no đủ rồi là đến lúc phải lo làm trả lại, phải chịu cực khổ xác thân và hy sinh của cải, phải chịu thiệt thòi theo luật vay trả của hữu hình tứ đại, đặng mà bước lên lớp trên bậc trời người lớn, bởi lẽ xác thân chẳng đứng ngừng, và không đi lui trở lại. Người lớn phải là kẻ hy sinh, ngôi chí thiện, đấng tinh thần, hạng lý trí, kẻ sống không không, không vật chất của tuổi cha mẹ, khác hẳn tiếng xưng con.

Con là lo ăn lo uống vui chơi, cha mẹ là lo làm, lo nuôi săn sóc, giữ gìn miếng ăn mạng sống cho con mới phải. Cha mẹ phải là tôi tớ cho con bằng xác thân vật chất, bởi tuổi trên ba mươi là tuổi có con, vật chất chán nhàm, thân thể không còn tốt đẹp, ăn chơi như trẻ nhỏ. Cha mẹ là phải lo làm nuôi con trả lại, hãy sống no đủ bằng sự yêu thương, còn xác thân thì phải chịu sự ốm o, xấu kém vì con. Cha mẹ là kẻ đã ăn hưởng xong rồi vật chất, có đủ sức lực rồi thì bây giờ phải lo làm, làm để trả lại trẻ con, là đền ơn trước kia cha mẹ nuôi mình thuở nhỏ. Tuổi cha mẹ là đến lúc phải làm nhiều ăn ít, không than van cực nhọc xác thân, chẳng cất dư của cải cho mình, mà phải lo chung cho xã hội. Cha mẹ là phải nhường nhịn chén cơm lại cho con nhỏ, chẳng nỡ chỉ hưởng một mình no, mà bỏ con đói khát. Người lớn là tuổi đủ sức lực, cần phải thi thố sức lực, làm việc to lớn rộng rãi cho người, việc lớn cho thiên hạ minh mông như trời nước. Cái lớn là không để ai lo cho mình và mình cũng chẳng lo cho mình, mà chính mình phải lo cho tất cả, đặng đền ơn trả lại công cán xác thân, mà trước kia người người nuôi ta, vật vật giúp cho ta; chớ không phải là cái lớn của ăn nhiều, cất giữ hết, choán hại của cải trẻ em. Vì một cái thân to cướp mạng sống của biết bao nhiêu trẻ nhỏ. Một miếng ăn lớn là sự chết đói của cả số đông người. Vậy nên đối với chơn lý sống chung nhân loại là người nhỏ phần ăn nhiều làm ít, người lớn phải ăn ít làm nhiều bằng vật chất. Người lớn phải ra sức lực làm việc, mà

phải ăn lại thuộc về lý trí không không, làm để vui chơi, làm để mở trí kinh nghiệm được học, làm để lấy sự hay giỏi, cao thượng danh vọng, tinh thần, thiện chánh; còn món lợi vật chất là phải bố thí cho trẻ con, không nên còn sự ăn chơi cẩu thả, ngộ nghĩnh như lúc bé con nữa. Thật vậy, cha mẹ đâu có nỡ lòng nào ngồi không dư dả, để cho trẻ nhỏ cực khổ thiếu kém, xấu xa chết sớm cho đành.

Kìa một ông già sáu mươi nói cái tuổi ông bà này là cái tuổi không còn như trẻ nhỏ ăn chơi, cũng không còn sức lực như người lớn. Cái tuổi sau sự kinh nghiệm được học, đủ trí, giác ngộ, tri thiên mạng, phải là ông thầy giáo dạy dỗ, chỉ đạo lại cho người lớn nhỏ, lấy giáo lý độ đời, đem pháp bố thí cho chúng sanh chung, để cho người lớn trẻ con được học hỏi nghe dạy, mà đem cơm nuôi giúp cho mình trở lại. Ông bà là tuổi như trái đã chín già, gần chết rụng, ngủ nghỉ, cất kín để đời. Người lớn trẻ nhỏ nuôi đặng ngày nào là để được xin học ngày nấy, dưỡng lão khất ngôn. Còn bằng không ai nuôi thì thôi, đói không nhịn được thì nên phải đi xin ăn, và nên đi xin ăn dạy học khắp nơi, mới là khỏi đói. Ông bà là tuổi mà còn ở mặt đất giờ nào, còn ăn một miếng cơm của người là phận sự còn bắt buộc, phải dạy dỗ lại người, giúp nên cho mặt đất, cũng chưa ngủ nghỉ nằm yên được. Tuổi ông bà là trên cao hơn hết, là tuổi độ tha, chớ không còn tha độ hay là tự độ, phải sống với vũ trụ bao la, tâm rộng như hư không, lòng từ bi phủ khắp, trí sáng tỏa chiếu cùng nơi của bậc già kinh nghiệm, già đạo đức, sực nức mùi thơm ngon ngọt từ nơi cửa miệng hé mở. Cái sống bằng tâm của bậc già là chơn như tự nhiên yên lặng, tập như cái chết cho quen lần sự an lạc về sau.

Tuổi ấy chỉ còn hưởng được cái chơn như tịnh định, chớ không có vật chất, tinh thần chi cả. Trí của bậc già là thấy xa nghe rộng, biết rõ tâm người, hiểu thông mạng số, xét rõ xưa nay về sau, thân mình như bay nhẹ, ý thường an định, trụ hòa vắng lặng. Thân của bậc già là nết hạnh trang nghiêm trong sạch, chẫm rãi, khoan thai, nhàn lạc, đức hạnh đầy đủ, từ bi trí huệ, chánh đẳng chánh giác, công bình tỏ ngộ, không còn ngã ái tự cao, thất tình lục dục chi nữa cả. Những bậc ấy không còn tham sân si, tội lỗi nữa. Tuổi ông bà là đã qua khỏi tinh thần vật chất, không còn thân trí, cũng không có ác thiện được mà là phải sống bằng chơn như, và giác ngộ cho chúng sanh thôi! Vì tuổi ấy đã nhận ra được chơn lý lẽ thật của vô thường, khổ não, không ta,

không của ta trong võ trụ, nên không còn mê muội, lầm lạc, say đắm nữa. Phận sự của người già, còn có người nuôi sống tạm ở đây, là phải giác ngộ, giáo hóa cho chúng sanh chung vậy. Ông bà là bậc không còn đua chen, mưu trí sức lực, để giết hại người lớn, cha mẹ; cũng như người lớn, cha mẹ không nỡ dùng sức lực, miếng ăn áp chế trẻ con mình. Đời sống của mỗi bậc vốn có sẵn chương trình kỷ luật, nhìn xem nơi xác thân thể diện, chúng ta tức khắc thấy ngay cái thứ tự ấy.

Cái sống, cái ăn, cái vui, cái nói, cái thích hạp của vật chất, tinh thần, chơn như, ba pháp khác nhau, đúng phép, không ai có thể chen lộn của ai được. Kìa người già đâu có còn dùng vật chất xác thân, cái ác như người nhỏ nữa, đâu có còn dùng tinh thần, lý trí, cái thiện như người lớn nữa. Kìa người lớn đâu còn có dùng vật chất, xác thân, cái ác như người nhỏ nữa, và đâu thế nào dùng chơn như tâm định đạo đức như người già được. Kìa người nhỏ đâu có thế nào dùng tinh thần, lý trí, cái thiện như người lớn được, và đâu thế nào dùng chơn như, tâm định, đạo đức như người già được. Luật sống tự nhiên đã sắp đặt thay đổi mỗi lúc, không còn cho ai giữ cái tham chấp một mực được, và nó cũng không cho ai xen lộn phá rối bậy bạ cả. Hạnh phúc của chúng sanh mỗi lúc đều đầy đủ, thuận hạp đúng y như thế, sẵn phần như vậy. Kẻ nào tham bậy ắt bị hành phạt, kẻ nào phá rối ắt bị khổ sở, mà không được kết quả ích lợi chi cho ai cả. Đúng lý như vậy.

Chơn lý pháp bảo của võ trụ dạy bảo ai nấy phải sống đời lo tu học cho đúng phép, chớ đâu có cho tuổi bậc cha ông, già lớn, để cho người kêu gọi trẻ con, của vật chất thân ác như trẻ con. Cho nên trong đời nếu có kẻ nào đi ngược bằng tay, tuổi cha ông mà còn muốn cho người kêu gọi mình trẻ con, không chịu già lớn thì phải bị chết khổ vô ích lắm. Kẻ ấy muốn làm trẻ nhỏ đi ngược, chun lủi xuống bùn lầy ấy, chẳng chịu xem xét lại thân mình, có khác nào kép hát diễn trò, mang râu vẽ mặt, làm hề giễu hoài, chọc cho thiên hạ cười nôn hoặc phát giận; lại để cho người ta tha thứ, kêu là ông cha còn trẻ nhỏ mãi. Ấy bởi giáo lý của ba hạng bậc:

1. Trẻ nhỏ là còn ác trược vật chất xác thân.

2. Người lớn tinh thần, lý trí, thanh thiện.

3. Còn ông già là đến đạo đức, chơn như, tâm định tự nhiên.

Ba giáo lý ấy là danh từ của ba bậc, ai ở pháp nào kêu gọi tên nấy (bất chấp xác thân). Cũng như một em bé kia mà sống ăn vui, nói thuận hạp theo tâm trí, thì đó phải là ông già, người lớn tái sanh, chớ đâu còn là trình độ của mới còn em bé. Nghĩa là danh từ do giáo lý, kẻ nào hát giễu làm bộ tịch, muốn chịu xấu kém để lo ăn, hay là ai muốn vinh hạnh để nhịn đói, thì tự ý. Mà sự thật của cái tên gọi ông già, người lớn, trẻ con phải có, là bởi đúng sự hành vi của chúng ta vậy. Như thế là chúng ta đã vén được một bức màn vô minh hỗn độn. Chúng ta đã lật được bề trái của tai nạn mà thấy rõ gốc tội lỗi bên trong, và chúng ta sẽ biết rõ pháp luật chơn lý, hiểu rõ mặt đất của thế giới an lạc. Như thế là chúng ta tự mình được phân biệt kẻ hát với người xem, tự mình từ nay sẽ dứt trừ chiến tranh, vật chất, xác thân, ác trược của trẻ em, biết giữ gìn quyền lợi cho trẻ em, nuôi sống giúp trẻ em, để cho trẻ em được hưởng trọn đủ món gia tài, đúng y theo số tuổi.

Có như thế, con đàng sống của nhân loại mới thông lưu.Từ nhỏ đến già, ai cũng phải trải qua đầy đủ của bước chân vật chất, tinh thần, chơn như y nhau bình đẳng. Bổn phận của ai nấy đi tới, chớ không còn có đứng lại, hoặc đi lui, ngăn cản xoáy lộn, dội ngược với kẻ đàng sau, tức là tự mỗi người đã chấm dứt hẳn chiến tranh. Chiến tranh mà bằng đạo đức, chơn như, tâm định đi tới tốt đẹp, xưa nay ít ai tranh đấu để cho mau thành Phật, để đặng tu hết, mà trái lại là chiến tranh lộn ngược, ông già người lớn thối tháo lui trở lại bước trẻ em, chen lấn tập làm trẻ nhỏ, chiến tranh vật chất trẻ nhỏ. Sanh trẻ nhỏ ra làm chi cho đông nhiều, không dạy bảo chi hết, lại tranh đấu vì miếng ăn, hại chúng đói khát, giết hại con cháu. Thật vậy, sự đời đã có những nơi như thế. Và chơn lý của loài người là sẵn, bảo phải y như vậy. Loài người không có khác nhau, phân biệt chia rẽ nơi màu da, chủng tộc, mà loài người chỉ có không giống nhau nơi già, lớn, trẻ. Và ba món sống tư riêng ấy, không ai dùng lộn của kẻ kia mà thuận hạp cho mình được.

Vậy nên từ xưa cho đến nay, lương tâm nhân đạo của các bậc cha ông, bao giờ cũng luôn luôn vui chịu sự san sẻ, nhịn miệng lại cho con cháu, để cho con cháu ta vui, rồi ta thấy nó vui mà ta vui theo. Cái vui của người sắp bước đến cảnh không không, bỏ lại hết của cải là như thế. Do đó, con cháu sẽ ngoan ngoãn tôn thờ, không còn dám đâu hăm he giết hại được. Cho nên từ xưa đến nay, chiến tranh vật chất là phần của trẻ nhỏ với nhau, chớ ông già

người lớn ít ai chen lộn, để phải bị tai nạn oan uổng trong ấy. Và với sự cấu ó của người nhỏ, lát đánh lát ngừng, lát chơi lát giỡn ấy, thì chúng ta còn ai lại càn lếu gì, đi nhọc lo can thiệp những sự việc của trẻ em làm chi.

Trong đời trẻ nhỏ tập làm Trời, người lớn hay Phật ông già là xem được phải lắm, nên khuyến khích lắm. Nhưng nếu Phật, Trời, ông cha mà sa ngã, đọa lạc xuống lớp người nhỏ thì thật rất khó coi, nhột nhạt. Thế nên chúng ta phải tu tập học hành, gìn tâm giữ trí, làm bậc cha ông Trời Phật, nuôi nấng dạy dỗ trẻ nhỏ thơ ngây cho phải đạo, vì ai ai một ngày kia cũng là Phật cả thảy. Bổn phận người đi trước phải dìu dắt dẫn đạo cho kẻ đi sau, mới tránh được sự ích kỷ, tội lỗi lấy mình, và không còn có ai kêu rêu trách móc mình được.

Kìa Phật là ông già, như ông nội, ông thầy giáo giữ tự nhiên.
Trời là người lớn, như người cha, kẻ sanh nuôi làm thiện.
Người là trẻ nhỏ, như con thơ ác dại, ham vui vật chất.
Trẻ nhỏ là con người lớn, cháu ông già, hay đệ tử ông già.
Ông cha là bậc trí huệ, từ bi, hỷ xả vô lượng.

Vậy chúng ta phải bước tới cha ông, vì thời gian không cho đứng mãi, cũng như hột giống non nhỏ, đến cứng to và già chín. Nhơn duyên đã phải như vậy, chúng ta không ai tài gì trái cưỡng chơn lý võ trụ nổi đâu! Thế nên tốt hơn là tất cả phải lo tu học, và tu học chơn lý là mục đích chánh đáng hơn hết.

Vả lại tiếng nhân người, người là người người, chớ chẳng phải là mình, chẳng có tiếng mình trong đời. Người là nhân, nhân là hột giống. Hột giống ấy có là bởi không có tiếng mình, vì nếu chỉ biết mình là không có tiếng người, nhân, hột giống. Hột giống để tự nhiên là nó sẽ sống và lớn theo thời duyên. Vậy chúng ta chẳng nên động chạm đến hột giống nhân người, và phải yên lặng tự nhiên mà nuôi dưỡng nó.

Người là hột giống, khi chết đi phải còn là hột giống tốt, thơm quý để lại đời sau, để đạo đức lại đời sau, để ân hậu lại đời sau, mới không hổ thẹn với tiếng thân người cao quý, mà chúng sanh vạn vật các pháp rèn trau un đúc nó, nó có biết mang ơn, và có lo đền đáp. Như thế mới gọi tiếng nhân người hột giống, có sống, có hữu dụng, chẳng phải chết trơ. Cái trơ trơ trở lại như cát bụi, chớ không phải được như như, như chư Phật. Như thế đời là đạo

Phật, chúng sanh rồi ai ai cũng tu nhập Niết-bàn, sống mãi, gìn giữ hột giống được hết. Thế mà thời gian mỗi phút trôi qua, chúng ta lại mãi còn đang lặn hụp, thật là uổng tiếc quá.

Đọc bài này, chắc chúng ta có chỗ nói rằng, nếu không ông già giữ của lo cho, thì trẻ nhỏ sẽ phá xài hư hết rồi nó khổ, hoặc quen tánh hư đi thì lớn lên nó đâu có làm thiện, chịu thiệt thòi được?

Vấn: Và e rằng không có ông già nên mỗi chỗ của trẻ con, không người kiềm chế, ắt chúng nó sẽ chết hết với nhau chăng?

Đáp: Đã là ông già thì trẻ nhỏ chúng nó xô đùa té chết, chớ kiềm chế giữ lo chi được.

Bài này cốt yếu chỉ cho chúng ta thấy rõ chơn lý của hột giống người có ba hạng bậc, do đó giáo lý người Trời Phật là có hiện tại nơi người! Như thế những ông già đều là bậc xuất gia hết, sống trong Giáo hội chư Tăng tu học, ở chung nhau khỏi cần nhờ con cháu, đâu còn có một ông bà nào ở lộn trong cõi thế mà sợ thiếu ăn. Các ông bà đi tu là xin ăn, hoặc ở nơi rừng vườn, rau trái, hang cốc, vỏ lá thuốc cây, vốn có sẵn cho sự ăn mặc ở bịnh, lo gì thiếu thốn mà phải chen chúc với trẻ con! Còn người lớn làm nuôi trẻ nhỏ đến 18 tuổi thì nó phải tập lần lo nuôi lấy nó. Trẻ nhỏ có của cải ăn chơi hay không là tại người lớn làm nhiều hay ít, quyền của cha mẹ! Nếu con nhỏ ham chơi bậy thì cha mẹ chẳng làm nuôi, chớ có lạ chi. Và cha mẹ chỉ làm đủ ăn, nuôi sống cho con mỗi ngày thôi, có của cải chi đâu mà cần phải đi giữ gìn cho con. Người cha mẹ chỉ phải mỗi miếng ăn vật tốt là nhịn miệng để cho con nhỏ hơn mình một chút, là đủ cho nó mến trọng ân sâu rồi, chớ đi lo làm dư mà làm chi. Còn con nhỏ tự nó muốn làm ăn dư dả, để chơi vui cho quen tánh xấu là cũng tự ý nó. Điều ấy có phần những ông già, thầy giáo lo dạy dỗ, chớ cha mẹ thì không thế nào dạy con trẻ được, vì bởi cha mẹ là chỉ mới cao hơn nó có một nấc thang thôi.

Còn trẻ con, khi đã được ba mươi tuổi thì nó không còn có sự vui chơi nữa, và phải trở lại lo làm cho kẻ khác. Vì nếu luật sống chung này đã thông dụng, khắp thế giới đã ban hành ra rồi thì đâu còn ai lại chẳng biết đến tuổi của mình nữa. Theo phép sống chung này thật là rộng rãi, đúng lý, chơn chánh lắm, đâu có chi phiền hà, nên dầu ai có tội lỗi chắc họ cũng vui lòng,

tự truy tố phạt vạ, để làm gương cho đời sau, tự họ rất vui lắm. Và chắc chắn là không có ai sái phép được cả, vì các bậc cha ông có ai mà không thích hợp mong muốn như thế ấy! Như thế nghĩa là cha mẹ còn hay ở gần với con nhỏ chỉ lo cho con nhỏ ăn mặc ở bệnh thôi, chớ quyền hành dạy dỗ là tại nơi cha mẹ và sự sống chết của con trẻ cũng do nhờ cha mẹ. Nếu con trẻ hư tệ gì thì đúng 30 tuổi, nó cũng phải tự lo làm lấy ăn và phải giúp nuôi lại kẻ khác, chớ đúng tuổi thì cha mẹ không lo cho nữa.

Phép sống theo chơn lý chỉ ra đây đâu phải là ép buộc, đâu có gắt gao. Mà dầu chúng ta có cho là không được phóng túng cẩu thả, tham lam đi nữa, chớ cũng đâu bằng sự bắt buộc, chiến tranh, giết người, đoạt của, ép bức vợ con? Thế mà sao chúng ta cứ mãi đắm say vật chất, liều mạng nhắm mắt đánh liều, cho là vui sướng hạp chịu.

Giáo lý sống chung nuôi hột giống mỗi lúc này thật là chánh lý lắm, dứt trừ được chiến tranh lầm lạc, chớ không có cách gì sanh chiến tranh lầm lạc. Luật vũ trụ của tuổi số là vốn chẳng cho tham lam, vì không có ai dư dả cất giành, có đâu sanh ra cắp trộm được.

Trẻ nhỏ nếu muốn chiến tranh thì người lớn chẳng chịu làm nuôi. Còn như nó ráng làm dư nhiều đặng tranh đấu thì mắc lo tranh đấu là đâu có làm, còn lo làm thì đâu có tranh đấu.

Người lớn là bậc trời biết hy sinh thì đâu có chiến tranh. Đã không dùng được vật chất tốt đẹp dư hơn thì chiến tranh để cho ai? Còn những ông già lo tu như Phật thì có đâu ghét giận ai, mà đi giết hại! Vậy thì chơn lý này là đạo của người, là phép ngăn ngừa chiến tranh vĩnh viễn. Vì chiến tranh trong đời mà có là tại người lớn ông già ở bên trong, chớ các bậc cha ông ở ăn đúng phép như Trời Phật, thì trẻ nhỏ đâu còn làm cái chi to tát nhiễu hại được. Bởi vậy mới có một người kia nói: thử ngay hiện tại trong các chỗ chiến tranh người ta lựa cất ra những ông cha, thì tức là yên tịnh ngay được. Và người ta cũng vẫn mãi hỏi với nhau: không biết các ông cha ấy, tuổi đã như thế mà còn mong ước cái chi nữa để đeo đuổi trong ấy, gọi tiếng lo cho trẻ con, để báo hại trẻ con mà tránh sự nói làm lẽ phải, sợ lánh điều cực nhọc, đành mang chịu tội lỗi, ích kỷ sái phép; bởi tuổi cha ông đâu còn choán lấy, cất để cái chi cho mình được bao lâu nữa.

Có người lại nói tại hồi xưa trẻ con hỗn láo, nên cha ông ghét giận lắm, tìm cách giết hại nhiều đời mãi mãi. Các ông ấy luôn luôn trà trộn, đốc xúi trẻ nhỏ giết hại chết hết với nhau, chia rẽ chúng nó ra, đi lộn ngược nguồn tiến hóa, để gương ác hại ấy, khiến muôn loài mai hậu chết thảm vì nhau, để cho không còn có đạo.

Chơn lý này là phép khuyến tu hay lắm, làm cho nhân loại thấy rõ nấc thang tiến hóa của mình. Ai thật hành được là hạnh phúc cho mình, theo y như đây thì trẻ nhỏ được no, người lớn nhịn miệng, ông già lo tu dạy đạo là ba môn hạnh phúc của người Trời Phật tại thế, hạp đúng chơn lý tiến hóa lẽ sống chung, mà xưa nay không ai đi lấy lý lẽ gì viện tránh trái cãi được. Ắt phải như vậy, không rối khổ thì khỏi cầu an, không chiến tranh thì khỏi vái nguyện bình yên.

Cầu nguyện vái là tấm lòng ao ước mong muốn sự lành, mà sự lành ấy là ở tại chỗ thật hành, chớ chẳng phải ở nơi lời nói, cùng sự ước mong mà nên đặng. Đúng lý như vậy, sống vui tu học hơn là chết khổ. Giàu sang giây lát sao bằng cái nghèo khó của Trời Phật. Mà mục đích của loài người là tiến lên Trời Phật, chớ đâu phải ở hoài một lớp, mà bổn thân đi tạo của. Kìa cổ nhân Phật Thánh, khất sĩ thanh bần, đói ăn rau trái, mặc lá vỏ cây, uống thuốc cỏ cây, ở nơi hang bộng, mà được nên Trời Phật. Chớ nào có bỏ sự học tu mà đi lãng chơi tạo nghiệp, để chịu sự khổ sở dây dưa, luân hồi vô ích mãi.

Đời càng xa chơn lý càng lắm gian nan, nhưng biết đâu đang sẵn có dịp gian nan là nhơn duyên khiến bảo chúng ta nên hãy lập đời chơn lý trở lại, từ nay về sau hóa nên cõi Phật tốt đẹp, không cho chúng sanh liều càn rối mãi nữa. Phải như vậy thì thật là may mắn, hạnh phúc quá.

Nói tóm lại, trong đời có ba miếng ăn, ba cái sống, ba món của cải, ba sự giàu sang của ba hạng người là vật chất, tinh thần và chơn như. Ba miếng ăn ấy không ai giành giựt lấy cắp, chia sớt gì cho ai được, cũng không thể bắt chước và ăn lộn được. Trẻ nhỏ không hưởng tinh thần được, người lớn không hưởng chơn như được, và ông già không hưởng vật chất được.

Chơn lý đã phải như vậy thì chúng ta không nên sái phép để tự mình tìm sanh tai nạn. Cũng như bậc cha ông không thể dùng được vật chất thì còn đi cất giữ tranh đua mà làm chi, để cho trẻ nhỏ thiếu ăn, để cho chúng nó phải

đánh đập, giành giựt với nhau đổ máu, mà trái lại chúng nó tìm kiếm mãi, chẳng biết của cải đi đâu mất hết. Cũng vì thế mà lắm kẻ cháu con trở lại làm khổ cha ông, cha ông không còn giấu cất chôn bỏ đâu được, và cũng không thế la rầy cho nổi, vì là mình cũng không khác chi chúng nó.

Cha ông rầy dạy con cháu thì phải lẽ, còn con cháu nói nặng cha ông, điều ấy ắt chẳng nên. Cũng bởi lẽ ấy nên trong đời kẻ thức trí cha ông thì hay giao sự nghiệp quyền thế lại cho con cháu, khi đến lúc phải thời, chớ không tự mình cắt bỏ, ghét hại, bày mưu, đốc xúi, giết phá cháu con. Các ngài không còn cho chúng nó là chướng ngại, sự tham lam của mình. Các ông cha đâu còn muốn sự tham lam bất công chi nữa. Vì công lý đâu có cho mình toại hưởng mãi, bởi cái già chết là phải bỏ hết mà thôi.

Bởi hiểu như vậy nên bậc trí thức, không còn gọi cái tuổi trên ba mươi là đến tuổi làm giàu nữa. Các ngài không còn than nghèo. Các ngài cho rằng biết đâu vì quả báo mà lắm kẻ cha ông kia chen lộn vào đám cháu con, để xúi giục chiến tranh, đặng giết hại trẻ nhỏ, để riêng mình ăn trọn; mà trái lại, mình sẽ bị chết, và bị phân phát trả của cải lại cho đám trẻ con. Hay như khi mình chết đi, luân hồi trở lại làm trẻ em, sẽ phải bị cái gương ác kia xúi kẻ khác, đàn áp hại mình trở lại, chớ không có ích lợi được chi cả. Chơn lý phải y như vậy.

Có như vậy mới có tạo nên được những bậc cha ông xứng đáng trong đời. Những bậc cha ấy tức là chư thiên bậc trời, cư sĩ tại gia, trí thức thanh thiện, sống bằng tinh thần không không, tốt đẹp cao quí.

Còn những bậc ông già khất sĩ xuất gia là phải giải thoát, giữ gìn giới hạnh của bậc thầy, sống bằng chơn như, tâm định, tự nhiên yên lặng, quí báu hơn hết.

CHƠN LÝ 32

SỢ TỘI LỖI

Một ông cha kia có ba đứa con. Một đứa lớn hiền lành dễ dạy, nên thường được sự khuyến khích ban thưởng, để cho nó được mau lên tốt đẹp của con đường giác ngộ cao quí về sau. Đứa kế đó tâm trạng vừa vừa tự nhiên, nên ông không thưởng phạt chi cả; ông cho rằng đời sống của nó cứ như vậy mãi là đúng theo sự giác ngộ và giác ngộ lần lần. Nhưng chỉ có đứa thứ ba rất ngỗ nghịch, tội lỗi, bất kể chi cả, nên ông thường răn phạt để giác ngộ luôn luôn.

Một hôm đứa con nhỏ ấy vì sự đánh lộn với người ta, ông cha kêu lại đánh phạt.

Ông ấy bảo con rằng: Ta sẽ đánh ngươi mười roi theo như cái tội nặng của ngươi. Nhưng vì ta không có ghét giận hờn oán ngươi, và ta cũng không nỡ thấy con phải chịu đau đớn, ta đánh ngươi là để cho ngươi giác ngộ, bằng ngươi sớm giác ngộ thì ta không còn đánh đủ mười roi. Còn sau mười roi mà chưa giác ngộ thì ta sẽ đánh thêm mãi, cho đến khi nào giác ngộ sám hối thì ta mới thôi không đánh nữa.

Ông đánh một roi, ông hỏi rằng con còn đi đánh lộn không? Đứa con làm thinh, ông đánh một roi nữa, và cũng hỏi con còn đi đánh lộn chăng? Cứ mỗi roi ông mỗi hỏi như vậy, đến roi thứ năm, đứa con nói hết, không dám làm việc quấy ấy nữa. Bấy giờ ông thôi đánh, và hỏi kỹ lại xem, coi tại sao nó không đi đánh lộn bậy. Đứa con phải trả lời từng câu hỏi cho thông, tỏ ra rằng

tâm đã sám hối, ăn năn chơn thật giác ngộ, biết thấy rõ sự tai hại sái quấy rồi, thế là ông tha luôn, không còn phải đánh thêm đủ chục.

Nhưng cũng một khi kia, ông hứa đánh nó mười roi, đến khi đã đánh đủ mười roi rồi, mà nó không giác ngộ, ông buộc lòng phải đánh thêm nữa cho đến 20 roi, nó mới chịu nhận ra biết tội.

Mỗi lần trước khi đánh, ông than với con rằng: Cha sanh con ra, cha là cha tạm, là kẻ đi trên trước nơi khoảng đường đời. Nếu cha không dạy bảo chỉ dẫn con là cha có tội với con, về sau này con bị tai nạn khổ sở là sẽ đổ thừa, cha có sanh mà không chỉ dạy, hai nữa xã hội sẽ phiền trách cha sanh con để phá hại họ. Vì lẽ ấy mà cha muốn cho con giác ngộ công lý, nhơn quả, quả báo; cũng như con làm khổ người ta, là sau này con sẽ bị người ta làm khổ lại nhiều hơn. Vậy cha không muốn cho con làm tội thêm nhiều, để khổ mãi. Vì thương con mà cha phải dạy. Cha sẽ thưởng, khuyến khích con khi con làm phải; cha sẽ phạt hăm dọa con, khi con làm quấy. Ân oai ấy là để cho con giác ngộ công lý nhơn quả, quả báo mà thôi. Hôm nay cha đánh con, tức là thay mặt công lý nhơn quả, quả báo, cha phạt con trước là để cho con đừng phạm thêm tội nặng, quả báo to nhiều đó. Ông ấy mỗi lần đánh một roi là hỏi nó một lần. Tuy ông nói đánh mười roi theo luật quả báo, nhưng cũng có khi ông chỉ đánh nó năm sáu roi, hoặc hai ba chục roi, tùy theo tâm ý đứa con, lúc nào nó đã giác ngộ, hay chưa giác ngộ. Mỗi lần sau khi đánh dạy xong là ông khóc vì thương con đau đớn, và ông nói rằng ông cũng ác quá, làm đau khổ con, tâm ông bằng quen tánh dữ ấy thì sau này không tránh đâu tội lỗi, công lý nhơn quả, quả báo vậy. Nhưng nếu không đánh là không được, sự đánh ấy là cứu nó, cũng là ghi sâu kỷ niệm vào nơi da thịt đứa con, cho nó nhớ ngày giờ năm tháng ấy, nó có được dạy. Dầu sau này khi ông chết đi, nó bị khổ nạn, nó tự vui lòng chịu lãnh lấy, khỏi phải thán oán ông cha. Và cũng như sự phân chứng ngày giờ răn dạy con ấy với xã hội, dầu sau này lớn lên nó làm quấy là người ta phiền trách nó, chớ không ai buộc tội ông cha đặng. Đó là bổn phận kẻ tiên sanh trên trước đối với hậu sanh thấp sau, phải như thế! Trong mỗi khi đánh phạt con, ông hỏi con sợ cái chi mà không dám làm quấy nữa đó? Đứa con nói sợ ông là ông không chịu, vì ông đâu phải là kẻ quá ác, mà dầu ông có ác thì cái ác ấy trong đời đâu có ai phải sợ! Đứa con nói sợ cây roi, ông cũng không chịu nữa, vì roi sẽ gãy và ông sẽ chết, mai kia

đâu còn cha và roi, rồi chừng ấy sợ cái chi để cho được tránh xa nạn khổ? Vả lại tiếng cha con là tạm trong mỗi kiếp, chớ tất cả là chúng sanh không có đầu đuôi, thì đâu phải bảo ai sợ ai, còn cây roi đâu phải tự nó gặp ai đánh nấy mỗi lúc mà đi sợ. Bây giờ ông bảo con phải biết sợ tội lỗi là hơn hết. Vì người không tội lỗi thì trong đời không còn có tiếng ông cha, hay cây roi chi nữa cả. Vả như khi phải bị quả báo khổ đau mà cho là xấu hổ thì người ta nên phải biết hổ thẹn tội lỗi trước, là không bao giờ có sự tủi nhục về sau.

Cho đến một khi kia, đứa con khờ dại tội lỗi đã đến thái quá, ông cha buộc lòng phải đóng cũi nhốt đứa con lại. Ông nói với nó, nó phải đền tội chịu nhốt mười năm theo luật nhơn quả, nhưng ông có thể thả nó ra trước mười năm, nếu nó đã giác ngộ sớm, còn bằng đúng mười năm mà nó chưa giác ngộ công lý, là ông không bao giờ thả ra để nó hại nó và cả thiên hạ, mà phải nhốt thêm mãi mãi, hoặc tới chết, hay bao lâu tùy theo sự giác ngộ biết sợ tội lỗi, biết hổ thẹn tội lỗi của nó. Như thế nghĩa là ông không có bất công, oán ghét đứa con, mà bắt buộc phải đánh đúng số mười roi, hay phạt nhốt đủ mười năm, nếu khi đứa con đã sớm hối quá. Ông cha ấy cũng tức là chơn lý võ trụ vậy.

Kìa một ông thầy dạy học, tiên sanh có bổn phận phải dìu dắt trẻ nhỏ hậu sanh, kẻ đi trước phải dắt dẫn người đi sau theo luật sống chung, phải sống, phải tiến, học dạy cho nhau, xin cho lẫn nhau để một ngày kia cùng đến nơi mục đích nghỉ ngơi, an lạc.

Một ông Diêm vương quan tòa nói với tên cướp sát nhân rằng ngươi đã giết mất trong xã hội một mạng người, ngươi đã có tội với chơn lý phải sanh phải tiến của võ trụ. Ngươi đã phạm tội sát sanh với cả chúng sanh chung sống. Linh hồn kẻ kia đang chờ đợi uất tức vì ngươi, bởi ngươi chặt đứt con đường sống và tiến của họ, nên họ thù oán ngươi. Tại sao ngươi có lời nói mà không chịu nói bảo họ việc phải quấy cho họ nghe? Ngươi không sanh ra được người thì sao ngươi có quyền lại giết hại? Và việc ác của ngươi làm ấy có phải chăng là xúi kẻ sau này tập noi bắt chước, bỏ càn công lý? Phải chăng là ý ngươi đã không muốn sống, không muốn có cõi đời loài người? Ngươi muốn chết, nên ngươi muốn cho tất cả đều chết hết? Nhưng ngươi lầm, chỉ có một mình ngươi muốn chết thôi, chớ tất cả đều muốn sống cơ mà! Vậy thì ngươi muốn chết thì tự một mình ngươi phải chết đi, để cho tất

cả được sống với. Người phải tự xử lấy như cách mà ngươi đã giết kẻ kia là theo ý muốn của ngươi, muốn cho ai ai cũng phải chết bằng cách ấy, có như thế linh hồn kẻ kia mới không oán thù ngươi nữa. Linh hồn ấy sẽ hả dạ mà cho rằng ý muốn của ngươi có thật hành đúng, ngươi không có dối họ, để gạt họ chết, đặng ngươi riêng sống. Linh hồn ngươi và linh hồn kẻ kia sẽ kết bạn với nhau mà đi qua con đàng lạ khác do sự quyến rũ của ngươi. Như thế là ngươi phải theo chưn bạn ngươi. Ngươi phải tự xử lấy cũng là để cho ai nấy khỏi phạm tội sát sanh thêm nữa. Ngươi hãy tự xử đi, vì không còn ai đã dám sống gần ngươi nữa rồi. Hành vi của ngươi đã bảo với người ta như thế, vậy nên ngươi phải thật hành đúng với bổn nguyện, đừng cho thất tín thì mới mong được đời sau hay cảnh giới khác, ngươi sẽ trở nên tốt đẹp và được kết quả thành công hạnh phúc trở lại. Điều ấy chắc ngươi không còn có lẽ gì phiền trách ai cả. Tại sao vậy? Vì ý muốn chí nguyện ngươi đã như thế! Việc tự xử của ngươi lại là công đức quí ích cho đời sau, nhờ xem gương đó, mà họ tránh khỏi ý tưởng lạc lầm vô lý ấy. Như vậy là đối với tiếng sát sanh, phải tự mình thường mạng, sau này ai ai cũng sợ lắm, không còn ai dám giết hại ai nữa, dầu phải hay quấy cũng vậy. Và người ta sẽ biết tập nói lời dịu ngọt với nhau, cõi đời từ nay sẽ càng đông nhiều, sống, tiến tới cảnh an lạc được.

Cái chết của người ấy quý ích lắm, rất hay ho đáng nên chết lắm, cái chết có giá trị, có danh dự lớn lắm. Ngươi nên biết rằng đối với lẽ sống và tiến tới thì nên thêm chớ không nên bớt, như vậy là phải thiện chớ không nên ác, ngươi phải vui chịu đi! À, ngươi đã nhận chịu cái chết ấy rồi. Vậy thì bây giờ đây, đối với lượng khoan hồng của tất cả, không ai muốn cho ngươi phải chết nữa cả, nếu ngươi đã giác ngộ. Ngươi đã giết mất một người trong xã hội khi họ chưa tới tuổi phải tự chết, sự ấy là dĩ lỡ rồi, đâu còn ai nỡ lòng nào bảo ngươi phải chết nữa, để cho thiếu mất thêm mạng thứ hai, làm thưa thớt xã hội. Trong xã hội sẽ phải buồn vì mất thêm ngươi, thiếu ngươi, thiếu tay chân sức mạnh.

Ngươi đã thật nghĩ sao? Đã thật giác ngộ chăng? Đã muốn sống chung tiến hóa chưa? Đã thật hối quá chưa? Đã thật bỏ ý quấy ấy chăng? Bây giờ đây có một cách mà ngươi sẽ sống. Cách sống ấy như vầy: Cũng như ngươi đã chết theo cùng với người kia rồi, bây giờ đây là ngươi mới tái sanh trở lại. Ngươi phải thờ người kia đặng xin tội, ngươi phải vái nguyện người kia

hoặc đi tu, hay mau tìm sanh thai trở lại. Tự ngươi phải tỏ ra cho tất cả chúng sanh đều biết rằng là ngươi đã sám hối cải lương, đã trọn thiện, đã tu! Bằng sự ngươi phải tu trì tám giới trường chay trong sạch, trọn đời không giết đến mạng thú vật, và thay cho người kia, ngươi phải lo lắng giúp đỡ cho gia đình họ, y như người kia còn sống, thêm sự phải lập công đền tội, đối với xã hội các việc phước thiện, cứu người.

Ngươi phải gánh lấy hai phận sự của hai người đối với hai gia đình và xã hội, mà không đặng vô lễ đối với người trong gia đình kia. Ngươi phải hạ mình thấp như trẻ nhỏ mới sanh để cho mọi người được thương mến, và nhìn nhận trở lại thì mới được! Như vậy là sự sống còn của ngươi sau này không được cao ráo hơn ai cả, phải như sự đã chết đi, rồi mới sanh trở lại, trở lại để tập tu, làm công việc phước thiện giúp ích cho đời, và thay thế kẻ kia xin tội với kẻ kia mới phải. Ngươi nên biết rằng trong hai điều này công lý bảo phải như vậy, việc làm của ngươi đã bảo ngươi như vậy. Ngươi không nên sợ chi hết, ngươi từ nay phải biết sợ tội lỗi thôi. Hôm nay ngươi đã phải bị chạm lòng tự ái, hôm nay ngươi đã thấp thỏi, mất tự chủ, hôm nay ngươi đã ở trong cái hổ thẹn ghê tởm, là bởi nơi sự tội lỗi sái quấy của ngươi đã làm ra. Ngươi không nên sợ Diêm vương quan tòa, vì Diêm vương quan tòa cũng là linh hồn, là người, là chúng sanh như ngươi thôi; nhưng khác hơn ngươi là Diêm vương quan tòa đã giác ngộ chơn lý, công lý, nhơn quả, quả báo, luật sống chung tiến hóa. Ngươi nên phải biết sợ tội lỗi của ngươi. Ngươi chớ ghét giận Diêm vương quan tòa, vì Diêm vương quan tòa là người nhơn danh pháp luật công lý của võ trụ, thay thế cho cả chúng sanh chỉ lo giác ngộ cho người mê muội, cứu người lầm lạc, chớ không có ghét giận ai cả.

Sao gọi là cứu? Vì nếu không có Diêm vương quan tòa thì kẻ sái quấy càng sa đọa sái quấy mãi, gây lớn tội hoài, để phải mau bị nạn khổ lớn to tiêu diệt cả linh hồn, và nhiễm hại hết thảy chúng sanh. Cũng như có một con sâu trong một cái trái, nếu không có người bắt sớm bỏ đi, là sau này cả cây đều hư hoại hết. Có Diêm vương quan tòa, người tội lỗi mới không làm sái quấy to tát tới mãi được, thì người tội sẽ tránh được những nạn khổ, quả báo to lớn về sau vậy.

Ngươi nên biết rằng Diêm vương quan tòa cũng như ngươi, chỉ giác ngộ, chỉ đường cứu ngươi thôi, chớ không có quyền ép buộc, vì trong đời không ai có quyền với ai hết, tất cả chúng sanh đều tự do, sống riêng trong mỗi xác thân mà thôi. Nếu Diêm vương quan tòa chém ngươi, hoặc bảo sai dịch giết ngươi thì ra Diêm vương quan tòa cũng ác, cũng phạm tội sát sanh, hoặc xúi sai dịch sát sanh chung tội, rồi còn ai lại đi chém giết Diêm vương quan tòa, sai dịch ấy, trả lại nữa, công lý quả báo nhơn quả, đâu có tha chừa riêng các ông ấy. Các ông đã cầm pháp luật, thì đâu có đi phạm pháp luật, vần công xoay tròn mãi mãi.

Vậy trong hai điều sống khổ và chết vui, ngươi muốn sao cũng được, tự ngươi xử lấy, không phiền trách ai cả. Cũng như ngươi thiếu nợ, trả sớm thì trả ít, được vui; chưa trả là trả nặng, khổ lắm. Ví bằng ngươi có muốn chết đi, trong xã hội phải ít thiếu một người, cũng có hơi tiếc một chút, nhưng thà phải vậy mà đỡ tai hại cho ngươi và cho tất cả, ai ai cũng được an tâm hết. Chớ đông nhiều mà rối khổ hết thảy thì có hay hơn gì đâu! Còn bằng ngươi muốn sống thì phải tu hành học đạo, đoái công chuộc tội mới được.

Cũng nhờ sự giảng giải rõ chơn lý của Diêm vương quan tòa, mà người tội nhơn kia rất vui lòng tự xử, không dám trốn tránh chi cả, mà còn lại mến trọng ân đức nữa. Vì vậy mà xưa kia các tội nhân phạm tội nhẹ, tự mình xin nhốt trói để tập răn phạt, tu tâm sám hối.

Thuở xưa có kẻ tự xin ở tù mười năm, mà mới được năm bảy năm, tâm đã được tốt đẹp, nên tất cả thiên hạ đều cầu xin người ấy hãy đi ra thong thả, để làm việc ích lợi cho đời, khỏi phải sự nhập thất trói tù vô ích nữa. Lại cũng có kẻ như đã đúng mười năm mà tâm chưa trong sạch thì họ tự ở tù cấm cố thêm, hoặc đến bao lâu, hoặc trọn đời chẳng hạn, cho đến khi nào tâm được chánh thiệt lớn tròn thì mới chịu đi ra ngoài làm việc. Ngày xưa tự những kẻ ấy muốn như vậy, và tất cả chúng sanh cũng muốn cho những người ấy phải như thế. Những kẻ ấy tức là những người đã giác ngộ, những người tu, những người không tự cao bướng bỉnh, những kẻ ấy đứng ngoài pháp luật, tự họ đã biết cầm pháp luật lấy họ rồi, tự họ tập làm chủ lấy, tự cải thiện lấy, khỏi phải nhờ đến Diêm vương quan tòa dạy nữa. Những người tu ấy tập sống đúng chơn lý, tâm địa thật hoàn toàn tốt đẹp được là nhờ tự mình hằng xét thấy lỗi luôn luôn, tự mình răn phạt, tự họ tránh xa trần tục không cho lem lấm,

nên mới chắc tin được mình trong sạch. Các bậc ấy phải không còn ở trong đời vật chất của xã hội gia đình nữa. Họ đi tu trong rừng sâu, ngồi nhập định tham thiền, tự mình như sự ở tù chịu phạt lấy mình, để mong chờ một ngày giải thoát sau này, cho được hoàn toàn quý báu tốt hay ích lợi là đạo vậy.

Bởi thế cho nên những người tu, hay là những người tù khi xưa, họ nhốt trói là để trau tâm, chớ không phải bị ai oán ghét mà bắt bỏ tù, buộc phải đúng y theo số năm nhứt định, để hành phạt xác thân vô ích; vì đời nào kiếp nấy, tâm vẫn còn tội lỗi mãi mà lại không biết sợ, và chưa có được ai dạy bảo chi cả. Đời sau này ít ai hiểu được lý nghĩa của người tù là tu, mà muốn tu là phải học, muốn học là phải nhờ ông thầy dạy. Ông thầy cũng như Trời, như Vua, như Diêm vương quan tòa, ông thầy là kẻ tiên sanh đi trước, là khách bạn đồng hành, chớ không giai cấp chi cả của tự xưng; kẻ đi sau mà tôn kính là để được xin vâng nghe lời chỉ dạy; trẻ nhỏ mà sợ là sợ tội lỗi, hổ thẹn là hổ thẹn tội lỗi, chớ không phải sợ và hổ thẹn ai cả. Luật sống chung tiến hóa, không có quyền hành chi hết, vì ai nấy cũng như nhau, kẻ biết mình tội lỗi, là tự họ chịu ở tù để tu, lâu mau là bởi tại tâm, chớ không ai dám lập thế mưu hành bắt phạt người ta để phải quả báo sau này, bị người bắt phạt lại mình vô ích.

Xưa có một vị vua trời biến ra một đạo sĩ, đến nói với một nhà vua rằng: Tôi không tin rằng ông dám bắt phạt tôi, nếu tôi có tội. Nhà vua hỏi tại sao vậy? Đạo sĩ đáp: Tôi đã nói là tôi có tội, nghĩa là tự tôi đã biết tội, đã giác ngộ, đã biết sám hối, hối quá. Từ nay sắp tới, tôi còn làm tội là tôi bị quả báo, tôi sẽ vui lòng chịu lãnh lấy, tôi không còn phiền trách ai nữa rằng những kẻ đi trên trước thiếu bổn phận, ích kỷ, không dạy chỉ lại cho tôi. Như vậy thì tội gì các Ngài trên trước phải lo cho tôi hoài chi nữa. Vì bởi các Ngài đâu có ác, đâu có oán ghét riêng tôi. Các Ngài đâu còn không hiểu công lý, nhơn quả, quả báo của chơn lý vũ trụ. Các Ngài đâu dám tự ý phạt tôi, các Ngài phạt tôi, ai phạt lại các Ngài? Tôi làm khổ người ta, tôi có tội; còn các Ngài làm khổ tôi, các Ngài sao lại không có tội? Không lẽ là sự phạt tội vần công? Cũng không lẽ làm bậc trên trước là phải tự chịu phạt tội trước, để cho dưới sau tôi bắt chước noi gương, đặng mới chịu tội phạt. Trong đời nếu tôi có tội mà bổn phận người trên trước nếu không dạy răn tôi là sẽ có tội với tôi, kẻ đàng sau. Tôi sẽ than van phiền trách, nên các Ngài vì sợ tội, vì thương tôi, chiều

ý tôi mà dạy phạt tôi, để cho tôi giác ngộ. Khi tôi đã giác ngộ rồi, là từ đó cái sống của tự tôi, tôi chủ định, không than phiền ai nữa, và người trên trước thì cũng đã rồi xong, hết phận sự đối với tôi rồi. Hôm nay tôi đã giác ngộ rồi thì phận sự các Ngài cũng đã hết đối với tôi rồi, các Ngài còn cố phạt tôi nữa mà làm chi, không lẽ các Ngài giận riêng tôi, như thế thì còn chi là bậc trên trước, và các Ngài đâu có không sợ quả báo, mà làm khổ tôi. Bởi các Ngài sợ quả báo nên tôi nói là chẳng dám phạt tôi nữa vậy. Vì sao? Vì thưởng cũng là để cho giác ngộ tránh xa tội lỗi. Phạt cũng là để cho giác ngộ tránh xa tội lỗi. Bằng không thưởng, không phạt cũng là sự giác ngộ không làm tội lỗi. Vậy thì tôi đã giác ngộ rồi, tôi mới nói ra lời ấy chớ. Các Ngài cũng đã giác ngộ rồi mới được làm trên trước, thay mặt công lý của cả chúng sanh trong vũ trụ chớ. Như thế là tôi chỉ sợ tội lỗi hơn hết, và nếu lỡ phạm tội lỗi gìn giữ không được là tôi đáng hổ thẹn, còn các Ngài cũng như vậy, cũng chỉ có sợ tội lỗi và hổ thẹn tội lỗi mà thôi. Vị đạo sĩ ấy nói xong biến mất.

Và từ đó nhà vua đã được giác ngộ, thấu rõ chơn lý, lần lần tu hành đắc đạo, thành Phật hiệu là Thích-ca Mưu-ni Phật. Vị vua trời ấy nói như vậy nghĩa là bảo đừng ai sợ ông Trời hết, mà dầu ông nào đi nữa, thì cũng chỉ có sợ tội lỗi mà thôi. Thế thì chúng ta nên phải chỉ biết sợ tội lỗi là đúng, phải lắm, quý ích lắm.

CHÚA TỂ

Vấn: Phải chăng ông Trời là lớn hơn hết?

Đáp: Phải! Ông Trời là lớn hơn hết, cũng như người lớn, ông cha là lớn hơn hết!

Vấn: Phải chăng ông Trời sanh ra loài người?

Đáp: Phải! Ông Trời sanh ra loài người, cũng như người lớn, ông cha sanh ra con nhỏ vậy.

Vấn: Còn Phật đối với Trời thì sao?

Đáp: Nhơn loại như trẻ nhỏ, chư Thiên là người lớn, Phật thì không lớn không nhỏ, vì Phật là ông già. Phật cũng như ông thầy giáo, không có lớn nhỏ, cũng không có sanh diệt ai cả.

Vấn: Trời có diệt loài người chăng?

Đáp: Có! Hễ có sanh thì tất có diệt. Cũng như ông cha có con, con ngỗ nghịch quá thì giết, chớ không lẽ để làm hại thiên hạ, cho ổng mắc tội lớn với tất cả.

Vấn: Trên Phật là gì?

Đáp: Không có chi trên Phật hết, cũng như không có chi trên ông già nữa.

Vấn: Trời sẽ đi đến đâu?

Đáp: Người sẽ đến Trời, Trời sẽ đến Phật. Còn Phật thì không có luân hồi trở lộn lại lớp người.

Vấn: Loài người nên theo Trời hay Phật?

Đáp: Khi còn nhỏ còn ác thì phải theo cha theo Trời, lúc lớn đã thiện là Trời thì đến với Phật. Cũng như cái tuổi của người từ nhỏ đến lớn, đến già, thời gian nhơn duyên xô tới, dầu ai muốn cố cượng cũng không được.

Vấn: Vậy sao người ta nói Trời lớn hơn Phật, Trời sai khiến Phật, Trời cao hơn Phật?

Đáp: Thì như trên đã nói Trời là người lớn, thì lớn chớ sao. Còn nói Trời sai khiến Phật là vô lý, vì không có người lớn nào sai khiến ông già cả! Không có ông cha nào ra lệnh bảo ông thầy cả. Vì Phật là ông thầy giáo chung cho cả chúng sanh, chớ đâu có riêng cho một ông cha Trời, để ăn tiền lương bổng, mà phải nô lệ ông cha.

Vấn: Cõi người, Trời, Phật giáo lý như thế nào?

Đáp: Cõi người là phạt, cõi Trời là thưởng, cõi Phật là không thưởng không phạt, đúng theo chơn lý yên lặng tự nhiên thôi. Cõi Phật không có tương đối thưởng phạt thay đổi nữa.

Vấn: Phải chăng cõi Trời còn luân hồi?

Đáp: Hễ cái chi còn tương đối là còn luân hồi, thay đổi. Hễ cao thì có thấp, hễ lớn thì có nhỏ, hễ mạnh thì có yếu, hễ tốt thì có ngày xấu chớ sao!

Vấn: Phải chăng trong lịch sử Phật có nói các vị vua Trời đi hầu Phật nghe thuyết pháp và cúng dường?

Đáp: Việc ấy cũng như các ông cha cũng có đi nghe ông thầy giáo giảng dạy. Các ông cha phải cung dưỡng ông thầy, ông thầy mới ở lại dạy chớ sao! Cũng như khi ông thầy dạy học, các ông cha muốn học thì phải hầu, phải cung kỉnh mới có vâng lời, được học đắc thành vậy!

Vấn: Vậy sao người ta nói cõi Trời có hội, Phật cũng phải đi thỉnh dự?

Đáp: Điều ấy giống như các người lớn nhóm họp, để bàn việc ích lợi, thì người ta phải thỉnh ông già đến đó, ngồi lặng thinh chứng kiến, chỉ bảo giùm. Chớ tự ổng đâu có đi tới chầu chực xin tiền bạc quan chức chi đâu. Các ông đâu có tự mình đi tới chỗ danh lợi ấy.

Vấn: Như vậy tại sao người ta nói tại thiên đường ông Trời lớn ngồi trên, có oai quyền hơn Phật?

Đáp: Thì phải như vậy, tại chỗ thiên đường của Trời, cũng tại đền vua, tại nhà của ông cha người lớn, thì mấy ổng làm chủ ngồi trên nói lớn, và phải có oai quyền võ lực. Nếu có một ông già, ông thầy giáo nào mất hạnh, ham ăn uống, ham chức phận, quên mình là già là Phật, thì phải ra vào lòn cúi chỗ thiên đường! Cũng như một vị Hòa thượng muốn thôi tu, thì phải đi lòn cúi vua quan chỗ giàu sang thế lực, đặng xin cầu danh lợi, là phải quỳ lạy trở lại người lớn kia vậy. Mà trái lại tại xứ Phật, hay như trong ngôi chùa kia, bằng có ông vua, ông cha, ông Trời nào muốn xin vào tu học thì cũng phải khom mình, chịu sai khiến răn dạy do bởi ông già, ông thầy, ông Phật trở lại.

Nhưng từ xưa cho đến nay, ông già, ông thầy, ông Phật mà theo ông cha người lớn ông Trời là không có, là trái ngược; còn ông cha người lớn ông Trời, dầu không ai bảo đi nữa, tự mấy ổng khi khổ sở thất bại là phải đi tìm kiếm xin theo ông già, ông thầy, ông Phật.

Vấn: Có phải Trời lo cho người chăng?

Đáp: Phải! Việc của loài người, việc nhỏ thì tự loài người lo, chớ việc lớn thì Trời lo. Cũng như một ông cha có con, hay như anh đối với em, cha anh là phải lo lấy mình, và bổn phận là con phải giữ gìn cho con em nữa. Cũng như một đứa tớ gái kia giữ em nhỏ, lúc em nhỏ đang vui chơi yên ổn là đứa tớ gái ấy nó chỉ lo việc của nó, thỉnh thoảng lâu lâu ngó chừng em nhỏ một lần thôi!

Nhưng khi có chuyện lớn, em nhỏ bò ra mé ao, sắp té chết thì đứa tớ gái ấy mới quên mình, bỏ chạy lại lo cho đứa em nhỏ. Những bậc Trời, người lớn, ông cha hằng tự đem mình làm nghĩa vụ như tôi tớ để lo cho nhơn loại, cũng y như vậy, lấy đó làm việc làm của các Ngài, mới không mắc tội với lương tâm, vì nhơn loại, em nhỏ, con dại chết khổ, mà các Ngài lại ở không ích kỷ là có tội. Bởi các Ngài lo cho nhơn loại trong những việc lớn lao can hệ ấy, nên người ta mới gọi các Ngài là Trời. Trời là hay cứu vớt và nuôi dưỡng nhơn loại, cũng như cha anh nuôi sóc con em.

Còn về sự dạy độ nhơn loại con nhỏ là phần của Phật, ông già, thầy giáo, chớ cha, anh, ông Trời, người lớn thì khó dạy con em đặng, vì cha anh cũng còn phải học thêm nữa, chớ oai quyền không bằng giảng dạy.

Bởi vậy cho nên người ta nói: Phật là lo cho Trời, Trời là lo cho người, người là lo cho thú, thú là lo cho cây, cây là lo cho cỏ, cỏ là lo cho đất, đất là lo cho nước, nước là lo cho hơi, hơi là lo cho không. Vì Phật dạy người thiện chớ không dạy kẻ ác được. Trời là dạy trị kẻ ác, chớ không dạy trị người thiện được. Còn người là dạy trị thú thì được, chớ khó dạy trị người. Như vậy trước là có Trời dạy trị tạm sơ kẻ ác cho trở lần lên thiện, rồi sau đưa qua Phật, Phật mới dạy kẻ thiện ấy cho thành giác ngộ được.

Vấn: Tiếng Trời nghĩa là gì? Tiếng Phật nghĩa là gì?

Đáp: Tiếng Trời là của Nho giáo xứ Tàu, chỉ rằng Trời là bậc thanh cao quảng đại thiện lành lớp trên người, lớp ông cha. Tiếng Phật là của Phật giáo xứ Ấn Độ, chỉ rằng sự giác ngộ, biết gặp chơn lý lẽ thật của võ trụ, biết qua khắp cả, không còn bị cái tối mê che đậy, là ông thầy già kinh nghiệm. Trời và Phật khác nhau là ở chỗ người lớn thì còn đang học, còn đang lo việc thế sự, còn khổ não; còn ông già thì hết học, hết lo thế sự, không khổ não nữa, đã trở lại sự yên lặng tự nhiên như hưu trí, như nín nghỉ, như không nói làm, như giải thoát, như không vọng động của chơn lý, lẽ thật võ trụ là y như vậy. Cũng không có chi là hữu ích vô ích nữa cả. Trong cái yên lặng không có cái hay dở, cao thấp tốt xấu, phải quấy, lớn nhỏ, hơn thua, trên dưới… chi hết.

Vấn: Ông Trời sanh ra chúng sanh vạn vật bằng cách nào? Sanh để chi? Còn ông Trời ai sanh?

Đáp: Lý thì nói như vậy, còn sự thì chẳng phải. Chúng sanh tiến ra từ nơi vạn vật, từ không đến khí, đến thủy, đến địa, đến hỏa, đến phong. Tứ đại đất nước lửa gió dung hợp, sanh ra ba pháp: sống, biết và linh. Cái sống là vạn vật tứ đại, có lửa mới có sống, do đó mới sanh linh và giác. Chúng sanh tiến lên từ cỏ đến cây, đến thú, đến người, đến Trời, đến Phật; cũng như từ trong bụng mẹ, chất tứ đại tinh hoa mới tượng hình, sanh ra, lớn lên và đến già. Sự sanh ra bao giờ cũng từ dưới tiến lên, chớ không phải ở trên đâu đâu nhảy xuống. Cả thảy chúng sanh vạn vật các pháp đều từ nhỏ đến lớn, từ dưới lên trên, chớ chẳng có cái chi ở đâu đâu nhảy ra được, cái gì cũng phải có nhơn duyên hết. Người ta mà nói ở trên đi xuống, nghĩa là ông già chết nhập thai lại, lộn kiếp làm trẻ nhỏ trở lại, chớ chẳng phải khi không mà có ông già! Người ta nói trời sanh ra chúng sanh vạn vật, chớ chẳng phải một ông trời. Trời là thiện làm cho tất cả đều sống, tất cả mà có ra là bởi nơi cái lẽ thiện, nên ví dụ là trời sanh. Còn đất là ác, cái ác làm cho tất cả đều chết, tất cả mà không có ra là bởi nơi cái lẽ ác, nên ví dụ là đất diệt. Đó là câu nói trời sanh đất diệt, thiện sanh ác diệt, chớ chẳng phải ông Trời ông Đất. Nhưng người ta cũng nói: Người thiện là ông Trời, người ác là bà Đất, là bởi đất ác sanh thân như mẹ, trời thiện sanh trí như cha, còn Phật giác chơn sanh tâm như thầy giáo. Cho nên nói kẻ nào sống bằng tâm là con của Phật, sống bằng trí là con của trời, sống bằng thân là con của đất, con nào sẽ theo cha mẹ thầy nấy! Đó là lời so sánh pháp lý mà thôi, chớ không phải là chỉ riêng một ông bà thầy nào. Một ông Trời cũng như ông vua hay người lớn, ông cha, đâu phải tự nhiên ổng có, ổng cũng phải có nguồn gốc cha mẹ, và ổng chỉ coi sóc làm thiện giúp đỡ người ta, do họ tôn lập, chớ đâu phải ổng tự xưng, và đâu phải ổng sanh sản ra tất cả? Sanh ra để chi? Và ai sanh ra ổng, nếu ổng tự nhiên có thì cả thảy cũng tự nhiên có chớ, sao lại ổng phải cần sanh người ta, ích lợi chi cho ổng?

Vậy thì lẽ thật đã chỉ ra rằng, tất cả ai ai dầu bậc nào: Phật, Trời, người, chúng sanh cả thảy, sanh ra là bởi tại nhơn duyên tập, từ dưới lên trên, vốn không có mục đích. Nhưng bởi có cái biết là mục đích phải học, toàn giác; có cái linh là mục đích phải đắc thần thông, chơn như; có cái sống là mục đích phải sống mãi; còn cõi đời có đủ các pháp vạn vật tức là trường thi học dạy! (Tứ đại sanh cỏ, cỏ sanh cây, cây sanh thú, thú sanh người, người sanh

Trời, Trời sanh Phật). Người là nhơn ái, Trời là thanh thiện, Phật là giác chơn, như vậy là ai ai cũng có thể tự nhận mình là con của một pháp trong ba pháp: nhơn ái, thanh thiện, giác chơn được hết. Và tự người ta tôn kẻ đó rằng xứng đáng là người, là Trời, là Phật, rồi tự họ xưng con lấy, chớ không có ông nào mà dám tự xưng ta là người, ta là Trời, ta là Phật, tự đắc, tự tôn, xấc lối ấy cả, cũng không ai dám gọi kẻ khác là con mình hết. Mặc dầu kẻ đó đã giác chơn, hay thanh thiện nhơn ái, đã thấy thân trí tâm mình giống như sự rộng lớn từ bi của võ trụ, lành sáng như võ trụ, dung chứa thương yêu như võ trụ đi nữa, đó chẳng qua là sự so sánh trừu tượng trong trí giác mà thôi, chớ tự xưng là sái quấy. Sự thật là như vậy, nhưng cũng có ít người chưa hiểu, tin tưởng như là trong không gian võ trụ, có cái điểm tinh hoa, hiệp lại hóa ra làm một như một người, có đủ linh giác và thần, rồi từ đó mới tự biến hóa cho sanh ra tất cả. Vị ấy là chúa tể càn khôn độc đoán, không ai thành được như vị ấy; mà sự thật là không ai hiểu rằng vị ấy là triết lý danh từ, là chơn lý huyền diệu của ba cái pháp: linh, giác và thần của tứ đại trong không gian, chớ không có phải ai hết. Như trong mỗi xác thân người đây cũng có đủ tứ đại, ba cái pháp của chơn lý huyền diệu ấy cả, nên ai muốn tự xưng người, Trời, Phật, chúa tể chi cũng được, nhưng mà tự xưng chẳng quý bằng để cho người khác tự họ tôn lập mình là tốt hơn.

Và nên thay cho câu nói, sợ ông Phật, sợ ông Trời, sợ ông Người bằng câu nói: Kính trọng cái Phật giác chơn, kính trọng cái Trời thanh thiện, và kính trọng cái Người nhơn ái! Còn sợ thì nên phải sợ cái ác, sợ con vật, hay sợ cái tội lỗi là đúng hơn hết. Vì ngoài tội lỗi ra, ta cũng như ai nấy, đâu có ông nào bảo ta phải sợ, sợ để làm chi đó? Cũng vì vậy cho nên vị vua Trời kia không muốn cho người ta hiểu lầm mê tín nơi ông, để chỉ biết sợ ông mà không sợ tội lỗi, nên ông mới hóa ra đạo sĩ mà dạy đạo cho nhà vua. Và chư Phật thì cũng chẳng bao giờ kêu gọi ai là con mình. Phật hay nói pháp, giác ngộ cho người hiểu rõ nhơn duyên, mỗi ai ai cũng được thành Trời Phật như Ngài được hết, chớ không có sự gì ngăn cấm, ích kỷ, độc tài. Vả lại nơi mỗi chúng sanh đều có cái biết, nó sẽ biết tất cả; có cái linh, nó sẽ linh thông tất cả; có cái sống, nó sẽ sống với tất cả; đâu có cách gì ngăn cản nó được. Nào ai không phải là chúa tể võ trụ ngày mai, nếu họ biết ghê sợ tội lỗi và biết hổ thẹn tội lỗi khi tội lỗi đã hết.

Vậy thì công lý là không có đàn áp ai hết, và bởi không có đàn áp ai hết nên mới gọi là công lý. Đã là công lý thì đâu có chúa tể, chúa tể chỉ có tạm cho trẻ nhỏ, người lớn lớp dưới số riêng, chớ đâu có dùng chung cho tất cả hay như những ông già đặng. Vì trên cái già là kế chết, chớ đâu có cái lớp quá hơn già. Ví như ta kêu người bằng con, thì há lại chẳng có kẻ khác kêu ta bằng con lại hay sao?

Còn nói về cái pháp mục đích là chúa tể, thì chúng sanh từ trong cái vô minh sanh ra để phải tiến lần lên, chịu sanh tử khổ mãi; cho đến giác ngộ chơn như, diệt lần sanh tử khổ, vô minh là được lậu tận.

Vậy thì chơn như là chúa tể mục đích của lớp ông già trọn vẹn, chớ cái trí thanh thiện mục đích chúa tể của người lớn không dùng cho ông già được, vì chẳng phải là pháp tôn thờ, chỗ đến của các ông già.

Bởi pháp trí thanh thiện là mới biết ghê sợ tội lỗi, chớ chưa qua khỏi tội lỗi lâu ngày, nên chẳng tiêu trừ sanh tử khổ đặng, chưa phải hoàn toàn là pháp cứu cánh của ông già. Cũng như nhơn ái của nhơn loại trẻ nhỏ, thì không phải là mục đích của chư Thiên người lớn nữa.

Vậy nên người thiện mà thiếu trí huệ toàn giác cặp mắt, thì cũng chưa ích lợi sống đặng, vì cái khổ chưa phải hết.

CHƠN LÝ 33

TRƯỜNG ĐẠO LÝ

Thuở xưa có một xóm nọ con trẻ rất đông, cha mẹ chúng nó bởi mắc lo làm ăn nuôi con, nên cũng ít học, nơi xóm ấy chưa có trường học, vì vậy mà đối với sự học vấn giáo dục chẳng ai được hiểu ra sao. Người lớn thì quanh quẩn trong sự ăn mặc ở bịnh suốt ngày, bỏ mặc cho trẻ con ham chơi chạy giỡn, bắt dế, câu cá, đánh vòng, thêm sự cỡi trâu, hái trái, đánh lộn, phá tán người ta; khiến nên xóm ấy, chẳng bao nhiêu người mà lại như ở trong cái rọ, cùng đường, không còn biết thêm việc ngoài, chi chi ích lợi của mục đích tấn hóa về đạo đức. Đã vậy nào thôi, người ta lại còn hãnh diện mà khoe khoang những cái cổ lệ, phong tục thành kiến của ông bà xưa, hồi lớp toại nhân, vượn khỉ mới tập nên người.

Người ta cho đó là trung thành với các bậc tiền bối trò cũ và thầy xưa, họ giữ lấy mãi một bài học của hồi thuở nhỏ, đành bỏ mặc cho tháng năm đi tới, thể xác đổi thay, họ không cần phân chia ác thiện khổ vui, chết sống cũng như lắm kẻ cất ra được một ngôi chùa thờ riêng tư. Họ cất ra để thờ ông bà riêng của họ, họ làm chủ chùa thờ, chủ Phật Thánh, chủ đất ruộng; đến sau khi chết thì tan hoang hư sập hết, không ích lợi chi cả. Thường ngày thì lại bỏ trống quạnh hiu, không ai tới lui dòm ngó, vì bởi cái nạn bước vào là phải làm tớ, tớ lõm đất, tớ chùa thờ. Đó là nói đến nền đạo đức cao quý của họ.

Đất của nước biển lóng sanh, cây của đất nảy mọc, nước của hơi mưa rưới xuống, cả thảy tứ đại vạn vật trong võ trụ là cái có sẵn tự nhiên do

nhơn duyên dời đổi, không ai có hỏi, có xin, không ai mua gì của võ trụ, thế mà lòng tham lam tư kỷ, nó bảo người ta phải làm chủ, phải bán buôn (bán buôn cả chùa thờ), cho rằng là của ta và ta sống mãi, thật là tội lỗi vô cùng. May là đạo đức mà cũng là của tôi, của riêng, mua bán, chủ tớ; chớ nếu sự đời theo tánh cách chợ nhà, thì lại còn phải không biết bao nhiêu điều câu xéo nữa, chớ nào chịu nhận là cõi tạm sống chung tu học, của cái không ta, không của ta trong võ trụ.

Nền cổ giáo của xóm ấy như vậy, cho nên các khối gia đình mạnh ai nấy tư riêng dục lợi, chẳng kể gì nhau. Họ xem họ như những con cưng của ông vũ trụ nào đó, vạn vật là của cải kho tàng riêng của họ, nên mạnh ai nấy lo chụp giựt, giành nhau, bán đất, bán cỏ, bán cây, bán thú, bán người, bán nước, bán lửa, họ bán cả núi sông, thiếu điều là bán luôn võ trụ. Họ chưa nghĩ ra được mục đích của chúng sanh để bước đến sống chung, vui chung, của chung tốt đẹp. Như kìa cỏ cây kia trước mắt họ, thật là cao quí! Họ mãi giày đạp trên cây cỏ, mà họ quên rằng: chơn lý cỏ cây chung sống thật là hay báu hơn những sự tác động tội lỗi dối tham trong lòng họ. Ấy cũng vì bận rộn muốn ham, say mê vật chất mà họ không còn suy nghĩ ra đạo lý chi khác nữa, để cho đến đỗi nhiều phen đổ máu với nhau vô lý, mà họ cũng chưa hề giác ngộ, biết ghê sợ cái tội lỗi của cải! Thét rồi thì họ liều mạng, nhắm mắt ngông ngang, không còn biết kể chi hết, càng khổ họ càng ác hung thêm. Cũng như trong một thế giới vô minh, họ đang sống trong vô minh hãi hùng hăng bạo, bực tức nóng nảy vô cùng. Chẳng khác nào trong giữa ruột địa cầu ngộp kín phát lửa, lửa hơi càng cuộn lộn ngộp tức bốc phừng, càng lâu năm lại càng dữ dội thêm tới mãi, bởi bên ngoài nước mãi lóng trong, đất bùn thêm dẻ đặc càng dày, bít kín hơi lửa bên trong để cho thêm nóng lung, bực ngộp.

Lửa cháy trong hang tối dưới đất ấy tức là sự nóng nảy trong dốt nát dưới vật chất của cải, của cái ta, của người ta nơi xóm đó. Chỗ đó cũng như dưới sự nắng gắt của thời gian khô hạn, càng nóng hạn trên biển cát sa mạc kia, khiến cho nhân vật cỏ cây nơi ấy phải chết hết lần hồi, vì bởi khát khô nóng mệt. Chúng sanh nơi đó họ đang sống trong những phút kinh sợ điếng hồn, xem chừng như đã chết rồi, đang ở cảnh giới ma thiêng nào đâu, không còn biết được sự thật, không tỉnh giác, khác nào những kẻ thức đêm,

khổ nhọc quá lâu, tinh thần mất hết, thấy ra như lạ cảnh lạ vật, ngơ ngác, dáo dác của kẻ lạc hồn. Bởi thế nên mới có một ông già, thấy vậy thương xót, bèn đứng ra xây dựng giùm một cái trường học, trong giữa xóm ấy.

Ở tại xóm kia có một ông già, sau sự kinh nghiệm của thời gian, ông đứng ra xây dựng tạm một cái trường học nhỏ, để dạy đạo lý cho thiên hạ. Trước hết ông đem đạo lý ra chỉ dẫn cho bà con, để cho có một số ít kẻ trí thức nương theo. Sau đó ông khuyến khích họ cất lập ra từng lớp ngăn, hàng dãy. Trường sơ học ấy chia ra làm ba lớp: lớp trên, lớp giữa, lớp dưới cho ba hạng trí. Ba lớp đó cách xa rời nhau, từ đầu xóm đến giữa xóm và cuối xóm. Mỗi chặng có một dãy lớp rất nhiều ngăn, để cho ông già, người lớn, trẻ nhỏ, ai ai cũng đều có học. Như vậy đặng tránh cho sự kẻ có học người không, phá khuấy lẫn nhau. Mỗi lớp tức như một tông giáo, để thâu dạy học sanh tín đồ học đạo. Đạo là trường học, tín đồ là học trò. Mục đích học là để cho được sáng suốt hiền lương khỏi khổ, tuy sự vào học hay không là không có quyền ép buộc, nhưng sự dạy học là bao giờ cũng khuyến khích nhân loại tất cả, phải nên đi học để cho xóm làng được trở nên mặt đất tốt đẹp. Trong sự học không phải ở hoài một lớp, mỗi cuối năm là phải có một lần thi chọn, để bước lên lớp trên học thêm nữa. Ba lớp ấy tức là đảng phái của xã hội gia đình, bước lên tín đồ của thế giới, và đến Tăng đồ của cả chúng sanh, gồm cả ba pháp ấy kêu là đạo, hay trường học.

Trong lúc đang cất lớp lập trường là người trong gia đình, xã hội, đảng phái lãnh phần cất lợp, rộn rịp lăng xăng; người tín đồ của thế giới là đang đi kêu gọi khuyến rủ những kẻ nông công thương sĩ nghệ; còn Tăng chúng thì chưa có, nhưng cũng có một số ít đang tu học trong rừng sâu, hoặc ở nơi xa xứ khác chưa về. Chừng trường cất xong, họ về là sẽ làm thầy giáo dạy lại hai lớp dưới giữa, để cho có được học trò lớp trên, số đông; sau đó là người giám đốc mới đến phần chỉ dạy.

Đó là tam giáo của chúng sanh: Nhơn giáo, Thiên giáo và Phật giáo. Nhơn thiên để đưa về đến Phật. Lớp Phật sẽ dạy cho toàn giác, toàn năng, hoàn toàn đức hạnh, nên danh thi đậu và an vui kết quả.

Những bài học trong trường, chúng sanh không phải học một kiếp một đời, vì phải vừa học vừa tập tu hành. Như thế là kẻ yếu đuối, tối tăm sẽ

phải còn sanh đi sanh lại nhiều lần ở nơi một lớp; còn ai hay sáng là họ sẽ bước tới đi mau, hoặc mỗi kiếp lên mỗi lớp, hay hai ba lớp chẳng hạn. Nơi trường học, những ai học giỏi thì yên, ai thi đậu thì vui, cũng giống như người ta sau khi chết rồi khổ hay yên vui là do tâm trí của họ, chớ trường đạo lý võ trụ vốn chẳng có nói năng nghe thấy, bênh vực ai cả.

Học đạo lý tức là học cái lẽ sống, con đàng bước lên, mà đối với cổ nhân xưa, hồi thú mới tiến hóa ra là chưa có được. Vì vậy nên gọi tam giáo là ba nấc thang thiện, trên súc sanh trong ngày hôm nay. Có tam giáo mới có tạo ra trẻ nhỏ, người lớn, ông già; ba hạng phân biệt là từ ác đến thiện, đến tu và thành đạo. Như thế nghĩa là đối với chúng sanh nhiều kiếp ác mới tới thiện, nhiều kiếp thiện mới tới tu, và nhiều kiếp tu mới thành đạo. Và sự cao thấp lớn nhỏ của chúng sanh, là những ai sanh ra trước tất sẽ thành đạo trước, hơn người đang tu, kẻ tu là lớn hơn người thiện, người thiện là cao hơn kẻ ác, vì cái ác là cái mới sanh ra sau hơn người ta, đúng theo lẽ chúng sanh tiến ra, là từ trong cái vô minh ác quấy.

Vả lại, người với thú là chung một loại lớp giữa, Trời với Phật là một chặn lớp trên, cỏ với cây là một loài lớp dưới. Thú cỏ cây là vô minh hành ác, người Trời Phật là hữu minh hành thiện. Giữa người với thú là cái ngăn ranh thiện ác. Lớp trên, người Trời Phật là tam giáo, có biết đạo đức; lớp dưới, thú cỏ cây là chưa có biết đạo đức, hoặc là đang có đạo đức ít hơn. Bởi người Trời Phật là lớp có học, có dạy bằng đạo đức, nên người ta đã biết lẽ phải rất nhiều, cũng ví như loài người thì không nỡ bắt thú giết hại bán buôn. Trời thì không nỡ đốn cây, xẻ cưa buôn bán. Phật thì không nỡ ngắt nhổ cỏ rau, bán buôn nấu luộc. Sự không bắt giết phá hại, bán buôn ấy là đức của tam giáo. Nền giáo lý từ bi đó kêu là đức dục, dưỡng nuôi đức hạnh, đức hạnh là điều cao quý hơn hết của nhơn giáo và thiên giáo.

Từ khi trường học vừa cất xong các lớp, bài vở còn đang chép soạn bên trong, thì trước cửa trường đã có những học sanh lần lượt rủ nhau kéo tới, la ó rùm beng, tranh nhau chơi giỡn theo tánh đã quen. Chúng nó rất ngơ ngác với cái tiếng học, tên học trò lần thứ nhất. Chẳng bao lâu các thầy giáo cũng tựu hội lần về đều đủ, giờ học gần đến là trẻ nhỏ càng hồi hộp mà giảm bớt sự ăn chơi lần, chúng nó sợ lo ngó chừng giờ khắc, lặng im đứng đợi. Trong những đám đó cũng có số ít học trò cũ đã có học từ xa tìm

đến để học tập tu thêm, nên có cắp sách tập vở, giấy bài, ra tuồng đã quen thuộc tự nhiên, khiến cho các trò mới nhỏ xem thấy rất ngạc nhiên, nhìn sững. Chính nơi đây các trò mới nhỏ ấy mới thấy mình quê dốt, ngờ nghệch hơn người ta, không còn giữ được tánh cách lanh khôn của nơi ngoài đường như khi trước nữa. Chúng nó thấy ra, rồi đây sẽ sống một cuộc đời mới, sẽ ở trong một thế giới mới lớn đông. Từ đây chúng nó sẽ bỏ đi, xa nhà xứ sở cha mẹ ông bà để đi vào trong trường học, sống chung với tất cả, tâm trí phải không còn được nhỏ hẹp tư riêng, hoặc tự do chơi giỡn như khi xưa nữa được. Từ đây là phận sự mỗi lúc phải giữ gìn, sợ sệt, khép nép, khiêm cung với đủ các bậc hạng. Thật là trường đạo lý mới đối với học sanh mới, rất ngộ nghĩnh vui hay. Kìa có ai thử nhìn xem, có nhiều kẻ sợ lo muốn khóc, đứng nép trốn trong các góc kẹt, như nàng dâu run rẩy; có đứa lại còn hăng hái đua chơi, đánh lộn giành ăn; cũng có đứa đang ngồi học đọc trang nghiêm; cũng có kẻ đi qua lại lui tới chờ giờ, xem ra ham thích lắm; lại cũng có đứa còn nắm tay cha mẹ, quyến luyến bà con không chịu rời buông. Bấy giờ mỗi khắc qua là mỗi quả tim cùng đập mạnh, dầu chúng nó chưa biết phải học cái chi, làm sao, khi lát nữa, chớ chúng nó cũng đã biết rằng khi vào đó rồi thì không còn những sự lo ăn chơi, không còn tranh giành nhau, không còn tự do ác quấy, mê chơi nơi chỗ học, với cái tiếng học. Cái học sẽ đánh đổ cái ăn, cái ác, cái tranh, cái tham, cái chơi, tất cả. Cái học cũng như bức tường, nó cản dừng hết thảy những ngọn gió, thì những lá cây sẽ không còn xao động. Cái tiếng học, nó thắng tất cả sự hơn thua mê muội. Người ngó ngay nơi cái học làm mục đích là sẽ không còn tham sân si chi nữa hết, thế giới tất sẽ bình yên.

Quả đúng y như vậy! Chúng sanh có cái biết là mục đích phải học, có cái linh là mục đích phải tu, có cái sống là mục đích phải chung hiệp. Hiểu ra được ba phép ấy, mà nơi trường đạo lý đây sẽ có đủ dạy, thì đâu còn có chi cái dốt, cái loạn chia rẽ, giết hại nhau được.

Khi tới giờ mở cửa ra, các học sanh trước sau lần lượt vào trường, ghi tên sắp lớp, tất cả ai ai cũng đều có đủ lớp học, không dư nhiều, không ít thiếu, tùy theo trình độ rất vừa, già trẻ bé lớn, chẳng còn ai được lêu lổng ở không bên ngoài, phá tán người ta. Vì bởi lẽ, sự học tập vốn không cùng, dầu bé nhỏ tới đâu, hay ông già cao niên thế mấy, cũng đều có bổn phận

học hành tu tập, tới mãi. Hễ ai còn có ăn, còn có sống, thì phận sự trau sửa cõi đời, mặt đất, chúng sanh, ta người, vẫn là còn có thêm hoài; cảnh đời sẽ là càng trang nghiêm tốt đẹp tới mãi.

Từ lúc khởi sự khai trường cho đến học sanh sắp hàng đi vào trong lớp là còn phải những sự lộn xộn, để lựa chọn thầy lớp, học trò; khi đi vào lớp yên xong, thì ngoài sân yên lặng, con dế gáy cũng nghe, gió thổi cỏ rung rinh đều ngó thấy; và cũng bắt đầu từ đó, sẽ được bình yên luôn luôn mãi mãi, là nhờ nơi sự học; có chăm chú nơi cái học, thì mới khỏi phải sắp đặt lo nhiều, vì nhờ ai nấy đã có cái tên học trò rồi.

Học sanh khi mới bước chân vào lớp, thầy giáo đã bảo phải đọc lớn tiếng với nhau rằng: *"Đường học quý báu cao trên, trẻ mà không học già đời không nên"*. Kế đó vào lớp, sắp chỗ ngồi xong, là chúng nó phải đọc thêm nữa rằng: *"Giờ chơi đã hết rồi, giờ chơi đã hết rồi, bây giờ phải chăm chỉ học hành. Đường học quý báu cao trên, trẻ mà không học già đời không nên"*. Rồi thì kế bắt đầu lo học tập, thầy giáo khởi sự dạy rằng: *"Hỡi các em! Các em trước hết muốn làm nên việc chi, thì phải cần hiểu ra mục đích chỗ đến, như vậy là trước nhứt các em phải hiểu ra chơn lý lẽ thật, nguồn gốc căn bổn mục đích của mình mới thấy rõ con đường đi, đi đến chỗ nơi được. Hỡi các em! Trường học nhỏ này sẽ là thay cho cả thế giới lớn lao đại học. Nơi đây sẽ là chỗ ở nhiều đời, nhiều kiếp của các em. Nơi đây sẽ là chỗ thành công hạnh phúc của các em, đúng y theo chơn lý, từ địa vị một học trò để tiến lên một đàn anh, và đến trở nên thầy giáo, sau rốt là giám đốc tổ sư nghỉ việc. Con đàng ấy các em phải cố gắng tự đi, xem nơi thầy gương dạy mà đi, và nương theo các bạn. Trường sơ học này đây tuy rất nhỏ, chớ với sự học của các em, mãn kiếp cũng chẳng hết bài đâu, vì nơi đây có đủ phép dạy để cho nên người, làm Trời, thành Phật đặng. Vả lại với sự học là phải tu một lượt, các em trong một kiếp này giỏi lắm sẽ đi tới Phật là cùng rồi. Các em cũng khỏi cần phải muốn tìm hiểu chi thêm các trường khác cao khỏi hơn lớp trên Phật của trường này nữa. Các em hãy cố gắng cho được toàn giác, toàn năng nơi thế giới này trước đi, rồi sẽ đi tiếp đến khắp cả thế giới trong vũ trụ. Các em phải ráng lên để thi đậu quả Niết-bàn an vui trước đã. Quả ấy an là bởi học giỏi, vui là bởi tu nên. Tu học giỏi nên là đạo quả của các em sau này"*.

Nhưng muốn đến được thật tu học, các em phải cần giữ giới, để răn cấm những tật xấu từ xưa:

1. Không nên sát sanh mạng người, thú cùng cây to hay cỏ nhỏ.

2. Không nên trộm cắp, giựt, mượn không trả của người ta.

3. Không nên dâm dục, lếu quấy nam nữ đực cái với nhau.

4. Không nên nói dối, chửi rủa với nhau, hay khoe khoang, đâm thọc.

5. Không nên uống rượu cùng tham lam, sân giận, si mê.

Đó là năm giới lớp dưới trước hết, cũng như năm ngón tay trái nơi bàn tay của các em. Còn này là năm hạnh của người mới tập sự lớp giữa và lớp trên:

6. Không ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chiếu lớn chỗ xinh đẹp (như vua).

7. Không nghe xem hát múa đờn kèn chỗ yến tiệc vui đông (như quan).

8. Không trang điểm phấn son dầu hoa, áo quần tươi tốt (như người giàu sang).

9. Nên tập nuôi trí, ít ăn, không ăn sái giờ từ quá ngọ tới ngọ mai, phải ăn chay, ngày ăn một bữa.

10. Không nên rớ đến tiền bạc vàng, của quý, đồ trang sức, vì nó làm vọng động hư tâm, và bị thêm trói buộc…

Năm hạnh này cũng như năm ngón tay mặt nơi bàn tay của các em, và các em hằng nhớ, các em hãy thường nên chắp hai bàn tay mười ngón giới hạnh ấy lại khít khao trước ngực (ngang cằm, trên chớn thủy, giữa tâm trí của các em, luôn luôn trong mỗi lúc chớ khá lìa quên).

Đó cũng là mười giới sơ cơ, lớp trên xuất gia của trong trường học. Các em mà tập lần quen được từ lớp dưới năm giới đến lớp giữa tám giới, để đến được lớp trên mười giới và Tứ y pháp Khất sĩ, thì sau này khi sự học tu khá cao là sẽ còn tự mình nảy sanh ra hằng muôn ngàn giới pháp tốt đẹp hơn nữa, mới thành đạo. Hễ thân giới trong sạch thì tâm định yên lặng và trí huệ mới sáng suốt. Có giới định huệ mới mong được chơn như chánh giác như tổ sư giám đốc kia đặng, ấy là con đường, chỗ đến của các em trong đời này.

Còn đây là điều tôi cần phải dạy thêm các em nữa. Nơi đây là cõi của chơn lý võ trụ, mặt đất chúng sanh chung. Hôm nay các em đã đang sống chung tu học, thì phải nên nhớ rằng: Đạo là con đường của tất cả chúng sanh, mỗi người tự đi, chớ không có tên đạo gì cả. Giáo là sự dạy học để tu hành, chớ không có phải tôn giáo gì cả. Và phái là sự làm việc giúp ích lợi chung cho nhau, chớ không phải phái gì cả. Vì đối với tất cả chúng sanh, những sự việc, lý lẽ của đạo giáo phái là để sống chung tu học cho được sáng suốt yên lặng và trong sạch mà thôi. Như vậy là lớp trên, lớp giữa, lớp dưới phải biết kính nhường nhau. Mỗi người đều phải biết lớp của mình, ví như trò ở lớp giữa thì phải kính trọng thầy giáo học trò lớp trên để cho có chỗ mai sau mình bước tới; phải thương yêu trở lại học trò lớp dưới, phải dìu dắt chúng nó, vì chúng nó cũng có thể theo kịp được với mình; và phải biết nhớ công ơn các ông thầy xưa cũ, lớp dưới đã qua; dầu mình có cao giỏi đến bực nào, cũng chớ khá khinh chê, bạc ơn các ông thầy xưa cũ! Phải đừng ở một lớp một thầy, phải đi tới với nhiều thầy nhiều lớp, nhưng mỗi lúc thì phải chỉ một lớp, một ông thầy thôi, mới có thể học nên được. Trong sự học cần phải biết rằng tự cao là dốt nát, vì mình tự cao là mình sẽ không còn học thêm, và cũng chẳng ai dám dạy mình nữa, mà chính là mình phải tập khiêm nhượng, mới mong tấn hóa được.

Ngoài sự tu học, lúc rảnh ra các em còn phải tập thể dục bằng cách làm việc chung cho tất cả, vừa là để tự túc cho mình và tạo sắm phước đức để làm của cải cho tâm, có ăn tu học thêm. Về sự làm việc thì đối với các lớp dưới đảng phái, xã hội, gia đình phải làm nhiều hơn học bằng sức lực. Còn các lớp giữa tông giáo thì sự làm với học bằng nhau. Trên nữa lớp Tăng-già Khất sĩ xuất gia thì học tu nhiều làm việc ít, ấy bởi đã đến lớp lo tu học được nhiều. Nơi trường học không phải tính số tuổi lớn nhỏ theo đời, mà tùy theo trình độ tâm trí cao thì ở chung lớp trên, tâm trí vừa thì phải ở chung theo lớp giữa, trí thấp thì theo lớp dưới, chớ không phải nhận nhìn quyến thuộc, ngồi chung nhau được. Và cũng là giới luật giữ được nhiều, lớp trên thì ở chung theo giới luật lớp trên; giới mực trung lớp giữa thì ở chung theo lớp giữa; còn giới ít lớp dưới thì ở chung theo giới ít lớp dưới. Như vậy thì hạnh phúc sẽ toại lòng, không còn lộn chung

trong một lớp, mà trái ý phiền nghịch nhau nữa được. Đó là lấy giới định huệ của mỗi bậc mà làm thân quyến với nhau.

Các em nên biết rằng trường học là nơi quy hợp tất cả chúng sanh, là chỗ câu hội của tất cả gia đình xã hội thế giới, là nơi sống chung không còn chia rẽ nữa. Mỗi xã hội gia đình đều có người cho con đi học nơi trường đạo đức, chính giữa xóm trung tâm như cái hột giống bên trong, thì các xã hội gia đình bên ngoài cũng như cái vỏ trái kia sẽ bao bọc ủng hộ, dính liền với nhau, bằng nơi sự nâng bước chân vào trong trường đạo lý ấy, mà không bao giờ còn có chiến tranh nhau nữa được. Cũng như các cây căm xe đều đi thẳng ngay vào trụ cốt để gặp nhau; chớ chẳng phải xoi ngang, nghịch nhau. Ví như những gia đình kia ghét giận nhau, mà khi có con đều cho vào trường đạo lý để học. Những người cha mẹ sẽ tới lui theo con, nơi trường lớp ấy tức là họ sẽ gặp mặt nhau tại chỗ đạo đức và nhờ được hiểu đạo đức lần hồi nên họ hòa thuận yên vui với nhau trở lại. Các xã hội cũng y như thế, có những đứa con tin ở trong trường đạo lý, thì chúng nó sẽ thương yêu nhau và chúng nó kéo lôi được những xã hội nhập chung với nhau hòa hiệp. Bởi thế cho nên người ta gọi: "đạo giả hòa dã", nghĩa là đạo đức sẽ hòa giải tất cả cuộc tranh đua lớn nhỏ đặng. Vì đạo đức tức luôn luôn lúc nào cũng ở chính giữa của hai bờ lề tương đối. Các em mà quen ở trong trường học đạo lý này được, không cần chia màu da, giai cấp, số tuổi, chỉ biết có sự ngăn ác, làm thiện, tu học chung sống với nhau được, thì không khác nào đang ở giữa các thế giới lớn lao ngoài kia! Như thế là sau này các em không còn nạn khổ nữa, vì cái tâm của các em đã trau dồi thuần thục rồi. Chừng đó khi các em có việc đi ra ngoài thì các em sẽ thấy biết mình là cao quí, và không còn lầm lạc sái quấy như những kẻ khác. Vì những kẻ khác thiện ác sạch dơ chung lộn mà phải gọi là gia đình, xã hội, thế giới và chỗ nơi chen lộn không có thứ lớp ngăn ranh chi cả. Họ chỉ biết sự ăn chơi mà thôi".

Quả nhiên lời nói của các ông thầy giáo đúng y như vậy. Từ đó về sau mỗi buổi giờ chơi thì đông đảo mà chúng nó không còn ác bạo, đến lúc vào học thì ngoài sân lặng trang vắng vẻ. Chúng nó ở chung tu học số đông nhiều năm mà không có xảy ra điều chi tai hại, là bởi nhờ tự mỗi ai nấy biết

dòm ngó trau tâm mình và chung lo sự học, có tên học trò thì mất hẳn việc ăn chơi xài phí của cải vô độ, nên được yên vui cao thượng lắm.

Từ ấy, kẻ trong người ngoài thảy đều ngó ngay cái chung sống tu học. Xóm đó thật quí ích, đã trở nên một trái giác có ba phần:

1. Tăng-già Khất sĩ bên trong trường lớp trên, chỉ lo tu học chờ thi như cái hột.

2. Tông giáo cư sĩ như thịt cơm một trái kế đó, đang tập tu tập học lớp giữa, tới lui đi về mỗi bữa.

3. Đảng phái lớp dưới là gia đình, xã hội đang làm ăn và lo hộ pháp lập công, bảy ngày tới trường lớp một lần để nhắc tâm tu học, như bên ngoài cái vỏ.

Gồm cả thảy là một cái trái, chỗ ở có đủ nơi thứ tự thật là tốt đẹp quá. Nhờ họ biết được mục đích tấn hóa, bước lên, đi tới, học chung, nên con đàng sống rất thông lưu, không phải kẻ trước người sau tới lui cụng dội. Họ không có ở một chỗ hoài, họ không đi lui trở lại đảng phái nào, tông giáo nào. Tăng-già nào cũng là lớp của họ. Họ sẽ đến được ở chung, không còn phải bị ai bắt buộc trọn đời nô lệ ở hoài một lớp. Họ không còn mê muội ở hoài một chỗ, học một bài mãi nữa, vì đã là chúng sanh thì không có chia rẽ chi hết.

Càng nhiều lớp học, nhiều ngăn, nhiều đảng phái, nhiều tông giáo, nhiều Tăng-già, nhiều chừng nào lại càng hay quý, ích lợi, để cho tất cả trình độ chúng sanh đều được tu học hết thảy, và sẽ không còn ai thiếu học, ở ngoài đi phá bậy nơi trường học các học sanh. Mặc dầu lúc mới đi học thì còn quê dốt lộn xộn, chớ lâu sau cái tiếng tu học sống chung học trò, nhắc mãi quen tai, rồi thì tâm ắt cũng trở nên khá đẹp, cũng là ở trong ấy. Dầu sự tu học của mình có sút kém hơn người khác, chớ đức hạnh cũng được sửa đổi trang nghiêm trong sạch rất nhiều, như thế cũng đủ tránh xa sự chết khổ, tội lỗi của bên ngoài trường kia được. Nên miếng đất đạo tràng ấy cũng kêu là Tịnh Độ Cực Lạc, Tây phương xứ Phật. Thật vậy, trong đời có nhiều lớp nhiều ngăn mà không hiểu ra đạo tràng học chung thì nguy hại quá, tránh sao cho khỏi phải phá hại nhau. Danh từ đảng phái, tôn giáo, Tăng-già đâu còn ích chi giá trị cho nhân sanh dùng được. Vậy

nên, tất cả phải thấy ra mục đích, vì nếu nói mục đích thì tất cả chỉ có một, là sửa đời lập đạo, chớ đâu phải hai hoặc tên chi chi phân biệt! Đúng lý là y như vậy, cái chùa là đạo tràng chung của đức Phật, khi xưa cũng đã y như vậy.

Trong đời người ta không nên thiếu hiểu rằng tất cả phải theo một lớp, học một bài, ở một mực, ai ai cũng phải theo mình chờ đợi mình. Mà tại sao mình chưa nhận hiểu rằng tâm của mỗi chúng sanh đều khác nhau do duyên cảnh, nhà của ta đâu có giống nhà anh kia, cái áo ta đang mặc khác với áo của anh đó, cái tâm của chúng ta vẫn chẳng giống nhau, mỗi chỗ ngồi đứng nào có in nhau thì tâm trí phải có khác nhau chớ? Như vậy thì tại sao chúng ta dám bảo là kẻ kia phải theo ta? Tại sao ta dám bảo kẻ kia là quấy? Đành rằng ta có thể cầm roi đánh trên đầu họ, bắt buộc họ phải theo ta, nhưng khi họ chịu đi theo ta rồi, ta xoay lưng lại đi trước, để cho họ đi theo sau là họ sẽ giết hại ta trở lại, chớ nào không phản dội. Như vậy có ích lợi chi đâu? Sao bằng ta hãy lo trau dồi tâm trí ta cho tốt đẹp, tự họ thấy đó là nơi đáng nương dựa tin cậy, tự họ xin theo, chẳng là ích lợi cho tất cả về sau. Thật vậy, mỗi khi ta thấy có người nào khác với ta, về lý sự chi thì ta hãy hạ dẹp tấm lòng ngã ái xuống, nên mở túi trí của ta rộng ra để chứa thâu thêm mỗi giáo lý. Ta phải học thêm nữa cho mau đầy đủ, chớ đừng trút túi trí của mình ra mà đi đánh đập họ, làm chi cho dốt nát, đói khát lại bị rớt hết phải nghèo thêm. Có vậy mới gọi chúng ta là người có học, biết học, được học, vì đời là cõi trí trường học, đủ lớp, đủ bài, đủ hạng, chớ đâu phải chỉ có một câu, một giáo mà tưởng đủ rồi, như của ta bấy lâu lầm chấp. Mà cũng là sự thật đúng như vậy, vì nơi lời nói của chúng ta mỗi ngày cũng nói rằng: "Trong đời nào có ai là toàn học đâu?"

Ở xóm đó nhờ có ông già mắt sáng, thấy xa xét kịp, nên tránh được những tai vạ lớn lao. Vì nếu không có trường đạo lý sống chung tu học mở rộng các lớp, lấy dùng chung tất cả đạo giáo phái thì nguy hại lắm. Vì các khối gia đình ấy, họ cứ mãi tranh nhau, họ không có mục đích tu học, họ lại lấy cái ăn làm chỗ đến thì không tài gì ai sống chung nhau được.

Thế mới biết rằng cái nên với cái hư vẫn ở khít một bên. Người có đức thì sẽ thành công, không dùng sức lực. Cái cười ở bên trong lộn với cái

khóc là y như vậy. Người tĩnh tâm thì bao giờ cũng nên được việc lớn lao trong cơn thất bại.

Cái xóm đó đã trở nên một cái trái ngon thơm của ba lớp người. Cái xóm đó đã biến thành một cái hoa đẹp tươi của ba cỡ học. Cái xóm đó đã trở nên một cái trường đạo lý có cả ba lớp:

1. Lớp mười giới xuất gia khất sĩ như cõi Tây phương Niết-bàn xứ Phật bên trong, làm ngòi mộng của hột, khác nào cõi trời Vô sắc giới.

2. Chính giữa là tông giáo tám giới như thịt ruột cơm của hột, là cõi trời Sắc giới.

3. Bên ngoài là đảng phái xã hội gia đình năm giới như bao vỏ ruột hột chở che, là cõi trời Dục giới hoặc nấc nhơn loại tối cao.

Cõi ấy tức là người Trời Phật tại thế, sẽ là hột giống sắp nảy nở lan tràn cho khắp thế giới nhân loại mọc nối theo sau, và sẽ là gương mẫu thiên đường, miếng đất mới đầu tiên trong không gian lịch sử của quả địa cầu này. Y theo đó làm bản dạng thì vĩnh viễn chúng sanh không còn chiến tranh nhau, không còn chết khổ vì nhau, không còn vô minh tội lỗi, phân chia cướp lợi, là bởi ai ai cũng tự giữ gìn luật răn cấm ác, từ năm giới sắp lên, và có được học kinh nghiệm. Noi theo đó thì trong đời chỉ dụng cái thiện, cái học, cái tu. Càng nhiều cái thiện là càng hay, còn cái ác một mảy cũng không nên chứa để. Cũng như sống mà ác thì nên phải chết đi cho rảnh, còn người thiện thì nên phải ở lại để lo giúp ích lợi chung cho tất cả vậy. Ở xóm nào mà người ta biết tự chủ, biết cần xét chỗ đến, biết nghĩ để hạnh phúc chung về sau mãi mãi, thì ai ai cũng mong muốn được cái nên hay như vậy, mà cả thảy đều cố tâm trì giới, siêng lo tu học, tuy ăn ít mà vui nên bền dài thỏa dạ, sung sướng khoái trí lắm.

Xóm ấy tức không phải là một xóm riêng, cũng chẳng phải là xóm chung của cả thế giới ta bà này, về sau sẽ y như thế, mà xóm ấy tức là mỗi tâm địa chứa đựng chúng sanh của mỗi một thân hình người. Mỗi thân hình người, mỗi thế giới, cũng có thể lập nên một cõi Phật, giống y như xóm kia được. Vậy nên chúng ta phải biết thân ta là như trường đạo lý, như xóm kia,

như thế giới. Nó phải là cái nhà sống chung tu học hòa thuận an vui của chúng ta tạm trong mỗi kiếp. Nó có ích quí đối với chúng ta lắm. Chúng ta chớ nên vội bỏ qua, quên lửng, dùng sai, ắt phải sanh ra tai hại. Điều ấy đáng cho chúng ta phải nhận xét cho đúng.

Chơn lý vốn y như vậy. Sự thật trong những lúc nào cũng đã có y như thế! Từ đảng phái xã hội gia đình để đưa chúng sanh bước lên tôn giáo, đem đến Tăng-già giải thoát xuất gia khất sĩ là đạo đức hoàn toàn vậy!

Quả địa cầu là cái quả to bằng tứ đại, trong đó có chứa chúng sanh cũng bằng tứ đại, đủ ba hạng như vỏ, ruột và hột. Đúng y như thế!

Cho nên những ai đã hiểu ra sự thật được rồi thì lấy làm vui thích hành theo, mà cho là sung sướng lắm. Từ đây có lẽ nhờ nơi một xóm tiểu học ấy mà sau này cả thảy thế giới ắt sẽ trở nên đại học đường được. Sự thật như vậy thì trong đời đâu có chiến tranh, đâu phải chiến tranh, và sẽ không còn chiến tranh, vì ai ai cũng sẽ giác ngộ lần ra, lo tu tìm học hết, chớ đâu còn tưởng lầm, như khi mới tựu trường kia mãi, mà đi lo sợ.

Như thế là các ngôi chùa, đạo tràng phải lo mở cửa cái trước mới được, và bắt đầu từ đây là chúng ta không nên thờ cúng cầu nguyện riêng cho ông bà quyến thuộc của ta ích kỷ tham vọng, mà nên phải xét nghĩ đến chúng sanh hiện tại, vì những kẻ quá khứ hoặc đã là Phật Thánh rồi, hay đang là chúng sanh hiện tại sau này. Vậy sao chúng ta chẳng biết kỉnh trọng Phật Thánh, lo cho chúng sanh? Tại sao chúng ta chẳng lo cho chúng sanh để đi thờ cúng vái nguyện làm chi, cho mắc tội tâm vô ích? Lẽ thật đã phải có đúng y như thế.

Lành thay vậy!

XUẤT GIA KHẤT SĨ LỚP TRÊN: TỨ Y PHÁP

1. Người tu xuất gia giải thoát phải lượm vải bỏ mà đâu lại thành áo, nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận.

2. Người tu xuất gia giải thoát chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội, thuyết pháp đọc giới bổn, được ăn tại chùa.

3. Người tu xuất gia giải thoát phải nghỉ dưới cội cây, nhưng có ai cúng lều am nhỏ bằng lá một cửa thì được ở.

4. Người tu xuất gia giải thoát chỉ dùng phân uế của bò mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc dầu đường thì được dùng.

Tứ y pháp là chánh pháp của võ trụ, quý báu hơn hết.

CHƠN LÝ 34

NGUỒN ĐẠO LÝ

a. Một cái cù lao nổi lên giữa sông biển, chạy xa dài thành ra một con lộ đi, các con đường ấy có ra là do nước đất của hai bên sông biển.

b. Một khúc lộ mới đắp vì bởi tại chỗ đó là vũng sình lầy dơ dáy, không ai đi lội được.

c. Giữa sự chết khổ của thời gian, người ta bày mở ra một sinh lộ, một an lạc đạo, cũng y như thế! Cả thảy đều do nơi đời sanh ra đạo. Đời là bà hoàng hậu, mẹ đẻ nứt hông của đạo Phật. Đạo Phật sanh ra ngang hông giữa cõi đời nên kêu gọi đạo Phật là trung đạo, chánh giác.

Người học đạo tức là vẹt đất nhảy lên, phá địa ngục mà ra, xé càn khôn mà đến, đạp sanh tử mà đi, làm chủ lấy mình, cao ráo sạch trên, không ai bì kịp. Cho đến ông cha thời gian cũng không nhốt ngăn đặng. Như vậy mới phải là người hoàn toàn giải thoát, giải thoát cái đời phát sanh nguồn đạo.

THẾ GIỚI

Xưa kia hồng hoang thượng cổ chưa có con người (quả địa cầu này đã trải qua không biết bao nhiêu lần nổi xẹp, xẹp nổi, lần chót của nó là chúng ta đang ở đây), bấy giờ trái đất còn là một bãi cát mênh mông mới nổi, dọc theo chân Hy-mã-lạp sơn, do đó cỏ cây thú mới có sanh ra. Loại thú sanh ra trước là vượn khỉ, tinh khôn hơn hết, thường cất nhà ổ ở trên ngọn cây cao, cả bầy có tới số trăm ngàn, chúng nó giàu lòng thương yêu gia tộc lắm!

Người ta nói chúng nó là thủy tổ của loài người.

Người ta cũng nói vượn khỉ trước kia là một giống sư tử hung bạo, thủy tổ của sư tử là một giống chó rừng, sanh ra bởi trong hang đất như dê đất (phần dương).

Người ta nói rằng những con sư tử thiếu niên hung bạo, lúc trở về già yếu đuối bị thú nhỏ hiếp đáp nên bỏ rừng sâu lên trên núi, vì đói mới tập bò leo hái trái, quen trèo bám níu, làm ổ ở luôn trên cây, kêu là vượn khỉ. Chúng nó biết thương yêu nhau, có lòng nhơn đạo, bỏ dưới thấp lên ở trên cao, là bởi đã già, già kinh nghiệm, là bọn nạn nhân như nhau. Ở trên núi cây lâu ngày nhàm chán thiếu ăn, vượn khỉ mới chạy tuốt xuống đồng bằng. Xuống đến đây chúng nó mới tập đi hai chân vừa là để hái trái cũng vừa là để tập trồng tỉa, làm việc, ôm gói xách đồ. Vì đói khát mà tập trồng gieo, vì nóng lạnh mà sắm chăn áo, vì mưa nắng mà cất lập ổ nhà, vì đau bịnh mà nếm tìm thuốc cỏ, chúng nó tập hành vi làm việc nên lần lần được khéo xảo như chúng ta ngày nay! Bởi được chỗ ấm êm cùng vận động làm việc nên lông lá đứt rụng bớt và trở nên mỹ miều trắng đẹp.

Chúng nó từ khi bỏ núi non xuống đồng ruộng là bắt đầu ở chung nhau từng nhà trên mặt đất, và chia ranh đất với nhau mà làm ruộng, lập ra từng kiến họ, bổn tộc gia đình phân riêng. Từ đó mạnh ai nấy lo bổn phận quyến luyến với vợ con, không còn hay tới lui chung chạ nhau như hồi ở trên non núi nữa; vì lẽ ở nơi đồng ruộng, không có thú dữ hùm beo nên không cần quy hợp; hơn nữa bởi mắc say mê việc làm mỏi mệt nên cũng ít hay thân cận. Nhờ có sự ăn mặc ở bịnh biết làm, có nhơn, nên từ đó người ta kêu là loài người, và số người càng ngày càng nảy sanh thêm trội đông đảo lắm, sau đó mới phân chia ra đi ở khắp trên mặt địa cầu, tùy phong thổ mỗi nơi, màu da tiếng nói có khác lẫn nhau, nhưng cái sống, cái biết, cái linh vốn không sửa đổi, nên đều gọi là chúng sanh nhơn loại, có lòng nhơn y nhau, ấy là lớp toại nhơn.

Cũng bắt đầu từ đó người ta mới gọi là thế giới. Giáo lý thế giới là sự sống chung gồm cả những xã hội, cũng như xã hội là gồm những gia đình, gia đình là gồm những kẻ lẻ loi vậy.

Giáo lý thế giới sống chung tu học kêu là đạo, đạo có do sự văn minh, học sáng của thức trí; thức trí có là bởi hành vi, và các sự nạn khổ của gia đình xã hội, ích kỷ chia riêng tranh đấu với nhau, giống như sự sôi nổi của vũng sình lầy chất lợi, dưới cơn nắng gắt của danh vọng. Cũng vì sự chết khổ của xã hội gia đình, người ta mới bỏ ra hết những giai cấp thần quyền của ông cha đánh phạt trẻ con. Người ta sau khi đã được văn minh học sáng, có thức trí tinh thần, vượt qua khỏi lớp tuổi trẻ ban đầu của ăn mặc ở bịnh rồi; người ta đã già, già kinh nghiệm rồi, là những ông già ấy sẽ phải sống chung nhau, bình đẳng cả thế giới an lạc. Giáo lý thế giới ấy tức là con đường an lạc, chỗ đến của tất cả nhơn loại trèo lên để vượt qua sự chết khổ. Giáo lý ấy chỉ dung chứa được những bậc tâm trí đã già, nên gọi đạo đức là cao hơn hết, bình đẳng trang nghiêm hơn hết, vì không còn có lớp nào qua trên hơn cái lớp ông già nữa; nơi ấy sẽ không còn có những sự vật ăn chơi, nô đùa theo như trẻ nhỏ. Đến chừng đó gọi là quả địa cầu đã đến lớp tuổi già, tức là trong thời gian không gian võ trụ, quả địa cầu là một vầng hơi có chứa đất nước lửa gió nổi phù lên, nơi trên ấy chúng sanh đã trở nên Trời Phật, y như các thế giới Phật Trời, thiên đường Tây phương cõi khác. Đó là gốc nguồn đạo lý, từ đầu đến đuôi, từ cuối đến ngọn; cũng như nguồn suối nhỏ của chót núi rừng, nước chảy ra biển cả; nơi biển dã là nước đọng chung lại, một màu, một chất mặn, một mực một, bằng thẳng, an vui, không còn tai nạn nữa, nơi đó là chỗ nghỉ yên của nước sông nguồn. Sự thật y như thế, giáo lý bằng thẳng của thế giới ông già là như biển dã, nước đã mặn già, nước ấy đã trải qua những sự già đau khổ, từ trong sông suối mới đến được về đây. Xã hội ví như sông to, gia đình là suối nhỏ, sự lẻ loi là từng giọt hột nước ở trên chót núi.

Như vậy là sự tiến triển của chúng sanh, trước hết ở rừng ác hung mê muội, kế đó hiền lương lên núi, sau lại trở xuống đồng bằng, tập hành vi nhân loại gia đình như người nhỏ. Sau nữa số đông đảo mới bày ra xã hội, có chúa tể, có trời cha, đến khi tất cả đều già thì bình đẳng sống chung tu học tự nhiên, đến lớp của những bậc giác ngộ là Phật, trong đó không còn có những danh từ ông cha, ông Trời, con người dối tạm nữa. Chừng ấy gọi là chư Phật, chư vị giác chơn, chớ không còn có cái tên gọi chúng sanh.

Khi đó, thế giới này đã trở nên nhà đạo đức hay là trường đạo đức của võ trụ. Những học sanh sống chung tu học trong ấy tức là chư Phật, cũng là những hột giống của tứ đại, còn thế giới sẽ là một cái trái chứa đựng hột như kho vựa.

SỰ TAI NẠN CỦA CHÚNG SANH

Chúng sanh từ khi ở rừng, người ta kêu là ác thú; đến lúc lên trên núi, người ta gọi là thiện vật; chừng làm ruộng dưới đồng bằng, kêu là nhơn loại, có gia đình từng nhà. Họ càng làm việc khéo hay mới sanh ra công thợ, lập ra làng xóm. Bởi có đồ đạc dư của công thợ mới có kẻ già yếu nhỏ bịnh thiếu sức làm việc, xin chia công cán với công thợ. Bằng sự lãnh đi trao đổi bán buôn, đem công đổi lợi nuôi thân, có đồ vật chất chứa nên thành ra xã hội, là tỉnh thành châu quận. Bởi có thị xã hội đồng, nên mới lập ra luật pháp, sắp đặt là chúa tể vua quan, đền đài thành quách, cung điện triều đình. Rồi thì từ đó mới có ra tù khám để nhốt chứa, phạt vạ răn tham trị ác đối với hạng biếng nhác mê chơi côn loại.

Sự vật vui chơi có là pháp giải trí đồ chơi của người buôn bán sau cơn mệt nhọc, cũng vì vật chất món chơi tốt đẹp đó mà thầy giáo, cha mẹ, vua quan sau này lại cũng sa ngã vui chơi, bắt chước theo như những kẻ thương gia, yếu già nhỏ bịnh, thì tránh sao người nông công họ không mê chơi mà tìm ham sung sướng. Bởi quá quen vui sướng mới có kẻ không phải chịu tự mình làm ra, để phải ở không mưu đồ cướp giựt, sanh ra trộm cướp chiến tranh phá hại. Các thứ chiến tranh mỗi lúc là do giành nhau món lợi vật chất. Tham lợi càng nhiều, sự tư kỷ càng nhiều, là sẽ xô lấn giành giựt nhau càng nhiều.

Trong đời mà có tai nạn, từ nạn nhỏ đến nạn to là đều bởi tại chúng sanh nhân loại có lòng tham, tự mình tạo ra cái chết khổ tai nạn lấy mình, từ xưa đến nay mãi như vậy. Cũng là đã quá khổ nạn, nên khi xưa những nhà vua quan mới nói: Các chức tước vương quan này, ở dưới đất vật chất mãi, thật là tối tăm nóng bực, khổ nạn còn nhiều hơn là kẻ làm ruộng rẫy nông dân, thà là an phận gia đình nhơn đạo ấy mà còn khá hơn là cái tước vị thần quyền. Bởi đối với thần, kẻ quấy ác chỉ sợ oai chớ không thương

mến như người làm ruộng nhân đạo. Thế nên trong đời có lắm vị vua quan từ chức để đi làm nông dân ruộng rẫy được thanh nhàn ích lợi cho mình, chẳng khá hơn là mãi lo cái việc không rồi vô ích cho những sự gian tham của những kẻ nọ càng gian tham tới mãi. Cũng vì quá khổ nạn, nên một người tù tội kia ở trong tù khám mới nói: Chính đây mới thật là địa ngục, ta thiệt đã bị cái ý vô thường quỷ sứ dắt dẫn lôi tuốt vào đây mà ta chẳng tự hay; nào ta có dè đâu thái quá là phải bất cập, tham vui chi mà chịu khổ phạt! Một người tội nhơn khác nói: Chính hôm nay ta mới tỉnh ngộ là đã bị cái nghiệp nó kéo lôi đến chót đáy địa ngục này rồi, còn đường chi nữa đâu mà đi lo sợ. Trước kia khi ta làm ruộng rẫy, người khác gọi ta là nhơn đạo cao thượng tốt quý, mà nào ta có biết cái cao quý ấy là chi. Sau đó ta lại lần vào xóm tập làm công thợ, ta nghe kẻ công thợ than mình cực nhọc hơn súc sanh tôi tớ của người ta, đã bị chết sớm lại luôn luôn phải chịu sai khiến quở phạt. Thế mà ta vẫn ham lo sự hay khéo của việc làm, nào ta có biết tưởng chi là khổ sở với cái tiếng than chết sớm đớn đau của họ. Lòng tham đi tới nữa, ta đã đi xuống thêm một nấc là mua bán nơi đây lắm kẻ bạn hàng, chửi rủa cấu ó với nhau. Họ mắng chửi nhau là đồ tham lam hơn ma đói, lời dư cũng than van đói khát, lỗ thiếu cũng than van đói khát, lúc nào cũng quá khổ đói khát hơn ma. Họ chỉ biết một việc tìm kiếm mong chờ cái tham, cái lợi, như uế phân bùn đất. Thế mà ở trong vòng mua bán, ta lại rất vui thích ham mê không chán khổ, mặc cho nơi phố chợ họ chửi rủa la ó tối ngày rằng: Bộ đây là xứ ma đói sao mà!

Các người là ma đói! Thế là họ đã làm ma, đói la khao khát, cấu xé lẫn nhau. Đã vậy nào thôi, sự mua bán khổ sở đói khát dường ấy, thế mà cái nghiệp lại còn xô luôn đẩy xuống, không cho ta nhận ra thấy kịp đường lên, khiến nên ta lại ham mê danh vọng muốn làm cho được vua quan, xưng thần oai vệ, giữa đám đói khát bán buôn yêu ma quỷ quyệt, để cho được cái vui chơi hơn, và cũng bắt đầu từ đó, ta ham chơi trụy lạc. Vả lại, thần là ưa ăn thịt uống rượu, thần thì đi bắt tội nhơn và cai quản tội nhơn trong địa ngục, ở khít một bên địa ngục; mà chính những kẻ tội nhơn đang bị ở trong địa ngục là cũng vì đã lậm mang phải chứng bịnh ham chơi trụy lạc như thần; cho nên chẳng bao lâu, khi hết bắt phạt người, cai quản người, là đến lúc người

sẽ bắt phạt lại mình, cai quản lại mình. Ấy cũng bởi tại lòng tham muốn nó xui nung ta làm ác, hôm nay ta đã lỡ giết thác mạng người nên mới phải bị nhốt vào đây, chưa biết chừng nào ra đặng. Thật là ghê sợ quá, vinh nhục lợi hại ở chung một chỗ khít bên! Trong đời ai mà không bị cái danh lợi cám dỗ. Ở trong đời đố ai tránh xa lợi danh cho đặng? Thật vậy, hôm nay ta đã gặp chỗ cùng đường rồi, từ xưa ta đã bỏ nông dân, đến công thợ, đến thương gia, đến thần và đến luôn vào trong tù khám, tuôn xuống luôn một trớn, không phút đứng dừng ngừng lại, thật là mau lẹ quá, có khác nào một người kia, té luôn một hơi từ nhơn loại đến súc sanh, đến ngạ quỷ, đến a-tu-la và đến vào luôn trong trong địa ngục, sự rớt sa quá lẹ (các danh từ ấy có là do đức Phật nói ra, để chỉ nấc thang tấn hóa cho chúng sanh thấy rõ sự khổ vui, thiện ác, sống chết của tâm lý).

Đến hôm nay ta mới nhận ra, xưa kia những sự ngăn cản ta là cứu vớt ta, thế mà bấy lâu nào ta đã xét nghĩ đến như vậy, những khi ấy ta bị mắc cái nghiệp của thân khẩu ý phủ che mờ ám, nào ta có thấy chi đâu. Nhớ lại trước kia ta chê ở núi là con vật hiền, nơi rừng là con thú dữ, mà trái lại sau khi hôm nay ta đã giác ngộ rồi, nếu may mắn mà ta thoát ra được khỏi nơi nhốt phạt này, là ta sẽ tránh xa đi biệt cho khỏi những nơi vật chất phong lưu cám dỗ, ta sẽ đi lên ở trên non núi tột cao để làm sơn nhơn tiên giả thanh nhàn khoái lạc, ắt được tinh thần no đủ rảnh rang lắm vậy!

Nhưng, à, mà cũng không được, nếu ở trên núi non cao quá biết lấy chi ăn, xưa nay mình ở chợ là vật chất thái quá nên mới phải bị vào đây bất cập, rồi bây giờ mình tính lên núi non cao quá cũng như bất cập, chắc lâu ngày xác thân chịu không nổi, phải sa ngã chạy tuốt xuống dưới chợ thái quá trở lại, chớ chơi gì; vì tinh thần không lâu ngày chắc cũng nhàm chán, chịu không nổi. Thôi chi bằng là ta hãy ở rừng, giữa núi non và nơi thị chợ, như thế thì vật chất, tinh thần đều đầy đủ của mực trung; khỏe thì ta xuống xóm chợ, mệt thì ta vào non núi, bình thường là ta vẫn ở rừng tu tịnh, học đạo sống yên, ấy mới chắc phải là nơi giác ngộ.

Cũng y như xưa kia, chư Phật, Phật Thích-ca và các chư Tăng đệ tử Phật, các Ngài đều sống chết ở nơi rừng.

Vả lại, rừng cũng là chỗ đầu tiên của chúng sanh nhân loại, khi xưa ác hung mê muội mà hôm nay ta được trở lại với cái giác, cái hiền thì đúng quá, tốt quá. Cũng như một người đi tu học, chịu nạn khổ lầm lạc các nơi, hôm nay mới được trở về xứ sẽ dạy độ lại cho các bà con ác thú của mình, thật là huyền diệu! Cũng như chư Tiên họ ở trên non núi, mà non núi trước kia là chỗ của những con vật hiền, bấy giờ họ đi xa học nghiệm khổ sở họ mới được trở về làm tiên, dạy lại các con vật hiền quyến thuộc, cất nhắc chúng nó đem lên cho được tâm trí mau đầy để sau này không còn lầm lạc vọng động nữa, y như mình đây thì hay quý lắm.

Cũng như một kẻ thôn quê đi xa du lịch, sau nhiều phen chết khổ của sự mê muội dục vọng, hôm nay nó đã trở về quê hương dạy khuyên lại anh em tất cả, chỉ đường cho họ tránh sự chết khổ về sau là ích lợi quá.

Theo như lời nói của người tội nhơn đây, xét ra thật không phải là vô lý.

Sau khi đi và về là tâm đã bỏ ra được cái ác cái mê, đem về theo cái thiện, cái huệ của giác chơn, tức là cái ta của ta chắc thiệt! Cái tâm trí của nó chừng ấy rộng lớn như biển dã mênh mông, không còn nhỏ hẹp cố chấp nữa, nên kêu là đạo đức. Như thế tức là tội nhơn ấy đã tìm ra được nguồn đạo lý trong giữa cõi đời. Nó đã nhận ra được những nấc thang chết khổ để sống vui bằng tâm giác ngộ.

SĨ, NÔNG, CÔNG, THƯƠNG

Theo như trên đã nói, trước hết lớp toại nhân là nông phu ruộng rẫy, người khác với thú là có hành vi làm việc. Thú chỉ có tư tưởng, cây có thọ cảm, cỏ có sắc thân (do tứ đại). Thuở xưa người ta không dùng vàng bạc, mỗi ai nấy trồng tỉa đủ ăn thôi. Đối với kẻ yếu già bịnh nhỏ, không thể trồng gieo ăn đặng nên mới xin ra công đổi chác, lấy lợi mà dùng, đó là lòng nhân của người nông phu. Họ chia sớt nhịn miệng nhường lại, chớ tự họ, kẻ trồng thứ này, người trồng thứ kia, gánh bưng đổi chác với nhau, vui miệng cũng được.

Như thế thì thương mãi khi xưa là nghề phụ thuộc của người già yếu nhỏ bịnh chớ không phải của người thường, tự họ có thể cuốc trồng gieo

hột đặng. Thương mãi có ra do nghề nông. Nghề nông nuôi mạng sống cũng như cái bụng cái mình là chỗ chứa tất cả phủ tạng; nghề nông là sanh mạng, là mẹ đẻ của loài người vì có cái ăn mới có sanh ra tất cả. Nghề thương mãi cũng như hai chưn đi hai đường, xảo trá chẳng ngay thật. Người thương mãi xưa lấy chưn đi mà nuôi mạng sống. Cái chưn ấy sanh sau phụ thuộc, dầu không có cũng đặng, nên gọi là sau chót (sĩ, nông, công rồi mới tới thương). Vả lại, xưa kia xem thương mãi là dối xảo nên bậc đạo đức Thánh Hiền khinh chê lắm. Các Ngài có con cháu không bao giờ cho đi buôn bán, vì cái nghề ấy vô ích và không được chơn thật như người nông. Các Ngài thà là làm ruộng đủ ăn, chịu nghèo tu học, chớ không ưa tham lợi sái quấy; "tiền tài như phấn thổ, nhơn nghĩa tợ thiên kim", câu ấy nghĩa lý như vậy.

Nghề thương lại cũng sau nghề công nữa, vì khi xưa có gia đình nông phu ruộng rẫy no bụng nên mới tập làm việc được, và sẽ quen tay lần mà trở nên hay khéo về sự tạo sắm nhà, áo, vật dùng. Bởi có công nghệ mới có xóm làng, và đồ vật của công nghệ thì giao cho thương mãi để đổi chác, đặng làm thêm; vậy nên gọi là có công nghệ mới có thương mãi. Công nghệ tức là hai cánh tay của người ta, có tay mới chở che cho mình bụng. Cũng vì có bán buôn khổ nhọc mới sanh sự vui chơi tai nạn, do đó mới có pháp luật cai trị những kẻ gian tham ác quấy.

Xưa kia người cầm pháp luật ấy phải là sĩ hiền có học, có hạnh đứng ra dạy dỗ cầm đầu, do người tôn lập; cũng như có đầu thì tay chân mình bụng mới sống được. Luật pháp công lý cũng như cặp mắt sáng để chỉ đường ngay cho tay chân mình bụng ấy. Sĩ hiền khi xưa là đạo đức giáo hóa chớ không phải lo việc góp thâu tiền bạc, cho nên sĩ hiền tuy là có ra sau chót mà người ta lại kính nể đứng đầu. Cũng như trong bụng mẹ, phải là cái đầu sanh trước, kế cái mình, kế tay và chân sau chót mới xuôi thuận. Cũng như nếu không có đạo đức đầu tiên thì không bao giờ có cõi đời, và không có ai sanh sống ra được. Như thế nghĩa là giáo lý pháp bảo của chơn lý võ trụ đã có trước hết, sau này người ta mới giác ngộ tìm học, chớ không phải là mới có trong ngày nay đâu. Trần thế cũng như một cái hình người, sĩ là đầu trên xuôi thuận, nông là mình bụng, kế đó công là tay, đến thương là chân dưới

thấp. Thân hình này mà đứng ngay như thế thì vận cuộc sanh chúng tất bình yên, nhưng mà nào xưa nay đã được vậy mãi.

Thời gian là một cái vòng tròn, lúc đầu sĩ nông công thương cũng như một thân hình xuôi thuận ấy, từ dưới đi lên nên được bình yên, và sau sự bình yên thỏa mãn tột cao của cái vòng tròn là đến lúc chúng sanh phải ôm đeo theo bánh xe thời gian, quay đầu lộn xuống mà không hay, nên mới có sự chúi nhủi, loạn rối khổ chết điên đầu. Cũng y như đời nay hiện tại, người ta đã đưa hai chân lên trời là thương mãi nâng lên quá cao, người ta tôn sùng sự tham muốn dối xảo, món lợi. Ai ai cũng gọi là thương mãi quý báu, quý báu cái tội lỗi thì tránh sao không tai nạn. Đời đã lộn ngược, sĩ hiền đạo đức đã bị nông công thương ghìm xuống, đạo đức phải chôn sâu; thương nghệ như hai chân ngất nghểu trên cao, không đường đứng đặng; nông bụng ruột gan cũng đã lộn nhào; còn tay công thì lại không có chỗ nơi níu nắm. Cũng như một người té ngã từ trên cao, lộn đầu trở xuống, và xuống mãi mau lẹ chưa biết phải đến đâu, mới cất đầu xoay lên trở lại, hòng nâng cao đạo đức sĩ hiền lên trên xuôi thuận bình yên, giống như khi xưa kia nữa. Sĩ hiền xưa là người dạy đạo đức cho dân, chớ không phải nghệ nghiệp thâu góp bạc tiền biên chép nên không có lương bổng chi cả. Bởi không có sĩ hiền nên thương nghệ hiểu lầm sái quấy, tưởng chắc mình là cao trên, cho nên họ mới đau khổ; đã vậy mà họ còn đi trở lại chôn đè đạo đức thêm, ấy mới thật là nguy hại cho họ.

Ấy đó nguồn đạo lý trong giữa sự đời, thuở xưa từ trong đạo đức võ trụ sanh ra ngược, nông thương đến sĩ, sau lại sĩ nông công thương xuôi thuận, là đạo đức trên đầu cao, cái tham lợi ở dưới chân sâu thấp.

Vận cuộc thời gian của đời mãi lăn xoay như thế ấy, khiến cho nên bậc thần quyền chúa tể cầm đầu, lo cho đám dân tội lỗi đói khát, mỗi lúc phải chịu rối khổ tơi bời. Vì bánh xe vô thường mãi lăn xoay tới, kẻ nào bám buộc nơi một chỗ, một việc mà cho là phải hoài trong mỗi lúc, là ắt sẽ bị thất bại chết khổ đau đớn oan uổng. Bởi thế nên khi xưa đức Phật có dạy rằng: Trên chiếc bánh xe lăn, nào chân ai đứng trên mà không phải trợt, trong đời chỉ có bậc trí huệ toàn giác mới chắc chắn là sẽ đứng trên cõi đời, bình yên vĩnh viễn được mà thôi.

Cũng như một ông vua kia, ông chỉ biết có một cách thế làm vua trong một thời đại thì không bao giờ sẽ được làm vua trong những thời đại khác kế đó đặng.

Cũng như một ông thầy giáo chỉ biết dạy một lớp nhứt, hay một lớp chót, thì ông ấy sẽ không còn dạy được nơi xóm kia, vì trình độ của học trò nơi đó chỉ mới tới lớp ba, lớp tư; và một ngày kia ông thầy ấy sẽ thất nghiệp, bởi không còn học trò của lớp ông nữa.

Khi xưa đức Phật học cách làm vua cũng y như thế, tùy theo trình độ của chúng sanh mỗi lúc! Nếu cõi đời chúng sanh mà thấp kém quá, thì hoàn cảnh của đức Phật sẽ là có tên gọi một vị Ma vương, Diêm vương (Ma vương đây là vua trong cõi đời ma yêu, dối trá biến thuật. Ma vương đây không phải là mỗi kẻ đều đi phá đạo Phật. Như xưa kia, Phật nói pháp cũng có rất nhiều vị ma vương đến nghe pháp và ủng hộ đạo). Nhưng nếu lúc nào chúng sanh khá cao, thì Phật sẽ là tên của Nhơn vương, Thiên vương, Bồ-tát Chuyển Luân Thánh Vương chẳng hạn. Và như khi chúng sanh đã được trong sạch thuần thục thì Ngài mới sẽ trở nên có tên gọi Pháp vương Phật. Chính khi xưa đức Phật cứu giúp cho đời bằng những danh pháp thay đổi trong mỗi lúc nơi phận việc, mà Ngài không có sở chấp, không thấy cái ta của ta nên không có khổ não bởi vô thường. Nhưng trong đời thì cũng có lắm nhà vua chúa thế gian, nhiều khi bị nhơn duyên sửa đổi, đã biến hóa ra tên khác mà vẫn không hay, mãi cứ tưởng mình là nhơn vương thiệt thọ; lại cũng có lắm vị quá chấp nê hành sự nên phải chịu thất bại đau khổ lắm, ấy bởi sự lỗi nhịp của thời gian và hiểu lầm tên gọi, cố chấp việc làm, nên mới phải sa vào nơi khốn khổ của bánh xe vô thường lăn xoay chóng mặt.

Nguồn đạo lý chỉ rõ bánh xe luân hồi của chúng sanh y như vậy. Những ai mà muốn lăn lộn theo bánh xe thì ít nhứt cũng phải hiểu ra giác ngộ chơn lý, mục đích chỗ đến của đời là đạo đức. Có hiểu như vậy mới tránh ra được tai nạn, và làm được việc hữu ích cho chúng sanh mỗi lúc. Còn bằng chẳng vậy, thì cũng nên phải tự giải thoát đi ra, ngồi trên bánh xe, một mình tách đi mau sớm để đến nơi đạo đức, sống yên tu học trước, cũng là hữu lý hay thay. Như thế chẳng là được khá hơn, khá hơn con kiến đeo theo vành xe mãi chi cho chết dẹp, hay như con mọt đục ổ ở trong cây căm bánh xe, nằm đó làm chi cho bị lăn xoay nhào lộn, điên rối hoảng hốt khổ sở.

Có hiểu được nguồn đạo lý mới thấy rõ ra đạo đức là chơn lý tự nhiên trong võ trụ. Nhưng chúng sanh mới tiến ra thì lại vô minh chấp lấy bánh xe đời, tham mê nơi trần bụi, và phải bị nhào sa nơi địa ngục khổ. Có khổ do đó mới giác ngộ nẻo yên vui, trở lại với chơn lý cảnh thật buổi ban đầu như số một. Sau khi trở về lại được đem theo lòng từ bi và trí huệ, khác hẳn với cái ác, cái si mê hồi xưa mới sanh. Con đường mà của người trở ra và đi vào ấy cũng kêu là đạo, là để đạo đức lại cho người đời sau. Như thế tức là đạo đức võ trụ sanh ra đời, đời trở về đến đạo. Lại cũng từ xưa kia, đức Phật Thích-ca Mưu-ni hay chư Phật khác, với chư đệ tử của các Ngài, cũng đã từng đi ra và đi vào con đường y như vậy; nên thế gian đời sau này cũng noi gương nối dấu hành theo, nhưng hiềm vì sai lạc bước chân giáo pháp, mới phải hoại hư thất bại, do đó mà đạo sanh ra đời trở lại; và rồi cũng sẽ có người đời vì chết khổ mà giác ngộ quay về đến với đạo lại nữa. Thế là những lúc sau này đạo đời, đời đạo mãi lăn xoay, ít ai còn hiểu ra đầu đuôi sau trước được. Vì thế mà trường đạo đức, giáo lý thế giới, chỗ đến mục đích của chúng sanh chung, trong ngày hôm nay, cũng ít ai được nhận ra xét kịp để phải vương mắc lấy cái nghiệp gia đình xã hội, vật chất tham riêng, tranh đấu lẫn nhau không ích lợi.

Đúng y như vậy, chớ chi mà nhân loại hết thảy đều giác ngộ, chỉ biết có đạo đức chớ không có gia đình xã hội lớp tạm này là quý ích quá. Cũng như chỉ có lớp nhứt chớ không có lớp nhì, lớp ba; có Niết-bàn chớ không có thiên đường nhơn loại tạm; có ông già chớ không có người lớn, trẻ nhỏ… ; vì bởi ai ai rồi cũng sẽ đến lớp trên hết thảy, bằng nếu không bước lên là chưa hiểu mục đích chỗ đến, thời gian nó vẫn xô tới mà mình chống cự đi lui đứng lại làm chi cho thêm tai nạn. Vả lại, ở một chỗ lâu sau cũng chán chê mà ham vội bảo giữ tiếc rẻ, tranh giành cái chi cho mệt nhọc.

Như thế nghĩa là đời và đạo là một trường học, hai lớp dưới để đến lớp trên. Lớp trên dùng cho ông già, lớp dưới dùng cho hai hạng người nhỏ lớn, thiếu một lớp cũng không được, bài vở của ai nấy tự biết hiểu, bởi sự học có khác với nhau chút ít nơi rộng hẹp. Không lớp trên thì hai lớp dưới, học sanh mới cũ phải dồn cục lại, ắt gây khổ nạn, còn không lớp dưới thì đâu có học sanh để mà bước lên lớp trên. Trong đời, như tất cả chúng sanh

bằng mà ông già hết, chỉ có lớp trên không, là được tốt; nếu trái lại chỉ có lớp dưới trẻ nhỏ không, ắt chẳng xong. Như thế đời là gầy dựng đạo đức, khuyến khích đạo đức, tôn sùng đạo đức, đưa tất cả chúng sanh tiến lên đến đạo đức; chớ không phải theo sự hiểu lầm của trẻ nhỏ rằng đời là ố đạo. Người đời đâu có ai dám đi ố đạo, hoặc may có ra là người ta chỉ ố ngạo những kẻ xu hướng bắt chước làm bậy ấy thôi, chớ ở trong trần có ai sạch sẽ tốt thật chi hơn mà dám đi ố đạo.

Cõi đời ngày nay mà có là bởi có lớp cỏ cây thú mới tấn hóa sau, chưa đến theo được đạo đức, nên trường đạo đức phải chia lập ra lớp gia đình, xã hội tạm cho học sanh bước lần lên. Cũng là người ta lập ra gia đình, xã hội, rèn trau tâm trí để đưa lên trường đạo đức thế giới an lạc sống chung tốt đẹp.

Sự thi tuyển ấy tức là chiến tranh, chiến tranh để xem dò tâm trí của những kẻ gia đình xã hội. Những ai mà đạo đức hoàn toàn sẽ được chấm tuyển thi đậu vẻ vang, mặt đất thế giới sẽ chứa nuôi học dạy; còn kẻ nào con ma thì ma sẽ bắt, con đất thì đất sẽ chôn. Những kẻ thi rớt ở lại thì còn phải ở trong gia đình xã hội thêm, đặng mà chờ cơ hội khác, lâu về sau kia nữa.

Sự thật đúng y như vậy, cục đất liệng lên bao giờ nó cũng rớt xuống. Trên mặt đất võ trụ là không hay có chứa cái ác dơ đen nặng. Cho nên, những người nào đã tỉnh ra, giác ngộ rồi thì ngoài mục đích của sống chung tu học là kẻ ấy chưa có cái sống, chưa biết sống và cũng sống chưa được với ai, ở đâu nữa.

Bởi thế cho nên Thánh nhơn khi xưa mới nói: Sáng biết đạo chiều chết cũng vui. Nghĩa là khi đã biết rõ mục đích chỗ đến con đường rồi thì chậm mau gì có ngày cũng sẽ đi tới được nên rất vui mừng, còn nếu sự sanh ra có sống lâu nhiều đời kiếp mà chưa hiểu đạo đức con đường chỗ đến thì sống mà phải chịu chết khổ, tội lỗi vô ích như vậy, sống để mà làm chi vô lý. Câu nói ấy cũng chỉ rõ thêm rằng sớm biết đạo mục đích chừng nào là hay báu chừng nấy, mai chiều kia chúng ta không còn lo sợ chi nữa hết.

Tóm lại, khi xưa đức Phật nói: Người sống trăm tuổi không thấy đặng viên ngọc, không bằng người sống trong một giờ mà đặng biết chắc! Thật đúng như vậy, viên ngọc là đạo lý pháp bảo.

Quyển *Nguồn đạo lý* này thật là hoàn toàn đúng với chơn lý, tâm lý.

Nguồn đạo lý thật là hoàn toàn quý báu cao viễn. Người đọc nghe xem xong, ai ai cũng sợ sệt buồn rầu, mà thấy ra tất cả thế gian là tội lỗi, cõi đời có ra do nhơn nghiệp. Như thế chúng ta mới thấy ra rằng thiệt Phật là bậc giác ngộ, khác với chúng sanh, rồi chừng đó chúng ta mới biết ham tu mến đạo, ghê sợ hổ thẹn tội lỗi, ghét giận lấy mình.

Như thế là chúng ta sẽ bắt đầu tấn hóa đi lên được. Nguồn đạo lý thật là một tiếng chuông cảnh tỉnh ngân nga vang dội, khiến cho ai ai cũng chán nản nhàm chê thế sự mà nhớ đến đức Phật ngày xưa.

Nguồn đạo lý thật rất đúng là đạo của tâm lý, chánh lý, lẽ phải chơn thật. Do đó, chúng ta sẽ thấy rõ khắp thế gian, thấy rõ một cách chắc chắn kỹ lưỡng, tức là chúng ta đã giác ngộ gặp Phật, gặp đặng con đường của Phật, và rồi kể từ đây ai ai cũng sẽ thành Phật, lần hồi được giác ngộ hết.

Hiểu được nơi nguồn đạo lý, tức như chúng ta đã gặp được Phật trước mắt khi xưa. Vì khi xưa đức Phật thuyết pháp nói chỉ xa xôi, thí dụ như này là chư Phật ở thế giới kia, ma kia ở cõi nọ, Ngài nói chỉ tận ở đâu đâu, pháp lý tùy nhơn duyên, do Thinh Văn thính giả mà nói lời phương tiện, chớ không hay chỉ ra sự thật, vì sợ phải mích bụng người nghe. Nhưng khi nói ấy chỉ riêng có kẻ biết nghe, ngụ ý mà hiểu ngay được, hoặc người trí huệ thì mới biết rõ. Điều ấy làm cho chúng ta đời nay xem nơi kinh sách, sanh ra ngờ vực. Thấu được nơi nguồn đạo lý, chúng ta sẽ nhận được một món quí báu nhứt là đạt được danh từ giáo lý của tâm, tâm là chúng sanh. Cõi đời là cõi của tâm, tâm làm ruộng, tâm công thợ, tâm buôn bán, tâm a-tu-la, tâm địa ngục, tâm Trời, tâm Phật. Tâm ấy mới là cảnh giới quan trọng cũng như tâm buôn bán là khổ não hơn thân buôn bán, tâm công thợ đau đớn mệt nhọc hơn là thân công thợ. Thân dầu ở cảnh trạng nào cũng được, nhưng chỉ có tâm, tâm mà trèo cao quá chót là sẽ té xuống đến hố sâu. Như vậy thì cách đi xuống mau tột đáy hố là không phải tự mình lần mò đi xuống từ bước, mà là chính bởi sự trèo lên quá cao, để nhảy xuống cái một, mau hơn. Sự tham muốn của chúng sanh đúng y như vậy. Vì thế mà nguồn đạo lý này sẽ có không biết bao nhiêu giá trị, nó sẽ soi sáng quét dọn tô đắp cõi đời trở nên

trang nghiêm sạch sẽ an vui lắm. Nên chi những bậc thức trí, hết sức ước mong cho nguồn đạo lý lẽ phải, sự thật ích lợi này được thông lưu, nhuần thấm cho tất cả chúng sanh, nhứt là trong những cơn nắng gắt hạn to, nóng nực khát khô trong lòng nhân loại.

Quyển *Nguồn đạo lý* này mà được có nhiều lý nghĩa ích lợi hơn các quyển khác là bởi nguồn đạo lý được soi ra bằng chơn lý. Chơn lý là lẽ thật, lẽ thật nơi sự đã có thật. Bởi quyển này thuộc về loại sách chơn lý. Đã là chơn lý nên chẳng có thiên tư, không một chủ ý, chẳng có ẩn ý chút nào. Chơn lý cũng tức là công lý, chớ không phải là pháp quyền giáo phương tiện. Vậy nên những bậc tu hành từ thiện, ai ai cũng công nhận mừng vui thích hợp đúng lý hết.

CHƠN LÝ 35

CON SƯ TỬ

Thuở xưa tại xứ Ấn Độ, dưới chân Hy-mã-lạp sơn, dựa mé sông Hằng, có một đám rừng to lớn rậm hoang, nơi ấy không có dấu chơn người đi tới được. Bấy giờ trong giữa rừng có một con sư tử chúa cao lớn dị thường, sắc lông vàng rực, không một điểm pha lộn. Con sư tử có bộ lông sang trọng ấy cai quản trọn khu rừng, cả thảy các thú kia đều là tay sai bộ hạ. Đội binh hùng mạnh của nó gồm có: cọp, beo, voi, gấu, khỉ, vượn, chó, thỏ, trâu v.v… đủ cả các thú rừng do sư tử chúa rèn tập un đúc từ lâu. Với một đạo binh tinh luyện ấy ủng hộ, chúa sư tử nghinh ngang không còn phải sợ ai nữa hết. Bao phen thắng trận vẻ vang, lấn đất giành rừng, hiện bây giờ sư tử chúa giàu sang cường thạnh, ranh giới mênh mông, mồi thịt mỗi ngày ăn không hết kịp, mà lại không có bầy thú nào dám bén mảng đến toan trả thù chi cả.

Đã từ lâu rồi, chúa sư tử hưởng phước trong sự bình yên, mỗi buổi có gấu, voi đem đến dâng cho thịt tươi ngon tốt, không còn phải mắc bận đi kiếm ăn nữa. Chúa sư tử rất hãnh diện, trong đám đa thê, hoàng hậu, cung phi, toàn là mỹ nữ xinh đẹp, quanh quẩn tối ngày, chúa sư tử ta không còn biết thời gian bao rộng chi cả. Mỗi khi lâm triều là chúa ta ngự yến, thiết tiệc say sưa, no nê phình bụng, la lối ngông càn, thét vang gầm dội.

Đời sống của sư tử chúa chỉ biết sát hại để ăn, giành giựt cho có, dâm dục chơi bời, la lối ngông nghêu, say sưa bất kể. Mỗi ngày, bộ hạ chúng nó đi bắt thịt sống ăn tươi, cho đến thịt của đồng bạn con nào chết thì con

khác ăn, theo lời con sư tử chúa dạy bảo, hễ gặp thịt ăn được là phải ăn đặng sống.

Chúng nó không có lòng nhơn chi cả. Sau khi ăn rồi, ngủ đã, thay cho sự ở không là chúng nó tiêu khiển bằng sự tập dượt võ nghệ, vật cắn lẫn nhau, cùng tìm kiếm thú khác lấn ranh, rượt bắt, thị oai, cướp giựt, không lẽ có ăn dư của lại chịu rầu buồn. Chúng nó tìm sự vui chơi loại cái, loạn luân bất kể, thấy gặp nô đùa. Đời của chúng nó, đực cái là để chơi vui, loại cái phải là con vật hy sinh thân mạng cho đồng loại phải chịu cho chúng loại đực thỏa mãn nhục dục, và phải sanh con cho chúng nó ăn thịt nữa. Ngoài sự dâm dục, chúng nó gầm thét vang rền, dậy tai điếc óc, ca hát giỡn la, nô đùa chọc ghẹo, chúng nó rủa chửi, khoe khoang đâm thọc, láo dối chi chi đủ tiếng, chát chúa om sòm. Đã vậy nào thôi, chúng nó lại tinh khôn lắm, quân sư vượn của chúng nó lại chế ra nhiều thứ rượu ngon say mạnh bằng các thứ trái chín lượm gom chất ủ. Mỗi khi ăn uống thì có khỉ dâng rượu, gấu dâng thịt, uống say để được ăn nhiều, la lớn, ngủ ngon, dâm dục mạnh, vật lộn hay, cắn giết giỏi. Uống say để cho hừng chí, vui hăng, liều mạng. Đời của chúng nó dạy xúi cho nhau như vậy, từ nhỏ cho đến lớn, đời kiếp không sửa đổi chi cả, cho nên xã hội của chúng nó không có thế gì đông đảo, chẳng có con vật nào được sống tới già. Chúng nó sống trong cuộc đời ngang ngược, hợm hĩnh giữa sự bao vây thù oán. Còn các con vật nhỏ yếu thì phải sợ sệt lo trốn tránh mãi, không biết làm sao sống được.

Một hôm, con sư tử chúa ấy nhuốm bệnh cảm gió vì bởi uống rượu nhiều, ba ngày nhịn đói tóp khô, không ăn uống chi được, bụng vì ăn thịt sống nên sanh chất độc, quặn đau lăn lộn, miệng hôi lưỡi đắng, uống ăn mửa chảy, tánh mạng rất nguy nan. Bấy giờ chung quanh nó không còn có một con cọp beo sư tử cái nào cả, cho đến chó cũng làm ngơ, mà văng vẳng nghe phía ngoài xa lại có tiếng gầm thét vui cười trửng giỡn. Khi ấy sư tử chúa tức giận vô cùng. Không có miếng nước nào uống, nó khô cổ khát quá, ráng lết lại gần vũng nước dưới khe bên chân núi, nó khòm đầu xuống, uống xong, đuối sức quá, nó nằm mẹp xụi nơi đó, thở mệt, nhắm mắt xuôi đờ. Chẳng biết bao lâu nó mới tỉnh dậy mở mắt ra, nhìn xuống mặt nước, xem thấy gương mặt của nó khô khan căn cỗi như đã quá già, thêm sự ác hung tàn bạo xấu xa, tỏ ra đó là một bộ xương da khủng khiếp. Nó nhìn xem lại thân thể tay chân

gầy đét, ốm o, chỉ còn da bọc lấy xương thôi, không còn sự xinh đẹp mạnh mẽ chi nữa cả. Hôm nay thế lực nó đã tàn, thời vận của nó đã hết, phước đức cũng không còn.

Nó càng đau càng mệt lại càng tức giận thù ghét bầy tôi ác gian của nó, nó ráng hộc lên vài tiếng kêu gọi cũng chẳng thấy ai thưa. Nó ậm ực nói thầm trong dạ rằng: Để rồi ta mạnh lại, các ngươi sẽ biết tay ta hết thảy! Nhưng sau câu nói thầm ấy, nó bỗng giựt mình mà nhận thấy ra rằng tay chân của nó không ráng gượng đứng lên đi đặng. Nó thấy nó nói vô lý quá, vì bịnh của nó sắp chết, và thịt của nó sẽ bị chúng kia xé ăn. Suy nghĩ đến đó nó buồn rầu hối hận lắm, tự nói rằng: Mình không phải giận ghét những kẻ kia mới phải vì chính mình đã dạy bảo chúng nó như vậy! Mình đã dạy bảo và làm gương cho chúng nó rằng: Con nào chết phải xé thịt mà ăn, sống là phải sát sanh, trộm cướp, dâm dục, láo xược, say sưa. Nào mình đã có dạy tập chúng nó làm gương trung nghĩa, hiếu thuận, thương yêu, nuôi bịnh, nhơn ái, nghĩa ân, lễ phép, cùng là sự chơn thật tỉnh táo, khiêm nhượng, trang nghiêm, tinh khiết chi đâu. Bây giờ mình đi phiền trách chúng nó sao cho phải lẽ mà tại sao mình không phiền trách lấy mình, vì việc làm sái quấy của mình mãi để lại về sau, tai hại chung cho tất cả. Đời sống như thế thì đâu còn được sự yên vui, kẻ nhỏ yếu hiền lương phải sợ sệt khổ chết trước, kẻ ác dữ sức lực thì cũng phải sợ sệt khổ chết sau. Như vậy thì đâu có ai sống mãi, đâu có ai được sống tới già, và cõi đất này không bao giờ có đông đảo sống chung nhau được. Nó thấy nó hối lỗi lắm, nó buồn ghét trở lại cái tự cao háo thắng, tuổi xuân xanh hợm hĩnh của nó. Chừng ấy nó mới biết là nó đã đi lạc. Con đường liều bướng của nó đã phác họa ra ấy, không có mục đích và không đi đến đâu được. Nó thấy nó đã cùng đường rồi, không còn biết đi đâu, đến đâu, sao nữa? Nó thấy nó sẽ chết đi, rồi thì bơ vơ khổ não, không có một chút chi là của vốn, và nó cũng sẽ không biết nó là ai, ra sao nữa được. Xét đến việc ấy nó sợ lắm! Nó thấy nó đau là tại ăn thịt, nó mê muội là tại uống rượu, nó ốm già mau là tại dâm dục, tất cả đều thù oán nó và đều muốn giết nó để giựt quyền là vì thói quen cướp giựt. Nó hôm nay tắt tiếng khan cổ, và kêu không ai lại là bởi sự la lối ngông cuồng láo xược. Nó thấy nó đã đau sắp chết, mà hiện tại trong mỗi lúc, nghi sợ như có thú khác ẩn núp báo thù là do trước kia nó đã lấn ranh đoạt xứ của người ta. Mỗi ngọn gió thổi qua, nó tưởng chừng như có con thú giặc nghịch

nào nhảy đến chụp nó. Nằm đó mà cặp mắt nó không phút yên định được. Trước kia nó vui sướng bao nhiêu là hôm nay nó khổ sầu bấy nhiêu. Nhứt là nó sợ sau khi chết rồi, tội lỗi của nó còn để lại đời sau, cả loài vật đều noi gương theo giáo lý ác hung của nó mà khổ chết vì nhau.

Bây giờ nó nghĩ ra được một phương pháp đền tội là nó phải sống, cố ráng để mà sống, gắng gượng mà sống, phải bò lết sống thêm. Nó phải đi ngược lại con đường của nó, nó phải quên mình hạ thấp xuống nhỏ nhoi để cứu vớt đồng loại. Ý định đã quyết, nó bỏ hết, quên hết những sự việc đã qua, nó chỉ còn thấy có con đường khai vạch bởi trí não nó thôi. Nó không còn kể gì bịnh nặng nữa, nó hăng hái can đảm đứng dậy và bước đi. Nó tin tưởng chắc chắn rằng Phật Thánh Thần Tiên vô hình chi đó, ắt đã vui lòng chứng kiến ủng hộ cho sự muốn làm lành của nó. Các bậc ấy đã tha thứ xóa bỏ tội lỗi của nó hết rồi, bây giờ đây chắc là phải thương mến cảm động nó lắm; vì nó sẽ hứa nguyện thay thế đấng háo sanh, cứu vớt dắt đường cho chủng loại. Nó cố rán bước đi quên cả ốm đau, sự hừng chí của nó làm cho khắp mình nóng ran, mồ hôi chảy đượm, tiêu tan chứng bịnh. Nó bước đi với quả tâm bồng bột của nỗi mừng nỗi lo, cũng giống như một ông thầy tu ngồi tham thiền mới đắc đạo, đứng dậy sắp đi ra dạy đạo cho chúng sanh ngày mai.

Nó lần mò bước đi xiểng niểng vào giữa đám rừng sâu trước sự ngạc nhiên dừng lặng của trăm ngàn con thú khác đang nhảy múa thét la gầm giỡn, vì ai ai cũng tưởng là nó sắp chết, đang chết. Chúng nó cũng sắp đi chia thịt ông chủ nó, thế mà sao chủ nó lại còn sống, mạnh giỏi và đến đây, thuốc chi ở đâu hay như vậy? Thế là cả bọn thôi chơi, lặng im, xúm nhau bu lại để hỏi thăm nghe dạy. Khi ấy chúa sư tử mới thốt ra giọng cảm động, run run, khàn khàn mà nói rằng: Hỡi các anh em! Trước hết các anh em hãy tha thứ tội lỗi cho tôi, mà đừng kêu gọi xem tôi là chúa tể nữa. Các anh em hãy coi tôi là kẻ có tội trọng hơn ai hết, là thấp nhỏ xấu xa hơn hết! Bởi sao vậy? Vì hôm nay tôi đã thức tỉnh giác ngộ, sám hối ăn năn, nên quá ghê sợ, quá hổ thẹn tội lỗi. Hỡi các anh em! Tôi đã lầm mà dắt dẫn cả anh em đều lầm lộn nữa, thật là tội lỗi ác quấy của tôi lớn lắm. Từ xưa cho đến nay bao nhiêu sự chết khổ của đồng loại là bởi tại tôi, và từ nay sắp đến về sau sự chết khổ của đồng loại cũng là tội ác của tôi nữa. Vậy nên hôm nay tôi mới sống trở lại, sống để đền tội, chuộc tội, cứu vớt tội, bằng cách tôi phải dắt

dẫn chỉ đường cho anh em đi để rửa bớt tội ác của tôi trong muôn một. Hỡi các anh em! Tôi rất cảm động mà thấy trong khi tôi đau nặng sắp chết, các anh em lại có lòng nhơn tha thứ cho thân mạng tôi còn được sống sót đây. Tôi rất xấu hổ mà thấy lòng nhơn của các anh em ấy cao thượng đáng kính hơn ác tâm của tôi từ bấy lâu nay.

Đến đây sư tử chúa vừa khóc chảy nước mắt, ngó xuống dàu dàu mà chẫm rãi nói thêm rằng: Lòng nhơn của các anh em ấy tôi quý kính lắm, tôi ước mong sao cho điều lành ấy nẩy nở giữa sự sống của chúng ta trước hết! Hôm nay tôi chưa phải chết hay là Trời chưa cho tôi phải chết, vì tôi còn phải xin chuộc tội lỗi với anh em. Tôi rất cám ơn anh em, anh em muốn cho tôi sống, anh em muốn được sự sung sướng bởi tiếng cám ơn. Có lẽ anh em đều muốn cho tất cả chúng sanh đem lại cho anh em những tiếng cám ơn vang dội mãi mãi, để cho các anh em sung sướng mãi mãi! Sự sung sướng ấy tốt hơn là các sự vui chơi trụy lạc nơi vật chất xác thân, ăn thịt, uống rượu, nói dối, dâm dục, cướp bóc, tự cao, ác xảo. Sự sung sướng ấy cũng như hôm nay, các anh em được sung sướng trước mặt tôi, với lời nói hạ mình nhỏ nhoi thấp thỏi của tôi, chút ít đây vậy. Muốn có sự sung sướng đầy dẫy tràn trề mãi mãi ấy, là các anh em trước hết chớ gọi tôi là loạn óc, là điên rồi nhe! Không đâu, anh em! Hôm nay tôi tỉnh lắm, tôi sáng lắm, vì tôi mới tìm ra được một con đường khác lạ, hay cao, quý báu lắm, tốt đẹp sạch sẽ mà vĩnh viễn nữa. Con đường đó trái ngược với con đường đã qua của chúng ta. Tức là con đường thiện vậy. Phải, một chữ thiện là đủ rồi! Thế nào gọi là thiện? Thiện nghĩa là lành, lại cũng như thiện nghệ là lành nghề, thay cho sự chuyên môn rành lành nghệ nghiệp dối tạm. Chúng ta hôm nay phải chuyên môn rành lành lẽ sống, cái sống. Tức là cái sống thiện lành kinh nghiệm, hay là phải thiện lành kinh nghiệm về cái sống ấy.

Hỡi các anh em! Chúng ta phải chữa sửa mau lẹ hành vi của chúng ta. Chúng ta không nên sát sanh đồng loại nữa, chúng ta không nên dùng cái lớn to sức lực để ăn thịt uống huyết lẫn nhau nữa. Lẽ thật là sống, chúng ta phải sống, tất cả phải sống với ta. Chúng ta đừng gây thù oán vô ích với nhau bằng sự chặt đứt con đường sống của ai nấy. Chúng ta phải tấn hóa, phải làm cho cõi thú của chúng ta trở nên lớp cao ráo tốt đẹp, hơn là sự chết khổ xưa nay. Cái sống thiện của chúng ta là phải nhơn ái, nhơn từ, nhơn đức. Lòng nhơn là

sự chứa đức, hiền từ, thương yêu. Lòng nhơn phải là nấc thang cao trên hơn vật chất, lạc thú ngông càn. Lòng nhơn phải là cảnh sống của tất cả. Lòng nhơn phải là áo mặc, nhà cửa món ăn, thuốc uống của chúng ta, là hạnh phúc của cải của chúng ta. Hỡi các anh em! Ai là kẻ đã ngó thấy xa, biết sợ cái đau, cái già, cái chết, cái không thường thất bại. Nào ai đã nghĩ đến sau khi chết, hoặc phải trở lại đời sau, hay mặt đất này nó sẽ ra sao? Hỡi các anh em! Phải sống, phải sống trước đã, phải ở trong lòng nhơn, trong cái sống thiện.

Hỡi các anh em! Nào ai là kẻ đã từng có sự đau đớn tức tối, và như thế là chúng ta nên rộng lượng mà dòm ngó đến kẻ khác, vì họ cũng y như ta vậy, ta đã không muốn cái gì thì đừng bắt kẻ khác phải chịu cái ấy, mà ta muốn gì và họ không muốn gì? Trả lời được câu ấy là ta thấy ra tất cả thế giới chúng sanh ngay.

Hỡi các bạn ơi, cái biết của chúng ta, nó bảo chúng ta phải lo học thôi! Hỡi các bạn ơi, cái tư tưởng linh thiêng của chúng ta, nó bảo chúng ta phải có đủ thần thông vậy! Hỡi các bạn ơi, cái sống của chúng ta, nó bảo chúng ta phải sống mãi, và tất cả cũng phải sống y như chúng ta! Này là cái sát sanh, nó cản trở con đường đi của chúng ta và ai nấy. Này là cái trộm cắp, cái dâm dục, cái nói dối, cái uống rượu, ham vui xấc lối ỷ thị cũng y như vậy. Nó làm cho chúng ta xa lìa mục đích cái sống, không còn biết có chi mùi vị; chúng ta càng sa ngã theo nó, càng khó đi đứng vững vàng. Cái sát sanh làm cho thân ta phải chết, phải bị chúng giết hại lại! Cái trộm cắp nó sẽ làm cho thân ta phải thiếu thốn, vì phải bị chúng cắp trộm lại! Cái tà dâm nó làm cho thân ta phải chết, mau già, sanh bịnh, phải bị chúng hiếp đáp trở lại! Cái nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi, nó làm cho trí ta phải hư, và không còn có sự chi chơn thật nơi cõi của ta, và những kẻ khác với nhau nữa! Sự say sưa, cái thứ nước rượu say sưa, nó sẽ làm cho chúng ta tăng thêm sự tham lam, sân giận, si mê tối dốt đối với cái sống học tu, lẽ thật, cái phải mà thôi. Biết bao nhiêu muôn ngàn sự tai hại bấy lâu nay, từ trẻ cho đến già, già cũng in như trẻ nhỏ, không ai qua khỏi cái ác, cái ăn, cái lấy, cái chơi, cái nói, cái say, chỉ có bấy nhiêu. Xã hội của chúng ta chưa từng có ai được sống lâu, được đông nhiều, được trang nghiêm im lặng. Chúng ta chưa từng xúm nhau lại để cùng nhau bàn ra lẽ phải. Nào chúng ta đã biết đến cái học cái tu? Cuộc đời của chúng ta mãi vẫn no rồi ngủ, chán nản mỏi mệt mà không ích chi hết.

Sao chúng ta chẳng tìm ra một lối sống mới? Tại sao chúng ta chẳng thay đổi cách sống mới, những hành động mới cho được có ý nghĩa thích hay hơn?

Hỡi các anh em! Từ nay chúng ta hãy bắt đầu vào sự việc của cái thiện, cái sống, cái học, cái tu, cùng nhau cố sức tìm sự yên vui ích lợi, vĩnh viễn bền dài, để gầy dựng hạnh phúc tương lai về sau cho cả thảy. Như vậy mới là thích thú hay ho, cái chết của chúng ta ấy sẽ là không phải chết vì hành vi của nó vẫn sống mãi trên đời. Cái sống của chúng ta sẽ không vị kỷ, vô dụng, chán nản bởi thời gian vũ trụ. Chúng ta phải trở nên những ông thầy giáo. Chúng ta phải trở nên những ông thầy tu. Chúng ta làm những ông già sống mãi. Đó là con đường và chỗ kết cuộc của chúng ta, các bạn ạ! Tôi tin chắc rằng sự phát minh, sự văn minh, sự tiến triển do hột giống nhơn lành tốt đẹp của chúng ta, nó sẽ đem lại cho chúng ta những kết quả an vui sau khi thác, và trong đời chúng sanh ai ai cũng hưởng dùng cất giữ được.

Hỡi các bạn ơi! Đời sống mới của chúng ta hãy bắt đầu thay đổi đi, thật hành mau chóng tức khắc ngay đi, kẻo rồi chúng ta chết đến, không xem kịp những cái kết quả. Hỡi các bạn ơi! Trước hết với lòng nhơn của chúng ta, chúng sanh về sau, ắt sẽ kêu gọi tên của cõi chúng ta là mặt đất nhơn loại loài người, vì nơi cõi ấy chỉ có tiếng người người, biết người chớ không có biết mình, tiếng mình của lòng duy kỷ nữa. Và những ai được cao thượng hơn, tâm trí rộng lớn hơn, bậc trên, chắc chúng ta sẽ gọi là Trời. Còn bậc nào hoàn toàn giác ngộ sẽ được kêu là Phật, là ngôi chánh giác quý báu hơn hết! Hỡi các bạn ơi! Tội lỗi trong đời, không biết nói sao cho hết, tai hại chẳng biết kể sao cho cùng! Chớ chi tất cả chúng sanh từ bi hỷ xả với nhau để sống chung tu học thì tốt đẹp biết bao nhiêu!

Hỡi các bạn ơi! Tôi muốn sao cho tất cả tâm địa của chúng ta đều nhỏ rứt nhu nhuyễn mịn màng như những hột cát vàng trải lót trên mặt trần gian, để nâng cao chứa đựng chúng sanh về sau, cho họ thành nên quả Phật hết thảy ở trên mặt đất cát vàng nhỏ rứt bằng thẳng trong sạch ấy, được vậy tức là tôi sung sướng lắm. Hỡi các anh em ơi! Tôi chỉ muốn đầu tiên trước hết, nơi cõi của loại thú mê muội vui chơi, tôi sẽ làm một cái chén ngọc để chứa nước pháp cam lồ mát mẻ. Tôi muốn hy sinh trải tâm ra làm một cái nhà to lớn để chứa nuôi học dạy cho tất cả chúng sanh chóng mau thành Phật, thế là tôi sẽ được vui mừng toại nguyện lắm, mà tôi thì không có ước mong vọng cầu chi

cho tôi cả. Như thế tức là ý muốn của tôi, ngay trong ngày hôm nay, chúng ta hãy cải thiện lại hết những tội lỗi trái ngược của chúng ta, phải khuyến khích nhau bằng sự chen đua lẽ phải. Kể từ đây trở đi, ai mà còn tật quấy là rất tự xấu hổ đối với những nhân vật kia.

Trong đời nếu chúng ta mà tự biết chê mình chỗ sái quấy, và biết khen tán việc tốt phải của người thì quý báu lắm. Cũng như ai biết hy sinh mình để giúp cho kẻ khác nên thì người ấy tức là bậc Thánh nhân đáng cho kẻ đời sau thờ bái, gọi là bậc ông già thầy giáo, tiên sanh, Trời, Phật, tự họ sẽ tôn sùng kính trọng mãi mãi không bao giờ quên.

Sau khi sư tử chúa nói xong, mệt quá ngất lịm chúi xuống, giây lâu tỉnh dậy nhìn ngó đồng bạn vẫn còn ngồi im đó, mà hỏi thêm rằng: Hỡi các bạn! Các bạn đã nghĩ sao? Từ nay chúng ta hãy xóa bỏ những giai cấp tội lỗi ấy hết đi, chúng ta phải chỉ là chúng sanh, tất cả với nhau có một tiếng chúng sanh thôi. Chỉ có một cái thiện là nền tảng chơn gốc của chúng ta! Thiện là con đàng dài dặc êm ái thông lưu hơn hết. Sở dĩ hôm nay tôi mới nói đến được lời như thế là bởi tôi gặp phải cảnh cùng đường rồi. Hỡi các bạn ơi! Tôi cùng đường không phải là chết, mà là cái ác, cái mê muội. Tôi thấy sau khi chết, không còn biết phải đi đâu, ở đâu. Hơn nữa như sự sống hiện tại đây, quanh quẩn dốt nát mãi có bấy nhiêu, tôi đã chán nhàm ghê sợ quá. Tôi không còn muốn sống thêm như trong cảnh xưa nay ấy. Tôi cũng không còn muốn phải nhập thai sanh trở lại để mang thân của loại thú như vầy. Nhưng mà hỡi các bạn ơi! Dầu tôi có phải trở lại làm một con cọp con đi nữa thì cũng chưa chắc còn sống sót được, vì với cái ác mà tất cả họ sẽ bắt ăn thịt. Như vậy là chúng ta chỉ có một đời kiếp rồi thôi sao, hỡi các bạn? Tôi tiếc cái sống quá, tôi muốn sống mãi, chúng ta hãy sống mãi nhe các bạn! Và như vậy là chúng ta không nên thái quá bất cập nữa. Từ nay chúng ta nên hãy tập ăn rau trái đạm bạc, không nên cần dùng nuôi dưỡng sức lực làm chi nữa. Chúng ta phải học tu, làm gương không sát hại, để cho con đường sống của chúng ta mỗi kiếp được sanh ra có chỗ, kéo dài tu học cho đến khi hoàn toàn cao viễn tột bực, nghỉ ngơi trọn vẹn.

Chúa sư tử nói xong, tiếng vừa mới dứt, cả bọn đồng thanh đứng dậy, giơ thẳng hai tay lên cao, thét lên vang dậy rằng: Phải, phải lắm! Hay lắm! Quí báu lắm! Lạ mới thay! Vui thay! Chúng tôi đã thấy ra được sự lợi ích lớn xa

ấy rồi, từ nay chúng tôi cúi xin phụng mạng, từ nay chúng tôi đã được sống, đã biết rõ nẻo sống, mục đích của chúng tôi. Chúng tôi rất mang ơn Ngài điểm hóa, cứu sống chúng tôi muôn ngàn kiếp, và lại thêm sự chỉ đạo cho chúng tôi đi nữa. Vậy xin đức Ngài hãy an tâm, từ đây trở đi chúng tôi sẽ cố ráng học tu theo lời đức Ngài chỉ dạy quý báu ấy. Chúng tôi sẽ không để cho đức Ngài nhọc tâm, thương xót, lo lắng cho chúng tôi thêm nữa. Chúng tôi xin chơn thành kỉnh trọng, chúc mong cho đức Ngài được an vui thân mạng, sống mãi với chúng tôi, để dạy bảo cho chúng tôi thêm. Đời đời kiếp kiếp chúng tôi nguyện xin thờ đức Ngài làm thầy luôn luôn, không hề xa lìa nhau cho đến khi tất cả được thành Phật!

Sau sự đồng tâm phát nguyện của tất cả đó, khu rừng rậm ấy trở nên sáng chói, chông gai hết sạch, mưa nắng điều hòa, gió thanh thổi nhẹ, đực cái phân chia, lớn nhỏ hòa thuận, cây cỏ cũng biết tươi cười, thú vật đã hóa ra người ta, và bắt đầu từ đấy, dân cư đông đảo thêm hoài, đạo đức càng nêu cao chiếu rọi.

Đạo luật của sư tử ban hành với giáo lý từ bi, bác ái, bình đẳng, thanh tịnh, hòa hiệp, sống chung, mà nhóm giác ngộ đầu tiên theo bên chơn sư tử là những bậc kiểu mẫu. Họ sống chung nhau rất êm ái thuận hòa, vầy hiệp thành đoàn, dưới sự huấn dạy của sư tử. Mỗi ngày thầy trò họ nhóm họp dưới gốc cây hoặc bên bờ suối để học dạy lẫn nhau. Đói thì kiếm trái cây cùng rau cỏ đỡ dạ qua ngày, họ chỉ dùng tạm để sống tu học trau tâm. Việc làm của họ là giáo hóa cho nhau, xem xét cho nhau những điều khuyết điểm để chữa sửa chỉ khuyên lẫn nhau. Hễ ai trọn lành trọn phải là có phận sự phải dắt dìu kẻ còn ác quấy thiếu sót. Đời sống của họ là một cuộc đời tịnh lạc, xứ của họ là xứ tịnh độ, người người đều chất phác hiền lương, là những bậc siêu nhơn thoát tục.

Con sư tử ấy sau khi cảm hóa xong đồng loại xứ ấy rồi, bấy giờ nó đã già yếu tật bịnh, nhưng nó cũng ráng đi ra xa, giảng đạo rộng lần tới mãi. Nó ráng hết sức lực, bước chân đi run rẩy đi để cứu vớt chúng sanh. Nó cố ráng gân cổ lên to để thốt ra từng tiếng nói với giọng khàn khàn run run cảm động. Nó nguyện nó sẽ đi đi mãi, nói nói hoài, xác thân dầu có rũ nát dưới cội cây nào cũng được, miễn là chúng sanh trước mắt nó được sống, được yên vui tu học thì nó thỏa lòng rồi. Cũng có những con vật nhỏ nhít khờ dại bướng bỉnh chẳng tin nghe, làm cho con sư tử phải chảy nước mắt nhủ khuyên cho đến

khi nào tỉnh ngộ, vâng chịu thật hành theo, bấy giờ nó mới yên tâm, lìa ra, đi tới nơi chỗ khác kế đó nữa.

Chẳng bao lâu, nó đi được giáp hết cả khu rừng xứ Ấn Độ. Khắp cả loài vật trong rừng thảy được sống chung nhàn lạc hạnh phúc lắm, không còn chia ranh thù oán cắn xé lẫn nhau. Các thú dữ đã biết ăn lần rau trái, chỉ còn một số ít con non đang tập ăn thịt thúi chết, bởi tự nó đau bịnh mà thôi, chớ không ai giết hại.

Những môn đệ của sư tử khi đã thành tài rồi, cũng chia ra đi khắp nơi giáo hóa, càng ngày mối đạo càng lan rộng thạnh hành. Cho đến khi sư tử ấy bỏ xác rồi, trong chư đệ tử vẫn tiếp tục nối chí y như thế. Và cũng nhờ đó mà con đường đạo đức ấy kéo dài đến đời nay, trên bước tiến triển, từ loài thú đến loài người từ lúc dã man đến khi văn minh, mà khởi điểm là ở nơi một chữ thiện vậy.

THÍCH GIẢI

Triết lý của bài này là chỉ rõ rằng cái tâm của ta là chúa tể như sư tử, vì nhơn loại có là do từ trong cái ác mà tiến lần ra. Cái khổ cái chết sẽ làm cho tâm ta lần lần trở nên giác ngộ. Còn quan quân tướng tá là các cái ý thức, tình dục, thọ, tư, trí, tưởng, chí, sắc, hành, khẩu, thân… các pháp của trong tâm ta vậy. Khi tâm mê thì các pháp đều mê, cũng như chúa ác thì bầy tôi thảy ác. Khi tâm giác thì các pháp đều giác, cũng như chúa thiện thì bầy tôi thảy thiện. Cho nên gọi mình làm chủ, dạy chúng sanh của mình là y như thế.

Lại cũng giống như Phật Thích-ca, khi xưa còn làm Thái tử ở trong cung đền, cao sang tột bực, thịt rượu nữ sắc, mê muội khác nào sư tử chúa kia, ngôi vị ấy là của nhiều kiếp tạo gây nên tội lỗi. Một khi Ngài có cái cảm tưởng giác ngộ của sự già bịnh chết tu, Ngài thấy ra được sự tu để dứt trừ tội lỗi và cứu chữa chúng sanh. Ngài tạo nên xứ Ấn Độ, con đường đạo Phật quan trọng cho cả toàn dân noi dấu, để lại đến ngày nay. Đó tức là sự thành công của sư tử vương vậy.

Sự tích này thật là một mảnh gương soi đời quý báu vô cùng. Loài vật còn tu, huống chi nhơn loại.

Sao chúng ta chưa lo tu hết?

CHƠN LÝ 36

ĐI HỌC

Thuở xưa có một gia đình kia, con trẻ rất đông, hai ba chục đứa; ông bà cha mẹ chúng nó cho chúng nó đi học, để nhờ nơi trường học, có thầy khác bạn lạ dạy dỗ nó cho nó nên; bởi lẽ ở nơi nhà, chúng nó dể duôi với ông bà cha mẹ và ỷ lại tiền của ăn chơi mà bỏ học.

Muốn cho chúng nó mau nên, ông cha chúng nó không cho của tiền, nhà cửa, áo quần, cơm gạo, thuốc men chi cả. Và cũng không cho chúng nó biết nhà cửa xứ sở, cha mẹ ông bà ở đâu, là ai hết.

Chúng nó sống trong trường học, xung quanh là thầy bạn lớp học, môn dạy, ngoài ra không còn biết chi khác nữa. Ông cha chúng nó thỉnh thoảng đến thăm, nhưng cũng chẳng cho chúng nó biết gặp. Khi đói thì chúng nó hái trái luộc rau ăn theo như người ta; nóng lạnh thì chúng nó lấy lá vỏ cây mà vấn mặc tạm; mưa gió nắng sương thì chúng nó ẩn che trong hang bộng cây đá hoặc dưới bụi lùm; khi ốm đau thì có sẵn thuốc men nơi rau cỏ. Ông thầy của chúng nó thường dạy rằng: Các ngươi có được cái biết là mục đích, phải cố gắng tìm học cho được toàn giác. Các ngươi có sẵn cái linh nên phải tập giữ sự yên lặng cho nó linh thiêng. Các người có cái sống, cái sống ấy do bốn chất tứ đại (đất nước lửa gió) thì đối với sự nắng mưa sương đất chớ khá thiếu lìa, đừng cho thái quá bất cập, mới chắc sống dai. Hễ sống dai tu học lâu năm, ắt là đắc đạo.

Muốn học thì phải để tâm yên lặng, trống không; có tâm không mới nhớ chứa ra hết thảy sự học; có tâm không mới tầm tõi quán xét, tham cứu sưu tìm được; có tâm không mới tỉnh táo sáng láng, học cho mình, dạy cho người, lâu ngày kết quả; nhờ tâm không, tịnh định, có nghỉ yên mỗi lúc, mới giữ được mực trung, do đó sẽ được đến nơi đến chốn, nghỉ ngơi sau khi toàn học.

Muốn được tâm không thì đừng say đắm nơi cái có, đừng có rối loạn đục nhơ, đừng nhớ lo bậy bạ, chẳng nên để cho sự buồn vui mừng giận, thương ghét, muốn ưa nơi ngoại cảnh, làm vọng động xao xuyến trí tâm. Phải lấy sự yên lặng làm tâm, lo tìm một việc học mà thôi. Phải răn ngừa tất cả sự vui chơi biếng nhác, tham muốn giận hờn, say mê, lợi hại, khổ vui, có không, còn mất, đến đi, khen chê, sống chết, ta người chi khác. Phải nuôi một chí hướng, một mục đích, một bổn nguyện chơn chánh của cái sống, cái biết, cái linh của mình luôn luôn, đời kiếp nào cũng vậy, không cho xao lãng, thì ắt sẽ hơn người. Phàm muốn học hành thì phải cam chịu thiếu thốn nghèo nàn mãi; có vậy mới thong thả rảnh rang, có thiếu thốn mới có ráng lo, có ít xấu mới có siêng năng bền chí. Nhờ thấp thỏi nên mới được cái tu. Phải không danh lợi tình yêu mới chắc mình tự chủ, giải thoát bay cao được. Nhứt là tình thương lo nhớ, dầu với cha mẹ cũng phải bỏ qua một bên, mà nên tự nói rằng ngày hôm nay tôi ở tại trường học, tôi là học trò, bổn phận tôi là phải chăm chỉ lo học hành tu tập, đó là con đường của tôi. Ông bà cha mẹ tôi muốn cho tôi như thế, thầy tôi, bạn tôi, cũng bảo với tôi như vậy. Tôi phải có đức tin rằng tôi sẽ thành công như thầy tôi, bổn nguyện của tôi là đến đó, chớ tôi chưa biết bậc nào trên xa hơn nữa. Muốn học hành tu tập yên ổn là tôi phải tự mình xét lựa, bỏ ra hết những cái xấu, đem vào những cái tốt, giữ tâm cho được bình yên, tôi phải đừng sát sanh giết hại mạng thú người để gây sự quả báo đòi hỏi lôi thôi, phí học, và bị người giết hại lại. Tôi phải không trộm cắp để tránh khỏi đôi chối bắt buộc phiền hà, mất cả thời giờ. Tôi chớ nên dâm dục, làm bịnh hoạn xác thân mệt tâm khổ trí. Tôi chẳng nên nói dối, rủa chửi, khoe khoang, đâm thọc, xảo trá không thật. Tôi không nên uống rượu say sưa, tham lam, sân giận, si mê. Đừng tham ngồi ghế cao xinh, chỗ nằm rộng đẹp như vua chúa. Đừng ưa nghe xem hát múa đờn kèn, chốn đông vui yến

tiệc quan quyền. Đừng thích trang điểm phấn son dầu hoa, áo quần tươi tốt giàu sang. Tôi chớ nên muốn sự ăn món ngon dư nhiều, no nê, béo bổ, cùng sự chứa chấp tích trữ của báu, vàng bạc. Phải ở nơi chỗ vắng cảnh thanh mới mong giữ lòng trong sạch, trau dồi trí đức, uốn nắn tâm viên. Đừng ham cái lợi vinh nhỏ hôm nay, trước mặt, mà phải dằn lòng in trí, thẳng đến cõi tột bực tối cao, nơi ngôi vị rốt ráo ngày mai, cảnh nghỉ ngơi trọn vẹn. Ấy mới phải là học trò đi học, học tới chỗ không còn học nữa mới gọi là thật học.

Người học trò là phải xin học, xin nơi tất cả để học. Muốn được học là phải xin mỗi mỗi nơi tứ đại vạn vật chúng sanh các pháp, phải tạm xin, xin để đủ nuôi học, đừng tham lam dư dả. Đã mượn xin thì chớ khá nhiều ít tranh đua, đừng ham mê của cải để phải lãng xao quên học. Các ngươi nên biết rằng ma vương là mặt sắt, là cái có, có hữu hình; con gái ma vương là sắc đẹp tình yêu, hình dạng của nó là ích kỷ ốm o, ố ghen đen xấu, dâm loạn mau già. Các ngươi không nên sa ngã để cho nó đem lưới pháp của nó đón ngăn, chặn đường học thức của các ngươi. Các ngươi nên nhớ mình là học trò mãi mãi, dọc đường chớ tấp ghé đâu đâu, hoặc bị rủ ren tán tỉnh, tự đắc, bỏ lạc xa đường, một phút hư thân muôn đời khó học.

Các ông thầy giáo đã thường dạy như vậy, thế mà cũng có những trò nhỏ ham chơi vui, trên đường học vấn nó tách bỏ đi xa lạc, tìm kiếm ao nước đất bùn, chùm nhum chạy giỡn, la ó rùm beng, cất chòi nấu cơm, may áo sắc thuốc, chia lập chòm nhóm, cưới gả sanh con, đua tranh cát bụi, khôn khéo cướp giành, quên mất lịch sử gốc tích mình, chẳng còn biết phải đi đâu, ở đâu làm chi, ngoài sự ăn ở vui chơi nhàm chán nơi một chỗ đó mãi. Chúng nó không còn biết đến sự học, học cái gì, trường học ở đâu, ai là thầy bạn, cha mẹ ông bà tên chi, xứ sở… thế nên mỗi lần chết đi, là sanh thai sống lại, lẩn quẩn với nhau, không đầu đuôi chi ráo. Ở nơi đó càng làm càng hư, càng phá càng lập, công việc rộn nhọc, không hở chút nào; lại ham vui sanh sản cho đông, kẻ không công người có của, cấu xé tranh giành lộn xộn, không còn thiết gì sự sống chết nữa.

Cũng có đôi khi ông bà cha mẹ chúng nó, đi đến la rầy phá tán sự nghiệp ấy, bảo trở về lo học, chúng nó cũng không hiểu biết chi chi, trở lại lạ mặt

làm hung chống cự. Thầy giáo tới kêu, học trò tới rủ, chúng nó cũng chẳng chịu tin nghe. Dầu có nghe theo, muốn đi đi nữa, thì lại còn tiếc của cải vợ con, hoặc đã ốm đau tật bịnh, tâm trí hư già, không còn tính chi được việc, nhiều đời kiếp như thế, bặt lối mất đường, trầm luân ứ ngộp, không sao giải thoát ra được. Cũng có kẻ mỗi khi chết đi muốn sanh thai nơi học trò, thầy giáo, hay cha mẹ ông bà xưa Phật Thánh thì không thể được; buộc lòng vì cảnh bơ vơ, nên phải luân hồi chỗ sái quấy, trụy lạc đó mãi, mà đành chịu vô minh tối khổ.

Nhưng trái lại cũng có kẻ quá lậm mê, si ngây, bất kể, ngang ác, bạo tàn, chỉ biết có cái vui chơi mà thôi, nên lúc còn sống thì không ai chịu nổi với họ, khi chết đi lại mau sanh trở lại chỗ sung sướng chơi bời, tung hoành ỷ mạnh, ngỡ tưởng vào đó là toại hưởng sự vui chơi thêm nữa, nào dè khi lúc mới sanh ra đã không ai dạy dỗ, lại tập thêm quen thói vô nghì. Một ít lâu sau gia đình kia bị quả báo, phạt to, hại lây cho đứa nhỏ, khổ đau tàn tật chết thảm vô tình, là quả báo đến trả cho nó, vì thuở hồi xưa nó đã gieo nhơn tạo nghiệp. Thế là cõi ấy sau này thành ra cõi của nhơn quả, quả nhơn, vô lý, dốt nát xoay tròn, làm cho những kẻ đứng ngoài, ai dòm ngó vào trong cũng đều thương xót cho họ cả thảy, mà biết phải làm sao, đâu có thế nào kéo lôi ra được, vì họ đã bị dây kéo cây đè, chặt đường mất lối, không sao ra đặng. Dầu cho có người lực sĩ như đức Phật Thích-ca Mưu-ni khi xưa cũng chỉ đem ra được một số ít kẻ dễ dạy, hiền yếu mà thôi. Chớ đối với hạng tự cao, lủi sâu, ố đạo thì dầu cả thảy chư Phật cũng không làm sao cứu được. Đã vậy mà số người giải thoát ra thì rất ít, lại bên trong sự sanh sản thêm nhiều, ấy bởi vì cảnh vui hay, khéo lạ của vật chất, càng xinh đẹp là họ càng khổ sở, lại thêm càng biến hóa tạo sanh, khiến cho nên những linh hồn cây thú chết đi chúng nó cũng gom sanh về nơi chỗ đó, để lần lần có tạo ra xã hội loài người đầy dẫy, khổ nhọc với nhau, không còn biết chi tu học. Ở nơi ấy họ có tu học, là tu học cái mưu sanh sống cho vật chất xác thân hiện tại, chớ không có tìm học chơn lý lẽ thật, đạo lý, tâm trí về sau chi cả. Sự biết hiện tại ấy cũng như người nhắm mắt, làm việc trong giấc chiêm bao, tới đâu hay đó giựt mình thức dậy, sẽ hoảng hốt trơ vơ; cũng giống như người mắt nhặm, đối với lẽ thật là tay chân sờ mò mà không rõ được kết quả ra sao

của sự vật. Ông bà cha mẹ ấy tức là các bậc tiền bối tổ tiên Phật Thánh của chúng ta, chúng ta hôm nay xa lìa không được ở chung với các Ngài là bởi tâm địa của chúng ta còn trẻ nhỏ, bất trị khó dạy không nghiêm.

Trường học tức là cõi đời, cảnh đời như bảng vẽ, tuồng đời như lớp dạy, những tiếng nghe như lời dạy bảo, những vật thấy như bài học tập, ngày giờ qua như câu chữ, năm tháng như hàng trương, mỗi kiếp sống là một quyển tập. Võ trụ như một kho tàng Pháp bảo, mỗi quả địa cầu là một quyển sách to. Chúng sanh như những học trò, xung quanh ta là bạn lữ, kẻ dạy dỗ ví những ông thầy. Chúng sanh chết đi sống lại như thay thầy đổi bạn, lên lớp xuống lớp lăng xăng. Vạn vật biến hình như sửa tập, các pháp thấp cao, sái khác không như một là bài vở. Trong trường ấy học sanh từ sanh cho đến chết, lúc nào cũng chỉ có một xác thân trơ trọi, không tham lam một món chi được, không có cái gì nhứt định vĩnh viễn, để cho chúng nó cố chấp si mê; cái vô thường khổ não, không ta không của ta, chẳng cho chúng nó giận hờn tranh cãi.

Cho nên người đã hiểu ra được cái thật ấy rồi thì không còn vọng động sái quấy nữa, mà cho rằng trường đời là cõi trang nghiêm tốt đẹp, trong sạch, bằng thẳng của kẻ học trò. Ở nơi đó chúng sanh phải lo tu học trau dồi tâm trí, để tiến cấp lên cao, chỉ được tâm trí đem theo, chớ chẳng phải đứng ngừng tham lam, tiếc rẻ cái chi được. Người học trò là phải trong sạch, yên lặng, sáng suốt, phải siêng năng trau dồi mục đích, chí nguyện mà đi. Dọc đường đừng ham tước vị vua quan, giàu sang đứng lại. Đừng tham hưởng phước báu mà mau hết, đừng chấp ỷ thế lực mà mau cùn. Phải ngó xem ngôi đại giác thẳng ngay đi tới, chớ đừng tách tẻ xiêu lạc hai bên.

Khổ trước sướng sau, khổ hoài là sướng mãi, như vậy quý hay hơn là sự vui chơi bây giờ trước mặt, để phải về sau khổ não. Cũng như chớ trách đứa học trò, đừng lầm kẻ chăn trâu, lợi nhỏ lúc bây giờ, già đời sau khổ đó. Như vậy là chúng sanh không nên tạo gây nghiệp thế, trốn học ham chơi, lập gom chòm nhóm, xã hội gia đình đua chen xài phí, học tập nghề hay, tham ăn mê của. Cũng vì mê muội mà phải khổ, mãi chịu khổ sanh tử luân hồi, càng khổ càng lướt tuôn đi tới, lăn rớt xuống vực sâu, lún ngộp dưới sình lầy không còn ngó lại sau lưng xoay mặt trở ra, tháo lui quay lại, để bước

lội lên bờ, theo về tiếng gọi của ông cha thầy bạn. Những kẻ quá si mê, xoay lưng quay ngược với đạo đức, ố ghét kẻ sĩ hiền như thế, ít hay chịu lóng nghe nhìn ngó, thấy biết chi chi, để khi nạn khổ lại tức tối ác hung, và tạo thêm đau khổ nữa. Những kẻ ấy cũng như người mạo hiểm vào hang bí mật, không đường ra được mà lại bướng bỉnh vào sâu; cũng như kẻ đào đất, càng đào sâu, sâu mãi, để chôn mình không lên ra đặng. Thế mà nó cũng chẳng chịu cho ai cứu vớt nó cả, nó ít hay chịu nghe tiếng của ai ai kêu gọi. Ai nói nó sái quấy, nó sẽ ghét giận ngay; nó mãi làm bướng, làm càn như ngây, không cần hiểu chơn lý mục đích, kết quả chi hết. Những cảnh giới ấy, đức Phật ví như trong địa ngục, từ xưa muôn ngàn chư Như Lai Bồ-tát ra đời, tới lui qua lại giáo hóa, mà họ cũng không bao giờ hay biết chi cả.

Ở trong ấy, chúng nó phải bị thần vật chất, sắc tướng ma vương chủ trị, con gái ma vương quyến rũ. Họ không định tĩnh được, không được làm chủ xác thân, linh hồn phải bị yêu ma bóng hình quỷ quyệt cướp nhập để bày bố lưới mê, bủa giăng pháp thuật, ngăn đón chặn đường, không cho ai giải thoát ra ngoài trốn được. Rồi thì ma chúng sẽ luyện tập họ lâu ngày, cho trở nên tay sai quyến thuộc, cho thành ra tướng quỉ binh ma, đặng có phun ra khí độc, địa ám thiên hôn, mê hồn lập trận, khiến nên kẻ bị vây trong trận, không đường trốn tránh. Chính ma vương ấy là kẻ thù nghịch Phật, oán Phật, giết Phật, sợ Phật. Mà bao giờ Phật cũng rộng lòng tha thứ, xem chúng nó như em con nhỏ dại, lớp dưới; nên Phật khi xưa lặng thinh là để tự nhiên về sau, chúng nó chán khổ mệt nhọc, ắt sẽ lần hồi bước lên đi ra theo về với Phật. Trong đời ma vương chỉ có kính nể kẻ tu học mà thôi! Kìa người Khất sĩ ví như điếc đui, câm ngọng, chúng nó không còn cám dỗ được. Nhà sư ngồi nghỉ trơ trơ như khúc cây, cục đất, chúng nó không thể làm chi được. Vị Pháp sư hằng túa lửa nóng, sáng chói hào quang, chúng nó cũng khó vô gần mình Ngài đặng. Và như chư Phật bay mau chớp nhoáng, chúng nó cũng theo không còn kịp nữa. Bằng chẳng được như thế, kẻ nào mà ở trong thế gian thì không sao thoát khỏi tay ma chúng hãm hại. Thật vậy, người nào quên lo tu học, say mê vật chất, ở hoài một chỗ, tránh đâu được ngoài vòng phép lưới của ma vương. Dầu mà ai có tỉnh ngộ nhận ra thì cũng đã bị phải khói bụi mịt mù, âm phong rùng rợn, đao binh chơm chởm, độc khí

bao giăng, yêu ma đón chận, dễ gì ra đặng. Bởi thế cho nên khi xưa, một nhà sư Độc Giác nói: Kìa trước mặt chúng ta, một đám trẻ nhỏ côi hoang đi lạc, thay cho sự đi học chúng nó lại đi chơi, xa nhà bỏ xứ, càng ham vui càng háo thắng, càng đi chạy tới mãi, đến nỗi thất lạc trong rừng sâu, gặp phải cả trăm ngàn đường nẻo, tẻ lộn bốn phương, nên không còn biết nhớ chi cửa nhà cha mẹ nữa. Chúng nó gặp phải cảnh đêm hôm, quỷ ma bao phủ, thú dữ cản đầu, giặc cướp đánh nhau, lửa cháy tên bay, khí giới chạm nhau ghê rợn, bấy giờ chúng nó mới chịu đứng dừng lại trên con đường ác khổ, và phải bị xoay lưng lộn ngược thối chạy (thối chạy trở lại đường nẻo thiện vui) nhưng mà khốn nỗi, bốn phía ma quỷ đã bao vây, không sao tìm đường thoát nạn. Thình lình may thay, chúng nó liền nhận ngay ra, xa xa trước mặt, có một ông già khất sĩ chống gậy đi xin, đang đi tới chẫm rãi, ánh sáng trong mình của ông túa ra, xô vẹt ma quỷ bóng tối hai bên dọn thành con đường đi sạch sẽ, để lại phía sau cho đám trẻ nhỏ ấy chạy theo. Chúng nó chạy theo mãi quên mình mỏi mệt, văng vẳng bên tai nghe như có lời thúc giục của ông già, đọc học bài vở pháp lý hay ho, đúng như tâm trạng của chúng nó, khiến cho chúng nó vừa cảm động, vui mừng, vừa êm tai sướng mắt mà an tâm không còn sợ sệt nữa. Đến sáng ra là chúng nó đã chạy về tới cửa nhà, thì ông già kia chính chẳng ai đâu xa lạ hơn là ông cha chúng nó. Thế là từ đó về sau, chúng nó không còn nhàm chán cái nhà của chúng nó, chúng nó không còn dám liếng xáo chạy chơi xa nữa.

Khi chúng nó đã giác ngộ, chịu lo tu học rồi, bấy giờ ông cha chúng nó mới dạy cho chúng nó biết rằng chính ông cha chúng nó bay trên mây cao kiếm gặp, nên mới lấy cát bụi liệng rải khắp nơi, biến hóa ra ma quỷ, giặc cướp, thú hung, lửa cháy, gươm tên. Sự chém giết hại nhau rùng rợn đó là để cho chúng nó sợ lây, mà thối lui quay lại, chớ các nhân vật ấy đều là cát bụi cả, chẳng tin các ngươi thử đi kiếm tìm xem, những xác chết nọ bây giờ đều đã hóa ra cát bụi. Những việc hung dữ ấy là để cho các con biết trước rằng nếu các con mà dốt nát, ngông càn, không lo tu học, thì cái sự sống của các con sẽ như ma quỷ, giặc cướp, thú hung, gươm tên, lửa đất một thứ, và lại sẽ phải chết hết vì nhau, hóa ra cát bụi, không còn có được cái sống, cái biết, cái linh chi cả.

Thế là từ đó những đứa con trẻ ấy đã biết rõ tương lai số phận của mình rồi, nên không còn dám nô đùa lêu lổng nữa; chúng nó được sống yên vui trong đường tu học.

Cũng như xưa kia có một vị đại tiên nói cõi thiên đường là cảnh sống chung tu học, tất cả chư tiên đều ở chung một trường. Thế mà một hôm, có một đám tiên nọ rủ nhau hạ sanh xuống thế để tìm thú vui chơi riêng, dạ ích kỷ quên người, đành trốn sự học tu, lẻn bỏ đi xa lìa thầy bạn. Lòng duy kỷ không người ấy là tội trọng, bởi thế cho nên khi xuống thế mắc phải ở một cù lao, cả bọn phải bị ma vương nhốt trói cầm tù, hành hạ đủ thứ, mỗi buổi dẫn đi làm việc cực nhọc. Bấy giờ các vị tiên ấy khổ sở quá, muốn trở về chỗ cũ xứ sở cũng chẳng biết làm sao. Vả lại trước kia khi ra đi xuống thế, những tưởng mình không còn trở lại làm chi nên lấy cắp pháp báu của các chư tiên khác, phá tán hư hoại lâu đài, bây giờ cũng không còn biết phải dám về nơi đâu nữa được; dầu có trốn ra khỏi chỗ này thì cũng lại sợ chỗ khác khổ hơn, nên chẳng biết làm sao, thế phải dành chịu đưa lưng đọa phạt.

Nhưng may thay một hôm nọ, vị vua Trời Đế Thích thấy vậy thương tình, mới hiện đến chỉ dạy rằng: Các ngươi muốn được trở về thì cũng không khó chi lắm. Trước hết các ngươi phải tự sám hối, ăn năn lấy tâm mình, tự phải răn ngừa tánh vô nhơn ích kỷ, phải nghĩ đến tất cả, phải tập sống chung thương yêu tốt đẹp trở lại là được, vì bởi chư tiên tất cả chẳng ai giận ghét các ngươi đâu. Nhưng tâm các ngươi phải hòa thuận là sẽ ở chung với họ được. Sau khi các ngươi đã hối quá rồi, là bây giờ có hai cách cho các ngươi về được, một là các ngươi phải vui lòng chịu khổ mãi, cho đến khi nào chết bỏ đi thân xác, mãn án đày, cũng như thoát ra được khỏi rương trắp, xích xiềng, là nấm mộ áo quần của người tù tội ấy, thì linh hồn mới sẽ bay lên cao mau, thế vậy là phải rất lâu. Còn bằng nếu muốn cho hơn thì phải do cách thứ hai là đoái công thục tội. Ngươi phải quên mình để giúp đỡ kẻ xung quanh, tội nhơn chung với ngươi, cho họ được mạnh giỏi hết thảy như ngươi. Ngươi phải cắt nghĩa, giảng giải giác ngộ, cho ai nấy nhớ ra quyến thuộc xứ sở thiên đường là cõi đất liền tốt đẹp của khi xưa, cho ai nấy tỉnh ra, đừng say mê tríu mến, chấp giữ cù lao hoang đảo tội tù của giữa bốn biển mênh mông này. Ngươi hãy khuyên họ

rằng quyến thuộc xưa kia đang chờ đợi ngóng trông họ, họ đừng có mê say đắm đuối với một đám tội nhơn như nhau, đừng mảng lo xây dựng của cải, lầu đài, xe cộ, miếng ăn, quần áo, sắc đẹp, tình thương tranh cạnh với nhau nữa, vì đó là phép ác của ma vương xúi giục, mê hoặc. Các ngươi phải chịu cực khổ, tập mình cho có sức mạnh, đừng ham sung sướng nhũn mềm, đừng nghe ai xưng tặng mà gọi là vinh, đừng thấy ai dâng của mà cho là lợi, đừng thấy ai khóc lóc, tríu mến, níu kéo, mà động tình thương ở lại, vì đó là ma vương cám dỗ. Các phép ấy nó sẽ giết hại tâm hồn ngươi, nó làm cho ngươi càng rối khổ, mê muội quên mất mình, không còn thấy sống, không còn tâm trí nữa.

Các ngươi khi đã đủ sức mạnh rồi thì phá hủy tù khám, xích xiềng cả thảy. Bọn các ngươi rất đông, có thể đuổi chạy ma vương hết được. Bây giờ các ngươi phải chữa sửa miếng đất ấy, lập thành cảnh tu trường học, chung sống như cõi thiên đường, để lập công đền tội, tỏ ra thật tâm sám hối bằng việc làm. Việc mở rộng thiên đường là trừ cho tội lỗi khi xưa phá hoại. Có như thế các ngươi mới thành công đắc quả luôn trong hiện tại; từ đó dưới trên, hai cõi sẽ tới lui, và không còn sợ ma vương trở lại, giựt giành Pháp bảo nữa được. Bằng chẳng như vậy thì nay cũng phải tập đói rách khổ cực cho quen, tìm cơ hội kết bè vượt ngục, mạnh ai nấy lo giải thoát, tự mình tập bay, chạy nhảy lấy; có khổ nhọc như thế, mới tỏ ra thật tâm hối ngộ, thì trở về quê cũ mới được.

Nếu các ngươi đã thật biết ra cõi đời là khổ, chốn lao lung là hại, các ngươi được nhớ ra thiên đường là hay quí, thì chớ khá tôn trọng cái dốt, cái khổ, cái xác thân bộ áo tội đày! Đừng làm thêm những việc ích kỷ tội lỗi, tham sân si như khi xưa kia nữa, vì chính việc làm của các ngươi là sanh sản, đốc xúi ma vương, giống như các ngươi nuôi chứa những con sâu trong bụng các ngươi, càng nhiều là càng nguy nan tánh mạng càng nhiều hơn nữa. Các ngươi không nên ưa muốn những sự đau bụng từng hồi, cũng như sự mãn án này lại bị kết chồng thêm án khác liên tiếp. Các ngươi cũng đừng tưởng rằng có lính ma vương coi giữ chừng cho mỗi lúc gọi là sang, liều mạng ở càn, mặc cho lính ma đánh đập, để cho nó cơm thiu, cá thúi, nằm gạch ướt, ngủ muỗi mòng, ở khám hôi, uống thuốc bả, mà gọi là an vui thân

mạng. Dầu mà các ngươi có phải được sự ăn mặc ở bịnh có sẵn người lo cho đi nữa, các ngươi cũng phải cực nhọc siêng năng, cùng bị sự trói trăn, lôi kéo la rầy, thì không còn có tự chủ riêng mình, sung sướng yên vui chi nữa được.

Nhờ vị vua Trời Đế Thích chỉ rõ đường đi như vậy, nên cõi ấy chẳng bao lâu ma vương chạy hết, thiên đường thiết lập được; chư Thiên ấy đều đắc đủ thần thông, trí huệ, giải thoát tự do, đắc đạo hiện tiền, nơi giữa cõi nguy nan khốn lụy. Các vị chư tiên ấy, sau này là đệ tử A-la-hán của Phật Thích-ca Mưu-ni vậy.

Cõi đời nhân loại của chúng ta, chư tiên mắc đọa ngày hôm nay cũng giống y xưa như thế ấy. Ai mà đã tỉnh ngộ ra biết mình là tội khổ của ma vương, ắt có ngày sẽ cứu độ được, còn kẻ nào cứ tưởng cho mình là tiên thiệt mãi thì kẻ đó sẽ mãi khổ đau, mê muội chết sớm. Vì bởi tiên bằng xác thân ác tội, cục đất, khúc cây. Chữ tiên ấy là cây roi, cây roi thân sắc sẽ đánh đập tâm trí mãi, đau khổ thêm hoài cho đến chết.

Vậy thì những ai muốn sống phải siêng tu tìm học, tu là để học, học là để tu, có không lạc lầm rối khổ mới chắc gọi sống dài không phải chết.

Khi xưa, đức Phật Thích-ca Mưu-ni nói: Chúng sanh cũng như đứa con hoang đi lạc, hèn lâu lớn lên mới đi gặp trở lại ông cha là Phật. Bây giờ Phật như ông già giàu có, còn đứa con là kẻ đói khát ăn mày; nó thấy nó quá thấp hèn, đến đỗi ông cha kêu gọi, nó không dám nhìn lại; ông sai tôi tớ ra dắt nó, nó lại chạy đi. Ông cha Phật phải dùng phương tiện, bảo đứa ở ra làm quen với nó, dắt nó vào cho ở mướn, rửa nhà tiêu, để được cơm ăn; về sau quen lần, cho nó đi quét sân, lau nhà dọn bàn ghế, giữ đồ đạc; kế nữa ông giao cho sổ sách gia tài coi tạm, nhận nó làm con nuôi; sau rốt khi gần chết, ông mới nói thiệt mà nhìn nó là con ruột, và tỏ cho thiên hạ đều hay biết. Gia tài Pháp bảo của ông tức là để dành cho con ông. Con ông làm chủ, sau sẽ thay thế như ông.

Bấy giờ đứa trẻ mới chợt tỉnh ngộ ra biết mình không phải là nghèo nàn, thiếu kém, thô vụng nữa. Ông cha ấy tập dạy cho con tu học lần lần như thế,

mà đứa nhỏ nó chẳng hay biết địa vị mục đích mình là ra chi cả. Trong các chư đệ tử Phật, từ Thinh Văn tiến lên Duyên Giác, Bồ-tát cũng y như vậy, Bồ-tát sẽ thành Phật mà cũng vẫn chưa hay biết mình là ai, không bao giờ Bồ-tát dám nghĩ rằng mình sẽ thành Phật, sắp thay thế Phật, toàn năng toàn giác. Ba bậc ấy vẫn cứ tưởng mình là chúng sanh thấp kém mãi, theo Phật là chỉ biết phải theo để làm tôi tớ hầu hạ thôi, chẳng bao giờ tính rằng mình sẽ được như Phật. Điều ấy cũng như trong thế gian, chúng sanh tiến lên từ cỏ cây thú đến người Trời, là cứ ở nơi cõi người Trời mãi; giống như từ mới sanh đến lớn, người ta tưởng là mình không có già; cũng như từ sự sống lẻ loi đến lập được gia đình xã hội, người ta cho là đủ rồi, không bao giờ ngó đến cả thế giới và khắp võ trụ; giống như người mới được làm quan, làm vua, cho là hết lớp rồi, không còn có Trời Phật! Không ai nghĩ xét rằng mình cũng sẽ thành Phật, mình sẽ đi tới quả Phật, mình sẽ lập cõi đời trở nên thế giới Phật được. Cũng vì thế nên chư Phật mới gọi cõi này là cõi ta bà kham nhẫn chịu thiệt. Vì bởi tại chúng sanh quên tu bỏ học, ở một chỗ không đường đi. Phải đúng y như vậy, sự thật đã cũng y như vậy.

Chúng sanh càng xa lạc đạo càng cố chấp tư riêng, lấy giữ sự việc của đồ chơi trẻ nhỏ mãi, để đến nguy hại tánh mạng mà cũng vẫn chưa hay biết. Bởi thế cho nên khi xưa đức Phật mới nói: Trần thế là cái nhà hư bể, lửa cháy xung quanh, tường xiêu ngói đổ, nền cũ rong rêu, ván cây mục nát, lại có quỷ ma ác thú ẩn núp luồng tuông. Thế mà các đứa con khờ dại mảng lo ham vui chơi giỡn không chịu chạy ra ngoài thoát nạn, chúng nó cứ tưởng nhà quý tốt của nó, chỗ ở của nó.

Khi ấy ông cha chúng nó mới bày ra đồ chơi tốt hơn, chất để trên ba cỗ xe: xe trâu, xe nai, xe dê là Pháp bảo trong ba thặng, đặng cho chúng nó ham đồ chơi mà chạy ra ngoài, nhờ ham đồ vật vui chơi nơi xe pháp ấy mà thoát ra khỏi chết nơi nhà kia! Sự thật đúng y như thế, Pháp bảo tu học mới phải thật là món đồ chơi, vui hay quý ích hơn hết. Có Pháp bảo mới tạo nên được học trò thầy giáo tốt đẹp. Có pháp bảo mới chỉ ra được mục đích tu học của chúng sanh cái sống. Có pháp bảo người ta mới có đi học, không còn lêu lổng mê chơi. Có pháp bảo tức là có con đường cho người đi học. Pháp bảo

ấy vốn có sẵn trong khắp thế gian, nơi mỗi cái có, mỗi cái mê là mỗi cái học, mỗi pháp giác. Thế nên cõi đời là trường học, pháp giác là bài học, chúng sanh là học trò, thời gian trôi qua là đi tới, tất cả ai ai cũng là đang đi học hết thảy. Hôm nay chúng ta đã phải đi học, muốn học phải tu, và có đi khắp nơi mới là được tu học. Cũng vì sự sống tu học đi tới mà chúng ta mới phải luân hồi sanh tử, thay đổi khắp cùng nơi, cho đến khi nào hoàn toàn không còn sự học tu nữa, thì tức là không còn luân hồi sanh tử nữa. Chừng ấy mới gọi là cái sống yên vui, không còn chết rối khổ.

Vậy chúng ta ai ai chớ quên mình, là đang sống tu, đi học hết.

CHƠN LÝ 37

ĐỜI ĐẠO ĐỨC

I. NGHĨA ĐẠO ĐỨC

Thuở xưa khi quả địa cầu mới nổi, vô số cù lao lố nhố mọc lên, đất ấy của nước lóng sanh, nước do hơi không khí; thế mà cỏ cây thú người từ nơi đất sanh ra, họ lại chia giành chủ tớ, khách chủ, bán buôn vay trả; để đến đỗi quả địa cầu như một cái bánh phải bị bể tan, hay chúng sanh chết hết. Thật là vô đạo đức! Sái với đạo đức.

Đạo là thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai mãi mãi.

Đức là không gian hóa sanh bao chứa vạn vật muôn loài. Gồm cả đạo đức, không gian thời gian gọi là võ trụ.

Võ trụ là chơn lý lẽ thật! Võ là không gian, trụ là thời gian. Võ trụ là đạo đức.

II. NGƯỜI ĐẠO ĐỨC

Xưa kia có một người học hiểu thông rành chơn lý võ trụ đạo đức, tu tập hành theo, trau tâm đúng phép. Người đi đến một xóm nọ, bấy giờ thiên hạ ai cũng đến xin quy y, theo học đạo với người; kẻ thì nhường nhà để làm tịnh xá, người thì chia đất để lập đạo tràng; ai ai cũng không tiếc của nhà, và sự thờ kính tôn trọng đối với người. Người đem đạo đức đến chỗ xứ người ta, người thành công cao cả trên thiên hạ. Những kẻ theo người, họ không phải là mê tín dốt nát.

Họ bỏ đi cái công cán tốn hao, chút lòng thành kính, để sau này họ được thấu chơn lý đắc đạo thì cái kết quả sẽ muôn phần vạn bội hơn. Vậy chúng ta phải noi xem gương ấy; nên hãy đem đạo đức đến nhà người, xứ người, chỗ ở của người, thì mới chắc được thành công không thất bại, mà chớ có giành giựt cấu xé đánh đập người ta chi cho vô ích.

Và cũng như khi ta có chỗ ở tốt đẹp, ta muốn cho nó được nảy nở ích lợi, thì ta cũng phải biết dùng nó vào việc đạo đức, mới chắc thật không mất hao đặng. Kìa một người nọ, sớm đã giác ngộ chơn lý, biết rõ lẽ không ta, không của ta trong võ trụ, nên người dứt lòng tham muốn, không tâm chủ một vật chi cả. Người dùng nhà đất làm của tạm chung đúng phép, người lập ra đạo tràng, trường dạy học tu để sống chung; nhờ đó mà thiên hạ khắp nơi đều đến ở học tu, xưng gọi con trò; chỗ ấy càng ngày lớn rộng đông thêm mãi thành ra quốc độ được, là bởi miếng đất của người biết dùng đúng y theo lẽ phải, chơn lý sống chung của chung, nên các miếng đất xung quanh người ta cũng phụ hiến mở rộng thêm, y theo đạo đức võ trụ. Tức là của võ trụ dùng cho võ trụ. Bấy giờ địa vị người càng cao, của cải người càng lớn, dân của người càng đông, người đã thành công, cao quí trên tất cả, mà sự thật là như không có gì hết trong mỗi lúc; thật là sung sướng khỏe nhẹ biết bao nhiêu, cái chết của người sẽ là một giấc ngủ ngon say, vô cùng vô tận. Người ta khắp nơi ai ai cũng muốn xin hạ mình vào xứ của người. Còn người trong trường đạo đức đó đi ra là ai cũng thỉnh cầu tôn trọng. Tiếng đạo đức của người vang lừng thơm nức, sáng choang bay ra cùng khắp. Còn danh lợi thúi dơ trần bụi thì không có ai đem vào trong miếng đất đó quyến rũ ai được, nên không bao giờ có sự sợ lo cắp trộm.

Người đó cũng đã thành công bằng đạo đức, lấy đạo đức tiếp rước người thì sao không kết quả được. Hai hạng người trên đây mới thật gọi là biết tự chủ, và làm chủ chúng sanh vạn vật bằng cách không tham, nên không bao giờ thất bại hay khổ chết chi cả.

Đúng lý phải y như vậy. Người đạo đức là như thế ấy, nào còn ai dám nói đã là đạo đức mà lại chẳng thành công.

III. XỨ ĐẠO ĐỨC

Thế giới Tây phương Cực Lạc của Phật cũng là một quả địa cầu tứ đại, cỏ cây thú người thân sắc có đủ y như các quả địa cầu thế giới khác, nhưng chỉ có tâm của các hạng bậc ấy là không giống với chúng ta thôi. Tâm chúng ta nơi đây thì khổ, còn tâm của các Ngài nơi đó lại vui. Cái vui của các Ngài là do kỷ luật giới răn; còn cái khổ chúng ta là tại tuôn rào lướt bụi, đầu đuôi bất kể.

Nơi thế giới an lạc ấy, mỗi người đều có giới luật tùy theo từng lớp tuổi, đúng y trình độ tiến hóa của chơn lý.

1. Trẻ nhỏ từ mới sanh đến lên 6 tuổi đã có giới không sát sanh, nhứt là không còn giết hại mẹ nó nữa, và lòng nhân ái phát nở lần lần.

2. Từ 6 tới 12 tuổi là thay đổi một lớp tới của không trộm cắp, mỗi một lần thay đổi 6 năm là một giới luật thêm, là bước lên một nấc thang.

3. Từ 12 tuổi tới 18 tuổi là đến tuổi không dâm dục.

4. Từ 18 tới 24 tuổi là nấc thang không nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi.

5. Từ 24 tới 30 tuổi là lớp không uống rượu.

6. Từ 30 tới 36 tuổi là tuổi không ngồi ghế cao, nằm giường rộng chiếu lớn, chỗ xinh đẹp.

7. Từ 36 tới 42 tuổi là trình độ không nghe xem hát múa đờn kèn, chỗ đông vui yến tiệc.

8. Từ 42 tới 48 tuổi là bước không trang điểm phấn son, dầu hoa, áo quần hàng lụa tốt tươi.

9. Từ 48 tới 54 tuổi là cảnh giới không ăn sái giờ, từ quá ngọ tới ngọ mai, ăn chay.

10. Từ 54 tới 60 tuổi là hạng bậc không rớ đến tiền bạc vàng của quí, đồ trang sức.

11. Từ 60 tới 66 tuổi là cõi giải thoát ăn mặc ở bịnh bằng Tứ y pháp Khất sĩ đi xin tu tự độ 250 giới.

12. Từ 66 tới 72 tuổi là độ của Khất sĩ Bồ-tát giáo hóa giác tha lập đạo.

13. Và từ trên 72 tuổi là Niết-bàn hưu trí, nín nghỉ tròn xong phận sự, toại hưởng thanh nhàn.

Ở xứ ấy tuổi nhiều là giới luật nhiều, tuổi ít là giới luật ít. Mỗi 6 năm là một tấn hóa của chúng sanh. Xứ ấy nhờ có giới luật y như vậy nên gọi là thế giới an lạc, hay Cực Lạc quốc độ. Như thế nghĩa rằng giới luật là yên vui. Giới luật là nền tảng mặt đất, gốc chân, chỗ đứng yên cho tất cả. Giới luật để bảo tồn thiện, nuôi chứa lòng thương, làm cho tất cả đều tấn hóa lên cao được. Giới là mạng sống của thân và tâm, giới năng phát sinh định huệ, giới để bảo tồn chơn như Phật. Giới là sự ngăn rào cái ác dơ, thấp dưới xấu xa v.v… Vậy nên tất cả chúng sanh mà không có giới nơi một người, gia đình, xã hội, thế giới thì không còn có tiếng chúng sanh, người, gia đình, xã hội thế giới chi nữa hết. Cảnh huống ấy là tứ đại đã nhồi cục lại, quả địa cầu tan rã, không có ra hình thể chi được. Như vậy thì giới luật là mạng sống, là cái có. Chúng ta ai ai cũng nên phải có giới luật. Sự không giới luật là bãi sình lầy của tham lam, là nơi chết khổ của trong rừng cây bụi rậm. Chúng ta khó tránh xa những điều tội lỗi ấy. Tội lỗi là sái kỷ luật; trình độ nào thì có sự chết khổ nấy, nên mới có kỷ luật đó của bậc giác ngộ chỉ ra để cứu độ kẻ đó. Vậy những ai sái kỷ luật của mình gọi là có tội lỗi quấy, bởi có tội lỗi nên mới phải chết khổ.

Như thế thì tội lỗi của mỗi bậc chẳng giống nhau, vì giới luật của mỗi bậc chẳng giống nhau. Giới luật chẳng in nhau là bởi thân sắc chẳng đồng nhau. Trình độ của sắc thân là nấc thang giới luật, nên gọi sắc thân giới luật ấy mới có sống, có thiện, có thương, có tiếc, có tâm định, trí huệ được. Sắc thân giới luật ví như vỏ trái, không vỏ trái có đâu ruột hột; đành rằng người ta chỉ dùng cái hột một ngày kia, nhưng hôm nay nó đang còn non nhỏ, nếu không có vỏ thì ruột hột do đâu mà có đặng. Đúng lý như vậy. Đức Phật, Ngài đã chỉ ra sắc thân là giới luật, mà nào chúng ta chú ý. Kìa một ông già 70 tuổi còn đi xem hát, tại sao chúng ta cho là sái. Kìa một người 40 tuổi mà còn ăn mặc như trẻ con, tại sao chúng ta nói là quấy. Một em bé 10 tuổi, ít ăn uống như một ông già, tại sao chúng ta cho là bịnh. Như thế là cặp mắt trí của chúng ta hằng ngày cũng đã nhận thấy ra nhân cách ấy rồi, nào đợi gì phải Phật chỉ dạy! Giới pháp hay kỷ luật là tư cách, bổn phận, trình độ, tuổi số của mỗi người, ai cũng đang có cả, có điều là chúng ta mảng lo việc đâu đâu, xao lãng

đó thôi. Ấy thế chúng ta mới lầm, chúng ta mà không có kỷ luật cũng như không có mặt đất, không có linh hồn thì lấy đâu làm sự thành công ích lợi. Cũng như một ông vua mà không kỷ luật thiện, cả thần dân cũng y như thế, thì làm sao yên ổn đặng, vì tự mỗi người đã không yên ổn rồi, như thế thì dầu cho ông có giết hết dân, đoạt hết của cải, hăm dọa họ, góp thâu cách gì cũng không hết loạn đặng. Dầu ông có bắt chúng nó đem đưa cho giặc giết hết, của cải dâng hết cho giặc, thì giặc cũng vẫn không yên. Đó là tai hại của sự lộn xộn lu bù không kỷ luật, không thiện lành, thì yên ổn làm sao cho được.

Dầu mà ông có lập ra bao nhiêu phương pháp cai trị, đàn áp, cám dỗ cách nào đi nữa thì cũng vô ích, vì chính cái tâm của ông trước đã không có kỷ luật thiện kia rồi. Cũng vì thế mà ở bên xứ Cực Lạc của bậc giác ngộ Phật, người ta không khó khăn đòi khóa sưu thuế vụ ai ai cả, cũng không cực nhọc bắt giết ai hết. Người ta chỉ nhắc ra điều luật của mỗi lớp tuổi, cho họ học thuộc lòng, để tự họ biết lấy cái luật sống hạnh phúc, của cải quý báu của họ; thế là mọi người đều tuân theo, trở nên an lạc.

Ở trong xứ Cực Lạc, người ta chỉ thờ ba cái mục đích chơn lý của võ trụ là cái sống, cái biết và cái linh, mà nơi mỗi sắc thân đều có. Người ta cho đó là của cải sự việc của người ta, rồi người ta đã giác ngộ Phật là không còn đi lo những việc sái quấy, bậy bạ vô ích bên ngoài nữa. Muốn sống khi đã có cái sống là phải sống chung, học giáo lý sống chung, tập chung sống. Muốn linh là cứ để tâm định yên lặng nó sẽ linh, phải học tập cái linh trong yên lặng ấy. Đã có cái biết là phải học tập cho biết khắp cả sự vật các pháp, bằng sự thật giác ngộ, toàn giác. Cái sống biết linh của ta phải dung hòa với cái sống biết linh của võ trụ, là tứ đại vạn vật, yên lặng và các pháp. Đó tức là đạo đức của võ trụ chơn lý, mà không ai trái cãi để tự chiêu kỳ họa. Bởi dân trong xứ Cực Lạc sống chung tu học bằng ba mục đích như nhau có một, nên miếng đất ấy được trong sạch lắm, người ta mới kêu là Tịnh Độ hay Tịnh Thổ. Xứ ấy thật là bình đẳng, bình đẳng của những lớp cấp giới luật xác thân, đúng y chơn lý, nên không ai từ chối chi được.

Sự tốt đẹp nhứt của xứ ấy là thiện lành.

Kẻ giữ 1 giới đã có ăn chay 2 ngày mỗi tháng.

Kẻ giữ 2 giới đã có ăn chay 4 ngày mỗi tháng.

Kẻ giữ 3 giới đã có ăn chay 6 ngày mỗi tháng.

Kẻ giữ 4 giới đã có ăn chay 8 ngày mỗi tháng.

Kẻ giữ 5 giới đã có ăn chay 10 ngày mỗi tháng.

Người giữ 6 giới đã có ăn chay 15 ngày mỗi tháng.

Người giữ 7 giới đã có ăn chay 20 ngày mỗi tháng.

Người giữ 8 giới thì ăn trường chay mỗi tháng.

Người giữ 9 giới ăn chay sáng trưa.

Người giữ 10 giới đã có ăn chay một ngọ một.

Người giữ 250 giới thì ăn chay một ngọ một và đi xin.

Cả xứ ấy đều thảy y như vậy, họ sống một cách sung sướng hạnh phúc lắm, không lo sợ ai cướp giựt cái chi cả. Danh lợi không đến gần xứ đó được. Xứ ấy càng mãi thâu chứa tất cả chúng sanh khắp thế giới khác, đem về sống chung tu học, và ở thế giới nào đâu, người ta cũng cầu vãng sanh qua đó, để xin làm con trò. Xứ ấy là xứ dẫn đạo đầu tiên, thầy của các quả địa cầu khác.

Trật tự trong xứ ấy:

1. Lớp 1 giới ở chung theo lớp 1 giới, từ 1 tới 6 tuổi.

2. Lớp 2 giới ở chung theo lớp 2 giới, từ 6 tới 12 tuổi.

3. Lớp 3 giới ở chung theo lớp 3 giới, từ 12 tới 18 tuổi.

4. Lớp 4 giới ở chung theo lớp 4 giới, từ 18 tới 24 tuổi.

5. Lớp 5 giới ở chung theo lớp 5 giới, từ 24 tới 30 tuổi.

6. Lớp 6 giới ở chung theo lớp 6 giới, từ 30 tới 36 tuổi.

7. Lớp 7 giới ở chung theo lớp 7 giới, từ 36 tới 42 tuổi.

8. Lớp 8 giới ở chung theo lớp 8 giới, từ 42 tới 48 tuổi.

9. Lớp 9 giới ở chung theo lớp 9 giới, từ 48 tới 54 tuổi.

10. Lớp 10 giới ở chung theo lớp 10 giới, từ 54 tới 60 tuổi.

11. Lớp 250 giới Thinh Văn ở chung theo lớp 250 giới thinh Văn, từ 60 tới 66 tuổi.

12. Lớp Bồ-tát ở chung theo lớp Bồ-tát, từ 66 tới 72 tuổi.

13. Lớp Niết-bàn hưu trí ở chung lớp Niết-bàn hưu trí, trên 72 tuổi.

Trong mỗi lớp, người ta cùng nhau tuyển chọn người đức hạnh lớn, đạo quả cao, đứng ra dẫn đầu của lớp ấy, hoặc vài năm hay đúng 6 năm; khi qua tuổi lớp trên thì ngưng việc, nhường lại cho vị khác mà lên lớp trên. Vị ấy khi lên lớp trên thì cũng phải giữ giới tu học y như những vị khác. Nhưng trừ ra khi nào đức hạnh, đạo quả trổi hơn tất cả nữa thì mới được người ta bầu cử tôn trọng nữa, chớ chẳng có tự mình tôn lập. Ở xứ ấy thật hành theo luật tiến hóa thay đổi đi tới, không nhứt định ngôi vị, không choán đường lối của kẻ đi sau.

1. Ví như bậc 66 tới 72 tuổi, tuổi này cao hơn hết, vị cầm đầu ấy cũng như ông vua pháp, xem chừng cho cả thảy các lớp nhỏ ở dưới nữa, nhưng khi vị ấy quá 72 tuổi rồi là phải hưu trí nhường lại cho người khác đi sau.

2. Những bậc từ 54 tới 60 tuổi, những bậc này như giữa ranh đời đạo, kẻ được dẫn đạo cũng như người làm quan văn sĩ của đạo.

3. Từ 42 tới 48 tuổi, kẻ dắt đầu là cư sĩ hộ pháp chư Thiên, như tướng binh võ lực của Phật. Còn từ năm giới sắp xuống như thường dân, và các giới kia là tự do thong thả. Kẻ làm thầy giáo của mỗi lớp được đủ sáu năm, hay là hai ba năm (vì lẽ mới được tôn lập khi gần mãn lớp tuổi); hai bậc này mà được vẹn toàn đạo đức mãi thì được dạy người tới mãn lớp tuổi hai, ba hoặc sáu năm ấy; còn bằng tự cao mất hạnh ắt cũng phải bị loại ra, để cho người khác thay vào. Như vậy đó là sự khuyến khích, thi tuyển, học tập để trau dồi tâm trí cũng là một cách vui hay lắm! Bởi lẽ trong nhà đạo đức là không có lợi hại, hay nhục vinh chi hết.

Kỷ luật trong xứ ấy cứ mãi tiến lên y như vậy, ai ai cũng chỉ lo trau dồi ba mục đích: sống biết linh, mà tập sống chung tu học; không ai ham danh quyền chi cả, và cũng không có lợi lộc. Kẻ nào mà bị tôn trọng đưa lên là như Bồ-tát, thì phải mất sự toại hưởng thanh nhàn, hoàn cảnh bắt buộc phải chịu cực nhọc, để sống chung tu học cách khác, mệt nhiều hơn, thì ngày sau sẽ hưởng quả to tát hơn; còn bây giờ là chịu thiệt thòi, kham cực nhọc, điều ấy là do nhơn duyên khiến bảo, nên sao sao cũng được, không ai cố chấp muốn tính chi hết.

Xứ ấy mà được đời đời an vui cùng tột kêu là Cực Lạc là bởi nhờ giới luật, giới luật nâng cao cái thiện lành nơi lớp nhỏ, giới luật nâng cao cái trong sạch nơi lớp trên. Cũng như các ông vua ở trong đời, có đến hàng trăm giới luật trong sạch hơn các quan, các quan có đến hàng chục giới luật thiện lành hơn dân, ông già có hạnh hơn người lớn, người lớn cao rộng hơn trẻ nhỏ, thì những kẻ lớp dưới làm sao mà chẳng quy tôn cho được. Cũng như ông vua không uống rượu, ăn thịt, vợ con, thì cả thảy nhân dân mới không dám sát sanh, trộm cắp, tà dâm được. Bởi thế nên từ xưa Thánh Hiền thường hay răn dạy, phép làm vua không có vợ làm đầu; phép làm làng, quan văn sĩ không tiền bạc làm gốc; phép binh tướng võ lực, không đánh giết người là bổn phận. Ông thầy giáo thì phải giữ gìn lời nói, làm cha mẹ là không đặng say sưa rượu thịt; như vậy thì con dân chúng nó sẽ hết lòng, lòng người là mạnh hơn hết, được lòng người là được tất cả sự thành công, không còn tai nạn. Mà muốn được lòng thì phải là giới luật kỷ cương, con đường phải có bờ lề ngăn ranh, và đi đến nơi có mục đích.

Như vậy mới không dắt người đi lộn quẩn, không xúi họ làm ác, tập tham, thì họ sẽ thương mến ta, và họ được giác ngộ nhờ ta, hơn là ghét sợ, thì ắt họ sẽ theo ta tới chết, việc gì lớn lao thế mấy, chắc sẽ phải thành công ngay được.

Này đây cái chìa khóa thành công của xứ Phật là giới luật. Chớ chi mà đời nay, các xã hội gia đình trong thế giới này vất bỏ đi cái tội lỗi, biết nhận ra món báu trong sạch thiện lành, biết đến lẽ phải, đức hạnh, đạo lý, hơn là khôn dại thì quí ích quá. Và cũng chớ chi mà các nhà vua đều được trên 60 tuổi, quan làng trên 54 tuổi, tướng binh trên 42 tuổi, và có đủ đạo đức, y như thế giới Phật, thì hay đúng quá; vì những lớp tuổi đó họ có đủ kinh nghiệm giác ngộ nơi phận việc họ.

Lấy theo sự thường mà nói như vậy chắc trúng nhiều hơn, vì trong đời người tuổi nhỏ phi thường thì rất ít chớ đâu có nhiều, đành rằng sự khuyến khích là khuyên kẻ dưới cố ráng lên, chớ dễ gì đức tính lại hơn những người nhiều năm kinh nghiệm.

Ví dầu mà có Phật Thánh tái lai đi nữa thì cũng nên chờ tới lớp tuổi già của mình rồi sẽ làm quan vua, chắc cũng không có chi sớm muộn, vì họ đã

giác ngộ rồi, và như vậy là để làm gương khiêm tốn cho tất cả kẻ thường nhơn số đông về sau không tự cao; chắc là phải hay hơn lắm!

IV. LỜI ĐẠO ĐỨC

Thuở xưa hồng hoang thượng cổ, loài người còn là vượn khỉ, lần đến toại nhân mới tập làm việc, biết lòng nhơn; nhưng họ cũng chưa biết nói, bởi chưa biết nói, nói ú ớ chẳng nên lời, khó ai nghe, nên không hiểu biết tin nhau, mới sanh ra lắm sự đua tranh cấu xé hiềm nhau; sẵn có được khí giới trong tay, giết hại nhau, dữ hơn hồi còn là con ác vật. Vì cảnh đó, mới có một người kia tập nói, tiếng nói ấy là lời đạo đức; lời nói tốt đẹp, thương yêu khuyên lơn, dạy dỗ, tin cậy; lời nói để biểu lộ sự thật, đức tin trong sạch với nhau; lời nói ấy là pháp, cũng là giáo lý phương tiện tùy duyên chế lập đúng y chơn lý.

Nói để răn ác dạy thiện, chỉ đường cho người đi. Lời nói là ngôi chúa tể của nhân loại, cũng như cái đầu, cái trí thức là cao cả hơn hết.

Muốn tập nói, nói cho được người nghe, nói lời báu lạ, người đó đi vào rừng sâu, tách xa nhà cửa, một mình ngồi nhập định dưới gốc cây, để tìm lời nói cứu độ muôn loài. Người giữ 10 giới ngọ chay không không một vật, sáng đi xin ăn vào xóm, chiều lại lo tu tìm học ở rừng, chẳng bao lâu người được giác ngộ chơn lý thấu đáo võ trụ đắc đạo. Người đi ra dạy nói, tập nói cho muôn loài, do đó mà cõi đời xứ ấy trở nên tịnh lạc. Lời nói của người tạo ra được một xứ mới mẻ tốt đẹp, đổi đi các ác quấy của xứ cũ xấu xa. Lời nói ấy sống mãi muôn năm ngàn kiếp đến đời nay, lập thành kho tạng Pháp bảo quý giá vô ngần. Chính ngôi lời là đức Chúa Trời, là Phật Thích-ca, là hạnh phúc ban cho tất cả chúng sanh, đủ muôn mùi vị. Người ấy như một con rồng chúa phún mưa to cứu giúp chúng sanh khô khan khát hạn. Người ấy như một con rồng bay, bay đi mãi, tới đâu cũng có mây đưa, ngồi đâu cũng có mây phủ, ở đâu cũng có người theo. Người giải thoát tự do xin ăn đi mãi, giáo hóa dạy hoài. Nhờ đó nhơn loại đời nay khắp nơi mới biết nói, nói tốt đẹp, nói nghe được. Nhưng rất tiếc thay, than ôi, hôm nay trong đời, họ lại bày ra những cái nói lạ lùng khó hiểu trở lại như buổi ban xưa, nói chưa thành lời, nói nghe chưa được, và cũng chẳng ai dám nghe những lời nói ấy, vì không phải đạo đức pháp lý chi cả, họ nói chỉ đủ một mình nghe, cũng như

chưa tập nói. Cũng lắm khi họ nói lời ra, là người ta phải bịt miệng họ lại, mà bảo họ nên ngậm nín còn khá hay hơn, vì họ nói ra lời lửa cháy, thúi dơ, bịnh lây cho tất cả. Những kẻ ấy cũng như chưa có miệng nữa.

Xưa kia lời nói là đạo đức, là ông thầy, như cam lộ kim ngôn; lời nói tạo ra vị minh triết, bậc minh quân, minh sư lành sáng. Lời nói của Phật xưa, ai nghe cũng lạy. Vì Phật là nói lời dạy đạo, chẳng kể công cán tiền lương, vậy nên đền ơn cho thầy sáng lời lành, là người ta lạy, và lạy để cung kỉnh quý trọng, thật hành theo Pháp bảo.

Thế là lời nói xưa tạo ra cái lạy. Lời nói là cao quí hơn hết đối với các pháp trong cõi giả tạm này. Lời nói là thầy của chư Phật hiện tại, vị lai và cả chúng sanh. Lời nói có ra là do chư Phật quá khứ. Không chi báu trọng bằng lời nói, mà kẻ chưa biết nói thì cũng không chi hại khinh bằng lời nói. Trường đạo đức, trường học, vua quan có ra cũng do lời nói. Lời nói của đức Phật khi xưa tạo ra được Giáo hội Tăng-già, là trường đạo đức Khất sĩ chư Tăng. Ngài là một ông vua lời nói, đệ tử Ngài chư Bồ-tát như quan văn lời nói, Thinh Văn giữ giới trong sạch theo hầu Ngài là thái giám học trò lời nói, chư Thiên cư sĩ hộ pháp cho Ngài như tướng binh của lời nói, kẻ tám giới là làng xã, người năm giới như nhân dân, cả thảy đều bằng lời nói Pháp bảo trọn lành và trong sạch. Những lời nói ấy là mùi vị của kết quả, sau việc làm của các bậc. Xưa kia đức Phật cũng có cả trường nam và trường nữ, cách xa riêng nhau, mỗi phía có bậc lớn tuổi cầm đầu, còn Ngài là bậc Tổ sư chứng giám. Đó là trong đạo của Ngài cũng như trong thành trì giới luật quốc độ của Ngài. Ngài làm vị vua thánh, vị vua pháp, vua lời nói, dạy chớ không trị, trau tâm chớ chẳng giồi thân, nên ai ai cũng qui y kính trọng Ngài hết và người ta lại còn quí sợ cái ơn đức ấy nữa. Bởi vậy khi xưa người ta ai ai bên ngoài trần thế cũng muốn nhập đạo xuất gia, dầu không được thành công đắc quả như Ngài chớ cũng đặng giải thoát, tránh khổ, được sống yên vui trong sạch bằng nết hạnh trong cõi thiện từ tốt đẹp.

Con đường ấy, giáo pháp ấy, sự thành công ấy để đến đời nay và mãi mãi về sau, nhiều người đắc đạo nữa cũng là do lời nói cả. Lời nói là đạo đức, trong đạo đức phát ra, cũng in như các thứ tiếng có ra do sự vật trong không gian, thời gian; tiếng ấy là để chỉ đường cho chúng sanh vạn vật giác ngộ. Tùy theo mỗi vật khác nhau là âm thinh khác nhau, giáo lý khác nhau, nhưng

thảy đều ích lợi, nên gọi là Pháp bảo. Cõi đời có ra là do Pháp bảo, và chỉ có Pháp bảo là tiếng tăm vang dội. Như vậy Pháp bảo là cái sống, còn cái chết là sự im lìm, không tiếng tăm, không biết nói, nói lời ác quấy, nói chưa được lời tốt đẹp. Ấy là không có ơn ích để lại đời sau vậy.

V. ĐẠO ĐỨC LÀ VÔ NGÃ

Đời đạo đức là đời vô ngã, hễ đạo đức thì không có chi là ta và của ta, vì chơn lý đạo đức võ trụ vốn là vô thường, khổ não, không ta, và không của ta.

Như miếng đất xứ này vốn không phải của ai cả. Đất vốn của nước lóng sanh, nước do hơi mây không khí, không ai có mua chi khách chủ, cho đến màu sắc dân tộc cũng không nhứt định, không có ta và không của ta, không tư riêng ích kỷ. Như vậy nghĩa là vạn vật chung, chúng sanh chung, sống chung tu học; ai đi đâu, đến đâu, ở đâu cũng được, miễn là giác ngộ đạo đức thì được hòa nhau.

Thật vậy, chúng sanh như cỏ mọc trôi sông, trôi vòng, trôi tròn, trôi tới, trôi lui, thay đổi, sống chung của chung. Mục đích của biết là học, linh là tu, sống là lành thiện, sống chung tu học thật là tốt đẹp. Xứ này là một miếng đất trường học tu của chung võ trụ, không ta, không của ta ai cả. Cả thế giới các mặt đất, chúng sanh cũng y như vậy. Có như thế chúng ta mới thấy rõ đời là đạo đức, đời ở trong đạo đức, đạo đức mới sẽ đời đời. Chúng ta ngó vào đạo đức là lành thay, phải lắm, ắt sớm nên công ích lợi đặng. Phải đúng như vậy, xứ Việt Nam là một cái trường đạo đức. Và khắp các dân tộc, các miếng đất trong khắp võ trụ, trong quả địa cầu này cũng thảy đều y như người Nam Việt và miếng đất Việt Nam ấy cả. Trong võ trụ, trong đời, nào có thân nào không phải là thân tạm, nào có đất nào là đất riêng của chúng ta, mà đi tríu mến vô ích. Thế là chỉ có sự sống chung tu học, ai ai cũng nên phải chung sống tu học hết.

VI. ĐẠO ĐỨC QUAN TRỌNG

Tóm lại, trong đời chỉ có đạo đức là quan trọng, có giác ngộ như thế mới thấy chơn lý võ trụ, đạo đức là quan trọng. Quan trọng hơn cả xã hội, gia đình, giáo lý chánh trị của người, Trời. Vì chánh trị có ra là do tà trị, bởi có ác tà mới sanh thiện chánh, gọi là lấy chánh trị tà, mà lấy chánh trị tà là để bảo

tồn đạo đức, nâng cao đạo đức, khuyến khích đạo đức, gầy dựng đạo đức, phạt kẻ ác thưởng người thiện, cất lớp lập trường, nuôi dưỡng cho những người lo tu dạy học, ủng hộ áo thuốc cho thầy giáo học trò đạo đức. Đạo đức như thầy giáo học trò, chánh trị như thợ công trường lớp. Cả thảy có ra là do đạo đức. Mục đích của tất cả là tập lần tiến lên đạo đức, đang ở trong đạo đức, và sẽ bước lần lên. Cõi đời mai kia, hay là lớp tuổi của ông già hôm nay, trên mặt đất này, thảy đều là đạo đức cả. Thế nên đạo đức là quan trọng, quan trọng hơn hết, hơn cả sự ăn mặc ở bịnh xác thân, vì đạo đức là linh hồn, linh hồn trước sau đều vĩnh viễn chắc thiệt. Không linh hồn thì có đâu thân xác mặc ăn ở bịnh. Đúng lý như vậy. Chúng ta nên phải lập đời đạo đức, vĩnh viễn yên vui sống chung tu học, y như vậy là quý báu hơn hết.

Chơn lý này thật là Pháp bảo chánh lý vô cùng, nhưng mà trong đời từ lâu chúng sanh ngộp đắm trong lầy sâu đêm tối, nên khó mà thật hành theo. Tuy đã biết vậy nhưng giáo lý đạo đức cũng nên cần phải có ra, để giác ngộ cho đời. Những ai có chuyên chú thật hành được, thật rất mừng giùm sự thoát khổ của người ấy. Dầu người chưa hành theo mà biết nhận ra được lẽ phải thì cũng là đỡ bớt tội lỗi lạc lầm, trần thế sẽ nhổ bớt những cái ác quấy, tự cao. Vì Pháp bảo này sẽ là một cái mặt kiếng chẳng thiên tư vậy. Và người ta sẽ biết đến kẻ hiền, cái tu, cái chơn chánh, thật thà, cái ngay thẳng, lơ lơ dường ám độn bên ngoài của đạo đức siêu nhân, mà bên trong không phải kém phần quý báu; theo như cách tưởng lầm của sự thiếu kinh nghiệm, mà có người nói rằng sự ác hung, gian xảo, lanh lợi, giỏi hay chốc lát cho là ích lợi tốt đẹp hơn.

Phải, đúng như thế. Dễ gì mà mặt đất này trở nên Cực Lạc, nào Phật Thích-ca và chư Phật đã dạy được cả chúng sanh! Nhưng chúng ta cũng rất ước mong sao, nhơn duyên hạp cảnh, trình độ phải thời, thì xứ này mai kia sẽ trở nên xứ Phật, ắt cũng không có chi khó nhọc.

CÁCH NGÔN:

Người lớn không nên giữ nết trẻ em.

Ông già chớ khá sái luật trình độ.

Ai ai khá nên như vậy hết.

CHƠN LÝ 38

ĐẠI THỪA GIÁO

Muốn biết Đại thừa, ta phải xem xét lại Tiểu thừa. Khi Phật sanh tiền, Ưu-ba-li là người thợ cạo, xuất gia tu theo Phật. Bởi kém học nên ông chuyên về giới luật hơn hết; giới luật đối với ông sẽ là nền tảng của đạo Phật, nương theo nó người ta trở nên bậc Thánh Hiền. Bảo thủ giới luật tức là bảo thủ đạo Phật một cách chắc chắn của hạng kém học, mặc dầu chưa thành Phật, chớ người ta cũng giải thoát trong sạch được. Sau khi Phật nhập diệt, Ưu-ba-li truyền bá giới luật y bát khất sĩ xuống miền Nam Ấn Độ, và lần hồi lâu sau giáo lý ấy tràn sang xuống đảo Tích Lan, Xiêm La, Cao Miên, Lào, Miến Điện như ngày hôm nay.

Giáo lý y bát khất sĩ giới luật ngày nay sở dĩ người ta kêu là Tiểu thừa là bởi các sư chuyên học về tạng luật, sở chấp rất hẹp mà chín chắn. Các sư không thân cận với kẻ thế, các sư lo tu tự độ mình cho đắc quả A-la-hán có đủ lục thông cho xong trước đã, rồi sau mới đến độ chúng sanh đặng. Cũng như khi ta đã ngồi trên tàu ghe thì mới sẽ cứu vớt được người, chớ lặn hụp như họ thì kéo họ sao cho được. Bởi thế ấy mà khác hẳn với Đại thừa.

Giáo lý Đại thừa tuy là ở tại xứ Tàu, nhưng trước hết có ra là do Đại đức Ca-diếp, đệ tử lớn của Phật, được Phật trao truyền y bát, thay Phật làm Tổ, nắm giữ Tăng đoàn. Ngài là bậc đại trí huệ và từ bi đức hạnh. Ngài giỏi về môn luận, sáng suốt cao siêu, thượng trí. Cho nên trong hàng đệ tử đức Phật, Ngài giỏi nhứt về bên học, chuyên tu về định huệ, thuyết pháp hoằng dương

chánh giáo nhiều hơn là sự câu chấp giới luật, vì đối với bậc đã đắc tứ quả là qua khỏi giới luật rồi vậy.

Giáo lý của Ngài đi về miền Bắc Ấn Độ, về sau truyền sang qua Tây Tạng và xứ Tàu.

Đạo Phật (Thiền tông) xứ Tàu được khởi đầu khai hóa là do đức Bồ-đề Đạt-ma, Tổ sư thứ 28 nơi Ấn Độ, sau Lão Tử và Khổng Tử. Thuở ấy bên Tàu người ta rất tin theo đạo của đức Lão Tử, tiên gia, và Nho giáo thì nắm quyền chánh trị, cho nên nhà quan vua rất gắt gao đối với đạo giáo xứ ngoài. Cũng vì bảo tồn danh lợi riêng mà nhà cầm quyền Nho giáo cấm ngăn đạo Phật, sợ dân chúng tu theo đạo Phật mà bỏ đạo Nho, nên mượn cớ sợ e Ấn Độ cướp giựt xứ Tàu mà ngăn cản Tăng sư Ấn Độ, và cũng chẳng cho ai theo đạo Phật, khiến nên đức Bồ-đề Đạt-ma khi qua xứ Tàu phải chịu 9 năm dòm vách, tức là bị thế quyền Nho giáo làm vách cản ngăn, không cho mở thông khai đạo.

Nhưng làm sao mà cản ngăn CHÁNH PHÁP được. Kẻ trí thức của thần giáo chẳng bao lâu giác ngộ quy theo, dứt bỏ hành vi mê muội, khá học được trí huệ, biết chánh tín đạo lý, lần hồi sáng tạo Tăng-già, chánh giáo ẩn nhẫn hoằng khai. Nhờ vậy mà ai nấy sau này được năng sanh trí huệ. Đó là những thời kỳ Bồ-đề Đạt-ma, là pháp chánh giác mới truyền sang Tàu, kế đến Thần Quang, Huệ Khả, Đạo Tín, Tăng Xán, Hoằng Nhẫn và Huệ Năng, là sáu cảnh ngộ trải qua của đạo Phật ở nơi xứ Tàu, từ sơ khai đến khi thành đạo. Trải qua không biết bao nhiêu gay cấn, đạo mới hoàn thành, mà là sự hoàn thành dưới quyền Nho giáo chánh trị, chỉ được pháp học về trí huệ, hiểu thấy cao siêu, chớ giới luật y bát khất sĩ thì vẫn còn đang bị cấm ngăn, các vua quan chưa cho Tăng sư trì giới, khất thực du hành, tự do tu tập.

Ấy cũng bởi giáo lý của Phật rất đúng chơn lý, quý báu cao siêu nên Nho giáo không thể cấm cản lòng dân, và kẻ trí thức lần hồi ai ai cũng tìm thêm học Phật, và nhận pháp Phật là cao trên Nho giáo, cũng như bài vở của lớp nhứt và lớp ba là khác xa nhau vậy. Vì đó mà Nho giáo chia ra hai phái: phái đạo Nho thì quy y pháp Phật; còn phái đảng Nho thì mượn danh Nho mà lo danh lợi, lạm dụng quyền thế, áp chế dân tình; họ chẳng bao giờ chịu hiểu nghe xem pháp Phật; họ đã không ngăn cấm được sự học Phật của dân chúng

thì họ ngăn cấm giới luật tu hành. Họ đành chịu thua, nhượng cho pháp Phật là hơn họ, vì số đông quần chúng trước mặt chớ sau lưng họ cũng vẫn phỉ báng chê bai, khinh ngạo luôn luôn.

Họ sợ nhứt là giới luật y bát khất sĩ của nhà Phật, vì giới luật ấy rất trọn lành, trong sạch, tốt đẹp lắm, còn hành vi của họ thì danh lợi, dơ bẩn ác quấy lắm. Họ sợ người Tàu hay người Ấn Độ mà thật hành giới luật là xấu hổ cho họ. Họ sẽ bị người ta chê bai chỉ trích chỗ lấm lem, và không còn ai tín nhiệm, mê nghe theo họ nữa.

Vì thế mà các nhà sư ở xứ Tàu, từ xưa cho đến nay không thể ban hành giới luật y bát Khất sĩ giải thoát như đạo của đức Phật Thích-ca xưa. Những ai học hiểu đạo lý khá thì vào rừng tham thiền nhập định, nên gọi là giáo phái Thiền lâm; Thiền lâm là các sư tham thiền ở trong rừng vắng.

Còn những sư già yếu tật bịnh, trẻ nhỏ, không vào rừng đặng thì ở nương chùa trong làng xóm thành thị. Chùa thuở xưa bên Tàu là Hồng Lô Tự của quan vua mộ đạo lập ra, và kêu gọi là nơi chỗ in kinh dịch sách, nhà thờ, chớ không phải như Giáo hội Tăng-già, đạo tràng tịnh xá như khi xưa của Phật Tăng bên xứ Ấn Độ, cất lợp bằng tranh lá ở vườn rừng.

Các sư ở chùa được là do bá tánh cung cấp dưỡng nuôi, nên mọi việc cũng phải lo cho bá tánh. Các sư như người thủ tự, phải bận rộn việc tông giáo, thờ phượng cúng kiến vái nguyện cho cư sĩ luôn; cư sĩ có việc chi cũng kêu réo hỏi đòi các sư, thế là các sư không còn trông gì định huệ nữa được. Và lâu ngày có sư đã thành ra nghề nghiệp, sống sanh nhai thù tạc với cư gia bằng danh từ kinh sách, tượng cốt của Phật; mắc hưởng cái gia tài của Phật cho ấy mà khó trông tu học. Cũng vì sự ở chùa nên hoàn cảnh bắt buộc, các sư phải thâu nhận tín đồ bổn đạo, thân cận với cư gia, danh lợi quyền thế, dạy dỗ các quan vua, Nho giáo bày ra chức vụ danh từ. Bây giờ các sư đã trở nên cư sĩ xuất gia, không còn biết đến lý nghĩa của Tăng đồ Khất sĩ nữa.

Vậy nên các sư học thì học Phật, mà tu hành thì theo Nho! Sự ăn mặc ở bịnh, hành vi thảy theo Nho giáo.

Cũng như học trò lớp nhứt mà làm việc của lớp ba, tức là đã thành ra lớp nhì chính giữa. Vậy nên Đại thừa giáo hôm nay đã là đạo Trời, trên lớp người, chớ không còn đạo Phật, nếu các sư không được chấn chỉnh lại.

Về Đại thừa giáo, các sư lại quý thích về sự luân hồi trở lại mà không cần giữ lục căn thanh tịnh để chứng quả Niết-bàn. Các sư thề độ tận chúng sanh mới thành Phật, phát nguyện theo như Bồ-tát cư sĩ tại gia, lo làm việc thế. Vì lòng thương kẻ chúng sanh thấp dại mà các sư lại nguyện đời đời kiếp kiếp ở dưới địa ngục để độ chúng sanh lên hết trên thiên đường, chớ chưa đến Niết-bàn được, vì không có ai dắt đầu cho họ. Các sư quên rằng là chúng sanh tấn hóa mãi, sanh thêm hoài, nên các sư cố chấp bổn nguyện mình lắm. Các sư vui lòng làm ông thầy giáo lớp chót để dạy số học trò đông nhiều, mà chen lộn choán phần phụ tiếp với xã hội, gia đình, tông giáo; đặng chia sớt số tín đồ bổn đạo, dạy lớp nhơn thiên, bặt lối Niết-bàn giải thoát của chư Phật. Vì thế mà không có ai đắc đạo quả lục thông cả.

Các sư gọi mình là Đại thừa giáo là bởi lẽ các sư cần học mà không cần hạnh. Các sư học vắn tắt về pháp trí huệ của bậc thầy, Bồ-tát, thượng trí, và các sư không cần mình đắc đạo quả trước. Các sư không muốn giáo hóa bậc xuất gia khất sĩ tỳ-kheo lớp trên. Các sư có học hiểu chút đỉnh là vội đi làm thầy giáo, dạy lớp dưới của hạng bậc cư sĩ số đông nhiều. Các sư chỉ hiểu rằng có bổn đạo tín đồ quy y theo đông là đắc đạo quả, đắc thế quyền danh lợi giống như Nho giáo, xã hội gia đình mà các sư quên rằng Phật Tăng khi xưa là không có tín đồ bổn đạo bà con quyến thuộc, nhờ vậy mới trong sạch giải thoát chứng Niết-bàn.

Vì thế mà Đại thừa giáo đó tức là Nho giáo, nhân đạo, trói buộc sanh tử, kêu gọi là đời, đã nhập theo đời, vật chất trào lưu, không còn dấu vết Phật Tăng nữa. Các sư lại chìu theo ý của cư gia bổn đạo mà bày ra đủ thứ trống chuông, điệp phái, sớ tấu, lầu kho, hạc ngựa, tế lễ như Nho đạo quan vua để cho vừa lòng bổn đạo. Các sư cộng sự với cư gia làm các việc phước thiện về phước báu nhơn thiên hữu lậu, không còn một phút định tâm rảnh trí, dạy đạo chư Tăng chi cả. Các sư cũng sắm lập của riêng như kẻ thế. Các sư cũng như những bậc vua quan, các sư làm vua quan bằng đạo Phật, cũng có chỗ khá hơn bên ngoài xã hội, vì các sư cũng còn giữ gốc chưn phước thiện. Vì thế mà các sư được đắc nhân tâm hơn xã hội và các tông giáo khác. Các sư tranh cạnh tín đồ tôn giáo một cách ráo riết để cho đạo đông chùa lớn, đặng cho bớt những sự ly loạn chém giết lẫn nhau. Nhứt là những lúc chiến tranh tai nạn thì người ta theo các sư đông lắm, nhờ vậy mà chóng mau hết giặc,

nên người đời cảm mến mang ơn quí trọng.

Đại thừa giáo tức là đạo Phật cải cách theo đời chúng sanh, là giáo lý nhơn thiên trong thời mạt pháp của đạo Niết-bàn. Không phải Đại thừa giáo làm cho mạt pháp Niết-bàn, mà là đến lúc đạo Niết-bàn mạt pháp, căn cơ chúng sanh siển bạc, nên nhơn duyên bắt buộc, pháp giáo phải cách mạng đạo Phật mà thành ra đạo trời người để tế độ chúng sanh thấp kém, ấy vì hoàn cảnh mà giáo pháp phải hạ thấp xuống, mới có được học trò kia vậy.

Nhưng dầu sao, các sư cũng không quên đạo lý luật pháp của Phật. Các sư cũng còn gọi nhau là Hòa thượng, Yết-ma, Giáo thọ, Tăng chúng, Tỳ-kheo, Sa-di, Cư sĩ… mà trái lại sự thật hành thì chưa đúng được chánh nghĩa của từ xưa Phật dạy.

Thuở xưa chư tỳ-kheo không có cấp bằng chức phận chi cả. Tỳ-kheo là khất sĩ, tất cả chúng sanh là khất sĩ xin học y theo chơn lý, tất cả như nhau bình đẳng chớ không giai cấp. Có điều là thế gian cư sĩ chưa thật hành đúng chơn lý được nên phải khổ sở luân hồi. Cư sĩ sẽ là khất sĩ sau này, kẻ trước người sau ai ai cũng là khất sĩ, chớ không có cái tên cư sĩ tạm. Vậy nên cư sĩ bước chân vào đạo, theo tập sự với một khất sĩ tỳ-kheo kêu gọi là sa-di; sa-di là lớp tập sự tạm để bước lên khất sĩ bình đẳng. Đức Phật dạy đối với sa-di tập sự mới vào đạo phải theo với một khất sĩ tỳ-kheo thiệt thọ. Hãy xem coi vị khất sĩ tỳ-kheo ấy như Phật, vị ấy phải thay thế Phật mà dạy đạo luật cho sa-di tập sự, nên sa-di tập sự kêu gọi vị tỳ-kheo khất sĩ ấy là bậc bề trên, như bậc bề trên Hòa thượng. Hòa thượng là tiếng của sa-di tập sự xưng tặng ông thầy tạm của mình, chớ không phải là Hòa thượng của tất cả, hay cấp bằng chức phận.

Trong đạo Phật thì mỗi khất sĩ chỉ được phép dạy một tập sự thôi. Hoặc từ hai năm hay sắp lên, khi nào người tập sự đủ đức hạnh trí huệ, và đã được một giáo hội 20 vị sư xem xét thì mới cho vào lớp tỳ-kheo khất sĩ bình đẳng. Bình đẳng của trí huệ đức hạnh cũng như nhau, khi ấy vị khất sĩ mới không còn gọi thầy mình trước kia là thầy Hòa thượng nữa, mà là tất cả như nhau bình đẳng của chơn lý, là phải do sự chứng nhận của thầy Hòa thượng tạm của mình, phải có thêm một vị sư giới thiệu với giáo hội, kêu là Yết-ma thầy dạy lễ, và một vị sư truyền giới cho kêu là giáo thọ, trong

khi ấy phải có đủ một giáo hội, lớp học 20 vị sư ưng chịu cho nhập chúng nữa mới được. Như vậy thì tên gọi Yết-ma, hay Giáo thọ của sa-di tập sự là chỉ dùng trong khi lên lớp, thọ giới giây lát, chớ không phải danh từ chức vụ vĩnh viễn của tất cả, hay là cấp bằng thi đậu. Nghĩa là tất cả chỉ có một tiếng khất sĩ, chớ không có tiếng Hòa thượng, Yết-ma, Giáo thọ tạm cho mỗi người kêu gọi.

Trong đạo Phật thì một khất sĩ mỗi lúc chỉ dạy cho một tập sự thôi, khi một tập sự này đã được đưa vào hàng khất sĩ rồi thì mới được thâu dạy một kẻ khác nữa, tiếp tục mãi như vậy. Vì là trách nhiệm của ông thầy rất khó, con không biết dạy lỗi tại cha, dạy không nghiêm lỗi tại thầy. Ông thầy là bao gồm tất cả việc phải quấy, tội phước, nên hư của học trò. Cơm ăn, chỗ ở, áo mặc, thuốc men của tập sự là do người ta cúng dường cho khất sĩ, khất sĩ mới cho lại tập sự; chớ không có ai cúng dường cho tập sự cả, bởi lẽ tập sự còn kém sự học hạnh. Thế cho nên học trò tập sự là mang chịu ơn thầy rất nặng: ơn dạy dỗ và ơn đùm bọc. Vì vậy mà tập sự giao hết tánh mạng mình cho khất sĩ uốn nắn sửa trau, do lẽ thầy độ mà ông thầy ấy là tập sự đã ưng lòng lựa chọn trước. Bởi thế cho nên tập sự sa-di không được tự ý, khi nào thầy tỳ-kheo khất sĩ dạy hết sức mình rồi mới gởi sa-di tập sự lên lớp trên bình đẳng, hoặc đưa qua cho vị khất sĩ khác giỏi hơn dạy thêm tự ý nơi thầy tỳ-kheo, chớ sa-di không muốn được. Nhược bằng sa-di tập sự đang theo học nửa chừng với ông thầy vị sư chưa hết bài vở, chưa được gởi gắm, mà tự ý trốn bỏ thầy, đi tìm học với ông khác, tức là không ai thâu nhận hết, và sa-di đó cũng khó trở lại với thầy mình được, vì lẽ sa-di ấy đã là tâm bất chánh rồi. Không ông thầy nào dám nhận học trò đó là bởi biết nó đã vong ơn bội nghĩa, ghét giận ố nghịch thầy của nó, rồi đây nó sẽ nói quấy cho thầy nó với vị sư này, và rồi nó sẽ cũng bỏ vị sư này mà đi qua vị sư khác, nói sái cho vị sư này nữa; Như thế là tâm nó đã hư rồi, đâu còn vào lớp bình đẳng khất sĩ thanh tịnh được mà thâu dạy làm chi! Thế là sa-di tập sự đó bị sa thải vậy. Bởi lẽ đạo Phật cao siêu tốt đẹp lắm, không dung chứa những bậc hạ căn chen lộn được. Đành rằng sự học phải trăm thầy, trăm lớp, triệu bài, nhưng mỗi lúc bài nào phải cho rồi bài nấy, thầy lớp nào phải cho xong thầy lớp nấy, phải do ông thầy mình đang học chứng nhận đưa lên từng bực, chớ không phải như học trò lớp chót, nghe nói lớp nhứt thầy hay mà bỏ trốn,

chạy vượt lên để phá rối người ta. Trừ ra một đôi khi đang theo tu học nửa chừng mà ông thầy lại chết, sa ngã, điên loạn, không dạy chi được nữa, mới phải đi học qua một vị khác được.

Đời cũng vậy mà đạo cũng vậy. Ngoài thế gian thầy giáo ăn tiền, dạy cho lấy có, cả số trăm người, nên hư mặc kệ, nó về nhà nó; chớ đạo đức thì khác xa lắm, tội của trò là lỗi tại thầy, thầy phải chăm nom trò từ chút, phải một thầy một trò, học trò mỗi mỗi phải nối dấu chưn y theo thầy, thầy trò phải ở khít nhau luôn, chớ không phải như cư gia ở nhà lêu lổng mà cũng gọi là đệ tử các sư và các sư Đại thừa thì quá từ bi quảng đại mà cũng kêu là bổn đạo chung lộn. Thế mới biết rằng đạo Phật xưa là kỹ càng lắm, rất ít oi, độ được một người là nên một người, tuy hẹp hòi mà chánh pháp lưu trụ, chớ không phải như ngoài xã hội, dùng sức lực mà phải cần đông đảo để cho hư đạo. Vì vậy mà lòng từ bi của Đại thừa giáo càng rộng là đạo Phật Thích-ca sẽ không còn hình bóng. Càng tranh cạnh tín đồ bổn đạo, tông giáo càng đông là đạo Phật không còn cái tiếng "Đạo". Và lần lần xã hội, gia đình, tông giáo, đảng phái khác vì quyền lợi mà hằn học phản đối, chán ghét ố nghịch, hiểu lầm tiếng đạo Phật. Cũng bởi thế mà ở tại xứ Tàu, Thiền lâm và Đại thừa giáo là hai chớ không phải một. Thiền lâm là kẻ tu thiền định trong rừng, bậc chỉ sống bằng định huệ y theo chơn lý, qua khỏi giới luật, tánh căn thuần thục cao viễn lắm! Còn phái Đại thừa giáo là có học không tu, tưởng lầm mình đắc, xưng tổ khoe thầy, tưởng mình là Phật, khác hẳn với đức Ca-diếp, Đạt-ma mà chẳng hay, lại lầm mình là hơn Phật Thích-ca xưa nữa.

Cái món vốn của Đại thừa giáo là ăn chay. Bởi chấp ăn chay mà gọi Tăng đồ y bát khất thực, ăn thịt uống sữa là Tiểu thừa, và như Phật khi xưa giữ y bát khất thực trọn đời cũng là Tiểu thừa nữa. Vì mảng tưởng thế mà tham sân si khó diệt trừ được, bởi lẽ không có giới luật y bát khất thực thì làm sao trong sạch.

Ấy cũng là do sự học nhiều khó tu, và cái học đó sẽ bị nhơn duyên cảnh ngộ đổi thay mà xa lần chánh pháp. Điều ấy cũng là do theo trình độ của chúng sanh dân tộc mà đạo phải biến ra tông giáo như thế. Sự cải sửa lớn lao ấy phần chánh là bởi nhà Nho xuất gia tu Phật mà còn giữ gốc Nho. Nhà sư mà còn báo hiếu tận trung, lo cho gia đình xã hội, tư riêng, sái quấy, chưa nhận ra giáo lý bình đẳng sống chung đại đồng của thế giới trong vũ trụ. Các

sư ấy chỉ hiểu đạo của một gia đình xã hội, chớ chưa nhận ra là đạo của thế giới chúng sanh chung, nên chưa cắt được phàm tâm ái dục. Các sư chẳng đứng trên võ trụ thì làm sao giải thoát ra khỏi xã hội gia đình. Do đó mà các nhà sư không bao giờ rời bỏ cái nhà chùa thờ, chỗ ở của mình được, thì làm sao cho cái đạo lan tràn khắp nơi lớn rộng. Thế nên đã mấy ngàn năm mà giáo pháp chỉ lẩn quẩn trong xứ, các nước khác chẳng ai dùng, khác xa với chư Tổ sư xưa kia, và sự tu ấy cũng không giống xưa nay ai hết.

Cũng vì Đại thừa giáo là Nho giáo, giống như các tông giáo khác, chưa được cái vẻ của đạo Phật, nên quyển *Đại thừa giáo* này có ra là do nơi sự chấn hưng của Đại thừa giáo. Đại thừa giáo tai nạn từ xứ Tàu sang đến xứ Việt. Đại thừa giáo đã chẳng biết bao nhiêu lâu tai nạn, không thể đến với chơn lý được. Cũng như chúng ta đều thấy từ những mấy chục trăm năm về trước, Đại thừa giáo là đạo Phật rất tối tăm mờ mịt, mà người ta cho mê muội ở nơi xứ Việt. Đại thừa giáo mới được sự học thức thông minh trong khoảng mấy chục năm gần đây. Đại thừa giáo là một nền đạo tân tiến, khoa học, chớ không phải bảo thủ cái không kinh nghiệm. Đại thừa giáo từ nay sẽ tiến lên, tiến đến chơn lý, tiến đến đạo Phật. Rồi đây sẽ không còn tên Đại thừa giáo như xứ Tàu nữa. Cũng vì sự tiến lần đến chánh pháp như khi xưa của Phật Thích-ca và chư Phật quá khứ, mà đạo Phật ở xứ Việt đã bắt đầu cải cách từ lâu, sẽ từ có học đến tu hành và đắc đạo, cũng như khi xưa xứ Ấn Độ.

Do đó mà quyển *Đại thừa giáo* này có ra là để chỉ rõ một sự thay đổi của cái tiếng đạo Phật từ lâu, một tấn tới của trình độ dân tộc, một tiến cấp của trong hàng Phật tử, một vui mừng của đạo Phật. Vì chẳng bao lâu nữa đây đạo Phật sẽ là đạo Phật, con đường của người giác ngộ chúng sanh chung hay là Đạo, chớ không còn phải Đại thừa giáo của xứ Tàu hay là Nho đạo Khổng Tử, nhân đạo nhỏ hẹp.

Việc ấy là một việc rất tốt đẹp, ngoài ước lượng mà ít ai suy tưởng đến, và khi hiểu biết rõ ra, chắc là ai ai cũng thảy đều vui mừng tán dương ca tụng hết.

CHƠN LÝ 39

XỨ THIÊN ĐƯỜNG

Cõi thiên đường ngày hôm nay mà có cho người ta kêu gọi, là bởi xưa kia có một xứ nọ, loài người không còn tham muốn nữa. Cả thảy từ nhơn loại tiến đến Niết-bàn, trong lúc đang đi tới, nơi khoảng giữa ấy tức là thiên đạo. Thiên đạo là khoảng đường giữa của người và Phật. Mà mục đích của chúng sanh là tiến đến Phật. Thế nên thiên đường là nấc thang tạm của nhơn loại để bước lên tới Phật, cũng như người lớn là bước chưn của trẻ nhỏ tiến lên ông già. Ông già là Phật, người lớn là Trời, trẻ nhỏ là người. Phật, Niết-bàn là chỗ đến của tất cả.

Thuở xưa, trên mặt Hy-mã-lạp sơn là mặt đất bằng cao ráo, rộng rãi mênh mông. Bấy giờ loài người sanh ra ở trên ấy rất đông đảo, xúm xít ở gần nhau thành ra một xã hội. Xứ ấy tên gọi là thiên đường là do sự tích như thế này: Bởi xứ ấy vào đời thái cổ, con người còn đang ở trong cái thật tự nhiên của võ trụ, ai ai cũng biết rõ nguồn gốc của võ trụ. Địa cầu tứ đại và chúng sanh là con của đất nước lửa gió, đổi thay do nhân duyên chẳng đầu đuôi. Vào thời kỳ ấy giáo lý rất hẹp. Tất cả cỏ, cây, thú, người, nhỏ, lớn, nam, nữ, sắc màu, tiếng tăm… cả thảy đều có một tên gọi chúng sanh, sống chung như nhau theo lẽ tạm thôi, chớ không có phân biệt danh từ mẹ cha chi hết, cho đến các vật tướng có thân hình rờ rẫm đặng, cái chi người ta cũng gọi là vạn vật chớ không có đặt tên món này món kia chi cả. Những cách cư xử với nhau, cùng việc làm với vạn vật, người ta kêu là pháp, chỉ là các pháp, chớ không có tiếng phân biệt.

Nhưng người ta lại rất hiểu rộng ra rằng vạn vật là không có, chỉ có tất cả là chúng sanh như nhau, là những vi trùng kết hợp, là những chất sống. Chất sống ấy là những con vật. Thân người là một khối vi trùng kết hợp, cũng như đất nước lửa gió là vi trùng kết hợp, chớ không phải đất nước lửa gió. Cũng như quả địa cầu là một ổ vi trùng to. Trong đó, mỗi hột cát là sự kết hợp vô số vi trùng nhỏ, đang tượng, đã tượng và nẩy nở, nước lửa gió cũng y như vậy. Cả thảy là vi trùng, tiểu trùng nhỏ, đại trùng lớn, sắt đá cũng là vi trùng chúng sanh. Các loại trùng ấy có ra bởi lửa, cả thảy đều do lửa, cho đến điện lực cũng là vi trùng nữa. Đủ thứ vi trùng, đủ thứ tánh chất tương đối, chuyền níu nhau, kết hợp thành hình chúng sanh to nhỏ và vạn vật. Chúng nó vẫn tranh đấu nhau mãi theo tánh tương đối, làm cho các pháp phải thay đổi, nơi chúng sanh vạn vật phải thay đổi. Chính cái thay đổi tranh đấu của vi trùng ấy là các pháp vậy.

Chúng ta đây, mỗi người đều có thân thể. Thân thể ấy tức là một khối vi trùng: vi trùng thấy, vi trùng nghe, vi trùng hưởi, vi trùng nếm, vi trùng rờ, vi trùng tưởng, vi trùng nữ, vi trùng nam, vi trùng đen, vi trùng trắng v.v… đủ thứ vi trùng đang tranh đấu. Ví như vi trùng đi thắng thì nó lôi chưn đi; vi trùng nói thắng, nó bắt nói; vi trùng nữ thắng là người nam móng dục tâm, biến thành nữ; vi trùng nam thắng là người nữ móng dục tâm, biến thành nam; vi trùng tham sân si làm cho ham muốn, giận hờn, mê muội… Các vi trùng ấy cũng gọi là giác trùng vì cả thảy đều có giác tánh, là biết.

Như thế thì thân thể vi trùng phối hợp của chúng ta đây, vốn không có cái ta chủ tể và không bền vững, bởi sự tranh đấu của vi trùng. Chúng ta đang ăn uống vi trùng, đi đứng trên vi trùng, không cái có nào chẳng phải là vi trùng sống hay giác trùng cả. Cái sức mạnh của chúng nó kêu là linh, các pháp của chúng nó gọi là thần. Thế nên trong võ trụ hay trong mỗi thể đều có ba cái: sống, biết, linh là chủ tể. Ba cái ấy làm ta, chớ xác thân không phải có thật. Cả thảy các thứ vi trùng trong thân, chỉ có vi trùng tư tưởng là mạnh nhất thường thắng phục các vi trùng kia, nó là mẹ sanh các vi trùng mống dục. Nhưng bền dài sống dai hơn hết là vi trùng chơn như, tự nhiên, không vọng động. Vi trùng này yên vui, trầm tĩnh, thanh nhàn, khỏe khoắn

lắm. Vi trùng này mà thắng được thì chúng sanh tức là Phật vậy. Ngoài ra, còn có vi trùng trí huệ sắc bén như gươm đao, ánh sáng hơn mặt nhựt. Hầu hết các loại vi trùng đều do hai khí tánh là thanh hay trược, tức là thiện hay ác, khổ hay vui, tương đối…

Bởi hiểu ra như thế, cho nên người nơi xứ đó không quý tiếc thân mạng, của cải chi cả. Họ cố sức thắng phục vi trùng xấu, dưỡng nuôi giúp sức cho giác trùng tốt để đến cõi thuần thục trang nghiêm. Họ cho là vật chất xác thân hỗn tạp nhơ uế, vì nó tích chứa đủ thứ độc trùng tai hại. Bởi thế cho nên họ sống đời đúng chơn lý lắm. Đối với họ, vạn vật đã là không có, và các pháp tên gọi, sự việc biến hóa của vạn vật chúng sanh cũng là không. Họ cho rằng khi chúng sanh còn mê nhiều, vi trùng mê thắng thì nó lầm nhận nơi các pháp mà gọi rằng chúng sanh là pháp, vạn vật là pháp, giáo lý sự việc là pháp, chỉ có pháp chớ không chúng sanh vạn vật. Nhưng nếu vi trùng mê muội đã mở mắt tỉnh ra rồi thì cả thảy là vi trùng giác, từ sơ giác tới toàn giác, cái biết sẽ biết hoàn toàn, thì chúng sanh là biết, biết hoàn toàn Phật vậy. Phật là giác biết hoàn toàn như ông già, còn chúng sanh là biết nhỏ hẹp như trẻ nhỏ. Thế thì chúng sanh là Phật. Phật là tối thắng thiên nhơn, nghĩa là giác trùng đã toàn thắng tất cả, làm chủ tể; còn tiếng chúng sanh là giác trùng còn đang tranh đấu, nên chưa định được.

Vậy thì chỉ có chúng sanh hay sẽ là Phật đối với chơn lý thôi, vì nó là chủ tể, chớ vạn vật là sự lầm nhận, còn các pháp là sự tranh đấu không bền, không phải có thật. Các thứ vi trùng tranh đấu xưng ta, giành cái ta làm chủ mà tự xưng tên gọi pháp, ví như vi trùng thương, vi trùng nhơn, vi trùng phải, vi trùng tự cao, v.v… chúng nó hằng giành choán xưng vương, nhưng bởi tánh không định nên không yên vững đặng, mà hầu hết đều gọi là vi trùng nhỏ, vi trùng vô ích, không dùng được của sự chọn lọc, nên cũng gọi là vi trùng chết yểu. Mà chỉ có vi trùng định, chơn như, giác ngộ, là sống tồn tại vĩnh viễn còn hoài, thắng tất cả bằng tự nhiên, hạnh phúc an lạc, nên gọi là ta, có ta, vua chủ sống được. Cái ta ấy tức là vi trùng giác hay Phật.

Một ngày kia, cái thân vạn vật các pháp chúng sanh này, nó rã đi, thất bại, thì chừng ấy chỉ còn có vi trùng giác, đứng vững làm ta kết quả vậy.

Vì lẽ đó mà nhơn loại xứ ấy, họ chăm chú nương theo Phật, một ngày kia, họ không còn biết đến xác thân vật chất và các pháp, hay chúng sanh tạm. Họ không tham muốn tiếc gìn cái có chi bên ngoài hết. Cũng như người trồng cây, họ ngó ngay cái hột giống, một ngày kia, chớ không quý trọng cây lá nhánh trái hoa chi cả. Họ cho rằng con đường từ vật chất đến tinh thần, từ thân đến tâm, từ vỏ đến hột, từ ác đến thiện, từ động đến tịnh, là phải tiến tới. Bỏ cái trước đến cái sau, bỏ cái dưới đến cái trên là hạnh phúc vĩnh viễn, ai ai mục đích cũng phải như vậy hết, không ai đi lui mà được tốt đẹp, không ai đứng một chỗ mà được yên vững, không ai đi một lượt hai chưn, hay là một bước tới một bước lui mãi mà gọi là đi tới. Kìa như kẻ kia, cũng ác mà cũng thiện, cũng khóc mà cũng cười, tội cũng làm phước cũng là. Kẻ ấy tưởng mình thắng nổi thời gian, giữ hoài 30 tuổi mãi, lầm mình là cái trái vẫn đứng ngừng tươi xanh. Kẻ ấy tưởng lầm mình không mỏi mệt chán khổ. Kẻ ấy đối với lẽ tiến hóa sẽ bị gãy, như cái cây cắm đứng cản ngăn nơi dòng nước, đau đớn uổng oan lắm vậy.

Đó tức là lòng tham muốn, trí ghim sâu trong vật chất, thân dơ bẩn trên tinh thần. Kẻ ấy ắt sẽ gãy như cái cây kia không sai chạy. Vì không thế nào ai ở trong vật chất được hay là tinh thần vật chất đi đôi, tới lui một chỗ được.

Cũng như không ai tránh khỏi cái già cái Phật, thì nhọc lòng ham muốn, cố cưỡng mà làm chi cho khổ, mà cái già cái Phật là tốt đẹp chớ có phải xấu xa đâu, tội gì mà lại sợ. Chơn lý võ trụ là tiến, là trong sạch, cứu giúp ta, đưa ta lên thì tội gì mà ta trốn tránh.

Bởi thế cho nên, chúng sanh ở nơi xứ đó chỉ có hai hạng bậc thôi là vật chất và tinh thần. Con đường từ vật chất đến tinh thần, nối liền hai khoản đầu đuôi ấy, kêu là thiên đường. Thiên đường là bước chân đang đi lên của hạng người vật chất. Cũng như người lớn là bước chân của trẻ nhỏ sẽ đến ông già vậy. Ở trong xứ ấy, hạng trên sống bằng tinh thần giác tánh, chơn như. Họ lấy giới định huệ làm món ăn mà nuôi giác trùng cho mạnh mẽ tốt đẹp dẫy đầy sanh sản, đặng áp chế các vi trùng độc. Họ bảo giữ chúng nó bằng cái toàn chơn chí thiện vậy. Xác thân của họ như vỏ trái già chín, họ không còn ngó nó nữa, vì họ đã cứng chắc tâm hột rồi. Họ không tự làm

ác để nuôi thân, họ không tiếc gìn thân, họ bỏ xác thịt giờ nào cũng được, họ chỉ lo nuôi tinh thần đi lên cao tới mãi. Họ cũng như xác thân đã chết rồi, hay là không có đối với họ, không có tự nơi họ. Cũng như đức Thích-ca Mâu-ni khi xưa, sau khi giác ngộ đắc đạo, thấu chơn lý, bấy giờ Ngài muốn nhập Niết-bàn bỏ xác, bởi lẽ tâm hột đã già chín, là thân vỏ khỏi cần nuôi nữa.

Ngài đã thấy rõ tội lỗi của chúng sanh vì miếng ăn, ăn lẫn nhau bất công đàn áp, mà Ngài không thể tự lấy làm việc chi được. Ngài thấy rõ xác thân sống cho Ngài lúc bấy giờ là rộn nhọc, chớ không ích chi nữa.

Vả lại, chúng sanh thì tự ai nấy giác ngộ lấy mình được, chớ khó ai dạy chỉ ai, nên Ngài muốn nhập diệt. Nhưng lúc ấy chư thiên và nhơn loại đến thỉnh Ngài mà bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, thân này vốn chẳng phải của Ngài, nó vốn của tứ đại vạn vật, của chúng sanh chung, của các pháp, cả thảy sanh ra nó. Nó là của tất cả bố thí, của tất cả cho, của tất cả nuôi dưỡng để dành dùng. Nó đã xin của tất cả, biết bao nhiêu về cái sống mới đặng sanh ra Ngài, sanh ra Phật, sanh ra cái tâm hột. Vậy thì Ngài là Phật, Ngài là tâm hột chẳng nên biết đến nó nữa. Ngài cũng chẳng có quyền sanh diệt nó. Ngài hãy xem như Ngài là không thân đi. Cái thân tội lỗi của Ngài như đã chết rồi, mà thân này từ nay Ngài đã giác ngộ thì cái chủ tể của nó là chúng sanh, vạn vật các pháp. Ngài đã bố thí nó lại cho tất cả, không còn lầm choán, tích trữ nghiệp tội, vậy thì chúng sanh sẽ dùng nó chứa đựng Pháp bảo của nơi Ngài. Ngài có ra cũng do chúng sanh, mà mục đích chỗ đến của chúng sanh là sống tu học.

Nhờ họ mà Ngài được đến chỗ nơi, thế là Ngài phải dạy chỉ dắt dẫn lại họ. Thân Ngài sẽ là nhà chứa pháp cho họ vậy. Khi nào họ còn cúng dường, còn gìn giữ, là tự Ngài không phải hủy bỏ. Chúng sanh sẽ nhờ thân vỏ nhà tạm ấy mà được lãnh thâu pháp thí. Ngài chỉ bố thí pháp cho chúng sanh là đủ cho họ cúng dường tiếc giữ quý trọng thân ấy lắm vậy! Và do đó, cõi thiên đường mới có cho nhơn loại bước lần lên được.

Cõi thiên đường của nhơn loại tức là sự cúng dường tứ sự cho Phật Tăng, và Phật Tăng bố thí pháp ánh sáng lại cho kẻ thế. Nhơn duyên bố thí

pháp và cúng dường tài, ấy là thiên đường vui sáng cho nhơn loại đến lần theo chơn Phật được. Vì có Phật mới có chư thiên, chư thiên là nhơn loại do nhờ sự cúng dường nghe pháp, bởi thế nên chư thiên mới yêu cầu Phật. Và khi Phật đã nhận lời rồi thì từ đó chư thiên ủng hộ Phật luôn luôn, còn nhơn loại thì nhờ cúng dường nghe pháp mà sanh lên làm chư thiên vô số kể. Những cư sĩ ấy là cư sĩ tạm, ở tạm trong vật chất, trong cái ác. Họ phải bảo hộ cái thân vỏ non để tập nuôi lần cái tâm hột non cho mau già cứng, đặng khi già cứng rồi thì thân vỏ vật chất ác sẽ qua khỏi dứt bỏ trọn vẹn. Như vậy nghĩa là tất cả đều tiến tới tinh thần rốt ráo, đi lên mãi, còn vật chất ác vỏ thân là sẽ dứt bỏ từ lần, kẻ đi qua, người sắp tới. Con đường từ ác đến thiện, từ thân đến tâm, từ vật chất đến tinh thần, từ vỏ đến hột, là phải y như vậy. Thiên đường có ra là do khoảng giữa, nhờ sự tô đắp của cúng dường tài và ánh sáng của pháp thí. Thiên đường lớp trên cao ráo, vui tươi, xán lạn hơn nhơn loại, là bởi sự trong sạch không tham ác và được thông minh trí huệ hơn. Xứ ấy gọi là thiên đường là bởi trên cao có lớp xuất gia giải thoát, khất sĩ giác ngộ, sống y theo chơn lý, sống bằng tinh thần, tâm trong sạch, bố thí pháp cho cư gia, lớp dưới cư gia cúng dường tứ sự hộ cho các Tăng sư. Cũng như linh hồn xác thịt trao đổi lẫn nhau, cả hai đều sống đủ thân tâm, thành ra con đường nối liền khoảng giữa, gọi thiên đường. Nơi đó kẻ khất sĩ chỉ sống bằng tâm không thôi, còn thân thì là của chúng sanh, của đạo Phật. Cư gia còn hộ cúng dường là Tăng sư còn dạy bảo, hết thôi cúng dường là không còn bố thí pháp nữa. Điều ấy là do cư gia, tự ý kẻ đi sau để hay là bỏ, chớ người đi trước thì không được biết đến.

Ở xứ ấy cư gia còn có thêm rất nhiều phận sự, vì là kẻ còn ở trong vòng tội lỗi, và nếu càng tham chấp là càng phải khổ, nên ai ai cũng quyết lòng tấn hóa vượt lên mà không ưa trì trục, đứng lại. Họ vừa nuôi thân và cũng vừa nuôi tâm. Họ vừa cúng dường Tăng giữ gìn đạo Phật, giúp cho Tăng nên, cũng như nuôi ông thầy giáo để dành về sau, như cất lập lớp trường, bảo thủ quyển sách cho mình.

Cư gia lại còn giúp đỡ cho người già bệnh, trẻ nhỏ mồ côi, làm các việc phước thiện bên ngoài nữa.

Cư gia biết bố thí cúng dường là bởi cư gia có trí thức, không muốn cất giữ món của vay tội lỗi vô ích cho thêm nặng nhọc. Cư gia ấy đã thấy rõ con đường giải thoát giác ngộ của đạo Phật, biết tự đắp lộ để đi, biết ngó ngay đi tới, không quanh quẹo.

Đúng chơn lý, tất cả chúng sanh là khất sĩ chớ không có tên cư sĩ tạm. Thế nên, cư gia biết mình tội lỗi và rất chán sợ cõi đời. Cư gia là kẻ rất hối quá về sự tự bỏ xa vời cái Phật của mình, mà đã lỡ lạc lầm vào đường kém thấp.

Giáo lý của cư gia là giàu sang nên phải xuất gia, nghèo nàn phải lo cúng thí. Vì người giàu sang là bởi trước kia tu phước cúng thí, nên nay mới được giàu sang, có căn thiện. Như vậy là không nên hưởng hết phước đức thế lực, mà là hưởng chút ít rồi thì phải đi tới nữa. Phước hữu lậu sẽ mau hết, không bằng phước vô lậu, chẳng nên tham tiếc đứng lại hoặc đi lui, trở ngại đường tiến hóa của tất cả chúng sanh.

Giàu sang sẵn có thiện căn phước đức nhơn duyên là nên phải bước lên tu huệ đi tới nữa, chắc mau thành Phật đặng. Còn nghèo nàn là phải bố thí và cúng dường, lo đời hộ đạo, chẳng tham lam. Có vậy, thiện căn phước đức nhơn duyên mới đầy đủ, mai sau ắt sẽ giàu sang, hay làm Trời rồi thì sẽ giải thoát tu thêm mới mong thành Phật.

Như thế nghĩa là cư sĩ là kẻ phải thanh bần, giác ngộ bố thí cúng dường, còn khất sĩ là bậc giàu sang, phải không không trong sạch, làm Tăng sư giáo hóa. Tăng sư ấy tức sẽ là Phật Thánh chắc chắn. Cư sĩ ấy mới gọi là Trời người hoàn toàn. Và đúng chơn lý võ trụ thì trong đời không có ai là giàu sang tham giữ vật chất được cả.

Giàu sang tức là Pháp bảo tinh thần dư dả, còn vật chất ấy là nghèo hèn dơ dáy lắm vậy. Cũng vì vật chất là nghèo hèn thiếu thốn, nên gần với nó là ai cũng tham lam dục vọng than van khổ mãi.

Đúng lý như vậy! Sự giác ngộ là quí báu lắm. Cái giác là mục đích của chúng sanh.

Muốn đến được giác ngộ ông già, người trẻ nhỏ phải không tham sân si nhỏ hẹp, phải làm người lớn vị trời, thanh cao quảng đại, trong sạch không tham, cao ráo mát mẻ. Mà đối với cư sĩ phải là bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn làm đầu. Ba phép ấy là tâm trung của chư thiên cư sĩ. Và chư thiên mà được đứng vững, lại đi tới Phật được là nhờ ngó mặt ngay nơi Tam bảo, Phật Pháp Tăng trước mắt vậy.

Cư gia có bố thí mới tạo được hòn núi vầng mây dưới chưn, được người tôn trọng, có bố thí chan sớt cái cao cái dư nhiều cho cái thấp cái thiếu ít, mới đem lại sự bằng thẳng yên vui cho thân tâm, có không tham ác mới làm gương lành, ngăn dứt được chiến tranh. Bố thí sẽ là vị phước thần cứu giúp cho ta trong các tai nạn, chết khổ, hiểm nguy, đủ cách… và thâu phục tất cả nhơn tâm, tạo nên ngôi vị tối cao tột bực. Có bố thí mới diệt được lòng tham là gốc tội, thì mới mong giải thoát được. Giải thoát được là cũng nhờ sự cúng dường làm gương cho kẻ khác. Sau này, khi ta xuất gia sẽ có kẻ khác cúng dường lại, ấy tức là sự gởi của để dành, nuôi giữ đạo cho mình, về sau rảnh rang tu học. Bởi đạo đức là quý báu hơn hết, mục đích của chúng sanh là tiến lên đạo đức, gia đình, xã hội. Ai cũng sẽ đến với đạo đức, ở trong đạo đức, cả thảy có ra là do nhờ đạo đức, của đạo đức tất cả. Cư sĩ ai ai cũng nhìn nhận như thế. Họ không còn hy vọng chi nơi vật chất xác thân của đời tạm nữa, họ muốn ngó ngay về sau. Thế nên xưa kia, có cư sĩ thật nghèo nàn, thanh bần đơn giản, y theo gương Phật Tăng mà họ rất vui. Có một miếng vải, một chén cơm, một hột muối, cái bánh, chút trái, họ cũng thành kính mà cúng dường. Có kẻ không có chi hết họ cũng vái xá, hoặc miếng nước lã cũng đem dâng cúng làm gương cho kẻ khác. Lắm khi bất cập, họ thấy Tăng sư thiếu hụt bữa ăn, họ sốt sắng mà nhường chén cháo nguội, cơm khô nơi giữa bữa ăn của họ cho Tăng, mà nghĩ đến đạo, đến Tăng là hơn. Họ biết rằng Phật Tăng không kén chọn thức ăn, và tâm đạo của họ như thế là quý báu hơn ngày thường nữa.

Ở xứ ấy không có vật chất dư nhiều, nhứt là lớp ông già từ trên 48 tuổi đều xuất gia, không còn ai ở trong gia đình xã hội nữa, mười người có xuất

gia đến một. Cư sĩ ai cũng hết lòng cúng thí, lo cho đời đạo. Họ nhẫn nhục mà bố thí chẳng ngại trẻ nhỏ khen chê, và họ siêng năng bố thí nhẫn nhục mãi. Họ cũng tập trì giới nhập định, nuôi lần trí huệ.

Họ chú trọng tinh thần hơn hết. Thiên đường của họ là giữa sự cúng dường tài và bố thí pháp của cư sĩ và khất sĩ. Đời của họ là tiến tới tinh thần, cho nên không không chẳng còn khổ nạn.

Ai ai cũng gọi họ là chư Thiên.

Xứ đó là thiên đường hiện tại chớ không phải sau khi chết. Xứ ấy ở nơi mỗi xác thân người, cũng ở nơi gia đình xã hội, đâu đâu cũng được, vì không tham sân si thì khổ chết sẽ hết.

Nói tóm lại:

Cõi thiên đường là cõi lòng trong sạch, cao thượng.
Cảnh thiên đường là cảnh trí rộng lớn, mát mẻ.
Xứ thiên đường là sự thông minh xán lạn, đẹp tươi.

Thiên đường là con đường đi thanh thiện của loài người. Thiên đường cũng là thức trí, còn tâm hồn tức là chư thiên vậy. Chư thiên có hào quang là cư sĩ có học pháp lý ánh sáng; chư thiên tốt đẹp là tâm hồn tốt đẹp; áo tiên đẹp đẽ là giới hạnh trang nghiêm; mặt tròn sáng là trí thức đầy đủ; tay chơn trắng no tròn là việc làm đi đứng trọn lành; thân mình no đủ là tâm ý chơn như; cung điện nguy nga đồ sộ là việc làm lành nhiều lớn.

Phép thần thông là lời nói pháp lý thông thái, có hiệu nghiệm! Ngồi ngai vàng là nhiều kẻ thiện nhơn tôn thờ quý trọng như vàng, những kẻ thiện nhơn ấy cũng như vàng; bay trên cao rất mau là tự do thong thả, thiện lành cao thượng, không không ý muốn, kết quả mau lẹ. Tiên nữ tiên nam là trí nhu hòa và trí nghị lực. Vua chư tiên là trí cao đức lớn, dẫn đầu cho hạng cư gia trí thức thiện lành. Mây lành là có người tán trợ. Mùi thơm là được khen ngợi ca tụng thơm tho. Rưới bông hoa là lời nói tán dương hoan hỷ. Pháp báu là pháp bảo đạo lý. Mặt đất vàng, bạc, lưu ly là lòng từ bi, trắng trẻo, trong sạch.

Thiên đường là giáo lý tốt đẹp có nơi tất cả mỗi bậc thức trí, ai ai cũng có y nhau. Cao thì thật rất cao, xa thì thật xa, nhưng tâm ý của người một khi quyết đến là cũng sẽ đến cái một như nháy mắt, chớ không phải ở đâu đâu cả.

Thiên đường tức là thiện đạo cao trên vậy.
Như vậy nghĩa là ai cũng ở trên ấy được hết.

CHƠN LÝ 40

VỊ HUNG THẦN

Một hôm có một vị ác thần to lớn xấu xí hung bạo, tài hay trí giỏi, phép lạ mưu cao lắm, đến hỏi một vị Khất sĩ rằng: Ông là người mê tín ngu dại, Trời Phật là gì, ở đâu mà ông lại tu theo? Tại sao ông không tranh đấu sức lực tài trí với người ta, hiện tại việc thiết thực trước mắt rõ rệt này? Tại sao ông không giống như người ta ai nấy? Ông có thân, tại sao ông chẳng nghĩ đến thân ông, và thân ai nấy, để mưu hạnh phúc cho cõi đời? Tại sao ông chẳng tự làm để ăn? Tại sao ông đi xin bằng cách đủ tay chưn, để làm nhuốc nhơ cho xã hội? Ai ai cũng khinh bỉ ố ghét ông hết, ông có biết không?

Vị hung thần ấy đứng chống nạnh, bẹt hai chưn, múa chỉ tay, nói một cách la lối sỉ mạ, nói một hơi dài không nghỉ thở, tỏ ra sự oán giận cực điểm, chất chứa đã từ lâu lắm vậy.

Khi ấy vị Khất sĩ rất ung dung trầm tĩnh, vui vẻ mà thốt ra lời nhỏ nhẹ êm ái, ngọt ngào, như vầy rằng: Này người ôi, người có biết hiểu rõ chăng bốn pháp lý của nhân loại? Kêu là đạo lý hay nhân cách. Bốn giáo lý ấy là: ông, cha, con, cháu! Trong bốn pháp ấy, ông muốn ở vào tên gọi nào, và ông muốn cho tất cả nhân loại, ở vào những lời nói, việc làm nào?

1. Này ông ơi, tư cách của bậc ông trên hết là ông già. Ông già: mắt chẳng phải ngó xem xa gần, lỗ tai chẳng phải nghe tiếng lớn nhỏ, mũi chẳng phải hửi mùi thơm thúi, lưỡi chẳng phải nếm vị ngọt chua, thân chẳng phải còn động chạm sạch dơ, ý chẳng phải lo nhớ muốn tính. Cảnh giới của bậc ông

là định, yên lặng chơn như, tâm thật trong sạch yên lặng, sáng suốt không không, yên nghỉ nín lặng, trang nghiêm đằm thắm, từ bi đức hạnh, hỷ xả trí huệ, hiền lành trầm tĩnh, và giác ngộ. Ông ấy phải là bản dạng, dắt đường cho trẻ nhỏ đi sau đang lạc lầm chết khổ; cùng sự chỉ bảo cho người học hỏi sưu tầm. Ông ấy đã phải đến lớp tuổi cần chỉ giác ngộ cho người; ông phải là ông thầy hướng đạo, dắt nhơn loại đến chốn thảnh thơi ngơi nghỉ. Ông là ông thầy giáo đi dạy đạo khắp nơi, không nhận tiền lương bổng.

Tâm ông là phải trọn sáng trọn lành, chơn chánh ngay thật, lớn to tròn trịa. Ông chỉ phải còn tâm, có tâm không mà thôi. Người ta kêu gọi tiếng ông, là vì lớp tuổi đó cái tâm đã hoàn toàn cứng chắc, tốt đẹp thành tựu. Cái tâm ấy tức là chúa tể của tất cả chúng sanh vạn vật các pháp, do chúng sanh vạn vật các pháp un đúc tạo thành. Cái tâm ấy là vị quân tử, là đức tánh quý báu nhất đời. Cái tâm ấy là chủ tể sự thành công, sống đời, toàn giác, linh thiêng lắm, vì nó không còn tham sân si nhỏ hẹp vậy.

Tiếng ông ấy, tức là Phật cao trên hơn hết, giáo lý con đường ấy, tức là khác xa hẳn hạng cha, con, cháu. Cũng như lớp nhứt chẳng giống lớp nhì, ba, tư; thì lẽ tất nhiên là các hạng dưới số đông nhiều chẳng ai biết hiểu được. Ông ấy phải khác với tất cả người ta, phải không dùng sức tài hay trí giỏi. Ông phải không cần lo nghĩ đến xác thân, ở ăn mặc bịnh cho mình nữa. Cũng như cái trái đã chín khô chỉ còn cái hột trơ trơ, vỏ thân ruột trí đã tóp teo khô xác mất hình, đâu còn phải lúc nhọc công vô ích, lo chi cho vỏ thân ruột trí ấy nữa được. Cảnh ngộ này ông không muốn có tâm hột, mà tâm hột nó vẫn sẵn có, dầu ông muốn bỏ, muốn phá nó, nó cũng vẫn tự nhiên trơ trơ. Ông muốn vọng động cũng không còn phương chi vọng động được. Ông không thế nào diệt bỏ cái tâm trơ yên lặng, như hột giống cứng đầy của ông ấy được, và hoàn cảnh đâu có cho ông như thế nữa.

Kìa một ông già đi xem hát bị người xô té. Một ông già đi kéo xe, người ta cho là không phải việc làm. Một ông già cười nói giỡn la, ăn mặc như trẻ nhỏ bị người ta ố ngạo, và thân trí có còn đâu mà ông hòng đi nói làm việc ấy. Như thế là cái danh từ ông, tức như một đạo luật từ trong cho đến ngoài, cảnh ngộ thời duyên tất cả, và cái lặng trơ ấy trói buộc siết cứng ông. Thế mới biết rằng đạo lý của bậc ông là như thế, và tự ông đến lớp bậc tuổi ấy là ông mới tự hiểu ra, khó mà ai dạy trước ông tin và nghe theo được.

Mà trong đời, kẻ nào đã sớm có cái tâm hột ông già ấy là ông ấy chỉ còn có sự lặng trơ thôi, đâu còn phân biệt cái khen chê, lợi hại, khổ vui, làm nói, đến đi, có không, còn mất, chết sống! Nghĩa là đâu có cái chi xen vào đựng chứa ở trong cái tâm ông cứng đặc ấy được, thì trách sao lời nói việc làm của ông chẳng phải là chỉ đem lại cho cái mục đích chánh định, chơn như, trơ lặng của người quân tử, Phật, sống trong cái thật, không không làm giác ngộ, giải thoát những sở chấp, vượt ra ngoài cái có có. Do đó mới có tiếng ông, người ta gọi đặt ra, tên ông này, lớp này vốn sẵn có mãi nơi đời, nào ai há lấy, bỏ chi được sao?

2. Lại vầy nữa, tiếng cha nghĩa là gì? Cha là đạo lý của kẻ hy sinh, lợi tha xả kỷ. Cha là tên gọi của kẻ không ta không mình, là sự san sẻ thịt máu xương da, tô đắp cho các chúng sanh vạn vật. Cha là kẻ sanh con, là người lớn, cái lớn của thanh cao quảng đại, không không, trùm chứa trọn lành, trong sạch lớp trên. Cha tức là Trời, là thức trí, trí huệ, sống cho mình bằng trí. Trí là ta, thân là người, vật chất của cải cái có, cái tốt cái vui hay khéo lạ nơi sự vật, là của người, chớ không phải ở nơi mình nữa. Cái tiếng cha, đạo làm cha, giáo lý bậc cha, tư cách người cha, bổn phận cha, tên cha là phải sống cho kẻ khác, làm nói cho người, nhớ tính lo nghĩ cho người, phải không còn tư riêng nhỏ hẹp. Cũng như xác thân của cha là không còn nẩy nở tốt đẹp nữa, mà đến lúc nó phải chịu sự tóp teo rút rỉa, ốm xấu teo nhăn, mặt đất đã kêu lần không cho cố cượng. Sự hiểu nhoáng đã bắt đầu ẩn khuất, con đường đi ra đã đến lúc hết trớn sắp phải quay về, cũng như cái máy bắt đầu sét rã; người không còn trông gì tương lai của xác thân, cõi đời đối với mình nữa, chơn lý chỉ phải như vậy. Bậc cha này nào còn vui chơi cười giỡn, ngộ nghĩnh trẻ con, óng ẻo lả lơi, tranh đua vật chất nữa được sao? Với cái vỏ thân chai cứng ấy, nào còn làm được việc dịu dàng như trẻ nhỏ. Cái trí nó đâu có cho người làm việc ác, việc cháu con, vật chất. Trí là ruột cơm của trái, ruột trí ấy để nuôi hột tâm, chớ phải đâu tạo sanh vỏ thân trở ngược. Và trong đời ai mà không phỉ ố kẻ làm cha mà còn sự tham dơ như con cháu. Ai mà không cho rằng cái ác, cái tư kỷ của tiếng cha là quấy tội, sự chấp có của tên cha là sái trật. Thế thì vật chất xác thân là không phải của người cha, người không dùng cái có nữa được, đạo lý tiếng cha là thiện lành, là thức trí, là không cái ta, của ta nữa. Trong tiếng cha có đến hai bổn phận: vừa là

phải nói làm nuôi mục đích của tên ông, vừa là phải tế độ cho tiếng con lớp dưới. Nghĩa là cái thiện phải nuôi giữ đạo đức chơn như, phải đến với đạo đức chơn như, cũng như cái ruột trí phải nuôi tâm hột, người lớn phải nuôi ông già để mình tập lần theo cái dấu chưn ông già ấy. Và còn phải thương xót lại cái ác quấy trẻ con dại dột mà cất nhắc chúng nó đem lên, để khi mình bước đến lên ông già thì tiếng con kia sẽ trở thành cha, noi gương kia ủng hộ lại. Như thế tức là sự kéo níu, dắt nương lẫn nhau để đi lên tới hết. Cũng như cái trí ruột cũng phải xót thương cái vỏ thân, để cho vỏ thân tiến lần lên trí ruột, thì trí ruột mới bước tới hột tâm. Cha là lý trí, chư thiên lớp Trời trên, giáo lý sống y như vậy.

3. Tiếng con cũng là một đạo luật, tên con là chỉ rõ danh từ của pháp nhỏ nhít cỏn con, cái thiện cái trí nhỏ hẹp của hạng người tự độ tự kỷ, cái thiện cái ác bằng nhau. Cảnh giới của kẻ lo cho thân vỏ, như trái non chưa có hột ruột tâm trí, bên trong còn trống phỗng, thiếu thốn tham lam, đói khát. Cái thân là cái vỏ trước mặt bên ngoài, chẳng phải như tâm trí cha ông ẩn kín bên trong. Thế nên tâm của con là dục vọng, trí của con là trống lưng thiếu thốn, vỏ thân của con phải là bóng láng đẹp xinh. Con là phải lo cho thân, phải biết những cái thấy có bên ngoài trước mặt. Các việc của con phải là việc lo vật chất cho thân, đi theo đường lối ích lợi cho thân, bên ngoài cái vỏ để cho cái vỏ dầy, cái thân to lớn đúng sức mới tượng thành cái trí ruột đặng. Sự học hành của con, việc làm lời nói ý muốn của con phải theo duy vật, phải ác, phải tư kỷ lo cho xác thân. Thân sống là quan trọng, món ăn mặc ở bịnh là cần yếu, sắp đặt cho thân, giữ gìn thân là hơn, phải tranh đấu, phải ác, phải được cho thân mình từ gia đình đến xã hội, phải chia rẽ từ loại thú cỏ cây, phải phân biệt, phải chen lấn đàn áp vật lộn, phải xấu xa dơ dáy thúi hôi để đặng tô đắp cho thân. Ngoài thân vỏ ra là chưa có ruột tâm, ngoài ác ra là chưa có thiện chơn, chưa đến được. Giáo lý của con cũng là cái tâm hột mới tượng, còn nhỏ non, trí ruột còn mỏng yếu, hột tâm cỏn con ấy gọi là tiểu nhơn, hột giống nhỏ non vậy.

Đạo lý của con là ác, hạnh phúc của cải của con phải là món ăn sự mặc chỗ ở, vật chất đua tranh, mạnh được yếu thua, chết rồi là hết, vỏ trái thúi rồi là tiêu, thân mất đi không còn tâm trí, không có cái chi về sau cả thảy vậy. Đời của con phải là vô ích, liều mạng, nhắm mắt bước càn tới đâu hay đó,

chỉ cần biết vui sướng toại hưởng bây giờ. Thân vỏ của con không bao giờ ngờ tưởng là mình sẽ tượng sanh trí tâm, ruột hột về sau. Con thì chưa bao giờ rảnh rang, dòm ngó kinh nghiệm, thấy xa sự bền dài. Tuổi ấy ai cũng háo thắng thèm thuồng, khoe hay thích khen, bên ngoài trước mặt, tìm kiếm những cái lạ mới, cái tham nhiều. Con đường của con là không mục đích, cái sanh của con phải là một sự vô lý. Con thì chẳng bao giờ chịu hiểu bổn phận phải bước lên cha, tập lần cái cha, và dắt dìu cái cháu. Cũng như em bé mới đi học, nó chẳng hề biết nó sẽ lên lớp nào, và nó có ích lợi cho ai đàng sau. Nhưng dầu nó thiếu trí đến đâu, chớ con đường của nó cũng ích lợi cho kẻ sau, và nó sẽ tiến lên bước trước. Cũng như cái trái non, nó không bao giờ cố cượng sức lớn già của nó được, nếu nó không phải thúi rụng. Đạo lý của con rất phải cho nó. Kìa một em bé kia mà ít ăn như một ông già, thì tại sao chúng ta cho là bịnh, nó ít ngủ là người ta khuyên dỗ. Tại sao nó chẳng giống ông già người lớn, và tại sao nó không làm việc nặng nề sức lực được? Thế mới biết tên con là hột giống yếu nhỏ còn non, tiểu nhơn chẳng sánh được đại nhân quân tử. Đúng như thế, con nhỏ ai chẳng lo ăn là cần, và nào ai nhận được rằng có sống mới có ăn, có thiện có chơn, có sống có vui thì ăn mới được. Và ở trong đời, ta nhịn đói một buổi không sao, chớ tham ác thì trong một giờ phải chết khổ sớm vậy.

4. Còn như kìa là một đứa cháu, tiếng cháu là sự nhỏ nhít lệu ệu để chỉ những đứa bé mới sanh, chỉ biết uống ăn cười khóc ngo ngoe ỏng ẻo. Tên cháu là chỉ rõ sự nhu nhuyễn lỏng bỏng như một cái nụ trái mới mọc vượt giữa bông hoa, nó chưa có thành nên hình tượng cái chi rõ rệt. Cháu chắt chít, là sự thun co, ngo ngoe, nó cũng chưa biết thân của nó là ra sao nữa. Nó chỉ biết ăn chơi ngủ thức bấy nhiêu thôi. Cháu chắt chít là sự vô dụng, vì tất cả đều lo cho nó, bố thí cho nó, mà nó chẳng biết chi cả, chết sống tự nơi người khác do nhơn duyên cảnh ngộ, chớ nó không có chủ tể chi hết. Đời của nó chỉ như cây non cỏ nhỏ, không còn ai biết nó ra gì, ai cũng lo cho nó, nó báo hại người ta lại còn thêm sự nhõng nhẽo làm nư hờn giận, điệu bộ ẻo lả khó cho người ta dỗ ngọt.

Giáo lý của nó là con sâu con trong nhơn loại. Đạo lý của nó là ác quấy, giận hờn, ganh ghét, ố kỵ. Nó mê hoặc cả người ta mà không tự hiểu biết ra

chi cả. Nó là một con vật rất nhỏ nhít được người ta tha thứ mà nuôi sống mỗi ngày. Nó làm cho người ta vì xót thương cái khờ dại mà tưng tiu săn sóc, bổn phận của cháu phải là nhỏ nhít hơn hết, và như thế là cẩu thả hơn hết, tệ mạt hơn hết. Ở trong đời người ta gọi tiếng cháu là một con vật, chớ chưa phải người vì chưa phải là có được hột giống nhơn người chi nữa.

Vậy thì loài người có bốn bậc, bốn giáo lý, bốn đạo, bốn tên gọi: Từ ông đến cha, đến con, đến cháu; cũng là một con đường có bốn chặng từ thấp tiến lên cao, từ thú đến người, đến trời, đến Phật; hay cũng là từ ác đến thiện, đến huệ, đến chơn. Phật thì chơn như và trí huệ, Trời thì trí huệ và thiện lành, người là thiện lành và ác quấy, thú là ác quấy và khờ dại. Phật, Trời, người, thú là ông, cha, con, cháu; và món ăn là chơn như, trí huệ, thiện lành, ác dữ. Trong bốn lớp ấy chia ra làm hai hạng là quân tử và tiểu nhơn.

Vậy thì chẳng hay ông muốn đứng vào phương diện tiểu nhơn hay quân tử, và ông muốn để bàn luận với tôi về pháp quân tử hay tiểu nhơn? Ông muốn nghe pháp nào tôi xin hết lòng hoan hỷ giải tỏ vậy!

Sau khi nghe xong mấy lời của vị Khất sĩ nói, vị hung thần lặng thinh quày quả bỏ đi một nước, lại lộ vẻ sắc mặt buồn rầu. Cách một ngày sau, ông ấy lại đến xin nghe vị sư dạy đạo cho tu mà không dám nhắc đi nhắc lại câu hỏi ấy nữa. Sau sự giác ngộ đó, vị hung thần lần lần được nghe thêm đạo lý, giác ngộ giải thoát lớp hung thần, được trở nên một vị Trời tươi tốt đẹp đẽ, đắc được nhiều phép thần thông, và quyến thuộc chư thiên rất đông toàn thảy hưởng sự yên vui không còn khổ nạn. Vị ấy sau này hằng nhớ ơn đạo đức mãi nên hết lòng thành kính lễ Phật, nghe Pháp, cúng dường Tăng, nhờ vậy mà đạo quả càng cao, và về sau được tu hạnh giải thoát, đắc quả A-la-hán, không còn sanh tử luân hồi trọn vẹn.

Vị hung thần ấy tức là tiền thân Phật Thích-ca, còn vị Khất sĩ kia là đức Phật Ca-diếp.

Thế là đức Phật khi xưa cũng tội lỗi mê muội như chúng ta, nhưng nhờ Ngài sớm nghe qua tỉnh ngộ, không vì nghe lời thẳng mà giận, biết nín lặng mà nghe, biết dằn lòng mà sửa, do đó mà được chỗ hơn người.

Chúng ta đáng nên kính phục lắm.

Thật vậy, ở đời ai mà chẳng quý trọng mình, chấp cho mình là phải, và cố sức bào chữa mãi. Nào ta có tha thứ cho ai, nếu họ nói đến sự thiếu kém của ta đâu! Ta vỗ ngực xưng ta là ác là tà, mà nào ta có chịu nhận xét lại lời nói, việc làm của ta ra sao? Ta càng làm càng say, càng nói càng mê, chúng ta mãi quen theo sự thái quá bất cập mà ít hay giữ thái độ ôn hòa nhã nhặn. Ta luôn luôn hay quên rằng nói là thiệt, làm thinh được lời, làm là thất công, ngồi không là đắc lợi, lo tính là thất bại, yên nghỉ tất thành công; ta ít thấy ra điều ấy, do đó mà chúng ta khổ và chết mãi, không bì như Phật đặng.

Theo đây, ta thấy vị hung thần sau khi nghe nói xong lại lặng thinh bỏ ra đi, nghĩa là vị hung thần dầu hung dữ đến đâu cũng không có đủ can đảm mà thốt ra rằng tôi là tiểu nhơn, tôi là ác, là trẻ nhỏ, là con, là con vật, tôi muốn nghe, muốn nói như vậy! Thế mới biết rằng thiện ác là cần hơn sanh tử, trong đời ta không ăn mười bữa chưa chết, chớ ai nói rằng ta ác, ta là con trẻ, chắc ta phải chết ngay.

Lẽ ra vị hung thần phải tức giận vị sư lắm! Nhưng không, đàng này vị hung thần lại chỉ hổ thẹn chút ít thôi. Vì người cũng có lương tri, nhận chịu, biết nghe lẽ phải, biết tự nhận chỗ mình lầm. Người khá hơn chúng ta ở chỗ là không sừng sộ nói trả lại, mà là chỉ nhột nhạt đi êm. Và bởi người cũng có đạo căn nên ngày sau trở lại cầu xin nghe pháp. Vị hung thần ấy không phải là thiếu học thiếu trí về các phương diện khác, nhưng sau khi nghe qua vài lời nói đầu của vị sư, tuy chưa trả lời mà đã quy phục, là bởi như đá nọ thử vàng, cọ sơ qua cũng đủ biết là bảo vật. Lời vị sư nói rất tầm thường, nhưng rất đúng vào chỗ hiểm huyệt mà vị hung thần để lòi ra hở sót, lại không hay. Vậy nên chỉ một ngón tay cù lét, rờ chạm, là vị hung thần phải té ngã, chết trân như cứng miệng. Vì trong đời ai mà không muốn mình cao, mà cái quý cao là đạo đức, tiếng ông mới là cao thật. Vị hung thần không thể mở miệng thốt ra rằng tôi muốn nghe đạo đức, tôi muốn nói chuyện với tánh cách của bậc ông, là do bởi lời nói hỏi, với cử chỉ quá miệt thị sỗ sàng của mình; nếu trả lời như vậy thì vị sư giảng thêm về đạo lý, trái ngược với hành vi lời lẽ của mình thì chắc là nghe mỗi lời nói ấy như mỗi mũi tên đâm, chịu đớn đau sao cho thấu nổi; bởi đã biết tự nhận ra sự sỗ sàng, càn, lếu của mình rồi. Còn như nếu nói tôi muốn bàn luận việc tiểu nhơn, thì lòng tự ái đâu có cho nói như vậy được. Vị hung thần ấy ngày sau mà đến lại qui y, là đã sau một

đêm suy nghĩ, thấy rõ cái thiện lành đạo đức là bao trùm tất cả không ai trốn chạy được, chỉ tại người mê cùng kẻ ngộ nơi hành vi cố chấp, chớ không ai dám tự nói ra tôi là ác, là con vật, là quỷ ma, yêu tinh đâu. Thế là vị hung thần ấy bắn vị sư mà mình bị tổn thương thất bại, và lại biết hối quá, sợ sệt, biết được cái thiện, đạo đức là mạnh hơn hết, thắng hơn hết. Và vị ấy được biết thêm rằng vị sư kia bằng thốt ra được lời như thế, thì tâm trí của ông ấy, dễ bậc người trời có được đâu. Bởi càng nghĩ vậy nên vị hung thần càng thấy mình lầm, càng sợ tới mãi mà không có chỗ chi oán giận, ố ghét vị sư đặng; bởi vị sư chẳng có tự kiêu hay sẵn lòng ố chọi chi cả. Lời lẽ của vị sư rất cứng thẳng mà lại hiền lành, từ bi, chơn thật, như có một sức mạnh của tấm lòng xót thương cho người mê muội, như mở rộng cửa giải thoát rước độ người, chớ không giống như lời đối chọi. Chính đức tánh ấy, mới phải là bậc siêu nhân quân tử, đúng đắn lắm mới được như thế! Kẻ mà biết thành thật thứ tha, thương xót lỗi lầm cho kẻ trước mặt, phải là bậc ít có lắm vậy, dễ gì mà kiếm gặp được kẻ thật trau tâm. Vị hung thần ấy đã tự nhận ra rằng tài trí thì dễ tìm, nhưng đức hạnh thì khó kiếm. Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhơn là nhờ vậy. Đối chọi với đức, thì tài trí của vị hung thần trở nên vô dụng. Thế mới biết rằng đạo đức là cần yếu hơn hết, có đạo đức sẽ thành công, đạo đức mới bền dài yên vui vĩnh viễn. Trong đời chỉ có đạo đức là quý báu hơn hết, đạo đức phải là con đường cái to lớn chứa gồm tất cả, quan trọng hơn hết. Con đường nào, ngành nào cũng do đạo đức vĩ đại mà ra, và khi nào nếu ai lạc lìa đạo đức là phải bị bơ vơ tai hại.

Vậy đối với tất cả, chúng ta nên phải lấy đạo đức làm gốc, giữ đạo đức làm đường. Bằng chưa được như thế, chúng ta đang ở nơi ngành ngọn nào, môn nghệ lề lối nào, xa gần chi, cũng cần nên phải nhớ giữ gốc chân đạo đức, tập lần bước tới, chớ khá nên tự phụ, chớ mê sa đắm đuối thì nạn khổ chết mới mong đặng dứt tuyệt trừ tiêu.

Và nên nhớ ra rằng tất cả chúng sanh, ai ai cũng đang ở trong sức mạnh của danh từ đạo lý cả. Cũng như tiếng ông cha con cháu là đang ở nơi tất cả mỗi hạng người, tùy theo ý chí, hành vi, lời lẽ của ai, có tên nào; là tất cả sẽ kêu gọi và thấy ngay rõ rệt! Vậy thì chúng ta nên phải cả thảy tập làm ông, vì trước sau rồi đây ai ai cũng đến với tên ông hết.

CHƠN LÝ 41

PHẬT TÁNH

Tánh là nguyên lý sanh ra chúng sanh, vạn vật các pháp.
Tánh tức là võ trụ không gian trơ lặng.
Tánh là bản nguyên của tất cả.
Tánh là gốc nguồn của muôn loại.
Tánh cũng là bản chất đầu tiên của võ trụ.
Tánh là họ, vốn, chơn thật của cả thảy, cũng là căn bản của hết thảy.

Võ trụ tự nhiên là tánh, là chơn như không vọng động, hay là chánh định. Cái ấy sanh ra tất cả thế giới vạn vật, chúng sanh các pháp. Tứ đại địa cầu, đất, nước, lửa, gió, cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật, có ra là do chơn như võ trụ, ở trong chơn như võ trụ.

Vậy nên tất cả đều có một họ, một tánh, một gốc vốn cội nguồn, nguyên lý, bản chất. Cả thảy đều ở trong một họ một tánh, con của một bà mẹ. Cái chi cũng đang chịu mang ân huệ, cái ích lợi, cái thiện trùm chứa của đức tánh chơn như cả. Chơn như là bản tánh của hết thảy vậy.

Vì thế cho nên, khi xưa đức Thích-ca Mưu-ni cùng chư Phật quá khứ hay cả hiện tại vị lai, các Ngài sau khi đã giác ngộ, nhận ra cái tánh chơn như ấy, các Ngài cho nó là tánh họ của các Ngài, họ của người giác ngộ, Phật tánh, tánh của chư Phật. Tánh ấy chơn như, không vọng động, trơ lặng không không, chơn thật, nguyên lý, bản chất, gốc vốn, cội nguồn, mà ai ai giác ngộ ra cũng đều trở lại! Nên chư Phật ấy, có gọi tên là Như Lai, trở lại với chơn như.

Như thế thì tất cả chúng sanh là một họ tánh chơn như, thật tánh; còn các họ tánh sau này là tục tánh, pháp lý của chơn như túa ra vậy. Cũng như tất cả chúng sanh đều có một con đường cái lớn, còn những con đường lối nghệ nghiệp tẻ lạc sau này là chi nhánh tách lạc vọng động ngoằn ngoèo, lẻ tẻ không thật.

Hiểu nơi Phật tánh tức là hiểu được một món thuốc quý để trau tâm, un đúc thành tâm, dùng nó làm tâm, nuôi cho cái sống, cái giác, cái linh, được thiệt chánh lớn tròn, tốt đẹp quí báu. Tánh là chơn như, tâm là trung tâm trụ cốt. Chư Phật, bậc giác ngộ lấy tánh chơn làm tâm trung, vì vậy mà người ta gọi là Phật có tâm tánh, tâm chơn, hay chơn tâm là Phật. Vì kẻ có được tâm chơn là người giác ngộ, kẻ ấy lời nói, việc làm, ý niệm, đã được chơn như không vọng động, y như võ trụ chơn tánh! Hay là lời nói để đem lại chơn như, việc làm để đem lại chơn như, ý niệm để đem lại chơn như. Cả thảy các pháp là đem lại chơn như, hay từ trong chơn như sanh ra vạn pháp.

Kìa một nhà sư tham thiền, mỗi cái chi vọng động xảy đến là Ngài tầm sát rốt ráo nguyên lý của nó là chơn tánh. Mỗi pháp nào Ngài cũng thấy rõ tánh gốc của nó là chơn như. Như vậy thì mỗi pháp hiện đến là mỗi chơn như hiện đến, tô đắp tâm thêm to lớn, cứng chắc, tròn trịa, y như tánh chơn võ trụ. Như thế tức là nhà sư ấy lấy cái pháp chơn như, mượn cái tánh võ trụ làm tâm để tạo tâm chơn, hay chơn tâm vĩnh viễn của bậc giác ngộ, Phật. Đó tức là chơn như do vạn pháp.

Và như sau đó, pháp lý từ trong tâm chơn giáo hóa dạy ra, để dắt dẫn chúng sanh đến với tâm chơn y như mình, nên kêu là vạn pháp do chơn như vậy.

Mỗi cái chơn như của người tu đều có ra là do trí huệ, trí huệ là sự tầm sát tánh chơn của các pháp, mà diệt bỏ giải thoát khỏi các pháp ấy, mới được chơn như. Thế nên gọi là chơn như do trí huệ, trí huệ do chơn như; hay cũng là chơn như do giải thoát, giải thoát do chơn như, mà giải thoát tức là trí huệ. Trí huệ hoàn toàn tức là giải thoát hoàn toàn, chơn như hoàn toàn; còn trí huệ nhỏ hẹp thì giải thoát nhỏ hẹp, chơn như sẽ nhỏ hẹp.

Khi xưa đức Phật Thích-ca có danh hiệu Mưu-ni, là báu giải thoát, cũng y như thế. Trong khi Ngài giải thoát tất cả các pháp sau sự thấu suốt tánh chơn

của nó, tức là Ngài đã chơn như tròn trịa, quý báu như viên ngọc. Viên ngọc chơn như ấy tức là sự giải thoát, có ra do sự giải thoát. Giải thoát là cốt yếu, mà đức Phật Ngài lấy sự giải thoát các sở chấp làm trung tâm, nên chúng sanh xưng tặng Ngài là món bửu châu Mưu-ni vô giá, quý báu vô cùng. Chính cái báu giải thoát chơn như là diệt khổ, là sống đời, là linh thiêng, là giác ngộ, là hột giống vĩnh viễn, nên ai ai cũng quý trọng lắm.

Vậy nên ai cũng muốn thấy nó, thấy bằng cách nó có cho mình, nó ở với mình, mình đạt được. Như thế là thấy tánh thành Phật! Mà thấy tánh là thấy cái chơn như không vọng động, thấy cái giải thoát các pháp, các sở chấp, do sự giác ngộ trí huệ là Phật của mình; chớ chẳng phải thấy bằng nói, nghe, chữ viết, suy gẫm tưởng tượng…

Bởi thế nên người tu cần phải giác ngộ, hiểu biết chơn tánh võ trụ cho kỹ, để lấy đó trau tâm, tập mình như võ trụ, kết quả như võ trụ. Mà cần phải hiểu biết rằng chơn tánh là do giác ngộ, vọng tánh là bởi mê lầm; vọng tánh là tánh ma, chơn tánh mới phải chư Phật. Mà chơn tánh Phật có ra là do trí huệ giải thoát, có giải thoát mới có thành Phật, gọi giác ngộ được, cũng như có dứt bỏ mới hết mê lầm. Vì trong chơn như thì không còn vọng động nữa, hay là nhờ thấy rõ chơn tánh của các pháp rồi thì không nên sở chấp bên ngoài nữa, đừng mê tríu nó nữa, mới gọi chơn như đặng.

Vậy thì đời nay, những ai muốn gọi mình là Thích tử thì tất nhiên phải là kẻ giác ngộ, trí huệ, giải thoát xuất gia trọn vẹn cả thân tâm mới được. Vì chỉ có Phật tánh, tánh chơn là phải xuất gia giải thoát trong sạch mà thôi. Từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều, tánh chơn Phật đầy đủ trọn vẹn, tức là sự xuất gia giải thoát trọn vẹn vậy. Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, tất cả chúng sanh si mê đều có tánh giác, trong mỗi cái mê đều có ngầm chứa sự phản đối giác ngộ, trong mỗi cái vọng đều có chứa cái tương đối là chơn. Câu nói ấy để chỉ rõ ra rằng người tu lúc đầu là nơi các pháp chúng sanh, si mê vọng động mà phải khổ chết. Cũng vì pháp nào cũng khổ chết đó, họ mới giác ngộ thấy ra chơn tánh, giác ngộ nơi mỗi pháp ác tà si mê vọng động mà xa tránh, ghê sợ, dứt bỏ nó để bảo giữ chơn như trơ lặng giải thoát, chớ không phải giữ mãi cái mê vọng, ở hoài trong ấy mà tưởng cái hiểu biết của mình là đã giác chơn Phật rồi để cho khốn lụy.

Kìa chư Phật giải thoát để nuôi tâm chơn. Đức Thích-ca được chơn như là nhờ giải thoát, thì đời nay có ai tài gì, miệng nói mà được cái giải thoát chơn như rồi đâu?

Kìa một kẻ té dưới sông hẹp, bởi sợ chết khổ mới trèo lên bờ; có bờ cho nó trèo lên là bởi tại sông hẹp bãi lài, có nấc lội lên; khi lên đến trên rồi là được giải thoát. Từ đó khát nước là uống nước mưa, tắm nước mưa, ở ăn cao ráo trong sạch, khác hơn hồi bị sợ sệt, chết chìm nơi dưới nước sông kia vậy. Kẻ ấy có chăng là khá hơn một người nọ, họ té xuống biển bị trôi dạt giữa vời không đường lên giải thoát, thế mà chưa hay sự khổ chết đến, lại chẳng biết chán sợ lo xa, còn cho rằng mình tắm biển vui chơi, ở mãi, yên ổn, sướng hơn kẻ ở trên bờ kia nữa.

Sự giác ngộ chơn tánh võ trụ để tu giải thoát, bước lên, dứt bỏ, là giống như kẻ trôi sông hẹp. Còn si mê lầm tưởng mình Phật, ở hoài nơi trói buộc vọng động, tức là như người té biển rộng mênh mông, không ích lợi vào đâu, cũng y như vậy.

Như thế nghĩa là người tu phải giải thoát, lấy giải thoát làm mục đích, vì có bỏ ma mới trông thành Phật đặng. Cũng như các pháp đều tương đối, ta phải lấy cái chơn bỏ lìa cái vọng, ta phải y như Phật, bỏ lìa chúng sanh mà không nên tiếc nó nữa.

Bởi đó mà khi xưa có một vị Tỳ-kheo nói chỉ có một họ với ông cha, mới phải là đứa con. Câu nói ấy chỉ rằng Phật tử, Thích tử, Phật tánh, Thích tánh phải là những kẻ xuất gia giải thoát, khất sĩ du tăng, y như Phật Thích-ca mới đặng. Vì chỉ có con là phải nối chí cha, hành vi cử chỉ, lời nói ý niệm, phải giống y như cha mới đúng. Như kìa con họ Lý chẳng có ở bên họ Trần; giống như con Phật, phải ở trong nhà Phật mà không có chen lộn trong nhà Trời, nhà người, hay trong các nhà khác. Cũng như người giải thoát xuất gia chơn như là không bao giờ còn ở trong xã hội, gia đình, các nơi vọng động đặng đâu. Xưa kia các bậc Tỳ-kheo khất sĩ quen tâm chơn như trơ lặng, chẳng bao giờ vào trong nhà thế ở đặng một ngày. Xưa kia những bậc đã thật hành chánh định chơn như mà còn như thế. Các bậc ấy đã khắc kỵ, khác hẳn với cõi đời, không còn một niệm phàm tục, vấy tưởng bà con, mà còn khó được tâm trong sạch thay. Huống hồ gì chúng ta ngày nay, cư gia hữu lậu, đang ở

trong miếng đất giới luật 5 giới, 8 giới, 10 giới của nhà Trời, đang làm con Trời, Thiên tánh, họ Trời ở trong nhà Trời, cõi Trời; nếu không giải thoát xuất gia sanh vào trong nhà Phật thọ giới cụ túc Tỳ-kheo làm con Phật, y như Phật, thì làm sao nhập chánh định giác chơn y như Phật, mà lầm là đắc Phật tánh, thành Phật! Như vậy nghĩa là ngó Phật tánh, nhìn Phật tánh, hiểu Phật tánh ở nơi mỗi việc, mỗi chỗ, mỗi người kia, ai cũng hiểu ngó nhìn bên ngoài được dễ dàng hết, chớ còn ngó lại có thấy nơi mình, có thật hành, có được hay không, thì thật là khó lắm. Cũng như người ta sanh ra ở đời nói chuyện Phật, thấy hình Phật thì ai cũng nói thấy được, nhưng khi mình làm Phật thì ít ai muốn chịu làm, vì lẽ không phải dễ dàng như ngó thoáng qua, hay nói suông được. Đời nay lắm kẻ chỉ học giáo pháp Phật Thích-ca mà tưởng lầm mình Phật tử, Thích tử. Cũng y như thế, không phải học Phật là con Phật đâu, chưa phải người đi nghe pháp Phật là đệ tử ruột của Phật rồi đâu. Dầu đức Phật có ban ân khuyến dụ đi nữa chớ người tu là bao giờ cũng phải thấy lại nơi mình, thấy cái Phật tánh của mình, xem lại mình có giống y như Phật chăng rồi sẽ hay, chớ đối với những ông già kỹ càng thận trọng, dày công tu tập lâu đời mà hãy còn sợ sệt lắm, không ai dám vội mở mắt ra, bôn chôn láo táo cả.

Thật vậy, từ xưa cho đến nay những kẻ Tăng sư chơn đạo, họ chỉ mãi lo tu mà nào có dám nói là thấy mình có cái đắc, cái Phật, cái tánh gì đâu. Khi xưa chư Bồ-tát lớn còn không dám suy tưởng đến quả Phật, chư Thinh Văn, Duyên Giác lại cũng chẳng trông mong, huống chi chúng ta đời nay quá xa lạc.

Thuở xưa, các vị ấy chỉ biết có cái giới định huệ, giải thoát khất sĩ là đủ rồi, thế mà tốt đẹp hơn chúng ta lắm. Thật vậy, chỉ có kẻ thật hành mới là biết sợ, mà không còn dám nói chơi xem thường nữa, và có hành mới biết ra là không phải giống theo y như cái học.

Vậy thì Phật tánh là tánh chơn như của võ trụ, bậc giác ngộ nhận ra, lấy giữ làm mình, làm tâm, làm món ăn nuôi sống cái tâm.

Chúng ta ai ai cũng có thể thật hành giác ngộ được hết, mà điều cần nhứt là phải giải thoát, vì chỉ có giới định huệ cụ túc mới nuôi chơn như cụ túc ấy đặng. Nghĩa là chúng sanh là Phật đã thành, Phật đang thành, và Phật chưa thành, chớ chẳng phải tất cả đều đã là Phật hết rồi, không tu, ngã chấp, khổ

chết uổng oan, mà sanh tội nghiệp. Và tốt hơn nên gọi mình là chúng sanh mãi, chắc sẽ được mau tấn hóa, hữu ích, đi trên cao hơn hết.

Phải như vậy, hột non hột già cũng hột, nhưng cái mất cái còn có giống nhau đâu.

Sở dĩ chúng sanh cần phải biết đến chơn tánh võ trụ để tập hành theo là vì trong đời chỉ có sự sanh tử là quan trọng hơn hết. Các con đường lối nào, nghệ nghiệp nào có ra là cũng do cái sống trước đã. Có sống mới có tất cả, có sống mới có nói làm lo nghĩ, lo ăn, sắm mặc, tạo chỗ ở, thuốc men…

Kìa trước mắt ta bao sự thành công sập đổ, từ xưa cho đến nay, cũng vì cái chết mà vật chất chẳng hề tiến bộ, đến được cái bước khá cao. Chúng sanh đã phải bị cái già buộc chết đã là một sự bất mãn lắm rồi, cái bịnh bắt chết là một việc tức tối, thế mà còn có thêm những cái chết bất ngờ, rủi ro; lại do đâu mà có những vụ quyên sinh tự tử; đã vậy nào thôi, quỉ ma cũng giết, thú vật cũng giết, người ta lại giết hại cả người ta nữa. Người ta còn bày ra cả cơ khí lớn, chiến tranh to v.v…

Thật là vô lý quá, đời sống của nhơn loại vô lý quá! Đành rằng chẳng ai biết được cái sống của mình trước khi sanh, chớ trong ngày hôm nay với cái sống hiện tại, ai cũng lo sống cả. Bởi lo sống nên mới có đủ con đường nghệ nghiệp, tranh đấu lẫn nhau rất nên tàn bạo, liều chết mê say để phải chết, mà quên là cái lẽ sống cũng vì sự sống. Chúng ta ai cũng ăn cơm để sống mỗi ngày, ai cũng muốn sống mãi, ai ai cũng muốn có cái sống sau khi chết bỏ xác thân; cũng như cái trái chín khô còn lại cái hột vĩnh viễn sống đời (lúc không còn vỏ ruột). Thật vậy, ai cũng muốn sống đến già, cũng như vỏ trái già, để còn được cái tâm hột giống. Ai ai cũng muốn như vậy hết, ai mà không tiếc cái thân trái vỏ non chưa có hột tâm mà nó phải bị chết thúi rụng ngang, không còn chi cả. Nào ai ăn cơm bữa nay mà chẳng lo cho ngày mai. Như vậy kẻ thấy xa hiểu rộng, có ai mà không phải lo cho tinh thần về sau hơn là vật chất trước mặt. Ai mà chẳng muốn sống đời này và mãi mãi, mà muốn sống là phải nuôi cái sống, có nuôi cái sống, có sống được mới ngó đến cái ăn sau. Vậy thì cái sống là chơn như, cái chơn như tự nhiên càng tô đắp, dưỡng nuôi thì tâm hồn mới sống, cái yên vui càng có ăn mãi, tinh thần mới được mập tươi. Có không tham vọng tâm ta mới no

đủ, có không sân si tinh thần mới sáng láng mát mẻ trong sạch, thân khẩu ý không vọng động thì tâm hồn mới an trụ cứng cõi. Có giới định huệ mới gọi là có chân, mình, đầu của tâm. Tâm ấy là chơn như trơ lặng y như võ trụ, lấy chơn như võ trụ làm mục đích, so sánh chơn như võ trụ mà trau tâm. Vì cái chơn như võ trụ ấy là đức tánh từ bi, thiện lành, ơn huệ, dung chứa tất cả, trong cái chơn như là có trí huệ và giác ngộ. Tâm ta mà có được như thế ấy là trong sạch, yên lặng sáng suốt, nghỉ yên vui vẻ trọn lành, ích lợi quý báu cho đời. Ta không sợ lo chết khổ cho ta, và cả chúng sanh ai mà không tôn trọng nâng cao, nương dựa, xem ta như võ trụ.

Do đó mà người ta quý trọng cái tánh võ trụ hơn hết. Người ta hằng tôn sùng nó là đức tánh, Phật tánh, giác tánh, chơn tánh, quý hơn cả Thánh tánh, Thiên tánh nữa! Mà tánh là lẽ tự nhiên không vọng động, chớ không phải như món vật đồ chi. Người ta mà sùng bái nó là bởi đối ngược với tánh chơn như là vọng động. Chúng sanh cũng vì vọng động mà phải chết khổ, tội lỗi sái quấy không có được cái chi ích lợi bền dài vậy. Trong đời không bao giờ một kẻ vọng động mà được thành công. Bởi cớ ấy cho nên sự trau dồi đức tánh, dưỡng nuôi chơn tánh, tập sửa tâm chơn, giác ngộ y như Phật là điều chánh lý hơn hết. Vì tâm chơn già cứng tức là hột giống già cứng, tròn trịa, sống đời tốt đẹp quý báu thì cả thảy cái chi nên hay cũng sẽ từ đó mà sanh ra, và mới chắc thật gọi là có, có cái có được.

Kìa trước mắt ta một bãi đất, mọc sanh một cái cây, lớn lên tượng trái, trái nuôi lần cho cái hột, sau rốt hột còn, trái lá hoa cây tiêu hết. Bấy giờ cái hột ấy mới sẽ sanh nảy cả rừng cây, cả rừng cây là do cái hột, cái hột có ra nơi trái hoa cây lá đất nước.

Người chủ của đất cây ấy, họ chỉ ngó ngay cái hột một ngày kia, chớ nào họ có bảo thủ quý tiếc cái cây lá trái hoa đất nước cho đặng, và là vô ích, thì còn ai muốn đặng để mà làm gì.

Sự nuôi tâm hồn ta cũng y như thế, lo thân là để nuôi tâm, chớ không phải giữ tiếc thân hay phá hủy thân vô lý, mà gọi là không tâm hay bỏ tâm thúi mục, tưởng chừng như thân vỏ trái vẫn còn nhỏ non, non nhỏ mãi mãi.

Thật vậy, trong đời nào ai có ngờ sanh tử là cần, khổ vui là trọng; nào ai đã ngó cho cái sống vui hôm nay, ngày mai và mãi mãi về sau có được là do

nhờ đức tánh, chớ chẳng phải sự việc bên ngoài. Trong đời nào ai dễ chịu được trơ lặng chơn như, như là chết tẻ, mà hiểu được cái quý hay mầu diệu của nó; nào ai có nhớ ra là ta đang ở trong lòng võ trụ, và để tìm cách sống của những bậc, đấng như võ trụ tối cao. Nào ai đã không cho cái huyền bí sâu xa là bí, là dốt, mà biếng nhác sưu tầm, đành phải chịu sự mê tín tà giáo của người dẫn đạo, cũng là sự mê tín theo bóng hình vật chất, sắc thân, cái có bên ngoài, ẩn hiện vô thường, ma biến quỷ quyệt (ma quỷ). Những sắc thân, cái có, vật chất bên ngoài là ma quỷ, xảo thuật, giả dối, cõi ma ẩn hiện thay đổi vô chừng, cám dỗ mê hoặc, khiến nên chúng sanh muôn loại phải mê tríu lạc lầm khổ sở đớn đau, đua nhau tìm chết, giết hại thân tâm, liều càng tự vận, bặt lối ngày sau, chết rồi là hết.

Vậy thì muốn được tâm chơn sống nên phải cần trí huệ (tức là giác ngộ thì mới có tánh chơn như), trí huệ do nhờ nhập định, định có là bởi nơi giới, giới là Khất sĩ, Khất sĩ là chơn tánh võ trụ. Cho nên gọi Khất sĩ là họ của Phật Thích-ca, cũng như còn giới là còn Phật Thích-ca, còn đạo Phật, Khất sĩ. Giới khất sĩ là bao gồm dung chứa định huệ chơn như, Phật tánh giác tánh. Thế nên gọi Phật tánh là giới khất sĩ vậy.

Cả thảy cái chi trong đời nên hay ích lợi quí báu, cũng đều do nơi giới khất sĩ Phật tánh cả.

Thế là chúng ta nên nhớ rằng: giác ngộ là giải thoát, giải thoát là Khất sĩ, Khất sĩ là chơn như, đến chơn như thì không còn nói luận chi nữa.

Vấn: Sao gọi Khất sĩ là Phật tánh?

Đáp: Một thuở nọ sau khi thành Phật đi giáo hóa khắp nơi, đức Thích-ca, Ngài về tới xứ Ca-tỳ-la-vệ. Ngài và chư Khất sĩ ở trong vườn cây, gần chỗ ở của vua cha trước kia là Tịnh-phạn. Sáng bữa sau, Ngài ngự đi trì bình khất thực với chư sa-môn. Bấy giờ có tin báo cho vua Tịnh-phạn hay, vua liền đi ra kiếm Phật, cản đầu mà nói rằng: Ngài chẳng biết tôi là vua sao? Tôi có đủ sức cúng dường Ngài và chư đại chúng đến bao lâu cũng được, sao Ngài lại đi xin làm chi cho xấu hổ, cực nhọc? Vả lại dòng họ Thích-ca từ xưa đến nay thảy đều là vua chúa, nào có ai phải đi xin đâu? Xin Ngài chớ làm việc ấy.

Đức Thế Tôn trả lời rằng: Dòng họ của bệ hạ là vua chúa nên sự bảo giữ ấy là rất phải. Còn như tôi, dòng họ tôi là Phật, cả chư Phật mười phương ba

đời thảy đều Khất sĩ cả. Tôi có bổn phận phải noi dấu, giữ lấy họ hàng Khất sĩ, chủng tộc sa-môn của tôi, cũng y như bệ hạ vậy.

Thế là sau đó, đức Phật thản nhiên đi khất thực. Vua Tịnh-phạn đành gạt nước mắt nhìn trân, không biết làm sao cản được.

Sau đó người ta đến hỏi Phật rằng: Sao lại họ Khất sĩ là họ của chư Phật xấu xa như thế?

Đức Phật giải rằng: Với lẽ thật trong võ trụ, chúng sanh sanh ra do nhơn duyên chuyền níu chẳng đầu đuôi, cả thảy đều là bố thí cho nhau, chan sớt chia sẻ cho nhau, đang xin lẫn nhau mới có cái sống biết, và sống biết tu học. Vì thế mà ai ai cũng là Khất sĩ cả, kẻ giác ngộ trí thức mới thấy ra cái chơn lý ấy, mục đích của chúng sanh là xin học. Kìa chúng sanh đang xin với cỏ cây, nước đất, thú người, Trời Phật, tất cả ai cũng đang xin cả, xin lẫn nhau, hiểu đến lẽ xin học thì thấy rõ chơn như ngay. Vì chúng sanh xin học tạm thì không có cái chi là tham sân si vọng động được cả, không có cái ta của ta gì hết, như vậy là sự khổ chết đâu còn có nữa được. Con đường khất sĩ của chúng sanh ấy trong sạch chánh lý lắm, chẳng phải xấu xa đâu. Bởi chúng sanh vô minh lầm lạc, tưởng phải làm quấy, lấy quấy làm phải, nên hằng ngày lấy cắp ngang giành của nhau, không màng xin hỏi, gây sự bất công đàn áp, tội lỗi chứa chấp riêng mình càng ngày to lớn, quên lãng không hay, nên ngày nay mới khổ chết như cõi đời đây mãi vậy.

Cũng vì thế mà chư Phật, tánh họ của các ngài là Khất sĩ.

Các Ngài nói mình Khất sĩ là để giữ cái gốc vốn chơn như không tham vọng.

Các Ngài nhớ mình Khất sĩ là để cho ý muốn tham chẳng còn sanh.

Các Ngài thật hành Khất sĩ là để cho thấy rõ cái không không của không tham vọng.

Khất sĩ là giải thoát trói buộc phiền não vô minh vọng động để sống bằng chơn như trí huệ, an lạc thong thả, rảnh rang, không còn tạo nghiệp thì luân hồi sanh tử khổ mới đặng dứt.

Đức Phật nói xong, người kia được nhận thấy ra khắp thế giới toàn là chư Phật, tất cả chúng sanh là tối mê lầm lạc nạn khổ, và cả thảy chư Phật đều là Khất sĩ, đúng y chơn lý. Khất sĩ sẽ là đạo Phật, là họ Phật, là chơn tánh, Phật

tánh, họ gốc, con đường của người giác ngộ, không còn hoài nghi chi nữa, nên rất vui mừng tin chịu, đảnh lễ Phật xin xuất gia nhập đạo, theo sát bên chưn Phật, nghe pháp mà tu đắc thành A-la-hán. Và cả xứ đó lần lần ai cũng được biết rõ đạo Phật là Khất sĩ chánh chơn cao thượng, là đạo cứu thế độ đời rốt ráo, nên ai ai thảy đều tỏ lòng hoan lạc khác thường, mà thật là sùng bái tôn trọng. Ấy vậy theo như đây thì Phật tánh có ra là do sự thật hành. Vậy chúng ta nên phải ráng thật hành cho đúng để làm y Phật, quy y như Phật, chẳng là quí báu hơn hết.

CHƠN LÝ 42

HỌC ĐỂ TU

Thuở xưa, trong các hàng đệ tử của Phật, chỉ có ông A-nan là bậc nghe nhiều học rộng, chữ giỏi văn hay hơn hết. Ông là em một họ của Đức Thích-ca, thường đi theo hầu cận khít bên chưn Phật. Ông nổi tiếng là bậc đa văn quảng lý. Chính ông là một vị đệ tử Phật giỏi nhứt về sự nhớ dai. Các kinh tạng soạn chép ra sau này phần nhiều là do ông trùng tuyên đọc lại cho các vị A-la-hán viết theo, nên đầu mỗi quyển kinh chúng ta hằng thấy ông A-nan nói câu thuật rằng: "Ta nghe như vầy…"

Ông A-nan đã là người thông minh tài trí giỏi hay, thế mà đối với sự "học để tu" trong đạo Phật, ông là một người vô duyên nhứt hơn ai, câu chuyện ấy như sau này:

Số là sau khi đức Phật nhập diệt, Đại đức Ca-diếp là vị đệ tử lớn nhứt, tu trì phạm hạnh, đã chứng quả A-la-hán, được Phật trao truyền y bát Tổ sư thay cho Phật. Đại đức Ca-diếp bèn ra lịnh nhóm họp chư Tăng A-la-hán lại để kiết tập kim ngôn Pháp bảo của Phật.

Khi chư A-la-hán đã nhóm tựu xong, thế mà cả thảy không có người đứng ra lập lại lời dạy của Phật được. Bấy giờ ai nấy đều bạch xin với Đại đức Ca-diếp, cho thỉnh ông A-nan. Đại đức Ca-diếp chẳng bằng lòng mà nói rằng: Ông ấy chẳng có tu và không đức hạnh, ông đó khinh đạo rất thường và tự cao ỷ học, ông ấy trái ngược với đạo Phật xa lắm nên dùng không được, ông ấy đạo đức không có, nếu để cho ông đọc thuật những Pháp bảo của Phật thì về sau những Pháp ấy không còn giá trị, bởi không có ai tu theo đắc quả, và vì người ta khinh ố ông ấy mà khinh ố luôn cả sách kinh.

Khi đó công việc kiết tập phải bị đình đãi, thế mà chư A-la-hán nài nỉ nhiều phen, xin thỉnh ông A-nan, nhưng Đại đức Ca-diếp nhứt định không cho. Người ta bèn đem việc ấy tỏ lại với ông A-nan. Ông này đi đến đảnh lễ Đại đức Ca-diếp mà bạch xin rằng: Bạch Đại đức, Đại đức hãy nhận chịu đi, tôi tự thuật lại không sai sót một tiếng nói nào của Phật đâu. Đại đức Ca-diếp nói: Không được! Ông là người có học không có hạnh, ông không phải là người "học để tu", ông chưa đắc quả A-la-hán. Vậy ông hãy đi tu đi, đắc quả A-la-hán rồi sẽ trở lại cũng không muộn. Ông nên biết rằng đạo Phật lưu truyền mãi từ đây về sau là do kinh sách, kinh sách ấy phải có đủ đức tính trong sạch do nơi cửa miệng của một vị Thánh đức thốt ra thì về sau mới có hiệu nghiệm, và đạo Phật sẽ được vững chãi, ngoại đạo không có ai dám xen vào phá hoại. Hôm nay ông vẫn còn phàm, mà nếu ông thuật lại thì có khác nào một kẻ quảng cáo kia ở nơi giữa chợ, nó chỉ nói mà không có ai thật hành kết quả, thì hỏi vậy có ai thích nghe lời nó nói ấy hay chăng? Dầu nó có nói rằng ông Phật này nói vầy, ông Thánh kia nói vậy đi nữa, người ta cũng xem thường nó, mà xem thường cả lời nói thì lời nói ấy sẽ không còn linh nghiệm, và trẻ con khác tránh sao khỏi sự khen chê, bàn tán, nghi nan, thêm dặm, ố chọi, thì mặc dầu lời ấy có đúng phải y sự thật đi nữa cũng không còn giá trị gì.

Thế là Đại đức Ca-diếp không ưng thuận, làm cho cả đại chúng ai cũng phải bối rối.

Khi ấy ông A-nan khổ sở quá, không biết tính làm sao, ông cố để nài nỉ thêm!

Đại đức Ca-diếp nói: *Ông nên biết rằng đạo Phật từ nay sẽ là quan trọng, mà nhứt là kinh luật lại quan trọng hơn. Về lịch sử, tôi không thế nào tư vị ông được, dầu ông là em một họ với Phật, ông là thế tử con cháu vua, ông là đệ tử hầu cận thân Phật, thông minh bực nhứt cũng vậy. Vì đạo Phật đối với chúng sanh về sau là quan trọng, mà tôi yêu cầu ông phải đắc quả Thánh cho được tâm trong sạch đi, rồi sẽ trở lại đây. Ở đây chúng tôi thà là ngồi không nhập định hoặc là chờ ông đến bao lâu nữa cũng được, còn bây giờ thì cả giáo hội Thánh đây đều trong sạch lắm, tâm ông còn nhơ bẩn háo danh như thế, há đâu còn ở đây nữa được sao?*

Nói xong Đại đức Ca-diếp liền đóng cửa giáo hội, bỏ ông A-nan đứng nơi ngoài mà dặn rằng: Khi nào ông đắc đủ lục thông thì ông sẽ tự chun vào

được lỗ khóa này, khỏi phải đợi ai mở cửa, vì chẳng có ai được phép mở cho ông đâu. Thôi hãy đi đi, chớ đừng đứng đó!

Thế là ông A-nan bị đuổi, chiều tối lại đến, lui tới không đường, đêm ấy ông đành phải chịu nghỉ dưới cụm rừng bên ngoài giáo hội.

Bấy giờ ông A-nan sầu não đau khổ lắm. Ông xét thấy cái nghe cái học của ông vô ích, cái thông minh của ông vô dụng, thế mà nào ông có dè.

Trọn buổi đầu hôm ông vẫn ngồi trơ chán nản không sao nằm xuống nghỉ được. Ông cố suy nghĩ mà nhận xét ra rằng đây là lần thứ hai trên con đường đạo đức mà ông không còn muốn sống, không thể sống được. Nghĩ lại từ xưa, lúc thiếu niên, ông còn là thế tử chưa biết đạo Phật là chi, bấy giờ Phật kêu gọi ông đi xuất gia, ông đã đi tu mà còn luyến ái, và Phật bắt buộc phải đi theo sát một bên chưn. Cho đến khi ông đã được thông minh hiểu ra đạo báu, vừa yên tâm trong đường đạo, thì gặp phải cảnh Phật nhập Niết-bàn, bơ vơ tẻ lạc, khổ sở biết dường nào, đó là sự trở ngại lần thứ nhứt đối với ông trên bước chân trong cõi đạo. Mà trước kia ông ngỡ tưởng rằng mình chẳng cần phải khổ nhọc tu thiền định, đức Phật ngài sẽ độ được mình, vì mình là em, là thân cận, là tài trí thông minh danh vọng! Cũng vì sự ỷ lại và tự cao đó mà khi đức Phật nhập diệt, ông A-nan phải bị chới với điếng hồn, chân ông như không còn chỗ đứng, thân ông như đã mất nơi nương dựa, khi ấy ông đã khổ đau hết sức, sợ lo lắm, thế mà còn lại có cái sự bị sa thải, nhục nhã, đau đớn của ngày nay lần thứ hai nữa.

Hồi gẫm lại lỗi ấy tự mình, đạo Phật quý cao còn tâm mình quá thấp thì làm sao chung lộn được. Ví dầu mà Đại đức Ca-diếp có vui lòng thâu nhận đi nữa, thì khi chung lộn với chư Thánh chúng ắt mình phải gây thêm tội lỗi cống cao hợm hĩnh xấu xa, chớ cũng không nên hay việc chi. Bởi thế cho nên ông kính phục Đại đức Ca-diếp mà nhận cho rằng sự khắc nghiêm ấy là rất đúng, vì thương ông mà muốn cho ông nên là phải làm y như vậy.

Khi ấy ông A-nan thật rất hối hận mà xét đến những tội lỗi đã trải qua. Trước kia ở thế thì ông ỷ mình sắc đẹp, giàu sang, danh vọng, tài hay, sức mạnh, khiến nên khi đi học đạo được trí thông minh mà sanh lòng kiêu mạn, vì người ngợi khen cho nên tự đắc, ỷ giỏi mà không kiêng dè, ham lo dạy

người mà quên lo bổn phận, do đó mà đã một lần bị gái bắt, dẫn dụ nhốt giam, cũng vì sắc đẹp và nhiều sơ sót khác trong khi làm thị giả.

Tội lỗi đủ thứ, tâm trạng như thế thì làm sao được đức hạnh trong sạch, diệt phiền não, đoạn nghiệp, đắc quả tốt đẹp của A-la-hán.

Giờ ấy ông ăn năn hối quá và rất sợ sệt, ông vái nguyện đức Phật, ông sám hối lung tung, ông lại muốn chết vì chắc mình không tài gì đắc Thánh tâm thanh tịnh nổi. Đến khuya ông nhập định ngồi luôn quyết lòng bỏ xác thân, không còn chi hy vọng. Ông ngồi mãi đến quá khuya gần sáng, tâm ông mát dịu lần lần, lòng tự ái cống cao đã được phủi tiêu trừ sạch. Cũng như một đứa bé sau cơn ngạo mạn bị đánh phạt bằng roi, chán ghê tội lỗi, biết sợ cõi đời, không còn dám tưởng thấy mình, nhờ vậy mà sau cơn bị quả báo trừng phạt là tội lỗi được sạch trong, thân tâm nhẹ nhàng thơ thới, ngủ nghỉ ấm êm vô tận, tâm hột đã chơn như, như già cứng. Lúc ấy ông A-nan sau cơn mỏi mệt, không còn thế gì ngồi ráng thêm nữa. Mắt ông vẫn nhắm, mình nghiêng dựa xuống gốc cây, trí tưởng xem như thân thể đã chết đi, nhẹ bay bổng trên không trung. Thình lình ông lại đắc quả, thân ông bay bổng lên không theo tưởng tượng, chưa phải khi đụng mình tới đất. Bấy giờ ông đã đắc được bốn phép thần: Thiên nhãn thông (mắt trời thông suốt), thiên nhĩ thông (tai trời nghe xa), tha tâm thông (biết rõ tâm người), thần túc thông (chơn thần bay dạo trên mây đặng). Bốn phép thần ấy phát sanh ra là do tâm ông đã được trong sạch bốn điều: thân, thọ, ý, pháp đã dứt bỏ trọn vẹn, không còn tự cao chấp nữa.

Sau đó ông ngồi trở lại nhập định thêm, ông dùng năm sức lực của năm căn trong sạch vừa mới phát sanh mà soi lần bảy giác, tâm ông an hưởng bảy giác vừa xong, tức thành A-la-hán đắc phép túc mạng thông biết rõ mạng số xưa nay, về sau, và chứng lậu tận thông, an hòa tịnh lạc, khi ấy phiền não pháp trần tiêu tan mất hết. Bấy giờ trước khi đứng dậy, ông niệm tưởng đến tám pháp chánh đạo thường hành của bậc thánh, ghi giữ lấy đó mà ông bước chân ra đi thì trời cũng vừa rựng sáng, phương Đông vừng kim rạng mọc. Ông đến cửa giáo hội biến mình chun theo lỗ khóa, y như lời ông Ca-diếp đã dạy từ buổi chiều hôm qua. Ông đi ngay đến chỗ Đại đức Ca-diếp đang ngồi tĩnh tọa. Khi vừa bước tới, Đại đức Ca-diếp mỉm cười. Ông A-nan ôm chân Ngài mà cúi đầu và đảnh lễ tạ ơn, rồi thì sau đó cuộc truyền kinh mới bắt đầu

khai mạc. Cũng vì lẽ ấy mà từ đó về sau, các chư Tỳ-kheo khất sĩ thường bảo với nhau rằng: Học là để tu, chớ không phải học là để học, mà sanh lòng ngạo mạn. Và quả Thánh là chỉ ở nơi đứa trẻ sau cơn bị đánh đòn.

Điều ấy nghĩa là dứt lòng kiêu mạn thì đắc quả A-la-hán. Cũng như không chấp chứa bẩn dơ mới gọi là trong sạch. Chính lòng kiêu mạn là chấp chứa bẩn dơ vậy.

Triết lý của đoạn này cũng có thể giải rằng cái thông minh không bì với trí huệ đặng. Đại đức Ca-diếp, Ngài tu về giới định huệ, do đức hạnh chơn như nên Ngài thấu đáo võ trụ chơn như, là chơn lý một cách xác thật bằng sự tu hành, tập mình trơ lặng như võ trụ; thế là Ngài đi ngay vào trong huyền bí võ trụ mà giác ngộ chơn lý rõ rệt hơn. Ngài không cần sự học nghe chi cả. Cũng như một người kia đã ở trong kho tàng bảo vật thì các món báu chi trong ấy thảy ở nơi tay người xác thật, chớ không phải mộng ảo. Sự thấy biết rõ rệt ấy ở tự mình có sẵn, khỏi phải cần nghe học nơi ai. Cái trí huệ của Ngài cũng y như thế, chơn như sanh vạn pháp, mà Ngài đã ở trong cái chơn như là vạn pháp có ở nơi Ngài rồi, tức là trí huệ sẵn chứa trong ấy, khỏi cần ai dạy, có khác hơn ông A-nan, học đâu biết đó, tâm vọng không chơn, như ở ngoài cửa chơn như mà lại thêm ỷ mình ngạo mạn thì làm sao mà học thêm nhiều cho được. Chính ông A-nan ỷ mình giỏi hơn người ta, tự cho mình đủ rồi, không chịu học thêm và cũng đâu có ai muốn dạy cho ông.

Vả lại, sự học của ông là đứng ở ngoài cửa ngoài, chỉ nghe người ta nói món này món kia trong ấy, ghi nhớ thuộc lòng cho nhiều mà tự đắc, cho là biết hết, lại tưởng lầm là mình có đủ hết của mình rồi, thì sái trật quá. Chính mắt ông chưa tận thấy, tay chưa tận rờ, chưa phải của mình cất giữ, thì cái tưởng tượng nói nghe bóng dáng ấy có nhằm chi đâu, cái thông minh sao cho bằng trí huệ. Cũng y như thế, đạo Phật là do chỗ hành mà giác ngộ, chớ không phải nơi cái học mà đắc. Và đâu có thể nào ai học hết pháp võ trụ đặng. Vậy nên ông Ca-diếp lấy nơi chơn lý mà hỏi một câu, ông A-nan trả lời không được, vì chưa có nghe Phật dạy, thế tức là ông đã bị khóa cửa đuổi ra ngoài đó! Bởi câu hỏi của ông Ca-diếp là ống khóa, còn sự giải mở trả lời của ông A-nan là chìa khóa, mà ông A-nan trả lời không thông, luận giải không rành, chừng đó mới biết rằng mình là dốt kém, không còn dám tự tôn tự trọng mà biết sợ trở lại. Sự trả lời không được ấy là bởi tánh tự cao,

chấp mình, chấp thân, chấp trí, như cây sắt to lớn nặng nề thì làm sao mở thọc được lỗ ống khóa nhỏ hẹp cho được. Chính câu ông Ca-diếp hỏi đây là về đức hạnh, còn ông A-nan lại nắm giữ cái thân cao, trí lớn, cố chấp thì trả lời sao cho qua lọt. Nhưng khi nhờ biết sám hối, chán đời, hổ thẹn mà dứt lòng tự trọng, tự nhận ra được thánh đức là nhỏ nhoi, nên khi tâm ông đã biết được nhỏ nhoi rồi thì mới chui được lỗ khóa, là đã trả lời đúng phép, tỏ ra là đã đắc Thánh tâm trong sạch; qui theo chơn lý của đức Ca-diếp là ôm theo được chơn Ngài. Thế là từ ấy, ông A-nan đã dứt lòng cao mạn dơ bẩn, biết quý trọng thiền định chơn như, xem ra thấy mình như dốt, do đó mà đắc trí huệ của bậc A-la-hán.

Sự thật trong đời đúng y như vậy, lòng tự cao nước sóng dợn, khói bốc phừng thì con người không thế đắc trí huệ, thánh đức an vui đâu, mà là trong thánh đức chơn như thanh tịnh thì trí huệ sẽ thâu chứa đủ đầy giác ngộ. Ấy mới biết rằng đối với võ trụ đạo đức, cái học sẽ là dốt, còn dốt tức là học. Nghĩa là kẻ ỷ học là dốt trở lại, còn kẻ biết mình dốt là sẽ được học thêm. Hay cũng là từ cái có học về sự giả, thông minh, bề ngoài, mới đến cái dốt của sự thật, rồi từ cái dốt lẽ thật mà đến được học cái thật, kêu là thật học, học bên trong. Điều này tức là chơn lý võ trụ ở bên trong nền đức hạnh, thánh tâm, yên lặng, tự nhiên như dốt nát, chớ chẳng phải ở nơi ngoài sự khoe khoang loạn vọng của kẻ phàm phu, có sự hơn thua, giỏi dở, khen chê, cao thấp.

Thế nên từ xưa cho đến nay, chư Phật Thánh nào cũng xem mình là dốt cả. Vì võ trụ chơn như trơ lặng cũng là cái dốt, chớ đâu phải cái học hay xao động. Kìa đức Phật Thích-ca, Ngài trước ở trong đời là giỏi học, sau theo đạo rồi là dốt, nên Ngài chẳng bao giờ viết chữ học bài. Còn đức Huệ Năng cũng dốt hơn Thần Tú. Cái dốt của các Ngài là vì đức hạnh thánh tâm không thể xao động. Hơn nữa, bởi chơn lý pháp bảo vô lượng vô biên, không cố chấp, không diễn tả được. Vả chăng cái toàn học chỉ đựng chứa ở trong tâm chơn mà thành cái giác, trí huệ, chớ không thể lấy ra từng món cho hết, nên lúc nào các Ngài cũng chịu dốt hơn kẻ mê muội, mà không phải dấy lòng tranh cãi. Cũng như ở trong đời, kẻ dốt thì hay nói chữ, không cần đức hạnh, nên không tấn hóa; còn người có học, vì muốn cao siêu tốt đẹp, mà phải lặng thinh. Khác nào những kẻ học trò nhỏ ráp nhau lại gần là học la inh ỏi, cãi cọ om sòm, còn thầy giáo gặp nhau thì trang nghiêm yên lặng, không hay có nói đến sự học.

Kìa như có người ở đời, xấu hay khoe tốt hay che là cũng thế. Các bậc Thánh đức là dốt, nhờ dốt mới thành Thánh, cũng y như vậy. Nghĩa là các Ngài đã qua khỏi sự học rồi, đã lên lớp trên rồi, thì không còn nhắc lặp lại cái học thấp kém ấy, mà hãy bỏ lảng tránh đi, xem ra như tuồng dốt học, không biết lớp học đó nữa.

Cũng giống như một vị đại tiên kia, sau sự học xong, đến giờ luyện đạo, có đứa học trò nhỏ đến làm rộn ông, nó học đọc lung tung mà ông không chú ý đến, nên nó nói rằng: "*Chắc ông này dốt, tôi hỏi không bao giờ ông trả lời được*". Ông ấy nói: "*Tôi đang chỉ biết trau tâm thôi, còn cái học hỏi ấy, bây giờ đây tôi dốt lắm*". Ông nói thế để đặng nó đi xa cho rảnh chuyện. Sự thật kẻ trí huệ thì ai cũng dốt việc đời hết, chớ nào có ai biết đến nữa đâu, thì trách sao trẻ nhỏ lại chẳng khinh chê các Ngài.

Một kẻ kia miệng la bánh bánh, bụng đói xép teo, càng đói càng la thì càng thêm đói. Một người nọ ngồi ăn bánh, miệng chẳng nói chẳng rằng, càng ăn càng no ngon đầy bụng mà không thèm cần nói ra chi hết, hoặc may họ có nói là nói thầm trong trí rằng: Mặc kệ cho người la lối đói khát, còn ta thì đã qua rồi cơn đói la ấy, là hôm nay ta chỉ cứ ăn, ta chỉ biết cần ăn cho no bụng.

Trong đời một kẻ nói và một kẻ hành, cũng như thế. Hành đạo là đắc đạo, chớ học đạo chưa có đắc đạo đâu. Học là để biết đặng tu hành, chớ phải đâu học là để học, học mãi cho điên, cho chán, cho chết, cho hết thì giờ, tự vận. Trong đời kẻ học mà để hành, là phải đâu đi học lún cố mênh mông, đường nào cũng học, lập dập xa vời, để điên đầu rối ruột. Như người đọc truyện, đọc đủ thứ, đọc tối ngày, đọc mướn ăn tiền, buông ra quên hết, không ích lợi chi cho nó, và không được cái hành chi cả. Cho nên, người tu trong đạo Phật cần phải biết rằng từ văn học là nghe nói để tiến lên tự học là suy gẫm, và đến hành học là học trong việc làm biết nơi sự đi thì mới mong đắc học. Mà nên nhớ rằng con mắt ngó xa quá thì chơn đi vấp té. Vậy thì muốn đi, trước ta phải biết mục đích phương hướng, thỉnh thoảng ngó chừng, còn hiện tại là ta phải biết thấy nơi trước mỗi bước chưn mới là đi được, mà đừng thèm ngó đâu đâu vơ vẩn. Từ xưa đến nay, cả chư Phật Thánh đều đi như vậy. Các Ngài không có quảng cáo bán rẻ Pháp bảo, không có truyền rao kêu nài ai đâu, các Ngài không bao giờ nói ra những việc mà mình chưa làm, các Ngài chẳng phải chỉ lo độ người, ham làm thầy giáo mà không tự tu. Các Ngài

không phải tích cực hay tiêu cực. Các Ngài không có làm giáo sư cất lập lớp trường chi hết. Đối với các Ngài, tu là học, học là tu, vừa vặn. Có khi mỗi kiếp chỉ tu có một pháp, xong rồi pháp này mới tu đến pháp khác nữa, cũng y như người uống thuốc chữa bịnh, mỗi lần uống một thứ thuốc trị cho xong từng chứng bịnh, mà chẳng chịu biết đến những việc xa vời.

Kìa như đức Huệ Năng, Ngài có phải dốt chữ đâu. Nếu Ngài chưa có thông minh thì làm sao có trí huệ. Ngài không có xem kinh sách, ghi nhớ, biên chép, suy gẫm nói luận thì làm sao mà tu huệ, như vậy há phải đâu Ngài dốt. Nhưng mà Ngài nói Ngài dốt là bởi cái học trước kia quá mênh mông, không còn dùng ích lợi chi cho ngày nay, thì nói biết để làm gì, mà chẳng phải nên dè dặt, thận trọng nói lời chín chắn, là dốt không còn biết đến. Huệ Năng nghĩa là năng trau dồi trí huệ, trí huệ có ra do nhờ thiền định; trong sự vắng lặng thiền định là chỉ có trí huệ, chớ đâu còn văn tự hoặc cái chi trong ấy, mà không phải là dốt với cái khoe học, mới học.

Vả chăng định là để nuôi huệ, huệ là để nuôi định, định huệ là để chơn như, đến với chơn như. Vậy nên nếu kẻ nào không nuôi giữ chơn như, thì định huệ để mà làm chi. Cũng như học trò là để làm thầy giáo, thầy giáo là để đến đốc học hưu trí kết quả. Kẻ mà không biết đến kết quả, kẻ ấy tới già chết vọng động mãi thì có ích lợi gì cho họ và cho kẻ khác, bởi khi họ đã già lụm cụm mà còn làm việc vọng động sái trật của trẻ nhỏ nữa, thì tránh sao chẳng phải tai nạn hại lây cho tất cả, mà đi cố chấp làm chi.

Như thế thì trí huệ là để nuôi chơn như, không chơn như thì cần chi trí huệ, mà không phải là sự cố chấp rằng: tài học, trí hay, phiền não luân hồi sanh tử là cao giỏi.

Vậy nên những ai muốn bỏ phàm làm Thánh, trau đạo bỏ đời, thì phải nên cần "học để tu". Khi tu là phải xem mình như dốt nát, lơ lơ dường ám độn, đối với ai cũng phải nên chịu sự sút kém nhẫn nhường. Có như thế mới đặng chưởng trau đức hạnh, mà không nên so bì sự khôn lanh quỷ quyệt, xảo trá hơn người, thì tội lỗi bẩn nhơ khổ nạn mới được diệt tiêu trừ sạch. Vì trong đời chỉ có bậc Phật Thánh hiền nhơn là quý báu hơn hết!

CHƠN LÝ 43

ĐẠO PHẬT

Thuở xưa bên xứ Tàu, đời vua Thái Tông nhà Đường, sau Phật Thích-ca 1.180 năm, bấy giờ có ngài Trần Huyền Trang sang học đạo bên Ấn Độ. Ngài thọ giáo với Đại đức Giới Hiền luận sư tại xứ Nalanda năm 637 dương lịch.

Thế mà có kẻ lại hiểu lầm là Trần Huyền Trang qua Tây phương Ấn Độ thỉnh kinh, gặp Phật Thích-ca và A-nan, theo như trong tiểu thuyết bịa đặt bộ Tây Du của Ngô Thừa Ân, tác phẩm ví dụ. Trong ấy nói rằng Trần Huyền Trang vì không có lễ vật, nên A-nan phát cho kinh bạch tự giấy trắng không có chữ; sau đó Trần Huyền Trang dâng cái bát vàng của mình lo lót cho A-nan, nên ông A-nan mới đổi kinh có chữ lại cho.

Thế nên đời nay, mỗi mỗi sự cầu pháp, xin kinh, cúng lễ, thảy đều phải có lễ vật, và kêu gào lễ vật đem đến cúng kêu rủ khuyến mời, bày đủ các thứ lễ cúng để thâu nạp, mà gọi rằng không có vật là chẳng có linh. Nhưng nào ai biết đâu rằng ông Trần Huyền Trang đi qua xứ Ấn Độ học đạo vào tâm tức là thỉnh kinh, gặp giáo lý Phật Thích-ca tức là gặp Phật, nhờ kinh sách của ông A-nan thuật lại tức là A-nan phát kinh, chớ không có Phật và A-nan nào sau 1.180 năm đó cả.

Sở dĩ ông Ngô Thừa Ân nói về đoạn này là có lẽ ý ông muốn nói ông Trần Huyền Trang ỷ mình Nho học xứ Tàu, nên đối với kinh sách của ông A-nan nói ra thay Phật, ông vô lễ bất kỉnh xem thường, nên tuy xem học mà không nhận thấy ra được nghĩa lý sâu xa, có khác nào mắt mù hay là giấy trắng.

Ông không hiểu biết cái có, có ích quý chi hết vậy. Bấy giờ ông mới đem tấm lòng cầu đạo từ phương xa đến, ông thành kính kỉnh trọng ông A-nan, dẹp lòng ngã ái; bấy giờ ông mới được hiểu, nhận ra pháp Phật diệu mầu do nơi kinh sách của ông A-nan truyền lại. Chính ông dâng tấm lòng cầu đạo kỉnh đức A-nan, tức như dâng cái bát vàng (bát chánh đạo quý như vàng) đến đức A-nan để tỏ lòng cung kỉnh lễ phép thì mới học hiểu được đạo.

Đó là bày lời ví dụ, thế mà đời sau có kẻ hiểu lầm, bày ra lắm sự tham lam vụ lợi, bán Phật, bán Pháp, bán Tăng để đặng lót lo cho thân mạng, ấy cũng bởi chưa thông rành giới luật. Trong giới luật, Phật cấm không cho Tăng sư vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ, không cung kỉnh mà lật áo quấn áo lên cổ, che đầu khỏa đầu, đi guốc, đi dép, mũ, dù, khăn, gậy, cầm gươm đao v.v… đối với những kẻ vô lễ phép, ngang ác, chớ không phải thiếu lễ vật xôi chè. Sở dĩ Phật cấm sự nói pháp cho kẻ vô lễ phép như thế là vì đạo Phật là Khất sĩ, Tăng chúng xin ăn y theo chơn lý trong sạch, nên đối với kẻ ác tham thì không bao giờ thấu hiểu, họ đã quen nhận sự quấy làm phải, lấy ác làm thiện, nên họ có biết đạo đức gì đâu? Họ mà không kỉnh trọng tức đã là trọng tội khinh khi Tam bảo rồi, nếu ta lại đem pháp bán rẻ nài họ, họ ắt cũng chẳng thèm nghe mà lại sanh lòng ố chọi để bảo vệ cái ác, giữ chắc cái cao, thêm nghiệp hại cho họ nữa. Chi bằng đối với kẻ ấy, thà ta đừng nói chi hết, họ khỏi phải chống cự lỡ lời với ta, thì về sau khi khổ nạn, họ còn đường bước tới đạo đức theo ta được.

Vả lại, người có lễ phép biết đạo thì ta nói một, họ hiểu biết đến năm ba; còn kẻ vô lễ ngạo mạn thì dầu ta có nài nỉ họ mãi đi nữa, ta nói mười họ cũng chưa nghe được một. Điều ấy khác nào người biết quý trọng chữ thì dốt cũng trở nên hay, còn kẻ hay mà khinh chê chữ ắt có ngày dốt học. Cũng vì thế mà đức Phật cho ra điều giới luật ấy là để tránh phiền não cho Tăng sư và khỏi gây nghiệp tội cho kẻ ác, chớ không phải Phật Tăng vọng tham ích kỷ gọi đòi lễ vật bạc tiền mới dạy đạo.

Ấy cũng bởi đạo Phật quý trọng sự thật hành, chỉ có kẻ đủ trí thức thiện căn phước đức nhân duyên mới là sẽ biết quý trọng đạo bảo, họ mới là kẻ biết lễ phép, quên mình tự cao, để trau dồi đức hạnh tốt đẹp về sau. Nhờ biết lễ bái cầu đạo nên đạo mới sẽ đến cho họ bằng sự cố gắng thật hành được. Bởi thế ấy mà trong nhà Phật, đối với kẻ mới bước vào phải là cửa lễ nhà

hạnh, người trí thức, nghĩa là phải khom lưng cúi đầu khiêm nhượng, giữ hạnh và có sẵn thức trí thiện căn mới được. Đời cũng vậy mà đạo cũng vậy, cái chi ta quý thích ta mới cố gắng thật hành, cái nào ta không ưa thì ta có hạp chịu cho ai nài rẻ mà ta dùng đâu, và ai mà không phản đối, gây tội đối với việc mà mình chưa am hiểu.

Cũng vì lắm kẻ chưa hiểu biết đến lễ phép của sự cầu đạo trong giới luật mà ngỡ tưởng rằng ai học đạo thì phải có lễ vật bạc tiền mua bán. Và có người lại so sánh với nhà Nho dạy học trò, học trò phải nuôi thầy, phải đem đồ vật tới nuôi thầy, tiền bạc gạo nếp bánh trái chè xôi đem đến lễ thầy và dâng nạp. Vì không lẽ bỏ ông thầy nhịn đói mà chỉ lạy suông đền ơn. Thế nên, khi xưa trò Nho đối với thầy thì lễ và vật phải đi đôi, mới trọn đạo con trò. Mảng tưởng tượng thế mà người ta quên rằng đạo Phật là Khất sĩ, Tăng sư đều biết đi xin, khỏi phải nhờ ai hối lót cả, và cũng khỏi phải bắt học trò nuôi.

Thế nhưng trong đời có kẻ lại còn gọi rằng vô tửu bất thành lễ, mà người ta quên rằng là con rể nịnh hót, phục rượu cho ông già say để đặng được việc nên cho nó, còn ông già thì tửu nhập tâm thì... cha cũng như chàng rể.

Người trong đạo Phật ít ai nhận hiểu rằng Tăng sư là người không còn có ham mộ nghi lễ cúng kiếng nữa. Chính Phật Tăng xưa kia không có thờ cúng lễ bái thần quyền, tham vọng. Mà đúng chơn lý thì tất cả chúng sanh hay Phật là bình đẳng như nhau, há có ai lại đi bắt buộc thờ cúng lễ bái ai sao? Hoặc may ra, những kẻ sanh sau tội lỗi nên tự họ lễ bái kính trọng bậc Phật Thánh là để noi gương; cùng tự họ cung dưỡng ông thầy là để giữ cất sự học dạy, tự ý nơi kẻ đi sau chớ nào phải ai ép buộc. Từ xưa kia Phật Tăng nào có bày ra sự cúng kiếng tế lễ, mời thỉnh rủ ren, để cho người ta dâng cúng cho mình đâu. Các Ngài nào có buộc bắt ai phải lạy bái. Các Ngài nào có bảo ép, phải có dâng lễ vật mới là dạy đạo. Các Ngài đâu có đi bày sự cúng kiếng để đi mời thỉnh đặng tính lỗ lời… Các Ngài nào có đọc kinh thuyết pháp ăn tiền, cùng làm đám vái nguyện ra giá cả. Nào ai biết đâu rằng Phật Tăng không có đến hai cái bụng, nên chi miễn là mỗi ngày có ai cung dưỡng cho một ngọ cơm là các Ngài có hơi sức, thì sẽ nói pháp cho được vậy. Đời nay người ta quên rằng bậc A-la-hán có là do mười pháp:

1. Không mê lầm bổn ngã

2. Không nghi não

3. Không ham mộ nghi lễ cúng kiếng

4. Không tham dục

5. Không tham sắc

6. Không tham vô sắc

7. Không sân giận

8. Không tự cao

9. Không xao động

10. Không vô minh si mê.

Thật vậy, Phật Tăng khi xưa không thể chịu được sự xao động ồn ào. Các Ngài không bao giờ sợ ai hơn là sợ tội lỗi của mình. Các Ngài không còn vái nguyện ai hết. Các Ngài không tham phước hữu lậu cũng không tham sống sợ chết. Các Ngài không còn mong cầu thì đâu còn cúng kiếng lễ bái, và các Ngài thường tu thiền định, đâu có thích hạp sự ồn ào. Các Ngài đối với nhà thế, không thể bước chân đến ở quá hai giờ đồng hồ, huống chi là bày ra đám hội. Thử ngay như chúng ta, có ai hai ba ngày ở quen chỗ vắng lặng, sau đó đi ra chợ giây lát chịu còn không thể nổi, huống chi các bậc nhập định là đã khắc kỵ với cõi đời, thì có đâu đi bày xúi sự đông đảo. Chư A-la-hán xưa khi đi khất thực quá lâu trong xóm, các Ngài còn phải bay về, xa tránh cho mau thay. Đối với các Ngài, nhờ cảnh tịnh mà tập tâm tịnh, và khi tâm đã tịnh rồi thì tâm mới tạo cảnh. Nghĩa là tâm người đã tịnh khi đến xóm động thì dạy khuyên họ sửa chữa lo tu, đổi động làm tịnh, chớ nào phải nói khoác rằng uống rượu mà không say, gần sắc mà không đắm, gần tiền mà không tham, ở chỗ động mà tâm được tịnh. Cũng như kẻ mắc giữa vòng vây không mau chạy thoát, ở đó giỏi lắm là lo đỡ gạt tên đạn cho khỏi bị thương chết là may, chớ nói khoe mình ngủ nghỉ ngồi yên là vô lý.

Khi xưa Phật Tăng gìn giữ chơn tâm ở nơi vườn rừng cảnh tịnh, tâm chơn chủ, chẳng vọng động làm khách căn, chẳng chuyền níu theo bụi trần

xao xuyến, thế mới gọi là tu. Đối với các Ngài, trần là để nuôi căn, căn là để nuôi chơn; cũng như vỏ trái nuôi thịt cơm ruột, thịt cơm ruột nuôi hột giống tâm chơn, thế mà còn khó đắc đạo quả thay, huống sao đời nay người tu lại bày đủ âm nhạc, trống, kèn, chuông, mõ, đầu, sanh, mão áo, vớ giày, dù mũ, lọng khăn, quần áo, bỏ chơn tìm vọng, lấy chủ làm khách, vui say nơi bụi đất vô thường, lại bày thêm lắm sự ngâm nga hát bộ, tiệc đám, bỏ đói chơn tâm, không cho ăn bằng chơn như nhập định thì làm sao nuôi nó sống dài lớn đặng.

Đạo Phật Thích-ca khi xưa phải nào như thế. Kìa một vị A-la-hán nhờ nhập định mà chứng đắc lục thông, lục căn thanh tịnh mới thành A-la-hán. Thế nên vị ấy đi ngang cửa nhà, hoặc gặp bà con thì không còn nhận biết tư riêng. Tâm các Ngài đã bình đẳng trong sạch không không, như thế mới gọi là A-la-hán. Và nếu đắc thần thông mà còn có một niệm biết rằng này gia đình, này xã hội, này màu da, này bà con quyến thuộc, thì tức là không còn nhập định trở lại nữa đặng, phép thần thông sẽ bị tan mất, vì lục căn xao động. Các Ngài đã đắc thần thông rồi mà còn như thế, huống chi là chúng ta hôm nay. Thà là chẳng theo đạo Phật Thích-ca, chúng ta có thể là theo ông tiên thánh thần nào cũng được, chớ nếu gọi mình là đệ tử Phật Thích-ca, tu chưa đắc quả mà lại còn tìm thêm vọng động ngoại đạo, xa lánh đạo pháp của Phật Thích-ca hay sao? Sự nhập định rèn tập rất khó khăn lâu nhọc, vô ý một chút làm hư hoại hết, huống chi là mảng mãi chạy nhảy bên ngoài.

Đã vậy nào thôi, có lắm nơi lại bày ra hội kỳ truyền giới, nào đạo Phật khi xưa chư Tăng thọ giới có lượt kỳ, và phải cầu mời thỉnh cư gia cúng kiếng chứng dự thì chư sư thọ giới mới được? Hoặc mỗi khi Tăng chúng có điều chi nhóm họp thì cũng phải cho hay bảo rủ cư sĩ tới nơi dâng nạp của cải, cùng là bày ra đủ các thứ lễ cuộc liền liền, ép buộc cư gia, đặng đưa bạc tiền lễ vật; thêm sự tấn chức lên quyền, giai cấp, cấp bằng chức phận, bà con, chú bác, cha con, nam nữ như nhau, chung lộn theo thế tục, bắt người nuôi lo ủng hộ, ấy bởi sợ cực nhọc xin ăn xấu hổ. Cũng vì trốn tránh sự xin ăn mà phải bày ra lắm chuyện cúng kiếng, mê hoặc kẻ tối tăm, phạm giới giữ chấp bạc

tiền tham lợi, để phải vì thân tội lỗi mà phiền não vọng ma, suốt đời không còn đường giải thoát.

Nào ai đã biết đâu rằng Tăng-già là Khất sĩ, bởi Khất sĩ mới gọi Tăng-già. Xứ Ấn Độ xưa gọi Khất sĩ là Tăng-già, còn người tu đời nay ngồi một chỗ, bắt người đem dâng hộ, sang trọng như thế chẳng biết đối với xưa kia tiếng Ấn Độ kêu gọi là chi chi đó. Đời nay ít ai hiểu được ba lẽ xin này:

1. Xin bằng giành giựt lấy ngang của họ (như trộm cắp).
2. Xin bắt buộc người đem đến tại chỗ cho mình.
3. Tự mình đi xin, đến nhà người, tự người vui lòng cho.

Chính cách xin thứ ba đây mới được tinh tấn trong sạch, gọi là Tăng-già Khất sĩ của đạo Phật Thích-Ca. Thế mà đời nay lắm người chưa phải Khất sĩ lại dám xưng gọi mình là Thích tử, chẳng biết sợ tội và chưa rõ hay những lời bày chỉ sự quấy của mình.

Sự thật vậy, nào ai đã chắc mình là hoàn toàn đúng giới luật? Vì hễ đúng giới luật thì tất nhiên đắc quả. Vậy ai là người đã đắc quả? Và tự chắc mình không còn khuyết điểm, dám đứng ra cho người chỉ nạn? Đời nay ai là người đã dám tự xưng mình là Tăng-già, là Thích tử, trong lúc vắng chủ nhà lâu xa, đuôi tôm ló mọc đuôi gà.

Đời nay người ta rất thái quá! Khi xưa đức Phật nào có bày ra lễ hội như xã hội quan vua. Nào Ngài có ngồi trên chiếc ngai vàng cao để người ta xưng tôn Ngài là giáo chủ của một nhóm khối riêng đâu? Xưa Phật có đâu nương dựa thế quyền danh lợi để cho người nuôi dưỡng. Phật Tăng xưa nào có cộng sự chung với cư gia kẻ thế. Phật Tăng xưa há có tôn vương bằng mão cao, áo rộng, giày trơn. Nào Phật Tăng khi xưa lại ở một chỗ trong lâu đài tường ngói, giữa trong thành thị mà gọi là tu giới định huệ ở nơi chùa cao cột lớn thâu tiền? Phật khi xưa nói pháp bình đẳng nơi gốc cây lều lá, nào phải bắt buộc xây cất nhà to đền lớn để dạy đạo riêng cho bậc vương tôn mới được? Đặng bày sự tốn hao, khổ nàn thiên hạ?

Hồi nghĩ nhớ lại ngày xưa, Phật dạy chơn lý, triết lý, Pháp bảo cho Tăng chúng Khất sĩ lo tu, mà nào có cho sự bày ra văn tự và chữ tiếng nước ngoài ở trong giáo hội để phải xao lãng tâm chơn vô ích, cùng là bùa chú pháp ấn, bói khoa, chữa bịnh, thờ phượng v.v… như người cư sĩ.

Ngày xưa Tăng sư chơn chánh chẳng đốt đèn, thắp hương, chưng hoa như thế, huống hồ có đâu lại mang đi giày guốc sang trọng, Phật xưa đâu có guốc giày?

Khi xưa Phật Tăng tu là để cầu đạo quả, ngày nay chúng ta tu há cũng chẳng phải để cầu đạo quả cho ta, mà lại riêng cầu thế lực hay sao? Thật vậy, đời nay ít ai thấy mình là tập tu, và đang tập tu tới mãi để cho tinh tấn mà không tranh cạnh. Và ít ai nhận thấy mình còn chỗ kém khuyết mãi để được sửa chữa từ lần! Đời nay lắm kẻ xuất gia mà cứ mãi gọi là quyền, quyền mãi theo đời ác tội; cái tệ kém của cõi đời cứ sao là để vậy, như đống rác kia thì phải chịu cho nó là rác mãi vậy thôi, chớ không ai chịu vui lòng quét hốt cho sạch. Cũng như Phật Thích-ca xưa kia, phục thâu ngoại đạo, cải sửa xã hội gia đình, có đốn, có tiệm, có quyền, chớ không phải tự cao ém lỗi mà gọi là quyền mãi, để cho u tệ thêm. Bởi lẽ sợ mất nồi cơm, vì mình đi xin không được, thế mới biết rằng chỉ vì có một sự đi xin không được mà người tu gây sanh ra đủ các nghiệp tội, lại càng bào chữa mà gây thêm mãi những việc không hay phiền não, thì còn đâu chánh pháp của Phật Thích-ca sống đời được nữa, cho mỗi người tôn gọi.

Ấy vậy, sự chỉnh đốn đạo Phật là phải chỉnh đốn hoàn toàn trong sạch, để tránh những sự mang tiếng chỉnh đốn mà thật ra là không có chấn chỉnh, đốn dẹp chi hết, chỉ có cái danh từ chỉnh đốn suông thôi, mà trong ấy lại là danh quyền thế lực, chứa chấp tư riêng lố bịch, để phải cho ngoại đạo chê cười đến Phật Thích-ca, rõ khổ. Như thế là bắt Phật Thích-ca đỡ đạn làm bia, cho người mạnh giỏi an ngồi, mặc cho Ngài đớn đau trối kệ, thì là tội nghiệp cho Ngài lắm, mà nào thấy ai có tu hành đúng y như Ngài. Bởi lẽ ấy, nên đời nay người ta nói là đạo của Phật Thích-ca mà hành vi thì sửa đổi khác xưa, tức là mâu thuẫn lắm vậy.

Đành rằng đạo Phật là con đường giác ngộ của người giác ngộ, của chúng sanh chung, nhưng Phật Thích-ca đã không khác chư Phật quá khứ sự tu hành, thì đời nay ai tài gì sửa đổi thiết lập mà đắc quả như Ngài hay hơn Ngài được. Nào ai đã thành Phật như Phật xưa rồi đâu? Và thế nào là Giáo hội Tăng-già Khất sĩ khi xưa ra làm sao? Vì sao đạo Phật xưa gọi là đạo, chớ không phải gọi là tông giáo, hay học Phật? Nếu chúng ta chịu cố sức sưu tầm thực hiện thì chắc cũng không có chi là khó hiểu, miễn chúng ta có óc giải thoát như Phật là được. Chúng ta sẽ tin chắc như thế, trong đời sẽ không còn có gì mà chúng ta không thể hiểu biết được, nếu một khi chúng ta muốn chịu hiểu. Và chúng ta nên phải nhớ mà đừng làm thêm ra những việc không lịch sử, không đúng chơn lý, chánh lý, lý nghĩa, để phải khi có ai hỏi thì ta chỉ còn cách trả lời là không biết, không biết mà cứ xúi bảo nhau làm, noi gương mà làm, làm để mưu danh vụ lợi, ép buộc, rủ ren, xu hướng.

Thật vậy, đạo Phật Thích-Ca xưa và giáo pháp của tượng cốt ngày nay đã khác xa nhau lắm. Chúng ta ai cũng hết sức bối rối mà phăng tìm nguồn gốc cho rõ rệt, vẫn mãi mà chưa ra, nên ai ai cũng phải bị tà pháp nghi hoặc phủ che mà chưa biết ra sao sự thật. Vì thế mà chưa biết phải tin theo ai, lời nói, chữ viết, cốt tượng, đồ vật chi được? Và nào biết đâu, ai là bậc sẽ chỉ rõ được sự thật của chơn lý ngày xưa cho chúng ta ngày nay tỏ ngộ?

Sự rối nhứt cho chúng ta ngày nay là tại xứ Ấn Độ, hiện nay đang có đến hằng mấy chục phái Tăng sư đạo Phật khác nhau, chọi nhau, và phần đông người ta không còn mấy gì tin phục các sư hiện tại ấy nữa. Do đó mà các đạo giáo khác lại nổi lên thêm và mạnh mẽ, lấn đông hơn đạo Phật.

Như thế thì người tu ở xứ Việt nơi đây còn trông gì hiểu ra đạo Phật cho nổi được? Mà chẳng phải là tập bắt chước lần lần từ chút kinh nghiệm, miễn so sánh sao cho giống y theo lịch sử, tránh ác theo lành, giữ lòng trong sạch từ lần mà chẳng dám lộng khơi, buông xa quá bực.

Như vậy cũng tức là chẳng thà cam chịu thấp dốt, học chút ít chậm lụt, do nơi sự thật hành kinh nghiệm, vừa làm vừa ăn, vừa đi vừa tới từng bước một mà được yên vui trong tâm mỗi lúc.

Đành rằng đạo Phật chẳng phải riêng của một đức Phật Thích-ca, nhưng đời nay, ai mà lại không muốn gọi mình là Thích tử danh vọng, và cho rằng Phật Thích-ca là giống y chư Phật khác. Cũng vì thế mà đạo Phật từ nay đối với chúng ta thật rất khó khăn lắm. Nghĩa là phải tu hành thế nào cho thích hợp với người nay và chư Phật xưa kia. Nhưng tuy nói vậy, chớ chúng ta chỉ cứ phải theo y như chư Phật xưa thì ắt chúng ta sẽ nên hay nhiều ít được, mà cũng khỏi phải cần để cho người đời nay vừa lòng hạp miệng, để họ kêu cho là đạo Thích-ca với theo ý kiến của người người. Ấy bởi lẽ phải không bao giờ có đến hai, vậy thì chúng ta nên cần phải hiểu sự thật là qui y Phật, y như thế là đúng lý hơn hết.

Bởi lý do đó mà có người hỏi một Khất sĩ rằng:

Vấn: Tại sao ông đi khất thực?

Đáp: Tôi đi khất thực là bởi chư Phật Pháp Tăng đều khất thực, và bởi là tại ai nấy không đi khất thực!

Vấn: Tại sao ông ăn mặc ở chẳng giống người ta?

Đáp: Tại vì người ta ăn mặc ở chẳng giống Phật!

Vấn: Tại sao ông không có chức phận danh quyền?

Đáp: Là tại giáo pháp Phật giác ngộ vốn bình đẳng.

Vấn: Tại sao ông đi tu mà không thờ cúng bày việc hữu vi?

Đáp: Vì xuất gia phải là người giải thoát chơn như vậy.

Vấn: Tại sao ông không có làm gì hết?

Đáp: Bởi tại tôi không tham muốn gì hết.

Vấn: Tại sao ông không nhập chúng với người ta?

Đáp: Phật xưa bảo tu chớ nào có dạy ly hay hiệp, và đời nay đâu có Tăng như xưa mà nhập chúng.

Vấn: Tại sao ông và người lại tu khác nhau?

Đáp: Ấy bởi tại người xa Phật là khác với kẻ ở gần. Chớ cả thảy đều đứng gần Phật một chỗ thì đâu có khác.

Vấn: Tại sao ông ở lều tranh chỗ vắng?

Đáp: Vì bởi giới định huệ không có ở nơi trường học, ngoài chợ.

Vấn: Phải chăng Phật pháp bất ly thế gian pháp?

Đáp: Ai dám nói Phật là con ma đó!

Vấn: Phải chăng pháp có hai?

Đáp: Pháp còn không có đến một, ai dám bảo là hai!

Vấn: Tại sao ông không giúp đỡ thiên hạ?

Đáp: Ấy vì tôi không muốn thọ hưởng cái chi hết.

Vấn: Tại sao ông mặc áo vải vá?

Đáp: Vì Phật Tăng vốn chẳng bao giờ mặc áo quần tốt đẹp.

Vấn: Tại sao ông không giao thiệp với ai?

Đáp: Bởi tôi mắc lo việc đạo việc tâm, chưa có rảnh.

Vấn: Tại sao ông không ưa chỗ danh lợi?

Đáp: Vì đạo không có nơi các chỗ ấy.

Vấn: Đạo của ông có chánh không?

Đáp: Đạo thì chánh cho người giác ngộ.

Vấn: Đạo có ở nơi tam tạng pháp bảo hay không?

Đáp: Không! Đạo chỉ ở nơi tâm chơn chủ nhơn thôi.

Vấn: Có phải nên học hết đại tạng không?

Đáp: Không! Cũng không bao giờ ai học hết được, mà là điên rồi vô ích, chẳng bằng tự giác lấy mình mỗi lúc mà dùng lấy Pháp bảo sẵn của kho mình.

Vấn: Phải chăng đạo Phật có nhiều Pháp, nhiều thừa?

Đáp: Một thừa một Pháp trong tự nhiên còn chẳng có, huống hồ dốt nát gì mà tìm đặt tên lộn xộn.

Vấn: Cái gì mới thật gọi là đạo Phật?

Đáp: Tu chơn là đạo của chư Phật!

Vấn: Tại sao ông không có gì hết?

Đáp: Vì chơn lý thì không có chi hết!

Vấn: Thế nào mới được học?

Đáp: Tu là được học.

Vấn: Tại sao ông không đi qua Ấn Độ học đạo?

Đáp: Vì xứ Ấn Độ cũng như xứ Việt Nam.

Vấn: Người tu có cần phải học nhiều thứ chữ tiếng không? Có cần phải khảo cứu sách kinh các nước không?

Đáp: Đối với Phật Tăng xưa, chơn lý còn không có một nước, một chữ tiếng thay, thì sao lại có đến việc ngoài. Người ta ai có đã làm xong một việc đâu mà thêm tìm ra việc khác.

Vấn: Ông tu như vậy để chi?

Đáp: Vì không để chi mới tu như vậy.

Vấn: Có phải ông muốn cho người ta tu theo ông hết không?

Đáp: Tôi tu là bởi tại người ta không ai tu theo tôi hết.

Vấn: Những việc mà nhiều người tu khác làm, sao ông không làm theo y như người ta?

Đáp: Tôi chưa làm được những việc ấy theo như người là bởi những việc mà của người làm, tôi hỏi trả lời không rốt ráo, nghĩa là chưa phải đúng chơn lý, không hiểu lý nghĩa, nên đối với tôi thì chẳng thấy có sự quý báu ích lợi.

Nói tóm lại, quyển *Đạo Phật* này có ra là bởi sự kêu gọi của tiếng chấn hưng đạo Phật, chỉnh đốn Tăng-già, do nơi toàn thể ước mong hiện tại.

Quyển *Đạo Phật* có ra là để chỉ rõ con đường giác ngộ, bởi giác ngộ mới gọi là đạo Phật.

Quyển *Đạo Phật* này có ra với tánh cách siêu nhiên, không cần dư luận, không thiên tư, không chỉ trích, mà là chơn lý, công lý, chỉnh đốn, chấn hưng, giác ngộ, khuyến khích, theo ý muốn của khắp người người. Ấy cũng bởi đạo Phật suy đồi đã lâu nên lắm kẻ cũng dùng danh từ Phật mà bày ra đủ cách ngụy tạo vô lý, khiến cho nên kẻ thật muốn tu không còn ai biết phải sao là đạo Phật. Bởi cớ ấy, nhơn duyên hoàn cảnh ép buộc là phải viết ra, chớ không thể nói riêng tư với ai.

Vậy thì sẵn dịp hôm nay, khắp thế giới đạo Phật chấn hưng, đạo Phật Việt Nam cũng đang chỉnh đốn, thế nên quyển đạo Phật này viết ra là để tỏ lòng cầu đạo, muốn mong tìm học đạo.

Có lẽ nhờ đó mà sau này, xứ Việt nơi đây sẽ trở nên đạo tràng tốt đẹp, ai ai cũng trở nên trang hiền đức đúng đắn, khắp nơi người người sẽ hưởng nhờ, được nương theo tu học hết.

Đó là điều rất quý báu. Vì trong đời, chỉ có đạo Phật là quý báu hơn hết.

CHƠN LÝ 44

TU VÀ NGHIỆP

Đành rằng người tu là phải dứt trừ tam nghiệp của thân khẩu ý, không nên tích trữ nó nữa; nhưng đó là dứt nghiệp hiện tại và không sanh nghiệp vị lai, chớ những nghiệp quá khứ đã gieo tạo rồi, thì cũng không sao tránh được sự kết quả của thiện ác khổ vui xảy đến.

Trong đời có lắm người tu muốn nhập định, thanh tịnh yên vui giải thoát, nhưng vì không dứt đặng nghiệp hiện tại và vị lai, nên không thể tu bền dài. Hơn nữa, có kẻ ngỡ tu là được trọn hưởng yên vui hạnh phúc, không còn phải bị quả báo khổ nạn, nên khi chịu khổ nạn thì họ chán nản muốn thôi tu. Những kẻ ấy chưa hiểu biết rằng người tu mà không còn nghiệp, quả xấu, là chỉ có chư Phật Như Lai hay đại Bồ-tát mới được. Vì hai bậc này là đã tu lâu đời lắm, nghiệp xấu đã từ lâu không gieo tạo thêm, nên từ nay về sau là không còn khổ nạn, ấy mới gọi là Niết-bàn. Niết-bàn là không còn nghiệp quả khổ báo, và cũng bởi các Ngài tế độ chúng sanh đông, tức là các Ngài đền trả nghiệp tội cho mau chóng. Chính trong lúc khổ nhọc giáo hóa tức là đền nghiệp báo, vậy thì đó cũng là một cách tu trả nghiệp nhẹ, chớ không ai tránh khỏi đặng. Như thế nghĩa là người tu không gây nghiệp hiện tại, vị lai, và muốn phải ít chịu quả báo của nghiệp quá khứ là hãy ráng tế độ chúng sanh mới phải.

Thế mà trong đời ít kẻ được trọn tu, lại muốn không trả đền nghiệp quả xấu, để phải lâu ngày thêm vốn to lời nặng, thật đáng thương xót. Những kẻ ấy cứ mảng tính hưởng sự yên vui trên sự tạo vay, mà không nghĩ đến

ngày mai bị người bắt buộc, thật là lếu quá. Nào ai có ngờ đâu, chính người khổ nạn cực nhọc, vui chịu thiệt thòi mãi, kẻ ấy mới ắt phải giàu to tâm trí, an lạc, vĩnh viễn sau này, đó mới gọi là phép tu vậy. Cũng bởi thế mới có người hiểu lầm, cầu vái Phật, xin Phật chứng minh cho người được yên vui toại nguyện trên đống nghiệp nợ càng gieo. Họ quên rằng tứ đại sanh tượng thân hình người một thân một, đâu có chi của cải. Những cái có có của người hôm nay đều là của mượn vay của cả thảy những chúng sanh xung quanh, chớ phải đâu của họ. Họ vái nguyện xin Phật cho họ mạnh giỏi bình yên trên sự bất công tội lỗi. Mà người ta chưa nhận xét được rằng chính chư Phật kia còn phải bỏ sự sống dai, tốt đẹp, danh vọng, sang giàu, luyến ái, sức mạnh, vui chơi, trí hóa v.v… Các Ngài đã sợ mà xa tránh các nghiệp tội ấy thì há lại Ngài đem nó mà mê hoặc, chôn lấp chúng sanh đành sao? Do đó mà nguyện vọng của tham cầu đối với chư Phật Thánh không được cảm ứng chi hết.

Sự thật ít ai giác ngộ lẽ ấy. Kìa như những người tu, họ thường nói bảo với nhau rằng nghiệp quả đối với người định tâm giải thoát là phải dồn đến mau lẹ và nhiều hơn kẻ thế, nhưng rồi thì sẽ mau hết sớm, đỡ bớt vốn lời, có như thế mới mong sang qua ở được nơi bên kia xứ Phật. Vậy nên họ rất vui lòng đền tội trả báo, càng nhiều càng hay, càng khổ càng tốt. Họ như người liều mạng xác thân để theo đuổi mục đích giải thoát. Vì thế mà họ càng được yên vui tốt đẹp thêm lên mãi về đức tánh thiện lành, trong sạch và giải thoát; để kết quả hiện tại nơi đây khỏi cần phải đi đến đâu cũng được. Họ được như thế là do nhờ đức tin, đức tin làm cho họ siêng năng trau dồi công đức cho tâm, để rửa sạch vết lem nơi lòng họ, để diệt tham sân si vọng động trong đức tánh của họ; tức là họ sẽ được tròn trịa trong sạch, là quả giải thoát A-la-hán, đó mới thật gọi là tu. Những người ấy cũng giống như một kẻ kia thiếu nợ lâu đời, vay cùng khắp xứ, nếu như còn ở đó chẳng tính đi đâu, thì các chủ nợ không gấp hỏi đòi, nên họ quên, tưởng là không thiếu nợ ai, lầm là mình đang tự chủ sung sướng, cho là ai ai cũng tôi tớ mình hết. Họ không dè rằng cái thân miệng ý mỗi ngày mỗi vay, là quyền tự chủ đã bán đứt từ lâu. Nhưng nếu người ấy lại tính đi xa bỏ xứ đó, quyết theo Phật, bỏ thế giới đó, hay là muốn ngủ nghỉ chết đi để giựt nợ, là lẽ tất nhiên các chủ

nợ lại bu xúm hỏi đòi dồn dập, làm cho người kia khổ sở quá mà hoảng sợ. Trong lúc ấy, người phải vướng vào hai cảnh ngộ. Một là sẽ thối chí muốn ở lại, không còn tính đi nữa, để cho các chủ nợ được hẹn kỳ, yên trí mà bớt hỏi đòi gao gắt. Như thế là trả ít thì trả lâu ngày dễ chịu hơn, nhưng bởi mắc cái thân miệng ý hỏi vay hoài, thì vừa trả vừa vay thêm mãi, không bao giờ yên vui trong sạch giải thoát đặng. Còn cách thứ hai là phải ráng chịu khổ công, trả cho xong hết một lần, không còn tiếc rẻ món có có chi của cái ta nữa. Có trả xong hết một lần một thì ắt sẽ đi xa đặng, hay từ đó là sẽ rảnh rang tự chủ mà không vay tạo thêm nữa, để sống cuộc đời bình thường, an lạc thanh nhàn hơn, đó tức là cách giải thoát tiến hóa vậy.

Kìa như thuở nọ có một người tôi tớ gặp một ông lão ở chùa đi tới tiền lợp chùa lại. Chủ nhà không chịu cúng thí, nó bèn liều mạng xin bán thân ở mướn trọn đời, đặng lấy tiền đó để cúng cho chùa. Vì nó xét nó bần cùng ngu dốt, đời sống tội lỗi không ích lợi chi hết, và nó cũng không biết tu hành cái chi nữa, thôi thì chỉ hy sinh làm sự phải, vì nó nghe người ta nói chùa là chỗ ích lợi, để dùng kêu gọi thức tỉnh, giải khổ cho người hiền. Nó chỉ nghe vậy là biết hay vậy, việc nó làm là không có tham cầu chi hết. Nó thấy ra đó là một chút giảm bớt tội lỗi của xác thân từ nhỏ tới lớn, và chỉ muốn mong sao cho hết tội nghiệp. Thế là qua năm sau nó lại đui mù, chủ nhà không chứa nuôi nó, cho nó ra đi và hứa cho luôn số nợ. Nó lần mò đi xin ăn được một năm, kế gặp ông lão ở chùa nọ dắt nó đem về cho đánh chuông, làm việc công đức, trau tâm. Chẳng dè qua năm sau nữa nó lại cùi phung cả hai tay, chỉ còn ngồi không niệm tưởng Phật. Đến năm chót nó lại té lọt chết dưới hầm tiêu, và khi vớt đem chôn được một năm, nấm đất mộ của nó lại bị sét đánh nám đen rã nát, việc ấy làm cho ai cũng kinh sợ lạ lùng cả. Tại sao kẻ hy sinh làm thiện như nó, mà còn bị quả báo như thế ấy?

Bấy giờ có một vị đại tiên thấy vậy mới giải rằng bởi bao đời trước nó gây tội ác rất nhiều, nên nay phải trả báo. Lẽ ra nó phải chịu một kiếp làm tôi tớ, một kiếp đui mù, một kiếp cùi phung, một kiếp chết trong hầm phân và một kiếp bị sét đánh. Nhưng nhờ nó quên mình làm việc thiện, biết tin tưởng Phật Trời, và nó ước mong cho hết tội, nên nghiệp quả cảm ứng, hiện đến cho nó trả luôn một lần cho mau hết. Và kể từ đây, nó sẽ được sanh ra làm một

vị công tử con quan đại thần, khi lớn lên sẽ mộ đạo xuất gia đi tu, lúc thác sanh lên cõi tiên vậy.

Đó tức là sự cộng dồn nghiệp quả, chớ không có lạ chi hết. Điều ấy cũng giống như xưa kia, nhiều kẻ lễ bái chầu Phật mà được chết sanh về cõi trời. Nhờ cung kỉnh lặng im nghe pháp, mà ngày sau chết sanh về cõi tiên. Nhờ cúng dường Tăng mà chết được sanh về cung Trời Đế Thích. Nhờ biết quý trọng Tam bảo mà nguyện lành được chư Thiên hiển ứng, hễ thiện lành tới thì ác dữ phải lui dang xa, mất biệt, bỏ chạy, là chết cái thân nghiệp ác, thế là những cái chết ấy quý tốt lắm chớ sao! Cũng như có kẻ tu mà trọn đời bịnh hoạn, khổ sở, lao đao, tai nạn.

Kìa như xưa có vị A-la-hán mà khi chết còn bị chúng cắt đầu, ông Huệ Năng còn bị người cuốc mả. Lắm người tu đói khát bần cùng, bị sỉ mạ, bắt bớ, khiến sai đủ thứ v.v… Đó tức là nghiệp quả cộng dồn, trả nhiều là mau hết nợ đã vay, ấy là sự phải hay lắm. Người chơn tu ai ai cũng muốn như vậy, bởi thân tứ đại mượn vay này, bọc chứa biết bao nhiêu tội lỗi lâu đời, nếu không trả xong thì đâu đặng yên tâm Niết-bàn nghỉ khỏe. Thế mới biết rằng cõi đời có ra là do nhơn nghiệp, cái chi mỗi chút cũng là quả báo hết, ai còn thân khẩu ý tức nghiệp nhơn thiện ác còn gieo, thì kết quả tội phước khổ vui vốn không sai chạy. Chỉ trừ ra các bậc chơn tu lâu đời trả hết quả xấu, gieo toàn nhơn nghiệp tốt, hay tự nhiên trơ lặng, làm khất sĩ không không thì mới mong dứt nghiệp, vì nghiệp của ai nấy lãnh, không ai thêm bớt cho ai. Chư Phật giáo hóa cho người giác ngộ, chớ cũng không tư vị, xử hiếp lấp ai cả, có điều là chúng sanh dầu tội lỗi tới đâu, Ngài cũng không nỡ chấp trách bỏ bê, cho đến tội lỗi với Ngài, Ngài cũng thứ tha chỉ dạy xót thương, chớ không đành sa thải.

Cũng vì thế mà kẻ phát tâm tu về tịnh nghiệp thật có rất nhiều trở ngại, mà lướt qua được trở ngại mới là giải thoát. Việc ấy tức như là một bức tường hay cái sàng, là sự cản ngăn kẻ biếng nhác, non gan, tham vọng, dơ bẩn, sàng lọc kẻ tội lỗi kém căn, khiến nên trong cõi Niết-bàn an lạc, kẻ chúng sanh phàm tâm nghiệp tội không bao giờ đến được. Mà sự trả nghiệp ấy là phép tu tâm, là sự lập công tu đức, quý báu nên hay lắm. Có trả nghiệp nhiều mới đặng nhẹ nhàng khỏe khoắn thêm lên, cũng như sự tắm rửa, nhờ vậy tam nghiệp của tâm mới thanh tịnh vãng sanh Tịnh Độ.

Kìa như một người tu tịnh nghiệp là để trau dồi tam nghiệp thanh tịnh, để được vãng sanh Tịnh Độ, là bước qua cõi sống tinh thần, làm chủ cõi lý trí, dứt bỏ sanh tử luân hồi, để làm bậc giác ngộ, sống bằng giác ngộ, ở trong sự giác ngộ thanh tịnh, lấy lục độ vạn hạnh làm gốc chân mặt đất, chỗ ở của tâm cũng y như thế. Cuộc đời đối với họ, họ sẽ đứng ngừng, trơ lặng tự chủ, thế là họ được giải thoát trong sạch, không còn làm khách tớ, quanh quẩn chui đụt trong trần nữa. Những kẻ ấy chừng được tiến lên y như vậy, tức là được vãng sanh Cực Lạc, Phật tiếp dẫn, Pháp hộ đưa, để cho nhập chúng làm Tăng giải thoát, ở trong giới luật Tăng-già là xứ Phật, đất Phật, cõi của lục độ thanh tịnh.

Vậy nên đức Quán Thế Âm Bồ-tát có dạy rằng tam nghiệp thanh tịnh là Tịnh Độ. Tịnh Độ là lục độ thanh tịnh, là giới luật Tăng-già khất sĩ giải thoát, giới luật giải thoát là Niết-bàn Cực Lạc, xứ an lạc, quý báu hơn cõi thiên đường, nhân loại. Thấy rõ như thế mới gọi là Quán Thế Âm Bồ-tát, là quán xét sự đời tiếng khổ tối tăm, mà thấy ra được thế giới An Lạc, Cực Lạc của Pháp Tạng là A-di-đà Phật, đang ở trong giữa võ trụ hư vô phiền não mà đến nơi ở được. Do đó mà các bậc cư sĩ nhơn thiên, ai ai cũng phát tâm tu tịnh nghiệp, cầu vãng sanh giải thoát để tiến lên khất sĩ Tăng sư ở trong Tịnh Độ Cực Lạc. Như thế tức là họ cố gắng để diệt nghiệp mà xuất gia, ra khỏi nhà thế sự. Họ dứt bỏ tất cả, họ lãng quên tất cả, họ bố thí hết, họ nhẫn nhục luôn, họ siêng năng bố thí nhẫn nhục và bỏ qua, để tập lo trì giới, tham thiền, chưởng tu định huệ, vui chịu khổ công, xem như thân đã chết. Họ tự độ lấy tâm mình trước để cho chúng sanh noi gương, chớ chẳng dám tưởng lầm, quên bỏ tâm mình, tam nghiệp bẩn nhơ, mà vấy bôi cho khắp cùng thiên hạ, đúng lý như vậy.

Xưa kia có một người muốn xuất gia giải thoát mà tự mình dứt nghiệp không đặng, không nỡ dứt bỏ gia đình. Bấy giờ người cầu cứu với một vị đại tiên. Vị tiên này bèn dùng phép thần thông đem người đi qua một xứ khác ở ít lâu, cải sửa mặt mày xấu xí, ăn mặc bẩn thỉu bần hàn, khiến nên lúc trở về nghèo nàn, đói khát, gia đình quyến thuộc chẳng ai nhìn nhận; do đó mà người được giải thoát xuất gia không còn chi ràng trói quyến luyến nữa.

Lại như có một người kia vì giàu có muốn đi tu, mà lại tiếc của tham danh, không đành đi đặng, bởi yếu tinh thần nên người cầu vái đến Phật, xin Phật

cứu độ giúp sức. Người ấy chẳng bao lâu nhà cháy, của cải tiêu tan, vợ con lại bỏ đi, thân còn bị người bắt buộc hành phạt. Bấy giờ người mới tỉnh ngộ ra, biết là đến lúc Phật đã độ mình, nên liền mau xuất gia giải thoát nhập đạo làm Tăng, chết bỏ cảnh đời, sanh vào nhà Phật, ở trong xứ Phật (giới luật).

Có người nọ thấy mình già yếu tật bịnh, muốn giải thoát vãng sanh mà chẳng biết làm sao? Người phát nguyện xuất gia tịnh độ khất sĩ, cầu xin Phật tiếp độ, quả nhiên chẳng bao lâu lành mạnh được, và giải thoát làm Tăng, tu trì tinh tấn.

Cũng có kẻ khác xuất gia không được nên xin với Phật, chết bỏ xác thân này để đặng theo Phật, hay về sau trở lại cho đặng xuất gia nhập đạo. Kẻ ấy chẳng bao lâu cũng được toại nguyện.

Ở một xứ kia, có một chàng trai trẻ mến tu học pháp Phật, nhưng lại nghịch cảnh với gia đình quyến thuộc vì ai nấy đều tu theo Thần giáo. Một hôm, người đi ghe xa biển dã buôn bán châu ngọc. Ai nấy đều bảo nó khẩn vái quỷ thần rồi sẽ ra đi, nó không chịu nghe, bèn nguyện xin với Phật, xin Phật tế độ cho nó cách nào cũng được. Khi lui ghe ra đến biển, nó bị gió bão nhận chìm thuyền, của cải châu ngọc mất hết, nó ôm đeo được bánh lái, trôi tấp vô bờ, nó mới lần hồi xin ăn đi trở về xứ. Dọc đường nó gặp một vị A-la-hán, nó đảnh lễ mà tỏ thuật chuyện của nó cho vị sư nghe, và cầu xin vị sư chỉ dạy lối đi cho nó. Vị sư ấy mới bảo rằng: Người ta ở trong đời, phàm muốn sự sống lâu, giàu có, sắc đẹp, danh vọng, sức mạnh v.v… theo sự giả dối yêu ma quỷ quyệt thì phải khẩn vái với quỷ thần, phải xin làm con cháu chúng nó, tùng phục chúng nó, chúng nó mới sẽ giúp đỡ ủng hộ cho để đặng theo như chúng nó, theo mê trong cảnh biển ảo lạc lầm, chớ chư Phật Thánh nào có giúp cho nghiệp tội, hành phạt chúng sanh như thế. Bởi ông cầu xin Phật tế độ nên chư thiên mới giúp duyên cho ông đó, chớ nếu ông mua bán khá giàu, thì nghiệp vọng càng thêm, có lý nào ông đặng dứt bỏ để theo về với Phật được. Ấy vậy ông chưa xuất gia nhập đạo còn đợi chờ chi nữa? Kìa tất cả chư Phật Thánh, có ai còn giữ lấy sự nghiệp tội lỗi của thế gian đâu, các bậc ấy đều xa tránh nó hết. Các Ngài cho rằng không phải kẻ ít phước duyên mà được giải thoát. Trong đời dễ gì mà ta lại gặp đặng cơ hội giải thoát. Một khi nó vừa buông ra chốc lát xả hơi, nếu ta không mau trốn chạy vuột là mãi mãi không bao giờ xuất gia

đặng. Ấy vậy thôi ông hãy trở về nhà ngay đi, và nếu như người nhà không còn ai quyến luyến buộc ràng, là phải mau chưn đến đây theo Phật. Quả nhiên đúng như thế, khi nó về tới nhà, thì ai ai cũng khinh chê ố ngạo, hất hủi nó. Nó thấy thế, biết cơ duyên đã đến rồi, liền mau đi vãng sanh Tịnh Độ, không dám ở nán lại lâu, sợ e những kẻ kia họ trở lòng quyến luyến bắt buộc trói trăn trở lại.

Đó tức là những cách Phật tiếp độ, đoạn nghiệp vãng sanh, được theo về làm con của Phật. Những việc ấy có khác hẳn với bên đời cõi ma. Vậy nên ai ai trong đời, muốn sanh tử luân hồi tham vọng chứa nghiệp, thì chẳng nên vái cầu chư Phật Thánh. Còn người nào sự nghiệp tiêu tan, thân mình trơ trọi, là ma quỷ đến lúc chán chê. Ấy vậy phải mau tỉnh giác quay về với Phật, để tiến tới cõi tinh thần Phật Thánh, cao siêu vượt bực, nối bước thêm lên, chớ đừng mê muội quanh quẩn bơ thờ, có ngày bị phép ma bắt lại, xô té xuống hố sâu địa ngục, để đặng sai khiến, trói trăn hành tội nữa. Mà cần phải biết rằng tịnh nghiệp vãng sanh là phải như vậy. Người tu là tam nghiệp phải thanh tịnh, mới mong chứng đắc Tịnh Độ, vãng sanh về xứ an lạc của giới luật Tăng-già khất sĩ, xuất gia giải thoát.

Cũng như có một người nọ, việc làm, lời nói, ý tưởng lanh lợi giỏi hay, nên muốn đi tu mà không ai cho cả, vì người ta sợ mất món lợi dùng. Bấy giờ người bèn tu tịnh nghiệp, thân khẩu ý không vọng động để cho trọn lành trong sạch, làm cho ma quỷ chán chê ố ghét, thế là không ai chịu bảo nuôi cho nó ngồi nằm ở không lo tu học đó cả, khi đó họ yêu cầu nó hãy xuất gia đi theo Phật đi. Như vậy tức là nó được xuất gia vãng sanh giải thoát, do sự chứng nhận yêu cầu của những kẻ khác. Mà ví dầu nó được người ta sẵn lòng nuôi, không cho đi nữa, thì nó ở tu tại đó, cũng như một nhà sư giữ giới cụ túc thanh tịnh, không ai xúi bảo nó nói làm tưởng quấy được. Nó cũng như một nhà sư khất sĩ mắc nạn, đang mắc nạn cũng cố gắng giữ sự tu một cách khó khăn.

Trong đời có lắm người còn chưa giác ngộ, cái ý muốn lại chia hai: phân nửa cầu vái xin theo Phật, phân nửa lại tham đắm nghiệp trần, khiến nên họ như có đến hai đường, mà hai chơn đều muốn bước đi một lượt, hay như chân bước tới, cẳng bước lui, trọn đời lúc lắc ứ nê chịu trận, và chịu khổ tâm đau đớn của quả tim như bị xẻ đôi, vô lý lắm. Những kẻ ấy nếu thử ngay trong lúc

nguyện cầu mỗi bữa, mà Phật lại rước dẫn tâm hồn đi luôn, chắc là họ khóc lóc giẫy giụa lắm; nhưng trái lại ngày thường ở nhà, thì họ nói với con cháu là muốn theo Phật, không ưa thích việc trần chút nào, như thế ấy mới là oan nghiệt! Kẻ ấy đã dối lấy mình, không còn tin mình được, không nhứt định, thì không nên việc chi đặng, hay không đến đâu cả, thật là tai hại.

Cũng có kẻ cầu vái Phật vãng sanh, mà lại còn rất tham lam, danh lợi, thì là quá tệ, để cho người ta lầm mình. Hay như người muốn giải thoát, mà lại chê Phật tăng là khất sĩ nghèo hèn. Có người muốn thành Phật, mà lại cũng muốn vinh thân phì gia, sống mãi phong lưu sang trọng, muốn làm Phật bằng sự trau dồi thân xác dối giả. Thế mới biết rằng người tu là phải dứt nghiệp, bởi dứt nghiệp mới gọi là tu, chớ không phải tu và nghiệp đi đôi được, hay tu bằng tạo nghiệp.

Kìa như có một kẻ nọ nguyện rằng: Xin Phật cho tôi sống đời bằng vật chất xác thân, đủ đầy danh lợi cho thỏa mãn, đặng khi chết đi tôi về với Phật, theo Phật lo tu mới vững chắc được. Nó vái nguyện cầm chừng như thế mãi, còn nghiệp tội thì cứ tạo gây hoài. Một hôm chết đi, linh hồn nó liền đi kiếm Phật, để xin theo Phật. Phật bèn lặng thinh ưng chịu. Nhưng cũng trong lúc đó các vong linh chủ nợ đi theo kiếm nó, kêu réo hỏi đòi, rầy la, đánh đập, làm xao động đến chỗ ở của Phật nữa, thế là nó cũng không yên tâm chi được. Đã vậy nào thôi, ăn quen nhịn không quen, nó đã quen tâm lo tính việc trần, đến đây học pháp tham thiền, nó thấy buồn teo vắng tẻ, không còn chịu nổi, nó mới xin Phật cho nó trở về, nhập thai đền tội để cho được nhẹ nhàng khỏe khoắn hơn. Bấy giờ Phật cũng không còn biết phải làm sao? Thôi thì an ủi nó, về sau, khuyên đừng tạo nghiệp, thì mới chắc gọi là có duyên với Phật.

Lại cũng như có một người kia xin đi xuất gia giải thoát, nhưng lòng thì còn nhớ con thương vợ, vài bữa đầu thì xin phép với thầy cho về thăm nhà, ít lâu sau lại xin về thăm bà con, ruộng đất. Nhưng qua lần sau, thì người không còn hỏi xin ai nữa hết, trong lúc vị sư tham thiền là nó lén trốn ra đi, ra đi như thế, để sau này chặt đứt con đường, không còn dám trở lại, thế là nó bỏ đạo. Mà trước kia là nó bỏ đời; đời đạo nó đều bỏ cả, đều chán sợ cả, nó đã loạn tâm chỉ vì vọng nghiệp. Từ đó, nó rất đau khổ chỉ vì không định. Phật thì chẳng dám gần, ma lại không dám ở, đời sống của nó còn khổ sở

hơn kẻ chưa biết tu chán nghiệp nữa. Cho đến nó đã làm ma, thành ma rồi, mà nó cũng vẫn chưa hay, như thế thì người tu mà không dứt nghiệp, thì tai hại biết bao. Cũng vì nghiệp, nó làm cho người tu phải vọng ma phiền não, tự mình xa đạo, bỏ Phật, bỏ thầy, bỏ Tây phương Tịnh Độ Cực Lạc. Chính cái nghiệp nó làm cho tiêu tan nguyện lực, cho nên người mà không diệt bỏ nó thì khó cho ai nghe theo tin cậy, và kẻ ấy tức là chưa phải chơn tu trong sạch.

Ấy vậy sự tu của chúng ta, trước là phải không gây tạo nghiệp nhơn cho ngày nay và sẽ tới, sau lại là phải rán vui chịu trả đền quả báo của nghiệp cũ đã qua. Bằng như muốn trả bằng cách mau chóng nhẹ nhàng thì phải cố gắng thật tu tiến hóa, và đem đạo lý chỉ giải cho khắp cõi đời, cho tất cả đều tu biết đạo, thì mình mới được yên vui tịnh định.

Thế mà trong đời có kẻ lại gọi rằng chờ về Tây phương xuất gia mới sẽ lo tu trau tâm, chớ hiện tại xuất gia giải thoát giữ giới luật nhiều khó lắm. Họ tưởng chừng như họ có đến hai cái tâm lận, khi ở bên này là tâm khác, và khi ở bên kia là tâm sẽ khác. Mà họ quên rằng cái tâm nghiệp là lúc nào cũng vẫn có một bịnh chướng mê trần, và cũng bởi là họ chưa hiểu ra lời dạy của chư Phật Thánh từ xưa. Ở bên này là cư sĩ tại gia, không thế gì giữ giới trau tâm diệt nghiệp phiền não cho đặng, nên mới phải xuất gia khất sĩ và qua bờ bên kia; nhờ giải thoát, ở chỗ vắng êm, mà dễ dàng giữ giới luật hơn, vì ai muốn trau tâm là phải thu thúc lục căn thanh tịnh, diệt nghiệp phiền não bằng cả trên hai trăm năm chục giới luật mới được. Cũng vì tưởng lầm thế, nên người ta đành xuôi chịu giải đãi buông trôi tới đâu hay đó, kham đành vui chịu sự kéo dài nhiều năm gây thêm nghiệp tội. Khi sống còn đây, trước đã không chịu nổi giới luật giải thoát trau tâm, không cố gắng tập lần, để đợi sau khi chết đi, thì tâm ấy lại được chơn như thanh tịnh, ở yên theo Phật đặng đắc thành A-la-hán, đủ cả giới hạnh ư?

Cũng như bữa nay biếng nhác sợ tu, ham đắm vui chơi trụy lạc, mà lại nói trước rằng ngày mai tôi sẽ thành Phật một cái một, nói nghe rất dễ đặng cho ai nấy cũng ham mê chăng? Thật là vô lý quá, việc ấy có khác nào câu chuyện, bữa nay khuyên đi tu thì gọi nhớ nhà, nhưng ngày mai là tôi sẽ ở luôn theo Phật, không trở lại nữa, như là chuyện nói chơi.

Thế mà trong đời cũng có đến không biết bao nhiêu giáo lý ỷ lại, mê hoặc kẻ tối tăm khờ dại. Họ đem cái tham làm miếng mồi để nhử câu, đặng bắt cá tham đem đi làm thịt, ăn cho sanh bịnh độc, đó tức là sự quả báo của sự tham. Tham thì thâm, mưu sâu thì họa lớn, vay trả xoay chuyền, không ích lợi chi hết. Đành rằng có tin có linh, có thành có thần, sự vọng tưởng làm cho tinh thần xuất hiện cũng linh thiêng, nhưng đó là việc trò chơi vô ích, vì nó không có làm cho ai được giác ngộ, sáng suốt dứt nghiệp yên vui chi cả.

Sự thật nào ai biết đâu rằng muốn thành Phật là phải tu, học hành đúng y theo pháp. Muốn đến với Pháp thì phải làm Tăng trong sạch, muốn làm Tăng không phiền não thì trước tập học tu cư sĩ, dứt ác, xa lần nghiệp tội. Phật và Tăng cũng như Tổ và Thầy hay là Như Lai và Bồ-tát, còn Pháp là giáo lý ánh sáng hào quang phún phóng, nói phun ra tiếp dẫn đạo sư. Giới luật thanh tịnh tu tâm là miếng đất Tịnh Độ Cực Lạc. Kẻ mà nhờ giác ngộ nơi pháp nên được xuất gia nhập đạo, tức là được hào quang tiếp dẫn đưa vào Giáo hội Tăng-già bất thối, là nhà của Phật. Xưa nay giáo lý chỉ đúng như vậy, chớ chẳng có xa gần đâu cả. Nhưng với kẻ ác thì dễ gì giác ngộ mà chẳng phải gọi là xa. Còn người trí kẻ thiện, thì Tịnh Độ là chỉ có ở nơi người trong sạch dứt nghiệp. Đó cũng là còn sự nói quyền, chớ đúng ra triết lý chơn lý thì chơn như là Phật Tổ, trí huệ là Bồ-tát Tăng sư, thiền định là hào quang tòa sen tiếp dẫn, giới luật là xứ Tây phương Cực Lạc.

Hay như nói rộng nữa là những sự nín nghỉ là Phật. Sự không không là Pháp. Sự giải thoát là Thầy. Sự im lặng trong sạch là chỗ ở của Phật. Có thể biến giải sao cũng được hết, từ rộng đến hẹp, lý nghĩa vốn vô biên vô lượng. Có điều là để chỉ rõ rằng:

Thân trong sạch ấy là xứ Phật.
Miệng trong sạch ấy là pháp Phật.
Ý trong sạch ấy là con Phật.
Tâm trong sạch tức là đức Phật.

Như thế thì ai ai cũng sẽ là Phật hết. Phật ấy tức là tam nghiệp trong sạch, tam nghiệp trong sạch ấy mới gọi là tu. Tu là trả nghiệp, tu là đoạn nghiệp.

Vậy thì chúng ta ai ai cũng phải nên giác ngộ lẽ tu và nghiệp hết.

CHƠN LÝ 45

PHÁP TẠNG

Muốn biết đức Phật A-di-đà, trước hết ta hãy hiểu qua cách tu thành đạo của Ngài.

I

Trong sự tích có nói: Thuở xưa có vua Vô Tránh Niệm cai trị một nước lớn, quan đại thần của vua tên là Bảo Hải. Con quan Bảo Hải là Bảo Tạng đi tu thành Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai. Vua Vô Tránh Niệm cúng dường đức Phật Bảo Tạng và chư Tỳ-kheo khất sĩ trọn ba tháng mùa mưa.

Sau đó quan đại thần Bảo Hải tâu với vua xin đừng cầu phước báu nhơn thiên hữu lậu, vì phước có hưởng là sẽ có hết, chi bằng hồi hướng phước duyên ấy để sau này thành Phật tế độ chúng sanh.

Vua bèn nhận lời, liền đến đảnh lễ Phật, cầu xin Phật chỉ dạy cho biết thế giới nào trang nghiêm hơn hết? Phật khi ấy mới phóng hào quang soi khắp võ trụ chung quanh để cho vua được thấy rõ thế giới An Lạc ở tại phương Tây của đức Phật Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Não, là yên vui trong sạch hơn hết.

Nên vua Vô Tránh Niệm bèn quỳ xuống đảnh lễ đức Phật phương Tây, và cầu xin với Phật Bảo Tạng, nguyện hồi hướng phước cúng dường này để đặng sanh về cõi Tịnh Độ tu cho thành Phật, để tế độ chúng sanh sau này. Liền đó đức Phật Bảo Tạng và đức Phật Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Não thọ ký cho vua quả Phật về sau.

Triết lý của sự tích này là để chỉ rõ tiền thân của Phật A-di-đà, lúc đầu tiên mới phát tâm cầu đạo là từ một người ác trở nên thiện nhơn, và thành ra một người cư sĩ quy y Tam bảo. Lý và sự này là để chỉ ra tất cả chớ không phải một người, vì sự có ra là do lý, bởi có lý mới có sự! Vậy thì ông vua Vô Tránh Niệm đây tức là tâm niệm không tranh! Tâm là vua, là chủ tể các pháp. Vô Tránh là không tranh hơn thua với ai, thường giữ sự bình đẳng nhu hòa; Niệm là niệm tưởng ghi nhớ tâm chơn yên lặng, nhu hòa bình đẳng. Vua Vô Tránh Niệm tức là tâm niệm không tranh của một nhà từ thiện đối với sự tranh là ác, nên gọi là từ ác đến thiện. Cai trị một nước lớn nghĩa là cai quản chủ tể của xác thân tứ đại, sanh tử lớn lao, trong ấy chứa đầy các pháp là quan dân trăm họ. Quan đại thần Bảo Hải là trí thông minh quý báu sáng hay, rộng lớn như biển dã không bờ. Trí Bảo Hải có ra là do tâm niệm không tranh của Vua Vô Tránh Niệm trong sạch.

Con Bảo Hải là Bảo Tạng, Bảo Tạng là Pháp bảo tam tạng quý báu. Tam tạng là kinh, luật, luận ba phần của Pháp bảo. Pháp bảo tam tạng có ra là do sự sưu tầm quán xét của chánh trí, trí thiện quý báu, rộng lớn thông minh.

Bảo Tạng đi tu thành Phật gọi Bảo Tạng Như Lai, nghĩa là Pháp bảo tam tạng là pháp xuất gia giải thoát tấn hóa, tu hành đi đến chánh giác chơn như trở lại đặng. Cũng gọi là Như Lai sanh Bảo Tạng, Bảo Tạng sanh Như Lai. Nghĩa là tam tạng Pháp bảo để đến chơn như, chơn như sanh ra tam tạng Pháp bảo là Pháp tạng.

Vua Vô Tránh Niệm cúng dường đức Phật Bảo Tạng Như Lai là nhà từ thiện đem hết lòng cung kỉnh Pháp bảo tam tạng, đem tất cả trí hóa thông minh, từ thiện, của cải của tâm, mà phụng trì điểm tô pháp chánh. Cúng dường ba tháng mùa mưa cho Phật với chư Tăng là lo chăm sóc phụng trì tam thừa, ba thặng Pháp bảo, nhằm lúc được Pháp bảo rưới mưa hiện đến giáo hóa giác ngộ cho trong khi nhập định tham thiền (giáo lý chơn như và khất sĩ tức là Phật bảo và Tăng bảo).

Cũng nhờ giác ngộ chơn như và khất sĩ, cố gắng un đúc trau dồi, nên trí thông minh Bảo Hải không còn cho vua tâm niệm không tranh, tham đắm vọng tưởng mong cầu phước báu hữu lậu nhơn thiên phàm tục.

Chánh trí chỉ cho tâm niệm đến với Bảo Tạng chơn như, để đặng về sau đắc thành chánh giác là Phật; ấy là quan đại thần Bảo Hải khuyên vua hãy dứt bỏ lòng phàm.

Vua cầu Phật chỉ cho biết cảnh giới trang nghiêm, là tâm niệm thành kính chơn như Pháp bảo để tầm sát sự thanh tịnh. Do đó mà hào quang của đức Bảo Tạng phóng ra khắp võ trụ để cho vua thấy rõ thế giới An Lạc của đức Phật Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Não tại phương Tây. Hào quang là pháp lý quý báu của chơn như, chỉ rõ ra rằng cả võ trụ là vô minh phiền não ô trược, để cho tâm niệm xét thấy nhận ra, trong đời chỉ có xác thân giải thoát xuất gia khất sĩ, là thế giới an lạc yên vui của sự giác ngộ, độ diệt tất cả các pháp thế gian không còn khổ não. Ấy là phương hướng trở đầu về Tây của trí tắt nghỉ, mặt trời lặn, chết bỏ cảnh đời sanh trong nhà đạo, bên này phiền não đến chánh giác an lạc là bên kia, tức là Niết-bàn dứt luân hồi sanh tử khổ, là trong sạch tốt đẹp hơn hết, cõi lòng hết tham vọng.

Vua Vô Tránh Niệm quỳ lạy đức Phật phương Tây và đức Bảo Tạng mà hồi hướng phước duyên để cầu vãng sanh Tịnh Độ. Nghĩa là tâm niệm sau khi hiểu thấy tỉnh gặp, bèn nhứt tâm quyết định về theo Pháp bảo tam tạng và diệt trừ tất cả phiền não của thế gian, mà hồi hướng sự tu học công đức ấy để trau tâm, đặng sau này đến liền được giải thoát khất sĩ thanh tịnh lục độ, sống yên vui trong giới luật thiền định để tu hành cho mau đắc quả, tiếp dẫn chúng sanh về sau.

Nhờ thật tâm quyết định như thế nên Pháp bảo tam tạng hiện đến lần lần, và sự diệt khổ thế gian càng ngày càng thấy gặp được kết quả hiệu nghiệm, chắc chắn là chẳng bao lâu tâm sẽ đặng chơn như toàn giác.

Như thế tức là hai vị Phật thọ ký cho đó.

Người thiện nhơn tâm niệm không tranh, đến với Pháp bảo và diệt trừ khổ não để trở nên cư sĩ trí thức giác ngộ đầu tiên tập lần khất sĩ là phải y như vậy.

Vua Vô Tránh Niệm đó tức là tiền thân của Phật A-di-đà, bình đẳng tánh, vô lượng cam lộ, hay là sự mới phát tâm tu tìm đạo của người thiện nhơn tâm niệm không tranh. Vì có tâm niệm không tranh, mới sanh ra bình đẳng tánh. Bình đẳng tánh là Phật A-di-đà, hay giác ngộ, vô lượng cam lộ. Vô lượng cam lộ là Pháp Tạng vô lượng không lường, tế độ chúng sanh như mưa rưới mát mẻ ngọt ngào không dứt.

II

Sự tích thứ hai về tiền thân của đức Phật A-di-đà là: Bấy giờ ở một xứ lớn kia có một vị vua tên là Pháp Tạng. Vua bèn xuất gia khất sĩ giải thoát, gọi là Pháp Tạng Tỳ-kheo, theo làm đệ tử của đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai. Một lúc nọ, Pháp Tạng Tỳ-kheo quỳ xuống trước mặt thầy mà phát 48 lời đại nguyện để lập thành cõi thế giới Cực Lạc, đặng diệt độ tất cả sự khổ não cho kẻ nào có duyên với Ngài.

Ngài nguyện sau mỗi câu rằng: Nếu không được y như vậy thì tôi quyết không thành Phật. Sau khi phát nguyện xong tức thì có mưa hoa tuôn rưới, trên hư không có tiếng nói vang dội rằng: Chắc sẽ thành Phật đặng.

Về sự tích thứ hai này, chơn lý chỉ thật rằng trước hết từ người ác đến thiện và trở nên cư sĩ, là do tâm niệm không tranh, tức như vua Vô Tránh Niệm. Tâm ấy lần lần được tự chủ, thông suốt tam tạng Pháp bảo, nên mới chịu giải thoát khất sĩ xuất gia y theo chơn lý, gọi là Pháp Tạng tỳ-kheo. Đệ tử của Thế Tự Tại Vương Như Lai, nghĩa là tôn thờ chơn lý giải thoát làm thầy, đội lên đầu ghi nhớ, lấy có cho mình mỗi lúc làm viên ngọc báu. Cả thảy chư Phật nào thành Phật cũng đều y như thế, có đội ngọc đỏ trên đầu là báu ma ni giải thoát vậy.

Vì có giải thoát thì ra vào trong trần thế mới đặng tự tại thung dung, tâm chơn làm vua chủ, đến trở lại chơn như là Phật.

Cho nên cũng gọi rằng: Pháp Thế Tự Tại Vương Như Lai là thầy của tất cả chư Phật, hay cũng là thầy của tất cả các Pháp bảo tạng. Vì bởi các pháp có ra là do giải thoát chơn như, và giải thoát chơn như sanh ra các pháp.

Thuở ấy Pháp Tạng Tỳ-kheo quỳ xuống trước mặt thầy, phát ra 48 lời nguyện để lập thành thế giới Cực Lạc, độ diệt tất cả sự khổ não của những kẻ có duyên với Ngài. Nghĩa là đến đây vị Tỳ-kheo ấy tu hành đã đắc pháp, thâm nhập với pháp, thấy pháp là mình, chớ không thấy mình nữa, nên mới xưng danh là Pháp Tạng khất sĩ, hay cũng gọi là Tam Tạng Pháp sư Bồ-tát; Pháp sư Bồ-tát tức là tam tạng. Vì tam tạng là kinh, luật và luận, là phép nuôi chúng sanh và vạn vật để cho biến thành chư Phật, xứ Phật. Thế nên tam tạng là Pháp sư Bồ-tát, phổ tế chúng sanh khổ nạn. Pháp Tạng là từ bi trí huệ, hạnh nguyện to lớn với tất cả chúng sanh và thế giới.

Cả thảy đều ở trong Pháp bảo tạo thành. Một khi Pháp Tạng đã tôn sùng bái phục sự giải thoát giác chơn, ấy là Pháp Tạng đảnh lễ thầy, quy y thờ kính giáo lý Thế Tự Tại Vương Như Lai, tức là Pháp bảo tam tạng ấy đã quay về một mục đích giải thoát cả thảy. Và kể từ đó, nó sẽ hàm chứa biết bao nhiêu bổn nguyện, để tạo thành thế giới giải thoát khổ cho cả chúng sanh bằng kinh luật luận của nó, trên con đường đi của nó. Thế là pháp giải thoát có đến 48 đại nguyện, cứu khổ giải thoát cho chúng sanh.

Từ pháp ác đến pháp thiện, đến pháp cư sĩ tại gia và trở nên pháp khất sĩ xuất gia giải thoát, mỗi lúc pháp đều có ba tạng. Hôm nay ba tạng pháp ấy đã tôn thờ mục đích giải thoát làm thầy, như vậy là từ đó về sau kinh luật luận của nó sẽ đều có một mùi giải thoát cả! Nó sẽ tạo nên người giải thoát, chỗ giải thoát, giáo lý sự dùng đều là pháp giải thoát vậy. Khiến nên tâm địa của ai đã đến được thâm nhập Pháp tạng giải thoát là chỉ còn Pháp tạng giải thoát khất sĩ, chớ không còn biết mình, và kẻ ấy sẽ trở nên Bồ-tát Pháp sư tam tạng, gồm chứa đủ cả 48 đại nguyện của Pháp Tạng, mà thật hành kết quả ắt sẽ thành Phật, vốn không sai chạy.

Vậy thì sự thành Phật là do nơi pháp nguyện, nguyện của pháp giải thoát xuất gia khất sĩ, ai hành đúng thì chắc sẽ thành Phật. Phật là giác chơn, chơn như là do trí huệ, chánh giác là do Pháp Tạng đại nguyện. Pháp nguyện là từ bi, tinh tấn, giải thoát, thiền định, trí huệ, thì chơn như ắt sẽ tự nhiên xuất hiện từ lần mà đắc đạo đặng. Pháp nguyện mà thật hành đúng là sẽ thành đạo đắc quả giữa ta người với cõi đời, mới là được Thế Tôn Phật. Còn hành chẳng đúng, chưa làm Bồ-tát thì đâu phải là Như Lai. Thế nên đối với pháp nguyện, không đặng nên thì có đâu thành Phật. Vả chăng pháp là độ kẻ hữu duyên, chớ vô duyên thì khó độ, cũng như thầy giáo lớp nhứt thì chỉ có học trò cỡ lớp nhì bước lên đến gặp, mới gọi là bậc hữu duyên, chớ bậc hạ căn kém trí thấp xa thì đâu có bước chưn vào ở được, nên mới gọi là pháp nguyện chỉ độ cho kẻ nào có duyên với Pháp.

Sự thật đúng y như thế, nguyện luật của pháp linh diệu vô cùng! Cũng như trong xứ luật pháp là có đủ sự trang nghiêm tốt đẹp. Bảy giới, thất tụ Tỳ-kheo 243 điều là bảy lớp báu lan can Pháp bảo. Bảy lớp lưới báu là bảy pháp diệt tránh quý báu lắm! Bảy hàng cây báu là bảy chánh giác bồ-đề cao thượng. Tứ y pháp là mặt đất lưu ly, pha lê, vàng bạc. Đạo tràng như ao nước mát, các thứ trí huệ như bông hoa, bảy bậc nói pháp như chim kêu.

Tưởng ăn có ăn là khất sĩ ở trong giới luật giải thoát, ngày ăn một ngọ chay quen bụng. Tới buổi trưa mỗi ngày mới nhớ ra là đi khất thực sẽ có liền, hoặc như có người đem đến cúng dâng, cùng sự rước thỉnh đi trai ngọ. Tưởng mặc có mặc là mỗi năm đổi một bộ y, giáo pháp khất sĩ mặc một bộ tam y, đúng năm nhớ ra là vừa cũ rách, đến ngày đổi lại. Chỗ ở thì đến đâu cũng có sẵn sự sắp đặt, bịnh hoạn thì tâm chẳng bận lo, vì đạo khất sĩ giải thoát ở trong đời là quý báu lắm, không hay từng gặp, có nên ai cũng tôn trọng cả.

Trong tâm buồn bực như nóng dơ thì có người giảng dạy là xối nước tắm cho mát sạch. Muốn nước đến đâu thì nước dâng đến đó cũng như muốn học pháp đến bực nào thì cũng có sẵn người chỉ dạy dâng cho. Tưởng chi có nấy là tưởng pháp có pháp đủ đầy.

Bồ-tát làm bạn lữ là khi xuất gia rồi thì tất cả là bình đẳng khất sĩ như nhau, chớ không còn phân biệt. Còn tiếng Thinh Văn là đang nghe pháp, Bồ-tát là đi dạy đạo, sau trước như anh em, danh từ nơi mỗi sự việc tuy khác nhau, chớ chơn lý giải thoát Pháp bảo là có một v.v…

Trong cõi pháp nguyện thật là bình đẳng ôn hòa, tốt đẹp trang nghiêm, trong sạch, không sao tả xiết đặng.

Vậy nên khi nào ai đã đắc Pháp Tạng và thấy rõ ra đại nguyện của nó rồi, thì tự kẻ ấy vui mừng, chắc mình thành Phật đặng, do sự thật hành đúng của mình, là sẽ như có tiếng nói ra rằng: chắc mình thành Phật, tự mình cũng thấy trí mình nói ra như thế, và ai ai những kẻ bậc bề trên, thấy xem biết đặng, cũng đều khen tặng như vậy cả.

Cõi đời đối với người ấy sẽ tươi đẹp như rưới mưa hoa, ai ai những bậc cao trên thấy xem đều khen ngợi như phún mưa hoa, và chính trí ta cũng sẽ khen ngợi tán thán chào mừng cho mình nữa.

Cho đến hàng phụ nữ xuất gia vào trong cõi của luật pháp ấy rồi thì cũng trong sạch như người nam tử, được vậy là do nhờ giới luật. Cõi ấy bất thối là bởi kẻ đủ trí mới xuất gia nhập đạo, khi giác ngộ đạo báu rồi thì đâu còn trở lại. Người nào nghe pháp giác ngộ, hằng niệm tưởng đến năm mười tiếng pháp, kẻ ấy sau này cũng sẽ được giải thoát lần lần, diệt trừ nghiệp tội, xuất gia đặng, ấy là nhờ niệm pháp mà pháp rước độ. Trong cõi ấy cái chi cũng toàn là Pháp bảo cả, ấy là cõi của tinh thần thanh tịnh. Như thế thì đại

nguyện là của Pháp Tạng, ai đắc Pháp Tạng quên mình là sẽ như đại nguyện ấy của mình.

Ấy tức là 48 nguyện của pháp, là độ rước tất cả chúng sanh, là lập thành Cực Lạc thế giới, là dạy nuôi những kẻ trước sau có duyên với pháp. Ở trong giáo lý ấy xác thân tuy có bỏ, chớ tâm hồn vĩnh viễn sống thêm hoài, mãi mãi không đầy chật, không tiêu hoại. Ai ai cũng là có được pháp tạng đại nguyện ấy cả. Ai ai cũng sẽ là Phật, là vua pháp, Pháp Vương, Pháp Tạng Vương như A-di-đà Phật. Mà muốn đắc như Phật A-di-đà là phải trước đến với sự tích triết lý của pháp thứ hai này, nghĩa là phải từ cư sĩ đến khất sĩ đã. Vì đến khất sĩ giải thoát thì mới gặp 48 đại nguyện, và từ đó hành đúng theo là mới sẽ thành Phật, tạo nên thế giới Cực Lạc giữa trong cõi đời cực khổ vậy.

III

Lại như vầy nữa, mà người tu Tịnh Độ cần nên phải biết hiểu thêm về sự thành đạo của đức Phật A-di-đà.

Trong sự tích có ghi rằng: Một kiếp chót của Ngài tên hiệu là Amita, Tàu dịch là A-di-đà, nghĩa là Vô Lượng Cam Lộ. Ngài là một vị tỳ-kheo khất sĩ ở chung một giáo hội, cầm đầu giáo hội ấy có một vị Trưởng lão, là một vị Phật quá khứ tái sanh trở lại.

Một hôm vị Trưởng lão đến chỗ tháp thờ Phật mà lấy cái chén bịt vàng, liệng xuống gạch cho nát bể. Bấy giờ ông kêu hội lại tất cả chư tỳ-kheo mà hỏi rằng: Ai làm rớt bể cái chén tốt quý này? Cả thảy chư Tăng đều nói là không biết đến! Trong số đó chỉ có A-di-đà thì lặng thinh không trả lời, vì ông nghĩ rằng: cái chén bể, lẽ tất nhiên là có người đụng chạm, nhưng cả thảy chư Tăng đều nói không biết đến, thì hỏi vậy chớ ai vào đây, không lẽ là vị sư Trưởng lão, mà nếu không ai chịu nhận, thì ra vụ này còn hạch hỏi lôi thôi, trong đạo ắt bị mang tiếng xấu xa chê ngạo, thôi ta hãy nên tính cho êm xong, ta hãy lặng thinh để lãnh tội cho vị sư nào vô ý đó, cho vị ấy an lòng, bớt lo sợ và đặng vững yên tu học.

Thế là Ngài lặng thinh suy nghĩ. Khi ấy Trưởng lão mới nói lớn lên rằng: A-di-đà, ngươi lặng thinh tức là ngươi phạm tội ấy đó. Vậy muốn cho hết tội ngươi phải chịu phạt công quả mười năm, mỗi buổi sáng vào rừng lượm củi, chiều tối phải nấu nước thắp đèn cho giáo hội, phải làm

công quả hạ mình thấp thỏi hơn hết. Khi đó A-di-đà ưng lòng vui chịu, thật hành công quả cho đến đủ mười năm như vậy, mà trong tâm rất vui không than phiền chi cả, tỏ ra rằng tâm tánh đức hạnh đủ đầy tròn trịa tốt đẹp. Vị Trưởng lão thấy vậy rất vui mừng. Một buổi sáng kia, Ngài bèn hóa hiện ra một cái thây ma chết của người thế gian, nằm tại chỗ tháp thờ Phật, thúi hôi dơ dáy, lại có ruồi lằn bu đậu, dòi tửa nhúc nhoi ghê tởm. Vị Trưởng lão liền bảo Tăng chúng đem đi chôn cất quét rửa giùm, làm cho ai nấy thảy dang ra xa, lảng tránh đi nơi khác, mà nói rằng: Chúng tôi là bậc trong sạch, không làm được việc ấy, hãy để cho A-di-đà về tới làm cho. Bữa ấy đã mãn công quả mười năm rồi, nhưng A-di-đà cũng hãy còn đi gánh củi làm việc như thường. Khi về gần tới giáo hội, có chư sư chạy kiếm đón đường cho hay tự sự, và mượn A-di-đà hãy lãnh lo giùm! A-di-đà bèn ưng chịu, vừa về tới cửa, bỏ bó củi xuống liền xách cuốc nơi tay, đi lại vác xác chết nọ đem chôn. Vị Trưởng lão bảo rằng: Ngươi hãy độ cơm đi, rồi sẽ chôn cũng không muộn. A-di-đà bạch rằng: Bạch Đại đức, hãy cho tôi chôn rồi cho sớm, để lâu dơ thúi chỗ tháp Phật không nên. Tôi nhịn ăn một bữa cũng xong được, vì như vậy là trong tâm yên ổn trong sạch. A-di-đà lại gần xác chết thì không thấy mùi hôi thúi nữa, khi vác lên vai không mấy gì nặng, đi được giữa đường thì như nhẹ bổng, không còn có chi hết. Bấy giờ Ngài giựt mình ngó lại, thấy xác thân ấy đã hóa ra một tòa sen vàng, rực rỡ ánh sáng, sực nức mùi thơm, bay bổng lên không trung, và lần lần hạ đáp xuống ngay trước mặt. Chư thiên, Bồ-tát đều rải hoa chào mừng, khen ngợi tán thán, và thỉnh Ngài lên ngự tòa sen vàng, đặng bay về Cực Lạc. Lúc đó A-di-đà sửng sốt, chẳng biết rõ thật giả ra sao nên lo sợ ngần ngại không dám bước ngồi. Chư thiên, Bồ-tát thúc giục mãi, làm cho A-di-đà bối rối mà suy nghĩ rằng: Ta vốn người trong sạch, dầu ma quỷ có gạt, nhắm cũng chẳng sợ chi, vậy ta cũng nên thử xem thiệt giả ra sao cho biết. Ngài bèn bước lên tòa sen an tọa, tức thì hào quang trong mình phóng chiếu sáng ra, thân thể sắc hiện vàng ròng, áo Phật oai nghiêm tề chỉnh, tinh thần an trụ tươi sáng như nhiên, các phép thần thông hiện đủ, trí huệ toàn giác trọn đầy.

Ngài chứng quả Như Lai thành Phật. Sau đó Ngài bay trở về giáo hội để tạ ơn Trưởng lão, và cùng Trưởng lão hóa hiện tòa sen, đưa bay về hướng Tây thế giới Cực Lạc. Thế là từ đó về sau, Tăng chúng cùng kẻ thế gian, ai ai cũng vái nguyện rằng: Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Tiếp Dẫn Đạo Sư

A-di-đà Phật; nghĩa là kính lạy Vô Lượng Cam Lộ Phật, kính lạy Tiếp Dẫn Đạo Sư Vô Lượng Cam Lộ Phật. Đó là cách tu thành đạo của Phật A-di-đà.

Vậy sự tích này, triết lý giải ngay ra rằng sự tu thành đạo đắc quả của một người bắt đầu từ tâm niệm không tranh, trở nên cư sĩ, là nhờ sùng bái Pháp bảo tam tạng nên về sau được xuất gia khất sĩ, đắc Pháp tạng đại nguyện, thành Bồ-tát Pháp sư và nơi đây vị Bồ-tát Pháp sư ấy lại có tên gọi là A-di-đà Vô Lượng Cam Lộ! Nghĩa là không lường Pháp bảo, Pháp bảo là cam lộ! Vô Lượng Cam Lộ là bậc toàn giác viên minh, Pháp vương vô ngại, Như Lai Phật, thầy của các bậc Pháp sư Bồ-tát. Pháp lý này để chỉ rõ rằng khi Ngài gần thành Phật, Ngài đã lập nên những Giáo hội Tăng-già quốc độ Phật rồi, nhưng mà lúc nào Ngài cũng vẫn khiêm nhượng, tôn thờ chư Phật quá khứ làm bậc bề trên Trưởng lão. Ngài gọi là đạo của chư Phật, chớ chẳng phải của Ngài, Ngài chỉ là một phần tử giúp công thôi. Ngài chỉ biết phận sự của Ngài là lo tu, tu cho mình, tu cho tất cả. Ngài xem ai nấy cũng như bạn lữ, và Ngài còn hạ mình thấp hơn Tăng lữ, đệ tử của Ngài nữa. Ngài không cho ai gọi Ngài là thầy, Ngài cũng không nhận ai là học trò, Ngài thật hành đúng phép bình đẳng không tranh, y theo chơn lý võ trụ.

Cái bát vàng bể, là Bát chánh đạo quý báu như vàng của chư Phật quá khứ, sự để đạo lại, tức là chén báu; gặp hồi mạt pháp, đạo bát chánh chia rẽ tông giáo như bể nát tan, đạo ấy có ra cũng do chư Phật, mà bể nát cũng do chư Phật. Đạo bát chánh thành là thời kỳ chánh pháp, pháp Khất sĩ Tăng-già; đạo bát chánh hoại là thời kỳ mạt pháp, tông giáo bát chánh cư sĩ tại gia. Hai giáo pháp ấy tương đối cùng nhau, tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh mỗi lúc, thảy đều do nơi chư Phật giáo hóa tạo ra cả. Đó tức là vị Trưởng lão đập bỏ chén đó, thế mà Tăng sư không ai nhận tội, nghĩa là đến lúc đạo Phật chia rẽ, giáo pháp suy đồi, căn cơ chúng sanh siển bạc. Thế mà Tăng chúng toàn là bậc Thinh Văn Duyên Giác, không có ai là đại Bồ-tát Pháp sư, đứng ra nhận chịu là tội của mình, cho rằng tại mình phước đức thiếu kém, vì mình ít tu tạo gây nhiều nghiệp tội để đời, tích trữ sự tai hại cho chúng sanh thấp kém, nên đạo pháp mới ra nông nỗi như vậy.

Bởi thế cho nên đại Bồ-tát A-di-đà thấy không có ai đứng ra lãnh lấy nghiệp tội của chúng sanh, Ngài cho là người ta chê cười xấu hổ, Ngài mới hết lòng bảo lãnh trách nhiệm, thế là Ngài phải chịu mười năm công quả, tức

là Ngài trau dồi thêm mười phép thập độ. Thập độ đây là: bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, trì giới, thiền định, trí huệ, từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng và xả vô lượng. Mỗi ngày đều lượm củi gánh về buổi sáng, chiều lại nấu nước, tức là mỗi niệm của trí huệ, tỏ sáng ra là giáo hóa tế độ chúng sanh, như lượm củi khô, người trí gánh vác nhiệm vụ hoằng pháp cư gia, để đặng thâu Tăng; chiều lại khi nghỉ ngơi, thiền định, là lo tu hành sôi kinh nấu sử luyện rèn thêm và làm gương cho trong Tăng chúng. Như vậy tức là Ngài có đến hai bổn phận, vừa giác ngộ cư gia gom thâu nhập đạo, và lại dạy cho hàng Khất sĩ Tăng-già nêu gương đèn huệ nữa, để cho được tròn xong thập độ, thì trí huệ toàn giác chơn như sẽ thành tựu viên mãn, mới là thành Phật. Chính trong lúc Ngài sắp thành Phật, là Ngài thấy ra đạo pháp cao quí đáng tôn thờ của Phật, như là bửu tháp nằm trơ đứng lặng, như chai chết trong giữa cõi đời, không còn ai kính trọng. Chúng sanh trong đời là sống bằng xác thân vật chất; như một cái thây đã chết trơ, tham sân si tam độc thúi dòi tuôn ra dơ dáy, họ chết mất tinh thần, không còn tâm hồn đạo lý chi cả, thế mà họ lại nằm nơi tháp Phật, dựa bên đạo Phật, ôm đeo cốt Phật, làm bẩn nhơ cho đạo Phật, hôi thúi cho Tăng già. Ấy là giáo pháp của chư Phật đến lúc biến ra như vậy; thế mà trong Tăng chúng ai cũng cứ mảng gọi là lo tu tự độ, bảo thủ lý thuyết, sở kiến của mình, sợ sệt kẻ vật chất như thây ma, gớm ghê ác gian như dòi thúi, mà đành để vậy chịu chẳng biết làm sao? Khi ấy chỉ có bậc đại Bồ-tát Vô Lượng Cam Lộ mới không đành để vậy. Ngài trau tâm công quả vừa xong, giác chơn đã tròn đủ, thế mà Ngài không cần màng sự an hưởng Niết-bàn giữa sự tròn sáng như buổi cơm trưa ấy, Ngài lật đật vội gánh vác sự độ đời thêm nữa. Ngài xách cuốc trí huệ để đi đào xới cõi trần, đặng chôn sâu lấp bỏ vật chất ác tham. Trên bước đường dài giáo hóa, Ngài gánh vác nghiệp tội chúng sanh, càng lúc càng thấy giảm bớt nặng nề; Ngài lướt xông vào cõi đời, càng cho là sự vui hay mà không màng chê dơ thúi. Mặc dầu Ngài chưa đến chỗ chôn thây, cũng như chưa độ dứt hết nghiệp tội chúng sanh, nhưng sự tế độ lâu ngày đã quen, nên Ngài xem ra như không còn có chi nặng nhọc nữa cả, mà đó là sự vui vẻ nhẹ nhàng. Những chúng sanh của Ngài tế độ, họ sẽ là tòa sen vàng của Ngài, họ tôn Ngài là ngôi giáo chủ ngồi trên họ. Họ là tòa sen vàng vì bởi họ đã mặc được áo của pháp giải thoát quí báu như vàng và họ hết lòng chung hiệp thờ Ngài; họ tôn tặng Ngài là giáo chủ của họ.

Bấy giờ các bậc trí thức danh nhơn cư sĩ chư Thiên, và các bậc pháp sư khất sĩ Bồ-tát khác ai ai cũng thảy phún mưa hoa chào mừng tán dương ca tụng khen ngợi, mà gọi Ngài là xứng đáng bậc thầy hết thảy. Thế là gánh nặng vác thây của Ngài đến nửa đường, chưa được đến nơi trọn vẹn, mà tâm trí đã tròn thành, đạo quả đã xuất hiện, Ngài đã thật giải thoát không còn chi rộn nhọc như là bổn nguyện đã rồi xong, như sự quên hết mọi việc, sau buổi cơm no, sau cơn làm mệt là ngủ quên. Thế là tâm Ngài đã giác chơn đại định, đã an trụ không còn xao xuyến, Ngài yên nghỉ trong sự lặng thinh, trên sự tôn thờ của tất cả. Và cũng là chừng đó, trí huệ thần thông mới thật gọi đầy đủ, danh sáng chói khắp thế gian là hào quang, thân Ngài người ta quí trọng như vàng. Trước kia Ngài mãi khổ nhọc thấp thỏi xấu xí lo tu, làm con trò tất cả. Ngày nay vì mối đạo to, phận sự bắt buộc, Ngài phải giữ tư cách đạo hạnh của bậc thầy để làm gương cho kẻ khác, chớ chư đệ tử không ai để cho Ngài hạ mình thấp xuống nữa. Chừng ấy người ta mới thấy rõ tướng tốt cách đẹp của ông thầy, do nơi các công đức tu hành học đạo của ông từ lâu tạo thành. Tức là oai nghi hạnh kiểm của một ông thầy trang nghiêm đúng đắn, do sự không tự cao chấp ngã vậy.

Và cũng kể từ đó là Ngài đã hiệp chung với chư Phật quá khứ Trưởng lão, nền đạo giải thoát tòa sen của các Ngài, như đã đưa các Ngài lên đến địa vị nghỉ yên như của bên kia thế giới Cực Lạc, là sự giải thoát hoàn toàn, an lạc hoàn toàn, bằng tâm thanh tịnh. Các Ngài không còn phải lam lụ, bẩn dơ theo việc thế trần như bên này nữa. Các Ngài đã như đốc học, giáo tổ, các Ngài chỉ chứng minh và dạy đạo chút ít cho Bồ-tát Tăng sư bậc thầy, chớ không còn lo cho cư gia thế sự. Vì dưới các Ngài là đã có biết bao nhiêu người tiếp thay, nối chí theo như nguyện hạnh của các Ngài (đối với tất cả chúng sanh là lẽ chung, việc chung).

Nên các Ngài vẫn yên nghỉ, chơn tâm không còn vọng động.

Đức A-di-đà Vô Lượng Cam Lộ là một vị Phật sau các chư Phật quá khứ. Sau khi Ngài đã được đắc Tây phương Cực Lạc của chơn tâm rồi, thì những kẻ trước kia đồng tu với Ngài, ở chung giáo hội, tôn thờ chư Phật xưa, từ đó họ mới chịu tôn thờ trở lại Ngài; và tất cả người trong thế gian sau này, ai ai cũng muốn đến được như Vô Lượng Cam Lộ A-di-đà, về y theo như đức A-di-đà Vô Lượng Cam Lộ. Và bởi họ sợ tâm mình biếng nhác dể duôi xao

lãng, nên ai nấy thường nhắc nhở cho tâm mình, và mọi người rằng: Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A-di-đà Phật, nghĩa là kính lạy Vô Lượng Cam Lộ Phật, kính lạy Tiếp Dẫn Đạo Sư Vô Lượng Cam Lộ Phật.

Như thế nghĩa là đức Phật ấy nhờ vô lượng cam lộ mà được thành Phật, đắc giáo chủ Tây phương Cực Lạc tinh thần Tịnh Độ hiện tại. Vậy thì chúng ta ai ai tất cả, niệm đến tên Ngài thì phải nên vô lượng cam lộ y như Ngài mới sẽ chắc là thành Phật cõi Phương Tây của tâm tại đây đặng.

Vô Lượng Cam Lộ nghĩa là Pháp bảo vô lượng tiếp dẫn chúng sanh. Ai ai cũng thật hành theo được, và cũng đắc được Pháp bảo ấy hết! Có hành đạo Bồ-tát mới đắc quả Như Lai vậy.

Pháp bảo có ra là do chư Phật quá khứ. Pháp bảo là thầy của chư Phật hiện tại và vị lai, thay thế cho chư Phật quá khứ.

Vậy thì, nhứt là trong những thời kỳ xa Phật, chúng ta phải nên thờ Pháp tạng hơn là thờ cốt tượng Phật, vì cốt tượng Phật không có dạy dỗ quý báu bằng Pháp tạng.

Vả lại, chư Phật xưa kia được thành Phật là bởi cả thảy đều do nơi Pháp tạng.

Thế nên gọi Phật A-di-đà là có trước Phật Thích-ca. Chính như đức Thích-ca Mưu-ni ấy mới phải gọi đúng danh là Vô Lượng Cam Lộ Vương Như Lai A-di-đà Phật.

Cả thảy chư Phật nào cũng là A-di-đà cả. Đúng theo chơn lý, A-di-đà Phật là đức Thích-ca, là một người chớ không phải hai vị.

Phật A-di-đà cũng tức là chơn tâm bình đẳng của mỗi người. Từ Vua Vô Tránh Niệm đến Pháp Tạng Tỳ-kheo, đến Vô Lượng Cam Lộ là ba nấc thang đi đến đắc thành chánh đẳng chánh giác Phật.

Vậy thì ai ai cũng có chơn tâm Phật A-di-đà, và thân khất sĩ là Cực Lạc Tây phương ấy hết.

CHƠN LÝ 46

VÔ LƯỢNG CAM LỘ

Vô Lượng Cam Lộ Vương Như Lai tức là A-di-đà Phật. Đức Phật A-di-đà có ba tên: Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật và Cam Lộ Vương Như Lai. A-di-đà, tiếng Phạn là Amita, nghĩa Vô Lượng Cam Lộ. Vô Lượng Cam Lộ là Pháp bảo không lường. Pháp bảo là nước mưa cam lộ. Pháp bảo là không lường sáng suốt. Pháp bảo là không lường bền dài. Bởi cớ ấy nên gọi Phật A-di-đà có ba tên, hay như ba vị Phật là nghĩa như vậy.

Cả thảy chư Phật, chư Tăng và các cảnh giới, cái chi có ra cũng là do pháp, nên đức Vô Lượng Cam Lộ cũng gọi là Pháp Tạng Vương. Tánh của Pháp Tạng Vương là không tranh nên gọi là bình đẳng tánh, tánh A-di-đà Phật.

Người đời nay mà biết được Phật A-di-đà là do nơi đức Phật Thích-ca nói ra. Giáo pháp của Phật nói ra có ba cách: đốn giáo, tiệm giáo và huyền giáo; mà giáo lý A-di-đà đây, tức là huyền giáo ví dụ, so sánh, trừu tượng vậy. Sở dĩ Phật Thích-ca phải nói ra như thế là bởi có một nhơn duyên cảnh ngộ xảy ra, pháp lý tùy duyên mà ứng hiện. Chớ sự thật thì không phải có riêng một vị Phật A-di-đà và một thế giới Cực Lạc. Chính thế giới địa cầu nào có là cũng bằng tứ đại, là cả thảy đều như nhau, đều khổ não, vô thường, vô ngã; chỉ có thế giới tinh thần của mỗi tâm người, hay là giới luật trong sạch của mỗi sắc thân, ấy mới gọi là thế giới Cực Lạc. Còn nói về Phật A-di-đà tức là pháp lý, chớ không phải một người. Hiểu theo ý Pháp của Phật Thích-ca nói ra đây, thì A-di-đà ấy tức là Phật Thích-ca Mưu-ni đó. Ý Ngài muốn nói như thế là để cho các bậc Thinh Văn biết hiểu được

sự cao quý bất thối của đạo Ngài vậy. Vì khi xưa chư Phật nói pháp, ngoài nghĩa lý ra còn có ý nữa. Bởi có ý mới có pháp, thế nên khi nào có ai được nghe lời Ngài nói trong lúc có cớ sự gì đó, thì mới hiểu được ý của Ngài muốn nói gì ai, Ngài nói làm sao và để chi? Vậy nên người đời nay bằng muốn hiểu biết kinh A-di-đà, mà không cần hiểu nhơn duyên ý muốn của sự có ra bài kinh ấy, thì không bao giờ hiểu được.

Đến đây, chắc có nhiều người bảo rằng Phật A-di-đà vẫn có thật, xứ Tây phương vẫn có thật. Có người gặp Phật ấy và thấy xứ ấy, có người đi qua bên ấy, có người gặp Phật Thánh bên ấy qua đây thật, có người ngủ thấy hay mơ tưởng thấy rõ ràng, cho đến có nhiều linh hồn kẻ chết trở lại cũng nói như vậy.

Nhưng chúng ta nên biết rằng Pháp lý thì cái chi cũng có cả. Bởi có, mới có pháp nói ra được, pháp ấy mới là thật chỗ giác ngộ, nên mới tạm gọi là có. Còn về sự việc, cái chi có hình tướng thì là có thay đổi vô thường, ma biến quỷ quyệt, đâu có chắc vĩnh viễn mà gọi là có được. Bởi cớ ấy nên xứ nào mà có, bậc người nào mà có đi nữa thì cũng thảy là ma vọng huyễn ảo mà thôi. Chính cái thấy nghe hiểu biết gặp gỡ của tư tưởng, tinh thần, ý muốn, đức tin mơ vọng của ta, nó đã nói bảo cho ta hay như vậy, chính nó xuất hiện ra như thế đó, chớ không phải ai hoặc ở đâu hết. Vậy ta nên hiểu nơi chơn lý triết lý là đủ, là giải thoát tấn hóa ích lợi yên vui, chớ sự thấy gặp của tinh thần đức tin nó chỉ làm cho ta được sự ham mộ, an ủi bằng thiện lành nhắm mắt, chớ không đắc trí huệ thấu đạo lý được. Nó chỉ là một pháp ích lợi nhỏ để tịnh tâm cho hạng yếu đuối nhỏ nhít sơ cơ, chớ pháp ấy không thành Phật đặng. Vì thần quyền tha lực, hầu hạ theo thầy, ở khít bên thầy, kẻ ấy chưa phải là giống như ông thầy được, thì ngóng trông làm chi rộn nhọc. Sự thật như vậy đó các Ngài!

Các bậc nhơn thiên không phải dễ gì hiểu biết thấy nghe, tỏ gặp chơn tướng của Phật A-di-đà và xứ Cực Lạc bằng pháp lý đâu. Kìa như khi xưa đức Phật Thích-ca kêu ông Xá-lợi-phất, là bậc đại Bồ-tát Pháp sư mà nói, chớ nào có nói bảo với hạng Nhị thừa. Thế thì bộ kinh A-di-đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, câu chuyện Phật A-di-đà và cõi phương Tây, tức là một bộ luận thuyết triết lý, pháp lý huyền giáo, đúng đắn hay ho, giá trị quý báu, lợi ích vô cùng cho bậc thượng trí và cũng không mất phần độ dắt kẻ trầm mê ác trược nữa. Vậy thì nơi đây chúng ta hãy hiểu xem đức Phật

Thích-ca ban bố pháp lý, dạy trí huệ cho chư Bồ-tát cách nào, những phương tiện gì? Và các bậc đã thật giải thoát rồi ấy lãnh dùng ra sao, sẽ nên được những việc chi cho biết, nhứt là những lúc về sau này.

Thuở xưa, đức Phật Thích-ca nói kinh A-di-đà là bởi nhơn một lúc nọ chư đệ tử của Ngài đã được rất đông nhiều, phân chia ra nhiều giáo hội to lớn, nhằm lúc Ngài tuổi đã già, đã được trên bốn mươi năm dạy đạo, tức là đã vào thời kỳ pháp hoa thượng thặng. Bấy giờ trong số đệ tử tâm trí phân chia ra ba bậc: thượng, trung, hạ. Trong số thượng trí có rất nhiều bậc Bồ-tát Pháp sư thay thế cho Ngài đi ra dạy đạo khắp nơi, còn số hạ mê đần độn biếng nhác giải đãi thối chuyển cũng nhiều, lại chán chê nhàm mệt, không biết rõ sự quý báu nhiệm mầu của đạo. Cũng có lắm bậc cư sĩ tại gia quy y Phật Pháp Tăng mà lại chẳng biết quý trọng Tam bảo, họ cứ mãi ngó ngay danh lợi thích ham, thường khi chỉ bố thí cúng dường cho có lệ, hoặc nói cho có chừng mà không cần màng sự hiểu nghe Pháp bảo. Cũng như vua Ba-tư-nặc thời xưa, ngồi nghe Phật thuyết pháp mà than mỏi lưng, lại còn nói là quen nhớ sự vui chơi kỹ nhạc. Như La-hầu-la con Phật chín tuổi xuất gia, còn ham mê chơi giỡn, bỏ học cang ngạnh, ỷ lại Phật độ mà chẳng cần tu. Lắm kẻ tu hành dung dưỡng danh lợi, nhờ nương tiếng Phật, núp bóng Phật mà xem thường, ở trong đạo lại ngó bên đời. Lắm người bên đời lại dể duôi khinh lờn luật pháp, tưởng chừng như là Tăng tục cũng giống in nhau v.v…

Đủ cả những sự từ bên trong mỏi mệt, bên ngoài bất kính, do đó đức Phật mới kêu ông Xá-lợi-phất là bậc đại trí huệ hơn hết, mà nói về đức Phật A-di-đà và chỉ ra xứ Cực Lạc cho mọi người thấy rõ sự quý báu ích lợi của đạo Ngài; vừa là để mở rộng trí phương tiện độ sanh cho ông Xá-lợi-phất cùng chư Bồ-tát khác, và cũng vừa khuyến khích sự tu tinh tấn cho các bậc hạ căn kia vậy. Thế nên pháp lý A-di-đà này gọi là pháp Đại thừa của đức Như Lai dạy trau trí huệ cho chư Bồ-tát. Trong ấy chỉ rõ rằng mỗi một cái danh từ của pháp là tức như một vị Phật; trong danh từ ấy có chứa đủ cả thế giới, tác dụng, bổn nguyện, dung chứa, ích lợi, sáng suốt, vĩnh viễn. Chính trong một tiếng nói là chứa đủ cả nghĩa lý, thế giới, chúng sanh, chư Phật, các pháp, vạn vật. Trong một tiếng nói là sự thành tựu cả một võ trụ, một cái pháp là sanh ra tất cả đủ hết rồi vậy. Cả thảy chư Phật đều là pháp cả! Pháp là sáng suốt hơn hết, là sống dai hơn hết, là mát mẻ ngọt ngào hơn hết. Cõi pháp sẽ chứa độ tất cả sự khổ não của chúng sanh. Các bậc Bồ-tát có hiểu biết như

thế mới chứng được vô ngại viên thông, và thay Phật mà thuyết pháp tự nơi mình, không còn sợ lo nữa. Vì đã đắc đủ thần thông phương tiện, biến hóa không lường, hay xa vô tận.

1. Thuở ấy có đủ các hạng nhơn thiên, thần quỷ, ma vương, rồng rắn, chim phụng, thần âm nhạc, vua Trời, Bồ-tát, A-la-hán, Tỳ-kheo, nữ nam đông đảo hội lại, tức là vua chúa, tướng binh, kỹ nhạc, các hạng cư sĩ thiện nhơn, quan quân, nghiệp nghệ, cùng các hạng bậc tu xuất gia đầy đủ. Những kẻ ấy đều có ở trong giáo pháp của Phật, đều thường nghe pháp gặp nhau, cu hội nơi Pháp bảo, trong những bao nhiêu năm dạy đạo chớ không phải trong một thời giờ nói pháp. Nghĩa là từng có bao nhiêu hạng bậc ấy, trước sau ai ai cũng hạp chịu nghe theo pháp lý, vì pháp nào cũng là A-di-đà cả; 1250 Tỳ-kheo là số Tỳ-kheo đắc quả trong mấy mươi năm của Phật dạy đạo.

2. Đức Phật thuở ấy kêu ông Xá-lợi-phất mà nói, tức như kêu gọi với các bậc thượng trí, bảo phải để vào tai nghe dạy. Từ đây qua phương Tây, cách mười muôn ức cõi Phật, có một thế giới kêu là Cực Lạc. Nghĩa là nơi đây là sự kham nhẫn ta-bà phiền não ác trược của đời xao xuyến tranh đua cấu loạn không giới luật như bến bờ bên này, tương đối cùng bên kia là giới luật thanh tịnh yên vui giải thoát, nín nghỉ lặng ngừng, chết trơ như mặt trời lặn phương Tây, là chỗ trở đầu hưu trí dứt bỏ cuộc đời! Phương Đông như trẻ nhỏ mới sanh, cảnh vọng động; phương Tây như ông già chết bỏ, cảnh chơn như. Từ vọng động đến chơn như là phải trải qua mười muôn ức cảnh giới luật của sự giác ngộ nhỏ, hay là mười giới luật của mười niệm giác lớn. Có đắc đủ mười giới luật của bậc giác, con người mới xuất gia giải thoát thanh tịnh, là bên kia đặng.

Mười giới luật của mười cái giác ấy là chúng sanh hằng ở trong đời chấp thân mạng, cái có có làm ta, tạo gây mười nghiệp tội nơi thân khẩu ý, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi, tham lam, sân giận, si mê, lấy đó làm của cải, chỗ ở của cái ta, như mười địa ngục khổ não, ra không khỏi đặng. Cố chấp mãi có bấy nhiêu để giữ chắc cõi đời ma biến vô thường lầm lạc. Hết cố chấp ác khổ quả báo thì con người lại bám níu theo mười điều thiện trái ngược để được sướng vui thiên đường. Họ mắc kẹt ở trong cái cao cái thấp, cái khổ cái vui, cái ác cái thiện ấy mãi mà không bao giờ ra được. Đời đời kiếp kiếp triệu ức muôn lần đi ra đi vào sanh tử mà không được đến đâu cả, nên đối với trung đạo giải thoát chơn như,

dứt bỏ xa lìa hai mối vọng động ác thiện ấy. Họ không thế nào định tâm yên lặng để đến được nên gọi là rất xa quá xa bên kia, chớ không phải sự cao hay giỏi gì đâu cả mà hòng kiếm gặp hay đến ở theo được. Thử ngay mỗi người nhập định giây lát còn không được thì làm sao được ở trong giới luật yên định xuất gia. Mà hễ nhập định yên lặng không được thì đâu có gặp Cực Lạc là tột vui của trong ấy, kẻ ấy tức nhiên phải sống bằng thân khẩu ý vọng động, chịu khổ báo, mặc cho nhàm chán thích ưa lăn lộn mãi theo đời thì dễ gì muôn triệu ức kiếp như thế mà được hết chấp, yên định nhập vào cõi của giáo hội, nên chẳng phải là gọi quá xa, xa khỏi mười muôn ức cõi giới luật giác ngộ nhỏ nhặt, nơi mỗi chút mỗi niệm. Đúng lý như vậy, con đường từ cõi thế đến được xuất gia yên định ở trong giới luật là rất lâu và xa lắm, phải trải qua mười muôn ức cõi giới luật giác ngộ nhỏ, mỗi lúc mới thấy gặp, chớ nào phải đâu dễ tu dễ đắc, và đạo là tầm thường không quý báu hay xác thân là yên vui dễ gặp. Thế giới Cực Lạc ấy là sự tột vui của trong giới luật yên định, cùng là xác thân này được giải thoát khất sĩ; mà đúng theo đây thì đức Phật Thích-ca, Ngài chỉ ngay về Giáo hội Tăng-già, nền đạo quý báu hiện tại của Ngài, trong giữa cõi đời cực khổ, và quá xa khỏi cực khổ, là thế giới Cực Lạc phương Tây bên kia. Vậy thì, chính luật tạng giới xuất gia là cõi Tây phương Cực Lạc.

3. Đức Phật nói tại thế giới ấy có một vị Phật tên là A-di-đà hiện tại đang nói pháp ở đó, nghĩa là trong giữa giới luật vắng lặng yên định chết trơ ấy, trong đó có pháp tạng hiện ra giảng dạy, có tánh bình đẳng không tranh nói ra, có vô lượng cam lộ Pháp bảo túa ra, có trí huệ vô lượng quang, có cái sống vô lượng thọ, có cái pháp cam lộ vương tuôn ra mãi mãi. (Tức là Ngài thuyết pháp trong giữa cõi giới luật thanh tịnh Cực Lạc giáo hội thế giới riêng của Ngài. Nơi đây đức Phật nói về nền đạo luật giáo hội, chớ không phải chỉ cho thân hay tâm là xứ Cực Lạc, hoặc ở đâu đâu cả).

4. Xứ ấy ngoài có bảy lớp lan can báu, nghĩa là bảy lớp giới luật quý báu, thất tụ giới 243 điều trong Giới bổn Tỳ-kheo:

1. 4 đại giới
2. 13 giới tổn hại Tăng tàn
3. 2 giới không định
4. 30 giới phá sự thanh bần

5. 90 giới hành phạt

6. 4 giới đặc biệt

7. 100 giới nhỏ phải học.

Cộng là 243 giới quý báu, bao bọc vòng ngoài như lan can để ủng hộ sự yên định bên trong giáo hội, là cõi Phật chơn như vắng lặng Cực Lạc.

5. Kế đó bảy lớp lưới báu, nghĩa là bảy giới diệt tránh. Khi nào ở trong giáo hội, chư Tăng có tranh cãi với nhau, kẻ tự cao muốn nhảy vọt lên để phải rớt ra ngoài. Người lại hạ mình thấp mà thụt lùi chun xuống thế sa ngã bởi giận hờn thì có bảy phương pháp này như bảy lớp lưới báu đón ngăn chặn lại:

1. Hoặc dùng cách tự thuận

2. Hoặc nói quyết rằng quên

3. Hoặc mình không biết không cố ý

4. Hoặc xin lỗi thành thật, mình đã lỡ phạm

5. Hoặc chuyển lên giáo hội xem xét cho

6. Hoặc nhờ thầy quảng đại quyết định cho

7. Hoặc cùng nhau niệm Phật bỏ qua khỏa lấp, xem như cỏ mới mọc.

6. Bảy hàng cây bồ-đề báu là bảy Pháp bảo chánh giác bồ-đề:

1. Phân biệt sự lành với sự dữ

2. Tinh tấn mà lướt lên

3. An lạc trong vòng đạo đức

4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành

5. Nhớ tưởng đạo lý

6. Nhứt tâm đại định

7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ

Vậy thì bảy lớp lan can thất tụ là Pháp bảo của thân. Bảy lớp lưới diệt tránh là Pháp bảo của miệng. Bảy lớp chánh giác hàng cây là Pháp bảo của ý; bảy giác ý này là cây bồ-đề, chỗ tâm ngồi tu an trụ, mỗi ngày được no đủ, che đậy, nương dựa cho chư Tăng Thánh chúng đó.

7. Ba thứ ấy đều có bảy món báu cẩn bọc chung quanh, nghĩa là lan can, lưới và cây báu ấy có ra là do bảy báu: Bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, trì giới, thiền định, trí huệ, chơn như cẩn bọc un đúc tạo thành. Thân khẩu ý trong sạch tốt đẹp của chư Tăng có được như thế là do bảy báu ấy. Nhờ đó mà cõi giáo hội ấy, cái chơn tâm của các Ngài, xuất gia mới ở được. Chính luật tạng giới luật, đó là pháp nuôi tâm, chỗ trau tâm của tất cả, là xứ Cực Lạc, cũng là miếng đất thanh tịnh của lục độ thanh tịnh, Tịnh Độ, Tịnh Thổ, vì giới luật là mặt đất chỗ ở thanh tịnh trong sạch yên vui hơn hết.

8. Trong đó có ao thất bảo là đạo tràng chứa đựng bảy món báu, nước bát công đức là pháp lý Bát thánh đạo. Đáy ao cát bằng vàng là rốt ráo sâu xa yếu lý của pháp, là quý báu như vàng từ chút từ lời. Bốn phía bờ ao bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê là bốn bậc thánh pháp hiệp lại thành đạo, Pháp bảo của bậc Như Lai là chơn như như vàng, của bậc Bồ-tát là trí huệ như bạc, của bậc Duyên Giác là thiền định như lưu ly, của bậc Thinh Văn là trì giới như pha lê. Mặt đất cát vàng là giới luật nền tảng mặt đất, tỉ mỉ quý báu như vàng. Lầu các bằng châu ngọc xung quanh là những nhóm giáo hội nhỏ ở xung quanh ngoài đạo tràng, Tăng chúng ấy như rường cột nóc nền của lầu các quý báu. Đạo giáo như nhà lầu, kẻ tu học có thấp cao lớn nhỏ đủ hạng là lầu các đủ hạng.

Giữa ao có bốn thứ hoa sen lớn như bánh xe xanh đỏ trắng vàng, hào quang chói rực theo màu sắc, là trong giữa đạo tràng có bốn bậc trí huệ hằng chuyển pháp luân: trí bậc Như Lai chơn như như hoa vàng, diễn pháp ra ánh sáng chói lọi như màu vàng kim; trí bậc Bồ-tát trí huệ như hoa bạc, diễn pháp ra ánh sáng tỏ rõ như màu trắng bạc; trí bậc Duyên Giác, thiền định thanh tịnh như hoa xanh, diễn pháp ra ánh sáng trong suốt như màu xanh; trí bậc Thinh Văn, trì giới giữ điều luật như hoa đỏ, diễn pháp ra ánh sáng tốt tươi như màu đỏ. Thảy đều là pháp lý thơm tho mầu diệu, đáng khen ngợi cả.

Nơi xứ Cực Lạc, mỗi buổi sáng ra có hoa trời tuôn rơi đầy đất, là nơi giáo hội mỗi khi có thuyết pháp thì pháp lý ấy như ánh mặt trời, làm cho tâm trí của mỗi người đều sáng tỏ ra, giác ngộ chơn lý, thấy rõ pháp lý cao quý tốt đẹp như bông hoa trời; ấy là lời lành tốt của những bậc bề trên thiện lành trong sạch, ban bố dạy xuống cho khắp chung tất cả. Tâm người thanh tịnh lóng nghe cũng như mặt đất vàng chứa đựng. Chư Thánh chúng lượm hoa để trong túi bên hông đem cúng dường mười phương vạn ức chư Phật, là Tăng

chúng bậc đã đắc quả thanh tịnh, dùng trí nhớ lượm thâu chứa đựng lời lành sáng ấy, ôm giữ bên lòng đem đi giảng dạy cho chư Phật vị lai, đang là chúng sanh hiện tại ở khắp các nơi khác. Cũng tức là sự giáo hóa chúng sanh thay thế chư Phật, làm no lòng từ bi của chư Phật, bằng sự đem chúng sanh thâu vào đạo cúng dường chư Phật. Gần tới bữa ăn liền trở về xứ ăn cơm rồi đi kinh hành, là gần tới ngày Phật có nói pháp nữa thì Tăng chúng trở về nghe thêm như ăn cơm, học nghe xong no lòng đầy đủ là đi hành đạo nữa. Kinh hành là hành đúng theo kinh, kinh là pháp dạy trau tâm, là sự trau sửa tâm người, tâm mình.

Trong xứ Cực Lạc ngày đêm sáu thời, có bảy thứ chim như: bạch hạc, công, két, nhồng, sáo, cưỡng, chìa vôi, kêu ra tiếng dịu hòa như nhạc trời, là ở trong giới luật tốt vui, ngày đêm sáu giờ ngoài lúc tu thiền định thì các bậc Như Lai, Bồ-tát, Độc Giác, Vô Sanh, Bất Lai, Nhứt Vãng Lai, Nhập Lưu, bảy bậc thượng trí này như chim, hằng nói luận đạo nghe hay ho, vui thích, êm tai, hòa nhã như nhạc trời, ấy là lời trong sạch, giải thoát, êm ái, dịu dàng, khuyến khích ca tụng. Những lời ấy nói về năm căn, năm lực, bảy phần bồ đề và tám pháp thánh đạo, nên làm cho ai cũng đem lòng niệm tưởng Phật Pháp Tăng không xao lãng. Ở xứ ấy, mỗi khi có ngọn gió thổi qua, cây và lưới rung khua kêu ra những tiếng dịu hòa dường như trăm ngàn món nhạc đồng trổi lên một lượt, tự nhiên ai nghe cũng đem lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng cả; là mỗi khi có nhơn duyên việc chi xảy đến, như luồng gió thổi qua, như sự tranh cãi với nhau thì các sư đem lưới pháp đón ngăn dịu hòa lại bằng sự thuyết pháp, cùng mỗi khi vấn đáp luận đạo, về pháp chánh giác bồ-đề thì ai ai cũng nói giống cùng nhau một lúc, nghe thật êm ái thanh tao, khiến cho ai cũng đem lòng niệm tưởng Phật Pháp Tăng không gián đoạn. Xứ ấy được trang nghiêm như vậy là nhờ công đức của Phật A-di-đà tạo thành, là giáo hội ấy được bằng thẳng mát mẻ trong sạch, là do nhờ Pháp bảo tam tạng Vô Lượng Cam Lộ. Vô Lượng Cam Lộ là tất cả giáo pháp trong mấy mươi năm của Phật. Ở xứ ấy kêu là Cực Lạc, là bởi các bậc Thinh Văn còn đang nghe pháp với chư Bồ-tát đã đi dạy đạo, số nhiều trội thêm lên mãi, không có thể đếm nhứt định nên mới gọi là tột vui của thế giới đại hiền sống chung nhau.

Đức Phật Thích-ca nói: Chẳng phải một mình ta khen tán pháp tạng vô lượng cam lộ mà thôi, cả thảy chư Phật bậc trước, bậc sau, bậc ở bên nây, bậc ở bên kia, bậc ở trên, bậc ở dưới, bậc nào cũng đều dùng lời nói ca tụng

Pháp bảo, kéo dài mãi mãi về sau, trùm khắp cả quá khứ hiện tại vị lai, ba lớp hạng của cả các thế giới mà tỏ cho chúng sanh biết rằng: Chúng sanh chớ khá hoài nghi, vì công đức của Pháp bảo này mà chư Phật tất cả đều đang gìn giữ thật hành đây vậy.

Lại vầy nữa, những ai người cư sĩ nghe đến tên A-di-đà, hằng niệm tưởng đến hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc đến bảy ngày một lòng không tưởng khác thì đến lúc lâm chung, Phật A-di-đà và chư Thánh chúng sẽ qua tiếp độ, đem về cho sống bên Cực Lạc. Nghĩa là những ai đã am hiểu, thấy được nghĩa lý của pháp vô lượng cam lộ là bậc ấy tâm trí cũng đã được lành sáng khá lắm. Bằng niệm tưởng pháp ấy không xao lãng, hoặc phát sanh được một niệm chánh giác, hoặc hai niệm chánh giác, hoặc bảy niệm chánh giác, là kẻ ấy sẽ tự chết bỏ cảnh trần, sanh sống qua bên nhà đạo, xuất gia giải thoát theo ở với Phật Tăng; ấy là nhờ pháp vô lượng cam lộ và các điều trong sạch của pháp tiếp dẫn đó. Vậy những ai muốn cầu vãng sanh Cực Lạc hoặc đã phát tâm thì đã xuất gia, đang phát tâm là đang xuất gia, sẽ phát tâm là sẽ xuất gia. Ai ai cũng nên hãy phát tâm giải thoát, được sanh vào trong nhà Phật cả thảy.

Đức Phật Thích-ca nói ta khen tặng công đức Phật A-di-đà thì các Phật kia cũng khen tặng lại ta y như vậy. Vì cả thảy chư Phật đều là Vô Lượng Cam Lộ như nhau có một. Ngài kêu Xá-lợi-phất nói: Tuy nói vậy, chớ không phải ít thiện căn phước đức nhơn duyên mà đặng giải thoát xuất gia nhập đạo đâu, ở trong cõi đời dẫy đầy ác dơ của sự thấy, của thời kiếp, của thân mạng, của phiền não, của chúng sanh dơ ác này, dễ gì họ chịu nghe biết, tin pháp lý của Phật đặng. Thuở ấy đức Phật giảng xong, ai ai cũng thấy rõ xứ Cực Lạc và Phật A-di-đà là giới luật Tăng-già, và Pháp bảo Vô Lượng Cam Lộ là Phật, nên ai cũng vui mừng tinh tấn hoan lạc. Còn bậc trí huệ thì lại được mở mang phương tiện, biết thêm nhiều danh từ, nhiều vị Phật bằng pháp, và nhiều thế giới chúng sanh do những Phật hay pháp ấy tạo ra, tức là đắc được vô số pháp thiền, vô số trí huệ, vô số pháp lý biện luận, kinh, luật, để đi ra lập đạo nên thành những giáo hội khác. Như thế nghĩa là người cầu vãng sanh Tịnh Độ Cực Lạc, tức là cầu mong xuất gia giải thoát khất sĩ du Tăng, sống trong giới luật Tăng-già Giáo hội để học với Pháp tạng Vô Lượng Cam Lộ là A-di-đà vậy.

Như vậy Tịnh Độ Cực Lạc, Phật A-di-đà có ra là do nơi thân trong sạch trì giới cụ túc trọn đủ và tâm định chơn như của mỗi người. Vì nếu giới định

đã trong sạch thì người ấy đâu còn ở trong cõi đời một giờ một khắc chịu nổi nữa được, mà không phải là đã ở trong Giáo hội Tăng-già, vui sống trong cõi giới luật với chư Thánh chúng trong đạo Phật. Và như hiểu pháp Vô Lượng Cam Lộ rồi, thân tâm giới định hoàn toàn rồi thì cõi thế gian đâu còn dung chứa được nữa, mà chẳng phải là họ sùng tôn bái trọng, thỉnh đưa cho về xứ Phật để đi trước cho họ theo sau. Thế mới biết rằng thân giới là xứ Cực Lạc Tịnh Độ, còn tâm định là Phật A-di-đà. Vì giới năng sanh định, định năng phát huệ, lẽ ấy rất thường. Biết như thế là tự lo tu, không còn trông đợi cầu vái ỷ lại nữa.

Kìa các xứ Ấn Độ, xưa nay nào họ có cầu vái đi đâu, hoặc theo ai gì đâu. Ấy là nhờ họ hiểu rõ lý, nghĩa và ý của Phật dạy theo chữ tiếng của họ, nên có khác hẳn với xứ ta vậy. Cho đến như bài chú vãng sanh là bài nhắc nhở cho tâm ta chăm chú, thế mà cũng có lắm người lầm hiểu. Trong ấy đại để nói vắn tắt rằng: Những ai muốn vãng sanh, muốn giải thoát cõi sanh tử luân hồi, muốn đến cõi sống mãi của đức Vô Lượng Cam Lộ, là phải diệt trừ tất cả nghiệp chướng tội lỗi của thân khẩu ý thì mới được xuất gia giải thoát khỏi sự kham nhẫn. Bài ấy là để nhắc cho ta nhớ rằng tấm lòng cầu đạo có ra là do sự giảm dứt nghiệp tội, là được vãng sanh, chớ không phải đọc tụng linh thiêng hay ai cho mà hết tội nghiệp.

Như thế thì chư Phật cũng đều gọi là Vô Lượng Thọ Phật, là Pháp bảo còn mãi, sống mãi không lường. Pháp ấy tức là chơn như bình đẳng, vĩnh viễn chơn thật, bất hoại nên gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Kẻ nào mà được chơn như bình đẳng Vô lượng thọ Pháp thì sẽ có đủ 32 tướng tốt, 80 cách đẹp của sự trọn lành, trọn sáng, thành Phật. Kẻ ấy sẽ có mắt dài và đen là sự thấy xa và không ô nhiễm… lỗ tai lớn và dài là sự nghe rộng và xa. Trán tròn rộng là sự hiểu rộng lớn tròn đầy. Chưn mày cong, dài, xanh và đâu lại là trí sáng tròn thanh tịnh, cao xa và dung hòa tuyệt đối. Tóc xoáy tròn khu ốc là đầu óc đầy đủ. Có nhục đảnh nổi cao đội ngọc ma ni là trí cao đội thờ báu giải thoát. Mình sắc vàng kim là sự làm theo đạo lý quý báu như vàng. Cánh tay tròn dài là việc làm trọn lành và để lâu dài. Bàn tay tròn bằng thẳng là mỗi việc làm công bình chơn chánh, tròn theo việc đạo. Ngón tay tròn dài búp măng là mỗi sự chỉ giáo đều xa dài, tròn sáng, thẳng vót. Cổ tay tròn, cánh chõ đuột đà là sự cử động đều tròn tốt đẹp. Âm mã tàng ẩn khuất bên trong là sự không dâm dục. Mình cao trượng sáu là nối liền trời đất, thiện ác, tinh

thần vật chất, mười sáu lượng tấc. Thịt da mềm mại là nhu hòa hiền lương giới hạnh. Bàn chưn no tròn không hót là Niết-bàn chơn như tự nhiên. Ngón chưn đều đặng là chơn lý chỉ ra vừa đúng cách. Ngón tay ngón chưn có da dính nhau là các sự chỉ giáo rất khít khao hòa hợp. Trong mình túa ra ánh sáng là tâm lành sáng chói. Mình mẩy thơm tho là ý niệm đáng khen ngợi. Trên đầu có hào quang tròn bằng một ôm là trí huệ túa ra pháp lý ánh sáng, đúng tròn với việc làm. Mỗi bước chưn đi có tòa sen là mỗi bước mỗi nơi trải qua, đều có những bậc xuất gia Giáo hội chư Tăng theo tôn trọng hầu hạ. Ngài bay là thoạt đi thoạt ở, không chi quyến luyến níu kéo buộc ràng bẩn chân, trên sự giải thoát không không cao thượng. Hào quang lớn chiếu năm hòn núi là pháp lý soi thông ngũ uẩn. Mắt xanh xem thấu bốn biển là trí thanh tịnh quán xét sự khổ lớn, của sanh, tử, lão, bịnh. Phóng quang tiếp dẫn qua sông là thuyết pháp phun lời ánh sáng, tiếp dẫn đưa độ kẻ ở sông mê nguồn ái. Ngài ở giữa xứ Cực Lạc là lạc tại cực kỳ trung, vui nơi chỗ tột giữa trung đạo. Ngài vui tươi trầm tĩnh tự nhiên, chơn như bình đẳng ấy là đức Vô Lượng Thọ, hay bậc đắc pháp Vô Lượng Cam Lộ, A-di-đà Phật đó. Ngài mặc áo vàng là pháp giới hạnh kiểm quý báu như vàng. Ngài cao lớn hơn hết, ấy là pháp chơn như chúa tể pháp vương vậy. Chơn thân ấy mới gọi là thân của đức A-di-đà Vô Lượng Thọ Phật, và của cả thảy chư Phật khác cũng in nhau như một.

Ngài có bốn người con là: Quán Thế Âm đại từ bi, Đại Thế Chí đại hỷ xả, Đại trí Văn Thù, Đại hạnh Phổ Hiền. Nghĩa là bình đẳng sanh ra bốn pháp: từ bi, hỷ xả, đại trí, đại hạnh; hay cũng là bốn pháp sanh bình đẳng. Bình đẳng như đầu, từ bi là tay mặt, hỷ xả là tay trái, đại trí là chưn mặt, đại hạnh là chưn trái, gồm đủ vào một thân mình pháp to lớn. Như thế thì bình đẳng là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Cam Lộ Vương, A-di-đà Phật, ngồi tòa sen vàng giữa xứ Cực Lạc, đầu có ngọc bửu châu sáng đỏ. Từ bi là Bồ-tát Quán Thế Âm, là quán xét sự thế tiếng khổ tối tăm, ngồi an trụ tòa sen trắng, sắc trắng trong sạch là có chư đệ tử giáo hội. Ngài hầu gần bên Phật, đầu đội thân tướng chơn như Phật làm nhục kế. Hỷ xả là Đại Thế Chí Bồ-tát, là nối chí theo đại nguyện cứu thế của Phật; ngồi an trụ tòa sen là có chư đệ tử giáo hội. Ngài hầu gần bên Phật y như đức Quán Thế Âm, đầu đội thân tướng chơn như Phật làm nhục kế. Đại trí là Bồ-tát Văn Thù. Văn là nghe, Thù là đáp, bậc vô ngại viên thông, đại hùng đại lực, cỡi xác thân như cỡi sư tử, nói lời như sư tử, dõng mãnh hùng lực. Đại hạnh là Bồ-tát Phổ Hiền, tương

đối với Văn Thù, là phổ hóa sự hiền từ đức hạnh, cõi xác thân như cõi bạch tượng, nói lời như bạch tượng, hiền từ đĩnh đạc. Đó là bốn pháp Bồ-tát ủng hộ một pháp bình đẳng Như Lai, là Phật ở trong xứ Cực Lạc Tăng-già Giáo hội, cũng gọi là bốn hạng đệ tử lớn làm tay chưn hầu theo Phật làm con Phật.

Vậy thì những ai muốn quán tưởng xứ Cực Lạc và Phật A-di-đà thì trước hết hãy quán xét tưởng nhớ như vầy: Thân này như mặt trời sắp lặn phương Tây chết mất, hướng Tây là cõi giải thoát chơn như vắng lặng, ấy là cõi xuất gia ly tục, như cõi chết ban đêm đối với cảnh đời, như bỏ dứt những sự hẹp hòi để thấy rõ cảnh giới bao la vô cực của đạo đức võ trụ. Giới luật như mặt đất lưu ly, pha lê, như vàng bạc. Các Pháp bảo là lan can, lưới, cây bồ-đề, nào là ao, là sen, lầu các, chim kêu, chư Thánh chúng, Tăng sư áo vàng phất phơ bay lượn. Kìa là đức Phật Vô Lượng Cam Lộ thân tướng trang nghiêm tốt đẹp đủ cách. Ngài đang phóng quang tiếp dẫn chúng sanh. Kìa Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đứng hầu hai bên, oai nghi chỉnh túc, mỗi cử chỉ đoan trang, chư Thánh chúng đang ngồi nghe dạy đạo cùng khắp trên mặt ao hồ thất bửu. Kìa như ta đã đến đó nghe kinh, Phật đã giảng dạy như thế, và như ta cũng đã tỏ ngộ, muốn ở luôn theo hầu Phật, quyết tu nối nguyện Phật, tế độ chúng sanh về sau v.v… Cả thảy đều thấy ngay ra bằng pháp lý là sự thật nơi giới luật Giáo hội Tăng-già đạo Phật. Như thế tất nhiên sẽ đặng tự mình phát tâm giải thoát, xuất gia khất sĩ, được nhập vào trong nhà Phật, Giáo hội Tăng-già, hoặc tự mình sẽ tạo ra được một giáo pháp khất sĩ tịnh độ phương Tây xứ Phật khác, y như bà Vi-đề-hy một cách (xem trong Quán Vô Lượng Thọ kinh). Chính bà Vi-đề-hy nhờ Phật dạy cho quán xét tưởng nhớ như thế mà được giác ngộ, thấy rõ ra cõi pháp là trang nghiêm quý báu không lường, còn cuộc đời là chết khổ. Thế là bà và các thị nữ đều thảy nhập đạo tu tập hiện tại, ấy như Phật A-di-đà và chư Thánh chúng qua rước đó, tức là bà vãng sanh Tịnh Độ, đã chết bỏ thân xác đối với cõi đời thì làm khất sĩ giải thoát, sống trong giới luật Cực Lạc Tây phương mới đặng. Như thế thì ai ai nếu may ra giác ngộ cũng là được vãng sanh hiện tại, được gặp Phật, được vào ở trong xứ Phật A-di-đà hiện tại cả.

Tóm lại, quyển *Vô Lượng Cam Lộ* này có ra thật là hoàn toàn đúng chơn lý, triết lý, pháp lý, đạo lý, ý nghĩa của chư Phật dạy. Nó sẽ giúp ích cho biết bao sự tấn hóa của người tu niệm Phật mà còn kém hiểu, hằng bày ra lắm sự hình ảnh mơ vọng cùng sự đọc tụng nhịp nhàng, làm như đạo Phật là một trò

vui đồng bóng, mà từ xưa kia là vẫn chưa hề có. Nó sẽ giảm bớt cho được biết bao nhiêu sự huyễn hoặc mơ hồ, vô lý nghĩa của thần quyền bịa thuyết. Nó sẽ giúp ích cho dân tộc trên đường tiến triển về pháp lý thật tế an vui, tinh thần tốt đẹp, không còn phải là một lối tu hành tai hại chờ chết bại xụi. Nó sẽ làm cho người tu biết rõ lẽ sống của mình và tất cả, trên sự thành công hạnh phúc. Vì nó đã chỉ rõ ra tất cả những pháp để làm Phật, thành Phật, nên quả Phật, nên thế giới cho tất cả. Mặc dầu theo đây mới chỉ là một triết lý giải sơ bề ngoài, chớ chưa phải là Vô Lượng Cam Lộ và Cực Lạc nhỏ hẹp của sự trau tâm, hay lớn lao của võ trụ, và những cách giảng giải khác nữa. Nhưng hiểu tạm vắn tắt theo đây là chúng ta ai ai cũng sẽ đủ được dễ dàng giải thoát, vãng sanh Tịnh Độ và gặp Phật Vô Lượng Cam Lộ hết.

XỨ CỰC LẠC

Trong phép tu thiền định, từ tầm sát hỷ lạc tịnh định, là từ con đường của nhân loại bước tới Niết-bàn.

Định là NIẾT-BÀN. Tịnh là TỊNH ĐỘ. Lạc là CỰC LẠC hay cõi trời VÔ SẮC GIỚI. Hỷ là cõi trời SẮC GIỚI. Tầm sát là cõi trời DỤC GIỚI.

Đó là những nấc thang tấn hóa của nhân loại. Nghĩa là:

1. BẬC SƠ THIỀN phải tu năm phép này: Lấy TẦM SÁT làm gốc vốn để đến hỷ, lạc, tịnh, định. Có tầm sát là tầm tõi quán xét, dục muốn sự thiện, mới dứt qua khỏi ác nhơn tội lỗi mà đến lần được hỷ lạc tịnh định, nên kêu gọi là Dục giới thiên, cái cảnh dục của lớp trên nhơn loại.

2. BẬC NHỊ THIỀN còn tu bốn phép này: Lấy HỶ làm chỗ ở để đến với lạc, tịnh, định. HỶ là sự mừng, mừng sống trong sự thiện lành tốt đẹp, đúng theo lẽ có có, nên kêu gọi là Sắc giới thiên, lớp trên cao hơn cảnh dục muốn, trình độ của người đã qua khỏi sự tầm sát.

3. BẬC TAM THIỀN còn tu ba phép này: Lấy LẠC làm chỗ ở để đến với tịnh, định. Lạc là sự vui, vui sống trong cảnh không không tất cả, cũng không còn có thiện nữa nên kêu gọi là Vô sắc giới thiên. Vô sắc giới thiên là tên gọi nơi người cư sĩ, chớ nếu xuất gia thì kêu là Cực Lạc, lớp trên cao hơn cảnh sắc có có, trình độ của người đã qua khỏi sự hỷ.

4. BẬC TỨ THIỀN còn tu hai phép này: Lấy TỊNH làm chỗ ở để đến với định. Tịnh là sạch, là sống trong sạch trong sự giải thoát xuất gia, nên gọi là

Tịnh Độ, Tịnh Độ là lục độ thanh tịnh, lớp cao trên hơn cảnh Vô sắc và Cực Lạc, trình độ của người đã qua khỏi sự lạc.

5. BẬC NGŨ THIỀN hay ĐẠI ĐỊNH là còn một phép này: Lấy ĐỊNH làm chỗ ở, không còn đi đâu nữa cả. ĐỊNH là yên lặng, sự sống yên lặng hoàn toàn nên gọi là Niết-bàn. Niết-bàn là đứng ngừng hưu trí, ngưng việc rốt ráo, không còn chỗ đến, đến đây là kết quả mục đích, lớp trên cao hơn Tịnh Độ, cao trên hơn hết, trình độ của người đã qua khỏi sự tịnh sạch.

ĐÓ LÀ PHÉP TU TRÊN NHƠN LOẠI:

Sơ định là:	TẦM SÁT	Hỷ	Lạc	Tịnh	Định
Nhị định là:		HỶ	Lạc	Tịnh	Định
Tam định là:			LẠC	Tịnh	Định
Tứ định là:				TỊNH	Định
Ngũ định là:					ĐỊNH

1. SƠ ĐỊNH là cảnh trời Dục giới, cảnh của người cư sĩ giữ 5 giới chay kỳ, ở tại nhà.

2. NHỊ ĐỊNH là cảnh trời Sắc giới, cảnh của người cư sĩ giữ 8 giới trường chay, ở am chùa.

3. TAM ĐỊNH là cảnh trời Vô sắc giới, cảnh của người tập sự xuất gia giữ 10 giới, ngọ chay, không tiền, ở cốc, hang động, hoặc là xứ Cực Lạc của người tu tập xuất gia khất sĩ ở trong giáo hội.

4. TỨ ĐỊNH là cảnh Tịnh Độ Tây phương của bậc tu xuất gia khất sĩ thanh tịnh, giữ 250 giới giải thoát.

5. NGŨ ĐỊNH là cảnh Niết-bàn của những bậc đắc thiền định hay đại định.

Đó nghĩa là từ cảnh trời Dục giới đến Sắc giới, đến Vô sắc hay Cực Lạc sẽ đến Tịnh Độ, và đến Niết-bàn, tức là danh từ tên gọi của pháp thiền định, chỗ ở của tâm, chớ không phải ở đâu hết. Như thế tức là sự chỉ rõ ra rồi, từ đây chắc không còn ai hiểu lầm nữa.

Thế thì chỉ có sự thật lo tu là đúng hơn hết.

CHƠN LÝ 47

QUAN THẾ ÂM

Quan Thế Âm nghĩa là quán xét sự thế tiếng khổ tối tăm, tức là tấm lòng từ bi trí huệ của chư Bồ-tát giáo hóa. Vậy nên gọi từ bi trí huệ là Quan Thế Âm. Quan Thế Âm là Bồ-tát, Bồ-tát là từ bi trí huệ. Hay cũng gọi là có Quan Thế Âm mới từ bi trí huệ, có từ bi trí huệ mới Quan Thế Âm, Bồ-tát là phải như thế, như thế mới là Bồ-tát. Đó là pháp lý vậy.

Trong lịch sử Phật Thích-ca có nói: Thuở ấy có một xứ nọ mắc phải bịnh thời khí lây truyền, chúng sanh chết nhiều vô số. Người ta bèn cầu cứu với đức Quan Thế Âm Bồ-tát ở phương Tây. Bấy giờ có đức từ bi đại sĩ hiện qua, tay cầm nhành dương, tay giữ tịnh bình, nhúng nước cam lộ rưới khắp cùng cho bá tánh, nhờ đó mà ai ai cũng được dứt khỏi khổ nạn. Nên từ đó về sau, mỗi khi có gặp nạn khổ thì người ta cầu cứu với đức Quan Thế Âm Bồ-tát mà niệm gọi rằng: Nam-mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ-tát.

Đoạn này pháp lý giải rằng: Một xứ nọ tức là xứ Ấn Độ mắc bịnh thời khí, là gặp phải lúc vật chất ác trược thạnh hành, chúng sanh vướng trong thời kỳ ấy là phải bị chứng bịnh tham sân si ác độc nhiễm lây, do đó mà sanh ra lắm sự chết khổ ở trong đời, vì vô đạo đức. Người ta cầu cứu với đức Quan Thế Âm phương Tây nghĩa là người ta cầu cứu với các nhà đạo đức từ bi, thường quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm, đem đạo đức đến giảng dạy giáo hóa cho họ, để cho họ được giác ngộ cảm hóa mà dứt bỏ tiêu tan

chứng bịnh tham sân si tam độc, trong thời kỳ vật chất vướng lây truyền nhiễm tâm người.

Quan Thế Âm Bồ-tát ở phương Tây là ý nói những bậc đã thật xuất gia giải thoát khỏi cõi đời bên nây, bên nây là chúng sanh phiền não ô trược như phương Đông, còn bậc xuất gia giải thoát trong sạch như phương Tây bên kia.

Người ta nói Quan Thế Âm đây là ông Quan Thế Âm đệ tử của đức Phật A-di-đà, là chỉ rõ rằng A-di-đà là tánh bình đẳng, còn Quan Thế Âm là tâm từ bi. Lòng từ bi có ra do bình đẳng, lòng từ bi để đến với bình đẳng, lòng từ bi là cánh tay mặt hầu hạ kế bên đức tánh bình đẳng, cũng là việc làm của những bậc Chánh đẳng Chánh giác chư Phật. Tức là người ta cầu cứu với sự ban bố giáo hóa tế độ của chư Phật. Mà nơi đây là người ta hết lòng trông mong thỉnh gặp giáo pháp của Phật Thích-ca đem đến giáo hóa để cho họ được giác ngộ, nương theo đó mà thoát khỏi khổ nạn.

Về khổ, con người có tám khổ lớn và vô số khổ nhỏ, tám khổ lớn ấy là: sanh khổ, già khổ, bịnh khổ, chết khổ, cầu muốn không được khổ, thương yêu xa lìa khổ, thù ghét gặp gỡ khổ, sắc thọ tưởng hành thức quá lắm khổ.

Về nạn, con người có tám nạn: nạn tù tội, nạn ăn mày, nạn nghèo hèn, nạn làm dân, nạn làm quan, nạn giàu sang, nạn làm vua, nạn không có trí. Người mắc tám nạn này là bị trói buộc, chẳng được thong thả tự do tâm định, hằng phải chịu khổ báo mãi nên gọi là mắc nạn.

Bấy giờ có đức Quan Thế Âm đại sĩ hiện qua là có giáo pháp của Phật Thích-ca hiện đến, do Phật cùng chư Tăng Thánh chúng đi đến đó thuyết pháp giảng dạy theo tiếng gọi thỉnh rước, mong cầu của những người mộ đạo. Vì các Ngài thường quán xét trong cõi thế, những tiếng khổ trong sự vô minh si mê mà hằng phát lòng từ bi, đi đến nơi giáo hóa cho kẻ hữu duyên với các Ngài. Bởi thế nên các Ngài mới có tên gọi là Quan Thế Âm Bồ-tát; ai ai, các Phật Thánh nào cũng có mang danh từ pháp lý Quan Thế Âm cả, chúng ta kẻ nào có tấm lòng như thế cũng là Quan Thế Âm được.

Bồ-tát tay trái cầm tịnh bình chứa nước cam lộ là các bậc thầy ấy, bề trái thì giữ gìn tâm thanh tịnh chơn như đạo đức. Trong tâm đạo ấy có chứa

đủ sẵn pháp lý cam lộ, ngọt ngào thơm tho mát sạch, tịnh là tâm thanh tịnh, bình là bầu đạo đức bình đẳng, bát chánh đạo như cái bình, nước cam lộ là pháp bảo. Tay mặt cầm nhành dương nhúng nước rưới khắp nơi là việc làm bề mặt, thì dùng phương tiện giáo lý hoằng dương, đem pháp bảo nói rải khắp nơi cho mọi người giác ngộ thức tỉnh, nhờ thấy rõ mục đích nên họ quay về đường sống chung tu học, không còn tham sân si giết hại nhau nữa, cũng không còn hơn thua danh lợi thế quyền. Họ dốc chí lo tu nên được giải thoát khỏi khổ nạn bằng sự xuất gia nhập đạo theo Phật.

Vậy nên từ đó về sau, những chúng sanh khổ nạn được có thức trí mở sáng ra, biết là mình đang khổ nạn, không còn tự cao bướng bỉnh liều mạng, thì họ hết lòng ham mộ đạo lý, mong cầu kêu cứu với pháp bảo của chư Phật Thánh, là những bậc Quan Thế Âm, thường cảm ứng theo duyên với tấm lòng cầu đạo của họ. Nhờ các Ngài thuyết pháp mà họ được hết khổ và được thấy rõ nẻo xuất gia xa lìa khổ nạn, nên họ thường niệm tưởng đến danh hiệu Quan Thế Âm luôn. Kẻ nào xuất gia chưa được thì họ nhắc nhở câu nói như vầy: Kính lạy Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ-tát. Họ nhắc như thế để cho quên sự ghê sợ nạn khổ của đời, và đừng xao lãng sự phát tâm cầu đạo giải thoát của họ với con đường Khất sĩ của chư Phật.

Vì họ cho rằng cõi đời là khổ, đời là hầm lửa cháy, bởi bị các thứ lửa đốt nung thúc giục nên họ mới phải co ngoe cử động, đi đứng nói làm, vọng tưởng điên loạn. Họ đang ở trong bóng tối của võ trụ vô minh, chẳng biết đâu là bờ bến nẻo đi ra. Mỗi tiếng nói thốt ra nơi cửa miệng của họ là tiếng khổ rên, than siết của sự ép ngặt, bắt buộc, cực lòng. Bởi tiếng nói của người cũng như sự thổi kèn, hơi gió lồng qua lỗ nghẹt mới phát sanh ra tiếng, như than rên tức bực nhỏ to trầm bổng. Hơi của người trong lồng ngực phát ra, qua lòn kẹt cổ nhỏ hẹp, phát sanh tiếng nói, cũng y như vậy. Đó thảy là tiếng khổ, có khổ ngặt mới có âm thinh, các tiếng nói trong thế gian của chúng sanh thảy đều là tiếng khổ cả. Họ là những kẻ khổ ở trong bóng tối vô minh của tứ đại địa ngục, nên những tiếng khổ ấy là như cầu cứu với các đấng từ bi Quan Thế Âm Bồ-tát, với những bậc đã được yên vui giải thoát, như vậy là phải lắm. Và những bậc đại hùng đại lực đại từ bi ấy, tức là sự mạnh mẽ như đàn ông nên họ gọi là ông Quan Thế Âm Đại

Sĩ, chớ thật ra danh từ pháp lý Quan Thế Âm là không phải nam hay nữ cả, vì ai cũng có được in nhau hết.

Trong Diệu Pháp Liên Hoa kinh có nói về phẩm Phổ Môn Quan Thế Âm Bồ-tát. Diệu Pháp Liên Hoa là pháp lý trên bốn mươi năm dạy đạo của Phật, pháp nào cũng là diệu pháp như liên hoa cả. Quyển kinh ấy có ra do chư Bồ-tát soạn dịch và đề tựa. Ý nghĩa của Diệu Pháp Liên Hoa là nói về lời dạy của đức Phật Thích-ca, khuyên các hạng Thinh Văn Duyên Giác hãy phát tâm Bồ-tát giáo hóa chúng sanh thì mới mong đắc quả Như Lai Phật đặng. Vì có làm Pháp sư mới đến được Pháp vương, có làm Thầy thì sẽ trở nên Tổ, có tu trí huệ mới đắc chơn như thiệt thọ.

Trong ấy về đoạn thứ bảy là phẩm Phổ Môn. Phổ là phổ tế, bố thí pháp cho chúng sanh tất cả. Môn là pháp môn phương tiện, cửa mở rước độ thâu người vào trong nhà Phật. Cửa bố thí pháp ấy có ra là do pháp Quan Thế Âm từ bi đó.

Trong ấy có nói như vầy: Giữa khi đức Phật thuyết pháp, có Quan Thế Âm Bồ-tát trang nghiêm tốt đẹp từ phương Tây hiện ra trước mắt mỗi người, là đức Phật khuyên mỗi người hãy quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm mà phát lòng từ bi tế độ, và Ngài chỉ rõ sự tốt đẹp quý báu ích lợi của pháp ấy, làm cho ai ai cũng hiểu thấy rõ rệt như có người trước mặt.

Khi ấy Bồ-tát Vô Tận Ý mới quỳ xuống bạch xin hỏi Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vị Bồ-tát ấy vì sao gọi là Quan Thế Âm, và sức phương tiện độ chúng sanh như thế nào? Nghĩa là Vô Tận Ý Bồ-tát đây là các bậc Bồ-tát khác, cùng chư Thinh Văn Duyên Giác mới phát tâm, ý pháp không cùng tận, vì muốn đến quả Như Lai chơn như Phật, nên mới hết lòng sùng bái đức Phật, cầu xin chỉ dạy cho rõ biết lý nghĩa pháp lý danh từ Quan Thế Âm nghĩa là gì, làm sao mới có được tên pháp đó, và sức phương tiện đó độ chúng sanh bằng cách nào, ra làm sao?

Khi đó đức Phật giảng dạy rằng: Chúng sanh ở trong đời, ví như có người thương khách, dẫn bọn thương nhơn đi ra giữa biển bán buôn, kiếm tìm châu ngọc, bị quỷ la-sát nhận chìm thuyền liền niệm tưởng Quan Thế Âm, tức thì gặp đặng chỗ cạn, là nhờ lực Quan Thế Âm tế độ. Nghĩa là, người thương chủ là tâm của chúng sanh, dẫn bọn thương nhơn là mắt tai

mũi lưỡi các pháp trong mình cả thảy cũng như bọn thương mãi. Họ sanh ra là để lo lời lỗ đua tranh tráo chác, đi ra giữa biển là vào xa trong giữa biển khổ của đời, bán buôn kiếm tìm châu ngọc là mong kiếm tìm sự ích lợi cái tham, bị quỷ la-sát nhận chìm thuyền là bị cái ý lôi cuốn xác thân chìm đắm. Tâm liền niệm tưởng Quan Thế Âm là giữa lúc ấy thấy ra sự khổ của người của mình, quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm của tất cả mà phát lòng từ bi trí huệ là tức thì thấy gặp đặng đạo đức để nương theo, như gặp đặng chỗ cạn mà thoát khổ nạn của biển trần thế được xuất gia giải thoát, đó là nhờ đức oai thần lực của pháp lý Quan Thế Âm vậy.

Lại vầy nữa, như có kẻ tu hành đi theo đạo bảo, để đến nơi cao thượng như chót núi Kim Cang, tu nửa chừng sa ngã, muốn té rớt xuống trở ra về thế, bằng niệm tưởng đến pháp lý Quan Thế Âm là quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm mà phát sanh từ bi trí huệ là sẽ được đứng vững trở lại lo tu, không còn sa ngã, ấy là do nhờ oai thần của pháp ấy. Như có người thương khách, dẫn bọn gia nhân đi vào rừng nguy hiểm, bị giặc cướp đón vây, niệm Quan Thế Âm, bọn cướp đều lui tán. Nghĩa là lục căn như thương khách, gia nhân là lục dục của nó, đời là rừng nguy hiểm, các pháp ác quấy gian xảo của đời là giặc cướp đón vây. Niệm Quan Thế Âm là có niệm tưởng quán xét, thấy rõ sự thế tối tăm, dẫy đầy tiếng khổ, thế là người ấy giải thoát xuất gia xa lánh nó thì chúng nó cũng sẽ xa lánh lại người, không còn bén mảng rủ ren bao bọc.

Lại có người mắc tội hay bị oan là ưng lòng chấp sai việc tội của đời, muốn ở muốn làm, hay vì muốn đi tu mà bị sự thế buộc ràng ép bức, như bị oan, trăn cùm gông xiềng trói buộc là vợ vây con trói, việc thế buộc ràng. Bằng quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm là niệm tưởng đến pháp Quan Thế Âm, thì nhờ sức lực đó mà đặng sút ra rảnh khỏi, là sẽ đi xuất gia dứt bỏ đặng.

Gặp khi lửa cháy là trong lúc đang nóng giận, niệm tưởng Quan Thế Âm là quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm, tức thì tắt lửa là sẽ hết giận hờn.

Có người phải bị gươm đao cây gậy chém đâm đánh đập, là trong lúc bị sự đau đớn khổ sở như bị chém đập, niệm tưởng Quan Thế Âm là quán xét đến sự thế, tiếng khổ tối tăm, phát tâm từ bi trí huệ, là nhờ oai lực của

pháp ấy khiến cho được an vui trở lại, những sự làm cho đau khổ, như bị có người đánh đập sẽ bể gãy tan nát v.v… Tất cả những khổ nạn chi trong đời cũng thảy nhờ oai lực lý nghĩa của danh pháp Quan Thế Âm mà được thoát khỏi cả. Vì vậy mới xứng đáng gọi là Quan Thế Âm; chỉ là danh từ pháp lý của tiếng Quan Thế Âm mà oai lực còn như thế, huống chi người thật hành đúng thì quý báu biết dường nào. Và người nào mà hành theo danh pháp đó, ắt phải là có thần thông phương tiện, khéo hay sáng suốt lắm mới được.

Kìa như có một người nọ muốn cầu bậc Bích-chi, A-la-hán giáo hóa, thì vị Bồ-tát từ bi đó phải khéo dùng phương tiện mà gọi mình làm Bích-chi, A-la-hán, hành cho đúng như vậy để dạy họ nương theo.

Kìa như có kẻ muốn học hạnh vua trời vua người, thì bậc Bồ-tát trí huệ đó, phải đem mình thay thế, xưng gọi vua trời vua người mà dạy họ một lúc đầu, rồi lần lần sẽ đưa họ lên tới cảnh giới cao mới được.

Kìa như có ai muốn tu hạnh đồng nam đồng nữ thì vị pháp sư đó, phải dùng lời nói pháp biến ra hạnh đồng nam đồng nữ đặng dạy cho họ tu theo.

Ví như có kẻ muốn làm trưởng giả, đại thần, bá quan, thì bậc trí huệ đó phải đem pháp ấy mà dạy cho họ. Kẻ nào muốn tu hạnh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, là Khất sĩ nam nữ với cư sĩ nam nữ, là bậc từ bi ấy phải dùng thần thông phương tiện của lời nói mà chỉ dạy cho họ tu theo pháp đó, cho họ bước lần lên đến cảnh giới cao trên trong sạch, là chỗ mục đích có một, như trên chót mặt lầu hay trên mặt non đảnh núi, là chỗ đến có một rất nhỏ hẹp ở trong giữa cảnh bao la vô cực, thế mà chưn núi lại lớn to có đến muôn ngàn đường đi lên, từng bực nấc thang. Nếu những chúng sanh đó đang cố chấp ham muốn đi con đường nào, theo nấc thang nào để đến trên chót đảnh, là bậc hành theo pháp Quan Thế Âm phải hiện ra phương tiện của lời nói, như hiện thân ra trước mặt họ, cũng như đi trước để cho họ theo sau mà dắt lần bước lên từng nấc để đến với trên đảnh chót, chỗ một là Niết-bàn kia. Vì khi đến trên đó rồi là họ sẽ không còn thấy khác nhau phân biệt con đường tên gọi nữa, chư Phật, chư Tỳ-kheo cũng là thợ nghề, làm ruộng, mua bán, quan, vua, thần tiên, quỷ thú, a-la-hán, Bích-chi v.v… Ai gọi sao cũng được hết, các Ngài phương tiện nói mình là gì cũng được, các bậc thầy ấy lúc nào cũng dắt đầu, dẫn chúng sanh đi, đi lên tới

cõi tột cao Niết-bàn, và chỉ Niết-bàn cho họ biết là mục đích con đường của họ. Đó là sức thần thông quảng đại, trí phương tiện của pháp Quan Thế Âm Bồ-tát là y như thế, nên gọi là bậc đại từ bi, đại trí huệ.

Và nguyện lực của pháp lý Quan Thế Âm là có 12 điều để tế độ chúng sanh, giải cứu khổ nạn. Vậy những ai hành đúng danh từ Quan Thế Âm là sẽ như mình có phát ra 12 lời nguyện ấy. Vị ấy khi đã thấy có 12 nguyện Quan Thế Âm ở nơi mình, của mình rồi là bởi do sự có thật hành đúng theo phát nguyện, kẻ ấy bấy giờ sẽ có tên Quan Thế Âm Bồ-tát thiệt thọ, và y theo đó thật hành cho đến khi trí huệ đầy đủ đắc chơn như, thì người ta gọi là Quan Thế Âm Như Lai Thế Tôn Phật.

Như thế thì danh từ pháp lý Quan Thế Âm, giải thoát khất sĩ xuất gia, giáo hóa Bồ-tát, trí huệ từ bi, để đến thần thông phương tiện và nguyện lực là mục đích để đưa rước chúng sanh bước qua bờ giác giải thoát khất sĩ xuất gia, ai ai kẻ đã xuất gia thảy đều có phận sự y như vậy, đó là lời đức Phật dạy. Phổ Môn là mở cửa lòng từ bi, phổ tế giác ngộ chúng sanh. Còn Quan Thế Âm Bồ-tát là quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm mà bố thí pháp.

Chơn lý, triết lý, pháp lý của Phật, Ngài dạy lý Pháp Hoa cho bậc Bồ-tát Đại thừa là như thế. Quan Thế Âm Bồ-tát là giáo lý Pháp bảo, chớ không phải chỉ riêng một người, hoặc nam hay nữ. Thế mà đời sau lại có lắm sự hiểu lầm, ngỡ rằng là oan âm, như sự oan ức âm thầm nên mới bày ra sự tích oan âm Thị Kính ví dụ, cho nên người đời tín ngưỡng mà quên lẽ thật. Lại cũng có kẻ tưởng lầm hai chữ quang âm là sáng tối, ngày đêm, nhựt nguyệt theo câu nói thường là bóng quang âm thấm thoát, thêm có kẻ hiểu là âm dương nhị khí trong thân mình dung hợp là quang âm, họ tưởng như thế để tu luyện v.v… Ai muốn hiểu sao cũng được cả, nhưng mà đúng với sự thật Pháp bảo Đại thừa của Phật dạy là không phải chỉ riêng ai, hoặc xác thân mình hay ở ngoài chi cả.

Cũng không phải Quan Âm là sự quán xét soi sáng trong chỗ tối đâu, nếu giải theo ý riêng như vậy thì thiếu mất chữ "thế" nơi chính giữa, sái hẳn với ý Pháp Hoa của Phật, như thế thì còn gì là kinh pháp.

Lại cũng có người hiểu lầm, lời nói bóng của các nhà cư sĩ rằng rồi đây sẽ có nước lụt cao lên mười thước, chúng sanh chết hết, kẻ nào có tu hiền

thì bị chới với ngất ngư, khi đó có Phật bà Quan Thế Âm chèo ghe Bát-nhã qua vớt cứu, để sống sót trở lại lập đời mới, hoặc đem về xứ Phật dạy cho tu học. Lời nói ấy ám chỉ rằng rồi đây sẽ có chiến tranh, việc nước sẽ nâng cao tinh thần chiến đấu, sự thúc giục gia bức sẽ sôi nổi trào lên, lôi cuốn hấp dẫn tất cả chúng sanh, làm cho ai ai cũng phải chìm vào sâu trong việc nước, chết mất đạo đức lòng nhơn, tinh thần lẽ phải. Chỉ trừ ra có những kẻ tu hiền thì còn chút sống của đạo tâm, nhưng cũng phải bị chịu biết bao cơn sóng trào xô đẩy dằn vật, cũng vì cảnh khổ nạn không ánh sáng của đạo lý như tối đen trời đất đó; các nhà đạo đức từ tâm, giới hạnh hiền yếu như đàn bà, lòng thương chúng sanh như bà mẹ, quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm, nên ra đi bố thí pháp, đem ánh sáng soi chiếu cõi đời cho sáng ra trở lại. Trí huệ không lường của các Ngài là như tàu ghe không lường đáy (bát-nhã là trí huệ hay chơn trí), ghe ấy chỉ rước độ những kẻ còn sống có tâm hồn, là những người có đạo tâm chơn tu, chớ kẻ nào nặng nghiệp vì xác thân như chết, là trèo lên bước vào không đặng. Bởi là ghe không lường đáy hữu hình, hay cũng nói là trí huệ vô lượng, độ chứa kẻ thiện căn nhẹ nghiệp, chớ si mê thì không chở được. Những kẻ được tế độ giáo hóa ấy, họ sẽ được an tâm hết sợ, được sống trở lại tinh thần đầy đủ an vui, do nhờ các bậc đại trí huệ Bồ-tát dẫn đạo, cầm lái, gầy dựng cuộc đời đạo đức, mới mẻ thạnh hành, sáng tỏ trở lại, cho nên họ không còn bị bơ vơ dồi dập nữa. Bấy giờ họ sẽ sống trở lại cuộc đời đạo đức mới mẻ, làm cư sĩ tại gia hoặc đi xuất gia tu học, theo vào trong giáo hội của chư Bồ-tát cứu thế, là Quan Thế Âm đại từ đại bi trí huệ dõng mãnh hùng lực ấy.

Nước lụt lên cao mười thước là việc nước chiến tranh đến hồi loạn lạc, sự ác tà vấy cao tột điểm, thập ác đủ đầy, tâm địa loài người lúc bấy giờ ai cũng xưng là như cọp, cá, yêu, ma, đủ thứ, ít ai còn ưa thích muốn chịu giữ lòng nhơn là sự làm người nữa. Đó là câu chuyện Quan Thế Âm cầm lái chèo thuyền cứu thế độ đời trong mỗi thời kỳ, mỗi lúc, hễ đời suy là đạo thạnh, đạo suy là đời thạnh, tới lui xoay tròn mãi mãi như vậy.

Lại còn bức tượng Quan Thế Âm của mấy ông thợ vẽ từ xưa bên Tàu nghĩa lý như vầy: Cũng bởi có tích Thị Kính bày ra ví dụ nên mới có tượng Phật bà mặc áo trắng theo Tàu, hoặc vẽ tay bồng con, hoặc vẽ tay cầm bình tịnh, tay nắm nhành dương, ngồi trên gành núi Phổ Đà ở biển

Nam Hải, đầu đội lúp trắng, tóc vấn lên cao, có Long nữ đứng hầu bên bụi trúc, Thiện Tài chắp tay bị trói chầu trước mặt trên mé biển, chim đại bàng ngậm xâu chuỗi bay lên cao. Đó là ý của các ông thợ ấy muốn nói rằng: Bậc trí huệ từ bi là như bà mẹ, áo trắng là giới hạnh trong sạch như tiên nữ, cư sĩ, chư Thiên (chư Thiên mặc áo trắng, Phật mặc áo vàng). Tay bồng con là lòng từ bi không nỡ buông bỏ chúng sanh cho đành, nên việc làm là phải bảo bọc. Hoặc họ vẽ tay cầm bình tịnh, tay nắm nhành dương, là những việc làm vừa nắm giữ đạo tâm vừa hoằng dương giáo pháp, tự độ và độ tha. Ngồi trên gành núi Phổ Đà là an tọa trên ngôi Pháp bảo như ngồi hòn núi; Phổ Đà là phổ tế và Phật-đà, là pháp Phật phổ tế chúng sanh. Ở biển Nam Hải là trí rộng như biển, ở trong tâm phía sau. Đầu đội lúp trắng, nhục đảnh nổi cao, là trí cao tôn thờ báu chơn như giải thoát là Phật. Còn tóc là còn cư sĩ, đội lúp trắng là còn bị giáo pháp thiện lành của cư sĩ che đậy, nên chưa xuất gia, chưa lộ rõ báu giải thoát chơn như thật ra đặng. Quan Thế Âm Thị Kính đây tức là oan âm, oan ức âm thầm. Vì thợ vẽ hiểu lầm câu nói: "Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử", nên tưởng rằng Thị Kính là Quan Thế Âm tái hiện. Theo hình đây, bà Quan Âm là một cư sĩ hành đạo Bồ-tát, hay gọi là chư Thiên tiên nữ phát tâm Bồ-tát, chớ chưa phải bậc Bồ-tát thiệt thọ hay Phật. Sở dĩ người ta kêu gọi Phật bà đó là lời quá tôn tặng, có Long nữ đứng hầu bên bụi trúc, là ý đẹp cao bay hay còn chấp trước, còn lo việc hữu lậu cứu giúp xác thân.

Thiện Tài Đồng Tử là Hồng Hài Nhi con của Ngưu Ma Vương với La Sát. La Sát là trí tà hung gian xảo, Ngưu Ma Vương là tâm ác cứng to lỳ, Hồng Hài Nhi là chúng sanh con đỏ, hậu sanh, mới sanh sau nhỏ dại, sanh ra bởi giữa cảnh tâm trí ác tà của đời. Hồng Hài Nhi ăn thịt sống người ta là chúng sanh quen tánh uống máu, ăn thịt lẫn nhau, sát hại lẫn nhau; ở dưới đáy biển là ô nhiễm chìm sâu, tột đáy biển khổ của đời; bị Quan Thế Âm dùng dây hồng cẩm sách trói lại là giới luật điều răn trói; hai tay chắp lại là đức Bồ-tát đem giới luật điều răn truyền dạy, bảo phải chắp hai tay lại, giữ gìn năm giới và năm hạnh cho khít khao chặt chẽ. Thế là từ đó Hồng Hài Nhi, đứa con đỏ khát máu, đã trở nên tên gọi Thiện Tài Đồng Tử, là bỏ ác theo thiện, theo hầu nghe dạy, vượt lên trên mặt biển khổ, thấy gặp Pháp bảo như ánh sáng mặt trời.

Trên cao có chim đại bàng ngậm xâu chuỗi đợi chờ là Thiện Sĩ chồng của bà. Nghĩa là trên cao hơn bà là bậc thiện sĩ, trí thức thượng trí, như chim bay cao, đã giải thoát xuất gia, đắc Niết-bàn, là bậc tinh tấn khất sĩ bay cao hùng lực, như kẻ đàn anh, như người đi trước. Những bậc ấy cũng đang ngậm giữ bổn nguyện quý báu độ đời như xâu chuỗi, họ cũng nhả ngọc phun châu, bố thí pháp giáo hóa cho chúng sanh đặng vậy. Bà thì lo cứu thế. Ông thì lo độ đời. Tức là ông ở trên cao không trung, còn bà thì chỉ đang ở mặt biển khổ.

Ấy là hai pháp: Cư sĩ tập hạnh Bồ-tát với Khất sĩ Bồ-tát thiệt thọ là như nam và nữ. Đó cũng là ý hay khéo của các ông thợ vẽ pha trộn sự tích lý nghĩa trong kinh sách, chế biến bày ra cho dễ bề chiêm ngưỡng. Tuy không phải sự thật, nhưng những ai có đức tin cầu vái mơ vọng, mong cầu tư tưởng thì nhiều khi tinh thần của mình xuất hiện ra cũng thấy có y như vậy. Hoặc cũng có đôi khi, chư Thiên xung quanh vì thương xót mà chứng hiện cho để giúp đỡ cho người, hay hộ niệm cho người tin tưởng yếu ớt, nhỏ nhoi, thấp thỏi. Sự thật quả y như thế. Đức tin cũng giúp ích cho người kém trí được chút ít, nhưng chẳng quý bằng Pháp bảo đạo lý, chơn lý, triết lý, trí huệ. Kẻ nào thấu đạt được ý pháp của Phật, tôn thờ giáo lý để tự thật hành là quý báu ích lợi hay cao hơn hết.

Như thế thì danh từ Quan Thế Âm tức là pháp cứu khổ cứu nạn rồi, ai niệm tưởng quán xét trì giữ thật hành thì ắt sẽ đặng giải thoát cứu khổ nạn ngay, y theo đó thì sẽ cứu độ được mình và người. Chư Phật khi xưa thảy đều dạy y như vậy. Và trong kinh Đại Bi dạy người phát tâm đại bi Quan Thế Âm là chỉ bảo như thế. Mỗi ai cũng có thể là Quan Thế Âm là phải quán xét sự thế, tiếng khổ tối tăm; vì Quan Thế Âm là pháp thí Bồ-tát, mà chắc là ai cũng muốn làm Bồ-tát giải thoát xuất gia để đặng thành Phật.

Vậy thì ai ai cũng sẵn có Quan Thế Âm là tâm đại bi, tâm đại bi là Quan Thế Âm hết.

CHƠN LÝ 48

ĐẠI THÁI THỨC

Ông Mục-kiền-liên Tàu dịch là Đại Thái Thức, nghĩa là bậc thức trí rộng lớn. Ông Mục-kiền-liên Đại Thái Thức là vị đệ tử lớn của Phật, đắc nhiều phép thần thông bậc nhất. Khi ông vừa mới đắc được sáu phép thần thông là tâm thanh tịnh, nên mắt thấy xa, tai nghe xa, hiểu biết ý trong tâm người, xét suy được mạng số, chơn thần bay cao, ý đã an hòa diệt vọng. Ông dùng đạo nhãn xem khắp cả thế gian, tức là suy gẫm nơi pháp lý mà nhận rõ việc đời.

Thấy vong mẫu sanh trong đường ngạ quỷ là thấy chúng sanh sống trong sự tham lam dục vọng, tâm hồn đói khát; chúng sanh là mẹ của Phật, vì Phật do chúng sanh mà ra, đạo do đời mà ra; đời chúng sanh sanh ra đạo Phật. Chúng sanh ví như người buôn bán, sự tham vọng đói khát vốn không cùng tột, sống bằng thân xác, chết bỏ tinh thần, đem tâm hồn chôn sâu dưới hầm vật chất tứ đại địa ngục, để chịu sự đói khát, thích ham hành phạt, trong cõi vọng ảo huyễn ma, vô thường thay đổi quỷ quyệt. Ông liền đem bát cơm đến cho ăn là đem Pháp bảo của đạo bát chánh đến bố thí giáo hóa, để cho dứt sự đói tham khổ não. Nhờ ăn dùng được đạo lý quí báu mà no lòng mát dạ, Pháp bảo là như cơm, bát chánh đạo là như chén bát.

Bấy giờ bà mẹ tiếp lấy chén cơm, tay trái che quỷ sứ, tay mặt bốc cơm mà ăn là ưng lòng nghe pháp, nắm giữ hành theo, vừa cố ngăn che ý nghịch, vừa ráng thực hành tu tập, để cho tâm được sự no vui kết quả.

(Vì ở trong cõi ngạ quỷ không ăn uống chi được, mình mẩy ốm gầy, dơ dáy bẩn thỉu, khổ não bần thần là ở trong cảnh giới khát khao tham vọng của cõi lòng gian dối quỷ quyệt, người ta không bao giờ được kết quả, toại hưởng cái chi bền dài thỏa mãn vui sướng cả, tấm lòng càng ích kỷ ốm o là càng ác trược dơ bẩn, chỉ là mua chuốc lấy sự khổ não khó chịu vô ích mà thôi). Nhưng cơm lại hóa thành than lửa là Pháp bảo ấy rất khó ăn dùng, không hành theo được, bởi tánh tham ác đã quen, nên xem ra sự bố thí, nhẫn nhục, trì giới, thiền định khác nào như than lửa, không thể lặng yên, gìn giữ, nhịn nhường, không tiếc của, nên ăn dùng không được, khó nỗi tu theo pháp Phật. Mục-kiền-liên thấy vậy khóc òa lên là vị Đại Thái Thức ấy thấy vậy thương xót cảm động vội chạy về bạch với Phật y như vậy. Nghĩa là ông Đại Thái Thức bấy lâu còn tu tự độ, lo cho mình mới vừa xong rồi đắc quả A-la-hán, sau đó quán xét đến việc khổ của chúng sanh, mà phát tâm Bồ-tát đi giáo hóa tế độ. Ngài là bậc Bồ-tát sơ tâm, tân phát ý, nên thấy chúng sanh bị quen tội nghiệp lâu đời, khó nỗi tu hành theo đạo, để hưởng được sự yên vui khoái lạc như Ngài, nên Ngài rất thương xót về bạch Phật hay việc ấy. Đại Thái Thức đây cũng có thể ám chỉ tất cả những bậc đại trí thức, xuất gia khất sĩ giải thoát, tu hành mới vừa đắc quả lục thông của bậc Thinh Văn, Duyên Giác, khi bước lên đạo Bồ-tát lúc đầu là còn cố chấp và rất ngợ nghệch.

Khi ấy đức Phật dạy rằng: Mẹ ngươi gốc tội ác rất sâu, không phải một mình sức ngươi mà độ được. Nghĩa là chúng sanh đã quá từ lâu nhiều đời, lầm lũi đi vào nẻo ác rất sâu xa, quen tật chướng, không phải chỉ có một ông thầy giáo Bồ-tát Pháp sư, một giáo lý, một pháp môn, một phương tiện mà độ cho họ theo, quay đầu trở lại nẻo thiện lành trong sạch hết, vì là họ cũng không phải dễ gì mà xoay lưng trở lại được, khi đã quá trớn bị mắc kẹt bao vây, bởi thế sự quen tục. Vậy sẵn đây đến ngày Rằm tháng Bảy, chư Tăng tự tứ cho nhau, khắp nơi chư Tỳ-kheo: Thinh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, tu hành trì giới, thiền định, trí huệ, đều gom về đầy đủ, để xem xét kiểm điểm lại cho nhau. Ngày ấy cũng là ngày khánh hỷ trong đạo Phật, ngày lễ mỗi năm có một lần, là ngày tính tuổi đạo chúc thọ của Tăng, cũng là ngày sàng lọc chư Tăng trong giáo hội. Sau ba tháng mùa hạ đụt mưa ở chung với nhau,

chư Tăng gom về để bày tỏ việc đạo ở các nơi, và sự tu hành của các sư, để cho trong giáo hội chỉnh đốn, sắp đặt giới luật và cách hành đạo. Ngày ấy chư Tăng đều tự xưng sám hối hết tội lỗi của mình, và cũng là ngày mà tất cả đều hòa hiệp xóa bỏ hết tội lỗi chấp phiền nhau, bằng sự thuyết pháp cho nhau, pháp lý là nước mát trong sạch tắm rửa. Mỗi năm hội lại tắm rửa một lần, giáo hội đạo tràng như ao, Pháp bảo là nước cam lộ. Sẵn có ngày đại hội đó, vậy ngươi trước hết hãy cúng dường tất cả chư Tăng bằng năm thứ trái cây là thuyết pháp giáo hóa cho tất cả đắc được ngũ quả là: quả Nhập Lưu, quả Nhứt Vãng Lai, quả Bất Lai, quả A-la-hán Vô Sanh, quả Bích-chi Duyên Giác.

Sự thuyết pháp ấy tức là như cúng dường năm thứ quả đó, để cho chư Tăng chúng số đông tất cả, đều được hưởng dùng no đủ đạo quả như ngươi vậy. Và sau nữa là trăm món đồ ăn đủ mùi vị ngon lành, đem đãi cho các bậc ấy, để nhờ chư Thánh Tăng đó, dùng sức oai thần chú nguyện cho vong mẫu ngươi mới đặng. Nghĩa là sau khi Tăng chúng đã đắc quả Thánh đông nhiều rồi, là chừng đó ngươi hãy thuyết pháp thêm, như là sự cúng dường thêm, bằng cả trăm Pháp bảo, giáo lý hay ho, phương tiện đủ cả vị mùi của đạo Bồ-tát, để khuyến khích yêu cầu họ; tất cả sau khi đủ đầy trí huệ đắc pháp no vui là nên hãy phát tâm Bồ-tát, bước lên cao một nấc nữa, bằng sự chú ý vào chúng sanh, mà phát đại nguyện độ đời cả thảy; thì nhờ sức oai thần của số đông nhiều chư Bồ-tát ấy, chia ra khắp nơi, dùng đủ phương pháp trí huệ mới mong độ chúng sanh được hết tham, dứt khổ, giải thoát bước lần lên cao, thì trong tâm họ mới hưởng được Pháp bảo no đủ an vui lần lần. Quả nhiên sau đó ngài Đại Thái Thức y Phật dạy hành theo, khiến nên xứ Ấn Độ chẳng bao lâu chúng sanh đều được giác ngộ yên vui, biết tu hành nương theo pháp Phật, trong tâm no đủ khoái lạc, cao ráo, nhẹ nhàng, người người trong sạch thơm tho, tâm hồn như mập trắng đẹp tròn, không còn phải là xứ của ma đói xấu xa dơ tệ nữa. Xứ ấy trở nên thiên đường, lúc đó ấy là con đường bước lên cõi Phật là bởi nhân dân đều biết tu cư sĩ, diệt ác trừ tham, để tiến lần lên bậc giải thoát xuất gia, nên gọi là xứ thiên đường. Và chúng sanh là bà mẹ của Phật đã được sanh sống lên bước thiên đường, ấy là cảnh thiên đường hiện tại. Chư tiên và thiên đường đó được vững bền

là do sự biết qui y theo Tam bảo Phật Pháp Tăng. Ai ai cũng lấy đó làm mục đích, noi gương tập lần bước tới vậy.

Sau khi các việc giáo hóa ấy đã kết quả xong, ngài Đại Thái Thức bạch hỏi đức Phật rằng: Chẳng hay về sau, các chúng sanh cùng chư Bồ-tát muốn làm việc hiếu từ để báo đáp cho chúng sanh cha mẹ, mà việc hoằng pháp ấy được kết quả y như vầy chăng? Đức Phật đáp: Lành thay! Câu hỏi đó của Đại Thái Thức. Tất cả những chúng sanh trí thức sau này, nếu ai nhận xét thấy chúng sanh là bà mẹ tội lỗi ấy, biết mình là con có lòng tốt đẹp hiền lành, muốn tế độ họ là cũng sẽ được ngay theo ý nguyện rất dễ dàng. Kẻ ấy trước phải tự mình xuất gia, tu cho đắc quả Thánh tâm trong sạch đã. Kế đó phải giáo hóa chư Tăng cho đắc đạo y như mình, thì sau lại mới sẽ hành đạo Bồ-tát, biến lập thiên đường, phổ hóa khắp cả chúng sanh mới đặng. Những ai thật hành được như thế, ấy là công đức lớn hơn hết, sẽ trở nên bậc Bồ-tát lớn thiệt thọ và sẽ mau đắc quả Như Lai thành Phật. Còn những chúng sanh tội lỗi cha mẹ kia là những Cửu Huyền Thất Tổ lớp trên, hay con cháu lớp dưới, kẻ trước người sau, hằng sanh lẫn lộn nơi chung quanh, kẻ sống người chết, kẻ ác người thiện, thảy đặng gội nhuần mưa pháp, toại hưởng pháp thực, tiến hóa lên cao cả thảy. Đó là cách báo hiếu của chư Bồ-tát, lập thân hành đạo, để đạo đức mãi chung lại cho đời sau. Kinh Vu-lan-bồn đây, nghĩa là hội thuyết pháp cho Tăng, để đặng có kẻ giáo hóa độ đời, nên gọi là buổi tiệc giải cứu chúng sanh, Vu-lan-bồn vậy.

Quyển kinh Vu-lan-bồn là giáo lý của đức Như Lai, dạy cho chư Bồ-tát Pháp sư Đại thừa thượng thặng, chỉ có các bậc thượng trí ấy mới phải được việc làm nên gọi là kinh Đại thừa, lời của bậc Tổ dạy bảo các thầy, trước phải độ mình, kế dạy Tăng đệ tử, và sau lại sẽ chia ra khắp nơi đặng độ chúng sanh. Pháp lý, chơn lý, triết lý, bài này chỉ dạy như thế. Quả thật như vậy! Kinh là pháp lý, ý của Phật dạy. Người đọc kinh mà chẳng hiểu lý để thật hành theo thì có ích lợi chi đâu. Cũng vì lẽ đó mà đạo Phật sau này lại bày ra trò tuồng diễn lớp, như sự bóng chàng huyễn hoặc, trái ngược với đạo Phật, tội lỗi biết là bao! Chẳng hiểu đời nay những người cúng kiếng, học hiểu đạo lý thế nào mà lại bày ra sự làm chay, trai tăng, thí thực, lên giàn, hát bộ siêu vong… đủ thứ trò chơi. Trai tăng chẳng phải là tự lòng bá

tánh cúng dường cho Tăng, mà lại là do mấy ông tự sắp đặt bày ra, kêu gọi người ta gom lại cúng kiếng để đãi cơm dâng của cho mình, mới là tệ. Đó là nguyên nhân của sự kém giác ngộ pháp lý mà ra, bởi chẳng thông lý nên mới bày ra sự. Cũng như trống pháp, nhạc pháp, lầu nhà pháp, phướng cờ pháp, tiếp dẫn tế độ là bằng pháp lý lời nói, mà đời nay cái chi cũng bày ra sự thiệt hữu hình hữu vi cả, thì còn gì là pháp lý của Phật. Thế mới thật là hỡi ơi cho đạo Phật! Kìa như sự nhập hạ ẩn cư, trú đụt mùa mưa ba tháng của Phật và Tăng, khi xưa Phật và Tăng là khất sĩ du hành, không có một chỗ, các Ngài ở vườn rừng, xa chợ xóm, mùa mưa mắc nạn, đi ra đường không được, bởi đất bùn trơn trợt khó đi, y bát một bộ trong mình cũ rách, mắc mưa ướt thì chẳng có đồ thay, trợt té bể bát thì không có sắm lại, đạp trùng cỏ thì thương tâm, mưa dầm thì không đi được. Thế nên có người thí chủ từ tâm xin cúng dường trọn mùa hạ ba tháng, cho đến dứt mùa mưa, mỗi bữa đem cơm tới chỗ các Ngài cư trụ, hoặc ngày nào nắng tốt, các Ngài đi được là đi tới lãnh cơm. Trọn ba tháng hứa hẹn ấy, các Ngài không đi xa cách đêm, chẳng đi hành đạo xứ khác, trừ ra những khi có đại sự hoặc tai nạn, chỗ đó không thể ở yên được nữa. Khi ấy các sư gom lại số đông từng khóm, không chia đi tản lạc. Ở đó mỗi ngày các sư thuyết pháp dạy học tu chung với nhau, để xem xét cho nhau, vừa là dạy đạo cho bá tánh xứ đó. Ở đó, các sư chỉ có điều không đi xứ khác, chớ không phải nhập thất cấm phòng ở tù bị phạt trong thời gian nhứt định. Vì đối với đạo Phật giải thoát khất sĩ là lúc nào cũng giải thoát, mực trung phép tu thong thả chớ không bắt buộc phải thái quá bất cập, mỗi người sau khi giác ngộ là tự lo tu lấy, không ai áp bức ai cả. Mùa hạ đụt mưa, mỗi năm có một lần, ba tháng như vậy. Bằng khi nào mưa dầm nhiều ngày không có ai cúng dường là các sư chịu nhịn đói, chớ không có bày ra lễ kiết hạ, cùng những lễ cúng, kêu gọi bắt buộc, khuyến rủ người đem của đến dâng cho. Các Ngài mùa Đông, mùa Xuân, mùa Thu chia ra đi khất thực hành đạo lo tu và giáo hóa, chớ không có đụt ẩn trốn tránh chi nữa. Các Ngài chẳng có ở luôn luôn tại chùa cốc, cũng chẳng ở trong xóm chợ. Các Ngài chẳng có không đi khất thực, mà lại còn thêm bày sự nhập hạ. Và thay cho sự Tăng tự tứ, lại là cuộc làm chay hát bộ rùm beng đám tiệc. Đời nay cũng có lắm chỗ nơi, Tăng sư ở

gần đường sá sạch sẽ, không người cúng dường mà cũng không đi khất thực, ấy là trái lẽ vậy.

Người tu mà ở chỗ không thanh tịnh đã là có tội với đạo Phật rất nhiều rồi, vì làm mất tinh thần giáo lý, mất sự cao quý của đạo Phật, vắng lặng trong sạch, và chẳng đặng sự giữ giới luật cho mình, không biết đến sự nhập định cao quý. Nào đạo Phật giải thoát có phải như câu nói của người ta rằng: Đời là đạo Phật, cái chi thiện lành là đạo Phật đâu. Kìa như xưa, đức Phật tuy có dạy thiện cho cư sĩ việc đời, nhưng mà Ngài giữ lớp khất sĩ của Ngài, chớ nào Ngài đi làm cư sĩ theo như những việc của cư sĩ. Cư sĩ là nhơn đạo bước lên thiên đường học pháp Phật, chớ phải đâu cư sĩ là đạo Phật chánh định, lớp của Phật, tu theo được xuất gia như Phật.

Cả thảy bao nhiêu điều sai lạc ấy là bởi tại sự chưa thông pháp lý mà ra. Bởi tại thời kỳ quá xa đức Phật mà sự lầm chấp bên ngoài phải như vậy, chớ không phải lỗi tại nơi ai cả. Hoặc ra có lỗi, là lỗi tại thầy tổ, kẻ dẫn đạo đi trước mà thôi. Và cũng như là những kẻ đi đường. Trong thế gian có muôn triệu đường, muôn triệu người đi, mà trong ấy chỉ có một con đường Phật, chỉ có một đức Phật Thích-ca là may mắn hữu duyên đi trúng theo con đường ấy, gặp đến với chư Phật quá khứ đặng. Nên mặc dầu là không cần ai chỉ dạy, khởi đầu chỉ một bước chưn, và sau đó là cứ giữ một đường đi mãi, vừa đi vừa kinh nghiệm là kết quả được. Còn những chúng sanh muôn triệu, cũng đi khít kế một bên Ngài, giống tựa như Ngài, chỉ sai chừng một li tấc, thế mà về sau càng ngày càng xa khác với nhau, và sau rốt là họ quanh quẩn khổ não vô ích thất bại. Thế mới biết rằng sái một li tấc là xa ngàn dặm, con đường hạnh phúc ở trong đời là rất khó kiếm gặp, chỉ có những bậc hữu duyên lắm mới gặp được một con đường trong muôn triệu đường ấy thôi. Những bậc ấy may mắn được vậy thì sau đó họ nhứt định là chẳng bao lâu sẽ thành Phật đặng.

Như thế thì đạo Phật là pháp lý. Chúng ta hãy tìm hiểu pháp lý trí huệ quí báu nên hay mau lẹ, tấn hoá và ích lợi ấy, hay hơn cả sự học chữ rất nhiều. Cũng như này đây là một danh từ pháp lý, mà nào chúng ta đã từng tìm hiểu giác ngộ ra đâu?

CON NGẠ QUỶ

Trong kinh có nói những con ngạ quỷ thường ở nơi đống rác, chỗ tiêu hầm phẩn, đầu lớn to nhọn như hòn núi, bụng phình rộng như biển cả, hoặc đầu như cái thúng, bụng như cái trống, tay chơn như que củi khô gầy đét, mình mẩy ốm chỉ còn da bọc lấy xương, khắp mình sần sùi, nứt nở lở ghẻ, nước chảy ra hôi hám, ngón tay như dấu ó, chân cẳng tợ kềm đồng, cổ bằng sợi chỉ, miệng như lỗ kim, khắp mình lửa cháy đỏ rực, mỗi ngọn gió thổi qua như lửa đốt, hột mưa rớt xuống như bị lửa trúng văng. Gặp hầm phẩn mau mau chạy đến, phẩn hóa thành sắt khối, thấy vũng nước tiểu liền chạy lại, nước tiểu hóa khô khan, ngày như đêm, đêm như ngày mắt thấy ra tối đen và lửa cháy, tối ngày chạy mãi, chạy đến mỏi chân té quỵ, bò lết sảng mê, rồi đứng lên chạy nữa. Vừa chạy vừa té vừa la, tôi đói quá, tôi khát quá, tôi nóng quá, cả mình bứt rứt khó chịu bần thần, xương cốt lông da chuyển động, bụng kêu lên như kèn trống, mắt lồi ra như khu ốc, lại đỏ ngầu rướm máu, chảy xuống ròng ròng, răng mọc như cặp nanh, miệng đỏ như ống nhổ, mặt màu xanh tím, mắt có quầng đen, tóc dựng đứng đỏ hoe, khắp cả mình như một bộ xương khô khủng khiếp, đi đến đâu có vòng lửa bay theo, cát bụi phủ lấp, cả mình thúi hôi dơ dáy như hầm phẩn, khi hả miệng là độc khí đen cùng lửa đỏ bốc cuộn phừng ra, nó không bao giờ thấy ra, nhìn gặp được ai hết.

Lại có thứ quỷ mẫu sát tử là ngày đêm sanh ra năm bảy lần, năm bảy đứa con, mỗi lần sanh đau đớn chết đi sống lại, sanh hoài, sanh mãi, sanh rồi xé ăn, rồi sanh ra nữa. Nó chịu quả báo như thế, lâu hay mau tùy theo nghiệp nhơn đã tạo, thật là khổ sở vô cùng, không ai lại gần nó đặng, không ai cứu gỡ nó đặng, nó chịu bằng cả trăm ngàn năm như thế.

Con ngạ quỷ nghĩa là con tâm đói khát tham lam vọng ma quỷ quyệt. Thường ở nơi đống rác là ở nơi chỗ vật chất cặn bã lợi danh. Chỗ phân chất cho thân là như hầm chứa phẩn tiểu của tâm. Đầu lớn to nhọn như hòn núi là trí óc tự cao sạn sỏi nhọn độc, chất chứa sắt đá bạc vàng. Bụng phình rộng như biển cả là lòng tham lam vơ vét chứa để không cùng tột.

Hoặc đầu như cái thúng là mưu trí hốt vét của người ta. Bụng như cái trống là trống lỗng bao nhiêu chứa để cũng không vừa lòng, lại thường kêu

than như tiếng trống. Tay chơn như que củi gầy khô đét là việc làm cùng sự đi đứng đều là sự ích kỷ ốm o ác trược. Mình mẩy ốm chỉ da bọc lấy xương là sự bỏn xẻn rít róng hạ tiện. Khắp mình sần sùi, nứt nở, lở ghẻ, nước chảy ra hôi hám là ý muốn chẳng thiện lành kín đáo, xấu xa sần sượng, ý ấy hằng nứt nở hở lòi, túa ra sự nhơ nhớp gờm tởm. Ngón tay như dấu ó, chân cẳng tợ kềm đồng là mỗi cử chỉ việc làm như móc ruột người ta, chân cẳng thường chà xát giẫm đạp áp bức người. Cổ bằng sợi chỉ là sự chỉ có nuốt thâu vô mà không có nhả ra, như tóp teo lại. Miệng như lỗ kim là như miệng mũi hút máu, cướp sự sống của người ta và hay châm chích. Khắp mình lửa cháy đỏ rực là ý tham lam giận hờn. Mỗi ngọn gió thổi qua như lửa đốt, là lời lành khuyên bảo đối với nó, như xúi nó, thêm sự bào chữa tự đắc cố chấp tham dục thêm. Hột mưa rớt xuống như bị than lửa trúng văng là pháp lý đạo đức dạy dỗ, nó tưởng chừng như than lửa văng trúng nóng giận. Gặp phân ăn mau chạy đến, phân hóa thành sắt khối là thấy chỗ bán đồ ăn ngon, thì mau bước đến tìm ăn, nhưng gặp phải mỗi món đắt giá bạc tiền, vì bỏn xẻn rít róng hạ tiện nên ăn chẳng đặng, mà xem đó như sắt khối. Thấy chất uống liền chạy lại, chất hóa khô khan là ý muốn uống nước ngọt thơm nơi người bán, mà vì sợ tốn hao nên xem chừng chỗ đó như khô cạn. Ngày như đêm, đêm như ngày, mắt thấy ra tối đen và lửa cháy là dốt nát vô minh si mê, không lúc nào biết chi thiện ác, phải quấy, đạo đời, lý sự, trắng đen, lúc nào cũng là tối tăm, cố chấp giận hờn. Tối ngày chạy mãi đến mỏi chân té quỵ, bò lết, sảng mê, rồi đứng lên chạy nữa, là mãi mãi chạy nhảy đua bơi, vì tham mê dục vọng không yên ổn chút nào. Ngày cho đến đêm cũng như vậy, không lúc nào biết ngủ ngon nghỉ khỏe, cho đến giấc ngủ chỉ là sự sảng mê vì đuối sức ngủ quên, chớ không phải định tâm dốc lòng ngủ nghỉ.

Vừa chạy vừa té vừa la, tôi đói quá, tôi khát quá, tôi nóng quá là nó mảng chạy nhảy lo âu, vấp té tai nạn thất bại liền liền. Nó mãi than tôi nghèo túng quá, thiếu hụt quá, tôi thiếu ăn, tôi thiếu uống, nó mãi lo ăn mà ăn chẳng đặng, mãi lo uống mà uống chẳng đặng như kiếm mãi không ra. Nó than khổ mãi, nó bị sự ước vọng đốt nung hoài, nên tâm trí nóng bực lắm. Cả mình bứt rứt khó chịu bần thần, cả mình xương cốt lông da chuyển động,

bụng kêu lên như kèn trống là ý hay bứt rứt khó chịu bần thần. Nó thấy sự sống của nó không yên ổn chút nào, sự chứa đựng tích trữ lúc nào cũng đòi hỏi kêu gào than réo. Mắt lồi ra như khu ốc đỏ ngầu, rướm máu chảy xuống ròng ròng là sự dòm ngó lom lom từ vật, muốn ham nóng tiếc như rách mắt máu chảy. Răng mọc như cặp nanh là thường nhăn nanh múa vuốt, hăm dọa nghiến đay những kẻ hai bên. Miệng đỏ như ống nhổ là lời nói chứa đựng sự giận hờn tham lam dơ dáy, hằng phỉ ố người ta. Mặt màu xanh tím là sự không biết xấu hổ lỳ lợm. Mắt có quầng đen là mắt trí như bị thức đêm lo tìm mưu kế hung ác. Tóc dựng đỏ hoe là sự cang ngạnh bất kể, nóng nảy vô cùng. Khắp cả thân mình là một bộ xương da khủng khiếp là sự tự kỷ nhỏ nhoi cực điểm đáng ghê sợ. Đi đến đâu có vòng lửa bay theo là nó đến đâu thì có sự tai hại cho người ta đến đó. Cát bụi phủ lấp là vật chất bao đầy. Cả mình dơ dáy thúi hôi như hầm phẩn là trọn đời của nó ác trược dơ dáy xấu xa, danh lợi như hầm phẩn. Khi hả miệng là độc khí đen cùng lửa đỏ bốc cuộn phừng ra là mỗi lời nói thốt ra là tham sân si phừng túa. Nó không bao giờ thấy ra, nhìn gặp được ai hết là nào có suy nghĩ đến hoàn cảnh và thương xót ai đâu.

Lại có thứ quỷ mẫu sát tử là quỷ mẹ ăn thịt con, ngày đêm sanh ra năm bảy lần, năm bảy đứa con là những cái lòng tham ác độc tài, khi tỉnh thì dạy sanh đào tạo giúp nên cho kẻ khác, lúc mê lại trở lại làm hại, trong đời không muốn có ai được như mình, ở địa vị mình cả. Mỗi lúc nó làm khổ hại người khác luôn luôn, để có sự lợi ích vô cho nó. Mỗi lần sanh đau đớn chết đi sống lại, sanh hoài sanh mãi, sanh rồi xé ăn, rồi sanh ra nữa, là mỗi khi nó giúp đỡ ai là cắn răng như chịu chết lòng tham, nhưng sau đó người ta nên rồi là lòng tham của nó cũng sống lại như thường, phá hại người ta trở lại, mãi mãi như vậy, nó giúp đỡ người ta là để vụ lợi cho nó, nó làm ơn là để giết hại người ta cho đặng phần nó, nó không thương xót ai cả. Nó chịu quả báo như thế lâu hay mau tùy theo nghiệp nhơn đã tạo, thật là khổ sở vô cùng, không ai lại gần nó đặng, không ai cứu gỡ nó đặng. Nó chịu hằng cả trăm ngàn năm như thế, tức là đời này kiếp khác của nó mãi khổ sở vô ích tai hại như vậy, không ai cứu gỡ can khuyên, an ủi vỗ về chi nó đặng cả, nó không chịu làm quen chơi thân với kẻ hiền lương. Nó chịu khổ như thế lâu

hay mau là tùy theo nhơn nghiệp, chất chứa, tích trữ nơi thân khẩu ý của nó, tức là nó hành phạt lấy nó vậy.

Triết lý pháp giáo của Phật nói về con ngạ quỷ là con tâm vọng của chúng sanh như thế. Nó như kẻ trộm cướp ban đêm. Chỉ có những bậc Đại Thái Thức dùng đạo nhãn là mắt trí, xét xem nơi đạo lý, soi ra mới thấy nó. Nó tương đối cùng chư Phật. Phật thì yên vui tròn sáng. Ma thì rối khổ toàn mê. Nó là bà mẹ sanh ra các bậc Đại Thái Thức và chư Phật, mà chư Phật và Đại Thái Thức phải trốn tránh nó, để đi tu, đặng sau này trở lại cứu độ nó mới đặng. Chính nó là cái ác tâm tà tâm, tham lam hạ tiện của chúng ta đó. Chúng ta cần phải xa tránh nó như con chạy trốn mẹ, để lo tu sau này trở lại độ mẹ. Chúng ta là chơn tâm, là tâm cả thảy như nhau, là Phật có một; còn nó là vọng tâm, là tâm của chúng sanh ma như nhau, cũng có một thứ.

Có hiểu thấy biết nghe như thế, chúng ta mới chán nản ghê sợ mà cần tu, dầu ta có phỉ ố hạ mạt nó như thế, cũng không có chi là quá đáng, vì vọng tâm là ma quỷ báo hại ta và người tất cả, chớ có ích lợi quí hay gì đâu?

Pháp lý giác ngộ cảnh tỉnh này thật là đúng lắm, gương báu ích lợi nên hay vô cùng. Nó sẽ giúp ích biết bao nhiêu cho tinh thần nhân loại, sẽ được tiến triển lên cao, sẽ gầy tạo cõi đời cực lạc hạnh phúc trên nền hiện tại. Ngạ quỷ ấy là tâm vọng hiện tại. Đại Thái Thức là thượng trí thức cũng hiện tại. Mà đức Phật chơn như cũng là hiện tại, Tăng chúng đang tu để đến quả Phật cũng là hiện tại nữa, thảy đều có ở nơi tất cả, để cho chúng ta lựa chọn danh từ giáo lý hành vi. Thế thì danh từ Đại Thái Thức sẽ là một ánh sáng ngọn đèn, dẫn lộ cho chúng ta đi, và con ngạ quỷ kia sẽ là bức vách tường sau lưng cản hậu. Có hiểu nhớ như vậy, tức là chúng ta ai ai rồi cũng sẽ là Đại Thái Thức hết.

Đọc nghe nơi quyển này, chúng ta sẽ biết sợ con ngạ quỷ, con quỷ mẫu sát tử. Chúng ta sẽ gặp được bà mẹ chúng sanh của chúng ta, chúng ta sẽ hiểu được cách báo hiếu cầu siêu cho cha mẹ. Chúng ta sẽ trở nên vị Đại Thái Thức Mục-kiền-liên để đến với quả Phật. Chúng ta còn biết thêm được việc tự tứ Tăng, và sự nhập hạ của chư khất sĩ mà biết rõ được cách tu hành, bề trong của đạo Phật, thanh tịnh vô vi quí báu.

Hiểu được nơi pháp này, chắc chắn là kẻ sống người chết, ai ai cũng thảy đều được siêu độ vậy.

Ấy cũng bởi ngoài pháp giác ngộ ngạ quỷ này ra là không có pháp Đại Thái Thức thức tỉnh nào thứ hai, để cho chúng ta được siêu độ, vượt qua bến bờ kia nữa cả. Vì vậy mà quyển *Đại Thái Thức* này đối với chư Bồ-tát, cùng kẻ thức trí thế gian là quí báu hơn hết.

PHỤ THÊM

Vấn: Sao gọi là ma vương, quỷ vương?

Đáp: Ma vương là tâm dối giả, tâm vọng; quỷ nghĩa là ma vậy.

Vấn: Sao gọi là Diêm vương?

Đáp: Diêm vương là tâm nóng nảy cang trực.

Vấn: Sao gọi là Nhơn vương, Thiên vương, Pháp vương?

Đáp: Nhơn vương là tâm nhơn đức, nhơn từ, nhơn ái; Thiên vương là tâm thiện lành thanh cao quảng đại; Pháp vương là tâm pháp.

Vấn: Sao gọi là quỷ sứ?

Đáp: Quỷ sứ là ý dục lôi cuốn hấp dẫn.

Vấn: Sao gọi là quỷ vô thường?

Đáp: Quỷ vô thường là sự thay đổi dối giả không bền.

Vấn: Sao gọi là quỷ dạ-xoa, la-sát?

Đáp: Dạ-xoa là lòng tham lam.

Vấn: Sao gọi là ngưu đầu mã diện?

Đáp: Ngưu đầu là sự cứng đầu, cang ngạnh, hung ác. Mã diện là lỳ lợm, không biết xấu hổ, mặt dày mày dạn, chưng bẹo thả rong ngoài lộ.

Vấn: Sao gọi là yêu tinh?

Đáp: Yêu là tình yêu, tinh là thâu đoạt chất tinh.

Vấn: Sao gọi là chằn quái?

Đáp: Chằn là dị hợm, quái là quái lạ.

Vấn: Sao gọi là đao thương mổ xẻ?

Đáp: Đao là sự đau, thương là mũi thương; sự đau thương là như bị mổ xẻ, chém đâm vậy.

Vấn: Sao gọi là địa ngục?

Đáp: Sự ác trói buộc là địa ngục v.v…

Triết lý giảng giải không cùng.

Các danh từ ấy thảy đều là pháp lý hết.

CHƠN LÝ 49

ĐỊA TẠNG

I

Đức Phật Thích-ca khi xưa có nói: Thuở quá khứ có ra đời một vị Phật tên là Sư Tử Phấn Chấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, đủ cả 32 tướng tốt, 80 cách đẹp. Bấy giờ có con của một vị trưởng giả bạch hỏi Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, phải làm hạnh nguyện gì mới được tướng ấy? Phật đáp rằng: Muốn chứng thân này thì phải trải lâu đời, độ thoát tất cả chúng sanh thọ khổ. Khi ấy người con trưởng giả mới phát nguyện rằng: Nay tôi nguyện từ đây về sau mãi mãi cho tới vô số kiếp, chẳng có thể kể ra được, rộng mở đường phương tiện, độ cho chúng sanh tội khổ trong sáu đường, khiến cho họ được giải thoát tất cả, rồi tự thân tôi mới thành Phật sau.

Về sự tích này là để chỉ rõ ra rằng: Những ai muốn có đủ 32 tướng tốt, 80 cách đẹp của đức Như Lai thì phải tu hạnh cụ túc trọn đủ vạn hạnh, tinh tấn hùng lực sư tử phấn chấn. Người trưởng giả tức là người giàu lòng từ thiện, thiện lành sanh thức trí là con trí thức của nhà từ thiện, tầm tõi quán xét, tự hỏi han suy gẫm nơi pháp tu vạn hạnh trọn đủ tinh tấn hùng lực của chư Phật rằng: Phải tu làm sao mới chứng được sự tốt đẹp như chư Phật? Bấy giờ người giác ngộ ra rằng: Muốn được tướng tốt cách đẹp ấy là phải trải qua lâu đời độ thoát tất cả chúng sanh thọ khổ, chính trong phép tu tinh tấn hùng lực trọn đủ vạn hạnh để thành Phật là chỉ dạy y như vậy. Sau khi trí thức của nhà từ thiện, nhờ thấy rõ nơi pháp tu tinh tấn hùng lực trọn đủ

vạn hạnh của chư Phật mà được giác ngộ, nên liền nhận ra được bổn nguyện chánh lý của mình, là từ đây trở về sau, mãi mãi cho tới vô số kiếp, chẳng có thể kể ra được, nên phải rộng mở đường phương tiện độ cho chúng sanh tội khổ trong sáu đường, khiến cho họ giải thoát tất cả, rồi tự thân mình mới thành Phật sau được.

Đó là sự phát tâm đầu tiên của Ngài Địa Tạng Bồ-tát, hay cũng là nhà từ thiện được thức tỉnh, thoạt mới khởi lòng bồ-đề đại nguyện. Hay cũng có thể nói là thân thiện lành sanh thức trí mà phát khởi bi nguyện độ chúng sanh để mong cầu quả Phật về sau. Địa Tạng Bồ-tát nghĩa là đại nguyện của pháp tế độ chúng sanh, ấy là một danh từ pháp lý chỉ dạy như thế, chớ không phải riêng ai cả. Đức Phật Thích-ca dạy giáo lý thượng thặng Đại thừa cho bậc pháp sư Bồ-tát thượng trí, chỉ rõ pháp Địa Tạng Bồ-tát cho thấy biết hiểu nghe là như thế. Ai ai cũng là đắc tâm đại nguyện hoằng pháp Địa Tạng Vương Bồ-tát hết. Cả thảy chư Phật, chư Bồ-tát cũng đều là Địa Tạng độ hết chúng sanh, vì chưa độ hết chúng sanh thì chẳng bao giờ thành Phật, đắc Niết-bàn. Việc ấy có khác nào những chúng sanh trong tâm của mình mà mình chưa độ hết, trí huệ chưa đầy đủ, chưa giác ngộ hoàn toàn, thì làm sao đắc chơn như đặng. Thế mới biết rằng đại định Niết-bàn có ra do Bồ-tát trí huệ, Bồ-tát trí huệ là đại nguyện Địa Tạng đó.

Địa, nghĩa là cứng, dày, đựng chứa, rộng khắp.

Địa là nền tảng của tư cách con người.

Địa là nội bộ bản tâm của mình.

Nơi đây Địa là đại nguyện lực tế độ chúng sanh. Tạng là Pháp bảo Tam tạng, kinh luật luận gồm khắp. Vương là tâm vua chủ tể. Vậy thì Địa Tạng Vương tức là tâm nguyện của pháp, ai ai giác ngộ ra cũng thảy đều có cả. Đó là tâm nguyện của pháp, kẻ nào đắc pháp là có tâm nguyện ấy của mình, thì tức mình là Địa Tạng Vương hay là hóa thân của Địa Tạng, do pháp lý Địa Tạng biến hóa tạo sanh ra. Ai ai những chư Bồ-tát cũng nói thảy là hóa thân của Địa Tạng được, thân của Địa Tạng tức là việc làm theo nguyện pháp. Pháp là tế độ cả chúng sanh, nguyện pháp là không bao giờ nỡ bỏ chúng sanh, việc làm tốt đẹp của nguyện pháp tức là như thân Địa Tạng, là việc làm tinh tấn, hùng lực tu hành trọn đủ vạn hạnh, để thành Phật, như chư Phật.

Như thế nghĩa là thân của Địa Tạng tốt đẹp giống như thân của Sư Tử Phấn Chấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai vậy.

II

Lại vầy nữa, một kiếp kế sau đó của Địa Tạng.

Thuở xưa có một người con gái Bà-la-môn phước đức rất lớn. Mẹ nàng chết đọa vào ngục vô gián a-tỳ. Nàng bán hết nhà cửa đồ vật, mua sắm món cúng dường, đem đến trước chỗ thờ Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà cúng lạy, khóc lóc, nhìn trân cốt Phật, và vái nguyện cầu xin cho biết chỗ thác sanh của mẹ. Bỗng nghe trên không trung, đức Phật ứng tiếng dạy nàng, bảo về nhà ngồi niệm tưởng danh hiệu Phật thì sẽ liền biết được. Quả nhiên sau đó nàng trở về nhà tắm rửa sạch sẽ, ngồi niệm tưởng được một ngày một đêm, mơ màng thân mình tới một biển lớn, thấy chó sắt, rắn sắt đang hành phạt chúng sanh trồi hụp. Nàng gặp quỉ Vô Độc chỉ cho biết nghiệp hải và địa ngục trong núi Đại Thiết Vi. Còn bà mẹ của nàng đã được sanh lên cõi trời là do nhờ phước đức cúng dường của nàng, cho đến các tội nhơn trong địa ngục đó cũng được siêu thoát theo nữa. Liền đó nàng tỉnh dậy đến trước Phật mà phát nguyện rằng: Tôi nguyện cho hết các kiếp vị lai, hễ có chúng sanh nào mắc tội khổ thì tôi sẽ mở rộng đường phương tiện khiến cho họ giải thoát hết. Pháp lý này chỉ dạy rằng sau sự phát tâm của nhà từ thiện là sẽ trở nên nhà cư sĩ trí thức. Người cư sĩ trí thức ấy cũng như nàng con gái Bà-la-môn, bởi tâm còn yếu đuối đối với sự tu hành mới tập, bởi là cư sĩ nhơn thiên nên không khác gì giáo lý Bà-la-môn cả, nhưng nhờ thiện lành mà phước đức rất nhiều. Người cư sĩ trí thức như cô gái đó gặp phải lúc chúng sanh là như bà mẹ, chết mất tinh thần đạo đức lòng nhơn lẽ thiện. Họ như là kẻ chết tâm, chỉ còn xác thân chôn sâu trong giữa hầm lợi danh ác trược của đời vật chất. Tâm hồn của họ bị chôn nhốt trong xác thân địa ngục vật chất tứ đại để chịu sự hành phạt khổ sở của mỗi ngày đêm không gián đoạn.

Bấy giờ người dứt bỏ hết vật chất của cải lòng tham; người lo tu tìm học đạo pháp để đem đạo lý ấy hồi hướng, giáo hóa chúng sanh cho họ được giác ngộ pháp trí liên hoa, trong sạch giải thoát, không ô nhiễm, tâm định như chư Phật. Người rất khẩn cầu mong muốn, ngó ngay nơi pháp giác ngộ giải thoát không ô nhiễm tâm định của chư Phật, mà tìm hiểu coi tại sao chúng sanh

đọa lạc và sẽ đi về đâu, mà chẳng đặng như Phật. Thế là cũng như trong lúc ấy, người nhận nghe được tiếng nói của pháp giác ngộ, giải thoát thanh tịnh, tâm của chư Phật dạy bảo rằng: Ngươi hãy cố gắng quán xét tưởng niệm nơi pháp lý danh từ này mà thật hành, không giải đãi thì sẽ kinh nghiệm thấy rõ ra được.

Người bèn nhận rõ nghĩa lý, hạp lòng vui chịu, thích hợp hành theo. Quả nhiên trong một niệm tinh tấn tu hành, trong sạch, không tưởng quấy, người thấy người như được bay cao trên hơn thiên hạ. Người thấy ra cõi đời là biển khổ mênh mông, phiền não là sóng ba đào; sự tà nguỵ, sự cấu xé là chó sắt, rắn sắt (bởi nơi cái có có); tham sân si ý muốn của con người là quỉ Vô Độc, nó làm chủ cuốn lôi hành phạt. Tội nghiệp của người đời tích dồn như biển để tự mình chịu khổ phạt. Biển ấy là trí óc tội lỗi của con người, xác thân này là hòn núi là tứ đại nhốt vây, là lời nói việc làm chất chứa. Trong giữa nói làm nhốt vây ấy là địa ngục. Địa ngục là sự ác trói buộc. Trong đó có 18 địa ngục lớn (là sáu căn, sáu trần, sáu thức), 18 giới ác dục làm địa ngục. Lại có 500 địa ngục nhỏ là hàng trăm pháp mê muội của ngũ uẩn nhốt ngăn báo hại. Cùng vô số sự ác khổ, vô số sở chấp vô minh địa ngục nhỏ nữa, nói không cùng. Nhưng khi ấy, cái ý quỉ Vô Độc của họ chỉ bảo cho biết rằng: Nhờ phước đức tu hành vì chúng sanh để tế độ, của người cư sĩ trí thức ấy đối với pháp giác ngộ giải thoát trong sạch, tâm yên lặng như chư Phật, nên chúng sanh ở trong xứ đó sẽ được sự cảm hóa, ích lợi, siêu vượt lên cao thiên đường. Ấy là nhờ người giáo hóa dạy dỗ và để gương lành cho vậy. Khi ấy người cư sĩ thấy rõ kết quả việc làm của mình là chỉ đưa chúng sanh được lên tới cõi người trời trên cao, nhưng nơi đó họ cũng còn phải khổ và không vững chắc yên vui được, nên đối với pháp giác ngộ giải thoát trong sạch yên lặng tâm của chư Phật mà phát nguyện rằng: Tôi nguyện cho hết các kiếp vị lai, hễ có chúng sanh nào mắc tội khổ thì tôi sẽ rộng mở đường phương tiện, khiến cho họ giải thoát hết.

III

Tiếp đây, sự tích tiền thân thứ ba của ngài Địa Tạng. Đức Phật Thích-ca nói: Thuở trước có hai nhà vua nhân từ, hay làm những việc ích lợi lớn cho thiên hạ. Bấy giờ ở bên xứ láng giềng, dân chúng ác hung mê muội khổ sở.

Một ông vua phát nguyện rằng: Nguyện tôi thành Phật cho sớm đặng độ bọn ấy, khiến cho không còn sót một kẻ nào. Ông vua ấy về sau thành Phật hiệu là Nhứt Thiết Trí Thành Tựu Như Lai. Còn một ông vua kia lại nguyện: Nếu trước chẳng độ kẻ tội khổ khiến cho họ được yên vui, được tới cõi bồ-đề thì tôi chưa muốn thành Phật, vị vua này tức là Địa Tạng Bồ-tát. Triết lý này chỉ dạy rằng từ một người thiện nhơn phát nguyện độ chúng sanh để mong cầu quả Phật, nhờ vậy mà đến được làm cư sĩ trí thức, lại thêm phát nguyện độ giải thoát hết chúng sanh, nên đến đây người giải thoát xuất gia khất sĩ tiến bước lên cao, đi trước để dẫn đường cho chúng sanh. Người giải thoát xuất gia khất sĩ tức như là ông vua. Vua đây là sự tự chủ của bản tâm, là thong thả rảnh rang nhàn lạc, yên vui hạnh phúc, trong sạch cao thượng quí báu hơn hết. Nhưng đối với người xuất gia giải thoát là như có gặp đến hai sở chấp, hai nẻo đường, hai bổn nguyện, hai ông vua, hai cái tâm, hai pháp để làm Phật. Một pháp để thành tựu nhứt thiết trí, tự độ cho mình trước thành Phật, sau mới độ chúng sanh; pháp này là pháp của tất cả chư Phật đang hành xuôi thuận. Còn một pháp ngược nghịch tương đối là: Nguyện độ tất cả chúng sanh rồi mới thành Phật; pháp này là pháp của chư đại Bồ-tát, giữ hoài đại nguyện, nên kêu gọi là Địa Tạng. Tuy hai pháp tương đối, nhưng thật ra không có gì là khác nhau cả. Như Lai tức là đại Bồ-tát, đại Bồ-tát tức là Như Lai, đốc học là thầy giáo lão, thầy giáo lão là đốc học, vốn là một; nhưng mà kiến chấp của chúng sanh chẳng đồng, nên Phật mới bày ra hai tên như vậy. Chơn như tức là trí huệ, trí huệ tức là chơn như, vốn chẳng phải là hai, nó vẫn sẵn có nơi nhau, ai gọi sao cũng được. Vả lại, muốn thành Phật là phải độ chúng sanh, độ chúng sanh rồi mới thành Phật. Hai câu ấy đâu có gì khác. Hay như có người cố gắng giữ cái Phật của mình đặng làm gương độ người, còn một người quyết lo độ chúng sanh để đặng trau cái Phật của mình, hai pháp ấy cũng như nhau; cả thảy đều có ta có người, có người có ta trong đó cả.

Một phép trau dồi trí huệ Phật còn một phép trau dồi hạnh nguyện, pháp nào cũng có đủ nguyện trí, hay trí nguyện để đến được chơn như. Nhưng một pháp xưng là Như Lai còn một pháp gọi là Bồ-tát, hai pháp ấy vốn không hơn kém vậy. Vì pháp nào cũng phải độ hết chúng sanh trong tâm rồi mới thành Phật, chớ tâm chúng sanh còn thì đâu phải Phật. Còn chúng

sanh ngoài kia sanh ra mãi, nhơn duyên chẳng đầu đuôi, đâu có ai bao giờ độ hết. Chư Bồ-tát độ chúng sanh như ăn cơm, như làm việc, ăn hoài ăn mãi, no ngủ quên chẳng hay; làm hoài làm mãi, mệt ngủ quên chẳng biết. Các Ngài thành Phật, đắc Niết-bàn chơn như đại định cũng y như thế; nhờ nguyện lực trí huệ mà đến chơn như tự nhiên, như ngủ quên, quên mất tự lúc nào, đâu còn biết chi trí huệ và nguyện lực, hay chúng sanh gì. Thế mới biết rằng trí huệ và nguyện lực là như chiếc bè tạm, tấp đến bờ rồi là bè không còn có nữa; bè tức là đất, đất tức là bè; các Ngài đâu còn tính chấp sự lấy bỏ chi nó nữa. Khi trình độ con người đã đến Niết-bàn chơn như là nó đến bằng cách tự nhiên, há có ai cấm cản nó đặng sao? Nhưng tuy vị Bồ-tát đó đã thành Phật, nhập Niết-bàn rồi, chớ nguyện lực và trí huệ cũng vẫn còn mãi để lại đời sau cho người thay thế, ấy tức như là còn độ mãi mãi đó. Nghĩa là cái danh từ pháp lý đó, nó không bao giờ dứt mất, yên nghỉ cả. Về sau, những ai y pháp ấy thật hành kêu gọi là hóa thân Phật, hóa thân Bồ-tát. Như thế tức là vị Phật hay Bồ-tát ấy sống mãi, làm việc hoài bằng pháp lý danh từ đó vậy.

Thế mới biết rằng Pháp bảo của chư Như Lai dạy trao phương tiện trí huệ cho Bồ-tát là rộng rãi cao siêu lắm. Mỗi một danh từ, mỗi một pháp lý có thể biến hóa, chỉ ra thân hình trước mặt, cho thấy rõ hằng cả võ trụ, chư Phật, các pháp, chúng sanh, thế giới vạn vật. Thật là thần thông mầu diệu, Pháp bảo không lường, chúng sanh khó mà hiểu đặng ý pháp của chư Phật. Sự tích thứ ba này là chỉ rõ rằng: Nguyện lực sẽ dắt con người đi tới mãi, từ người thiện nhơn đến cư sĩ trí thức, đến được xuất gia giải thoát khất sĩ như vua, ở bến bờ bên nây còn chúng sanh mê muội tội lỗi là như ở bờ bên kia, xóm láng giềng. Khi đến Khất sĩ, tâm người lại gặp hai nẻo đi, hai sở chấp, hai cái tâm ấy đều tốt đẹp cả. Một cái làm Phật trước là nhứt thiết trí thành tựu rồi mới sẽ độ chúng sanh sau, còn một cái là giữ gìn bổn nguyện của pháp, nên kêu gọi là Bồ-tát Địa Tạng. Nhưng thật ra, Pháp bảo là có sẵn nhứt thiết trí thành tựu và bổn nguyện Địa Tạng tự nhiên nó có sẵn cả hai tên, chớ không có ai cố chấp chi cả. Tên nào cũng là Phật như nhau, nhưng đối với chúng sanh thì phải nói là hai để cho được mau tỏ ngộ.

IV

Kế đây là sự tích thứ tư như vầy: Xưa có nàng Quang Mục, đến ngày vía mẹ, cúng dường cho một vị A-la-hán và hỏi chỗ thác sanh của mẹ. Vị sư này nhập định thấy mẹ nàng ở nơi địa ngục, vì bởi tội giết hại rất nhiều và chửi mắng, lại ăn thịt rùa và trứng có đến số muôn ngàn. Ngài khuyên nàng niệm danh hiệu Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục và tô vẽ hình tượng Phật. Nàng làm theo, tối lại chiêm bao thấy Phật phán rằng: Mẹ ngươi sẽ sanh ở trong nhà ngươi, vừa lọt lòng biết đói lạnh và liền nói năng được. Quả nhiên sự thật có y như vậy, ba bữa sau mẹ nàng được sanh ra làm con của đứa tớ gái, nói rằng: Tuổi được 13 sẽ chết đọa địa ngục trở lại, và than cầu cứu với nàng, vì bởi tội khổ địa ngục nói không cùng. Nàng liền bạch lên hư không với Phật xin khỏi tội mẹ, mà phát nguyện rằng: Nếu mẹ tôi được xa lìa ba đường dữ và thân hèn hạ này, cho chí kiếp kiếp khỏi sanh thân đàn bà con gái nữa, thì tôi xin nguyện từ nay sắp về sau, đối trước Phật thệ nguyện cứu bạt các chúng sanh tội khổ tại các nơi có địa ngục và ba nẻo ác, ở các cõi thế giới trong trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, khiến cho họ lìa khỏi những nẻo ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; bọn người mắc tội báo ấy hết rồi, tôi mới thành Phật chánh giác sau.

Đoạn này chơn lý để chỉ thật rằng xưa kia những người có mắt sáng, biết rõ đạo lý là quý báu, mỗi khi nhắc đến cuộc đời tội lỗi của chúng sanh chết ngộp là rất xót thương cảm động. Cho nên những bậc trí huệ có mắt sáng là nàng Quang Mục ấy, hết lòng sùng bái tôn trọng những bậc giải thoát vô sanh, và mong cầu nghe các Ngài thuyết pháp dạy đạo, để cho được nhớ nghe hiểu pháp lý, mà biết được con đường chỗ ở của các chúng sanh tội lỗi chết bỏ tinh thần. Vì các bậc A-la-hán ấy, tâm đã nhập vào yên lặng nên xét thấy ra đạo lý, mà chỉ giải được danh từ lý nghĩa hành vi của họ vậy. Các Ngài hằng chỉ ra rằng: Cõi đời là địa ngục và chúng sanh là đang ở trong địa ngục để chịu tội lỗi, khổ phạt vô ích.

Ấy cũng vì mãi gây tội sát sanh, cừu oán dính dấp với nhau và hơn thua từ lời nói danh vọng, rồi trở lại áp chế người hiền, nuốt ăn lẽ phải, lấy ác làm hơn, chẳng biết kể đạo đức, sự phải quấy, thiện ác ra gì, khiến nên khổ mãi không còn đường ra được. Các Ngài hằng khuyên những bậc trí thức ấy, nên hãy hết lòng niệm tưởng, quán xét pháp trí huệ, thanh tịnh để hành

theo, để cho tâm đừng xao lãng giải đãi mê vọng. Hãy ráng mà trau dồi tô đắp tâm mình cho đúng y pháp lý danh từ ấy, thì tức nhiên sẽ đắc được pháp trí trong sạch là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục mà thành Phật. Chính trong pháp đó là tương đối với cõi đời, sẽ chỉ rõ chỗ sở chấp của chúng sanh tội lỗi cho hiện ra tất cả. Do nơi pháp lý trí huệ thanh tịnh ấy chỉ rõ ra rằng: Nhờ lòng mến đạo lo tu của những bậc sáng trí, cho nên cũng cảm hóa được kẻ dữ đôi phần, vì đối với trong nhà đạo đức của người lo tu thì ít lâu sau khi gặp cơn khổ nạn, họ sẽ tìm đến hưởng nhờ nương dựa, mặc dầu kẻ trí thức xem coi họ như bà mẹ, chớ hành vi tâm ác của họ là hèn hạ thấp thỏi nô lệ, không thể nào hạp chịu cảnh cao trên tốt đẹp, những việc lành phải thân cận theo như các người thiện lành hết được. Họ như những đứa con nhỏ, con của giáo lý nô tỳ thấp thỏi, đối với lẽ thiện trong nhà đạo. Nhưng mà họ cũng không chắc gì ở yên chỗ thiện mãi được lâu, vì ác tâm của họ đã quen, khó chừa bỏ đặng. Tánh hèn hạ ấy lớn lên, thế nào nó cũng sa ngã chết bỏ việc đạo lành mà sa vào nẻo ác địa ngục chịu khổ trở lại, khó bề sống yên trong nhà đạo. Cũng vì thấy sự khó tu đó, nên kẻ có mắt sáng Quang Mục thấy vậy không thể cầm lòng, lúc nào cũng hằng phát nguyện, tự nhớ lấy mình rằng: Nếu chúng sanh được xa lìa ba đường dữ, và những việc làm thấp thỏi ác trược này, cho chí kiếp kiếp được tu hành tinh tấn dõng mãnh, thì tôi nguyện từ đây sắp về sau, đối với pháp Phật thanh tịnh trí huệ, thệ nguyện cứu bạt các chúng sanh tội khổ tại nơi các chỗ có vật chất tứ đại địa ngục, và những chỗ có tham sân si ở các cõi thế giới, trong trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, khiến cho họ lìa bỏ những nẻo ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Bọn người mắc tội báo ấy hết rồi, tôi mới thành Phật chánh giác sau vậy. Đại nguyện này có sẵn nơi người giác ngộ, là bởi nơi sự than van kêu cứu của chúng sanh đang ở trong địa ngục khổ sở vô cùng, nên lòng từ bi của kẻ trí huệ bao giờ cũng vẫn sẵn có như thế, chớ chẳng phải có riêng một ai phát nguyện, nói ra chi cả.

Bài này cũng có thể kiến giải thêm rằng ý của đức Phật Thích-ca, Ngài muốn nói: Sự tầm sát của ta là nàng Quang Mục, pháp vô sanh là vị A-la-hán, trí huệ là Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục. Địa ngục là sắc thân tứ đại, bà mẹ là ý ác phàm tục, các chúng sanh là các pháp quyến thuộc của vọng tâm. Muốn cứu độ ý ác và những vọng tâm cho dứt được hèn hạ tội khổ là sự tầm

sát bao giờ cũng có bổn phận chấp chứa đại nguyện lớn lao, để độ chúng sanh trong mình cả thảy trước hết, thì mới mong thành Phật đặng. Chớ tự mình chỉ biết tôn sùng pháp vô sanh A-la-hán, và cung kính trau dồi pháp trí huệ trong sạch không, cũng là chưa đủ được. Như thế tức là đức Phật có ý bảo chúng ta rằng: Hãy tôn sùng quả vô sanh A-la-hán, phải cung kính tu hành pháp trí huệ thanh tịnh của Phật, và phải tầm sát cho thấy rõ bổn nguyện của pháp là tế độ tất cả chúng sanh của mình, và những chúng sanh ngoài kia nữa vậy. Ấy là trước phải xuất gia tu thành A-la-hán đã, và do nhờ pháp trí huệ thanh tịnh mới sẽ trở nên Bồ-tát, mà thấy ra đại nguyện, tức là thành Địa Tạng, vì Địa Tạng là nguyện của pháp. Nguyện của pháp có ra do pháp trí huệ trong sạch, tức là Địa Tạng có ra do nhờ đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục đó.

Trong kinh Địa Tạng có nói: Thuở xưa đức Phật thuyết pháp cho mẹ tại cung trời Đao Lợi. Khi ấy cả chư Phật và Bồ-tát khắp nơi đều tán thán công đức Ngài. Nghĩa là Ngài thuyết pháp nơi xứ của những cư sĩ thiện nhơn trí thức, vì thiện nhơn trí thức là bà mẹ sanh ra đạo giải thoát. Trong thời kỳ ấy, các bậc tu hành theo các danh pháp giáo lý khác, ai ai cũng tôn trọng Ngài cả, và hằng sai đệ tử tín đồ cho đến nghe pháp học thêm, tức là sai quyến thuộc đến viếng Ngài. Lúc đó Phật mỉm cười, phóng ra vô lượng hào quang, vô lượng âm thinh là Ngài hoan hỷ, nói ra vô lượng pháp lý ánh sáng khác nhau, và mỗi lời lẽ đều khác nhau. Cung trời Đao Lợi ấy tức là xứ thiện lành Ấn Độ, trong thời kỳ đó có vô số trời người thần quỉ tựu lại, là có đủ các hạng vua quan, dân dã, đủ nghề nghiệp, thiện ác, chánh tà, thảy đều có lòng mộ đạo, có hiện ở nơi hội thuyết pháp trong mấy chục năm của Phật. Lại có chư Bồ-tát hóa thân của Địa Tạng, hiện đến vô số kể. Phật bảo Văn Thù đếm thử, đếm không được, cho đến Phật cũng không đếm hết, nghĩa là đức Phật chỉ ra rằng: Tất cả các bậc phát tâm tu hành, nguyện theo ý pháp cứu độ chúng sanh thảy đều là do hai chữ Địa Tạng. Như thế tức họ là hóa thân của Địa Tạng, tất cả Bồ-tát đều là hóa thân Địa Tạng, là bởi đều có giữ nguyện pháp cả, dầu bậc đại trí Văn Thù hay viên trí của Phật cũng không làm sao đếm được những con số trội thêm lên mãi ấy. Vì lẽ hai chữ Địa Tạng hóa sanh độ thêm ra mãi mãi. Hai chữ ấy là sự tu hành gồm chứa đủ mười địa Bồ-tát, mười địa Duyên Giác, mười địa Thinh Văn, trải qua lâu đời, ai thọ trì tu theo là sẽ chứng được hạnh nguyện như vậy. Đó là lời Phật dạy đạo Bồ-tát cho

bậc đại trí Văn Thù.

Khi ấy Phật xoa đầu các hóa thân Địa Tạng, tức là lời chỉ giáo để vào trí não chư Bồ-tát những lời căn dặn phó chúc. Các hóa thân gom lại một hình, bạch xin Phật đừng lo là cả thảy chư Bồ-tát cũng đồng tâm như một, mà bạch xin với Phật đừng lo, bởi nguyện pháp của chúng tôi trì giữ sẽ sanh ra mãi, nối truyền hoài, để tế độ chúng sanh nơi địa ngục cõi đời, quyết không cho họ sa vào nẻo ác khổ. Dầu kẻ nào có duyên với Tam bảo một lời nói, một ý niệm, một việc làm nhỏ nhặt, chúng tôi cũng sẽ độ cho thoát khỏi tội khổ lần lần, cho đến khi ngài Di-lặc Từ Thị thành Phật, nối tiếp chánh pháp sau này; vì nếu chúng sanh còn, thì nguyện pháp chưa có bao giờ nghỉ được. Nguyện pháp là mãi ở nơi địa ngục theo sát với chúng sanh, nên người giữ nguyện pháp là quán xét biết rõ hết các nỗi khổ của chúng sanh, các danh từ của địa ngục, ở từ trong núi Đại Thiết Vi thân tứ đại. Cũng vì thế mà đức Phật, Ngài tán thán ca tụng khen ngợi pháp Địa Tạng, và ai ai nghe đến danh từ Địa Tạng là nguyện pháp độ chúng sanh, thì kẻ còn người mất, kẻ ác người thiện, thảy đều được phần cảm hóa giác ngộ, lợi ích tinh tấn cả; kẻ nào chết bỏ tinh thần mà khi nghe được nguyện pháp này, cũng tức liền giải thoát ngay được. Kẻ nào tinh thần mới chết lúc đầu, còn trong năm bảy tuần nhựt, mà được nghe danh từ nguyện pháp cùng có ai nhắc nhở đạo lý bố thí pháp cho họ thì họ cũng hưởng được ít nhiều một phần bảy sự giác ngộ ích lợi. Thế nên kẻ nào trì giữ danh từ Địa Tạng là nguyện của pháp, thì chẳng khác nào trì giữ tu theo cái danh hiệu của tất cả chư Phật, những kẻ ấy sẽ được giải thoát, và diệt hết tội nghiệp đặng. Những ai thấu hiểu lý nghĩa này là như thấy rõ ra có hình người trước mặt, như nghe rõ tên Địa Tạng nguyện pháp, thì được những sự lợi ích rất lớn về nẻo giải thoát Niết-bàn vô lậu, cao quý hơn tất cả những sự bố thí hữu lậu tầm thường, chính oai lực công đức của Địa Tạng nguyện pháp làm cho ai ai khi nghe đến, niệm tưởng đến, các tai nạn tội nghiệp khổ báo thảy đều tiêu tan hết, mà đặng lần lần giải thoát. Và các chư địa thần, quỉ vương, diêm la vương là các bậc vua, quan, làng xóm, ai ai cũng thảy phò trì ủng hộ cho người tu đó, và khen ngợi ca tụng công đức Địa Tạng pháp nguyện cả. Vì vậy nên đức Phật mới phổ quảng, Ngài mới đem lời nói ra giảng dạy, chỉ rõ nghĩa lý Địa Tạng và những địa ngục khổ sở

của chúng sanh cho chư thiện trí thức thấy nghe rõ rệt, và cũng đối với bậc tâm định giải thoát là sẽ hiểu biết rõ được chỗ yếu lý, vì sao Phật ân cần tán thán Địa Tạng nguyện pháp. Ngài tán thán và phó chúc nguyện của pháp ấy, tức là dạy đạo Bồ-tát cho chư đệ tử, tức là nói giữ đạo Phật về sau, mà cũng là sự tế độ cho tất cả chúng sanh mãi mãi, y như lúc có Ngài còn đang sống hiện tại vậy.

Tóm lại, Địa Tạng Vương cũng tức là danh từ của tấm lòng đại nguyện hoằng pháp, vì tâm nguyện từ bi là chúa tể cao quý hơn hết của chúng ta, của những người tu giác ngộ. Ai ai cũng có đại nguyện hoằng pháp Địa Tạng cả. Khắp cả võ trụ chúng sanh, ai ai cũng có sẵn tâm hột giống đại nguyện từ bi phổ tế chúng sanh hết.

Cũng vì thế, nên về sau này mới có ra bức tượng Địa Tạng, do tư tưởng trừu tượng của người Tàu vẽ ra, và ngôn luận ấy như vầy: Địa Tạng là phó đại sĩ, là các vị đại sĩ Tỳ-kheo đệ tử lớn của Phật, được nghe lời Phật phó chúc, rờ đầu. Ngài ở tại núi Cửu Hoa là ngôi vị cao trên cửu phẩm liên hoa pháp lý. Ngài cỡi con Thiện Thính chó trắng, là sự làm chủ thân xác thiện lành trong sạch như cỡi con vật, để giữ gìn đạo pháp đặng cứu độ cho chúng sanh, và tìm nghe sự khổ chúng sanh mà tế độ. Ngài cầm tích trượng là ý nói sự vân du giáo hóa du hành khắp nơi, để dòm ngó cho chúng sanh. Đệ tử Ngài, ông Đạo Minh là những kẻ xuất gia, tinh tấn hùng lực, đạo đức sáng láng, như người trẻ tuổi, và ông già Mẫn Công là những người cư sĩ tại gia, tu học yếu đuối, cần mẫn ra công như ông già. Ngài vớt vong ở nơi địa ngục là đại nguyện hằng ở mãi với chúng sanh trong vật chất tứ đại, để cứu vớt những kẻ chết mất tinh thần đạo lý, những tâm hồn đang bị đọa phạt trong vật chất tứ đại địa ngục. Đó là quyền giáo ví dụ.

Như thế thì kinh Địa Tạng là pháp giác ngộ chúng sanh và là Phật dạy trí huệ cho chư Bồ-tát, thật quí báu vô cùng! Triết lý luận giải không cùng, nhưng tạm hiểu sơ lược thế này, chắc là ai ai cũng nhận thấy, gặp đặng. Ngài Địa Tạng Vương là tâm đại nguyện hoằng pháp, và sẽ hiểu biết được pháp tu lớn lao lợi ích ấy. Có như vậy là cõi đời sau này mới ắt sẽ được trở nên xứ Phật, vì ai ai cũng là Địa Tạng.

Đọc nghe bài này, chúng ta sẽ nhận rõ ra được chơn thân của pháp. Mỗi

danh từ là mỗi pháp lý, mỗi pháp lý là mỗi giáo lý, mỗi vị Phật, chúng sanh, hay vạn vật. Pháp là lẽ chánh, giáo lý, tấn hóa, ích lợi. Pháp lý ấy là con đường giữa hai bờ lề mê tín, nên gọi là pháp chánh giác. Pháp ở giữa sự vật và thần linh. Pháp là chơn lý, triết lý, do sự vật và thần linh sanh ra. Nhưng pháp cũng sanh ra sự vật và thần linh; nó sanh ra bằng cách so sánh ví dụ trừu tượng, bằng lời nói để giác ngộ cho hai bờ lề mê tín đó; vì vậy mới kêu gọi là pháp, pháp là chánh giác của chư Phật

Hơn nữa, chúng ta lại còn nhận rõ được nguyện lực của pháp rộng lớn, sống mãi, sáng suốt, ích lợi, quí báu vô cùng, biến hóa vô tận. Mà đối với kẻ tu hành từng đẳng cấp là nguyện lực cũng tiến lên từng đẳng cấp, từ thấp tới cao, từ nhơ bẩn nhỏ hẹp đến sạch sẽ lớn lao, tùy theo trình độ. Nguyện lực ấy là Địa Tạng, là ngọn đèn sáng trước mặt, để dẫn con người đi tới. Còn địa ngục như tấm vách tường cản hậu sau lưng. Có giác ngộ như thế mới là được hiểu ý muốn lý nghĩa của Phật dạy, mà được tấn hóa lợi ích, siêu độ; rồi thì tự mình sẽ do đại nguyện Địa Tạng của mình, tiếp dẫn mình, thoát ra được địa ngục, đến được đắc pháp đạt nguyện, biến nhập thành Địa Tạng.

Vậy nên gọi Địa Tạng là pháp chúa tể, là vua của chúng sanh ở trong vô minh địa ngục, ai ai cũng phải khá nên biết tôn thờ đại nguyện Địa Tạng hết.

Địa Tạng cũng tức là nguyện lực bao gồm chở che khắp hết.

CHƠN LÝ 50

PHÁP HOA

Trong Diệu Pháp Liên Hoa kinh, phẩm Tựa đầu, có nói như vầy: Lúc ấy Phật Thích-ca nói kinh Vô Lượng Nghĩa cho thính chúng nghe. Sau đó Ngài nhập định, hào quang nơi khoảng giữa hai chơn mày phóng ra soi về hướng Đông, làm cho tất cả chúng hội đều xem thấy rõ các thế giới vạn vật và chúng sanh nơi phương ấy, từ cõi địa ngục cho đến thiên đường, cùng đến các chư Phật Thánh ở Niết-bàn, từ thấp tới cao, từ nhỏ tới lớn, đều hiện ra đủ cả trước mắt; làm cho ai nấy đều sửng sốt ngạc nhiên về phép lạ. Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc Từ Thị mới hỏi Bồ-tát Văn-thù, vì cớ chi Phật biến hiện như vậy. Ngài Văn-thù đáp: Ấy là Phật sắp nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà chư Phật xưa đã từng nói, và cũng có hiện ra điềm như thế.

Sở dĩ, tôi được biết là vì thuở đời quá khứ, cách nay rất xa không thể nghĩ xét, có ra đời đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh. Ngài có tám người con: Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bửu Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hướng Ý và Pháp Ý. Pháp Ý về sau thành Phật gọi là Nhiên Đăng. Thuở ấy, Ngài cũng có phóng hào quang y như vậy, Ngài nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ngài khởi sự nói về Bồ-tát Diệu Quang. Bấy giờ Bồ-tát Diệu Quang có 500 Bồ-tát đệ tử, trong đó có một vị Bồ-tát tên là Cầu Danh, vị này chỉ ưa thích danh vọng, lời khen ngợi, mà không có tu hành tinh tấn, và lại ít nhớ hay quên, kém trí hơn hết. Vị Bồ-tát Cầu Danh ấy tức là Từ Thị Di-lặc thuở trước đó, còn Diệu Quang Bồ-tát là tôi đây. Sau khi đức Phật ấy nhập Niết-bàn, thì Bồ-tát Đức Tạng sẽ thành Phật nối tiếp, còn tôi thì trì giữ kinh Pháp

Hoa đến ngày hôm nay, vì vậy nên tôi biết chắc rằng: Phật Ngài sắp sẽ giảng kinh Pháp Hoa cho chúng ta nghe đó. Hỡi Ngài Di-lặc! Pháp lý này là chỉ rõ rằng: Xưa Phật Thích-ca nói pháp rất nhiều, nghĩa lý vô lượng dạy cho các hàng Thinh Văn, Duyên Giác nhị thừa, làm cho chúng sanh tu hành đắc năm thứ quả: Nhập Lưu, Nhứt Vãng Lai, Bất Lai, Vô Sanh, Độc Giác, nhiều vô số kể.

Khi thấy họ căn cơ đã thuần thục, phiền não ác lụy đã trong sạch tự độ rồi, nên nay đức Phật ngưng sự nói pháp cỡ ấy lại. Ngài bắt đầu diễn ra pháp lý ánh sáng hào quang, nói về giáo lý trung đạo Đại thừa. Ngài soi vẹt chỉ rõ cõi đời là phương Đông, Ngài chỉ rõ lại cho tất cả kẻ tu đều thấy rằng nơi mặt đất tứ đại của những địa cầu thế giới trong võ trụ, đâu đâu cũng có đủ các hạng chúng sanh, từ nhỏ tới lớn, từ thấp tới cao, cho đến chư Phật Như Lai cùng tột. Chư Phật ấy, trước kia cũng là chúng sanh, từ nhỏ thấp tiến lần lên, chớ không phải ở đâu hiện ra cả, và ai ai cũng sẽ có thể được y như vậy. Trong khi Ngài soi rõ ánh sáng như thế, tức là Ngài muốn sắp nói về phương tiện thiện xảo của trí huệ chư Phật Như Lai. Những phương tiện thiện xảo ấy để dắt lần chúng sanh tiến lên từng bực, cho đến quả Phật Như Lai cùng tột; thế mà chúng sanh mỗi lúc lại mê muội, chấp ở đứng ngồi từng nấc một, không hiểu đặng mục đích chỗ đến của mình là sẽ bình đẳng y như chư Phật, nên không bao giờ dám ngó đến quả Phật; cho mình là hạng ngu dốt mãi, làm tôi tớ Phật hoài, dầu Phật có đem tất cả sở học của Phật trao dạy cho đi nữa, nó cũng chỉ biết có một việc học là để học, con là mãi làm việc của con thôi. Chúng nó vì đã mới vừa biết sợ cái tự cao của phàm tục, nên nơi đây chúng nó không còn dám ngó xa và thấy mình nữa. Chúng nó rất vừa lòng an nghỉ trong cảnh tôi tớ nô lệ thần quyền, tưởng chừng như Phật là bậc gì ở đâu hiện lại làm cha chúng. Chúng chỉ biết bảo thủ phận sự làm con vĩnh viễn, gần như đã biến thành vô dụng, chỉ lo ngủ nghỉ ăn chơi trong cảnh Niết-bàn, phương tiện thiện xảo tạm của trẻ con, mệt công cho Phật dạy dỗ. Chúng đã giỏi hay mà lại không chịu thay thế giúp ích lợi chi cho Phật, cho chúng sanh. Chúng nó quên trả ơn cho chúng sanh, quên rằng Phật vì thương tất cả chúng sanh nên mới dạy độ cho chúng nó. Chúng quên bổn phận là phải dìu dắt trở lại kẻ đàng sau, để đem mình làm thầy giáo, lần lần trở nên đốc học như Phật. Chúng nó quên rằng hôm nay mình đã lớn

khôn, đã hiền lành trong sạch giải thoát, có thể đi làm việc, được nên cho mình và ích lợi cho đời, cha mẹ đâu còn lo dạy cho hoài nuôi mãi, như lúc còn trẻ dại, ác quấy tội lỗi luân hồi khổ não. Thế mà còn lắm kẻ ỷ lại Phật, tự cao cho mình là đã đắc Niết-bàn trọn vẹn rồi, an nghỉ hoàn toàn, làm con Phật là đủ rồi, không cần học thêm, hoặc đi làm việc chi nữa cả. Ấy chỉ vì tánh ích kỷ nhỏ nhoi, độ lượng hẹp hòi, thấp thỏi, tội lỗi vô dụng, tham lam dung dưỡng quen tật, không dám lướt xông vào cõi đời để cứu vớt chúng sanh (khi mình được giải thoát), để cho được mau đắc thành quả Phật, y như chư Phật, đặng đền ơn Phật.

Khi ấy Di-lặc Từ Thị hỏi Văn-thù là những kẻ hiền từ chơn thật mà lại giải đãi tối tăm, mới hỏi bậc đại trí huệ Phật soi chỉ rõ cõi đời từ thấp tới cao như thế, là ý Ngài muốn sẽ nói thế nào? Bậc đại trí Văn-thù mới bảo rằng: Ý Phật, Ngài muốn nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là ngưng bỏ giáo lý Thinh Văn, Duyên Giác, lớp cỡ dưới. Ngài muốn dạy lớp trên mới, muốn dắt học trò dưới bước lên. Ngài sắp nói thật, Ngài sẽ chỉ rõ quả Phật Thế Tôn cho tất cả, Ngài sẽ trao quả tột quí ấy cho tất cả, mà chẳng ích kỷ độc tài; vì Ngài muốn cho ai ai cũng tự chủ, cũng là chúa tể võ trụ như Ngài. Ngài muốn chỉ rõ tấm lòng bình đẳng của Ngài, Ngài sẽ nói rõ những giáo lý dạy lớp nhỏ xưa nay là phương tiện, là thiện xảo, là chỗ ở tạm, chỗ nghỉ chưn tạm. Đó là pháp để tiến lên từng trình độ, chớ chưa phải rốt ráo; kẻ nào học xong nghỉ khỏe là phải nên đi tới nữa, đến được như Phật, cuối đường, mới sẽ nghỉ yên thiệt thọ. Ngài bảo rằng: Các ngươi còn phải trải qua không gian, thời gian vô hạn lượng, vô số kiếp tới nữa, mới sẽ lần lần được như Phật. Các ngươi đừng chán nản, đừng vội nghỉ chưn. Thời gian dài dặc có ai tránh khỏi đâu! Các ngươi hôm nay đã giải thoát, đã biết đạo cơ mà, thì bao lâu thì bao chớ có sao. Các ngươi chán nản cũng không xong, mà trông mong cũng chẳng đặng, các ngươi hãy vui với sự làm việc độ đời, thì rồi thời gian trải qua vô lượng kiếp cũng sẽ như nháy mắt, quả Phật như sẽ kề bên, các ngươi sẽ đâu có tuyệt vọng rằng: tôi không thế nào được trí huệ như Phật, mà lại giải đãi buông trôi trên đường tấn hóa, để phải trở nên chán nản vô dụng, chịu kém trí, thua sút người ta.

Liền đó, Văn-thù nói về đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh. Nhựt Nguyệt Đăng Minh là chơn lý võ trụ từ xưa. Từ xưa, tự hồi nào là vốn sẵn sáng rỡ

như đèn nhựt nguyệt, chơn lý ấy đâu có che khuất ai đâu. Thế mà chúng sanh, chẳng chịu ngó thấy, lại bị phủ che trong cái sáng rỡ chơn như ấy có gồm chứa sanh ra tám cái ý của chúng sanh: Từ hữu ý đến thiện ý, đến vô lượng ý, bửu ý, tăng ý, trừ nghi ý, hướng ý, đến pháp ý. Pháp ý là hiểu được ý pháp, tức thì tự nhiên sáng suốt như ngọn đèn cháy trong giữa võ trụ vô minh, là nhiên đăng mà thành Phật. Như thế nghĩa là từ hữu ý là có ý, biết xem xét cuộc đời, nên đến đặng ý thiện lành, từ thiện ý mới đắc lần sự học hiểu vô lượng, từ vô lượng ý mới giác ngộ đạo bảo, từ bửu ý sẽ đến giải thoát làm Tăng, có tăng ý tu hành đúng phép nên trừ dứt sự nghi ngờ, do dứt nghi ngờ trừ nghi ý sẽ được hướng ý là ý hồi hướng về sự giáo hóa chúng sanh. Nhờ hướng ý đó mới đặng ý pháp, đắc ý pháp là nhiên đăng thành Phật Như Lai vậy.

Lại nói về đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa. Ngài khởi sự nói về Diệu Quang Bồ-tát, tức là trong chơn lý sáng rỡ của võ trụ vốn sẵn hiển bày cái quả Phật cho tất cả, và chỉ rõ cách làm Phật cho mọi người, "ai hành đạo Bồ-tát là đắc quả Như Lai", cái pháp ấy là Diệu Quang, là diệu mầu sáng suốt, là pháp giáo Bồ-tát chiếu rọi khắp nơi. Như kìa, đời là một cái bửu tháp liên hoa, mặt đất chúng sanh là hồ sen quí báu, trong danh lợi dơ thúi của nước bùn là để nảy mọc cành sen. Chúng sanh trong đời là từ trong khổ sở tiến vượt lên cao, trần thế là nâng cao và sàng lọc, cái trong sạch, cái quả Phật, cái giác ngộ quí báu. Trần thế là bỏ đi cái không còn dụng được, cái quấy, cái nhỏ hẹp, mà là cõi tiến, cõi un đúc, tạo nên những hoa sen, những trí huệ Phật, các đức Phật. Võ trụ là một cái liên hoa tạng, trong cái đại liên hoa đài trang nghiêm ấy chứa ra cái pháp của thế giới làm cánh sen: mỗi vị Phật là một nhụy sen, đạo của các Ngài là tòa sen, chơn lý pháp bảo các Ngài là hột giống, cái pháp của thế giới ấy là Phật thừa, giáo lý Bồ-tát Đại thừa trung đạo, mỗi vị Bồ-tát là một hột tế bào của cánh sen, mỗi giáo lý như một lằn chỉ sọc, nhơn loại cũng như cọng cây, chư Thiên là lá mọc. Trần thế là cái đầm sen, cõi đời là cảnh đẹp, võ trụ là cái trang nghiêm trong sạch không ô nhiễm, là bà mẹ chỉ sanh ra, nuôi nấng những đấng toàn giác toàn năng mà thôi. Cái chơn lý ánh sáng của võ trụ ấy, tức là Bồ-tát Diệu Quang đó. Dưới Bồ-tát Diệu Quang là năm trăm đệ tử, là trăm họ lầm mê của trong năm đường nhỏ hẹp xấu thấp, nơi hai thừa. Chính

những kẻ ấy là chỉ mới được sự hiền từ chất phác, nhưng mà còn tối tăm mê muội, còn mong cầu danh vọng trong ánh sáng đạo mầu, mà chưa thấu tường pháp Phật. Kẻ ấy tức là Di-lặc Từ Thị biếng nhác, chẳng học, mau quên vậy! Và sau khi đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh nhập diệt, Ngài thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng sau sẽ thành Phật nối tiếp theo Ngài, nghĩa là đức hạnh của Pháp bảo Tam Tạng, sau này là sẽ thay thế cho chơn lý võ trụ, sẽ dắt chúng sanh đến với sự sáng suốt, chơn thật giác ngộ của võ trụ vậy. Cũng như cái chơn lý mà được nghỉ ngơi là sau này còn có đức hạnh của Pháp bảo Tam tạng. Ai người tu sau này đủ đức hạnh thật hành pháp tạng, tức là thành Phật, thay thế võ trụ chơn lý, vì pháp tạng tức là pháp của chơn lý chỉ ra những chúng sanh về sau, thì sẽ biết pháp tạng, chớ không còn biết được chơn lý nữa, bởi trình độ của chúng sanh rất tối mê đần độn, nên gọi là chơn lý tắt nghỉ. Đức Tạng ra đời ấy tức là Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh nhập Niết-bàn vậy.

Về phẩm thứ hai, đức Phật Thích-ca, Ngài khởi sự giảng giải kinh Pháp Hoa. Ngài kêu ông Xá-lợi-phất là bậc đại trí huệ, mà tỏ lời khen ngợi phương tiện thiện xảo của chư Phật. Ngài nói rằng: Mục đích của chư Phật ra đời, mục đích của chơn lý võ trụ, hóa sanh chúng sanh là để tạo trí huệ Phật cho tất cả, vì muốn cho tất cả đều thành Phật, ở một lớp Phật thừa, chớ không có thừa Thinh Văn, Duyên Giác gì tạm cả. Cũng như học trò sẽ là đốc học. Chúng nó sẽ phải tiến lên, con người phải lớn phải già, chỉ có ông đốc học, ông già mới thật gọi là có, chớ các lớp dưới là tạm, là trình độ phải bỏ qua, nên gọi là không. Về pháp lý này, đức Phật không còn phạt trị nữa, không còn thần quyền giai cấp nữa, vì đối với tất cả đều đã hiền lương trong sạch khá cao rồi. Nơi đây đức Phật sẽ mới thật hiện cái pháp bình đẳng được. Nơi đây Ngài muốn nói cõi đời là cái mặt bằng của gương sen. Võ trụ Pháp bảo là hoa sen trong sạch. Nơi đó chúng sanh sẽ sống chung nhau, dìu dắt chỉ bảo nhau như anh em, như một; cũng như các lỗ chưn lông trong một thân hình võ trụ. Ngài không muốn tự cao, chấp giữ quyền thế nữa. Ngài không muốn ai khen Ngài hết, Ngài cũng không muốn ai chê; vì hai cái ấy là gò cao trũng thấp, là cái nhơn bất bình đẳng chiến tranh, tội khổ ở trong đời, nó sẽ là một cái gương ác hại cho kẻ dại dột. Kẻ ấy, nó thấy người ta tự khen Ngài, rồi nó sẽ bắt chước tập nịnh hót, hoặc bắt

người ta bảo phải khen nó, tức là nó tạo sự ác khổ cho nó và tất cả. Cũng như có một người kia tự mình lạy Phật, trẻ nhỏ dốt nát thấy vậy bắt chước, nó sẽ lạy quỉ ma, hoặc bắt buộc người ta phải lạy nó. Khác nào một người nọ tôn trọng Phật, nên mới có một kẻ khác tôn trọng kẻ ác gian, hay kẻ ác gian nó bắt ép người ta tôn trọng. Giống như kìa một xã hội binh vực riêng loài người, bày luật pháp để binh vực cho một nhóm người hiền chẳng hạn. Bởi có cái binh vực riêng đó, có cái cai trị xử phạt đó, mới có kẻ mê muội hiểu lầm làm ra giặc cướp, cũng là để cai trị và xử phạt, hay là kẻ đem mình cho quỉ ma loài vật cai quản xử phạt, lại đối với Phật Trời cũng muốn Phật Trời cai trị xử phạt, hay là cai trị xử phạt Phật Trời trở lại.

Thế mới biết rằng có lợi là có hại, trong lợi có hại, trong hại có lợi. Kìa như có kẻ binh vực loài người mà giết loài người thì thật là vô lý quá. Cũng vì thế mà đức Phật dạy rằng: Chơn lý võ trụ đạo đức nào có bảo ta có ý, có tính, có nói, có làm v.v… Các cái ấy thảy đều là sái trật vô lý, tội lỗi cả; cũng như kinh Pháp Hoa này, Phật dạy Bồ-tát, A-la-hán, dắt lớp đại hiền thượng trí, chỉ ra mỗi người là Phật, thế mà trẻ con kia ác dại, nên tưởng lầm xưng mình là Phật, thì có phải là nó tự cao chịu chết hay chăng? Như thế Phật nói ra kinh ấy cũng có phước mà cũng có tội, có phước với bậc đại hiền, có tội với kẻ ác hung, vì một đàng do đó mà sống nên, còn một đàng do đó mà chết hư vậy. Như thế mới thấy rõ rằng: Đạo lý võ trụ là không có một niệm, một sở chấp, chỉ có những kẻ phải giác ngộ, và giác ngộ mà thôi. Cõi đời là để cho ta giác ngộ, rồi thì sao cũng được, sao cũng xong, sao là sao khi ấy tức là toàn giác, giải thoát trọn vẹn, cái giác ấy mới gọi là hột gạo cội. Kìa như loài thú, ta giết hại nó chăng, ta bênh vực nó chăng? Bởi ta giết hại nó nên mới có chiến tranh kia, bởi ta bênh vực nó nên mới có chiến tranh kia, như thế thì đâu có chi là phải được. Thế ấy mới thật là chướng nghiệt. Đời là một cõi vô trật tự, không bờ bến, chẳng kỷ luật, không có một lớp bực chi cả; chúng sanh chẳng có một hạng bậc đồng, tâm trí thân mạng chẳng ai giống nhau, tức là một cõi không phải để cho ta nói, làm, tưởng, nghĩ, lo được vậy. Kìa như vị vua trời, vua người, vua đất, các vị ấy bỏ đi tu mà cho rằng: Những việc ấy vô lý, vô lý thật, vì cai trị cũng ác mà không cai trị cũng ác. Các Ngài sợ nhứt là cái gương ác hại của mình để lại đời sau.

Một ông quan xử phạt người, hay không xử phạt người, thảy đều là có tội cả, mà còn để gương ác lại đời sau. Thế thì đời không phải là thương, hay cũng không phải là ghét, mà những việc làm, lời nói, ý niệm, việc lo nghĩ của con người là vô lý thật, mà sự thật thì đời là một cõi chỉ để giác ngộ chúng sanh mà thôi. Thế nên Phật không khi nào có nghĩ lo rằng: Ta phải giáo hóa chúng sanh hay không giáo hóa chúng sanh, vì hai lẽ ấy thảy đều là vô lý, sái đạo, có tội lỗi cả.

Vậy nên Phật mà có nói pháp là bởi tại chúng sanh người nghe, còn Phật mà không có nói pháp là cũng tại chúng sanh người nghe, chớ không phải tại Phật. Trong kinh Pháp Hoa đây, Phật mới tạm chỉ là chúng sanh sắp sẽ thành Phật. Đó cũng là lời phương tiện thiện xảo, lời úp mở còn dè dặt, chớ hiểu đúng ra trong câu nói ấy, hay như đúng lý võ trụ, thì đời đã là cõi Phật rồi, chúng sanh đã là chư Phật rồi, đó mới thật là chơn lý đạo đức vậy. Nhưng mà hỡi ơi, cũng vì câu nói đó mà cõi đời có nơi tan nát, hay chúng sanh lắm kẻ chết oan. Mà cũng là câu nói ấy, cõi đời có nơi Cực Lạc, chúng sanh lắm kẻ thành Phật. Có như vậy chúng ta mới thấy ra rằng chỉ một lời nói, một ý niệm, hay một việc làm, một nghĩ lo là hại cho biết bao nhiêu và lợi cho biết bao nhiêu; như thế nghĩa là kết quả tương đối, cũng vẫn bằng nhau; có nói làm tưởng nghĩ lo, hay không nói làm tưởng nghĩ lo, cũng vậy bằng nhau, như nhau, không khác chi nhau cả; một đàng thì mệt nhọc kể công vô lý, và một đàng lại nghỉ khỏe, cũng chẳng lý nghĩa gì. Nhưng mà giác ngộ là kẻ nghỉ khỏe và trang nghiêm kêu là Phật, còn đàng nọ kêu là chúng sanh. Hoặc giả có thể gọi là ai cũng chúng sanh hết, hay cõi đời là địa ngục hết cũng được. Cả thảy như nhau, bằng nhau mà thôi. Khi nào chúng ta không còn sở chấp là sẽ không còn có chi điên rối nữa hết. Đó mới thật gọi là Diệu Pháp Liên Hoa trang nghiêm vậy.

Con người chừng giác ngộ như thế mới được cái sống tùy duyên không còn kiêu mạn. Dầu người có đứng thiên về bên bờ lề để dắt dẫn chúng sanh đi nữa, đó cũng là tại cái ý muốn của chúng sanh ép buộc. Chớ đối với người thì chỉ là tự nhiên, không còn cố chấp cái có hay không của sự nói làm tưởng nghĩ lo nữa.

Đến đó tức là định, con người sẽ vào đại định, tức là cái định mãi mãi. Giải thoát cả đạo và đời, hai bên bờ lề: cặp mắt của người, lỗ tai của người, lỗ mũi của người, tay chân của người sẽ không còn chênh lệch thiên vị.

Nơi đây về quyển Diệu Pháp Liên Hoa kinh, cũng là pháp mà chúng sanh bậc cao mong muốn, nên Phật mới nói theo lòng họ, để chỉ bước con đường đi của họ. Thế nên, khi mở lời nói kinh ấy là đức Phật ngài kêu ông Xá-lợi-phất mà nói rằng: Cái diệu pháp nó ở ngoài cái lý trí phân biệt, nó không ở trong phạm vi của lý trí, nên phải có cái phương tiện của đức Phật mới thấu được nó. Ta phải dùng mọi phương tiện mới giảng giải rõ được, như giảng giải, chỉ dạy, diễn thuyết, so sánh, thí dụ, đủ cách ấy là chính vì muốn truyền cho chúng sanh sự thấy rõ biết cái trí huệ của Phật. Cho nên Phật mới hiện ra ở thế. Chỉ có một thừa của Phật là Phật thừa, chớ không có thừa nào khác cả. Nhưng vì tánh tình chí hướng, tánh chất lý tưởng của họ khác nhau, nên các Ngài sẽ phải dùng biết bao phương tiện nhơn duyên lý cớ mà làm cho họ tin và hiểu rõ ràng. Sau ấy Ngài thọ ký cho ông Xá-lợi-phất về sau thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai, ở tại thế giới tên là Ly Cấu, và Ngài thọ ký luôn cho tất cả các hạng Thinh Văn, Duyên Giác, bậc trời người, ai ai về sau cũng đắc thành Phật Như Lai cả.

Ngài lại chỉ ra nhiều ví dụ, so sánh. Ngài giải về sức tin, Ngài chỉ ra những cây dược thảo. Ngài nhắc về sự tu chuyên cần thuở trước của Ngài để hóa thành Phật. Ngài khen ngợi vị pháp sư. Ngài chỉ ra cái Phật là đa bửu quí báu ở trong Pháp bảo từ xưa đến nay không bao giờ hoại. Ngài cũng tỏ ra rằng dầu cho kẻ thù nghịch giết Phật như Đề-bà Đạt-đa kia cũng sẽ thành Phật Như Lai nữa.

Ngài khuyên chúng sanh nên hãy nắm giữ thật hành, mà giảng giải cái diệu pháp như Liên Hoa, nâng đỡ chúng sanh này. Ngài chỉ dạy cho cách làm bậc thầy, hành đạo phải ôn hòa. Ngài chỉ ra chư Bồ-tát xuất hiện ở khắp trong đời là do pháp này giáo hóa. Ngài lại nói rõ rằng là Ngài thành Phật đã từ lâu, chớ chẳng phải mới đây. Ngài chỉ ẩn mặt mỗi lúc mà gọi nhập Niết-bàn, chớ không có chi là Niết-bàn cả. Ngài phân biệt công đức quí báu của sự giác ngộ, hành theo diệu pháp này, cho đến Ngài khen tặng công đức người nghe pháp mà vui và công đức của vị pháp sư là quí báu vô cùng vô

tận. Ngài chỉ cho thấy hạnh Thường Bất Khinh Bồ-tát, hạnh Dược Vương Bồ-tát, hạnh Diệu Âm Bồ-tát, hạnh Quán Thế Âm Bồ-tát, hạnh Phổ Hiền Bồ-tát cho chúng sanh xem thấy đặng bắt chước noi gương. Ngài chỉ rõ sự tu hành tưởng đạo của vua Diệu Trang Nghiêm cho người ham mộ. Ngài dùng thần lực để tuyên truyền cái pháp, Ngài chúc trao cái pháp cho chư Bồ-tát. Cùng sau rốt những câu thần chú ủng hộ người tu, và đức Phổ Hiền hộ niệm. Ngài cố sức làm cho chúng sanh thấy rõ trí huệ của chư Phật, mà hiểu ra chơn lý võ trụ. Ngài dạy rằng người nắm giữ được Pháp Hoa:

1. Phải được chư Phật ủng hộ ban hành, tức là được nghe pháp, xem gương dạy dỗ.
2. Phải năng sanh nảy căn lành cội đức nơi mình, là cứu giúp tế độ chúng sanh.
3. Phải có lòng chánh định chắc quyết, không thối chí xao lãng.
4. Và người ấy phải nhận mình có quả Phật, vì muốn cứu vớt chúng sanh.

Như thế tức là Ngài vì ý muốn của chúng sanh mà bảo khuyên họ phải vững bụng, siêng năng, mà đi tới bên bờ kia. Ngài ban cho họ một cái hy vọng, một mục đích để cho họ cố gắng. Ngài đem họ lên lớp của bậc thầy để được sự giác ngộ nhiều hơn, và giúp đỡ chúng sanh cho mau giác ngộ; vì mục đích cao siêu ẩn kín của Ngài, là chỉ muốn cho chúng sanh giác ngộ, vì sự giác ngộ cho họ. Và Phật lại chỉ bến bờ kia, Ngài lại chỉ gương Ngài và gương chư Phật. Ngài khuyến khích, an ủi, vỗ về đủ cách, vì Ngài cho rằng chúng sanh không dễ gì giác ngộ, bởi tánh ác quấy lâu đời, Ngài nói chính Ngài cũng khó mà giác ngộ, phải chịu sự khổ như vậy mới mau giác ngộ, khó nhứt là sự giữ giới, tâm định trang nghiêm mực giữa. Chúng sanh không làm sao tránh được sự thái quá bất cập. Ngài cho rằng chúng sanh không làm sao mà định được, dầu họ có thức tỉnh chút ít, nhưng tâm của họ đã quen tật chướng, không sao giữ gìn chơn như được. Bởi biết vậy nên giáo lý của Ngài gọi là pháp, là phương tiện thiện xảo, là pháp để tập dạy trau tâm, vì sau sự giác ngộ là chỉ còn tâm định chơn như tự nhiên mà thôi. Như thế nghĩa là Diệu pháp là Liên Hoa là pháp trau tâm kinh nghiệm, là phương tiện thiện xảo để đưa đỡ chúng sanh lên lớp cao ráo sạch sẽ, tập lần cái tâm, giác ngộ cái trí, ủng hộ cho cái thân. Diệu Pháp Liên Hoa là một hoa sen,

một bánh xe pháp cỡ lớn, giáo lý của những bậc thầy, lợi ích cho bậc thầy, trong sạch cao trên, mà lại cũng có hại cho hạng trò bẩn dơ thấp dưới, vì kẻ thấp dơ mà lầm tưởng, là ắt chẳng có đường đi. Diệu Pháp Liên Hoa cũng là giáo lý không ta, không của ta, trong sạch không ô nhiễm; cũng là giáo lý mấy mươi năm của Phật, vì pháp nào cũng là trong sạch! Diệu Pháp Liên Hoa cũng là sự vui mừng hỷ lạc của chúng sanh, cũng là cái mỉm cười của Phật. Diệu Pháp Liên Hoa tức là chư Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, hay cũng gọi là con mắt giữa của chúng sanh nhìn ra trí huệ của chư Phật, mà biết nhận ra mình là Bồ-tát.

Diệu Pháp Liên Hoa cũng nói là tòa sen, bánh xe pháp của Phật trao chúng sanh ngồi cỡi để đặng bay lên lăn tới, hay là một võ trụ thế giới, xã hội, gia đình cực lạc; bởi hiểu nơi pháp tu ấy, con người sẽ không còn ai bẩn dơ thấp thỏi nhỏ nhoi, hẹp hòi tư kỷ nữa cả. Vì vậy nên gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, ai ai cũng sẵn có cái trí huệ của Phật ở nơi mình, là Diệu Pháp Liên Hoa.

Quyển Diệu Pháp Liên Hoa, toàn bộ 28 phẩm, tức là 28 bài triết lý đúng đắn, mà nơi quyển này không quá 20 trương, không sao diễn tả hết ra được; nhưng có hiểu ra pháp lý của phẩm đầu và phẩm Phương tiện, là chúng ta cũng sẽ thấy rõ ra được chơn lý, ý pháp của Phật, vì chúng sanh. Ngài đem một cái chấp để đánh trừ một cái chấp cũng là hay diệu. Ấy cũng bởi Ngài đã biết rõ cái tham muốn của chúng sanh từ thấp tới cao tất cả, cho nên Ngài dạy không bỏ bậc nào.

Có hiểu như thế rồi thì chúng ta tự ai mỗi người hãy tự nghe xem, tìm giác ngộ, nghĩa, lý, ý của 26 phẩm kia thêm, vì các phẩm kia là phụ thuộc. Muốn hiểu một cách rõ rệt hơn, vậy chúng ta ai ai cũng hãy tự đặt mình vào trong hoàn cảnh của đức Phật xưa, là tất sẽ hiểu ngay ra rõ rệt.

Nói tóm lại, quyển Diệu Pháp Liên Hoa yếu lý này chỉ nói rõ cái đại cương của Pháp Hoa mà thôi.

Diệu Pháp Liên Hoa mà đức Phật, Ngài nói ra đây là ý Ngài muốn chỉ rõ sự bình đẳng, sự bằng thẳng trong sạch của đời. Đời là một cái mặt hoa sen, nâng đỡ chứa đựng tất cả chúng sanh ngồi trên; nó không cho ai tham lam, cố chấp, nhiễm ô bùn bụi. Diệu Pháp Liên Hoa là một pháp kinh nghiệm rất đúng chơn lý, nó sẽ trừ dứt được tất cả gốc nguồn tham vọng cho chúng

sanh mê muội. Nơi đó đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy rằng: Phật là sự giác ngộ, giác ngộ là chơn như chánh định tự nhiên, không còn sở chấp, vọng tham nữa. Cũng như một tiếng Phật mà có nơi người cố chấp tự xưng, hay có nơi người tôn trọng đi nữa, cái tiếng ấy cũng là ác quấy tội lỗi, vì biết bao kẻ sẽ lạm dụng tự xưng, biết bao kẻ sẽ quên mình mà đi lạy thờ yêu quỷ. Cho đến cái tiếng vua quan mà có, thì cái kết quả tai hại cũng sẽ không vừa. Cái tiếng ấy sẽ giết biết bao thiên hạ, vì những kẻ sẽ xưng vua quan, hay vì sự phò tôn vua quan mà chết. Mỗi tiếng nói, tên gọi, một việc làm, mỗi ý niệm, thảy đều là tội lỗi bất công cả, vì nó là sự thấp cao, có lợi mà cũng có hại bằng nhau. Những sự lo nghĩ cũng y như vậy. Kìa như một cái ý muốn sanh con, vì tiếng sanh mà biết bao nhiêu kẻ tìm chết để đặng sanh, vì tiếng sanh mà giết hại thiên hạ, nhiều kẻ bắt chước ham sanh mà phải chết. Bởi có tiếng con nên mới lắm kẻ làm con ma quỷ, lắm kẻ xưng cha, lắm kẻ vì con mà chết khổ, ấy là vô lý thật.

Hiểu được nơi Diệu Pháp Liên Hoa, chúng ta sẽ khỏa bằng tất cả, đến như đời và đạo, Phật với chúng sanh cũng không còn có được, cái trí của ta sẽ không còn ở nơi trụ chấp bên lề, thì cái giác chơn mới thành tựu. Tỏ ngộ nơi pháp ấy, chúng ta sẽ đắc được phép thiền định tương đối chánh giác tối cao. Ấy như là từ cái ác đến cái thiện, hay như lẽ có và lẽ không, nó đã là tương đối của đời rồi, thế mà cái trung đạo lại cũng là tương đối với hai pháp ấy nữa. Cũng như Phật Niết-bàn, trung đạo, là tương đối bến bờ bên kia của thiên đường, địa ngục. Có hiểu vậy rồi thì trí ta sẽ bỏ luôn cả trung đạo, Phật Niết-bàn tương đối ấy nữa, mà định tâm về chỗ giác tương đối, tức là sẽ tự nhiên không sở trụ, ấy mới gọi là không còn chỗ đến. Bậc hết tu hết học là bậc mà đến đây, đời đạo đã công bằng, tâm đã giải thoát chánh định, chơn như hoàn toàn. Ấy mới xứng đáng gọi là Phật, kẻ ấy mới phải thật là Phật quá khứ, đã thành Phật từ xưa, từ xưa tái sanh trở lại, vì kẻ ấy đã không còn nghi ngờ gì rằng: mình không phải là Phật, hay cõi đời không phải là cõi Phật nữa.

Sự giác ngộ như thế tức là con mắt đi trước một thước, cái chân tiếp nối theo sau, trí người giải thoát vượt qua khỏi cả cái tiếng đạo, tiếng Phật thì tâm người mới trụ yên đặng chỗ Phật, chỗ đạo vậy. Chính cái pháp giác ngộ

tối cao xa lìa trong đạo, cái Phật ấy mới gọi là Như Lai, là chỗ đến của Diệu Pháp Liên Hoa kinh đó. Có thấu đáo như vậy, chúng ta ai ai cũng sẽ thấy rõ ra mình là đang ngồi tòa sen, phóng hào quang, và đang cầm nắm hoa sen diệu pháp; chơn lý chỉ đúng y như vậy. Sự thấy rõ trí huệ Phật ấy mới gọi là con mắt Liên Hoa Diệu Pháp kinh nghiệm.

Có thấy rõ như thế, chúng ta mới biết rằng ai ai cũng là Như Lai tử, hay Bồ-tát cả. Vì cái Như Lai là không còn trong tiếng Phật, không còn vô lượng vô biên ức kiếp lần hầu hạ, nô lệ cho cái tiếng Phật nữa vậy. Thế nên, đức Phật mới nói kẻ bậc thấp chấp mê không bao giờ giác ngộ, còn phải trải qua vô số kiếp lần hầu hạ chư Phật, cái tiếng Phật nữa, mới đặng giải thoát vượt qua tỏ ngộ, đắc Như Lai đặng.

Đó tức là con mắt giữa của Phật phóng hào quang, và do nhờ đó mà ai ai cũng đặng gặp kinh Diệu Pháp Liên Hoa hết.

CHƠN LÝ 51

THỜ PHƯỢNG

Khi xưa tại xứ Ấn Độ, thuở Phật sanh tiền, Phật và Tăng là bậc giải thoát tu chơn nên không có thờ phượng. Các Ngài không có bày ra sự thờ phượng bên ngoài, cùng các nghi lễ cúng kiến phức tạp, các Ngài chỉ quí trọng tư tưởng giáo lý. Còn đối với các hàng cư gia hữu lậu tội lỗi thì còn ham mộ đức tin, việc thiện chút ít nơi hình thức, như là tạo xây cốt tượng, cất lập chùa tháp, lễ bái cúng dường, đi viếng các nơi kỷ niệm quan trọng của Phật v.v… Nhưng điều quí trọng hơn hết của cư sĩ là sự học nghe Pháp bảo.

Lại cũng như vua A-dục xây lập ra vô số những tháp để thờ cốt tượng Phật, hoặc thờ món vật dụng dấu tích, thờ xá lợi tro tàn, cùng thờ Pháp bảo sách kinh của Phật tại các ngã ba, ngã tư đường đi, trên cao chót vót, mà bụi bặm, lời thô, việc ác trược của thế gian không hề bám tới. Vì đối với đạo Phật là Pháp bảo chung của tất cả chúng sanh, nên những kẻ đã biết đạo rồi là không bao giờ ai dám giữ lòng tư riêng ích kỷ trái ngược. Người ta cũng không dám thờ cốt tượng Phật tại nhà, mà cho rằng đó là một sự sái pháp luật của đạo, của lời Phật dạy, của sự giác ngộ tiến hóa cho cư sĩ. Người cư sĩ thuở xưa thờ phượng chư Phật Thánh là bằng đức tin tư tưởng và bằng giáo lý trí huệ. Vì hai lẽ thờ quí báu ích lợi ấy mà cư gia kính trọng lắm, chẳng bao giờ dám để tại trong nhà, là chỗ đi qua lại dể duôi cùng sự ăn ngủ khít bên, hay nói làm thế sự vô lễ.

Như người ta nhận thấy ra rằng Phật và Tăng là bậc đã giải thoát xuất gia thanh tịnh, không thế nào ở trong nhà thế một ngày hay đêm. Bởi tâm của

các Ngài đã quen sự yên lặng trầm mặc, các Ngài chẳng còn thấy nghe việc đời, tâm ấy như đã khắc kỵ tương đối với cõi đời, các Ngài đã xuất gia rồi thì đâu còn nhập gia luân hồi trở lại. Vả lại cũng không ai cư sĩ mà dám ép buộc cầm mời các Ngài để đặng phá hại đạo Phật. Đành rằng khi xưa cũng có lắm kẻ cư gia, vì sự mến mộ Tăng hoặc Ni thái quá, lắm kẻ muốn rước thỉnh Tăng hay Ni vào ở luôn trong nhà của mình, kẻ ấy tính ngăn ra một căn nhà để làm phòng cho các Tăng hoặc Ni ở đó với cư gia, khác nào là sự cầm tù nhốt trói các Ngài lại, để đặng làm tội phạt khổ các Ngài không cho tu học. Những kẻ ấy cũng là vọng tâm lành thái quá, mà không hay sự tội lỗi về sau. Muốn được riêng ích kỷ cho phần mình, hoặc mình sẽ được phước cúng dường riêng, không muốn cho Tăng hoặc Ni đi khất thực chia phước chung cho tất cả hay cũng là một mình muốn cho Tăng Ni ở chung gần khít một bên, để nhắc nhở tâm mình mỗi ngày, cùng dạy học tu cho một mình mình.

Những lúc ấy chư sư thường dạy bảo cho rằng: Vẫn hay tấm lòng mộ đạo mến tu được đến thế là rất ít có, tốt đẹp báu quí lắm. Nhưng mà cái chi thái quá là sẽ có sự bất cập rất gần. Hễ ăn no là cái chi cũng nhàm chán chẳng còn biết ngon. Các Ngài bảo rằng: Phật Tăng vốn không khi nào ở trong chỗ thế, kìa chư Phật Tăng sống chết trọn đời đều ở nơi vườn rừng thanh vắng. Các Ngài không còn quyến luyến thiên vị riêng ai. Các Ngài bảo giữ trí huệ, thần thông, đức hạnh là phải ở nơi chỗ vắng êm cảnh tịnh. Thế nên giới luật của các Ngài là phải tách phân với cư sĩ thế tục. Các Ngài càng tu lâu là giới luật càng tăng thêm nhiều thì sự giải thoát thanh tịnh càng nhiều.

Lại còn đối với sự tinh tấn là các Ngài chẳng bao giờ dám ngó ngay mặt Phật, chẳng dám ngồi ngang, ngồi gần, hoặc đi trước mặt thoáng bóng, cho đến chỗ ở ngủ của các Ngài thảy cách xa nơi Phật ngự, nhứt là nơi thờ phượng. Những lúc sau Phật tịch, các Ngài thờ phượng xây lập đền tháp nền cao, chỗ tịnh; ngoài cuộc nhóm họp làm lễ, sám hối, khi có việc, hoặc quét dọn, chẳng bao giờ ai dám léo hánh tới gần. Chỗ ăn ngủ phải cách xa nền đất, riêng hẳn mái hiên, tiếng nói chẳng cho nghe lọt bay vào nơi ngôi cốt Phật, giữ y như lúc Phật thuở sanh tiền. Các Ngài kỉnh Phật như thế, tất là để kỉnh tâm, tâm sẽ biết quý trọng pháp mà dễ bề tinh tấn, tu theo chơn Phật. Vì ở trong đời, hễ cái chi ta còn quí trọng là sẽ còn ham mộ cố gắng thật hành, bằng hết quí trọng là cái chi ta cũng sẽ giải đãi chán nản bỏ bê. Vậy nên bỏ cái chi thì các Ngài còn bỏ được, chớ đối với vấn đề sanh tử

khổ báo luân hồi, thì các Ngài làm sao dám khinh thường; mà chẳng phải là càng tu lâu, càng thấu đạo, càng đi xa, càng an lạc kết quả là càng phải cung kỉnh Tăng thêm, phải càng biết sợ Phật, càng nên sợ Pháp, tức là phải sợ tâm. Nếu tâm càng tự cao, giải đãi dể duôi là tức thì sa địa ngục trọn vẹn, vì địa vị càng cao là tánh mạng càng nguy hiểm, cũng như người trèo núi, càng lên cao là đáy hố sẽ càng xa sâu thêm mãi. Vậy nên các Ngài phải cần quan tâm thận trọng, phải có biết sợ dè dặt, mới chắc đi đứng vững yên. Mặc dầu Phật không bảo sợ, mà kẻ giác ngộ là phải càng thêm tự sợ lấy mình, ấy mới phải thật gọi kẻ chơn tu. Vì mình càng cung kỉnh biết sợ là sẽ giúp ích cho mình mau nên, chớ có ai được hưởng nhờ?

Các Ngài cho rằng chỉ có một pháp tu để đắc quả thánh trong sạch A-la-hán thôi, pháp ấy là dứt lòng kiêu mạn, mà pháp ấy có ra là do sự biết quý trọng một cái pháp để tự lặp đi lặp lại mãi, không cho nhàm chán là sẽ được sự trong sạch hoàn toàn, giải thoát hoàn toàn. Câu ấy thật rất đúng!

Sở dĩ các Ngài quý trọng quả Vô Sanh A-la-hán, Ứng Cúng ấy là vì nếu chưa đắc quả thánh thì có trông mong gì được quả Phật ở đâu đâu? Ai đem cho? Phật kia há chẳng phải là một vị đại A-la-hán đó ư? Bởi thế cho nên khi xưa các bậc A-la-hán là không hay dám gần Phật, và bởi không dám dể duôi với Phật, nên không nhàm chán Pháp. Mặc dầu ít nghe ít học, mà mùi vị đạo lý giúp cho các Ngài được no vui sống mãi đời đời, khác xa hẳn với ông A-nan theo chi gần Phật, thông minh mà không đắc quả. Đúng lý như vậy, kẻ chưa tu thì còn dám làm vi trùng sâu rận ở trong mình Phật, chớ người có tu lâu là sẽ càng xa Phật lần lần, nên đến một ngày kia, ở nơi những thế giới xa, có ra đời những đức Phật khác được.

Khi xưa cũng vì sự kỉnh trọng sợ sệt quý báu nên hay ích lợi ấy, nên các Ngài thường dạy bảo cho các hạng cư gia, khuyên chẳng nên thân cận tới lui với Phật, với các Ngài lắm. Nếu thái quá thì có ngày bất cập, sao cho bằng sự thường bền là tốt hay hơn. Đạo là mực trung, lợi ích cho cả ta và người mới phải. Kìa như năm bảy ngày ta đến chùa lạy Phật sám hối một lần, thì sự cung kỉnh sợ sệt của ta càng biết tăng thêm quý trọng, lại đạo lý và quả linh của ta càng thêm tinh tấn bội phần. Lâu lâu ta gặp được một vị sư, ta sẽ thấy tâm mình sanh thêm mến mộ, biết quý trọng sự xuất gia, và còn hăng hái giảm dứt nghiệp trần toan lo giải thoát.

Thế mà trái ngược, khi ta có thỉnh được Phật đến nhà ta mỗi ngày, thì mỗi ngày sự quen lờn của ta càng nảy nở, ta sẽ không còn biết lo sợ đời địa ngục, tức là ta đã càng dể duôi bất kỉnh khinh thường. Cũng như người cư sĩ kia thờ cốt tượng tại nhà, người cho rằng thờ Phật như thế là ích lợi cho tâm người, người sẽ xem thấy trước mắt luôn luôn mà giảm bớt được rất nhiều nghiệp tội của thân miệng ý. Đó là theo ý riêng của người, nhưng người quên dòm xem lại những kẻ chung quanh cư sĩ như người, cả thảy ai ai cũng sa đọa dể duôi chìm đắm! Người ta chỉ biết quý trọng, cung kính sợ sệt trong một đôi ngày đầu, lòng muốn xuất gia giải thoát khất sĩ, sợ ác trược, phát tâm tu chỉ được có vài hôm, rồi sau đó thì thờ là thờ cho có lệ, còn sự thế lại say đắm bất kể, không còn biết nghĩa lý đạo đức, Niết-bàn, địa ngục. Người không còn biết đến, cũng không dám biết đến, cũng không cần biết đến, chừng ấy người xem ra Phật Thánh như là kẻ ăn đậu ở nhờ nơi nhà người. Đạo Phật có ra do nơi sự thờ phượng của người, người lấy kể công lao cực nhọc nhắc chừng, cúng vái mỗi buổi đó để tạo gây phước nghiệp tội lỗi bên ngoài. Cũng có kẻ lại lấy nể Phật làm bia, cho dễ bề gây sanh ác trược.

Có người lại tưởng chừng như cốt tượng ấy là vị thần tài, thổ địa, giúp sự nên hay nơi gia đình người. Ấy bởi do nơi sự dể duôi nhàm chán mỗi ngày, mà gây sanh ác tội không hay. Ai ai tâm trạng chúng sanh là thảy giống nhau: ăn cơm mãi một món thì đâu còn biết ngon? Nói hoài một lời, làm cố một việc thì đâu còn vui thích? Sao bằng là ít nói, ít làm, ít ăn, hay lâu lâu mới ăn, làm, nói một lần, mới gọi là quý hay tốt đẹp.

Đã vậy nào thôi, sự muốn rước thỉnh Phật vào mãi nơi nhà, hay cùng sự thờ phượng cốt tượng Phật trong nhà, ngoài sự vị kỷ sái luật tai hại cho mình ấy, còn thêm phải mắc tội tâm với chúng sanh, với đạo Phật. Vì sự cầm chưn Phật, nhốt phạt tượng cốt Phật là có tội với chúng sanh chung. Đem Phật Thánh vào chôn sâu trong giữa nơi uế trược quấy ác phiền não xấu xa là tổn hại cho tinh thần và giáo lý đạo Phật. Ngoại giáo sẽ chê cười rằng Phật Thánh ở nơi cấu trược. Trẻ nhỏ về sau sẽ tưởng lầm Phật Thánh cũng ở trong nhà người thế. Lại những kẻ Tăng Ni về sau lấy nể đó mà làm việc thế gian tội lỗi, cùng với cư gia chung lộn đặng bỏ đạo lo đời. Và lắm kẻ cư gia cũng lạm dụng danh từ Tăng chúng, cho mình cũng như xuất gia, như hầu cận Phật, như là con trưởng nam của Phật, nên không cần

kể gì luật pháp giới hạnh, không cần giải thoát làm Tăng khất sĩ, lại khinh chê luôn cả Tăng sư, Ni cô, Pháp bảo; tự xưng mình làm Phật tại nhà, xem thường chư Phật, chẳng kể đạo Phật để tự buông lung ác tội, té sa vào địa ngục thảm thương. Bấy giờ, người đã trở nên kẻ hủy báng Tam bảo, cho rằng nhà cũng như chùa, cũng có Phật như chùa, cũng có kinh Pháp; người như Tăng rồi không cần nhập chúng với ai, tu riêng một mình, theo ý riêng, một lớp một bài cũng đủ, đạo Phật như là đạo của một mình người đúng phải. Kẻ ấy bằng có thiện lành, thì chỉ được là chư thiên thôi, nhưng với tánh tự cao, là gốc ác tội, thì thiện lành đâu vững chắc? Kẻ ấy không bao giờ xuất gia được, sẽ càng sanh thêm tội lỗi mãi. Kẻ ấy không bao giờ được gặp các bậc chơn sư đại đức hay chư Phật, vì người không thích hạp ai, bởi sự kiêu căng tật đố. Kẻ ấy chẳng hề được nghe pháp lý để học thêm, không hay gặp được bậc đức hạnh, vì chẳng biết đến sự thấy nghe hoặc gần giới luật. Kẻ đó sẽ chết khổ giữa trong sình lầy ô trược phiền não, lấp chôn địa ngục, mà đành vui chịu cho rằng đã là Phật Thánh thì không cần gì giải thoát ra ngoài đi đâu. Khi khổ vì chỗ động, người chẳng biết đi đến tìm nơi cảnh tịnh, để đặng khỏa khuây giác ngộ trở lại v.v…

Đó tức là sự đọa lạc mất tấn hóa, bởi tội lỗi dể duôi của người cư sĩ chư thiên thiển cận, được trước mất sau, biết bao nhiêu những kẻ đã lâm vào cảnh ấy.

Với cốt tượng Phật mà còn như thế, huống chi là chư sư khất sĩ Tăng Ni, kẻ đang còn mang thân sống tạm bợ, nếu được sự ở chung chạ gần gũi ra vào thấy gặp, lại còn phải chịu sự cung cấp, làm như kẻ ăn xin, thì cư gia tránh sao không nặng nề công cán khinh thường, sẽ từ bậc thầy xem lần như khách, kế đến như bạn, sau rốt chẳng khác cháu em, thì còn chi đạo Phật và sự tấn hóa giải thoát giác ngộ cho mình.

Còn Tăng Ni nào mà đi chịu ở chung như thế, kẻ ấy đâu còn phải Tăng Ni có giới luật, thì cư sĩ kia nuôi dưỡng hạng mưu cầu y thực, há chẳng tưởng lầm, gây sanh ác tội hay sao? Mà cũng tệ thật, đời sau này cũng có ít nhà chùa và Tăng sư Ni cô cũng không còn giống như khi xưa. Có lắm nơi Tăng Ni ở chung nhà thờ Phật, chùa chẳng được chỗ vắng êm thanh tịnh an nhàn của tinh thần đạo lý, Tăng Ni không có thì giờ tu học giảng dạy pháp lý, giới luật cũng chẳng chịu theo xưa, tín đồ bổn đạo lại càng thâu nhiều phụ nữ, giai cấp lợi danh, chia rẽ đúng bực, không còn phải là

chỗ tinh thần gom hiệp, tập sống chung bình đẳng, để dứt nạn chiến tranh của đạo Phật. Bởi thế nên có kẻ cư sĩ kia thấy mình tới đó không ích lợi chi, mà cho rằng chùa cũng Phật, ở nhà cũng Phật, đi tới đó lại thêm xót mắt đau lòng vì Phật. Thế là các Tăng Ni vật chất lợi danh ấy đã tự đốt chùa giáo hội đạo tràng tịnh xá của Phật, và luộc thiêu cả hột giống Phật tử cư gia kia. Như vậy thì ai cũng tội lỗi cả, hai phía càng tranh nhau tức là càng giết đạo Phật, thảm thay!

Hồi nghĩ lại đạo Phật khi xưa ở nơi xứ Ấn Độ, người ta biết xây tháp lập đền chỗ tinh khiết thanh tịnh mà thờ và Tăng sư có giới hạnh, có thuyết pháp. Cư gia có chỗ tới lui tu học, được giải thoát phiền não, khuây khỏa tâm thần. Cư gia đến để tắm rửa thân tâm trong sạch, mát mẻ nhẹ nhàng và tập sự sống chung hòa thuận, thật là hay quí tốt đẹp. Kế đến xứ Tàu theo đức Lão Tử, người ta cất lập lư bồng nhà mát rất cao, ở nơi chỗ vắng cảnh êm là cảnh mát tâm rộng trí, để tu học cho mau tấn tới quả linh và đạo lý, cũng là còn khá. Trái lại đời nay, xứ này lắm nơi thờ phượng, không phải để nâng cao tinh thần giáo lý thanh tịnh của Niết-bàn vắng lặng, mà là sự thờ phượng tự ý cho là tượng trưng, trò chơi kỷ niệm, không kỉnh trọng, xem thường địa ngục, khinh dễ Niết-bàn, tưởng mình như Phật, để chôn sâu đạo và Phật trong giữa đất bùn, nhiễm ô vật chất lợi danh. Vì thế nên ai ai cũng khổ nạn về sự sống chung tu học của trong đạo và tiếng Phật, tức là nạn khổ của sự tục và Tăng tranh nhau cái tiếng đạo Phật. Ấy cũng vì sự mắc bận việc nên các người đã quên không hay xét đến nguồn gốc tội lỗi của việc làm. Kìa cốt tượng Phật còn đang bị hành phạt nơi giữa nhà, xóm, chợ búa kia thì Tăng đồ tín đồ có đâu yên ổn đặng.

Thật vậy, đời nay ai cũng muốn đặng gần Phật, ai cũng muốn học để dạy người, dùng tiếng Phật để thâu người, mà ít ai biết sợ đọa chướng dể duôi đặng tự lo tu, để cho thiên hạ xem gương noi dấu. Người ta mảng ngó chừng cho kẻ khác mà quên mình. Kẻ khác tấn hóa còn mình phải bị thối lui. Nếu như một ngày kia mình sa địa ngục rồi thì hỏi vậy còn độ dắt ai. Không lẽ lại cũng dắt họ đi luôn, lộn tròn xuống địa ngục?

Thế mới biết rằng tiếng Phật cũng có lợi và cũng có hại. Lợi cho kẻ chơn tu hiền trí, mà hại cho kẻ sái quấy vọng ma. Đành rằng trong kinh Pháp Hoa, Phật có dạy: Kẻ mà nghe đến một tiếng Phật cũng là có hột

giống Phật trong tâm, mai sau cũng sẽ thành Phật đặng. Kìa như Đề-bà-đạt-đa, kẻ hại Phật bị sa địa ngục, chớ lâu sau cũng sẽ thành Phật, là do nhờ có sẵn hột giống. Kẻ ấy sẽ thành Phật chậm sau người ta ai nấy, vì còn mắc phải ở dưới trong địa ngục rất lâu, chịu quả báo khổ sở, mới sẽ được tỉnh ngộ, phát tâm vượt lên lần trở lại. Những kẻ ấy gần Phật để mà xa Phật, không có được sự giác ngộ chi, rất vô lý.

Kìa trước mắt ta, kẻ đồng bóng quỉ thần nọ cũng dựa nương tiếng Phật mà làm việc ác gian. Lắm kẻ lại xưng gọi cứu độ đời, Phật nhập cho người, tưởng chừng như tiếng Phật là trò chơi, đạo Phật như hình vẽ. Chính người thân kề bên Phật như kẻ dựa bệ, để đặng danh vọng lợi lộc, hưởng vui một lúc, đành chịu khổ muôn đời, thật là tai hại mê muội. Kẻ ấy phá đạo, giết Phật, hại chúng sanh, làm ra ma quái, tội lỗi lớn biết dường nào, thì làm sao tiến hóa kịp theo với người ta.

Vả lại, Phật bảo người ta tu y theo con đường của Phật, chớ Phật nào có bảo ai thờ phượng Ngài, độc tôn ích kỷ cho Ngài. Ngài muốn cho tất cả chúng sanh đều bình đẳng giác ngộ như Ngài cả cơ mà! Thế sao chúng ta lại đi thờ cúng lễ bái mãi làm chi như kìa để cho trẻ nhỏ hiểu lầm sanh ác tội. Sự thật đã có, phải chăng như thế? Vậy thì chúng ta nên hiểu rằng, thờ phượng là một phương pháp tạm trong lúc đầu cho kẻ ác quấy tội lỗi yếu tâm non dạ. Sự thờ phượng tạm ấy là để an ủi khuyến khích kềm giữ đức tin, nhắc nhở cho kẻ mới sơ cơ, như nhỏ dại một lúc đầu thôi, rồi về sau là phải tự giác ngộ, tự lo tu để mà làm Phật, y như Phật, chớ phải đâu vĩnh kiếp làm tôi đòi cho cốt tượng, cùng sự lập công kể ơn với tượng cốt, đặng mưu sự toại danh hưởng lợi cho thêm khổ nạn. Thế mới biết rằng: sự thờ phượng không phải thật, thờ phượng là pháp trợ tu cho kẻ nhỏ, chớ đó chẳng phải là cách tu đâu, thì chúng ta đi nhọc lòng bào chữa làm chi?

Kìa như khi xưa chư Bồ-tát, sở dĩ các Ngài lập ra đền tháp, chỗ thờ Phật và pháp, ấy cũng bởi tại nơi người thế gian ngoại đạo hằng bày ra lắm việc ố ngạo, lợi dụng, đem kinh pháp cốt tượng bán buôn, sa thải, hủy hoại, phá đạo, nên các Ngài mới cực lòng lập ra đền tháp có chỗ nơi để gom thâu kinh pháp cốt tượng lại, hoặc đốt thiêu hay phượng thờ chung. Đó là cách cứu vãn mua chuộc đạo Phật, và cầu siêu giảm đọa cho kẻ thế ngạo mạn, chớ chẳng phải nơi đó là chỗ chứa, để đặng phát ra cho thiên hạ xác thân

bình yên mạnh giỏi. Các Phật Tăng chơn chánh là sẽ thuyết pháp dạy đạo, lo tu làm gương chớ nào ỷ lại vào sự làm giả tạm ấy. Vì các sự bán rẻ đạo pháp xa xí hủy hoại ấy, cầu danh mưu lợi, tuy có được sự ích lợi mau lẹ rộng nhiều thật, nhưng mà chỉ giúp cho chúng sanh được ham vui trong chốc lát, rồi thì về sau phải đọa khổ muôn đời. Vậy nên các bậc trí huệ thì chẳng bao giờ nỡ lòng nào đi làm việc quá thiển cận, tai hại như thế. Do đó mà các Ngài chỉ ra rằng đạo Phật, chỗ đến của chúng sanh là tinh thần trong sạch vắng lặng cao quý. Những ai bày ra lắm sự hữu vi sắc tướng phá Phật, giết đạo, mê hoặc chúng sanh mãi, tội lỗi khổ báo ấy chẳng vừa đâu! Kẻ ấy dầu có được nhờ phước hữu lậu đó để sanh lên cõi Trời kia đi nữa, thì họ cũng phải chịu khổ báo mãi, bởi những cố chấp nặng nề đọa lạc, khó trông gì giác ngộ vượt nghiệp, bước qua đến được Niết-bàn vô lậu an vui thiệt thọ của Phật.

Thật vậy, nhờ Tam bảo mà nhân loại bước tới chư thiên, nhờ Tam bảo mà chư thiên đứng vững; nhưng chư thiên khó đem mình giải thoát làm Tăng để dứt khổ cõi trời. Ấy cũng bởi một là lãng quên Tam bảo, và hai là ngạo mạn tưởng mình như Phật. Hai hạng ấy thái quá bất cập với Tam bảo là bởi quá thân cận ôm giữ phượng thờ cốt tượng, cùng sự không còn biết đến làm Tăng mà phải sụt lui trở lại.

Thế nên, sự thờ phượng tạm của chúng ta là nên phải đơn giản thanh tịnh một lúc đầu thôi, rồi thì lo tu giải thoát làm Tăng, chớ chẳng nên cố chấp lắm, nhứt là sự thờ phượng phải cung kỉnh trang nghiêm, chẳng nên giữ tại chốn lợi danh phiền rộn, để phải mất sự tấn hóa giải thoát về sau. Những kẻ thật chơn tâm, tu cầu giải thoát, chẳng muốn mang khổ báo của cõi trời người, thì phải khá nên giác ngộ nhận ra điều ấy, mà ráng thật hành cho đúng lý, chẳng ngó ngày nay thì mai sau mới mong ích lợi.

Sở dĩ quyển *Thờ phượng* này có ra là do sự kêu gọi chấn hưng chánh pháp của người tu tất cả. Vì thời kỳ chánh pháp thì tông giáo phải thu hẹp lại, đạo mới cao ráo quí báu sáng thơm, mới có được người tu giải thoát đắc đạo. Khác hơn là thời tượng pháp và mạt pháp, tông giáo lan tràn hữu vi bày bố, như nước lụt quến đủ thứ đồ trôi, sanh ma tác quái, làm việc trò chơi trẻ nhỏ đành bỏ lớp tuổi ông già. Ông già sắp chết lại bỏ không lo chỉ dạy, còn trẻ nhỏ sống dai mê muội ham vui mà đi dỗ hoài sao đặng? Bỏ ông

già ấy tức là bỏ giáo lý giải thoát chơn tu thành Phật. Vậy ai ai khá nên giác ngộ, vì ham ăn thì chết đói, ham đạo là hết tu, chẳng bằng sự biết ăn và biết đạo là đúng lý tốt hay hơn.

Đạo Phật khi hẹp thì phải mở rộng, và khi rộng là phải thu hẹp, rộng hẹp phải biết tùy duyên mới gọi là phương tiện thiện xảo của trí huệ Phật, sẽ dắt dìu chúng sanh tiến lên từng nấc một, mà không còn phải là để cho chúng sanh chết nằm một chỗ. Cũng như khi xưa, đối với kẻ thế gian thì đức Phật xót thương xem như người khách quí, phải chìu chuộng, vì kẻ ấy còn ở trong địa ngục, như đứa bé con đang còn ở trong bụng mẹ, nên bà mẹ phải sợ sệt giữ gìn. Khi làm cư sĩ thì đức Phật đã khắc nghiêm năm giới, tám giới. Lúc xuất gia thì Phật lại gắt gao 10 giới sa-di tập sự và 250 giới Khất sĩ Tỳ-kheo. Và đến đã giác ngộ rồi thì đức Phật lại còn gắt nghiêm hơn nữa, vì giới càng nhiều thì định huệ sẽ càng nhiều. Cũng như lúc chưa có đệ tử thì Phật phải mở rộng cửa thâu vô, khi vô đầy là phải đóng cửa lại, và lựa bớt cho ra. Mỗi năm có mỗi kỳ thi, mỗi thời kỳ có một cuộc tuyển lọc, mỗi lúc mỗi có sự dễ dãi và khắc nghiêm thì mới có dìu dắt được từng lớp thấp tới cao lần lượt, mà thành nên sự sắp từng lớp của một con đường dài, từ trước tới sau có đầu và có đuôi vậy.

Đó là nói về sự thờ phượng Phật Thánh, còn thờ phượng ông bà cha mẹ của bậc cư gia cũng y như thế, thảy đều là sự có thấp có cao, có trước có sau. Khi xưa đức Khổng Tử bày sự thờ phượng ông bà cha mẹ cho kẻ thế gian tại nhà là vì muốn dạy gương hiếu đạo cho con cháu về sau. Với lẽ ông bà chết rồi, mà cha mẹ còn thờ phượng nhớ ơn như lúc sống, thì con cháu đối với cha mẹ đang sống sẽ có hiếu thảo, chẳng dám vong ân, ấy là sự tốt nên cho nó và có ích lợi cho cha mẹ. Việc làm của cha mẹ ấy kể như cho vay, và con cháu sẽ trả lại. Đó là sự thi ân cầu báo, cho vay mong đòi nợ, giáo lý gia đình hiện tại tham lam nhỏ hẹp, tùy theo trình độ của chúng sanh, chớ đúng ra thì còn tội lỗi kém xa chơn lý. Vì kẻ cha mẹ kia có trả ơn cho ông bà đủ đâu mà lại chịu vay thêm của con cháu ngược lại. Nói cho đúng thì nuôi con tức là đền ơn cha mẹ, bởi mình nào đã được trả ơn cha mẹ?

Còn con là phải nuôi cháu nữa, chớ bắt nó nuôi mình, dưới ngó lên là ngược. Lại nếu chỉ biết hiện tại cho mình, cho con cháu, còn ông bà sau khi chết lại bỏ quên đi, mà báo hại các vong linh ấy thì tội lỗi bất hiếu biết là bao!

Lại cũng tội nghiệp cho các vong linh mãi, vì sự thờ phượng vái van ủng hộ của con cháu, hoặc mến tiếc của cải, luyến ái tình thương, mà phải khổ sầu, chẳng đi lai sanh đặng. Bởi lời con cháu cầu vái ủng hộ, bắt làm tôi mọi cho chúng nó nữa, nên cũng không thể tu hành đi theo Phật Thánh. Lắm lúc phải sanh làm con cháu lại nơi cháu con, hoặc sanh làm tôi tớ, làm lợn, chó, làm rắn… để giữ đồ đạc theo như nhiều sự tích xưa trong truyện Phật, thật là tội nghiệp. Kẻ con cháu đối với mẹ cha nỡ lòng nào hành phạt thêm cho người đã quá khổ đến chết rồi kia? Mà tại sao là khi kẻ ấy trở về già chẳng cho nghỉ dưỡng, đưa vào xuất gia để sống chung tu học ở trong đạo tràng giáo hội, gọi là tha thứ cho kẻ già, cho kẻ già nghỉ yên, thôi đừng hành phạt. Hoặc là khi có kẻ đã chết đi, tại sao không được thiêu xác thây cùng đồ đạc dấu tích kỷ niệm của kẻ chết, để cho vong linh không còn tiếc nhớ, đặng dễ bề nhập thai kiếp khác, hay là đem hình ảnh tên họ của kẻ chết đưa vào chùa thờ. (Tại trong vuông chùa, xa xa chỗ đền tháp Phật, người ta cất ra một cái nhà thờ lớn, để thờ ông bà cha mẹ chung, cùng Phật Thánh sách kinh cốt tượng, mua chuộc gom góp để lại thờ chung). Người ta đem lư hương, bài vị, hình ảnh của kẻ chết vào ký thác gởi gắm ở trong vuông chùa, cũng như kẻ sống cầu siêu, đưa người chết đi xuất gia, cắt ái ly tục, để cho vong linh ấy theo về với Phật Pháp Tăng trong sạch hiền lương giác ngộ biết tu cho hết khổ.

Khi ấy nếu vong linh còn linh ứng, mến tiếc kỷ niệm là ắt sẽ theo về ở chùa lo tu, và con cháu thì cầu xin kẻ chết đi tu chớ đừng theo gần con cháu để chịu khổ báo. Như thế có chẳng phải là cách báo hiếu giúp nên tốt đẹp cho người chết? Đó là những kẻ đã biết đạo Niết-bàn, biết sợ luân hồi địa ngục, thì với kẻ chết không ai còn nỡ đành lòng trói buộc hành phạt, cho đến với người sống kia mà người ta còn không vị kỷ hẹp lượng để mưu sự ích lợi cho mình, nên họ vui lòng đưa ông bà cha mẹ con cháu cho đi tu giải thoát, để cho được tự giải thoát ích lợi lấy, vì con đường sanh tử là quan trọng. Nhưng dầu những ai chưa biết đạo đi nữa thì sự thờ phượng kẻ chết nơi chùa, cho vào theo đạo chung cũng là được sự hay nên cho người quá vãng và yên lòng cho người sống hiện tại. Những người ấy cũng có thể hoặc thờ vong linh tại chùa và tại nhà cũng được. Thờ thêm tại nhà là để nhắc tâm dạy cho con cháu, để ích lợi cho riêng mình, kẻ sống người chết thảy đều ích lợi cả hai bên. Như thế cũng là còn khá hơn sự chẳng thấy đặng xa, bất hiếu tội lỗi với kẻ đã qua, mà toại hưởng phần vui sướng cho

mình hiện tại sao đành? Vả chăng giáo lý của Thích Đạo Nho là từ bi chúng sanh chung hiệp. Các Ngài dạy cho chúng sanh tập sống chung nhau từ một hai người đến gia đình, xã hội, thế giới, và cả chúng sanh chung tứ đại, sống chết cả thảy chớ nào có bỏ sót riêng ai. Sự thờ phượng là để dung hòa kẻ chết với người sống, là pháp tạm trau tâm, dồi trí, thân tập sống chung, chớ đâu phải tư riêng ta người, kiến họ.

Vì tất cả chúng sanh là chỉ có một họ Phật, tánh chơn, võ trụ mà ra, cũng như ông bà ta là ông bà của tất cả, chớ phải nào riêng thân tứ đại, chẳng pha trộn nhau mà có được. Do lẽ đó mà sự thờ phượng một người, đến thờ phượng một kiến họ, để đến với sự thờ phượng chung cả chúng sanh, nơi trong vuông chùa đạo Phật của chúng sanh chung là rất đúng lý.

Ai ai cũng nên phải đem sự thờ phượng Phật Thánh cùng cha mẹ ông bà, kẻ quá khứ vào chỗ đạo chung là phải; có như thế mới dứt được lòng tư kỷ, chia rẽ, chiến tranh nhau. Cũng như nơi chỗ bàn thờ hội đồng ấy, tất cả kẻ quá khứ đều chung hiệp thì những người hiện tại và vị lai mới sẽ chung hiệp. Vì người người sẽ thường tới lui thăm viếng, gặp gỡ nhau tại chỗ đạo đức thiện lành, thường được nghe pháp học giới, xem gương các nhà sư, và cảnh tịnh cảm hóa nhắc nhở chơn tâm. Ngày lễ kỷ niệm người sẽ cúng kiếng, chay lạt trong sạch, không làm tội lỗi. Một người cúng là cúng hết thảy, cúng chung, lạy chung, thắp hương đèn chung. Cho đến kẻ cô độc kia cũng hãy đem đến thờ chung, để tự mình đi xa làm ăn, hay tu học giải thoát được, bởi đã có kẻ giữ sự thờ phượng cho giùm. Người tu xuất gia cũng được đem kỷ niệm thân quyến đã chết vào thờ, cho có người coi sóc, như đã gởi gắm cho đi tu xong rồi là trong tâm mới đặng yên ổn rảnh rang, mà đi tu hành xứ khác.

Có như thế thì ai ai ắt cũng mến mộ ân đức Phật Pháp, mà thảy muốn xuất gia nhập đạo, hoặc có cho người trong họ đi giải thoát được.

Sự báu quí nhất của thờ phượng chung là bá tánh thường tới lui cu hội, gặp nhau nơi chỗ đạo đức, để gom tinh thần hào hiệp hiền lương. Ấy mới phải là đạo lý giác ngộ của chúng sanh chung, không bao giờ có giặc giã tai hại, cõi đời mới mong hạnh phúc vĩnh viễn sống chung như một.

Đúng như vậy, trong mỗi Giáo hội Tăng-già đều có đền tháp Phật Thích-ca riêng cho Tăng chúng, và phải có nhà thờ riêng của bá tánh thờ vong linh

tất cả, xa cách chỗ của Tăng sư thanh tịnh. Nơi đó phải là chỗ tế độ, sống chung cho tất cả chúng sanh, sống chết, đạo đời, sắp đặt có thứ tự thì mới phải là nơi xứng đáng ích lợi, không còn mắc phải tội lỗi với chơn lý võ trụ. Và nhà Phật như thế mới gọi là võ trụ đại đồng.

Vậy thì chắc chúng ta ai ai cũng biết quý trọng đạo đức, đạo đức phải là nơi ký thác, cứu độ ích lợi chung chớ đâu phải đạo đức tư riêng, có như thế mới mong tập lần cho tất cả đều tu, trở nên thế giới Phật. Sự thờ phượng ấy mới phải bổ ích, mới gọi tấn hóa, hợp lý, xứng đáng giáo lý tinh thần thờ phượng tạm; để từ thờ phượng mà sẽ đến được sự tu giải thoát thành Phật qua khỏi phượng thờ. Và các công việc lợi ích lớn lao từ thiện trong đời sau này có ra là sẽ do nhờ nơi tinh thần phượng thờ chung hiệp, chỗ ấy mới thật gọi là quan trọng, quan trọng hơn cả xã hội thế giới rất nhiều, về sau sẽ khỏi phải có giáo lý gia đình xã hội thế giới cũng được; vì đã là nơi bến bờ trong sạch trọn lành giải thoát giác ngộ tế độ, sống bằng vắng lặng yên vui nhàn lạc.

Kìa như xứ Tàu, người ta đã có sự quy tụ từ đường để thờ phượng chung, giúp ích chung, nên không có ai khổ nạn lẻ loi, và các việc lợi ích lớn lao, cái chi cũng thành tựu.

Còn người Miên đem tro cốt cha mẹ, ông bà vào trong vuông chùa xây tháp thờ riêng có chỗ, chung nhau là để gom hiệp tinh thần đạo đức.

Thế mà chỉ còn người Việt chưa dứt hẳn được mầm loạn chia rẽ giết nhau, nên đối với sự chết khổ của ai trối mặc, trong xứ đảo điên mãi, dân chúng phải tai nạn hoài, thật là vô lý.

Kìa như người Ấn Độ, người ta nói rằng kẻ biết thờ phượng cùng tin tưởng Phật Trời là đỡ khá dễ chịu lắm, vì sẽ bớt tai nạn địa ngục thảm hình.

Vậy thì chúng ta cũng nên hãy biết dùng phép thờ phượng tạm, làm phương pháp cứu thế độ đời, chánh lý trong sạch trong lúc khổ nguy; đó là một sự thích hợp với thời cơ, dùng tạm hữu vi để bước tới vô vi, chân thật, yên vui vĩnh viễn. Vì vô vi là đúng lý quí báu hơn hết.

Ai ai cũng nên giác ngộ lẽ tốt đẹp của thờ phượng ấy hết!

CHƠN LÝ 52

PHÁP CHÁNH GIÁC

Pháp chánh giác có ra là do tứ diệu đề. Pháp là chánh giác, là pháp trong tứ diệu đề, do tứ diệu đề sanh ra. Chánh giác là Pháp là tiếng trống, tứ diệu đề là dùi trống, mặt đất cõi đời là mặt trống. Bởi có mặt trống, Phật mới chỉ ra dùi trống, dùi chạm mặt mới sanh tiếng trống. Tiếng ấy là pháp chánh giác, còn chúng sanh là người nghe.

Tứ diệu đề là: Khổ, tập, diệt, đạo.

Bởi chúng sanh sầu khổ nên Phật mới nói rằng: Này là khổ, vấn đề đề mục khổ. Này nguyên nhân sanh ra khổ là tập, vấn đề đề mục tập. Này phép diệt sự khổ là diệt, vấn đề đề mục diệt. Này là đạo diệt luân hồi khổ, vấn đề đề mục đạo. Đạo là con đàng đi để diệt luân hồi khổ. Diệt là diệt bỏ 12 nhơn duyên tập của luân hồi. Tập là tập sanh tử luân hồi để chứa khổ. Khổ là khổ bởi tập luân hồi vì không diệt đạo.

Thế nên khổ tập diệt đạo gọi là tứ diệu đề, bốn vấn đề, đề mục dùi trống, do đó mà sanh ra các pháp, tiếng tăm vang dội. Pháp là chánh giác, lẽ giác ngộ chơn chánh đối với cõi đời mặt trống, để giảng dạy chúng sanh. Chính đức Phật là người gióng trống Pháp. Tiếng trống là pháp âm, diệu âm, sư tử âm, hải triều âm v.v… Tiếng trống có đủ ba hồi chín chập, tức là giáo lý Tam thừa cửu phẩm, hay ho huyền diệu.

Tứ diệu đề cũng là bốn cây căm của bánh xe pháp. Pháp là bánh xe, Tam thừa cửu phẩm là ba vòng chín lớp từ nhỏ tới lớn. Cõi đời là mặt đất, Phật là người lái chuyển xoay, chơn như là trụ cốt, chúng sanh là kẻ khách

bộ hành, Niết-bàn là thùng xe chỗ chứa. Phật dùng đó mà đưa độ kẻ khách chúng sanh, gọi là từ Đông sang Tây, đến nơi Cực Lạc. Bởi có bánh mới có lăn, có căm mới có chạy, nên gọi là trụ cốt chơn như sanh căm tứ diệu đế. Căm sanh bánh là pháp chánh giác, do đó chúng sanh mới níu đeo theo bánh, bước lên căm trèo lên cốt, mà vào thùng xe Niết-bàn. Niết-bàn tế độ làm thùng xe, chỗ đựng chứa chúng sanh, rước đưa về nơi Cực Lạc giải thoát khổ não luân hồi sanh tử. Chính Niết-bàn thùng xe là thế giới Cực Lạc bên kia ấy rồi. Sự cố gắng của Phật là như con bò, nguyện lực là dây cương, roi là thúc giục tinh tấn, chăm chỉ là đi tới.

Vậy thì đây ba vòng chín lớp của bánh xe pháp chánh giác từ xưa ghi dấu trên đường đời để lại. Này là BỐN XỨ NIỆM: thân, bịnh, ý và pháp.

1. Ta hằng có niệm tưởng đến thân, tìm xét thấy ra thân là không có. Thân có ra do nhơn duyên tứ đại, chớp bóng huyễn hoặc mơ hồ, thân là vô thường thay đổi. Thân của ta chớ chẳng phải thân là ta, thân là một món đồ bằng đất nước lửa gió hiệp thành. Kẻ chết nuôi cái sống, món này món kia sớt chan dồn qua cái nọ. Thân này là của tất cả, tất cả là của thân này, tiếng ta là chung toàn thể, chẳng phải riêng tôi. Thân có ra do những chất sống phối hợp, rồi đây nó sẽ rã ra, phối hợp cho những cái khác. Mắt, tai, mũi, lưỡi, tay, chân, mình, bụng, màu sắc, cử động, có sống, có biết, có linh là do ấm của lửa; lửa tắt đi rồi, trơ lạnh là chết. Nó như một chiếc xe trơn láng bên ngoài, trong là bộ máy, máy chạy do hơi chuyền của trong bụng mẹ, từ đó quen trớn, và có đủ chất nuôi thì nó chạy mãi; lâu sau nó phải sét mòn tan rã, máy ngừng tắt lạnh. Cái thân là một ổ chúng sanh vi trùng, kết tụ và đang tranh đấu, mặt trận quân bình là yên ổn, một bên hỗn thắng, các loại khác đã thua, thì bao nhiêu binh tướng kết thâu sẽ phải rã hàng tan ngũ, thất lạc vô dụng. Cái thân là các pháp hiệp thành, pháp vốn tiến, vô chấp, tương đối, vốn chẳng có ta người, kết tập bởi nhơn duyên, cái này cái kia sanh cái nọ, rồi sẽ từ nhơn duyên hoại diệt, cái nọ cái kia sanh cái khác. Thân là sắc ấm, là trung đạo, giữa hai pháp nóng lạnh dung hòa, do chất kết hợp, rồi sẽ do chất nóng lạnh bất hòa mà tan hoại. Thân là cái vỏ trái tạm, để sanh ruột hột trí tâm, hột tâm còn, thân vỏ mất. Thân là một cái cây để sanh nhánh lá hoa trái hột, là nguồn cội sanh giáo lý, các pháp, trí huệ, thân tâm kẻ khác. Thân là một cái nhà máy xay. Thân là một lỗ cống. Thân là một đống rác dơ. Thân là cái hũ đất. Thân là con quái vật.

Thân là hầm địa ngục. Thân là một cái hang sâu, một cái hố độc. Thân là con ngạ quỉ. Thân là kẻ hung thần. Thân cũng là đền vàng, lầu ngọc, núi châu, ao bạc. Nó lớn như biển như hư vô, nó nhỏ như cây kim, như trống lổng. Thân ích lợi như kim cương, thân tai hại thúi độc như phẩn tiểu v.v...

Người ta nói nó là cái gì cũng được hết. Nó cũng như mặt đất đựng chứa tất cả danh từ pháp lý đồ vật. Ai muốn dùng nó cách sao cũng được, nhưng phải hiểu tánh nó là không bền, không phải là ta, cũng chẳng phải của ta làm chủ, chúng ta chẳng nên lầm quên, khổ não vô ích vì nó. Chúng ta chớ nên cố chấp, thích ham, luyến ái, tự cao, để bảo giữ kế mưu, danh lợi, tốt xấu vì thân, mà nên phải biết nhận ra cái ta chủ tể ở nơi thân. Cũng như kìa là một đống lửa, ta hãy tìm xét coi cái nguyên nhân, và cái kết quả của lửa ấy là gì? Và hiện tại lửa cháy là cháy cái chi? Có nhận xét thấy sơ qua như thế, chúng ta sẽ giác ngộ rất nhiều, mà không còn ham mê tríu mến lạc lầm cái thân, không bị cái thân cái sắc, cái có huyễn hoặc che đậy tâm trí, mà tức nhận ra rằng: Thân là không có, không có bền, nên gọi là không. Thế là ta dứt được cái niệm thân, cái sở chấp thân, tâm ta sẽ trong sạch không không, như không còn biết thân là chi, do đó mà tinh thần của ta được yên ổn mạnh cứng, gom hiệp.

2. Ta hằng có niệm tưởng đến bịnh, tìm xét thấy ra bịnh là không có. Bởi có thân nên mới có thọ. Khi ta có việc dùng thì cái thân có tạm, khi hết chẳng có việc dùng, thì cái thân không có. Trong lúc dùng thì ta gìn giữ để dùng, lúc hết chẳng dùng thì ta hủy bỏ, cho nên có lúc nó cũng quý trọng, còn có lúc nó như thây ma, nó như mụt ghẻ. Nó ở với trẻ nhỏ, nó sẽ bỏ ông già. Các bịnh hoạn của thân là do từ bên trong phát ra, từ bên ngoài nhập vào. Bịnh hoạn là sự thái quá bất cập, cũng tự nơi ta, mà cũng từ nơi người. Người thiện có tu, bịnh ít hơn kẻ ác. Hễ có thân thì phải bịnh, dùng thân phải nuôi bịnh, thân bỏ thì không kể bịnh. Bịnh như lỗ nước mọi, như máy đồng hồ, người ta nói nuôi giữ bịnh, chứ chẳng ai gọi trừ dứt tuyệt bịnh. Bịnh không có hết. Trong đời chẳng có xác thân không bịnh. Một xác thân ở trong đời là một nạn nhân trong giữa chiến tranh, là một món ăn của tất cả chúng sanh, là sự một may trong muôn rủi. Trẻ nhỏ dại nào cũng ham chơi tạo bịnh. Các tánh chất trong đời đều sanh bịnh. Các vi trùng đều làm bịnh. Các pháp tương đối thảy tập bịnh. Bịnh tại nhơn duyên, có thân có bịnh thì không còn chi sung sướng tốt đẹp nên hay. Các bịnh vẫn bằng nhau, không

ai thương muốn bịnh. Vậy nên bịnh là không thường bền. Bịnh là không có, bịnh là ma biến huyễn thuật. Thân đã không thì bịnh đâu có, thế là ta dứt được cái niệm bịnh, cái sở chấp bịnh, ta không còn sợ sệt bịnh. Bịnh không làm ta yếu ớt, ta sẽ lướt bịnh mà không coi bịnh là chi, vì ta nghĩ rằng: Thân đâu có phải hết bịnh mà thân là để nuôi tâm trí. Vậy tại sao ta chẳng xét nghĩ đến tâm trí mà lại lo bịnh. Vì tâm trí mà nuôi thân bịnh tạm, chớ phải nào ta có ra để nuôi bịnh nuôi thân. Một ngày kia ta toại nguyện, mục đích đến, trí đầy tâm đủ, thì thân phải bỏ, chừng đó bịnh có lo gì. Niệm tưởng như thế tức là tinh thần của ta sẽ hăng hái, can đảm, lướt lên, thành tựu, và thắng phục, dứt niệm bịnh.

3. Ta hằng có niệm tưởng đến ý, tìm xét thấy ý là không có. Bởi lầm chấp có sống nên sợ chết, có thân nên sợ mất mà sanh ý. Bởi tưởng lầm thân ta, nên mới sợ già, sợ già do sợ bịnh mà sanh ra ý. Bởi mê vọng theo thân già bịnh chết, nên mới tập nói làm, có nói làm mới tập ý. Ý có do mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, thân. Ý là tham sân si. Ý là thái quá bất cập tương đối, không bền, không định, không chừng. Ý là tham sân si tam độc, mà cũng là giới định huệ, ba món quý. Ý có tốt, có xấu, có sạch, có dơ, có lớn, có nhỏ. Ý là cái sở chấp, cái tư tưởng, cái thọ cảm điên đảo theo tình vọng. Ý là không có, ý là tên gọi, ý là huyễn ma. Trước hết nơi đứa bé, ý phát sinh ra do thọ. Vậy thì thân thọ đã không thì ý đâu gọi có. Thân thọ chẳng ở mãi với đời thì đời đâu có chỗ nào giữ ý. Như thế thì còn ý là còn khổ, hết ý là hết khổ. Cái khổ là vô lý, thì cái ý ấy tức là bậy. Ý là ma, ý là giặc, ý là bịnh của tâm, là vi trùng chất độc pháp ác của tâm. Ý cũng là ông thầy hướng đạo dắt dẫn chúng sanh đến nơi cao quý, hoặc đến chốn địa ngục a-tỳ. Ý là cảm giác tưởng tượng, chẳng có xét suy, vốn không thông sáng. Ý do tương đối, tương đối là thọ, nên gọi ý do thọ. Vậy thì thân không, thọ không, là ý cũng vốn không, trước đã không có ý, sau đây cũng đâu còn ý. Ý là trình độ tạm, khi đến trí giác thì ý không còn. Ý phát sanh nơi tư tưởng của thú, ý tập hành vi loài người đến trời thức trí thì ý chết co, đến Phật thì mất tích. Như thế thì đối với lẽ tấn hóa, ý sẽ không tồn tại, nên chẳng gọi là có.

Trẻ nhỏ là sanh ý, người lớn là còn ý, ông già thì hết ý. Vậy nên kẻ muốn tấn hóa giải thoát vượt lên là không còn bảo thủ ý, người ta sẽ bỏ quên dứt mất luôn; ví như ăn cơm vào bụng rồi hóa thành phân, và sẽ bỏ luôn, không còn nhớ nó. Nhờ niệm tưởng như thế tức là tinh thần của ta sẽ

được tự nhiên dõng mãnh, nghị lực cứng cỏi im lặng, dứt được niệm ý tiêu tan, không còn chấp ý.

4. Ta hằng có niệm tưởng đến pháp. Pháp là phép, phương pháp, phương tiện. Pháp là cái thuật, pháp cũng là chánh giác, thiện xảo. Pháp có ác có thiện, có pháp trong sạch chơn như. Pháp là giáo lý ánh sáng của trí huệ, của thức trí, của trí si. Pháp là kinh nghiệm, là lý luận, luận thuyết, chỉ giải, hướng dẫn. Pháp là luật pháp, điều luật, qui tắc, lễ phép, phép tắc. Pháp có ra do ý, còn ý còn pháp, hết ý hết pháp, không ý là im lặng tự nhiên vắng lặng, đâu còn pháp. Pháp là huyễn, là dối, là danh từ tạm, ví như món đồ xài, ngón tay chỉ, chiếc bè đưa, chiếc xe chạy, hết việc rồi là sẽ bỏ. Nhờ pháp mà trí huệ sẽ đủ đầy, chơn như trơ sựng tự nhiên, hết học hết pháp. Pháp là cái học, học qua rồi thì bỏ, chỉ được cho người cái giác biết. Bởi có thân, có thọ, có ý, mới có pháp. Mà thân là trước sau chẳng có, thì đâu có cái thọ, không thọ thì làm sao có ý, không ý thì lấy gì làm pháp. Thế thì pháp là huyễn ma. Cả thảy thân, thọ, ý, pháp là huyễn ma. Các cái ấy nó tạo lần cái ta, khi cái ta đã thành tựu thì bốn cái ấy tiêu hình, cũng giống như tứ đại đất nước lửa gió kết hợp thành thân, sau này người ta chỉ biết thân, chớ không biết đến đất nước lửa gió. Ta đây là chơn như, là định, là võ trụ, chơn thật như nhiên, không vọng động, là cái lẽ sống biết linh tự nhiên, chớ không phải có cái chi làm ta. Cái ta ấy là cái thật, cái thường bền, cái mà tất cả chúng sanh là có một. Còn thân thọ ý pháp là giả dối, láo xược.

Vậy thì thân, thọ, ý sanh pháp; còn pháp là còn thân, thọ, ý; hết pháp là hết ý, thọ, thân. Còn thì còn khổ não, hết là hết khổ não rối loạn. Pháp là cái chấp, pháp là tương đối, pháp là tiến hóa, pháp là vô thường, pháp là không có ta nhứt định, không của ta cái có, chẳng của người ở đâu.

Pháp tà là pháp khổ, pháp chánh là pháp vui. Pháp chánh là trung đạo giải thoát, pháp tà là biên kiến bên lề, ứ nê té sụp. Nên gọi pháp chánh là pháp sống, pháp thông lưu, pháp bình yên ích lợi báu quý hơn tà pháp, nhưng cũng thảy đều là tạm. Pháp vốn không gốc tánh, không sở trụ, không căn bổn, vì nó là biến thuật, ẩn hiện không lường, không bờ bến, mỗi lúc tự nhiên, bình thường thì không có, khi gặp việc nó mới xuất lộ ra, nên gọi là không có pháp, và pháp không có chỗ ở, chỗ chứa giữ. Nhờ niệm tưởng như thế mà tâm định, lấy định làm tâm, không còn chấp lầm nơi pháp phải khổ, không

còn bị pháp mê hoặc, che đậy, làm mất cái tánh chơn võ trụ bình thường thì con người mới tự chủ, sẽ thấy đặng cái ta, cái sống, biết, linh, thành tựu, ấy mới gọi là bản lãnh, là vô năng sở, thì không cái chi hơn. Giải thoát đến cái pháp tức là giải thoát hoàn toàn. Cái tâm như thế mới phải thật gọi là kim cương, thời gian không làm núng, chúng sanh vạn vật các pháp chẳng chuyển lay. Ấy mới gọi đúng là tinh thần siêu việt. Thế là dứt đặng niệm pháp, không còn chấp pháp.

Vậy thì niệm thân, niệm thọ, niệm ý, niệm pháp là bốn cái niệm, bốn xứ sở biên lề, bốn phía, bốn cõi đọa lạc, như bốn tay chân, không phải là chỗ ở của cái ta. Nó là bốn cảnh huyễn ma mà ta phải tránh xa, phải thấy ra để đặng dứt trừ tiêu diệt, không nên quyến luyến, nhớ tưởng cố chấp, thì tâm mới lớn yên, trí mới rộng sáng.

Sự dứt đoạn niệm thân, dứt đoạn niệm thọ, dứt đoạn niệm ý, dứt đoạn niệm pháp, tức là BỐN DỨT ĐOẠN. Dứt đoạn bốn vách nhốt ngăn, dứt đoạn bốn dây trăn trói, dứt đoạn địa ngục hắc ám phủ che, dứt đoạn sự hành hà tâm trí, do đó con người hoàn toàn giải thoát, sống trong cõi chơn như đại định, võ trụ bao la, không chi ngăn ngại. Nhờ vậy mà phát sanh ra BỐN THẦN THÔNG:

1. Bởi không còn cái sắc, cái THÂN, cái có, che đậy, nên mắt trí của tâm ta thấy xa thông suốt cõi đời, chúng sanh vạn vật các pháp. Và nhờ dứt đoạn bốn niệm, tâm hằng định, tinh thần đầy đủ, sức linh thành tựu, điện lực càng thâu, nên đắc được mắt trời, mắt thần, mắt pháp, mắt huệ, mắt đạo, chứng tại nơi mắt thịt là chánh tín.

2. Bởi dứt đoạn THỌ tương đối, thái quá bất cập không còn bị sự chuyền níu bên lề thọ cản ngăn, nên tai trí của tâm ta nghe xa thông suốt cõi đời, chúng sanh vạn vật các pháp. Và nhờ dứt được bốn niệm, tâm hằng định, tinh thần đầy đủ, sức linh thành tựu, điện lực càng thâu, nên đắc được tai trời, tai thần, tai pháp, tai huệ, tai đạo, chứng tại nơi tai thịt là chánh niệm.

3. Bởi dứt đoạn Ý, chuyền leo phiền não, không còn bị sự hành phạt dắt dẫn, xa khác hẳn với thế gian, nên trí phân biệt của tâm ta nhận ra hiểu rõ tâm ý của chúng sanh muôn loài vạn vật các pháp, hiểu rõ chỗ thấy hiểu của tất cả. Do nhờ trong chỗ định mà thấy ra nơi ngoài chỗ loạn; ở trong chỗ kín, trong chỗ khuất bóng tối mà thấy ra ngoài chỗ trống hở, chỗ ánh sáng. Và sự

kín đáo của tâm ấy tức là dứt đoạn được bốn niệm thì con người sẽ trở nên kỳ bí siêu hình, vô vi huyền diệu, ẩn mật kín đáo, chơn như che chở, ấm khuất diệu mầu, tâm hằng định, tinh thần đầy đủ, sức linh thành tựu, điện lực càng thâu, nên đắc được cái mũi hửi, biết hết tâm ý của muôn loài, không chi ngăn ngại. Đó là mũi trời, mũi thần, mũi pháp, mũi huệ, mũi đạo, chứng tại mũi thịt là chánh tinh tấn, mùi chi trong ngoài hết thảy cái chi cũng biết.

4. Bởi dứt đoạn PHÁP ngăn che nghi hoặc, cố chấp, không còn bị sự níu kéo nặng nề dính buộc, khác với phàm phu tríu lụy, nên trí được huệ, cắt đứt mạnh mẽ, phủi dứt nhẹ nhàng, cao thượng không không, xa bay theo nhơn duyên mây gió, vượt hẳn các pháp chúng sanh vạn vật. Và nhờ dứt đoạn được trọn bốn niệm, tâm hằng định, tinh thần đầy đủ, sức linh thành tựu, điện lực càng thâu, nên đắc lưỡi trời, lưỡi thần, lưỡi pháp, lưỡi huệ, lưỡi đạo, chứng tại nơi lưỡi thịt là trì giới, đem thân mạng bay cao bay xa, biến mau, do lời nói thần lực bên trong kín đáo sức mạnh.

Bốn thần thông này: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông (hay thiên tỷ thông), thần túc thông (hay thiên thiệt thông), có ra là do bốn cái dứt đoạn, trừ được bốn xứ niệm, mà tâm định yên trụ chính giữa, gom thần góp điện, hiệp sức của bốn phương mà thành.

Người được tâm định, có đủ bốn thần thông là sanh ra NĂM CĂN BỔN:

1. Mắt căn thanh tịnh sanh ra chánh tín là nhờ sự thấy rõ mới tín tin.

2. Tai căn thanh tịnh sanh ra chánh niệm là nhờ sự nghe rõ mới niệm ghi nhớ.

3. Mũi căn thanh tịnh sanh ra chánh tinh tấn là biết rõ mùi đạo, mới tinh tấn cố gắng.

4. Lưỡi căn thanh tịnh sanh ra trì giới là nếm rõ vị đạo, mới biết giữ gìn ngăn che trì giới.

5. Thân căn thanh tịnh sanh ra thiền định là xác thân không còn dơ bẩn sái quấy của việc làm, thì tâm ý sẽ lặng ngừng. Và việc làm của thân trong sạch không không, được có ra là do mắt tai mũi lưỡi, bốn căn trong sạch, và bốn thần thông ủng hộ.

Vậy nên gọi nhãn căn là tín, nhĩ căn là niệm, tỷ căn là tinh tấn, thiệt căn là trì giới, thân căn là thiền định. Đó là năm kết quả, năm chứng đắc của bốn

xứ niệm, bốn dứt đoạn, và bốn thần thông. Mắt tai mũi lưỡi thân ấy mới tạm gọi là cái có của ta được. Năm căn ấy có ra cũng là do chơn như tự nhiên giác ngộ của trí huệ quả linh, nên gọi căn ấy là thánh căn. Vì mắt ấy đã không còn ngó xem việc phàm trần, tai ấy đã không còn nghe lóng việc tục trần, mũi ấy đã không còn ngửi biết việc thế trần, lưỡi ấy đã không còn nếm chác việc nhiễm trần, thân ấy đã không còn rờ chạm việc ô trần. Vì bởi là mắt tai mũi lưỡi thân trong sạch sanh ra tín, niệm, tinh tấn, trì giới, thiền định, năm căn thánh. Nên gọi bậc tu đã đến đây chỉ còn có năm căn: tín, niệm, tinh tấn, trì giới, thiền định do mắt tai mũi lưỡi thân trong sạch kia sanh ra, chớ không còn mắt tai mũi lưỡi thân phàm. Thế mới gọi rằng: bậc siêu phàm nhập thánh lấy tín, niệm, tinh tấn, trì giới, thiền định làm mắt tai mũi lưỡi thân thanh tịnh, chớ chẳng có mắt tai mũi lưỡi thân như người phàm. Vậy nên người sẽ đắc đặng NĂM SỨC LỰC:

1. Tín lực, sức lực mạnh mẽ của chánh tín.
2. Niệm lực, sức lực mạnh mẽ của chánh niệm.
3. Tinh tấn lực, sức lực mạnh mẽ của chánh tinh tấn.
4. Trì giới lực, sức lực mạnh mẽ của trì giới.
5. Thiền định lực, sức lực mạnh mẽ của thiền định.

Nhờ đắc được năm sức lực đó nên quả linh và đạo lý lại mạnh mẽ thêm lên, lớn to rộng nhiều mãi, không lui sụt, lu lờ, phai lợt. Và cái chi cũng do năm sức lực ấy mà thành tựu. Năm sức lực thần này cũng kêu gọi là: Sức lực của mắt căn trong sạch, sức lực của tai căn trong sạch, sức lực của mũi căn trong sạch, sức lực của lưỡi căn trong sạch, sức lực của thân căn trong sạch của bậc thánh; do đó mà thắng phục tất cả ma vương, ngoại đạo, trở nên toàn năng. Thiền định lực là sẽ kết quả toàn năng, hay sức lực của thân căn trong sạch, là mạnh mẽ nhứt. Vì trong đời, khó ai làm chủ xác thân, khó ai dạy độ được xác thân, khó ai kềm chế phục trị cảm hóa tự chủ được xác thân; thế mà nơi đây xác thân đã thành tựu, đã được gọi có thân; có cái thân trong sạch tốt đẹp, còn mãi là thiền định, đổi thân phàm làm thân thánh, không còn phải khổ luân hồi sanh tử, thay đổi. Thân căn tốt đẹp trong sạch ấy có ra là do lưỡi căn trong sạch tốt đẹp. Lưỡi căn ấy có ra là do mũi căn trong sạch tốt đẹp. Mũi căn ấy có ra là do tai căn trong

sạch tốt đẹp. Tai căn ấy có ra là do mắt căn trong sạch tốt đẹp. Mắt căn ấy có ra là do bốn thần thông, bốn dứt đoạn, bốn xứ niệm. Như thế tức là bốn xứ niệm đọa lạc sanh ra bốn giác ngộ dứt đoạn, mà chứng bốn thần thông của bốn căn, nên sanh ra được căn thân thứ năm, là thân thể của thánh đã trọn thành hình, và có được năm sức lực là cái sống cử động, do đó sẽ sanh ra cái giác là Phật làm chủ. Ấy cũng nghĩa là từ bốn xứ niệm đọa lạc sanh ra được bốn giác ngộ dứt đoạn kêu là trí huệ mà chứng bốn thần thông của bốn căn: Tín, niệm, tinh tấn, trì giới. Chánh tín là thiên nhãn thông, mắt trời thông suốt; chánh niệm là thiên nhĩ thông, tai trời thông suốt; chánh tinh tấn là tha tâm thông, mũi trời thông suốt (hiểu tâm người khác); chánh trì giới là thần túc thông, lưỡi trời thông suốt (chưn thần bay mau). Do bốn căn ấy sanh ra thiền định căn, là tượng đủ thân hình thánh (thiền định là thân thánh). Và nhờ sức lực của thân thiền định mà phát sanh ý giác là pháp chánh giác Phật.

Chánh giác Phật tức là ý giác của năm căn lực, cũng gọi là cái chủ tể của năm căn lực, hay tâm hồn của thân thiền định, do cái sống sức lực của thân căn thiền định kêu là thất giác ý, thất bồ đề, bảy chánh giác, làm thất phách đều đủ của thân thiền định, sống bằng sức lực. Trong thất giác ý, bảy phách của Phật là có gồm chứa đủ cả (sống, biết, linh nên gọi tam hồn hay kêu là giới, định, huệ đều đủ).

BẢY Ý GIÁC ấy mới thật gọi là ý Phật, ý chơn, ý chánh, ý của ta, ý nên hay ích lợi quý báu, mà người ta hằng gọi là cây bồ-đề báu, chỗ gốc đó chân tâm giải thoát của chư Bồ-tát, ngồi tu sẽ thành Phật. Cây bồ-đề, ý giác bảy nhánh ấy là:

1. Phân biệt sự lành với sự dữ.
2. Tinh tấn mà lướt lên.
3. An lạc trong vòng đạo đức.
4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành.
5. Nhớ tưởng đạo lý.
6. Nhứt tâm đại định.
7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ.

Bảy ý giác cũng tức là bảy phần trí huệ đầy đủ, bảy ý chánh chân giác ngộ, hay là ý Phật. Bảy ý giác cũng là trí huệ đầy đủ, nêu kêu là định sanh huệ, hay thiền định lực sanh chánh giác. Ý giác là cây, bảy ý giác là bảy nhánh cây, năm căn bổn là rễ cây, thân thiền định căn là rễ cái, năm sức lực là sự sống, bốn phép thần là vượt mọc lên cao, cái ta là hột giống, bốn dứt đoạn là sự cuốc đất, bốn xứ niệm là mặt đất tứ đại, còn bát chánh đạo tức là quả trái.

Bảy ý giác cũng là bảy lớp trí huệ:

1. Phân biệt sự lành với sự dữ là nhân bố thí, sẽ kết quả Nhập Lưu, bỏ tất cả, xuất gia giải thoát khất sĩ, đi lên tới nhập vào nguồn đạo.
2. Tinh tấn mà lướt lên là nhân nhẫn nhục, sẽ kết quả Nhứt Vãng Lai, chỉ còn một lần trở lại.
3. An lạc trong vòng đạo đức là nhân tinh tấn, sẽ kết quả Bất Lai, không còn trở lại.
4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành là nhân trì giới, sẽ kết quả Vô Sanh, dứt luân hồi, đắc Niết-bàn giải thoát trong sạch.
5. Nhớ tưởng đạo lý là nhân thiền định, sẽ kết quả Duyên Giác, hưởng Niết-bàn yên lặng.
6. Nhứt tâm đại định là nhân trí huệ, sẽ kết quả Bồ-tát giác tha.
7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ là nhân chơn như, sẽ kết quả Như Lai thành Phật.

Vậy nên bảy ý giác, cũng gọi là bảy nấc thang, bảy lớp tu, bảy trình độ hạng bậc, tức là cây bồ-đề cao bảy trượng bảy tầng. Hay nói là bảy hột mè mà đức Bồ-tát thường ăn mỗi ngày để nuôi chơn mạng thành Phật. Cũng có thể nói là ngồi tòa thất bửu của chư Phật mà khi xưa Tăng chúng Tỳ-kheo, đem mình làm cái ghế tòa sen ấy cho Phật ngự. Hoặc nói là bảy món ăn của chư khất sĩ thường ngày không thiếu sót, mà trong đó cái giác thứ nhất phân biệt sự lành với sự dữ là làm cơm trắng. Bảy ý giác cũng là một con đường từ đầu đến đuôi kết quả, từ thiện lành bỏ ác quấy đến được với chơn như giác ngộ. Cũng như từ mới sanh tới khi già chết sẽ nghỉ yên. Chính cái giác chót, vui chịu với mọi cảnh ngộ, là nghỉ yên, tròn trịa, vô chấp, chơn như đắc quả.

Cũng nói đó là cái chót ngọn nóc đầu, cao hơn hết của các cái giác kia, là chỗ rốt ráo của sự giác ngộ, sự hết khổ toàn vui, sự tròn lăn như quả trái, như bánh xe, không còn vuông méo góc cạnh tai nạn. Cái ta mà ngồi nghỉ yên nơi cội chánh giác, tòa bồ-đề này thì sẽ đắc đạo. Người tu đến đó sẽ thành đạo, sẽ đắc thêm được hai phép thần thông sau:

1) Túc mạng thông, thông hiểu mạng số của chúng sanh cả thảy, vì nhơn duyên là do nơi cái giác nhứt tâm đại định, là điều chúng sanh không làm được, bởi những trở lực mạng số, mà người đã tu thật hành được, nên mới biết hiểu.

2) Lậu tận thông, thông hiểu tất cả gốc nguồn phiền não do nhờ cái giác, vui chịu với mọi cảnh ngộ, mà được lậu tận hòa, là hòa vui diệt tận gốc khổ, nên đắc Niết-bàn Vô Sanh, thành A-la-hán, Ứng Cúng trong sạch giải thoát, xứng đáng cho người đời thờ phượng lễ bái cúng dường, qui y theo. Cũng như con cá đã nhảy khỏi ao, như học trò đi thi được đậu, là điều mà trong thế gian rất báu quý, nhưng ít ai làm đặng, nên ai ai cũng lấy đó làm mục đích chỗ đến.

Bậc đắc xong bảy ý giác là sẽ thấy mình như đứa con nhỏ của Phật mới sanh ra, kêu là Phật tử, được sống bằng mạng Phật chánh giác, mạng bồ-đề, đã có đủ linh hồn xác thịt thánh, ở trong nhà Phật mà đắc đạo. Từ đó mới sẽ lớn lần lên trong cái mạng sống Phật chánh giác ấy cho đến lớn, đến già, đến nghỉ ngơi thiệt thọ là từ bậc A-la-hán sẽ tới Bích-chi, tới Bồ-tát và Như Lai, hoàn toàn tròn vẹn.

Bấy giờ con đàng sống tiến bên kia của các Ngài sẽ là bát chánh đạo, tám pháp thánh, tám cách hành đạo. Các Ngài ở yên nơi đó, ở ăn làm việc sống nơi đó, rất an ổn vững vàng là bởi cõi pháp giới riêng, không còn biết thế sự ra gì, ở đâu đâu. Thế là các Ngài đã sống bằng ý giác, đi trên chánh đạo, sẽ đến chơn như rốt ráo, bỏ lại trần thế những kẻ chúng sanh nối dấu theo sau, còn vướng phải biết bao những sự thảm sầu tai họa.

Tám pháp chánh đạo đây là con đàng đi của các bậc thánh nhơn đã tròn xong ý giác, để tới quả Phật, cũng là tám pháp hành đạo của bậc thánh nhơn đã tròn xong ý tự độ, bấy giờ tới lúc phải đi hành đạo, cứu vớt tế độ cho đời, vừa cứu độ chúng sanh, vừa tu thêm cho mình để vừa đi tới, vừa dắt lần chúng sanh đến nơi quả Phật. Trên khoảng con đường đi lúc ấy là các Ngài

đã không còn thân tâm trí, cảnh giới giống như chúng sanh. Các Ngài đã không còn nghĩ gì tư riêng ai. Các Ngài đã đến cõi bằng thẳng vô tận của tinh thần mênh mông, bao quát, thật khỏe khoắn, sung sướng quá, chúng sanh tội lỗi nào phải ít kiếp tu mà được.

TÁM CHÁNH ĐẠO: Cõi Thánh ấy là thấy chánh, suy gẫm chánh, nói chánh, làm chánh, sống chánh, siêng năng chánh, niệm tưởng chánh, yên định chánh. Với tám pháp này thì cõi đời đối với các Ngài đã là Niết-bàn, là xứ an lạc rồi. Thế nhưng trái lại, chúng ta cũng đang ở tại cảnh đời đây mà lại luân hồi khổ não vô ích, thật là đáng phiền tủi cho thân phận.

TÁM CHÁNH ĐẠO đã có giải kỹ ra nơi quyển "BÁT CHÁNH ĐẠO" chơn lý số 5, rất mầu nhiệm, mà nơi đây thiếu giấy không thể viết thêm. Vậy muốn biết, chúng ta hãy tìm xem lại quyển số 5 thì rõ.

Nói tóm lại, quyển *Pháp chánh giác* này là gồm cả 37 pháp chánh giác Bồ-đề: 4 xứ niệm, 4 dứt đoạn, 4 thần thông, 5 căn bổn, 5 sức lực, 7 ý giác, 8 chánh đạo; cộng là 37 pháp chánh giác. Cách tu thành đạo của Phật cùng chư Bồ-tát tuy giải sơ lược nhưng quý báu vô cùng. Chính đó là phép tu thành đạo, đắc đủ lục thông A-la-hán, vốn không sai chạy, chúng ta nên phải thường lặp đi lặp lại mới nhận thấy rõ kết quả. Vì chưa đắc quả lục thông A-la-hán thì đâu được đến Bích-chi, Bồ-tát và Như Lai. Những ai có thật hành mới thấy rõ rộng xa thêm những chỗ diệu mầu khó tả. Những ai uống nước thì ắt nóng lạnh tự người hay. Đã là pháp chánh giác thì chẳng có điêu ngoa, nhưng có thật tu hành hay không, là tự ai phải cố gắng lấy, không ai giúp nên cho mình. Quyển *Pháp chánh giác* đến đây tạm ngưng, vì chẳng khá viết thêm nhiều. Vậy xin kính chúc cho ai ai, tất cả hữu tình cùng vô tình, hãy đặng tiến lên, y theo con đàng Pháp chánh giác hết.

CHƠN LÝ 53

SỐ TỨC QUAN

Số tức quan tức là quán xét hơi thở mà đếm số. Đức Phật Thích-ca khi xưa dưới cội bồ-đề, ngồi trên tòa cỏ, xét đếm như vậy.

Số tức quan phát ra trong khi gần nhập định, chớ chẳng phải mượn số tức quan làm đề mục niệm, để đặng thiền định. Nghĩa là khi xưa đức Phật, trong khi ngồi nắm hai tay lại, cương quyết không làm cử động; tréo hai bàn chân, lật mặt bàn đi trở lên, nhứt quyết không đi đứng; ngậm miệng cắn khít răng lại, nhứt định không nói năng; con mắt ngó xuống ngay một chỗ, rồi từ từ nhắm lại, đứng tròng mắt một chỗ dưới, là Ngài tập chết, nguyện định mắt cứng chết luôn, không cần mở ra; lỗ tai nghe trở vô vắng lặng như đã chết rồi, đang ở trong cảnh võ trụ im bặt; lỗ mũi hít một hơi vô thật dài sau chót, và thở một hơi ra cuối cùng, rồi nín luôn tắt nghỉ, lặng tâm như sự đã chết, không còn biết chi; sau những lúc tìm xét về đạo lý với sự đời; sau những lúc mệt mỏi, chán nản, giác ngộ, thấy ra không còn muốn sống. Ấy tức gọi là nhập Niết-bàn, nhập định, nhập vào cảnh vắng lặng đứng ngừng của chơn lý võ trụ.

Nhưng bởi trong lúc ấy, bộ máy xác thân còn chạy, lửa bên trong chưa tắt, máu nóng vẫn thay đổi làm cho hơi đọng trong buồng phổi phải xuống lên nhẹ nhàng thoi thóp, chẫm rãi từ từ, đó là cảnh trạng của một người sắp chết, sẽ chết, gần chết.

Kìa như một người chết giả, một người bất tỉnh, một người ngủ say, một giấc ngủ ngon, một cái chết sướng của một người muốn chết muốn ngủ, sau sự tìm xét thấy ra cõi đời, là muốn chết mãi, ngủ mãi, chỉ muốn sự nghỉ yên là hơn.

Cái chết ngủ nghỉ đối với tâm hồn còn tham sống, ham thức, muốn tưởng nói làm là rất khó chịu phản đối, nặng nhọc khó khăn, chớ với người ưa thích giác ngộ thì thật rất dễ dàng.

Trong những lúc ấy, trí của họ nghỉ yên, sung sướng khoái lạc. Họ không có cảm giác gì nữa. Họ mãi cứ yên lặng, biết trong yên lặng, sống trong yên lặng, hư vô; mọi vật như đã đứng ngừng, im bặt đối với họ, tinh thần của họ đã gom hiệp lại lần lần, điện lực dung hòa sẽ thường sanh chớp nhoáng, thông lưu; thần gom là mắt trụ, khí sống tức ngậm hơi, tinh kết bởi ngồi ngay lửa đủ, nhờ đó mà điện phát sanh mau lẹ, trong ngoài túa ra khắp cùng. Bấy giờ người sống bằng ý giác, thơ thới, nhẹ nhàng; tiếng quả tim đập nhẹ chậm mà nghe ra như tiếng trống to, như đờn âm nhạc trổi lớn, có đủ nhịp nhàng, nhưng tâm không chú ý đến; ấy là giờ khắc của võ trụ, còn mỗi kiếp sống là mỗi hơi gió rút thâu vào, trả đẩy ra, điều hòa chậm chạp! Bởi tâm hồn tỉnh táo, phách giác thức yên, nên chỉ còn thấy ra xác thân là hơi thở, mỗi hơi thở như mỗi kiếp xác thân, trải qua mỗi hơi rút vô như sanh thân ra, mỗi hơi trả ra như chết mất vào, vào trong lòng mẹ bao la võ trụ. Cõi đời đối với người là hơi thở mau chóng, gồm thâu tất cả thời gian sự việc, rồi lại phủi xóa xô đi, như lẹ làng không mến tiếc. Khi ấy người không còn chú ý thở, nhưng tự xác thân nó vẫn thở lấy. Tâm người đã định yên, còn hơi thở, còn thân, hay không còn hơi thở, không còn thân cũng được. Người chỉ biết sự chết, ngủ nghỉ, đứng ngừng yên lặng, tự nhiên không vọng động, không không tất cả.

Những lúc đầu, người chưa được tự nhiên thì hơi thở ấy nó sẽ là bạn thân của người nương tựa, nó cũng như vầng mây dưới chưn để đưa tâm hồn người lên đến cõi tột cao hư vô tự nhiên, khi đến nơi rồi thì không còn kể đếm bảo giữ vầng mây hơi ấy. Nghĩa là trong lúc mới đầu, tâm còn nặng nề thì nương đó, lâu nhẹ lần là sẽ bỏ luôn. Hoặc là cái ý giác lúc đầu còn chấp té nằm nơi đó, rồi sẽ từ từ đứng dậy bay đi.

Hay cũng như lúc mới còn vọng động xao lãng nên phải kềm giữ ý giác ở một chỗ hơi thở, để rồi tập lần bỏ qua quên dứt, cho đến tự nhiên như nhiên, trong lúc lãng quên hơi thở chưa được, còn như đếm từ hơi, chờ giờ chết, còn quán tưởng nhận xét thấy nó, kêu là số tức quan vậy.

Số tức quan vẫn có nơi người hấp hối, muốn chết, ngủ nghỉ không vọng động, rồi sau lại là nó sẽ mất luôn, không còn, nên gọi là số tức quan không có, không có thật, vì nó vẫn tự có trong khi ấy, rồi tan mất, nên không ai muốn bảo giữ, Phật Thánh xưa kia đã phải như thế, chớ không phải là pháp muốn sống thức, vọng động mà luyện tập.

Nhưng nếu có ai muốn đuổi xua phiền não chốc lát tập định, nhận xét đếm số hơi thở cách ấy, cũng đỡ khá lắm, vì sẽ mau lãng quên thế sự và ngủ nghỉ như chết, rất dễ dàng.

Như thế thì số tức quan không bao giờ có nơi người còn thấy mình quan trọng địa vị, nặng nợ với xã hội, gia đình thế sự; không có nơi người còn muốn sống, thức, tưởng, nói, làm thái quá bất cập.

Vì số tức quan là trung đạo, nấc thang của nhập định, trái ngược với sự vọng loạn.

Nhưng nếu sự cố luyện tập của người, cốt ý cho giác ngộ, để khi giác ngộ rồi là sẽ không còn chấp sống, thức, xao động, thì số tức quan xuất hiện, kềm giữ cho người sự giải thoát trong sạch, để tiến đến Niết-bàn đại định.

Kết quả của số tức quan là nhập định. Kết quả của nhập định là con người còn thân hay mất thân cũng được, miễn đặng một tinh thần đầy đủ, ý giác linh thiêng chơn như tròn sáng, chủ tể chắc thật hột giống tồn tại của cái ta, nó sẽ là ta.

Đành rằng số tức quan đối với người nặng nhiều nghiệp vọng là khó lắm, nhưng mà cũng nên hãy ráng, tập tu lần lần, vì nó sẽ giác ngộ, giải khổ nghiệp cho người rất nhiều. Còn những ai tâm đã được thanh tịnh dứt nghiệp là sẽ có nó tự nhiên, hoặc vượt bỏ hẳn nó bằng sự nhập định xem mình như chết, ngủ nghỉ đã lâu đời.

Khi xưa đức Phật cùng chư A-la-hán nhờ giác ngộ thế ấy mà được nhập định, và phát thần thông trí huệ. Mặc dầu là xác thân chưa phải chết, ngủ nghỉ luôn, pháp thần thông chưa đủ đầy, chớ trong khi nhập định được từ một đến năm bảy ngày thì sẽ được sáu phép thần thông từ lần.

Sau đó các Ngài còn phải chờ đợi tiếp dẫn chúng sanh theo lời kêu gọi, nên sự tu cho mình phải bớt lại phân nửa, để đặng vừa lo cho mình mà cũng giúp đỡ cho người. Nhưng những việc làm bên ngoài ấy, các Ngài tùy nhơn duyên, làm xong là bỏ qua, gặp làm không thôi, chớ không tìm vọng. Các

Ngài không xem địa vị mình là quan trọng, hay bắt buộc phận sự. Trong tâm lúc nào cũng thấy mình như chết, ngủ nghỉ, còn thân xác là số tức quan. Nhờ đó mà sự giác ngộ trí huệ thần thông của các Ngài không lui sụt, nhưng phép đi tới thì hơi chậm lại một chút; tuy kém về mặt đó chớ với sự độ đời thì phước đức trí huệ toàn giác, sẽ chóng mau tròn, là chơn như sẽ càng tăng thêm, và nhập định bằng cách thứ hai khác do từ bên ngoài vào làm cho đạo quả cũng vẫn tròn đủ y nhiên nảy nở mau lẹ, không kém sút, nhờ đó mà gồm luôn được hai tên Đạo và Đức một lượt.

Ấy cũng vì số tức quan ích lợi nên về sau có lắm cách tu, luyện tập bằng hơi thở, mà người ta chỉ chăm chú tại hơi thở, chớ ít ai nhận xét ra được, số tức quan có sẵn nơi mình, nơi bậc trong sạch dứt nghiệp. Những sự hô hấp ấy cũng có nhiều lợi ích. Ví như có một người kia tập như vầy: Hơi thở hít vô kéo dài nhẹ nhẹ, niệm tưởng thầm rằng "Nam-mô A" chẫm rãi đến mãn hơi, dội trở ra kéo dài nhẹ nhẹ, niệm tưởng thầm rằng "Di Đà Phật" chậm rãi đến mãn hơi; thâu vô trở lại, niệm tưởng nữa làm thành vòng tròn, bằng sáu chữ "Nam-mô A-di-đà Phật" và liên tiếp những vòng tròn. Đi đứng nằm ngồi đều niệm mãi, tập không cho bỏ sót một hơi thở nào, trừ ra lúc ngủ quên, hay khi nói chuyện. Kẻ ấy bằng định tâm được như thế cũng khá, lục căn sẽ thanh tịnh lần, và sẽ đến được giác ngộ, của chết, ngủ nghỉ, số tức quan mực trung mà đắc định. Vì khi niệm ghi nhớ lâu sau đã quen, là sẽ không còn niệm sáu chữ ấy, mà như lúc nào cũng vẫn có, in trí vào hơi thở, chừng đó là còn hơi thở, càng ngày càng nhẹ nhẹ lần, cho đến sau rốt chỉ biết có chết, ngủ nghỉ bằng hơi thở thoi thóp tự động, ấy là số tức quan, do đó mà đặng nhập định. Kẻ ấy niệm Phật danh như thế là để mượn đức tin ủng hộ, cho tinh tấn ham mộ, chớ hoặc như hơi vô đếm một, hơi ra đếm hai, mãi đếm một hai hoặc đến bao nhiêu cũng được. Có người niệm tưởng một câu pháp, niệm danh hiệu Phật khác, hoặc một cái chi, đề mục nào cũng nên ích lợi, vì cốt ý là để trụ tâm. Những kẻ yếu tâm hay loạn thì trước hết niệm ra tiếng cho quen, kế đó niệm thầm cho tai nghe theo hơi thở, tiếp nữa không niệm mà hơi thở quen chừng như có niệm, sau rốt mất niệm mà hơi thở vẫn đều hòa khỏe nhẹ, như đến cảnh trí chết, ngủ nghỉ là số tức quan hiển hiện, để đưa vào nhập định. Số tức quan ấy kêu là vầng mây bay đưa vào xứ Phật.

Cũng có kẻ mới lúc đầu niệm danh Phật rất nhiều theo hơi thở vô, còn hơi ra thì xả bỏ, kêu gọi là niệm thâu vô, lâu sau còn niệm vô một câu, lần đến

còn một tiếng, kế đó nhớ tưởng theo hơi thở mà thôi niệm, nhưng vẫn còn như tưởng tượng, sau đó mới đến số tức quan và nhập định.

Người ta cho rằng hơi thở ấy cũng như vầng mây, vì còn xác thân là còn vầng mây; hơi thở người muốn bay vượt lên cao thì trước hết phải níu bám vầng mây, là tâm niệm theo hơi thở lúc đầu. Khi niệm ra tiếng như lúc kêu gọi cầu cứu với Phật, chừng giác ngộ gặp ra hơi thở niệm thầm theo là như gặp được vầng mây, tòa sen, Phật đã đưa qua cho, thế nên phải níu bám lấy, để cho tâm hồn được nhẹ sạch, cao ráo, bay cao, xa lần lần, dứt bỏ nghiệp trần, đến cõi trời Dục giới, còn sở dục. Khi còn hơi thở niệm tức là đã được ở trong tòa sen vầng mây, đến cõi trời Sắc giới có có; lúc dứt niệm chỉ còn hơi thở, số tức quan, tức là đã lên cõi trên vầng mây bay khá cao, đến cõi trời Vô sắc giới không không. Sau rốt nhập định, không còn biết hơi thở số tức quan, tức là đã đến tột cảnh hư vô Niết-bàn đại định, lìa bỏ vầng mây tòa sen, mà tâm định yên không còn vọng động té ngã nặng nề, tức là đắc đạo, ở luôn trong siêu hình xứ Phật Niết-bàn. Khi ấy không còn cần dùng xác thân hơi thở, tòa sen, thân mất còn cũng được bởi tâm mình đã tự chủ ở không trung (không không trung đạo) nhẹ nhàng. Kẻ sống còn thân mà được như thế thì lúc thác mất xác thân, vầng mây, tòa sen, người sẽ không còn lo sợ tâm té ngã xuống nghiệp trần, lao khổ luân hồi.

Cũng có những kẻ khá hơn, họ không niệm như thế, tùy duyên cảnh mà phát niệm. Ví như trong lúc đói thì họ niệm no no no, vài ba tiếng, nói ra theo hơi thở, rồi sau niệm thầm theo hơi thở ra vô một hơi một tiếng, kế đếm mỗi hơi thở ra vô, họ chỉ còn nhớ tưởng một tiếng no in trí, sau rốt còn hơi thở tự nhiên, êm nhẹ mất hẳn tiếng no và nhập định.

Cũng có người dùng một tiếng định một, hoặc một tiếng chết một, một tiếng ngủ một, hay một tiếng nghỉ một v.v... Người ta dùng một tiếng chi cũng được, tùy theo duyên cảnh; ví như mệt thì nói khỏe, đau thì nói mạnh, nóng thì nói mát, khi buồn thì nói vui v.v... Người ta dùng một tiếng tương đối để làm pháp đối trị giặc nghịch phiền não, đặng an tâm vào hơi thở, mà đến Niết-bàn vắng lặng.

Những phép niệm này lắm lúc rất linh nghiệm là do nhờ đức tin vào một vị Phật Thánh, và sự gom ý định thần, góp điện mà kết quả. Sự kết quả thi thố phép thần thông biến hóa là do ý lực mạnh mẽ của thần điện chớ không

phải tại niệm danh Phật mà linh, vì niệm danh Phật, mượn đức tin là phép tinh tấn cho kẻ yếu loạn, còn người vững tâm thì khỏi mượn niệm. Ấy bởi tâm đã định thì dùng đề mục, thoại đầu nào, tên tiếng gì cũng làm cho được định, nên gọi là bậc Bồ-tát đã đắc định huệ là có vô số phép thiền cao viễn.

Ví như vị Bồ-tát trong lúc nóng nực, Ngài nói ra rằng nóng quá, thôi mát đi, mát, tức Ngài mật niệm: mát, mát, mát, từ tiếng một theo mỗi hơi thở ra vô, rồi từ từ in trí vào hơi thở; kế đến hơi thở nhẹ lần nhập định, là sẽ như có luồng gió mát thổi ngay lại, mát lạnh khỏe khoắn vô cùng. Gặp cái chi, việc gì, các Ngài cũng dùng nó mà đếm nhập định và phát thần thông. Thế nên các Ngài biến hóa vô cùng, phép nhập định vô số, cùng giác ngộ thêm lên sáng suốt, đó là số tức quan của bậc cao. Còn như những bậc thấp, hoặc người ta tập sự chăm chú chăm chỉ đếm một, hai, ba, đến trăm ngàn muôn trong mỗi lúc, một con số nhứt định bằng hơi thở ra vào; hay đếm những danh hiệu Phật, mỗi hơi thở mỗi tên, đếm mãi từ xuôi tới ngược, từ ngược tới xuôi, để đặng kềm ý phục tâm một chỗ cho quen, đặng đến lần số tức quan nhập định.

Lại như có người vì xao lãng hay quên, nên tập phép thở ngược như vầy: Người bắt đầu ngồi trói ngay thân thể, mắt ngó xuống, cắn răng ngậm môi, hít hơi vô thật mạnh dài xuống đến khỏi rún, phình bụng dưới ra, và khi tóp bụng dưới lại thở hơi dài mạnh ra ngoài, đếm thầm một; kế đến hít dài mạnh vô, thở dài mạnh ra đếm thầm hai; người càng thở dài mạnh thêm lên, và đếm mãi, theo con số nhứt định, mấy trăm, mấy ngàn mỗi ngày, và càng ngày càng tăng con số ấy. Như thế để cho tâm ý có việc làm, không vọng động bên ngoài, lần lần đi đứng ngồi nằm cũng đều có thở đếm. Sự thở ngược như thế ấy là để cho thái quá, đặng trói kềm tâm, cũng là phép ngừa bịnh, chữa bịnh rất hay; vì hơi thở vô mạnh làm cho nở thông buồng phổi, quạt lửa trái tim xuống, trợ ấm bao tử, mau tiêu hóa vật thực và đem sức nóng giúp cho tinh thận phía sau, làm cho lửa trên dưới thông nhau, chạy khắp cùng mình nóng rực, hơi bốc ra mồ hôi đượm chảy, sanh máu tốt, trợ gan mạnh, giúp sức ngũ tạng làm cho ấm đặc nước tinh ba, sanh hơi khí mạnh, rút lửa trên đầu xuống, mắt sáng, tai thông, đầu nhẹ, trán mát, lưỡi ngọt, mũi sạch. Hơi trong mình bốc ra sẽ đuổi xua độc khí bên ngoài, ngừa bịnh, chữa bịnh tạm mau chóng. Để rồi sau mỗi lúc hơi thở dài mạnh cho mệt ấy là đến lúc mát khỏe nhẹ lắm, hơi thở sẽ bình thường, và nhẹ nhẹ lần nhập định luôn không còn đếm niệm, đó cũng là phép đổi lửa, quạt lửa tùy theo mỗi lúc.

Bằng chẳng vậy, hoặc người ta đếm số từ chặng để dẫn hơi lên xuống từ lỗ mũi tới cuống cổ, tới chớn thủy, tới rún, tới bụng dưới, hay cho chạy khắp thân mình, từng chỗ ý định bằng tư tưởng tập luyện quen.

Như vậy tức là bày ra cho có hình thức hữu vi, cho có thấy việc làm, bằng tưởng tượng, để đặng gom thần nhập định.

Người ta cũng có thể tập nín thở mũi, để thở bằng hai bắp tay, hai bắp chưn, theo lỗ chơn lông.

Người ta có thể sống bằng hơi thở không khí tốt, trong sạch mát mẻ, gọi là ăn không khí, chẳng uống nước ăn trái, cũng như rùa cùng giống qui, nín mũi không thở hoài, vì chân lông cũng thở phụ thế cho được, nhưng rất yếu, ít hơi hơn, nên chỉ có kẻ không nói làm lo nghĩ, ngồi một chỗ luyện tập cho mau đắc định, thì mới dễ thật hành.

Về hơi thở, người ta luyện tập cách nào cũng được, cốt yếu là để tập định, nhưng lúc hành thì phải kinh nghiệm, xem chừng từ chút sự khác lạ, kẻo thái quá bất cập có điều trở ngại, tai hại cho thân thể, làm mất an vui tấn hóa. Người ta cũng có thể cần phải biết ra nhiều cách thở, để đặng thay đổi pháp hành tùy theo nhơn duyên trình độ, cho đặng thuận tiện tinh tấn. Hơi thở là một đề mục trong muôn ngàn đề mục thiền định, chớ chẳng phải một môn độc nhứt để đến thiền định. Nhưng phong tục ở xứ này, phần nhiều có học tiên gia, tu theo pháp hữu vi, chấp có hình thức, mau hiệu nghiệm, lại dễ làm cho lớp kém, nên ham thích hơn pháp vô vi tự nhiên, theo chơn lý vĩnh viễn thường bền của võ trụ nhà Phật; mà dầu sao cũng được, hãy cố gắng giác ngộ là quý báu, vì sự đi mau cũng có lắm khi đến chậm hơn người chẫm rãi bình thường mực giữa.

Phép đếm tưởng hơi thở vẫn hay chẳng bì đặng phép ngó chừng trái tim, mà bởi có thấy dễ làm nên ai cũng chú ý đến. Hơn nữa là nó cũng có phép ngăn đón, ngừa bịnh, được sống dai, tươi trẻ, khiến cho ai ai cũng tham muốn sự phản lão huờn đồng ấy.

Tất cả những phép tu tập hơi thở có khó dễ khác nhau, nhưng chẳng có cách nào qua lẽ tự nhiên bình thường này: Là người ta phải đừng cố ý chăm chú vào riêng hơi thở, nhưng người ta mỗi lúc nào cũng phải ngăn đón sự thái quá thở mạnh, cùng bất cập thở nhẹ, tức là phải giữ làm sao hơi thở được mực trung điều hòa nhau như sợi dây ngang thẳng chẳng cho gợn sóng, như cái vòng tròn không cho móp méo. Nghĩa là không có tu luyện mà phải làm

sao hơi thở của tâm, hơi thở của trí, hơi thở của thân hòa nhau một mực, ấy là đắc đạo, đắc đại định, trung đạo, chánh đẳng chánh giác. Đó là một pháp tu chơn đúng lý, rất giản tiện, thật thông thường, nhưng chúng sanh thì thái quá bất cập đã quen, nên khó lòng bền chí thật hành.

Vậy thì tất cả các phép tu không có phép nào qua sự tự nhiên, vì tự nhiên chơn như là định, trung đạo, còn các pháp tu là dùng trừ thái quá bất cập, để đặng giữ cái trung đạo tự nhiên chơn như định, chớ không phải tu là để tìm thái quá bất cập, hai bên lề. Bởi cái sống, biết, linh là ai cũng đang sẵn có, mà vì bị thái quá bất cập, tà pháp ngăn che ám muội. Hiểu như thế tức là cũng như không có tu tập luyện rèn chi, miễn đừng thái quá bất cập vọng loạn, và không nên chấp có hơi thở tưởng đếm chi số tức quan.

Vậy thì theo đây, chúng ta nên cần phải hiểu ba món: tinh, khí và thần trong xác thân này, để mà ngừa bịnh.

Tinh là trong, là đặc, là kết gồm lại, là chất có ánh sáng như sao. Chất tinh ba là chất kết lọc chót hết của tứ đại. Tinh ba là chất sanh ra bởi xương, xương sanh ra bởi thịt, thịt sanh ra bởi da. Cũng gọi là chất tồn còn sau chót, sau khi da thịt xương đã tiêu hoại; cũng như hột là sự un đúc, rút thân của tất cả chất trong cây lá nhánh hoa trái. Cả thảy đều un đúc cho nó. Chỉ còn có nó, nó là ngọc, là hột giống, là con của mỗi vật. Trong một cái hột là có chứa tất cả chất của cây, nhánh lá, hoa trái, muôn triệu trong đó, rút thâu vào đó, ở ẩn trong đó, và sẽ xuất lộ ra ngoài, chất tinh ba của người cũng y như thế. Một hột tinh ba là một thân hình của người chủ. Của người nam là giống nam, của người nữ là giống nữ, nó là hình thức của người chủ. Thế nên bọc thai bào trống lổng bên trong, khi có một nhểu tinh nam chen lọt vào, hay tinh nữ chen lọt vào là sẽ được nuôi dưỡng, nảy nở sanh con, hoặc nam, hay nữ giống y người đó. Và nếu khi hai thứ tinh pha trộn vào trong, là đứa con ấy sẽ giống cả vừa cha vừa mẹ. Lại cũng có lắm kẻ nữ nhơn tinh nghịch, mặc dầu không gần với ai người nam, nhưng nếu vì quá vọng động dục tâm, tinh chứa trong thận chảy ra, lại làm cho trống cửa bọc thai, lọt vào, là cũng sẽ sanh ra được một đứa con giống mẹ như hệt. Như thế nên gọi tinh là hột giống, là chất điển của ấm do nóng lạnh dung hòa. Tinh có hai tánh: thủy và hỏa. Khi thương thì thủy dậy tràn ra, lúc ghét thì hỏa dậy phừng túa, cho nên phép dưỡng tinh là tập tâm bình đẳng ôn hòa không cho thương và ghét xúi giục, làm tổn hại. Tinh là chất điển, cốt yếu

của trong thân, với người chết lạnh nó chảy ra, nếu rút hơi vào lâu sau người ta rọi đèn cũng còn thấy rõ hình người. Với xác chết để trong hòm, người ta phải đốt đèn để ngay phía dưới, đừng cho hơi nó nhập thâu xuống đất, gọi là khử sao tinh. Vì nếu hơi tinh rút xuống đất, ít lâu sau khi nóng bức nó sẽ bốc cháy lòe lên như sao, và bay theo luồng gió, lộn cuốn trong nhà, ai đụng chạm là trúng điện độc, mà người ta thường gọi là hồn thư, hay đèn ma. Nơi những mả mới chôn, xác chết còn đọng chứa tinh, hay phát cháy lên theo hơi nóng như khí đá, ánh sáng lập lòe, giây phút rồi tan mất.

Tinh là ngọc xá lợi do những bậc tu thiền định lâu năm. Nước tinh ba lỏng trắng đục sẽ do sức ấm dung hòa của trung đạo, hấp ấp nấu làm cho đặc lại, trong suốt có viên tròn, theo những ống xương có từng hột lớn nhỏ, cứng mà dẻo, đốt không cháy, gặp hơi nóng hay nháng ánh sáng, kêu là ngọc xá lợi, ngọc người. Mỗi hột là như chứa đủ cơ thể của một người ẩn kín trong đó, sống biết linh sẵn có đủ nhiệm mầu. Xá-lợi lớn nhỏ và có đủ hình sắc phai lợt là tùy theo công đức của người tu lâu mau nhiều ít. Người tu mà có được xá lợi là quí lắm, chứng tỏ rằng người đã nhập định đắc thần thông, và do âm đức tu nhiều đời kiếp, nên kiếp này mới đặng. Cho nên người ta vì quí trọng đạo đức, pháp lý sự tu, và quý trọng sự tu kết quả của một người, mà đem ra trước mắt công chúng để tượng trưng và hoan hô tinh thần, cổ võ mối đạo.

Khi xưa đức Phật phóng hào quang cũng là do điện lực của tinh ba xá lợi trong xương thận; bởi Ngài đã có sẵn bên trong nên khi nhập định, dùng ý tưởng, chuyển hơi lửa đốt nung, là nó sẽ túa ra ánh sáng, hoặc từ thận lên theo xương sống, đến chót đầu, hoặc dẫn lại tam tinh, hay tay chưn cho xuất hiện. Đó là cái kết quả bên ngoài, để chứng rõ cái đạo tâm bên trong, là tâm chơn chánh trong sạch báu quý, chớ hiểu ra thì các phép linh ấy ma quỷ kẻ ác gian luyện tập cũng có được.

Tinh do nhờ ấm hấp nấu bốc lên hơi, gọi là khí; khí hòa là chẳng nói hơn thua mừng và giận. Khí ấy sanh thần, thần là tâm đứng vững một mực, bằng thẳng trung ngay chính giữa, không phải quấy, thiện ác, vui và buồn hai bên. Thần là giữa hai mắt thấy, tự nhiên chơn như đại định, trung đạo chánh giác, không xiên xẹo thiên vị. Khí là giữa nơi hai lỗ mũi điều hòa không mau chậm, tinh là ở nơi giữa hai lỗ tai, không nghe lời đẹp tiếng thô.

Tinh sanh khí, khí sanh thần, thần coi sóc nuôi lại khí, khí giữ gìn nuôi lại tinh, từ dưới sanh lên, từ trên nuôi xuống, cũng như chân giúp mình, mình giúp đầu, đầu giữ mình, mình giữ lại chân, ba phần sống cho nhau như một cái cây liền lạc. Lại cũng như một cái vòng tròn, tinh sanh khí, khí sanh thần, thần sanh tinh trở lại gọi là huờn nguyên. Khác nào giới nuôi định, định nuôi huệ, huệ nuôi trở lại giới, kêu là chơn như tròn. Ấy như một cái thân hình là có ba chặng chưn, mình, đầu hiệp lại. Vậy thì giữ tinh là trì giới, không dâm dục làm đầu; điều hòa khí là nhập định, không nói bậy làm gốc; dưỡng thần là không tưởng loạn làm nên. Thần dòm ngó lại cho tinh, tinh sanh khí giúp thần nên gọi là tinh thần, vì nếu thiếu khí hơi, thâu rút lửa tim xuống là hỏa tâm vượng vọng bốc cháy lên, đốt rượt thần phải chạy loạn. Vậy nên nhờ khí mà thần được chơn chánh hiệp một, duy nhứt ngó ngay sanh mắt giữa, được định yên làm chủ trở lại tinh khí mà xuất hiện linh thông kêu gọi là thần linh hay thiên linh (Tàu nói trại giọng là thiêng liêng). Nhờ thần làm chủ mạnh mẽ nên mới giữ được tinh, thì tinh mới sanh khí, khí giúp lại thần. Nhưng rồi sau rốt một ngày kia, tinh khí theo thân hoại mất, thì thần đã linh thông sống biết đầy đủ, giác chơn tròn định, ấy tức gọi là đắc đạo, kết quả, nên hột giống còn mãi, sống hoài trường sanh bất diệt, cũng kêu là Phật. Lúc ấy còn thân, mất thân cũng được.

Ba phép tinh khí thần hay giới định huệ, nơi người mà biết giữ gìn đều đủ, tức là lục căn thanh tịnh, thất tình đoạn phủi, tam độc tiêu trừ, ngũ uẩn khỏi qua, tứ tướng dứt sạch, nhơn ngã không còn... nên trí huệ thần thông, quả linh đạo lý, giác ngộ chơn như đặng đều đủ.

Cũng vì thế mà người tu ai ai cũng quý trọng sự nhập định dưỡng khí, là phép số tức quan. Vì có cái giữa mới đến được cái trên.

Thần là không không, cái trên; khí giữa không và có; tinh là có có, cái dưới; kêu gọi tinh thần là dưới trên, từ dưới lên trên, từ hữu vi đến vô vi là xuôi thuận, mà nấc thang giữa ấy tức là khí trung đạo, điều hòa, số tức quan vậy.

Ai ai cũng có sẵn số tức quan hết.

CHƠN LÝ 54

SÁM HỐI

Sám là tự hối điều lỗi của mình.

Sám hối là biết tội lỗi của mình mà muốn sửa đổi. Hối là răn dạy, là tiếc điều lỗi trước, hối cải, hối hận, hối họa, hối ngộ, hối quá, hối tội, hối tâm. Sám hối cũng nghĩa là ăn năn chừa bỏ. Ăn năn chừa bỏ tức là tắm rửa trong sạch. Không còn xấu đen dơ bẩn và bỏ sự chấp chứa tội lỗi, kêu là xả đọa. Thế nên gọi là sám hối thì được xả đọa.

Kẻ mà biết sám hối xả đọa là sẽ được tấn hóa, giải thoát an vui. Người sám hối phải là bậc trí huệ, sẽ đắc giới và thiền định. Vậy nên gọi sám hối là đạo Phật, vì hằng xét thấy lỗi, ấy tức là đạo Phật, con đường giác ngộ, linh sáng sẽ thường hiển hiện.

Cũng như khi xưa, có một vị đạo sĩ tu đắc thần thông, tự nghĩ mình là A-la-hán. Vị ấy trước kia là một nhà vua. Sau khi tưởng mình đắc quả, Ngài được một vị vua bạn xứ láng giềng rước thỉnh cúng dường trong cung, và cất lập tịnh xá trong ngự viên để cầm Ngài ở lại. Khi ấy hoàng hậu vợ vua tới lui nghe pháp hầu hạ và cảm vì sắc tốt, đức hạnh, quả linh, trí huệ của Ngài; còn vị đạo sĩ ấy cũng cảm vì nhan sắc trí hóa hạnh kiểm của hoàng hậu, thế là họ tư riêng chuyện vãn với nhau, làm cho vị đạo sĩ mất phép linh trí huệ và hạnh đức. Vị ấy hết sức ăn năn hối hận, Ngài liền trốn bỏ ngự viên, đi sâu vào trong hang núi tu tịnh tham thiền. Ngài cố gắng, chẳng bao lâu nhập định được, đắc thành thần thông trở lại, bỏ xác thân luôn, không đi ra ngoài dạy đạo. Vị ấy nhờ sám hối mà được giải thoát tấn hóa đắc đạo, thật

trong đời ít ai được! Vậy nên gọi sám hối là xả đọa, là tắm rửa trong sạch, là đạo Phật con đường giác ngộ.

Kìa như khi xưa, có một vị Pháp sư danh vọng được rất nhiều chúng sanh sùng bái mến thương gần gũi, nhứt là các hàng phụ nữ sắc đẹp, lại thường lân la bám níu chưn Ngài, Ngài lại để cho vật chất tình thương trói buộc. Ngài cũng như một người trèo núi cao, vừa lên được một đỗi, cao trên hơn người, nên vô tình ai cũng khen ngợi và muốn đeo theo. Cũng vì thế mà Ngài lại quên mình ngó xuống trở lại, và để cho nhiều người nặng nghiệp dính đeo, nên Ngài phải bị sút tay té ngã đùn cục trở lại như ai nấy, vào trong vật chất. Cũng như ở trong cõi đời, người ta cố ý ghét kẻ trèo cao hơn, nên họ oán ghét tật đố, rủ nhau níu kéo trì lại, làm cho vị pháp sư ấy phải bị té xuống rất sâu xa, vì bởi địa vị càng cao. Lúc đó ai ai cũng đạp chà khinh bỉ, ố ghét ngạo khi thậm tệ. Nhưng Ngài lại biết sám hối xưng khai tội lỗi giữa trước mọi người, Ngài xin chuộc tội lỗi với tất cả, bằng sự tự phạt hủy bỏ xác thân, để mưu cầu quả đạo ngày sau. Với tấm lòng chơn thật thiết tha sám hối ấy, làm cho ai ai cũng cảm động, xót thương hơn là phiền giận. Thế là không ai nỡ đành để cho vị ấy tự sát cả. Họ cho rằng Ngài biết chịu xấu, tức là cái xấu sẽ hết. Họ chỉ biết Ngài từ nay sắp tới về sau thôi, không còn ai dám ố ghét việc cũ đã qua. Và kể từ đó, Ngài thật giác ngộ lo tu, trổi khá thêm nhiều; cũng như một người kia, rúng mình xuống thấp, lấy trớn để nhảy lên lớp cao trên hơn nữa. Vậy nên sau đó, người ta lại càng tín nhiệm theo Ngài đông hơn, bằng cách trong sạch nhẹ nhàng, còn Ngài thì lại cố ráng trèo lên không hề ngó xuống, và Ngài chỉ muốn nhẹ mình đi mau tới, khỏi phải bị sự vướng đeo chậm lụt... thế là Ngài sẽ đắc đạo, đạo quả càng cao, thiên hạ càng theo đông nhiều thêm mãi. Ngài biết làm cho người ta quý trọng tôn sùng không còn ố khinh ghét đạo bằng cách mượn đạo làm nhơ, sâu mọt của đạo Phật. Như vị Pháp sư ấy biết sám hối nên được xả đọa, lại được lòng thương yêu quý trọng và nên công, thật cũng khá khen lắm.

Thế nên gọi đạo Phật là sám hối, sám hối là giác ngộ, con đường của chúng sanh đó.

Kìa như đức Phật Thích-ca Mưu-ni, Ngài nhờ sám hối mà được giác ngộ thành Phật. Ngài nói cho tất cả chúng sanh đều biết rõ rằng trước kia Ngài ở trong địa ngục, nhờ biết sám hối mà đến được Niết-bàn.

Địa ngục ấy là "cái tước vị vua quan giàu sang thái tử" bất công tội lỗi thái quá. Kìa cái sống của chúng sanh trong đời, bình đẳng như sợi dây ngay của mặt nước yên lặng, thế mà Ngài đã tạo ra những lượn sóng thấp cao trồi hụp cho giữa cõi đời. Ngài mà tạo nên được cái địa vị quan trọng tội lỗi ấy, là đã phải biết bao sự ác quấy đua chen, giành cướp lẫn nhau, hại khổ chết biết bao chúng sanh muôn loại. Ngài giải thoát xuất gia đi tu, tức là Ngài sám hối xả đọa lấy Ngài. Do đó mà biết bao nhiêu kẻ trước kia thù oán, tật đố ghét giận Ngài, trở lại thương yêu Ngài và kính phục Ngài nữa. Thế là họ đã quên hết những tội lỗi trước của Ngài, họ chỉ thấy Ngài địa vị ác cao trên mà không toại hưởng, lại bỏ đi tu mà cho là quý báu, ít có gặp, nên họ tôn sùng Ngài. Chớ tự Ngài là đã thốt ra rằng: Một người sống đời bình thường trung đạo, mà lại giác ngộ là đúng lý hơn, đạo của Ngài sau này là như vậy, giáo lý của Ngài là y thế. Một người ở mực trung bình mà không tham vọng là chánh lý quý báu lắm, kẻ ấy là Phật giác ngộ đó. Kìa một kẻ kia vì muốn sự thái quá bất cập, tạo gây ác quấy để nên một địa vị, rồi mới dứt bỏ trở lại công bằng, thì có phải là vô lý sái trật, đi chậm lụt thua sút người trung bình giác ngộ kia chăng? Một kẻ sớm giác ngộ ở mực trung ngay, có phải đỡ khá hơn là tạo tội ác rồi mới dứt bỏ, hay đến khi bị khổ báo mới chịu hồi đầu! Thế nên, Ngài cho rằng kìa lượn sóng hễ cao bao nhiêu, là tội lỗi bấy nhiêu và rồi sẽ thấp xuống bấy nhiêu, cái khổ cực nhọc, nó sẽ bằng hai cái mực giữa; đó tức là công lý tương đối giác ngộ cho kẻ lầm mê. Kẻ ấy là lầm mê hơn người mực giữa. Vậy thì một vị thái tử đi tu, sao bằng một người thường nhơn đi tu. Một người thường nhơn là đang ở tại công lý, lằn mức trung đạo mà giác ngộ, thì tức biết mình là Phật, rất mau lẹ hơn vị thái tử tội lỗi, bỏ mức trung bình tạo gây ác quấy làm vua quan giàu sang chi cho mất phí thì giờ, rồi lại sợ quả báo sợ khổ, hoặc đến lúc bị khổ báo mới sẽ giác ngộ tập tu giảm lần trở lại. Ngài cho rằng chúng sanh quý trọng Ngài là hiểu lầm, mà chính nên phải quý trọng kẻ không hơn thua kia mới phải.

Thế mới biết rằng chúng sanh ít hay giác ngộ, vì mảng bị hoặc nghiệp tội lỗi áng che nên không tài gì giữ cái Phật tự nhiên mực trung, để phải đợi đến lạc lầm thái quá bất cập, rồi mới giác ngộ và khen kẻ tội lỗi kia rằng không hưởng lấy tội lỗi, lại trở lại lớp cũ trung đạo, là quý báu ít gặp.

Thật vậy, chúng sanh chưa có khổ thì ít hay giác ngộ, và chẳng biết mình. Cũng như những đứa trẻ nhỏ bỏ nhà chạy chơi hoang, gặp nạn khổ mới biết tởn sợ mà trở về nhà cũ, chừng đó lại khen trọng nhà cũ, chê trở lại cái đi hoang. Nó khen nó biết trở lại là hay, mà không biết cái trước kia ở yên nơi nhà là quý báu hơn hết.

Thế thì giác ngộ ấy tức là sám hối, còn giải thoát ấy là xả đọa. Chúng sanh kém trí mà được biết sám hối xả đọa y như đức Phật, ấy cũng là khá lắm, đỡ tai nạn hơn kẻ còn mê muội.

Kìa như trong thế gian có những danh quyền địa vị: Một ông vua đang ngồi tại đền chánh, thi ân bố đức dạy dỗ cứu người thì phải là vua, chớ ngoài giờ ấy ra, ông đã cởi áo ra thôi làm việc, thì cũng là một người ta như ai nấy, nào có tên vua nơi cái ăn uống, vui chơi, con vợ. Thế mà ông ấy lại cũng tự xưng vua trong những cái ấy, lúc ấy có phải là chướng lạ chăng? Thế mà cũng có lắm kẻ lại nịnh hót tôn hùa, vẫn muôn tâu bệ hạ như thường. Vì thế mà ông ấy với những kẻ ấy vẫn mãi phải hư tệ si mê, chưa giác ngộ tấn hóa nên hay được, là bởi chưa biết sám hối xả đọa.

Lại ví như một ông quan to, danh từ chức phận của quan là trong lúc hành phận sự chánh thôi, còn ngoài giờ khác cũng là chúng sanh như người ta chớ sao! Thế mà khi đã hưu trí hoặc thôi làm việc rồi, về nhà xứ lại cũng còn xưng quan lớn, và có lắm kẻ tâng hót gọi quan to nữa! Đã vậy nào thôi, kìa một người từ nhỏ tới già chưa hề nói một lời, làm một việc của cái phận sự quan, quán xét đến dân, thế mà vì tiền của lại cũng có một hàm ân chức tước của kẻ khuyến dụ phong quan hàm. Và từ đó là một ông quan tự xưng nghiễm nhiên để cho người ta kêu gọi; mà tại sao chẳng phải là chúng sanh, như người ta ai nấy chớ gì.

Kìa như một ông chồng có cấp bằng bác sĩ, ông ấy đang chữa bịnh, người ta kêu gọi, hay là ông nói mình bác sĩ cũng là phải; nhưng vợ ông ấy, tại sao người ta lại kêu là bà bác sĩ, có phải vô lý không? Mà tại sao không gọi là bà vợ của ông bác sĩ, hay cô giáo, cô hai, hay vợ ông tư thầy thuốc, kêu theo việc làm của người đàn bà ấy cho đúng sự thật. Ví như người nấu cơm, giặt áo, đi chợ, thì tại sao chẳng kêu gọi là bà nấu cơm, giặt áo, đi chợ, lại gọi là bà quan, bà thầy thuốc. Cái quan, thầy thuốc đâu có nghĩa nơi nấu cơm, giặt

áo, đi chợ ấy. Cũng như một người đàn bà đi chơi, cờ bạc, thế mà người ta lại gọi là bà lớn, bà vua, bà quan, cô giáo, bà thầy, sái phép vì danh từ ấy đâu phải có ở nơi sự đi chơi, cờ bạc, hoặc là son phấn v. v…

Cũng vì thế mà trong đời người ta mới gọi rằng một người làm quan ba họ đặng nhờ, cũng như cha làm quan có cấp bằng trong khi làm việc, thế mà ngoài lúc ấy cũng là quan, con của quan, tớ của quan, trong họ hai bên ba phía thảy là quan cả, thì còn gì là chúng dân thiên hạ. Cho đến đứa con cháu dốt nát, ngày sau cũng được nối tước quan như cha để dạy dân ư?

Người ta đâu có rõ rằng danh từ là chỉ có nơi việc làm hiện tại, mỗi lúc mỗi thay đổi theo việc làm, và của ai là của riêng nấy, chớ phải nào là hơi hám mượn cậy nơi kẻ kia, hoặc trong giờ khác cho mình, trong mỗi việc khác.

Thế nên mới biết rằng đời là sai lạc tội lỗi, mê muội, sái quấy, vô lý quá. Một đứa nhỏ kia, một người đàn bà nọ là cũng chỉ như người ta, tên gọi theo việc làm, chớ nào phải vua quan đang làm phận sự, mà dạy bảo rầy phạt người khác.

Cũng như kìa đến trong nhà đạo giáo. Một ông thầy đang dạy đạo cho bá tánh, người ta kêu là sư đã đành, thế mà có kẻ lại còn gọi cha mẹ trước kia của vị sư ấy là sư ông, sư bà, hay con cháu, chú bác, cô dì của nhà sư lại gọi là sư tử, sư tôn, sư chú, sư bác, sư cô, sư dì, sư dượng… thật là trái lẽ. Những kẻ ấy có biết dạy bảo ai chi đâu, thế mà người ta lại tôn hùa để cho họ tự cao quái ác. Cái tiếng nhà sư mà lại có những quyến thuộc đeo theo lạm dụng danh từ, ấy thật xấu xa cho nhà Phật. Người ta sẽ nói Phật có vợ con, cháu chắt à?

Kìa bà Ma-da là mẹ Sĩ-đạt-ta, sao ta lại bợ tâng hót là Phật mẫu? Chư Phật có mẹ hay sao? Bà nào dám xưng mẹ Phật?

Cũng như Phật là con của chư Phật quá khứ, còn Sĩ-đạt-ta là con vua Tịnh-phạn, con vua Tịnh-phạn đã chết, còn Phật đây là con của chư Phật, chớ nào phải Phật là con của vua Tịnh-phạn. Còn La-hầu-la là con của Sĩ-đạt-ta, chớ đâu phải Phật mà có con, chính con Phật là chư Bồ-tát Phật tử kia mới phải. Như nàng Gia-du là vợ Sĩ-đạt-ta, sao ta lại dám nói là vợ Phật? Vậy ra thành Phật rồi mới đi cưới vợ sanh con, có cha mẹ ư? Thế là người ta ở đời nói quấy hiểu sai quá, do đó mà tội lỗi lại chất chồng lên!

Kìa một người làm ruộng bước qua mua bán, chết bỏ nghề nông khi trước, thì chúng ta phải gọi họ là mua bán ngay việc làm, chớ nào ai gọi là người làm ruộng được. Vậy thì đó là lẽ giác ngộ của chúng ta, lẽ ấy có ra là do biết sám hối thì sẽ được tấn hóa xả đọa, tránh xa tội lỗi lạc lầm, mà sẽ thấy rõ ra tất cả chúng sanh là trung đạo, như nhau có một mực.

Sự thật đúng y như vậy! Sở dĩ mà chúng ta lạc lầm si mê đến thế là bởi từ xưa, các sự chiến tranh cướp giành chen lấn, mạnh được yếu thua, nâng cao cái ác, lấy tà quyến dụ, đem danh lợi cám dỗ, mê hoặc một cách vô lý ngông cuồng mãi như thế, để cho loài người hấp thụ thành quen, trắng đen không còn phân biệt, để xô chúng sanh vào đường tà ác, mãi mãi về sau, thảm thương tai hại. Thật là ít ai giác ngộ. Và quái ác thay cho kẻ bày mưu hướng đạo, bịt mắt chúng, dắt theo mình, đặng dễ bề tạo tội, cho ngày sau phải khổ báo trả vay, thêm sâu kết chặt, vô ích vì nhau, tạo nên cõi đời những lượn sóng trùng ba rùng rợn, dưới những cơn gió táp cuồng phong của họ.

Thật là thảm thương cho sự mê muội tội lỗi.

Cũng vì thế mà lắm kẻ chán ghét đời. Nhưng thật ra, đời đâu phải thương ghét, họ ghét là ghét cái không giác ngộ, chẳng biết sám hối xả đọa của những kẻ mê muội tội lỗi, mà lại mãi cố chấp tự đắc tự cao ấy thôi. Kẻ ghét đời ấy cũng chưa phải là đúng, mà sự thật là ta phải xót thương, thương hại họ; nên phiền trách trở lại mình, tại sao mình không giác ngộ cho họ sám hối xả đọa cho sớm! Nhưng ghét đời sao cho bằng ghét đạo, ghét đạo là ghét những kẻ mang danh dẫn đạo, mà lại mê muội tội lỗi không chịu sám hối xả đọa, đã biết giác ngộ mà lại còn làm tệ, lại đem cái tệ dạy người ta, mà cho là phải của mình; cái ấy mới đáng ghét của người đời đối với đạo, bởi làm mất đức tin của họ.

Cũng vì thế nên chư Bồ-tát khi xưa mới bày ra cách sám hối hồng danh. Hồng Danh là danh từ pháp lý của chư Phật, chữ đỏ nêu gương nơi quyển sổ vàng. Đối với cõi đời, các danh Phật ấy là pháp lý, giáo lý, đạo lý, những ai muốn sám hối xả đọa, và muốn cho có một cái pháp của Phật để nương theo, đặng tu cho mau giác ngộ thành tựu như tên vị Phật ấy thì phải đọc nhắc đến danh từ hạnh nguyện ấy, để đặng thật hành quán xét cho đúng thì dễ dàng sám hối xả đọa. Hoặc như người ta đọc ra nhiều tên Phật tức là nhiều cái

pháp lý để cho hiểu nghĩa đặng thích ham mộ tu, giác ngộ, mà sám hối xả đọa lìa xa, bỏ ra, vượt qua tội lỗi. Các danh Phật ấy là pháp, là pháp lý dẫn đạo, dạy tu, cũng như ông thầy, như Phật, thay Phật, chớ không phải có ông Phật tên đó. Trong quyển sám hối Hồng Danh, phần nhiều là pháp danh, chớ ít vị Phật nào có thiệt. Nhưng nói vị Phật nào có những tên đó cũng được, vì Phật là có đủ các pháp. Vậy nên những ai sám hối xả đọa tội lỗi mê muội của mình, là sẽ được giác ngộ lần lần, và noi theo gương tích hạnh nguyện của một tên Phật, hay pháp lý danh từ thích hợp, là kẻ ấy tập tu theo pháp đó, về sau sẽ đắc tâm đó, nên gọi là thành Phật tên đó. Vậy thì trong 89 tên Phật trong quyển Hồng Danh, hay vô lượng pháp danh của pháp, ai tu theo pháp nào cũng giác ngộ đắc quả cả; vì kẻ tu ấy tức là đang sám hối xả đọa, nên sẽ tấn tới thành Phật được. Kìa như tên Phổ Quang Phật là phổ tế ánh sáng giác ngộ cho chúng sanh, thì sẽ thành Phật. Phổ Minh Phật là phổ tế sự thông minh cho chúng sanh minh mẫn, thì sẽ thành Phật. Phổ Tịnh Phật là phổ tế sự thanh tịnh trong sạch cho chúng sanh, thì sẽ thành Phật. Phổ Tạng Phật là phổ tế Pháp bảo Tam tạng cho chúng sanh, thì sẽ thành Phật v.v…

Nghĩa là kẻ nào hành đúng y danh từ ấy tức là tu, sẽ thành Phật có tên đó. Kẻ đang tu ấy là đã chứng tỏ sự giác ngộ sám hối xả đọa dứt bỏ nghiệp trần, tự độ lấy mình giúp ích chúng sanh, nên sau này mới thành Phật đặng.

Vậy thì quyển sám hối Hồng Danh tức là con đường dắt dẫn người sám hối xả đọa, giải thoát tấn hóa, tu theo các danh từ pháp lý, lý nghĩa ấy, để đặng sau này thành Phật, chớ chẳng phải lạy ông Phật đó để ông ấy tha tội cho. Vì nào ta có làm khổ ông đó mà lạy rồi ông ấy sẽ tha, hoặc may ra ta có lỗi sái là việc làm không đúng với pháp lý tốt đẹp nên hay đó vậy thôi, chớ ta không có tội lỗi chi với ông nào ấy cả. Nhưng sự cung kỉnh lễ bái ấy là để biết quý trọng Pháp mà thật hành tu theo, đặng biết ghét chán sợ tội lỗi của mình đó thôi. Như thế thì quyển sám hối ấy, là pháp tu giác ngộ rất có ích lợi cho kẻ thật tâm tu hiểu lý nghĩa, để đặng dễ bề sám hối xả đọa, mà nương theo những pháp lành trong sạch.

Đó là phép sám hối dạy tu cho cư sĩ, còn lòng tự ái cao trọng, chứa tội, không dám nói lỗi của mình ra của những kẻ phàm tâm; chớ những bậc muốn tu hạnh Thánh, cầu xuất gia giải thoát, thì phép sám hối là phải nên tự xưng khai ra ngay giữa hội chúng, có như thế mới được xả đọa ngay

liền, không còn tái phạm, thì mới trông tu hành đến ngay quả Phật. Chính sự đại hùng đại lực dõng mãnh tinh tấn xưng khai ấy mới đáng gọi là bậc Thánh nhơn trong sạch, mới phải gọi là phép sám hối chơn chánh, đúng lý, ít ai làm được. Do đó mà thiên hạ đặng chỗ tin cậy, tùng phục nên họ mới xưng tặng là các nhà sư.

Chính sự sám hối là tu, có sám hối mới có tu, tu là sám hối. Kìa như vị đạo sĩ, vị pháp sư địa vị quan trọng trong đạo, phạm giới to nhứt, như rắn đứt đầu. Sự phạm giới ấy là như đã chết rồi. Tất cả chư Hiền Thánh thảy đều kinh sợ. Lại như vua quan từ xưa là tội lỗi chất chứa lớn cao hơn hết, như kẻ bị chôn sâu không tài gì cứu vớt, thế mà cũng nhờ sự dõng mãnh của trí huệ giác ngộ, nên sám hối xả đọa giải thoát mau lẹ, còn chút hy vọng được thay. Huống chi là chúng ta ngày nay chưa đến đỗi, sao chẳng mau lo sám hối tu hành, đợi phải bắt chước kẻ kia thì dễ gì cả triệu chúng sanh mà sống nên được một ý như họ; mà chẳng phải là sám hối trước, là chắc hay quý báu hơn hết...

Vả lại chúng ta cũng rất cần sám hối, vì khi ta chết đi xác thân không còn nữa, thì đâu còn mắt mà thấy, đâu có tai mà nghe, đâu còn mũi mà hưởi, đâu có lưỡi mà nói nếm, đâu còn tay chưn mà đi làm, đâu có mình bụng mà dung chứa! Thế là cái biết chỉ là biết vu vơ nhớ tưởng bậy bạ đâu đâu, ở trong cái im lặng, tối đen không không tất cả vạn vật, cái biết ấy cũng không phải là một lằn khói, ai đụng nó, nó đụng cái chi cũng như không có chi cả. Nó đâu còn thấy nghe, đụng chạm người thú cái chi. Sự tưởng tượng của nó lúc đầu, là như nhớ tưởng xác thân của loài người.

Đối với kẻ tu nhập định yên lặng được, thì sẽ cứng chắc yên vui còn mãi và có thần thông, gọi là Phật Thánh. Còn kẻ ít mê trần nghiệp tội, thì ít loạn vọng nên dễ chịu, chịu được cảnh im lặng tối đen không không, về sau chừng vững khá linh thiêng thì còn biết đường thấy chỗ nhập thai; hoặc bị quỷ ma hóa ra Phật Thánh Trời Tiên dẫn dụ gạt gẫm, hay bị yêu tinh biến ra quyến thuộc nhận nhìn, lôi cuốn, cũng là còn khá. Chớ nếu kẻ sanh tiền tội lỗi ác gian nhiều, khi chết đi ngàn năm ức kiếp cái biết không ra khỏi cảnh ấy đặng, hoặc phải diệt tiêu, là bởi loạn tâm, dục vọng, phiền não, thất tình, làm cho càng yếu ớt, hoại lần cái biết, đến hết biết là tiêu diệt.

Vì cái biết là do tập từ nhỏ tới lớn, biết có lần lần; do nhiều đời, bởi nhân duyên tạo ra, rồi sẽ bị nhân duyên loạn vọng diệt tiêu, làm cho hết biết trở lại. Cũng ví như thương quá hết biết, ghét quá hết biết, mừng hay giận quá hết biết, buồn hay vui quá hết biết, ưa muốn, dục vọng, hối hận, phiền não quá cũng hết biết! Đó tức là sự tiêu diệt, cái ta hư hoại bởi các ảnh hưởng của tội lỗi lúc sanh tiền. Đó là điều đáng cho chúng ta lo sợ hơn hết, mà cần phải sám hối xả đọa để cho tâm được vững yên tròn cứng, nhập định chơn như làm Phật, ích lợi cho mình trước, còn sự ngoài của ai ngày nay là trối mặc họ, vì mình là phải thương mình trước hơn hết. Dầu chẳng được vậy, cái biết ta cũng dễ chịu ; có phải bị đọa lạc vào xứ của quỷ ma hành phạt đi nữa, cũng còn mong có ngày giải thoát vượt ra, nhập thai, hay theo Phật cũng là còn khá hơn sự tiêu diệt đáng tiếc. Thế mới biết rằng tội lỗi chẳng phải hại cho xác thân không thôi, mà là nó sẽ giết hại tâm hồn ta nữa, việc mình làm là chỉ hại lấy mình. Vì cái ác quấy là sự hư thúi của trái tạo ra, sẽ sanh phiền não là con sâu, con sâu phiền não sẽ đục phá lần cái biết tâm hột tiêu hoại!

Vậy thì cái biết tham lam dục vọng của ta là hột non nớt, có ngày bị hủy bỏ.

Cái biết trong sạch thiện lành là như hột lớn cứng già cũng được khá; nhưng sao bằng chính cái biết định yên chơn như, mới phải hột chín cứng khô, sống mãi để đời, kêu là giác chơn, Phật hay là ta đó.

Có hiểu thật ra như thế, chúng ta mới sẽ biết sợ cái non nớt thúi sâu mà hằng giữ mình sám hối trong sạch, dứt xa phiền não, nuôi lớn cái ta là quý báu vĩnh viễn, tốt đẹp yên vui hơn hết.

Ai ai cũng khá nên phải sám hối hết.

PHỤ THÊM

Cách ngôn: *Ở đời có sẵn công lý!*

Nghĩa là tứ đại sanh thân, ai cũng có một thân như nhau, nên miếng ăn của tất cả mọi người đều bằng nhau. Ai ăn nhiều thì hết sớm, người ăn ít sẽ ăn bền.

Cao bao nhiêu là sẽ thấp bấy nhiêu, thấp bao nhiêu là sẽ cao bấy nhiêu, khỏi ai phải phân xử sắp đặt cho ai cả. Vì cái khổ nó đã giác ngộ cho con

người, nên gọi là công lý có sẵn trong đời; hay là ở đời có sẵn công lý ấy rồi, nào phải đợi gì ai lo cho ai, cho nhọc.

Phật ngôn: Kẻ mà không biết sám hối cũng như ông cha có râu mà còn kiêu mạn, nghĩa là kiêu mạn là tánh trẻ con, thế mà người để râu xưng gọi mình cha ông, bậc giác ngộ kinh nghiệm nhiều, mà còn kiêu mạn láu táu như trẻ nhỏ là xấu xa đen đúa lắm. Kẻ không biết sám hối cũng y như thế. Vả lại, cha ông là tiếng trẻ nhỏ tôn trọng, chớ mình tự xưng cha ông là sái quấy tội lỗi, bởi tất cả chúng sanh trong võ trụ là bình đẳng như mặt nước bằng mình, bằng có sở chấp thấp cao như trẻ nhỏ, là còn mê muội hơn trẻ nhỏ. Vậy nên trong đời là đừng nên có ai tự xưng hết. Người lớn là phải khiêm nhượng, còn trẻ nhỏ nó trọng tôn, là sự tấn hóa phải hay cho nó. Như thế mới gọi là võ trụ đại đồng bình đẳng của nhà Phật!

CHƠN LÝ 55

CHƠN NHƯ

1. Trong kinh Kim Cang, Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như đức Thế Tôn thật là ít có, đức Như Lai vốn hay ủng hộ chư Bồ-tát bằng tư tưởng lành, vốn hay đem điều lành mà phó thác lại cho chư Bồ-tát. Bạch đức Thế Tôn, như có bậc trai lành gái tín quyết phát tâm cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên trụ vào đâu? Nên hàng phục cái tâm như thế nào? Đức Phật bèn phán với Tu-bồ-đề rằng:

"*Chư Bồ-tát Ma-ha-tát nên hàng phục cái tâm như thế này: Đối với tất cả các loại chúng sanh, dầu là loài sanh từ trong trứng, dầu là loài sanh từ trong thai, dầu là loài sanh dưới nước, dầu là loài sanh hóa, dầu là loài có hình sắc, dầu là loài không hình sắc, dầu là loài có tư tưởng, dầu là loài không tư tưởng, dầu là loài chẳng phải có tư tưởng mà cũng chẳng phải không tư tưởng, thời ta cũng diệt độ cho tất cả đều đắc nhập cảnh Niết-bàn trọn vẹn. Như vậy là diệt độ cho vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh đắc nhập Niết-bàn, nhưng thật ra không có chúng sanh nào được diệt độ cả. Tại làm sao? Này Tu-bồ-đề ơi! Nếu Bồ-tát mà có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng mạng số, thì chẳng phải là Bồ-tát*".

Như thế nghĩa là bậc Bồ-tát thay thế cho Phật diệt độ chúng sanh, là phải thệ nguyện độ cho tất cả chúng sanh bình đẳng, nhưng mà tâm hằng giữ chơn như đại định, như Kim Cang bất hoại, như võ trụ chơn không, đạo đức bao trùm tất cả, nhưng mà cái thể của nó, lúc nào cũng tự nhiên

vắng lặng không không, không vọng động, không ranh mé toán số chi hết. Cái tâm của người phải là võ trụ chơn như như vậy, chớ đừng chấp có nơi sự việc. Tâm như thế mới thật gọi là to lớn, phước đức như thế mới gọi là không cùng, ấy gọi là Kim Cang.

Sau đó đức Phật giải thêm rằng: Bậc Bồ-tát có theo pháp mà làm việc bố thí, thì không nên nương dựa vào đâu hết, không nên nương dựa vào tướng của sáu trần là: hình sắc, tiếng tăm, mùi, vị, xúc và pháp ý mà bố thí, thì phước đức không thể suy tính đo lường, cũng như không thể suy tính đo lường cõi hư không về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương kế cận, phương Thượng và phương Hạ. Tâm bố thí mà không trụ vào tướng, không cố chấp, thì phước đức cũng không ranh mé toán số y như vậy. Đức Phật lại dạy rằng: Phật là cái chơn như Như Lai, là chẳng vọng động bổn lai, chớ không phải thân tướng là Phật. Cũng như Ngài không cố chấp cái quả chi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và cái pháp chi cần phải thuyết, vì Ngài không cố chấp bốn tướng, tâm chỉ hằng chơn như đại định thôi. Ngài không cố chấp quả chi hết, là vì tâm của Ngài đã thật giải thoát trọn vẹn, không còn dính mắc vào đâu cả. Nên Ngài gọi rằng dứt bốn tướng ấy tức thành Phật, phước đức lớn hơn hết. Cũng như cái thật là cái không có hình tướng, cái nhiều là cái chẳng suy lường, cái lớn là cái không xem thấy, cái có là cái không giữ gìn, cái không hư hoại là chơn như võ trụ, cái ấy mới gọi là cái của bậc giác ngộ, Phật, là tâm của Phật, chơn tâm, không vọng.

2. Kìa như trong tâm kinh, bài kinh nghiệm của tâm, trong cái chơn không mực trung không vọng, thì đâu có chi là cái có hay không cái sắc thân, thọ cảm, tư tưởng, hành vi, thức trí của ngũ uẩn; tâm đã là định chơn như, thì trong đó đâu có chấp biết gì: sanh, già, bịnh, chết, sáu căn, sáu trần, sáu thức, khổ, tập, diệt, đạo; như vậy thì đâu còn có pháp gì là vô minh! Đâu có cái trí, cái đắc mà mong muốn Niết-bàn.

Vì bởi tâm định chơn như tức là Niết-bàn Phật rồi, giác ngộ như thế nên không còn có chi tìm cầu cả; ba đời chư Phật cái tâm đều y như vậy, nên mới thành Phật. Ấy là cái trung tâm, trụ cốt, chỗ đến, đặc điểm của tất cả chúng sanh đó.

3. Lại như trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy ông A-nan rằng: Đèn chẳng qua là cái phô bày sắc tướng ra được, mà không phải thấy được. Cái thấy được sắc tướng ấy là mắt vậy. Cũng như con mắt là cái phô bày sắc tướng ra được nhưng thấy được sắc tướng ấy là lòng, chớ không phải con mắt thấy được. Ngài gọi rằng hết thảy chúng sanh không thành được Chánh giác, và cũng không thành được A-la-hán, đều bởi khách trần làm cho lầm lạc. Vì khách trần ví như người đi đường, đói ghé quán cơm, tối vào tiệm ngủ, ăn ngủ xong rồi lại ra đi nữa. Nếu không đi đâu cứ ở nhà mãi, ấy là chủ nhà (chơn), mà bởi không ở lại, mới kêu là khách (vọng). Còn trần nghĩa là bụi. Như ban mai mặt trời mọc, yến sáng dọi vào những lỗ trống trong nhà, thấy bụi bay xao xuyến, đầy giữa hư không. Nhưng hư không vẫn lặng im (chơn), còn bụi cứ xao xuyến (vọng). Bởi nó xao xuyến mới kêu là bụi.

Khi ấy Phật bèn giơ tay rồi nắm lại, xòe ra, hỏi A-nan rằng: *Ngươi thấy gì không?*

- Thưa: thấy Phật giơ tay rồi xòe ra, nắm lại.

- *Tại bàn tay (khách) ta xòe ra nắm lại, hay tại cái thấy (chủ) của ngươi có xòe ra nắm lại?*

- Tại bàn tay Phật.

- *Cái nào động và cái nào tịnh?*

- Bàn tay của Phật động (vọng). Cái thấy của con tự nhiên (chơn), không có cái tên tịnh, huống chi lại có cái tên động.

Phật khen rằng: - *Phải*.

Bấy giờ Phật lại giơ tay chỉ về phía hữu, A-nan quay đầu ngó phía hữu. Phật lại chỉ qua phía tả, A-nan quay đầu ngó phía tả. Phật bèn hỏi rằng:

- *A-nan, đầu ngươi tại sao day động?*

- Tại thấy Phật chỉ hai bên, con ngó qua ngó lại, cho nên đầu mới day động.

- *Tại cái đầu của ngươi động, hay tại cái thấy của ngươi động?*

- Cái thấy chủ vẫn tự nhiên (chơn), tại cái đầu khách nó day động (vọng).

Phật khen rằng: - *Phải*.

Bấy giờ Phật bảo hết thảy Tăng chúng rằng:

"*Cũng có người biết cái xao xuyến ấy là bụi, mà chưa hiểu cái hư không đựng chứa bụi ấy nó vẫn yên lặng tự nhiên; biết kẻ không ở lại ấy là khách, nhưng không biết người dung nạp khách, ấy là chủ nhà, không dời không đổi.*

Vậy các người hãy xem cái đầu của A-nan, tại nó day động, và tại bàn tay của ta nắm lại xòe ra, nhưng cái thấy nó vẫn tự nhiên, không có chút gì thay đổi.

Cái tự nhiên yên tịnh không đổi không dời ấy, chính là cái chân tâm của các ngươi vậy. Cớ sao các ngươi quên mất cái đó, lại nhận cái sống chết làm mình, cái biến đổi làm cảnh, mà phải luân hồi mãi trong vòng sanh diệt vô thường? Ấy cũng bởi các ngươi tự mình chác lấy mà thôi".

Như thế tức là đức Phật dạy bảo chúng ta nên hãy nhận ra cái chơn như võ trụ đạo đức không vọng động, không không vắng lặng, tự nhiên chơn thật, làm tâm, làm trung tâm trụ cốt chỗ đến. Kìa như cái biết của ta nó cũng vốn là tự nhiên không vọng động, và từ nơi tự nhiên không vọng động, có sẵn từ lâu, tự hồi nào, chớ nào phải mới có hiện tại đây. Vì nếu không có trước kia, thì bây giờ đâu có. Sở dĩ trước kia nó chưa xuất lộ ra, chưa tập thành tướng, là chính nó đang ở ẩn trong các pháp chúng sanh vạn vật đó thôi, nên gọi là cái sống biết linh, có sẵn nơi chúng sanh vạn vật các pháp, vốn là tự nhiên ở trong võ trụ. Thế nghĩa là cái biết của chúng sanh đã có, đang có, sẽ có, chớ chẳng phải không. Nó là cái có sanh ra, có sẵn, ở trong võ trụ hư vô chơn như đạo đức. Và cũng là chơn như đạo đức võ trụ hư vô, đang có sẵn ở trong mỗi cái.

Bởi đó nên lắm kẻ gọi chơn như là chúa tể các pháp, là tâm của chúng sanh, là chỗ đến của tất cả, là cái Phật của bậc giác ngộ. Người ta cũng nói chơn như là Ngọc đế, là cao Thượng đế, nghĩa là chơn như là pháp quý báu như viên ngọc, là pháp cao thượng hơn hết. Đế nghĩa là thẩm xét, Thượng đế nghĩa là pháp thẩm xét cao thượng hay Ngọc đế là pháp thẩm xét báu quý như châu ngọc, pháp ấy là chơn như. Đế cũng nghĩa là đề, đề là nắm lấy dẫn lên. Ngọc đế, Thượng đế là pháp chơn như, quý báu cao thượng, làm chủ nắm lấy chúng sanh dắt dẫn đem lên. Đế cũng nghĩa là bình luận,

đề mục, nêu lên; đề là cái trán, đầu đề, nên gọi Ngọc đế, Thượng đế là cái chơn như quý báu cao thượng như cái trán trên cao, như cái pháp để nêu lên, là vấn đề bình luận, cũng là đầu đề, đề mục của chúng sanh câu chuyện. Thế nên gọi chơn như là pháp tạo tâm, hóa trí cho chúng sanh, tạo hóa của chúng sanh. Tất cả chúng sanh mà được tiến lên, là nhờ ngó ngay nhìn nó. Nên gọi chơn như là thầy, là cha mẹ, là vua chúa, chúa tể, Phật hay Ngọc hoàng Thượng đế là nó, nó là pháp lý danh từ, chớ không phải riêng ai cả.

Người ta cũng gọi võ trụ là chơn như, không không, im lặng, tự nhiên, tự nhiên là Phật, còn không không ấy là trời, cái trời chắc thật, còn vạn vật chúng sanh, các pháp có có, xao động là đất, cái đất thay đổi. Ấy là lý ông Trời, bà Đất của nhơn loại chớ không phải người nào.

Như thế nghĩa là trời đất đây là giáo lý; còn ông Tiên, ông Phật là bậc ở núi không không; và bậc giác ngộ, chơn như tự nhiên, cũng ở trong trời đất võ trụ, chớ không phải ở ngoài chỗ nào nữa.

Trong cái tự nhiên chơn như là gồm cả có và không, trời, đất nuôi sống sanh sản, tạo hóa đủ cả sống, biết, linh, chúng sanh vạn vật các pháp. Vậy nên, những ai lấy nó làm tâm, giữ đúng tâm chơn như, thì sẽ tức mình là võ trụ, Phật, Ngọc hoàng Thượng đế, chúa tể, tạo tâm hóa trí cho cả chúng sanh.

Thế mới biết rằng chơn như võ trụ là đạo vĩnh viễn bền dài, và dung chứa tất cả, kêu là đức. Nghĩa là giáo lý của nó là tích chớ không phải tiêu, tức là chứa chớ không phải bỏ. Cũng như làm mà không chấp chớ chẳng phải chấp không, không làm. Khác nào trong thế gian không có vật gì bỏ cả, các pháp tốt xấu đều dùng được theo mỗi việc, các chúng sanh tội lỗi cách nào cũng có chỗ hay, giáo lý nào cũng ích lợi v.v…

Ví như có kẻ kia nói rằng ta không tin một ông Thượng đế, một ông Phật giúp nên ta, ta không tin được khoa học vật chất làm ta được hạnh phúc, nghĩa là ta phải tự tin lấy ta, sự thành công ở nơi ta, tự ta tạo thời thế! Kẻ ấy hiểu như thế mà cho là đạo Phật thì kém hẹp, thiếu sót chăng? Vì tự mình, cái tự mình không làm sao được. Kìa nào ai thấy bụi đóng sau

lưng mình, nào ai với tay tới sau lưng, nào tự mình sống biết mà không phải là đang nhờ nơi tất cả cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật, tứ đại võ trụ? Thế mới hay rằng tự mình là chưa đủ, vì tự đắc, tự tôn, tự đại, tự kỷ, tự ái, tự cao, cái tự tôn, tự lập ấy khác với Phật lý là Thế Tôn, chúng sanh trần thế tôn Ngài. Người ta tôn mình, tốt hơn là mình tự tôn, tự đại. Vả lại, cái "tự mình" tiếng ấy là một phần tử nhỏ, chiết ra từ trong cái tiếng "ta", ta là chúng ta, là toàn thể tất cả trong võ trụ.

Thế thì người ấy phải nên dùng chữ ta mới đúng, vì cũng có tự mình, cũng có Phật, Thượng đế, cũng có khoa học vật chất, cũng có tất cả chúng sanh vạn vật các pháp võ trụ hiệp lại giúp nên mới được cái ta chứ!

Kìa như một câu nói khiêm nhượng nghe như êm ái làm sao!

Người nọ nói rằng: Việc mình thì quáng, việc người thì sáng, nhiều người giúp mình hơn một mình mình! Hay là câu nói có mình mà cũng có người. Chính câu ấy mới đúng sự thật mỗi ngày. Vì thế nên gọi chơn như là tích. Nhưng tích mà không chấp, và bởi tích mà không chấp nên có kẻ tạm gọi là tiêu. Cũng như giáo lý của Phật là xin học, tài thí pháp thí trao đổi, sống chung cho nhau, ai cũng đang sống cho nhau mới được, ai ai cũng là đang xin và học của nhau. Ngài gọi rằng không có cái gì là tiêu bỏ cả. Chỉ tiến tới, qua khỏi, lên lớp, giải thoát, vượt ra, không cố chấp bảo thủ ích kỷ một mực cho mình, khi mình qua khỏi là để lại cho tới phiên kẻ khác nữa đi sau, sự không cố chấp ấy, tạm gọi là tiêu vậy, tiêu của mình, mình dùng rồi bỏ qua một bên, là để cho kẻ khác dùng, chớ không phải đi qua rồi cuốc lộ phía sau, hay ăn dư liệng bỏ, làm đói kẻ khác để phải mang tội hủy hoại. Như thế nghĩa là trong trần thế không có cái chi tiêu hủy cả, chỉ có cái thay đổi đi từng lớp tiếp tục nhau thôi. Cũng như con đường đời, bàn chân ta trải qua rồi là người khác sẽ bước đến! Đối với mình là tiêu bỏ đi qua, đối với kẻ khác là tích dùng sẽ đến. Đó tức là chấp cùng vô chấp.

Nhưng đối với giáo lý hoàn toàn thì dung hòa gồm cả, biết dùng hết, tùy theo duyên có lấy có bỏ, chớ không thiên vị, lấy cái nào, bỏ cái nào, ấy mới gọi là pháp tánh bình đẳng vô tranh. Pháp ấy mới gọi là pháp Phật của bậc giác ngộ cho.

Thật vậy, pháp nào cũng ở trong chơn như võ trụ nuôi chứa, ta đâu có

lấy hay bỏ pháp nào đặng. Bởi không lấy hay bỏ ấy, mới gọi là giác ngộ đó, thế nên chơn như là vạn pháp ở trong vạn pháp, vạn pháp sanh ra; hay gọi vạn pháp là chơn như, ở trong chơn như, chơn như sanh ra. Nó vẫn nương sanh lấy nhau, để đem lại sự giác ngộ cho chúng sanh. Nó như viên đe và cái búa, đập nhau, sanh ra tiếng tăm, ánh sáng, hình tượng để cho chúng sanh nhìn nhận.

Vậy thì chơn như là tích, các pháp là tiêu, có hai bên bờ sông, có cao có thấp, có có, có không, có trời, có đất, có chơn, có vọng, mới có sự giác ngộ của con người. Do đó mà chúng sanh trước hết hãy bỏ cái này, lấy cái kia, sau khi được kia rồi, là sẽ đến mực giữa để dắt dẫn lại kẻ sau cho đi tới. Cái giữa ấy mới đúng là chơn như đạo đức, qua khỏi cái chơn, không còn chấp chơn mới thật là chơn. Cũng như cái trí qua khỏi cái Phật, thì tâm mới là Phật, bởi con mắt phải đi trước xa hơn bàn chưn một bước.

Như thế thì Phật là tâm chơn. Đạo Phật là con đàng đi đến tâm chơn. Phật độ chúng sanh là chỉ tâm chơn cho mọi người, dìu dắt tâm người đến chơn như, khuyên mọi người lấy chơn như làm tâm, và chơn như mới thật là tâm của tất cả chúng ta y như một, có một. Chính nó sẽ là hột giống vĩnh viễn trường tồn của sống, biết, linh đó.

Vậy thì chơn như võ trụ là vẫn đang tự nhiên, khi nào những pháp trí vọng động của thế gian không có xao xuyến thì cả thảy là chơn như. Pháp trí của thế gian không vọng động xao xuyến là do sự đứng ngừng tất cả sự vật, tất cả sự vật đứng ngừng là do không tà ác. Vậy muốn không tà ác thì trong đời phải chánh thiện là trì giới. Trì giới là đứng ngừng mọi việc; đứng ngừng, nhập định thì các pháp không xao xuyến vọng động, gọi là đã diệt trừ, trí huệ, thì cả võ trụ là chơn như mà thôi. Sự thật đúng như vậy, tánh của ác tà là thiện chánh trì giới, tánh của thiện chánh trì giới là thanh tịnh nhập định, tánh của nhập định thanh tịnh là diệt độ trí huệ, tánh của diệt độ trí huệ là chơn như. Chơn lý đã sẵn như thế! Cũng như thân ta vốn chẳng chịu dơ bẩn.

Khi trong sạch không ưa xao xuyến, không xao xuyến thì trí chẳng chấp chứa cái gì, bởi nhờ không chứa chấp nên tâm không vọng động, đồng với võ trụ chơn như là một. Đó là phép tu học của chúng ta, hay sự giác ngộ

con đường sanh tử của chúng sanh tất cả. Ngoài lẽ thật chơn lý, chánh lý ấy ra, tức là chúng sanh đi lạc nẻo tới rất xa, còn phải biết bao nhiêu khổ sầu tai họa, bởi nơi các lối yêu ma giỏi thân hay trí, đọa phạt, tâm chơn vô lý.

Vậy thì sau khi giác ngộ chơn như, chúng ta phải cố thật hành những pháp nào để bảo giữ chơn như ấy. Vả chăng, chơn như có ra là do trí huệ đoạn diệt. Trước phải đoạn diệt các sự chấp lầm của pháp bên ngoài và nên biết rằng: các pháp ấy là mượn tạm, các pháp có ra như chiếc bè, để đưa ta tới bến bờ chơn như thôi, vậy không nên chấp pháp! Ví như bố thí là để đến chơn như, nhẫn nhục cũng đến chơn như, tinh tấn để đến chơn như, trì giới cũng đến chơn như, thiền định để đến chơn như, trí huệ cũng đến chơn như; hết thảy các pháp đều là để giữ gìn chơn như, giác ngộ chơn như, tập tâm chơn như cả. Thế nên muốn đến chơn như là phải đủ đầy trí huệ, đoạn diệt lầm mê cám dỗ che đậy. Như vậy là trước hết phải đoạn diệt cái sở chấp thân, phải không màng sợ bịnh, dứt ngăn ý dục, và không lưu luyến các pháp. Hoặc là trước phải tập làm việc bố thí, tập nói lời dịu dàng, năng tìm những sự lợi ích, để cho chúng sanh mau tấn hóa đến nẻo chơn như, phải thường cộng sự với người đặng diệt trừ ý dục, tư kỷ v.v...

Hoặc phát nguyện độ đời, hoặc phát lòng từ bi hỷ xả, hay giữ pháp chánh thiệt lớn tròn, đủ cả các pháp lớn nhỏ chậm mau, việc gì cũng là để hồi hướng đến ngay chơn như, cũng là của trong chơn như, ta người đều phải đến ngay chơn như cả thảy, đó mới gọi là pháp Phật. Phật Pháp là chơn như, pháp giải thoát, trong sạch không ô nhiễm, là pháp giác ngộ không sai lạc, chẳng đắm trần. Kìa như vị Kim Cang đại sư, chơn như đại định dưới cội bồ-đề chánh giác, ngó tranh xoi lủng gối, quạ làm ổ trên đầu mà Ngài cũng không lay động, do đó mà giải thoát đắc đạo. Ngó tranh tức là dòm ngó tranh đua của kẻ thế gian, khi thấy các nhà tu yên định tự nhiên theo lẽ chánh giác, thì chỉ trích xoi xỉa, khiêu khích làm cho người tức tối đớn đau mà đứng lên đi chạy theo thế tục với họ. Còn quạ làm ổ trên đầu, là trong khi để tâm yên định, thì tự nhiên xét thấy ra tai họa xảy đến, người dữ gieo vào, nhưng người cũng không núng nao lo sợ, loạn tâm thôi tu bỏ đạo, do đó mà gọi là Kim Cang đại sư vậy. Kìa như đức Phật có những tên Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải,

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, Sĩ Trung Thắng, Thiên Thượng Tôn v.v... Cả thảy các danh pháp có ra cũng đều do chơn như bổn gốc.

Lại như kinh luật luận, hay Tam thừa giáo lý, phương tiện thiện xảo, từ thấp tới cao, cũng là để đem lại chơn như cho từng bực.

Này là Bồ-tát Thánh, Bích-chi Thánh, A-la-hán Thánh; hay là Bồ-tát, Duyên Giác, Thinh Văn Thánh đã đắc lục thông: ba bậc trên. Bồ-tát, Duyên Giác, Thinh Văn xuất gia khất sĩ: lớp giữa. Bồ-tát, Duyên Giác, Thinh Văn tại gia cư sĩ: ba hạng dưới. Chín phẩm ấy cũng đang tu học giáo lý chơn như có một.

Cũng như trẻ nhỏ đến người lớn, tới ông già, ông già sẽ hưu trí nín nghỉ, chết lần không nói làm vọng động, ấy tức là chơn như.

Con thú, cái cây, cọng cỏ, đồ vật, cái chi cũng có ba thời kỳ, sau chót là đến chơn như, ai cũng sẽ gặp chơn như, những kẻ nào biết giác ngộ sớm và vui hạp, không cố cưỡng, là sẽ sớm được yên vui, kết quả, tránh khỏi qua những thất bại khổ đau. Vì vậy nên gọi chơn như là tế độ, chơn như là bà mẹ lành, là bàn tay cứu vớt ủng hộ cho tất cả chúng sanh. Những ai dễ dạy, hiếu thảo, biết ngó nhìn thương yêu mẹ, không lãng quên ố nghịch là sẽ toại ý vui lòng, hạnh phúc cao trên hết. Thật vậy, những kẻ chúng sanh nào, dù mắc phải ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà khi giác ngộ gặp biết chơn như, hết lòng cung kính, lễ bái trì niệm, khác nào cúng dường trì niệm hầu hạ tất cả chư Phật ba đời, nhờ phước đức ấy mà thoát khỏi các nạn khổ, và sẽ đắc Niết-bàn trọn vẹn. Thế nên gọi chơn như là bửu pháp vô giá, quý báu thần thông, oai lực rất nhiệm mầu. Chơn như ví như mặt trời cao đối với chúng sanh cát bụi thấp dưới, ai ai nhô đầu ngước mắt, thọ hưởng được yến sáng của chơn như, là sẽ được cái sống biết linh, hoàn toàn cử động, trở nên lợi ích, quý báu vô cùng, sáng rỡ vô lượng.

Lại người ta cũng gọi rằng chơn như là khí thở, vì không có khí thở thì ai ai cũng sẽ chết; chơn như cũng ví như mặt đất, kêu là Phật địa, Phật tâm. Nó sẽ dung chứa sanh sản tất cả, tất cả đều đang ở nơi nó. Nên gọi chơn như là xứ Cực Lạc, là chỗ đến tột vui, là miếng đất trong sạch trang nghiêm, là ngôi nhà ấm kín. Nó như áo mặc của người, như cơm ăn nước

uống, như bà con quyến thuộc v.v…

Nói tóm lại, không ai thiếu sót chơn như được, vì giờ phút nào ta lãng quên chơn như ấy là giờ phút khổ loạn, mà khi nhớ lại thì sẽ định vui liền.

Bởi thế nên, kẻ đã giác ngộ không còn ai dám lãng quên đoạn lìa chơn như, vì chơn như là sự thành tựu của tất cả.

Chơn như là pháp an ủi, cứu độ tất cả chúng sanh.

Chơn như là pháp rốt ráo không trên. Cũng như khi xưa Phật hỏi các vị tu tiên trong rừng: Pháp tu nào mới diệt được cái ta phàm tục, để dứt luân hồi sanh tử, khổ?... Thì các ông ấy không ai trả lời được. Sau đó, đức Phật mới giác ngộ chơn như trong khi nhập định dưới cội bồ-đề chánh giác, Ngài thấy rõ được chơn như là vô ngã, không ta, vọng ngã, hay chơn như mới là chơn ngã; mới thật cái ta. Vì thế mà Ngài dạy rằng chơn như là chánh pháp, chánh lý, đạo tâm của chúng sanh, hay đạo tâm ấy là đạo Phật. Vậy thì những ai tu học chơn như, tức là tu học với tất cả vạn pháp rồi. Bởi vạn pháp là ánh sáng của chơn như túa ra, mà người đã đến chơn như, ấy là vạn pháp đã ở nơi mình, tự mình túa ra, chớ không còn nương theo vạn pháp. Thế nên gọi chơn như là chơn như tự nhiên, chớ không phải có hoặc không, hay trung.

Hiểu như thế là chơn như rất quý báu, vì đi theo bao nhiêu ánh sáng là cũng chỉ có đến một mặt trời chơn như đây thôi.

Ai ai cũng đang có chơn như, có trong mỗi niệm và cả thảy đều ở, sống trong chơn như.

Vậy chúng ta phải nên đến với mục đích của đạo đức đại đồng Võ trụ chơn như hết.

CHƠN LÝ 56

HÒA BÌNH

ĐOÀN DU TĂNG HÒA BÌNH I

a. Người đời chia rẽ từng nhóm khối xã hội gia đình, cá nhân tư kỷ, do đó mới có họa chiến tranh.

b. Chúng tôi sanh trong thời loạn, thấy cảnh thương tâm, mong tìm phương cứu chữa, mới nhận thấy ra rằng: Lẽ sống ở đời không ai duy kỷ được, nào ai có thể tự sống riêng biệt lấy mình mà không cần nhờ nơi tất cả? Chính thân ta đây, đã do biết bao người tạo sanh và nuôi dưỡng: một điểm tinh cha, một chút huyết mẹ hòa hiệp thành hình. Từ lúc lọt lòng đã chịu ơn muôn loại: thức ăn, sự mặc, chỗ ở, thuốc men, các việc nhu cầu v.v… há phải chỉ một đôi người đảm nhận? Vạn vật chung quanh ta lúc nào cũng đỡ nâng đùm bọc, ta là kẻ quá nhỏ nhoi đang xin nhờ nơi tất cả, mà mỗi người chúng ta không ai tự mình có sẵn món chi được vậy.

c. Ta là tất cả, tất cả là ta, ta sống cho tất cả, tất cả sống cho ta, tiếng ta đây là tất cả, đó tức là chơn lý võ trụ. Kẻ thật hành đúng chơn lý gọi là Khất sĩ. KHẤT ấy là xin, SĨ đây là học. Xin ấy rồi lại cho, học đây rồi lại dạy. XIN phẩm thực để nuôi thân giả tạm. CHO sự thiện lành phước đức để bảo giữ sự sống dài lâu. HỌC bằng cách lượm lặt phương pháp khắp nơi, rút nhiều kinh nghiệm. DẠY là đem kết quả thật hành đặc điểm, chỉ lại cho người. Cái xin - cái cho, cái học - cái dạy, hai pháp nương sanh, mở ra một con đường xán lạn cho tất cả kẻ về sau tiến bước. Con đường ấy kêu là đạo. Đạo của sống là xin nhau sống chung, đạo của biết là học chung, đạo của linh là tu chung.

d. Đạo đây là chơn lý võ trụ của chúng sanh chung, chớ không phải tông giáo tư riêng. Kẻ sống đúng chơn lý kết quả rốt ráo giác ngộ gọi là Phật, theo tiếng thông thường cũng kêu là đạo Phật. Khất sĩ chúng tôi tập nối truyền chánh pháp của Phật Thích-ca Mưu-ni, xuất hiện nơi xứ Việt Nam này, với mục đích cố gắng noi y gương Phật, thay Phật đền ơn và để đáp nghĩa chúng sanh trong muôn một, đang thời nạn khổ.

đ. Những phần đặc sắc của Giáo pháp Khất sĩ là:

1. KHÔNG CHEN LỘN TRONG ĐỜI VỀ CHỖ Ở

Một phen xuất gia nhập đạo, Khất sĩ không còn trở lại cảnh đời, không đi vào nhà thế, phải nhập chúng Tăng-già, đi đi mãi, giải thoát chỗ ở, không ở một nơi nhứt định. Đạo tràng Giáo hội ấy là cõi Cực Lạc, không còn tiếng khổ, nhờ giới luật bao vây, lập thành cảnh giới thanh tịnh trang nghiêm. Người người đều cởi bỏ hết phiền não nơi ngoài, vào đó quyết chí cần tu cho đắc quả. Vì vậy, nơi đó đã chọn lọc những bậc hiền nhơn minh triết, sống chung nhau muôn người như một (phép Tăng chẳng lìa đoàn) và nhờ sức oai thần của hiệp chúng mà mỗi người đều tấn hóa rất mau.

2. KHÔNG BẬN VỀ VẤN ĐỀ ĂN MẶC

Khất sĩ mỗi ngày một bữa ngọ chay, khất thực nuôi sống thân mình; mỗi năm thay một bộ tam y do người thiện tâm bố thí, giải thoát được vấn đề ăn mặc, không cất dành, chẳng chứa để, ngày qua ngày thong thả rảnh rang, tâm không tham chấp, dễ tu nhập định tham thiền.

3. KHÔNG TIỀN

Khất sĩ không được giữ tiền bạc, vàng, đồ quý giá. Chính tiền bạc đã làm cho con người phân biệt ra kẻ sang người hèn, tôn ti giai cấp. Bởi sự chưng diện xa hoa, tốn xài phung phí, mượn nơi vật chất cung phụng cho sắc thân mình, nổi bật lên trên những sắc thân khác; lấy làm hãnh diện của sự cao sang sung sướng tốt đẹp, giục lòng tham muốn, sanh sự đấu tranh, chiếm đoạt cho lợi lộc thuộc về mình. Đó là nguyên nhân bất bình đẳng ở đời, và do đó tạo sanh biết bao tội lỗi. Giáo pháp Khất sĩ trừ diệt lòng tham, trước nhất là sự ly gia cắt ái, buông bỏ hết sự nghiệp của mình. Lộc trời mà mỗi

người đều có phần thọ hưởng, nay đem ra bố thí cho đời tất cả một lần. Ra đi không đem theo mảy bợn vật chất trong người, trọn đời không biết đến tiền bạc, vàng, của quý, để được nhẹ mình trong sạch bay cao.

4. BÌNH ĐẲNG VÔ TRỊ

Cõi bình đẳng về sắc thân không ai hơn kém, chỉ dùng đức hạnh làm cây thước để đo trình độ thấp cao. Trong đạo cả thảy sự sống như nhau, một tiếng Khất sĩ như nhau. Cõi không hình phạt, không quyền, không trị, chỉ có một sự dạy mà tất cả được yên.

e. Giữa lúc cõi đời chết khổ, Khất sĩ là chất nhựa sống gắn liền các khối chia rẽ riêng tư; Khất sĩ là con đàng chơn lý võ trụ, đúng theo trung đạo ánh sáng, không thiên về một bên lề mé; Khất sĩ tượng trưng giáo lý đại đồng.

Cái sống là đang sống chung.
Cái biết là đang học chung.
Cái linh là đang tu chung.

Cả thảy chúng sanh là Khất sĩ xin học tu chung, tạm sống đổi thay mãi, đi tới hoài, không chỗ nơi an trụ, để tiến tới cảnh toàn giác toàn năng, toàn sống toàn tu, hoàn toàn vắng lặng tự nhiên bất diệt của đạo đức võ trụ.

Đoàn Du Tăng Khất Sĩ là chúng sanh chung, có ra do nhân duyên, y theo chơn lý võ trụ để tiến đến Niết-bàn; là con đàng đạo đức, không đứng nơi nhơn loại, cũng chẳng ở giữ thiên đường, không phải nhận riêng mình là gia đình, xã hội, thế giới chủng loại nào. Mục đích giải thoát, chánh đẳng chánh giác, sống chung tu học cho mình và tất cả, mong đem lại Niết-bàn hiện tại hơn là cảnh nhơn loại.

ê. Giáo lý Khất sĩ phải là tiếng chuông cảnh tỉnh ngân nga vang dội, gọi thức quần sanh, kêu khuyên người trí, tiếp độ kẻ hiền. Do đó mà cuộc du hành sau khi giác ngộ sẽ lan dần ra các xứ. Ban đầu đi quanh xứ Việt miền Nam, kế đó lần ra Trung, Bắc cùng khắp cõi Đông Dương nếu con đường thuận tiện. Và Giáo hội sẽ đi với số đông, y như Phật Tăng ngày xưa, đi hành đạo khắp xứ ngoài nữa.

Giáo hội không thâu nhận riêng người tại gia cư sĩ làm bổn đạo tín đồ của mình, chỉ tiếp độ những kẻ hữu duyên đủ thiện căn phước đức xuất gia nhập đạo làm Tăng.

Sự ích lợi quý báu nhứt của đoàn Du Tăng sẽ là gương mẫu hiệp hòa, sống chung làm một, bình đẳng không tranh, dính liền tất cả bằng sự đoạn tham dứt ác. Hột giống ấy quyết sẽ phải kết quả Phật Niết-bàn, giải thoát sự khổ chết cho sanh loại vậy.

g. Chương trình hành đạo mỗi ngày:

1. Chiều 5 giờ tới 7 giờ sáng tu tịnh ngủ nghỉ nơi gốc cây vườn rừng, hoặc chùa am hang cốc tùy theo phương tiện.

2. Sớm mai khất thực theo đường dài hoặc nơi xóm làng thành thị.

3. Buổi trưa độ cơm.

4. Xế chiều thuyết giáp giảng đạo cho tứ chúng.

5. Đi đến mỗi nơi trình sổ Giáo hội Du Tăng và chương trình cho nhà đương quyền tại đó.

6. Tùy tiện dọc đường, giúp ích pháp thí cho những sự bất hòa, những nơi nhóm đông hữu sự, cùng xin phép giảng đạo khuyến tu các nơi bịnh viện, đề lao, công sở, nhà đương cuộc, tông giáo, đảng phái v.v…

Tóm lại, các sự tu học giúp ích cho người, cho mình, việc chi thiện lành trong sạch, đều có thể làm được trong khi gặp gỡ. Ấy tức là thật hiện lẽ sống chung tu học, quán xét hạnh phúc của chung, mà xin học lẫn nhau, y theo chơn lý Võ trụ và đạo Phật (phận sự của Tăng-già Khất sĩ xuất gia giải thoát đạo Niết-bàn). Đó là sự thật hành pháp giải thoát lý trung đạo theo kinh, luật, luận; Pháp bảo Tam tàng của từ xưa chư Phật dạy là:

"*Nên phải tập sống chung tu học*".

HÒA BÌNH II

Thành kính gửi đến chư Tăng sư Đại đức!

Nghiệp quả của chúng sanh, ngày nay đền trả cũng gần xong. Phận sự chánh của Tăng sư là không nên để cho người đời tạo vay thêm trở lại. Lẽ

ấy nên chúng ta cần phải giác ngộ cho giùm. Vả lại nhơn duyên trình độ của chúng sanh đối với đạo Phật, nay đã đến lúc hợp thời. Vậy chúng ta trước phải nên lập đạo, sau đó sẽ cứu độ đời, thì mới mong được tránh khỏi hổ danh Phật tử.

Nghĩ rằng đạo Phật lâu nay ví như cái bát bể chẳng nguyên lành, giới luật phân chia không còn Giáo hội. Do đó mà ai cũng đạo Phật, ai cũng Tăng-già, kẻ giống ba, người giống bảy, làm cho ngoại khách xem vào như là trong cõi đời chưa có Tăng sư cùng đạo Phật, nên mới phải phân sanh tông giáo. Rồi biết đâu mai kia chiến tranh hỗn loạn, đảng phái chủ nghĩa sẽ không nể vì kẻ tu ngủ nghỉ, chừng ấy đá ngọc ắt chẳng còn, thì còn chi nữa là ta, người, Tăng sư, hay đạo Phật.

Vì lẽ đó, mà hôm nay chúng ta là phải quên mình, quên giáo pháp ý riêng của mình, hãy ngó ngay đức Phật Thích-ca Mưu-ni, tức là ngó ngay giới luật, ông thầy thiện lành trong sạch, mà hiệp hòa bình đẳng nơi giới luật Phật, để nên đạo Phật với Tăng-già, chung cùng cả thế giới chư Tăng sư "ăn chay và khất thực" y nhau xưa nay như một, mới không còn tội lỗi với Phật và chúng sanh kia.

Thế tức là ai ai cũng đều tu học cả Tam thừa, hay Phật thừa trọn đủ thì mới mong chánh pháp đặng sống đời; sống bằng lập đạo cứu đời, đời người mới sẽ tôn lưu Phật pháp.

Thật vậy, trong đời chỉ có pháp Phật là thiện lành trong sạch, đức lớn bao trùm, là giáo lý thế giới, võ trụ, chúng sanh chung, mới có thể cứu độ được nạn khổ của chúng sanh ngày nay. Chắc chắn như thế, đạo Phật, giới luật Tăng-già thành lập hòa bình, thì thế giới mới sẽ hòa bình, và trong xứ nhơn loại, tự nhiên sống chung tu học cùng nhau theo về hiệp một.

Hôm nay tình thế bên ngoài, ai cũng đã tự nhận thấy mình bất lực, rối trí lắm rồi. Vậy âu là chúng ta hãy tiến bước, trước hiệp hòa bình đẳng, lập đạo làm gương, sau lại chúng sanh mới sẽ noi theo nối dấu được. Kìa xưa nay các cuộc hòa bình thảy đều do nơi lời nói của đạo đức cả, dầu ai trước chẳng chịu nói, thì sau lại cũng phải đến biết tập nói lần lần mà thôi.

Lẽ đó mà ngày nay cả thế giới Tăng sư phải nên gom một, để đặng chia ra nhiều Giáo hội, mỗi Giáo hội đều có đủ Tăng sư các xứ đi chung, đến giữa những nơi bất hòa, thế mạng xin khuyên, tu hành cảm hóa giác ngộ diệt tranh, y như Phật Thánh xưa kia, các Ngài đã từng làm gương bằng thân

mạng bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, trì giới, thiền định, trí huệ, thì cõi đời nạn khổ chết của chúng sanh mới sẽ giảm lần ngưng dứt.

Thời buổi nay, ắt chỉ phải có đến y như vậy, mới có được cái tu học chung của chúng ta, cái tu học của trí tâm, mà không còn vì ngôi riêng của Giáo chủ.

Lành thay! Nếu không có chi sái phép.

Lòng mong cả thế giới quần Tăng chóng mau định ngày hội hiệp.

MÔ PHẬT!

(Đảnh lễ tam bái).

HÒA BÌNH III

Vấn: Làm sao mới được hòa bình?

Đáp: Hòa bình không phải là độc lập! Vì độc nghĩa là cô độc, độc tài thì phải bị cô lập, không sao tránh khỏi nạn chết khổ, bởi mãi phải chiến tranh nhau. Thế mới biết rằng, tự lập chẳng bằng toàn lập. Trong đời nếu ai cũng tự lập tức là phải tranh đấu, thất bại; sao bằng toàn lập, toàn thể tất cả lập nên cho mình, họ lại gìn giữ cho mình, ủng hộ mình. Ấy mới gọi là hoàn toàn, nên gọi hòa bình là toàn lập, hay đồng lập, chung lập. Lẽ ấy tức là chơn lý sống chung tu học của trong võ trụ, mà trong đời là không ai tự mình có chi được cả.

Hòa bình cũng có nghĩa là chan hòa bình đẳng, gò đất cao chan sớt xuống cho trũng đất thấp, để được bằng nhau, không cao thấp long chong vấp té. Ấy mới gọi là: mặt đất thẳng bằng lý công võ trụ, làm chỗ ngồi nằm ngủ nghỉ cho thiên hạ. Thế nên lời nói, ý tưởng chẳng bằng việc làm. Những ai có lời nói ý tưởng hòa bình là tự mình phải làm việc. Việc làm của mỗi người, không ai cho ai, cũng chẳng ai ép bảo ai được. Chính hòa bình là ở từ trong tâm ý, và ngoài thân làm nói của mỗi người, gia đình xã hội, thế giới, chúng sanh, bằng sự đói no, chết sống sức trí, thiếu dư tự biết chan hòa chia sẻ cho nhau mới gọi là lý Trung đạo.

Hòa bình mà khi xưa đức Phật dạy là:

1. Trong đời chỉ có đạo đức tinh thần, đức hạnh của trí tâm mới là giáo pháp bình đẳng, vì ngó xem nơi đó thì nhân loại sẽ không còn phân chia giai

cấp của xác thịt. Cũng như đức Phật khi xưa, Ngài dắt tay người gánh thùng phân cho vào nhập đạo. Và vị vua xứ ấy biết lễ nhà sư đó mà không câu nệ, ấy mới gọi là bình.

2. Còn hòa là như trong Giáo hội Tăng-già Khất sĩ không không danh lợi, các sư sống chung nhau hiệp một, với số đông nhiều đủ hạng bậc, mà gọi là chúng hiệp hòa. Bởi mỗi khi có xảy ra sự bất bình nhau, thì Phật dạy hãy nên êm ngay với nhau đi:

1. Dùng cách tự thuận.

2. Hoặc nói quyết rằng quên.

3. Hoặc mình không biết, không cố ý.

4. Hoặc xin lỗi thành thật rằng mình đã lỡ phạm.

5. Hoặc chuyển lên Giáo hội xem xét cho.

6. Hoặc nhờ người quảng đại quyết định cho.

7. Hoặc cùng nhau niệm Phật bỏ qua, khỏa lấp, như cỏ mới mọc.

Đó tức là hòa. Phép hòa là phép của chư Phật dạy đạo cho các nhà sư, từ học trò để trở nên ông thầy, từ tiểu nhơn đến làm quân tử cũng giống như các trẻ nhỏ ở trong nhà trường lớp học.

Vậy thì muốn hòa bình là không nên tranh chiến. Muốn khỏi chiến tranh thì chớ bảo thủ lợi danh. Hãy xem gương chư Khất sĩ Tỳ-kheo giải thoát xuất gia kia: không hột gạo, chẳng của tiền, ăn chay xin nơi rau trái qua ngày, ăn mặc ở bịnh, trong đời có sẵn, rảnh lo, sống chung tu học, tham sân si chẳng có. Thường làm việc đạo, mãi đi không ở, đổi thay tiến hóa, chẳng có một niệm tranh đua. Không chiến tranh thì khỏi vái nguyện ước mong hòa bình chi hết.

Hơn nữa, có hòa mới có bình! Nếu muốn người hòa, thì mình phải thật sự hòa trước đã, vì không nhơn thì chẳng bao giờ có quả. Vậy âu là chúng ta hãy chớ tham ác, rồi mới sẽ bảo người đừng tham ác! Nghĩa là chúng ta có tu trước cho người xem gương tu theo sau thì mới tiện việc. Hay là chúng ta phải biết quý trọng cái tham chung, là cái tham lam có biết chia sớt, không độc tài ích kỷ bằng cách mình tham lam một mình, mà lại cấm không cho kẻ khác tham.

Như kìa đám ăn trộm chia đồ chẳng xong và rắc rối, thật là vô lý. Cũng như ta cắp lá rau của cỏ, ta trộm nhánh trái của cây, ta cướp mạng sống của thú, mà ta lại cấm thần quỷ chẳng cho làm giặc giết người thì âu cũng là một điều bất công quá đáng! Mà tại sao là chúng ta chưa chịu tu học sống chung, vì lẽ đã nhận biết ra thân thể là món nợ vay, tội lỗi với tất cả. Nó không phải là ta hay của ta, ta không phải làm chủ nó được, vì trước khi sanh cùng sau khi chết, hoặc trong mỗi lúc là nó chẳng có chi hết. Có hiểu rõ thật như thế chúng ta mới sẽ thấy rằng: Cõi đời là đạo đức, và có đạo đức mới có đời đời là cõi đời, là hòa bình vậy.

(Hãy xem tiếp bài Ăn và Sống, phép bình ngoại xâm sau này)

HÒA BÌNH IV

Vấn: Chừng nào mới được hòa bình?

Đáp: Ngày nay hiện tình của mỗi xứ là đang sẵn có như vầy:

1. Là những người tu giải thoát xuất gia khất sĩ Tỳ-kheo Tăng-già.

2. Là người tu tại gia cư sĩ các tông giáo.

3. Là người chưa tu đang ở trong gia đình, xã hội.

4. Là bởi do sự chia rẽ, loạn ly, hỗn tạp của lớp ấy, nên trong thế giới mới phải mạnh được yếu thua, như beo cọp lớn nhỏ tranh giành nhau mãi.

Vậy thì trong mỗi xứ muốn được bình yên là phải cần do đạo đức, trước lập đạo, sau cứu đời mới đặng. Sự lập đạo ấy tức là hòa hiệp, hòa hiệp là sẽ bình yên, có hòa bên trong trước thì ngoài mới sẽ bình sau. Nghĩa lý của sự hòa bình là như thế.

Vấn: Sao gọi là hòa bên trong?

Đáp:

1. Phải hợp tác Tăng-già, làm hột giống của trái trước hết, hợp tác bằng giới luật Phật.

2. Phải liên hiệp tông giáo cư gia, làm ruột cơm của trái, kế đó liên hiệp bằng giới luật Phật.

3. Phải cải tổ xã hội gia đình, làm bao vỏ của trái, sau chót cải tổ bằng giới luật Phật.

Cũng như vỏ chung dính ruột, ruột chung dính hột; vỏ che ruột, ruột che hột; hột nương ruột, ruột nương vỏ làm một cái trái dính liền tròn trịa bằng sự kết giới luật, gọi là kết quả tượng trái hòa bên trong, thì người ngoài mới sẽ biết quý trọng, giữ gìn, ủng hộ cất để, thương yêu không hủy hoại, mà được bình yên bên ngoài, nên gọi là trong hòa, thì ngoài bình, ấy nghĩa là hòa bình.

Hòa là đạo, hòa là quý, đạo quý là bởi giới luật, bởi thế mới chỉ rõ rằng: Giới luật là hòa, là lập đạo quý báu, thì sẽ bình yên, bình yên do quý báu. Khác nào cái trái tốt thơm, hay như viên ngọc quý báu, thì chúng ta mới sẽ cất giữ ủng hộ bình yên, còn quả hư đã xấu thì tránh sao được sự phá hại hủy hoại.

Vậy thì giới luật quý báu ở đời ấy là:

1. Cũng như đạo Phật là giới luật xuất gia, có giới luật xuất gia mới gọi là Tăng-già giải thoát, Khất sĩ Tỳ-kheo. Giới luật xuất gia là hợp tác, có hợp tác mới có Tăng-già, có đạo Phật.

2. Cũng như đạo trời là giới luật tại gia, có giới luật tại gia mới gọi là chư Thiên thiện nhơn cư sĩ, giới luật tại gia là liên hiệp, có liên hiệp mới có chư Thiên, có đạo trời.

3. Cũng như đạo người là giới luật xã hội, gia đình, có giới luật xã hội, gia đình, mới gọi là người. Giới luật xã hội, gia đình là cải tổ, có cải tổ mới có người, có người, có đạo người.

Trong đời mỗi ai cũng đều có kỷ luật. Ví như làm vua phải nhiều giới hơn quan, quan phải nhiều giới hơn dân, cha mẹ phải luật răn nhiều hơn con cháu. Ai ai cũng phải như thế, thì lớn nói nhỏ mới nghe. Cũng như cha không uống rượu dạy con cữ rượu mới được. Vua không sát sanh mới dạy được tù tội hiền lương. Quan không trộm cắp thì dân mới trong sạch. Thầy không dâm dục thì trò mới trở nên lễ độ. Như vậy thì không có ai tranh giành chen lấn giới luật chi nhau cả.

Có giới luật mới không còn phải là đám rừng hoang hỗn loạn, thì con người mới sẽ định tâm sáng trí. Thế nên đạo Phật, đạo trời, đạo người là giới luật. Tăng-già, tông giáo, xã hội gia đình là giới luật. Giới luật là hòa, là

đạo, là quả. Kết giới luật là kết quả quý báu vô cùng. Vì chúng sanh ở trong một xứ nào mà có đạo, có giới luật mặt đất tốt đẹp, có tu học sống chung thì đâu còn có sự ghét ganh hiềm tỵ, vị kỷ, đối với nhau nữa. Chừng ấy tức là kẻ thiếu ăn, người thiếu sống, trong ngoài, với ai, người ta đều biết hiểu cho nhau, trao đổi cùng nhau, đâu còn ai đói chết mà không phải gọi là bình yên bên ngoài, bình yên lâu dài mãi mãi, do nhờ sự kết quả là kết giới luật Phật.

Với chơn lý ấy mà thật hành đúng được, thì chừng đó trong ngoài, việc lớn nhỏ, ta người, với ai, ở đâu đều cũng thảy được hòa bình hết.

Đọc nghe nơi bài này, chúng ta xem như là sự hòa bình rất dễ dàng và ít có. Nó dễ dàng là bởi thời kỳ nay, ai cũng đang chán nản giác ngộ, chỉ còn muốn biết học tu thôi. Ấy là nhơn duyên của đời đạo đức, xứ thiên đường, quốc độ Phật đã kết tượng, hay là giáo lý đại đồng sắp đang thành lập đó. Và nó ít có là bởi xưa nay, thế giới chiến tranh văn minh cũng ít có. Cõi đời biến thành đạo đức ít có, là cũng bởi xưa nay ít có ai chịu biết mình, biết người theo lẽ trăm việc trăm nên, nên để phải mãi loạn rối vì nhau. Phần đông chúng ta là chỉ ngó bên ngoài, mà quên hẳn bề trong. Cũng như người kia mãi lo tìm cách tranh hơn thua bằng tay chưn cửa miệng với người ngoài, để mong tạo sắm cửa nhà đồ ăn mặc, nhưng lại quên hẳn chứng bệnh trong mình, vì vậy mà họ phải bị chết thân bỏ của, nên hồn oan thêm uất hận.

Ngay như trong xứ này cũng thế, nếu lo bình được nước ngoài, thì bên trong chắc đã chết với nhau hết rồi, đâu còn có ai sống sót ngày mai. Chính hiện nay chúng ta xét xem kỹ lại, thì mới biết là trong xứ đang nội loạn bất hòa với nhau, chớ giặc giã ngoại xâm đâu có thấy mà tính lo bình.

Kìa như trong tâm ta chẳng định hòa, thì thân thể chẳng bình yên. Cũng giống như trong thân chẳng điều hòa, thì bên ngoài ta sẽ không bình yên với ai, và cũng chẳng ai chịu bình yên với ta hết!

(*Hãy xem tiếp bài Đời Đạo Đức, phép hòa nội loạn sau này*)

HÒA BÌNH V

Vấn: Có hòa bình chăng?

Đáp: Chỉ có đạo đức mới có hòa bình, bằng không đạo đức thì chẳng có hòa bình, mà là những hòa bình tạm dối, không bền thật.

Nghĩ xét lại, dầu chúng ta muốn không hòa bình đi nữa, nhưng lâu sau khi hết sức không còn chiến tranh nổi được, thì cũng phải đến lúc hòa bình ngưng tạm, chớ sức đâu mà lại kéo dài thêm mãi! Vậy thì trong cái kia là đang có chứa sẵn cái nọ.

Chính chiến tranh của nước này với những nước kia, có ra là bởi do trong nước này, trong xã hội không có giới luật, ví như cái vỏ trái thúi dơ nên người ta mới nắn nhồi chữa sửa!

1. Cũng không khác nào, bởi Tăng-già chia rẽ, không giới luật hoặc hành sai, không thiện lành trong sạch, như hột giống bể hư, thì các tông giáo cư sĩ, ruột cơm, mới phải bóp chặt lọc dính lại, lột áo Tăng-già. Ấy không phải vì ghét giận, hoặc áp chế độc tài, mà là vì sự quý trọng trợ giúp Tăng-già, ủng hộ chỉnh đốn, để tôn Tăng-già lên cao, cho có bước chưn tông giáo tiến lên, cùng nối dấu. Ấy là ruột bao hột, hột có ra do ruột, bởi ruột là nuôi hột, nên bổn phận tông giáo hộ pháp Tăng-già là phải như thế.

2. Cũng giống như, bởi tông giáo phân ranh, không giới luật hoặc hành sai, không thiện lành trong sạch, ruột bị bể hư, thì các gia đình xã hội trong xứ, cái vỏ mới phải bóp chặt lọc dính lại, đốt bàn thờ tông giáo. Ấy không phải vì ghét giận, hoặc áp chế độc tài, mà là vì sự quý kỉnh, trợ giúp tông giáo, ủng hộ chỉnh đốn, để tôn tông giáo lên cao, cho có bước chưn người xã hội tiến lên, cùng nối dấu. Ấy là vỏ bao ruột, ruột có ra do vỏ, bởi vỏ là nuôi ruột, nên bổn phận xã hội hộ pháp tông giáo là phải như thế.

3. Xã hội cũng y như vậy, bởi xã hội loạn ly, không giới luật hoặc hành sai, không thiện lành trong sạch, như cái vỏ bể hư, thì các nước ngoài bàn tay, mới phải bóp chặt lọc dính lại, đàn áp phá sản xã hội. Ấy không phải vì ghét giận, hoặc áp chế độc tài, mà là vì sự quý kỉnh trợ giúp xã hội, ủng hộ chỉnh đốn, để tôn xã hội lên cao, cho có bước chưn của các nước tiến lên, cùng nối dấu đó thôi. Ấy là bàn tay bao nắm vỏ, vỏ có ra do bàn tay, bởi bàn tay là nuôi vỏ, nên bổn phận các nước hộ pháp xã hội, là phải như thế chính là họ phải chữa sửa xoay chuyển cho nhau.

Ấy mới biết rằng tại người ta chưa giác ngộ lo sợ, chớ bàn tay là sanh vỏ, vỏ là sanh ruột, ruột là sanh hột, từ dưới tiến lên, từ ngoài sanh vào, từ bàn tay đến hột là phải như thế! Bàn tay ngoài tuy lớn, hột trong tuy nhỏ, mà mục đích của bàn tay là để đến với hột. Nghĩa là các nước nhân loại chung, ai ai rồi cũng đến với đạo đức làm Tăng, Tăng là hột giống, cái có của chúng sanh. Nhưng bởi bên trong hột, Tăng chưa có hoặc hư bể, nên bàn tay phải bắt từ

ngoài bao nắm tạo sanh vào! Chớ nếu bên trong đã tốt đẹp rồi, hột đã chắc tròn liền, là hột làm của cho ruột; ruột dính tròn liền, là ruột làm của cho vỏ; vỏ tốt tròn liền, là vỏ làm của cho tay, thì bàn tay đâu có nắm bóp nắn nhồi chi nữa, mà không phải là hòa bình, là hòa hiệp, thì sẽ bình yên.

Thế mới gọi đời là lẽ sống chung tu học, càng nhiều thiện lành trong sạch, có giới luật của từng lớp một như nhau, là báu quý tốt đẹp lắm. Còn ai không kỷ luật là tất nhiên phải bị tai nạn sợ sệt, vì tưởng sai, lầm hiểu.

Có biết rõ như vậy, mới thấy ra võ khí sức lực của trong đời, là chỉ dùng phòng ngừa sự thất luật, cùng việc bất ngờ thôi; chớ hòa bình là ở tại nơi giới luật đạo đức, nếu ai đem chỉ ra bằng lời nói rõ rệt là sẽ nên được việc.

Kìa bởi lời nói đạo lý chỉ đúng ra kết quả, nên xưa kia vua Nghiêu, Thuấn ở chòi tranh vách lá mà dạy được thiên hạ khắp xứ phục tùng! Như Tăng sư hột giống bên trong không danh lợi, mà dạy đạo lý cho các nước khác bàn tay phía ngoài. Khỏi phải có lầu đài, thành quách cung điện nguy nga cũng được; vì ở nơi đó thì lẽ phải khó nói ra. Đã ít ai chịu tin nghe theo, mà còn bị mang tiếng, có kẻ gọi thất đức tổn nhơn là khác.

Thế thì nào tài trí đức hạnh, há phải chỉ bên ngoài!

Nhưng sao trong đời, chúng ta nhìn xem kỹ lại, đâu là người áo vá ba manh bô bố, được ngồi nơi giữa nhóm đông xã hội, để chung bàn định về sự hạnh phúc của toàn dân. Bởi nếu những ai chưa từng gần gũi với chúng sanh nạn khổ, chưa biết cái khổ của nhơn loại, mà lại lo việc giải khổ cho thiên hạ, lãng quên rằng mình đang sướng vui đạp trên cái khổ của thiên hạ, thì lời nói chúng sanh là bình đẳng, dân là chủ gốc của xã hội, e có khi sai lạc.

Cũng vì thế mà việc rối của đời, là ai cũng chán nản quá, lắm kẻ chỉ còn muốn nhắm mắt chết ngủ nghỉ thôi; vì sớm muộn gì thì ai cũng phải chết, mà cho rằng ai giết hại sao cũng được, bởi biết đâu, tại mình giết hại thú cỏ cây xưa nay nhiều quá là nay phải vui lòng chịu quả báo đền tội, mà than rằng trong đời chúng sanh vẫn sao mê muội.

HÒA BÌNH VI

Vấn: Chiến tranh có từ đâu?

Đáp:

1. Sở dĩ có chiến tranh, là bởi trong đời có khóa sưu thuế vụ. Chiến tranh là để giành phần khóa sưu thuế vụ, chớ nếu các cái ấy không có thì tranh đấu để ích lợi gì?

Kìa như khi xưa nhà vua Nghiêu, Thuấn, bảng chiêu mộ có tự người ghi tên, sổ lạc quyên có tự người ký sổ, khởi việc làm có tự người giúp công, thảy đều tự lòng người phát tâm, chớ không hề ép buộc, nên không hay sanh trái nghịch, và cũng chẳng ai đua chen giành lấn việc làm. Vì nếu mục đích phải là sẽ có tự lòng người phụ trợ, do đó mà trong thiên hạ mới đặng chỗ thái bình, thái bình nhờ nơi bình đẳng, vì ai nấy cũng như nhau.

2. Xưa kia sĩ hiền đạo đức như đầu, nông phu là bụng, công thợ làm tay, thương mãi là chưn, ấy tức như một thân hình, đầu trên chưn dưới, tôn thờ đạo đức làm đầu, hạ dẹp tham muốn làm chưn, thì thân hình xuôi thuận. Thế mà về sau trái lại, người ta tôn sùng cái muốn tham thương mãi lên cao, hạ dẹp đạo đức sĩ hiền xuống thấp, cũng như thân người lộn ngược, chưn trên đầu dưới, tay công nghệ quơ quào, vì đó mà ngoài chợ thì thương gia áp chế sĩ hiền, trong xóm thì công thợ hiếp đáp nông phu, khiến nên đầu ruột lộn nhào, bàn chưn ngất nghểu, đứng đi không đặng, lại bị lún ngộp chìm sâu, sanh ra khổ họa.

Vậy muốn được bình yên, thì trước phải hạ dẹp lòng thương mãi muốn ham, như chưn kia đã được đứng xuống, tay công thợ chỏi đất đi lên, buông lìa ác vật, để cho trong đời có được sĩ, nông, công, thương xuôi thuận, đầu trên chưn dưới, đạp đất đội trời, đi trên vật chất, đứng dưới tinh thần, thì mới mong sanh chúng hòa yên, thái bình thiên hạ.

3. Kìa như người xưa, lẽ sống ăn của già, lớn, nhỏ khác nhau. NHỎ sống ăn bằng xác thân vật chất, cái ác; LỚN sống ăn bằng lý trí tinh thần, lẽ thiện; GIÀ sống ăn bằng chơn tâm đạo đức, trong sạch.

Nhưng nếu khi nào người già mà còn sống ăn lẽ thiện, người lớn mà còn sống ăn cái ác, thì trẻ nhỏ bảo sống ăn trong sạch sao đặng mà chẳng phải là ba hạng chiến tranh nhau. Ông già giết người lớn, người lớn hại trẻ nhỏ, trẻ nhỏ giết hại ông già, thật rất uổng mạng oan thay cho người lớp dưới, bởi kẻ trên đi ngược, mà bảo phải hòa bình làm sao cho được.

4. Còn đây là sự tương đối của nghèo giàu!

Một người kia may mắn gặp sanh nơi đất tốt, trúng mùa, duyên cảnh cho giàu, nên của nhà ai no dư thì nấy hưởng. Còn người nọ chẳng may gặp đất xấu thất mùa, duyên cảnh bảo nghèo, nên phải góp sức sớt chia

tương tế cùng nhau cho qua cơn đói hụt, ấy tức là do cảnh ngộ khác nhau, khó ai mà theo cảnh trạng của người khác. Vì thế mà sự hiểu biết chẳng đồng nhau; khác nào như trường học đủ lớp đủ cỡ học sanh, ai hạp duyên nào thì học lớp nấy, há phải đâu tất cả, mà chỉ bắt học một bài của một người như một hạng bậc được. Ví bằng trong đời, có một người giàu sang nào, áp chế một người nghèo hèn nọ, thì âu cũng chỉ là riêng từng người đó chớ phải đâu hết thảy bậc sang giàu là ác quấy; còn người nghèo nào gian xảo là cũng sẽ có riêng từng người, chớ phải đâu hết thảy ai nghèo là càn bậy. Vậy thì sự xung đột ấy có xảy ra, là cũng phải do riêng từng người ấy với nhau, chớ phải đâu kẻ ngoài đi bênh vực chủ nghĩa, để hại lây với nhau làm chi cho nhọc.

Có xét như thế, mới thấy ra chiến tranh vốn không thù hận, vô lý là bởi sự thiếu hiểu tin lầm, vì mãi ở xa nhau, chưa biết ra sao lẽ phải sự thật của nhau, thiếu thân cận thương yêu, nên mới phải dễ dàng vì nhau xích mích.

5. Mà biết đâu chiến tranh ấy, chẳng là nghiệp báo của chúng sanh chung, đã do quá khứ hiện tại gieo nhơn, vì thân miệng ý, mãi rủa chửi vọng ngôn, chém đâm đánh đập, tánh ác tập quen, làm gương gây hận, khiến nên lòng ngã ái nâng cao, mới chấp khư nơi danh từ giáo lý của nghiệp ác mây che, chẳng thấy ra đạo là đường lẽ phải có một. Bài học thì phải đổi thay mãi, các lớp tuy nhiều nhưng đều vẫn chung một trường, cùng chung một sự học là phải tiến lên, để gặp chung nơi lớp trên, mà bỏ hết, không còn đem theo cái biết chi của lớp dưới nữa.

6. Sự chiến tranh nhau ấy có khác nào như buổi mới tựu trường, những kẻ mỗi năm mới gặp trường lần thứ nhứt, nên ngơ ngác lạ lùng, lại còn quen tánh cũ buông lung, đua chen giành lấn trong lúc chưa tới giờ, lớp ranh chưa phân biệt, chưa hiểu mục đích của học là chi (...).

Thế mới hay rằng: Đời là trường học, chúng sanh ấy học trò, trường học có yên là chỉ do thầy giáo, mọi người đều được hiểu biết, mục đích của biết là học, của linh là tu, của sống là tạm sống chung, đang ở trong trường học với nhau, cùng học là để cho được sáng suốt hiền lương khỏi khổ vậy. Thật thế, trong đời mà chúng sanh được biết mình đang là học trò, và hiểu rõ công lý biết sợ tội lỗi, đừng bắt bảo kẻ khác phải sợ mình, đừng làm tội khổ, chết

người chi cho sanh điều vay trả, có học, biết đạo, ắt là hòa bình với nhau mãi, ấy là tốt đẹp quý hay hơn hết.

CẦU NGUYỆN HÒA BÌNH VII

Đời gặp thuở can qua chinh chiến
Sống những ngày nguy biến kinh tâm
Kéo dài thê thảm nhiều năm
Đầy trời sát khí cõi âm hiện hình!
Kẻ thác đi hồn linh tức tưởi
Người sống còn rũ rượi sầu thương
Kể đâu hết khúc đoạn trường
Bàn tay ác liệt vô thường gây nên
Thử xét lại căn nguyên giặc giã
Bởi loài người mất cả lòng nhơn
Thế thì đạo đức hết trơn
Mất sao mất cả chữ NHƠN là người?
Đời như thế mất đời có phải?
Chữ đời là mãi mãi đời đời
Nhơn từ ấy đạo bền dài
Vĩnh miên trường cửu đạo đây là đời
Đời không đạo nên đời loạn khổ
Đạo ở đời thật chỗ yên vui
Dài dòng chẳng nói xa xuôi
Tiến lên đạo chánh dẹp lui đường tà
Cầu học đạo ấy là cầu nguyện
Cầu sao cho phổ biến chúng sanh
Thế gian tất cả hiền lành
Tức thời thế giới hòa bình tự nhiên
Một lẽ nữa căn nguyên giặc giã

Bởi người đời tham chạ giựt giành
Miếng ăn lẽ sống cho mình
Mà bao kẻ khác điêu linh khốn nàn
Đạo cứu thế muôn ngàn điều luật
Đây hai điều phương thuật cứu tinh
Không trộm cắp, không sát sinh
Ấy là hai đấng thần linh hộ trì
"Nhơn bất sát" không khi nào giết
"Sát bất nhơn" mất biệt tiếng người
Bao nhiêu loài vật trên đời
Cũng là mạng sống, cũng thời mang thân
Cũng đau đớn chịu phần sanh tử
Nỡ lòng nào bày sự giết ăn!
Oái oăm bạc ác vô ngằn
Giết thân kẻ khác nuôi thân của mình
Tâm đã chẳng động tình bi thiết
Mất thiên lương lịm chết cõi lòng
Quen tay giết được đèo bồng
Mạng người đồng loại cũng không ngại ngùng
Càng tập nhiễm ăn dùng huyết nhục
Tánh tình người lắm lúc đổi thay
Thấm vào cơ thể lâu ngày
Hòa chung chất máu các loài thú muôn
Đời hăng hái say cuồng chém giết
Bởi nung bầu nhiệt huyết bùng sôi
Hồn oan chết thảm không nguôi
Thù xưa vương vấn giục xui giặc loàn
Nay bằng muốn giải oan dứt nghiệp
Phép tu trì cần kíp ban hành

Mỗi người phải cữ sát sanh
Xót thương loài vật lòng lành ăn chay
Theo luật sống chẳng ai đặng giết
Không sanh người sao diệt mạng người
Lập nên luật sống ở đời
Bảo tồn mạng sống các loài nhỏ nhen
Nếu con kiến có quyền được sống
Thì loài người luật rộng biết bao
Tự do sống mãi bền lâu
Miễn đừng đoản mạng giảm thâu tuổi dài…
Ăn để sống mỗi ngày đơn giản
Mễ cốc đều có sẵn khắp nơi
Cấy cày trồng tỉa đua bơi
Ấy là phận sự của người cư gia
Bậc giải thoát lìa xa nghệ nghiệp
Được nhẹ mình độ tiếp chúng sanh
Hạnh tu Khất sĩ lữ hành
Mỗi ngày khất thực trì bình giáo khuyên
Mượn pháp ấy làm duyên tế độ
Cho thế trần được chỗ gieo nhơn
Tập lần bố thí ra ơn
Lòng tham dứt bỏ, đạo chơn hầu gần
Đã bố thí một lần cả thảy
Lộc của mình để lại cho đời
Ra đi chẳng dính trong người
Mảy may danh lợi, tăm hơi của tiền
Rồi xin lại luân phiên mỗi bữa
Một bát cơm đủ chứa dạ dày
Chẳng dư cất để nhiều ngày

Không hay phung phí tốn xài chi chi
Người bố thí sau khi mình thí
Nên kẻ đời gắng chí học theo
Lòng tham làm giặc hiểm nghèo
Hạnh tu bố thí gương treo sửa đời
Pháp khất thực dạy người bố thí
Cùng dạy mình chơn lý không tham
Bao giờ dứt tánh mê ham
Muôn ngàn phận sự việc làm đều xong
Bằng trái lại nếu không huân tập
Bước ra đời tạo lập thân danh
Ô hô! Sự nghiệp tan tành
Lại thêm báo hại chúng sanh khổ sầu
Trong đời phải cần tu hai pháp
Ăn chay và vui hạp đi xin
Luật nghiêm giới cấm giữ gìn
Muôn người hòa hiệp như in một người
Ấy phương pháp lập đời đạo đức
Dẫn loài người đến mức yên vui
Không còn loạn khổ chia phui
Ủ ê tang tóc ngậm ngùi đau thương!
Cùng hiệp trí tìm phương cầu nguyện
Cầu xin cho xuất hiện triết nhân
Đảm đang phận sự độ trần
Cao xuê ngôi vị đáng phần Thế Tôn.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT. (3 lần)

CHƠN LÝ 57
LỄ GIÁO

Lễ là cách bày tỏ ý cung kính.

Lễ giáo là giáo lý của cách bày tỏ ý cung kính, hay cũng tức là cách bày tỏ ý cung kính, là một phương pháp giáo hóa, một giáo lý tốt đẹp quan trọng của đời sống nhơn loại.

Lễ giáo là nền tảng của sự thương yêu, thiện cảm, thân thiện, dung hòa tốt đẹp với nhau, ấy là phép sống đời tốt đẹp nên gọi là lễ phép. Lễ phép là một qui tắc, là phép tắc, là một kỷ luật thiện, mà người có lễ phép, là sẽ được sự vui sướng nhứt trong đời.

Nhứt là sự lễ bái, sẽ làm cho vơi bớt đi nỗi khổ trong người, mà thấy tâm hồn càng sạch nhẹ, an ổn, vui vẻ và thêm sự mừng rỡ nữa. Lễ phép là một hiếu thuận, mặt đất của sự sống chung hòa hiệp quý báu lắm.

Kẻ mà biết lễ bái thì đời sống trở nên tự do, bác ái, rộng rãi và dễ thành công; vì trọn đời vĩnh kiếp sẽ không còn vị kỷ tự cao và không có ai ghét giận thù nghịch, bởi lẽ đối với ai ai cũng lễ bái hòa thuận được tất cả.

Đời mà có lễ giáo thì không bao giờ chiến tranh khổ nạn, loạn rối vì nhau. Cũng như xưa kia thời loạn, đức Khổng Tử đem lễ giáo dạy ra nên sớm được thái bình, còn đời sau đang thái bình mà trở nên loạn biến là bởi người ta quên lần lễ giáo. Thế nên gọi lễ ấy là đạo, vô lễ tức là đời, sửa tập lễ giáo ấy là sửa đời lập đạo hay cũng gọi là sửa lập đời mới tốt đẹp trở lại.

Lễ giáo có ba phần gồm nơi thân, khẩu và ý, kêu là hột giống lễ. Thân là vỏ, khẩu là ruột, ý là ngòi. Thân vỏ lễ là đầu và tay, chưn, năm thể mọp sát đất. Khẩu ruột lễ là miệng nói lời cung kính ngọt chào. Ý ngòi lễ là ý tưởng niệm thành thật mến trọng. Gồm đủ cả ba như thế mới trọn gọi là lễ phép được.

Và nếu trọn hột giống lễ, tròn trịa đầy đủ chắc thật, mà gieo trồng tại đâu là nơi ấy ắt sẽ sanh cây trổ trái kết quả về sau. Vậy nên gọi miếng đất xấu là ác, miếng đất tốt là thiện, miếng đất trong sạch là đạo đức, là chỗ gieo trồng hột giống lễ, để phải được kết quả ảnh hưởng ngày sau đó. Như thế nghĩa là, kẻ nào thật tâm tôn sùng cái ác là sẽ trở nên ác, thật tâm tôn sùng cái thiện là sẽ trở nên thiện và thật tâm tôn sùng đạo đức là sẽ trở nên đạo đức. Cũng tức như:

1. Người ta muốn được ích lợi cho thân, muốn cho thân sống dài, là phải kỉnh trọng cái thân người lớn tuổi hơn, kính lão đắc tràng, nghĩa là ai muốn được trường thọ sống lâu thì đừng làm ác để phải bị chúng giết hại sớm, mà phải xem gương của những bậc ông già kia, ấy là kẻ thiện lành, không gây sự ác hại ai, nên họ mới được sống đến già như thế.

2. Người ta bằng muốn được ích lợi cho trí, muốn cho trí sáng thông là phải kỉnh trọng cái trí của người học, dầu lớn hơn ta hay nhỏ tuổi hơn ta nhưng trí sáng thông hơn ta ấy tức là thầy ta, ta đều phải nên lễ bái, gieo trồng hột giống lễ. Vì có cung kỉnh mới có vâng lời, có quý trọng mới có noi gương thì mới có thể học tập, hành theo như người, được như chư Thiên cao thượng.

3. Còn như người ta muốn được ích lợi cho tâm, muốn cho tâm chơn thiệt chánh ngay tròn lớn, là phải kỉnh trọng cái tâm của người tu, vì người tu là trau tâm, nên dầu cho hạng bậc nào đi nữa, dầu cho trẻ con nghèo thấp xấu xa, cũng có thể là thầy dạy đạo gương mẫu của ta, mà ta hằng lễ bái cúng dường hầu hạ, để được tu tập y như người. Ấy là chỗ miếng đất tốt quý hơn hết, trong sạch hơn hết, để cho ta gieo giống tâm, lễ bái tôn trọng, hầu được cho ngày sau kết quả tâm, quả Niết-bàn như Phật là vĩnh viễn.

Thế nên gọi là hột giống lễ bái có ba điều ích lợi: ích lợi cho thân, ích lợi cho trí, ích lợi cho tâm; hay là vì thân, vì trí, vì tâm nên mới phải có lễ bái giáo pháp.

Kìa như người thường nhân lớn nhỏ, người ta lễ bái kẻ ác là không phải riêng sợ nó, mà cũng là sợ cái ác tâm của mình, tập nhẫn nhục để đè nén cái ác trong tâm xuống, để đừng chống cự với ai ai, là ý muốn tránh sự chết khổ cho thân người, thân mình và tất cả, hay cũng là sự lễ bái để van xin cái lợi danh, tánh mạng, nhu cầu chi cho thân đó vậy. Kìa người giàu có ông già mà tự lễ bái người tuổi trẻ nghèo hèn, là bởi các bậc ấy muốn cầu cho cái trí, bởi mình đang thiếu trí, khổ sở lạc lầm.

Kìa nữa ông vua ông quan mà tìm kiếm lễ bái người tu xấu xa thấp thỏi, là vì các vị ấy đang lúc phải cần dùng tâm, cái tâm chơn tròn lớn chánh thiệt, thì mới nên hay cho sự ích lợi lớn lao và bền vững không thất bại. Thế nên xưa kia Phật và Tăng xin ăn, mà các vua quan chư Thiên Bồ-tát lễ bái, là không có điều chi lạ cả. Bởi địa vị càng quan trọng, sự việc càng nhiều, lòng tự ái càng sanh, là cái chơn tâm sẽ lần hồi tội lỗi hao mòn hư hoại trở lại, nghĩa là mất đi sự bình đẳng trong sạch của lẽ thường, như buổi lúc ban đầu kia vậy.

Do đó mà đức Huệ Năng xưa rầy dạy những người lạy đầu không sát đất rằng: Lạy để trừ kiêu mạn, đầu lạy sao cách đất chấp mình thì tội sanh, quên công phước không lường.

Đức Đạt-ma nói dứt kiêu mạn thì đắc quả A-la-hán, mới dứt luân hồi sanh tử tương đối được.

Kìa như Bồ-tát Thiện Huệ, đầu tay chưn mọp sát trên vũng bùn lầy, xõa tóc lót chưn cho đức Phật Phổ Quang Như Lai mà được thọ ký quả Phật Thích-ca Như Lai về sau, ấy bởi công đức hạ mình tôn kính đạo, nên mới đắc đạo.

Lại như con voi và con vượn, hạ mọp quên mình dâng nước trái cho đức Phật Thích-ca, mà được sanh lên cõi trời. Thật thế, kẻ biết mình thấp là sẽ được cao, nay thấp là mai sẽ cao, thân thấp là tâm trí sẽ cao, càng thấp bao nhiêu là sẽ càng cao bấy nhiêu, người trí thấy rõ ngày xa về sau là như thế.

"*Cao nhân tắc hữu cao nhân trị* ", dầu ta đã đến được địa vị nào, ta cũng vẫn là đang ở lớp giữa mà thôi, vì trên ta bao giờ cũng còn kẻ khác nữa. Bởi biết thế nên kẻ sống bằng tâm cho rằng tự cao là cái dốt, cái khổ,

cái chết, cái ác, cái thấp thỏi hẹp hòi địa ngục; vì càng tự cao là địa ngục sẽ càng xa sâu thêm mãi vậy. Và cũng là các nhà tu thường gọi rằng: Đời là một cái hố chông gai nguy hiểm, nhưng cái cây gậy lễ phép, nó sẽ giúp cho người vào ra thong thả, tánh mạng vững vàng và lại còn cứu vớt được biết bao nhơn loại. Thật vậy, lễ giáo là cảnh thiên đường của người trí, vui tươi cao thượng an nhàn, mà cũng là sự xinh đẹp nhứt của trần gian, là cái đẹp của nết hạnh hơn là sắc diện thân hình nhơn loại. Quý nhất của sự lễ giáo là người ta có biết lễ phép với nhau, thì không bao giờ chiến tranh nhau bằng tội lỗi sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, chơi bời sái quấy.

Nhờ lễ giáo mà từ loài thú cho đến trẻ con thảy được nảy nở lòng nhơn, biết thiện. Kìa một người biết lễ phép đối với tất cả thì sẽ được mọi sự tha thứ của tất cả, sẽ được cái lợi đến biết bao; và nhứt là như đứa bé con lễ phép kia được người ta nâng cao khỏi đầu, để trên lưng vai mà không ái ngại. Đúng lý như vậy, hạ mình là hay hơn hết. "*Muốn được người tôn phục mình thì trước phải phục tôn người, gieo nhơn hái quả không sai chạy, người ghét người thương chớ bất bình*". Xưa kia Ngài Đạt-ma lạy Tôn Thắng chín lạy, nhưng rồi Tôn Thắng sẽ lạy Đạt-ma trở lại mười tám lạy, đâu có mất chi đâu.

Khác nào học trò lạy thầy trau trí đức, để ngày sau nên ra, đệ tử sẽ lạy lại gấp muôn lần, nhơn quả vay trả xoay vần, mà về sau là được nhiều hơn lúc trước.

Thế nên, đức Khổng Tử lập ra nhu đạo là giáo lý nho nhã nhu hòa, dẻo dai mềm yếu, để thắng sự mạnh cứng bở giòn. Ngài cho rằng người đời cũng tật đố với kẻ trên hơn, nhưng lại thương xót người thấp kém. Vì vậy mà đạo Ngài là đạo làm con, Ngài và chư đệ tử thảy xưng con với thiên hạ. Và lúc nhỏ Ngài tập lễ bái đến khòm lưng; cục đá, khúc cây, cái chi Ngài cũng lễ cả. Ngài lễ tất cả mọi người cho đến con vật, như thế là để tập quên mình theo nhu đạo. Ngài chỉ ra kìa, loại thú còn có lễ giáo thân thiện nhau thay, hai con cá gặp nhau đâu đầu xuôi lặn để tỏ kính ý cho nhau, con chim còn biết chiu chít gật đầu, con mèo thì lấy tay rờ vớ, con lợn thì biết hít hửi hôn nhau. Thế là chúng nó sẽ biết phải cùng nhau được. Vậy nên, Ngài dạy phép lễ giáo là: Con thì sáng chiều phải lạy cha

mẹ đền ơn và xin học hỏi, đối với anh chị thì khi có lỗi phải lạy, cùng lâu ngày gặp nhau cũng phải lạy, đi và về phải lạy cha mẹ, xá chào anh chị. Phép lễ bái là lễ bái người sống hiện tại bây giờ, vì sự cung kỉnh là để vâng lời, vâng lời là để thật hành theo, cùng sự biết ơn là phải ngay trong lúc sanh tiền mới phải. Sở dĩ đời sau, người ta lạy bàn thờ kẻ chết, ấy đó là sự lặp lại việc trước để làm gương hiếu thảo dạy dỗ cháu con, cùng tập cho trẻ nhỏ ham chơi ngang ngạnh tập lạy kẻ chết, là để cho quen lần lễ bái người sống cho được. Có như thế tâm mới trọn thiện, mới được học, mới yên thân cho về sau. Và phép làm cha mẹ là phải chịu cho con lạy bái, đặng cho con thêm đức tánh, mà cần nhứt là mình chẳng khá tự cao, vì tự cao là mất đức hạnh. Vậy nên con càng lạy là mẹ cha phải càng xét mình khiêm tốn, như vậy kẻ trên dưới đều được thêm đức quý cả.

Bằng trái lại cha mẹ tự cao, còn con khiêm nhượng, tức là người lớn có học giác ngộ trí thức kinh nghiệm nhiều, mà còn thấp kém thua trẻ nhỏ; hay như không dám cho con lạy bởi mình quá hư tệ, như thế dung là càng dưỡng, tập hại cả dưới trên hỗn độn. Vậy nên, thuở xưa con mà không biết lạy, vong ân thất học là cha mẹ chẳng bảo nuôi.

Lại như khi một đứa trẻ bước chưn vào trường học là "*Tiên học lễ hậu học văn*"; còn người ở đời không lễ phép là chẳng yên vui sống đời được.

Xưa kia vua quan thầy giáo, người ta đều lạy cả, là bởi các bậc ấy thi ân làm nghĩa xoay vần chẳng chịu đáp ơn tiền bạc, chẳng vì tiền bạc mà tuyệt niềm nhơn nghĩa ân hậu! Cho đến như ông thầy dạy đạo, dạy học trò tu là rất lựa chọn, nên trong "*cửa lễ nhà hạnh*" chứa toàn là bậc trí thức đức cao, chớ không thâu nhập hỗn tạp. Và cũng là sự lựa chọn thầy của một người học trò tu là rất khó, vì khi người học trò tu đã chánh tín, chánh kiến nhập môn vào đạo rồi, là giao tất cả sự hay của mình cho thầy rồi, không còn tự ý riêng tư gì nữa mới được. Vì ông thầy dạy đạo là quý báu trên hơn cả vua quan, thầy cha kia nữa, bởi vua còn phải có quốc sư đạo giáo, mới được gọi minh quân, và quan, thầy giáo, ông cha là cũng cần phải nên học đạo.

Bởi thế nên lời nói của vua quan, cha, thầy giáo là còn có chỗ sai, chớ thầy dạy đạo là không bao giờ dạy quấy. Và đối với thầy dạy đạo đã lựa chọn, là không bao giờ ai dám cãi lời một tiếng theo ý của mình, vì như thế

tức là ông thầy sẽ bỏ ra cho tự do mà không còn dám ép buộc, vì lẽ học trò ấy hoặc đã hơn thầy, hay là đức hạnh đã hư, tâm đã loạn, bởi tự cao chấp ngã đó. Vậy nên, từ xưa sự dạy đạo, phép thử xem trò là như thế, phép tìm thầy lại cũng rất khó vô cùng, và lắm khi ông thầy xử quấy với trò, để rèn thêm đức hạnh, hoặc xét tâm chánh tà, chơn vọng, trình độ tới đâu, thật rất khó khăn lắm mới trở nên Phật Thánh được. Mà đầu tiên hết cũng là dùng lễ giáo để trau đức hạnh, bằng thiếu lễ hạnh là ắt không dạy đạo cho kẻ kiêu mạn, ác tánh, để phải nó lấy đạo tạo đời, nhiễu hại chúng sanh, gây nghiệp tội về sau.

Lễ giáo là một chơn lý rất quý báu, là một phép tắc rất diệu mầu, là nấc thang thiện lành tránh ác, vượt đến chót núi mặt lầu cao trên, chỗ bình đẳng của hạng ông già, là lên khỏi mặt đất hỗn loạn ngang ác, của ở dưới lầy sâu.

Kìa như số đông ông già hiền lương kinh nghiệm, ở chung nhau bình đẳng, trong sạch, yên vui hơn là bọn đám trẻ côi hoang ngang tàng cấu trược. Ấy phải chăng là nhờ nấc thang lễ phép của người một giới biết lễ bái người ba giới trên hơn, người năm giới biết lễ bái người tám giới, kẻ mười giới biết lễ bái người 250 giới như bậc thầy. Người ở đời mà biết tôn kính cái thiện và nâng lên cao, hạ dìm các ác xuống thấp, thì cuộc đời làm sao mà không tấn hóa lên cao hạnh phúc. Bởi đó mà thánh hiền xưa dạy rằng *"Văn thiện ngôn tắc bái, kiến thiện sĩ tắc cung"* là nghe lời lành phải lạy, thấy sĩ hiền phải cung dưỡng. Đó chỉ là sự nghe thấy thay, huống hồ giới luật là nấc thang trình độ thiện, chúng sanh há sao không biết quý trọng vói níu giới luật, để bước lên theo kịp với người ta cho được nên hay ích lợi.

Cũng bởi biết rõ đạo lý như vậy, nên từ xưa các cư gia thường hay cung dưỡng chư Tăng sư, thân khẩu ý lễ phép chân thành nơi giới luật; thân lễ bái, khẩu thỉnh mời, ý quên mình trong sạch mà không bao giờ dám gọi kêu là bố thí cả. Người ta chỉ cho thấy rằng: Một ông già lượm trái chín muồi là lượm hốt cả hai tay, đầu tay chưn mọp sát đất để ăn được ruột trái thơm ngon, lại có được hột giống để dành và bỏ đi cái vỏ. Việc ấy có khác hơn là trẻ nhỏ trèo trên ngọn cây cao, ăn vỏ trái non chua chát, đã không có chi ích lợi, lại phải té gẫy tay chưn thân mình tai hại. Thế

nên, chơn lý của lễ giáo là tiến hóa về mặt tinh thần nhiều hơn, cũng như từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, có trước mới có sau, không nấc thang đường lộ làm sao đi lên đi tới. Bởi đúng lẽ thật là ai cũng đang đi tới theo thời gian cả, mà trong đời ai ai rồi cũng sẽ giác ngộ kinh nghiệm, bởi những cái chết khổ sẽ hăm dọa rằng: *"Trên người còn có những người, cũng như loài người nào phải đâu là cùng tột hay hoàn toàn tốt đẹp*". Thế mới biết rằng chúng ta là đang ở khoảng giữa mãi, có thấp hơn người mà cũng có cao hơn một số người, và như thế thì lễ giáo phép tắc, là đạo lý tiến hóa, là chơn lý mãi mãi đó.

Kìa như người tu xuất gia, tuy trình độ đã khá cao qua khỏi ác thiện, tuy không còn sự ham mộ nghi lễ cúng kiến phức tạp hữu lậu bên ngoài, chớ ngoài giờ thiền định ra, các Ngài cũng còn lễ bái chút ít tùy duyên. Cho đến chư Bồ-tát lại cũng phải lễ bái Phật để làm gương chúng sanh, hay như lúc tham thiền, các Ngài dùng tư tưởng bên trong mà chầu Phật lễ bái; cùng chẳng lễ bái, là làm sự xin ăn nhẫn nhục. Thế mới hay rằng: dầu bậc nào đi nữa, (ngoài Phật chơn tâm bình đẳng ra) là cũng phải nhắc nhở sự quên mình, hạ mình, diệt cái sở chấp ta tự cao đi, thì mới mong thành Phật như nhau được.

Phép lễ bái cũng như sự cuốc đất gieo trồng, hai tay chắp lại in hình lưỡi dao, đầu kỉnh trọng tức là hột giống, giới luật thiện lành trong sạch ấy là đất phân tốt đẹp, là đáng nơi ươm hột gieo giống cuốc trồng thận trọng. Vì vậy mà xưa kia vua A-dục một hôm di giá đi dạo ngoài thành, gặp một vị Khất sĩ sa-môn đi xin ăn, Ngài bèn xuống xe làm lễ sát dưới chưn vị sư, và hôn trên bàn chưn ấy. Một vị quan đại thần hộ giá tâu rằng: Bệ hạ là thể vàng vóc ngọc, há đi đê đầu đảnh lễ kẻ tu ăn xin như thế, chẳng là mất giá trị rẻ lắm.

Vua A-dục lặng thinh. Khi về đến triều, vua bảo ông quan ấy kiếm đem nạp 99 cái đầu thú và một cái đầu người tử tù. Sau đó, vua bảo đem bán tất cả, để cần dùng số tiền ấy. Vị quan đem bán hết 99 cái đầu thú, còn đầu người chẳng ai mua nên đem trở về. Vua lại bảo đem đi bán thật rẻ, nhưng cũng chẳng ai mua. Vua lại bảo phải đem đi kêu cho người ta nhưng cũng chẳng ai lấy. Vua bảo nài nỉ cho người ta, nhưng rồi cũng không ai chịu

nhận. Bấy giờ vua mới hỏi rằng: Tại sao đầu thú có giá trị còn đầu người thiên hạ lại chê, ước như đầu quá ác, quá tội lỗi của trẫm đây, chắc thiên hạ lại càng chê hơn nữa, thế nhưng sao khanh lại nói đầu trẫm có giá trị quý mắc lắm.

Ấy vậy từ rày sắp về sau, trẫm đem đầu vô giá trị này, lễ bái tôn sùng đạo đức; ai mà ngăn cản là trẫm sẽ chém đầu không tư vị! Vì sao vậy? Bởi các khanh phải biết: Trẫm mà hôm nay được giữ vững ngôi vua, là đã trải qua bao trận ra binh sát phạt; cũng vì một lời nói, một ý niệm, cùng một việc làm nhỏ nhặt như một chữ viết của trẫm, là máu chảy thành sông, xương dồn như núi; tội ác của trẫm biết là bao. Hồn oan oán trẫm dẫy đầy, người thù nghịch trẫm vô số, trẫm đã dạy ác, dạy sát sanh cho trong thiên hạ, để được cái ngôi vị này, là cái ngôi vị mà ai cũng thèm khát để được giết trẫm chiếm ngôi, mạng trẫm chẳng biết rủi ro giờ phút nào cả. Trẫm nghĩ rằng: Xưa kia các tiên đế dạy dân hiền nên khỏi bị trộm cướp, còn nay trẫm trị mãi mà trộm cướp lại càng sanh là bởi chúng nó bắt chước cái oai quyền danh lợi của trẫm vậy. Xưa kia các tiên đế không dùng khóa sưu thuế vụ, lấy ân nghĩa hy sinh làm gương không giống như giặc cướp, nên thiên hạ mới phục tùng; còn trẫm nay nào được như thế, mạng trẫm rất nguy, tâm trẫm rất khổ. Hôm nay trẫm đã giác ngộ ăn năn, muốn xua cừu đuổi oán, muốn chuộc tội trau tâm, muốn bỏ cái ngã ái tự cao của cái ác ngang mà người người ghét giận, không chịu dạy chẳng dám khuyên, để tập mình biết học, biết nghe, biết xét lỗi trau tâm, tập tâm chánh tròn lớn thiệt quý báu như các nhà sư trong sạch, có giới hạnh đức trí kia, ấy chẳng phải là nên hay cho trẫm và ích lợi cho cả chúng sanh thiên hạ lắm sao? Mà các khanh lại đi cản ngăn, để xúi trẫm vào đường hôn ám của thất đức bất nhân nữa, để cho đời sau hậu sử sẽ nêu danh "*Nhà vua vô đạo đức là vua A-dục*" để cho người đời kêu rêu thán oán mãi.

Thế là từ đó về sau, vua A-dục trở nên một tín đồ trung thành của đạo Phật, là đạo trau tâm, ông xây cất ra 84.000 cái tháp để thờ Phật và xá lợi.

Khiến nên thuở đời ấy, thiên hạ rất thái bình nhờ nhà vua biết kỉnh đạo, biết trau tâm, biết hành lễ giáo quên mình mà đổi họa làm phước. Vậy nên, từ đó người ta mới hiểu ra đạo Phật là đạo trau tâm, là đạo lý hạp cho vua quan vì vua quan mới là bậc hạng phải dùng đến tâm chơn đức hạnh, là bậc

mà cần phải ráng nhớ quên mình, hạ mình, cần phải mở rộng tâm trí thẳng bằng khiêm nhượng, thì mới được gần gũi với kẻ sĩ hiền, mà được sự ích lợi, nên hay, lâu dài và không thất bại.

Thật thế, cái tâm là hơn hết, được tâm là được việc lớn hơn hết.

Đời nay ít ai được như vua A-dục, và hoàn cảnh giống như vua A-dục, thế làm sao biết được sự ích hay của lễ giáo. Nên chi cũng có lắm người quen sự tự cao gọi bình đẳng của lẽ ác thấp sâu mà hiểu lầm khinh chê lễ giáo, để đến nỗi biết tâm đã hư, biết mình sa ngã biết sẽ lâm nguy mà cũng phải cam đành nhắm mắt, ôm chấp cái tự cao quan trọng để chịu té xuống vực sâu; một phút trèo cao muôn năm tuột thấp, mà không biết phương pháp giải cứu làm sao thật là tội nghiệp. Vậy mà sao có kẻ vẫn còn gọi rằng bình đẳng; bình đẳng của dưới ao sình lầy nhoi nhúc, mãi ác trược chết khổ vì nhau, mà chưa chịu bám níu nấc thang giới luật, là giai cấp pháp giáo tạm để đến trên bờ cao, là lớp bình đẳng của chư Phật, trọn sáng trọn lành tốt đẹp. Ấy cũng bởi sự hiểu lầm, bình đẳng là mục đích Niết-bàn chư Phật chớ còn là chúng sanh đang tiến hóa thì có đâu bình đẳng đặng; còn giai cấp là giai cấp của luật thiện lành trong sạch đạo đức, chớ phải nào nơi xác thân danh lợi thế quyền ép buộc.

Thế mới biết rằng đời không lễ giáo là đám rừng hoang ly loạn. Còn người đời thì dễ gì họ chưa giác ngộ, mà bảo ép họ lạy mình được đâu! Mà nào ai đã cấm cản, có quyền đối với ai được nơi việc phải của họ. Đó là lỗi bởi tại người thiếu hiểu và vô lễ quen tật, nên mới dám thốt ra lời kém học, mà cho rằng ác, thiện, đạo đức là như nhau có một.

Nói rõ hơn, lễ giáo là phép dạy thiện cho kẻ ác lớp dưới, trẻ con, cũng như cây gậy giúp kẻ đi đường sình lầy nguy hiểm. Cũng giống như cái chuồng lồng tạm, để nhốt cứu những con vượn con, để khỏi phải nạn tai nơi thú dữ. Nhưng về sau nó được sống và lớn lên, là chuồng lồng tự lần gãy nứt, nó sẽ lần tự do và thuần hậu, thì mới sẽ là sống chung bình đẳng hữu dụng, đối với trong đời được. Ấy là giáo lý xã hội gia đình, lễ bái phép tắc, là chuồng lồng như thế. Nhờ lễ phép mà trước hết nhân loại được sống yên tu học, và về sau mới sẽ giải thoát giảm bớt lần, cho đến khi bình đẳng như Phật, mới không còn phép tắc lễ giáo gia đình xã hội. Như thế thì ai ai

cũng nên cần phải biết đến lễ giáo, vì lễ phép là ích lợi nên hay cho mình chớ nào phải riêng cho người. Nhưng mà chớ nên tự cao và mê tín, chớ bắt buộc người khác lạy mình, hãy để tự tâm người, trừ khi nào họ không hiểu và muốn học hỏi, là ta hãy giác ngộ giảng giải nghĩa lý cho họ thế thôi.

Còn sự lễ bái là rất tốt đẹp cho tâm mình, nhưng ai có muốn thực hành thì cũng phải là người trí thức, chớ chẳng khá nên mê tín tà kiến ỷ lại, để phải khi người ta hỏi tại làm sao là sẽ không nói thông rành được, ắt phải bị kẻ dốt nát chê cười.

Vậy nên, bất cứ việc gì nếu ta chưa hiểu biết, thì chớ khá bắt chước làm theo người, vì e rằng: Bởi sự chưa biết, là lắm khi việc hay hóa ra dở, thật là có hại! Thế nên Phật dạy rằng: Lễ phép là việc của người trí, chớ kẻ mê thì không hiểu được, bởi hoặc dối lòng hay là ngạo mạn.

Nói cho đúng lễ giáo thật là quý ích lắm, từ lễ giáo đi đến tế lễ là phương pháp thâm diệu, nhưng cũng có chỗ hại mà người ta phải cần ngừa tránh, là lễ vật lễ mễ, hối lót của tiền. Ví dụ như vua quan, thầy dạy ngày xưa không có một đồng tiền hột gạo, nên kẻ dưới giúp nuôi cung dưỡng; còn đời sau chẳng phải như vậy mà lại có sự lễ dâng là xấu xa quá. Cũng tức như sự tế lễ là lễ bái đọc văn tế tri ân, truy điệu, truy cổ sử, thế mà người ta lại đem đồ vật sanh mạng để lên dâng nạp, mà gọi là tế lễ, thay cho hối lót, thì thật nhục nhã, lọ lem cho danh tiếng của Phật Thánh, Trời Tiên lắm vậy.

Chánh lý hơn hết của lễ giáo là con người có lễ phép thì không bao giờ có chiến tranh giết hại nhau được, bởi thân thiện chớ đâu có chi thù oán.

Kìa như có người tướng binh ra trận họ muốn bỏ lễ phép thân thiện, nên mới bày lời sỉ mạ, chọc giận để phải đánh đập nhau được thôi, chớ họ có ghét giận gì nhau sẵn đâu?

Ấy vậy đời sau, muốn cho thiên hạ được thái bình thì mỗi người phải tập lễ phép, chớ ngoài lễ giáo ra là không có phép nào để cho tự mỗi người cứu độ lấy tánh mạng mình được.

Thế nên, ai ai cũng cần phải có lễ giáo hết.

CHƠN LÝ 58

ĐẠO PHẬT KHẤT SĨ

ĐẠO PHẬT

Đạo Phật là con đường đi đến quả Phật giác chơn. Con đường ấy là Khất sĩ. Họ của chư Phật ba đời là Khất sĩ. Khất sĩ là lẽ thật của chúng sanh, mục đích của chúng sanh. Khất sĩ là đến với giác chơn, toàn học biết sáng tự nhiên, hết mê lầm vọng động. Khất là xin, sĩ là học. Sống là xin, ai ai cũng là đang sống xin để cho được cái học cái biết, xin sống là để cho nên cái biết, biết ấy là học, cho biết lẽ thật để thấy ra mục đích đặng thật hành theo, cho được sự giải thoát khổ não của vô thường, và tạo nên cái ta, của ta an vui bền thật, hầu tránh xa sự nô lệ không công, tham sân si vô nghĩa lý.

Đạo Phật không phải là học Phật hay Phật pháp. Vì Phật pháp là giáo lý giác ngộ phương tiện tùy duyên của Phật dạy cho mỗi chúng sanh khác nhau. Còn học Phật là kẻ đang học giáo lý của Phật mà chưa thực hành. Trái lại, đạo Phật là sự thật hành để thành Phật, là sự tu giống y theo Phật. Con đường ấy là Khất sĩ, là Tăng, là đệ tử Phật sau này, là giới luật y bát chơn truyền vậy.

Phật là ông thầy biết sáng chỉ chăm dạy học cho tất cả ai ai kẻ khổ sở lầm mê, mà không cần phân biệt kẻ đó là con của ai, có cha mẹ hữu thần hay không cha mẹ vô thần chi cả. Ngài cũng không bảo ai làm hoặc không làm, hữu vi hoặc vô vi, vì chúng sanh sự sống chết là đổi thay bộ áo ghế ngồi. Như vậy thì cũng như không có sống chết, mà là chỉ có cái khổ của biết lạc

lầm mê muội mỗi lúc mãi mãi; là cái khổ mà sống cũng khổ, chết cũng khổ, khổ là đáng sợ hơn hết, đáng sợ hơn cả cái chết, bởi cái chết là không ai tránh khỏi được. Mà chúng sanh khổ là bởi chưa biết, biết lạc lầm mê muội dốt nát, như thiếu mắt, như đi đêm, không có mục đích, không biết căn nguyên cội nguồn lẽ thật. Kìa như con người ở đời, kẻ dốt là phải làm việc nhọc công vô ích sức lực không đâu, chớ kẻ trí thức học nhiều tính ra là đâu có chi khổ bận. Và họ là bao giờ cũng giải thoát, đứng ra ngoài sự vật, ngoái lại nhìn xem, chớ không ưa chịu sự trói mình nô lệ vô lý mãi như trăm họ để phải chịu nghèo giàu, các Ngài chẳng màng ngó đến sự giàu nghèo vinh nhục.

Thế thì đời của những bậc giác ngộ là Khất sĩ, là khách, là tăng, là tu học, sống để học tu, sống để mà biết, sống tạm để cho được cái biết ngày mai, chớ không có chi hiện tại; thì hữu thần vô thần, hay hữu vi vô vi, hoặc nghèo giàu, sống chết đối với họ là vô lý. Vì trước khi sanh và sau khi chết hay thật ra trong mỗi lúc, chúng sanh đang là cái biết ở trong võ trụ tự nhiên yên lặng, tối đen, không không lẽ thật. Họ sẽ từ trong bánh xe lăn xoay của tứ đại sanh ra, và sẽ vượt lên bay bổng ở không trung sống mãi bằng cái biết không xao vọng, không còn trở lại chun xuống bánh xe, để phải nhào lăn như tứ đại vô tri kia nữa. Các Ngài không còn lầm nhận cái ta, của ta là tứ đại.

Con đường tiến của sống, để đến biết nghỉ yên vĩnh viễn ấy tức là đạo Phật, là Khất sĩ, và tất cả chúng sanh là Đoàn Du Tăng Khất Sĩ.

Đúng lý như vậy, ai ai khá hay giác ngộ tự mình đi lấy, chớ nên ỷ lại và nô lệ. Kìa Phật xưa còn bỏ đền vua, bởi lẽ không ta không của ta, chúng ta ngày nay há sao khổ não bởi vô thường rộn nhọc...

MÔ PHẬT

CHỦNG TỘC SA-MÔN

Xưa kia Phật Thích-ca khi Ngài còn đang là thái tử, Ngài đi dạo xem bốn cửa thành, gặp người già bịnh chết với vị sa-môn Khất sĩ, Ngài cho rằng: Vị sa-môn Khất sĩ ấy hữu lý thật. Con người sống không phải để sống, sống để chết bịnh già hay chịu khổ, nô lệ. Ngài nhận ra mục đích của sống là biết, biết là học, cái sống là xin. Tất cả chúng sanh là đang xin lẫn nhau, tiến ra từ trong cái ác, cái bất công, cái mê muội. Cũng như kẻ kia mới tượng thai bào

là cướp máu thịt mẹ, khi sanh ra còn dùng sữa huyết mẹ, lớn lên phá phách báo hại cha anh, về sau đến trường học quấy rầy với bạn lữ. Kẻ đó biết tự lo cho mình, sau lại lo cho gia đình vợ con, đến nữa mới biết lo cho xã hội; về già thì nghĩ đến thế giới nhơn loại, chừng gần chết lại xót thương cho loại thú, cỏ, cây, đất, nước. Từ ác tiến lên thiện, từ bất công sẽ đến công bình, từ mê muội trở nên sáng suốt. Chúng sanh đang sống trong lẽ xin vay, chẳng có cái tự mình. Kìa ta đang xin nơi cỏ, xin nơi cây, xin nơi thú, xin nơi người, xin chẳng đợi ai cho, bất công tội lỗi, nào ta có nghĩ đến cái sống biết của chúng nó cũng đang tiến, cũng như ta. Ta cắp nơi rau cỏ, ta trộm nơi nhánh trái, ta cướp mạng sống thú, cầm; hoặc tự làm, hoặc xúi kẻ khác làm cùng xin nhau chia lợi, sái với bình đẳng lẽ công chơn lý. Thế là cái sống của ta đang vay và tội lỗi. Cái vay tội lỗi ấy để mà tu học, ai ai là cũng đang tu học để đi tới con đường tốt đẹp, thì người Khất sĩ kia chẳng là chánh đẳng chánh giác khá hơn ư! Và người Khất sĩ có còn biết xét đến lẽ công bình đẳng, biết xin trực tiếp, tuy xấu thô nhưng mà trong sạch, tuy cũng tội vay nhưng được an lòng vì có mục đích tu học và bởi tự lòng người hảo tâm bố thí, chớ không tự lấy làm hay ép buộc. Cũng như người học trò khó kia xin nhờ nơi người giúp hộ, người thật tâm cố gắng học tu đi tới, nên chẳng sợ mang thân trùng dế đáp ơn. Cái Khất sĩ tạm ấy tuy cũng còn là tội lỗi ít, nhưng có mục đích có sự đáp đền sau này, cái ấy cũng là tốt đẹp lắm, chớ biết làm sao vì khi đã có phải mang thân; pháp ấy tốt đẹp hơn sự tham muốn ác ngang không đường của bao nhiêu kẻ khác, chỉ lo vay tạo.

Bởi thế nên Ngài giải thoát xuất gia theo đường sa-môn Khất sĩ, chẳng chút ngại ngùng sợ sệt. Ngài lại dạy thiện cho thế gian tập lần theo: kẻ giữ một giới là không giết hại loài người, người giữ năm giới là không giết cả thú to, tám giới không hại cả thú nhỏ, mười giới không giết cả cây to, hai trăm năm chục giới không hại cả cỏ nhỏ.

Cho đến một khi kia, Ngài đã toàn năng toàn giác, Ngài về xứ vua Tịnh-phạn, sáng ra Ngài đi khất thực xin ăn. Vua Tịnh-phạn đến đón chận đường Ngài mà nói rằng: Ngài quên tôi là nhà vua sao? Dòng họ Thích-ca xưa nay là vua chúa, nào có sự xin ăn xấu hổ như thế? Ngài quên là tôi có thể cung cấp cho Ngài và chư sa-môn đến bao lâu cũng được hay sao? Đức Phật đại sa-môn Khất sĩ trả lời rằng: Bệ hạ bảo tồn danh giá địa vị của dòng họ Thích-

ca là cũng giống như tôi, tôi bảo tồn danh giá địa vị của dòng họ Phật, là dòng họ sa-môn Khất sĩ của tôi, vì tôi đã là con của chủng tộc sa-môn họ hàng Khất sĩ nhà Phật rồi, thế nên tôi phải đi khất thực xin ăn theo bổn phận.

Lại như trước khi Ngài nhập diệt, lời di chúc của Ngài trong kinh Di Giáo, Ngài dạy các đệ tử về sau phải giữ gìn giới luật sa-môn Khất sĩ, lấy giới làm thầy thay như Phật, giới luật ấy là đạo Phật. Đạo Phật mất hay còn là bởi nơi giới luật sa-môn Khất sĩ ấy.

Ngài dạy trong Tăng chúng chớ sanh sống như người thế gian tạo tội, chớ quên mục đích học tu của sống tạm, thà tạm vay tu học mà còn trong sạch đáng quí hơn. Hãy xem gương Ngài trọn đời bát y khất thực theo chơn lý chẳng đổi dời, ấy cũng bởi chúng sanh nghiệp tội, tham sân si ngã mạn, khổ sở, không bao giờ dời đổi. Đạo Phật thì không bao giờ mới hay cũ, chẳng bao giờ đổi thay được. Trong đời chỉ có một đạo Niết-bàn do nhờ pháp Khất sĩ ấy thôi.

Pháp ấy sẽ giúp cho chúng sanh tiến tới mãi, không ta, không của ta; giải thoát được tham sân si, ác khổ ắt sẽ diệt trừ. Nó là con đường cái quan trọng lớn lao chung của tất cả, nó cứu vớt cho biết bao kẻ khổ sở được khỏi sự chết điên, nó là tương lai ngày mai của muôn loại. Kìa như gương của ta, nó giúp cho biết bao người già yếu, khổ sở thất bại, tránh khỏi điên cuồng chết thảm. Họ bị vật chất tình thương hất hủi, họ sẽ đến với ta, họ đến với ta để sống vui, tiến đến nẻo tinh thần tốt đẹp quí báu cao thượng hơn. Thế nên, những ai người giác ngộ mới sẽ thấy nhận ra ta. Ta là Khất sĩ, là chơn lý, là đạo, là con đường cao trên của lớp họ, họ mới phải xuất gia trước theo ta, mà không phải là chờ đến khi nạn khổ. Nhưng các người cũng nên biết rằng: Đạo Khất sĩ là rất quý báu và quá cao siêu, đúng với lẽ thật công bình, mà trong thế gian rất khó hiểu, rất khó gặp, rất khó hành theo, vì cũng như lớp ông già thì bao giờ cũng rất ít, lại phải chết đi, còn trẻ nhỏ càng đông lại sanh thêm nhiều mãi, thì đâu phải mỗi ai cũng đều già ngay một lượt y như nhau.

Đối với những chúng sanh ấy, giáo pháp Khất sĩ sẽ là bàn tay cứu vớt họ ngày mai, để đưa lên, lên đến cõi tột cao. Vậy nên chúng sanh đời sau hãy xem Khất sĩ là đạo của chư Phật ba đời, mà Khất sĩ ấy là đạo, là đường đi; mượn tạm đường đi ấy để đi đến nơi chơn thật, mục đích kết quả của

mỗi người; chớ đạo ấy không phải là tên chi. Khất sĩ là đạo của chúng sanh chung, ai ai cũng đang mang danh từ Khất sĩ, họ hàng Khất sĩ, họ Phật, chủng tộc sa-môn, là học xin Khất sĩ hết.

MÔ PHẬT

VIỆT NAM ĐẠO PHẬT KHÔNG CÓ PHÂN THỪA

Xưa kia sau Phật tịch, Ưu-ba-li Tỳ-kheo Khất sĩ (trước kia là thợ cạo kém học) truyền bá giới luật xuống miền Nam Ấn Độ, đến Tích Lan, Xiêm La, Cao Miên, Lào và đến Việt Nam như ngày nay. Giáo lý ấy rất đúng theo xưa, nhưng quá bảo thủ thành ra cạn hẹp cho người trí huệ, và không dùng cho xứ Việt Nam được, bởi lẽ ăn dùng tam tịnh nhục, vì đạo giáo là do trình độ của chúng sanh dân tộc! Kìa như Ngài Jésus Christ dạy đạo thiện nơi phía Tây, vì dân tộc còn đang ăn thịt sống, chẳng biết luộc rau nấu trái, thế nên Ngài cũng phải tạm dùng tam tịnh nhục là miếng thịt tự chết để sống mà dạy đạo, cho có đạo để lại ngày sau thiên hạ tập lấy theo. Đức Thích-ca và chư Bồ-tát Khất sĩ xưa tu dạy cấm sát sinh phải ăn chay, nhưng khi đến cụm rừng gặp bọn thợ săn cũng phải tạm dùng tam tịnh nhục, chớ biết làm sao, vì không lẽ chịu đói lâu ngày sẽ chết mất, bỏ đạo cho chúng sanh. Ấy cũng vì dân tộc Ấn Độ xưa có chỗ còn chưa biết ăn dùng rau trái, lại như dân tộc Xiêm La, Cao Miên, Lào cũng là dân tộc ăn thịt sống, nên giáo lý phải chưa trọn thiện, chớ như xứ Việt Nam do phong hóa Tàu, biết ăn chay rau trái, theo Lão Tử thiện hơn, thì sao lại còn tập ác ăn thịt trở lại mà làm chi. Có phải chăng cái thiện là đừng giết người, thiện hơn là chẳng giết đến thú, thiện hơn nữa là chớ giết cỏ cây, cái thiện phải tiến lên cho hoàn toàn trong sạch, từ bi, công bình với tất cả chúng sanh muôn loại, mới không còn chiến tranh giặc loạn. Vậy thì giáo lý ấy nên được tu sửa thêm, ăn chay theo trình độ dân tộc Việt Nam thiện lành hơn, ắt là đúng hay tốt đẹp lắm.

Trái lại là có người riêng nào lại tự xưng Đại thừa, mà Đại thừa là pháp lý, hay trình độ tâm trí của mỗi người, cùng là kẻ khác biết cho mình, chớ chẳng có tự mình xưng, hay nêu cao bảng hiệu. Kìa như khi xưa, Ngài Ca-diếp đức hạnh cao, trí huệ lớn, nối ngôi tổ vị, truyền đến Đạt-ma tổ sư thứ 28 đều là bậc học hạnh đi đôi, giáo lý đi lên miền bắc Ấn Độ và sang Tây Tạng, đến Tàu. Đến xứ Tàu gặp phải Nho giáo thạnh hành chánh trị. Nho

giáo xuất thế ít có, Nho giáo nhập thế đương quyền, ấy là cư sĩ vua quan, vì chưa hiểu biết đạo Phật, vì quyền lợi cá nhân mà cấm ngăn đạo Phật, mượn cớ sợ mất nước Tàu nên không cho sãi Ấn Độ sang, lại cũng chẳng cho dân Tàu đi tu học đạo. Về sau bởi không ngăn cản nổi lòng người, nên kinh sách Phật len lỏi rất nhiều, và đến đời Lương Võ Đế, mới biết trọng kinh sách. Chùa là nhà thờ dịch kinh chứa sách, chỗ mở mang pháp học mà chẳng có thực hành, pháp hành phải bị cấm ngăn, của Ấn Độ trả về Ấn Độ, vì lẽ quan vua Nho giáo chịu nhượng sách kinh pháp học, chớ đối với giới luật y bát khất sĩ không trong sạch, chẳng lợi danh cao thượng kia, thì các Ngài rất hổ thẹn. Do đó mà những ai muốn tu là phải vào rừng thiền định kêu là thiền lâm, thiền lâm là thiền định trong rừng, chớ không phải tại chùa thờ dịch sách, hay thiền lâm tông giáo. Thế là đạo Phật xưa ở Tàu bị nạn, có học mà chẳng có hành, có thông minh mà không giới luật, có Phật pháp, học Phật mà không đạo Phật.

Vì thế mà rất ít ai đắc định huệ, bởi không có giới luật y bát Khất sĩ như Phật Tăng; nên ở chùa, các vị học Phật ấy như cư sĩ, học sanh ở chùa, chớ không đi tu du hành đâu được, và tham sân si chấp ngã khó dứt trừ, chỉ được làm chư thiên trụ trì ủng hộ pháp kinh cho đạo Phật. Các vị ấy phải sống theo nhà Nho, vua quan có đủ lễ nhạc quần áo, mão hia, chuông mõ, trống kèn, sớ điệp như triều đình âm thinh, sắc tướng để sanh nhai cho qua ngày tháng, ấy cũng nghề lành, đặng nương theo chùa chiền kinh kệ, tập lần tu học.

Ở nơi đó có vị chỉ biết kệ kinh chớ ít hay xét ra đạo Phật, pháp hành của Phật Tăng xưa là sao cả. Các vị tu thì tu Nho, mà học thì học Phật, lại lầm nhận: Tưởng mình là đạo Phật canh tân mới mẻ, mà quên rằng: Là chúng sanh bao giờ cũng vẫn tham sân si ngã mạn, không mới cũ! Trái với đạo Phật là: thâu nhận tín đồ bổn đạo, xưng hô đệ tử thầy trò, lập ra tông giáo, chùa riêng, bỏ mất danh từ của đạo. Chấp có nhỏ mà quên không là lớn, không lớp trên ít, lại lập lớp dưới thâu nhiều, kẻ không dạy mà lại xưng thầy, người không học mà lại gọi trò, thâu góp cho đông, lấn giành công dân xã hội, tranh đua tông giáo, không còn phải đạo là võ trụ chúng sanh chung nữa. Phật không còn phải là Phật của cả chúng sanh, hay cả chúng sanh không còn phải là của Phật. Chùa là chỗ thờ tôi, chớ không phải là nơi Phật

Pháp Tăng đạo tràng an trụ giáo hóa.

Và cũng vì bận rộn mãi những công việc hữu vi Nho giáo bạc tiền chức phận, thâu thập dân đông, bà con bạn lữ, nên xưng gọi là Đại thừa, to lớn xe đầy, có học chưa tu, chỉ cần lo dạy, tuy được thiện chay, nhưng lại nhuốc nhơ vì tham sân si bản ngã. Cũng có ít kẻ lại hợm mình xưng Phật, quên tu vì say học, mà gàn bướng cho giáo pháp y bát Khất sĩ giới luật của Phật xưa là Tiểu thừa, như Phật xưa trọn đời y bát khất thực, cũng là Tiểu thừa nữa, hay như Phật ấy là tự độ, độ tha, chớ chưa hẳn quên sự tu của mình như các vị.

Thật ra chớ chi mà các vị ấy có thì giờ giải thoát, biết xét thấy mình chưa tu, và nạn chiến tranh đang tìm phá chùa chiền, các ngài đừng lo quyên tới cất chùa thêm, mà phải lo chỉnh đốn giới luật lại trong phút chút của thời kỳ tự do này, ngay như trong xứ này, mà đừng tưởng rằng là còn đang bị Nho giáo áp chế, đạo Phật bị nạn tai như thầy tổ xưa kia nữa, ắt là các Ngài chỉnh đốn y bát, thật hành giới luật, khất thực du hành, ăn chay trọn thiện, chắc là trong sạch giống y Phật Tăng ngày xưa lắm. Và mai kia còn khỏi phải bị ăn năn hối hận, bởi hối tiếc chùa chiền, tông giáo bị cấm ngăn, sa thải vì chiến tranh là do nhờ con đường đi đã roi dấu và lẽ chánh đã phải y đạo hợp đời, nên đạo cứu đời thì đời mới quí trọng quy theo, trở nên đời là đạo, đạo đức mới đời đời, là cõi đời.

Đúng lý như thế, xứ Việt Nam ngày nay đã cụng đầu hai pháp ăn thịt lại với chứa tiền, chớ chi mà ai nấy thảy ăn chay và đi xin theo giới luật y bát Khất sĩ, không không như Phật Tăng xưa thì quí báu biết bao nhiêu, chắc đạo của xứ Việt Nam này có phần trổi hơn Ấn Độ xưa, bởi do trình độ của dân tộc đã biết thiện lành và trong sạch. Vả lại, Tăng mà không tà, không ác thì đạo Phật ắt sẽ hiệp hòa, vì có hòa mới có đạo, hòa là đạo mới là quý báu, mới gọi là có đạo cho kẻ thế gian và họ sùng bái cúng dường, mới không phải là mê tín và tội lỗi, vì đã vô tình ví như nuôi kẻ sát nhơn và trộm cắp.

Có hiểu biết như thế, tức là ai ai cũng đều chỉ biết lo tu mà không có phân thừa chi.

MÔ PHẬT

QUY Y THỌ GIỚI

Vấn: Sao gọi là quy y và thọ giới?

Đáp: Quy y Tam bảo là về theo Phật Pháp Tăng. Ai ai kẻ giác ngộ nhận ra chơn lý lẽ thật đều thảy biết mình là đang quy y Tam bảo, hay đã quy y Tam bảo rồi cả. Vì Phật là ông thầy giáo, Pháp là bài dạy học, Tăng là học trò hiền, đạo đức hay cõi đời, đường đời là trường học. Tất cả chúng sanh nào có ai chẳng phải là kẻ học trò là Tăng, bởi cái biết là đang học, cái trau sửa là tu, thời gian đi tới mãi là đạo. Chúng sanh sanh ra khác nào lìa xa cha mẹ tổ tiên Phật Thánh vào trường đời để mà tu học, xa cha mẹ, ông bà là cho được dễ học tu. Nhưng trái lại, chúng sanh học trò lãng quên bổn phận, quên lửng học trường, quên mục đích học tu, đành bỏ qua những điều nghe thấy. Hoặc bảo thủ cố chấp một ông thầy, một bài học, giữ cái ghế ngồi, gìn bảng lớp, tiếc vách ngăn, nhớ thương bè bạn, hết nô lệ thì thêm ỷ lại; không chăm học tu đi tới lại tự cao chia rẽ, lớp nọ lớp kia! Ham vui vật chất, mãi lo mặc ăn ở bịnh, tranh nhau, bỏ mặc năm tháng ngày giờ kiếp đời lăn lộn, không còn thông minh trí nhớ để biết mình là ai, đây là đâu. Dầu có phải gặp thầy sáng, bạn hiền, pháp học cũng không sao hiểu nhận. Dẫu rằng đang ở tại trường, nhưng lại chẳng khác nào những trẻ côi hoang, hoang đàng trốn học, xúm nhau trửng giỡn, hết khóc vang thì cười dội, đua nói chen làm, vọc bùn giỡn đất, cất chòi đánh lộn, bày ra đủ việc, rối rít lăng xăng, không rồi nên việc, bận mãi suốt đời.

Bởi thế nên kẻ đã tỉnh ngộ gặp ra thầy giáo học trò pháp học là Phật Pháp Tăng, thì liền biết ngay sự thật, mau mau trở gót quay về, y theo, mà cho là mục đích quí báu, lẽ thật quí báu, Phật Pháp Tăng, thầy giáo học trò pháp học, là Tam bảo. Những kẻ ấy từ đó sẽ sửa chữa hành vi, việc làm, lời nói, ý niệm, trở lại y theo Phật Pháp Tăng, để lần lần trở nên Tăng, là học trò tốt đẹp, đặng học hành theo Pháp, mà thành như ông thầy Phật vậy, đó là sự quy y Tam bảo. Tam bảo ấy vốn của nơi mình, gọi là ai ai cũng đang là Tam bảo, hoặc đang quy y Tam bảo sau khi giác ngộ. Kẻ mà quy y Tam bảo là bởi đã quá lạc lầm mê muội, lãng quên và quen tật, thế nên sự chứng tỏ cho kẻ quy y trở về giác ngộ ấy là phải nghiêm trì giới luật, là phép ngừa răn cản ngăn tội lỗi. Tập giữ lần từ một giới đến năm giới, tám giới, mười giới, và đến 250 giới mới trở lại được như cũ ngày xưa, như trò hiền kia được. Thế nên,

gọi một giới là một bước chân quay về, hay như một nấc thang trèo lên, như giảm trừ một nết xấu, thói quen, vọng loạn, si mê, sái quấy. Bởi đó nên gọi rằng: giữ giới tức là quy y vậy. Tự mỗi người hãy giác ngộ lấy, tự giữ giới quy y lấy. Bằng ví như vì sự kém trí yếu tâm, hoặc không rõ giới luật bước chân, thì hãy cần nương nhờ kẻ trước dắt đường chỉ bảo, ai ai cũng được. Như người cư sĩ giữ năm giới, nói chỉ giùm cho người giữ một hoặc ba giới được, tám giới dắt trau cho năm giới, mười giới truyền bảo cho tám giới, hoặc mười giới xin nghe chịu nơi bậc 250 giới trên hơn. Kẻ trí thì tự mình thọ giữ giới là quy y. Người mê lại nhờ nương theo kẻ trước người trên hơn một giới, một bước là sẽ truyền dắt cho sau thọ nhận được, ấy là tạm dắt dẫn cùng nhau, sau trước rồi cũng sẽ như nhau, chớ phải đâu bán thân trọn đời nô lệ, hoặc cùng nhau níu chùm ỷ lại.

Bởi đó mà từ xưa sau mỗi khi Phật dạy, biết bao người chợt tỉnh thấy ra mục đích cõi đời, tự phát tâm thiện tín về theo chơn lý quy y, tập nghiêm trì giới luật, để đến là Tăng, hành học theo Pháp, mà trở nên Phật. Phật là thầy chung của tất cả chúng sanh, và tất cả chúng sanh rồi đây, ai ai cũng tự nhận mình thiện tín tự quy y thọ giới, và sẽ là tăng học trò, theo lẽ thật của tiếng Ấn Độ.

Kìa như khi xưa Phật Thích-ca, Ngài xem Ngài như con của chư Phật quá khứ, Ngài là một phần tử của đạo Phật, Ngài là ông thầy giáo tạm của một bước chân trên con đường tiến hóa, vì sau Ngài còn có những vị khác nữa. Tiếng thầy trò đối với Ngài là bạn lữ chung đường, kẻ trước người sau, tiên sanh hậu sanh là cũng vẫn như nhau, ngày mai sẽ là bình đẳng. Ngài xem Ngài cũng như người giới thiệu giữa chúng sanh và đạo Phật, vì chúng sanh là vị lai và đạo Phật là quá khứ. Bởi đạo Phật là đạo của chư Phật quá khứ, đạo Phật có nơi chúng sanh, có từ vô thỉ, chớ nào phải đạo ấy của ai, hay ra đạo là của tâm mỗi người, ai ai cũng như nhau cả, vì đó mà Ngài lại cũng không chấp xưng thầy, cùng kêu gọi ai là học trò. Ngài không nhận lãnh phận sự thầy đối với lẽ chung tất cả, và cũng không dám nhận ai là học trò xứng đáng được.

Đời thì tôn trọng Ngài, thế mà Ngài vẫn giải thoát và im lặng, chớ không thiên vị. Còn chư Tăng tạm của Ngài, ai ai cũng là Tỳ-kheo Khất sĩ như nhau, bình đẳng học xin, y chơn lý. Các sa-di tập sự là như cư sĩ quên học, nay mới

quay về tập lại, mỗi tập sự theo tập với một Khất sĩ học xin, tạm kêu là thầy trò trong hai năm trở lại; cho đến khi tập sự được xét xem đưa cho vào giáo hội thâu nhận của lớp Khất sĩ bình đẳng, thì chừng ấy không còn tên gọi tạm của thầy trò nữa, mà là ai nấy xưng gọi như nhau thôi, vì ai cũng là còn đang tu học thêm. Và sau đó thì vị Khất sĩ trước kia mới được nhận thâu thêm một tập sự khác nữa. Bởi phép dạy là bao giờ cũng chỉ một thầy một trò, thầy là dạy cả sự học đạo và hạnh tu của trò, thầy trò ngày đêm ở gần nhau mãi. Ăn mặc ở bịnh xác thân của trò là cũng do thầy; người ta cúng dường cho thầy, thầy cho lại trò. Trò mang ơn thầy cả bằng thân tâm trí, nên trò không còn tự ý riêng của mình, vì sự phải quấy của trò là thầy chịu trách nhiệm; chẳng giống như thầy giáo thế gian, dạy ăn tiền lương cho có số đông, nó về nhà nó, nên hư trối kệ. Lẽ ấy mà Phật Tăng xưa chỉ xem cư gia là thiện tín chung, chớ không dám nhìn là bổn đạo, đệ tử suốt đời như quyến thuộc nô lệ. Chỉ có những ai tập sự xuất gia mới kêu là nhập đạo, là bởi các Ngài đã tin cậy, gìn giữ và chịu trách nhiệm được, ấy là nhờ ở chung nhau. Các Ngài cho rằng mục đích của tất cả chúng sanh là tu học để cho đắc quả, chớ không phải lập bè kết bạn, mà cần phải tính cho nhiều.

Thế nên, khi xưa có kẻ cư sĩ ít duyên gần Tam bảo mà muốn xin nhập đạo, các Ngài lại bảo rằng: Khoan, hãy nên học nghiệm rộng khắp giáo lý xã hội, gia đình, tông giáo, cư gia cho thông trước đã, rồi mới sẽ nên vào; vì khi vào đạo rồi là phải chịu bó buộc sự học tu theo giới luật chương trình cho đến ngày đắc đạo. Cũng giống như học trò lớp dưới, hết bài học rồi mới sẽ lên trên, hay như cư sĩ đứng ngoài là phải nên lựa chọn, chớ vào lớp rồi là không được dòm ngó hai bên do dự nữa, và đợi cho đến khi đã trở nên bậc thầy là Phật Thánh, thì trí học mới sẽ ngó ra ngoài xa kia được.

Bởi thế mà xã hội, gia đình, tông giáo, chúng sanh là như thiện tín chung của các Ngài; các Ngài không có thâu giành tín đồ riêng biệt để làm chi. Và các Ngài cũng không bao giờ bênh vực hoặc nghe riêng hay nhận nhìn một thiện tín quyến thuộc nào. Vì cư gia không phải là thiện tín riêng của đạo Phật, bởi tám giới năm giới là phía bên nào cũng giống như nhau, là lớp nhơn thiên đang tập học, phải theo với tất cả lẽ phải, chớ há riêng gì đạo Phật mà để phân biệt danh từ kia nọ chi, cho thêm điều ác hại. Vậy nên các Ngài đi đâu ở đâu cũng được, và cả chúng sanh ai cũng có thể lần theo được đến các

Ngài. Đạo của các Ngài là võ trụ chơn lý, lẽ chung, bình đẳng; cũng vì đó mà các Ngài xem ra cả chúng sanh ai ai cũng như là đã quy y thọ giới giác ngộ như nhau rồi hết, và các Ngài không choán phần của các lớp học khác; các Ngài là một lớp của học trường chung vậy.

Vì thế mà danh từ Hòa thượng, bậc bề trên của sa-di trong vòng hai năm, hay như Yết-ma, thầy lễ giới thiệu cùng Giáo thọ truyền giới cho sa-di là danh từ trong giây lát tạm trong khi truyền giới, xong rồi là bình đẳng như nhau, chớ không phải giai cấp chức quyền, để cho mỗi người kêu gọi, hoặc cấp bằng thi đậu, như người ta lầm tưởng.

Có hiểu như thế mới biết là qui giới của nhà Phật xưa thật là bình đẳng, chánh lý hơn hết. Và tờ giấy quy y phái điệp là không có.

MÔ PHẬT

GIÁO LÝ KHẤT SĨ

Khất sĩ là xin ăn tìm học.

Khất sĩ là học trò khó xin ăn, tìm học pháp lý giải khổ cho mình và tất cả, để tu tập hành theo cho kết quả. Khất sĩ theo với hết thảy, học với hết thảy, mục đích toàn giác toàn năng, không riêng tư phân biệt ai ai. Khất sĩ là chúng sanh chung, không tự nhận mình là nhơn loại hay gia đình, xã hội, thế giới, chủ nghĩa đạo giáo nào, vì lẽ chúng sanh là phải tiến lên mãi, không ở một mực. Khất sĩ xin học với tất cả lẽ phải nên, và xin theo với tất cả sự ích lợi, mãi mãi cho đến trọn đời, chẳng một nơi bỏ sót. Khất sĩ không ta, không của ta, chẳng tự cao chia rẽ, cùng tự xưng mình dạy người hơn ai bằng lời nói, hoặc chỗ ngồi cao, địa vị lớn. Khất sĩ thường lặng thinh và không tranh luận, gọi mình là trò với tất cả. Khi có ai hỏi đến thì chỉ nói chỗ mà mình đang tu hành chút ít thôi. Khất sĩ giữ giới thanh tịnh, tập cấm khẩu và tu thiền định, không làm mích bụng người, gìn thiện cảm với tất cả. Khất sĩ không tự gọi là dạy ai hết, và cũng không trị ai hết, vì tất cả chúng sanh là như nhau có một (Thế Tôn chẳng tự tôn).

Khất sĩ được để lại gương mẫu cho đời về sự không tranh, bình đẳng, hiệp hòa, sống chung, học chung, tu chung với nhau, để gương bằng sự thật hành tu tập, y theo chơn lý sống biết linh trong võ trụ đạo đức. Con đường của Khất

sĩ là bố thí pháp học và hành, trao đổi với tài thí ở đời, để được mình đi và dắt kẻ sau cùng đi tới. Giáo lý Khất sĩ ngày nay xa Phật, thiếu học kém tu, nên phép kỉnh Phật thì có mà sự thật là không dám tự nhận xưng mình là riêng đệ tử Phật, cũng chẳng gọi mình là đời hay đạo, chỉ biết là đang tập tu học lần lần, theo về với tất cả đạo và đời bằng sự dứt bỏ tham sân si ác quấy, ráng làm các việc thiện lành và nhứt là cần phải rửa lòng trong sạch của ta trước người vậy. Phép tu luôn luôn ở giữa mình và người, hiệp một, ai ai cũng là thầy chung của Khất sĩ. Khất sĩ là thấp kém nhỏ nhoi, xấu xa tội lỗi, nên chỉ ráng tự xét, nhớ lấy để răn lòng, và với ai ai, đâu đâu cũng tìm đến nương lời răn dạy (với những bậc trên trước, không tỵ hiềm) đúng với chơn lý trong võ trụ. Chúng sanh là Khất sĩ, là pháp nhẫn nhục trau tâm dưỡng tánh, là pháp thí trí huệ, mục đích của chúng sanh, là sự đi học, tinh tấn, tiến hóa giải thoát, từ thấp bước lên cao, có trước mới có sau, theo gương chư Phật (từ sơ học đến độc học, đại học, để trở nên toàn học, toàn tu hoàn toàn lẽ sống).

MÔ PHẬT

NGUỒN KHẤT SĨ NAM VIỆT

Khất sĩ là nhựt nguyệt tinh quang, là ánh sáng giữa đêm trời tối để chỉ dắt người ra khỏi cảnh rừng nguy.

Minh Đăng Quang Khất sĩ xuất gia 1944 tại Vĩnh Long, đi tu tìm học nơi hai giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa của Cao Miên và Việt Nam. Năm 1946 nạn khói lửa chiến tranh danh lợi, đốt phá núi rừng, làm cho người tu không chỗ ở, lại thêm nạn cướp bóc, không cho kẻ sĩ hiền làm việc nuôi thân sống tạm. Minh Đăng Quang rời khỏi xứ Cao Miên trở về Nam Việt thật hành giới luật Tăng đồ tại tỉnh Mỹ Tho cho đến năm 1948. Giáo pháp Khất sĩ đến Sài Gòn năm 1948, ánh sáng của lá y vàng phất phơ thổi mạnh làm bật tung cánh cửa các ngôi chùa tông giáo, kêu gọi Tăng chúng tản cư khắp xứ, kéo nhau quay về kỷ luật. Năm 1950 huỳnh y trở gió bay về hướng nam Hậu Giang, nổi lên lố nhố những núi vàng, pháp tháp. Nhứt là ở tại sông Cửu Long trung giang, bửu tháp vượt cao hơn hết, năm Quý Tỵ - 1953.

Và cũng là nơi đó tại xứ Vĩnh Long ngày rằm tháng bảy năm Quý Tỵ 1953, Đoàn Du Tăng Khất Sĩ chiếc thuyền trí huệ tạo thành, tách bến, lướt

sóng ngược dòng trở lại miền trên, trở nên thuyền tế độ. Đoàn Du Tăng hay thuyền tế độ lúc nào cũng đang bọc gió rẽ nước giữa dòng sông, đứng giữa trung gian của đời và đạo. Mục đích là đang tu tìm học, học để mà tu; vì đạo quả tương lai hơn là hiện tại. Cái sống của Khất sĩ là đang vay của tất cả chúng sanh vạn vật các pháp, vay xin từ vô thỉ đến bây giờ, cho đến sau này khi đạt thành chánh đẳng chánh giác, chừng ấy mới sẽ đem giáo lý ánh sáng trả lại ơn người. Khất sĩ là những học sanh nghèo, xin ăn tìm học, mục đích tu học, người giúp cho Khất sĩ là giúp cho sự học tu. Khất sĩ sẽ trả lại pháp thí sau này, chớ không đền ơn của tiền ăn mặc, sống bằng nô lệ. Bởi xét rằng: Tự mình không ai có sẵn cái chi được trong mỗi lúc trước khi sanh, sau khi chết, hay ngày hiện tại; nên Khất sĩ đang sống trong sự xin học, là nợ vay của tất cả, chỉ tạm xin để sống qua ngày, không dám cất để dư, phí thì giờ tu học, và cũng không muốn làm nặng lòng riêng một hai người, nên mới phải đi khắp đó đây, xin nơi người thú cỏ cây, tạm sống để nuôi cái biết linh cho mau thành tựu. Tuy nói là sự xin vay, chớ trong phận sự vừa học tu, vừa bố thí pháp giáo hóa cho kẻ tối tâm kém trí mỗi ngày, ấy cũng là sự trả nợ, hay trao đổi pháp tài với nhau, để tạo nên một lối sống, một con đường xán lạn cho kẻ đàng sau.

Giáo lý Khất sĩ, một là dứt các điều ác, hai là làm các điều lành tùy theo nhân duyên cảnh ngộ, không cố chấp, vì lẽ không có thì giờ dư dả, và cũng biết rằng các việc lành là để trau tâm, vì tâm mà làm sự phải, chớ không ngó xem nơi việc làm kết quả; và ba là cốt yếu giữ lòng trong sạch.

Khất sĩ là danh từ chơn lý của tất cả chúng sanh, là sống xin để cho được biết linh tu học, chớ không vì tư kỷ. Khất sĩ mặc dầu là đang mang hình thức đạo Phật, nhưng Khất sĩ cũng cố sức để hiểu rằng Phật là giác chơn, là cái biết thật tự nhiên, là nghĩa lý của tiếng Phật, mục đích của cái biết nơi mình, chớ không phải mê tín mờ quáng, mà tự trói mình trong chữ Phật, tiếng đạo, hay tông giáo riêng biệt. Nghĩa là, Khất sĩ là đang học pháp Phật, mà cũng như là đang học với các giáo lý khác, học chung với các pháp trong võ trụ, tách mình xa với tất cả sự trói buộc, mực giữa không không, không dính nhập vào riêng với ai hết. Bởi lẽ Khất sĩ là đang tập tu tìm học, lẽ phải nào, sự ích lợi nào, đời đạo cái chi tốt đẹp là Khất sĩ sẽ về theo tu học. Quyến thuộc của Khất sĩ may ra tạm có, ấy là những ai đã nhận

ra và thật hành đúng chơn lý Khất sĩ như nhau, chớ ngoài ra, tất cả chúng sanh là bạn lữ chung, đang sống chung tu học. Khất sĩ là như của tất cả, tất cả cũng là như của Khất sĩ. Khất sĩ như lòng võ trụ, trong đó bao bọc chung những chúng sanh, các pháp và vạn vật. Giáo lý Khất sĩ là con đường sáng của nhựt nguyệt tinh quang, là ánh sáng để chỉ rõ con đường trong sạch giải thoát, là hạnh phúc quý báu của sự sống chung tu học, yên vui, tiến hóa, là cảnh sáng giữa ban ngày; cũng là con mắt mở sáng tỏ rõ phân biệt, hay là con đường trung đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng, là con đường tạm đi đến nơi chơn thật.

Khất sĩ là con đường tạm đi đến nơi chơn thật.

Kìa Đoàn Du Tăng Khất Sĩ là con đường tạm hiện tại, để đi đến nơi chơn thật.

MÔ PHẬT

TÔI PHẢI LÀM SAO?

Nghĩ xét lại: hồi thuở chưa đi tu, còn đang ở thế, tham sân si tội ác dẫy đầy, quả báo khổ sở không kể, thiên hạ ai cũng ghét giận, thần quỉ chẳng chịu ưa, ai ai cũng kêu rên than trách, vì thế nên mới phải đi tu, đi tu đỡ khổ cho mình và thiên hạ. Lúc mới tập tu làm thiện, còn là cư sĩ tham sân si tội ác diệt trừ chưa dứt hết, thì thế gian cho là tu mà sao chưa chịu bỏ tội ác tham sân si, bởi cái thiện chút ít ấy có đủ đâu trừ tội được. Khi mới tập xuất gia ở tại am chùa, cũng chưa diệt hết nghiệp, người ta gọi rằng: tu sao còn tiếc nghiệp. Bởi đó mới tìm nơi im lặng ngồi yên, có kẻ nói tu gì mà ác tâm bỏ thế, chúng sanh đang khổ nạn chết nguy, sao lại ngồi yên tịnh mặc. Vả lại cũng biết rằng: ở nơi một chỗ là còn chấp giữ cái ta ngã ái, còn phải giữ cái có là tham lam, tiếc rẻ là sân giận, ở hoài một nơi là si mê dốt học mà sanh kiêu mạn. Thế là phải khất thực du hành theo xưa y Phật, đi khắp nơi đây đó để diệt trừ ngã mạn cho dứt hẳn cái ta, của ta, sở chấp, đi đi mãi làm khách tạm thời gian, đâu cũng là nơi tạm ngụ, không không, thấp thỏi xấu xa hạ mạt, không còn tham sân si chấp ngã cái ta ra gì cả. Không có một món lấy gì tham giữ, không có chi tiếc rẻ, đâu có chi giận hờn, đi mãi, học hoài, và cái chi cũng là bài học kinh nghiệm giác ngộ. Thấy như vậy

nên chẳng có say mê, thế mà trong đời lại giận gây cho là biếng nhác, sao lại đi xin, và đi đâu đi hoài mãi?

Bởi vậy nên mới buộc lòng giảng đạo, thuyết pháp khuyến tu, chỉ ra đường cứu độ, tuy không làm nhưng chỉ bảo nơi điều thiện, bảo việc tu giác ngộ lẽ đời, chỉ bày lập đạo; nhưng lại cũng có ai còn nói nữa, gọi là tu sao không ngủ nghỉ, lại nói năng chỉ bày lập đạo, sửa đời chi vậy?

Thế thì hỏi vậy tôi phải làm sao? Xin nhờ người chỉ bảo. Đến nước do người này chỉ bảo, lại có kẻ khác rầy la, theo kẻ kia thì người nọ phiền! Thật là đời muôn mặt, ức lòng, rối trí thật! Có như thế rồi mới xét lại kỹ rõ hơn rằng phải dung hòa, không sở chấp, mực giữa, hãy tạm đi mới là xuôi thuận. Kìa chư Phật dạy: Phép định huệ song tu, động có, tịnh có, có đạo có đời, đạo đời hiệp một, động tịnh không hai, định huệ chẳng khác, ấy mới kêu là đạo, đạo là một, một lẽ giữa, mới kêu là trung đạo. Nghĩ xét thế mà thấy ra rằng: cũng như ngày giờ hòa bình thế giới là ngày giờ thành nên cái đạo chung của tất cả chúng sanh, ấy mới gọi là ngày giờ hòa bình thế giới. Bởi có ý nghĩa ấy mà thấy thêm rằng cũng như ta phải sửa đời lập đạo, chúng ta cần nên phải sửa đời lập đạo, đạo đây là đạo của đời, đạo của chúng sanh chung, chớ không phải tên đạo chi, hay cũng gọi đạo ấy là cõi đời, là đời đời mãi, là con đường bền lâu chắc thật. Mà trái lại người xưa hay nói bao giờ ở mặt đất thế gian hết cỏ mới không còn giặc, vì lẽ cỏ mọc cây trước cây sau xoi xỉa cùng nhau, ấy là loạn giặc. Thật thế, bao giờ tất cả chúng sanh, tất cả đều tu có học biết đạo, cõi đời là đạo đức, người ta hoặc không sanh ra thân, hay cũng có biết đạo đức sống chung tu học cùng nhau thì mới mong hết giặc. Bởi nếu chẳng thế thì ai ai cũng là giặc cả, lời nói, ý tưởng, việc làm của ta bao giờ trước sau cũng láo dối cãi cọ, giặc nghịch nhau luôn không ai tránh khỏi được.

Vậy nên, chúng cũng như chúng ta phải cố gắng làm sao cho đời đời ấy là đạo, nên đạo mới hòa bình, hòa bình là đạo đức. Việc ấy phải trọn lành trong sạch, không một mảy ác quấy trược tà, phải diệt bỏ cái ta của ta, chấp ngã tham sân si ác trược của mình trước đã, phải vừa tu học vừa cứu độ chúng sanh, cũng như có cứu trước mới có độ sau, hai pháp phải đi đôi, mới tạo ra con đường chính, chính giữa mực trung kết quả được. Chính xưa kia Phật dạy

phép tu là ở giữa ta và người, hay như có hành cũng phải có trụ, hành trụ đi đôi mới phải đạo.

Biết như thế rồi, thì không nên cố chấp nữa chi, và cũng chẳng khá phiền hà ai khác làm gì, mà cần phải biết rằng:

Một là, phải dứt bỏ các điều ác, dầu cho nhỏ nhít thế mấy.

Hai là, phải làm các điều lành, dầu cho nhỏ nhít thế mấy cũng vậy.

Ba là, cần phải rửa lòng trong sạch cho được hoàn toàn hơn.

Hãy căn cứ vào ba pháp cái ấy, tức là theo chánh đạo, đạo của chư Phật đó. Kìa đức Phật Thích-ca xưa kia dạy: Đừng làm việc quấy nào hết, hãy làm chuyện phải luôn luôn, làm cho trong sạch các sở ý của mình, ba cái lý đó tóm rút đạo lý của chư Phật.

Hay như đức Phật Ca-diếp có dạy rằng: Chớ làm điều gì ác, phải làm các điều lành, cái sở ý của ngươi phải cho trong sạch luôn luôn, chư Phật đều dạy như vậy. Cũng như trong phép sống chung tam tụ có nói: dứt các điều ác, làm các điều lành, từ bi tế độ tất cả chúng sanh. Có từ bi tế độ tất cả chúng sanh thì cái tâm mới được trong sạch, hay tâm trong sạch mới phải là từ bi tế độ tất cả chúng sanh được. Thế là ai ai cũng nên có lòng từ bi tế độ tất cả chúng sanh. Và lẽ thật là ai ai cũng đang từ ác tiến lên thiện, để đến lần từ bi trong sạch.

Ấy vậy, chư Phật chỉ dạy tất cả chúng sanh đều dạy như thế, thì những lời nói quở trách kia, há chẳng phải là đạo lý giác ngộ dạy bảo chúng ta ư?

Thế tức là chúng ta phải nói, mà cũng phải làm và có ngủ với có nghỉ, có làm có nói và có ngủ có nghỉ đi đôi, mà ý không cố chấp, mới thật gọi là tiến lên đạo đức, lý trung đạo đó, và cũng hãy khoan, chớ nên vội chấp phiền lời nói của ai hết.

MÔ PHẬT

CHƠN LÝ 59

KHỔ VÀ VUI

Thuở xưa có bốn vị Tỳ-khưu ngồi bàn luận với nhau về sự khổ ở thế gian.

Thầy thứ nhất thì nói rằng sự dâm dục là khổ hơn hết, thầy thứ nhì lại cho sự đói khát là khổ hơn hết, thầy thứ ba thì nói sự giận hờn là khổ hơn hết, thầy thứ tư thì nói sự sợ hãi là khổ hơn hết.

Bốn thầy cứ cãi lẫn nhau hoài, ai cũng cãi rằng ý mình là phải cả. Trong lúc ấy gặp Phật đi ngang qua, Phật thấy bốn thầy cãi nhau. Phật bèn hỏi rằng: Các ngươi bàn luận về việc gì đó?

Bốn thầy Tỳ-khưu đều bày tỏ tư tưởng của mình cho Phật biết.

Phật bèn dạy rằng: Các ngươi luận cũng phải cả, song các ngươi chỉ biết những ngọn ngành, chớ chưa hiểu rõ cội rễ của sự khổ. Trong thế gian không cái khổ nào hơn cái sắc thân; vì có thân nên bao nhiêu những sự đói khát, nóng lạnh, hờn giận, sắc dục, tai họa đều do nơi đó mà sanh ra; nếu không có thân thì đâu có mấy món khổ đó. Thân là gốc khổ và nguồn tai họa; trăm sự khổ, ngàn sự phiền đều chứa vào cái thân. Nếu muốn tránh khỏi mọi sự khổ báo trong thế gian thì phải tu tập theo pháp tịch diệt, vô úy, quyết chí đoạn trừ mọi cái duyên do, trong lòng gìn giữ mọi mối chánh đạo; chớ vướng dính cảnh trần, đừng ham nhiễm sự tục, thân tâm thanh tịnh thì chứng được quả Niết-bàn thật là sung sướng.

Nay ta thuật lại một chuyện quá khứ cho các ngươi nghe: Thuở trước có một vị Tỳ-khưu vào trong núi tu hành; có con chim bồ câu, con quạ, con rắn và con hươu cùng ở với nhau, ban ngày thì đi kiếm ăn ban đêm thì về nơi đó mà ngủ. Có một đêm bốn con thú ấy hỏi nhau những sự khổ trong thế gian. Con chim bồ câu bắt đầu nói rằng: "Sự dâm dục là khổ thứ nhất, vì lòng dâm dục nồng nàn thì nó khiến cho mơ tưởng những sự bậy bạ, không nghĩ đến những sự phải trái, chỉ ham mãi về sự tình ái, sắc dục, làm cho phải hư thân mất mạng".

Con quạ nói rằng: "Sự đói khát là khổ thứ nhất, vì nếu gặp lúc đói khát thì thân thể gầy mòn, thần thức mê mệt, gieo mình vào lưới rập thì thân mạng tan tành".

Con rắn lại nói rằng: "Sự hờn giận là khổ thứ nhất, vì nếu lòng ấy khởi lên thì bất luận là hạng thân sơ, đều làm cho phải thiệt hại, mà rồi lại làm cho khốn khổ cả thân mình nữa".

Còn con hươu nói, theo ý nó thì sự sợ hãi là khổ hơn hết, vì nó thường sợ bọn săn bắn cùng loài hùm sói; nếu nghe tiếng tăm của loài ấy la hét thì nó phải chạy trốn, không kể nỗi nhảy suối vượt hầm, gãy chưn lở móng.

Ông Tỳ-khưu nghe bốn con thú ấy bàn luận như vậy thì than rằng: "Trong thiên hạ chỉ có cái thân là khổ thứ nhất".

Và như khi xưa Phật ở nhà tịnh xá tại nước Xá Vệ, có bốn vị Tỳ-khưu mới nhập đạo, dạo chơi xung quanh gốc cây; khi trông thấy cành lá xum xuê, hoa màu tươi tốt, sắc đã đẹp, mùi lại thơm thì hỏi nhau rằng: "Tất cả mọi sự trong thế gian cái gì là sướng hơn cả?".

Thầy Tỳ-khưu thứ nhất nói rằng: "Cảnh trời phong quang mưa gió điều hòa, cây cỏ tốt tươi trăm hoa đua nở, muôn vật thỏa lòng cảnh trí thiên nhiên, ấy là sự vui sướng nhất".

Thầy Tỳ-khưu thứ nhì nói rằng: "Gặp ngày lành tốt bà con hội họp, tiệc mở trong hoa chén say dưới nguyệt, khúc đàn thảnh thót điệu hát êm đềm, ấy là sự vui sướng nhất".

Thầy Tỳ-khưu thứ ba lại nói rằng: "Ruộng nhiều đất rộng, nhà đẹp lầu cao, châu báu đầy rương, ngựa xe như nước, miếng ăn đủ món sơn

hào hải vị, đồ mặc có đủ thứ gấm vóc lụa là, mặc sức tiêu dùng muốn gì được nấy, cái bộ dạng của người giàu sang coi có nhiều phần khác người thường nhiều lắm, khi đi ra ngoài thì cả ngàn con mắt đều trông nom ngó vào, và đi đến đâu thì người ta cũng sẵn lòng hoan nghênh cả, ấy là sự sướng nhất".

Thầy Tỳ-khưu thứ tư thì nói rằng: "Vợ hầu xinh đẹp mắt phượng mày ngài, da tuyết tóc mây môi son má phấn, xông hương ướp xạ áo lượt quần là, khi cười cợt trăng lúc trêu ghẹo bướm, trong lòng ôn nhu thỏa tình thích ý, ấy là sự sướng nhất".

Phật biết rằng bốn vị Tỳ-khưu ấy còn muốn những sự dật lạc trong đời, nên Ngài đi đến mà bảo rằng: "Những sự vui mà các ngươi mới bàn luận đó đều là cái nghiệp xấu xa, nó làm cho thân tâm phải chịu những sự nguy hiểm ưu phiền từ xưa đến nay, chưa phải là đạo an lạc đâu. Nay ta giảng cho các ngươi nghe: Cảnh vật tuy là tươi tốt, mà khi sanh khi diệt vốn thật là vô thường; kẻ thân thuộc vẫn đoàn viên, mà rày hiệp mai tan cũng phải ly biệt; sự giàu sang có chắc chi đâu, thấy có đó rồi lại cũng không, thấm thoát tựa đám mây tan hợp; còn cái sắc đẹp thật là nguy hiểm, nó làm cho hư thân hại mạng, gớm ghê như con rắn độc; do sự vui thích mà sanh ra sự buồn rầu, do sự tham lam mà sanh ra sự phiền não, hễ xa điều dục lạc thì khỏi sự ưu phiền. Kẻ phàm phu ở trong thế gian này, do mọi sự nói trên ấy mà cam chịu mọi sự tai nạn khốn khổ vô cùng đó".

Bốn vị Tỳ-khưu nghe Phật giảng nói rõ ràng như vậy, đều xin sám hối lỗi mình, chẳng tham muốn sự dục lạc nữa, dốc lòng học đạo quyết chí tu hành, lần lần trí huệ mở mang, căn thân thanh tịnh, sau đều chứng quả A-la-hán cả.

Quả A-la-hán là quả Vô Sanh, tâm không còn sanh vọng, là bậc đã giải thoát tự do, từ bi bác ái và bình đẳng giác ngộ.

A-la-hán là bậc mà không còn sự vui khổ của bên ngoài trần thế, là bậc mà tâm sống với cái thật, cái không vọng động, vô vi của bề trong. Cái sống ấy mới thật gọi là bền vui và có được.

Ấy vậy chúng sanh chấp lầm vui khổ bên ngoài là bởi hiểu lầm cái thân, cho thân là ta, hay như của ta, thường bền vĩnh viễn. Mà nào có hay đâu rằng thân là miếng đất tạm, thân là ổ vi trùng tạm, thân là cái máy tạm, nó như bộ

áo, cái nhà bề ngoài để che đậy tạm cho người chủ ở bên trong đang tu học, đang sống có.

Bởi chấp thân, tưởng lầm thân là có mãi, sống mãi nên mới quên lẽ vô thường tương đối của bánh xe giả dối tứ đại, mà nhận cho là có vui để rồi phải khổ, khiến cho cái thân như kho tàng chứa đựng cái của cải khổ vui chen lộn, đời này và kiếp khác thay đổi mãi, luân hồi hoài, chỉ có bấy nhiêu việc, không rồi rảnh nghỉ yên, ấy cũng bởi nơi cái vô minh si mê làm cho ám muội.

Vậy muốn dứt trừ vô thường khổ não vô ngã của hữu vi giả dối, thì chúng ta phải dứt sở chấp thân, hễ không thân tức là vô vi chân thật, ấy mới sẽ đắc cái hữu thường, an lạc hữu ngã được. Và từ cảnh ấy mới nhận ra được cái chơn như, cái vô sanh, cái tự nhiên, là cái sướng vui chơn thật của bậc A-la-hán.

Như thế nghĩa là trước nhứt hãy lấy cái vô thường trừ vô thường, lấy khổ não trừ khổ não, lấy vô ngã trừ vô ngã thì mới phát sanh cái hữu thường, an lạc và hữu ngã. Cũng như người té xuống nước phải lấy nước lội vào bờ, té xuống đất phải chỏi đất đứng dậy, có bệnh vi trùng lấy vi trùng chữa trị, phương pháp lấy chấp trừ chấp để phát sanh vô chấp là như thế. Vì có vô chấp mới phải là bậc A-la-hán vô lậu vô vi chơn như, là cái thật sống, cái chủ tể, chơn thường cực lạc của kết quả, của mục đích, của đạo lý chơn lý sanh từ trong tứ đại, vượt qua khỏi tứ đại, đúng nghĩa lý, ý nghĩa của cuộc đời, là cái sống của tu học để mà tu học, làm người tu học, "vì cái biết là học, cái khổ là tu, cái sống là sống mãi".

Vấn: Sao gọi là lấy vô thường trừ vô thường?

Đáp: Lấy vô thường trừ vô thường, nghĩa là chấp cái thay đổi, thật hành cái thay đổi, quen với sự thay đổi, thì khi gặp cái thay đổi, đổi dời, sẽ coi là sự thường tự nhiên, không kinh ngạc hoảng hốt chi cả. Cũng như người muốn chết, mạo hiểm tìm chết, thì khi gặp cái chết sẽ coi là thường vậy. Cũng giống như kẻ kia biết rằng: Đời này và kiếp khác, xác thân phải thay đổi, nay mai xác thân phải khác nhau, cha mẹ, anh em con cháu phải đổi đời, nhà cửa, áo quần, ruộng đất phải thay biến. Bởi biết lẽ đời như thế, nên người thấy ra chơn lý là sống để học tu thay đổi, tiến tới giải thoát bình đẳng, từ bi, sống chung. Người thay đổi trước sự thay đổi bất ngờ kinh ngạc, là như mỗi

tháng người đổi một ông cha để mà tu học; vừa là đúng theo lẽ sống chung bình đẳng, giải thoát, tiến hóa, từ bi; vừa là để có được mãi mãi cái tiếng cha, không phải bị mất đi do sự thay đổi. Bởi lẽ nếu chấp nuôi một ông cha tư vị, thì có ngày ông cha ấy chết đi là không còn có được, mà lại còn thêm gây tai nạn bởi cha ta cha người tranh nhau mãi mãi.

Cũng như mỗi tháng đổi một người bạn để học tu, mỗi tháng đổi một đứa con để tập dạy, có như thế mới mau trở nên toàn năng toàn giác, trọn sáng trọn lành, trong kiếp một tiến tới hơn người. Kìa như mỗi tháng ta đổi một ngôi nhà qua một xứ khác, trọn đời chỉ cất tạo có một lần thôi. Mỗi ngày ta đổi một bộ áo chăn, trọn đời ta chỉ may một bộ một thôi. Thế là cái hư rách sẽ bỏ theo với người chết, cái mới thêm sẽ có ra nơi người mới sanh, ta thật hành như thế thì tham sân si không bao giờ có được, và là thuận xuôi theo lẽ không không dời đổi mà ta sẽ coi đó là sự thường, ta thay đổi trước sự thay đổi bất ngờ kinh ngạc, thì đâu có chi khổ sở của luyến ái vọng tham tai nạn. Đó tức là cái thường ở nơi vô thường, như người tu xuất gia trải qua một giấc ngủ hay một hơi thở ra, là xem mình như đã chết qua một kiếp, mỗi khi thức giấc hay mỗi hơi thở vào, là xem mình như mới sanh lại mỗi kiếp, nhờ thế nên trong tâm của các Ngài mới thanh tịnh, dứt trừ tam nghiệp được. Ấy là phép lấy vô thường trừ vô thường, khác nào người kia hóa gió bay mau hơn gió, thì đâu còn bị gió xô té ngã. Bởi đó nên các nhà hiền triết mới gọi rằng: Vô thường ấy là đạo.

Vấn: Sao gọi lấy vô ngã trừ vô ngã?

Đáp: Lấy vô ngã trừ vô ngã, nghĩa là có quên mình và của mình, mà biết cho người và của người thì người mới sẽ biết lại cho mình và của mình, do đó mà tránh được cái tai hại thất bại bởi lòng vị kỷ. Việc ấy giống như một kẻ kia muốn mình được hơn trên người, tham lam vơ vét của người để cho được giàu sang, dùng oai quyền dọa nạt người để cho người sợ sệt mình, do đó gây thù hiềm với thiên hạ để phải bị người hại thân và phá của, không còn có cái ta và của ta nữa. Chớ chi mà người ấy đừng vị kỷ, biết xá kỷ lợi nhân, biết quên mình của mình đem ra bố thí và giúp công cho người, để nuôi tạo lòng nhơn ái, để sống trên lòng thương của thiên hạ, có như thế thiên hạ mới sẽ nuôi cơm cho mình, mình tránh được sự bận rộn. Nhờ tâm của mình càng

trau dồi tốt đẹp, nên ý muốn lời nói việc làm không sái quấy, thì của cải và thiên hạ, ai mà chẳng giúp nương theo mình. Như thế tức là mình sẽ giàu, giàu như cả thế giới của cải là của mình, nên không màng tích trữ như người nghèo. Cái ta mình sẽ có, sẽ cao là bởi người ta gìn giữ cho mình, quý trọng thương yêu mình, như vậy mới gọi là có ta mình hữu ngã. Tránh được cái vô ngã của tai nạn, và không khổ sở bởi những cái bất ngờ của chết, thất bại, cái nghèo, cái không kia vậy. Điều ấy có khác hơn là hai hạng người trong đời, một hạng tự cao xài phí buông lung để cho ngày sau tai nạn, và một hạng nữa tích trữ tiện tặn của cải, cùng hạ mình thái quá để đặng ngày mai phá phách ăn xài cho quen tật chướng, để rồi khi hết của phải chịu khổ đau cùng sanh ác tâm gian xảo. Lấy vô ngã trừ vô ngã thật là đúng lý lắm. Kìa như người tu kẻ trí xem mình như hư vô chơn thật, vì biết rằng cái ta, cái thân tâm trí là duyên pháp dối tạm; thế nên các vị ấy hằng nhập định được để mà thoát trần, để sống bằng chơn như vĩnh viễn, vừa là để lìa xa phiền não, và cũng là để thấy đặng cái ta chơn thật! Chính ở trong cái tâm không, không sở chấp, trong ấy mới thấy rõ cái bản tánh, là cái ta chơn thật.

Vấn: Sao gọi lấy khổ não trừ khổ não?

Đáp: Lấy khổ não trừ khổ não, cũng như chai nước đầy rồi thì không còn chế thêm nước vào nữa được; cũng như kẻ phơi nắng tối ngày đã quen, mà ngày nay chịu nắng có một giờ thì không khổ não chi cả. Cũng như người trong cơn khổ não mà nghĩ rằng có khổ não mới có nghỉ ngơi, khổ não là mùi vị sướng vui, là giác ngộ kinh nghiệm; khổ não là nhẹ tội bớt nghiệp, như được trả nợ, như sự cho vay; bởi nghĩ thế nên người rất vui sướng bằng công lý, người vui chịu với mọi khổ não và muốn khổ não mãi, nên người xem như không có khổ não là chi cả. Cũng giống như người tu không dám ăn đồ ngon, mặc đồ tốt, ở chỗ sang là bởi sợ ăn quen nhịn chẳng quen, tốt quen xấu chẳng quen, sang quen hèn chẳng quen, ắt là khổ não và sanh tội lỗi. Bởi thế nên các Ngài vui mà chịu buồn cảnh vắng, xa lánh chỗ đông, các Ngài sợ cho ngày mai sau khi chết, tâm hồn sẽ ở vào cảnh thật không không, vắng lặng tối đen tự nhiên, nếu chịu không quen là phải khổ địa ngục, hoặc ý nghiệp sẽ lôi kéo luân hồi tai nạn. Bởi các Ngài muốn giải thoát, muốn nghỉ yên, nên các Ngài tập buồn im, tập khổ cực, và như khi đã quen rồi là sẽ thấy mình vui sướng, vui sướng trong cái thật, cảnh thật, vĩnh viễn thanh cao trong sạch,

cái ấy mới thật vui kêu là Cực Lạc vậy. Người tu không dám hưởng phước là như thế. Các Ngài nhường và bố thí lại cho chúng sanh để cho thêm đức, các Ngài cho rằng có hưởng là sẽ có hết, chi bằng chịu tội cực mãi là yên ổn vững chắc lâu dài. Cho đến các Ngài cũng chẳng chịu ngồi cao, các Ngài rất thấy xa dè dặt nhờ thế nên mới đắc được Niết-bàn Cực Lạc của trí tâm tịnh định. Đúng lý như thế, nguồn gốc của sự ưa vui bên ngoài là sự khổ bề trong và không bền tương đối, càng cố chấp là càng tai họa, chớ có ích gì đâu! Cái món phô bày như bông hoa đẹp, bởi hoa trổ đẹp nên mới phải sắp tàn, và nào riêng ta ngó thấy, mà kẻ khác ai lại không thấy như ta, thì có đâu ta giữ được cái vui cho mình. Vậy sao chúng ta chẳng chịu nhìn vào cái đẹp kín đáo bên trong của bông hoa búp ẩn lâu dài; vì chính cái đẹp vui không không của bên trong cái vỏ xấu xí khổ cực, cái ấy mới thật là vui đẹp, cái vui đẹp mà ta hưởng riêng được, bởi không ai giành choán chi nơi ai cả vậy.

Như thế tức là lấy khổ não trừ khổ não mà sanh ra được cái vui đó.

Thế thì vui và khổ có ra là tại nơi ý muốn sở chấp của con người thôi, chớ vui khổ bên ngoài là không có. Kìa như lúc ta thương ai là ta dám hy sinh liều mạng, cực khổ mà vui lòng; còn khi ta ghét ai thì việc nhỏ nhặt chi cũng cho là khổ não. Thế là cái khổ vui của ý chớ chẳng phải tại thân, vậy sao chúng ta lại đi tìm vui sướng của thân chi cho thêm khổ nhọc, để phải muôn kiếp ngàn đời khổ não mãi. Con người mà khổ não là bởi tại cái ý sở chấp riêng tư, bất công tội lỗi. Vậy nên, chúng ta muốn cho được ý định công bằng, sướng vui chơn thật, tự nhiên không vọng là trước phải dứt bỏ sự ham vui bên ngoài. Hãy vui chịu với điều khổ nhọc cho quen thì sau đó trí tâm mới sẽ định yên trong sạch, thì ngàn đời muôn kiếp cái khổ của sanh già bịnh chết, cầu muốn, thương yêu, ghét giận, nơi ngũ uẩn mới sẽ mong dứt được.

Nói tóm lại, cái khổ vui vốn không chơn lý, nó không có với trung đạo tự nhiên, chính nó là sự thái quá và bất cập, sái với lẽ bình thường, khác nào như người trèo núi ham vui đi quá mau nên phải bị vấp té khổ đau, cái khổ đau là sự ngưng nghỉ, nghỉ khỏe, an dưỡng, để hết mệt đặng mà đi nữa, cái khổ ấy rất hay, rất vui sướng, khi mình biết mình được yên nghỉ. Vậy nên, kẻ trí thức nhận ra rằng không có chi là khổ cả, cũng như cái đi mau thái quá kia là cực nhọc, chớ không có chi là sướng vui cả. Vui khổ ấy là giác ngộ cho chúng ta về lẽ trung đạo bình thường, chậm rãi đi hoài mới thật yên vui hơn

vậy. Thế mà trong đời lắm người say mê cái vui bên ngoài để rồi phải chấp khổ, người ta lại sợ cái khổ hơn cả cái chết; vì chết thì còn sanh lại, chớ cái khổ thì mãi mãi vẫn ôm đeo luân hồi quẩn lộn. Thế thì cái sở chấp khổ ấy có là bởi tại vô minh, chớ trí huệ thì thường an vui mãi mãi, vì nó là công lý tương đối của thái quá bất cập chớ không có chi lạ. Vậy nên biết rằng:

"Dứt trí say mê thì vui khổ sẽ hết.
Ấy mới gọi là Phật."

MÔ PHẬT

CHƠN LÝ 60

PHÁP HỌC CƯ SĨ

I

BỐN CÁI DƠ BẨN

1. Sát sanh
2. Trộm đạo
3. Tà dâm
4. Vọng ngữ.

BỐN CÁI DỤC LÀM ÁC

1. Tư vị
2. Giận hờn
3. Vô minh dốt nát
4. Sợ sệt.

SÁU CÁCH PHÁ TAN CỦA CẢI

1. Vô độ
2. Ham hát xướng yến tiệc hội hàng
3. Chơi bạn xấu
4. Cờ bạc

5. Biếng nhác

6. Đi đêm.

VÔ ĐỘ SANH RA 6 CÁI HẠI

1. Bần cùng

2. Gây gỗ

3. Bịnh hoạn

4. Tánh xấu xa

5. Chuyện tồi tệ

6. Mất đức quí.

HAM HÁT XƯỚNG YẾN TIỆC HỘI HÀNG SANH RA 6 CÁI HẠI

1. Cả đời chỉ lo coi bữa nay người ta khiêu vũ ở đâu

2. Người ta ca ở đâu

3. Người ta đánh nhạc ở đâu

4. Người ta hát ở đâu

5. Người ta múa ở đâu

6. Và có cái gì ở đâu đặng coi hay không.

CHƠI BẠN XẤU SANH RA 6 CÁI HẠI

1. Chỉ có bầu bạn những đứa bậy bạ

2. Đứa cờ bạc

3. Đứa chơi bời

4. Đứa lường gạt

5. Đứa khốn nạn

6. Đứa không kể luật nước.

CỜ BẠC SANH RA 6 CÁI HẠI

1. Ăn thì tham

2. Thua thì buồn

3. Nó phá lần gia sản của nó

4. Nó thưa quan không nghe

5. Cha mẹ bà con và quen lớn khinh khi nó

6. Người ta không gả con cho nó, vì lời tục có nói: "Kẻ đánh bạc không nuôi nổi người đàn bà".

BIẾNG NHÁC SANH RA 6 CÁI HẠI

1. Nó nói lạnh quá làm không được

2. Nực quá làm không được

3. Sớm quá làm không được

4. Trễ quá làm không được

5. Cả đời cứ như vậy mãi

6. Nó bỏ bê phận sự, không góp vô mà cứ xài ra.

ĐI ĐÊM SANH RA 6 CÁI HẠI

1. Mạng nó bị hại

2. Của cải không ai giữ gìn

3. Vợ con không ai chăm nom

4. Người ta nghi nó tới lui mấy chỗ không tốt

5. Người ta đồn xấu nó

6. Nó sẽ buồn rầu và hối hận.

BẰNG HỮU

Bằng hữu nhiều kẻ chỉ là bậu bạn vui chơi, nhiều kẻ là bạn giả dối. Bạn thật là kẻ vẫn trung thành với mình khi mình cậy nhờ đến họ. Kẻ nào kết bạn với phường ham làm ác, kẻ nào làm việc ác, kẻ ấy lụy đời này và các đời khác nữa.

KẺ NGHỊCH GIẢ TRÁ LÀM TUỒNG BẰNG HỮU, CÓ BỐN THỨ

1. Thứ dục lợi

3. Thứ nịnh hót

2. Thứ vô dụng

4. Và thứ chơi bời.

THỨ DỤC LỢI

Có bốn cách tỏ ra là đứa bạn giả:

1. Nó đeo theo ta mà lấy của

2. Nó bắt ta đưa ra nhiều mà nó phát ra ít

3. Nó làm bộ ở thật là bởi nó sợ ta mà thôi

4. Và nó giúp ta vì mối lợi của nó.

THỨ VÔ DỤNG

Có bốn cách tỏ ra là đứa bạn giả:

1. Nó khoe cái nó đã muốn làm cho mình

2. Nó khoe cái nó tính làm cho mình

3. Nó khoe giỏi đủ điều

4. Mà mình chừng muốn nhờ nó chút gì, thì nó kiếm thế thối thác rằng nó làm không được.

THỨ NỊNH HÓT

Có bốn cách tỏ ra là đứa bạn giả:

1. Nó khen mình khi mình làm bậy

2. Nó khen mình khi mình làm phải

3. Nó khen mình trước mặt

4. Và nó chê mình sau lưng mình.

THỨ CHƠI BỜI

Có bốn cách tỏ ra là đứa bạn giả:

1. Nó theo mình trong việc ăn uống

2. Nó đi đêm khắp châu thành

3. Nó theo mình đến những chỗ chơi bời

4. Và đến nơi chứa bạc.

Người khôn biết chúng nó là những bậu bạn dục lợi, vô dụng, nịnh hót, chơi bời, lánh xa chúng nó, cũng như tránh đường đầy những hầm hố.

Bạn thật là người sốt sắng, bao giờ cũng không đổi tánh dầu mình giàu hay mình nghèo, khuyên mình và lấy lòng thương mà bao phủ mình.

BẰNG HỮU SỐT SẮNG

Có bốn cách tỏ ra là người bạn thật:

1. Coi chừng mình khi mình yếu sức

2. Giữ của cho mình khi mình bơ thờ

3. Giúp nơi trú ngụ cho mình trong cơn rủi ro

4. Và như giúp được người tầm cách làm cho mình thêm giàu.

BẰNG HỮU KHÔNG ĐỔI TÁNH DẦU MÌNH GIÀU HAY NGHÈO

Có bốn cách tỏ ra là người bạn thật:

1. Giao sự kín cho mình

2. Giữ nhẹm sự kín của mình

3. Không bỏ mình lúc buồn

4. Và xả thân mà cứu mình.

BẰNG HỮU KHUYÊN MÌNH

Có bốn cách tỏ ra là người bạn thật:

1. Đánh đổ tật xấu của mình

2. Đốc sức mình làm lành

3. Dạy mình, chỉ cho mình đường đạo

4. Đưa mình đến các cõi đạo.

BẰNG HỮU LẤY LÒNG THƯƠNG MÀ BAO PHỦ MÌNH

Có bốn cách tỏ ra là người bạn thật:

1. Chia khổ với mình

2. Chia vui với mình

3. Xen vào ngăn cản những kẻ nói quấy mình

4. Hoan nghinh những kẻ nói phải mình.

Người khôn biết bạn thật là những kẻ sốt sắng, trung thành, khuyên lơn và thương yêu mình, nên gần bạn cũng như mẹ gần con.

Người khôn theo sự công chánh, được sáng rỡ như ngọn lửa đỏ.

Mặt trời đã lên cao mà còn ngủ, dâm dục, oán người, ghét người, bỏn xẻn, đi lại những chỗ xấu, sáu cái đó lôi người ta đến chỗ nguy.

Đánh bạc, dâm dục, ham hát xướng yến tiệc, hội hàng, ngủ ngày, đi đêm, chơi bạn xấu và bỏn xẻn, sáu cái đó làm cho tàn mạt.

Kẻ đánh bạc, chơi vợ người, say rượu, theo bạn hung ác, và chẳng trọng Thánh Hiền, kẻ ấy bị khốn, lụn bại cũng như bóng trăng lặn.

Kẻ nào cứ say sưa thì trở nên nghèo hèn, càng uống rượu nó càng thèm mãi, nó đắm đuối trong đám nợ, cũng như người chìm dưới nước và nó lôi cuốn luôn cả gia quyến nó vào cảnh cơ hàn.

Kẻ ngủ ngày đi đêm, say sưa và dâm dục, không có sức nuôi lấy một gia đình.

Kẻ nào cứ nói nóng quá, lạnh quá và bỏ phần việc mỗi ngày, kẻ ấy phải mang nghèo; mà kẻ nào xử tròn phận sự làm người, coi sự nóng lạnh như rơm rác, kẻ ấy hưởng sự yên vui sung sướng.

Cũng như con kiến làm hang, con ong làm mật, người khôn tom góp tài sản của mình, tom góp khéo như thế, nào ai dám chê trách nhà mình.

Người ấy phải chia của ra làm bốn phần: một phần để dùng việc tư, hai phần để dùng về việc làm ăn, và phần thứ tư để dành khi thất lợi.

CON CÓ 5 CÁCH THỜ CHA MẸ

1. Lo cho các sự cần dùng, cũng như trước kia cha mẹ đã lo cho mình

2. Thay mặt cho cha mẹ trong các phần việc nhà

3. Phải đáng là người nối nghiệp cha mẹ

4. Coi sóc gia tài của cha mẹ.

5. Khi cha mẹ đau thì lo thuốc men, và khi cha mẹ mãn phần, thì hằng kỉnh trọng trong lòng.

CHA MẸ CÓ 5 CÁCH THƯƠNG CON

1. Nuôi con cho phải thế

2. Tránh cho con những tật xấu

3. Lo cho con học cho thông

4. Gả cưới cho con đáng nơi

5. Và đến lúc phải thời, thì giao gia thế lại cho con lo toan.

TRÒ CÓ 5 CÁCH THỜ THẦY DẠY HỌC

1. Đứng dậy trước mặt thầy

2. Hầu hạ thầy

3. Vâng lời thầy

4. Lo đồ cần dùng cho thầy.

5. Và chăm chỉ mà nghe thầy dạy học.

THẦY CÓ 5 CÁCH THƯƠNG TRÒ

1. Tập theo việc phải

2. Dạy cho thông hiểu

3. Dạy các khoa học và các môn

4. Nói phải cho trò

5. Và chở che trò khi lâm nạn.

CHỒNG YÊU VỢ CÓ 5 CÁCH

1. Đãi vợ có phép

2. Có nghĩa

3. Trung hậu

4. Giữ cho người ta trọng vợ mình

5. Và lo cho đủ sự cần dùng cho vợ.

VỢ THỜ CHỒNG CÓ 5 CÁCH

1. Quản sóc việc nhà có thứ lớp

2. Đãi gia quyến và bậu bạn bên chồng cho dễ coi

3. Giữ tiết hạnh

4. Làm người nội trợ cho khôn

5. Và lo việc tề gia cho lanh lợi khéo léo.

MỘT NGƯỜI LÀM BẠN THƯƠNG MÌNH CÓ 5 CÁCH

1. Có nhơn

2. Dễ chịu

3. Hiền lành

4. Ở với người làm sao, thì muốn ở với mình làm vậy

5. Và chia với bạn cái vui của mình.

ĐÁP LẠI VỚI BẠN, MÌNH CÓ 5 CÁCH

1. Coi chừng bạn khi bạn không giữ mình

2. Giữ của cho bạn khi bạn bơ thờ

3. Đùm bọc bạn khi rủi ro

4. Không bỏ bạn trong nạn khổ

5. Tiếp giúp và ở hiền lành với gia quyến của bạn.

CHỦ CÓ 5 CÁCH XỬ VỚI TỚ

1. Chia việc cho vừa sức của chúng nó

2. Cho chúng nó ăn uống và lãnh tiền cho vừa

3. Lo lắng cho chúng khi đau

4. Thỉnh thoảng có cuộc vui hưởng chung và ăn uống với chúng nó

5. Cho chúng nó nghỉ ngơi.

TỚ THỜ CHỦ CÓ 5 CÁCH

1. Thức trước chủ, ngủ sau chủ

2. Giữ đồ vật cho chủ

3. Vui lòng lãnh việc chủ phân phát

4. Làm việc và thờ trọng cho hết lòng

5. Và nói tiếng phải cho chủ luôn luôn.

ĐỆ TỬ THỜ THẦY DẠY ĐẠO CÓ 5 CÁCH

1. Bao giờ về việc làm, lời nói và tư tưởng, phải giữ cho thương yêu và cung kính thầy

2. Vâng lời thầy dạy bảo và hầu hạ thầy

3. Hỏi về mấy chỗ đạo lý mình chưa thông

4. Nghiệm xét những lời thầy truyền

5. Và ra công tham thiền những đề thầy đã ra.

THẦY DẠY ĐẠO CÓ 5 CÁCH XỬ VỚI ĐỆ TỬ

1. Ngừa điều ác, khuyến điều lành

2. Hiền lành và thương yêu đệ tử

3. Dạy đạo lý với phép lục độ

4. Dẹp tan những chỗ ngờ

5. Và chỉ đường đạo đắc đến cõi cao.

Ai được khen tức là người hiền ở có đức, thanh tịnh, dè dặt, khiêm tốn và cứ tầm học thêm mãi.

Ai được khen tức là người có nghị lực và sốt sắng, nghèo cũng không rúng động, và không đổi tánh, kiên nhẫn và khôn ngoan.

Ai được tôn trọng tức là người lành, dễ thương, biết ơn, có nhơn, đứng ra chỉ giáo, dạy dỗ, dắt dẫn người đời.

Lòng nhơn, cách khôn khéo, lòng lành bao giờ cũng phải có, và để xử với mọi vật, những cái đó có ở đời cũng như cái cốt ở trong xe.

Như kìa bởi các Ngài thiệt hành mà truyền bá đạo đức, nên chư vị Thánh Hiền thật đáng tôn trọng.

Cúng dường bố thí người ta
Tánh tham lần bớt dễ mà lướt lên
Duy trì giới hạnh mới nên
Độ cho tánh ác hạ bên tấm lòng
Hãy cho đức nhẫn vào trong
Tống ra sự giận đốt nung con người
Khá trì tinh tấn mãi thôi
Diệt đi tánh ác tánh lười xấu xa

Hằng lo định trí thiền na
Đặng đừng tán loạn mê sa cõi trần
Ráng cho trí huệ đắc phần
Hết phen ngu muội thoát thân khổ hình
Mau thay là kiếp nhục vinh
Khá lo trì niệm tu hành mới xong
Tăng già cõi Phật dễ mong
Ai mà dốc chí thành công chẳng chầy.

II. HIỀN NHÂN

TÁM Ý HIỀN:

1. Thương xót chúng sanh như mẹ thương con
2. Muốn độ thoát cho thế gian khốn khổ
3. Dứt trừ được tâm niệm ngu si
4. Gặp vui không mừng, gặp khổ không lo ngại
5. Hiểu được ý đạo, tâm thường vui vẻ
6. Giữ gìn không phạm một tội lỗi nào
7. Dứt trừ được tham dâm
8. Dứt trừ được sự giận dữ.

MƯỜI TRẠNG THÁI TỎ RA CHO BIẾT SỰ YÊU QUÝ TRỌNG HẬU

1. Xa nhau lâu không quên
2. Thấy nhau thì vui mừng
3. Có món ngon vật lạ san sẻ cho nhau
4. Khi có lỗi lời đừng chấp trách nhau
5. Nghe điều lành càng thêm vui vẻ

6. Thấy việc dữ đem lời trung chánh can gián

7. Làm được những việc khó làm

8. Không đem chuyện riêng nói với người

9. Khi gặp việc bối rối phải giải quyết cho nhau

10. Đến lúc nghèo khổ không rời bỏ nhau.

MƯỜI SỰ CHỨNG TỎ LÀ NGƯỜI TRÍ

1. Biết kẻ hiền người ngu

2. Biết kẻ sang người hèn

3. Biết kẻ giàu người nghèo

4. Biết việc nào khó việc nào dễ

5. Biết việc nào đáng bỏ việc nào nên làm

6. Biết nhiệm vụ của mình

7. Vào nước nào biết được phong tục của nước nấy

8. Biết được chỗ trở về

9. Học rộng hiểu nhiều

10. Biết được túc mạng.

TÁM ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC AN ỔN

1. Được của cha mẹ để lại

2. Có nghề nghiệp bảo đảm sự sống của mình

3. Học thức cao

4. Có bạn hiền

5. Được người vợ trinh lương

6. Được người con hiếu thảo

7. Tôi tớ được hòa thuận

8. Lìa xa việc ác.

TÁM CÁI THÍCH

1. Cùng làm việc với người hiền

2. Được học với bậc thánh nhân

3. Tánh thể được nhân từ và ôn hòa

4. Sự nghiệp mỗi ngày mỗi hưng thạnh

5. Diệt được tánh giận dữ

6. Biết lo phòng ngừa tai nạn

7. Biết nương gần đạo pháp

8. Bạn bè không dối gạt nhau.

NĂM TÁNH TỐT ĐƯỢC NGƯỜI CUNG KÍNH

1. Nhu hòa và nhẫn nhục

2. Cung kính và tín tâm

3. Mau mắn và ít nói

4. Lời nói đi đôi với việc làm

5. Đối với bạn càng lâu càng thêm thâm hậu.

TÁM ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC AN VUI

1. Vâng thờ kính thuận các bậc sư trưởng

2. Đem sự hiếu thuận dạy cho nhân dân

3. Khiêm nhượng kẻ trên người dưới

4. Phải tập tánh nhơn đức ôn hòa

5. Đến cứu người trong cơn nguy cấp

6. Phải quên mình mà nghĩ đến người

7. Thâu thuế ăn lời nhẹ và biết tiết kiệm

8. Bỏ hận thù xưa.

MƯỜI HAI ĐIỀU KHÔNG LÃNG QUÊN CỦA TRÍ GIẢ

1. Gà gáy sáng nghĩ xét tội lỗi, và tìm việc phước đức

2. Nhớ việc hầu hạ tôn thân

3. Gặp việc gì phải suy nghĩ dự bị trước

4. Phải lo nghĩ lánh xa sự nguy hại

5. Phải nghĩ trước mới nói sau để khỏi lầm lạc

6. Phải nghĩ đến kẻ lầm lạc mà khuyên dỗ dạy bảo

7. Phải nghĩ đến kẻ nghèo khổ, để thương xót cấp hộ

8. Phải lo làm việc bố thí, nếu mình có của

9. Phải nghĩ đến sự ăn uống cho có chừng độ

10. Phải nhớ sự công bình khi chưa xử

11. Phải nhớ đến ân từ ban bố cho dân gian

12. Phải thường nghĩ đến sự huấn luyện mình.

MƯỜI HẠNH TỐT CỦA BẬC ĐẠI HIỀN

1. Học rộng hiểu nhiều

2. Không phạm giới luật trong kinh dạy

3. Kính thờ Tam bảo

4. Thọ lãnh pháp lành không quên

5. Kiềm chế được tham, sân, si

6. Tu tập được pháp tứ đẳng tâm

7. Ưa làm việc ân đức

8. Không nhiễm hại chúng sanh

9. Hay hóa độ được người bất nghĩa

10. Không lẫn lộn việc thiện, việc ác.

BỐN MƯƠI LĂM VIỆC BIẾT ĐẠI KHÁI CỦA NGƯỜI TRÍ HUỆ

1. Sửa sang nhà cửa

2. Gây một không khí hòa hợp trong gia đình

3. Giao thân với chính họ

4. Tin ở bạn bè

5. Theo học với bậc minh sư

6. Làm việc gì quyết cho thành tựu

7. Tài trí cao rộng

8. Mọi hành vi đều hướng về lành

9. Giàu sang thì lo làm việc ân đức

10. Tạo tác và sửa sang đều phải thận trọng

11. Có của phải mở mang sự nghiệp

12. Không giao của cải cho con cái nếu chúng nó còn nhỏ

13. Kết bạn với người hiền

14. Không quá tin với ai mới vừa quen biết

15. Tiền của ở chỗ huyện quan phải đem về, đừng để lâu

16. Mua bán đổi chác phải thiệt thà, không hề lường gạt

17. Dời ở nơi nào phải đến xem trước

18. Thấy đâu phải nên biết đó là giàu hay nghèo

19. Phải giao thiệp lân cận với người lành

20. Phải nương vào một thế lực

21. Đừng tranh hơn kém với kẻ cường bạo

22. Xưa giàu mà nay nghèo thì có thể mong phục hưng gia nghiệp

23. Nếu bần khó thì đừng có cao vọng to tát

24. Có của quí không nên khoe với người

25. Việc bí mật đừng nói cho vợ nghe

26. Làm vua phải kính người hiền đức

27. Phải ăn ở có hậu với bậc trung tín

28. Nếu thanh liêm thì có thể dùng, hay đứng ra trị nước

29. Gặp việc phải lo lập công

30. Trong công cuộc giáo hóa, lấy hiếu thuận làm căn bản

31. Phép của ông thầy là hiếu thuận sự ôn hòa, như thế học trò đủ sự cung kính.

32. Thầy có nhiều học trò, phải dạy chúng làm việc trung nghĩa.

33. Làm thuốc phải có hiệu nghiệm, nghề còn vụng chớ đem ra thi thố

34. Đau ốm phải nghe lời thầy thuốc

35. Ăn uống phải giữ cho có độ lượng

36. Có của ngon vật lạ chia sẻ nhau đừng tiếc

37. Cho ai hoặc cho mượn, phải tự tay mình trao ra

38. Làm chứng cớ cho người chân chánh

39. Đừng vu oan cho kẻ không tội

40. Can gián sự oán hận, và làm cho thuận thảo hai người

41. Nhẫn nại và xa lánh việc ác

42. Đừng phân biệt giàu nghèo mà ở với người

43. Lấy sự thuận hòa làm quý

44. Theo đạo thì phải giữ giới

45. Lấy sự trong sạch làm quý hơn tất cả.

BỐN ĐIỀU TỰ HOẠI

1. Cây nhiều hoa trái, thì nặng gãy cành

2. Rắn ngậm nọc độc, nọc trở lại hại nó

3. Làm tôi không hiền thì hại nước nhà

4. Người làm việc ác chết đọa địa ngục.

BỐN SỰ LẦM

1. Sau khi người chết tâm hồn diệt mất luôn

2. Giàu nghèo vui khổ đều do trời định

3. Làm lành không được phước, làm ác không tai họa

4. Tự ỷ mình biết xem tinh tú địa lý, thiên văn.

BỐN ĐIỀU TỰ NGUY

1. Gánh vác việc nhà người

2. Làm chứng việc nhà người

3. Làm mai mối vợ chồng người

4. Tin nghe lời tà siểm.

BỐN THỨ BẠN

1. Kết bạn như hoa

2. Kết bạn như cân

3. Kết bạn như núi

4. Kết bạn như đất.

BỐN VIỆC KHÔNG NÊN TIN

1. Bạn tà ngụy

2. Bề tôi siểm nịnh

3. Con bất hiếu

4. Vợ yêu nghiệt phá nhà.

TÁM VIỆC BIẾT LÀ KHÔNG ƯA NHAU

1. Thấy nhau mặt đổi sắc

2. Lời nói không ôn hòa

3. Liếc ngó không thẳng thắn

4. Nói phải cho là quấy

5. Nghe người suy bại thì vui thích

6. Nghe người hưng thạnh thì không vui

7. Hủy bỏ chê bai việc tốt của người

8. Tán thành việc ác của người.

MƯỜI TRƯỜNG HỢP KHÔNG THỂ KHUYÊN CAN

1. Tham lam che mất lương tri

2. Tham đắm sắc dục

3. Trong cơn giận dữ

4. Kẻ ngang tàn bạo ngược

5. Kẻ nhút nhát

6. Kẻ khờ khạo lừ đừ

7. Kẻ kiêu ngạo buông lung

8. Người ưa tranh đấu

9. Người chấp tập tục si mê

10. Kẻ tiểu nhân.

MƯỜI TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN NÓI VỚI NGƯỜI

1. Kẻ ngạo mạn

2. Kẻ ngu độn

3. Kẻ hay lo sợ

4. Kẻ ham vui chơi

5. Kẻ hay e lệ

6. Kẻ câm ngọng

7. Kẻ cừu hận

8. Kẻ đói lạnh

9. Kẻ mắc nhiều việc

10. Người đang tham thiền tịnh lự.

MƯỜI TRIỆU CHỨNG VỀ ĐÀN BÀ NGỤY ÁC

1. Đầu tóc rối và bới nghiêng một bên

2. Mặt hay biến sắc và mồ hôi tự nhiên chảy

3. Lớn tiếng nói cười

4. Hay liếc ngó

5. Trang sức lộng lẫy

6. Hay nhìn trộm qua kẽ vách

7. Ngồi không yên

8. Hay dạo chơi trong xóm làng

9. Hay đi dạo chơi ngoài đồng vắng

10. Hay giao thiệp với hạng dâm nữ.

MƯỜI VIỆC KHÔNG NÊN THÂN CẬN VÀ TIN CẬY

1. Vua tôi hậu đãi

2. Tình nhân của một người đàn bà mình quen

3. Kẻ ỷ sức mình

4. Kẻ ỷ giàu tiền của

5. Chỗ nước chảy mạnh

6. Chỗ nhà cũ tường xiêu

7. Hang rồng hang rắn

8. Chỗ quan quân tra xét

9. Chỗ của kẻ đã thù giận mình

10. Chỗ có trùng độc.

NĂM CÁI ĐÁNG GHÉT

1. Ác khẩu hại người

2. Gièm pha siểm nịnh thúc giục tranh đấu

3. Rầy rà không hòa thuận

4. Ganh ghét và trù rủa

5. Nói hai lưỡi gạt người.

NĂM NGUYÊN DO BỊ NGƯỜI KHINH MẠN

1. Kẻ râu dài mà ngã mạn

2. Quần áo dơ bẩn

3. Thiếu trí suy nghĩ.

4. Dâm ô vô lễ

5. Chơi bời không tiết độ.

MƯỜI KẺ KHÔNG NÊN MỜI VỀ NHÀ

1. Thầy ác

2. Bạn tà

3. Kẻ hay khinh bỉ bậc Thánh Hiền

4. Kẻ hay nói tráo trở

5. Kẻ dâm ô

6. Người thèm rượu

7. Kẻ có tánh xấu

8. Người không biết ân nghĩa

9. Đàn bà con gái mất nết

10. Kẻ tì thiếp ưa trang sức.

MƯỜI LĂM TỘI NẶNG CỦA KẺ TỘI ÁC

1. Trộm cắp

2. Quen thói dâm ô

3. Dối trá

4. Sát sanh

5. Nịnh hót

6. Chuốt ngót

7. Gièm pha

8. Khinh bậc Thánh Hiền

9. Tham sự ô trược

10. Buông lung

11. Ganh ghét kẻ hiền

12. Say sưa

13. Hủy báng đạo đức

14. Sát hại Thánh Hiền

15. Không kể tội lỗi.

MƯỜI CÁI ĐÁNG PHẢI HỔ THẸN

1. Làm vua không hiểu chánh trị

2. Tôi thần mà vô lễ

3. Thọ ân không lo báo đáp

4. Có tội lỗi không chịu chừa bỏ

5. Một vợ hai chồng

6. Chưa cưới mà có thai

7. Học tập không thành

8. Có binh khí mà không thể chiến đấu

9. Kẻ bỏn xẻn thấy người bố thí

10. Tôi tớ mà chủ không sai khiến được.

MƯỜI HAI ĐIỀU KHÓ

1. Làm việc với người ngu

2. Yếu đuối chống lại được với sức mạnh

3. Thù nhau mà ở chung một nhà

4. Học ít mà đứng ra nghị luận

5. Nghèo hèn mà trả được nợ

6. Ra trận không có tướng sĩ

7. Thờ vua trọn đời

8. Học đạo mà thiếu mất tín tâm

9. Làm ác mà muốn được quả báo đẹp

10. Sinh ra đời gặp Phật

11. Nghe được chánh pháp của Phật

12. Làm theo được pháp chánh mà thành tựu.

DANH NGÔN

1. Sự độc ác do tâm sanh ra, và sẽ trở lại tự hại tâm, cũng như sắt sanh ra chất sét, chất sét sẽ trở lại tiêu hình sắt.

2. Người ngu chuyên làm việc ác, tự rước lấy sự tai họa vào thân, đời nay vui lòng lung ý, đời sau mang tội rất nặng.

3. Bạn tà hại người, tôi nịnh loạn trào, vợ yêu nghiệt phá nhà, và con bất hiếu hại cả cha mẹ.

4. Lỡ đánh chết người tội ấy còn có thể dung thứ, dùng tâm độc âm mưu để hại người tâm niệm ấy không nên gần.

5. Nói pháp cho người ngây nghe, cũng như nói với kẻ điếc, những ai khó hóa độ, thì không thể khuyên giảng.

6. Làm được hãy nên nói, làm không được thì đừng nói suông, lời hư ngụy không thành tín, thì các bậc minh triết không thèm đoái đến.

7. Đàn bà con gái thật khó tin, lời nói khôn khéo của họ rất dễ hại người. Vì thế bậc cao sĩ lánh xa không muốn thân cận.

8. Những ai bảo uống rượu không say, những ai bảo đã say không loạn, và vua hậu đãi, đàn bà thương yêu, tất cả những cái ấy rất khó tin cậy.

9. Làm cho kẻ khác mệt nhọc, và mình muốn mong sự hay ho về phần mình, thì chỉ rước họa vào thân, tự gây lấy oán thù, sâu nặng.

10. Giữ và thâu nhiếp ý tưởng vào chỗ chánh, cũng như ngựa theo dây cương, không kiêu, không mạn, thì bậc người và bậc trời đều cung kính.

11. Lánh xa người ác, đừng làm bạn với kẻ dâm lung, chỉ nên tùng sự các bậc hiền giả mới mong thành người minh đức.

12. Gian ngược tham lam, oán người lương thiện, làm việc bất chánh thì khi chết đọa vào địa ngục.

13. Những ai biết hổ thẹn đều là kẻ rất dễ dạy, rất dễ sách tấn, cũng như điều khiển ngựa hay.

14. Được làm người là khó, gặp Phật ra đời là khó, được nghe pháp của Phật là khó, vâng làm theo giáo pháp của Phật lại càng khó hơn.

15. Bỏ dữ làm lành, tu tập đúng như Pháp, đem lời trung chánh nghĩa hiệp có đạo.

16. Khi tai nạn gấp rút mới biết được lòng bạn, có đánh nhau mới biết kẻ yếu, người mạnh, có nghị luận mới biết được người trí, lúc cơm thua gạo kém mới biết được người có lòng nhân.

17. Sinh ra sẵn có của cha mẹ để lại, và gặp được bạn hiền rất thiết, các việc ác không phạm đến, và có phước thừa là rất thích.

18. Có Phật ra đời rất thích, diễn giảng đạo pháp rất thích, chúng Tăng nhóm họp về hòa thuận rất thích, hòa thuận thì thường yên vui.

19. Nếu biết thương lấy mình thì phải dè dặt giữ mình, các bậc hiền sĩ có chí hướng cao thượng, sâu xa, học hiểu chính đáng thì không bao giờ lầm lạc.

20. Chuyên tu cội đức, nghĩ trước rồi làm sau, cứu giúp người trong cơn nguy cấp và bần khổ thì trọn đời được an vui.

21. Gặp được bậc đại hiền rất khó, như ít có lắm vậy, các bậc ấy ở đâu thì bà con quyến thuộc và người xung quanh đều được nhờ cậy.

22. Làm việc gì phải lo dự bị trước, như vậy sự nghiệp sẽ mỗi ngày một lớn, không khi nào thất bại.

23. Trong trần thế, chỉ có đạo Niết-bàn là quý cao hơn cả. Vì sao? Vì Niết-bàn là cảnh giới không có sự già nua, bịnh chết, không đói lạnh, không tai họa nước lửa..., không oan gia, không trộm cướp, không dục vọng ân ái, không lo buồn hoạn nạn, không tất cả những sự khổ sở đau đớn; cảnh ấy là diệt độ, diệt độ không phải là một sự chết, nhưng đấy là sự giải thoát tự tại thôi. Cảnh giới ấy hoàn toàn yên vui, một niềm vui thanh tịnh vô biên, có thể kiến lập cảnh ấy trên trần thế riêng cho mình, và cho chung tất cả muôn loài. Vậy nên, người phải tự lo tu lấy, tự tỉnh lấy, người hãy tự thương lấy người.

III. PHỤ THÊM

MƯỜI BỐN PHÉP CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Lời nói ngay thật là lời nói không chết

2. Pháp ấy là pháp của bậc tiền hiền

3. Các bậc hiền triết là người hằng chú trọng lời ngay thật, cũng là lời giảng giải, cũng là pháp

4. Đức tin là gia tài cao thượng hơn hết trong thế gian của bậc hiền triết

5. Pháp ấy là người hành được chơn chánh, thì nó đem đến sự an vui

6. Lời ngay thật này đây là hương vị ngon ngọt hơn các hương vị

7. Các bậc trí tuệ, đã nói về sanh mạng những người sống về trí tuệ, là sống cao thượng hơn hết

8. Khi người tin phước báu (để dùng làm lộ phí) sẽ đạt đến Niết-bàn, ấy là pháp của các bậc A-la-hán

9. Người mà không dể duôi bỏn xẻn

10. Thường hay làm những việc nên làm

11. Là người năng gắng sức thì hằng được của cải

12. Sự nghe lẽ phải hằng được phát sanh trí huệ

13. Là người hằng được danh vọng vì lòng ngay thật

14. Người bố thí hằng được duy trì tình bằng hữu.

BẢY PHÉP CẦN CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Biết rõ cái nhân thiện ác khổ vui

2. Biết rõ cái quả khổ vui thiện ác

3. Biết được địa vị mình để hành cho phù hạp

4. Biết chuyên nghề lành nuôi sống, và có tiết độ ăn uống

5. Người có thứ tự, có thì giờ nhứt định

6. Người có trí huệ phương tiện lợi ích mỗi lúc

7. Người biết xem xét kẻ thiện mà gần và tránh xa kẻ ác.

NĂM ĐIỀU LỢI ÍCH CỦA NGHE PHÁP

1. Được nghe thêm pháp lành hay quí

2. Làm cho hiểu rõ ràng những điều khó hiểu

3. Làm cho dứt hoài nghi

4. Dứt nghi ngờ thì đắc chánh tín Phật pháp

5. Kiến thức được nương chỗ tốt lành tột phước.

BỐN ĐIỀU BẤT MÃN CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Người già cả yếu đuối
2. Người tật nguyền bịnh hoạn
3. Người thất vọng suy sụp
4. Người cô độc.

TÁM ĐIỀU SỞ CẦU CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Phải được làm người
2. Phải làm bậc nam nhân tròn đủ
3. Phải có duyên lành được A-la-hán
4. Phải gặp mặt đức Thế Tôn
5. Phải làm bậc xuất gia
6. Phải đắc pháp cao thượng nhứt là thiền định
7. Phải bố thí cao thượng nhứt là thí mạng
8. Phải nhứt tâm cầu nguyện thành bậc chánh giác.

BỐN PHÉP TU CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Phải có đại tinh tấn
2. Phải có đại trí huệ
3. Phải có đại nguyện lực, ghi nhớ trong lòng không lầm lạc
4. Phải có lòng từ bi đến tất cả chúng sanh hữu duyên.

SÁU PHÉP QUYẾN LUYẾN CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Quyến luyến trong việc xuất gia
2. Quyến luyến trong sự dứt bỏ nơi hội họp, để đi ở nơi vắng
3. Quyến luyến trong việc bố thí
4. Quyến luyến trong phép từ bi đối với chúng sanh

5. Quyến luyến trong việc làm lành và không dể duôi

6. Quyến luyến trong sự giải thoát, không lòng ưa thích sự luân hồi.

NĂM ĐIỀU PHƯỚC LÀNH CỦA THIỆN TRÍ THỨC

1. Sắc tốt

2. Yên vui

3. Sức mạnh

4. Trí huệ ghi nhớ

5. Thánh quả.

BA MƯƠI TÁM ĐIỀU HẠNH PHÚC CỦA CƯ SĨ

1. Tư cách không xu hướng theo kẻ dữ

2. Tư cách thân cận các bậc trí huệ

3. Tư cách cúng dường các bậc nên cúng dường

4. Tư cách ở trong nước nên ở

5. Tư cách của người đã làm được việc lành để dành khi trước

6. Nết hạnh giữ mình theo lẽ chánh

7. Nết hạnh người được nghe nhiều học rộng

8. Sự thông suốt phận sự của người tại gia và xuất gia

9. Điều học mà người đã thọ trì chín chắn

10. Lời mà người nói ra được ngay thật

11. Nết hạnh phụng sự mẹ

12. Nết hạnh phụng sự cha

13. Sự tiếp độ vợ con

14. Những nghề chẳng lẫn lộn nghiệp dữ

15. Nết hạnh bố thí

16. Nết hạnh ở theo Phật pháp

17. Sự tiếp độ quyến thuộc
18. Những nghề vô tội
19. Nết hạnh ghê sợ và tránh xa tội lỗi
20. Sự thu thúc để tránh khỏi sự uống rượu
21. Sự không dể duôi Phật pháp
22. Sự tôn kính bậc nên tôn kính
23. Nết hạnh khiêm nhượng
24. Vui mừng đến của đã có
25. Nết hạnh biết đền ơn người
26. Nết hạnh tùy thời nghe pháp
27. Sự nhịn nhục
28. Nết hạnh người dễ dạy
29. Nết hạnh được thấy, được gặp bực sa-môn
30. Nết hạnh luận biện về Phật pháp
31. Sự cố gắng đoạn tuyệt điều ác
32. Nết hạnh hành theo pháp cao thượng
33. Nết hạnh thấy các pháp diệu đế
34. Nết hạnh làm cho thấy rõ Niết-bàn
35. Tâm không xao động về pháp thế gian
36. Không có sự uất ức
37. Dứt khỏi tình dục
38. Lòng hằng tự toại.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....5
Lời cẩn bạch.....9
1. Võ trụ quan.....13
2. Ngũ uẩn.....23
3. Lục căn.....37
4. Thập nhị nhơn duyên.....51
5. Bát chánh đạo.....61
6. Có và không.....75
7. Sanh và tử.....87
8. Nam và nữ.....101
9. Chánh đẳng Chánh giác.....115
10. Công lý võ trụ.....129
11. Khất sĩ.....143
12. Y bát chơn truyền.....157
13. Ăn chay.....171
14. Nhập định.....185
15. Bài học cư sĩ.....199
16. Cư sĩ.....213
17. Tâm.....227
18. Tánh thủy.....237

19. Học chơn lý 247
20. Trên mặt nước 259
21. Chánh pháp.....271
22. Chánh kiến 283
23. Tam giáo.....299
24. Tông giáo 311
25. Thần mật.....325
26. Giác ngộ 339
27. Khuyến tu 353
28. Đi tu.....365
29. Ăn và sống.....379
30. Chư Phật.....391
31. Hột giống.....409
32. Sợ tội lỗi 425
33. Trường đạo lý 439
34. Nguồn đạo lý 453
35. Con sư tử 467
36. Đi học 477
37. Đời đạo đức 489
38. Đại thừa giáo 501
39. Xứ thiên đường 509
40. Vị hung thần.....519
41. Phật tánh.....527
42. Học để tu 537
43. Đạo Phật.....545
44. Tu và nghiệp.....557
45. Pháp Tạng.....567

46. Vô Lượng Cam Lộ 579
47. Quan Thế Âm 593
48. Đại Thái Thức 603
49. Địa Tạng.....615
50. Pháp Hoa 627
51. Thờ phượng.....639
52. Pháp chánh giác.....651
53. Số tức quan.....663
54. Sám hối.....673
55. Chơn như.....683
56. Hòa bình.....693
57. Lễ giáo.....711
58. Đạo Phật Khất Sĩ.....721
59. Khổ và vui.....737
60. Pháp học cư sĩ 745
Mục lục 773
Bảng đối chiếu mục lục.....776

BẢNG ĐỐI CHIẾU
MỤC LỤC CHƠN LÝ

NĂM 1961	NĂM 2009
1. Võ trụ quan	1. Võ trụ quan
2. Ngũ uẩn	2. Ngũ uẩn
3. Lục căn	3. Lục căn
4. Thập nhị nhơn duyên	4. Thập nhị nhơn duyên
5. Bát chánh đạo	5. Bát chánh đạo
6. Có và không	6. Có và không
7. Sanh và tử	7. Sanh và tử
8. Nam và nữ	8. Nam và nữ
9. Chánh đẳng Chánh giác	9. Chánh đẳng Chánh giác
10. Công lý võ trụ	10. Công lý võ trụ
11. Luật khất sĩ	
12. Khất sĩ	11. Khất sĩ
13. Y bát chơn truyền	12. Y bát chơn truyền
14. Giới bổn Tăng	
15. Giới bổn Ni	

16. Ăn chay	13. Ăn chay
17. Nhập định	14. Nhập định
18. Bài học khất sĩ	
19. Bài học cư sĩ	15. Bài học cư sĩ
20. Cư sĩ	16. Cư sĩ
21. Tâm	17. Tâm
22. Tánh thủy	18. Tánh thủy
23. Học chơn lý	19. Học chơn lý
24. Trên mặt nước	20. Trên mặt nước
25. Chánh pháp	21. Chánh pháp
26. Chánh kiến	22. Chánh kiến
27. Tam giáo	23. Tam giáo
28. Tông giáo	24. Tông giáo
29. Thần mật	25. Thần mật
30. Giác ngộ	26. Giác ngộ
31. Khuyến tu	27. Khuyến tu
32. Đi tu	28. Đi tu
33. Ăn và sống	29. Ăn và sống
34. Chư Phật	30. Chư Phật
35. Hột giống	31. Hột giống
36. Sợ tội lỗi	32. Sợ tội lỗi
37. Trường đạo lý	33. Trường đạo lý

38. Nguồn đạo lý	34. Nguồn đạo lý
39. Con sư tử	35. Con sư tử
40. Đi học	36. Đi học
41. Đời đạo đức	37. Đời đạo đức
42. Đại thừa giáo	38. Đại thừa giáo
43. Xứ thiên đường	39. Xứ thiên đường
44. Vị hung thần	40. Vị hung thần
45. Phật tánh	41. Phật tánh
46. Học để tu	42. Học để tu
47. Đạo Phật	43. Đạo Phật
48. Tu và nghiệp	44. Tu và nghiệp
49. Pháp Tạng	45. Pháp Tạng
50. Vô Lượng Cam Lộ	46. Vô Lượng Cam Lộ
51. Quan Thế Âm	47. Quan Thế Âm
52. Đại Thái Thức	48. Đại Thái Thức
53. Địa Tạng	49. Địa Tạng
54. Pháp Hoa	50. Pháp Hoa
55. Giới Phật tử	
56. Thờ phượng	51. Thờ phượng
57. Pháp chánh giác	52. Pháp chánh giác
58. Số tức quán	53. Số tức quán
59. Sám hối	54. Sám hối
60. Chơn như	55. Chơn như

61. Hòa bình	56. Hòa bình
62. Lễ giáo	57. Lễ giáo
63. Đạo Phật Khất sĩ	58. Đạo Phật Khất sĩ
64. Khổ và vui	59. Khổ và vui
65. Bài học sa di	
66. Pháp học cư sĩ	60. Pháp học cư sĩ
67. Pháp học sa di I	
68. Pháp học sa di II	
69. Pháp học sa di III	

CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG ẤN TỐNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

--------ଓ๑ ๑ଓ--------

Nhân Đại lễ Tưởng niệm 60 năm Tổ sư MINH ĐĂNG QUANG vắng bóng (01/02 Giáp Ngọ 1954 – 2014), chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử các Giáo đoàn Hệ phái Khất sĩ đã hoan hỷ phát tâm ấn tống cúng dường bộ ***"CHƠN LÝ"*** do Đức Tổ sư Minh Đăng Quang biên soạn và giảng dạy trong suốt 10 năm (1944 – 1954) hiện thân hóa đạo.

Thành kính cầu nguyện ánh sáng giáo pháp của Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni luôn được lan tỏa trong đời, và những lời dạy về "Chơn lý" của Tổ sư Minh Đăng Quang ngày càng được chan hòa trong cuộc sống nhân sinh.

Nguyện hồi hướng công đức ấn tống Pháp bảo Cao quý đến mười phương pháp giới chúng sanh được trọn hưởng năm phần phước báu: *"sống lâu, sắc tốt, yên vui, sức mạnh và trí tuệ"*, tinh tấn tu hành, viên thành Phật đạo.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
Tác đại chứng minh

CHƠN LÝ

TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập : **NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG**
Sửa bản in : **HỒNG ANH**
Trình bày : **MỘNG LÀNH**
Bìa : **LINH VŨ**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP Thành phố HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
sách online: **www.nxbhcm.com.vn** / Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 000 cuốn. Khổ 19 x 26 cm
Tại:
XNĐKXB số: 00 -2015/CXBIPH/00/THTPHCM cấp ngày 00/2015
QĐXB số: 00/QĐ-THTPHCM-2015 ngày 000/2015
ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2016.